

**NGUYỄN ƯỚC**  
giới thiệu & biên dịch

# **GIÁO LÝ MỚI THỜI ĐẠI MỚI**

**ĐỨC TIN CÔNG GIÁO**

VỚI BẢN BỔ SUNG  
CỦA ỦY BAN HỒNG Y  
DO TÒA THÁNH CHỈ ĐỊNH



**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**  
2005

NGUYỄN ƯỚC  
GIỚI THIỆU

# GIÁO LÝ MỚI THỜI ĐẠI MỚI ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

VỚI BẢN BỔ SUNG CỦA ỦY BAN HỒNG Y  
DO TÒA THÁNH CHỈ ĐỊNH

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO  
2005

Tài liệu gốc:

**DE NIEUWE KATECHIMUS**

do Hàng Giáo Phẩm Giáo Hội Công Giáo Hòa Lan ủy nhiệm  
biên soạn bởi Học viện Giáo lý Cao cấp Nijmegen  
với sự hợp tác của một số viện khác

Imprimatur cho ấn bản Hòa Lan

Utrecht, 1.3.1966 Bernadus Cardinal Alfrink

Bản tiếng Anh:

A NEW CATECHISM, Catholic Faith for Adults

**With Supplement**

của KEVIN SMYTH

Imprimatur: Robert F. Joyce,  
Giám mục Burlington

Nihil Obstat: Leo J. Steady, Kiểm duyệt viên  
29.9.1969

Trích dẫn Kinh Thánh lấy từ

Kinh Thánh bản dịch Nguyễn Thế Thuấn

Nxb Dòng Chúa Cứu Thế, Sài Gòn, Việt nam, 1976

Trích dẫn Văn kiện Công đồng Vatican 2 lấy từ

Thánh Công Đồng Chung Vatican II

bản dịch của Phân Khoa Thần Học, Giáo Hoàng Học Viện Piô X  
Đà Lạt, Việt nam, 1972

## LỜI GIỚI THIỆU

*Cuốn “Giáo lý mới Thời đại mới” bộ giáo lý tổng quát của Hội đồng Giám mục Hòa Lan đã được ấn hành bằng Việt ngữ.*

*“Giáo lý mới Thời đại mới” do Hàng Giáo phẩm Hòa Lan ủy nhiệm cho các học viện giáo lý Hòa Lan biên soạn và được Giáo quyền Giáo hội Hòa Lan Imprimatur 01-3-1966. Bản Anh ngữ nhan đề A New Catechism Catholic Faith for Adults do Nhà xuất bản Herder and Herder New York ấn hành 1967 kèm thêm phần Bổ sung của Ủy ban Hồng Y Roma khi kiểm duyệt ấn bản này đã được Giám mục Burlington Hoa Kỳ Imprimatur ngày 29-9-1969. Ấn bản Anh ngữ được dịch giả Nguyễn Ước phiên dịch ra Việt ngữ để phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu và học hỏi giáo lý của đồng bào công giáo Việt Nam.*

*“Giáo lý mới Thời đại mới” được bố cục làm 5 phần theo tiến trình Cứu độ trên trục Kinh Thánh, Huấn quyền của Hội Thánh và lịch sử giáo hội. Nội dung được trình bày tuần tự từ: Mẫu nhiệm sự sống (phần I) - nhân quan Kitô giáo về đời sống nhân loại đến Đường tới Đức Kitô (phần II) giới thiệu chung về các tôn giáo lớn và các học thuyết xã hội nhân bản với những nét tương hợp và khác biệt với công giáo bằng cách nhìn nhận tôn trọng tương đối khách quan nhưng dĩ nhiên vẫn theo một nhãn quan*



*Kitô giáo. Con Người (phần III) trọng tâm của cuốn sách diễn giải về lịch sử Cứu độ từ sự ra đời của Đấng Cứu thế đến nhiệm cuộc cứu chuộc và mầu nhiệm Thánh linh trên giáo hội. Đường của Đức Kitô (phần IV) cũng là phần trọng tâm diễn giải về Giáo hội hữu hình ở trần thế và những phương thế để giáo hội thông ban ơn cứu độ cho mọi tín hữu. Đường về chung cuộc (phần V) diễn giải về kết cục của con người cái chết và thế giới bên kia của sự sống trần thế. Cuối cùng là phần Bổ sung cho cả 5 phần trên của Ủy Ban Hồng Y tại Roma khi kiểm duyệt bộ giáo lý này.*

*Đọc “Giáo lý mới Thời đại mới” không những giúp người Kitô hữu hiểu được những tin điều trong đạo, mối quan hệ giữa các tin điều, ý nghĩa của các nghi lễ và Bí tích cử hành trong giáo hội mà còn giúp tín hữu hiểu biết về lịch sử giáo hội và linh hội ý nghĩa của Kinh Thánh và các kinh nguyện, sinh hoạt phụng vụ trong giáo hội Công giáo.*

*Bản dịch Việt ngữ bộ “Giáo lý mới Thời đại mới” lần đầu được xuất bản chắc còn những khiếm khuyết mong bạn đọc góp ý cho những lần tái bản.*

*Xin giới thiệu cùng bạn đọc*

**NHÀ XUẤT BẢN TÓN GIÁO**

## LỜI NÓI ĐẦU

**B**ình an cho nhà này và cho mọi người ở đó!

Trong những trang tiếp theo sau đây, chúng tôi hy vọng sẽ trình bày thêm lần nữa với những người đã trưởng thành thông điệp mà Đức Giêsu Nagiarét đã mang đến cho thế giới, để làm cho thông điệp ấy vang lên mới mẻ đúng như tính chất của nó. Vì thế, cuốn sách này là một nỗ lực trình bày cách trung thực cuộc canh tân được biểu lộ trong Công đồng Vatican II. Đó là lý do tại sao cuốn sách này được gọi là *Giáo Lý Mới*.

Nhưng “mới” không có nghĩa là một vài phương diện nào đó của đức tin đã bị thay đổi trong khi những phần còn lại được giữ nguyên. Nếu mục tiêu của chúng tôi chỉ như thế, chúng tôi chỉ cần thay đổi một số trang giáo lý cũ. Nhưng trường hợp này không phải như thế. Toàn bộ thông điệp, toàn bộ đức tin vẫn giữ nguyên, nhưng phương thức, ánh sáng mà trong đó đức tin được nhìn thấy, là mới mẻ. Mọi vật sống phải vừa bảo tồn chính mình vừa canh tân chính mình. Thông điệp của Đức Kitô là một vật sống động và vì thế loại giáo lý mới này cố gắng trình bày đức tin của cha ông chúng ta bằng một hình thức thích hợp với thời đại ngày nay.

Điều đó đòi hỏi một loại sách mới. Các sách giáo lý trước đây được trình bày bằng những công thức ngắn gọn để dễ nhớ. Nhưng mục tiêu của cuốn sách này là rao giảng thông điệp của Đức Kitô bằng ngôn ngữ thông thường, để trình bày nền tảng của thông điệp ấy một cách ung dung, và để soi sáng các vấn đề của ngày nay bằng Phúc Âm.

Chúng tôi hy vọng rằng sách giáo lý này sẽ truyền đạt được ý nghĩa của sự hiệp thông đích thực vốn là một công trình lớn lao của Thiên Chúa. Sống với Thiên Chúa là một việc rất riêng tư, nhưng đó không phải là một nhiệm vụ được hoàn thành một cách riêng rẽ. Nhiệm vụ đó phải luôn luôn mang lại với chính mình sự hiệp thông.

Vì thế, trên hết, chúng tôi hy vọng rằng, sách giáo lý này sẽ làm cho chúng ta hiệp nhất bằng con tim và linh hồn với toàn thể Giáo Hội Công Giáo huyền diệu trong đó con người sống với nhau không phân biệt nòi giống, văn hóa và trạng thái tâm lý. Chúng tôi cũng hy vọng rằng sách giáo lý này sẽ đóng vai trò của nó trong việc củng cố tiến trình hiệp nhất giữa tất cả các Kitô hữu, vì thông điệp của sách này là Nước Trời mà vì đó mọi Kitô hữu nguyện cầu. Cuối cùng, chúng tôi hi vọng rằng cuốn sách này sẽ giúp tăng cường sự hiệp nhất của chúng ta với đồng loại của chúng ta, những người cùng sống trong một thế giới như chúng ta và cùng chia sẻ những lo âu và khát vọng. Vì thế giới này và những lo âu và khát vọng đó mà thông điệp của cuốn sách này được gửi đến. Những

khác biệt về tông phái sẽ không được bỏ qua hay lãng quên trong cuốn sách này vì không nhất thiết phải có một rào cản nào cả. Chúng tôi hi vọng rằng những sự khác biệt đó có thể đưa đến những sự thảo luận mà trong đó chúng ta chia sẻ sự hiện hữu nhân bản, sẽ tiếp nhận sự giải thích thêm nữa.

**CÁC GIÁM MỤC HÒA LAN**

## CÁCH DÙNG SÁCH NÀY

**S**ách giáo lý này nhằm phục vụ độc giả bằng cách trình bày thông điệp Đức Kitô như một liên lạc. Nhưng cùng lúc, nó cố gắng giải quyết vô số những vấn nạn cá biệt. Bởi lí do đó, chúng tôi cố gắng sao cho mỗi chương tự nó là một đầy đủ. Như thế, sách giáo lý này không chỉ là một cuốn sách nhưng như một tủ sách gồm nhiều tập nhỏ dày từ ba tới ba mươi trang tùy mức độ giải quyết những chủ đề khác nhau mà trong đó độc giả có thể tìm thấy lời chỉ bảo. Độc giả có thể mở ra ở bất cứ trang nào mình thích. Có ba cách giúp thuận tiện việc tham khảo. Trước tiên là bản nội dung, kế đến là bản mục lục chủ đề đặt ở cuối sách, và sau cùng là các con số nhỏ ghi bên lề mỗi trang chỉ dẫn tới những trang khác mà cùng một vấn đề ấy được thảo luận rộng rãi hơn hoặc được nhìn dưới một ánh sáng khác.

Để tóm tắt thông điệp đức tin bằng hình thức gọn gàng hơn, trước hết và trên hết, chúng tôi chỉ dẫn độc giả tới mười hai điều Tin Kính của các Thánh Tông Đồ và bản Kinh Tin Kính dài hơn thường đọc trong Thánh lễ Misa, là những công bố thời xa xưa mà bằng vào đó Giáo Hội tuyên xưng đức tin của mình. Bản nội dung cũng đưa ra những tóm tắt ngắn gọn nếu ta đọc nhan đề các chương liên nhau.

Tại nhà riêng, khi không dùng sách này thì nên đặt nó bên cạnh cuốn Kinh Thánh, vì mục đích liên lý của chúng tôi là đưa tín hữu tới nguồn suối đức tin mình là lời Thiên Chúa, từ thuở xa xưa cho đến thời đại mới.

Các đề tài giải quyết trong sách này được chọn lựa để đưa ra nội dung suy tư cho tín hữu đã trưởng thành. Để dễ đọc và tiện thảo luận, chúng tôi hết sức tránh sử dụng ngôn ngữ chuyên môn nếu có thể được.

Sau cùng, chúng tôi có một yêu cầu đưa ra cho cả người Công Giáo lẫn người ngoài Công Giáo. Luôn luôn có thể xảy ra những hiểu lầm, và một cuốn sách bao gồm nhiều đề tài như sách này thì có thể làm phát sinh nhiều hiểu lầm. Chúng tôi yêu cầu độc giả cố gắng nhận chân mỗi chữ trong khung cảnh của toàn bộ thông điệp phúc âm. Điều ấy có nghĩa không một đoạn văn nào được đọc riêng rẽ mà không lưu tâm tới những trang trước nó và sau nó. Đôi khi một điểm bị bỏ quên ở trang này sẽ được nhắc đến và tỉ mỉ viết ra ở một trang khác. Thật sai lầm nếu lấy ra bất cứ lời diễn đạt nào và đọc nó riêng rẽ vì gần như nó không nhắm tới một định nghĩa cứng nhắc và tức thời, mà chỉ là một gần đúng với mẫu nhiệm không thể dò hết được.

Trọng tâm của rao giảng này là thông điệp Phục sinh. Nếu loại bỏ tin mừng về sự sống lại của Đức Giêsu thì không một trang nào của sách này có giá trị cả. Sách Giáo Lý Mới là một diễn tả đức tin vững chắc vào thông điệp ấy và cố gắng trình bày bằng ngôn ngữ thời đại chúng ta về mẫu nhiệm không nói nên lời của Thiên Chúa.

## MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU .....	5
LỜI DỊCH GIẢ .....	7
CÁCH DÙNG SÁCH NÀY .....	11
<b>PHẦN THỨ NHẤT - MẪU NHIỆM CỦA SỰ SỐNG .....</b>	<b>23</b>
CON NGƯỜI KÈ TRA VẤN .....	25
Khi con người thôi cho vạn vật là tự nhiên - Điều chúng ta làm bao gồm vấn nạn lẫn giải đáp	
SỰ LỚN LAO VÀ KHỐN KHỔ CỦA CON NGƯỜI .....	28
Đời sống chung - Trong thế giới này - Thành phần của thế giới này - Lớn lên trong tự do - Khốn khổ - Sự trôi nhanh của thời gian	
SỰ TIẾN HÓA CỦA THẾ GIỚI .....	35
Những bắt đầu của tôi - Nguồn gốc của chúng ta - Tiến hóa - Cuộc tiến hóa của vũ trụ - Tương lai của con người	
KHÁT VỌNG MỆNH MÔNG .....	41
Có gì là tất cả của tôi không?	
KHÁT VỌNG CỦA LƯƠNG TÂM .....	45
ĐÒI HỎI ĐẮNG VÔ BIÊN .....	47
Được thấy bằng lí trí - Một cái nhìn toàn bộ cuộc sống	
THỬ THÁCH CHO LÍ LUẬN .....	49
Không hữu hạn, bị kết thúc - Chạm mặt Đấng Tuyệt đối	

<b>THÔNGIỆP CHÚNG TA NGHE TỪ NGÀI.....</b>	<b>52</b>
Lời Thiên Chúa - “Ngài làm chúng con trở nên ngài”	
<b>PHẦN THỨ HAI - ĐƯỜNG TỚI ĐỨC KITÔ .....</b>	<b>59</b>
<b>A. ĐƯỜNG CỦA CÁC DÂN TỘC .....</b>	<b>61</b>
CÁC TÓN GIÁO NGUYÊN THỦY.....	61
CÁC NỀN VĂN HÓA LỚN CỦA QUÁ KHỨ .....	63
ẤN ĐỘ GIÁO.....	65
PHẬT GIÁO .....	67
VŨ TRỤ ĐẠO CỦA TRUNG HOA.....	69
HỒI GIÁO .....	71
CHỦ NGHĨA NHÂN BẢN VÀ CHỦ NGHĨA MÁC .....	72
THÁNH LINH THIÊN CHÚA TRONG TOÀN THỂ GIAN .....	74
<b>B. ĐƯỜNG CỦA ISRAEL .....</b>	<b>76</b>
<b>NHỮNG CÔNG TRÌNH KÌ DIỆU CỦA THIÊN CHÚA .....</b>	<b>76</b>
Thời kỳ 1: Những mục tử Do thái, khoảng 1800-1200 trước C.N. - Thời kỳ 2: Định cư, 1200-1000 trước C.N. - Thời kỳ 3: Vương quốc phương đông thời cổ, khoảng 1000-587 trước C.N. - Cuộc lưu đày, 587-539 trước C.N. - Thời Giuđa, từ khoảng năm 500 trước C.N.	
<b>LỜI THIÊN CHÚA .....</b>	<b>81</b>
Lời của mạc khải - Giao ước - Lời trong lịch sử Israel - Câu chuyện những người đầu tiên - Các hiện tượng độc nhất tại Israel (Chủ nghĩa Cứu thế - Cảm quan lịch sử - Độc thần giáo) - Kinh nghiệm về sự mật thiết của Thiên Chúa (Thiên Chúa có mặt trong lời của ngài - Lễ luật - Khôn ngoan)	
<b>KINH THÁNH .....</b>	<b>93</b>
Nguồn gốc Kinh Thánh - Văn thể và nghĩa đen - Sự thích đáng của văn thể của Kinh Thánh - Các sách thuộc Cựu Ước -	



Ngũ Kinh - Các sách lịch sử - Tác phẩm văn học Thi vị và Khôn ngoan - Các tiên tri - Cuốn sách không “đạo đức” bình thường - Tăng trưởng cảm quan đạo đức - Thánh Linh - Kinh Thánh nhờ bởi Thánh Linh - Ý nghĩa tâm linh của Kinh Thánh - Các trình độ của đời sống đức tin

## **PHẦN THỨ BA - CON NGƯỜI ..... 125**

### **CHỨNG NHÂN CHO SỰ SÁNG ..... 127**

Hai tiếng “phúc âm” - Gioan Tẩy giả - Nước Thiên Chúa nhất định sắp xảy đến - Mùa Vọng

### **SỰ RA ĐỜI CỦA ĐỨC GIÊSU ..... 134**

Những trình thuật thời thơ ấu - Sinh bởi một người nữ - Sinh bởi Thiên Chúa - Matthêu - Luca - Người Mẹ của Chúa - Ngôi Lời làm bởi nhục thể - Hình ảnh của hiện hữu Thiên Chúa - Điều này can dự tới con người ra sao - Lễ kỉ niệm Đức Giêsu ra đời - Hiến linh của Chúa - Đến Giêrusalem lần thứ nhất - Thời thơ ấu ở Nagiarét - Đến Giêrusalem lần thứ hai - Sự hiểu biết của Đức Giêsu

### **THANH TẨY VÀ CÁM ĐỒ ..... 166**

### **NƯỚC THIÊN CHÚA ..... 170**

Cana - Ánh sáng vĩ đại - Ý nghĩa của “nước trời” - Nước Thiên Chúa trong việc Đức Giêsu làm - Những dụ ngôn - Các dụ ngôn về nước trời ẩn mật - Tám mối phúc thật - “Sự phân biệt chủng tộc” - Nỗi hân hoan - Phán xét - Nước trời trong dòng thời gian - Giáo Hội công bố Đức Giêsu

### **CÁC BIỂU HIỆU ..... 189**

Các lời tiên tri được hoàn thành - Bản chất của phép lạ - Phép lạ của Đức Giêsu: các đặc điểm - Chữa trị - Quỷ ám - Những phép lạ trong thiên nhiên - Phục vụ bằng lời - Đức tin và phép lạ - Các biểu hiệu

### **NGƯỜI THẦY CỦA CẦU NGUYỆN ..... 199**

Cầu nguyện và sứ mệnh - Việc biến hình - Những lời cầu nguyện sau cùng ở trần gian - “Abba” - Tin cậy và kiên trì - Tin cậy, chân thành và tỉnh thức - “Và tha nợ chúng con” - Việc nhậm lời cầu nguyện - Kinh Lạy Cha - Sự độc đáo của Kinh Lạy Cha

<b>Ý CHÚA CHA .....</b>	<b>215</b>
Khát vọng độc nhất của Đức Giêsu - Đức tin - Cốt lõi của sự sống con người - Đức tin và thiên tư trí tuệ - Sự thiếu lòng tin - Đức Giêsu là lề luật - Trung thành với lề luật - Căn bản nhất của lề luật - Phán xét và ban thưởng - Giới răn thứ nhất - Như chính mình người - “Đức ái” - Tựa mặt trời và cơn mưa	
<b>ĐẮNG CỨU THẾ VÀ CỘNG ĐOÀN CỦA NGÀI .....</b>	<b>236</b>
Một dân tộc mới - Sự thu nhập các “Tông đồ” - Huấn từ về sứ vụ - Huấn từ về Giáo Hội - Đại diện bởi trời - Những mục tử và các trách nhiệm - Phêrô - Giáo Hội được ban cho chúng ta - Giáo Hội là “bí tích” của nước trời	
<b>NGƯỜI NÀY LÀ AI .....</b>	<b>251</b>
Cuộc tìm kiếm “cuộc đời Đức Giêsu” - Không phải những bản tiểu sử bình thường - Thuộc thời mình nhưng ngoài thời mình - Uy quyền - Các tên của Đức Giêsu	
<b>ĐƯỜNG ĐẾN PHỤC SINH .....</b>	<b>268</b>
Giêrusalem - Để đau khổ - Mùa Chay	
<b>ĐẾN VÀ Ở LẠI GIÊRUSALEM .....</b>	<b>277</b>
Chúa Nhật Lễ Lá - Những ngày đe dọa	
<b>BỮA TIỆC LI .....</b>	<b>281</b>
Rửa chân - Phán bội - Huấn từ già biệt - “Này là mình Ta” - Phụng vụ Thứ Năm Tuần Thánh	
<b>CÁI CHẾT CỦA ĐẮNG CÔNG CHÍNH .....</b>	<b>291</b>
Cầu nguyện trong vườn - Làm chứng trước các thẩm phán - Đóng đinh - Vinh quang của thánh giá - Thứ Sáu Tuần Thánh	
<b>XUỐNG CÔI CHẾT .....</b>	<b>299</b>
Các thánh vịnh nói về Sự Sống - Đất của kẻ chết	
<b>SỐNG LẠI VÀ Ở CÙNG BẠN .....</b>	<b>303</b>
Hòn đá tảng của đức tin - Buổi sáng Chúa Nhật đầu tiên - Những lần hiện ra - Hiện ra hữu hình và có mặt vô hình - Giao tiếp qua đức tin	
<b>CỬ HÀNH LỄ PHỤC SINH .....</b>	<b>315</b>
Mô tả bằng hình tượng việc sống lại - Những biểu hiện việc sống lại - Nỗi hân hoan của lễ Phục sinh - Chúa Nhật lễ Phục Sinh	

**BỀN HỮU CHÚA CHA ..... 322**

Sự sống lại là sự suy tôn Đức Giêsu - Đỉnh cao nhất của sáng  
thể - Sự hiện diện của vĩnh cửu

**TA SẼ GỞI ĐẾN ĐẮNG PHÙ TRỢ ..... 328**

Hứa hẹn của Thánh Linh - Tặng phẩm của Thánh Linh - Tặng  
phẩm bình thường của Thánh Linh - Tặng phẩm đặc biệt của  
Thánh Linh - Thánh Linh kín đáo - Phụng vụ lễ Hiện Xương  
và phần còn lại của Năm Hội Thánh

**PHẦN THỨ TƯ - DƯỜNG CỦA ĐỨC KITÔ..... 341****GIÁO HỘI SƠ KHAI ..... 343**

Hân hoan những ngày đầu - Khó khăn những ngày đầu - Cự  
ước trong thời Giáo Hội sơ khai - Nguồn gốc sách Phúc âm -  
Phaolô - Bằng chứng xưa nhất về Đức Giêsu - Kinh Thánh là  
một nền tảng thường trực - Quyền năng tư tế - Làm một với  
Chúa sống lại - Mẹ Maria là hình ảnh Giáo Hội - Lịch sử  
chuyển động về một cùng đích

**LỊCH SỬ GIÁO HỘI ..... 359**

Cho đến năm 311. Những cuộc bách hại - Từ sau năm 311. Giáo  
Hội hội nhập xã hội - Sau năm 400. Phát triển giữa các dân  
tộc gốc Géc man - Giáo Hội ở Phương Đông - Từ khoảng năm  
900 đến 1000. Đêm trường Trung Cổ - Sau năm 1000. Phát triển  
- 1054. Việc tách rời giữa Phương Đông và Phương Tây - Các  
thế kỉ mười hai và mười ba: cao điểm - Tòa án dị giáo - Khoảng  
1300 đến 1500. Cuối thời Trung Cổ - Thế kỉ mười sáu. Ngã ba  
đường - Thời cận đại. Tôn giáo khắp thế giới - Giáo hội thời  
buổi hiện đại - Phong trào đại kết - Tóm tắt lịch sử Giáo Hội:  
đời sống dòng tu - Sự nhân bản hóa thế gian kể từ Đức Kitô  
- Một cái nhìn khác về lịch sử dân Thiên Chúa - Ai thuộc về  
dân Thiên Chúa? "Giáo Hội" nghĩa là gì - Mức sâu thăm nhất  
của lịch sử

**ĐỨC TIN ĐẾN BẰNG TAI NGHE - VIỆC TRỞ LẠI..... 396**

Một thông điệp không do con người sáng chế - Vượt qua ngưỡng  
cửa - Ta chăm bón đức tin

<b>"RỬA BẰNG NƯỚC VỚI LỜI"</b> .....	405
Bắt đầu trở thành dự tòng - Bước cuối mà duy nhất - Rửa tội	
- Sự sinh ra mới - Làm cho tinh sạch - Mai táng trong rửa tội	
- Một dân tộc cuộc đời biến đổi - Người không rửa tội - Rửa	
tội hải nhi - Các đứa bé không được rửa tội - Rửa tội là thành	
phần của toàn bộ	
<b>NHỮNG BIỂU TƯỢNG CỦA SỰ SỐNG</b> .....	422
Việc thành hình những phút giây vĩ đại của đời chúng ta -	
Phô bày Thiên Chúa - Tính chất mộc mạc của các biểu tượng -	
Biểu hiệu hay hiện thực - Các á bí tích	
<b>THÊM SỨC</b> .....	428
Phụng vụ phép Thêm sức - Mọi liên hệ với phép Rửa tội -	
Tặng phẩm của Thánh Linh - Vài chi tiết	
<b>QUYỀN NĂNG CỦA TỘI LỖI</b> .....	433
Cứu độ cùng hiện hữu với tội lỗi - Tội lỗi phổ quát - Thông	
diệp của sách Sáng Thế 1-11 - Thông diệp của Thư Rôma ch.5	
- Sa Ngã, một thông diệp về con người, không phải về thời	
khởi thủy - Sự thâm nhập của tội lỗi - Không có sự bất toàn	
vô tội - Sự dữ chung - Miễn cưỡng trước mặt Đức Kitô - Quyền	
năng lớn lao hơn của ân sủng - Có cái gì thuộc về đức tin ở	
đây? - Thế gian thay đổi vì tội nguyên tội! - Tội lỗi và sự	
chết, Tha thứ và sự sống	
<b>CỨU ĐỘ</b> .....	450
Con người trong sợ hãi và khốn khổ - Ấn Độ giáo và Phật	
giáo - Hồi giáo - Chủ nghĩa nhân bản - Chủ nghĩa Mác - Con	
người tự do trước Thiên Chúa - Sự bất lực để tự cứu rỗi của	
chúng ta - Cuộc chiến đấu của chúng ta chống lại tội lỗi và sự	
khốn khổ - "Người nâng đầu tôi lên"(Tv. 3:4) - Được cứu độ	
bởi cái chết của Đức Giêsu - Tóm tắt - Những học thuyết khác	
được nâng cao nhờ Đức Kitô? - Kitô hữu được phúc âm hóa	
bởi người ngoài Kitô giáo - Tuyển chọn	
<b>SỐNG CHAN CHUA</b> .....	479
Ân sủng - Có thể thấy ân sủng ở đâu?	
<b>ĐỨC TIN</b> .....	483
Đức tin và không phải đức tin - Đức tin như một nghĩa vụ -	
Tính chất hợp lý của đức tin - Chao đảo - Cuộc chiến đấu	
chống lại chao đảo	

<b>HI VONG .....</b>	<b>497</b>
Hi vọng cho nhân loại - Nhấn nại	
<b>TÌNH YÊU .....</b>	<b>501</b>
Tâm điểm thông điệp của Đức Giêsu - "Hãy yêu, và làm điều người muốn" - Định chuẩn của tình yêu	
<b>CẦU NGUYỆN THEO KITÔ GIÁO .....</b>	<b>508</b>
Trước Thiên Chúa - Các cách cầu nguyện - "Các giờ" phụng vụ - Cầu nguyện riêng - Thiên Chúa luôn luôn vĩ đại hơn - "Chúa ơi, hãy dạy con cầu nguyện" - Cầu nguyện và đời sống - Nhiều cách thức cầu nguyện - Cầu nguyện bằng trăm tư - Cầu nguyện thần bí - Thánh Vịnh	
<b>CHÚA NHẬT .....</b>	<b>533</b>
Ngày của Phép Thánh Thể - Ngày nghỉ ngơi	
<b>LỜI HẰNG SỐNG .....</b>	<b>536</b>
Sách gia bảo dụng - Lời Chúa trong Tin Lành - Các môn phái - Lời Chúa là lương thực mọi thời - Chăm lo của Giáo Hội cho việc rao giảng - Lời Chúa và cộng đoàn - Phụng vụ lời Chúa	
<b>PHÉP THÁNH THỂ .....</b>	<b>552</b>
"Đề nhớ đến Ta" - Phong phú ý nghĩa - Diễn tiến hành lễ - Cùng nhau tưởng nhớ - Phép Thánh Thể là cảm tạ - Bữa tiệc chung - "Máu Tân Ước vĩnh cửu" - Nhiều ý nghĩa, một nếm trải - Đức Giêsu hiện diện trong các biểu hiệu này - Đức Giêsu có mặt suốt chu kỳ quanh năm - Không là một thành tố biệt lập - Khoảng thời gian có mặt Thánh Thể - Việc cất giữ Thánh Thể - Linh thiêng và báng bổ	
<b>DÂN TỘC TƯ TẾ .....</b>	<b>576</b>
"Dân riêng của Thiên Chúa" - Nhận ra sự bất lực của mình - Phụng sự - Sự mệnh trần thế của chúng ta - Sự thánh thiện của Giáo Hội - Công bố chân lý - Độ lượng - Tại sao truyền giáo? Các Giáo Hội trẻ - "Những nỗi thống khổ của Đức Kitô"	
<b>THỪA TÁC VỤ .....</b>	<b>592</b>
Phụng sự - Trách vụ của các Tông đồ - Việc truyền giao chức vụ - Những người đại diện Chúa - Các mục tử cho đi cuộc đời mình - Mục tử ban cho sự sống của Đức Kitô - Giám mục -	

Giám mục là sứ giả - Nhiệm vụ tư tế của Đức Kitô, của dân Thiên Chúa và của giám mục - Các linh mục và các phó tế - Trách vụ giữa các Kitô hữu khác - Giám mục đoàn và bất khả ngộ tính - Chân lý và sức năng động - Hiệp nhất qua đáng kể vị Thánh Phêrô - Những người cộng tác với tín hữu - Thiên hướng linh mục

#### GIỚI RĂN THỨ HAI GIỐNG THỨ NHẤT ..... 613

Nguồn gốc giới răn - Các giới răn trong cuộc sống xã hội - Lương tâm và các giới răn - Việc hình thành lương tâm - Yêu người bên cạnh là mẫu nhiệm của đức tin - Thiên Chúa trong người bên cạnh chúng ta - Luật vô hạn - Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày nay

#### HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH ..... 629

Tính chất độc nhất của gia đình - Việc tạo dựng con người - Gia đình như tế bào của tình yêu - Yếu tố nhục cảm - Đồng tính luyện ái - Yêu thương và hứa hẹn - Thành tố trọn đời - Lịch sử hôn nhân - Hôn nhân trong Cựu Ước - Hôn nhân trong Tân Ước - Hôn nhân là một bí tích - Một hành động công khai - Hôn nhân dân sự - Hôn nhân của người ngoài Công giáo - Các lễ luật bảo vệ - Hôn nhân hỗn hợp - Trong trắng - Tình yêu sinh hoa kết trái - Kế hoạch hóa gia đình - "Thờ kính cha mẹ" - Giáo dục để yêu thương - Giáo dục để làm đàn ông và đàn bà - Giáo dục để độc lập

#### NHỮNG LỜI KHUYÊN CỦA PHÚC ÂM ..... 674

Sống độc thân vì nước trời - Không của cải - Vâng lời - Con tim khăng khít - Thành thoi cho cuộc sáng thế mới - Đức Kitô là một gương mẫu - Đức tin - Linh mục độc thân - Cùng nhau trước Thiên Chúa

#### GIÁO HỘI VÀ NHÀ NƯỚC ..... 686

Trung thành - Căng thẳng giữa Giáo Hội và Nhà Nước - Những sứ mệnh khác nhau - Sự hiệp nhất nhân loại

#### TÔN TRỌNG SỰ SỐNG ..... 692

"Chớ giết người" - Án tử hình. Chiến tranh

#### LAO ĐỘNG GIỮA THẾ GIAN ..... 701

Những hy vọng tốt lành - Giải thoát khỏi gông xiềng

<b>CỦA CẢI TRẦN GIAN .....</b>	<b>707</b>
Ô nhiễm của tội lỗi - Việc cứu độ của cải - Phân phối chính đáng - Tinh thần của Bài Giảng Trên Núi - Tay của chúng ta có sạch không? - Ăn cắp	
<b>GIÚP NGƯỜI CÓ NHU CẦU .....</b>	<b>713</b>
Quyền con người - Cho những ai có nhu cầu - Cho bao nhiêu - Cho cuộc đời ta	
<b>VIỆC SỐNG .....</b>	<b>719</b>
Các việc tiêu khiển - Nghệ thuật và khoa học - Những giá trị độc lập của khoa học và nghệ thuật - Đức Giêsu và văn hóa	
<b>CUỘC TÌM KIẾM CHÂN LÍ .....</b>	<b>724</b>
Đàm thoại; nói tốt hoặc nói xấu người khác - Lòng thành thật - Nói dối - “Bói toán?” - Phục vụ bằng lời nói - Mẫu nhiệm, không phải câu đố - “Phàm ai thuộc về sự thật thì nghe tiếng tôi” (Ga. 18:37)	
<b>SA NGÃ CỦA KITÔ HỮU. TỘI .....</b>	<b>738</b>
Bản tính của tội lỗi - Bí nhiệm của sự độc dữ - Tội nghiêm trọng và tội ít nghiêm trọng - Trở mặt với Thiên Chúa	
<b>THA THỨ .....</b>	<b>747</b>
Sửa chữa sự thiệt hại - Giáo Hội là máng xối của tha thứ - Phép giải tội - Các hình thức lịch sử của bí tích thống hối - Việc thường xuyên xưng tội - Phụng vụ của bí tích thống hối - Xưng tội - Việc đền tội - Tha tội - Ăn năn	
<b>PHẢN THỬ NĂM - ĐƯỜNG VỀ CHUNG CUỘC .....</b>	<b>763</b>
<b>TỐI HẬU .....</b>	<b>765</b>
Hy vọng không tắt - Buổi tối của cuộc đời - Bệnh hoạn - Xức dầu kẻ liệt - Chết - Kinh Thánh và quyền năng của Thiên Chúa - Họ sắp sống lại - Sự thông công của các thánh - Kitô hữu và sự thanh luyện kẻ chết - Sống lại vào ngày tận thế - Phán xét - Hình phạt đời đời - Cuộc sáng thế mới - Bằng chứng của trọn Kinh Thánh về sự vĩnh viễn thủy chung của Thiên Chúa - Sống trong hy vọng	

THIÊN CHÚA .....	799
“Ngài ngự trong ánh sáng không đến gần được” - “Chính Người, đáng đã dựng nên ta” (Tv. 100) - “Vì trời cao hơn đất” (Tính siêu việt của Thiên Chúa) - “Israel, con ta” (Tính nội tại của Thiên Chúa) - Tính thuần khiết của chân lí - Con người Gióp nói với Thiên Chúa - “Người không nhòm tằm sự gì người đã làm ra” - “Bất cứ sự gì người xin Cha Ta nhân danh Ta” - “Ta sẽ ở cùng người khi ngặt nghèo” (Tv. 91) - Tính chất không ngờ của Thiên Chúa - Thiên Chúa hằng sống - “Vì trong Ngài vạn vật đã được tạo thành” - Thiên Chúa là tình yêu	
MỤC LỤC CHỦ ĐỀ .....	824
BẢN BỐ SUNG .....	835
của Ủy ban Hồng y	
TÊN CÁC SÁCH KINH THÁNH .....	941
và các ký hiệu viết tắt	
PHỤ LỤC .....	945
Lời giới thiệu của Linh mục Chương ấn Địa phận Houston, Hoa Kỳ -	
Thư giới thiệu của Phó Tổng biên tập Tủ sách Đại kết .....	949



PHẦN THỨ NHẤT

**MẦU NHIỆM CỦA SỰ SỐNG**

## CON NGƯỜI KỂ TRA VẤN

Vào năm 627 sau Công Nguyên (C.N.), tu sĩ Paulinus viếng thăm vua Edwin ở phía bắc Anh cát lợi để thuyết phục nhà vua chấp nhận Kitô giáo. Vua lưỡng lự, triệu tập các cố vấn. Trong cuộc họp, một cố vấn đứng lên nói: “Tâu bệ hạ, lúc bệ hạ ngồi vào bàn với các lãnh chúa và chư hầu, trong mùa đông, lửa đốt lên ấm áp sáng rực lò sưởi, và bên ngoài bão tố gầm thét mang theo tuyết cùng mưa, thì xảy ra tình hình có một con chim nhỏ bay vào đại sảnh. Nó bay vào bằng một cửa nào đó và bay ra theo một cửa khác. Khoảnh khắc ở bên trong đại sảnh nó không cảm thấy lạnh, nhưng vừa khi rời tầm mắt của bệ hạ, nó đã bay trở lại vào bóng tối mùa đông. Theo ha thần thì dường như đời sống của con người cũng rất giống như thế. Chúng ta không hiểu được điều gì đến trước đây và điều gì sẽ tiếp theo đây. Nếu giáo thuyết này có thể nói cho chúng ta biết chắc chắn về những điều ấy, thì cách tốt là chúng ta đi theo nó.”

Trong thông điệp của Đức Giêsu họ đã nhận ra câu trả lời mà họ tìm kiếm. Liệu điều này có nghĩa là đã thôi đặt ra những vấn nạn về cuộc đời? Không. Mỗi thế hệ và mỗi người cần đặt chúng ra. Việc con người tra vấn về ý nghĩa cuộc đời là chuyện tự nhiên.

Do đó, cuốn sách này bắt đầu bằng cách tra hỏi ý nghĩa sự kiện chúng ta sống là gì? Điều này không có nghĩa chúng ta khởi sự bằng cách mang thái độ của một người không phải Kitô hữu. Chỉ đơn giản là chúng ta, người Kitô hữu, cũng là con người với trí óc nhiều tra vấn. Chúng ta nên luôn luôn sẵn sàng giải thích làm thế nào mà đức tin của chúng ta là câu trả lời cho vấn nạn về sự hiện hữu của mình.

*Khi con người thôi cho vạn vật là tự nhiên*

Một đứa bé đang lớn đặt hết câu hỏi này tới câu khác. Tạm thời nó dường như thoả mãn với các câu trả lời đưa ra. Nhưng một người lớn thì không ngừng nêu các vấn nạn. Rồi thì đến một câu hỏi luôn luôn lớn hơn bất cứ câu trả lời nào mà người ấy tự tìm ra: Tôi là ai? Con người là gì? Vật thụ tạo này là cái gì mà đến trong sự sáng chói và ấm áp của ngày sống làm người, đang hối hả trên con đường của mình bắt đầu từ bí hiểm về nguồn cội cho tới bí hiểm về cùng đích. Ý nghĩa cuộc đời là gì? Điểm chính yếu của thế gian này là gì? Vấn nạn ấy có thể được đặt ra dưới nhiều hình thức khác nhau nhưng vẫn cùng một vấn nạn.

Chúng ta đôi khi nghe chính mình tra vấn mình, trong khoảnh khắc im ắng nào đó, khi mình không còn cho mọi sự là tự nhiên nữa. Trong những năm từ mười hai tới hai mươi tuổi, khi các kiểu mẫu thời thơ ấu gây đổ thì cảm giác hoang mang làm nản lòng và trí óc non trẻ dần dần nhận thức trách nhiệm, hoặc bất cứ lúc nào ta có cái nhìn thật sự đầu tiên về bản thân mình và thế gian như một

điều gì xa lạ, kỳ diệu và kinh hãi. Tuổi tác không khiến vấn nạn này im hơi lặng tiếng, trái lại nó hoàn toàn được đặt ra dưới những hình thức mới.

Sau một ngày lao động căng thẳng, một người cha trẻ tuổi, trong khi con cái ngủ ở tầng trên, và bản thân đang sum vầy hòa hợp với vợ thì đặt vấn đề ấy khác với một người bị con cái bỏ rơi và đời mình thất bại theo cách nói của người đời. Một sinh viên chưa tốt nghiệp, trong một cuộc thảo luận buổi tối, nhìn vấn đề ấy theo một góc độ khác với một công nhân đang chờ xe buýt trong sương lạnh sớm mai. Một phụ nữ đang đau đớn trong nhà thương đặt vấn đề ấy khác với một phụ nữ đang tắm nắng trên bãi biển. Một người đàn ông ngoan đạo đặt vấn đề ấy khác với một người thích thưởng thức thêm mùi phàm tục. Người vô tín ngưỡng đặt vấn đề ấy khác với một tín đồ, và người cố sống theo lương tâm mình đặt vấn đề ấy khác với một người không sống như thế. Vào thế kỷ mười chín, vấn đề ấy vang lên cách khác. Nhưng trong thế kỷ hai mươi, đối với những người luôn luôn đòi hỏi giải quyết, nó vẫn mang cùng một bí ẩn, không như một trò chơi mà ta có thể đứng ngoài cuộc, vì đó là vấn nạn về hạnh phúc của mỗi người và về mục đích của ta trong cuộc đời mình. Và không biết đời sống có một mục đích hay không.

Hoặc giả vấn đề ấy không thực tế? Nó là một cái gì đó xâm chiếm những giờ tiêu khiển, một mơ mộng hơn là một thách đố nghiêm trọng? Một người bị tràn ngập với công việc hàng ngày thì có chắc nó là một điều tốt để suy nghĩ hơn không?

### *Điều chúng ta làm bao gồm vấn nạn lẫn giải đáp*

Nhưng trên thực tế, mọi lao động của chúng ta và mọi việc của gia đình, mọi điều chúng ta làm cách thú vị hoặc nhọc nhằn đều biểu lộ cũng một vấn đề ấy. Nó rất rộng và rất sâu khi chúng ta đặt trong tâm hồn và trên bàn tay mình. Nó không là một điều chỉ họa hoàn chúng ta mới nghĩ tới. Mọi sự chúng ta làm dù chúng êm ái, mạnh bạo hoặc khấn trương đều đòi hỏi phải đặt chúng vào hiện hữu của cuộc đời. Chúng ta muốn chúng thân ái, có ý nghĩa với chúng ta, tóm lại, chúng biểu lộ những mục đích của chúng.

Nhưng vấn đề mà chúng ta đặt ra bằng nhiều cách khác nhau ấy cũng bao gồm một giải đáp. Giải đáp đó hình thành trên bàn tay và trong tình yêu của chúng ta. Công việc xong, sức khỏe tốt, con cái hạnh phúc, ấy là đã hoàn thành cái chúng ta đòi hỏi rằng cuộc đời phải có ý nghĩa. Hạnh phúc tự chính nó là đầy đủ ý nghĩa.

### SỰ LỚN LAO VÀ KHỐN KHỔ CỦA CON NGƯỜI

**C**húng ta ngừng lại đây một chút để vấn tất xem xét đời sống của mình ở thế giới này. Chúng ta sẽ cố gắng tóm lược nó bằng cách liệt kê bốn thành tố cốt yếu của sự hiện hữu của mình: (1) Chúng ta cùng sống với những người khác; (2) Trong thế giới này; (3) Bản thân chúng ta là thành phần của thế giới này; (4) Nhưng được phú bẩm một tự do nhất định và một phẩm chất tinh thần

nhất định. Đó cũng là những thành tố chính gồm thành hạnh phúc của chúng ta.

### *Đời sống chung*

Chúng ta không sống tách biệt nhau. Cuộc sống chúng ta thì sống chung, và đó là một thành tố không dứt ra nhất của sự hiện hữu của chúng ta. Con người không thể sống mà không có đồng loại. Không có đồng loại, con người không thể nói năng, suy nghĩ hoặc thương yêu. Nó cũng không thể còn sống ngay lúc lọt lòng mẹ. Chúng ta cần nhau và chúng ta yêu nhau. Mẹ của đứa bé ở cạnh đứa bé không phải chỉ để trông coi nó. Trong tương lai xa, việc giữ trẻ có thể được cơ giới hóa. Có điều đứa bé cần mẹ như một con người. Xã hội là một mạng liên kết biểu lộ qua tin cậy và thương yêu hỗ tương. Mọi người được dung chứa vào trong sự yêu thương và không có nó, xã hội thoái hóa. Sống chung là một trong những câu trả lời tuyệt vời cho cuộc tìm kiếm ý nghĩa cuộc đời và hạnh phúc. Một ngày dài đứng sau quầy hàng chỉ có ý nghĩa cho người buổi tối có thể về nhà với gia đình, nghĩa là được quây quần với những người mà người ấy thấy thiết thân hơn hết thảy mọi người khác.

### *Trong thế giới này*

Sự hiện hữu của chúng ta cũng thế — sống cùng với những người khác. Nhưng cũng là sống với vạn vật của thế giới. Từ ngay tiếng khóc đầu, chúng ta giao tiếp — sờ mó, nắm bắt, ăn uống, đùa giỡn. Chúng ta tác động lên vạn vật và xây dựng, chúng ta tính toán, cân nhắc và

ngưỡng mộ. Con người đong đầy cuộc đời mình với những nỗ lực nhằm thay đổi thế giới, dù rửa chén hoặc dựng dàn hỏa tiễn. Đó không phải là trò tiêu khiển vô nghĩa. Đó là công việc mang lại nỗi hân hoan. Một người cung ứng được ngôi nhà cho gia đình, và người vợ bù đắp với anh ấy, thành một mái ấm gia đình. Cả hai cùng làm việc để xây dựng một môi trường mà trong đó con cái cảm thấy vững tin. Họ cung cấp một thế giới đầy tình yêu cho con cái mình.

Điều làm cho gia đình cũng là điều chúng ta phục vụ cho đất nước và thật ra, trên mức độ toàn cầu, là luôn luôn phấn đấu khiến cho thế giới có nhân tính và đáng sống hơn, để chúng ta làm chủ thế giới bằng lao động của mình. Trong khi thực hiện điều ấy, chúng ta không chỉ phát triển thế giới vật chất mà còn phát triển chính bản thân mình. Qua lao động của mình, chúng ta vươn lên và nên người.

### *Thành phần của thế giới này*

Thành tố thứ ba của sự hiện hữu của chúng ta là bản thân chúng ta làm thành thành phần của thế giới hữu hình. Chúng ta dường như được cấu tạo bởi cùng một loại chất liệu chung với thế giới, cỏ cây và loài vật chung quanh ta. Những thớ sợi của con người chúng ta là thành phần rất lớn của vũ trụ tới độ chúng ta không thể suy nghĩ mà không cần tới những quá trình tác động của những tế bào não bộ, và không cần tới cái vật chất của thế giới này. Điều này không làm chúng ta mất thể diện. Nó là cách chúng ta hiện hữu và là sự vinh quang của chúng ta.

### *Lớn lên trong tự do*

Thành tố thứ ba và chính yếu là, con người thì hơn thể xác của mình. Loài vật bằng giác quan lấy lương thực từ những nơi chung quanh chúng nhưng chúng không “đến tới chính chúng” và vì thế, không tra vấn về sự hiện hữu của chúng. Các phản ứng của chúng bị quyết định bởi kích thích và phản xạ, và như thế, chúng không tự do. Chúng ta cũng sống bằng những ấn-tượng-cảm-giác như thế nhưng chúng ta có một trí óc sáng suốt nhất định để có thể tỉnh táo xem xét và cân nhắc mọi sự, ngay cả đối với ý nghĩ của chính mình. Đây là một mẫu nhiệm không thể giảm thiểu được của ý thức con người. Và trách nhiệm của chúng ta nằm ở đó. Chúng ta không đơn giản chịu sự điều động của kích thích và phản xạ như loài vật. Chúng ta còn có một tự do nhất định. Điều này cũng góp phần vào việc thành toàn cuộc sinh tồn, vì chúng ta là thành phần có suy nghĩ, ý thức và trách nhiệm của thế giới, và bằng sự lớn lên trong tự do, chúng ta có thể chọn lựa điều tốt, việc thiện.

### *Khốn khổ*

Bức hình chụp về sự hiện hữu này chưa đầy đủ. Vì tất cả những thành tố làm thành hạnh phúc và vinh quang của chúng ta bị tràn ngập bởi sự khốn khổ.

Đan cử đời sống chung. Chúng ta có thể khiến cuộc sống người khác trở nên cay đắng hoặc ngọt ngào. Chúng ta có thể thất vọng phiền muộn khi tin nhiệm nhau mà nó không nhất thiết là lỗi của người kia. Và biết bao nhiêu tự phát bị nguội lạnh chỉ vì sự kiện đơn giản là do chúng



ta sống chung với nhau! Một phu khuân vác có lần viết cho bạn mình là một linh mục đang cử hành năm toàn xá: “Hầu hết mọi người sinh ra đều là bản chính, nhưng khi họ kết thúc cuộc đời thì như những bản sao chụp lại”.

Sự hấp dẫn yêu đương giữa nam và nữ có thể trở thành một đam mê, và bỗng chốc, đam mê ấy chuyển thành hận thù dữ dội, ngay cả giữa vợ và chồng. Chính vì quá đối thân cận nhau nên họ có thể hiểu lầm, thất vọng và làm tổn thương nhau. Cũng một lý do ấy mà cha mẹ và con cái có thể thành như thế. Nhiều gia đình đôi lứa trẻ có vẻ là câu trả lời tốt lành cho cuộc đời — nhưng rồi không giữ mãi được như vậy.

Cũng thế cho niềm vui lao động giữa thế giới này. Lao động giúp con người phát triển nhưng cũng hạn chế con người. Lao động có thể là nặng nhọc, đơn điệu và buồn tẻ. Thể xác con người, sự sáng rực rỡ của toàn bộ nhân cách, có thể sa sút tới độ để cho niềm hoan lạc nhục dục thế chỗ vào. Rồi một nhọc và bệnh hoạn. Và nếu phải chịu đau đớn hoặc gặp đau đớn thì làm sao mà chúng ta có thể nói tới vinh quang của thể xác.

Ngay cả ý thức và tự do, là vương miện của con người khiến con người được đặt cao hơn loài vật, thì yếu ớt, mờ mờ và hạn chế. Điều chúng ta thật sự biết là gì? Và nản hơn nữa, chúng ta thực hiện cách thành thạo và thích thú cái mà sự nhận biết chân chính và ước muốn thật sự của chúng ta ngăn cấm. Rồi đến lừa dối, hiểm độc, ích kỷ và phạm tội. Không có được bao nhiêu lần đời sống nói “Được” cho đòi hỏi hạnh phúc của chúng ta, câu trả lời liên tục bao gồm “Chưa” và “Không”. Đó là lý do những khát khao của chúng ta vô tận.

*Sự trôi nhanh của thời gian*

Có một nỗi xao xuyến còn sâu xa hơn. Nó xảy ra cả khi đời sống nói “Được”, khi lao động nhân tính hóa con người và thế giới, khi yêu thương no đầy và chân thật. Mọi sự đang tốt lành tới độ muốn giữ nguyên như thế. Nhưng, vào một chớp mắt nào đó, giữa lúc cái độc đáo nhất và đáng say mê nhất đang diễn ra, con người biết rằng cái đó sẽ qua mất. Một tác giả Cựu Ước cảm nhận sắc nét điều này giữa cơn hoan lạc của mình, và diễn tả như sau:

“Mọi sự đều có lúc, mọi việc đều có thời ở dưới bầu trời:

thời để sinh và thời để chết;

thời để trồng và thời để nhổ cây;

thời để giết chết và thời để chữa lành;

thời để phá và thời để xây;

thời để khóc và thời để cười;

thời để than van và thời để múa nhảy;

thời để quăng đá và thời để lượm đá;

thời để ôm và thời để tách rời không ôm nữa;

thời để tìm kiếm và thời để thất lạc;

thời để gìn giữ và thời để vứt đi;

thời để xé và thời để khâu;

thời để nín thinh và thời để lên tiếng;

thời để yêu và thời để ghét;

thời giặc giã và thời bình an” (Gv. 3:1-8)

Điều có thật là thành quả lao động của chúng ta tồn tại. Con người có thể lưu lại đằng sau mình những tác phẩm nghệ thuật bất tử. Kiến thức, tình yêu của chúng ta tiếp tục sống trong con cháu của chúng ta, trong nòi giống của một nhân loại tiến tới trên con đường của nó. Nhưng liệu mọi điều này có thể làm an tâm một người hấp hối rằng đời sống của người ấy đã có một mục đích? Ý thức của người ấy, “tính cách cá nhân” của người ấy biến khỏi trần thế. Có thể nào sự lú lẫn mờ hồ lúc lâm chung làm hoàn tất ý nghĩa về các cuộc phấn đấu trước kia, về việc thiện đã làm và về sự bất công người ấy đã chịu đựng? Nếu cái “Tôi” độc nhất với những hy vọng vô tận của mình bị cái chết xóa sạch hoàn toàn thì làm sao mục đích sự hiện hữu của tôi lại được hoàn thành trọn vẹn trong chính tôi?

Các tín đồ thời Cựu Ước cố gắng hết sức để làm sáng tỏ điểm này. Họ mạnh dạn nhìn thẳng vào đời sau. Sự hiện hữu về trước phải cho một ý nghĩa nào đó. Họ cố gắng nhìn cho ra nó trong hạnh phúc và phúc lành của con cái. Nhưng điều đó không làm họ thỏa mãn, như sách Giảng Viên chứng tỏ:

“Vì số phận của con cái người phàm và số phận của thú vật, đôi bên cũng chỉ là một số phận. Bên này chết sao bên kia cũng chết vậy. Cũng một sinh khí nơi cả đôi bên. Người phàm so với thú vật không có hơn gì. Vì hết thảy đều là phù vân. Hết thảy đều đi tới một chỗ. Hết thảy đều từ bụi đất mà ra. Và hết thảy đều trở về đất bụi. Ai biết được sinh khí của con cái người phàm thì lên cao, còn sinh khí của giống vật thì đi xuống dưới, hướng về đất?” (Gv. 3:19-21)

## TIẾN HÓA CỦA THỀ GIỚI

**C**húng ta hãy tiến hành thăm dò. Đôi khi ý nghĩa của một hiện tượng lộ ra lúc chúng ta thăm dò những bắt đầu của nó. “Nó bắt đầu như thế nào?” là một câu hỏi có thể rọi sáng ý nghĩa và bản chất của hiện tượng.

### *Những bắt đầu của tôi*

Sự sống của chúng ta bắt đầu như thế nào? Nó từ đâu tới? Từ cha mẹ chúng ta, dĩ nhiên. Hằng năm đều có những khám phá mới về diễn biến thụ thai và di truyền. Nhưng chúng ta vẫn không thể nói trước về thời điểm lâm bồn hoặc sẽ thụ thai con trai hay con gái. Lại càng ít có thể nói trước được đứa trẻ sẽ trở thành mẫu người như thế nào. Chúng ta có thể hình dung diễn biến này nằm trong một định hướng nào đó, nhưng việc sinh hạ một con người mới, một trung tâm mới của tư tưởng và tình yêu thì luôn luôn giữ lại điều gì đó mà cha mẹ lẫn những nhà khoa học không thể cắt nghĩa đầy đủ. Mỗi người có một cái độc đáo và không thể giải thích được dù có dùng kính hiển vi xem xét các mô và các tuyến cũng không thể vạch cái đó ra được. Cùng với sự chào đời của một con người mới là ý thức, một cái “Tôi” chưa bao giờ có ở đó trước đây. Và nguồn gốc của nó bị che dấu trong mẫu nhiệm. Không có câu trả lời rõ ràng ở đây.

### *Nguồn gốc của chúng ta*

Nhưng nếu sự ra đời của một cá nhân không rọi sáng vào vấn đề của chúng ta thì nguồn gốc của nhân loại là gì? Chúng ta hãy nhìn vào quá khứ của mình.

Chúng ta biết cha mẹ, ông bà mình — nhưng chỉ tới được một ít tên người, và rồi các biến cố dĩ vãng trở nên mờ nhạt hơn bao giờ. Với hầu hết mọi người thì thử bắt đầu thế kỷ mười chín thật quá đỗi xa xôi để họ tìm ngược trở lại dấu vết của gia đình mình, dù vẫn có một ít gia đình “cổ” mà dòng họ còn thấy vang vọng ít nhiều trong thời Trung Cổ.

Chỉ ở vài phần đất thế giới mà một quốc gia có thể tìm lại trong lịch sử vài ngàn năm trước. Xa hơn thời gian ấy là có một ít hình vẽ trong các hang động, một ít biểu tượng nhỏ về sự sinh sản, những di tích của những đê mê lửa bị chôn sâu trong lòng đất. Và rồi chẳng còn gì ngoài một ít xương cốt hiếm hoi từ các hài cốt của tổ tiên chúng ta.

### *Tiến hóa*

Có phải ở đây không có câu trả lời? Rõ ràng có được điều gì đó. Các sọ và xương tìm thấy được kể cho đôi điều trước đây chúng ta không biết, rằng càng đào bởi sâu hơn vào quá khứ thì loài người chúng ta tìm được càng nguyên thủy hơn. Trước homo-sapiens (con người tinh khôn) tức là con người ngày nay, khoa học phân biệt ra con người Neanderthal với trán và cằm hơi hốt (chéch lên trên và ngấn) ra sau một chút. Sớm hơn nữa, hơn hai trăm ngàn năm trước đó, có nhiều loại động vật linh trưởng có vú với các góc khuôn mặt bị hốt hơn nhưng đi thẳng lưng. Họ có những dụng cụ bằng đá thô và đi săn, không biết làm sao mà họ săn chính xác. Ba trăm ngàn năm trước đó nữa, tức là cách đây khoảng nửa triệu năm, còn có một loại người nguyên thủy hơn mà ta có thể nhận ra

cách mơ hồ, giống Australopithecus (giống Úc châu), một loại người-giống-hình-vượn nhưng có tính chất người hơn các giống vượn ngày nay. Gần như mọi sự đều không có gì chắc chắn — các thời điểm, các chủng tộc, những mất xích giữa các thời đại. Chỉ một điều càng lúc càng nổi bật hơn làm rõ một sự kiện kỳ diệu là một chủng loại loài vật sống ở đồng bằng và rừng rú phải leo theo một con đường tiến hóa rất dài và rất chậm mới đạt tới — chúng ta.

Sự sống trong cơ thể tôi xuất phát từ thú vật. Đó là điều một khi nhận ra làm nhiều người bị chóiáng váng. Không thể được, vì họ nghĩ điều đó bất xứng, vì Kinh Thánh đã định phần cho con người một nguồn gốc thấp hơn nữa, là đất sét. Lý do thật sự của sự bức mình này, đúng hơn, là vì điều đó trái ngược hẳn với trình thuật Kinh Thánh. Cho tới mãi gần đây, Kinh Thánh được đánh giá quá đáng như một loại thủ bản khoa học, và còn hơn nữa, như chuyện được viết ra để rọi ánh sáng của Thiên Chúa lên thế giới hiện hữu. Khó khăn đó đã được giải quyết bằng một am hiểu đúng hơn về Kinh Thánh. Những khám phá ngày càng phong phú hơn cho thấy ngày càng rõ hơn một chuỗi biến động tuyệt vời, xương sống từ từ vượn thẳng lên và sọ ngày càng có thể tích lớn hơn khi loài thú đó phát triển thành con người.

Mọi điều này dường như nêu ra được một giải đáp nào đó. Sự sống có một định hướng và một loại ý nghĩa nào đó. Nhưng câu trả lời ấy không là một câu trả lời rõ ràng. Nguồn gốc con người nằm ngoài sự thấu hiểu của chúng ta. Con người bắt đầu từ đâu? Loại người vượn Úc châu có phải là một loại như chúng ta? Hay chỉ là một

loại động vật linh trưởng khác? Rõ ràng nhân loại có một khởi thủy. Sự chuyển tiếp đó thật khó theo dấu từ vị trí bên ngoài nó, nhưng con người là một kiểu mẫu hiện hữu như thế tới độ ở một nơi nào hoặc nơi khác có một hữu thể sống động phải được gọi là “người đó” và không phải 630 là “thú đó, vật đó”. Nhưng thuở nào và tại đâu thì hoàn toàn bị lạc mất ở đâu đó giữa thời tiền sử.

### *Cuộc tiến hóa của vũ trụ*

Khoa học kể cho chúng ta biết rằng đằng trước lịch sử loài người mà chúng ta biết được, có một con đường đi lên dài hun hút, đó là sự ra đời của sự sống. Nguồn gốc của nó mang chúng ta quay lại các thời đại xa xăm không tính được, khi đâu đó trên địa cầu bằng đá, nước và không khí đang nguội dần, bấy giờ xuất hiện các hỗn hợp các-bon làm thành tế bào của mọi sinh linh. Thời cổ đại lúc có sự sống, xem ra vẫn còn quá trẻ so với chất vô sinh trước đó mà nguồn gốc của chất này bị mất hút trong các thời đại vô tận lúc các thiên hà hình ra trong một vũ trụ mà những hiện tượng của nó nay vẫn chưa khám phá hết. Chất vô sinh ấy từ đâu đến? Hoặc nó không đến từ bất cứ đâu cả?

Tất cả hiện hữu và tăng trưởng này có nghĩa gì? Trong sự tăng trưởng của đời sống, ngẫu nhiên và chọn lựa đóng một vai trò lớn lao. Nhưng chúng có cất nghĩa được câu hỏi ấy không? Có phải ngẫu nhiên mà vạn vật tranh đua nhau tiến lên qua các giai đoạn mới mẻ và kỳ diệu như thế — là sự hiện hữu, sự sống, cảm xúc, tư tưởng? Điều gì đang tiếp diễn? Chúng ta có thể thấy có ý nghĩa nào trong đó không?

Cũng quả thật là sự sống không bao giờ hưng thịnh mà không có sự đau đớn cho loài người và thú vật, sợ hãi, mất mát và thối rữa. Lưng vươn thẳng hơn và trán đầy đặn hơn, nhưng vẫn còn xương sống của bộ xương và các hốc sâu của mắt. Tại sao đời sống của tôi bắt đầu? Có phải chỉ là một khoảng sáng ngắn ngủi giữa hai cái không biết được? Quá khứ chẳng có gì rõ ràng mà nói. Liệu chúng ta có thể nghe được điều gì đó về tương lai không?

### *Tương lai của con người*

Tuy thế dường như con đường đi lên của lịch sử sẽ tiếp diễn. Chúng ta dạy con cái mình nhiều điều hơn cha ông chúng ta biết hoặc cần biết. Đã xua khỏi mặt đất hầu hết những dịch bệnh lớn. Nhiều bệnh nan y đã nhường bước y học. Có thể nói chúng ta canh tác đất đai ít mồ hôi và ít nhọc nhằn hơn. Có nhiều thì giờ rảnh rỗi, nhiều chuyến du lịch, nhiều phương tiện truyền thông. Chúng ta đang bước vào không gian vũ trụ.

Và chúng ta ít dã man hơn thời xưa. Việc trả thù kẻ ác hoặc kẻ thù, các tra tấn, thủ tiêu hoặc hành hình trước công chúng đang biến mất hoặc bị chỉ trích. So với ngày trước, chúng ta có nhiều lòng trắc ẩn hơn đối với loài vật. Mỗi đứa bé sinh ra được chào đón bằng những kỳ vọng hạnh phúc hơn. Các cuộc chiến tranh chấm dứt và trẻ em nô đùa trên những đống nát. Khi xem xét hành tinh mình, dường như đôi khi chúng ta thấy mình đang nắm vững thế giới.



Nhưng sau nhiều thế kỷ tiến bộ, chúng ta đang thấy các vụ sát nhân tập thể tại hầu hết các vùng đất văn minh trên địa cầu, tựa hồ chẳng biết tới lịch sử. Loài người tìm ra những phương tiện để chiến đấu với bệnh tật nhưng cũng phát minh những cách thức mới để giết nhau. Hỏa tiễn được phóng vào không gian nhưng cũng còn những hỏa tiễn khác đủ sức hủy diệt mọi sự sống trên quả đất. Tương lai không chắc chắn.

Tương lai của tôi cũng thế. Tôi sẽ là một người thiện hoặc một người ác? Và điều gì đang xảy ra sẽ cuốn hút con cái tôi theo? Rồi cái chết phủ bóng tối lên mọi khát vọng. Trong tương lai, con người có thể hạnh phúc hơn và xây dựng thành phố vững chắc hơn với tự do và tình huynh đệ, nhưng vẫn còn một cái cửa đang mở ra trong bóng tối mà toàn thể loài người sẽ đi qua đó buồn bã hơn, luôn cả những thành phố hạnh phúc hơn và nhân loại tươi đẹp hơn đó. Và dù khoa học khám phá ra những cách thức kéo dài tuổi thọ thì bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra trên mặt đất. Đời sống không có gì chắc chắn. Hạnh phúc và ý nghĩa cuộc đời cũng thế.

Thế thì chúng ta có tin rằng lịch sử nhân loại, quá khứ, hiện tại và tương lai, toàn bộ cuộc tiến hóa của vũ trụ với những đau đớn và lo âu, yêu thương và hân hoan, và ngày tận thế của nó, là một trò đùa vô nghĩa? Có phải đó là một đường đạn bay vu vơ, đến từ không một chỗ nào, đi tới không một nơi nào, như vũ trụ có thể thu nhỏ lại và dàn trải ra đến vô tận? Không có gì trong thế gian này có thể giải đáp cho chúng ta.

## KHÁT VỌNG MỆNH MÔNG

*Có gì là tất cả của tôi không?*

Nhưng nếu đó là hiện sinh tại sao ta không sống quen dần với nó? Tại sao chúng ta đi qua cuộc đời với một vấn nạn vượt ngoài tầm bất cứ câu giải đáp nào mà mình tìm thấy? Tại sao chúng ta tung các hy vọng của mình lên quá cao khiến mọi đáp ứng đều có vẻ quá tầm thường?

Tâm hồn chúng ta vẫn còn đặt định trong sự hoàn toàn yên ổn, yêu thương bất tận, hạnh phúc không gợn chút mây mờ. Khát vọng ấy không bao giờ được trọn vẹn. Nó ở với chúng ta trong bất cứ việc gì mình làm. Nó hằng ngày cất tiếng nói trong suốt cuộc đời chúng ta.

Đây là sự thật, phủ lên các tiểu tiết bình thường nhất. Bất cứ phút nào của bất cứ ngày nào cũng được sắp xếp trên những khát vọng không lấp đầy. Một phụ nữ đang làm việc nhà, tự nhủ: Tối mười giờ rửa mình nghỉ tay giải khát. Đúng giờ, nàng ngồi xuống nghỉ. Rồi nàng nghĩ tiếp: Thật dễ chịu nếu hộp nước từng hộp một. Hoặc nàng nói với mình: Tôi muốn ủi quần áo mà đồ chưa khô hẳn. Hoặc nàng tự nhủ: Thật thích nếu mặt trời ló ra, đồ phơi sẽ khô lẹ hơn. Hoặc nàng nhớ tới chương trình truyền hình sẽ coi tối nay. Hoặc nàng lo lắng một bệnh vật nào đó cho đứa con. Nàng luôn luôn muốn một cái gì khác.

Nhưng có thật chẳng bao giờ có phút giây nào tôi được hoàn toàn mãn nguyện? Hình như có những lúc tôi được như thế, khi nắm trong tay cái tôi ao ước tột độ và rồi có thể tận hưởng nó. Giả dụ tôi khát nứt môi trong

một ngày dài nóng nực. Miệng tôi lúc càng khô ran. Tôi chẳng muốn gì hơn là nước. Nước là “tất cả của tôi”. Rồi tôi tìm thấy nó và uống, uống. Hình như tôi thỏa mãn, đầy đủ hạnh phúc. Ngay lúc ấy tôi nhận ra các điều khác đều là lừa dối. Tôi có một vết phỏng trên tay. Lại cần một thứ khác nữa. Không có gì làm tôi hoàn toàn thỏa mãn.

Nhưng biết đâu có thể có một người nào đó là tất cả mọi sự đối với tôi. Chồng và vợ có thể là tất cả đối với nhau, và không đòi hỏi ở nhau gì hơn một tình yêu quý báu mà họ sở hữu và họ sống từ tình yêu đó. Có phải đó là mục đích tối hậu, đáp ứng được các khát vọng của mình?

Cầu sao cho đó không phải là những phút giây ta cảm thấy điều mà một nhân vật nữ trong một vở kịch của Claudel: “Tôi là một hứa hẹn không bao giờ giữ mãi được, có phải đó chính là nét quyến rũ của tôi?” Có thể có những thất vọng rũ rột và tới độ tan nát — cho cả đôi bên.

Nhưng có một điều lớn lao hơn tưởng bị kịch ngang trái ấy. Đó là kinh nghiệm nổi hân hoan do đôi bên cùng đáp ứng nhau, mà bất chấp nó, đúng hơn là qua nó, mở lên tới những viễn ảnh bao la hơn. Điều này xảy ra, chẳng hạn, khi ta tràn ngập niềm vui tuyệt vời. Dường như nó có những ngụ ý — cho mình tin chắc rằng không phải do ngẫu nhiên mà nổi hân hoan ấy đến ngập lòng ta.

Có cần phải khóa chặt điều quá rực rỡ ấy trong tủ sắt giữ cho nó an toàn, tốt đẹp và vĩnh viễn hoàn hảo không? Đôi uyên ương trẻ cùng nhau tâm sự: “Chúng mình quen nhau như thế nào nhỉ? Có phải qua một dịp mong manh nào đó? Nhờ thoáng lãng mạn đầu tiên không quên đó mà vươn lên thành tình yêu, thì hai đứa ai nên cảm ơn ai? Chúng mình thường nghĩ là người này cho

người kia tình yêu của mình, nhưng nhiều lúc lại nhận ra mình đang nhận tình yêu của nhau, rằng đó không phải là ngẫu nhiên, rằng nó tới vì nó phải xảy ra như thế. Vậy thì tại sao? Và bởi ai trong hai đứa mình?”

Trong những khoảnh khắc như thế, khi ta tự hỏi đời có ý nghĩa không, dường như có cái gì trong ta trả lời là “Có”. “Vâng, có ý nghĩa. Các khát vọng đã được đáp ứng. Chúng ta được an toàn và bảo đảm, và được đặt trên một điều lớn lao và thân thiết hơn bất cứ điều gì trên thế gian.” Đó là nghĩ tưởng vượt quá những giới hạn tới độ chúng ta biết có điều gì bao la cho còn tìm mình. Nhân loại nói như thế bằng ngàn cách nói, như các thi sĩ thường viết về cái có thật sâu thẳm và khoảng cách không vượt qua được của sự hiệp thông trong ái tình— “gặp nhau nhưng chẳng là nhau” (M. Vasalis), hoặc như một người chồng viết về người vợ quá cố của mình. “Dù gì đi nữa, hôn nhân cũng đã thể hiện một điều độc nhất cho tôi. Tôi không thể còn cho rằng tôn giáo phát xuất từ sự tin tưởng có tính cách tiềm thức của chúng ta và chỉ là sự thăng hoa của tính dục. Trong những năm chung sống, H. và tôi đã bằng mọi cách có thể được, thụ hưởng tình yêu như một cuộc liên hoan, khoan thai và hạnh phúc, lãng mạn và thực tế, nhiều khi cuồng nhiệt như bão tố, lắm lúc dễ chịu như đi chân không trong nhà. Chúng tôi hoàn toàn mãn nguyện trong tâm hồn trong trí não và trong cuộc đời. Nếu Thiên Chúa chỉ là đáng thay thế cho tình yêu thì chúng tôi đã không còn chú ý đến ngài. Tại sao chúng tôi lại phải lo lắng về cái thay thế trong khi chúng tôi đang có cái đích thực? Nhưng thực tế không có sự đánh mất như thế. Cả hai chúng tôi đều biết là chúng tôi cần một điều gì đó của một đấng khác bên cạnh mình,

một điều gì đó hoàn toàn khác biệt. Bạn cũng có thể nói như tôi, nếu hai người yêu nhau thì họ chẳng cần tới đọc, ăn — và thở” (N.W. Clerk). Sự hứa hẹn sâu thẳm nhất trong thế giới của tình yêu và của cái đẹp có thể được nghe trong bài thơ sau đây của Belloc:

Em chỉ mang chất liệu loài người  
Để cho thấy hoàn hảo giữa cảnh bất toàn  
Nhà em triền miên ánh sáng chan hòa  
Nơi ấy em là tiểu thư và kẻ kế thừa

Khi em qua  
sự sống tự nhiên trong vạn vật  
nói cho biết mình phục sinh  
Và khi em qua  
gợi nhớ nắng hè soi ngọn cỏ  
dậy tiếng hò bất tử trong tôi

Em không được sinh ra  
chỉ cho người nhớ tưởng  
Tuổi trẻ em dấu chỉ thiên đàng  
Hiện diện em làm bút tôi bất lực  
Em mở ra cách cửa tới vô cùng

Em mẫu mực đáng hình Đức Mẹ đứng  
Đẹp vô cùng  
Đẹp khôn xiết  
là em.

Trong hạnh phúc và trong đớn đau, có dấu vết của điều gì vượt quá cương giới hữu hạn của chúng ta. Chớ nên để cho tính chất hỗn nhiên sâu xa của niềm hy vọng này bị bác bỏ bởi những diễn giải nông cạn cho rằng ta không thể đạt tới tầm mức cốt tủy của vấn đề bằng chính nó. Cũng chớ nên nói là chúng ta phải hài lòng với nhan sắc, âu yếm, con người, cuộc đời hữu hạn của mình vì những gì mình mãn nguyện thì không vĩnh viễn có thật. Mọi điều chúng ta làm đều bị thúc đẩy bởi một khát vọng trong đó dường như tới một điều gì vĩnh viễn an toàn, tốt lành và đẹp để khiến chúng ta phấn khởi.

## KHÁT VỌNG CỦA LƯƠNG TÂM

**C**húng ta vừa nói về những khát vọng được hạnh phúc. Nhưng chúng ta cũng có những khát vọng được làm người thiện. Chúng ta biết mình không nên túm lấy hạnh phúc bằng bất cứ giá nào. Nếu làm thế, cái mà mình nắm được không phải là hạnh phúc. Chúng ta muốn sống tốt lành. Một người đàn ông yêu một phụ nữ nhưng nếu cuộc tình đó đem bất hạnh đến cho chồng con của bà ấy, thì không nên. Loài người đặt “sự thiện” lên trên hạnh phúc nếu họ nỗ lực thật sự để có hạnh phúc. Chúng ta có lương tâm.

Mọi người, tín hữu lẫn không phải tín hữu, đều biết đến tiếng nói của lương tâm. Đã có nhiều nỗ lực bỏ ra để biến tiếng nói lương tâm thành những thực tế “dễ hiểu bằng trí óc”, và như thế, cắt nghĩa nó. Người ta đề nghị coi nó như một loại kiểm chế tự nhiên. Tự bản năng

bảo toàn (sợ chết) giữ loài người lại trong phạm vi những giới hạn mà sự sống có thể tồn tại, thì lương tâm cũng làm như thế theo cách thức của nó. Lương tâm cũng được cất nghĩa bằng lòng tự trọng, sợ dư luận, các phong tục được lưu truyền, giáo dục và môi trường sống. Rõ ràng có các thành tố ấy dự phần vào. Chúng cất nghĩa những ứng dụng của lương tâm — tại sao ranh giới giữa thiện và ác được vạch ra khác nhau giữa nhiều dân tộc và nhiều người. Sau hết, có sự dị biệt sâu rộng trong các phán đoán của con người về những gì bị lương tâm ngăn cấm hoặc cho phép. Ngoài ra chúng ta đều đồng ý đặt sự khác biệt giữa tốt lành và xấu xa ở cấp bậc sâu xa hơn so với sự khác biệt giữa hữu dụng và vô dụng.

Cả khi không ai thấy việc xấu tôi làm, cả khi không ai bị tổn thương trực tiếp vì việc xấu ấy, lương tâm tôi cảnh cáo, kết án và làm tôi khổ sở, nhưng trên hết, lương tâm khích lệ tôi và hướng dẫn tôi về cái thiện và cái đúng. Người khác có thể giúp tôi phát hiện cái gì là điều tốt nên làm và cái gì không nên làm. Nhưng trong trách nhiệm, khát vọng được làm người ngay lành của tôi, tóm lại, trong sự chắc chắn rằng tôi phải làm điều đúng — hoặc phải đang làm điều chính đáng, tôi một mình gánh chịu. Một mình tôi chịu đựng sự ăn năn. Không ai có đủ thân cận để giúp tôi. Tôi nghe một tiếng nói khác. Lòng tự trọng của tôi? Không, đó không phải chính bản thân mình mà tôi thấy như một quan tòa. Tôi nắm trái một điều lớn lao hơn. Có phải tôi cảm thấy cách vô thức ánh mắt của mọi người phủ chụp tôi? Không, dường như với tôi, tôi chịu đựng trọn vẹn sự phạm tội của mình.

Phán quyết của lương tâm có kèm theo những cảm xúc sâu đậm. Đôi khi đó là sợ hãi và khắc khoải — sợ mình bị lệch khỏi mục đích chân chính nhất của con người trong cuộc sống. Nhưng trên hết, lương tâm là nguồn suối của nỗi hân hoan tốt độ — hân hoan của con người được làm một với số phận chân chính của con người, chung cuộc của con người, là mục đích trọn lành.

Thế thì có phải cuộc đời tôi có mục đích và có ý nghĩa? Khát vọng sự thiện nói cho chúng ta biết rằng dù mình hữu hạn và yếu đuối, mình được tạo thành và được dành riêng để đạt tới sự thiện tuyệt đối.

## ĐÒI HỎI ĐÁNG VÔ BIÊN

### *Được thấy bằng lý trí*

**P**hần thiện trong chúng ta đòi hỏi sự hiện hữu của một sự thiện hoàn hảo. Sức lực yếu đuối của chúng ta đòi hỏi một quyền lực vô hạn. Tính chất loài người của chúng ta đòi hỏi một tính chất thiêng liêng. Con người hữu hạn của tôi — thật ra có thể được biết như là hữu hạn — ngược lại sự vô biên được biểu lộ trong những khát vọng và tư tưởng của tôi. Nếu thế gian này và cuộc đời không vô nghĩa thì chúng ta phải thú thật rằng Đáng Vô biên có mặt. Vì thế, Thánh Phaolô có thể nói: “Vì từ buổi tạo thành vũ trụ, những gì nơi Người, mắt xác thịt không thể thấy, thì trí khôn nhìn ngắm được nơi công việc Người làm” (Rm. 1:20).



### *Một cái nhìn toàn bộ cuộc sống*

Ngoài ra vị Tông đồ ấy nói minh bạch rằng lý trí lớn tiếng nói về sự trọn vẹn của sự sống. Ngài đặc biệt nhấn mạnh đến tội lỗi như một trở ngại cho lý trí. Nhưng ngài không ngụ ý rằng tội lỗi cá nhân luôn luôn cản trở tâm trí loài người chấp nhận một sự can thiệp rõ ràng và mạnh mẽ. Môi trường, giáo dục và cấu trúc tâm lý thường khiến cho tâm trí gần như không thể chấp nhận sự tác động chính xác của tất cả những dấu chỉ ra Đấng Vô biên. Thông thường, kinh nghiệm cho thấy rằng bước đầu con người phải quen thuộc với Thiên Chúa bằng đức tin trước khi có thể chấp nhận bằng chứng dựa trên lý trí. Do đó, người tín hữu không thể tự phụ vào bản thân trong việc nhận thức điều đưa ra ý nghĩa cho cuộc sống con người. Con người không biết được điều đó nhờ khôn ngoan hoặc tài năng. Con người tiếp nhận nó như một tặng phẩm.

Các học giả có thể khai triển cái nội quan (sự nhìn thấu suốt vào bên trong sự vật) của một tâm hồn bình thường thành chứng cứ khoa học dù không theo phương cách khoa học tự nhiên vì nó không là một chân lý khoa học. Ngay cả lịch sử cũng không qui được thành những công thức khoa học vì nó bao gồm toàn bộ cuộc sống. Lại càng ít có thể gom thành công thức cố định các vấn đề sâu xa nhất của cuộc sinh tồn. Chúng quá bao la cho việc đó, quá mật thiết với toàn bộ con người. Tuy nhiên, sự suy tưởng có hệ thống ở mức độ thâm sâu, được gọi là “khoa học và triết học”, thì có thể dùng ánh sáng lý trí để cho thấy rằng trong mỗi khẳng định của cuộc sống chúng ta đều chỉ dẫn đến Đấng Vô biên, là *sự thật, sự thực tại, sự thiện và sự vui mừng*.

## THỬ THÁCH CHO LÝ LUẬN

*Không hữu hạn — bị kết thúc*

Nhưng không quan trọng gì việc đời sống và tư tưởng dẫn đưa chúng ta rõ ràng biết bao về ước đoán một Đấng Nguyên thủy vô biên (và không thành vấn đề nếu có mơ hồ như thế nào) và không quan trọng gì việc một triết học sâu sắc có thể trình bày hiệu quả biết bao rằng trong mọi lời nói và tư tưởng của chúng ta có âm vang Đấng Vô biên, vì tại nền tảng thâm sâu nhất của nó, có một thách đố mãnh liệt cho các suy gẫm bình thản của chúng ta. Chính sự khốn khổ của trần gian là thách đố đó. Làm sao chúng ta có thể hòa điệu được nguồn gốc sự thiện vĩnh cửu với tất cả những bệnh tật, thất vọng và tàn bạo của trần gian này? Dù ta không đơn thuần hữu hạn — đặc tính đó quả thật đòi hỏi sự có mặt của Đấng Vô biên, kẻ giữ gìn cho mọi sự được trọn lành đẹp đẽ và cùng lúc đó, mọi sự đều bị hạn thù và xung đột?

“Đêm chọc thủng xương tôi  
 và các mạch máu tôi không ngủ  
 Với hết sức lực Người túm áo tôi  
 như cổ áo lót tôi, Người siết tôi  
 Người đã ném tôi vào đồng bùn,  
 và tôi nên như tro cùng bụi đất  
 Tôi kêu lên Người, nhưng Người không trả lời  
 tôi tới trước Người nhưng Người chẳng ngó ngang tới  
 Người đã trở thành đao phủ đối với tôi

Người tấn công tôi với tất cả sức mạnh của bàn  
tay Người

Người hốt tôi, cưỡi trên gió  
và làm tôi tan biến trong bão tố  
Phải, tôi biết, Người bắt tôi quay về với cái chết,  
nơi hò hẹn của mọi sinh linh.

Dẫu vậy tôi chẳng chìa tay cho kẻ khốn cùng  
khi nó kêu lên tôi trong cơn hoạn nạn?  
Tôi đã chẳng khóc với kẻ có cuộc đời khó nhọc?  
và hồn tôi đã chẳng quặn lại khi thấy kẻ thiếu thốn?  
Tôi chờ đợi may mắn và hoạn nạn đã đến  
tôi cây trồng ánh sáng và đã gặp tối tăm

Ruột gan sôi bỏng không ngừng  
trên tôi những ngày khổ cực ập đến  
Tôi bước tới ủ rũ không mặt trời,  
tôi trôi dạt giữa hội nghị và tru tréo  
Tôi trở thành anh em với chó rừng  
và bạn bè của đà điểu  
Da thịt đã sạm đen  
và xương cốt tôi đã bị đốt cháy trong cơn sốt”  
(G. 30:17-30).

Và cái chết là một chung cuộc.

“Những núi non cuối cùng cũng đã sụp đổ  
và đá tảng cũng rời chỗ

Nước có thể xoi mòn đá  
và bụi đất trôi đi trong mưa rào  
thế đó, hy vọng của phàm nhân, Người đã hủy diệt!  
Người loại nó khỏi vòng chiến và nó ra đi,  
sau khi biến đổi dung mạo, Người xua đuổi nó”  
(G. 14:18-20).

*Chạm mặt với Đấng Tuyệt đối*

Dường như nó không vô lý? Một khát vọng vô lường,  
luôn luôn trào dâng, bị cắt đành đoạn bởi bức tường cái  
chết và tội lỗi?

“Tôi là kẻ ngu độn nhất trong mọi người  
chẳng chút trí khôn người đời  
Tôi đã chẳng học được sự khôn ngoan  
và chẳng biết đến sự thông hiểu của Đấng Thánh.  
Ai đã lên trời rồi xuống lại?  
ai đã góp được gió trong nắm tay?  
ai đã tìm được nước trong áo choàng?  
ai đã làm vững chắc mọi mút cùng của đất?  
Tên Ngài là gì?  
Tên con Ngài là gì, anh có biết” (Cn. 30:2-4)

Bạn dễ dàng hiểu hết điều trên vì người tìm kiếm  
này, kẻ đơn giản là không thấy, đang nói với bạn là kẻ  
mô đạo. Bạn nhận thấy bạn có thể tức khắc vượt qua từ  
một vật thụ tạo thành một con người tối thượng. Đồng ý

là không thể tưởng tượng ra rằng thế gian này có thể hiện hữu mà không có một căn nguyên nhân đệ nhất, hoàn hảo và vô tận, nhưng làm sao bạn giải thích về những đau khổ và khốn khổ chất chồng?

Có lẽ Đấng Vô biên sẽ nói. Có lẽ Đấng Tuyệt đối sẽ đến với chúng ta, giải thích về chính ngài, biện hộ cho chính ngài — chống lại Gióp, chống lại chúng ta. Có lẽ ngài sẽ tỏ ra cho chúng ta thấy ý nghĩa sự hiện hữu lớn lao và đau đớn của chúng ta.

## THÔNGIỆP MÀ CHÚNG TA NGHE TỪ NGÀI

### *Lời Thiên Chúa*

**L**ời ấy được gởi đến thế gian, rằng Đấng Vô biên biểu lộ ngài trong Đức Giêsu Nagiarét.

“Điều mà từ phút ban đầu đã có  
 Điều chúng tôi đã từng nghe  
 Điều chúng tôi đã từng thấy tận mắt,  
 Điều chúng tôi đã cung chiêm, và tay chúng tôi  
 đã sờ đến,  
 Về Lời sự sống,  
 Chúng tôi làm chứng cùng loan báo cho anh em  
 sự sống đời đời—

Điều chúng tôi đã từng thấy và đã từng nghe,  
 thì chúng tôi loan báo cho cả anh em nữa, ngõ hầu  
 anh em được thông hiệp với chúng tôi!

Nhưng sự hiệp thông của ta là thiêng liêng với Cha và với Con của Người, Đức Giêsu Kitô.

Các điều này chúng tôi đã viết ra, ngõ hầu sự vui mừng của chúng tôi được nên trọn. Và đây tin Ngài đem đến cho chúng tôi đã được nghe và chúng tôi loan báo cho anh em:

Thiên Chúa là sự sáng, tối tăm không hề có nơi Người” (1 Ga. 1:1-5).

Đức Giêsu là câu trả lời đó, tuyệt diệu hơn cả cái mà con người có thể mơ tưởng tới. Chính Con Thiên Chúa bị nhận chìm xuống trong sự khốn khổ của chúng ta. Bằng một hành động cao cả nhất của tình yêu, chính Thiên Chúa chịu đau khổ với chúng ta. Thiên Chúa vô cùng thương yêu thế gian này.

Đây không là câu trả lời làm cho cái lý do và cái tại sao căn bản đó trở nên minh bạch. Mầu nhiệm của sự hiện hữu không được giải quyết. Nhưng đức tin vào Đức Kitô chỉ rõ hướng, mà theo hướng đó sẽ tìm ra chân lý. Thiên Chúa không phải đưa mắt nhìn sự dữ và đi lướt qua. Sự dữ không phát xuất từ ngài. Ngài chiến đấu chống lại nó. Ngài cảm thấy sức nặng của nó. Bằng một trong những cách chết tàn khốc nhất do tài trí con người sáng chế ra, ngài lộ ra cho chúng ta thấy ngài là đáng cứu độ. Chúng ta thấy một cây cột đứng và một xà ngang, trên đó và trong con người đang dang tay ấy Thiên Chúa hiện ra cho chúng ta. Thánh giá, cũng như con người đang dang tay ấy là bảng dẫn đường chỉ tới mầu nhiệm không hiểu thấu được của Thiên Chúa. Nó chìm dần vào âm đậm tới tâm điểm của khốn khổ. Qua thánh giá, Thiên Chúa mở

tim mình ra để mặc khám một mẫu nhiệm sâu thẳm nhất của ngài: Thiên Chúa là một với nạn nhân.

807-817

Về sau trong cuốn sách này sẽ bàn nhiều hơn về sự hiện hữu của sự dữ và chúng ta thường có khuynh hướng dùng trí suy nghĩ của mình vẽ ra một bức tranh về quyền thiêng liêng vô hạn. Rất nhiều lần chúng ta cho là mình biết chính xác điều Thiên Chúa “có thể đang” làm hoặc ngăn chặn. Và bằng cách ấy, chúng ta biến ngài thành một nhà cai trị đầy quyền uy, hài lòng để chúng ta sống trong khốn khổ. Nhưng quyền năng của Thiên Chúa sâu thẳm hơn, so với những điều chúng ta hoàn toàn có thể hiểu thì nó khác biệt và không diễn tả được, cách sâu thẳm. Chúng ta cần đào sâu thêm niềm xác tín rằng mình chỉ thật sự nhận biết và gặp gỡ ngài trong Đức Giêsu. Trong mọi câu hỏi về Thiên Chúa, chúng ta phải tự hỏi mình điều gì được biểu lộ nơi Đức Giêsu. Cuộc đời ngài biểu lộ cho chúng ta ngày nay cách Thiên Chúa, bằng quyền năng vô biên thật sự của ngài, chiến đấu với tội lỗi và đau khổ, nói cách khác, mẫu nhiệm hơn, mãnh liệt hơn, can thiệp hơn và chiến thắng khám hoàn hơn so với điều mà trí suy nghĩ của chúng ta có thể hình dung được. Tại sao nó được hoàn thành cách rõ rệt theo đường lối ấy thì chúng ta không biết. Điều chúng ta có biết là, nó là một mẫu nhiệm của sự sáng và sự thiện. Đức tin vào Đức Giêsu có nghĩa là chúng ta thấy tới một chừng mực nào đó, với con mắt của Thiên Chúa.

*“Ngài làm chúng con trở nên ngài”*

Thỉnh thoảng, có người nêu lên phản bác rằng đức tin là cái chúng ta nghĩ ra để xoa dịu những khắc khoải của

cuộc hiện sinh; rằng đó chỉ là một sự tìm kiếm một phương thế an tâm nào đó khi đương đầu với những gian nan cuộc đời, rằng đó chỉ là sự “phóng chiếu” các khát vọng của chúng ta thành một hình ảnh bên ngoài ta. 77  
78

Nhưng việc con người tìm kiếm sự an toàn, và rằng cứ coi như cuộc đời rõ ràng vô nghĩa và sự khắc khoải đóng vai trò trong cuộc tìm kiếm này, thì việc đó chính nó không phản bác được sự hiện hữu của Thiên Chúa, đáng có thể che chở và bảo vệ chúng ta. Và nó lại càng ít chứng minh được rằng khắc khoải là động lực duy nhất và sâu xa nhất. Khi một em bé tìm mẹ mình trong đám đông có thể nó làm thế vì sợ hãi. Nó chẳng thể làm điều gì mà thiếu mẹ. Nhưng có phải điều ấy có nghĩa nó tìm mẹ chỉ vì sợ hãi? Có phải nó cũng chẳng thể sống được vì nó yêu mẹ? Điều này dường như cũng xác thực cho khát vọng của con người về Thượng đế, vì ngay khi con người đã tìm thấy hoan lạc thì khát vọng này vẫn cứ dai dẳng.

Ngoài ra còn một điều hơn thế nữa được ghi nhận về sự “phóng chiếu”. Trong những năm gần đây, được biết có nhiều điều thuộc ý tưởng con người về Thượng đế đã và đang ảnh hưởng biết bao trong tâm lý học, văn hóa và môi sinh. Nhưng sự kiện ấy không làm chúng ta được minh bạch hơn về việc Thượng đế có hiện hữu hay không. Giả dụ rằng chúng ta có “phóng chiếu”, nghĩa là, có biến các nghĩ tưởng và khát vọng của mình thành một hiện hữu độc lập bên ngoài ta thì vấn nạn vẫn còn y nguyên là con người có “hơn” chính bản thân nó không. (Đức tin nói cho chúng ta biết rằng con người có “hơn”. Khải thị Kitô giáo luôn luôn công nhận sự định hướng con người hơn của nhân loại. “Ngài làm chúng con trở nên ngài, lạy



Chúa, tâm hồn con không bao giờ yên nghỉ cho tới khi nó được nghỉ ngơi trong ngài” [Thánh Augustinô, *Tự Thú*]).

Rõ ràng sự hiện hữu của những phóng chiếu của chúng ta nói cho chúng ta điều gì đó về việc chúng ta tìm kiếm Đấng Vô biên. Chúng có thể giúp chúng ta thấy mình có thường chỉ giả bộ tìm kiếm Thiên Chúa bằng cách men theo những lối đi viển vông. Kinh Thánh thường nói tới những lối đi như thế, chẳng hạn như sách Giêrêmia 7 và Gioan 16:1-3. Chúng ta thường, cách đáng khiển trách dù nhiều hoặc ít, qui cho Thiên Chúa điều tùy thuộc một mức độ nào đó các tư tưởng nhập nhằng của chính ta. Và rồi khi chúng ta phát hiện ra rằng hình ảnh Thiên Chúa đã được vẽ vờ biết bao theo các ý tưởng lầm lạc của mình và rằng chúng ta thường xuyên tìm ngài tại nơi không nhận thấy được ngài, thì chúng ta cảm thấy mình đứng ở đó trắng tay. Đấng thần linh mà mình muốn gặp biến mất khỏi tầm nhận thức của chúng ta, và chúng ta ở lại với sự trống rỗng, thắc mắc thống khổ: Thượng đế có hay không?

450-479 Nhưng lúc chúng ta buông rơi các ảo giác, các thần linh giả tạo, thì chúng ta không ở lại với sự không có gì. Cái ở lại là chân lý qua thử nghiệm nếm trải với thực tế nhân sinh, chân lý ấy không bay bổng khỏi thực tại mà là con đường đưa tới phát triển toàn diện con người. Chúng ta nhận ra chân lý này trong con người Đức Giêsu Nagiarét. Đức Giêsu, Con Người, là người chân chính nhất và toàn mãn nhất, và là đường mà theo đó Thiên Chúa hằng sống đến với chúng ta. “Thiên Chúa không ai thấy bao giờ; Con Một, đáng ở nơi cung lòng Cha, chính Ngài đã thông tri” (Ga. 1:18).

Như thế, thêm lần nữa, chúng ta đang theo con đường,

được phác họa trong những trang trước, mà sẽ đem chúng ta từ chưa nhận biết đầy xa cách tới mạc khải về ngài, đang nay đang ở cùng chúng ta. Đó là điều Đức Giêsu đã đề cập tới khi ngài nói: “Nước Thiên Chúa đã gần bên! Hãy hối cải và tin vào Tin Mừng” (Mc. 1:15). Khi chúng ta lớn tiếng gọi Thiên Chúa trong bóng tối của mình thì Đức Giêsu, người anh cả của chúng ta, đứng giữa chúng ta và nói: “Hãy đến mà xem”(Ga. 1:39). Trọn mục đích của cuốn sách này là đáp ứng lời mời gọi đó.

Vì sự biểu thị vinh quang của Thiên Chúa xảy ra trong lịch sử nhân loại nên cuốn sách này sẽ đi theo thứ tự của lịch sử ấy, lịch sử mà trong đó chính cuộc đời của chúng ta được quyết định.

PHẦN THỨ HAI  
**ĐƯỜNG TỚI ĐỨC KITÔ**

## A. ĐƯỜNG CỦA CÁC DÂN TỘC

### CÁC TÔN GIÁO NGUYÊN THỦY

**N**gay từ thuở bắt đầu của lịch sử mà chúng ta biết được, gia đình nhân loại bị chia ra và phân tán giữa vô số các dân tộc và bộ lạc, nhóm này xa lạ với nhóm kia.

Trên mặt đất chưa được canh tác, trong rừng và trên các miền đất lạnh, đã nghe có tiếng nói con người — không như tiếng la hét có tính cách bản năng của loài vật khi bị kích động hoặc đau đớn, mà là những âm thanh về sau được làm thành những ký hiệu đặc biệt của thực tại: cái mà nay ta gọi là chữ viết. Con người xem xét thế giới, đặt tên cho các thành phần của thế giới, không chỉ để thoả mãn mình mà còn để chia sẻ vạn vật với kẻ khác. Không tốt cho con người sống một mình.

Tư tưởng và ngôn ngữ chung đầu tiên tự nhiên liên quan tự nhiên tới những vật được nhìn thấy rõ ràng nhất, những đối tượng mà giác quan nhận biết: người khác, các bộ phận cơ thể, vật thiên nhiên, hiện tượng khí quyển. Các nhận thức được cân nhắc như một toàn bộ lớn khiến cho con người gặp khó khăn khi phải dùng đến các hình thức lý luận và phân biệt tỉ mỉ. Thế nhưng, trong việc sử dụng dụng cụ và xử lý đời mình, con người đã cho thấy

khả năng tư duy thực tế và hợp lý. Và dường như khắp nơi mọi người đều tìm kiếm những nguyên nhân đằng sau các hiện tượng và nghĩ ngợi sâu xa hơn về nguồn gốc của vạn vật và loài người.

Cuộc tìm kiếm này diễn ra khắp nơi và bằng vô số cách thức. Giữa sợ hãi và hi vọng, vui mừng và âu sầu, và - thân phận con người - giữa thiện và ác (dữ) cũng như giữa những lúc có thể ứng dụng các khái niệm, con người thấy mình đang trong cuộc tìm kiếm không dứt, tìm kiếm không chỉ bằng trí óc mà còn bằng trọn cả cuộc đời. Vật thụ tạo đó đã bắt đầu hưởng ứng công trình của đấng tạo hóa. “Người đã làm ra...mọi dân thiên hạ để họ lan khắp mặt đất mà ở,...ngõ hầu họ tìm kiếm Thiên Chúa và hoạ may rờ rẫm sao mà gặp được người”. (Cv. 17: 26-7)

Bên trong và đằng sau vạn vật, con người thấy các sức mạnh có thể được nhân cách hóa thành các thần linh. Con người cố gắng ảnh hưởng lên trên thế giới cao hơn đó, đôi khi bằng những nghi thức ma thuật, và còn bằng cầu nguyện, cúng tế. Cái chết được nghiêm túc đánh giá là một biến cố hợp thành diễn tiến tự nhiên của vạn vật. Do đó, người ta tin rằng trọn vẹn con người không bị tác động bởi cái chết. Phần nhân cách của con người tồn tại. Niềm tin này có tính cách phổ biến dù mang nhiều hình thức khác nhau. Không phải bất cứ thời kỳ nào cũng có tin tưởng vào một vị thần tối cao trong các thần linh nhưng ta có thể nhận ra dấu vết của sự tin tưởng này trong các nền văn hóa xa xưa nhất. Không có cấp bậc văn hóa nào và không có vùng đất nào của địa cầu mà không xuất hiện niềm tin đó.

Thái độ của con người trong đời sống ảnh hưởng lớn lao lên hình thức mà họ dùng để “mò mẫm”. Khi con người sống dựa quá nhiều vào thiên nhiên vì kiếm sống bằng săn bắt và hái lượm sản phẩm mọc hoang thì thế giới loài vật đóng một vai trò to lớn. Các thần linh có khi được xem là chúa tể của mãnh thú hoặc mang các hình thức loài vật, v.v... Cũng thường có ý tưởng về một Thượng đế độc nhất tối cao, đặc biệt như là một kẻ cung cấp lương thực.

Trong các cấp bậc văn hóa phát triển hơn, tại các vùng đất đai canh tác, những vật thiên nhiên như mặt trăng, mặt trời và bão tố thường được nhân cách hóa thành những hình ảnh thần thánh. Xuất hiện các nghi lễ cầu sự phì nhiêu cũng như việc tế lễ người hoặc súc vật. Thỉnh thoảng mới có thờ phượng một Thượng đế tối cao độc nhất. Tuy thế, trong tôn giáo thuộc văn hóa du mục có sự nhấn mạnh sâu sắc hướng tới một Thượng đế tối cao trên trời.

## CÁC NỀN VĂN HÓA LỚN CỦA QUÁ KHỨ

**K**hoảng năm ngàn năm trước, so ra như chỉ mới gần đây, con người tạo ra những nền văn minh trong đó Quốc gia qui tụ một số lượng lớn người trên căn bản chung một hệ thống tư tưởng. Đặc điểm của các nền văn minh đó là phân công lao động để không phải hết thảy mọi người trong xã hội đều chỉ bận rộn sản xuất lương thực. Mọc lên các thành phố rộng lớn đầu tiên là các trung tâm hành chánh, thờ phượng văn hóa. Ngôn ngữ có thêm

cách diễn đạt trông thấy được bằng sự phát triển một hình thức truyền đạt được viết ra.

Việc ấy xảy ra vào khoảng năm 3000 trước C.N. ở Cận Đông, ở Mésopotamia, nơi có nền văn minh của người Sumerian. Nhiều trung tâm văn minh lớn bên bờ sông Nile khoảng năm 2800, tại Ấn Độ khoảng năm 2500, tại Trung Hoa khoảng năm 1500 trước C.N. Rồi các nền văn minh xuất hiện ở Mexico khoảng năm 1000 và tại Peru khoảng năm 800 trước Tây lịch. Có giả thuyết tổng quát rằng có sự liên quan nào đó giữa nguồn gốc của các nền văn minh lớn nguyên thủy này. Những thành tựu rực rỡ nhất của chúng trong kiến trúc, điêu khắc và ca hát góp phần làm tăng thêm các nghi lễ tôn giáo.

Tổng quát, đặc điểm của các nền văn minh lớn này là đa thần giáo. Điều này có thể diễn ra bằng nhiều hình thức khác nhau, chẳng hạn bằng cách đưa ra một hiện hữu độc lập đối với các tham dự hoặc các hình thức bản địa của vị thần tối cao, bằng thờ phượng đồng dôi của các vị đó trên trời hoặc bằng việc thêm các thần linh của các dân tộc bị chinh phục vào trong số các thần linh của mình. Vị vua của các thần linh thường được tổng quát thừa nhận là vị tối cao nhất giữa các vị thần. Trong sách Sáng Thế, <sup>do</sup> Melkisêdek là “vị tư tế của Đấng Tối cao”.

Đôi khi các triết lý cao nhã về cuộc sống được tôn vinh thành tôn giáo của con người, thí dụ như ở người Hi Lạp.

Cứ thế cuộc tìm kiếm mờ mẫm vẫn tiếp tục. Dù pha trộn với tội lỗi thí dụ như chuyên chế và phóng đảng, và với lầm lạc thí dụ như thuyết định mệnh, những tôn giáo

này đã là con đường trong đó con người nếm vị mầu nhiệm của Thiên Chúa trong cuộc đời họ. Sau những đau thương cực kỳ, con người tìm thấy được những khôn ngoan sâu sắc, với tập trung và tự hiến lớn lao. Và chúng ta có thể đoán chắc rằng, Đức Giêsu Kitô, Ngôi Lời bất diệt, đã tác động lên sự khôn ngoan của các tôn giáo này, qua Chúa Thánh Thần: cách không biểu lộ như cách Thiên Chúa tỏ mình ra giữa Israel nhưng rõ ràng là rất thật và rất sâu.<sup>24</sup>

Có ba tôn giáo lớn tồn tại đến hôm nay cùng với Do Thái giáo và Kitô giáo mạc khải, và làm phát sinh sự ngưỡng mộ. Đó là Ấn Độ giáo, Phật giáo và Hồi giáo. Cũng cần phải nhắc đến “đạo vũ trụ” của người Trung Hoa.

## ẤN ĐỘ GIÁO

**Ấ**n Độ giáo hay Bà la môn giáo (hai tên gọi dùng chung một nghĩa ở đây) là tôn giáo phát triển từ lúc người Aryan đến (khoảng năm 1500 trước C.N.), dùng các thành tố được cung ứng bởi người chinh phục lẫn kẻ bị chinh phục. Tự chính nó không có mặt như một tôn giáo từ ban đầu có đầy đủ giáo lý. Nó triển khai dần ra theo những nếm trải của con người, như một cuộc tìm kiếm vô tận cái sâu thẳm của bản thân, cuộc trầm tư liên tục, khắc khoải mà không đánh mất kinh nghiệm sống.

Gandhi nói, “Ấn Độ giáo là cuộc tìm kiếm chân lý không mệt mỏi. Tôn giáo của chân lý. Chân lý này là Thượng đế. Chúng ta từng biết có sự từ khước Thượng



đế nhưng không bao giờ có sự từ khước chân lý.” Tính chất cởi mở, uyển chuyển và bao dung của Ấn Độ giáo thật vô tận. Đây là nơi dung chứa đa thần giáo cổ xưa và một triết thuyết tinh lọc nhất. Do đó không thể nói có vị thần riêng biệt nào là Thượng đế của tôn giáo này.

Mọi thực tại trần gian, cuộc sống, hoan lạc, nhân vị và tình yêu, đều bị coi là ảo giác và nguồn cội của đau khổ. Có thể tránh khỏi những cái đó bằng sự dứt bỏ và quán tưởng (theo *Advaita - Vedanta*) hoặc bằng việc thực hành quán tưởng (theo *Samkhya* và *Yoga*). Giải thoát có nghĩa là vượt cái “Ngã” (*Ama - Tôi*) nhập vào cái “Đại Ngã” (*Brahma - Toàn thể*). Cách khác, nó là chân lý (nói chính xác, ta không nhận thức được về nó vì ở đây ý thức bị cuốn hút), là Atma cũng giống như Brahma. Giải phóng khỏi ý thức, cảm xúc, tình yêu và nhân vị, trong hội nhập trọn vẹn cùng “Đại Ngã”, con người vượt thoát những thăng trầm cuộc thế.

Những ai không đạt được trình độ tối cao ấy ấy thì sau khi chết bị tái sinh, dựa theo qui luật của *Nghiệp* (tức là những hành động trong đời mình), có thể làm loài vật hay loài người cao đẳng hơn tùy trình độ đạt được thấp hoặc cao. Học thuyết này ngụ ý rằng con người có thể làm lạc nhưng đó không có nghĩa là người ấy bội bạc hoặc xúc phạm tới bác ái. Vì thế, không có một khái niệm thực sự về tội lỗi ngoại trừ ý nghĩa nội tại của hành động và những hậu quả tự động cách nghiêm khắc của nó. Học thuyết về sự luân hồi của linh hồn này đưa tới việc phân chia nghiêm ngặt xã hội thành năm đẳng cấp [1. Tu sĩ Bà la môn; 2. Chiến sĩ; 3. Thương gia hay Điền chủ; 4. Người lao động mưu sinh; — và còn thấp hơn nữa và không có

đẳng cấp, là những người bị xếp ngoài vòng thế cấp (pariah)]. Sự tập trung vào tâm linh và cuộc sống nội tâm được trọng vọng.

Trong chương bàn về sự cứu độ, sẽ nói về Ấn Độ giáo và về những điểm đặc trưng mà qua đó Ấn Độ giáo vượt lên những nguyên tắc của chính mình. Với một tôn giáo lâu đời và vĩ đại như thế thì rõ ràng là không thể diễn tả trong một ít dòng ngắn ngủi. (Nếu hình ảnh Kitô giáo cũng bị trình bày ngắn ngủi như thế thì không thích đáng biết bao!). Tuy vậy ở đây cũng đã nêu ra được một số đặc điểm chính yếu của Ấn Độ giáo. 450  
476-477

## PHẬT GIÁO

**C**hỉ một nhóm nhỏ gồm những người có đặc quyền mới theo đuổi trọn vẹn lối sống nghiêm ngặt của Ấn Độ giáo. Để sót lại đám đông không thỏa mãn, đặc biệt những người thuộc đẳng cấp xã hội thấp hơn. Một đường lối được hoan nghênh hơn do một người sinh khoảng năm 560 trước C.N. vạch ra, Tất Đạt Đa Cồ Đàm (Siddharta Gautama), được gọi là Đức Phật - Bụt, nghĩa là Đấng Giác Ngộ. Giải thoát không xuất phát từ sự từ khước bản thân triệt để nhưng từ sự quân bình, quân bình giữa cuộc sống sung mãn và chối bỏ bản thân. Sự quân bình này mang lại thanh thản và bình an, hiện tiền và tại thế. Phật giáo chia sẻ với Ấn Độ giáo những học thuyết về sự luân hồi của linh hồn sau khi chết và hội nhập vào *Niết Bàn* (Nirvana), (sự chấm dứt sự hiện hữu cá nhân). Nhưng Phật giáo cực kỳ thực tế: “Hãy theo con đường này, và đừng

hỏi cái gì tồn tại tiếp theo cái đang tồn tại. Hãy hành động bằng sức mạnh của riêng chính mình.” Phật giáo là sự tự giải phóng khỏi hành động của chính mỗi người, khỏi *Nghiệp* (Karma). Mục đích là giải thoát khỏi đau khổ. Đời sống tự nó là đau khổ. Chuyện kể lại là Đức Phật lớn lên trong hoàng cung và ngự uyển, nơi mọi cảnh đau khổ bị loại khỏi tầm mắt. Nhưng rồi ngài hốt nhiên nghĩ đến cái khổ, tuổi già và cái chết. Cái khổ, ngài nói, đến từ sắc dục và đời sống. Con người phải phấn đấu từ bỏ các dục vọng và như thế, giải thoát mình khỏi luồng vận hành của vạn vật khổ đau đang thay đổi và vô thường, hợp thành thế gian, bao gồm cả con người. Đó là con đường đến Niết Bàn, nơi không có khổ đau. Tám “con đường” (bát chính đạo) dẫn tới Niết Bàn cho thấy học thuyết Phật giáo ưu việt biết bao. Đầu tiên là con đường chánh kiến, nhận biết đúng đắn, tức là nhìn thấu suốt vào ảo ảnh của vạn vật như được diễn tả ở trên. Thứ nhì là con đường chánh tư duy, thái độ sống đúng đắn, từ bi, vị tha và ước muốn không làm thương tổn ai. Các “con đường” đó tiếp tục như thế làm tăng trưởng một đạo hạnh thanh khiết và cao thượng. Sự tự giải thoát bằng sức của riêng mình theo đường lối tiết độ, thực tiễn dựa vào kinh nghiệm, khác hẳn với những khuynh hướng nặng phần câu nệ nghi thức và lễ tế của Ấn Độ giáo. Không nói gì đến Thượng đế. Về điểm này, Phật giáo từ chối nói có hoặc không.

Ở đây, tội lỗi và tình yêu cũng không thật sự là hai thành phần của cuộc hiện sinh. Có thể nói mọi hành động của con người, tức là Nghiệp, và ngay cả lời nói, phải được định hướng trong thực hành hướng đến sự thiện. Sự

ăn năn theo cách của Kitô giáo, tức là sự nhận thức đã vi phạm đức bác ái, đóng vai trò ít quan trọng ở đây. Từ bi hỉ xả là con đường đưa đến an tĩnh. An tĩnh không có nghĩa là xúc động về sự khốn khổ của người khác, ra khỏi mình để vươn tới Thượng đế và đồng loại - không giống như người Kitô hữu nói về tình yêu.

Tuy nhiên, đã có một triển khai trong Phật giáo vượt quá khởi hứng căn bản của nó và làm nó giống một học thuyết từ thiện. Ta nhận thấy trong Phật giáo *Đại Thừa* (Mahayana - "Cỗ xe lớn"). Sẽ bàn tới nhiều trong chương nói về sự cứu độ. Phật giáo Đại Thừa lan truyền mạnh chủ yếu đến Tây Tạng, Trung Hoa và Nhật Bản. Một hình thức cổ điển và lâu đời hơn của Phật giáo là Phật giáo *Nguyên thủy* (Hinayana - "Cỗ xe nhỏ", Tiểu Thừa) lan truyền khắp đông-nam Á châu. Thế nhưng ngay tại Ấn Độ, từ thế kỷ bảy, Phật giáo biến mất dần, để cho Ấn Độ giáo giữ vai trò tôn giáo phổ biến rộng rãi nhất ở xứ này. Nhưng trong nhiều năm trở lại đây, Phật pháp đang đạt được sự mở rộng hơn giữa hạng người bị xếp ngoài vòng thế cấp (pariah).

## VŨ TRỤ ĐẠO CỦA TRUNG, HOA

**C**ần phải nói về các quan điểm đối với cuộc đời được phát triển tại các miền đất mệnh mông của Trung Hoa cổ kính. Một số quan điểm như thế có hơi đa thần giáo. Một số khác bị chế ngự bởi khuynh hướng mang nhiều tính chất triết học hơn. Đặc điểm tổng quát của tư tưởng Trung Hoa là một học thuyết liên quan tới cấu trúc

và sự hòa đồng với vũ trụ, mà từ đó rút ra một mô tả tổng quát “đạo vũ trụ Trung Hoa”.

Lý thuyết nền tảng là Thái cực (cái “Một” nguyên thủy) được tạo thành bởi hai lực: *Dương* (sáng, ấm, động, sinh sôi, giống đực) và *Âm* (tối, lạnh, tĩnh, tiếp thụ, giống cái). Cả hai cân nhau. Vạn vật phát xuất từ sự hòa hợp và sự căng thẳng giữa Âm và Dương. Trời phát xuất từ Dương và Đất từ Âm, và rồi mọi sự sống khác đến từ cả hai. Các mùa đến, thí dụ như, Dương (mùa hè) và Âm (mùa đông), để cho mùa đầu tiên và rồi mùa kế tiếp cứ thế mà bị chi phối. Trong các chu kỳ từng hai trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm năm, Thái cực đó trải qua một chu kỳ sáng tạo và trở về với cái “Một” nguyên thủy, bắt đầu lại, không ngừng nghỉ, ngay tại điểm kết thúc chu kỳ. Sức mạnh điều hành vạn vật được gọi là *Đạo* (con đường). Đạo có sẵn trong Thái cực và tác tạo sự hòa hợp của tạo vật. Cuộc tìm kiếm Đạo là cuộc tìm kiếm con đường chân chính của cuộc sống.

Khổng Tử, sinh năm 551 trước C.N., rút tỉa những kinh nghiệm cổ xưa cùng với những chiêm nghiệm của mình để giảng dạy một đạo sống như thế. Các điểm chính yếu là sùng kính tổ tiên, tự chủ, nhân ái và tương thân. Đây là một học thuyết thực dụng nhắm đến hành động. Có một hình thức khác nữa của tôn giáo Trung Hoa mang nhiều tính chất tu hành hơn, nhắm nhiều hơn đến việc dứt bỏ các dục vọng bản thân và tìm kiếm sự an tĩnh bằng hiệp nhất bản thân với những nền tảng thâm sâu nhất của sự sống. Đó là Lão giáo mà nguồn gốc phát xuất từ một nhà tư tưởng sâu sắc là Lão Tử, có thể sống cùng thời với Khổng Tử. Ngày nay, ta không chắc cả hai học

thuyết này có còn được người thời hiện đại quan tâm sống động nữa hay không. Chúng ít có tác động bên ngoài Trung Hoa. Tại xứ sở sản sinh, cả hai đang bị chủ nghĩa Mác thử nghiệm gay gắt và chúng ta chưa biết kết quả rồi sẽ ra sao.

## HỒI GIÁO

**K**hông ai có thể nghi ngờ sức lan rộng của Hồi giáo. Cùng với Ấn Độ giáo và Phật giáo, Hồi giáo là một trong ba tôn giáo không phải Kitô giáo mà lớn nhất. Hồi giáo phát sinh khoảng năm 600 sau C.N. giữa các bộ lạc A rập cho đến lúc đó đang theo đa thần giáo. Có lẽ họ đã có thể chấp nhận đức tin Kitô giáo lúc đó đang lan truyền tại các vùng biên giới lãnh thổ mình. Thế nhưng vào lúc đó, Mahomet xuất hiện, từ Mecca, một thành phố A rập. Ngài kêu gọi lưu tâm tới những khả thi mà ngài nhận được từ Đấng Ala ( Thượng đế - Allah) trong một hang gần thành phố ấy. Những khả thi của ngài khiến ngài tin rằng ngài là "Con Triện của Các Tiên Tri", là người hoàn tất sau cùng mọi mặc khải của Thiên Chúa tính từ Abraham xuống suốt mọi thời, kể cả Đức Giêsu. Tâm điểm của học thuyết này là tính chất độc nhất, duy nhất và quyền năng tuyệt đối của Thượng đế. Cuốn sách mà Mahomet thuật lại những mặc khải của mình là *Koran*, được xem là do chính Thượng đế đọc cho theo nghĩa đen từng chữ.

Các nghi thức tôn giáo của Hồi giáo là: (1) công nhận Đấng Allah bằng cách tuyên xưng đức tin; (2) cầu nguyện mỗi ngày năm lần mặt hướng về Mecca; (3) có những

đóng góp nhất định cho người nghèo; (4) nhịn ăn uống suốt tháng chay Ramadan từ lúc mặt trời mọc cho tới lúc mặt trời lặn; (5) hành hương Mecca ít nhất một lần trong đời mình. Thứ Sáu hàng tuần tụ họp tại thánh đường ở những địa phương có ít nhất bốn mươi tín đồ. Cấm sử dụng âm nhạc và tượng ảnh trong thờ phượng. Nghĩa vụ tham gia thánh chiến không phải là bốn phận trên cá nhân mà là trên cộng đồng khi cộng đồng sẵn sàng tham chiến. Cho đến ngày nay, chiến tranh được đánh giá cao hơn hết thảy vì đó là cuộc chiến đấu thần thánh. Cho phép đa thê. Những người tử trận trong cuộc thánh chiến được lên thiên đàng ngay. Những người tốt lành khác sẽ lên thiên đàng vào ngày tận thế. Kẻ độc ác bị trừng phạt trong hoả ngục. Nhiều người Hồi giáo nghĩ rằng ngày tận thế sẽ được báo trước bằng sự xuất hiện của Đức Giêsu. Yếu tố gây ấn tượng sâu sắc nhất trong tôn giáo này là sự sùng kính sâu xa vào quyền năng tuyệt đối của Thượng đế. Giáo lý và các nghĩa vụ thì rõ ràng và giản dị. Quan hệ giữa Hồi giáo và Kitô giáo còn hiểm hoi. Sẽ nói nhiều hơn về Hồi giáo trong chương nói về sự cứu độ.

450-451

477-479

## CHỦ NGHĨA NHÂN BẢN VÀ CHỦ NGHĨA MÁC

Còn có hai luồng tư tưởng lớn lưu hành trong nhân loại thời nay là chủ nghĩa Nhân bản và chủ nghĩa Mác đang kêu gọi lòng trung thành của một số đồng bào, người bên cạnh và bạn hữu của chúng ta. Cả hai đều không là tôn giáo và đều có quan điểm đối với Đấng Tuyệt đối. Khởi điểm của chủ nghĩa nhân bản là không

441-451

471-472

có Đấng Tuyệt đối hoặc nếu có thì đấng đó không tự làm cho ngài được biết đến cách rõ ràng để chúng ta đặt căn bản cuộc đời mình lên đó. Người theo chủ nghĩa Nhân bản nghĩ rằng con người tự nó đủ lí trí để sống đời ngay lành. Các Hiệp hội Nhân bản thành lập để chứng minh giá trị của quan điểm này. Trong luân lí và cách tiếp cận cuộc sống của người theo chủ nghĩa Nhân bản có tiềm ẩn nhiều thành tố Kitô giáo.

Cho đến nay, tại bất cứ trình độ nào, chủ nghĩa Mác cũng khẳng định rõ rệt trong các tín điều của mình là không có Thượng đế. Việc tin vào Thượng đế bị đánh giá là tác hại cho con người. Niềm tin vào đấng Tuyệt đối là một “phóng chiếu” qua đó con người đặt các phần của chính nó ra ở bên ngoài bản thân nó, và như thế, đánh mất phần thật sự của chính nó (“tha hóa”)... “Tôn giáo là tiếng thở dài của tạo vật trong thống khổ, linh hồn của thế giới nhẩn tâm, cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Nó là thuốc phiện của nhân dân”. (Marx)

Học thuyết này hình thành vào lúc trên thực tế đức tin chưa được nắm bắt trọn vẹn, nên ngăn cản con người xúc tiến công bình hơn việc phân phối lương thực, quần áo và nơi cư ngụ. Nó là một nhắc nhở thường trực rằng người Kitô hữu phải tự vấn lương tâm về cách hành đạo của mình. Có nguồn gốc từ thế giới Kitô - Do Thái giáo, chủ nghĩa Mác thừa hưởng từ đó nhiều yếu tố rõ rệt dù nó tuyệt đối bác bỏ thế giới đó. Một thí dụ là sự kì vọng vào một tương lai sáng láng và vào “con người nhỏ bé” như là kẻ mang lại sự cứu rỗi. Với nhiều người, những thành tố như thế trong chủ nghĩa Mác có thể chỉ đường



cho một Kitô giáo canh tân. Trong ý nghĩa này, chủ nghĩa Mác có thể được cân nhắc, không hoàn toàn như một khai triển hậu-Kitô, nhưng là một loại tiền-Kitô.

Đức tin tạo hứng khởi cho cuốn sách này nói cho chúng ta biết rằng Đức Kitô luôn luôn là sự hoàn thành kế hoạch của Thiên Chúa vì nhân loại. Do đó chúng ta có thể nhìn vào các tôn giáo và các ý thức hệ hậu-Kitô như Hồi giáo, chủ nghĩa Nhân bản và chủ nghĩa Mác như là khát vọng vô thức và sự tìm kiếm lòng vòng hình ảnh đích thực của đức Kitô mà người Kitô hữu chúng ta thường làm che khuất đi.

## THÁNH LINH THIÊN CHÚA TRONG TOÀN THỂ THẾ GIỚI

**K**hông phải chúng ta đưa ra những xét đoán chính xác về các thành tố tội lỗi hoặc các sự dữ có tính cách Satan có thể tìm thấy trong các hình thức tư tưởng này. Ấn Độ giáo và Phật giáo đặt tâm trí con người vào Niết Bàn. Hồi giáo giới hạn con người trong một học thuyết không gọi Thượng đế là cha. Chủ nghĩa Nhân bản dạy trẻ con đừng quay về với Thiên Chúa. Chủ nghĩa Mác đưa ra một tương lai xa vời tại trần thế. Có điều bất ổn và <sup>172</sup> sự chưa tinh ròng trong tất cả các học thuyết đó. Nhưng chúng ta phải tin vào Thánh Linh Thiên Chúa là đáng không để loài người bị suy xuyển, và tập trung vào chân lý và sự thiện mà các học thuyết đó cố gắng hiến cho loài người. Và lúc ấy, các học thuyết này có thể hữu ích cho chúng ta. Ánh le lói của chân lý trong các lối đi khác của cuộc sống có thể giúp cho Kitô hữu đạt được sự xác tín

sâu xa và sống động hơn vào chân lí của Đức Giêsu. Như Thánh Tôma Aquinô đã nói vào thế kỷ mười ba, lặp lại lời Thánh Ambrôsiô thế kỷ thứ tư, “Mọi chân lí, dù được thốt ra từ ai đi nữa, đều phát xuất từ Chúa Thánh Thần”. Cuộc tìm kiếm mờ mẫm của nhân loại về Thiên Chúa được soi nổi bởi cuộc Thiên Chúa tìm kiếm con người.

Tại Israel và nhân danh toàn thể nhân loại, đáng tạo hóa đã liên kết chính ngài với thân phận loài người chúng ta để chuẩn bị con đường cho vinh quang vĩ đại nhất. đó là: “Thiên Chúa yêu thương thế gian này tới độ ngài ban cho thế gian Con Một của mình.” Tiến trình này là một công cuộc rất tiệm tiến và tiến hành ăn khớp với sự hỗ trợ nhịp nhàng theo mức độ phát triển và các hoàn cảnh của nhân loại. Mặt khác, dân tộc được ngài tỏ mình ra đều đã chia sẻ những thăng trầm và trạng thái tâm lý với các dân tộc khác thời xa xưa tại phương Đông. Nhưng, cách chính xác, điều lạ lùng và độc đáo nổi bật lên ở đây, với người chưa có đức tin chứ không phải với các tín hữu, là một dấu chỉ rằng trong dân tộc này đáng tạo hóa đã tìm kiếm con người bằng một phương cách độc đáo: “Gắn chặt bản thân ngài cách tự do và gần như rất tinh tế vào nhân loại trong cuộc tìm về quê hương của nó, người bạn đồng hành thiêng liêng này nhập cuộc đàm thoại ngay hễ khi nào ngài nhận thấy có cơ hội. Ngài can thiệp vào cho nó một định hướng mới. Lúc đó có sự bắt đầu mới, hậu quả tăng dần mà cảm thấy không cản lại được” (Recken).

## B. ĐƯỜNG CỦA ISRAEL

**Đ**âu đó giữa sông Nile và Euphrates từng sinh sống một nhóm các bộ lạc du cư chạy trốn khỏi xứ sở Ai Cập văn hóa, vùng đất mà họ không thể sống quây quần thành một nhóm và hành đạo của mình. Sau chuyến vượt thoát đầy gay cấn, họ tới xứ Khorép giữa sa mạc. Tên vị Thiên Chúa của họ là Giavê. Bị sa sút tới mức xơ xác trắng tay, trong sự trống rỗng giữa hai thế giới, họ là vùng đất tâm linh chưa khai phá. Trong lúc họ dằng co giữa sự thúc bách tiếp tục lên đường và cơn cám dỗ quay trở lại chốn “ăn chơi sang trọng” Ai Cập thì Thiên Chúa đến tìm họ, biến họ thành “sở hữu của Ngài giữa các dân hết thảy” (Xh. 19:5). Câu chuyện về sự mạc khải này được đọc thấy trong những tập sách làm thành bộ Cựu Ước.

Các trang sau đây trình bày một số chỉ dẫn tổng quát nhằm giúp đọc thẳng Cựu Ước. Theo tuần tự: (1) mạc khải của Thiên Chúa đến với Israel qua những sự kiện; (2) qua các lời về những biến cố ấy; và qua sự kiện những lời ấy được viết ra.

### NHỮNG CÔNG TRÌNH KỲ DIỆU CỦA THIÊN CHÚA

*Thời kì một: Những mục tử Do Thái,  
khoảng 1800 - 1200 trước C.N.*

**N**hững biến cố ấy tự chúng là sự mạc khải thầm lặng của Thiên Chúa. Các mục tử Do Thái chạy trốn khỏi

Ai Cập. Đấng Thượng đế chân chính hiển lộ ngài trong cảnh sống bình thường của con người đấu tranh cho sự sống, lương thực, quần áo và nơi trú ẩn; trong các hình thức có sẵn trong từng phần của cuộc sinh tồn; và có thể với ngay cả một cái tên thiêng liêng đã biết sẵn. Môsê, một khuôn mặt uy tín, đóng vai trò đặc biệt trong các biến cố này. Chúng ta không biết gì về bốn trăm năm trước đó trừ việc dân Do Thái bị giữ ở Ai Cập. Nhưng trước năm 1700 trước C.N., có một dân tộc cùng một gốc gác như thế ở Canaan, vùng đất giữa Gioócđan và Lưỡng hà địa, mà dân Do Thái nhận là tổ tiên của mình. Trong số họ có các “tổ phụ” Abraham, Isaac và Giacóp, người sau cùng cũng được gọi là Israel. Qua những người này Thiên Chúa lần đầu tiên đi vào lịch sử của chúng ta. Dù lúc này chúng ta chỉ có thể nói rất ít về điều gì chính xác xảy ra vào thời ấy, nhưng người ta chú ý tới các phong tục và tên người xuất hiện trong các trình thuật về tổ phụ rất gần gũi và phù hợp với những nghiên cứu thời hiện đại mà đã giải đoán được các bản văn viết bằng loại chữ có hình con nôm của thời đó.

*Thời kì hai: Định cư, năm 1200 - 1000 trước C.N.*

Sau thời Môsê, các bộ lạc du cư ấy vào đến đất Canaan màu mỡ hơn. Tiếp đó chiến tranh giữa kẻ xâm chiếm và thị dân địa phương. Số người bị giết được coi là ít hơn con số chúng ta đọc thấy trong Kinh Thánh. Sau cùng, Canaan bị chiếm. Vài tên người được lưu lại từ các thế kỷ này: Giosuê, rồi đến các Thủ lĩnh (“Thẩm phán”) như Samson, Ghêđêôn và Giép-tê. Đây là một thời kì man

57 58 rợ, như Kinh Thánh diễn tả đầy đủ và rõ ràng. Các bộ lạc  
dàn ra khắp vùng đất ấy. Giuđa lên phía nam của  
Giêrusalem, cũng như bộ lạc Simon đã biến mất trong  
thời gian đó, các bộ lạc khác lên phía bắc. Giêrusalem  
chưa bị chinh phục, làm thành một nút chặn giữa hai nhóm.  
Ràng buộc độc nhất giữa các bộ lạc này là sự cùng thờ  
phượng Đức Giêvê.

Có điều đáng chú ý xảy ra khi các bộ lạc ấy vào đến  
xứ sở này. Khoa tôn giáo đối chiếu cho chúng ta thấy  
rằng khi một dân du mục định cư để canh tác và chăn  
nuôi, như Israel, thì có đánh dấu sự thay đổi trong tôn  
giáo của họ. Vị thần duy nhất của bộ lạc sau cùng bị gộp  
vào các vị thần thiên nhiên bản địa và các thần phù hộ  
cho sự phì nhiêu. Nhưng trong trường hợp Israel, điều ấy  
không xảy ra. Rõ ràng có sự cấm dõ để chấp thuận việc  
cúng bái cầu cho sự phì nhiêu của địa phương vào Baan và  
Áctatét là những vị thần của các cánh đồng trong các  
vùng đất mới. Dù nay canh tác đất đai màu mỡ, họ vẫn  
giữ lòng trung thành với mạc khải trong sa mạc. Và điều  
mà họ biết về Đức Giêvê đã tạo lợi ích cho họ. Ngài đem  
đến cho họ sức mạnh, hiệp nhất và bình an.

*Thời kỳ ba: Vương quốc phương Đông thời cổ,  
khoảng năm 1000-587 trước C.N.*

Trong thời kỳ phát triển sắp tới, có thể xét thấy cùng  
một hiện tượng như thế. Khoảng năm 1000 trước C.N., sự  
hiện hữu của Israel như một dân tộc định cư đạt tới đỉnh  
cao khi trở thành một vương quốc. Vua Đavít chinh phục  
Giêrusalem. Vua Salomon xây đền thờ ở đó. Theo qui

luật thông thường của tôn giáo đối chiếu. một tôn giáo Nhà Nước được triển khai thì đáng chú ý của tôn giáo ấy là một sự nhân cách hóa quyền lực của Nhà Nước. Vị thần ấy là một loại phản ánh thượng giới ("phóng chiếu") của Nhà Nước, làm và nói điều của Nhà Nước muốn như Môrôđac (Mácđac), thần của Babylon, là phản ánh thượng giới những tham vọng của Babylon. Nhưng khi Israel trở thành một quốc gia vương quyền thì Đức Giavê trở thành Thiên Chúa của vua và của quốc gia. Đời sống và tôn giáo là một. Đây là sự im lặng, yên tĩnh ban trưa của đạo Giavê, không có xung đột giữa xã hội và nhà nước, giữa phần vinh và thờ phượng. Được thế không phải vì Nhà Nước điều chỉnh hình ảnh của Giavê. Ngược lại với điều xảy ra giữa các dân tộc láng giềng, tại Israel Nhà Nước được thành lập bởi Đức Giavê. Rõ ràng có sự cám dỗ để biến ngài thành kẻ nô lệ của Nhà Nước. Nhưng ngài là Thiên Chúa hằng sống. Qua các tiên tri xuất hiện suốt thời kỳ vương quyền, ngài làm cho mặt khải của ngài càng lúc càng rõ ràng hơn.

Sau thời Salomon, vương quyền ngày càng tàn tạ, trở thành một loại chuyên chế như các nước láng giềng thì công việc của các tiên tri càng dứt khoát rõ rệt. Họ bảo đảm rằng một thành phần cốt lõi gồm những người thờ kính trung thành với Đức Giavê, một phần "sót lại", sẽ được giữ lại. Như một hậu quả của việc Nhà Nước và tôn giáo không còn đồng nhất.

80-81

*Cuộc lưu đày, năm 587-539 trước C.N.*

Cuộc lưu đày là sự bảo vệ thông điệp của Israel. Vì Nhà Nước bị biến mất như lời các tiên tri đã báo trước.

Nứt thành hai sau thời Salômon, vương quốc là một nước đệm nhỏ bị chèn ép giữa hai quyền lực lớn của Lưỡng hà địa và Ai Cập. Vào năm 721 trước C.N., vương quốc phía Bắc (“Israel” với kinh đô Samaria) đi vào cuộc lưu đầy ở Átxiria, và năm 587, dân chúng của vương quốc phía Nam (“Giuda”, với kinh đô Giêrusalem) bị đưa tới Babylon.

Thêm lần nữa, tại điểm này, nếu lịch sử tôn giáo đi theo diễn biến thông thường của nó thì sự trung thành với Đức Giavê bị đình trệ theo với sự sụp đổ của Nhà Nước. Nhưng trong “sa mạc” mới của cuộc lưu đầy này, dân tộc của Đức Giavê thêm lần nữa nếm mùi vị ngài. Ở chốn lưu đầy, giữa những người nước ngoài, dân Do Thái thấy rõ hơn rằng ngài là đấng tạo dựng trời đất. Qua những lời của các tiên tri, ngài dẫn dắt dân “sót lại” về cố hương khi Babylon rơi vào tay người Ba tư năm 539 trước C.N.

*Thời Giuda, từ khoảng năm 500 trước C.N. trở đi*

Đa số người hồi hương là dân nguyên quán ở Giuda. Đó là lí do năm thế kỉ kế tiếp được gọi là thời kì Giuda (Yudaism). Giêrusalem được xây lại nhưng chỉ đạt được một ít thế lực chính trị. Vào thế kỷ thứ hai trước C.N., Israel nổi loạn dưới sự lãnh đạo của anh em Macabê chống các chúa tể Hi Lạp là những kẻ thừa kế người Ba tư năm 332 trước C.N. Sau cùng, đến năm 63 trước C.N., họ bị người La Mã chiếm đóng. Nhưng sức mạnh của dân tộc này không nằm ở sự độc lập chính trị. Giêrusalem trở thành trung tâm của một dân tộc phân tán khắp thế giới thời cổ nhưng không đánh mất tính đồng nhất của mình. Các cộng đồng Israel sống ngoài Palestin bị gọi là phiêu linh (“phân tán”). Trong các thế kỉ này giữa Israel có

nhiều người có đức tin sâu xa và mộc mạc, nhận ra khiếm khuyết của chính mình và đặt hết niềm hy vọng vào ngày Thiên Chúa đến. Tình trạng này được gọi là “sự nghèo đói Đức Giavê”. Đức Giêsu, niềm hy vọng của toàn thể nhân loại, đã ra đời từ một nhóm của những người như thế sống gần Giêrusalem. 156-157-160-163 681-682

Trên đây là đại cương các trình thuật Cựu Ước, câu chuyện của một dân tộc của giao ước thời xa xưa. Họ tiến từ lối sống du mục tới lối sống định cư nông nghiệp, tự lập nên một quốc gia và sau cùng trở thành một cộng đồng tinh thần sống rải rác. Bất cứ quốc gia nào mới phát sinh cũng có thể trải qua các quá trình như thế. Nhưng qua lịch sử của dân tộc Do Thái mà Thiên Chúa chọn để biểu lộ chính ngài và lòng chung thủy của ngài. (Xem chương Giáo Hội thời sơ khai về lòng chung thủy của Thiên Chúa đối với Israel sau khi Đức Giêsu Nariarét ra đời). 343-345

## LỜI THIÊN CHÚA

### *Lời của mạc khải*

**Đ**ến đây chúng ta đã hạn chế mình tới mức có thể được đối với các biến cố lịch sử của Israel. Nay chúng ta xem đến *lời* đã tác động tại Israel từ khởi thủy. Các lễ hội gồm âm nhạc, nhảy múa và chuyện kể, với các bài ca, lời cầu nguyện và trên hết là mọi trình thuật. Ý nghĩa của các biến cố bắt đầu được biểu thị ở đó. Chỉ qua những lời đó mà thực tại mới có thể thành một thực tế chân chính. Công trình của Đức Giavê chỉ được nhận



thấy khi con người có đức tin mạnh mẽ vạch nó ra từ trong các biến cố ấy.

Hình thức thật sự của lời được nói ra này hình như đã biến mất giữa lưng chừng quá khứ. Nhưng có một thời kỳ rõ nét hơn rọi sáng vào tác động của lời trọn lịch sử Israel. Đó là giai đoạn của các tiên tri. Nhân danh Đức Giavê, họ nói với dân tộc. Giác ngộ bởi đức tin, họ hiến mình cho chương trình của Thiên Chúa. Nhưng Israel không chấp nhận thiếu phê phán những ai tự tuyên xưng mình phát hiệu nhân danh Đức Giavê. Cũng có các tiên tri giả. Nhưng tiên tri thật xác minh việc ủy nhiệm mình bằng chính sử điệp mà họ đưa ra. Sử điệp đó làm một với đức tin thuần khiết vào Đức Giavê, với kinh nghiệm giải thoát của bản tính chân chính của Thiên Chúa. Sử điệp đó được phát biểu có hệ thống bằng các lối nói tâm linh càng lúc càng gia tăng khi thế hệ này kế tục thế hệ khác. Nó từ khước thích ứng mình thành một tôn giáo không thao thức không sốt sắng hoặc thành những mơ ước nghĩ tưởng của vua và của dân chúng. Nó thường mang hình thức những lời lẽ cứng rắn đòi buộc con người phải chọn lập trường. Tâm hồn thanh thoát tìm thấy nỗi hân hoan mới khi nhận ra lời kêu gọi xác thực đến với một Israel chân chính.

### *Giao ước*

Có thể tóm tắt trong một từ ngữ sự mạc khải đã ban cho Israel không? Có thể từ ngữ “giao ước” thể hiện được. Giao ước bao hàm sự hiệp thông và tình thân hữu. Nhưng giữa ai với ai? Đây có nghĩa giữa các thành phần dân tộc với nhau, cũng như giữa dân tộc với Thiên Chúa. Cả hai

không thể bị tách rời. Dân tộc hiệp nhất bền vững với 471  
 nhau qua hiệp nhất với Đức Giavê. Bằng duy trì sự hiệp 617-626  
 nhất giữa nhau họ giữ được sự hiệp nhất với Đức Giavê.  
 Lời của mạc khải luôn luôn liên quan tới giao ước này.  
 Đó là sự mạc khải rằng thực tế sâu xa nhất của lịch sử và  
 của mỗi cuộc đời cá nhân là tặng phẩm của tình bằng  
 hữu và lòng chung thủy của Thiên Chúa, tình bằng hữu 772  
 và sự trung thành đối với nhau.

Điều này lập tức mang theo với nó mạc khải về một 462  
 thực tại khác, mạc khải dành cho Israel và Kitô giáo, mạc 738-761  
 khải về tội lỗi. Điều này có ý nghĩa rằng lỗi lầm hoàn  
 toàn không phải là một sự bất toàn không tránh được hoặc  
 là sự thống trị của sự dữ — một quyền lực bên ngoài ta  
 — nhưng đó là một sự bất trung có tính cách cá nhân đối  
 với một tình bằng hữu có tính cách cá nhân. Sự dữ luôn  
 luôn là một điều cá nhân. Lịch sử nhân loại được biểu lộ  
 cho Israel là một lịch sử của tình yêu, và do đó, nó là một  
 điều cần được nắm giữ trong tay.

### *Lời trong lịch sử Israel*

93-97

Thật khó biết chính xác lời mạc khải được nói với 75-77  
 các tổ phụ theo hình thức nào. Chúng ta có thể đoán có  
 một cái gì đó từ các tên gọi thời xa xưa về Thiên Chúa  
 như “Đấng mạnh của Giacóp” (St. 29:24). Tên ấy cho thấy  
 mối ràng buộc giữa Thiên Chúa và Giacóp. Giao ước này  
 bắt đầu cùng một cách thức với Abraham, Isaac và Giacóp.  
 Dù được kết hợp tới một chừng mực nào đó vào hình ảnh  
 nguyên thủy của Thiên Chúa với thế gian, nó vẫn là một  
 điều độc nhất đến với thế gian một lần cho mãi mãi. Rõ

ràng là thái độ sống và ý nghĩ của Abraham rất khác với chúng ta. Nhưng ông đã trải qua cái mà chúng ta đang trải qua với Thiên Chúa, là tình thân hữu với cũng một Thiên Chúa. Do đó người du mục bán khai ấy được gọi cách hữu lý là cha của đức tin chúng ta (xem Rm. 4:11).

75-77

Từ thời xuất hành khỏi Ai Cập, khi bắt đầu nổi bật rõ ràng giao ước bộ lạc, ta có những lời xa xưa như “mười giới răn”. Ba giới đầu nói về mối ràng buộc với Đức Giavê, bảy giới sau về mối ràng buộc giữa loài người với nhau. Đây thêm lần nữa chúng ta thấy tình đồng đội giữa loài người với nhau và tình đồng đội với Đức Giavê liên hệ mật thiết biết bao.

Trong thời các Thẩm phán, các bài ca, chuyện kể và các hiệp ước xào đi nấu lại giao ước mà vẫn trong dạng nguyên thủy.

Dưới triều đại Đavít, khi giao ước được tôn làm di sản tự nhiên của Israel, lời cũng mang dạng những bài ca tế lễ, thánh vịnh. Nhưng những cảnh cáo của các tiên tri cũng đã bắt đầu, làm người ta lắng nghe họ, tăng thêm thức bách trong giai đoạn tiếp diễn vương quyền, như ta đã thấy. Họ vạch ra một phó bản quyết liệt đối với giao ước, là sự bất trung với Đức Giavê và sự khắc nghiệt đối với các nước láng giềng. Khi các tiên tri nói đến tình yêu và cơn thịnh nộ của Đức Giavê và quyết định của ngài không bao giờ bỏ rơi giao ước ngài đã đề ra cho dân tộc ngài, họ dùng hình ảnh một người vợ được yêu dấu lại phụ bạc người chồng là kẻ không bao giờ quên được nàng.

Suốt những khốn khó của thời lưu đày, lòng chung thủy vô biên của Thiên Chúa nổi bật rất mạnh mẽ với

những sử điệp về lòng can đảm và sự ủi an. Khái niệm rất cao khiết của giao ước được đạt đến vào lúc này, khi Israel, bị cướp đất đai và đền thờ, phải giữ gìn mối liên hệ của mình với Thiên Chúa bất chấp các tôn giáo đầy quyến rũ đầy gợi cảm mà họ chạm trán ở Babylon.

Thái độ này được duy trì suốt thời khôi phục và thời 77-78  
phân tán sau cuộc lưu đầy. Sống trung thành với Đức Giavê là để làm lịch sử và để dần dần vươn lên, hướng tới một tương lai vĩ đại hơn. Đức tin này được biểu lộ bằng nhiều hình thức.

### *Câu chuyện những người đầu tiên*

105

Vào những năm trước và sau cuộc lưu đầy, các lời 426 437  
được thốt lên đã chiếu ánh sáng thiêng liêng không chỉ 701  
hoàn toàn vào ý nghĩa của lịch sử Israel mà còn vào ý nghĩa lịch sử của toàn thể nhân loại. Những mẫu chuyện về nguồn gốc chúng ta mà nay ta bắt gặp ở phần mở đầu của Kinh Thánh (Sáng Thế 1-11, về Adam và Eva, Cain, Noe, tháp Babel), đã được hình thành vào thời đó. Chúng tôi sẽ giải thích tại một phần khác của sách này làm thế nào mà các chương Kinh Thánh ấy, cách căn bản, không có ý định tường thuật liên quan đến các sự kiện có thật. Chúng diễn tả bằng cách thức riêng của chúng về sự xác tín điều đã diễn ra giữa Thiên Chúa và Israel thì cũng diễn ra giữa Thiên Chúa và nhân loại: giao ước được thiết lập bởi Thiên Chúa, nhưng bị ngăn trở bởi tội lỗi của chúng ta. Đó là thông điệp sâu thẳm của các trình thuật bất hủ này. Chúng liên quan đến tất cả chúng ta.

### *Các hiện tượng độc nhất tại Israel*

#### Chủ nghĩa cứu thế

Mạc khải về lòng chung thủy của Thiên Chúa đã đưa Israel đến một hiện tượng độc nhất trên thế giới: con người trông đợi một điều từ Thiên Chúa. Dĩ nhiên tất cả loài người đều mong được cứu độ và mọi tôn giáo đều là tôn giáo của cứu độ. Nhưng tại Israel mới có xác tín rằng cuộc cứu độ này là giải thoát khỏi sự bất trung của con người chúng ta, và do đó, khỏi tội lỗi.

Israel cũng đơn độc trong niềm xác tín rằng cuộc cứu độ ấy được hoàn tất trong lịch sử. Thế gian đã có một số phận. Từ thời Đavít trở đi, số phận này mang một hình thức rất minh bạch. Căn cứ vào lời tuyên bố của các tiên tri, Thiên Chúa giữ trung thành với nhà Đavít. Tương lai đó đã chứa một khuôn mặt tiền định của người phát sinh từ dòng dõi Đavít và mang lại sự giải thoát nhân danh Đức Giavê: Israel đã chờ một người đến từ Đức Giavê: Đấng Cứu thế.

151

#### Cảm quan lịch sử

98  
357-359

Hiếu biết Thiên Chúa sống động cũng cho Israel một cảm xúc về lịch sử. Ở đây, Israel cũng đơn độc trong phương Đông thời xa xưa. Dân tộc bé tí này với một trình độ văn hóa thấp hơn so với văn hóa các nước láng giềng hùng mạnh đã sản sinh ra một văn bản lịch sử độc nhất cách đầy đủ. Rõ ràng các dân tộc khác cũng có các trình thuật và những sử kí biên niên của mình. Nhưng chỉ một mình Israel có cảm quan về nền tảng sâu xa hơn của các

sự kiện và những tương quan liên kết chúng. Mỗi quan tâm của Israel phát xuất từ niềm xác tín rằng Thiên Chúa sống động đã tác động trong lịch sử.

### Độc thần giáo

Niềm hy vọng vào các lời hứa và cảm quan lịch sử được liên kết với một đặc điểm tôn giáo của Israel: sự tôn thờ Thiên Chúa độc nhất và duy nhất.

Rõ ràng có nhiều hình thức độc thần giáo ở các nơi khác, như việc thờ thần mặt trời của Pharaon Ecnaton, và trong các tôn giáo có một vị thần là đáng tối cao. Nhưng các hình thức ấy không bao giờ biểu lộ tính chất kiên định, sự tập trung và sức mạnh vào một mạc khải như có ở Israel về Thiên Chúa chân chính. Trên hết, độc thần giáo tại Israel không là vấn đề số lượng. Nó là một điều toàn diện và sống động hơn: chân lý về Thiên Chúa là độc nhất, tích cực khôn sánh trong công trình cứu độ. Trong các tôn giáo tồn tại vào thời đó không có gì may mắn giống với điều này.

450-471

### *Kinh nghiệm về sự mật thiết của Thiên Chúa*

#### Thiên Chúa có mặt trong lời của ngài

Lời là phương tiện qua đó công trình của Thiên Chúa trở thành dễ hiểu cho Israel. Nhưng như thế thì tự lời đã là cái hơn lời nói. Tự chính nó là một biểu lộ của Đức Giavê, một công việc tự ngài thực hiện. Qua đó, đáng tạo dựng vũ trụ xuất hiện cho con người hèn mọn.

“Hẳn thế dân là cỏ rả...

Còn lời Thiên Chúa ta thờ bao giờ cũng nghiệm”(Is. 40:7-8).

Đó là lời của “Isaia-Thứ” vào cuối cuộc lưu đầy. Và chúng ta đọc nữa:

“Vì cũng như mưa với tuyết từ trời sa xuống  
tất không lùi lại về trời, nếu đã không thấm nhuận  
đất đai,  
nếu không làm cho đất sinh sản, nảy chồi  
và cho người gieo có giống cùng bánh cho người  
ta ăn;  
cũng vậy lời của Ta một khi đã xuất tự miệng Ta  
sẽ không về lại với Ta, hư luống,  
nếu không thực hiện điều Ta đã muốn,  
nếu không đạt được sự Ta sai làm” (Is. 55: 10-11)

### Lề luật

613-617

Thiên Chúa ở gần bằng lời của ngài và cũng qua một hình thức nhất định của lời ngài là lề luật, lương tâm minh bạch của dân tộc. “Các người sẽ giữ lấy và làm theo, vì đó là đức khôn ngoan và minh mẫn của các người trước các dân. Khi chúng nghe nói đến các luật điều này, chúng sẽ phải nói: ‘Chỉ có thể là một dân khôn ngoan minh mẫn thôi, cái dân lớn lao ấy’. Vì có dân nào lớn lao đến nỗi có thần ở gần mình như Giavê Thiên Chúa của chúng ta, mỗi khi chúng ta kêu lên với Người. Và có dân nào lớn

lao đến nỗi có những luật điều, phán quyết công minh như toàn thể những luật này ta đặt trước các người hôm nay” (Đnl. 4:6-8).

Các mệnh lệnh của lề luật này là: “nó không ở mãi trên trời để phải nói, ‘Ai sẽ thay ta lên trời lấy xuống cho ta...?’ Vì lời ở rất gần người, nơi miệng người, nơi lòng người” (Đnl. 30:12-4).

### Khôn ngoan

Đây là cách nói thứ ba, cũng để diễn tả Thiên Chúa mật thiết biết bao với Israel: “Khôn ngoan”. Lời xuất hiện chính trong các tập sách phần sau của Cựu Ước, khi sự có mặt của Thiên Chúa được chiêm ngắm.

“Khôn ngoan nhất đều do tự Chúa  
và từ đời đời hằng ở với Người  
Cát biển, giọt mưa, ngày đời đời, ai nào đếm được?  
Trời cao, đất rộng, vực thẳm ai nào dò ra?  
Trước mọi sự, Khôn ngoan đã được dựng nên  
Và tự đời đời sự thông hiểu mình mãi  
Nguồn mạch khôn ngoan chính là lời Thiên Chúa  
trên cao,  
và đường lối (của khôn ngoan) là lệnh truyền hằng có” (Hc. 1:1-5).

Có một ít điểm mà chúng ta có thể suy gẫm về chúng cách hữu ích ở đây. Khởi điểm suy gẫm của chúng ta là thế giới hiện tại.



Ta có thể tràn ngập sự thán phục sâu xa khi ngẫm nghĩ về những phát minh do con người làm ra và cách thức con người hệ thống hóa để đưa vào phục vụ. Ta cũng sốt ruột biết bao về khả năng nhận thức của trí óc loài người.

Tài năng của con người quả thật đáng kinh ngạc, nhưng thật ra các nhà khoa học chỉ quan sát các kiểu mẫu và các đặc tính đã hiện hữu sẵn. Chúng làm thành cái phần thiên nhiên của vạn vật như được biểu lộ cách căn bản bởi một khôn ngoan tiền-hiện-hữu.

Những điều ngỡ ngàng về sự thiên di của chim chóc đang được đưa ra ánh sáng. Thế thì chúng ta nghĩ là vĩ đại biết bao sự khôn ngoan này của đấng tạo hóa, đấng đã làm ra tất cả những bản năng tinh tế phát triển trong các loài chim thiên di đó.

Chúng ta đều biết có người lúc mới gặp đã gây được cảm tình ấm áp. Họ biết cách làm chúng ta thoải mái. Họ không bao giờ để lỡ một lời nói đầm ấm hoặc cổ vũ. Nhưng, có cái khôn ngoan nào tưởng tượng ra được một tấm lòng như thế và ra những tấm lòng khác sẵn sàng phơi mở ra với nó như thế? Có trước mọi sự hiện hữu là một khôn ngoan tinh tế, sắc bén và bao quát đưa đến các cấu trúc, đời sống, sự sâu sắc và sự khôn ngoan trên thế gian. Khôn ngoan này là của Thiên Chúa. Israel nhiều lần nói về điều ấy như một thực tại được tạo dựng, và ở các lần khác như một khía cạnh của chính Thiên Chúa. Khôn ngoan có Thiên Chúa ở trong tới độ như thể ngài đang trở lại thế gian và sống lẫn lộn với loài người chúng ta. Đôi khi, thái độ và lòng ngưỡng mộ đi xa tới mức nói về khôn ngoan như nhắc đến một nhân vật. Điều đó không có nghĩa người ta hình dung về khôn ngoan như về một

con người. Đó là hình ảnh nên thơ, như chúng ta thấy trong những dòng sau đây, khôn ngoan được nói thành:

“Khi các hỗn mang chưa có, ta đã được sinh ra  
Khi Người thiết lập trời, ta có đó...  
Khi người vạch ranh giới của đất,  
ta đã ở bên Người như người thợ cả...  
chơi giỡn trên mặt đất...” (Cn. 8:24-31)

Và chúng ta đọc trong sách Khôn Ngoan:

“Quả thế có trong Khôn Ngoan  
thần khí, thông minh, thánh thiện,  
đơn độc, đa phức, tinh tế,  
linh động, tinh ròng, vô từ tích,  
trong suốt, bất khả xâm phạm, yêu mến sự lành,  
sắc bén, bất khuất, phúc hậu, ái nhân,  
vững chãi, vô tư lự, toàn năng, quán xuyên,  
thấu suốt mọi thần khí,  
thông minh, trong sạch và tinh tế nhất...”

Vì khôn ngoan là khí thiêng xuất tự quyền phép  
Thiên Chúa, hào quang tinh ròng tự vinh quang  
Đấng Toàn năng phát hiện, vì thế không có gì  
uế nhơ lọt được vào trong.

Quả thế khôn ngoan là sự phản ảnh của sự sáng  
hằng có là gương không từ ố rọi lại các hoạt  
động của Thiên Chúa, là hình ảnh Thiên Chúa  
toàn thiện” (Kn. 7:22, 25-26).

Một nhà khoa học hiện đại có lần nhận xét rằng, trong sự thay đổi không ngừng và thay đổi liên tục của vật chất thì các qui luật của thiên nhiên dường như là nhân tố độc nhất, thường trực và bất di dịch. Chúng ta có thể dùng sự kiện đó để minh họa cách mà khôn ngoan của Thiên Chúa được phô bày và mạc khải cho Israel. Sách Khôn Ngoan tiếp tục nói “Tuy chỉ một mình, khôn ngoan thật là vạn năng, bất di bất dịch trong mình, khôn ngoan lại đổi mới mọi sự” (7:27).

Biểu lộ tối cao của khôn ngoan này là ở trong con người. Nó không chỉ xuất hiện nơi trí thông minh. Nó ở trong toàn bộ cuộc sống của con người, trong sự thiện và sự lành thánh của con người. Lời sách ấy tiếp tục:

“Và qua các thế hệ  
khôn ngoan chuyển đến các linh hồn lành thánh  
biến họ thành bạn của Thiên Chúa và thành tiên tri” (Kn. 7:27).

Không có gì ở trần gian lớn lao hơn nó:

“Khôn ngoan, tôi đã yêu dấu;  
từ hồi còn trẻ, tôi đã mãi tìm  
tôi đã kiếm cách đón về làm hôn thê” (8:2).

“Lời”, “Lề luật”, “Khôn ngoan” — đó là tất cả phương cách phát biểu mà Thiên Chúa gắn bó ngài mật thiết với Israel và với thế gian. Chúng ta đã suy gẫm tiếng “khôn ngoan” theo một chiều rộng nào đó. Ấy bởi vì lời thuyết giảng thông thường chỉ nói lên được một phần nhỏ

của khôn ngoan. Ngoài ra cũng vì Khôn ngoan và Lời được biểu lộ trong Cựu Ước như một nhân vật. Và trong các thư của Thánh Phaolô, Đức Kitô được nhắc đến bằng lối nói Cựu Ước dùng để nói về “Khôn ngoan”: “Ngài phản ánh vinh quang của Thiên Chúa” (Dt. 1:3). “Mọi sự đã được tạo thành nhờ Ngài và cho Ngài! và Ngài có ưu thắng trên mọi sự, và mọi sự đều tồn tại trong Ngài” (Cl. 1:16-17). Như thế hoạt động của Thiên Chúa đã là một con người đến với chúng ta: Ngôi Lời trở thành nhục thể. Bằng lời, lề luật và khôn ngoan, tương quan đầu tiên và sâu thẳm giữa Con Thiên Chúa và nhân loại được thành lập. Chúng là chuẩn bị cho sự nhập thể của Ngôi Lời, cho sự biểu lộ nhìn thấy được của khôn ngoan. Cách tốt là thỉnh thoảng quay về với những trình thuật “lớp lang” này của Cựu Ước để chúng ta có thể tự nhắc nhở mình rằng toàn bộ thực tại được thâm nhập đầy đủ biết bao bởi công trình Đức Kitô làm vì chúng ta.

14.3-14.5

816 821

## KINH THÁNH

**P**hần lớn lời Thiên Chúa nói tại Israel không còn được tai nghe nữa. Nhưng một số các lời ấy, và thật ra phần cốt yếu, được kết tinh thành văn bản. Lời Thiên Chúa được ghi lại và chúng ta có điều lành thánh này trong bàn tay mình. Mặc khải Thiên Chúa ban nơi sa mạc nay được tìm thấy trên kệ sách. Lời Thiên Chúa được trao tận tay chúng ta.

Việc ghi lại diễn ra lúc nào? Từ khoảng thời hoạt động của Đavít (chừng năm 1000 trước C.N.) và suốt khắp

lịch sử Israel. Cựu Ước là một bộ sưu tập gồm nhiều tập sách nhỏ dần trải trong một ngàn năm. Và thông thường các cuốn sách cá nhân không là sản phẩm của một nỗ lực đơn độc. Một số chỉ được thành hình dần dần. Sách Xuất Hành là một thí dụ tiêu biểu. Nó ở rải rác trong các lề luật khác có từ sau cuộc lưu đày. Nó là một bộ luật cùng gia tăng theo với dân tộc. Một cuốn khác là sách Thánh Vịnh cần nhiều thế kỷ mới phát triển đầy đủ. Có một khoảng cách tám trăm năm giữa các thánh vịnh xưa nhất và các thánh vịnh sau cùng nhất. Cựu Ước phản ánh cuộc sinh tồn lâu dài của một dân tộc.

81-83  
107-111

### *Nguồn gốc Kinh Thánh*

Việc nghiên cứu và bút pháp giúp ta lập được ngày càng chính xác và liên tục các thời kỳ phát triển khác nhau của Kinh Thánh. Để giúp cho những độc giả có quan tâm tới những phát hiện, chúng tôi đưa ra một bản nghiên cứu ngắn gọn tiếp theo những khám phá đó; chúng tôi xin lỗi những độc giả nào thấy việc ấy làm gián đoạn thông điệp của chương này.

Thời kỳ đầu tiên là thời kỳ của các tác giả được biết như là những người Giavít và Êlôhít (tôn thờ Đức Giavê, cũng là Êlôhim). Các tác giả này đưa ra một số trình thuật lịch sử đương thời, thí dụ sách 2 Samuen 9 và sách 1 Các Vua 2, “sự nối ngôi”, một trong những đoạn văn mang tính văn học rất lớn, sớm sủa nhất và cũng là kiệt tác phẩm trong thể loại đó. Các nhóm hợp soạn cũng ghi lại theo một số truyền khẩu được hình thành từ thời xa xưa. Chúng bao gồm các đề tài rất cổ như Mười Giới Răn,

Thánh vịnh 29 và Bài Ca của Đêhôrat trong sách Thủ Lân 5. Câu chuyện Vườn Địa Đàng và Cuộc Sa Ngã, Sáng Thế 2 và 3 cũng là một thí dụ về trình thuật thời cổ được các nhóm hợp soạn Giavít và Êlôhít ghi lại. Chúng ta có thể nói tổng quát rằng các yếu tố căn bản của Ngũ Kinh (năm cuốn đầu của Cựu Ước) thành hình trong thời kỳ này.

Trong thời kỳ thứ hai là việc hình thành Kinh Thánh liên hệ tới hoạt động tiên tri và có thể xác định khoảng năm 750 đến 500 trước C.N. Hầu hết thành phần của các sách tiên tri được soạn trong thời kỳ này, cũng thế với sách Giosuê, Thủ Lân (Thẩm phán), Samuen 1 và 2, Các Vua 1 và 2. Thêm nữa, tài liệu được nhắc đến ở phần trên (Ngũ Kinh) được kết tập và làm lại từ đầu. Thí dụ tiêu biểu nhất là việc viết lại lề luật theo ngôn ngữ tiên tri, là sách Đệ Nhị Luật. Do đó, văn học thời kỳ này được gọi là trường phái Đệ Nhị Luật (hay Thứ Luật).

Sau cùng, văn học tôn giáo từ thời gian sau cuộc lưu đày. Hầu hết là sản phẩm hợp soạn của các nhóm tư tế, do đó có tên “các văn bản tư tế”. Văn bản về lịch sử của quốc gia được tiếp tục (sách Sử Biên 1 và 2, Étra và Nêkhêmia). Trường phái này còn đưa ra một số hình thức quyết định cho các sách khác đã có sẵn từ trước. (Câu chuyện sáng thế trong sách Sáng Thế 1 có từ thời kỳ này). Nhiều lề luật, thánh vịnh, châm ngôn được ghi lại trong thời kỳ này.

Khoảng năm 200 trước C.N., ấn bản Hy Lạp của Kinh Thánh được thành hình trong cộng đoàn xưng là người Do Thái có đức tin chân chính Qui điển này gọi là Bản Bảy Mươi, là bản Kinh Thánh được các Tông đồ thường dùng.

Để gọn gàng định rõ đặc điểm bút pháp thuộc những trường phái khác nhau, ta có thể nói rằng bản Giavít và Êlôhít thì tươi mới và nguyên chất, bản Đệ Nhị Luật thì đầy nhiệt tình và bản Tư tế thì rõ ràng. Như vậy, cuộc sống của trọn một dân tộc được biểu lộ trong Kinh Thánh.

117 Chúng ta chớ nên tưởng tượng là các tác giả lúc ghi lại ý thức được sự kiện là họ đang viết “Kinh Thánh”: nguồn hứng khởi thiêng liêng của các tập sách này sẽ được bàn tới sau.

355-356

Ở đây chúng ta cần đề cập đôi điều đến các thời kỳ khác nhau lúc các văn bản Kinh Thánh trở nên được công nhận là Qui điển thiêng liêng. Chúng ta biết khoảng năm 450 trước C.N., những người Samaria trốn thoát mang theo mình Ngũ Kinh (sách “Lề Luật”). Từ sự kiện ấy, ta có thể suy diễn ra rằng thời đó Ngũ Kinh được xem là Qui điển.

Gần như chắc chắn là vào khoảng năm 300 trước C.N., các sách tiên tri và sách lịch sử từ Giosuê trở xuống, bao gồm sách Các Vua cũng được công nhận là Qui điển. Người Do Thái gọi các cuốn ấy là “Sách Tiên Tri”. Về các cuốn thường được gọi là “Các Thánh Thư”, ranh giới phân biệt tính cách qui điển không rõ ràng lắm. Bản dịch Hy Lạp của Kinh Thánh gồm nhiều tập không có trong ấn bản Kinh Thánh Hipri (Do Thái). Đó là các tập sách Tobia, Giuditha, nhiều phần của Ette, Macabê 1 và 2, Khôn Ngoan, Huấn Ca, Barúc và nhiều phần của Đanien.

Cho đến khoảng năm 200 sau C.N., các tập sách ấy được Giáo Hội chấp nhận mà không đặt vấn đề. Nhưng trong các cuộc thảo luận với những người Israel dùng Qui điển “Hipri” trước năm 100 sau C.N. thì dường như không có điểm nào trong các tập sách kể trên mà không có trong

Kinh Thánh Hipri. Điều này khiến các tập sách ấy thành đề tài tranh luận. Nhưng truyền thống Công Giáo giữ các tập sách ấy làm thành phần của Kinh Thánh, trong khi Tin Lành thì Calvin loại bỏ còn Luther đặt các tập sách ấy ở phần cuối để đọc soi sáng thêm. Vấn đề này không đáng quan trọng như nó có thể xuất hiện. Sự kiện các tập sách ấy, có tính cách phụ thuộc và rất hay, thuộc thành phần của Kinh Thánh không có nghĩa các tập sách này quan trọng ngang với các tập sách kia. Và thật ra, các tập sách ấy không đưa thêm được thông điệp nào mới.

Có sự khác biệt giữa Công Giáo và Tin Lành về việc viết các tên riêng trong Kinh Thánh. Công Giáo theo Bản Bảy Mươi cho nên dùng những hình thức đưa ra theo cách phiên âm Hy Lạp khoảng năm 200 trước C.N. Người Cải Cách (Tin Lành, Thệ Phản) chọn theo cách phát âm được người Israel giữ nguyên trong thời đầu của Trung Cổ, có các ký hiệu nguyên âm được đặt thêm vào cuối mỗi bài. (Tiếng Hipri không thật sự có các ký hiệu nguyên âm). Cách viết tên mà cuốn giáo lý này dùng nhằm sao cho thích hợp cả Công Giáo lẫn Tin Lành. *(Bản dịch Việt ngữ viết tên theo phương thức của Ủy Ban Phụng Vụ Hội Đồng Giám Mục Việt Nam - ghi thêm của người dịch).*

### *Vấn thể và nghĩa đen*

251

Sau khi ghi nhận các sự kiện lịch sử — vốn không cần thiết cho việc am hiểu Kinh Thánh — nay ta có thể thảo luận cặn kẽ một điểm cực kỳ quan trọng giúp am hiểu chính xác hơn Kinh Thánh: việc có một số “thể loại văn học” khác nhau xuất hiện trong Cựu Ước. Ta hãy thử xem việc này có nghĩa gì?



Một “văn thể” là một “cách thức sử dụng ngôn ngữ”, một bút pháp. Một luật lệ hoặc một minh định được viết bằng lối sử dụng ngôn ngữ khác với thi ca. Cái đầu quan tâm tới việc diễn tả rất chính xác một điều, cái sau nhắm tới việc gợi lên một điều. Tiểu thuyết là một thể loại khác bản tường trình chính thức. Tiểu thuyết là một trình thuật cố gắng trung thực với cuộc đời, để diễn tả “con người” là gì, nhưng nó không ngụ ý rằng các biến cố trong truyện ấy thật sự xảy ra. Bản tường trình quan tâm tới việc đưa ra một tổng kết chính xác các sự kiện, không chú ý tới việc làm cho “các con người” xuất hiện trung thực với cuộc đời.

Khi viết hoặc nói, chúng ta thường dùng nhiều thể loại khác nhau mà không để ý. Nhân chứng một tai nạn có đưa bé bị giết sẽ kể câu chuyện theo cách này khi tường trình với cảnh sát, cách khác khi báo tin cho cha mẹ của em bé và cách thứ ba khác nữa khi diễn tả tai nạn cho vợ mình nghe. Ba thể loại ấy, mỗi thể loại mô tả biến cố cách khác nhau với vài yếu tố bị loại bỏ và vài yếu tố được nhấn mạnh. Các cá nhân khác nhau thường viết “những văn thể” khác nhau. Người này kể chuyện chính xác và trôi chảy như một bản báo cáo của cảnh sát, người kia cố nắm bắt sự kiện của cuộc sống thật, có thể bằng cách phóng đại một số sự kiện nào đó. Nếu chúng ta không biết những người tường thuật ấy, chúng ta có thể lầm lẫn. Ta có thể cho rằng người đầu không quan tâm tới điều anh ta nói, hoặc người thứ hai nói dối. Thật ra, mỗi người dùng một thể loại khác nhau.

Bất cứ điều gì mà ta đọc hoặc nghe cũng cần được suy xét dựa theo thể loại dùng trong mỗi trường hợp. Bằng

không sẽ phát sinh nhiều sự hiểu sai lạc. Thể loại có thể biến đổi từ gia đình này đến gia đình nọ, nhóm này tới nhóm kia, vùng này qua vùng khác. Ta đều biết làm thế nào mà một số lời nói có thể thay đổi ý nghĩa tùy miền đất nước mà chúng được sử dụng. Nhưng chỉ khi ta biết hết mọi lời nói này và hiểu rõ ý nghĩa những cách nói khác nhau của mọi miền thì ta mới tránh được khả năng hiểu sai.

Văn thể có thể thay đổi từ thời kì này sang thời kì khác. Một chữ ngắn gọn hôm nay dùng có thể gồm trọn ý nghĩa một câu được dùng cách đây ba mươi năm để diễn tả cùng một sự việc. Nếu ta không “ở với nó”, ta hiểu sai ý nghĩa đích thực của nó.

Thực tế đã xảy ra nhiều hiểu lầm trong việc giải thích Cựu Ước. Nếu nội trong một xứ sở nhỏ hoặc trong một khoảng cách ba mươi năm mà đã có thể phát sinh nhiều sự hiểu sai lạc thì chúng ta phải tính đến việc có thể có nhiều giải thích sai lạc giữa thời Cựu Ước và ngày nay. Cựu Ước được viết tại một xứ sở rất khác với bất cứ xứ sở nào mà chúng ta biết, và trong khoảng hai và ba ngàn năm trước.

Đã phát sinh những điều hiểu lầm đặc biệt liên quan tới văn bản lịch sử ấy; nhiều điều nay vẫn tồn tại. Chúng ta có khuynh hướng tiếp cận các trình thuật Kinh Thánh theo thói quen của trí óc ngày nay, xem chúng như những bản tường trình có quá ít hoặc quá nhiều nghĩa đen. Nhưng tuyệt nhiên văn thể đó không luôn luôn được dùng đến trong Kinh Thánh. Thí dụ như trình thuật về Sáng Thế trong sáu ngày là theo hình thức thi ca. Điều nó muốn truyền đạt là vạn vật đều từ bàn tay Thiên

Chúa mà ra. Thể loại được dùng ở đó là một văn thể hình tượng thi ca cao nhã, không là văn thể tường trình. Ngay ở thế kỷ mười ba, Thánh Tôma Aquinô đã nêu ra được điều ấy.

85

436, 437  
700, 701

Gần đây người ta mới nhận ra câu chuyện Adam và Eva không được viết ra như một bản tường trình. Câu chuyện ấy, như ta thấy, giải quyết vấn đề con người. Điều này đã được quá biết từ lâu. Nhưng vì thiếu các nguồn thông tin khác, người ta đã cho rằng các tên tuổi và chi tiết trong câu chuyện ấy đều có tính cách lịch sử, cũng thế đối với Sáng Thế 2-11.

Trình thuật từ sách Sáng Thế 12 trở đi giải quyết tiến trình lịch sử. Nhưng nó được thể hiện theo cách người Hipri viết sử. Đối với Israel, điều quan trọng là nói lên cho được điểm căn bản của các sự kiện lớn lao ấy. Đó là: Thiên Chúa lập nên giao ước, sự bội ước của nhân loại, sự khôi phục thiêng liêng. Israel kinh nghiệm điều này trong lịch sử. Cũng như mọi biến cố lớn lao của nhân loại, các biến cố này được chuyển tay kèm theo kinh nghiệm nội tại vĩ đại. Mọi điều ấy cũng lập thành các sự kiện. Một biến cố thì giống như một núi nước đá giữa biển cả, một phần mười lộ trên mặt nước, chín phần còn lại nằm dưới nước. Kinh nghiệm nội tại là phần chủ yếu của biến cố. Một đám dân du mục bị tàn hại trốn thoát khỏi những kẻ áp bức mình, băng qua một thủy lộ khô cạn là một nhánh của Biển Đỏ. Đó là một kinh nghiệm quá sức mà tất cả dân tộc đều kể lại không bao giờ biết mệt. Nhưng họ không thể mô tả tính chất tâm lý của kinh nghiệm nội tại ấy như các tiểu thuyết gia hiện đại. Thể loại văn học này không có vào thời đó.

Nhưng làm thế nào mà chín phần mười núi băng đó, tức là niềm xác tín vào sự nâng đỡ của Đức Giavê, được diễn tả chính xác? Kinh nghiệm vĩ đại ấy được đặt ra thành lời lẽ qua một câu chuyện thú vị. Đó là thể loại văn học của họ. Các yếu tố bên ngoài được phóng đại với mục đích đánh giá cho đúng với sự lớn lao của kinh nghiệm này. Bằng cách thức ấy, khơi dậy các biến cố lịch sử qua việc kể lại các câu chuyện thú vị bất hủ với lối nói cường điệu thì tốt hơn là chỉ làm thành các hồ sơ tài liệu.

Chẳng hạn như trong sách Xuất Hành 17:8-13, ta có sự diễn tả về trận dân tộc này đánh nhau với người Amalec. Môsê đứng dang tay trên núi. Khi tay ông hạ xuống, Israel bị đẩy lùi. Khi tay ông dơ lên, Israel chiếm thượng phong. Tối chiều, ông mệt quá nên phải có hai người nâng tay ông. Đó là lối kể chuyện làm nổi bật điều đã diễn ra, tức là vị thủ lãnh ấy, kẻ được Đức Giavê chỉ định, đã đem họ vượt qua chiến trận cách chiến thắng. Toàn bộ kinh nghiệm nội tại và ngoại tại được cô đọng thành hình tượng một người đứng dang hai tay.

Cụm Ước đầy những hình tượng tráng lệ như thế. Ta thấy rằng các tập sách này được viết ra trong nhiều thế kỷ theo diễn biến tác phẩm của chúng. Do đó thỉnh thoảng xuất hiện hai cách diễn tả về cùng một sự kiện được đặt kề nhau. Chẳng hạn ta đọc thấy trong đoạn tường thuật chuyến đi qua Biển Đỏ là có một ngọn gió đông thổi tới làm lòng biển khô cạn (Xuất Hành 14:22). Thiên Chúa can thiệp qua một biến cố thiên nhiên ai cũng biết. Nhưng về sau các nhà thánh vịnh và các người kể chuyện tìm thấy những cách diễn tả khác về cùng một kinh nghiệm:

nước biển dựng đứng như hai vách tường ở hai bên. Việc ấy cũng được đọc thấy ngay nơi có trình thuật đó, tiếp liền ngay lời kể đầu (Xh. 14:22). Việc thuật lại câu chuyện này theo những chiều kích lớn lao hơn biến nó thành hình ảnh của toàn bộ cuộc cứu rỗi.

Có lẽ chúng ta ngạc nhiên về những phóng túng được dùng trong các trình thuật như thế. Nhưng đó là thể loại văn học thời ấy chứ không phải thời nay. Sự tự do này liên hệ sâu xa tới tính đồng nhất của lịch sử. Những người ấy tin sâu xa rằng cùng một Thiên Chúa, đáng tác động trong hiện tại của họ, cũng là đáng đã tác động trong quá khứ. Như thế, họ có thể kết hợp các hoàn cảnh sống của chính mình vào các câu chuyện xa xưa đó. Chẳng hạn việc bội giáo nơi sa mạc được tả là “cuộc nhảy múa quanh con bê bằng vàng”. Thực tế, đó là điều mà tác giả sống dưới chế độ vương quyền xem rõ rệt như một sự bội giáo: sự thờ phượng cung hiến lên kẻ được tôn sùng của Israel trong hình thức một con bê. Không cách nào tốt hơn làm rõ điều ấy với các độc giả của mình. Bằng cách làm thế, tác giả đã tạo một hình ảnh tượng trưng cho bội giáo mà có giá trị mọi thời.

Chúng ta có thể nói tổng quát rằng đó, như ta đã thấy, là văn thể của Israel thời ấy đã dễ dàng chuyển các biến cố bên trong thành những cái xảy ra bên ngoài. Đây là thí dụ tuyệt vời trong câu chuyện về lời gọi người thanh niên Samuen. Người thanh niên ấy không chắc mình được gọi. Anh suy nghĩ miết về thiên hướng của mình. Vào một lúc nào đó dường như nó minh bạch. Vào lúc khác lại không. Anh nằm thao thức suốt đêm, xét lương tâm mình. Anh hỏi ý những người khác. Một nhà văn thời nay

có thể mô tả trọn vẹn diễn biến nội tâm đó. Nhưng Israel biến nó thành một câu chuyện đơn giản có tính cách thẳng hoa mà ta đọc trong sách Samuen 1 chương 3.

Nếu không lĩnh tảo với thể loại văn học đó, ta sẽ tưởng tượng rằng Thiên Chúa luôn luôn nói bằng lời lẽ thật sự khi ta đọc. “Thiên Chúa nói” — với Giêrêmia, với Môsê, với Abraham. Nhưng Thiên Chúa không nhất thiết tự mình diễn tả bằng lời nói. Vấn đề là ngài truyền đạt sự vững vàng của đức tin. Abraham là cha của mọi tín hữu.

Nói lên những điều này thì có thể dường như chúng ta làm giảm thiểu sự mạc khải của Thiên Chúa tại Israel. Về các trình thuật phép lạ, chúng ta đưa ra giả thuyết là nếu nhìn từ bên ngoài, chúng có vẻ thông thường hơn. Về sự phát biểu của Thiên Chúa, chúng ta cho rằng nó chủ yếu ở trong tâm điểm của những trình thuật đó.

Nhưng tại sao nói lên điều này lại bị coi là làm giảm thiểu? Ta đạt tới một thị kiến minh bạch về *phép lạ này* của Israel, tức là *cái toàn bộ lịch sử của nó*, chân lý ấy là, một dân tộc bình thường với một lịch sử bình thường đã quả thật có một sự khác biệt cách căn bản như thế. Chính xác, đó là phương cách Thiên Chúa dẫn dắt họ. Những trình thuật về cuộc giải cứu lạ lùng này là sự thay đổi nhỏ nhoi trong đó một kho tàng vĩ đại được lần lượt kiểm kê ra trước mắt chúng ta.

Điều lạ lùng không phải là Thiên Chúa nói với Israel bằng lời lẽ mà là từ dân tộc nhỏ bé này, tiếng nói thiêng liêng ngân vang cho toàn thể nhân loại. Đó là ý nghĩa của mọi đoạn văn trong đó ta đọc thấy câu “Thiên Chúa nói”. Bên trong các biến cố của Israel và qua những tiếng nói và chứng cứ của Israel, ta có thể thấy rõ sự có mặt

của Thiên Chúa. Ta chờ nên để mình lạc lối vì những minh họa Kinh Thánh thời thế kỷ mười chín với những đám mây, ánh chớp và những hình tam giác trên bầu trời. Trong lịch sử đầy biến động của Israel và qua những lời mà lịch sử ấy nói lên, Thiên Chúa ban cho chúng ta sự mạc khải duy nhất của ngài.

83-85 Trong các điều trên, có một điều cần được ghi nhận  
60? kì lưỡng. Ta đang nói về các biến cố thật. Đọc theo đường  
449 355 lịch sử của mình. Israel được thật sự dẫn dắt bởi những  
547 điều xảy ra và những lời nói. Không thành vấn đề những  
83 huyền thoại hoặc tiếng “ngày xưa ngày xưa” mơ hồ trong  
các trình thuật. Cả những trình thuật của sách Sáng Thế  
1-11, mà không liên qua tới các diễn tiến riêng biệt, cũng  
khẳng định rõ ràng nhân loại là điều gì đó tích cực, và  
đang tiến hóa, đang làm nên lịch sử của mình.

Đến đây độc giả Cựu Ước cảm thấy có một câu hỏi quan trọng cần được trả lời ngay, trước khi tiếp tục đọc. Trình thuật Kinh Thánh được viết ra theo nghĩa đen tới mức nào? Nói chung, có ba câu trả lời cho câu hỏi này.

Câu trả lời đầu tiên là thế này. Trong trình thuật về các tổ phụ, các nhân vật có tính cách lịch sử và nhiều đặc điểm bắt nguồn từ thời các tổ phụ. Trong sách Xuất Hành, các tình huống chính và nhiều chi tiết bắt nguồn từ thời kỳ xảy ra cuộc Xuất hành. Theo sự việc xảy ra trong lịch sử, hoạt động chính trong các trình thuật đó quả thật tương ứng với các sự kiện lịch sử.

Câu trả lời thứ hai là thế này. Nếu tham khảo các tác phẩm bác học, ta có thể tìm thấy nhiều cuộc thảo luận chi tiết hơn về mức độ chính xác theo nghĩa đen được qui

cho các trình thuật đa dạng đó. Nhưng cả ở đây, một học giả cẩn thận nhất cũng phải thừa nhận rằng có nhiều cái bất định. Chúng ta đang ứng xử với một thể loại văn học xa lạ với chúng ta nên cần một chừng mực nghi ngờ nào đó. So với năm mươi năm trước, chúng ta có thể đi rất xa theo chiều hướng ngược lại, và chấp nhận ít nghĩa đen trong nhiều trình thuật hơn là chúng đáng được hưởng. Có nhiều sự việc bất thường còn xảy ra hiển nhiên hơn làm ta suy nghĩ hoài. Sau cùng, tại sao nhiều việc lạ thường như thế xảy ra tại Lộ đức mà lại không thể xảy ra được tại Israel xa xưa? Có thể Thiên Chúa trên thực tế làm cho con người nghe âm thanh của lời lẽ khi ban mặc khả năng cho nhiều trình thuật được viết ra đúng y theo từng chữ hơn.

190  
779

Và đây là câu trả lời thứ ba, đưa ra khía cạnh cốt tủy của sự việc. Không quan trọng lắm việc biết rõ rệt mức độ chính xác theo nghĩa đen và bên ngoài. Chúng ta có thể đắm mình trong những trình thuật như chính chúng xảy ra. Không cần tới các thắc mắc rối trí, chúng ta có thể đọc và tin tưởng rằng sự thật chính xác của các biến cố, tức là cái chín phần mười của núi băng sẽ được thấu hiểu bên trong chúng ta. Làm hồi sinh các trình thuật tức là làm sống lại lịch sử Israel. Đây là lý do dù thể loại văn học ấy không được công nhận trong một thời gian dài như thế và cũng thế với nhiều trình thuật như chuyện sa ngã cũng đều không gây tác hại nào lớn lao. Khi ấy thông điệp vẫn được thấu hiểu, kể cả thông điệp về câu chuyện sáng thế, về địa đàng và sa ngã, về tháp Baben. Thông điệp thật sự ấy vẫn tồn tại y nguyên dù ta nghĩ là không biết Thiên Chúa có nói với Abraham bằng tiếng nói loài

351  
546-547



người hay không. Dù coi hoạt cảnh đó cực kỳ theo nghĩa đen từng chữ, chúng ta biết rằng đó không phải là điều quan trọng căn bản, nhưng điều được quan tâm đến nhất, là Thiên Chúa kêu gọi đến tâm hồn con người.

*Sự thích đáng của các thể loại văn học của Kinh Thánh*

Một vấn đề nữa phát sinh. Ta thấy lối suy nghĩ của mình cách biệt biết bao với thể loại văn học của Kinh Thánh. Thế thì làm thế nào con người hiện đại không thật sự cảm thấy lạc lõng với nó? Liệu chúng ta có thể tiếp nhận nghiêm chỉnh nó không?

Ở đây ta thấy lớn lao biết bao cái diễm phúc của Israel có được một cảm xúc sâu xa như thế về tính đồng nhất của lịch sử. Khi kiểm điểm các biến cố xa xưa, Israel có thể qua đó làm nổi bật chính các sự kiện còn giá trị đến hôm nay — là những hàng chữ thoảng đạt của Kinh Thánh nói cho chúng ta biết cách Thiên Chúa tác động. Do đó, trọn thể loại văn học ấy làm nổi bật trong mọi trình thuật một điều về nội dung phổ quát của con người. Nó là một chiếc gương soi của con người mà ta có thể bắt gặp mình phản chiếu trong đó. Và vì thế các câu chuyện ấy không xa lạ với chúng ta.

Có một lí do khác là, chúng thường được kể lại cách tuyệt vời. Do đó chúng cũng có giá trị nhân bản thường trực của nghệ thuật vĩ đại. Cũng giống những bức tượng khổng lồ giữa sa mạc Ai Cập. Các vua Pharaon có mặt ở đó hoàn toàn không được tạc chính xác chân dung. Những công trình điêu khắc thời cổ này trình bày cho chúng ta

biết hơn về con người — và do đó, về các Pharaon — so với các đường nét giống cách chính xác của các hình nặn bằng sáp ở nhà triển lãm Madame Tussand (Luân đôn - Anh quốc). Các trình thuật Kinh Thánh cũng thế, đôi khi kể cho chúng ta nghe nhiều hơn về việc con người trước mặt Thiên Chúa so với nhiều chuyện ngày nay thuộc loại này. Thêm nữa, ngôn ngữ và hình tượng Kinh Thánh rất con người và được chấp nhận cách phổ quát. Chúng không trở thành lỗi thời bao lâu con người còn có một hình hài. Kinh Thánh nói bằng cái thuật ngữ nước, đá, vực thẳm, sự sống, bàn tay, tai, sự chết, đời sống và vân vân — những tiếng mà một người trên phi thuyền không gian cũng như một bà nội trợ trong nhà bếp đều có thể hiểu ngay.

### *Các sách thuộc Cựu Ước*

Nhan đề các tập sách Cựu Ước thường có vẻ lạ. Một danh sách của chúng với một bản trình bày các chủ đề ngắn gọn sẽ hữu ích. Thứ tự theo đúng thứ tự ta bắt gặp chúng trong Cựu Ước. Đây không cần cứ theo thứ tự thời gian hoặc dựa vào các thời điểm công nhận tính cách qui điển của chúng. Tuy thế, về đại thể, thứ tự này có tính cách hệ thống. Vấn đề tên viết đã được đề cập đến. Các nhan đề Công Giáo cũ được đặt trong ngoặc đơn.

### Ngũ Kinh

Kinh Thánh bắt đầu bằng sách *Sáng Thế*, nghĩa là sách về các khởi nguyên. Sau các chương mở đầu về “lịch sử nguyên thủy”, tiếp theo là chuyện các tổ phụ.

Sách *Xuất Hành*, nghĩa là đi tới, gần như bắt đầu ngay với lời gọi Môsê, sau đó xảy ra mười tai ương, bắt đầu cuộc xuất hành, trình thuật Sinai và một số các lễ luật.

Sách *Lê vi*, được gọi thế vì những người thuộc họ Lêvi đóng vai trò lớn lao trong việc tế tự. Nhiều nhiệt tình của độc giả Kinh Thánh bị tiêu hủy qua việc vật lộn với cuốn này. Bỏ qua một bên vài chuyện về Aharôn và các con trai của ông, hầu hết sách gói ghém vô số những miêu tả về lễ lạc... (Dù thế cũng có lời khuyên ta không nên bắt đầu với Sáng Thế và đọc từng cuốn theo thứ tự: vì ta không nhất thiết phải đọc hết nội dung của một tủ sách từ trái qua phải).

Sách *Dân Số* được gọi thế vì cuốn này bao hàm cuộc kiểm tra dân số. Lúc này, Israel còn nơi sa mạc và một số các cuộc phiêu lưu của họ được kể lại, và còn liệt kê thêm nhiều lễ luật.

Sách *Đệ Nhị Luật*, nghĩa là lễ luật lần thứ hai, kết tập thêm một lần nữa, bằng giọng nồng nhiệt, câu chuyện về lễ luật và về cuộc xuất hành. Sách này được viết dưới thời vương quyền, và thần khí của các tiên tri truyền khắp mọi trang. Nó là một thị kiến của tiên tri về cuộc xuất hành. Nó kết thúc với sự từ trần của Môsê.

Năm cuốn sách này (được gọi là “Lễ Luật” hoặc Ngũ Kinh) được qui cách truyền thống cho Môsê, không có nghĩa ông viết chúng. Qui kết này ngụ ý rằng ông là khuôn mặt vĩ đại khi các lễ luật được viết lần đầu.

#### Các sách lịch sử

Sách *Giosuê* diễn tả các tình tiết từ cuộc đánh chiếm Canaan. Sách kết thúc với bản giao ước giữa các bộ lạc tại Xikhem.

Sách *Thủ Lãnh* giải quyết các thời kỳ không có vua của Israel. Vào những thời gian khổ nặng nề nhất, một Thủ lãnh (Thẩm phán), người cứu nguy, đứng lên. Không có cuốn nào trong Kinh Thánh lưu giữ trung thực các dấu vết nguyên thủy và man rợ của dân được Thiên Chúa siết chặt tay như cuốn này. Chỉ bằng diễn tiến dần dần mà ngài biến cải họ.

Sách bà *Rút* là một cuốn ngắn tiếp theo, kể câu chuyện cảm động về thời thiếu nữ của bà nội của Đavít.

Trong sách *Samuen 1* và *2* (Các Vua và Vương quốc 1 và 2), chúng ta có câu chuyện về những bắt đầu của vương quyền.

*Các Vua 1* và *2* (Các Vua hoặc Vương quốc 3 và 4) trình bày các nhà cai trị kế vị cho tới thời lưu đầy.

Sách *Sử Biên 1* và *2* thêm lần nữa kể chi tiết lịch sử từ Đavít tới cuộc lưu đầy. Sách này đặt ở phần trước danh sách các tên kéo dài từ Adam xuống tới Đavít. Bút pháp của sách này tao nhã hơn, ít mạnh mẽ và nhiều màu sắc hơn các cuốn Samuen và Các Vua. Đặc biệt quan tâm tới các lễ tế. Sách được một số tư tế hợp soạn sau cuộc lưu đầy.

Sách *Étra* và *Nokhêmia* (còn viết là Esdras 1 và 2 hoặc Esdras và Nechemias) thì ngắn và có liên quan nhau. Sách kể chuyện những người bị lưu đầy quay về Giêrusalem đổ nát như thế nào, và làm thế nào họ xây cất lại thành phố và xây dựng cộng đồng.

Rồi đến ba câu chuyện giải thoát thiêng liêng, các cuốn sách *Tobia* (Tobias), sách *Giuditha* và sách *Étte*.

Vào cuối các sách lịch sử thì tới *Macabê 1* và *2*, kể chuyện cuộc chiến tranh du kích vào thế kỷ thứ hai trước

C.N. do anh em nhà Macabê chỉ huy chống lại sự chiếm đóng của Hy Lạp.

### *Tác phẩm văn học Thi vị và Khôn ngoan*

Các sách lịch sử được tiếp theo bởi một loại văn học khác biệt hoàn toàn, các cuốn sách “thi vị” và “khôn ngoan”.

Đầu tiên là bài thơ gây cảm xúc mạnh mẽ về nỗi đau khổ nhân sinh, đặt vấn đề về công lý của Thiên Chúa, sách *Gióp*. Nó hỏi “tại sao” và khẩn cầu Thiên Chúa nên dứt khoát tỏ mình ra. Thiên Chúa lúc đó biểu lộ ngài trong sự vĩ đại của thiên nhiên như là đáng mà con người không thể theo đuổi kịp tư tưởng của ngài. Phần lớn câu trả lời sẽ được đưa ra khi Đức Giêsu ra đời.

532 Sau *Gióp* đến *Thánh Vịnh*, bộ sưu tập các bài thơ được đọc rộng rãi nhất trên thế giới. Giống trung thực phong cảnh được phản chiếu trong vũng nước, cũng thế ta có thể tái phát hiện trọn bộ Kinh Thánh trong Thánh Vịnh, dưới hình thức các lời cầu nguyện và các bài ca. Và chúng cho ta một cái nhìn thấu suốt vào bên trong con người Cựu Ước. Phần lớn cuốn Thánh Vịnh được qui cho Đavít, nhưng điều này cũng giống qui bộ Ngũ Kinh cho Môsê. Đavít là khuôn mặt tích cực trong giai đoạn sơ khai của hình thức văn học này, và vì thế nhiều thánh vịnh được soạn ra về sau cũng được qui cho ông. Có vẻ chắc chắn rằng nhiều thánh vịnh trong sách thánh thi này thật sự là của Đavít, nhưng ta không biết chính xác đó là những thánh vịnh nào. Chúng có thể được tìm thấy trong bốn mươi thánh vịnh đầu tiên, chẳng hạn như Thánh vịnh 18 (17) có thể là một thánh vịnh của ông.

Giống Đavít là người soạn thánh vịnh và Môsê là người soạn các lễ luật, những châm ngôn khôn ngoan được qui cho Salômon. Do đó, ông được xem là tác giả cuốn kế tiếp, *Châm Ngôn*, một tập hợp các nguyên tắc cho đời sống hằng ngày được đưa ra dưới hình thức các châm ngôn ngắn. Đặt ở đầu sách là một bài tụng ca tôn vinh nguồn gốc thiêng liêng của khôn ngoan.

*Giăng Viên* cũng là một sách khôn ngoan nhưng ngắn hơn. Sách biểu lộ sự không thỏa đáng của các quan điểm xuất hiện ở các chỗ khác trong Cựu Ước. Đôi khi sách mô tả như sự phá sản của Cựu Ước. Cuốn sách hay ho, phê phán và hơi bị quan này, bằng cách thức riêng biệt là một chuẩn bị cho Tân Ước.

*Diễm Ca* của Salomon tiếp theo. Sách này còn được gọi là *Ca khúc của Mọi Ca khúc*. Sách này là một sưu tập những bài thơ tình tuyệt diệu.

5/15-640

Sách *Khôn Ngoan* tán dương ca tụng sự khôn ngoan của Thiên Chúa và vai trò của khôn ngoan trong lịch sử Israel.

Sách *Huấn Ca*, hay là khôn ngoan của Giêsu con của Sira, là một sưu tập các châm ngôn khôn ngoan đặt gần nhau, vào khoảng năm 200 trước C.N. của một người nào đó có tên là Giêsu ben (con của) Sira. Nhan đề tiếng La tinh có nghĩa "Sách của Hội Thánh". Nó đáng chú ý biết bao vì sự diễm đạm, sự khôn ngoan thực tế nay vẫn còn xác đáng, dù sách này được soạn cho một xã hội rất khác biệt trong bản chất mang nhiều tính cách gia trưởng hơn xã hội ngày nay.

80-81

### Các tiên tri

Trong các tập sách thuộc Cựu Ước này, xúc động lên cao độ nhất tại các nơi mà cuộc chiến đấu cho lòng trung thành với Thiên Chúa được miêu tả ở mức độ mãnh liệt nhất của nó. Ở đây có những lời nói vang lên trên đường phố và chốn thị tứ tại Giêrusalem và tại các địa điểm khác.

Các “tiên tri lớn” xuất hiện đầu tiên, được gọi thế vì sách của họ dài nhất. *Isaia* (Iasias) viết khoảng một trăm năm trước cuộc lưu đầy, là vị tiên tri cổ điển của khiển trách và an ủi. Từ chương 40 cho đến cuối, đầy những hi vọng và khích lệ như thế, được viết về sau bởi các đệ tử thuộc trường phái của ông. Phần các chương từ 45-50 (*Isaia-Thứ*) gây xúc động đặc biệt.

*Giêrêmia* có thể được gọi là “sự tổn thương” — một bài thơ với con mắt nhạy cảm của loài người, cỏ cây và thú vật. Bị giăng co giữa dịu dàng và khốc liệt của sứ điệp mình, ông phải sống qua thời đại khủng hoảng ngay trước và lúc mới bắt đầu cuộc lưu đầy. Sau đó thì xuất hiện (năm) *Ai Ca*, có thể là lời lễ tế được hát trên Giêrusalem đổ nát. *Giêrêmia* không viết chúng. Rồi đến lời tiên tri được qui cho một đệ tử của ông là *Barúc*, và rồi đến *Thư của Giêrêmia* gửi đến những người bị lưu đầy — (không do tiên tri ấy viết ra). Các nhan đề của ba cuốn sách này sau này cho thấy sự tưởng nhớ *Giêrêmia* được giữ trong lòng nồng nhiệt như thế nào.

Với *Êdêkien* chúng ta ở vào thời kì sau của cuộc lưu đầy. Sự phong phú của cuốn sách này gần như vô tận: các hoạt động tương lai, các thị kiến, những nụ cười, được vạch ra tỉ mỉ tận chi tiết. Sách kết thúc với một viễn cảnh đầy hi vọng vào một thời đại mới và một đền thánh mới.

*Danien* hoàn toàn khác với ba cuốn sách kể trên của các tiên tri lớn. Phần đầu gồm các trình thuật. Các thị kiến phần hai trong đó các sức mạnh lớn lao của lịch sử được miêu tả sinh động bằng những hình ảnh chiêm bao thần bí. Hai câu chuyện kế tiếp, *Susanna*, và *Ben và Con Rắn Thiêng*.

Kế đến mười hai “tiên tri nhỏ”, được gọi thế vì sách của họ ngắn hơn. *Hosê (Osee)*, một người bị vợ phụ bạc, nhận ra qua cuộc hôn nhân bất hạnh của mình tình trạng thảm kịch giữa Đức Giavê và Israel. Giôen nói về tai ương khủng khiếp do nạn cào cào và châu chấu. *Amốt*, một người thôn dã đến từ phía Bắc, nghiêm nghị mà không khoan nhượng, là vị tiên tri thời xa xưa nhất mà lời tiên tri của ông truyền lại cho chúng ta dưới hình thức một cuốn sách. *Ôvadia (Adya)* được thể hiện chỉ vồn vện có một trang, toát ra sự trả thù, tuy thế không nên tách biệt nó khỏi toàn bộ hoạt động tiên tri. *Giôna (Yonas)* là một cuốn sách ngắn được đặt đúng chỗ giữa các tiên tri nhỏ, dù rất khác biệt với phần còn lại. Nó là câu chuyện không mang tính cách lịch sử, đưa ra thông điệp về lòng nhân từ của Thiên Chúa đối với toàn thể nhân loại. *Mikha (Micheas)* sống cùng thời với Isaia. Lời tiên tri của ông là lời sấm về triều đại Đavít từ Bêlem, từ đó đáng cửu thế ra đời. Các tập sách rất ngắn tiếp theo, các lời sấm của *Nakhaum* chống lại Ninivê, các lời sấm của *Khabacúc (Habakkuk)*, với một ca khúc mạnh mẽ ở phần kết thúc, và các lời sấm của *Xôphônia (Zephaniah)* về ngày của Đức Giavê.

Cuối cùng là ba tiên tri từ thời Khôi phục sau cuộc lưu đầy. *Khácgai (Agganeus)*; *Dacaria (Zechariah)* khó



nhưng đáng đọc, ông đề cập đến đáng cứu thế ra đời là kẻ khiêm nhu an hòa và cưỡi trên một con lừa mà đến; và sau cùng là *Malakhi* (Malachias), nói về việc Thiên Chúa tới, đáng đến để quét sạch mọi cái không thích đáng.

### *Cuốn sách không “đạo đức bình thường”*

Chúng ta tới đây đã thu thập được một số thông tin nhất định về Cựu Ước. Rõ ràng Cựu Ước không là một văn bản sáng sủa, mà đúng hơn là một tủ sách đường bệ, gây cảm giác kính sợ như quang cảnh núi non hùng vĩ. Độc giả có thể bị lúng túng về nó, Có thể người đọc trông đợi một cuốn sách ngoan đạo hoặc cung cấp nhận thức, nghĩa là, một văn bản đơn thuần luân lý đặt những hành vi đạo đức ra trước mặt chúng ta. Nhưng câu chuyện về các tổ phụ đã gồm những hành vi thô lỗ và man rợ, hoặc những việc ta thấy là vô luân, đều được thuật lại hoàn toàn thản nhiên. Độc giả lúc ấy phải thừa nhận rằng Kinh Thánh không là một cuốn sách “đạo đức”, mà nó là tiếng dội của thực tại, lúc Thiên Chúa kết hợp với nhân loại rất nguyên thủy trên con đường tiến triển của nhân loại. Sự tinh lọc của luân lý chỉ xảy đến dần dần. Trong trình thuật Abraham, ta không được mời gọi để bắt chước mọi điều ông làm, nhưng để chú ý vào thông điệp căn bản: cách ông giữ trung thành với Đức Giavê trong mọi sự. Có thể nói chúng ta nên có một cái nhìn rộng rãi hơn khi đọc Cựu Ước, và hãy nhớ trong tâm trí rằng cách thức của chúng ta không là cách thức độc nhất để ứng xử.

Việc ấy không khó khăn lắm khi các điều đó bị qui kết là sư dữ, như tội lỗi của Sôđôma, hoặc khi chúng ta

được kể lại cách giản dị, như sự lường gạt do các con của Lót thực hiện. Nhưng đôi khi dường như là Thiên Chúa chuẩn y cho sự đã rồi, như trường hợp bịp bợm của Giacóp, và còn hơn nữa, trong việc diệt chủng các cư dân Canaan. Đức Giavê được nói là đã ra lệnh ấy.

Nhưng những trường hợp ấy cần được xem như những khiếm khuyết của thời nguyên thủy. Khi cố gắng bảo tồn việc thờ phượng Đức Giavê trong thuần khiết, họ hiểu không cách nào tốt hơn là sử dụng các phương pháp của thời đại và văn hóa của mình. Tác dụng tinh thần của Thiên Chúa chưa thấm sâu đủ. Nội việc họ giữ trung thành với Đức Giavê là đã có ý nghĩa.

Có thể thấy các sự việc thời Cựu Ước bất toàn và lầm lỗi biết bao qua ý kiến của Đức Giêsu về sự kiện người đàn ông có thể li dị vợ mình mà không cần vẽ với gì thêm nữa. Theo Đức Giêsu, điều này là “vì sự cứng cỏi của lòng dạ chúng”. Đó không là ý muốn của Thiên Chúa. Điều đó cũng đúng với các cuộc tàn sát trong sách Giosuê (mà bất cứ vụ nào cũng có sai biệt thấp hơn nhiều so với con số đưa ra trong Kinh Thánh, và cũng được xem là có tỉ lệ thấp hơn so với những tổn thất do cuộc xâm chiếm thuộc địa gây ra tại nhiều xứ sở thời nay).

### *Tăng trưởng cảm quan đạo đức*

391-39

Chúng ta có thể nhìn thấy trong Cựu Ước một sự tình lọc luân lý được vươn lên dần, thấm nhuần và thay đổi dần, bởi thần khí của Đức Giavê. Giao tiếp với ngài không bao giờ không sinh lợi. Điều này diễn ra rất sôi nổi trong Cựu Ước. Chúng ta cần thường xuyên quan sát xem nó

diễn ra tại những chỗ nào. Nó là một cái đang tăng trưởng và triển khai từ dưới lên trên, căng phồng trỗi lên và tràn ra ngoài. Điều ấy được cảm nhận ngay chính lúc ấy.

<sup>83-85</sup> Lịch sử Israel được truyền lực với niềm hy vọng tuyệt đối là nó đang chuyển động hướng về Ngày Vĩ đại. Vì <sup>80</sup> thế, lời thốt ra nhân danh Đức Giavê cũng là lời báo trước tương lai, tối nghĩa nhưng chắc chắn. Các tiên tri, trước hết, là người phải nói về quả phạt và nguyên rửa, nhưng còn báo trước tương lai. Đó là lý do của từ ngữ “tiên tri”, vốn thật sự có nghĩa là “người nói đồng đạc và rõ ràng”, thường xuất hiện trong ngôn ngữ chúng ta có nghĩa là “người tiên đoán được tương lai”. Với Israel, nói đồng đạc và rõ ràng có nghĩa là nói rằng cuộc cứu rỗi sắp đến, tức là Ngày của Đức Giavê. Tại Israel, cuộc cứu rỗi chân chính nhất là con người phải vươn lên trong sự thiện và các chuyển động trên đường hướng thượng phải nằm trong định hướng ấy, chậm chạp và đau đớn. Và do đó, cao điểm lời tiên tri Cựu Ước là những lời của Giêrêmia và Êdêkien:

“Ngày sẽ đến những ngày - sấm của Giavê - Ta kết với Nhà Israel và Nhà Giuđa, một Giao ước mới... Ta sẽ đặt luật của chúng ta vào bên trong chúng và Ta sẽ viết trên tim lòng chúng” (Gr. 31:31-33).

“Ta sẽ ban cho người một tấm lòng mới. Bên trong các người, Ta sẽ ban xuống một thần khí mới, Ta sẽ cắt tấm lòng đá ra khỏi thịt mình các người. Ta sẽ ban cho các người tấm lòng thịt” (Ed. 36:26).

### *Thánh Linh*

Trong Cựu Ước, có một cường độ nồng nhiệt, một thôi thúc mãnh liệt, cao ngất và sinh động. Điều này không thiếu ở các nơi khác, trong những thúc bách cao nhấ của nhân loại. Nhưng tại Israel, điều này nằm trong tầm tay con người, thuần khiết và mạnh mẽ, đều khắp mọi pha tạp và yếu đuối. Hơi thở của sự sống này được gọi là “Thánh Linh” hoặc “Thần Khí”. Khi Thánh Linh của Đức Giavê ở với người nào, người đó được nâng lên quá bản thân mình. Những diễn tả ban đầu về điều này có tính cách nguyên sơ. Khi Thần Khí của Đức Giavê đến trên Samson thì ông được ban sức mạnh để chiến đấu.

328

Việc Thánh Linh Thiên Chúa đến có thể được biểu thị bằng những hiện tượng bản địa đối với nền văn hóa thời đó, thí dụ như trạng thái xuất thần và nhảy múa. Nhưng những hiện tượng ấy không là cốt yếu, và chúng biến mất khi Thánh Linh được biểu thị bằng những cách thức cao hơn. Các tiên tri cổ điển không còn bị ngất ngây vì những xúc cảm mãnh liệt của mình. Trong trường hợp họ, xuất thần có nghĩa là mọi sức mạnh của họ tập trung vào sự tự do tốt đẹp. Đây là một hình thức thuần khiết hơn, trong đó cảm hứng xuất hiện càng lúc càng tăng dần. Nó phát triển theo định hướng của sự bình thường ấy.

Israel đã khát khao chờ đợi vị vua mà trên ngài Thánh Linh của Chúa sắp ngự xuống (Is. 11:2). Thật ra toàn thể dân tộc ấy chung nhau Thánh Linh (Ge. 2:28). Tặng phẩm tôn vương đó của Thánh Linh đến với Đức Giêsu, như có thể thấy được trong trình thuật Chúa Thánh Thần Hiện Xuống.

330-332  
713-714

166

### *Kinh Thánh nhờ bởi Thánh Linh*

Trong Cựu Ước, Thánh Linh đã tác động như một thôi thúc sống động, một sức mạnh làm sinh động mọi sự. Ngài ở trong các biến cố ấy. Ngài ở đằng sau các lời ấy. Và ngài làm chúng được viết ra. Sách Cựu Ước mà ta cầm trong tay là một công trình của Thánh Linh.

Không nên hiểu điều này có nghĩa rằng Thánh Linh đọc cho viết các cuốn sách ấy, hoặc rằng ngài thần hứng cho các tác giả với những ý tưởng không dính líu tới cuộc sống và đức tin của dân tộc ấy. Các tác giả Kinh Thánh diễn giải đức tin của Israel với những xoay xở bút pháp của chính họ, qua nhân cách của chính họ và những giới hạn của tầm nhìn đặt ra trong thời của họ. Văn bản những cuốn sách thiêng liêng này đơn giản là những thành tố đặc trưng của một cấu trúc toàn vẹn những biến cố được Thánh Linh dẫn đường. Không nên tách biệt nguồn cảm hứng của những cuốn sách ấy khỏi những công trình của Thánh Linh trong một “biến cố” toàn bộ, tức là Israel.

Có thể nêu giả thuyết là có phần của con người và có phần công trình của Thánh Linh. Nhưng quả thật nó đều là từ con người và đều là từ Thánh Linh Thiên Chúa, như có thể nói, âm nhạc là một toàn bộ từ cây dương cầm và cũng toàn bộ từ người sử dụng dương cầm. Có thể nói, khi Thánh Linh làm việc, con người không bị mất liên hệ với chân thân của ngài, nhưng được tràn đầy ngài nhất.

171-300  
347-349  
546-547  
794-795

### *Ý nghĩa tâm linh của Kinh Thánh*

Mọi điều ấy cũng đúng với các văn bản Tân Ước. Toàn bộ Kinh Thánh đưa ra một tính đồng nhất kỳ diệu

bởi sự kiện là toàn bộ Kinh Thánh sống động nhờ Thánh Linh. Các thành tố nguyên thủy đã phấn đấu hướng thượng trong Cựu Ước thì xuất hiện được tâm linh hóa và tinh ròng trong Tân Ước. Và khi nghiền cứu toàn bộ như ta đang làm ngày nay sau sự ra đời của Đức Giêsu, chúng ta đã có thể cảm giác điều Thánh Linh đã làm trong thời xa xăm ấy thì cũng sẽ, cùng một thực tại như thế, làm trong thời mới này. Chúng ta có thể cảm thấy trong những câu chuyện xưa ấy trọn mục đích và thôi thúc của Thánh Linh vì tất cả đã chuyển qua Tân Ước. Khi đọc về những quân thù xông vào chiến trận, chúng ta biết rằng Đức Giêsu chuyển trận chiến này thành trận chiến chống sự dữ. Khi đọc về con chiên non tể lễ, chúng ta không cách nào khác hơn là nhớ đến hình hài bị đóng đinh của Đức Giêsu. Khi thấy cách Israel được cứu thoát khỏi cảnh câu thúc ở Ai Cập, chúng ta nhận ra, cũng nằm trong cùng một hàng chữ đó, sự giải phóng chúng ta khỏi tội lỗi và khỏi những trấn áp đang làm chúng ta yếu đuối vì nó. Các trình thuật xa xưa đã trở thành những biểu tượng của cuộc cứu rỗi mới.

Đọc Kinh Thánh theo cách ấy thì thật là chính đáng, vì chỉ một Thánh Linh hà hơi qua toàn bộ. Mọi phần của Kinh Thánh đều tương cận. Đọc theo ý nghĩa từng chữ, tức là các trình thuật, được nhìn như một toàn bộ đều mang ý nghĩa tâm linh sâu xa hơn. Chúng là những miêu tả trước về Đức Kitô và cuộc đời chúng ta trong Đức Kitô. Trong hầu hết mọi trường hợp, người viết Cựu Ước không ý thức điều ấy. Nhưng rõ ràng vì ấy đã chia sẻ niềm xác tín phổ biến của Israel là Thiên Chúa sắp biểu lộ chính ngài bằng một cách thức mới nào đó. Trong cảm giác này,

298 ý nghĩa tâm linh và sâu xa hơn của cuốn sách không hoàn toàn nằm ngoài mục đích và dự phóng của tác giả. Chúng ta được chính Chúa và các Tông đồ dạy bảo để đọc những trình thuật xa xưa đó như những biểu tượng của cuộc đời chúng ta với Đức Kitô.

Việc đi trở ngược từ cựu cho tới tân này là một tái phát hiện đầy hân hoan về Đức Kitô. Cứ mỗi lần đọc, chúng ta cảm thấy mình bị tác động và được thuyết phục bởi một thôi thúc hướng thượng và cao cả, lại thêm lần nữa hướng về Đức Kitô, Đấng có lẽ về mặt khác đã trở nên quá bình thường đối với chúng ta. Bằng cách này chúng ta có thể học mãi sự tươi mới của Tân Ước. Cả những thô lỗ và tàn bạo của các trình thuật ấy cũng mang ý nghĩa đặc biệt. Ta có thể bỏ những cái đó lại đằng sau, và thốt lên phần khởi: hạnh phúc thay, Thánh Linh đã định liệu một điều khác cho một tương lai xa. Chúng ta 546-547 đọc các trận chiến của Giosuê và ta biết rằng, sau cùng, chúng ta dính líu tới trận chiến mà Đức Giêsu chiến đấu, và chúng ta cùng chiến đấu với ngài, cho bác ái và hân hoan và hòa bình, hoa quả của Thánh Linh.

115

### *Các trình độ của đời sống đức tin*

Có phải điều ấy có nghĩa chúng ta thấy mình cao đẳng hơn nhân loại thuở xa xưa đó không? Không — vì chúng ta được ban cho ân sủng, là, có lẽ chúng ta sống trong trình độ văn minh phát triển hơn. Và điều này đặt thành vấn đề cho mỗi chúng ta, không phải trình độ phát triển ta đang sống mà là ta đang thật sự sống trong trình độ nào của đức tin, lòng trung thành và đức hạnh.

Mỗi giai đoạn lịch sử Israel, có một phương cách riêng để đạt tới sự thiện. Chúng ta hãy ngắn gọn theo dấu nó.

Từ thời nguyên thủy cho đến thời Đavít, có lẽ có thể nói rằng Thiên Chúa, trên hết, được cảm nhận như đấng ban ân sủng trần gian — là vùng đất hứa chảy đầy sữa và mật ong mà chỉ có thể tới được nếu Israel trung thành với Đức Giavê và với nhau. Các dân khác, những kẻ thù, đều bị đuổi đi. Có thể thấy quan điểm này trong hầu hết các đặc điểm của sách Thủ Lãnh, trong đó trình bày chủ nghĩa anh hùng cùng với sự hiến thân mãnh liệt cho tôn giáo. 77-78

Trong thời các tiên tri, tương quan giữa giao ước và phúc lợi vật chất của quốc gia trở thành lỏng lẻo hơn. Bấy giờ người ta đặt vấn đề hơn về việc sống trung thành với Đức Giavê vì ngài. Và con người cảm thấy quan tâm hơn đến nhu cầu của người cùng hội cùng thuyền với mình. Phụng sự Đức Giavê có nghĩa là thân ái với kẻ bị áp bức, quả phụ và cô nhi. Đồng thời, họ bắt đầu quan tâm tới các dân tộc khác vì con người ai cũng có lương tâm. Rốt cuộc, “phúc lợi” không được xem như một thịnh vượng của cải mà là sự thiện và sự công chính. 77-78  
80-81

Sau cuộc lưu đầy, có những người khám phá ra một sự hiệp nhất mật thiết hơn nữa với nhân loại, và do đó với Thiên Chúa. Họ cảm thấy sự bất xứng của mình, và do đó cũng cảm thấy mình không khác với những thành phần khác của nhân loại. Chúng ta đọc trong sách Khôn Ngoan: 80-81

“Người làm lơ đi trước những tội người phạm,  
chờ chúng hối cải,  
Quả thế những gì không có trong vạn vật  
Người đều yêu mến



Người không nhòm tởm sự gì Người đã làm ra  
 Vì Người nắn nên những gì Người ghét bỏ.  
 Vả lại có gì tồn tại được nếu Người không muốn?  
 Làm sao nó được bảo tồn nếu Người đã không  
 gọi (đến tên)?  
 Với mọi vật, Người xử khoan dung, vì chúng là  
 của Người,  
 lạy Chúa tể hiếu sinh!" (Kn. 11:23-26)

Cảm giác về sự bất toàn của chính họ mang theo với nó nỗi khao khát đáng cứu rỗi ngày càng tăng.

Do đó, chúng ta có thể phân biệt ba thời kỳ. Trong thời kỳ đầu (dưới thời các Thủ lãnh) mối quan tâm bao quát là lòng trung thành tập thể và phúc lợi quốc gia. Trong thời kỳ thứ hai (dưới thời các tiên tri) đời sống cá nhân đóng vai trò nổi bật. Trong thời kỳ thứ ba (sau cuộc lưu đày) có cảm giác về sự hiệp thông với mọi người và sự trông đợi đáng giải thoát, đáng do Thiên Chúa sai tới. Tại bất cứ trình độ nào, loài người cũng có thể phục vụ tốt Thiên Chúa.

Ba cấp bậc kể trên còn có một thích đáng nhất định với thế giới Kitô giáo chúng ta. Có những giai đoạn, những trình độ văn hóa và những nhóm, trong đó Kitô giáo chỉ có thể được sống, có thể nói, tới một chừng mực giới hạn bằng các lối nói phúc lợi (Thiên Chúa tử tế với gia đình ta, đất nước ta). Cấp bậc thứ hai chú tâm rộng lớn đến một cuộc sống thanh khiết và có lương tâm. Sau cùng, có những người mở rộng lòng ra cho toàn thể nhân loại. Thật ra, cả ba thời kỳ ấy có thể cùng hiện hữu trong mỗi người tới một mức độ nào đó. Ta có thể tiến hành cuộc sống

tốt lành ở bất cứ thời kỳ nào trong ba thời kỳ đó với điều kiện — như thành phần dân cốt lõi của Israel — ta phải phấn đấu để vươn lên thời kỳ kế tiếp và vươn tới không ngừng. Từ chối một sự sẵn sàng như thế tức là tàn tạ luôn trong một thời kỳ đã định.

Trong viễn ảnh tổng quát về nhân loại như một toàn bộ, ta có thể thấy rõ những cấp độ giống y như thế. Một số nhóm tiến xa hơn một số nhóm khác. Chúng không thể cùng bị giảm thiểu theo một khuôn mẫu giống nhau. Đầu tiên, có một tôn giáo độc chiếm trong một nhóm khép kín; ở đó có sự phát triển lương tâm và quan tâm tới những người khác; sau cùng, tiến tới việc nhìn nhận rằng con người là một phần tử của nhân loại, đang chia sẻ trách nhiệm bằng các hoạt động của mình và con người ngóng đợi cách chú ý một đáng cứu rỗi. Đây là những cấp bậc hướng thượng qua đó chúng ta tin rằng toàn thể thế gian đang thẳng tiến hướng về Đức Kitô.

Điều này xảy ra theo một cách thức dị thường tại Israel, dân tộc mà được Đức Kitô sinh ra giữa họ, dân tộc được ưu ái với một cái nhìn mình bạch hơn về tương quan giữa Thiên Chúa và thế gian. Cuộc mò mẫm lần theo ngàn sợi chỉ, qua nhiều cung mê và thỉnh thoảng sa vào ngõ cụt nhưng bao giờ còn tìm kiếm thì nhân loại còn hằng tiến về phía trước. Bất cứ lúc nào con người trung thành với Thánh Linh trọn lành, thì dù ý thức hoặc không ý thức, họ sống trong thân tình mật thiết với sự biểu thị có tính cách con người của Thiên Chúa. Nay đến lượt chúng ta hướng về điều ấy.

75

797-799

**PHẦN THỨ BA**  
**CON NGƯỜI**

## CHỨNG NHÂN CHO SỰ SÁNG

### *Hai tiếng “phúc âm”*

Các biến cố, mà nay chúng ta dõi theo từ lúc bắt đầu, được nhiều người tường thuật gom lại dưới nhan đề “phúc âm”. Hai tiếng này có nghĩa “tin mừng” (từ tiếng Hy Lạp: *evangelion*), “lời công bố đầy hân hoan” — nghe như một bức thư hay điện tín vui mừng đem tươi nhuận đến cho tâm hồn khắc khoải.

Quả thật tiếng phúc âm đã được sử dụng vào những lúc cực kỳ gian nan. Nó được gửi đến những người bị lưu đầy, cầm giữ nơi đất lạ Babylon. Giêrusalem quá xa xôi, chát ngất hoang tàn ở bên kia sa mạc. Sau nhiều năm, tình hình chính trị xoay chiều thuận lợi, Hoàng đế Ba tư 78 Cyrus mở cuộc trường chinh giải phóng ngang qua đế quốc Babylon. Lúc ấy, một tiên tri (thuộc trường phái Isaia) nhận ra Thiên Chúa sắp dẫn dân ngài xuyên sa mạc quay về Giêrusalem. Ông nghe như có tiếng bên trong mình nói lớn ra:

“Trong sa mạc hãy bạt lối Giavê!

trong chốn hoang giao hãy san bằng ngự lộ cho  
Thiên Chúa ta (thờ).

Mọi thung lũng sẽ dâng lên, mọi núi đồi sẽ lún xuống...” (Is. 40:3-4)

Tiếng gào khích động này, với hình tượng hùng vĩ của phương Đông thời xa xưa, vẽ ra một tiến trình uy nghi của Thiên Chúa ở giữa dân ngài, băng qua sa mạc về tới Giêrusalem như ngài từng có lần dẫn họ ra khỏi Ai Cập.

Theo khảo thị ấy, có một sứ giả được phái đi trước tới Giêrusalem. Ông sẽ đứng trên đỉnh đồi trước cảnh hoang tàn.

“Hãy lên núi cao, hỡi Sion, người loan *tin mừng*!  
 Hãy gióng tiếng lên cho mạnh,  
 Hỡi Giêrusalem, người loan *tin mừng*! (Is. 40:9)

Đó là nguồn gốc của hai tiếng phúc âm, tin mừng. Nó là tiếng reo vui ngân vang trên những hoang tàn đổ nát.

“Kìa Đức Chúa Giavê, Người đến uy hùng...  
 Như mục tử, Người chăn đàn chiên của Người,  
 cánh tay Người thấu hợp chúng lại...  
 Chính Ta, Giavê, Thiên Chúa của người,  
 Đấng nắm lấy tay phải của người”  
 (Is. 40:10,11; 41:13)

Những lời hứa như thế chưa bao giờ được hoàn thành trọn vẹn trong Cựu Ước. Rõ ràng Thiên Chúa đã nắm bàn tay phải của Israel, dẫn dắt vượt qua những khổ nạn có thể làm tiêu vong một dân tộc khác, nhưng Israel còn biết rằng mình đang hân hoan trông đợi một hoàn thành sau cùng, là sự biểu thị vĩ đại vương quyền của Thiên Chúa và toàn bộ hân hoan của vương quyền ấy. Điều này chưa xảy tới và dân tộc đó khao khát một tiên tri, đáng mang tin mừng, đáng biến đổi cuộc đời họ.

### *Gioan Tẩy giả*

Cả bốn cuốn phúc âm đều bắt đầu với một người cụ thể tên Gioan, được gọi là Tẩy giả. Ngài xuất hiện nơi sa mạc, như thế, gọi lại những ký ức các thời ân sủng — là chuyển trở về từ Babylon và cuộc xuất hành khỏi Ai Cập.

Gioan trỗi lên vào năm mười lăm của triều đại hoàng đế La Mã Tibêriô, tức khoảng từ tháng Mười năm 27 sau C.N. đến tháng Chín năm 28 sau C.N. (hoặc có thể là năm 28-29). Thức ăn và y phục của ngài hết sức đơn giản. Nhưng không vì thế không có ý nghĩa. Nó làm nhớ lại Êlia. Nơi ngài rao giảng không xa bờ đá của Biển Chết mà trong những năm gần đây người ta tìm thấy các cuộn sách bằng da lừa thuộc các cộng đoàn tôn giáo sinh sống tại đó. Gioan chắc chắn là có liên hệ với họ.

### *Nước Thiên Chúa nhất định sắp xảy đến*

Gioan còn hơn một kẻ chỉ nhắc lại các thời ân sủng và giải phóng xa xưa. Ngài loan báo thời đại ân sủng mới, hoàn tất mọi điều đã diễn ra từ trước. Cuộc xuất hành khỏi Ai Cập và Babylon chỉ là những dấu chỉ trước so với điều xảy ra lúc này. Lúc này Thiên Chúa thật sự đến. Gioan thật sự là tiếng nói nơi sa mạc, kêu gọi nhân loại dọn sửa những con đường thẳng tắp cho Thiên Chúa. Con đường dọn sửa đó không còn là một lối đi trong sa mạc có thể bị xóa sạch trong vòng một năm, mà là con đường bên trong tâm hồn con người và là một con đường bền vững. Con đường này là sự cải biến.

“Ăn năn thống hối!” là tiếng gào của Gioan; theo nghĩa đen là thay đổi tâm tư mình, khởi sự suy nghĩ cách

khác, triển khai các quan điểm tươi mới liên quan tới cách cư xử của mình. Có hai cách hiểu sai lầm về ăn năn. Một nghĩ là dự tính những hành động hối cải cách thanh khiết bên ngoài. Hai là giới hạn sự ăn năn thành một thái độ thanh khiết bên trong. Ăn năn thật sự là một thay đổi rất sâu xa ở ngay bên trong khiến toàn bộ đời sống bên ngoài cũng được đổi thay. Theo Luca, Gioan nêu ra một vài thí dụ rất đơn sơ thẳng thắn: kẻ có hai áo hãy chia áo cho người không có, giữ thái độ không để cho mình hà lạm quyền thế (Lc. 3:10-14).

Sứ điệp của Gioan đầy hân hoan. Nó loan báo thời ân sủng của Thiên Chúa. Nhưng nó cũng rất nghiêm khắc vì nhân loại còn có thể nói “Chịu” hoặc “Không” với ân sủng đang đến. Gioan trội hơn hết nhờ khái niệm “Ngài Đấng đang đến” là “vì sự sa ngã và chối dậy” của nhân loại. Gioan mô tả Đấng ấy đến khi các gốc cây đã phơi rỏ trần trụi và chiếc rìu đã nằm sẵn trên chúng chờ nhát chặt đầu tiên. Đấng đang đến là kẻ cầm cái rìu lúa trong tay, kẻ có ngọn lửa sáng rực thiêu cháy trấu lép. Ngài là kẻ sẽ “thanh tẩy các người trong thánh thần và lửa” (Mt. 3:11). Được Cứu Ước truyền cảm hứng, Gioan hẳn có ý nói ngọn lửa không chỉ là lửa tinh lọc thanh luyện người lành, nhưng cũng là lửa phán xét kẻ dữ. Ngài loan báo sự ra đời của đấng phán xét thế gian.

Để chuẩn bị nhân loại cho cuộc “thanh tẩy” kinh hoàng này, Gioan cử hành nghi lễ thanh tẩy tắm gội bằng nước. Việc này cho con người cơ hội biểu lộ sự sẵn sàng hối cải của mình. Nó là dấu chỉ việc mở lòng ra để đón điều đang đến, nhưng nó không phải là một lối vào Nước

<sup>171</sup> Thiên Chúa như phép rửa tội Kitô giáo. “Từ ngày Gioan

Tẩy giả đến bây giờ, Nước Trời ở dưới sức cường bạo, và những kẻ cường bạo chiếm đoạt lấy” (Mt.11:12). Có thể diễn dịch lời nói khó hiểu này là “nước trời đang chịu cường bạo”, đến nỗi “những kẻ cường bạo” có thể là kẻ dữ cố làm hại nước trời hoặc có thể là người lành có đủ sức mạnh để vào nước trời. Nhưng dù xảy ra điều gì, thì với Gioan, có sự khẳng định rõ rệt là đang bắt đầu diễn ra một biến cố có tầm vóc rung chuyển thế gian. Điều đó phân biệt Gioan với những khuôn mặt Cựu Ước. Lời kêu gọi của ngài là, “Nước trời gần đến”. Trong cách thức này, ngài thuộc về Tân Ước. “Cho đến Gioan, các Lễ luật và các Tiên tri” (Lc. 16:16). Ngài thuộc về Tân Ước vì là người ở bước ngoặt: một vạch tiếp giáp giữa hai kỷ nguyên: Cựu Ước và Tân Ước. Ngài thuộc phần của con đường đến Đức Kitô.

Và đây không phải điều chỉ đúng cho một thời, thời xa xưa dĩ vãng. Đây là chân lý muôn đời, vì sự ăn năn thống hối mà Gioan rao giảng luôn luôn là cách thức đi vào nước trời mà ngài loan báo. Gioan không là một khuôn mặt mà nay ta có thể quên vì đã có Đức Giêsu, là sự sáng chân chính, đã xuất hiện. Gioan thích hợp với mọi thời đại vì ngài đòi buộc một chuẩn bị mà nhân loại phải luôn luôn thực hiện. Do đó, hằng năm Giáo Hội dành bốn tuần lễ của năm phụng vụ để lắng nghe tiếng nói của Gioan Tẩy giả. Đó là các tuần lễ Mùa Vọng.

### *Mùa Vọng*

Vọng có ý nói tới một sự đang đến có tính cách long trọng. Từ Chúa Nhật thứ tư trước lễ Giáng Sinh đến lễ



309 Giáng Sinh, Giáo Hội gọi lại việc Chúa đang đến gần. Một tưởng niệm trong phụng vụ không chỉ là cơ hội để thuần túy tưởng nhớ mà là để ứng xử với biến cố nay vẫn còn thích đáng cho chúng ta. Trong trường hợp ấy, để nhớ nghĩa là để diễn lại. Nói thế có thể chưa rõ ràng. Việc nhớ lại một người đã chết có thể đưa đến ý nghĩa về điều đang diễn ra — là chúng ta thêm lần nữa bằng tâm trí mình sống điều đã xảy ra trước kia. Nghi thức phụng vụ diễn lại các biến cố ấy, không chỉ trong trí tưởng mà còn trong thực tại. Mỗi biến cố được gọi lại bằng phụng vụ là một cuộc gặp gỡ của Thiên Chúa với con người. Vì Thiên Chúa sẵn sàng thực hiện điều đã quyết định trong biến cố ấy nên ân sủng của nó tuôn xuống giữa những người làm lễ tưởng niệm nó. Họ trải qua cùng một sự gặp gỡ Thiên Chúa như những người trong quá khứ tâm hồn dễ lãnh hội đã sống trong biến cố đó. Thật thế, tham gia phụng vụ là trải qua một gặp mặt tốt đẹp hơn là những người chỉ hiện diện lấy lệ, như kẻ đi qua nơi Gioan rao giảng mà không dừng lại.

Do đó, việc cử hành Mùa Vọng có nghĩa thêm lần nữa chúng ta chia sẻ nỗi khát khao Thiên Chúa đến và cải biến chuẩn bị cho việc ấy. Nó là cách chúng ta nếm trải nhiều hơn và no đầy hơn cách Thiên Chúa đến với chúng ta trong bóng tối của mình. Vì lí do ấy, nhiều bài đọc phụng vụ mùa này trích từ các tiên tri, những người canh giữ vĩ đại.

Phụng vụ đặc biệt nhắm đến Isaia, người xuất chúng nhất trong số các tiên tri, kẻ rất phong phú trong các bài văn về đáng cứu thế. Isaia tin mãnh liệt rằng Thiên Chúa gọi đáng xúc dầu và sự cứu rỗi của ngài tới giúp ông tìm lời lẽ có thể diễn đạt được nỗi khát khao Thiên Chúa

của con người mọi thời. “Hãy có lòng can đảm, chớ sợ hãi, này đây Thiên Chúa người.” Isaia là một trong ba khuôn mặt vĩ đại của phụng vụ Mùa Vọng. Bài ca Mùa Vọng bí trắng, “*Rorate coeli desuper*”, “Trời cao hãy đổ sương xuống”, cũng được rút ra từ Isaia.

Chúng ta đã nói đến khuôn mặt vĩ đại thứ hai là Gioan Tẩy giả. Kitô hữu bằng tinh thần đến đứng bên sông Gioócđan, và thêm lần nữa qua kinh nguyện của mình sống với xúc cảm mãnh liệt thời hân hoan trông đợi và cũng là thời tha thiết cảnh cáo, vẫn tồn tại qua mọi thời đại.

Sau cùng, phụng vụ còn đề cập tới trình thuật về việc chuẩn bị con người trực tiếp: cách mà người mẹ của đấng cứu độ hằng trông đợi đó đã nếm trải về sự đến: trong cung lòng mẹ như Kinh Thánh ghi nhận, trong đức tin của mẹ (Lc. 1:45) và trong niềm vui cứu thế qua bài hát *Magnificat*, “Linh hồn tôi ngợi khen Chúa.”

Ba khuôn mặt ấy đều chỉ tới một đấng chưa xuất hiện. Tâm trạng của họ khác nhau, biến đổi từ nỗi nhớ quê đau đớn của một tiên tri đến sự trông chờ đầy hạnh phúc của một người mẹ trẻ. Như thế, phụng vụ cũng hòa trộn cảm giác quanh quẽ và ruồng bỏ với nỗi niềm hy vọng và vui mừng.

Mùa Vọng có nghĩa trọn vẹn sự đến của Đức Giêsu. Đầu tiên, nó có nghĩa sự Chúa đến trong thế gian xảy ra một lần và mãi mãi. Nó cũng có nghĩa Chúa đến trong tình đồng đội loài người với chúng ta hiện tiền và tại thế và điều ấy còn được thấy cùng với ngày tái hiện vĩ đại của ngài — là biểu thị của ngài tại điểm kết thúc thời gian. Quả thật Mùa Vọng bắt đầu với ý nghĩa đó bằng các bài đọc Chúa Nhật đầu tiên của mùa này.

Mùa Vọng cũng được cử hành với vài tục lệ tại nhà riêng, thí dụ như các vòng hoa Mùa Vọng với bốn ngọn nến, tuần tự mỗi tuần thắp tiếp một ngọn để mừng tương Sự Sáng đang đến gần.

## SỰ RA ĐỜI CỦA ĐỨC GIÊSU

**K**hông ai để ý tới việc ấy, nhưng vào một ngày, giữa đám đông đến để được Gioan tẩy rửa, Đấng Cứu thế hằng trông đợi xuất hiện.

Ngài là ai? Ngài đến từ nơi nào?

Có lẽ ngài nói thổ ngữ xứ Galilê vì ngài đến từ một tỉnh phía Bắc, nơi thật ra bán lương bán giáo và ít được quý trọng. Quê nhà của ngài là một thôn làng nhỏ bé nấu mình trên một ngọn đồi — Nagiarét. “Tự Nagiarét thì có thể xảy ra điều gì tốt được!” đó là phản ứng của một người Do Thái khi nghe chuyện này (Ga. 1:46). Tuổi ngài “khoảng ba mươi” (Lc. 3:23) và tên của ngài không tạo ra nổi bật đặc biệt nào: Giosuê, hoặc như ta gọi Giêsu.

### *Những trình thuật thời thơ ấu*

Ngài là ai?

Như có thể thấy trong những chương khởi đầu Tân Ước, công bố đầu tiên không liên quan gì tới thời thanh xuân và ngay cả diễn biến cuộc đời của ngài, nhưng liên quan tới cao điểm sự hiện hữu của ngài: cái chết và sự giải thoát khỏi sự chết của ngài bởi Thiên Chúa, là sự sống lại. Biến cố thiêng liêng này tỏa sáng khắp mọi trang khác. Điều tuyên bố đầu tiên về ngài là ngài hằng sống.

Sau đó, khi những lời nói và chuyện đời ngài trở thành thành phần của rao giảng, chúng được nhìn dưới quan điểm đức tin trong vấn đề ngài là ai. Cuối cùng, lúc thời thơ ấu của ngài được tỉ mỉ kể lại — bằng cách tìm ngược trở lại nguồn gốc — thì việc sưu tập các sự kiện về “cuộc đời Đức Giêsu” không phải để có thể làm thỏa mãn sự hiếu kì thuần túy. Rõ ràng có các hồi tưởng lịch sử giúp vào việc soạn ra các trình thuật thời thơ ấu (Mt. 1 và 2, Lc. 1 và 2). Mục đích chính của các trình thuật ấy là đặt trước mặt những người tin rằng ngài đã sống — và đã nếm trải điều đó trong cuộc sống và kinh nghiệm — ý nghĩa sâu xa của việc ngài ra đời; rằng những lời hứa của Thiên Chúa bắt đầu được hoàn tất; rằng sự sáng đã xuyên tối. Các trình thuật thời thơ ấu là “phúc âm” chân chính, nghĩa là, “tin mừng”.

Để có thêm thảo luận về các vấn đề này, ta có thể 258-259  
317-352  
352-355  
đọc chương “Người này là Ai”, và thêm các mục “Nguồn gốc Phúc âm” và “Bằng chứng xưa nhất về Đức Giêsu”.

Dù sao đi nữa, điều đáng tiếc vẫn là khi khảo sát các trình thuật thời thơ ấu của Đức Giêsu, ta thu được quá ít thông tin về phần lớn các chi tiết lịch sử đó. Đường như sự thiếu các chi tiết cụ thể này đã khiến một số người áy náy, như có thể thấy vào các thời kỳ đầu việc Kitô hữu cảm thấy cần bịa đặt những chuyện thời thơ ấu của Đức Giêsu — cậu bé lấy bùn nặn các con chim ra sao, và khi cậu vỗ tay thì các con chim đó vụt bay như thế nào. Trong những nỗ lực của thời đại chúng ta cũng xuất hiện cái gì đó có chung tâm trạng ấy khi cố khám phá càng nhiều càng tốt những hoàn cảnh cụ thể trong các ngụ ý có tính cách lịch sử. Nỗ lực đó là sự hiếu kỳ được tình yêu truyền

cảm hứng, dấu chỉ của cố gắng để biết và để hiểu ngài sâu và rõ hơn.

Nhưng đó có phải là phương pháp đúng để đạt tới kết cuộc không? Có phải bất cứ sự góp nhặt chi tiết cụ thể nào cũng có thể biểu lộ cho chúng ta thành tích cứu rỗi của Chúa hằng sống cách hiệu quả ngang với những trình thuật phúc âm về thời thơ ấu trong Matthêu và Luca là những tin mừng chân chính, và bằng tất cả vẻ giản dị, chúng phản ánh tuyệt vời tới độ chúng ta có thể theo chúng mà cử hành ba lễ trọng thể: lễ Giáng Sinh, lễ Hiện Linh và lễ Đức Bà Dâng Đức Giêsu Vào Đền Thánh.

Chúng ta hy vọng trung thực với quan điểm của phúc âm khi chúng ta phải nói điều gì trong sách này về cuộc đời Đức Giêsu. Ta sẽ không cố lập bản tiểu sử theo những dữ kiện của phúc âm như thể sưu tập thông tin về một người đã qua đời. Trái lại, ta sẽ cố để phúc âm tự nói lên bằng những thông điệp rõ ràng về một người đang sống.

141-150

### *Sinh bởi một người nữ*

Những câu chuyện nguồn gốc của Đức Giêsu kể rõ rằng ngài xuất phát bởi loài người và rằng ngài xuất phát bởi Thiên Chúa. Đồng nhất tính của tính cách loài người và tính cách thiêng liêng trong ngài, mà đức tin đó sau cùng được diễn tả bằng một lối nói của Công đồng Canxêdon (*xem dưới*), đã được đưa ra trong những trang đầu của Matthêu, Maccô, Luca và Gioan.

Matthêu và Luca dùng cách trang trọng nhất có thể được công bố rằng Đức Giêsu có gốc rễ trong nhân loại. Cả hai đưa ra bản phả hệ (Mt. 1:1-17; Lc. 3:23-28). Chấn

Động của bản tóm tắt này được cảm thấy cách mãnh liệt trong Matthêu, là người mở đầu cuốn Phúc âm mình với nó. Nó bắt đầu với lời, “Sách phả hệ”, mà tiếng Hy Lạp có nghĩa là “Sách Sáng Thế” (Genealogy - Genesis). Danh sách soạn thành ba phần bằng nhau, biểu lộ một nắn đúc có tính văn học đưa chúng vượt quá lãnh vực thông tin chính xác. Chủ ý của tác giả soạn lời mở đầu như thế là để kêu gọi độc giả lưu ý tới một số cao điểm đầy ý nghĩa. Từ Đavít trở xuống, phả hệ không rõ ràng, có thể giải quyết một số tường trình khác nhau giữa Matthêu và Luca bằng giả dụ đâu đó có sự thay đổi theo lẽ luật hôn nhân Israel (Đnl. 25:6).

Ý định đó được nhận ra rõ hơn qua ghi nhận việc Luca nhấn mạnh đến một cấp xa hơn, bắt nguồn từ Adam để làm nổi bật sự kiện là Đức Giêsu thuộc về toàn thể nhân loại.

Phả hệ Matthêu có gồm bốn phụ nữ. Thaman, Raháp, Rút và người vợ của Uria. Tại sao chỉ đề cập tới bốn phụ nữ này? Có thể cả bốn là người ngoại quốc. Nếu thế thì Matthêu vạch ra, cũng như Luca đã vạch khi nhắc tới Adam, là sự ra đời của Đức Giêsu thuộc về toàn thể nhân loại. Matthêu đề cập tới họ phải chăng vì Cựu Ước đổ cho ba trong bốn phụ nữ này tình trạng tội lỗi và cảm dỗ tội lỗi. Cũng có thể. Nhưng dù gì đi nữa, họ có ở đó (cùng với nhiều người đàn ông tội lỗi) như những dấu chỉ minh bạch rằng Đức Giêsu đến từ nhân loại tội lỗi. Cả hai danh sách đều kết thúc với Thánh Giuse. Qua ngài, Matthêu và Luca cho thấy Đức Giêsu nối kết với nhân loại. Khuôn mặt khiêm tốn này trong buổi rạng đông của lịch sử cứu rỗi, một trong tính chất “nghèo đói Giavê”, theo cách nhìn

của lề luật, là mối liên hệ của Đức Giêsu với dân tộc Israel. Ngài là “vị sau cùng của các Tổ phụ”.

### *Sinh bởi Thiên Chúa*

Cũng như nguồn gốc nhân loại của Đức Giêsu, Phúc âm cũng đưa ra nguồn gốc thiêng liêng của ngài.

Trong Cựu Ước, có nhiều nhân vật được nói ngày ra đời của họ là đáp ứng cho một nguyện cầu. Một cuộc hôn nhân loài người ban đầu muộn màng, sau nhiều khát khao cầu nguyện và lời hứa thiêng liêng cuối cùng đơm hoa kết trái. Đó là cách đối với các tổ tiên Isaac và Giacóp của Israel, và cũng với Samson, Samuen và đứa con trai dòng họ Acát, kẻ là dấu hiệu sự chung thủy của Thiên Chúa trong thời cực kỳ gian truân. Sự ra đời của Gioan Tẩy giả cũng thế.

Trong các chuyện kể này điều có thật về tất cả vai trò làm cha được nổi bật lên với sự nhấn mạnh cách riêng: rằng một con người — duy nhất trong mọi thời — căn bản xuất phát từ Thiên Chúa. Đứa bé đó là “tặng phẩm” từ Thiên Chúa như ta thường đọc trong cột báo loan tin “sinh hạ” — nghĩa là lớn lao hơn cái mà cha mẹ nó “có”.

Đức Giêsu là điểm tột đỉnh của mọi lời hứa về con trẻ được thực hiện tại Israel. Khi nhập thế, ngài là một người được cầu xin bởi toàn thể mọi dân tộc và được hứa hẹn bởi toàn bộ lịch sử. Trong ý nghĩa duy nhất, ngài là đứa con của hứa hẹn, và là niềm khao khát sâu xa nhất của toàn thể nhân loại. Ngài được sinh ra từ toàn bộ ân sủng, toàn bộ hứa hẹn — “cứu mang trong Chúa Thánh Thần”. Ngài là *tặng phẩm* đó của Thiên Chúa ban cho nhân loại.

Điều ấy được hai soạn giả Phúc âm Matthêu và Luca diễn tả khi công bố rằng sự ra đời của Đức Giêsu không do bởi ý chí loài người. Họ công bố rằng sự ra đời này, không dựa vào cái mà loài người có thể tự mình làm — so với những cuộc chào đời khác của loài người thì nó tuyệt đối rất ít giống. Không có gì trong cung lòng của loài người, không có gì trong sự đơm hoa kết trái của loài người có thể sinh nở ra ngài, đáng mà mọi đơm hoa kết trái của nhân loại, mọi phát sinh của nòi giống chúng ta tùy thuộc vào: vì mọi sự được làm ra trong ngài. Rốt cuộc nhân loại không phải cảm ơn ai trừ Chúa Thánh Thần vì sự ra đời của đáng đã hứa này. Căn nguyên của ngài không phải do máu huyết, không phải do ý của xác thịt, không phải do ý của người đàn ông, nhưng do bởi Thiên Chúa: Đáng Tối cao

### *Matthêu*

Mọi điều trên được Matthêu và Luca nói bằng những lời giản dị và bình thường mà diễn tả được sự tươi mới của Đức Giêsu. Chúng ta đọc trong Matthêu: “Đức Giêsu Kitô sinh ra [”sáng thế - genesis”, nữa] thế này, Maria, mẹ Ngài đã đính hôn với Giuse; trước khi ông bà phối hợp cùng nhau, thì xảy ra là bà đã có thai do tự Thánh Thần. Giuse chồng bà, vì là người công chính và không muốn tố giác bà, thì định âm thầm li dị. Sau khi ông đã quyết tâm như vậy, thì này: Thiên thần Chúa hiện ra trong mộng bảo rằng: ‘Giuse, con của Đavít, chớ sợ lấy Maria vợ ông; thai sinh nơi bà là do tự Thánh Thần’”(Mt. 1:18-20).



## *Luca*

Và kể đến chúng ta có những trang tuyệt diệu rút ra từ tính cách tinh tế nhất trong các soạn giả phúc âm: trình thuật về truyền tin của Luca (Lc. 1:26-38). Luca thể hiện trung thực tới mức có thể được chân lý rằng ân sủng của việc Đức Giêsu đến là một biến cố có tầm quan trọng toàn thế gian.

Sứ giả của Thiên Chúa được gọi là Gabriele mà theo sách Đanien, thiên thần ấy là kẻ loan báo ngày tận thế. Do đó việc nêu tên Gabriele ngụ ý là thời ân sủng sau cùng của Thiên Chúa đang ở gần bên. Sứ điệp tự nó cũng đầy những ngụ ý tới những lời hứa thưởng trước của Thiên Chúa. Ngay lời chào của thiên sứ đã mở ra cho thế gian một bảo đảm trọn vẹn về công cuộc cứu rỗi từ Cựu Ước: “Vui lên! Hỡi đầy ân phúc”. Mỗi người có cách chào riêng của mình. Chúng ta thường chào như chúc người khác mạnh khỏe. Một trong các cách được dùng ở Hy Lạp là, “Vui lên”. Luca dùng lời chào đó — theo nghĩa đen, “Vui lên, Hỡi người được ân sủng”. Nhưng lúc ấy, lời truyền tin còn hơn lời chào bình thường của Hy Lạp. Nó là tiếng vọng của những lời đã hứa có tính cách tiên tri, như trong sách Xêphônnya:

“Reo vui lên, Nữ tử Sion, Hỡi hò la, hỡi Israel!  
Hỡi vui mừng, hỡi hoan hỉ hết lòng nữ tử  
Giêrusalem!..  
Vua Israel — Giavê - ở giữa người” (Xp. 3:14-15).

và:

“Hãy nhiệt liệt nhảy mừng, nữ tử Sion!  
 Reo hò lên, nữ tử Giêrusalem!  
 Đây vua người đến với người.  
 Ngài, người tiết nghĩa và được độ sinh” (Drc. 9:9).

Những lời gọi đó được gởi tới “nữ tử Sion”. Đó là dân tộc Israel, cách riêng Giêrusalem, được nhân cách hóa bằng hình tượng người nữ.

Lúc này nỗi hân hoan được đáp ứng trong người nữ, kẻ bản thân ở đó như người đại diện cho toàn thể dân tộc. Israel ở đó trong mẹ Maria, và nghe sứ điệp rằng, Thiên Chúa phái vị vua, Đấng Cứu Thế, đến giữa họ.

Mẹ Maria nói với thiên thần, “Điều ấy sẽ làm sao được? Vì việc phu thê tôi không nghĩ đến!” Câu hỏi này đặt ra ở đó như một đưa dẫn vào phần thứ hai của sứ điệp: “Thánh thần sẽ đến trên người, và quyền năng Đấng Tối Cao trên người rợp bóng” (Lc. 1:35). Tiếng “rợp bóng” lấy từ Cựu Ước. Nó làm nhớ lại đám mây chói lọi phủ xuống lều trướng giữa sa mạc hoặc trên đền thánh Giêrusalem như một dấu hiệu Thiên Chúa có mặt (Xh. 40:34-35; Ds. 9:15; 2Sb. 7:2). Trong trình thuật Truyền tin có rất nhiều lời khác nói bóng gió tới Cựu Ước.

### *Người mẹ của Chúa*

137-138

Ta hãy tiếp tục trong giây lát để ngẫm nghĩ về mẹ, người phụ nữ trẻ mà Thiên Chúa đã làm những việc trọng đại như thế cho mẹ, trong mẹ một kỷ nguyên của thế gian sắp kết thúc và bắt đầu một kỷ nguyên khác. Mẹ hiện thân những kỳ vọng của Israel ở mức cao khiết nhất

147,160-  
 169,293  
 338,357  
 447  
 779-781

của chúng. Không như Gioan Tẩy giả hoặc các Tông đồ, mẹ không có nghĩa vụ trong việc loan truyền phúc âm. Mẹ không là một sứ giả chính thức. Và vì thế, phúc âm Maccô vốn bàn về việc thừa tác đại chúng của Đức Giêsu, chỉ dành sự chú ý đặc biệt ít ỏi tới mẹ Maria. Nhưng Matthêu, Luca và Gioan khám phá càng lúc càng nhiều về nghĩa vụ của mẹ. Nghĩa vụ này lớn hơn mối liên hệ huyết nhục với Đức Giêsu (x. Lc. 8:19-21). Mẹ là “kẻ đã tin” (Lc. 1:45). “Prius mente concepit quam ventre” — mẹ cứu mang ngài trong tâm hồn trước khi cứu mang ngài trong cung lòng mình. Thật hoàn toàn thích đáng với tình thần phúc âm khi tôn vinh địa vị đặc biệt của mẹ trong mẫu nhiệm Đức Kitô.

Đức Giêsu là con đầu lòng của mẹ. Phúc âm không nói mẹ có người con nào khác sau ngài. Sự việc “các anh em và chị em của Giêsu” (Mt. 13:55-56) được đề cập đến không nhất thiết có ý nói tới mối quan hệ này. Tại Do Thái và Aram, bà con họ hàng xa hơn cũng được cho danh hiệu này. Phong tục ấy nay vẫn tồn tại ở Nagiarét. “Các anh em và chị em” của Đức Giêsu không nhất thiết phải là con của Thánh Giuse và mẹ Maria, và có thể thấy qua việc hai anh em được nêu tên lần đầu trong Mt. 13:55 lại xuất hiện trong Mt. 27:56 là con của một Maria khác. Cũng rất có thể Gioan và Giuse, được nhắc đến mà không ghi chú này, không phải là những người được đề cập đến ở trước. Thêm nữa Ga. 19:27 đưa ra khả năng rất lớn là mẹ Maria không có các con trai khác. Điều đầy ý nghĩa là trong nghệ thuật Kitô giáo, kể cả nghệ thuật thời Phục hưng, không có chỗ nào mà mẹ Maria được diễn tả cùng với những người con khác.

Giáo Hội kỷ niệm lễ truyền tin mẹ Maria vào ngày 25 tháng Ba, chín tháng trước lễ Giáng Sinh. Cũng có phong tục đọc kinh Truyền tin ba lần một ngày mỗi khi chuông nhà thờ rung, lúc sáu giờ sáng, chính Ngọ và sáu giờ chiều. Kinh này là một ca nguyện nhắc nhở tới sự nhập thể.

*Ngôi Lời làm bởi nhục thể*

91

819 821

Mẹ Maria có hiểu hoàn toàn đáng mà mẹ mang vào thế gian không? Không, chỉ sự sống lại của Đức Giêsu mới biểu lộ rõ rệt ngài là ai. Tuy nhiên, Giáo Hội đã rất sớm soạn tụng ca như sau:

“Ngài là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình,  
là trường tử giữa mọi thụ sinh;  
vì trong Ngài vạn vật đã được tạo thành”  
(Cl. 1:15-16).

và một tụng ca khác có nội dung:

“Ngài phận là phận của một vì Thiên Chúa, nhưng  
ngài đã không nghĩ phải giằng cho được  
chức vị đồng hàng cùng Thiên Chúa  
Song Ngài đã hủy mình ra không  
là linh thêm thân phận tôi đòi,  
trở thành giống hần người ta;  
đem thân đội lột người phàm” (Pl. 2:6-7)

Những văn bản Tân Ước đó được viết ra còn trước cả sách Phúc âm. Chúng không chỉ là những văn bản độc nhất. Các văn bản sau đây còn nói về mẫu nhiệm nguồn gốc Thiên Chúa của Đức Giêsu. Vì vậy chúng ta đọc thấy, thí dụ, trong lời mở đầu của Gioan:

“Lúc khởi nguyên đã có Lời,  
và Lời ở nơi Thiên Chúa,  
và Lời là Thiên Chúa,  
Ngài đã có lúc khởi nguyên nơi Thiên Chúa”  
(Ga. 1:1-2).

Ngài, đáng được sinh ra, đã ở sẵn tại nguồn gốc ấy, “trong khởi thủy” mà sách Sáng Thế 1:1 nói về nó.

“Mọi sự đã nhờ Ngài mà thành sự và  
không Ngài thì không gì đã thành sự” (Ga. 1:3).  
“Mọi sự đã được tạo thành nhờ Ngài và cho Ngài”  
(Ga. 1:16).

Vì thế, Tân Ước công bố rằng ngài, đáng được sinh ra, đã tác động lên thế gian ngay từ khởi thủy, điều này được chỉ rõ do tước hiệu mà Gioan dùng, “Ngôi Lời”. Nó là tiếng vọng của cách diễn tả “Thiên Chúa nói” trong trình thuật sáng thế. Nó là một nhắc nhở đến Ngôi Lời Thiên Chúa đã qua các tiên tri và những người lành thánh mà tạo ra Israel. Nó là một hồi tưởng cái Khôn Ngoan đầy-sinh-khí của Thiên Chúa, “ánh hào quang tinh ròng tự vinh quang Đấng Toàn năng phát hiện” (Kn. 7:25). Do đó, Thư gửi Tín hữu Do Thái nói: “Ngài phản ánh vinh quang của Thiên Chúa” (Dt. 1:3).

Sự hạ mình thiêng liêng này, mà những tiên báo nồng nhiệt đã được đưa ra trong Cựu Ước, nay xuất hiện là một con người ở trần gian. Thiên Chúa không còn tách biệt nữa: “Lời đã thành xác phàm” (Ga. 1:14).

Trong tĩnh lặng ngưỡng mộ, trầm tư về việc này sẽ làm nổi bật sắc nét hơn. Có thể đây là lý do độc nhất của mẫu nhiệm nhập thể của Con Thiên Chúa: “Chỉ tình yêu làm những việc như thế.” “Thiên Chúa đã yêu mến thế gian như thế (đó) đến nỗi đã thí ban Người Con Một” (Ga. 3:16).

### *Hình ảnh của hiện hữu Thiên Chúa*

Đây là một mẫu nhiệm quá thiêng liêng đến nỗi loài người ít dám tin. Có lẽ cách tốt nhất thâm nhập vào chỗ sâu kín của nó là khảo sát những nỗ lực của nhân loại nhằm giảm thiểu nó. Ngay từ những thế kỷ đầu tiên của Kitô giáo, nhiều người miễn cưỡng chấp nhận điều đó với toàn bộ vẻ uy nghiêm của nó. Ba lần Giáo Hội đã phải ra công bố long trọng để giữ cho sự nguyên vẹn của mẫu nhiệm này không bị sút mẻ.

Khuynh hướng giới hạn ý nghĩa sự nhập thể này là gì?

Có lẽ chúng ta có thể diễn tả khuynh hướng ấy như sau: Dựa theo những ý niệm của chính mình, và cũng dựa theo những hiểu biết cố chấp và cục bộ về Cựu Ước, chúng ta hình thành những định kiến nào đó về Thiên Chúa, về bản tính vô hình, quyền năng và tính chất không đến gần được của ngài. Rồi chúng ta đối chiếu những khái niệm này với Đức Giêsu và nói ngài không thể là Thiên Chúa.

50-52

Như thế chúng ta đã thật sự hiểu Thiên Chúa là ai! Như thế những ý niệm tự nhiên trước đó về Thiên Chúa đã là một trình bày thấu đáo của Thiên Chúa! Thực tế, chúng ta chỉ biết Thiên Chúa là ai qua Đức Giêsu. Không phải qua (ý niệm của chúng ta về) Thiên Chúa mà chúng ta học biết Đức Giêsu. Nhưng qua Đức Giêsu mà chúng ta học biết Thiên Chúa. Biểu thị của Đức Giêsu là một cơ hội nhìn thấy chân chính và duy nhất mạc khải của Thiên Chúa.

163-165  
819-821

Khoảng năm 300 sau C.N., khuynh hướng mà chúng ta đang nói đến, tự biểu lộ trong học thuyết của Ariô, một linh mục ở Alexandria. Ông, chủ yếu nghĩ theo cách loài người, đối chiếu một Thiên Chúa nào đó với sự xuất hiện của Đức Giêsu và tuyên bố rằng Đức Kitô không phải là Thiên Chúa, dù ngài rõ ràng là một thụ tạo ở một đẳng cấp rất cao. Công đồng vĩ đại đầu tiên của Giáo Hội về vấn đề này được triệu tập vào dịp ấy ở Nicêa (Nikaia) năm 325. Công đồng tuyên bố long trọng rằng trong Đức Giêsu Thiên Chúa xuất hiện ở thế gian như một con người, con người của Chúa Con.

552

Việc tuyên xưng đức tin được vạch ra từ Công đồng Nicêa là Kinh Tin Kính nay vẫn được đọc hoặc hát sau bài phúc âm trong Thánh lễ Misa: "Thiên Chúa bởi Thiên Chúa, ánh sáng bởi ánh sáng, Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật; được sinh ra mà không phải tạo thành, đồng bản tính với Đức Chúa Cha." "Được sinh ra, mà không phải tạo thành": đó là sự phát sinh chân chính (sinh ra) trong và bởi Thiên Chúa, mà không phải là một thụ tạo.

817-824

Như thế Chúa Con phát xuất bởi Chúa Cha bằng cách phát sinh, không bằng cách tạo thành.

Những người ta còn nhiều câu hỏi. Họ còn gặp nhiều khó khăn trong việc làm hòa hợp các khái niệm tự tạo nhiều hoặc ít của mình về Thiên Chúa với sự biểu thị chân chính của Thiên Chúa trong Đức Giêsu.

Khoảng năm 400, sự kiện trên đưa tới lý thuyết rằng Con Thiên Chúa trên trời và con người Đức Giêsu ở mặt đất là hai kẻ thật sự tách biệt nhau. Cả hai được thừa nhận hiệp nhất với nhau, nhưng cả hai vẫn còn tách biệt. Cách thức này được nghĩ là để bảo vệ một khái niệm nào đó về Thiên Chúa trong sự thanh khiết của nó. Lý thuyết này được gắn liền với tên của Giám mục Nestôriô, sống vào thế kỷ thứ năm. Ta có thể nhìn gần hơn quanh ta để thấy dấu vết của sự suy nghĩ này. Nó có thể có trong việc thể hiện các khái niệm của chúng ta về Đức Kitô, đặc biệt giữa những người có khuynh hướng khoa học hoặc bán khoa học. Một đằng chúng ta tin Đức Giêsu là Con Thiên Chúa, đằng khác khi chúng ta công nhận điều ấy chúng ta cảm thấy có thể để nó qua một bên trong mọi cân nhắc sâu xa hơn về Đức Giêsu. Chúng ta tiếp tục cân nhắc ngài như một vị tôn sư sống hai ngàn năm trước. Chúng ta nói về ngài như một con người vĩ đại. Chúng ta không thật sự thấy trong sự sống loài người của ngài bản vị Con Thiên Chúa, ánh chói lợi rực rỡ của sự sáng vĩnh cửu.

Để hóa giải khuynh hướng này, Công đồng Êphêso công bố vào năm 431 rằng, mặc dầu có sự khác biệt giữa bản tính thiêng liêng và bản tính loài người, nhưng chỉ có một bản vị trong Đức Kitô. Chúng ta nhận ra Thiên Chúa trong con người Đức Giêsu. Để diễn tả cách hết sức thuyết phục mẫu nhiệm này của Đức Kitô, Công đồng tuyên bố Đức Mẹ Maria tước hiệu *Theótokos*, Mẹ Thiên Chúa.



Nhưng vẫn tồn tại những cách khác để bảo vệ cái ý niệm tự nhiên (định kiến) về Thiên Chúa. Vào thời Công đồng Êphêsô, những người thuộc phái Monophysite đã nêu giải pháp này. Trong hàng ngũ của họ có rất nhiều tu sĩ. Họ công nhận cách rất tôn kính đồng nhất tính trong bản vị của Đức Kitô, nhưng họ thấy nó theo cách là ngài chỉ sở hữu bản tính thiêng liêng mà thôi. Không có bản tính con người thật sự đằng sau mọi tính cách con người của Đức Kitô. Con Thiên Chúa chỉ hành động như thể là có ở đó. Ngài không thật sự là con người. Thiên Chúa sống ở trần gian chỉ với sự xuất hiện bề ngoài của con người.

Các nhãn quan lầm lạc này có thể còn ảnh hưởng tới khái niệm của chính chúng ta về Đức Kitô, đặc biệt có thể xảy ra với người ngoan đạo. Tính thiêng liêng của Đức Giêsu bị làm thành chủ yếu nổi bật quá đời khiến không thấy thêm được gì cả. Do đó, đôi khi ta có thể đọc các bài mô tả Đức Kitô hài đồng chỉ cứ xử như thể ngài là một đứa trẻ.. Có thể nói Đức Giêsu chỉ giả bộ sống một đời sống loài người. Cùng với việc ngài không tăng trưởng như một con người, ngài không suy nghĩ và cảm xúc như một con người. Ngài hoàn hảo tuyệt đối, chỉ xuất hiện cách bề ngoài với hình dạng con người.

Vì những ý niệm ấy nên sau Công đồng xác định bản tính thiêng liêng của Đức Kitô (Nicêa) và sau Công đồng xác định đồng nhất tính của Đức Kitô (Êphêsô), cần một hội nghị thượng đỉnh khác nữa để bảo vệ bản tính con người của Đức Kitô. Bằng những lời lẽ tôn kính và dứt khoát, bản công bố được đưa ra tại Công đồng Canxêđôn vào năm 451, chỉ hai mươi năm sau Êphêsô. Công đồng ấy tuyên bố rằng trong bản vị của Đức Kitô không chỉ có bản tính thiêng

liêng mà còn có bản tính loài người cùng hiện hữu trong sự toàn vẹn. Thiên Chúa thật xuất hiện trong một con người thật. Sự oai nghiêm của Thiên Chúa cùng mật thiết với chúng ta, cũng thân ái, thương xót, uy nghi và can dự vào cuộc chiến đấu chống lại sự dữ, như Đức Giêsu vậy.

Lúc ấy, dứt bỏ các giải thích đa đoan có tính cách loài người của chúng ta. Chúng ta có thể nhận biết Thiên Chúa hiện hữu như thế nào, trong Đức Giêsu, đáng đã sinh ra, chết đi và sống lại, và tiếp tục sống trong Giáo Hội bằng Thánh Linh ngài.

Cũng dứt bỏ luôn các nỗi sợ hãi của chúng ta. Trong ngài, đáng chiến đấu chống lại sự dữ vì chúng ta, “tới độ chảy hết máu mình ra”, chúng ta nhận biết lối đi chân chính vào thực tại của mẫu nhiệm Thiên Chúa. Con tim loài người của Đức Kitô là tấm lòng của Thiên Chúa.

S14-S19

### *Điều này can dự tới con người ra sao*

Cả ba công đồng ấy được những người thành lập tông phái Cải Cách (Thệ phần - Tin Lành) ở thế kỷ mười sáu chấp nhận cách cởi mở và bảo toàn được tính độc nhất và tính mới lạ của biểu thị của Đức Kitô. Các công đồng ấy được tiến hành trong những hoàn cảnh khó khăn có thể là lớn lao nhất. Nhưng qua cả ba, Thiên Chúa mang nhân loại đến một trình độ phát triển và nhận thức mới.

Có thể thấy điều này ở một mức độ nào đó qua những nghiên cứu sau đây. Như lịch sử ngôn ngữ cho thấy, khái niệm của chúng ta về “con người”, trong ý nghĩa nhân bản sâu xa của từ ngữ này chỉ được sáng làm sáng tỏ qua công việc của các công đồng trên.

Người La Mã từng có từ “*persona*” mà họ đã sử dụng như một thuật ngữ pháp lý để mô tả một công dân tự do. Thế có nghĩa, kẻ nô lệ không phải là một *persona*. Người Hi Lạp từng có khái niệm về “cá nhân” (*individualis*), nghĩa là, sự thể hiện bản tính loài người phổ quát trong một đơn vị độc lập, đơn nhất. Nhưng cá tính không thay thế được mà mỗi người thể hiện, với phẩm giá đặc biệt và không đo lường được — đều được diễn tả bằng thuật ngữ “con người loài người” — chỉ trở nên rõ ràng trong thời gian có những công đồng vĩ đại trên. Vì Con Thiên Chúa đã thật sự là người nên mọi con người loài người sở hữu một phẩm giá vô giá. Vì thế đưa đến sự xác tín về phẩm giá và các quyền của con người, bao gồm cả người thiếu năng lực, những phần tử có vẻ như không sinh lợi cho xã hội. Một khi sự hiện hữu của kẻ khác được thừa nhận là một con người thì sự chiếm hữu nô lệ đã đánh mất nọc độc tẻ nhạt nhất của nó ngay cả trước khi xảy ra việc thật sự hủy bỏ nó về mặt kinh tế và xã hội. Phải mất nhiều thế kỷ các chân lý như thế mới thẩm nhập được vào nhân loại. Nếu Đức Kitô không ra đời thì chúng ta không thể biết nhân loại ngày nay ở vào trình độ nào. Không Kitô hữu cả người theo nhân bản chủ nghĩa lẫn người theo chủ nghĩa Mác nào có thể biết được. Nhưng ta có thể hiểu điều ấy như thế nào? Không ai có thể am hiểu trọn vẹn điều mà mạc khải của Thiên Chúa đang hoàn tất trong thế gian.

Một số hiệu quả có thể thấy được trong nghệ thuật. André Malraux, một nhà văn sành sỏi nghệ thuật của nhân loại và bản thân không phải là một Kitô hữu, đã nêu được điều ấy ra. Ông thấy là, những khuôn mặt trong nghệ thuật

371

391

117-123

391-392

116-166

La Mã là những “bản tính” nguyên thủy, những tiêu biểu tổng quát về bản tính con người; trong khi dung mạo của một bức tượng Trung Cổ là một câu chuyện về một cuộc đời. “Và những đôi môi thanh tú nhất thuộc nghệ thuật Gôtic tựa hồ như những vết theo để lại bên cạnh cuộc đời.”

Những suy nghĩ này có vẻ làm chúng ta đi xa đề tài của mình là sự nhập thể. Nhưng chúng giúp chúng ta thấy việc làm người của Thiên Chúa liên hệ mật thiết biết bao với việc làm người của con người — trong cách thức mà Thiên Chúa muốn bày tỏ ngài hiện hữu. Thực thế, với khả năng thiêng liêng hóa của ngài, như được đề cập tới vào thời các công đồng vĩ đại: Thiên Chúa thực sự làm người với mục đích để cho chúng ta thật sự trở nên thiêng liêng. Toàn bộ loài người đều can dự vào.

Tín lý không chỉ là những lời nói, mà là những giá trị 556  
- những giá trị mở rộng thêm tầm nhìn của chúng ta. Thành 584  
tựu lớn lao về Kitô học của ba công đồng ấy đã mở rộng 599-601  
tới mức có thể được các lối đi nhỏ hẹp của chúng ta. Cả 736  
ba không loại bỏ gì cả. Mọi điều cả ba làm là để loại bỏ  
những phủ nhận con người. Cả ba tháo mở mầu nhiệm hé  
lộ trong phúc âm.

### *Lễ kỷ niệm Đức Giêsu ra đời*

Ta không biết ngày sinh của Đức Giêsu. Trong các thời kỳ ban đầu không có quan tâm lớn lao đến thời điểm lễ Giáng Sinh. Đại lễ duy nhất được cử hành vào thời đó là lễ Phục Sinh, nhắc nhở tới mầu nhiệm của Đức Kitô. Nhưng vào thế kỷ thứ ba, Kitô hữu cảm thấy ao ước cử hành lễ riêng về việc Đức Kitô sinh ra. Đó cũng cùng

một hiện tượng như ta ghi nhận khi kể về cuốn phúc âm. Trước hết là các biến cố cứu độ vĩ đại do Đức Kitô hoàn tất trong thời trưởng thành của ngài, và chỉ lúc đó đưa đến nỗi ao ước “lội ngược dòng” để thấy những giai đoạn đầu tiên.

Việc không biết ngày sinh của Đức Kitô đã để cho Kitô hữu tự do chọn lựa thời điểm nhiều ý nghĩa nhất. Cách tự phát, thời kỳ trong năm bắt đầu có các ngày dài hơn được chọn. Vì thế ngay từ thuở xưa, khoảng thời gian từ ngày 25 tháng Mười hai đến ngày 6 tháng Giêng được dùng làm những thời điểm dành cho sự biểu thị đầu tiên của Đức Giêsu. Việc chọn lựa này có vẻ như phỏng theo các ngày lễ hội ngoại đạo. Nhưng đó chỉ là ngẫu nhiên. Lý do căn bản giản dị hơn nhiều và cách tổng quát, người ta muốn hấp dẫn bản tính con người. Khi xuất hiện sự tươi rạng trong thiên nhiên, các Kitô hữu bắt đầu cử hành lễ kỷ niệm ra đời của Sự Sáng mới không bao giờ tàn lụi. Đó là ánh sáng tâm linh, và vì thế không bị suy xuyển gì dù các thành phố hiện đại của chúng ta luôn luôn được chiếu sáng hoặc tại nam bán cầu việc mặt trời mọc là một biểu tượng thiên nhiên được bàn tán vì khó thấy có hoặc thật sự hoàn toàn vắng bóng. Đức tin Kitô giáo không tách biệt với thiên nhiên; mà hân hoan hòa hợp mình với diễn biến của thiên nhiên, nhưng nó không là một tôn giáo thiên nhiên bị gắn chặt vào chu kỳ các mùa. Nó đặt căn bản trên những sự kiện lịch sử tồn tại cách vĩnh viễn thích đáng.

Việc ra đời của Đức Giêsu là một sự kiện trong lịch sử. Toàn bộ lịch sử theo đó mà được xác định thời điểm. Năm thứ nhất là năm ra đời của Đức Giêsu. Đây là một

khả thi tuyệt vời mà Dionysus Exigumos (gọi là Denis Thấp hèn - một tu sĩ thế kỷ thứ sáu) theo đó để thay thế bản liệt kê thời xa xưa tính năm theo việc thành lập đế quốc La Mã. Rõ ràng Denis quá ít để ý tới tiếng “khoảng” trong câu văn của Luca. “khoảng ba mươi tuổi”, nói về tuổi của Đức Giêsu lúc bắt đầu rao giảng (Lc. 3:23). Hậu quả là theo sự tính toán của mình, Denis có thể đã bỏ mất từ bốn cho đến bảy năm. Nếu Đức Giêsu có sinh ra trước đó vài năm thì thời điểm “Công Nguyên - C.N.” (Anno Domini - A.D.), “năm của Chúa” vẫn giữ nguyên ý nghĩa sâu xa của nó: một kỷ nguyên mới bắt đầu với Đức Giêsu.

Biến cố lịch sử biểu thị của Thiên Chúa để cứu độ chúng ta được giữ lại kề bên chúng ta trong phụng vụ. Do đó chương này được viết từ quan điểm cử hành lễ hàng năm của chúng ta về sự ra đời của ngài, được thể hiện thành chủ đề rất tốt vì phụng vụ từ ngày 25 tháng Chạp đến 2 tháng Hai bao gồm được mọi biến cố quan trọng.

Trong đêm tối nhất năm, Giáo Hội hồi tưởng sự ra đời của Đức Giêsu. Bằng cử hành phụng vụ Thánh Thể ba lần - nửa đêm, rạng sáng và ban ngày, mỗi lần đều có những tụng ca và lời cầu nguyện khác nhau. Phong tục này xuất phát từ Giêrusalem. Trước hết, lễ canh thức được tổ chức tại Bêlem. Tới rạng đông, đám rước vào đến Giêrusalem. Suốt ngày, Kitô hữu tập trung tại nhà thờ lớn của thành phố. Vì thế Giáo Hội chúng ta nay vẫn cử hành ba Thánh lễ trong Ngày Giáng Sinh.

Trước lúc tín hữu tập hợp vào nửa đêm thì các dòng tu chiêm ngắm trên khắp thế giới đang hát những Ca khúc Đêm Giáng Sinh rất dài, hai giờ thánh vịnh, các bài đọc từ Isaia và từ các Đức Thánh Cha Lêô Cả, Grêgôriô Cả,

376-378 Augustinô và Ambrôsiô — một cuộc tụng ca kéo rất dài. Giáo Hội chiêm ngắm chuẩn bị đón tiếp Đức Giêsu ra đời trong lúc chúng ta sắp xếp những chuẩn bị sau cùng, vào đêm nay, lúc các lời tiên tri được thực hiện và lúc mẹ Maria cùng Thánh Giuse sắp xếp những sửa soạn thực tế cho việc sinh nở.

Thánh lễ nửa đêm bắt đầu với bài ca kể về sự ra đời mãi mãi của Chúa Con bởi Chúa Cha. “Người phán với Ta: Người là Con Ta, chính Ta, hôm nay, Ta đã sinh ra Người” (theo Thánh vịnh 2). Trích thư Thánh Phaolô Tông đồ gửi Titô: “Vì đã hiển linh rồi ân sủng cứu độ của Thiên Chúa cho mọi người thiên hạ” (Tt. 2:11-15). Sau các bài thánh vịnh long trọng, đọc Sách Thánh, thì đến điểm tột đỉnh của đêm thánh là một câu chuyện giản dị về giáng sinh, cuộc kiểm tra dân số đã làm thế nào mang Thánh Giuse và mẹ Maria đến Bêlem, thị trấn mà Đavít đã đến. “Xảy ra là đang khi ông bà ở đó, thì đã mãn những ngày thai nghén, đến buổi lâm bồn, và bà đã sinh con đầu lòng, và lấy tã vấn con và đặt nằm trong máng cỏ, bởi vì không có chỗ cho ông bà trong quán trọ” (Lc. 2:6-7).

Một máng cỏ hoặc một máng ăn là đồ chứa cỏ khô cho súc vật ăn. Đó là cách mà Sự Sáng xuất hiện — làm một người nghèo khổ, kẻ không chỗ nào chứa chấp. Rõ ràng chỗ ngài sinh ra là dấu chỉ đáng kể về sự vĩ đại của ngài. Đó là thành phố vương giả Bêlem, nơi lời hứa với Đavít sau cùng được thực hiện.

Chúng ta cũng được kể về việc các thiên thần hiện ra. Vinh quang Thiên Chúa xuyên thủng bóng tối. Các thiên thần hát lên lời ca như sau:

“Vinh quang Thiên Chúa trên trời cao thăm  
và dưới đất bình an cho kẻ Người thương”  
(Lc. 2:13).

Điều ấy có ý nghĩa là loài người thuộc về lòng đoái thương của Thiên Chúa. Cũng có thể cắt nghĩa điều ấy là Thiên Chúa hài lòng về loài người. Chủ đề lớn lao của đêm nay là lòng đoái thương của Thiên Chúa, lòng nhân từ của ngài không loại bỏ một ai.

“Nơi điều này mà thực là lòng mến:  
là không phải vì ta đã yêu mến Thiên Chúa,  
nhưng chính là Người đã yêu mến Ta,  
và sai Con của Người đã đến  
làm hy sinh đền tạ tội lỗi ta” (1 Ga. 4:10).

Sau trình thuật về ra đời này đến bài giảng về mẫu nhiệm đang được cử hành, rồi đến phần Phụng Vụ Thánh Thể.

Thánh lễ rạng đông ngập tràn những biểu tượng của sự sáng. Thêm lần nữa trích thư Thánh Phaolô Tông đồ gửi Titô, nói về sự trọn lành của Thiên Chúa, lòng đoái thương và tính chủ động của ngài: “Người đã cứu ta, không phải do tự các việc ta làm trong công chính; nhưng là chiếu theo lòng thương xót của Người” (Tt. 3:5-7).

Phúc âm tiếp tục trình thuật của Luca từ điểm tột đỉnh của Thánh lễ nửa đêm. Mô tả sự tuyển chọn đầu tiên của Thiên Chúa - những mục đồng nghèo khó được dẫn đường tới để nhận biết hài nhi. Các mục đồng không



16) chỉ nghèo khó mà còn bị rẻ rúng. Những mục đồng này giờ đây đại diện cho toàn thể dân tộc, như cùng xuất hiện theo lời các thiên thần: “Này ta đem (*cho các người*) tin mừng [nghĩa đen: phúc âm] về một niềm vui to tát, tức là niềm vui cho toàn dân” (Lc. 2:10). Vào khoảnh khắc đầu tiên ấy, khi cuộc cứu rỗi ngưng lại để trở thành một công cuộc của tương lai và bắt đầu một vinh quang “Hôm nay”, phúc âm thấy mọi giá trị đã bị đảo ngược rồi. Đại diện cho nhân loại là những người bị rẻ rúng, không là những kẻ được tôn vinh và kính trọng. Việc kể lại câu chuyện ra đời kết thúc với bài phúc âm của Thánh lễ rạng đông.

Thánh lễ ban ngày là một Thánh lễ Giáng Sinh có tính cách thật sự lễ hội. Thánh lễ này được dành để công bố long trọng nhất sự ra đời mãi mãi của Chúa Con. Ca nhập lễ bắt đầu với những tiếng giản dị, “Vì một trẻ đã sinh cho ta...” nhưng tiếp theo ngay là các lời lẽ, “vai Ngài đỡ lấy quyền bính và thiên hạ hô tước hiệu của Ngài: Mưu sự sự lạ” (Is. 9:5). Thư Tông đồ là phần khai đề của Thư gửi Tín hữu Do Thái (Dt. 1:1-6). Về phúc âm thì đoạn mở đầu của Thánh Gioan được chọn:

“Lúc khởi nguyên đã có Lời  
và Lời ở nơi Thiên Chúa  
và Lời là Thiên Chúa  
Ngài đã có lúc khởi nguyên nơi Thiên Chúa.  
Mọi sự đã nhờ Ngài mà thành sự và  
không Ngài thì không gì đã thành sự.  
Điều đã thành sự nơi Ngài là sự Sống  
và sự Sống là sự Sáng cho nhân loại.

và sự sáng rạng trong tối tăm  
 và tối tăm đã không triệt được sự sáng...  
 (Ngài) là sự sáng đích thật,  
 sáng soi mọi người,  
 (Ngài) đến trong thế gian  
 Ngài có trong thế gian ,  
 và thế gian đã nhờ Ngài mà được có,  
 mà thế gian đã không biết Ngài,  
 Ngài đã đến nơi nhà của Ngài,  
 mà người nhà không tiếp nhận Ngài.  
 Còn những ai tiếp nhận Ngài thì Ngài ban cho họ  
 quyền làm con Thiên Chúa, ấy là những kẻ tin  
 vào Danh Ngài.  
 Họ không do máu huyết mà sinh ra,  
 cũng không phải do ý của nam nhân, nhưng  
 chính họ bởi Thiên Chúa mà được sinh ra,  
 và Lời đã thành xác phàm,  
 và đã lưu trú nơi chúng tôi,  
 và chúng tôi đã được ngắm vinh quang của Ngài,  
 vinh quang như Con Một tự nơi Cha,  
 tràn đầy ơn nghĩa và sự thật” (Ga. 1:1-5, 9-14).

Giáo Hội cử hành mầu nhiệm Giáng Sinh bằng những  
 ngôn từ tung hô như thế. Nếu dự lễ bằng con tim và linh  
 hồn mình, chúng ta tiếp nhận ân sủng của Thánh lễ Giáng  
 Sinh: sự gặp gỡ Đức Kitô trọn vẹn, được thấy trong hình  
 dáng Đức Kitô hài đồng.

Lễ kỷ niệm này vang vọng trong mỗi gia đình chúng ta và trong các hình thức khác của đời sống xã hội. Máng cỗ, các bài ca giáng sinh - qua các luồng sóng truyền thanh, truyền hình hoặc máy hát - tính cách thiêng liêng và các dây hoa đèn, âm điệu thánh thót của chuông giáo đường khiến sự ra đời của Đức Giêsu thành một lễ hội ảnh hưởng độc đáo trong mỗi gia đình và mọi nơi khác.

Với người ngoại giáo, ngày 25 tháng Chạp là liên hoan giữa mùa đông. Nghỉ ngơi sau lao động mùa thu, thời gian vui thú đời sống ấm cúng gia đình. Lễ Giáng Sinh cũng thể hiện chức năng ấy với Kitô hữu. Điều ấy có nghĩa lễ hội Giáng Sinh dung chứa cách kỳ lạ những yếu tố tương phản nhau, như Thánh Phanxicô Assisi đã cảm nhận và các nhà thơ hiện đại thường nhấn mạnh. Mặt khác, Giáng Sinh là ngày hội của nghèo khó, của việc bước ra bên ngoài vòng thân thuộc của đời sống mỗi người, là thời gian của bác ái. Và mặt khác nữa, Giáng Sinh là lễ hội của phong phú dạt dào, của việc giữ gìn bên trong vòng thân thuộc của ta, của duy trì những gì mật thiết và như thế cũng là của yêu thương tại những nơi thân thuộc đó. Một trong các việc nên làm trong dịp lễ Giáng Sinh là hướng tới sẵn sàng tiếp đón người bên cạnh, những người thường sống ngoài vòng thân cận của gia đình mình. Chỉ bằng cách thức ấy thì việc cử hành lễ Giáng Sinh mới tương xứng mọi bề với sự hạ mình xuống thế cách tuyệt diệu của Đức Giêsu.

Như Luca kể, tám ngày sau sinh nhật của hài nhi là lễ cắt bì. Giáo Hội cũng nhắc nhở sự kiện này vào tuần lễ sau lễ Giáng Sinh, ngày đầu năm dương lịch. Bằng dấu hiệu cắt bì đúng với đòi buộc của lề luật, Đức Giêsu trở thành phần tử của dân tộc Israel.

Ngày đó hài nhi được đặt cái tên vốn đã được tuyên bố từ lâu trước lúc hài nhi ra đời: Giêsu, nghĩa là Giavê cứu độ. Tên đó từng được mang bởi một người đã dẫn dân tộc mình vào đất hứa: Giosuê (viết theo cách Hy Lạp).

### *Hiển linh của Chúa*

Chu kỳ lễ Giáng Sinh chưa chấm dứt. Phụng vụ ngày 6 tháng Giêng là một điểm tột đỉnh mới. Thời xưa, lễ hội đó được cử hành còn long lầy hơn cả lễ Giáng Sinh. Ngay hiện nay, nó có vị trí trong Giáo Hội Phương Đông giống lễ Giáng Sinh đối với chúng ta. Nó tán tụng một khái niệm huy hoàng, đó là việc tỏ mình ra hoặc sự biểu thị của Chúa.

Để thể hiện khái niệm ấy, ba biến cố của lịch sử cứu rỗi được liên kết vào nhau: sự thần phục của những nhà thông thái phương Đông, lễ thanh tẩy Đức Giêsu nơi sông Gioócđan và tiệc cưới Cana - ba biểu thị đầu tiên của vinh quang ngài.

Một trong những đoạn văn hàn hoan nhất của Isaia được chọn làm phần đọc sách, 60:1-6 “Hãy vùng đứng, hãy vùng sáng, Giêrusalem” Đức Giavê làm sự chói lọi của ngài bằng sáng lên ở Giêrusalem và từ nơi đó toả sáng ra để các nước ngoại giáo được lôi cuốn vào. Qua Đức Giêsu, quả thật cuộc cứu độ của Thiên Chúa đã xuất hiện tại Giêrusalem và Palestin.

Bài phúc âm nêu biến cố thứ nhất của ba biến cố cứu độ. Đó là câu chuyện mà Matthêu đặt vào phần mở đầu cuốn Phúc âm của mình, biểu thị đầu tiên của Đức Giêsu cho người không phải Do Thái, dấu chỉ rằng sự ra đời của Đức Giêsu cũng tác động lên thế giới bên ngoài Israel. Qua ý nghĩa biểu hiệu của các tính từ và một lời

tiên tri của Do thái, vài nhà “thông thái” phương Đông (có thể là Ba tư, Babylon hay A rập) khám phá ra hài nhi với Maria mẹ ngài và dâng lên ngài sự thần phục trọng thể. Từ thời hăm mộ, những bức tranh vẽ hoạt cảnh này là một trong những đường lối được ưa chuộng để miêu tả biểu thị của Đức Giêsu cho toàn thế giới. Tại vài nước, thì dụ như Hòa Lan và Đức, lễ này được gọi là lễ ba vua.

Câu chuyện các nhà thông thái đưa tới hậu quả việc tàn sát các hài nhi ở Bêlem và việc trốn sang Ai Cập. Cái chết của các hài đồng, những kẻ vô tình hiến máu mình cho Đức Giêsu này, được kỷ niệm tiếp theo sau lễ Giáng Sinh, ngày 28 tháng Mười hai, thường được gọi là lễ Các Thánh Anh Hài Tử Đạo.

Việc trốn sang Ai Cập có ý nghĩa là, trong chuyến trở về Đức Giêsu đi theo bước chân của dân tộc đã từ Ai Cập xuất hành ngày xưa. Matthêu gợi chú ý tới ý nghĩa này bằng câu, “Ngõ hầu được nên trọn điều Chúa đã phán nhờ vị tiên tri nói rằng: ‘Từ Ai Cập Ta đã gọi con Ta về’” (Mt. 2:15). Đức Giêsu là Chúa Con, lớn lao hơn cả một dân tộc. Trong ngài, dân tộc sẽ thoát khỏi cảnh câu thúc mà trở về, không còn là những kẻ nô lệ nữa.

### *Đến Giêrusalem lần thứ nhất*

Luca còn đề cập tới một chuyến đi khác của Đức Giêsu: Chúa đến Giêrusalem lần thứ nhất. Biến cố cứu độ này được tưởng niệm vào ngày 2 tháng Hai, lễ “Đức Bà Dâng Đức Giêsu vào Đền Thánh” (Hypapánte) hoặc lễ Tẩy ứ, trước đây gọi là Kiệu Nến. Bốn mươi ngày sau khi Đức Giêsu ra đời, cha mẹ ngài đi Giêrusalem. Để giữ đúng lễ

luật, mẹ Maria phải trải qua việc tẩy uế theo nghi lễ. Vì là đứa con đầu lòng, Đức Giêsu phải được dâng lên Thiên Chúa. (Trong các trường hợp như thế, đứa con đầu lòng lúc đó được “chuộc lại”. Vì hai cha mẹ này nghèo nên chuộc bằng một đôi bò cừu là đủ).

Hoạt cảnh này đưa ra nhiều ý nghĩa, phụng vụ tuyển lấy một ý nghĩa đặc biệt. Luca tập trung vào ý nghĩa đó, theo lối cắt nghĩa thời nay về Kinh Thánh thì, Giêrusalem, thành phố của các lời hứa, đã lần đầu tiên đón nhận trong cánh tay mình lời hứa giải thoát. Nghi thức phụng vụ này, vốn xuất phát từ Phương Đông, không mang tính cách La Mã, mà chan chứa cảm tình ở đây: “Hãy đeo đồ trang sức của mình vào, hỡi Sion, và đón tiếp vua Kitô; hãy ôm vào lòng Maria người đang ở cổng thiên cung; vì ngài là đáng đã cứu mang vị Vua của vinh quang của sự sáng mới.” Bài ca nhập lễ bắt đầu như thế trong vịnh danh hài nhi và mẹ ngài.

Bài đọc sách trích từ Malakhi 3:1-4 nói về việc Thiên Chúa đến để thanh tẩy đền thánh của ngài. Phúc âm là một trình thuật trích Luca (2:22-32).

Còn có ý nghĩa hệ trọng cách sâu sắc là tại Giêrusalem, những người tiếp đón ngài không là các thủ lãnh tôn giáo chính thức của dân tộc, nhưng là một lão ông và một lão bà. Rõ ràng họ đại diện cho những người “nghèo khó Đức Giavê”, những người nhẫn nại trông đợi “Đấng An ủi của Israel”.

80-138  
156,180

Tên của hai người ấy là Simêon và Anna. Người đầu hát lời chúc tụng hài nhi là đấng “ánh sáng mạc khải cho dân ngoại, và vinh quang của Israel dân Người”. Sự tuyển chọn xuống trên người không phải Do Thái cũng như

người Do Thái. Thêm lần nữa, trọn công trình của Đức Giêsu được biểu hiện tại một trong những biến cố sớm sủa - bao hàm những giọt lệ mà hài nhi này, ba mươi năm sau, tuôn tràn trên Giêrusalem (Lc. 19:41-44). Simêon nói với người mẹ trẻ này về sự bổ nhào của nhiều người và sự trỗi dậy của nhiều người. Hài nhi này như thế sẽ là người mà nhân loại phô bày chân tướng bên trong tâm hồn. Với mẹ Maria, điều này có nghĩa một thanh gươm xốt xa có bảy lưỡi sẽ đâm nát trái tim mẹ.

### *Thời thơ ấu ở Nagiarét*

Đức Giêsu lớn lên ở Nagiarét. Thánh Giuse là một thợ mộc (Mt. 13:35). Đức Giêsu cũng làm nghề này (Mt. 6:3). Do đó, đến lúc gần ba mươi tuổi, các hoạt động của ngài hạn chế so với khuôn khổ sinh hoạt xã hội và ngài sống trong một gia đình bình thường.

Các tiền bối Kitô hữu của chúng ta trong thế kỷ trước đã trù mẹn chiêm ngắm gia đình Nagiarét ấy. Họ xúc động vì một gương mẫu của an tĩnh, vâng phục và thương yêu mà họ có thể mừng rỡ ra tại Nagiarét. Do đó lễ Thánh Gia Thất được lập ra vào năm 1892, cử hành vào Chúa Nhật thứ nhất sau lễ Tổ Minh Ra.

Bằng đời sống ẩn dật Đức Giêsu để lại cho chúng ta một điển hình tuyệt vời. Cuộc sống thôn dã của ngài biểu lộ Thiên Chúa là thế nào và ngài hành động ra sao. Nagiarét chỉ dấu rằng Con Thiên Chúa biểu lộ mình với chúng ta qua cuộc đời thường của nhân loại. Qua cuộc đời thường ấy mà nhân loại được dẫn dắt, từ kẻ săn bắt thời tiền sử đến thị dân và thôn dân hôm nay, người đi

làm mưu sinh, học sinh, bà nội trợ; đời sống trong gia đình hoặc thân bằng quyến thuộc, với gánh nặng và niềm vui lao động; cuộc sống ấy hình như không làm nên được chuyện lớn có thể ghi vào sử sách — bằng cuộc đời thường như thế mà Con Thiên Chúa biểu thị mình ra. Thêm lần nữa, điều này giúp chúng ta hiểu Thiên Chúa hơn. Ngài là Thiên Chúa hằng xuất hiện trong những việc bình thường, vì Thiên Chúa ẩn mình, đáng luôn luôn chia sẻ cuộc đời thường của con người, đáng “Thiên Chúa ở kề” chúng ta trong cuộc sống không gây chú ý cho ai và không làm nên lịch sử của chúng ta. Nagiarét biểu lộ Thiên Chúa ra cho chúng ta, trong lao động, trong đời sống gia đình chúng ta. Ý nghĩa này được bày tỏ vững vàng trong ngày lễ về cuộc sống ẩn dật của Đức Giêsu được cử hành vào Chúa Nhật sau lễ Tổ Minh Ra.

### *Đến Giêrusalem lần thứ hai*

Trong những năm ở Nagarét không có biến cố nào được ghi nhận trừ một chuyện. Khi Đức Giêsu được mười hai tuổi, nhân lễ Vượt qua, ngài cùng cha mẹ mình đi Giêrusalem, và Luca thuật lại, ngài nán lại trong đền thánh mà chẳng ai hay. Mẹ Maria và Thánh Giuse đi tìm cho đến ngày thứ ba thì gặp ngài giữa các thầy giảng. Những thầy cả đó kinh ngạc về sự thông minh và các lời ngài đối đáp, nhưng mẹ Maria thốt ra lời khiển trách của một người mẹ: “Này con, tại sao con làm thế? Này cha con và mẹ phải đau khổ tìm con!” (Lc. 2:48). Đức Giêsu “nắm” lấy tiếng “Cha” và nói với mẹ Maria ngài phải can dự vào những việc Cha của mình quan tâm. Bằng tiếng “Cha của



mình”, ngài có ý nói Thiên Chúa. Cha mẹ ngài không hiểu. Mẹ Maria giữ kín lời này trong trái tim mình.

160  
201  
268-270  
Biến cố này có ý nghĩa gì? Để giải thích nó, chúng ta nên hỏi tại sao Luca lại thuật tỉ mỉ? Như chúng ta đã nói, đối với tác giả phúc âm này, điều luôn luôn cực kỳ hệ trọng là Đức Giêsu biểu lộ mình ra tại Giêrusalem. Thiên Chúa đã hứa hiện ra cho nhân loại tại nơi đó. Lần thứ nhất được dâng trong đền thánh, Đức Giêsu chưa thể nói. Giêrusalem nói qua con người Simêon và Anna. Đó là lần đầu tiên nó gặp gỡ Chúa của mình. Trong trình thuật về cậu bé mười hai tuổi, Đức Giêsu cất tiếng. Lúc này, lần đầu tiên Đức Giêsu gặp Giêrusalem. Chúng ta thấy trước mắt mình các lời hứa của Thiên Chúa đã thành sự thật.

Luca dùng việc thực hiện lời tiên tri này để chấm dứt câu chuyện thời thanh xuân của Đức Giêsu. Vì lý do ấy, Luca kể câu chuyện rất con người này về một cậu bé đến từ thôn làng Nagiarét, thành linh nhận ra mình giữa kinh thành vĩ đại vốn là thành phố của Thiên Chúa và cảm nhận bằng mọi đường gân cốt thịt của con người mình: “Này đây tôi ở nhà mình”. Đức Giêsu bị cuốn hút bởi cảnh tượng huy hoàng của Thiên Chúa Cha mình và bởi loan báo đầu tiên về nghĩa vụ cuộc đời mình, tới độ ngài quên bẵng cha mẹ mình.

Một cậu bé thông minh phát hiện thiên hướng của mình. Thiên Chúa đến đền thờ ngài trong cách ấy. Lời các tiên tri được thực hiện bằng một cách thức bất ngờ và rất con người. Thiên Chúa hiện ra cho chúng ta trong một đứa bé đang khôn lớn. “Và Đức Giêsu cứ tấn tới thêm về khôn ngoan, vóc dạng và ân sủng trước mặt Thiên Chúa và trước mặt người ta” (Lc. 2:52).

### *Sự hiểu biết của Đức Giêsu*

Tới đây, có thể đặt câu hỏi là: “Làm sao mà ngài có thể là Con Thiên Chúa và vì thế hiểu biết mọi sự, đồng thời là con người và vì thế tấn tới thêm trong sự khôn ngoan?” Cùng một câu hỏi đó đã được thảo luận trong chương trước, nhưng nay ta hãy đặt nó ra cách chính xác và sâu sắc hơn, liên can tới sự hiểu biết của Đức Giêsu.

Ở đây câu trả lời cũng đòi hỏi chúng ta cẩn thận không bắt đầu với các ý niệm loài người về Thiên Chúa, không làm như thể chúng ta hiểu biết đầy đủ Thiên Chúa mà không cần tới Đức Giêsu. Đức Giêsu hiện hữu không phải cho những ai nghĩ mình đã hiểu Thiên Chúa là gì, nhưng cho những ai tìm kiếm để biết Thiên Chúa là gì. Tất cả việc chúng ta có thể làm là hướng tâm trí mình trên con người Đức Giêsu. Do đó, chỉ bằng cách chú mục đến ngài, có thể chúng ta nhận ra điều Thiên Chúa biểu lộ mình trong ngài. Thiên Chúa lớn lao hơn tất cả mọi ý niệm của chúng ta về “sự vĩ đại”.

Sự hiểu biết của Thiên Chúa thì sống động và ấm áp hơn rất nhiều so với những gì chúng ta với sự hỗ trợ của các khái niệm của chính mình, có thể tưởng tượng về sự “hiểu biết tuyệt đối”. Trong sự hiểu biết có tính cách loài người thật sự của Đức Giêsu (trong đó, chẳng hạn, thế giới sáng tỏ ra trên ngài như trên bất cứ con người bình thường nào khác) có cái gì đó của ngài giống như Thiên Chúa tỏa sáng ra. Trong Đức Giêsu, Thiên Chúa trở nên dễ tiếp cận hơn đối với chúng ta.

## THANH TẮY VÀ CẨM DỖ

**N**gười ta kỳ vọng lần xuất hiện đầu tiên của Đức Giêsu trước công chúng sẽ được biểu lộ theo cách ấy để trọn vẹn điều cốt yếu của sứ mạng ngài trở nên rõ ràng.

Trong Cựu Ước thường diễn tả thiên hướng của nhân loại về Thượng đế ngay tại khởi nguyên của lịch sử. Những hình ảnh bên ngoài tráng lệ — một ngai cao thăm thẳm với tể đàn bằng lửa (Is. 6:1-7), cây hạnh đào trở hoa (Gr. 1:11) — được dùng để mô tả kinh nghiệm nội tâm sâu thẳm.

Các sách phúc âm khởi sự cuộc đời công khai của Đức Giêsu với một biến cố được kể lại và nhấn mạnh theo truyền thống lâu đời nhất: Gioan thanh tẩy ngài tại sông Gioócđan. Đây là hành động thứ nhì của các hành động bắt đầu cuộc cứu độ được tưởng niệm trong lễ Chúa Tể Minh Ra — bài phúc âm đọc vào tuần lễ sau đó, ngày 13 tháng Giêng.

Trong câu chuyện này, các hình ảnh bên ngoài diễn đạt một thực tại không đủ lời lẽ diễn tả. Thực tại đó là sự giao tiếp giữa Chúa Cha và Đức Giêsu, và quyền năng của Chúa Thánh Thần. Sự tiếp xúc này được tóm tắt thành những lời có từ Cựu Ước: “Con là con chí ái Ta, kẻ Ta sủng mộ” (Mc. 1:11).

Điều này gợi lên nhân dáng Tội Tớ Của Chúa, Người Tội Tớ khổ nạn, kẻ đã được một số bài ca trong Isaia dành riêng cho. Ta đọc ở đó: “Này đây Tội Tớ của Ta... Ta đã chọn và hồn Ta sủng mộ” (Is. 42:1), thêm nữa: “...Giavê lại để ngài phải lụy vì tội vạ hết thảy chúng tôi” (Is. 53:6).

Vì thế sự thanh tẩy ấy là dấu hiệu vai trò tội tử của Đức Giêsu, cho sự phục tùng và khổ nạn, thật ra, cho cái chết của ngài. Về sau, Đức Giêsu hai lần mô tả cái chết của mình bằng tiếng “thanh tẩy” (Mt. 20:22; Lc. 12:50). Người Con chí ái tự hiến mình làm một tội tử, cất bước trên lối đi hèn mọn của mình, làm chiên con gánh mọi tội lỗi. Đó là thiên hướng của ngài.

270  
411

Phúc âm tiếp tục: “Ngài thấy trời xé ra và Thần Khí, như chim câu, đáp xuống trên Ngài” (Mc. 1:10), như Bài Ca Người Tội Tử tiếp tục: “Ta đã ban Thần Khí Ta trên Người” (Is. 42:1).

Thuở sơ khai loài người của Thiên Chúa, được tràn đầy sinh khí bởi Thánh Linh, đã nếm trải việc đó như một sự lạ lùng, một sức mạnh cao hơn ôm chặt họ. Nhưng đến khi Đức Giêsu tiếp tục sứ mệnh công khai của mình, bản thân tràn đầy Thánh Linh của ngài dường như có một sự tự nhiên nhất định của sức mạnh đó, như thể ngài không cần Thần Khí. Sức mạnh đó thuộc về ngài, ngài sở hữu làm Thần Khí của chính ngài. “Vì kẻ Thiên Chúa sai, thì nói được lời của Thiên Chúa không phải theo lương hạn mà Ngài ban Thần Khí cho” (Ga. 3:34; xem thêm Is. 11:2 và Ga. 1:33).

Thanh tẩy bằng Thần Khí ban cho thanh tẩy bằng nước của Gioan một ý nghĩa lớn lao mới. Nó trở thành biểu tượng của phép rửa tội với Chúa Thánh Thần ban cho những tín hữu tương lai. Vì thế, có những lời ca phụng vụ Phương Đông trong phần canh thức lễ Tỏ Mình Ra: “Hôm nay Chúa cúi đầu dưới bàn tay của người tiền hô; Gioan nhúng ngài vào dòng sông Goócđan; hôm nay Chúa

405-422

vùi tội lỗi loài người sâu trong nước, hôm nay ngài được từ trên cao tuyên bố là Con Thiên Chúa và Con yêu dấu; hôm nay Chúa đích thân đến để làm sạch bản tính của nước. Ngài nhúng thân vào dòng cuộn cuộn của sông Gioócđan, không phải vì ngài cần tẩy rửa, nhưng để chuẩn bị trong thân ngài sự tái sinh sẽ thực hiện vì chúng ta.”

Về những hậu quả mà công việc trọn đời của Đức Giêsu đưa tới, phúc âm không để lại một sự có thể sơ hở nào. Phúc âm kể lại những cám dỗ chống lại thiên hướng của ngài. “Quả thế, Thượng đế ta có thể không phải là người không thể cảm thông với nỗi hèn yếu của ta, song là Đấng đã dãi dầu thử thách, muôn sự đều tương tự, trừ phi là tội” (Dt. 4:15).

Có nhiều cám dỗ trên đường rao giảng của ngài. Chẳng hạn, khi ngài lần đầu tiên tiết lộ cuộc đời mình sắp kết thúc như thế nào, khi ngài nói về thanh tẩy chung cuộc của cái chết. “Phêrô kéo Ngài lại với mình và lên tiếng trách Ngài: “Thiên Chúa thương! Chứ sẽ đâu như thế! Nhưng quay lại, Ngài nói với Phêrô: “Xéo đi sau Ta! Hỡi Satan! Người là cơ vấp phạm cho Ta, vì ý tưởng của người không phải là ý tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người” (Mt. 16: 22-23). Nài nỉ của Phêrô rất con người và có ý tốt. Nhưng Đức Giêsu thấy trong đó một nguy cơ to lớn — sự chống đối việc thanh tẩy của ngài, sự cám dỗ của kẻ thù, Satan.

Phúc âm kể về những cám dỗ nơi sa mạc. Không biết địa điểm đó và sự xuất hiện của quỷ dữ với hình thức gấp-ba của sự cám dỗ ấy là một tường trình chính xác hoặc kiểu cách hóa, và cũng không biết chúng có cộng

thêm vào hoặc tách biệt khỏi biến cố cứu độ. Nhưng việc đề cập đến sa mạc thì rất có ý nghĩa. Nó là nơi giáp mặt với Thiên Chúa và cũng là nơi cám dỗ. Đức Giêsu làm lại cuộc hành trình của Israel qua sa mạc, nơi dân tộc ấy cũng đã bị cám dỗ. Dân tộc chịu thua nhưng Đức Giêsu kháng cự, cách rất tự nhiên vì ngài sở hữu Thần Khí. Ngài dùng ba châm ngôn trích từ trình thuật của Israel nơi sa mạc (Đnl. 8:3; 6:16; 6:13). Tại nơi Israel, và với nó là toàn bộ nhân loại, quên nghĩa vụ của mình trong cuộc đời và khao khát trong xơ xác của mình đòi quay về chốn xa hoa thỏa thuê Ai Cập, Đức Giêsu khẳng định là con người còn sống nhờ từng lời đến từ miệng Thiên Chúa. Tại nơi Israel xúi dục Thiên Chúa và cố gắng cưỡng bách ngài làm phép lạ, Đức Giêsu oai vệ từ chối diễn trò bêu riếu mình. Tại nơi Israel bỏ rơi mình để thờ phượng các ngẫu tượng trần gian, Đức Giêsu từ chối vương quyền thế tục mà quĩ dữ hiến tặng ngài để đổi lấy sự hạ mình bái phục.

Ba đường lối mà ngài dứt khoát từ khước chấp thuận thực hiện là làm phép lạ vì lợi ích bản thân; đòi hỏi sự hạ mình bêu riếu nào đó của Thiên Chúa và đạt quyền lực thế gian. Chúng dường như là những khát khao cụ thể cho bất cứ ai muốn thành công. Nhưng Đức Giêsu biết rằng ngài đến để đem lại sự đảo lộn các giá trị. Như ngài về sau nói với Phêrô, cái mà nhân loại đặt tâm tư mình lên trên, cái mà thế gian coi là khôn ngoan và vinh quang, là những cái mà ngài phải tránh. Sự thanh tẩy của ngài mang ý nghĩa sẵn sàng để chịu phục tùng và chịu đau khổ, để chia sẻ số phận chung, để làm người tội lỗi và ngay cả để tử nạn. Tóm lại, ngài không chọn thành

công nhưng chọn phục vụ. Được trung thành với sứ mệnh mình là nỗi hân hoan của ngài, và nó mang vào thế gian một nỗi hân hoan mới: “Và này: các thiên thần đến tiến lại hầu hạ Ngài” (Mt. 4:11).

## NƯỚC THIÊN CHÚA

### *Cana*

Tại Galilê, phá thông lệ mình, lần đầu tiên Đức Giêsu biểu lộ vinh quang ngài. Phúc âm Gioan bắt đầu chỗ này với đám cưới cử hành ở Cana, một thôn làng gần Nagiarét. Đức Giêsu biến nước lã — được chuẩn bị theo tục lệ tẩy rửa của người Do Thái — thành rượu tuyệt ngon. Điều ấy báo trước nỗi hân hoan cứu độ về “giờ” tử nạn và sự sống lại của Đức Giêsu mà cái cũ được thay bằng cái mới, nước bằng rượu. Soạn giả phúc âm đó (Gioan) ghi nhận rằng mẹ Maria đòi hỏi biểu hiệu ấy. Dường như phản ứng của Đức Giêsu là từ chối. Ngài ngụ ý với mẹ Maria về “Giờ” (sau cùng) của ngài mà Chúa Cha là đáng quyết định chứ không phải mẹ Maria. Tuy nhiên, ngài tán thành lời yêu cầu của mẹ. Trong trình bày của Gioan chắc chắn sự việc này có ý nghĩa rất trọng đại, và còn hơn thế nữa, vì về sau Gioan đề cập cách riêng việc Mẹ Maria có mặt vào chính “Giờ” cuối (Ga. 19:26).

295

Tiệc cưới Cana là biến cố thứ ba được cử hành trong lễ Chúa Tể Minh Ra vào ngày 6 tháng Giêng. Trình thuật này được đọc trong phần đọc phúc âm vào Chúa Nhật thứ hai sau lễ trên.

### *Ánh sáng vĩ đại*

Galilê là “kẻ” đầu tiên nghe thông điệp của Đức Giêsu. Vùng đất biên giới từng bị người Assyria tàn phá triền miên vào thời tiên tri Isaia. Nhưng ngay từ thời đó, trong đức tin vào ân sủng Thiên Chúa, vị tiên tri ấy đã tiên đoán một tương lai vẻ vang cho nó. Lời tiên tri này thành sự thật khi tỉnh ly này được ưu ái cho làm kẻ đầu tiên nghe tin mừng. Cho biết là Đức Giêsu đến sống tại Capharnaum, Matthêu tiếp tục:

“Ngõ hầu nên trọn điều đã phán nhờ tiên tri Isaia nói:  
Đất Dabulôn, và đất Népthali  
Con đường biển, vùng bên kia Gioócđan,  
Galilê các dân ngoại!  
Dân ngồi trong tối tăm đã thấy ánh sáng lớn lao,  
và cho kẻ ngồi trong bóng tối sự chết,  
một ánh sáng đã rạng lên” (Mt. 4:14-16).

Rượu ở đám cưới, ánh sáng trong bóng tối — đó là cách phúc âm nhìn sự xuất hiện của ngài tại Galilê.

Thông điệp mà Đức Giêsu trao lúc này có thể tóm tắt trong một tiếng: nước trời. “Từ bấy giờ Đức Giêsu bắt đầu rao giảng và nói: ‘Hãy hối cải vì Nước Trời đã gần bên’” (Mt. 4:17).

### *Ý nghĩa của “nước trời”*

Điều Đức Giêsu thật sự nói là “Vương quốc của Thiên Chúa” như ba trong bốn soạn giả phúc âm ghi lại. Matthêu



viết chắc nịch “nước trời”. Ông uyển chuyển theo tập quán các thầy cả Do Thái mà thay thế “Thiên Chúa” bằng “trời”, rút ra từ sự kính trọng.

Vì thế nó là nước của Thiên Chúa.

Ở đây, nước đó không được hiểu như một vùng đất hoặc một địa hạt mà Thiên Chúa là hoàng đế, nhưng hiểu như là vương quyền của Thiên Chúa. Do đó, “Vương quyền ngự trị của Thiên Chúa”, hoặc “Quyền uy Thiên Chúa” cũng là một cách diễn dịch rất chính xác. Đối với người nghe thì nó là tiếng đầy ý nghĩa. Không cần phải giải thích thêm cho họ giống như không cần giải thích “sức khỏe” là gì cho người bệnh hoặc “hòa bình” cho người lâm chiến. Nó là sự hoàn mỹ mà họ đều khao khát. Khái niệm này được thiết lập từ Cựu Ước và từ ngữ ấy cô đọng niềm tin rằng Thiên Chúa là chúa tể của thế gian, và vì thế, ngày nào đó ngài sẽ biểu thị mình để xua đuổi bất công và khốn khổ ra khỏi cuộc đời, cuộc đời tràn ngập tra tấn ray rứt đọa đày này. Đây là cái cốt tủy thật sự của niềm hy vọng này.

Nhưng trong diễn biến lịch sử, kì vọng ấy đã mang nhiều dạng thức khác nhau. Nhiều dạng thức kém thanh khiết và cao nhã. Có những người sẵn sàng đặt tay vào đốc kiếm khi thoát đề cập đến tiếng đó. Họ nghĩ sự ngự trị của Thiên Chúa như sự chinh phục của người ngoại đạo, một cuộc phục hưng quốc gia, một Nhà Nước do Thiên Chúa cai quản. Có những người khác lại thấy sự đến của nước trời như một bùng nổ thiêng liêng làm rung chuyển các cột thiên đàng và tái khôi phục một thế giới mới. Họ thường say mê với những ước đoán về một ngày

chính xác cho cuộc tận thế. Những mô tả về ngày ấy thường mang tính tưởng tượng cao độ. Trong văn học và truyền thống, nguồn cảm hứng này được gọi là có tính cách khả huyền.

Hai quan điểm ấy đều dựa theo một diễn giải có tính <sup>117</sup> cách vật thể và nghĩa đen các hình tượng các tiên tri dùng. Nó để lại cách rộng rãi một dạng thức cố định và tuyệt đối - là tính cách quốc gia hoặc khả huyền. Cốt tủy thanh khiết của kì vọng vào sự ngự trị của Thiên Chúa bị bao phủ bởi những cảm xúc kém giá trị, và trên hết là phần uất, thù hận.

### *Nước Thiên Chúa trong việc Đức Giêsu làm*

Lời đầu tiên Đức Giêsu nói với thế gian là: “Hãy hồi cải, vì Nước Trời đã gần bên”. Nhân loại hiểu lối nói ngài dùng. Nhưng Đức Giêsu hiểu nước trời đó như thế nào và trong hình thức nào? Không lưỡi gươm nào được tuốt ra và không tinh tú nào rơi từ bầu trời. Đây là điều lạ lùng đầu tiên về sự rao giảng của ngài, rằng không có gì thuộc kiểu đó xuất hiện.

Ngài cũng từ chối vạch ra bất cứ thời điểm nào. “Do đó hãy tỉnh thức và các ngươi không biết ngày nào Chúa đến”. Vì thế ngài lên án ước vọng của loài người, mà nay hãy còn, là tìm cho ra ngày tận thế. Rõ ràng một thời điểm chính xác như thế sẽ cung cấp sự hào hứng và một cổ vũ hiển nhiên cho đức tin bằng cách dồn chú ý vào một điều bên ngoài ta và tuyệt đối. Thế nhưng, Đức Giêsu muốn truyền đạt một chân lí sâu xa hơn.

Ngài cũng tránh những mô tả gây kích động thường được dùng thời ấy. Rõ ràng ngài có ý tuyên bố một sự can thiệp thiêng liêng có tầm quan trọng toàn thế gian nhưng ngài nghĩ là “ngày tận thế” không trùng hợp với sự biểu thị đầu tiên của nước trời. Hơn nữa, hình ảnh tận thế của ngài thì đậm đậm và giản dị so với truyền thống khải huyền của mọi thời. Thông điệp của ngài tập trung mạnh mẽ vào sự kiện Thiên Chúa ngự trị chứ không vào bất cứ biến cố bên ngài nào.

Điều này đem đến cho chúng ta yếu tố đánh động nhất của thông điệp ngài. Ngài tuyên bố rằng vương quyền đã bắt đầu rồi. Nước trời là đây — trong việc chính Đức Giêsu làm và rao giảng.

“Quay lại với môn đồ, Ngài bảo riêng [họ]: Phúc cho mắt được thấy những điều các người thấy! Vì chúng ta bảo các người, nhiều tiên tri và nhiều vua chúa đã muốn thấy điều các người thấy mà đã không được thấy, nghe điều các người nghe, mà đã không được nghe” (Lc. 10:23-24).

và nữa:

“Phúc cho các người không phải vấp ngã vì ta” (Mt. 16:6).

Ngay từ đầu, rõ ràng ngài đã giữ kín mầu nhiệm về con người ngài tận nền tảng, và chỉ nói về vương quyền Thiên Chúa. Có điều không che dấu sự kiện là qua sự hiện diện của chính ngài mà vương quyền này có ở đó.

Không như những người tiên đoán khải huyền nói tới những biến cố và những điều ở bên ngoài họ, Đức

Giêsu đem nước trời đến theo ngài. Với ngài, nó không là một khối thị ở xa. Ngài ở ngay chính tâm điểm, tham chiến với một vương quốc khác. “Vì bằng Ta nhờ ngón tay Thiên Chúa mà trừ ma quỷ, thì quả là Nước Thiên Chúa đã đến trên các ngươi” (Lc. 11:20).

Nhưng ở đó không thấy thế gian tan tành. Với những ai hỏi thời điểm chính xác, Đức Giêsu trả lời: “Nước Thiên Chúa không đến cách nhần tiền, người ta sẽ không nói được: ‘Này ở đây’ hay: ‘Ở đó’, vì Nước Thiên Chúa ở trong các ông” (Lc. 17:20-21). Không có khởi nghĩa toàn quốc, không có dấu hiệu trên các tầng trời, nhưng chỉ có cái gì đó của Thiên Chúa và thiêng đường ẩn mật trong đời sống hằng ngày, trong thế giới lao động ngày ngày của con người.

### *Những dụ ngôn*

Đức Giêsu áp dụng lối nói tỉ dụ hoặc dụ ngôn. Các dụ ngôn là những chuyện để minh họa một vấn đề. Các luật sĩ cũng thỉnh thoảng dùng chúng. Nhưng việc dùng chúng của Đức Giêsu hoàn toàn khác. Các luật sĩ quan tâm tới việc giải thích văn bản hiện hành. Trên môi Đức Giêsu, các dụ ngôn tự chúng là thông điệp. Bằng cách giản dị và đánh động, chúng liên can tới các sự việc lấy từ cuộc sống hằng ngày mà mọi người có thể theo dõi. Đôi khi chúng là những biến cố quá lạ lùng hiếm khi xảy ra, như một đại tiệc không người tới dự. Nhưng ngay các chuyện đó cũng được hiểu liền.

Đức Giêsu thường bắt đầu câu chuyện của ngài với một câu hỏi đơn giản, trực tiếp và thu hút “Ai trong các

người...” Lối mở đầu này là đặc điểm cách riêng của cá nhân Đức Giêsu. Không thấy giảng nào thời ấy dùng lối đó.

Đức Giêsu dùng các dụ ngôn để làm rõ ý nghĩa của ngài. Vì thế Máccô viết: “Ngài dùng nhiều dụ ngôn giống như thế mà giảng Lời cho họ, tùy theo họ có thể nghe được”(Mc. 4:33), nghĩa là, họ có thể hiểu được nó theo cách đó.

Nhưng để hiểu được, người ta phải chuẩn bị trước điều gì đó. Thông thường sau mỗi dụ ngôn, Đức Giêsu nói lớn lên, “Nếu ai có tai để nghe, thì hãy nghe”. Điều tối cần là sự sẵn sàng nội tâm, để cho đi bản thân, để được biến đổi, một là lòng để tiếp nhận, hai là tai để lắng nghe thông điệp ẩn mật. Ai không có sự sẵn sàng ấy thì chỉ nghe được câu chuyện thôi. Lúc các dụ ngôn bị hiểu sai thì thành những biểu hiệu khiến người nghe bị giữ lại ở bề ngoài. Dụ ngôn, một khi hiểu được ý nghĩa của nó, sẽ thành biểu hiệu của sự bài xích. Đó là ý nghĩa của Máccô 4:10-13, một đoạn văn chỉ nên đọc dưới ánh sáng của câu 33 cùng chương, mà chúng ta vừa trích trên.

### *Các dụ ngôn về nước trời ẩn mật*

Người ta không ngạc nhiên là một số dụ ngôn của Đức Giêsu giải quyết yếu tố không ngờ của nước trời: sự ẩn mật của nó.

“Về Nước Trời, thì cũng in như men, bà nọ lấy vùi vào ba rá bột cho đến khi tất cả dậy men” (Mt. 13:33).

Một dụ ngôn khác ngài đặt ra trước mặt họ, nói:

“Về Nước Trời, thì cũng in như hạt cải người nọ lấy gieo trong ruộng mình. Nó nhỏ tí, thua mọi thứ hạt giống, nhưng khi nó đã lớn lên, thì nó lớn hơn rau cỏ mà thành một cây, đến nỗi chim trời đến nương náu nơi cành nó” (Mt. 13:31-32).

Đây là một tương phản kỳ diệu giữa những bắt đầu của các sự việc hằng ngày và kết thúc của chúng, và Đức Giêsu dùng đặc điểm này của thiên nhiên để minh họa cái không có dấu hiệu rõ rệt của nước Thiên Chúa lúc mới khởi sự. Dụ ngôn nhỏ về hạt giống tự nó lắng trường cho thấy nước trời tự tạo con đường của nó cách khiêm tốn biết bao, và cũng cho thấy nó cực kỳ độc lập biết bao với loài người.

“Ngài nói: ‘Về Nước Thiên Chúa, thì thế này: như khi người kia gieo giống xuống đất, thì dù người ấy ngủ hay thức, ban đêm hay ban ngày, hạt giống cứ nảy mầm, lên đôn, mà người ấy không biết. Tự đương đất cho đậu: trước tiên thành mạ, rồi thành đòng đòng, rồi thành lúa chắc nơi gié. Và khi mùa màng cho phép thì liềm hái tra tay, vì mùa gặt đã đến’” (Mc. 4:26-29).

Các dụ ngôn ấy là một giải đáp cho những ai nghi ngờ còn đang tự hỏi — sự ngự trị của Thiên Chúa có thật không? Ở đây, chúng ta thấy những hệ quả của điều mà Đức Giêsu đã cam kết trong sự thanh tẩy của ngài. Ngài không tìm kiếm phù hoa bên ngoài đang làm quáng mắt loài người mà không thật sự giúp đỡ họ. Các việc ngài làm là bình thường, không kiêu căng, không biểu diễn. Nước trời cũng thế, có hình thức một tội tử.

### *Tám mối phúc thật*

Điều ấy xuất hiện đánh động nhất trong phần mở đầu của Bài Giảng Trên Núi, bài thuyết giảng trên một ngọn đồi gần Galilê mà trong đó Matthêu sưu tập nhiều lời giảng của Đức Giêsu:

245-246

“Phúc cho những kẻ có tinh thần khó nghèo  
vì Nước Trời là của họ.  
Phúc cho những kẻ hiền lành  
vì họ sẽ được đất làm cơ nghiệp.  
Phúc cho những kẻ ưu phiền  
vì họ sẽ được an ủi.  
Phúc cho những kẻ đói khát công chính,  
vì họ sẽ được no đầy.  
Phúc cho những kẻ biết thương xót  
vì họ sẽ được thương xót.  
Phúc cho những kẻ tinh sạch trong lòng  
vì họ sẽ thấy Thiên Chúa.  
Phúc cho những ai xây dựng hòa bình  
vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa.  
Phúc cho những kẻ bị bắt bớ vì sự công chính  
vì Nước Trời là của họ” (Mt. 5:3-10)

Đức Giêsu không có ý bằng các mối phúc thật vạch ra tám đẳng cấp nhân loại khác nhau. Tất cả các mối đó là một và chung một nhóm. Không dễ định nghĩa nó. Sẽ sai lầm nếu nhìn vào nó như một giới xã hội được xác định, thí dụ như người “vô sản”. *Điều phúc âm muốn nói*  
706 *là sự nghèo khó trong tinh thần.* Nó là một trạng thái tâm linh, không thành vấn đề cái việc chỉ không có tài sản gì

cả. Mặt khác, cũng sẽ sai lầm nếu hiểu những kẻ đó chỉ là những ai đạt được đức hạnh xả kỷ và an tĩnh. Vì thế, các mối phúc thật không nói về bất cứ giai cấp xã hội nào và cũng không là một bản tóm lược các đức hạnh.

Có thể diễn tả ý nghĩa của các mối đó như sau. Chúng có trong nghĩ tưởng của những ai không có hy vọng gì vào thế gian này và đang tìm kiếm Thiên Chúa thay cho mọi sự; những ai bị thế gian này hờ hững nhưng lòng không mấy may oán hận và mở lòng trọn vẹn ra cho Thiên Chúa. Họ sống theo cách mà Đức Giêsu tại cuộc thanh tẩy của ngài đã chấp nhận thực hiện là phục tùng và phục vụ đầy thương yêu. Nó là một thái độ ném mọi phép tắc "thế tục" vào trong một tình trạng bất ổn. Như thế, Con Thiên Chúa chúc phúc cho những ai sống giống cuộc sống ngài đã chọn cho bản thân ngài. Những người đó ở vào một vị trí lý tưởng để trông đợi nước Thiên Chúa, thật ra, để tiếp nhận cái đã có sẵn trên trần gian này như một nỗi hân hoan sâu đậm trong một cuộc sống mà thường có vẻ chẳng có gì hấp dẫn. Thiên Chúa sẽ an ủi họ, rót đầy những tốt lành cho họ và biến họ thành con cái ngài. 80

Đôi khi họ là những người nghèo, đôi khi họ là những người đức hạnh. Họ có thể gồm cả những người như viên thu thuế trong Đền thờ (x. Lc. 18:9-14), là kẻ không nghèo cũng chẳng đạo hạnh nhưng nhận biết sự bất xứng của mình và vì thế thật sự khát khao đi theo công chính và hoàn toàn sẵn sàng sửa đổi. Các mối phúc thật không nói về cái đã hoàn tất hay thành tựu rồi nhưng nói về chân lý cao cả và khuấy động mà tại đó Thiên Chúa có mặt cho tất cả những ai cần ngài và hy vọng vào ngài. Và nó cũng cho thấy rằng phán quyết của Thiên Chúa khác với của chúng ta về sự thành công và thất bại, cao cả và thấp hèn, hân hoan hay âu sầu.



Vào thời Đức Giêsu, tại Israel có những nhóm cách biệt nhau gồm những người tốt lành, họ tưởng chính họ là dân tinh ròng “sót lại” của dân tộc. Và trong một ý nghĩa nhất định — họ trung thành với lề luật và đức tin. Những người “Biệt phái” (Pharisiêu) là một trong các nhóm này. Đức Giêsu không liên hệ với bất cứ nhóm tinh ròng “sót lại” nào thuộc loại này. Ngài hoàn toàn tập hợp nhiều loại người khác nhau. Ngài nhìn vào con chiên lạc Israel. Không nhất thiết phải loại trừ người Biệt phái những người đó phải là loại người được mô tả trong các mối phúc thật. Đó là điều làm người ta cháng váng. “Có nhiều kẻ đầu hết sẽ nên cuối hết, và những kẻ cuối hết sẽ nên đầu hết” (Mc. 10:31) “Phúc cho người không vấp ngã vì ta” (Mt. 11:6). Thực tế, trong khi nhiều người tâm thường đi theo ngài thì hầu hết những người Biệt phái và các luật sĩ giữ cách biệt.

### *“Sự phân biệt chủng tộc”*

Qua việc Đức Giêsu kiên định bày tỏ lòng nhân ái của Thiên Chúa đối với người Samaria, một dân tộc có niềm tin không chính thống, sinh sống giữa Giuđa và Galilê, ta có thể thấy thông điệp của ngài đã chuyển dịch các đường ranh cách thân ái biết bao. Tuy thế, ngài không có ý đặt dị giáo của họ lên ngang cùng một chỗ đứng với Do Thái giáo (x. Ga. 4:22).

Có lẽ Đức Giêsu không rao giảng bên ngoài Palestin, nhưng có một người nước ngoài, viên bách quản ở Capharnaum cho ngài cơ hội nói về việc sẽ có nhiều người phương Đông phương Tây đến, được dự tiệc cùng

Abraham, Isaac và Giacóp (x. Mt. 8:11). Do đó, các đường ranh của Israel không còn giá trị nữa. Sự cứu độ rõ ràng là bắt đầu với người Do thái, nhưng dân tộc được nước trời tập hợp lại thì gồm những người đến từ khắp thế gian. Người ta chόang váng khi nhận ra điều này.

Nhưng điều làm bối rối nhất là cách ngài vượt quá <sup>158</sup> đường ranh trong cung cách ứng xử với kẻ phạm tội công khai. Khi được một người Biệt phái, là kẻ được dân chúng kính trọng, mời dùng bữa tối, ngài nhận lời (Lc. 7:36). Nhưng ngài cũng nhận lời mời của một viên chức thu thuế làm việc cho người La Mã, một kẻ lừa đảo và đào ngũ khỏi dân tộc ngài. Thật ra, chính ngài đã tự mời mình tới nhà người đó (Lc. 19:5-6). Điều này chưa từng nghe thấy. Một thầy giảng tôn giáo không bao giờ hạ mình ăn uống với người tội lỗi.

Có thể nhìn thiên cận, xem thái độ của Đức Giêsu chỉ như thể cố ý bất chấp qui ước. Ngài không dự trù chỉ làm người bạn tốt, để mặc những người phạm tội này trong tình trạng của họ. Họ đang sống khốn khổ và ngài đem nước Thiên Chúa đến cho họ: chuyện ngài ăn với họ chỉ là một phần của việc nước trời đến. Bữa tiệc chung chạ ấy làm Đức Giêsu thành biểu tượng của nỗi hân hoan thời cứu thế và của sự hiệp nhất với Thiên Chúa. Điều này ngài sắp biểu lộ cho mọi thời đại tại bữa tiệc ly, nhưng những bữa ăn như thế, mà chúng ta đọc thấy, là những gợi ý trong <sup>281-282</sup> cùng một chiều hướng. Ăn uống với người tội lỗi có nghĩa ngài đem quyền năng đầy yêu thương của Thiên Chúa đến cho họ, và vì thế, giải phóng họ khỏi tội lỗi.

Những sự việc ấy toát ra một hạnh phúc sâu đậm. Chúng cho thấy sự đến của nước Thiên Chúa biểu hiện

như thế nào trong việc Đức Giêsu làm, và cũng cho thấy bằng các mối phúc thật, Đức Giêsu nhắm tới hạng người nào. Đây là một trong những khoảnh khắc hạnh phúc đó:

“Ngài vào và đi tắt qua Giêricô. Và này: có người tên gọi Giakêô, ông ty trưởng quan thuế, và là người giàu có. Ông tìm cách để coi cho biết Đức Giêsu là ai; nhưng bởi có đám đông nên không thể được, vì ông thì vóc dạng lại thấp bé. Vậy ông chạy đón đằng trước, trèo lên một cây sung để thấy được Ngài, vì Ngài sắp ngang qua đó. Khi Đức Giêsu vừa đến chỗ ấy, Ngài ngẩng lên nhìn và nói cùng ông: “Giakêô, xuống mau, vì hôm nay Ta phải lưu lại nhà người”. Ông vội xuống liền và mừng rỡ đón tiếp Ngài. Mọi người thấy vậy thì kêu ca trách rằng: “Ông ấy vào ngụ nhờ một người tội lỗi!” Đứng lại, Giakêô thưa cùng Chúa: “Này nửa phần của cải tôi, thưa Ngài, tôi xin bố thí cho kẻ khó, và nếu tôi đã gian lận gì của ai, tôi xin đền lại gấp bốn.” Đức Giêsu nói cùng ông ấy: “Hôm nay ơn cứu rỗi đã đến cho nhà này, bởi chưng người này cũng là con cái của Abraham. Vì Con Người đã đến để tìm cứu sự đã hư đi” (Lc. 19:1-10).

### *Nỗi hân hoan*

Sự đến của nước trời là ân sủng Thiên Chúa đã được ban hành và ban phát. Nhưng ân sủng ấy đòi hỏi rằng chúng ta phải tự mình qui thuận nó. Việc này phải làm như thế nào?

Chúa nói với chúng ta, “Ai không đón nhận Nước Thiên Chúa như một trẻ nhỏ thì sẽ không được vào trong đó” (Mc. 10:15). Điều này không có nghĩa, như đôi khi

được nghĩ có hơi lãng mạn, là Đức Giêsu nêu tính ngây thơ của trẻ con ra làm điều lý tưởng. Nó có nghĩa là “cảm thấy hèn mọn” để chấp nhận được ban cho một cái gì đó, và cũng có nghĩa rõ ràng là lòng khiêm nhường của một sự bắt đầu mới. Nó liên quan tới điều mà Đức Giêsu nói với Nicôđê mô trong phúc âm Gioan: “Ai không được sinh ra một lần nữa thì không thể thấy được Nước Thiên Chúa” (Ga. 3:3). Nó chung một thái độ sống đòi hỏi trong các mối phúc thật.

Vì thế, những ai trở thành trẻ thơ, những ai chấp nhận cho bản thân mình được ban ân sủng, và tiếp đó, những ai tự mình qui thuận, đều nhận được nỗi hân hoan phát xuất từ Thiên Chúa. Từ chối là bỏ lỡ nỗi hân hoan này. Phúc âm thường ghi nhận sự thăm sâu sâu xa của những ai bám víu lối sống cũ và từ chối không để Thiên Chúa xâm nhập vào. Nó bùng ra bằng những “kêu ca” hoặc kêu rên phản đối khi thấy Đức Giêsu ăn uống cùng những người tội lỗi (Lc. 19:7), khi ngài chữa trị người bệnh (Mc. 3:6) và khi lũ trẻ nhảy múa vui mừng trong Đền thánh (Mt. 21:15). Những người thợ đã ở trong vườn nho trước mười một giờ sáng (Mt. 20:11) và người anh cả của đứa con hoang cũng không vui, “nhưng phải ăn khao mà mừng chứ, vì em con đó, nó đã chết mà lại sống, đã mất đi mà lại tìm thấy được” (Lc. 15:32).

Nỗi hân hoan là hân hoan cho những ai cảm thấy vững lòng vì ân sủng Thiên Chúa, không phải vì sự trọn lành của mình. Họ là những kẻ biết mình được ban cho rất nhiều. Bởi thế, kiểu mẫu quyết liệt nhất về sự từ chối nỗi hân hoan cứu độ có lẽ được nêu ra trong ví dụ về người đàn ông được tha món nợ khổng lồ mà không

một ai ở Palestin có thể trả được (gần ba mươi triệu lạng vàng). Y ra về và bóp cổ một bạn đồng sự vì món nợ khoảng ba mươi lạng vàng. Y quên hết mọi sự Thiên Chúa đã tha thứ cho y, kể cả nỗi hân hoan của việc được phóng thích, mà đi tấn công một người cùng tình cảnh với mình nhưng nằm trong quyền hạn của mình (Mt. 18:21-35). Theo Đức Giêsu, khước từ tha thứ cho kẻ khác tức là không nhớ đến sự phạm tội, sự tha thứ và nỗi hân hoan của mình.

715-747

784-807

### *Phán xét*

Thông điệp của Đức Giêsu là một thông điệp nghiêm khắc. Hãy lấy dụ ngôn về người gieo giống (Mt. 13:3-23). Y, kẻ giáp mặt nước trời, là vừa đất sỏi đá lẫn đất tốt. Thật ra, đất thì có thể tốt cho việc khởi sự, nhưng sự vươn lên bị chết ngộp vì “lo âu việc đời và bả phú quý” (Mt. 13:22). “Hãy vào cổng hẹp. Vì rộng rãi và thênh thang là con đường dẫn đến hư vong và lắm kẻ đi ngang qua đó” (Mt. 7:13, x. Lc. 13:23). Đó là lời cảnh cáo hãi hùng. Đức Giêsu không tuyên bố về con số người được cứu thoát. Nhưng ngài nói rằng có rất nhiều người từ chối đáp ứng và làm hỏng tặng phẩm của mình bằng sự thiếu nhiệt tình, và rằng vì thế họ từ chối nỗi hân hoan, có lẽ là nỗi hân hoan bất diệt của họ. Ngài thấy cách đó như là một cổng hẹp.

Ta không nên tiếp tục nói về lời giảng đó trước khi nó mất đi vẻ nghiêm trọng đáng sợ của nó. Nhưng tốt hơn, nên thường nghĩ về trường hợp cá nhân mình hơn là về nhân loại cách tổng quát. Đó dường như là ý định của

Đức Giêsu, theo Luca 3:23. Người ta hỏi ngài: “Thưa Ngài, ít người được cứu thoát thôi phải không?” Đây là câu hỏi tổng quát về nhân loại, nhưng ngài đáp lại bằng một lời cảnh cáo gởi tới những ai đang đứng ngoài mà xem: “Hãy chiến đấu để qua cửa hẹp mà vào, vì Ta bảo các người: có những kẻ tìm cách vào nhưng không thể được”. Điều mà mọi người phải làm là cố gắng để vào. Cá nhân nào cũng thật sự có khả năng đạt tới. Chúng ta không thể xét đoán về số lượng.

Nước trời là cái mà để được nó ta phải cho đi mọi thứ:

“Về Nước Trời, thì cũng in như một kho báu giấu trong ruộng, người kia gặp thấy thì giấu đi, và bởi vui mừng, anh đi bán tất cả những gì anh có mà tựu thửa ruộng đó” (Mt. 13:44).

Đức Giêsu nói điều y như thế trong Bài Giảng Trên Núi nhưng với sự nghiêm trọng và cấp bách tới độ đời sau dường như đã rất gần:

“Nếu mắt phải các người làm các người vấp phạm, thì hãy móc mà quăng đi khỏi người: vì thà mất một chi thể còn lợi cho người hơn là cả toàn thân bị xô vào hỏa ngục. Và nếu tay phải người làm người vấp phạm, thì hãy chặt mà quăng nó đi khỏi người: vì thà mất một chi thể còn lợi cho người hơn là cả toàn thân bị sa hỏa ngục” (Mt. 5:29-30).

Đức Giêsu thường đòi hỏi sự canh thức:

“Các người hãy lo sao: áo xăn đai lưng và đèn chong sáng. Các người hãy nên giống như những người đợi chủ về, lúc mãn tiệc cưới, để thoát chủ về gõ cửa, thì lập tức mở được cho chủ. Phúc cho những tôi tớ nào chủ đến mà sẽ gặp được đang canh thức. Quả thật, ta bảo các người, chủ sẽ thất lưng, đặt họ nằm trên giường tiệc; và  
265 qua lại, chủ sẽ hầu bàn cho họ” (Lc. 12:35-37).

Trong Matthêu 25: 31-46, Đức Giêsu giải thích loại hành động nào mà ngài đòi hỏi. Trong đoạn phúc âm đó, những người được trả công hoặc bị kết án theo việc thiện đã làm cho hoặc không làm chu toàn cho “một người trong các anh em hèn mọn nhất này” mà Đức Giêsu gọi là các anh em của ngài.

### *Nước Trời trong dòng thời gian*

Nước Thiên Chúa cao cả và thiêng liêng tuy không hề mất quan hệ với thế gian, mọi nơi mọi lúc và với chúng ta. Chúng ta lúc này đang xây dựng sự vĩnh cửu. Thời điểm vương quyền là “hôm nay”, từ ngay lúc hiện diện của Đức Giêsu nơi trần thế. Nhưng, như chúng ta thấy trong các dụ ngôn về sự tăng trưởng, nước trời ngày càng thâm nhập vào vạn vật. Nó vươn lên hướng tới một biểu thị trong tương lai.

Biểu thị đầu tiên là sự sống lại của Đức Giêsu. Vì thế Đức Giêsu nói: “Quả thật, ta bảo các người: trong những kẻ có mặt đây, có người sẽ không nếm biết cái chết, trước khi thấy Nước Thiên Chúa đến trong quyền năng” (Mc. 9:1). Đó là thời điểm vĩ đại khi Thiên Chúa biểu dương quyền năng ngài bằng sự sống lại của Đức

Giêsu từ cái chết và bằng ban phát Thánh Linh cho nhân loại. Lúc ấy, khởi sự kỷ nguyên quyền năng Thiên Chúa lan tràn khắp thế gian. Đức Giêsu chọn các môn đồ cho công việc đó: “Đừng sợ! Hỡi đàn chiên nhỏ bé! Vì Cha các người đã không ban Nước cho các người” (Lc. 12:32).<sup>251</sup> Ngài còn để lại sau ngài “các chìa khóa của Nước Trời”. Tóm lại, ngài thành lập cho ngài một dân tộc để làm vương quốc của ngài sống động trên trần gian. Ngài gọi dân tộc này là “Giáo Hội của ngài”. Giáo Hội chưa là nước trời đó, nhưng “Giáo Hội là mầm mống và khai nguyên Nước ấy trên trần gian. Đang lúc từ từ phát triển Giáo Hội vẫn khát mong nước ấy hoàn tất và thiết tha hy vọng, mong ước kết hợp với Vua mình trong vinh quang” (Vatican II, *Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội*, số 5).

“Rồi sẽ là cùng tận, lúc Ngài trao trả vương quyền cho Thiên Chúa và là Cha, sau khi đã hủy ra không, mọi thiên phủ, mọi uy thế và quyền năng. Vì Ngài phải giữ quyền vua cho đến khi Ngài đặt mọi địch thù dưới chân Ngài. Địch thù cuối cùng bị hủy ra không là sự chết... Vì khi mọi sự đã phục quyền Ngài, thì bấy giờ Con cũng sẽ phục quyền Đấng đã bắt mọi sự phục quyền mình, ngõ hầu Thiên Chúa là trong tất cả mọi sự” (1 Cr. 15:24-29). Nước trời mà lần đầu tiên được biểu thị trong mộc mạc và thương yêu tại vùng thôn dã Galilê, sắp đạt tới sự hoàn thành vĩ đại của nó trong tình yêu vĩ đại giữa muôn người muôn vật hiện hữu.

Tiếp nhận nước trời nghĩa là sẵn sàng lắng nghe thông điệp này. Tin vào nước trời nghĩa là tin vào sự hiệp nhất bất diệt của con người trong nỗi hân hoan của Chúa Cha.



### *Giáo Hội công bố Đức Giêsu*

Chương này sẽ chưa đề cập nhiều điều về nước trời. Cũng không nói gì về Chúa Cha, dù Chúa Cha là trung tâm của tư tưởng của Đức Giêsu và là vầng thái dương toả sáng qua tâm linh ngài. Lướt qua điều ấy ở đây cũng không thiệt hại gì vì theo diễn biến của cuốn sách này chúng ta sẽ còn nói lui nói tới quyền năng Thiên Chúa. Thực ra mọi điều trong sách này đều bằng cách nào đó nói về quyền năng ấy.

Tuy thế, chúng ta không dùng thuật ngữ “nước Thiên Chúa” thường xuyên như Đức Giêsu đã dùng. Từ những thời kỳ sơ khai nhất, Giáo Hội cũng không làm thế. Một số người cho rằng sở dĩ vậy là vì Giáo Hội đã nói quá nhiều về Giáo Hội. Đó không là lý do thật sự. Lý do thật sự là sự sống lại và vinh quang của Đức Giêsu đã đưa tới mặc khải ngài là ai. Nhân vật khiêm tốn này không chỉ là sứ giả của vương quyền, ngài cũng là vua. Vị tôn sư này không chỉ hoàn toàn là sứ giả của quyền năng của Chúa, ngài cũng là Chúa. Thực thế, như Origen nói, “chính ngài là nước trời”. Thấy ngài là thấy Chúa Cha. Do đó, công bố ngài là công bố nước trời, và đó là điều Giáo Hội phải làm, nỗ lực làm. Xuyên qua mọi thời đại mà Giáo Hội rao giảng về Đức Giêsu, Giáo Hội rao giảng về nước trời.

Quả là điều tốt thường xuyên quay lại Galilê mà nghe thông điệp ấy. Một trong các cách chúng ta làm điều ấy là qua phụng vụ. Và không có ngày nào qua đi mà không có lời cầu từ gia đình Kitô hữu lên Thiên Chúa: “Nước Cha trị đến”.

## CÁC BIỂU HIỆU

*Các lời tiên tri được hoàn thành*

115-117

**Đ**ức Giêsu lập biểu thị nước trời trong lời rao giảng và trong các biểu hiệu của ngài. “Ví bằng ta nhờ ngón tay Thiên Chúa mà trừ quỷ, thì quả là Nước Thiên Chúa đã đến trên các ngươi” (Lc. 11:30).

Khi từ trong ngục thất, Gioan Tẩy già sai các sứ giả tới hỏi Đức Giêsu về Tư Cách Cứu Thế của ngài, Đức Giêsu trả lời: “Các ông hãy đi tin lại cho Gioan mọi điều tai nghe mắt thấy: Mù được sáng và què được đi, phung hủi được sạch, và điếc được nghe cùng kẻ chết sống lại, và người nghèo khó đã được nghe Tin Mừng” (Mt. 11:4-5).

Đó là xác nhận cho lời tiên tri Isaia về sự Thiên Chúa đến:

“Hãy bảo những người có lòng hốt hoảng:

Phấn khởi lên đừng sợ!

Này đây Thiên Chúa của các-người

đến trả oán, mối phục thù thần linh

Chính Người đến cứu các ngươi.

Bấy giờ mắt kẻ mù sẽ mở.

tai người điếc đều sẽ thông.

Bấy giờ què quặt sẽ nhảy nhót tựa hươu nai,

lưỡi người câm cũng sẽ reo hò,

Vì có nước phun ra trong sa mạc,

sưởi khe trong cõi hoang giao” (Is. 35:4-6).

(Cần lưu ý rằng hứa hẹn trả oán và phục thù trong lời tiên tri trên chỉ giản dị là hứa hẹn giải thoát được viết theo lối nói Cựu Ước). Các biểu hiệu của Đức Giêsu biểu lộ ngài là đáng đã được hứa từ trước làm đáng mang lại nỗi hân hoan của Thiên Chúa. Có thể những điều kỳ diệu này rất ít khích động, nhiều ôn nhu hòa nhã hơn điều các tiên tri đã gợi ra. Gioan Tẩy giả rõ ràng đã kỳ vọng luồng gió của cái rê lúa, vị thẩm phán đến để tẩy rửa thế gian bằng lửa. Nhưng có điều gì trong chính các biểu hiệu này đánh dấu chúng là của riêng Đức Giêsu - điều gì ấm áp và ân sủng cách không ngờ. Dù gì đi nữa, điều ấy không làm các biểu hiệu này kém vẻ tuyệt diệu. Ngược lại, nó khiến chúng thành những biểu hiệu đặc biệt của uy nghiêm Thiên Chúa trong mật thiết với tình trạng khốn khổ của nhân loại.

### *Bản chất của phép lạ*

Đây đúng lúc để xem xét trong giây lát điều mà Kinh Thánh hiểu về phép lạ. Theo Kinh Thánh, phép lạ là một việc mà con người thấy Thiên Chúa tác động trong đó. Do đó, một trong các thánh vịnh có nói về bầu trời đầy sao: “Trời cao ca ngợi những kỳ công của Người, lạ lùng Giavê” (Tv. 98:6). Những lời ấy được dùng cho những biến cố đặc biệt biểu lộ quyền năng cứu độ của Thiên Chúa. Ở Tân Ước, chúng xuất hiện liên quan tới sự toàn hảo của Đức Kitô, tới những biến cố đánh động làm nổi lên sự kỳ diệu và mang ý nghĩa rõ rệt trọng đại. Chúng được gọi là “các phép lạ”, “các biểu hiệu”, “các kỳ công”, “hành động vĩ đại”. Là người thời nay với nhận thức gia tăng từng năm về thiên nhiên và các qui luật

của nó thì thật là tự nhiên khi chúng ta đặt câu hỏi: “Những biểu hiệu này có phải là những biến cố nằm “ngoài qui luật thiên nhiên” không? Sự tiếp cận này, như đã được diễn tả, không có trong Kinh Thánh. Và ngay với chúng ta, câu hỏi này đang mất dần ý nghĩa. Xét cho cùng, chúng ta hiểu mối liên hệ giữa cuộc sáng thế mới, được phát hiện ở đây, với các định luật của thiên nhiên là gì?

Mọi điều mà ta có thể nói chắc —luôn luôn liên kết với cứu độ và phán xét, và trên hết, luôn luôn liên kết với Đức Kitô— là các sức mạnh to lớn được giải tỏa vì lợi ích của nhân loại. Không lý do gì để xem điều này là một bất thường và can thiệp ngoại tại vào phần việc của Thiên Chúa, như thể Thiên Chúa gây trở ngại cho cuộc sáng thế của chính ngài. Ngược lại, các phép lạ không cưỡng lại sức mạnh thiên nhiên. Chúng để các sức mạnh đó tác động với kết quả và hiệu quả phi thường, thích hợp với sự “khát khao” và sự “rên siết” nằm sâu trong thiên nhiên. (Xem Rom. 8:22). “Cha Ta đến hôm nay hằng làm việc, thì Ta cũng làm việc” (Ga. 5:17).

Do đó, ta không nên nói đến “ngoại lệ của qui luật thiên nhiên”. Đúng hơn là phải nói là các phép lạ dạy con người rằng y không biết điều gì có thể xảy ra trong bản thân y và trong thế giới —“Horatio, còn nhiều điều trên trời và dưới đất được mơ tưởng tới hơn trong triết lý sống của bạn” (Hamlet).

Nhân loại đầy kinh ngạc khi thế giới này hé cho thấy cùng đích thật sự của thế giới. Trong phép lạ, người tín hữu cảm nhận những hiệu quả ban đầu của cuộc sáng thế mới: của thế gian mới mà Đáng Sống lại đã nhập vào.

### *Phép lạ của Đức Giêsu: các đặc điểm*

Những phép lạ được thuật lại của Đức Giêsu mang đầy đủ những dấu vết đặc thù và độc đáo ấy, tới độ chỉ có thể kết luận: rằng Đức Giêsu quả thật làm phép lạ.

Theo cái nhìn của các học giả Kinh Thánh, điểm đáng chú ý đầu tiên là chúng quá ít. Chúng hẳn không là nội dung chính của phúc âm như chúng vẫn là nội dung chính của các bản tiểu sử vĩ nhân mọi thời.

Điểm đáng chú ý nữa là các biểu hiệu của Đức Giêsu không có tính chất vị kỷ. Có thể nhận thấy điểm ấy trong 189 những cám dỗ nơi sa mạc. Đức Giêsu từ chối làm phép lạ vì lợi ích bản thân mình hoặc diễn trò cho thiên hạ xem. Và quả thật ngài không làm phép lạ nào vì lợi ích của mình. Các phép lạ chấm dứt với cuộc khổ nạn của ngài.

Như thế ngài cố ý tránh bất cứ điều gì có thể mang phép lạ ra triển lãm hoặc có thể biến nó thành một biểu diễn quyền năng thuần túy. Chỉ cần so sánh cuộc đời Đức 729-730 Giêsu với các ảo thuật gia, những người làm các điều kỳ quái, những người hành nghề khoa học huyền bí, thì ta sẽ bị đánh động bởi sự giản dị, điềm đạm, trang trọng đầy xúc động trong các việc ngài làm. Mọi việc đều được giữ rất giản dị ngay cả chẳng hạn khi ngài chấp nhận và thực hiện một nghi lễ riêng biệt, lễ tẩy rửa đền thánh. Tóm lại, các phép lạ đó nhắm trực tiếp tới cá nhân, không thực hiện cho công chúng.

Đức Giêsu thực hiện các biểu hiệu đó mà không đòi hỏi một cố gắng nào: không thôi miên, không nghi thức rườm rà, không các chuẩn bị phức tạp hoặc các toán giúp việc. Chỉ có lời nói dễ hiểu, uy lực, đôi khi được nói từ

khoảng cách xa. Các phép lạ của ngài là sự tĩnh lặng của hành động sáng thế của Thiên Chúa.

Không mấy may có dấu vết nào của “thần thông” trong khả năng phi thường của Đức Giêsu. Phép thần thông thường là nỗ lực đặt quyền năng thiêng liêng dưới sự kiểm soát của con người bằng những thao tác nhất định, không có sự dâng hiến lên Thiên Chúa, không có quan hệ cá nhân. Đức Giêsu cầu nguyện rõ ràng trước khi làm phép lạ, “Lạy Cha, Con tạ ơn Cha, vì Cha đã nhận lời Con!” (Ga. 11:41). Vì là Chúa Con, ngài làm việc trong quan hệ cá nhân cùng Chúa Cha, và không thật sự cần phải thỉnh cầu: “Con biết Cha hằng nhận lời Con; nhưng vì dân chúng đứng chung quanh mà Con đã nói” (Ga. 11:42).

Việc các phép lạ của Đức Giêsu biểu hiệu cho sứ mệnh ngài không có nghĩa những người được ngài tác động là những kẻ thờ ơ lãnh đạm với ngài. Con người sống động, nhân tính không là đối tượng ngẫu nhiên để trên họ ngài thể hiện quyền lực của mình. Ngài làm phép lạ với “chạnh lòng thương xót” (Lc. 7:13). Nó phần nào biểu hiện rằng sự giúp đỡ của Thiên Chúa được nhận thấy là có tính cách cá nhân và chân thật. Nó cũng phần nào biểu hiện rằng ngay việc chữa bệnh cũng là một công trình cứu độ chân chính.

Có một ghi nhận đầy ưu ái là không biểu hiệu nào của Đức Giêsu là để trừng phạt. Điều này có thể trái ngược với Cựu Ước có những trình thuật về cách “phán xét” của Thiên Chúa đôi khi hành động bằng cung cách kỳ lạ. Trường hợp ấy không bao giờ xảy ra với chính Đức Giêsu. Khi những “người con của sấm sét” yêu cầu lửa giáng xuống từ trời, Đức Giêsu quay lại và nghiêm khắc quở

măng họ (Lc. 9:55). Việc làm khô héo cây vả (Mc. 11:12-14, 20) không phải hình phạt nhưng là một lời cảnh cáo. Và chúng ta có thể thấy qua Luca, kẻ đưa một dụ ngôn thay cho phép lạ này (Lc. 13:6-9), lời cảnh cáo này dịu dàng và nhẫn nại biết bao.

### *Chữa trị*

Hầu hết các phép lạ của Đức Giêsu là chữa trị thể xác, Thiên Chúa muốn người đại diện của ngài được nhìn như người chữa lành bệnh, như người chiến thắng sự chết. Phúc âm làm rõ ràng điều ấy bằng ba trường hợp cá biệt về người chết được sống lại. Khó nói chuyện nào trong ba chuyện ấy là tuyệt vời nhất (Mc. 5:21-41; Lc. 7:11-17; Ga. 11). Đức Giêsu xem cuộc chiến đấu của ngài chống bệnh tật và cái chết như là cuộc chiến chống sự dữ, thật ra, chống tội lỗi.

Với người phụ nữ tàn tật tới độ lưng còng quặp không  
 166-168  
 788  
 ngẩng hẳn lên nổi, Đức Giêsu nói là bà bị Satan xiềng xích - như con vật bị cột không thể đi uống nước máng (Lc. 13:15-16). Đức Giêsu đến để chữa lành vết thương sâu kín. Ai được chữa trị bệnh tật thể xác thì ngày nào đó cũng phải chết. Công việc của Đức Giêsu là tạo nên sự chữa trị kéo dài vượt qua cái chết. Ngài chữa lành những vết thương tội lỗi, và việc chữa bệnh thể xác là biểu hiệu cho điều ấy. Chúng chỉ dấu rằng nước trời đang lâm chiến - chống sự dữ.

195-197

### *Quỉ ám*

Điều trên được sáng tỏ hơn bởi một loại phép lạ khác. Thỉnh thoảng Đức Giêsu gặp những người “quỉ ám”. Trong

phúc âm, người quỷ ám không bị cho là người tội lỗi nhưng là người không còn là chính mình nữa và có thể thấy rõ có những dấu hiệu của bệnh điên và cả mê loạn nữa. Nhiều người quỷ ám được tả là khổ sở vì bệnh tật, như trong Mathêu 17:15, ta đọc thấy một cậu bé bị ma quỷ dày vò làm một “kẻ bị kinh phong”. Vì thế, phúc âm không phân biệt giữa người bệnh và người bị quỷ ám như chúng ta tưởng tượng. Đức Giêsu thấy Kẻ Địch trong cả hai: trong xương sống dị dạng (Lc. 13:16) và trong những tiếng kêu la cô độc: “nơi mồ mả và trên núi đồi” (Mc. 5:5). Trong trường hợp sau, Đức Giêsu đương đầu trực tiếp với quỷ dữ: ở đây tinh thần con người bị bệnh chứ không phải thể xác. Quyền năng Đức Giêsu mang đến cho con người đang cần ấy sự giải thoát, là một trong những biểu hiện rõ ràng nhất của nước trời.

Đức Giêsu nói về Satan như một quyền năng cá nhân. Kinh Thánh ghi lại một số cơ hội, trong đó người bị quỷ ám la lên rằng Đức Giêsu là “Đấng Thánh của Thiên Chúa” (Mc. 1:24) hoặc “Con Thiên Chúa” (Mc. 5:7). Chúng ta không hiểu những quyền năng nào tác động ở đây.

Đức Giêsu từng có lần rất rõ ràng cho thấy sự uy nghiêm của ngài khi giải thoát một nạn nhân bị dày vò sâu khổ rồi cho phép quyền năng của quỷ dữ (được gọi là “Cơ binh”) nhập vào đàn heo chạy sòng sọc từ sườn núi nhào xuống biển. Bằng cách qua biến cố tự nhiên ấy, chúng ta được hé cho thấy tính chất dữ dội của cuộc chiến tranh đang tiến hành. Việc bầy heo chạy tán loạn không phải biểu hiện thật, nhưng sự kiện là “Họ, (những người Ghêrasa), đến nơi Đức Giêsu và thấy người bị quỷ ám ngồi,



đã mặc áo xống, trí tỉnh táo” (Mc. 5:15). Đây là biểu hiệu thật: con người được chữa lành.

### *Những phép lạ trong thiên nhiên*

Sau cùng, có những phép lạ Đức Giêsu làm trên những đối tượng thiên nhiên. Chúng được diễn tả như những biểu hiệu trực tiếp cho con người ngay trong môi trường quen thuộc chung quanh họ chứ không phải những biểu lộ bữa bãi quyền uy. Việc làm lặng cơn bão có ý nghĩa ai theo ngài thì được bình an. Việc đánh cá cách lạ lùng là tặng phẩm bất ngờ sau những nỗ lực mất thì giờ - và cũng là biểu hiệu người đánh cá nhân loại. Việc nhân bánh cách kỳ diệu là sự làm dịu đói khát và tượng trưng cho bữa tiệc cứu thế mà sẽ được đưa ra biểu thị đầy đủ hơn bằng việc ăn mình và uống máu Đức Giêsu.

### *Phục vụ bằng lời*

197 Có lần bị một số người tìm thấy vì ngài đã làm nhiều phép lạ, ngài nói: “Chúng ta hãy đi nơi khác, đến các làng xã lân cận, để rao giảng ở đó nữa, bởi chính vì thế mà ta đã ra đi” (Mc. 1:38).

Rao giảng là công việc chính của Đức Giêsu. Sự rao giảng này là “dấu lạ của Giônã”, một vị tiên tri (Lc. 11:29). Đức Giêsu không làm phép lạ tại nơi không liên quan tới việc rao giảng, chẳng hạn khi đứng trước những kẻ cứng lòng, những người đồng hương Nagingarét, những kẻ Biệt phái, phe Hêrôđê và dù chúng ta có đọc tại một chỗ: “Hãy tin ta... bằng không hãy tin vào các việc kia vậy” (Ga. 14:11), chúng ta cũng đọc thấy Đức Giêsu ít

tín nhiệm vào những ai chỉ tin vì các dấu lạ ngài làm (Ga. 2:23-24). Và nói về những người anh em của kẻ giàu có keo kiệt: “Nếu chúng không nghe Môsê và các tiên tri, thì dầu có ai sống lại từ cõi chết, chúng cũng chẳng ngã lòng đâu” (Lc. 16:31).

### *Đức tin và phép lạ*

Như thế, có đức tin khởi đầu trước khi có phép lạ. Phép lạ làm đức tin kiên cố và ổn định. Đôi khi chính Đức Giêsu đòi hỏi một đức tin mãnh liệt. Có lẽ điều này làm chúng ta ngạc nhiên. Đã xảy ra tình trạng như thế tới độ người cầu nguyện thốt lên, “Tôi tin; nhưng xin giúp đỡ cho sự thiếu lòng tin của tôi”. Tuy thế, yêu cầu đức tin có trước không có nghĩa các phép lạ được làm vì đức tin - như thỉnh thoảng xảy ra trong các trường hợp những người “chữa bệnh bằng đức tin”. Đức tin, sự qui thuận của bản thân, là đòi hỏi đầu tiên, nhưng Thiên Chúa là đáng chữa lành. Do đó, không nhất thiết người bệnh phải có đức tin. Trong Mc. 9:24, về người cha của cậu bé bị bệnh. Nếu phép lạ xảy ra vì một nỗ lực tin tưởng mãnh liệt thì nó là một trò điều luyện do bản thân bệnh nhân thực hiện và đó không là một biểu hiệu của nước trời. Phép lạ là một công cuộc của Thiên Chúa chỉ ra cho thấy một giải thoát sâu xa: chấp nhận sự ngự trị của Thiên Chúa.

### *Các biểu hiệu*

Các phép lạ của Đức Giêsu không hoàn toàn đóng vai trò phụ thêm vào việc rao giảng của ngài. Tự chúng nói lên chúng. “Hành động của Ngôi Lời là tự các lời lẽ” (Thánh Augustinô).

547 Do đó, có lần Đức Giêsu chữa một người què như một biểu hiệu của sự tha tội (Mt. 9:6-7). Việc chữa bệnh không chỉ là bằng chứng ngoại tại cho thấy Đức Giêsu có thể hoàn thành sứ mệnh vô hình của mình bằng sự tha tội. Hạnh phúc của người đàn ông vác giường về nhà có ý nghĩa tha thứ, một chữa trị vươn lên vượt quá sự chết. Do đó, các Kitô hữu thời hăm mộ diễn tả người “mang giường” này trên mộ của những đồng đạo quá cố của mình. Sự chữa trị đó có ý nghĩa tha tội qua phép rửa tội, và nỗi hân hoan bất diệt.

122 428 282 Quả thật, các bí tích là sự kéo dài xác thật nhất của biểu hiệu của Đức Kitô. Phúc âm Thánh Gioan để ý cách riêng tới điểm này. Phúc âm ấy được viết ra từ trong một cộng đoàn có hơn nửa thế kỷ nếm trải Thiên Chúa trong các bí tích. Như thế, chẳng hạn, việc nhân bánh (Ga. 6) cho thấy Phép Thánh Thể là lương thực và việc chữa lành người mù bẩm sinh (Ga. 9) cho thấy phép rửa tội là sự soi sáng.

349 351

Nhưng dù các bí tích là sự tiếp tục xác thật nhất các biểu hiệu của Đức Giêsu, ngài còn ban bố rằng những kỳ công của ngài trên thế gian này sẽ tiếp tục sống động trong Giáo Hội của ngài như những biểu hiệu. Như Máccô kết thúc cuốn phúc âm của mình với lời, “Chúa càng hoạt động và củng cố lời bởi phép lạ kèm theo”. Phép lạ đó rất “bình thường” trong cuộc sống của Giáo Hội tới độ qua nhiều thế kỷ không ai được phong thánh mà không ít nhất có hai phép lạ được qui cho sự can thiệp của vị đó, như một biểu hiệu rằng Chúa quả thật đã “tác động cùng với vị ấy”.

Những điều có thật trong cuộc sống trần thế của Đức Giêsu cũng có thật trong các việc ngài làm trong Giáo

Hội. Các phép lạ, vốn chỉ chữa lành được một ít người, không là tặng phẩm lớn lao nhất của ngài. Thực tại vĩ đại là lời của ngài và Phép Thánh Thể và sự tha thứ của ngài và các phép bí tích khác - những biểu hiệu của ngài cho tất cả mọi người.

## NGƯỜI THẤY CỦA CẦU NGUYỆN

309-511

Lúc này, chúng ta nên nhìn vào sự tiếp xúc trực tiếp của Đức Giêsu với Chúa Cha, đáng luôn luôn là tâm điểm mọi ý nghĩ của Đức Giêsu. Đức Giêsu là một người cầu nguyện. Ngài không tự giới hạn mình trong bất cứ một hình thức cầu nguyện nào. Chúng ta thấy ngài năng động trong mọi cấp bậc mà con người cố gắng để tiếp xúc với Thiên Chúa. Ngài cử hành nghi thức tiệc Phép Thánh Thể mà ngài ấn định cho các môn đệ (Mt. 26:30). Khi vào nhà nguyện, ngài tham gia đọc các thánh vịnh và hòa mình với những người cầu nguyện khác. Không có lý do gì tin là ngài làm ngược với phụng vụ thời đó. Ngài nhận ra Chúa Cha đang cùng hòa theo dân tộc ngài. Chúng ta được kể rằng có lần ngài đọc lớn tiếng một thánh vịnh Cựu Ước (Mc. 13:34) mà có thể ngài đọc suốt từ đầu tới cuối.

Ngài sử dụng nhiều nhất trong các lời lẽ của mình điều độc đáo nhất so với tất cả mọi người. Có thể nhận thấy các lời lẽ đó trong sự cầu nguyện của ngài, mà chính đó là nét đặc sắc nhất của ngài. Qua các dụ ngôn, chúng ta có thể tưởng tượng là nó giản dị và trực tiếp. Và quả thật, ngài cầu nguyện cùng Chúa Cha hết sức giản dị (xem Lc. 10:21 chẳng hạn). Trong cách ấy, chúng ta có thể

175

tưởng tượng thấy là ngài cầu nguyện bằng mọi cơ hội, có khi “suốt đêm cầu nguyện cùng Thiên Chúa”, một mình trên đồi (Lc. 6:12). Dĩ nhiên Đức Giêsu có thể cầu nguyện mà không cần dùng tới lời lẽ, nhưng không có chỗ nào ở phúc âm đề cập tới trường hợp đó.

### *Cầu nguyện và sứ mệnh*

Thật dễ dàng nhận thấy việc cầu nguyện của Đức Giêsu thường được nói lên trong mối tương quan với sứ mệnh của ngài. Việc ngài lui ra sa mạc - cuộc “ẩn dật” mà Thánh Thần xui khiến ngài - được mô tả như một chuẩn bị cho công việc sắp tới. Sau đó, lúc thế gian cố ý cưỡng ép ngài làm một Đấng Cứu Thế thế tục, ngài lại ẩn mình biệt lập, và việc này nằm cùng chiều hướng diễn biến với lần ở sa mạc. Ngài ra sa mạc để tiếp xúc với Chúa Cha, và như thế, hoàn thành thiên hướng của mình với tất cả sự thanh khiết của nó. Ngài trải qua một đêm cầu nguyện trước khi tuyển lựa các Tông đồ. Chúa Cha ban cho ngài trong cầu nguyện từng người cộng sự. Ngài cầu nguyện để làm phép lạ và do tác dụng của quan hệ cá nhân ngài cùng Chúa Cha mà thực hiện chúng.

Mácô giữ lại cho chúng ta một đoạn văn ngắn, bằng những nét sắc sảo bất ngờ, cho thấy sự cầu nguyện giữ vị trí nào trong cuộc đời Đức Giêsu.

“Sáng sớm tinh sương, Ngài chỗi dậy ra đi, đến một nơi hoang vắng; và cầu nguyện ở đó. Simon lòng kiếm Ngài làm một cùng kẻ ở với ông. Họ đã tìm ra Ngài và họ thưa Ngài: **‘Mọi người đều**

kiếm Thầy!’ Và Ngài bảo họ: ‘Chúng ta hãy đi nơi khác, đến các làng xã lân cận, để ta rao giảng ở đó nữa, bởi chính vì thế mà ta ra đi!’”(Mc. 1:35-38).

Các Kitô hữu ngày nay, những người biết rằng mỗi việc tốt mình làm vì lòng bác ái cũng là một lời cầu nguyện, ngạc nhiên khi đọc đoạn văn trên. Họ thấy Đức Giêsu rút lui thế nào để cầu nguyện. Sự rút lui ấy cho chúng ta thấy nên tự quở trách mình biết bao nếu chúng ta lơ là việc tiếp xúc với Thiên Chúa và dành *tất cả* ngày giờ của mình cho lao động, làm việc nhà hoặc các công tác từ thiện. 520-521

Và sự việc nhỏ này cũng nói cho chúng ta biết về nguyên nhân. Sau mỗi đêm cầu nguyện, Đức Giêsu nhận biết sâu sắc hơn công việc thật sự của ngài là gì, sự phục vụ thật sự của ngài cho loài người nằm ở đâu và vì thế, ngài tiếp tục. Qua cầu nguyện, chúng ta giữ các hoạt động của mình đúng hướng.

Và sự cầu nguyện tự nó là sức mạnh củng cố được những người khác. “Simon, Simon, này Satan đã đòi cho được các ngươi mà quày cho một trận như sàng lúa; nhưng Ta đã cầu xin cho ngươi, ngõ hầu lòng tin của ngươi khỏi bị tiêu diệt. Phần ngươi, một khi đã trở lại, ngươi hãy củng cố anh em ngươi” (Lc. 22:31-32).

### *Việc biến hình*

Như thế, cuộc sống và công việc của Đức Giêsu được thâm nhập bởi cầu nguyện. Phúc âm cho thấy có lần, sự giao lưu của ngài với Chúa Cha được biểu lộ rực rỡ biết bao với tất cả chói sáng. Trong lúc ngài cầu nguyện trên

núi, nghe có tiếng nói, một đám mây chói lọi xuất hiện, dung nhan và y phục của ngài tràn ngập ánh sáng. Những biểu tượng bên ngoài này là biểu thị cho các biến cố bên trong - sự hiện diện của Chúa Cha cho Chúa Con trong Thánh Linh. Đó là một bằng chứng tuyệt vời cho sự thanh tẩy và thiên hưởng của ngài. Đó cũng là mạc khải về thế giới ấm áp và yêu thương trong đó Chúa Cha và Chúa Con hiệp nhất cùng nhau.

268 Nhưng ngay chính trong khoảnh khắc siêu phàm ấy, công việc của ngài tại trần gian sắp kết thúc cách phi thường. Cùng xuất hiện hai vị khổ công thử trước là Môsê và Êlia, và ngài nói với họ về cuộc Xuất Hành của ngài (tiếng được dùng ở đây là “ra đi”, nghĩa là chết) “mà ngài sắp hoàn tất tại Giêrusalem” (Lc. 9:31). Như thế, việc cầu nguyện của Đức Giêsu không là một chạy trốn cuộc đời hoặc thoái thác công việc, mà là thành phần của sứ mệnh ngài.

### *Những lời cầu nguyện sau cùng ở trần gian*

Trong Gioan 17 chúng ta có thể đọc thấy lời cầu nguyện Đức Giêsu đã thốt ra trong Bữa Tiệc Li, được người môn đệ dựa vào ngực Đức Giêsu trong bữa tiệc đó, nhớ lại và nhiều năm sau ghi lại bằng một thể điệu được Thánh Linh Đức Giêsu truyền cảm hứng. Với cương vị “đấng chủ tể tối cao” Đức Giêsu cầu nguyện cho Giáo Hội của ngài. Đàng sau diễn từ nồng nàn cho Chúa Cha này, chúng ta nghe minh bạch cận kề tiếng nói của Chúa Vinh Quang. Chúng ta giáp mặt ở đó trọn vẹn thực tại của Đức Giêsu.

Nhưng rõ ràng lời cầu nguyện xúc động nhất của Đức Giêsu là tiếng kêu than ngài thốt ra trong Vườn Cây Dầu: “Abba, lạy Cha, Cha có thể làm mọi sự, xin cất chén này đi khỏi con; nhưng không phải: Con muốn gì, mà là Cha muốn gì!” (Mc. 14:36).

Tay trong tay với Chúa Cha, ngài đặt chân lên lối đi của ngài. Là thủ lãnh của dân tộc mới của Thiên Chúa, ngài đã để lộ ra trong đời sống ngài sự vĩ đại của nó bằng cách biến nó thành một cuộc sống cầu nguyện.

### “Abba”

Có một từ ngữ trong các tiếng Đức Giêsu dùng tóm tắt được mọi sự. Đó là tiếng “Abba”. Tiếng Đức Giêsu gọi Thiên Chúa. Nó có nghĩa là “Cha”. Những sâu thẳm khôn dò của tình yêu Chúa Cha và Chúa Con được hé lộ trong một từ ngữ rất con người này. Nó chỉ ra tính chất phong phú của âu yếm và mộc mạc - vì Thiên Chúa thì hết sức giản dị, và tiếng “Abba” có ý nghĩa điều gì còn ấm cúng hơn cả “Cha”. Con cái thường dùng lối diễn tả này để nói lên lòng triu mến, tin cậy và là một loại âm thanh gần gũi trên môi trẻ sơ sinh - tựa như tiếng “ba ba”. Abba trong tiếng Aram có nghĩa nhỏ nhắn. Đó cũng là cách Đức Giêsu trình bày với Thiên Chúa. Và ngài cũng dạy cho chúng ta gọi “Abba”. Ngài làm thế suốt đời ngài và còn làm khi sống lại, nhờ bởi Thánh Linh.

630-632

“Vì cầu xin thế nào cho phải, ta nào có biết... Song chính Thần Khí chuyển cầu cho ta, bằng những tiếng rên khôn tả”, “Anh em đã chịu lấy Thần Khí của hàng nghĩa tử; nhờ đó mà ta kêu lên : Abba, lạy Cha!” (Rm. 8:26; 15-16). Những lời lẽ này được gửi đến cộng đoàn Kitô hữu



3.20-32.2

thời sơ khai, nơi dâng lên lời cầu nguyện nhờ bởi Thánh Linh truyền cảm hứng. Những người Hy Lạp có thể đã nghe phát âm tiếng Aram “Abba”. Những lời khó hiểu của Phaolô vừa được trích dẫn có thể hiểu được ngay nếu ta biết điều chủ chốt trong tư tưởng của ngài là tiếng “Abba”. Thánh Linh Đức Giêsu xui khiến các Kitô hữu đủ bạo gan gọi Thiên Chúa bằng tiếng thân ái “Cha”. Cũng Thánh Linh đó thúc đẩy chúng ta ngày nay gọi như thế.

Trong Cựu Ước, cũng có một số lần Thiên Chúa được trang trọng gọi là Cha. Ngài là Cha của dân tộc, của vị hoàng đế được chọn, của những người ngoan đạo. Có điều chỉ có sự rao giảng của Đức Giêsu về nước Thiên Chúa là mới và mang nó tới gần nhân loại; ngài cũng làm cho biết tới Chúa Cha bằng cách thức mới mẻ và ấm áp hơn. Ngài nói với lập trường Người Con. Cùng với Chúa Con và như Chúa Con, chúng ta phải bình thường và thường xuyên hướng về Chúa Cha. Đây là điều phong phú hết sức, hơn tước vị cha trong Cựu Ước.

264  
143-150  
812-824

Nhưng, lối nói của Đức Giêsu cũng làm rõ ra rằng mối liên hệ của bản thân ngài với Chúa Cha sâu xa hơn của chúng ta. Đức Giêsu không bao giờ nói “Cha chúng ta” (trừ lúc ngài đặt những tiếng đó trên môi chúng ta). Ngài nói “Cha ta và Cha các ngươi”. Thiên Chúa không phải là Cha của chúng ta trong cùng một cách thức như ngài là Cha của Đức Giêsu. Phận làm con không đưa đến chỗ Đức Giêsu. Ngài sở hữu nó tự khởi thủy. Phận làm con (nghĩa tử) của chúng ta là một biến cố được thực hiện trong chúng ta bởi Đức Giêsu. Biến cố này là sự đến của nước trời.

Trong tầm mắt của chúng ta, nếu muốn biết điều Đức Giêsu hiểu qua tiếng Cha, chúng ta phải nhìn vào nơi mà

ngài đích thân giải thích về điều ấy - câu chuyện người cha nhân từ. Câu chuyện này được đặt cho một tựa đề, có tính cách truyền thống mà ít thích hợp là “đứa con hoang đàng”, nhưng nhân vật chính của câu chuyện là người cha. Với những ai sẵn lòng để hiểu, Đức Giêsu đưa ra trong dụ ngôn này hình ảnh Thiên Chúa là Người Cha (Lc. 15:11-32).

Như thế, ngài dùng một tiếng giản dị và tự nhiên như trong tình cha con để gọi Thiên Chúa. Những ai còn có ý nệ sai lạc về “Người Cha” thì, với tâm hồn còn bị cấm cản, phải vượt qua một đoạn đường dài trước khi đến gần Thiên Chúa và nói, “Quả thế, không phải thứ thần khí của hàng nô lệ là điều anh em đã chịu lấy, để mà phải sợ hãi. Nhưng anh em đã chịu lấy thần khí của hàng nghĩa tử; nhờ đó ta kêu lên: Abba, lạy Cha” (x. Rm. 8:15). Nhưng vì Chúa Con cũng là con người và là anh của chúng ta, nên mỗi người chúng ta có Đức Giêsu như em của ngài trong cách mà ngài xuyên qua cuộc đời, và vì thế chúng ta được giao tiếp đầy yêu thương với mẫu nhiệm Thiên Chúa. Và, một nỗ lực nhằm mừng tụng Tình Cha của Thiên Chúa có thể dẫn đến một thái độ rõ ràng, dứt khoát của phận làm con đối với Đấng Thân Phụ độc nhất.

208

### *Tin cậy và kiên trì*

Đức Giêsu dạy chúng ta rằng loài người có thể đến với ngài như ngài đến với Thiên Chúa, với mọi nhu cầu và khát vọng trong vòng quay hàng ngày của hỗn phận đời thường. Chúa Cha biết là chúng ta có những nhu cầu rất lớn về các việc đời thường. Vì thế, Đức Giêsu bảo chúng ta rằng trong các lời cầu nguyện chớ nên lải nhải

như những người ngoại đạo làm (Mt. 6:7-8), và đồng thời khuyên chúng ta liên tiếp nài nỉ khẩn cầu hoài về điều ta muốn xin. Từ ngữ “quấy rầy” dường như quá mạnh mẽ nghiệt ngã khi ta đọc trong Lc. 11:5-13 và 18:1-7 về người láng giềng tới nhà ta lúc nửa đêm để mượn thực phẩm, và về một bà góa năn nỉ vị thẩm phán.

Hai chỉ thị ấy của Đức Giêsu dường như trái ngược nhau. Chúng ta không nên lẩm lời và chúng ta thật ra phải dùng nhiều lời. Nếu ngẫm nghĩ về ý định của Đức Giêsu, chúng ta sẽ thấy cả hai đều nhắm tới cùng một việc: cư xử với Thiên Chúa như với Người Cha. Một đằng, ân huệ đáp ứng không là cách bù trừ có thể tính toán theo lối có đi có lại vì một thính nguyện khéo nói, theo cách người ngoại đạo tính cứ mỗi đáp ứng là một đền bù công bằng cho mỗi nỗ lực của con người. Đẳng khác, ý Thiên Chúa muốn chúng ta khẩn cầu dai dẳng, cả trong lúc may mắn cũng như khi rủi ro. Như thế, cả hai chỉ thị ấy đều là sự kêu mời một lòng tin cậy vô hạn.

Lời Đức Giêsu khuyên rằng chúng ta nên lui vào trong phòng để cầu nguyện cũng dựa trên Tình Cha của Thiên Chúa: “Cha người, Đấng thấu suốt cả nơi kín ẩn sẽ hoàn trả lại cho người” (Mt. 6:6).

Đức Giêsu đánh giá cách riêng giá trị của lời cầu nguyện chung được cùng hợp tiếng dâng lên do loài người trong tình anh chị em với nhau:

“Ta lại bảo các người: nếu trong các người hai người dưới đất đồng thanh xin về bất cứ việc gì, thì Cha Ta, Đấng ngự trên trời sẽ ban cho. Vì đâu có hai ba người họp lại nhân danh Ta, thì Ta ở đó, giữa họ” (Mt. 18:19-20)

*Tin cậy, chân thành và tỉnh thức*

Sự tin cậy bạo dạn mà Đức Giêsu thúc dục chúng ta không là một bất kính. Người Cha mà chúng ta muốn đến gần là Chúa Cha trên trời, Thiên Chúa thánh thiện mà trước mặt ngài mọi dối trá và vắn đục đều bị xua đuổi. Như Đức Giêsu diễn tả, lời cầu nguyện là lời của con người trong cơn túng quẫn và cơ cực dâng lên Thiên Chúa với tất cả sự tôn kính. Nhưng Đức Giêsu còn đòi hỏi chúng ta không được giả nhân giả nghĩa trước mặt Chúa Cha. “Không phải mọi kẻ nói với Ta: ‘Lạy Chúa, Lạy Chúa’, là sẽ được vào Nước Trời, nhưng là kẻ thi hành ý Cha Ta, Đấng ngự trên trời” (Mt. 7:21).

“Vậy nếu người dâng của lễ nơi bàn thờ, và ở đó nhớ ra anh em có điều bất hòa với người, người hãy đặt của lễ đó trước bàn thờ, mà đi làm hòa với anh em người trước đã, rồi bấy giờ hãy đến mà dâng lễ vật của người” (Mt. 5: 23-24).

Vì thế, Đức Giêsu còn nói: “Tỉnh thức và cầu nguyện”. Ngài dạy, thực hiện cầu nguyện với chú tâm và sự chuẩn bị sẵn sàng, với con mắt canh thức việc nước trời đang đến.

“Các người tự cảnh giác để phòng, kéo lòng các người ra nặng nề bởi chè chén say sưa, bởi những lo lắng sự đời, mà ngày ấy thành linh ập đến trên các người, như một cái bầy; vì ngày ấy sẽ xông đến thành linh trên dân cư khắp mặt đất hết thảy. Hãy tỉnh thức luôn, cầu nguyện xin cho có sức

tránh thoát mọi điều sắp xảy đến, và được đứng vững trước mặt Con Người” (Lc. 21:34-36).

Hoặc như Đức Giêsu nói trong Vườn Cây Dầu: “Hãy tỉnh thức và cầu nguyện kẻo sa cơn thử thách” (Mc. 14:38). Và vì thế, Kinh Lạy Cha cầu: “Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ, nhưng cứu chúng con khỏi mọi sự dữ.”

Thái độ sẵn sàng chờ đợi Thiên Chúa đến cũng được nghĩ tới trong câu kinh: “Nguyện danh Cha cả sáng”, là thỉnh cầu Thiên Chúa cho chúng ta thấy quyền năng và vinh quang Ngài. Chúng ta không nên coi nhẹ ý nghĩa câu kinh này. Đó là lời khẩn nài xin Chúa xuất hiện trong thế giới và trong cuộc sống chúng ta, cũng như câu kinh: “Nước Cha trị đến”.

### *“Và tha nợ chúng con”*

Thái độ căn bản của sự trông đợi đầy tôn kính ấy giải thích cách thức Đức Giêsu phát biểu, bằng một lối hết sức kinh ngạc, khi giải quyết vấn nạn làm sao mà Thiên Chúa, nếu quả thật Ngài là Người Cha, lại để cho quá nhiều sự dữ xảy ra. Có thể thấy được cách thức ấy qua phản ứng của Ngài đối với các tai ương của công chúng.

“Nhằm lúc ấy, có ít người đến báo tin cho Ngài về những người Galilê, Philatô đã đổ máu hòa với tế lễ của họ. Đáp lại, Ngài nói với họ: ‘Các người tưởng những người Galilê ấy là hạng tội lỗi hơn mọi người Galilê khác, vì đã phải khốn như thế sao? Không đâu! Ta bảo các người! nhưng nếu các người không hối cải, thì các người hết thấy

cũng sẽ bị tiêu diệt như thế. Hay mười tám người đã bị tháp Silôam đổ xuống đè chết kia, các người tưởng họ có tội hơn mọi người trú ngụ ở Giêrusalem sao? Không đâu! Ta bảo các người! Nhưng nếu các người không hối cải, các người cũng sẽ bị tiêu diệt in như thế” (Lc. 13:1-5).

Như thế, Đức Giêsu đối lập với quan điểm Cựu Ước vốn nhìn trong tai ương một biểu hiệu sự phạm tội của một kẻ nào đó. Quan điểm ấy không là của Tân Ước và chúng ta nên tự mình vất bỏ quan điểm ấy. Do đó, câu “Xin tha nợ chúng con” bao hàm lời cầu nguyện mà ngài đã dạy. Trong dụ ngôn về người được tha nợ ba triệu lạng vàng, Đức Giêsu xem con người ở trong tình trạng mắc nợ.

Dĩ nhiên, điều ấy không trả lời hết được mọi câu hỏi về đau khổ. Về sau trong cuốn sách này, chúng ta sẽ thảo luận thông điệp phúc âm cho chúng ta thấy việc Thiên Chúa tích cực biết bao chống lại sự dữ và sự đau khổ chứ không phải thụ động để mặc chúng xảy ra. Nhưng ở đây, Đức Giêsu xác định bằng lời nói một điều cực kỳ quan trọng: Thái độ của chúng ta đối với Thiên Chúa. Chính chúng ta mới là người phải biện bạch chứ không phải Thiên Chúa. Bằng yêu thương và nhẫn nại, Thiên Chúa cho thấy tình yêu của ngài đối với chúng ta, những người đang sống trong sự dữ. Đời sống và cuộc tuần nạn của Đức Giêsu biểu lộ cách tuyệt vời điều ấy. Nó cũng được mạc khải trong dụ ngôn về sự trừng phạt sau đây:

“Người kia có cây vả trồng trong vườn nho. Ông đến tìm quả nơi nó mà không gặp. Ông mới nói

với người làm vườn nho: ‘Này, ba năm ta đến tìm quả nơi cây vả này, mà không gặp. Anh hãy chặt quách nó đi; để nó làm gì cho hại đất?’ Người kia đáp lại: ‘Thưa ông, xin để cho nó năm nay nữa, chờ tôi cuốc xới chung quanh nó, và bón phân. Không chừng sau này nó sinh quả... Bằng không, xin ông cứ chặt nó đi!’” (Lc. 13:6-9).

812-817

### *Việc nhậm lời cầu nguyện*

Đức Giêsu còn đưa ra câu trả lời đầy kinh ngạc cho những câu hỏi của con người. Đây là câu trả lời cho một người cầu nguyện mà không được nhậm lời: “Tôi đã và đang cầu nguyện, nhưng không xảy đến sự gì cả.” Đức Giêsu trả lời giản dị: “Mọi điều các người kêu xin, các người hãy tin tưởng là đã được, và các người sẽ thấy thành sự” (Mc. 11:24). Matthêu đưa ra một câu nói dưới hình thức ít nghịch lý hơn: “Và mọi điều các người lấy lòng tin mà cầu nguyện kêu xin, các người sẽ được” (Mt. 21:22). Ý nghĩa cũng như nhau thôi - rằng chắc chắn là nhậm lời. Đó là câu trả lời duy nhất của Đức Giêsu cho câu hỏi ấy.

Do đó, những ai thật sự hiểu sự cần thiết của cầu nguyện thì nếu không nhận được sự đáp ứng, họ sẽ không im bất mà vẫn tiếp tục nguyện cầu. Đức Giêsu dạy chúng ta kêu nài và tiếp tục kêu nài: “Hãy xin thì sẽ được, hãy tìm thì sẽ gặp, hãy gõ thì sẽ mở cho” (Lc. 11:9).

Vì thế, nếu chúng ta kiên trì thì sẽ được dẫn tới điểm mà, trong giao tiếp với Thiên Chúa, lời cầu nguyện cao cả nhất của mọi lời cầu nguyện sẽ được nhậm: “Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời”. Ý Thiên Chúa là điều siêu phàm và uy nghiêm, nhưng:

“Vì trời cao hơn đất (bao nhiêu) cũng vậy, đường lối của Ta vượt hơn đường lối của các người và ý nghĩ của Ta vượt hơn ý nghĩ của các người”  
(Is. 55:9).

Chúng ta thường không thấy đúng phương cách Thiên Chúa nhậm lời chúng ta. Sự nhậm lời luôn luôn trong cùng một hướng với điều chúng ta cầu khẩn (vì Đức Giêsu nói *mọi điều* mà ta cầu khẩn) mà còn thường thường cao hơn điều mà ta cầu khẩn.

Thí dụ rõ ràng nhất là Đức Giêsu ở Vườn Cây Dầu. Ngài cầu nguyện cho ngài khỏi mọi đau khổ - lời cầu này cấp bách và con người nhất so với mọi lời cầu nguyện. Nhưng rồi sự đau khổ ập xuống ngài. Tuy nhiên, ngài đã được nhậm lời trong diễn biến của sự cầu nguyện của mình, lại ở mức độ cao hơn. Như chúng ta đọc thấy trong thư gửi tín hữu Do thái, được viết vào thời gian rất lâu sau ngày Chúa sống lại:

“Vào những ngày còn trong thân xác. Ngài đã dâng lên Đấng có thể cứu Ngài khỏi chết, những lời cầu xin khẩn nguyện với lớn tiếng kêu van cùng nước mắt, và Ngài đã được nhậm lời thoát khỏi sợ hãi. Dầu là Con, Ngài đã phải đau khổ dãi dàu, mà học biết vâng phục”(Dt. 5:7-8).

Đức Giêsu đã kêu nài thoát khỏi cuộc khổ nạn Ngày Thứ Sáu Tuần Thánh, nhưng đã được ban cho vinh quang ngày Chúa Nhật Phục Sinh. Thật ra, ngay trong lời cầu nguyện ấy, Chúa đã gói ghém điều kiện rồi: Song đừng cho ý của con mà là ý của Cha được thành sự. Do đó,



chúng ta nên hân hoan cả bên trong lẫn bên ngoài vì Đức Giêsu đã hứa: hãy cầu xin thì sẽ được. Một thí dụ lớn lao về việc nhậm lời cầu nguyện quá đối siêu phàm tới độ không nhận ra, là nước Thiên Chúa mà Đức Giêsu mang đến. Nó là sự nhậm các lời cầu nguyện - bao gồm những lời cầu nguyện của các kẻ Biệt phái - khẩn nài cho nước trời đến. Điều đáp ứng ấy siêu phàm, sâu xa, giản dị và gần gũi với khát vọng của tâm hồn hơn cái họ trông đợi, và vì thế, họ không nhận ra.

Chúng ta cần đức tin phong phú và tăng tiến không chỉ để cầu nguyện nhưng còn để đủ tỉnh táo nhận ra việc nhậm lời cầu nguyện. Có thể xuất hiện những hình thức mù quáng nông cạn nhất. Đôi khi chúng ta đem việc dư dả của cái trần gian của mình để chứng minh lời cầu nguyện hàng ngày dùng đủ của mình đã được nhậm, tới độ chúng ta có thể nói - mọi lời cầu nguyện của tôi đều được đáp ứng. Chúng ta cần đức tin để nhận cho ra sự đáp ứng. Chúng ta có thể liên tục bất gặp là, trước sự đáp ứng các lời cầu nguyện của chúng ta, chúng ta lại xoay con mắt mù quáng của mình ngó vô chỗ khác.

Đức Giêsu còn bảo chúng ta cầu nguyện nhân danh ngài (Ga. 16:24). Điều này có nghĩa chúng ta phải biến ngài thành người cầu bầu, và còn có nghĩa cùng với Đức Giêsu, người anh mình mà chúng ta được đến gần Chúa Cha. Hai ý nghĩa ấy đưa tới một ý nghĩa khác là chúng ta phải cầu nguyện như ngài đã làm, trong cùng một tinh thần, và như thế, luôn luôn bao gồm các tiếng, “song đừng cho ý của con mà là ý của Cha được thành sự.” Chúng ta chỉ có thể từ từ học được các điều này. Đây là công việc suốt đời.

Vị thánh Tông đồ đã dựa vào ngực Đức Giêsu và rồi tiếp tục sống khoảng bảy mươi năm trong Thánh Linh Đức Giêsu, đã tóm tắt các điều trên thành những lời này: “Và này là sự dạn dĩ ta có được đối với Người, là nếu ta xin gì theo ý Người thì Người sẽ nhậm lời ta. Và nếu biết là Người nhậm lời ta khi ta xin điều gì, thì ta biết được ta được có những điều ta đã xin với Người” (1Ga 5:14-15).

Và Đức Giêsu nói rằng tặng phẩm vĩ đại nhất là Thánh Linh toàn hảo:

“Trong các người ai là cha, có con xin cá, há lại lấy rắn mà thay cá cho nó ư? Hay là: nó xin trứng, há lại cho nó bò cạp ư? Vậy nếu các người, tuy là ác, còn biết lấy của lành mà làm quà cho con, thì huống hồ là Cha các người, tự trời, Người sẽ ban Thánh Thần cho những ai xin Người”

(Lc. 11:11-13).

### *Kinh Lạy Cha*

Tất cả những điều đã đề cập trên đều được đúc kết trong lời cầu nguyện Đức Giêsu đã ban cho chúng ta: “Vậy các người hãy cầu nguyện như thế này:

Lạy Cha chúng tôi, Đấng ngự trên trời,  
ước gì Danh Cha hiển thánh  
Nước Cha trị đến,  
Ý Cha thành sự dưới đất cũng như trên trời.  
Xin cho chúng tôi hôm nay có bánh hằng ngày.  
Xin tha nợ chúng tôi,

như chúng tôi cũng tha khách nợ,  
Và chớ để chúng tôi sa cơn thử thách nhưng xin  
cứu lấy chúng tôi thoát khỏi sự dữ.”

Đó là hình thức do Matthêu ghi lại. Được người Công Giáo và người Tin Lành đọc từ nhiều thế kỷ nay với một ít điểm khác nhau tùy bản dịch. Nhưng tổng quát, người Tin Lành cũng như Giáo Hội Phương Đông thêm vào một câu. Đó là câu kết có tính cách phụng vụ, tuy không thuộc phần bản gốc Kinh Thánh nhưng được thấy có trong vài bản Kinh Thánh chép tay. Nó rất hay và kéo dài ra như sau: “Vì Cha là Nước Trời, quyền năng và vinh quang, bây giờ và muôn đời. Amen.”

### *Sự độc đáo của Kinh Lạy Cha*

Một số câu trong *Kinh Lạy Cha* có phần giống lời cầu nguyện của người Do Thái thời ấy. Nhưng cũng như nước trời mà Đức Giêsu mang đến, *Kinh Lạy Cha* hoàn toàn khác biệt. Trước hết, kinh mang một hình thức giản dị chưa từng có, không gồm có lời mở đầu dài dòng thường dùng vào thời ấy, và như chúng ta vừa thấy, kinh không có câu kết trang trọng. Một điểm độc đáo khác là lời cầu nguyện ấy vì danh Thiên Chúa và nước trời, và ý chí ấy được tách biệt hoàn toàn khỏi mọi chủ nghĩa quốc gia; và điểm ấy được nhận ra ngay lúc mở đầu, trước lời cầu nguyện cho nhu cầu của chúng ta. Những lời cầu xin về sau càng định rõ đặc điểm của kinh hơn nhờ tính thực tế và hết sức tự nhiên của chúng.

Vì sự hoàn toàn giản dị của kinh, lời cầu nguyện này đem những công việc thường ngày và con người nhất vào

hòa hợp với một tương lai thiêng liêng phi thường. Kinh cũng rất ngắn và quá hàm súc nên có thể học thuộc nhanh chóng. Về việc này, người Công Giáo có thể học được cái gì đó từ người Tin Lành.

Chúng ta kết thúc chương này bằng ý kiến do phúc âm đưa ra về *Kinh Lạy Cha*. Gọn gàng và đi đúng vấn đề: 747-749  
 “Vì nếu các người tha thứ cho người ta những điều họ sai lỗi, thì Cha các người, Đấng ở trên trời, cũng sẽ tha cho các người; ngược bằng các người không tha thứ cho người ta, thì Cha các người cũng sẽ không tha thứ những điều các người sai lỗi” (Mt. 6:14-15).

## Ý CHÚA CHA

### *Khát vọng độc nhất của Đức Giêsu*

Ngay khi chỉ mới mười hai tuổi, Đức Giêsu đã khiến 163-165  
 những người chung quanh giật mình qua việc biểu lộ một khát khao nồng nhiệt của tâm hồn ngài: “Lại còn không biết là con phải ở nơi nhà Cha con sao?” (Lc. 2:49). Vì thế, qua những lời rất sớm do ngài nói ra, phúc âm mô tả ngài như người hoàn toàn bị thu hút bởi ý Chúa Cha. Sự hiệp nhất bên trong giữa Chúa Cha và Người Con chí ái, cũng là Thiên Chúa bởi Thiên Chúa, Ánh Sáng bởi Ánh Sáng, lúc này trở thành biểu thị trong cuộc sống con người.

Và cuộc sống ấy cho thấy sự vâng lời. Như nói trong thư gửi tín hữu Do Thái:

“Bởi đó vào trần gian Ngài nói:  
 Hi sinh cùng lễ vật Người đã chẳng màng,  
 Nhưng Người đã nắn nên thân xác cho con,  
 Các lễ toàn thiêu cùng tạ tội, Người đã chẳng đoái.  
 Bảy giờ con nói: Này con đến,  
 - trong cuốn sách đã viết về con-  
 để thi hành ý muốn Người, lạy Thiên Chúa”  
 (Dt. 10:5-7).

Đức Giêsu không thấy công tác trong đời ngài là ảm đạm hay gian nan. Nó là một hân hoan. Thánh Gioan đã diễn tả điều ấy cách tuyệt vời trong cuộc trò chuyện của Đức Giêsu với một phụ nữ Samaria bên bờ giếng. Sau đó Đức Giêsu đã mở mắt cho cho một trong các môn đồ của mình thấy một chân lý, “người môn đồ ấy nài nỉ với Ngài rằng, ‘Rabbi, xin Ngài đừng ăn’. Nhưng Ngài bảo họ, ‘Ta phải ăn một thứ lương thực mà các ngươi không biết’”. Môn đồ mới nói cùng nhau, ‘Phải chăng đã có ai đem cho Ngài ăn rồi?’ Đức Giêsu nói với họ, ‘Lương thực của Ta là làm theo Đấng đã sai Ta, và chu toàn công việc của Người’”(Ga. 4:31-34).

Để tóm tắt “tính chất tâm linh” con người cá biệt của Đức Giêsu trong một lời, ta có thể nói giản dị: Ý Thiên Chúa. “Thiên hướng” của ngài tại sông Gioócđan là thiên hướng phục vụ. Sự rao giảng của ngài là sự *ngự trị* của Thiên Chúa. Lời cầu nguyện sâu thẳm nhất của ngài là: Ý của Cha phải *được* thành sự. Tất cả đều đưa tới chỉ một điều: Vâng lời tuyệt đối.

Cuộc đời ngài không là cuộc đời mà người ta có thể mơ tưởng. Trong cuộc đời của con người trọn lành nhất này thiếu hầu hết những cái dường như có thể làm thành một cuộc đời con người đầy đủ. Thật ra, có thể thắc mắc không biết có nên gọi cuộc đời ấy là vĩ đại thật sự không. Có phải là nó quá giới hạn trong cứu cánh, quá một chiều, quá ngắn ngủi? Đức Giêsu không xây dựng tài sản, không lập gia đình, không con cái. Sự vinh quang của con người, cũng là ý muốn của chính Đức Giêsu, được ngài đồng nhất với ý muốn của Đấng khác.

Nhưng ở đây, quả thật là đã có một cuộc đời vĩ đại và nhiều chiều kích. Ngài, kẻ không sở hữu gì cả, đã mang các kho tàng không bao giờ hạn rĩ hoặc hao mòn đến. Ngài, kẻ không vợ con, là anh và là đấng ban phát sự sống mới cho tất cả những ai đến với mình. Ngài lấy ý của Đấng khác làm ý mình - nhưng từng có ai ở trần gian này tự do hơn ngài?

Đức Giêsu sống một cuộc đời trước mắt nhân loại như thể chắc chắn là họ không dám mơ tới. Một cuộc đời, được định hướng để theo đuổi tới cùng ý muốn của Thiên Chúa, cho thấy là phong phú nhất, đầy đủ nhất và đơn giản nhất hết mức có thể có được trên thế gian này. Đây là nước Thiên Chúa và quyền năng Thiên Chúa.

### *Đức tin*

396-398

Đức Giêsu đã triệu tập chúng ta để sống cuộc đời với sự vâng phục y như thế. 465-496

Đức tin đến trước. Nhờ qui thuận trọn vẹn con người và nhờ bước ra khỏi bản thân mình mà đạt được hiểu biết

về tin vui. Thái độ này được gọi là tin. Các phép lạ của Đức Giêsu, như chúng ta đã thấy trên, có thể là cách thức dẫn đến đức tin, nhưng chúng ta cũng đã thấy, các phép lạ ấy không bao giờ xảy ra tách biệt với cái quan trọng và cốt yếu hơn chúng là các lời nói của Đức Giêsu. Trong Gioan 6:67, Chúa hỏi các Tông đồ là không biết cả họ nữa có muốn bỏ ngài mà đi như những người khác không? Phêrô trả lời, “Lạy Chúa, chúng tôi sẽ theo ai? Ngài là người có những lời đem đến sự sống đời đời” (Ga. 6:68). Không nơi nào con người có thể tìm ra chân lý hơn là nơi những lời nói của Đức Giêsu. Chân lý ấy không chỉ cho con người sự hiểu biết mà còn cho cuộc sống toàn diện của con người.

Và cũng vậy, không nên coi các lời của ngài trong tách biệt. Tất cả uy nghiêm và giản dị của ngài cùng xứng hợp với những lời của ngài. Chúng có uy lực siêu phàm, không thôi miên ai, nhưng làm mỗi tâm hồn nhận ra và hiểu biết chính mình. Và sau cùng, không được tách biệt ba điều này — các phép lạ, các lời nói, và nhân cách của Đức Giêsu — khỏi sự làm chứng tá của Chúa Cha, mà phúc âm Thánh Gioan nói về sự ấy. Theo Thánh Gioan, có lần Đức Giêsu được yêu cầu trưng ra bằng chứng, ngài trả lời:

“Mà trong Luật của các người đã có viết: Chứng của hai người kể là chứng xác thực. Chính Ta làm chứng cho Ta, và Cha, Đấng đã sai Ta, cũng làm chứng về Ta. Vậy họ nói với Ngài: ‘Cha ông ở đâu?’ Đức Giêsu đáp: ‘Các người chẳng biết Ta, mà cũng chẳng biết Cha Ta; nếu các người biết Ta, tất cả các người đã biết Cha Ta’” (Ga. 8:17-19).

Bằng sự nhận biết chân chính Đức Giêsu, bằng qui thuận bản thân và sự hiến dâng bản thân cho ngài, ta cũng đạt được chứng cứ nhận ra con đường thật dẫn đến chân lý và sự sống.

Con đường đến Đức Giêsu không có tính cách lý trí. Tuy thế, bước sau cùng là một hành động của tin cậy. Và ngay bước đó cũng không được thực hiện cách không chủ ý. Nhưng nó là một phương cách hiểu biết, một cái gì hơn lí trí thuần túy. Nó là cái gì sâu xa hơn. Do đó không quan trọng gì việc con người đánh giá công việc phân tích của trí tuệ cao đến đâu, vì việc ấy không có tính cách sâu thẳm nhất, hoàn toàn nhất và cũng không ngay cả nơi nhận thức của con người.

### *Cốt lõi của sự sống con người*

Có một cấp bậc của con người chúng ta sâu sắc hơn trí tuệ, riêng tư hơn cảm xúc và nhân tính hơn tiềm thức. Ở cấp bậc ấy, hiện hữu sự hiệp nhất hai khía cạnh lớn lao của con người: kiến thức và tình yêu. Cũng ở cấp bậc ấy, nỗ lực của con người nắm bắt chân lý không thể tách biệt khỏi nỗ lực đạt tới sự thiện. Trong sự hiệp nhất chủ yếu này, kiến thức không là một ánh sáng lạnh lùng và tình yêu không là một thúc dục mù quáng. Kiến thức được đầy tràn tình yêu và tình yêu tự nó có một cái nhìn thấu suốt.

Ở cấp bậc ấy của con người, chúng ta yêu, nơi lương tâm trú ẩn, nơi chúng ta có thể có hạnh phúc sâu xa và giản dị, nơi chúng ta được thật sự là người nhất - một cái "Tôi" sống động và một cái "Bạn" sống động.



Khi đòi hỏi đức tin, chính Đức Giêsu đề cập tới cái cốt lõi này của con người chúng ta. Bằng sự hiệp nhất chủ yếu này, kiến thức và cảm hứng theo đuổi chân lý được phối hợp với sự phấn đấu của chúng ta cho sự thiện. Định hướng này xảy ra trong niềm xác tín rằng điều gì hoàn toàn tốt lành thì cũng hoàn toàn chân chính. Đưa ra một tán thành trọn vẹn và chân thật với Chúa là một phán xét về giá trị, dẫn thân cách trực tiếp toàn bộ con người của ta.

396-400  
730-738

Điều này không có nghĩa trí tuệ bị loại trừ hoặc bỏ lơ. Nó được giữ lại trong hài hòa trọn vẹn với tất cả những gì làm thành chúng ta.

Chúng ta cẩn thận đừng mô tả cái hiệp nhất chủ yếu này là "cảm xúc" - vì những từ ngữ như cảm xúc, xúc động và bản năng được dùng để mô tả những phản ứng nông cạn hơn và ít tập trung hơn.

Ngay "trực giác" cũng không đúng, vì trong ngôn ngữ thông thường nó có ý nói một điều gì khác. Từ ngữ "lương tâm" thì gần gũi hơn. "Sự nhận thức qua một quá trình tự nhiên với nỗi khát khao được tốt lành" thì quá dài. "Sự hiến dâng con người" thì quá giả tạo cho hành động căn bản đó. Và như thế, chúng ta quay lại với từ ngữ xưa mà đúng mà thuật ngữ Kinh Thánh đã được dịch ngày xưa: tin, nghĩa là, đức tin. Từ ngữ "tin" có liên hệ ngữ nguyên với từ ngữ "yêu".

### *Đức tin và thiên tư trí tuệ*

Vì Thiên Chúa rút tĩa đức tin từ cốt lõi sâu thẳm nhất của đời sống con người nên mức độ và sức sống của đức

tin không kết chặt với thiên tư trí tuệ, không như triết học tùy thuộc rất nhiều vào trí tuệ. Nếu con đường đức tin tùy thuộc vào lý trí thuần túy thì những người khôn ngoan nhất hoặc học thức nhất sẽ nhận biết Thiên Chúa dễ dàng nhất. Người ít học và ít thiên tư có thể ít giác ngộ hơn về cùng đích cuộc đời. Nhưng sự am hiểu, mà qua đó Thiên Chúa được nhận biết, thì thường đâm chồi từ những định hướng bên trong con người hơn là những tài năng. “Ngay giờ ấy, Ngài hân hoan trong Thánh Thần và nói: “Lạy Cha là Chúa trời đất, Con xin ngợi khen Cha, vì Cha đã dấu các điều ấy với hạng khôn ngoan, thông thái mà đã mặc khải cho những kẻ bé mọn. Vâng, lạy Cha, vì đó là quyết ý của Cha!” (Lc.10:21).

Sự tương phản trắng đen này, kiểu nói của ngôn ngữ phương Đông, không có nghĩa Chúa Cha từ khước tri thức nhưng chỉ có nghĩa giản dị là một mình “trí óc” thì không bảo đảm đạt tới am hiểu về Ngài. Con đường dẫn đến đức tin được mô tả trong hai chương đầu của Thư Thứ Nhất Gởi Tín Hữu Corinthô. “Người khôn ngoan đâu? Ký lục đâu? Người hùng biện ở đâu? Thiên Chúa lại không để cho sự khôn ngoan thế gian ra điên rồ đó sao? Vì chưng một khi thế gian, đứng trước sự khôn ngoan của Thiên Chúa, thì Thiên Chúa đã quyết ý dùng sự điên rồ của lời rao giảng để cứu lấy những kẻ tin” (1 Cr. 1: 20-21). “Bởi vì sự điên rồ nơi Thiên Chúa thì khôn ngoan hơn loài người, và sự yếu đuối nơi Thiên Chúa thì mạnh mẽ hơn loài người” (1 Cr. 1:25). “Những điều thế gian coi là ti tiện, là không đáng kể, thì Thiên Chúa đã chọn những điều không không, để hủy ra không những điều có, ngõ hầu đừng có xác phàm nào dám vênh vang trước mặt Thiên

Chúa” (1 Cr 1:28-29). “Còn sự khôn ngoan thì chúng tôi nói lên giữa những người thành toàn nhưng không phải là sự khôn ngoan của đời tạm này . . Song chúng tôi nói lên sự khôn ngoan của Thiên Chúa trong mầu nhiệm (sự khôn ngoan) giữ kín, từ trước đời đời Thiên Chúa đã tiền định làm mỗi vinh quang cho ta” (1 Cr 2:6-7).

### *Sự thiếu lòng tin*

Toàn bộ con người đứng vững hoặc sa ngã là bởi đức tin của người ấy. “Kể tin vào ngài thì không bị án xử... Án xử là thế này: sự sáng đã đến trong thế gian, mà người ta đã yêu mến đến tối tăm hơn sự sáng, vì việc họ làm là điều xấu. Bởi chưng ai làm sự dữ thì ghét sự sáng, không đến với sự sáng, kéo bị bắt lỗi về các việc của mình. Còn ai làm sự thật thì đến với sự sáng để được thấy rạng tỏ là các việc của mình được làm trong Thiên Chúa” (Ga. 3:18-21).

Những đoạn văn như thế xuất hiện thường nhất trong Gioan, và chúng làm sáng tỏ cách kinh hoàng một điều, rằng ta không được miễn trừ khi lãng tránh hoặc không đếm xỉa đến điều vĩ đại nhất được nhận biết ở thế gian. Trong toàn bộ phúc âm, chúng ta đọc thấy sự kết án này về “những lo âu về việc đời” (Mt. 13:22), sự thờ ơ, tính không thành thật, tính tự cao tự đại mà qua những cái đó nhiều người quay lưng với Đức Giêsu, lương tâm của họ vẫn cắn rứt họ từng cơn. Đức Giêsu không đòi hỏi điều nhỏ nhen.

“Cùng đi với Ngài có dân chúng đông đảo, Ngài quay lại bảo họ: ‘Kể nào đến với Ta mà không ghét cha mẹ,

vợ, con cái, anh chị em mình và cả mạng sống mình nữa, ắt không thể làm môn đồ của Ta. Phàm ai không vác khổ giá mình mà đi sau Ta, ắt không thể làm môn đồ của Ta” (Lc. 14:25-27).

Đức Giêsu hiểu rõ rằng đức tin bị đe dọa không ngừng. Điều ấy được làm sáng tỏ qua dụ ngôn người gieo giống mà có rất nhiều hạt mầm không bén rễ được. Cũng có lời nói trong Luca, liên kết lỏng lẻo trong mạch văn của nó, nhưng vạch ra cùng một chiều hướng: “Tuy vậy con người đến sẽ còn gặp được lòng tin trên đất nữa không?” (8:8). Có một câu tương tự thế trong Matthêu: “Mà vì tội ác chứa đầy, thì lòng yêu mến nơi nhiều người nguội mất” (24:2).

Có phải điều ấy ngụ ý nói tất cả những ai phớt lờ đức tin đều bị kết án ngay từ ban đầu? Không nhất thiết phải như thế. Đôi khi sự xác nhận thiếu lòng tin có thể xuất phát từ một tâm hồn sẵn sàng tin. Trọn điều ấy chỉ muốn nói rằng ai cũng có cơ hội khám phá Đức Kitô cách chân chính trong Giáo Hội. Có thể thông điệp về Đức Kitô chưa trở thành điều thực sự trong đời sống của con người.

10,1  
192-196,  
669-671

Có điều mà phần đông loài người chúng ta sẽ không bao giờ hiểu, không biết là sự thiện hay sự dữ. Điều này có nghĩa là chúng ta có thể không bao giờ cắt đứt liên lạc với bất cứ người nào, một phần tử trong gia đình hay trong xã hội địa phương của ta, đã từ bỏ sự hiệp thông với Giáo Hội Đức Kitô. Việc ấy sẽ không đúng nếu có thể đưa ra một phán xét có căn cứ. Vì ai trong chúng ta có thể nói mình là kẻ không có tội? Cách khác, nếu ta thấy một người bạn hoặc một người quen đang dễ cho Đức Kitô ra khỏi cuộc đời của người ấy, ta không thể kết

luận cách chắc chắn rằng đó là một điều chính đáng vì người ấy làm việc đó cách cá nhân. Có lẽ chúng ta có thể cho rằng mình hoàn toàn hiểu tại sao người ấy không thể tin, nhưng thật là sai lầm nếu ta lập thành một phán xét cố định là cứ để người ấy sống đúng vị trí người ấy muốn. Chúng ta có thể nghi ngại điều này, nhưng chúng ta không thể chắc chắn. Tất cả điều chúng ta có thể làm là suy nghĩ về nhau cách cao cả nhất có thể được.

### *Đức Giêsu và lề luật*

Khi đòi hỏi đức tin, Đức Giêsu nói với một quyền uy khiến chúng ta tràn ngập háo hức. Khi kêu gọi loài người sống theo ý Thiên Chúa, ngài nói với một quyền uy lớn lao cách ngang hàng. Trong ngài có mặt chính Thiên Chúa, đáng ban luật lệ. Do đó, trong nháy mắt, chúng ta có thể bãi bỏ mọi phức tạp biểu lộ sự tuân giữ ngày sabát. Ngài làm điều ấy với sự tranh luận nhân bản và cảm động cách kỳ diệu (Mc. 2:27).

Nhưng chúng ta còn thấy trong hai cơ hội ngài thay đổi Kinh Thánh. Thay đổi lớn lao nằm trong những qui định về nghi thức thanh luyện. Theo lề luật, người ta có thể trở thành “tinh khiết” hoặc “ô uế” bằng những hành động khác nhau và những thức ăn khác nhau. Các phân loại chính có ghi trong sách Lê vi. Nhưng truyền thống đã làm cho tình trạng đó trầm trọng thêm.

“Rồi kêu dân chúng lại, Ngài nói với họ: ‘Hết thảy hãy nghe ta mà hiểu lấy! Không có gì ở ngoài người ta mà vào mình có thể làm người ta ra như uế được; nhưng chính các điều tự người ta làm ra là những điều làm cho người ta ra như uế. Nếu ai có tai để nghe thì hãy nghe’.

“Khi Ngài bỏ dân chúng mà vào nhà, thì môn đồ hỏi Ngài về câu ví ấy. Ngài nói với họ: ‘Cả các người nữa cũng dần dần đến thế! Các người không hiểu rằng: Điều gì tự bên ngoài vào bên trong người ta, không thể làm cho người ta ra nhơ uest, là vì nó không vào trong thâm tâm người ta, mà là vào bụng, và xuất ra nơi cầu tiêu.’ Như vậy Ngài tuyên bố mọi thức ăn đều sạch. Rồi Ngài lại nói: ‘Điều tự người ta ra, điều đó làm người ta ra nhơ uest. Vì tự bên trong, tự lòng người ta, mà xuất ra những suy tính xấu xa: những âm bôn, trộm cắp, giết người, ngoại tình, tham lam, độc ác, giả dối, phóng dăng, phân bì, gièm pha, kiêu hãnh, vô lương tri. Các điều xấu xa đó thấy thấy tự bên trong mà xuất ra, và làm cho người ta ra nhơ uest” (Mc. 7:14-23).

Việc Ngài củng cố mối ràng buộc hôn nhân được trình bày rất rõ ràng. Trong Cựu Ước thật dễ dàng cho một người chồng ly dị vợ mình: <sup>642</sup>

“Và người Biệt phái đến gặp Ngài mà hỏi Ngài: ‘Có được phép rẫy vợ không?’ mục đích là để thử Ngài. Đáp lại, Ngài nói với họ: ‘Mô-sê đã truyền sao cho các ông?’ Họ đáp: ‘Mô-sê đã cho phép viết ly thư mà rẫy vợ’. Nhưng Đức Giê-su nói với họ: ‘Vì lòng dạ lì lợm của các người, mà Mô-sê đã viết giới luật đó cho các người. Nhưng từ khởi nguyên tạo thành: Là nam là nữ người đã dựng lên chúng. Bởi thế mà đàn ông sẽ bỏ cả cha mẹ mình, và cả hai sẽ nên một thân xác. Vậy điều Thiên Chúa đã phối hợp thì người ta chớ có phân ly!’ Về nhà, môn đồ hỏi lại người về điều đó. Ngài nói với họ: ‘Ai rẫy vợ mình mà cưới vợ khác, tức là ngoại tình đối với vợ mình; và nếu vợ bỏ chồng mà đi lấy chồng khác, thì nó phạm tội ngoại tình’” (Mc. 10:2-12).

Matthêu thêm phản ứng mất tinh thần của các môn đồ, “Nếu thân phận chồng đối với vợ là vậy, thì thà đừng cưới vợ” (Mt. 19:10). Sự việc này chứng tỏ họ được chuẩn bị ít ỏi biết bao cho lời dạy này mà quả thật nó đã phục hồi cho người nữ một chỗ đứng danh dự thích hợp và một tình yêu hôn nhân dâng hiến như một tặng phẩm của một bản thân có nhân cách cao độ giữa người nam và người nữ.

(Các tiếng “trừ phi nó đâm bốn” chỉ được thấy trong Matthêu [Mt. 19:9] có thể ngụ ý “ngoại trừ trường hợp hôn nhân bất hợp pháp”, thí dụ con người đã giao ước với nhau trong những điều luật về các quan hệ họ hàng được hoặc cấm lấy nhau theo luật Do Thái).

### *Trung thành với lề luật*

Về đại thể, Đức Giêsu bắt đầu với luật lệ đương thời. Điều quan trọng là ta đừng để mất quan điểm về điều này. Chúng ta sẽ có thể có một cái nhìn sai lạc về ngài nếu chúng ta đánh giá ngài như một người cách mạng cuồng tín, một kẻ chỉ đả phá các tín ngưỡng lâu đời. “Đừng tưởng Ta đến để bãi bỏ Lề luật hay các Tiên tri: Ta đến không phải để bãi bỏ, mà là để làm trọn” (Mt. 5:17). Ngài kết án sự bất tuân và vô luật lệ, và ngài cổ vũ và khẳng định luật của Thiên Chúa.

### *Căn bản nhất của lề luật*

Mặt khác, Đức Giêsu đưa đến một xung phá liên quan tới lề luật này. Những tiếng “Các người đã nghe bảo người xưa... còn Ta, Ta bảo các người” xuất hiện sáu lần trong Bài Giảng Trên Núi.

Các thay đổi ở đây gây hiệu quả chuyển điều bên ngoài thành điều bên trong, tuy thế, không vất bỏ các giới luật bên ngoài. Có thể tóm tắt chúng bằng các chữ “không chỉ...mà còn”. Không chỉ cấm giết người mà còn cấm các ý nghĩ ấp ủ hận thù và các lời nói biểu lộ thù hận. Không chỉ cấm việc ly dị ngoài khuôn khổ thích đáng của lề luật mà còn cấm bất cứ hình thức ly dị nào. Các ý niệm giống như thế nằm đằng sau đòi hỏi chân thật với các lời thề của chúng ta, lệnh truyền không được trả thù và sau cùng đòi hỏi một tình yêu tựa ánh mặt trời và mưa của Thiên Chúa ban đều cho mọi người, không thiên vị một ai và gồm cả kẻ thù. Cuối cùng, những kẻ nghe ngài bị bật ngửa vì háo hức. Người ta có thể nhận thấy là Thiên Chúa đang ở đó, ngay trong lời nói và cách nói cô đọng, đĩnh văn đề, với quyền lực vừa gây khiếp đảm mà cũng vừa để trấn an.

Những yêu cầu của Bài Giảng Trên Núi không là những luật lệ được làm thành công thức rõ rệt, cũng không phải là một hệ thống bao gồm các điều khoản, mà xét cho cùng, trong đó mỗi mắt lưới hóa ra là một lỗ hổng để qua đó mà thoát được luật pháp. Dù giới luật cần thiết cho đời sống con người để người ta biết mình đang ở đâu, nhưng một mình giới luật không thể làm con người nên tốt lành. Trong Bài Giảng Trên Núi, chúng ta gặp một bộ luật ngụ ý đến tất cả mọi người, ngoại trừ Thiên Chúa. Chúng ta mặt đối mặt với ý muốn xác thực và không khoan nhượng của Thiên Chúa.

Phản ứng đầu tiên của chúng ta đối với Bài Giảng Trên Núi là vừa kinh sợ vừa hài lòng: Vâng, đó là cách mọi việc là vậy, đó là cách mọi việc phải như vậy, đó là sự thiện, đó là sự sống, sự ngự trị và nước của Thiên Chúa.



Liền sau đó, chúng ta tự hỏi mình: mình có thể thực hiện được điều ấy không? Thí dụ lúc Chúa nói, “Đừng cự lại người ác” (Mt. 5:39). Câu trả lời ngay lúc đó là, Không - không thể nào thực hiện hoàn toàn được điều 507 ấy. Và vì lý do đó, điều ấy không được viết ra thành luật. Tuy nhiên ý Thiên Chúa và nỗi hân hoan về nước trời khiến càng lúc càng thực hiện sự tự chế ngự mình đầy vị tha và quả cảm đó. Nhưng chúng ta không bao giờ hoàn toàn hiểu nó được thực hiện hoặc được hoàn tất như thế nào.

Vì thế chúng ta *cầu nguyện* “nước Cha trị đến” và “ý Cha thể hiện”. Bằng những thỉnh cầu này, chúng ta cầu xin sức mạnh để thực hiện, ở dưới đất cũng như ở trên trời, những yêu cầu của Bài Giảng Trên Núi. Chúng ta cầu xin cho các lệnh truyền này có thể là chất men để biến đổi thế gian.

Giáo Hội làm rõ đặc tính không ràng buộc có tính cách pháp luật của Bài Giảng Trên Núi bằng cách không ghi lại bất cứ giới luật nào của nó thành hình thức luật lệ. Không có luật đưa má khác ra, cũng không có luật cấm thề. Nhưng tín hữu sẽ sai lầm khi nghĩ rằng những yêu cầu của Đức Kitô và Giáo Hội ngài bị phai mờ trong những điều luật được vạch ra rõ ràng. Mỗi người chúng ta vẫn đối mặt với những yêu cầu của Bài Giảng Trên Núi, không như những đề nghị có thể thực hiện tùy mình muốn, mà là những yêu cầu nghiêm khắc mà chúng ta sẽ bị phán xét căn cứ vào đó. Những yêu cầu đó dành cho hết thảy mọi người. Theo Matthêu, Bài Giảng Trên Núi được giảng cho các môn đệ của ngài [Đức Giêsu]. Trong Matthêu điều đó có nghĩa là: hãy cẩn thận lắng nghe vì điều ta sắp nói là điều hết sức quan trọng được trao tận

tay cho Giáo Hội. Như thế, Bài Giảng Trên Núi không là một loại giảng khóa dành dự cho những ai đã qua được cuộc thử thách của Mười Giới Răn. Nó không dành cho người “trọn lành” nhưng cho tất cả những ai cảm thấy mình chưa sống đúng với Mười Giới Răn. Mọi người đều được kêu gọi về mặt tinh thần ngồi lại trên ngọn đồi ấy ở Galilê và lắng nghe bản tuyên bố về ý Thiên Chúa được trình bày minh bạch nhân danh họ và cho tai của họ; và họ cần cầu nguyện để quyền năng oai nghiêm của Thiên Chúa có thể thành sự thật trong tất cả loài người.

Điều có vẻ hơi làm nản lòng là đưa ra một chuỗi các giới luật mà không thể tuân giữ được. Nếu Bài Giảng Trên Núi gồm những điều luật rành mạch rõ ràng theo kiểu “ngang đây và không xa hơn” thì nó có vẻ như thế thật. Nhưng sự thật không phải thế. Bài Giảng Trên Núi bao gồm những huấn thị bảo chúng ta làm hết sức mình, và đặt trọn vẹn tâm tư lẫn linh hồn của chúng ta thành nỗ lực. Có nghĩa, mỗi người chúng ta được bảo đảm rằng, Thiên Chúa sẽ xem xét ý chí hiến thân hơn là sự hoàn tất bên ngoài - dù ý chí của chúng ta sẽ tự nó biểu lộ bằng hành động, sớm hơn hoặc chậm hơn, cho một đời sống tốt lành hơn.

Như thế, lúc nhận thấy mình chưa có thể, chưa sẵn sàng để thực hiện các giới luật ấy, thì đấy không phải lý do để nản lòng hoặc khắc khoải, mà là để khiêm tốn. Nó là sự khiêm tốn đang trân trọng cất giữ nỗi hân hoan mà Chúa đã nói đến khi ngài phán: “Khi đã làm mọi điều truyền dạy cho các người rồi, hãy nói: ‘Chúng tôi là những đầy tớ vô dụng, không làm gì hơn là phận sự phải làm’” (Lc. 17:10).

### *Phán xét và ban thưởng*

184-188  
626-627

Không nên để có ấn tượng là không có phán xét. Ngược lại. Sự phán xét là phán quyết của Thiên Chúa đến trong tâm hồn chúng ta. Một phán quyết như thế nghiêm khắc gấp bội bất cứ định chuẩn nào được áp dụng bởi các bộ luật thuần túy. Nhưng nếu ta nỗ lực thương yêu nhau thì dù lòng ta có kết án mình, ta vẫn có thể được an tâm là Thiên Chúa thì rộng lượng hơn là lòng của chúng ta (x. 1 Ga. 3:19).

503-505  
786-797

Chúng ta không nên kết luận là không có ban thưởng. Đức Giêsu kết luận các mối phúc thật bằng câu, “Hãy vui sướng và hân hoan, vì phần thưởng các người lớn thật ở trên trời” (Mt. 5:12). Phần thưởng này không phải sự đền đáp có tính toán cẩn thận, hoán đổi với các nỗ lực ta đã làm. Đừng tưởng tượng Thiên Chúa là người hùn vốn thiêng liêng với nhân loại trong một bản hợp đồng. Ngài sẽ không bao giờ vắng mặt, và thực tế, hoan hỉ ban cho nhiều hơn gấp bội mức kì vọng - không như người anh cả của đứa con hoang đàng và những công nhân bất mãn trong vườn nho như ta đã thấy. Như thế, việc ban thưởng của Thiên Chúa không là sự “hoàn trả”. Sự ban thưởng chủ yếu là được nhập vào tình yêu của ngài, và tình yêu này là “kho tàng trên trời” (x. Mt. 6:19-21). “Phúc cho những tôi tớ nào chủ đến mà sẽ được gặp đang canh thức! Quả thật, ta bảo các người, chủ sẽ thất lưng, đặt họ nằm trên giường tiệc; và qua lại, chủ sẽ *hầu bàn cho họ*” (Lc. 12:37).

Không ai biết được ngài đòi hỏi bao nhiêu công trạng. Do đó không ai sống chỉ đơn thuần vì muốn lập công, nhưng chỉ sống vì tình yêu. Và như thế, không những

chúng ta chỉ tuân giữ Mười Giới Răn, mà còn phấn đấu để đáp ứng những yêu cầu đầy thách thức và thúc dục của Bài Giảng Trên Núi trong cuộc sống, gia đình, lao động của chúng ta. Bài Giảng Trên núi có trong sách Matthêu từ chương 5 đến chương 7.

### *Giới răn lớn nhất*

Có lần, một trong các luật sĩ hỏi Đức Giêsu:

“Thưa Thầy, giới răn nào lớn nhất trong Lễ luật?”  
Ngài nói với người ấy: “Người phải yêu mến Chúa, Thiên Chúa người, hết lòng người, hết linh hồn người và hết trí khôn người! Đó là giới răn lớn, giới răn đệ nhất. Thứ đến cũng giống như điều ấy: Người phải yêu mến người bên cạnh như chính mình người. Toàn thể Lễ luật cùng các tiên tri đều qui về hai giới răn ấy” (Mt. 22:26-40).

Bằng kết hợp hai đoạn văn của Cựu Ước và biến chúng thành mấu chốt của lễ luật, Chúa đưa ra một điều răn mới mà theo sự thay đổi ấy, nó dẫn đưa đến nguồn cội nhất. Nó là điều răn về một tình yêu ôm trọn Thiên Chúa và con người, và bao gồm luôn người tuân giữ nó: điều răn ấy đòi hỏi chúng ta phải thương yêu nhau. Nó thật sự là một tình yêu đón nhận tất cả mọi người.

Ở đây, có thể thấy Đức Giêsu khẳng định điều ấy quan trọng nhất trong cuộc sống con người qua các tiếng “hết lòng người, hết linh hồn người, hết trí khôn người”. Để diễn tả một tình yêu nóng bỏng và đam mê, ta có thể lấy ngay những tiếng này. Như Cựu Ước nói rất thẳng

532  
501-509  
619-627  
664-669  
713-720  
821-824

518-5201

thường - Thiên Chúa là một Thiên Chúa ghen tuông. Ngài yêu dấu chúng ta tới độ ngài đòi hỏi được chúng ta yêu “Giavê hằng sống” (Tv. 18:46). Từ chối không tặng ngài trái tim ta tức là đã biến hình ảnh Người Cha thành một hình bóng ám ảnh và làm ta không thể gặp mặt ngài, cũng không thể yêu người bên cạnh đứng mức.

Cũng có người tự dối mình mà xao lãng điều thứ hai vì lợi ích của điều thứ nhất. Việc ấy làm cho không thể giáp mặt được với Thiên Chúa. “Nếu ai nói: Tôi yêu mến Thiên Chúa mà lại ghét anh em mình, thì nó có thể là kẻ nói dối, vì kẻ không yêu mến người anh em nó thấy đó, tất không thể yêu mến Thiên Chúa là Đấng nó không thấy” (1 Ga. 4:20).

Có phải lúc ấy chúng ta biến người bên cạnh thành một loại số không và chúng ta leo qua vai họ để đến gặp Thiên Chúa - Không - theo giáo lý của Đức Giêsu, người bên cạnh không phải là một hình bóng không có thực. Người đó không chỉ là một phương tiện hữu dụng cho ta qua đó thực tập tình yêu Thiên Chúa. Bản thân người bên cạnh chúng ta có mặt ở đó, với nhu cầu, nhân tính phẩm chất cá nhân của người ấy. Chúng ta nên nghĩ về Đức Giêsu và người quả phụ thành Naim, nơi ngài đã “chạnh lòng thương”. Cũng thế, người Samaria tốt lành được thuật là đã “chạnh lòng thương”. Quả thật ở đây, điểm cốt yếu của sự quan tâm là nạn nhân quá đói khát hạnh, và từ quan điểm của người ấy mà câu chuyện được kể lại. Gần như qua tai người ấy, chúng ta nghe từng bước chân lại gần và nghe cơn hấp hối bỏ đi.

Đức Giêsu hứa đem những người lên chung sống với ngài trên thiên đàng vì họ đã cho người không nhà trú

ngụ và thăm viếng người đau ốm. Họ không cảm thấy họ làm thế là vì ngài. Tuy vậy, ngài coi việc làm đó là cho ngài, chính vì loài người yêu người bên cạnh, cách cá nhân và rất lớn lao, là do lợi ích của chính loài người. Thiên Chúa ở trong loài người. Chân thành với con người tức là chân thành với Thiên Chúa.

619-626

### *Như chính mình người*

Bằng những lời lấy từ sách Lê vi, Đức Giêsu đã tuyên bố rõ ràng bản thân chúng ta đồng cảm mạnh mẽ biết bao với nhân loại: yêu người bên cạnh như chính mình người. Điều này được giải thích như sau: Nếu giới răn tình yêu có tính cách huynh đệ ấy không được diễn tả cách khác hơn câu ngắn gọn, sử dụng dễ dàng và quảng bá rộng rãi hết mức: “như chính mình người” thì giới răn đó không trấn áp toàn bộ được tính ích kỷ. Người ta không thể vùng vằng hoặc xuyên tạc các tiếng, “như chính mình người”. Với tất cả nhận biết sắc bén về sự vô hạn, các tiếng đó thâm nhập nơi sâu kín của tâm hồn, nơi con người yêu bản thân mình. Chúng không dành cho lòng ích kỷ một lý do bào chữa nhỏ nhất hoặc một ngã thoát hẹp nhất. Thật tuyệt diệu. Có thể đã có những cuộc thảo luận bất tận và gần như tranh luận về cách yêu thương người bên cạnh như thế nào, và tính ích kỷ có thể luôn luôn tìm được lý do bào chữa và các ngã thoát dựa trên căn bản rằng ta không thể nào giải quyết triệt tiêu lòng ích kỷ và rằng phải quan sát từ một khoảng cách nào đó. một điểm nào đó chưa được minh bạch đặt ra hoặc chưa đủ sức thuyết phục. Nhưng từ khi các tiếng “như chính mình người” được công bố, giới răn này là một sợi dây thông lọng

treo trên lòng ích kỷ và từ ấy, lòng ích kỷ không bao giờ có thể tự do vùng vằng nữa.”

Cũng nhà văn đó viết về chữ “người bên cạnh”, mà Đức Giêsu đã dùng, như sau: “Vâng, chúng ta đều hiểu người bên cạnh của chúng ta ở một khoảng cách nào đó, nhưng tại khoảng cách đó, người ấy vẫn còn bị giữ trong vè vôi tưởng tượng, vì chính ngay chữ ‘người bên cạnh’ ngụ ý rằng người đó đang ‘ở cạnh’ và ở gần chúng ta - bất cứ ai chúng ta gặp, tất cả mọi người không trừ một ai. Tại một khoảng cách, người bên cạnh đó là cái bóng, giống như người ái mộ chổng qua trong trí tưởng của con người. Bất hạnh thay, họ không để ý rằng người vừa mới đi qua đó quả thật là người bên cạnh của mình”.

Nhưng những lời sâu sắc này của nhà văn Kierkegaard không nên bị cắt nghĩa rằng tình yêu ấy không là nỗi hân hoan. Trong một trần gian thưở ấy, mà theo Thánh Phaolô, là “vô tâm” (Rm. 1:31), giới răn này  
407-411 báo hiệu hạnh phúc và bình an và cấp độ mới của tính nhân đạo chân thành, mà ngày nay chúng ta quá quen thuộc với nó. Nó báo hiệu một thế giới mới.

### “Đức Ái”

Bởi thế, tình yêu Kitô giáo đi vào thế giới thưở ấy dưới một cái tên mới, được lấy từ bản dịch Cựu Ước bằng tiếng Hy Lạp. Nó thường xuyên xuất hiện trong bản dịch ấy, tương phản với cách đối xử phàm tục. Chữ dùng để diễn tả đức ái Kitô giáo là “*agape*”. Rõ ràng nó đã được chọn để tránh một chữ khác theo diễn tiến của thời gian đã trở thành “quá thông thường và dung tục, đó là chữ -

*eros*, dục lực. Quả thật, chữ sau rất thường được dùng với ý nghĩa vị kỷ thuần túy nhục dục, như chữ “yêu” ngày nay thỉnh thoảng được dùng trong các phim ảnh trình độ thấp. Vì thế, điều đáng chú ý là tiếng *eros* không xuất hiện chút nào trong Tân Ước. Tin mừng về *agape*, *bác ái*, ngân vang trong Tân Ước cho ta ý nghĩa giải thoát.

Nhưng thật sai lầm nếu kết luận rằng chữ *agape* tuyệt vời này không có dấu vết của tình ái trần thế. Tiếng *agape* của Hy Lạp có thể dùng cho các loại tình yêu: không chỉ dùng cho một tình yêu vị tha bao hàm ban phát, mà còn dùng cho nỗi khát khao, cho những đòi hỏi lôi cuốn rất con người. Và Tân Ước cũng dùng nó trong ý nghĩa đó. Khát vọng của Người Cha về đứa con hoang đàng, và của đứa con đối với Người Cha, được mô tả bằng những màu sắc ấm áp và rất con người.

Vì thế, sự kiện bác ái Kitô giáo thuần khiết, vị tha và giải thoát không có nghĩa loại trừ, coi như vô giá trị sự hấp dẫn và những khát khao mà con người cảm thấy trong quan hệ với người khác. Ngược lại, Đức Kitô rao giảng một tình yêu thật sự rất con người. Nó kết hợp và nâng tình yêu của con người lên một cấp bậc cao hơn.

630-634  
664-669

### *Tựa mặt trời và cơn mưa*

Thay đổi có ảnh hưởng sâu rộng nhất mà Đức Giêsu tạo ra trong nhận thức về tình yêu là ngài mở rộng ra mang luôn cả kẻ thù vào trong tình yêu: “Còn Ta, Ta bảo các người: hãy yêu mến kẻ thù địch và khẩn cầu cho những người bắt bớ các người, Đấng ở trên trời, vì Người cho mặt trời mọc lên trên kẻ dữ, và người lành, và làm

282



mưa trên người ngay và kẻ ác. Vì nếu các người mến yêu những kẻ yêu mến các người, thì các người có công gì? há những người thu thuế cũng không làm thế sao? Và nếu các người chỉ chào hỏi anh em các người, thì các người có làm gì lạ? há người ngoại cũng không làm thế sao? Vậy các người hãy nên trọn lành, như Cha các người trên trời là đáng trọn lành” (Mt. 5:42-48).

Những tiếng sau cùng trên nhắc đến điển hình Thiên Chúa cho mặt trời mọc và mưa rơi trên mọi người không phân biệt một ai. Do đó, đối với Đức Giêsu, lý do sâu thẳm nhất để yêu thương không nằm trong bất cứ tầm nhìn nào của loài người hoặc của thế gian, mà là đặt căn bản trên gốc rễ và nền tảng của mọi sự sống, đó là Thiên Chúa. Tình yêu là thành phần của quyền năng Thiên Chúa vì “Thiên Chúa là tình yêu” (1 Ga. 4:8).

358-614

## DẪNG CỨU THẾ VỚI CỘNG ĐOÀN CỦA NGÀI

### *Một dân tộc mới*

Đức Giêsu có tưởng tượng nước Thiên Chúa đến như là sự thánh hóa những người tách biệt nhau, được Thiên Chúa gọi mà không có bất cứ mối liên lạc hỗ tương nào với nhau không?

Trong khi làm người, ngài cư xử với các môn đệ theo cách loài người. Loài người phải sống cùng nhau. Như thế ngài làm điều Thiên Chúa đã làm trong Cựu Ước. Ngài tập hợp một dân tộc.

Dù khởi đầu là một nhóm nhỏ, dân tộc đó sở hữu một lời hứa tuyệt diệu. “Đừng sợ! Hỡi đàn chiên nhỏ bé! Vì Cha các ngươi đã khất ban Nước cho các ngươi” (Lc. 12:32). Nước Thiên Chúa thành hình giữa loài người.

Có nhiều dấu chỉ rằng Đức Giêsu không chỉ nhìn thấy trước dân tộc mới này mà còn chuẩn bị chu đáo cho nó nữa. Dĩ nhiên thật sai lầm nếu nghĩ rằng trước ngày tử nạn, ngài đã dựng lên một tổ chức rộng rãi. Vì là một tôn sư có tính cách sứ ngôn, ngài không tìm kiếm tâm hồn con người. Nhưng có thể hiểu lầm vai trò của ngài nếu nghĩ về ngài như một nhà tiên tri lý tưởng, gieo rắc các lời nói của mình rộng rãi được chắt hay chớ mà không có nỗ lực nào trên toàn thể nhân loại để bảo đảm cho cộng đồng nhân loại có kết quả. Từ ngài, một dân tộc mới đã trở nhánh ra để mời gọi nhân loại vào đó. Cái giá trị để được tham gia vào dân tộc này là thực tại về sự thiếu thốn của con người và sự sẵn sàng tiếp nhận nước Thiên Chúa. 178-184

### *Sự thu nhận các “Tông đồ”*

Biểu hiệu rõ ràng nhất là Đức Giêsu muốn cộng đoàn được phát triển là một cộng đoàn do ngài thu nhận cách có tính toán các môn đệ chung quanh ngài. Các thầy giảng Do Thái (rabbi) đều có đệ tử. Nhưng vì Đức Giêsu không là một thầy giảng bình thường nên nhóm môn đồ của ngài cũng không bình thường. Môn đệ các thầy giảng tự chọn sư phụ mình, và dần dần học ở thầy mình những diễn giải về lề luật để sau cùng, chính họ trở nên thầy giảng. 256

Cái đáng chú ý trong trường hợp Đức Giêsu là các môn đệ không chọn ngài mà chính ngài kêu gọi “những

kẻ ngài muốn” - với một uy lực tối cao chứ không theo kiểu hữu xạ tự nhiên hương. (Thật thú vị khi so sánh những câu chuyện gọi các môn đệ khác nhau trong các tập phúc âm khác nhau).

Đức Giêsu đòi hỏi môn đệ mọi sự:

“Họ đang đi đường, thì có người nói cùng Ngài: ‘Tôi xin theo Thầy bất cứ Thầy đi đâu’. Và Đức Giêsu đã bảo người ấy: ‘Chôn có hang, chôn trời có tổ, chứ con người không có chỗ ngã đầu’.

Ngài nói cùng người khác: ‘Hãy theo Ta’. Người ấy thưa: ‘Xin cho phép tôi lui về trước đã mà chôn cất cha tôi’. Ngài bảo người ấy: ‘Hãy để kẻ chết chôn cất chúng; còn người hãy cứ đi rao giảng Nước Thiên Chúa’.

Có người khác nói: ‘Thưa Ngài, tôi xin theo Ngài, nhưng cho phép tôi quay về trước đã để từ biệt người nhà tôi’. Nhưng Đức Giêsu bảo người ấy: ‘Kẻ vừa tra tay cầm cày vừa ngoái lui sau là người bất kham với Nước Thiên Chúa’” (Lc. 9:57-62).

Những câu nói đó, vốn diễn tả việc chọn lựa một nhóm đệ tử rộng rãi hơn, không nên hiểu như là ra lệnh mà không quan tâm tới cha mẹ người ta. Đức Giêsu quả trách người Biệt phái với thái độ bàng quang đó (Mc. 7:9-13), và đối với vài nhóm tu sĩ hôm nay, ngài có lẽ cũng có thể buông lời quả trách giống vậy. Ta có thể thấy tính chất súc tích của người phương Đông, chẳng hạn trong cách nói về ý nghĩa của “người chết”, ngài cho thấy sự bắt đầu mới cách tận gốc rễ biết bao. Việc để cái cũ lại

đăng sau là thành phần hạnh phúc của nước trời. Thật sự trọn lịch sử cứu độ bắt đầu với các lời: “Giavê phán với Abraham, ‘Hãy đi khỏi xứ sở người, khỏi quê quán người, khỏi nhà cha người... Ta sẽ cho người thành một dân tộc lớn’” (St. 12:1-2).

Các môn đệ của Đức Giêsu họp nhau thành một ‘đàn chiên nhỏ’ mà ngài vỗ lòng cho họ về những mầu nhiệm của Nước Thiên Chúa. Thế nhưng, ngài đặc biệt chú trọng thành lập nhóm mười hai người trong bọn họ. Ngài dạy họ phép rửa tội (Ga. 4:2). Ngài dạy họ về thông điệp mà họ sắp công bố, còn hơn một thầy giảng dạy các đệ tử của mình. Các đệ tử họ chỉ được truyền bá kiến thức diễn giải các lề luật. Còn Đức Giêsu, ngài làm cho các Tông đồ trở thành những sứ giả của một *biến cố trọng đại*, đó là sự đến của nước Thiên Chúa và ý Thiên Chúa.

Sứ mệnh của họ là làm người có quyền năng lớn lao. Như Matthêu viết, “Và kêu mười hai môn đồ của Ngài lại, Ngài ban cho họ quyền năng trên các thần ô uế, khiến họ có thể xua đuổi chúng và chữa mọi tật nguyên bệnh hoạn” (Mt. 10:1). Chính ngay tên “Tông đồ” cũng đã chỉ quyền năng lớn lao. Trong tiếng Hy Lạp, *Apostolos* có nghĩa là “người được sai đi” - một vị “sứ giả”. Chữ ấy dịch từ tiếng Do Thái *Shaliach*. Trong thời Đức Giêsu, nó có nghĩa là một sứ giả với đầy đủ quyền uy hơn một phát ngôn nhân hoặc người chỉ mang sứ điệp. Như thế, các “Tông đồ” hơn các đệ tử thông thường của các thầy giảng Do Thái. Nhưng trong một ý nghĩa khác, họ lại kém các đệ tử thầy giảng. Một đệ tử có thể thành một thầy giảng, nhưng một Tông đồ không bao giờ trở nên như Đức Giêsu. Đức Giêsu, chỉ một mình ngài, là Chúa. Các Tông đồ nhận

quyền năng của họ bởi việc họ đại diện cho Đức Giêsu đáng mà quyền năng của họ tùy thuộc vào.

### *Huấn từ về sứ vụ*

Chương mười của Matthêu, huấn từ về “sứ vụ” (hoặc “tổng đồ”) chứa đựng các chỉ thị mới mà Chúa đưa ra cho các Tông đồ. Dưới đây là một phần của nó:

“Này ta sai các người đi như chiên vào giữa bầy sói; hãy ở khôn như con rắn, chân thực như chim bồ câu.

Hãy coi chừng người đời: họ sẽ nộp các người cho công nghị và họ sẽ đánh đòn các người trong hội đường của họ. Vì Ta, các người sẽ bị điệu trước quan quyền và vua chúa, để làm chứng trước mặt họ và dân ngoại.

Khi người ta nộp các người, thì các người đừng lo phải nói làm sao, hay nói gì: vì ngay giờ đó, sẽ cho các người biết sẽ nói gì, vì không phải các người nói, mà là Thần Khí của Cha các người sẽ nói trong các người.

Anh em sẽ nộp nhau để bị giết; cha nộp con; con cái đối địch với cha mẹ trước toà, và ra tử hình cho họ. Và các người sẽ bị mọi người ghét vì danh Ta; nhưng ai bền vững đến cùng, người ấy sẽ được cứu.

Khi người ta bắt bớ các người trong thành này, thì hãy trốn qua thành khác. Quả thật, Ta bảo các người: các người sẽ không đi hết các thành của Israel trước khi Con Người đến.

Môn đồ không lẽ hơn thầy, và tôi tớ hơn chủ. Môn đồ được như thầy, và tôi tớ được như chủ là đủ rồi. Nếu chúng đã gọi chủ nhà là Bêendêbun thì hướng hồ là người nhà của Ngài.

Vậy đừng sợ chúng! vì không gì che dấu mà lại sẽ không bại lộ, và không gì kín ẩn mà lại sẽ không được thấu biết. Điều Ta nói với các người trong bóng tối, các người hãy nói ra nơi ánh sáng; điều các người rỉ tai nghe được hãy rao trên sân gác.

Đừng sợ những kẻ giết được xác, nhưng không thể giết được hồn; hãy sợ Đấng có thể diệt cả hồn lẫn xác trong hỏa ngục. Hai con chim sẻ há không bán một đồng tiền sao? Thế mà không một con nào rơi xuống đất ngoài ý Cha các người! Cả những sợi tóc trên đầu các người cũng đã cộng sổ rồi! Vậy đừng sợ! Các người quý giá hơn nhiều con chim sẻ!

Vậy phàm ai xưng Ta ra trước mặt người đời, thì Ta cũng sẽ xưng kẻ ấy ra trước mặt Cha Ta, Đấng ngự trên trời.

Đừng tưởng Ta đến để đem lại bình an trên mặt đất: Ta đến không phải để đem lại bình an, mà là gươm giáo. Ta đến để chia rẽ người ta với cha mình, con gái với mẹ mình, nàng dâu với mẹ chồng mình; và kẻ thù của người ta là những người nhà mình. Kẻ yêu cha mẹ hơn Ta ắt không xứng với Ta. Kẻ không vác lấy khổ giá mình mà theo Ta, ắt không xứng với Ta. Kẻ cố tìm sự sống mình, thì sẽ mất; còn kẻ đành mất sự sống mình vì Ta, thì sẽ gặp lại” (Mt. 10: 16-39).

### *Huấn từ về Giáo Hội*

Chương mười tám của Matthêu được gọi là “huấn từ về Giáo Hội” của ngài, vì nó chứa đựng những chỉ thị về sinh hoạt của Giáo Hội. Dưới đây là một trích đoạn của nó:

“Các người nghĩ sao? Nếu một người có một trăm con chiên mà một con bị lạc, há người ấy lại không bỏ chín mươi chín con trên núi mà đi tìm con chiên lạc kia sao? Mà nếu tìm được thì quả thật, Ta bảo các người: người ấy mừng rỡ vì nó, hơn là vì chín mươi chín con không bị lạc. Cũng vậy, nơi nào Cha các người Đấng ngự trên trời, không hề có ý để mặc hư đi một người nào trong những kẻ nhỏ này. Nếu anh em người trót phạm tội, thì hãy đi sửa lỗi nó, riêng người và nó thôi. Nếu nó nghe người, người đã lợi được anh em người. Nếu nó không nghe, hãy kèm theo một, hai người nữa, để tất cả công việc được đoán định do hai, ba nhân chứng. Nếu nó không màng nghe họ, hãy thưa với cộng đoàn. Còn nếu cộng đoàn, nó cũng chẳng màng nghe, người hãy kể nó như người ngoại, người thu thuế.

Quả thật, ta bảo các người: mọi điều dưới đất các người cầm buộc, thì cũng sẽ bị cầm buộc trên trời, và mọi điều dưới đất các người tháo cởi, thì cũng sẽ được tháo cởi trên trời” (Mt. 18:12-18).

### *Đại diện bởi trời*

Những lời sau cùng trên cho thấy rõ quyền năng to lớn được ban cho các Tông đồ. Những chữ cầm buộc và

tháo cởi cùng có nghĩa tuyên bố *một điều gì* được phép hay bị cấm chỉ, và để cấm đoán (rút phép thông công) *một người nào*, hoặc chấp nhận người đó trở về hiệp thông thêm lần nữa. Vì thế, quyền năng được nói đến đó là cái cốt tủy của cộng đoàn, có khả năng để nói điều có thể làm và điều không được làm, và ai tùy thuộc vào cộng đoàn và ai không tùy thuộc vào cộng đoàn.

Tiếng “mọi điều” cho thấy quyền hành đó rộng rãi biết bao. Trong Matthêu, chữ “trời” thay thế chữ “Thiên Chúa”. Do đó, mọi điều mà các Tông đồ cầm buộc thì bị cầm buộc và tháo cởi thì được tháo cởi trong thực tại của phạm vi thiêng liêng. Quyền năng được ban cho trên loài người này, như thế, thật oai nghiêm. Nó là quyền năng dành cho công cuộc cứu độ, sự sống và sự tha thứ, như có thể thấy qua lời của Chúa trong phúc âm Thánh Gioan: “Các người tha tội cho ai thì họ được tha; các người cầm giữ tội ai, thì tội họ bị cầm giữ” (Ga. 20:23). (Điểm này sẽ được thảo luận nhiều hơn về sau trong sách này).

553

### *Những mục tử và các trách nhiệm*

59  
610

Để nắm bắt đặc tính đầy sức sống của các quyền năng này, cách tốt là đọc lại toàn bộ “huấn tử về Giáo Hội” trong Matthêu (ch. 18). Cần thấy rằng những người hành xử quyền năng này quan hệ với Thiên Chúa trên một trình độ khác và cao hơn người tín hữu bình thường. Ngược lại, tình trạng của họ đặt lên trên họ những trách nhiệm lớn lao, và họ sẽ phải trả lời về những trách nhiệm ấy trước Đấng Tôn sùng của mình. Vì thế chúng ta đọc trong Luca:



“Hãy biết điều này: Nếu gia chủ biết giờ nào trộm đến, tất ông đã không để nhà mình bị đào ngạch. Các người cũng vậy, hãy sẵn sàng, vì vào chính giờ các người không ngờ, thì Con Người sẽ đến. Phêrô mới nói: ‘Thưa Ngài, Ngài nói ví dụ đó cho chúng tôi hay cho tất cả mọi người?’ Và Chúa nói: ‘Vậy ai là người quản lý trung trực, khôn ngoan, chủ sẽ đặt trên nô bộc của ông, để phân phát phần thực phẩm cho phải thời? Phúc cho tôi tớ đó, chủ đến mà gặp nó đang làm như thế! Ta bảo thật các người: chủ sẽ đặt người ấy cai quản tất cả của cải nhà mình. Nhưng nếu tên đầy tớ ấy nghĩ trong lòng: Chủ ta trễ lâu mới về; và tra tay đánh đập tớ trai, tớ gái, và ăn uống say sưa, chủ tên đầy tớ ấy sẽ đến ngày nó không ngờ, vào giờ nó không biết, ông sẽ khai trừ nó, cho nó đồng phận cùng những kẻ bội tín.

Đầy tớ nào đã biết ý chủ mình, mà lại không dự bị sẵn sàng hay không làm theo ý chủ, thì sẽ ăn đòn nhiều hơn. Còn kẻ không biết, nhưng đã làm điều đáng phải đòn, thì sẽ ăn đòn ít hơn.

Kẻ được cho nhiều, thì cũng bị hỏi nhiều; và kẻ được gởi nhiều thì cũng bị đòi hỏi nhiều hơn” (Lc. 12:39-48).

Đức Giêsu chọn mười hai Tông đồ. Ngài có ý nói con số này có tính cách tượng trưng. Như dân tộc thời xa xưa nẩy sinh từ mười hai người con trai của Israel, làm thành mười hai bộ lạc, cũng thế, dân tộc mới bắt đầu với mười hai người. Tự chính ngài ngụ ý sự liên hệ giữa cả hai (Mt. 19:28).

Điều đáng chú ý là trong số các Tông đồ gồm cả một cựu viên chức thu thuế, nghĩa là một “hợp tác viên”. Matthêu, và một “người quá khích”, một kháng chiến quân chống La Mã, Simon - những người mà tự bản chất là kẻ tử thù của nhau. Họ gồm cả vài người đánh cá ở Galilê, những người mà Đức Giêsu triệu tập làm tông đồ như một cách gây ấn tượng cho chúng ta rằng họ không phải cách riêng là những người thanh lịch - và rằng họ là những người chài lưới đánh cá người. Dĩ nhiên chữ đánh cá được dùng ở đây không có nghĩa bắt giết, mà là tuyển mộ và ban cho sự sống, như đã thấy rõ rệt trong chữ dùng cho nó ở Lc. 5:10. Trong Cựu Ước cũng có dùng thuật ngữ giống vậy để nói về lời nguyện rửa được cất bỏ, và vì thế, nhân loại được giải thoát khỏi sự chết (x. Gs. 6:25).

Cũng có một môn đồ phản bội Đức Giêsu. Những lời Đức Giêsu nói về trách nhiệm của những người đang có quyền năng không là một diễn đạt hoa mỹ hùng biện, nhưng nên được đọc lên bằng một cay đắng cần thiết.

### Phêrô

Khuôn mặt nổi bật rõ ràng nhất là người đánh cá tên Simon Bagiôna, nghĩa là con trai của Giôna. Trong con người mạnh bạo và hay thay đổi này của dân tộc, Đức Giêsu đặt nền tảng vững chắc của trung thành và yêu thương:

“Simon, Simon, này Satan đã đòi cho được các *người* mà quây cho một trận như sàng lúa; nhưng ta đã cầu xin cho *người*, ngõ hầu lòng tin của *người* khỏi bị tiêu diệt. Phần *người*, một khi đã trở lại, *người* hãy củng cố anh em *người*” (Lc. 22:31-32).

Ngài được ban cho tên hiệu là “Đá”, *Petros* trong tiếng Hy Lạp, trong một lúc nào đó ngài có thể dao động, nhưng ngài vẫn là người được đặt làm thủ lãnh của Giáo Hội, một đàn chiên nhỏ, sau cái chết của Đức Giêsu. Sách Công Vụ Tông Đồ cho thấy hết sức rõ ràng là trên thực tế đã xảy ra việc ấy.

Các sách phúc âm của Matthêu và Gioan, và cả Luca cũng thế, tường thuật bằng giọng văn đầy xúc cảm về nhiệm vụ được trao cho Phêrô. Trong mọi danh sách Tông đồ, tên ngài luôn luôn nằm đầu. Trong Luca “kẻ chài lưới con người” là nói riêng đến ngài (5:10). Những điều được nói trong Matthêu chương 18 về quyền năng nói <sup>247</sup> chung của Mười Hai Vị, thì ở trong chương 16, với đầy đủ cách đáng ngạc nhiên, chỉ nói tới một mình Phêrô, ta hãy thử đọc lại lần nữa, như thể mới đọc lần đầu và hãy chú ý đến quyền năng phi thường cho công cuộc cứu độ được ban cho một con người.

“Đến vùng Caesaria của Philip, Đức Giêsu hỏi môn đồ của ngài rằng: ‘Theo như người ta nói thì Con Người là ai?’ Họ thưa: ‘Có kẻ nói là Gioan Tẩy giả; nhóm khác: Êlia; nhóm khác nữa: là Giê-rêmia, hay một vị nào trong các tiên tri.’ Ngài nói với họ: ‘Còn các ngươi, các ngươi nói về Ta là ai?’ Đáp lại, Simon Phêrô nói: ‘Ngài là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống’. Đáp lại Đức Giêsu nói với ông: ‘Simon Bagiona, người có phúc: vì không phải thịt, máu đã mạc khải cho ngươi, mà là Cha Ta, Đấng ngự trên trời! Và Ta, Ta bảo ngươi: Ngươi là Đá và trên Đá ấy, Ta sẽ xây Hội Thánh của Ta

và quyền môn Âm phủ sẽ không thắng nổi. Ta sẽ trao cho người chìa khóa Nước Trời, và điều gì dưới đất người cầm buộc, thì cũng sẽ bị cầm buộc trên trời, và điều gì dưới đất người tháo cởi thì cũng sẽ được tháo cởi trên trời'”(Mt. 16:13-19).

Đôi khi những lời nói trên của Đức Giêsu được coi là sự thêm thắt, trên căn bản là có thể ngài đã không nói. Nhưng sự am hiểu hiện đại về Kinh Thánh cho thấy rằng những lời ấy được đọc thấy trong tất cả các bản chép tay, cả những bản xưa nhất. Và tự cách diễn đạt chứa đầy các biểu thị này với đầy đủ các yếu tố Semitic (nhóm ngôn ngữ Do thái, A rập, Aram...) chỉ có trong một ít các bài của Matthêu chứng tỏ cách chắc chắn nó là thành phần làm một với phúc âm. Vì thế, trò chơi chữ, chẳng hạn. Phêrô và Đá chỉ hoàn tất trên văn bản lấy tiếng Aram làm gốc: *Kepha* - *kepha* (như ngẫu nhiên trong tiếp Pháp Pierre - pierre). Bản dịch tiếng Hy Lạp cho thấy sự chơi chữ Petros - petra. Điều này được ưa thích hơn các bản dịch có thể có khác. *Petros* - *petros*, vì *petra* nghĩa là *đá tự nhiên và chưa bị khai thác hoặc đá tảng*, là cái mà Đức Giêsu muốn nói. Trái lại, *petros* nghĩa thông thường là đá hòn hoặc đá cuội, một loại có thể cầm ném liêng. Tuy thế, vì tên đã chọn là *petros*, và rất bất tiện khi gọi tên một người đàn ông là *petra*, chữ giống cái trong tiếng Hy Lạp chỉ đá.

Hiện nay, nói chung là người ta chấp nhận, ngay các tác giả Thệ phần, là việc phiên dịch bình thường và cụ thể ấy là xác thực nhất. Vì thế, nhà bình luận kinh thánh nổi tiếng người Tin Lành Gunter Bornkamm viết: “Trong việc giải thích câu nói về Phêrô và Giáo Hội, các nhà

thần học Giáo Hội La Mã và Cải Cách gần gũi nhau hơn nhiều so với những nhà thần học các thời kỳ trước. “Đá” không phải là Đức Kitô, như Augustinô tưởng ngày xưa và được tiếp tục bởi Luther, cũng không phải là đức tin của Phêrô hoặc trách vụ rao giảng như những người Cải Cách nghĩ, nhưng chính Phêrô là thủ lãnh của Giáo Hội.”

Tuy thế, vài người Thệ Phản nghi ngờ là không biết Đức Giêsu có thật nói cách tuyệt đối như thế về Giáo Hội không. Ở đây, có sự khác nhau giữa các tác giả Thệ Phản. Điều mà tất cả họ đều phản đối là các lời nói ấy cũng áp dụng luôn cả cho những người kế vị Phêrô. (Để biết thêm việc thảo luận về điều này, xin xem chương nói về thừa tác vụ).

Chúng ta không nên để bị mê hoặc, hậu quả những khúc mắc luôn luôn phát sinh về bài văn đó, mà hạ nó xuống thành một “văn bản bằng chứng” chỉ dùng cho việc tranh luận. Chúng ta nên cố gắng để dễ lĩnh hội sức mạnh và sự an ủi mà bài phúc âm ấy cống hiến. Đức Giêsu sẽ xây Giáo Hội của ngài. Từ ngữ “Giáo Hội” (gahal) thường được dùng trong Cựu Ước chỉ dân tộc Israel nơi sa mạc. Đó cũng là điều Đức Giêsu muốn nói: một dân tộc mới.

“Quyền môn Âm phủ” hoặc “các cửa hỏa ngục” (Âm ti, Địa ngục) nghĩa là quyền năng của sự dữ. Chúng sẽ không bao giờ chiến thắng được Giáo Hội của Thiên Chúa.

Cũng thế, thiên đàng có các cổng và những chìa khóa vô hình của chúng nằm trong tay Phêrô. Ngài là người quản lý đầy uy quyền, với nhiệm vụ cai quản như được mô tả trong Isaia 22:21-22.

Tiếp đến, các chữ được dùng trong Matthêu 18 cũng để nói chung về các Tông đồ, “cầm buộc” và “tháo cởi”,

nghĩa là để tuyên bố đúng hoặc sai, để dứt phép thông công hoặc để cất bỏ việc dứt phép thông công - với hiệu lực “trên trời”, nghĩa là, “với Thiên Chúa”. Ở đây, quyền năng này được tuôn xuống trên một mình Phêrô, một Phêrô yếu đuối, bốc đồng và rất bình thường, tảng đá mà vẫn còn bị Đức Giêsu đeo gót và đục chạm với những lời lẽ nặng nề. Ngay cả trong lúc yếu đuối nhất của mình, Phêrô vẫn còn nhận được lời gọi của Chúa: “Và Chúa quay lại nhìn Phêrô” (Lc. 22:61). Việc đó xảy ra liền sau khi Đức Giêsu nói với Phêrô, “Phần ngươi, một khi đã trở lại, ngươi hãy củng cố anh em ngươi” (Lc. 22:32).

Gioan đặt việc tuyển lựa Phêrô sau cái chết của Đức Giêsu. Điều này cho thấy là việc thành lập Giáo Hội chỉ được chuẩn bị sẵn sàng chủ yếu là ở trong thời kỳ tiếp sau cuộc sống trần thế của Đức Giêsu.

“Khi họ đã lột lòng rồi, Đức Giêsu nói với Simon Phêrô: ‘Simon, con của Gioan, ngươi có mến Ta hơn các kẻ này không?’ Ông thưa Ngài: ‘Vâng, lạy Chúa, Chúa biết tôi yêu mến Chúa!’ Đức Giêsu nói với ông: ‘Hãy chăn giữ chiên của Ta!’ Lần thứ hai ngài lại nói với ông: Simon, con của Gioan, ngươi có mến Ta không?’ Ông thưa Ngài: ‘Vâng, lạy Chúa, Chúa biết tôi yêu mến Chúa!’ Ngài nói với ông: ‘Hãy chăn dắt cừu của Ta!’ Lần thứ ba, Ngài nói với ông: ‘Simon, con của Gioan, ngươi có yêu mến Ta không?’ Phêrô buồn vì Ngài đã nói đến lần thứ ba: ‘Ngươi có yêu mến Ta không?’ Và ông thưa Ngài: ‘Lạy Chúa, Chúa thông hay mọi sự, Chúa biết tôi yêu mến Chúa!’ Đức Giêsu nói với ông: ‘Hãy chăn nuôi đàn cừu của Ta!’” (Ga. 21:15-17).

### *Giáo Hội được ban cho chúng ta*

509-511

Việc thiết lập nên cộng đoàn trở ra từ những vị có quyền năng mà Chúa đã bổ nhiệm. Nó không được làm bởi cộng đoàn nhưng được ban cho cộng đoàn. Đó là ý nghĩa sâu xa nhất của quyền hành trong Giáo Hội. “Ai nghe các người thì nghe Ta” (Lc. 10:16). (Sẽ nói nhiều hơn về điều này trong chương Thừa tác vụ). Thừa nhận điều này là một trong những nỗi hân hoan căn bản của Kitô hữu. Cái ràng buộc chúng ta với nhau là tặng phẩm của Thiên Chúa, chứ không phải chỉ do công việc của chúng ta.

186

### *Giáo Hội là “bí tích” của nước trời*

Đức Kitô thường nói về vương quyền của Thiên Chúa hơn là của Giáo Hội. Cả hai là những điều giống nhau hoặc khác nhau?

Giáo Hội là một cộng đoàn mà trong đó những biểu hiệu của vương quyền Thiên Chúa - những bí tích - được tìm thấy trong sự phong phú của chúng. Giáo Hội cũng là một cộng đoàn mà trong đó thông điệp về nước trời - phúc âm - được nghe cách rõ ràng. Giáo Hội là nơi nhiều người nỗ lực sống sự sống của nước trời. Tóm lại, Giáo Hội là nơi thấy rõ nước Thiên Chúa. Có thể gọi Giáo Hội là “bí tích” của nước trời, nghĩa là biểu hiệu và thực hiện quyền uy của Thiên Chúa để làm mọi người nên một với nhau.

599-601

Nhưng ở đó cũng có sự khốn khổ của tội lỗi và ương ngạnh. Ở đó, nước trời thường được nhận thấy như người gieo hạt giống tốt trên đất mình - với kết quả lạ lùng tới

độ đôi khi hại mầm vươn lên. Nhưng đó là một cuộc chiến đấu được an ủi bởi lời hứa rằng các cửa địa ngục sẽ không thắng được.

## NGƯỜI NÀY LÀ AI

### *Cuộc tìm kiếm “cuộc đời Đức Giêsu”*

**L**àm thế nào có thể diễn tả đúng con người của Đức Giêsu nhất như được bảo tồn cho chúng ta trong lịch sử? Ở đây, điều trước hết là cố tránh việc dựng lại cuộc đời ngài theo cách tưởng tượng.

Trong khoảng từ năm 1800 đến 1920, các nghiên cứu khoa học không bị cấm chỉ, không bị Giáo Hội ngăn trở, đã thử nhìn cuộc đời Đức Giêsu với nhãn quan mới, thường được truyền cảm hứng bởi lòng ngưỡng mộ chân thành và đức tin tra vấn, đã hoàn toàn không kèm giữ được trí tưởng tượng. Trong thời kỳ ấy, có vô số sách “cuộc đời Đức Giêsu” xuất hiện, bổ sung những trình thuật phức âm, với những diễn tả cao đẹp về bản tính, và trên hết, những mô tả có vẻ sâu sắc và nhạy cảm về phát triển tâm lý của Đức Giêsu. Chúa của chúng ta xuất hiện đơn thuần là một người vĩ đại, kẻ bắt đầu rao giảng với nhiệt tình tuổi trẻ nhưng kết thúc trong thất vọng hoặc xung đột đầy chua xót.

Kết quả sự nghiên cứu ấy là tập trung chú ý quá đổi vào Đức Giêsu như một con người. Điều này tự nó vô hại, vì như ta thường thấy, người tín hữu thường có khuynh hướng không nhận biết đầy đủ về sự thật Đức Giêsu vừa là Thiên Chúa mà cũng vừa là con người.



Sự nghiên cứu ấy còn đưa đến một kết quả khác đáng hoan nghênh hơn là, sau một trăm rưỡi năm, các nỗ lực ấy tự chứng tỏ là không hoàn toàn thoả đáng, và như thế, chúng thêm lần nữa mở đường đến gần Đức Giêsu trực tiếp hơn, như chúng ta thường nhận ra ngài trong phúc âm. Ngày nay, khi tìm hiểu những nỗ lực phân tích “cuộc đời Đức Giêsu” trước đây, chúng ta thấy rõ rệt là những mô tả tâm lý vô cùng thú vị ấy không phản chiếu nhiều lắm tâm trạng của Đức Giêsu vì tinh thần của thời đại mà tác giả sống. Vào thời đại Ánh Sáng, Đức Giêsu được nhìn như một người đức hạnh, rao giảng với một cái nhìn lớn lao của Thiên Chúa nhìn thấu suốt vào bên trong vạn vật. Trong thời đại Lãng Mạn, ngài xuất hiện như một “thiên tài tôn giáo”. Tại những nơi chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Kant, ngài hóa thành một người rao giảng đạo đức, tương tự như Kant. Vào những thời kỳ có xáo trộn xã hội, ngài được nhìn như một nhà quán quân vô địch về cải cách, và vân vân.

Ngày nay, mọi mô tả ấy đều lỗi thời, một chiều rõ rệt và không trung thực. Sau những nỗ lực một trăm rưỡi năm của hậu thế, sách phúc âm vẫn còn ở đó cho chúng ta, vững vàng, bất khả xâm phạm, sắc cạnh, và vẫn mộc mạc không xuyên thấu được, và những hình ảnh giả tạo theo dệt ra từ nội dung của phúc âm bị cuốn trôi hàng hàng lớp lớp cho đến hết. Sách phúc âm vẫn giữ lại trong mình tính cách hiện đại và đáng kinh ngạc, hơn tất cả những mô tả nói trên về Đức Giêsu mà người ta cứ tưởng là hợp thời nhất. Nhưng chúng ta vẫn còn đối diện với một mâu nhiệm dai dẳng: người này là ai?

Dù những cái nhìn lỗi thời trên vẫn còn được lưu hành rộng rãi, coi là “khoa học”, thì sự uyên thâm hiện đại về

Kinh Thánh, kể cả những nhà nghiên cứu kinh thánh độc lập với Giáo Hội, hoàn toàn nhận biết rằng chúng ta không nên để cho mình đeo đuổi những điều tưởng tượng ấy. Người ta nhận ra rằng những nguồn thông tin gốc đó không những đã không cung cấp bằng chứng cho những tưởng tượng ấy, lại càng ít quan tâm tới “tiểu sử” và “phát triển tâm lý”, và chủ yếu vẫn là chứng tá, tái hiện và thách đố.

*Không phải những bản tiểu sử bình thường*

Chúng ta chủ yếu biết những đặc điểm của con người Đức Giêsu qua bốn cuốn sách. Mỗi cuốn của bộ “phúc âm” đó chứa đựng toàn bộ “tin mừng”, toàn bộ “phúc âm”.

Vì trước hết và trên hết, phúc âm là thông điệp nên chúng không để lại những giải đáp cho các câu hỏi mà những người hiếu kỳ có thể chất vấn. Các vấn nạn như thế, không làm thành thông điệp ấy. Bởi thế, chúng ta không bao giờ nhận được những chỉ dẫn tối thiểu về việc Đức Giêsu coi giống như thế nào. Và phúc âm quan tâm tới sự chính xác của biến cố hơn là sự chính xác của nơi xảy ra. Chẳng hạn, qua phúc âm, người ta không thể nói thời gian rao giảng của Đức Giêsu kéo dài trong một hai hay ba năm. Khi đối chiếu các sách phúc âm với nhau, ta thấy là trong khi những lời nói của Đức Giêsu được bảo tồn kỹ lưỡng, thì chúng cũng được chuyển truyền với một tự do nào đó bằng những uyển chuyển thích nghi theo hoàn cảnh của cộng đoàn mà tác giả phúc âm ấy viết ra cho nó.

97-106

135

349-351

Sở dĩ có những đặc điểm kể trên là vì sách phúc âm đầy ắp những sự kiện về một Đấng đang sống, không phải là sách có quá nhiều hoài niệm quý mến về một người đã chết, đã khuất. Điều này giải thích cho sự tự do nhất

định trong việc diễn tả những lời ngài nói. Các Kitô hữu biết là, trong rao giảng, Đức Kitô vẫn ở với họ. Phúc âm Gioan cũng nói về điều ấy cách dứt khoát, khẳng định rằng, Thánh Linh giúp đem mọi sự vào tâm trí con người (Ga. 14:26; 15:26; 16:13). Không nên coi điều này có nghĩa 117  
349  
351  
cứng nhắc và đơn thuần rằng Thánh Linh Đức Giêsu hoạt động như một băng ghi âm hoặc phim thời sự. Ngài giúp cho việc truyền khẩu và giúp cho tác giả nhận ra ý nghĩa sâu xa của các biến cố — mà quả thật, một số được kể lại cực kỳ chính xác — và theo từng lời nói của mỗi cộng đoàn mà làm nổi bật các ý nghĩa lên.

Còn về việc mô tả các biến cố thì không nên máy móc coi sách phúc âm như một trình thuật có lớp lang và liên tục. Rõ ràng là có một chuỗi biến cố nào đó được đưa ra dọc theo diễn tiến của cuộc đời Đức Giêsu, nhưng các cụm từ như “sau đó” hoặc “vào lúc đó” thường chỉ là những yếu tố qui ước của bút pháp, và ta không nên để ý vào từng chữ theo ý nghĩa mà ta thường nghĩ nó phải là như thế. Sách phúc âm đúng ra được cấu trúc theo bút pháp chương hồi, nghĩa là một chuỗi các trích đoạn ngắn, soi chiếu vào, như một loại lăng kính qua đó nhận ra toàn bộ con người của Đức Giêsu. Mỗi biến cố là một trình bày trọn vẹn về Chúa, không như các sách tiểu sử bình thường trong đó các biến cố được kể lại theo nhiều cấp bậc có tính cách kí sự để dần dần triển khai. Kết quả là trong phúc âm, chúng ta giáp mặt Đức Giêsu bằng cách thức khác hẳn so với những người khác đã quá vãng. Với những người đó, chúng ta hiểu nhiều chi tiết hơn về cuộc sống họ. Nhưng họ thuộc về quá khứ và không làm phát sinh một thử thách nào. Con người Đức Giêsu đưa ra một

ứng xử hoàn toàn khác. Ngài hiện hữu với trọn vẹn của ngài trong mỗi đoạn văn, và ngài kêu gọi chúng ta. Bởi thế, các câu chuyện phúc âm không phải cho ta có thể ngồi bình thản lắng nghe, bắt chéo chân hoặc rung đùi mà đọc. Nó có một cái gì mà qua đó, ta bị kêu gọi phải đứng lên.

Cách Giáo Hội đưa phúc âm vào phụng vụ Thánh Thể rất tương xứng đáng kể với hình thức văn học của văn bản này: chúng được đọc theo từng bài ngắn, và đứng lên mà nghe. (Về Tân Ước, xem thêm phần: “Nguồn gốc sách Phúc âm”).

### *Thuộc thời mình nhưng ngoài thời mình*

Sự kiện con người hiện đại không thể thăm dò tâm lý của Đức Giêsu qua sách phúc âm mà ngược lại chính ngài tra vấn và thử thách con người hiện đại, không có nghĩa con người của ngài bị gói kín trong sương mù mù mịt và cách biệt. Thực ra, làm sao ngài có thể tra vấn và thử thách chúng ta nếu tự chính ngài đã không có mặt rõ ràng? Ở đây chúng ta có được đặc điểm mà những ai tìm đến với phúc âm đều không thể chối cãi được: sự gần gũi của các biến cố ấy. Toàn bộ thế giới Đức Giêsu sống được miêu tả bằng những màu sắc mạnh mẽ, rõ ràng và xác thực. Các thượng tế và luật sĩ, những người Biệt phái và những người thu thuế, người giàu và người nghèo, người mạnh khỏe và người đau ốm - tất cả đều bị cuốn hút vào những biến cố trọng đại làm nên cuộc gặp gỡ với Đức Giêsu - một cuộc gặp gỡ mà mỗi người trong họ nắm trải theo cách riêng của mình.

Chúng ta không thể để bị gây ấn tượng lầm lạc bởi sự kiện là ngài hoàn toàn thuộc về thế giới thật của thời đại ngài trong khi cũng nhận thấy là ngài hoàn toàn tách biệt khỏi thế giới đó.

Ngài là kẻ rao giảng, công bố sự đến của nước trời, và vì thế, ngài là một *tiên tri*. “Ngài là tiên tri Giêsu, người Nagiarét, xứ Galilê” (Mt. 21:11). Nhưng đồng thời ngài khác hẳn. Một tiên tri được trông đợi xuất trình những ủy nhiệm bằng việc kể ra những trình thuật mà người ấy kêu gọi, và trên hết, bằng việc đặt trước sử điệp bày tỏ của mình lời tuyên bố về nguồn gốc của sử điệp: “Đó là lời Chúa”. Nhưng Đức Giêsu không bao giờ viện ra một tuyên bố nguồn gốc nào, và ngài nói chỉ nhân danh chính ngài. Trong lối nói của Đức Giêsu, có một từ ngữ nhỏ thôi nhưng rất cá biệt. Nó có trong tiếng Do Thái và được giữ nguyên trong bản chuyển ngữ qua tiếng Hy Lạp. Nó có thường xuyên trong các bản dịch hiện đại, dịch ra thành “Quả thật”, và không được diễn cảm lắm. Từ ngữ ấy, dĩ nhiên là: Amen. Nó là một lối nói để tái khẳng định hoặc xác nhận cái đã được phát biểu: “nó thế đó”. Chúng ta còn dùng nó để nối vào lời cầu nguyện, hoặc đúng hơn, để biểu lộ sự tán trợ những điều đó.

Nhưng cách Đức Giêsu dùng chữ Amen thì hoàn toàn độc đáo. Ngài không đặt nó ở phía sau mà là ở phía trước lời loan báo. Ngài bắt đầu nói với xác nhận. Thêm nữa, ngài không tiếp theo bằng “Đó là lời Chúa”, mà là, “Ta bảo các ngươi”. Vì thế, như ta đọc thấy: “Quả thật [Amen], Ta bảo các ngươi: ai không đón nhận Nước Thiên Chúa như một trẻ nhỏ, thì sẽ không vào được trong đó” (Mc. 10:15).

Tiếng Amen được đặt đầu không phải là một lối nói ngạo mạn. Nó phô bày một lương tâm bình an, khiêm tốn của sứ mệnh trong người được gởi đến với đầy đủ quyền hành, kẻ có thể tự mình nói lên nhân danh Thiên Chúa. Nó vang lên như thế, cùng với ý muốn Chúa Cha, xác nhận điều mà ngài được thông báo.

Cùng với những đặc điểm của một tiên tri, Đức Giêsu còn là một thầy giảng Do Thái (rabbi). Ngài xuất hiện như người có những cuộc thảo luận với các môn đệ của mình và các thầy giảng khác. Ngài đi đây đi đó và đưa ra các chỉ thị trong các nguyện đường. Đúng hơn, nghề nghiệp của ngài là thầy giảng. Do đó, ngài thường hay diễn đạt như một thầy giảng.

Nhưng như chức vụ tiên tri của ngài có những biểu lộ hoàn toàn khác thường, cách thức giảng dạy của ngài cũng thế. Việc ngài hiệp nhất trong mình hai vai trò tiên tri và thầy giảng là việc chưa từng có. Và việc ấy liên quan tới cách thức rao giảng của ngài: nhiệm vụ thầy giảng viên đến thẩm quyền về Kinh Thánh và để trích dẫn các thầy giảng khác. Nhưng trong Đức Giêsu, Thiên Chúa dạy trực tiếp. Như ta đã thấy, ngay cả Kinh Thánh cũng được làm cho hoàn hảo trên môi Đức Giêsu.

Hơn nữa, mọi sự đều được nói ra bằng những lời giản dị, có thể hiểu được ngay mà không đòi hỏi phải có học vấn căn bản. Con người được trình bày trong hoàn cảnh thật của nó. Chúng ta thấy điều ấy trong các dụ ngôn. Đây là các câu nói gọn gàng của Đức Giêsu, sáng suốt tới độ sống sót: “Khổ ngày nào đủ cho ngày ấy” (Mt. 7:34). “Người ta không thắp đèn rồi đặt nó dưới chậu” (Mt. 5:15). “Đàn bà sinh con thì ưu phiền vì giờ của bà

đã đến, nhưng sinh con rồi thì không còn nhớ cơn khốn quẫn” (Ga. 16:21). “Quả thật, quả thật, Ta bảo các người: giả như hạt lúa gieo xuống đất không chết đi, thì nó trở trọi một mình, nhưng nó chết đi, nó mới sai hoa lắm quả” (Ga. 12:24). Qua những câu nói đó, cả bốn sách phúc âm đều cho ta ấn tượng rằng đặc điểm của Đức Giêsu là tính cực kỳ ngay thẳng. Không có chuyện nói quanh, mơ màng quá khứ, lẫn tránh tương lai: “Nước Thiên Chúa ở trong các ông” (Lc. 17:21); “Phúc cho người không phải vấp ngã vì Ta” (Mt. 11:6).

Mọi người gặp ngài đều được nhanh chóng nâng lên dựa vào sự kiện Thiên Chúa Hiện Tiền. Ngài đem Thiên Chúa Hiện Tiền cùng với ngài. Điều này khiến con người ngài có một quyền năng vững vàng và vô song.

“Mọi hoạt cảnh diễn tả trong phúc âm đều biểu lộ quyền uy đáng kinh ngạc của Đức Giêsu, trong khi thích ứng với dân chúng ngài gặp, ngài làm chủ từng tình huống. Điều này thấy rõ qua nhiều cuộc tranh luận giáo lý, ngài nhìn xuyên suốt đối phương, bác bỏ các ý kiến chống đối của họ, giải đáp các chất vấn của họ và ngay cả buộc họ trả lời. Ngài có thể làm cho các kẻ thù của mình phải nói hoặc khiến họ “câm miệng” (Mt. 22:34). Cũng thế khi ngài gặp người thiếu thốn: từ ngài tuôn ra những sức mạnh lớn lao, người bệnh chen chúc chung quanh, các bạn hữu và gia đình họ van nài ngài giúp đỡ. Thường thường ngài đáp ứng lời yêu cầu, nhưng ngài cũng có thể gượng gạo hoặc làm cho người thỉnh cầu chờ đợi hoặc thử thách người đó. Đôi khi ngài từ chối (Mc. 1:35 và tiếp theo). Nhưng thường ngài là người xướng xuất, và ngài sẵn sàng hành động khi những người đau khổ đặt hy

vọng vào ngài (Mt. 8:5 và tt; Lc. 19:1 và tt). Ngài cảm thấy phóng khoáng coi nhẹ các thái độ ước lệ bị truyền thống đúc khuôn cứng nhắc. Điều này được thấy rõ trong xử sự của ngài với các môn đệ. Ngài dùng lời ra lệnh đầy quyền uy để kêu gọi họ (Mc. 1:16 và tt) nhưng ngài lại làm nhụt chí vài người muốn làm môn đệ (Lc. 9:57 và tt; 14:28 và tt). Không biết bao nhiêu lần, quan điểm và thái độ của Đức Giêsu đối nghịch mạnh mẽ với điều mà người ta kỳ vọng nơi ngài hoặc với cái mà người ta ao ước cho mình. Khi đám đông muốn tôn ngài làm vua, thì như Gioan kể, ngài tự rút vào cô độc (Ga. 6:5). Một đặc điểm được nhắc lui tới không biết bao nhiêu lần là Đức Giêsu thấu hiểu những người ngài gặp và đọc được tư tưởng của họ. Điều ấy thường được phác âm trình bày như phép lạ. Hai người con của Giêbêđê cũng nếm trải điều đó khi Đức Giêsu từ khước ước muốn đầy tham vọng của họ (Mc. 19:35 và tt)". Đoạn văn trên được viết bởi nhà nghiên cứu thánh kinh người Thệ Phán Gunther Bornkamm, người mà chúng ta còn nợ nhiều nhận định được trích dẫn khắp phần trình bày này. (Các đặc điểm được đề cập trên cũng còn nổi bật như ở Lc. 7:36-50; Ga. 8:1-11; Mc. 10:17-22).

Sau cùng là câu chuyện về cái nhìn chăm chăm hấp dẫn quần chúng được ngài dùng đến. Việc này được đề cập tới nhiều lần. Đó là đặc điểm của ngài. Trong các câu chuyện này, cái nhìn ấy không phải là loại thôi miên hay ánh mắt tình cảm. Mà là, ngài đặt người ta trước một quyết định giải thoát nhưng lại để tùy họ quyết định.

Chúng ta thấy nhiều loại người vây quanh Đức Giêsu, tất cả đều được vẽ lên xác thực: người tốt lành với những đức hạnh, người tội lỗi với các sai phạm, người quỉ ám



với cơn điên cuồng, người bệnh với nỗi đau đớn, người có học với những tranh cãi. Và họ đều lộ ra với Đức Giêsu đầy đủ họ là gì. Lúc đó ngài kêu gọi họ để tuyên bố về chính họ.

### *Uy quyền*

Phúc âm có một từ ngữ để diễn tả quyền năng này, sự uy nghiêm khiêm cung và tự tại của Đức Giêsu. Chữ đó là “uy quyền”. Cũng có thể dịch nó là “uy lực”. “Và người ta kinh ngạc vì giáo huấn của Ngài, vì Ngài dạy dỗ họ như Đấng có uy quyền, chứ không như các ký lục” (Mc. 1:22).

Từ ngữ này diễn tả đặc điểm nổi bật nhất của con người Đức Giêsu. Có thể nhận ra nó trong từng đoạn văn, từng lời nói và tất cả những gì liên hệ đến ngài. Nó làm nên nhân cách ngài trong phúc âm, không là cái cách biệt và mơ hồ, nhưng rõ ràng và thật sự có ở đó, cách tôn nghiêm.

Ta chờ nghĩ “uy quyền” của nhân cách ngài là một thái độ cách biệt trịnh trọng hoặc ôn hòa điềm đạm. Hãy tạm quên các bức tượng phết thạch cao màu hồng và màu trắng, mà tưởng tượng sự nghiêm nghị của Đức Giêsu khi ngài trục quỷ: “Đức Giêsu quát bảo nó rằng: ‘Hãy câm đi và ra khỏi người này!’” (Mc. 1:25); về cơn giận hữu lý khi ngài tẩy rửa Đền Thờ (Ga. 2:15); về sự quan tâm nồng nàn trong mọi việc ngài làm, như khi một người phong cùi van xin giúp đỡ: “Chạnh lòng thương, và giơ tay Ngài đụng đến người ấy” (Mc. 1:41). Và một việc nhỏ như chúc lành cho các trẻ em, cũng đầy cảm xúc. Chúng ta đọc thấy, “ngài phật ý” với các môn đệ, nhưng “Ngài bồng ẵm chúng, đoạn đặt tay mà chúc lành cho chúng” (Mc. 10:13-16).

Chúng ta sẽ không đánh giá đúng mức “uy quyền” của Đức Giêsu nếu chỉ thấy nơi ngài một mục tử và một người rao giảng vĩ đại. Vì như thế sẽ không giải thích được hết các dữ kiện mà phúc âm cung cấp. Các dữ kiện đó vạch ra một điều khác: biến cố nước trời đến. Ngài làm cho hoàn hảo mọi sự đã đi trước ngài bằng những lời lâu bền hơn trời và đất, mà trời và đất rồi cũng sẽ qua đi (Mc. 13:31). Qua ngài, cuối cùng Thiên Chúa ngự trị. Đó là cái cho ngài uy quyền: sự đến độc nhất và cuối cùng của quyền năng tuyệt đối và sự mạc khải của Thiên Chúa.

Tuy nhiên, đồng thời nó cũng là uy quyền của đáng, tại dòng sông Gioócđan và nơi sa mạc, đã hiến thân cho khiêm tốn, cái chết, hèn mọn và phụng sự. Nó là uy quyền của nước trời ẩn mật của Thiên Chúa. Nhưng đó là lý do mà nó tác động lên trên con tim loài người cách quá đổi một mạc và sâu xa.

### *Các tên của Đức Giêsu*

Chúng ta vừa cố gắng diễn tả con người của Đức Giêsu như ngài xuất hiện qua các biến cố trong sách phúc âm, nay ta dùng một phương pháp khác để mô tả ngài là ai. Ta lần lượt điểm qua những tên mà Giáo Hội sơ khai dùng để nói về sự ưu việt của ngài.

Vài tên đã được đề cập tới. Đó là tên riêng của ngài. *Giêsu* - “*Giavê cứu độ*”. Tên ngài có qua nghề nghiệp đầu tiên, *Thợ Mộc*, mà vẫn nằm trong ý nghĩa của trật tự cứu độ.

Tiếp đến, tên qua nghề nghiệp kế đó của ngài, *Người Thầy*, *Thầy Giảng*, *Rabbi*. Ngài là *Đấng Tôn sư* hay *Vị Chỉ*

đạo, của chính sự sống. So ngài với các vị tôn sư khác thì khó có ai xứng đáng với tên đó. “Các người cũng chớ gọi mình là “vị chỉ đạo”, vì vị chỉ đạo của các người chỉ có một: Đức Kitô”(Mat. 23:10). Đây là tước hiệu tuyệt vời dùng để đạo đặt lên Đức Giêsu trong lúc cầu nguyện, nhất là khi con đường của ta mờ mịt, cần ánh sáng và khôn ngoan.

Chúng ta thấy đôi khi Đức Giêsu được gọi là *nhà tiên tri*. Chính ngài cũng nói ngài là kẻ kế thừa các tiên tri, như có thể thấy trong dụ ngôn về người tá điền độc ác (Mt. 21:33-38) và qua lời nói: “Song hôm nay và ngày mai, cùng ngày mốt, Ta phải ra đi vì không lẽ một tiên tri lại phải chết ngoài Giêrusalem. Giêrusalem! Giêrusalem! kẻ giết các tiên tri và ném đá những người đã được sai đến cùng người!” (Lc. 13:33-34).

Giáo Hội thường dùng tước hiệu *Đấng Xức Dầu. Đấng Cứu Thế* (Mêxia) liên quan tới tiếng Do thái, trong lúc  
 171 tiếng Hy Lạp là Christos, viết hoa là XPICTOC, viết tắt là XP hay P. (*Tiếng Việt gọi là Kitô, ghi thêm của người dịch*). Đây là tước hiệu của vị vua trông-đợi-đã-lâu, người thay thế sự cai trị ngoại lai bằng quyền năng Thiên Chúa. Đây là một tước hiệu nguy hiểm bởi đã bị làm hỏng vì những kỳ vọng quốc gia chủ nghĩa thiển cận. Nếu Chúa dùng tước hiệu này thì dân chúng muốn “tôn ngài làm vua” (Ga. 6:15). Do đó, trong khi rao giảng trước công chúng, Đức Giêsu tránh dùng tới, như ta có thể thấy trong phúc âm Máccô. Nhưng sách phúc âm ấy cũng mô tả cách Đức Giêsu, sau cùng, đích thân chính thức tuyên bố mình là Đức Kitô trước Công Nghị Do Thái (Mc. 14:62). Những điều ấy có ý nghĩa sâu xa và cao siêu hơn. Vương quyền của ngài không ở thế gian này.

Trong các sách phúc âm khác, việc giới hạn của Đức Giêsu đối với tước hiệu Đấng Cứu Thế không xuất hiện rõ rệt như thế. Vào lúc các sách ấy sắp được viết ra, tước hiệu đó trên thực tế đã mất đi ý nghĩa sai lạc trước đây và do đó, trở thành tước hiệu thường dùng trong sự truyền khẩu về cuộc đời và lời nói của Đức Giêsu. Tự trong tên đó biểu lộ lòng chung thủy của Thiên Chúa đối với các lời hứa của ngài: ngài đã gọi Đấng Cứu Thế đến. Tên đó cũng diễn tả một chân lý càng ngày càng rõ ràng hơn trong chiêm ngắm cuộc đời Đức Giêsu: rằng từ con người ngài tỏa sáng vương quyền Thiên Chúa, rằng ngài là tâm điểm của vương quyền đó - vị vua mà vương quyền mình không thuộc về thế gian. Cũng bởi đó mà thỉnh thoảng gọi ngài là “Con vua Đavít”, ý nghĩa cũng ít nhiều giống với tên Kitô.

Để chỉ rõ quyền năng cứu thế của mình, chính Đức Giêsu đã chọn một lời mà trong đó tâm trí loài người ít liên tưởng tới quyền năng thế gian. Trích từ lời tiên tri của Danien: ở nơi dân tộc bị chà đạp, bị đe dọa hủy diệt giữa các quyền lực được mó tả như ác thú, một Đấng Cứu Thế hiển lộ:

“Tôi mãi nhìn, bấy giờ, vì tiếng rộn những lời lớn lối cái sừng kia nói, tôi mãi nhìn cho đến khi mãnh thú bị giết và thân nó bị hủy và phó cho lửa thiêu. Còn về những mãnh thú: chúng bị tước mất quyền bính. Nhưng đời chúng được kéo dài thêm một thời, một kỳ hạn. Tôi mãi nhìn các thị kiến ban đêm thì này: Với mây trời như thể một Con Người đi đến. Ngài tiến lại Đấng Cao Niên, và người ta ta cho ngài xích lại trước nhan người” (Đn. 7:11-13).

Con Người siêu phàm này mang đến nước trời vĩnh cửu của Thiên Chúa. Sách Phúc âm đưa ra *Con Người* là tên mà Đức Giêsu dùng để nói về ngài. Tên đó không phải có ý nghĩa về tính cách loài người của ngài như ta có thể nghĩ tưởng, mà là nguồn gốc siêu phàm của ngài. Con Người không là tước hiệu Đức Giêsu dùng để nói về ngài cách khiêm tốn. Đó là tước hiệu của oai nghiêm đường bệ mà ngài chọn để chỉ rõ rằng quyền năng cứu thế của ngài thuộc về một đẳng cấp khác và cao hơn mọi điều có thể tưởng tượng được. Do đó, ngài dùng thay cho tước hiệu Kitô. “Thượng tế lại hỏi Ngài và nói với Ngài: ‘Ông là Đức Kitô con Đấng đáng chúc tụng ư?’ Đức Giêsu đáp lại: ‘Chính là tôi’” (Như thế, ngài đã không phủ nhận mà còn tiếp tục) “Và các ông sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Quyền Năng và đến với mây trời” (Mc. 14:61-61). Tước hiệu đó không xuất hiện trong thư của các Tông đồ và trong sách phúc âm mà chỉ xuất hiện trên môi Đức Giêsu. Người ta nhớ lại cách rõ rệt vì bằng tước hiệu đó mà Đức Giêsu nói về mình. Con Người là một từ ngữ rất giàu ý nghĩa. Vừa chỉ rõ sự oai nghiêm đường bệ của Đức Giêsu vừa gợi ra tính khiêm tốn lạ thường của quyền năng cứu thế của ngài, cũng như “sự khác biệt” của quyền năng cứu thế đó. Và ngay chính tính cách quá đối công thức này cũng cho thấy sự hiệp nhất của ngài với nhân loại. Con Người (Ben Adam - Con của Adam) là một lối nói theo ngôn ngữ Semitic thông thường có ý nghĩa chính xác là “con người”. Ngài là Con Người, là Adam, cách hiệp nhất như thế.

Rồi đến tước hiệu *Con Thiên Chúa*. Tước hiệu này khá thường dùng để diễn tả mối tương quan nhất định

của loài người với Thiên Chúa. Có điều Đức Giêsu chỉ giản dị là "Con" (Mc. 13:32). Phận làm con của ngài thuộc về một đẳng cấp hoàn toàn khác với những người khác, như chúng ta đã thấy khi khảo sát lối nói của ngài. Ngài không bao giờ nói, "Cha chúng ta", nhưng, "Cha Ta và Cha các ngươi". Tính cách độc đáo biết bao của con người này là Con Thiên Chúa còn có thể được thấy trong dụ ngôn về người tá điền độc ác (Mt. 21:33-40). Những tôi tớ đầu tiên được gởi tới - là các tiên tri. Rồi đến "đứa con" - "đứa con chí ái", căn cứ vào trình thuật tương tự trong Máccô 12:6, các tiếng này cũng được dùng đến trong lễ thanh tẩy tại dòng sông Gioócđan và tại cuộc biến hình.

Không có khả năng là tiếng "Con Thiên Chúa" cũng có thể được dùng như tước hiệu Đấng Cứu Thế. Trong Cựu Ước, có một vị vua, bậc tiền nhiệm của Đấng Cứu Thế, có được thỉnh thoảng nhắc đến bằng từ ngữ này. Cũng giống tước hiệu Đấng Cứu Thế, Đức Giêsu cho "Con Thiên Chúa" một ý nghĩa siêu phàm và thăng hoa không ngờ. Không tước hiệu nào cho thấy cách trung thực như thế về mẫu nhiệm con người ngài. Đây là cội nguồn cơ bản của "uy quyền" ngài. Ngài, đáng mang nước trời đến không là kẻ ngoại cuộc, nhưng là Chúa Con, đáng có vinh quang mình cùng Thiên Chúa trước khi thế gian này được hình thành. Như ta đọc thấy trong phúc âm của Gioan, "Quả thật, quả thật., Ta bảo các ngươi: trước khi có Abraham, thì đã có Ta!" (Ga 8:58). "Thiên Chúa đã yêu mến thế gian như thế (đó) đến nỗi Ngài đã thí ban Người Con Một" (Ga. 3:16).

Trước lúc sống lại của Đức Giêsu, chắc chắn không ai là không hồ nghi tước hiệu quá đỗi khôn dò ấy. Chính

ngay trường hợp chúng ta, cách tốt là chớ vội nghĩ về mẫu nhiệm Thiên Chúa diệu vợi và tách biệt với trần gian. Một cách khác, tước hiệu ấy dường như trống rỗng và xa cách cũng như quá đối vĩ đại đối với chúng ta. Cách tốt là chia sẻ những nỗ lực mò mẫm của các môn đệ khi các vị cố nắm bắt ý nghĩa thâm sâu của tước hiệu ấy. Chỉ có lúc đó, chúng ta mới khám phá ra sự phong phú của quyền làm con thiêng liêng: chúng ta nên suy nghĩ về sự vâng lời của ngài, về tiếng gọi “Abba” và về sự “đẹp lòng” của Thiên Chúa trong “Người Con Chí Ái” của ngài.

83-93  
113-145

Trong một đoạn văn của phúc âm Gioan, tên *Con* được thay bằng tiếng *Lời*. Khi nói về việc Đức Giêsu ra đời, chúng ta có đề cập tới tước hiệu này, cũng với những diễn tả thặng hoa khác đã được nhận thấy thí dụ trong Dt. 1:3 nơi ngài được gọi là Phản Ánh của vinh quang Thiên Chúa và là Ấn Tượng của bản lãnh ngài.

Trong Tân Ước, Đức Giêsu còn rất thường được gọi tên là *Chúa*, (tiếng Hy Lạp: *Kyrios*; La tinh: *Dominus*). Sau cuộc phục sinh của ngài, các Kitô hữu nói về ngài như thế. Điều này không đơn thuần chỉ là chống đối ngầm việc linh thiêng hóa các hoàng đế, những kẻ tự gọi họ là “Chúa”. Tước hiệu Chúa có ý nghĩa nhiều hơn là tiếng chúa dùng gọi các hoàng đế. Chúa là tước hiệu dùng để chỉ Thiên Chúa, từ đầu đến cuối Cựu Ước. Chúa là tước hiệu để tuyên dương Đức Giêsu do Giáo Hội sơ khai đưa ra cách có cân nhắc. Quả thật, có thể tóm tắt các tin vui, toàn bộ phúc âm cách ngắn ngủi tối đa bằng công thức tuyệt diệu đó: “*Đức Giêsu là Chúa*” (Rm. 10:9; 1 Cr. 12:3; Cl. 2:6).

Sau cùng, có vài chỗ trong Tân Ước, Đức Giêsu được gọi là *Thiên Chúa*, “Con Một” trong Gioan 1:18 là “Thiên

Chúa Độc Nhất” theo vài bản chép tay thời cổ. Cũng rõ ràng là tước hiệu ấy có trong Gioan 1:1, “Vì Lời là Thiên Chúa”, hoặc câu của Tôma, “Lạy Chúa tôi và là Thiên Chúa của tôi” trong Gioan 20:28. Trong Thư Gởi Tín Hữu Roma 9:5 càng rõ ràng hơn trong bản dịch là: “Đức Kitô, về phần xác, Đấng vượt trên mọi sự, Thiên Chúa đáng chúc tụng cho đến muôn đời”. Và Phao lô nhiều lần qui những thuộc tính thiêng liêng cho Đức Giêsu, cũng như tước hiệu thiêng liêng “Chúa”.

Còn vài tước hiệu khác trong Tân Ước mà Kitô hữu thỉnh thoảng dùng, bởi nó đầy đức tin mà ra, để mô tả oai nghiêm của Đức Giêsu. Thí dụ ngài được gọi là *Đầu* (*Alpha*) và *Cuối* (*Omega*) (A và Ω) để tỏ ra rằng lịch sử bắt đầu và kết thúc với ngài (Kh. 1:8; 22:12); và như Gioan Tẩy giả kêu lên trong cuốn bốn phúc âm: “*Chiên Thiên Chúa*, đáng khừ trừ mọi tội lỗi của thế gian.” (Ga. 1:29,36).

Cũng khá lạ thường, tên giản dị nhất trong tất cả các tên ấy lại là tên được tôn kính nhất: tên riêng của ngài, Giêsu. Phaolô đã có thể viết, “hầu trước Danh hiệu của Giêsu, mọi gối đều phải quì xuống bái lạy” (Pl. 2:10), và trong phụng vụ, cộng đoàn chỉ cúi đầu khi đọc đến tên Giêsu. Cũng thật đáng buồn mà nói, tên này lại được dùng tới khi nguyện rửa và chịu lễ. Khi chăm chú vào việc ác, con người chộp lấy cái thiêng liêng nhất.

Trong đời sống hình thường của Kitô hữu, có một cách gọi thuận miệng lưu hành đã lâu: *Lạy Chúa tôi*. Cũng như một đồng bằng bạc lưu hành, nó bắt đầu bị mòn dần và hình ảnh bị xóa đi. Điều chính xác mà ta muốn nói là



gì? Chúa Cha hay Đức Giêsu? Đây là một lại mơ hồ lười biếng có thể dễ dàng xảy ra trong người Công giáo. Tới một lúc đã định nào đó, chúng ta cũng chẳng biết là mình đang bày tỏ với Đức Giêsu hay với Chúa Cha. Chúng ta thấy Kinh Thánh và Giáo Hội cẩn thận biết bao trong việc giữ gìn tước hiệu vĩ đại của Đức Giêsu. Cũng nên chú ý đến việc sử dụng các tên của ngài. Các tên ấy chứa đựng, trong một địa bàn rất hẹp, trọn mầu nhiệm của con người ngài.

## ĐƯỜNG ĐẾN PHỤC SINH

### *Giêrusalem*

160-165

**Q**uýết định đi Giêrusalem của Đức Giêsu rõ ràng là một bước ngoặt trong đời ngài. Luca, kể từng kể chi tiết hai chuyến viếng thăm Đức Giêsu đã làm khi còn bé, nói về quyết định này bằng lối trang trọng như sau:

Thời gian đã mãn, đến buổi ngài siêu thăng.

Ngài quả cảm đi lên Giêrusalem (Lc. 9:51).

201-205

Những lời ấy nói về một quyết định quyết tâm đương đầu với thực tế quyết liệt. Điều mà Đức Giêsu nhìn thấy từ đầu, lúc mười hai tuổi, nay ngài hoàn toàn chấp nhận và thận trọng như một kẻ đã trưởng thành. Ngài đi đến thành phố mà vào một dịp ngài đã gọi nó là “thành của vua cao cả” (Mt. 5:35). Nước trời phải được biểu thị ở đó, như các tiên tri đã nói:

“Sẽ xảy ra là: Vào những ngày mai sau  
núi nhà Giavê sẽ kiên vững  
trên đỉnh đầu hết các núi non.  
nhất cao quá các gò nổi.

Hết thủy mọi nước sẽ tuôn đến  
và đông đảo các dân đổ về. Chúng nói:  
Nào ta hãy lên núi Giavê  
đến nhà của Thiên Chúa Giacóp (thờ)  
để Người dạy đường lối của Người.  
để theo nẻo đi của Người, ta tiến bước  
Vì từ Sion Thánh chỉ ban ra  
và lời Giavê phán tự Giêrusalem.

Người sẽ phân xử giữa các nước,  
và làm trọng tài cho các dân đông đảo,  
và chúng sẽ rèn gươm làm cày,  
và giáo mác làm dao quắm.

Quốc gia này sẽ không còn tuốt gươm trên quốc  
gia nọ và thiên hạ sẽ không còn luyện binh đao”  
(Is. 2:2-4)

Đó là những biểu tượng tiên tri đã dùng để khẳng định  
rằng vương quyền Thiên Chúa sẽ xuất phát từ Giêrusalem.  
Lúc ấy, họ không biết rõ vương quyền ấy sẽ mang hình  
thức nào. Cùng lên đường với ngài là các môn đệ lòng  
đầy ấp những hy vọng sẽ thấy lời tiên tri được hoàn thành  
theo phương cách trần gian (Lc. 19:11). Họ hân hoan chờ  
phần riêng mình được chia các địa vị quan trọng trong  
vương quốc đó (Mc. 10:37).

### *Để đau khổ*

166  
432-434

Nhưng Đức Giêsu hoàn toàn nhận thức rằng chuyện sắp xảy ra sẽ khác hẳn. Ngài hỏi hai môn đệ đang quá háo hức chờ được ban thưởng các địa vị danh dự: “Các người có thể chịu thanh tẩy thứ thanh tẩy Ta phải chịu không?” (Mc. 10:38). Thanh tẩy được nói đến là một thực tại hoàn toàn, mà phép thanh tẩy tại dòng sông Gioócđan đã báo hiệu: vâng lời phục vụ cho đến chết.

Có lần ở Galilê, khi được cảnh giác là Hêrôđê đã quyết tâm giết ngài, ngài trả lời: “Này! Ta trừ quỷ và xong xuôi các việc chữa lành hôm nay và ngày mai; và ngày thứ ba là ta được chu toàn. Song hôm nay và ngày mai, cùng ngày mốt, Ta phải ra đi vì không lẽ một tiên tri lại phải chết ngoài Giêrusalem” (Lc. 13:32-33). Các môn đệ cảm thấy rùng mình sợ hãi.

“Họ đang đi dọc đường để lên Giêrusalem và Đức Giêsu dẫn đầu đi trước họ, và họ kinh hoàng, còn những kẻ theo sau thì sợ hãi. Ngài lại đem theo mình nhóm Mười Hai và bắt đầu nói với họ về những điều sắp xảy đến cho Ngài: “Này chúng ta lên Giêrusalem và Con Người sẽ bị nộp cho các thượng tế, và ký lục; người ta sẽ lên án tử hình cho Ngài và sẽ nộp Ngài cho dân ngoại, và người ta sẽ nhạo báng Ngài, khạc nhổ trên đầu Ngài, đánh đòn và giết đi, và ba ngày sau Ngài sẽ sống lại” (Mc. 10:32-34).

Đức Giêsu sắp chết trong tay loài người. Ngay từ đầu, việc rao giảng phá lệ của ngài đã gây xung khắc với nhiều

người. Ngài được giương lên để cho sự ngã nhào và chỗi dậy của nhiều người, để mang ra ánh sáng những thái độ khác nhau của loài người.

160-165  
184-188

Những kẻ giữ cách biệt với ngài thuộc nhiều nhóm khác nhau. Đó có thể là những nhóm chính trị của vua Hêrôđê; những người Biệt phái trung thành khắc nghiệt với lề luật; giai cấp phóng túng Sadóc; các thượng tế đang kiểm chế chính quyền; và rồi các học sĩ thế tục được coi là những kỳ mục và trưởng lão của dân tộc. Vì thế, họ chốt cửa tâm hồn mình trước tính cách sáng tạo vượt bậc của Đức Giêsu, họ không nghe ra tiếng của chính Thiên Chúa mình đang nói (Ga. 8:19). Họ xúc phạm đến Thánh Thần Thiên Chúa (Mc. 3:28-30), nghĩa là, họ làm mất tác dụng trong chính họ khả năng sửa tâm cải tính. Họ được nhiều dân chúng ở Giêrusalem đi theo.

“Giêrusalem! Giêrusalem! kẻ giết các tiên tri và ném đá những người được sai đến cùng ngươi! Đã bao lần ta muốn thâu họp con cái ngươi lại như gà mẹ họp ổ con dưới cánh... mà các ngươi đã không muốn” (Lc. 13:34). Ở điểm tột đỉnh của sứ mệnh ngài, ngay chính trong khoảnh khắc ngài đem nước Thiên Chúa đến cho kinh thành Thiên Chúa, thì tội lỗi của nhân loại - không riêng chi tội lỗi của dân Do Thái - đã đánh ngã ngài. Cuộc trường chinh mà ngài tiến hành bằng những vũ khí rao giảng, chữa bệnh và trừ quỷ ám trở thành trận quyết đấu cho đến chết tại Giêrusalem. Ngài nhìn sự dữ bằng con mắt đó. Ngài sắp nói ngay lúc bị bắt bớ, “Đây là giờ của các ông và của các quyền lực tối tăm” (Lc. 22:53).

Đức Giêsu đã chiến đấu ra sao trong cuộc quyết đấu này? Bằng kiên quyết đáp ứng lời gọi ngài, ý của cha

ngài, trong vâng lời và yêu thương. Ngài biết rằng từ cái chết của ngài Chúa Cha có thể mang nước Thiên Chúa đến trong quyền bính, tựa thân cây lúa lên từ hạt mầm rơi xuống đất và chết đi (Ga. 12:24).

Sắp có một chiến thắng mà người tảo bạo nhất trong các tiên tri cũng không thấy trước được: sự chinh phục sự chết. Sự này sắp xảy ra trong Đức Giêsu và kế đó ban phát cho toàn thể nhân loại. Vì những điều ấy mà ngài đi Giêrusalem. Trong phúc âm, những biến cố sắp xảy ra được gọi là “cuộc ra đi” của ngài (nghĩa đen, “xuất hành” Lc. 9:31); sự “siêu thắng” của con người ngài (nghĩa đen “thăng thiên” Lc. 9:51); “sự chu toàn” của ngài (nghĩa đen “trở nên trọn lành” Lc. 13:32); “sự tôn vinh” của ngài (Ga. 13:31); “giờ” của ngài (Ga. 2:23).

Ta có thể tự hỏi là điều gì sẽ xảy ra nếu nhân loại không từ khước và không giết chết ngài. Có lẽ lúc ấy nước trời sẽ biểu thị tại Giêrusalem bằng cách thức hoàn toàn khác. Nhưng đó không phải điểm để thảo luận ở đây, vì thực tế sự biểu thị đó đã đến qua cái chết khổ nạn của Đức Giêsu.

Cựu Ước chứa đựng những lời ngụ ý rõ ràng đến điều sắp xảy ra. Đó là những mô tả về những người đau khổ được Thiên Chúa cứu thoát (x. Tv. 17:22,69). Dưới đây là một trích đoạn ngắn cho thấy rõ người mang trên chính mình các tội lỗi của những người khác (Is. 52:13; 53:12).

“Nhưng ngài đã bị đâm vì những ngỗ nghịch của chúng tôi...

Chúng tôi hết thấy đã xiêu lạc  
như chiên cừu mỗi người quay mỗi ngã,

Nhưng Giavê lại để Ngài phải lụy  
vì tội vạ hết thấy chúng tôi  
Bị tra tấn, Ngài đã chịu đựng  
và không mở miệng” (Is. 53:5-7).

Người Do Thái không bao giờ dám áp dụng những lời nói đó cho Đấng Cứu Thế. Nhưng Đức Giêsu làm sáng tỏ ra rằng Đấng Xức Dầu của Thiên Chúa sắp làm kẻ tội lỗi tới mức đó. Như chính ngài đã nói: “Vì chúng con người đến không để được hầu hạ, nhưng là để hầu hạ và thí mạng sống mình làm giá chuộc thay cho nhiều người” (Mc. 10:45). (Từ ngữ khó hiểu “giá chuộc” sẽ được thảo luận tới trong chương nói về sự cứu độ).

469

Lúc này, ta hãy giản dị giữ trong tâm trí mình là, bằng cái chết của ngài, Đức Giêsu đến rất gần loài người chúng ta. Đức Giêsu mang trên ngài cuộc đời tội lỗi tai họa, cuộc đời đang chết dần của chúng ta, và chia sẻ nó cho tới cùng. “Không có lòng mến nào lớn hơn là thí mạng sống vì bạn hữu” (Ga. 15:13).

298-302

469-471

Đối với ngài, việc đó không dễ dàng. Ngài cảm thấy như người trước một cuộc giải phẫu nghiêm trọng và đáng sợ - dù cũng hân hoan mong đợi sự khôi phục huy hoàng độc nhất vô nhị. “Có thanh tẩy ta phải chịu, và Ta những bền chôn chờ đến lúc hoàn tất!” (Lc. 12:50).

### *Mùa Chay*

Giáo Hội dành bốn mươi ngày để chuẩn bị cho các biến cố sắp xảy ra ở Giêrusalem. Suốt thời gian này, Kitô hữu nhận được những lời kêu gọi sám hối khẩn cấp và

cách riêng. “Này chính bây giờ là thời đại ân sủng; và này, chính bây giờ là ngày cứu độ” (2 Cr. 6:2) như trong bài đọc sách thánh vào Chúa Nhật Thứ Nhất Mùa Chay. Bốn mươi ngày đó được biểu hiệu bằng đặt trước tên Các Chúa Nhật, Septuagesima, Sexagesima và Quinquagesima nhưng chúng chỉ bắt đầu sau Ngày Thứ Tư Lễ Tro. Trước Thánh Lễ, mỗi người được vạch dấu thánh giá bằng tro lên trán kèm theo lời, “Này con người, hãy nhớ mình là bụi đất và sẽ trở về bụi cát”. Đó là lần độc nhất mà phụng vụ nói với tín hữu, không bằng tiếng anh chị em, mà bằng tên của chính họ, hoặc chỉ giản dị là “Này con người”.

Những lời ấy xuất phát từ trình thuật Sa Ngã khiến chúng ta xuống thế gian - tức là xuống tới sự khốn khổ của chúng ta. Dầu thánh giá bằng tro tượng trưng cho chân lý sâu xa. Chúng ta không nên bỏ qua việc tham dự nghi thức Thứ Tư Lễ Tro này. Ngày này báo trước sáu tuần lễ sống trung thực với bản thân mình. Chúng ta ngưng giải quyết các việc rắc rối trong tâm trí mình, xét mình và suy gẫm, “Này con người, hãy nhớ”.

Mùa Chay là thời kỳ cố gắng sống tốt lành hơn - thời kỳ cải tâm sửa tính. Thời kỳ ăn năn hối lỗi, ngưng bao che cho tự do bên trong chống lại tất cả những gì làm ta đánh mất thái độ phục vụ và thương yêu. Bài phúc âm của Chúa Nhật Thứ Nhất Mùa Chay kể cho ta nghe những cám dỗ trong sa mạc, nơi Đức Giêsu chế ngự các nỗ lực cám dỗ ngài quay lưng với sứ mệnh trong cuộc sống - là hoàn toàn phục vụ.

Chúng ta được yêu cầu làm gì trong Mùa Chay? Câu trả lời ngày nay dường như hiện ra rõ ràng hơn ngày xưa.

Thời xưa, luật tuyệt đối ăn chay khiến giáo dân có ấn tượng là ít nhất mình cũng thực hiện được một điều gì đó. Nhưng ngày nay, các giá trị và nhận thức về thực hành không miễn trừ ấy được xét lại. Sự căng thẳng đầu óc mà nhiều người phải chịu vì công việc, cái nhìn của chúng ta về mối liên hệ hồn xác, thói quen ăn uống (trong nhiều trường hợp không có nghĩa là thái quá), đều có liên quan đến sự thay đổi thái độ của chúng ta đối với truyền thống ăn năn sám hối Mùa Chay. Luật ăn chay được xem xét giảm nhẹ, và nay chỉ áp dụng cho hai ngày (Thứ Tư Lễ Tro và Thứ Sáu Tuần Thánh) tới độ, đối với hầu hết giáo dân, việc ăn chay không là việc chính trong Mùa Chay. Rồi ra ta nên thay vào đó bằng việc gì?

Mùa Chay là thời kỳ sống tiết độ, không phải thời kỳ tiệt tưng. “Tỉnh thức”, theo tinh thần phúc âm, là chúng ta xoay ngọn đèn chiếu trung thực, soi vào bản thân mình, cố gắng làm cho quyền năng Thiên Chúa tươi mới trong chúng ta, trong liên kết với Chúa, đáng sắp chịu khổ nạn. Có thể đối với mỗi người điều này có ý nghĩa khác nhau tùy theo đức ái truyền cảm hứng cho chúng ta tới mức độ nào. Với vài người, nó là vấn đề hút thuốc và uống rượu. Với những người khác, nó liên can tới một thái độ nghiêm chỉnh của mình ở sở làm và ở nhà, nỗ lực sống nhẫn nại trước các khó khăn, lưu tâm sâu xa hơn tới nhu cầu của người khác. Một việc cực kỳ thực tế là hưởng ứng các cuộc lạc quyên vì mục đích từ thiện, đặc biệt khi ta có thể đích thân làm tốt được việc ấy. Với việc ấy, chúng ta đã có lời cảnh giác và cổ vũ về ảnh hưởng của nó vào lúc bắt đầu Mùa Chay, khi đọc thấy các lời, “Những gì các người đã làm cho một người anh em hèn mọn nhất



này của Ta là các người đã làm cho chính mình Ta" (Mt. 25:40). (Sẽ thảo luận thêm về điều này trong phần "Giúp Người Có Nhu Cầu"). Trong các thực hành Mùa Chay, việc năn nỉ lui năn nỉ tới trong lời cầu nguyện là cần thiết. Cần lập đi lập lại trong những lời cầu nguyện buổi sáng và buổi tối. Toàn gia đình nên hiệp nhất cầu nguyện trước và sau bữa ăn, ít thức ăn hơn thường lệ. Tham dự nhiều sinh hoạt phụng vụ Mùa Chay trong nhà thờ, trầm tư về cuộc khổ nạn, vân vân. Trên hết, mùa chay là mùa để xưng tội cách chân thành và sáng suốt.

Cũng nên có sự tiết độ nào đó trong lối sống thường ngày của chúng ta. Trong phụng vụ, các lễ vui bị đình chỉ, không cử hành hôn lễ trừ trường hợp đặc biệt. Cũng là việc tốt nếu bỏ qua được các cuộc liên hoan trong sinh hoạt đời sống bình thường. Dù có lẽ điều này có thể gây cho chúng ta sự bối rối nào đó nhưng nó cũng có thể vĩnh viễn tạo cho chúng ta hậu quả tốt khi mình được xem là người tôn trọng một lối sống nhất định.

Phụng vụ Mùa Chay thật đặc biệt về phần chọn lựa các bài đọc Sách Thánh. Gồm ba phần chính. Ăn năn hối lỗi để được tha thứ (đặc biệt trong các tuần lễ thứ ba và thứ tư), và cuộc khổ nạn của Đức Kitô (đặc biệt trong các tuần lễ thứ năm và thứ sáu). Tuần lễ thứ hai không có những đặc điểm đó.

Triều sống khổ nạn bắt đầu dâng lên với Chúa Nhật Thứ Năm, khi phụng vụ tập trung vào việc Đức Giêsu đi chịu khổ nạn. Hình, tượng của các vị thánh, mà có thể gọi lên vinh quang thiên đàng, đều bị phủ vải tím. Ngay cả thánh giá, vốn gợi ý tới vinh quang phục sinh bằng nhiều kiểu mẫu thời xưa, cũng bị phủ bằng vải tím. Phúc

âm tuần lễ này trích từ những cuộc thảo luận gay gắt giữa Đức Kitô và những người Biệt phái. Giáo Hội tập trung vào cuộc chiến đấu của Đức Giêsu.

## ĐẾN VÀ Ở LẠI GIÊRUSALEM

**K**hi tường thuật, các tác giả phúc âm đều coi trọng cách mà vị sứ giả được hứa ấy đi vào kinh thành của các lời hứa lúc ngài mang nước Thiên Chúa đến cho nó. Ngài cưới trên một con lừa. Lừa là con vật cưới của những nhà cầm quyền khiếm tốn Israel trong các thời trước (St. 49:11; Tl. 5:9; 1 Cv. 1:38). Ngựa đã trở thành biểu tượng cho các vị vua ngạo mạn, hiếu chiến (x. Is. 31:1; 1 Cv. 1:5). Bởi thế, tiên tri Dacaria đã tuyên bố rằng Đấng Cứu Thế tương lai sẽ đến cưới trên một con lừa và sẽ giải thoát xứ sở khỏi những con ngựa (kiêu ngạo, bướng bỉnh).

“Hãy nhiệt liệt nhảy mừng, nữ tử Sion!

Reo hò lên, nữ tử Giêrusalem!

Này vua người đến với người.

Ngài, người tiết nghĩa và được độ sinh,

Khó hèn và cưới mình lừa

trên một lừa con, con của lừa mẹ

Xa trận, Ta sẽ cắt phăng đi khỏi Êphraim

và ngựa khỏi Giêrusalem;

Cung nỏ chiến tranh sẽ bị chặt phăng,

Và Ngài sẽ nói lên thái bình cho chư quốc.

Quyền Ngài thống trị sẽ từ biển này tới biển nọ,

Từ Sông Cả đến mút cùng cõi đất” (Dcr. 9:9-10).

Dĩ nhiên Đức Giêsu không bị ràng buộc phải làm đúng theo nghĩa đen các dấu hiệu đã hứa. Nó chỉ có ý nghĩa tinh thần - là mọc mọc và hòa bình. Nhưng ở đây ngài chọn thực hiện phù hợp các tiểu tiết bề ngoài. Nhờ thế chúng ta có hình ảnh không quên được của vị vua, đáng thực hiện việc vào thành của mình bằng cưỡi trên một con lừa, được đám đông chào như Con Vua Đavít khi họ trải áo choàng, những cành cọ và các bó cỏ dọc theo lối đi của mình. Trước những người Biệt phái kinh hãi, các trẻ em chạy theo ngài đến Đền Thánh nơi chúng tiếp tục cuộc biểu dương đầy hân hoan.

Như thế, Giêrusalem đã phản ứng tới mức nào đó trước việc đến của Đức Giêsu và sự bắt đầu của vương quyền. Nhưng sự bắt đầu thật sự thì sẽ khác hẳn. Nó sắp chiến thắng sự chết.

### *Chúa Nhật Lễ Lá*

Nghi thức phụng vụ diễn theo trình tự phúc âm bằng cách bố trí đặc biệt nhấn mạnh các biến cố này. Tuần trước lễ Phục Sinh, vào Chúa Nhật Thứ Sáu Mùa Chay, sau cuộc rước kiệu, Thánh lễ cử hành với những tụng ca vinh danh Đức Giêsu là vua. Các bó cỏ hay lá cọ thật, (*ở Việt Nam thì là dừa hay lá cọ và lá vạn tuế, ghi thêm của người dịch*) được làm phép và sau khi cầm rước kiệu, giáo dân mang về nhà. Cỏ, lá ấy được treo trong nhà, biểu hiệu tấm lòng chia sẻ với người Do Thái cử chỉ yêu thương và tôn kính dành cho Đức Giêsu hôm đó. Đôi khi, các cành lá này được dùng để rảy nước thánh, như chúc phúc cho ngôi nhà trước khi ban Mình Thánh Chúa cho kẻ liệt hoặc ban bí tích xức dầu kẻ liệt (lễ xức dầu lần cuối cho người sắp chết).

Sau cuộc rước kiệu Chúa Nhật Lễ Lá, đến phần quan trọng nhất của nghi thức là Lễ Misa. Thánh lễ này không nói đến việc đi vào Giêrusalem nhưng lại nói về khổ nạn. Bài phúc âm hôm ấy là toàn cuộc thương khó trích từ sách Matthêu. Bài đó cũng có thể được hát bằng điệu Grêgôriô trầm hùng, cao nhã và gây xúc động sâu xa.

Tại Hòa Lan, để đánh dấu ngày này, có phong tục trình diễn âm nhạc cho công chúng, bản giao hưởng Cuộc Khổ Nạn Theo Thánh Matthêu của J.S. Bach, một nhà soạn nhạc thế kỷ mười tám. Tác phẩm ấy là một trong những tác phẩm vĩ đại của nghệ thuật Kitô giáo.

### *Những ngày đe dọa*

Giữa cuộc đi vào Giêrusalem và lúc ngài bị bắt, sách Phúc âm thuật lại các huấn từ do Đức Giêsu phát biểu, thuộc nhiều loại khác nhau: trong các cuộc tranh luận với những người ký lục, những người Sadóc và Biệt phái, các dụ ngôn về phán xét, những phản đối kịch liệt của các ký lục và người Biệt phái, và sau cùng, lời tiên báo về sự hủy diệt của Giêrusalem, một biến cố sắp chỉ dấu kết thúc sự hiện hữu của dân Do Thái tại đất hứa. Đức Giêsu nhìn sự hủy diệt chung cuộc này như biểu hiện của tai ương và tận thế mà ngài đem thành viên tượng trong các bài giảng của mình, dù không xác định “ngày ấy hay giờ ấy” (Mt. 24:36).

Bởi lý do ấy, Đức Giêsu nói y như những tiên tri đã bị giết trước ngài tại Giêrusalem. Nhưng ngài, Người Con Chí Ái, là kẻ sau cùng (Lc. 20:13). Trong trường hợp này còn hơn những tiên tri đó, sự dũng mãnh của ngài là nỗ

lực sau cùng để khuất phục dân tộc ấy: “Phải chỉ ngày hôm nay, cả người nữa, người cũng nhận ra phúc triệu bằng yên!” (Lc. 19:42).

Những ngày ngài ở Giêrusalem là cuộc chạm trán tối hậu và quyết định nhất với sự dữ, là Quỷ Sứ, trong loài người. Không biết bao nhiêu lần ngài đưa ra cho môn đệ lời dạy bảo là: tỉnh thức và sẵn sàng. Họ đang trong những ngày nghiêm trọng quyết liệt, biểu tượng của mọi giờ khắc quyết định trong cuộc sống của Giáo Hội và trong cuộc đời của mỗi chúng ta.

Cuộc xung đột nhanh chóng bốc lên tới cao điểm. Đức Giêsu không có vũ khí nào ngoài lời Chúa Cha ban cho ngài nói, những sứ mệnh Chúa Cha trao cho ngài làm, quyền năng duy nhất của con người ngài và chứng tá của Chúa Cha trong tâm hồn loài người. Những kẻ Biệt phái và viên chức chính quyền lựa chọn vũ lực. Đã có quyết định bắt ngài.

Phụng vụ tưởng nhớ những ngày trước cuộc khổ nạn của Đức Giêsu (Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Tư Tuần Thánh) bằng cách đọc những trích đoạn xúc động và riêng tư của các tiên tri. Chẳng hạn như:

“Tôi đã giơ tay cho người đánh đập,  
và chìa má cho kẻ nhổ râu”  
(Is. 50:6).

Bài phúc âm ngày Thứ Hai mô tả cách Maria, chị của Ladarô, đổ một cân dầu cam tùng hảo hạng lên chân Đức Giêsu. Ngài cất nghĩa, cô ấy làm thế mà không hay biết

gì về cuộc mai táng ngài sắp tới. Vào ngày Thứ Ba, bài sách phúc âm về trọn cuộc khổ nạn trích từ Máccô, và ngày Thứ Ba, cũng về cuộc thương khó, theo Luca.

## BỮA TIỆC LI

552-576

Vào buổi tối sau cùng của cuộc đời ngài, Đức Giêsu dùng tiệc với các môn đệ.

Ngài chọn bữa tiệc ấy như một cử chỉ già biệt, phù hợp với mọi điều ngài đã nói và đã làm. Ngài thường mô tả cách sinh động việc thực hiện nước Thiên Chúa cũng giống việc cử hành chung một đại tiệc (Mt. 8:11), và những bữa ăn mà ngài dự với bằng hữu và kẻ lạ là một mô tả trước đây hân hoan về biến cố đó.

Sách phúc âm cho thấy là bữa ăn già biệt ấy là bữa ăn vượt qua hoặc bữa ăn quá hải.

Lễ vượt qua của Do Thái, tưởng niệm cuộc vượt biển giải thoát khỏi Ai Cập, là một bữa tiệc kèm theo các trình thuật, những lời cầu nguyện, các chúc phúc và những bài ca. Tóm lại, bữa tiệc ấy là một bữa tiệc tạ ơn, hoặc nói rõ hơn, tạ ơn là một bữa tiệc.

Đức Giêsu đã mong mỗi khoảnh khắc này. Đây là bữa ăn tối cuối cùng của ngài trước bữa tiệc tân hôn đời đời ở nước trời. “Ta ước ao khao khát ăn lễ Vượt qua này với các người trước khi Ta chịu khổ nạn! Vì Ta bảo các người: Ta không còn ăn lễ ấy bao giờ nữa, cho đến khi nào nên trọn trong Nước Thiên Chúa” (Lc. 22:15-16).

### *Rửa chân*

Gioan đã thuật lại bữa tiệc li bắt đầu như thế nào. Trước sự ngạc nhiên của các môn đệ, Đức Giêsu lấy khăn quăn lưng mình và như một tôi tớ, ngài rửa chân họ. Đó là một biểu tượng nói lên sự phục vụ mà qua đó nước trời được lập nên (13:12-17). Như thế, cuộc vượt qua không chỉ có ý nghĩa là một ngày nào đó, nước trời sẽ đến trong vinh quang. Nó còn cho thấy nước trời được thiết lập như thế nào: qua phục vụ, như sẽ được minh họa vào ngày hôm sau. Mô tả sinh động của Gioan về các biến cố đó ngụ ý tới tặng phẩm vĩ đại sẽ được trao tặng trong những cách thức phô bày diễn biến của bữa tiệc ấy. Phép Thánh Thể (Mình Thánh Chúa), mà trong đó Đức Giêsu yêu thương tới độ ban hết bản thân ngài và nêu gương phục vụ cho đến chết.

### *Phản bội*

Nhưng có một hình bóng tai nghiệt ngang qua tình bằng hữu của bữa tiệc. Một trong mười hai môn đệ đang câu kết với kẻ thù. Tại sao? Các cội rễ của sự dữ thì luôn luôn được ít người biết vì chúng tối tăm mờ mịt. Các tác giả phúc âm chỉ rõ rằng sự mất lòng tin của kẻ phản bội đó liên quan tới tính tham lam. Và Giuđa đã là một bằng hữu của Đức Giêsu.

“Không phải kẻ thù thóa mạ tôi

- tôi đành nhịn-...

Nhưng người đã là đồng đảng

lại là tâm giao và là tri kỷ;

Cùng nhau ta đã mặn mà khúc nôi,  
Nơi nhà Giavê, vừa đi, ta đã chuyện trò hăng say”  
(Tv. 55:12-14).

“Cả người thân tín, người tôi tin cậy  
đã thường ăn bánh của tôi  
nó cũng hát gót lên chống lại tôi” (Tv. 41:10).

Ngay cả lời ám chỉ của Đức Giêsu, dù rõ rệt, cũng không ngăn được Giuda. Như thế, Sách Thánh được thực hiện. Thánh Vịnh nói về những thất vọng náo nề của một người sẽ chịu thương khó bởi bàn tay bằng hữu mình, dường như đã mô tả rõ ràng số phận của Đức Giêsu. Điều này cũng là một đau thương mà ngài phải chịu đau khổ theo với nhân loại. Giuda đi ra. Lúc ấy đêm. Gioan kể.

### *Huấn từ già biệt*

Bằng cách riêng của mình, Gioan kêu mời chú ý tới bầu khí phó thác cao độ tối hôm ấy. Gioan cho thấy Đức Giêsu rực rỡ với vinh quang sẽ được biểu thị vào sau đó. Đây là trọn vẹn Đức Giêsu mà chúng ta thấy.

Như Gioan ghi lại, Huấn từ Già biệt của Đức Giêsu được khắc sâu vào tâm khảm của người môn đệ thứ ấy còn thanh xuân và suốt chuỗi đời còn lại, người ấy mang theo mình kỷ niệm tối hôm ấy. Ký ức đó được nuôi dưỡng qua cuộc sống và nghị thức phụng vụ của Giáo Hội, nơi mà Chúa Vinh quang vẫn hiện diện qua Thánh Linh ngài.

Bài huấn từ tập trung vào tình yêu: tình yêu giữa Đức Giêsu và Chúa Cha, giữa Đức Giêsu và chúng ta, giữa



Chúa Cha và chúng ta và giữa Kitô hữu chúng ta với nhau. Phần kết bài huấn từ của Đức Giêsu là lời cầu nguyện tổng hợp và cao cả, được biết tới như lời cầu nguyện của Đấng Thượng tế tối cao.

### *“Đây là Mình Ta”*

Trong bữa tiệc tối hôm ấy, Đức Giêsu cho các môn đệ thấy ngài sắp chết như thế nào. Ngài thực hiện một hành động tiên tri. Qua một nguồn thông tin xuất hiện còn trước các sách phúc âm, chúng ta có lời giải thích về phút giây không quên này. Đó là một trong những thư sớm nhất của Phaolô gửi tín hữu.

“Vì chưng, chính tôi đã chịu lấy nơi Chúa điều tôi truyền lại cho anh em. Là: Chúa Giêsu trong đêm Ngài bị nộp, Ngài đã cầm lấy Bánh, và tạ ơn xong. Ngài đã bẻ ra và nói: Đây là Mình Ta, vì các ngươi, hãy làm sự này mà nhớ đến Ta. Cũng vậy về Chén, sau khi đã dùng bữa tối xong, Ngài nói: Chén này là Chén Giao ước mới trong Máu Ta, các ngươi hãy làm sự này mỗi khi uống, mà nhớ đến Ta. Vì mỗi lần anh em ăn bánh ấy và uống chén ấy, anh em loan báo sự chết của Chúa, cho tới lúc Ngài đến” (1 Cr. 11:23-26).

Cử chỉ này tự nó chẳng có gì đặc biệt - bẻ một khoanh bánh mì lớn chia nó với những người đồng bàn. Việc phân phối kèm theo lời chúc lành là một trong các nghi thức của bữa tiệc vượt qua. Có điều việc bẻ bánh này cho một ý nghĩa giạt mình khi Đức Giêsu kèm theo với nó những

lời chưa bao giờ nghe: “Đây là Mình Ta”. Lúc này, việc bẻ bánh mang ý nghĩa việc bẻ gãy hình hài ngài. Có nghĩa cái chết của ngài.

Ý nghĩa này còn rõ hơn trong lời Đức Giêsu nói trên ly rượu nho đỏ như nghi thức qui định. Sự đề cập riêng biệt đến máu tự nó là dấu chỉ cái chết dữ dội. Như chúng ta đọc trong Matthêu và Máccô, Đức Giêsu nói thêm là máu sẽ “đổ ra”. Ngài bị hiến thân như một nạn nhân trong một cuộc lễ tế. 472

Bánh và rượu, như thế, cho thấy ngài sắp chết như thế nào. Hơn thế nữa. Còn cho thấy tại sao ngài chết.

Khi nâng chén, Đức Giêsu nói về “giao ước mới”. 803  
Giao ước mới vĩ đại này mà Giêrêmia sáu trăm năm trước đã nói, bản giao ước của tâm hồn, được thiết lập lúc này (x. Gr. 31:31-34). Và giống thượ xa xưa được xác nhận bằng máu con vật hiến tế (Xh. 24:8), giao ước mới cũng thế, bằng máu của Con Người. Và máu này sẽ chảy ra “vì nhiều người”. Tiếng “nhiều người” vang vọng những tiếng của bài ca về người tội tợ̉ đau khổ của Giavê, trong đó chúng ta đọc thấy:

“Người công chính, tôi tợ̉ Ta  
sẽ giải tán tuyên công *nhiều người*,  
vì chính ngài sẽ vác lấy tội vạ của chúng...  
chính vì ngài đã thí mạng mình không màng cái chết...  
là đã mang lấy tội lỗi *nhiều người*,  
và đứng ra bầu chữa cho những kẻ ngỗ nghịch”  
(Is. 53:11,12).

Người bị giết để tế lễ “vì nhiều người được nên ơn tha tội” (Mt. 26:28). Trong tiếng Aram, ngôn ngữ mà Đức Giêsu sử dụng, “nhiều” được dùng có ý nói “tất cả”.

Tuy nhiên, mục đích của Đức Giêsu không chỉ bày tỏ thực tại ấy. Ngài không muốn sự việc được thấy giản dị như thế. Ngài còn có ý định làm các môn đệ giao tiếp thân mình với hi lễ của ngài và giao ước. Do đó, hành động trang trọng này không mở đầu bằng lời kêu gọi nghe và hiểu được ngay giống các dụ ngôn của ngài, nhưng bằng lời mời ăn. “Hãy cầm lấy mà ăn...” “Hãy uống chén này hết thấy”. Bằng đáp ứng lời mời này, chúng ta có thể chia sẻ ân sủng của giao ước và của hi lễ giao ước. Qua giao tiếp với thân mình Đức Giêsu, đáng từng chết mà sống lại cuộc sống mới, chúng ta giao tiếp với thế giới được cứu độ, với nước trời. “Bánh ta bẻ, lại không phải là thông phần Thân mình Đức Kitô sao?” (1 Cr. 10:16).

Lúc này, chúng ta thấy là những biểu tượng nổi bật sâu sắc của bánh mì bị bẻ ra và rượu nho đỏ không chỉ có ý nghĩa gợi lại một ký ức, mà còn trình bày một thực tại: mình và máu của Đức Giêsu. (Ở đây, chúng ta cũng cần nhớ lại là từ ngữ thân mình khi được dùng trong ngôn ngữ Semitic, có nghĩa trọn vẹn con người. Điều ấy cũng đúng cho từ ngữ máu, có nghĩa trọn vẹn sự sống. Vì thế, chúng ta tiếp nhận trọn vẹn con người Đức Giêsu).

Cử chỉ yêu thương tốt độ của Đức Giêsu, việc người ban cho mình và máu của ngài làm thức ăn và thức uống, được phúc âm của Gioan nói đến bằng những lời rất quen thuộc với Kitô hữu: “Vì thịt Ta thật là của ăn, và máu Ta thật là của uống. Ai ăn thịt Ta và uống máu Ta, thì Ta ở trong kẻ ấy” (Ga. 6:55-56).

Khi những lời này được nói lên - là lúc sắp đến thời điểm lễ vượt qua (Ga. 6:4) - không ai hiểu sự việc có thể sẽ xảy ra như thế nào. Trước đó, nhiều người đã có đủ thứ ý tưởng cứng lòng về điều giả dụ sắp xảy ra. “Đây là một lời nói khó nghe; Ai mà có thể nghe được?”

Nhưng kể đó chúng ta đọc thấy những lời của Chúa: “Vậy nếu các người trông thấy Con Người lên nơi Ngài đã có trước...? Thần Khí mới tác sinh, xác thịt thì không ích gì. Lời ta đã nói với các người là Thần Khí và là sự sống” (Ga. 6:62-63).

Bữa tiệc tối ấy mà Đức Giêsu tham dự với các bằng hữu của ngài cho thấy điều ấy có ý nghĩa là: vinh quang của Con Người, hiện hữu mới về tinh thần mới của ngài, khiến ngài có thể có mặt rất thân cận giữa chúng ta tới độ chúng ta “ăn được thịt ngài”.

Nhưng có phải lúc ấy Đức Giêsu đã được vinh danh tại bữa tiệc li không?

Chúa hiển lộ chính ngài tại bữa tiệc này. Ngài thực hiện một hành động tiên tri không chỉ báo hiệu điều sắp xảy đến, mà là đã biến nó thành thực tại bằng các biểu hiệu. Ngài thật sự dâng hiến bản thân ngài. Bữa tiệc li đã thuộc phần của biến cố cực điểm là cuộc khổ nạn mà qua đó ngài vinh quang. Việc cử hành lễ tiệc li này đã gồm sẵn hi lễ cuộc đời ngài.

Như thế, Đức Giêsu đã cải biến bữa ăn mừng cuộc giải phóng đất nước thời xa xưa thành việc nhớ đến cuộc giải thoát mới. Ăn chiên phục sinh, với máu cứu độ của nó, trở thành ăn thân mình ngài với máu cứu độ của thân mình đó. Như thế, ngài đã ban cho Giáo Hội của ngài bữa tiệc là một lễ tạ ơn hoặc lễ tạ ơn là một bữa tiệc. Và điều

này biểu lộ cho chúng ta hành động yêu thương nhất mà ngài đã thực hiện: sự hiến tế của cuộc đời ngài trong cuộc hi tế, với vinh quang mà hi tế đã chứa đựng sẵn.

Bữa tiệc, lễ tạ ơn và hi tế, cả ba chỉ là một. Những cử chỉ giản dị nhất, việc phát bánh và rượu, và tính cách mộc mạc nhất của các lời nói, “này là mình ta... máu ta” đều làm chúng ta chú mục vào sự kiện là Đức Giêsu ở đó và ban phát. Ở đây, Kitô hữu có thể nhận ra nhiều điều hơn trong cùng một lúc: kỳ vọng vào nước trời; ký ức về cuộc giã biệt của Đức Giêsu; diễn tiến hành động hiến tế của Đức Giêsu; giao ước giữa Thiên Chúa và chúng ta; ơn tha thứ các tội lỗi; tạ ơn (tiếng Hy Lạp eucharistia) - và biểu hiệu ấy và đáng sáng tạo toàn năng của tình yêu hỗ tương trong Giáo Hội.

Ngay từ thời Phaolô, những ý nghĩa khác nhau đó là chủ đề của nhiều suy tưởng. Nhưng vâng lời là điều quan trọng hơn nhiều trong những suy niệm mà Giáo Hội đi theo đến cùng huấn lệnh, “hãy làm việc này...” Bởi “hành động” này Giáo Hội được đồng hành, nuôi dưỡng và thiết lập nhờ Phép Thánh Thể suốt qua nhiều thời đại, kéo dài đến tận ngày nay. Do đó, từ lúc mới có trí khôn, khoảng sáu tuổi, cho đến giờ sau cùng cuộc đời chúng ta, hi tế của Đức Giêsu ở giữa chúng ta - cho đến khi ngài lại đến. (Ở 571-576 một chương về sau sẽ bàn thêm lần nữa sự phong phú ý nghĩa của Phép Thánh Thể và cách thức cử hành).

### *Phụng vụ Thứ Năm Tuần Thánh*

Thật không ngạc nhiên là trong ngày Tiệc Ly lại có cảm giác hân hoan xuyên suốt nghi thức phụng vụ. Ngày

này được gọi là Thứ Năm Tuần Thánh hoặc Thứ Năm mandatum (lệnh).

Không cử hành Phép Thánh Thể vào buổi sáng, trừ tại nhà thờ chính tòa của giáo phận. Tại đó, cử hành với mười hai linh mục, bảy phó tế và bảy phụ phó tế. Tại Thánh lễ này, có trộn và dâng dầu thánh cho năm tới. Buổi sáng, các linh mục hạt trường đến nhận dầu từ nhà thờ chính tòa mang về. Các linh mục chánh xứ và các linh mục phụ trách trường, sở, tu viện... đến linh mục quản hạt nhận về trong buổi tối. Cách thức này bày tỏ tình thần liên kết của toàn thể giáo phận trong việc cai quản các bí tích. Có ba loại dầu. Đầu tiên, dầu làm phép thánh, là loại dầu cao cấp nhất vì tiêu biểu cho phép xúc dầu bởi Đức Thánh Thần. Tính cách biểu tượng của dầu làm phép thánh này là sự nguyên chất và thơm phức, tiêu biểu việc Thánh Linh làm đầy tràn mọi sự. Chất liệu ấy lấy từ những cây có nhựa thơm tinh khiết và quý báu, trộn với dầu ô liu. Có ý nghĩa là người Kitô hữu được xúc dầu này là “dân của hoàng gia” (1 Pr. 2<sup>9</sup>); vì thế, dầu làm phép thánh dùng cho việc xúc dầu sau khi đã rửa tội vào các dịp thêm sức, truyền chức giám mục, làm phép thánh đường, bàn thờ, chuông nhà thờ và chén thánh.

Kế đến dầu kẻ liệt. Dầu này có tính cách tượng trưng như thuốc mỡ chữa bệnh. Loại dầu này dùng ban phép xúc dầu cho kẻ liệt (trước đây gọi là xúc dầu khi hấp hối).

Sau cùng, loại dầu dành cho dự tòng, dầu này có tính cách tượng trưng như dầu các vận động viên dùng xoa nắn chân tay cho mềm dẻo, mạnh mẽ. Dầu này được dùng xúc dầu trước lễ rửa tội, để rửa tay cho các tân linh mục

trong lễ truyền chức và trong các lễ làm phép có rảy nước thánh như rửa tội, nhà thờ và bàn thờ...

Từ thời xa xưa, việc chuẩn bị các loại dầu ấy diễn ra vào Thứ Năm Tuần Thánh vì lễ rửa tội và thêm sức được cử hành trọng thể nhất trong lễ Phục Sinh.

Không ai ngạc nhiên vì lễ tưởng niệm Phép Thánh Thể diễn ra vào chiều Thứ Năm Tuần Thánh. Mỗi nhà thờ chỉ cử hành một lễ Phép Thánh Thể trong ngày này. Không linh mục nào dâng lễ Misa một mình. Tất cả hiệp cùng nhau đồng tế một Phép Thánh Thể.

Thư gửi tín hữu hôm đó là bài đọc xưa nhất về Phép Thánh Thể (1 Cr. 11:20-32). Bài phúc âm kể câu chuyện rửa chân (Ga. 13:1-15), như chúng ta thấy, chứa những ngụ ý đầy ấn tượng tới Phép Thánh Thể. Sau phần nghi thức, tiếp liền là thực hiện theo nghĩa đen lệnh truyền bóng bẩy của Đức Giêsu (mandatum), “[thì] các người cũng phải rửa chân cho nhau”. Linh mục rửa chân cho mười hai người dự lễ. Ca đoàn hát lời thánh ca, “Đâu có tình yêu thương, ở đó có Đức Chúa Trời”.

Trong phần Lễ Qui của Thánh Lễ, sau câu “hôm trước ngày ngài chịu khổ hình, vị chủ tế thêm vào “nghĩa là, hôm nay”. Tiếng “hôm nay” mang đủ ý nghĩa của nghi thức đại lễ này. Nó giúp chúng ta không xa rời thực tại hôm nay dù đang nghĩ đến thuở xưa. Biến cố cứu rỗi mà chúng ta cử hành có mặt ở giữa chúng ta. Trong tính chất thiêng liêng của phụng vụ đó.

Sau đó là im lặng. Không có nghi thức phụng vụ chung nào. Một số tín hữu cố gắng trầm tư sâu lắng về nỗi thống khổ của Đức Giêsu trong Vườn Cây Dầu. Năm

xưa, tối này, ngài nói với các bằng hữu, “Ai có thể thức một giờ với Ta?” Chớ nên bắt đầu giờ cầu nguyện dài này với niềm hy vọng có được lòng mộ đạo và những cảm xúc ủi an, nhưng đơn giản là chỉ ở với Chúa, canh thức với ngài bằng cách tốt nhất ta có thể làm. Dù có thấy mình quì không được thoải mái và không trầm tư được, cũng nên cố gắng để tỏ tình yêu thương với ngài và nổi khao khát được trở nên một với ngài, không phải bằng cảm xúc nhưng bằng kiên trì có mặt, trước sau như một.

## CÁI CHẾT CỦA ĐẢNG CÔNG CHÍNH

### *Cầu nguyện trong vườn*

**Đ**ức Giêsu bị bắt nơi ngài vừa cầu nguyện. Tại vườn cây ô liu yên tĩnh trên đồi đối diện thành phố. Ngài đã hiểu điều gì sắp xảy đến cho ngài và đau khổ cực độ suốt cuộc cầu nguyện. Ngài nói với các môn đệ: “Hồn ta buồn phiền quá đỗi, muốn chết được” (Mc. 14:34). “Mồ hôi ngài như máu nặng giọt rỏ xuống đất” (Lc. 22:44). Lời cầu nguyện của ngài, có lẽ là lời cầu nguyện tuyệt vời nhất và chưa từng có trên trần gian, được diễn tả bằng những lời: “Abba, lạy Cha, Cha có thể làm mọi sự, xin cất chén này đi khỏi con; nhưng không phải con muốn gì, mà là Cha muốn gì!” (Mc. 14:36). Đức Giêsu chưa hề biểu lộ ngài rất giống chúng ta như ở đây, lúc ngài “kinh hoàng và âu sầu” (Mc. 14:33) và “trong sự thống khổ” (Lc. 22:44). Nhưng ý muốn Thiên Chúa là chén tăng thêm sức cho ngài (Lc. 22:43). Các môn đệ của ngài ngủ.



Trước lúc bị bắt, Đức Giêsu điềm tĩnh trở lại. Một bằng hữu mà ngài đã thương yêu và tuyển chọn, Giuđa, áp khuôn mặt mình sát ngài là kẻ đã hiểu quá rõ bộ mặt Giuđa, và hôn ngài. Không lâu trước đó, ngài nói với các Tông đồ, “Hãy tỉnh thức và cầu nguyện kẻo sa cơn thử thách”

Quang cảnh bắt bớ làm thành một bức tranh buồn nhói. Không phải một bên là Đức Giêsu và môn đệ, còn bên kia là tập trung các kẻ thù. Cái chúng ta thấy là, Đức Giêsu bị bỏ mặc một mình, đối mặt với các kẻ thù do một môn đệ của mình dẫn đầu. Những môn đệ khác bỏ trốn. Một trong các môn đệ của ngài vung gươm, chém một nhát trí mạng. Nhưng, Phêrô, người môn đệ ấy, chỉ lát sau thôi, quả quyết, “Tôi không biết người này”.

### *Làm chứng trước các thẩm phán*

Đức Giêsu đã nói trước là các môn đệ của ngài sẽ bị gọi ra làm chứng công khai trước tòa án. Lúc này, một mình Đức Giêsu ở đó, là kẻ đầu tiên làm chứng.

Trước Công Nghị Do thái, câu hỏi đặt ra cho ngài là, “Ông là Đức Kitô. Con Thiên Chúa phải không?” Ở đây, “Con Thiên Chúa” có thể tương đương với “Đức Kitô”, “Đấng Cứu Thế”. Đức Giêsu nhận thức rõ rằng tước hiệu ấy là một thách thức tinh thần quốc gia cực đoan. Ngài không xưng ra ngài là Đức Kitô, nhưng dùng lối nói đặc biệt của ngài, Con Người: “Chính là tôi, và ông sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Quyền Năng và đến với mây trời” (Mc. 14:62; x. Tv. 110:1 và Đn. 7:13).

Đức Giêsu đưa ra cùng một lời chứng như thế trước Philatô, tổng trấn người La Mã, khi các cáo buộc được

đệ trình cho ông ta. Trong Gioan chúng ta đọc thấy, “Nước tôi không thuộc về thế gian này... Tôi là vua. Chính vì lẽ này mà tôi đã sinh ra, và chính vì lẽ này mà tôi đã đến trong thế gian ấy là để làm chứng cho sự thật. Phàm ai thuộc về sự thật, thì nghe được tiếng tôi” (Ga. 18:36-37).

Là một người có học thức, Philatô hỏi: “Sự thật là gì?” và trao Đức Giêsu cho quân lính thô lỗ. Chúng đối xử với vương quyền của ngài bằng nhạo báng. Trước hết, chúng sỉ nhục ngài bằng đánh đập, roi vọt, rồi chúng khoác cho ngài một áo choàng màu tía bóng loáng, đặt một vương miện - bằng gai - lên đầu ngài, và ấn vào tay ngài một quyền trượng bằng sậy.

Trong khi Đức Giêsu làm chứng cho quyền năng cứu thế của mình trước tòa án Do Thái thì Phêrô chối ngài. Giuđa bỏ đi và tự thắt cổ. Đức Giêsu đã đưa lời cảnh cáo Giuđa tại Bữa Tiệc Li khiến chúng ta ngỡ đến điều tệ hại nhất: “Nhưng khốn cho người đó, kẻ làm cho Con Người bị nộp! Thà rằng người ấy đã chẳng sinh ra thì hơn”(Mt. 26:24). Ngay cả chính nơi đây chúng ta không chắc đó là lời phán quyết sau cùng của Thiên Chúa.

### *Đóng đinh*

Từ nơi bị giam giữ và tòa án, Đức Giêsu bị dẫn đi chết. Bản án được thực hiện tại địa điểm hành hình trên một gò đất có tên là Gôngôta.

Một hình thức vô nhân đạo của án tử hình, mà Đế quốc La Mã học được của phương Đông và duy trì phần lớn của nó làm một cách thức xử tử dữ tợn thích hợp cho sự trừng phạt các nô lệ, nay bắt Con Người phải chịu.

Các tác giả phúc âm ghi lại sự việc ấy cách điềm đạm: “Và họ đóng đinh Ngài” (Mc.); “khi đóng đinh Ngài” (Mt.); “người ta đã đóng đinh Ngài” (Lc.); “Ở đó họ đóng đinh Ngài” (Ga.).

<sup>298</sup> Nhưng phúc âm nhấn mạnh sự kiện là hai thánh vịnh có nội dung kinh hoàng đã được thực hiện trọn vẹn ở đây. Thánh vịnh 22: “Lạy Thiên Chúa tôi, lạy Thiên Chúa tôi, vì sao Người bỏ tôi”. Và Thánh vịnh 69: “Cứu tôi với, lạy Thiên Chúa, vì nước đã lên tới họng”. Ngay cùng một lúc, các chi tiết đều được thực hiện: hiến đấm, chia áo, những người đứng ngoài xem lác đầu chế nhạo, tiếng thét của Đức Giêsu - “Ta khát”.

Điều còn quan trọng hơn các chi tiết trên là, sự kiện trong các thánh vịnh thành ra sự thật trọn vẹn: khổn khổ tốt cùng của con người, và cứu độ thiêng liêng. Từ vực sâu của đau đớn và kiệt sức, Đức Giêsu đọc lớn câu đầu của thánh vịnh ấy. Có thể ngài đọc lời cầu nguyện ấy cho đến câu cuối. Chúng ta không biết.

Cùng với câu đầu tiên của Thánh vịnh 22, các tác giả phúc âm ghi lại sáu lời nói thêm của Đức Giêsu lúc hấp hối trên thánh giá: Chúng là những lời phát biểu rọi sáng các biến cố đó. Cả hai điều trong Luca nối tiếp điều cốt tủy trong rao giảng của Đức Giêsu. Ngài cầu nguyện cho những kẻ hành hình ngài, “Lạy Cha, xin tha thứ cho chúng vì chúng không biết việc chúng làm”. Ngài hứa với kẻ gian phi bị đóng đinh cùng với ngài, “Hôm nay người sẽ ở trên thiên đàng làm một với Ta”. Ngay đến <sup>243</sup> <sup>230</sup> lúc cuối, Đức Giêsu vẫn rất là ngài.

Qua sách phúc âm thứ tư, chúng ta biết là Đức Giêsu nhìn đến Gioan, rồi nói với mẹ ngài, “Hỡi bà, này là con

bà!”, và ngài nói với Gioan, “Đây là Mẹ con!”. Sau đó môn đệ ấy đã đem mẹ về nhà mình. Vì phúc âm của Gioan nạp đầy ứ các biểu tượng, chúng ta không nên thấy trong hành động ấy chỉ biểu hiệu tình thương của con cái, một cố gắng lo xa cho người mẹ, nói cách khác, là bị bỏ lại cô độc. Ngài ban một Eva mới xuống trên các tín hữu, những kẻ được “người môn đệ Giêsu yêu mến” đại diện. Ngay khi đó, một sự sống mới nhập vào thế gian, nhân loại được ban cho một bà mẹ khác, một bà mẹ của mọi sự sống. Khí quyển 160  
551  
phô ra các biểu hiệu của ngày tận thế: bóng tối giữa trưa.

Đức Giêsu thét lên: “Ta khát”.

Sau khi treo trên thánh giá khoảng ba tiếng đồng hồ, Chúa chết vào khoảng ba giờ chiều. Ngài thốt lên một tiếng la lớn. Tối giờ cuối trí óc ngài vẫn sáng suốt, và ngài ban phát cuộc đời ngài với đầy đủ ý thức về sứ mệnh ngài đang thực hiện. Luca ghi lại nội dung tiếng la lúc ấy của Đức Giêsu bằng một câu Thánh vịnh, “Lạy Cha, con ký thác hồn con trong tay Cha” (Lc. 23:46; x. Tv. 31:5). Gioan nhắc lại cử chỉ cuối của Đức Giêsu - Ngài gục đầu xuống khoan thai như thế nào, có lẽ trên đầu còn đội vương miện gai. Gioan ghi lại lời nói sau cùng của Đức Giêsu, “Đã hoàn tất”.

Lễ thanh tẩy của cái chết, với nó Đức Giêsu đã được 166-168  
tấn phong tại dòng sông Gioócdan làm Kẻ Tội Tở của Giavê, vì nó ngài đã khắc khoải khao khát, lúc này được 460-471  
hoàn tất trọn vẹn. Nước trời đến bởi máu ngài.

### *Vinh quang của thánh giá*

Phúc âm kể các dấu lạ chỉ rõ ý nghĩa cái chết của Đức Giêsu: động đất (ý nghĩa cái chết này rung chuyển

thế gian), màn đền thờ bị xé ngay giữa (kết thúc giao ước cũ), sự xuất hiện của những người từ cõi chết (một đề cập khó hiểu của Matthêu, và Tân Ước không nói gì thêm về việc này, và không được quan tâm như một biến cố, nhưng như một biểu hiệu có ý nghĩa rõ ràng - quyền năng của cái chết này ban cho sự sống).

Và từ phút giây này trở đi, có dấu hiệu thánh giá. Thánh giá nghiêng bóng trong trời chiều. Từ nay trở đi, thánh giá  
54 đổi mới thế gian. Nhưng ngay lúc đó, chưa ai thấy được điều ấy. Gôngôta là ngọn đồi tử thần bao phủ bởi hình hài kẻ chết và người hấp hối - đồi sọ. Nhưng, nhìn lui khoảng khắc này, kỷ ức của Gioan có thể nhận ra rõ các biểu hiệu của vinh quang. Không có khúc xương nào của con chiên mới này bị đánh gãy, giống các khúc xương nguyên vẹn của các chiên vượt qua ngày xưa. Và trên hết, Gioan nhớ lại cạnh sườn của Đức Giêsu đã hở ra như thế nào. Đó là điều được nói: “Tự lòng Ngài có những sông tuôn chảy nước sinh sống” (Ga. 7:37), và “Máu Ta thật là của uống” (Ga. 6:55). Bởi đó, Gioan nhắc đến nước và máu trên thánh giá. Cả hai có ý nghĩa là phép rửa tội ban Thánh Linh và Phép Thánh Thể ban sự sống, đều là các bí tích của Giáo Hội. Phúc âm còn ngụ ý đến sự kiện hơi thở sau cùng của Đức Giêsu có ý nghĩa tặng phẩm cao cả của ngài. Trong Gioan, hơi thở ấy được diễn tả có chú ý hơn trong Matthêu nhiều, “ngài phò thác Thần Khí” (Ga. 19:30). Tặng phẩm Thánh Linh lúc này khởi sự tiến hành từ ngài. Cũng thế, ba ngày sau Chúa sẽ thổi hơi trên các Tông đồ và nói, “Hãy chịu lấy Thánh Thần” (Ga. 20:22).

Vì thế, có thể chúng ta đã thấy trên thánh giá nguồn suối sự sống của Giáo Hội: phép rửa tội, phép Thánh Thể

và Thánh Linh. Gioan đề cập lần nữa về ba nguồn sống ấy trong thư thứ nhất gửi tín hữu: “Cả ba chứng nhân, Thần Khí, nước và máu và cả ba đều qui về một điều” (1 Ga. 5:8). Cả ba là hiệp nhất vì đều tiến hành từ cốt tủy của con người Đức Giêsu, từ quả tim ngài, nơi ấy tuôn trào những dòng suối tình yêu, ân sủng, cứu độ và chữa trị: nước, máu, hơi thở - phép rửa tội, phép Thánh Thể và Thánh Linh.

Và bên trên biểu hiệu thánh giá mà có thân mình đang treo trên đó, là một đèn thờ mới với giếng không bao giờ cạn (Ga. 2:21, Đer. 13:1), câu viết vịnh quang ấy, từ ý đồ mĩa mai dữ dội của loài người, nay đã trở thành ý nghĩa cứu chữa của Thiên Chúa: Giêsu, người xứ Nagiarét, vua dân Do Thái.

“Đích thật đây là Con Thiên Chúa”, viên bách quân nói thế.

Thi thể của những tội nhân bị hành quyết bị gạt qua một bên, vất dẫu đó trong một cái hố, không nghi lễ chôn cất hoặc đám ma. Nhờ sự can thiệp đầy can đảm của Giuse, một nghị viên ngay lành quê ở Arimathia, Philatô chấp thuận cho lấy xác của Đức Giêsu. Xác được chôn trong một ngôi mộ mới khoét trong đá.

### *Thứ Sáu Tuần Thánh*

Từ thuở xưa đã có phong tục tưởng niệm ngày Đức Giêsu tử nạn mà không cử hành đầy đủ Phép Thánh Thể. Việc ấy dành cho đêm canh thức Phục Sinh, khi tung hô thành tựu toàn diện của Đức Giêsu.

Tự tên của ngày này, Thứ Sáu Tuần Thánh đã là tiếng vọng cho những cảm xúc chi phối nghi thức phụng vụ.

Dù xúc động thương tiếc sâu xa vẫn vọng lên nỗi hân hoan khi nghĩ tới mọi sự Đức Giêsu đã hoàn tất. Cấu trúc của nghi thức này giống một Lễ Misa. Bắt đầu bằng phụng vụ lời Chúa và cầu nguyện. Kết thúc với rước lễ. Nhưng ở giữa, nghi thức “tôn vinh thánh giá” thay cho phần hi tế Phép Thánh Thể.

Phụng vụ bắt đầu với chủ tế, phó tế và phụ phó tế phủ phục im lặng trước bàn thờ. Liền sau đó, đọc hai trích đoạn từ Cựu Ước, sách Hôsê 6:1-2 bày tỏ lòng tin cậy vào quyền năng Thiên Chúa hoàn trả lại đời sống, và những điều kiện để có tặng phẩm ấy - những điều kiện đó được hoàn thành bởi Đức Giêsu; rồi đến sách Xuất Hành 12:1-11 nói về chiên vượt qua và máu cứu độ. Đoạn chúng ta nghe đọc Tân Ước, sách của Gioan nói về Cuộc Khổ Nạn là bằng chứng nhất cho vinh quang của Đức Giêsu.

Kế đến là một chuỗi những lời cầu nguyện nhân danh nhân loại. Lời nguyện cầu mộc mạc và nồng nàn, có lẽ bắt nguồn từ thời bị bách hại dưới triều các hoàng đế La Mã.

Tiếp theo là phần thờ lạy thánh giá. Tám vải tím phủ thánh giá được gỡ dần theo ba giai đoạn. Mỗi giai đoạn kèm theo một câu ca xướng, “Đây là gỗ Thánh giá, nơi treo Đấng Cứu Độ thế gian”. Câu xướng này mỗi lần một hát cao giọng hơn. Giáo đoàn hát câu ca đáp: “Venite Adoremus”, “Chúng ta hãy đến thờ lạy”. Khi đến lượt hôn thánh giá, có thể là một thánh giá rất đẹp và trang hoàng có tính cách lễ hội, chúng ta thờ lạy Chúa trong những thương khó ngài đã chịu và vinh quang ngài đã đạt.

Trong lúc hôn thánh giá, các câu ca vãn “improperia”, “dân ta hỡi”, được ngâm lên với giọng ngâm đầy cảm xúc cá nhân cách riêng cho nghi lễ này, không phù hợp

với các nghi lễ phụng vụ khác của Giáo Hội La Mã. Cuối cùng, sau khi đọc Kinh Lạy Cha, là tới Rước Lễ mà qua đó, chúng ta thông phần với Chúa.

Trong ngày này, có thêm một cách tưởng niệm Đức Giêsu là đi theo con đường thánh giá ngài đã đi, “Đi Đàng Thánh Giá”. Ngược với nghi thức phụng vụ cộng đoàn, các chặng đường thánh giá có thể được “đi” như một cử chỉ sùng bái riêng tư. Đi Đàng Thánh Giá là một cách thức cầu nguyện rất con người và rất phù hợp tinh thần phúc âm, vì chúng ta đi theo từng bước khổ nạn của Chúa là một trong những cao điểm của phúc âm. Tự các Chặng Đường Thánh Giá không có tính cách tổng hợp khổ nạn như phụng vụ và phúc âm là hai nơi mà vinh quang của Đức Kitô tỏa sáng rõ ràng hơn. 135

Các Kitô hữu Cải Cách tưởng niệm cuộc tử nạn của Đức Giêsu rất đặc biệt trong ngày này bằng cách cử hành Bữa Tiệc của Chúa.

Mọi Kitô hữu đều giữ ngày Thứ Sáu Tuần Thánh bằng hồi tưởng và tạ ơn lớn lao nhất có thể được.

## XUỐNG CÔI CHẾT

### *Các Thánh Vịnh nói về Sự Sống*

111-113  
532

**T**hánh Vịnh không chỉ báo trước các thương khó của Đức Giêsu, mà còn ca tụng sự giải thoát và vinh quang của ngài. Và quả thật, các điều ấy cũng có trong các thánh vịnh — Trên thánh giá, Đức Giêsu thốt lên lời mở đầu Thánh vịnh 22. Thánh vịnh 16, 69, 118 và nhiều bài khác. “Không, tôi sẽ không chết, tôi sẽ sống, và tôi sẽ kể lại những kỳ công Giavê làm” (Tv. 118:17).



Khi suy gẫm sâu xa về các bài ấy, chúng ta có thể thấy là chúng nói đến việc giải thoát ngay tại ngưỡng cửa sự chết - qua những đau ốm lâm nguy tính mạng hoặc các nguy hiểm chết người. Những thoát hiểm đó trên thực tế chỉ tạm thời. Cuối cùng Thiên Chúa vẫn để cho cái chết đến. Tuy nhiên, có sự trong sáng trong những lời mà qua đó thấy trước rõ ràng một sự sống lại trọn vẹn.

35 Thiên Chúa hơn hẳn con người, không như một bác sĩ chỉ ngăn đỡ được cái chết trong một khoảng thời gian nào đó. Ngài là đấng ban phát sự sống, và lời tuyên bố ấy vô giới hạn. Nhưng bởi Cựu Ước không có cái nhìn rõ ràng về sự bất tử của con người nên không đưa ra được một diễn tả tương xứng cho sự toàn mãn của sự sống. Các thánh vịnh có linh cảm nhưng không nói lên được hết. Chúng ở lại lửng lơ trên con đường tiến về cùng đích, nhưng chủ định sâu xa nhất của chúng được phản ánh không biết bao nhiêu lần trong các phát biểu ấy.

117-119

Điều ấy chỉ trở nên hoàn toàn minh bạch với sự xuất hiện của một mạc khải nguyên vẹn. Đức Giêsu thực hiện các thánh vịnh ấy bằng cũng một cách thức ngài thực hiện các lời tiên tri về Nước Trời: qua việc làm cho ý nghĩa sâu xa nhất của điều đã viết thành hiện thực. Giải thoát ngay tại ngưỡng cửa sự chết nay thành giải thoát bên kia ngưỡng cửa sự chết. Do đó, các thánh vịnh được hoàn thành trong Đức Kitô.

770

### *Đất của kẻ chết*

Đức Giêsu đã đi qua cổng tối tăm nơi không ai từ chỗ ấy trở về. Ngài đã chết thật sự. Đó là mầu nhiệm của Đức Kitô được cử hành ngày Thứ Bảy Tuần Thánh. Chúng

ta tuyên xưng điều ấy trong *Kinh Tin Kính của Các Tông Đồ* bằng câu, “người đã xuống côi chết”. (Tại Việt Nam, bản *Kinh Tin Kính* Cựu có “...chết và táng xác, xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại...” Bản hiện hành chỉ có “...chịu khổ hình và mai táng đời *Phongxiô Philatô*, ngày thứ ba Người sống lại như lời *Thánh Kinh*, Người lên trời...”, ghi thêm của người dịch).

Đó là một khẳng định mà hiện thời chúng ta có khuynh hướng không để ý tới. Đó là một tín lý vẫn còn rất khó hiểu. Chúng ta cần biết tại sao như thế. Ngôn ngữ mà chúng ta đang sử dụng phản ánh bức tranh về một cảnh giới không phải của chúng ta. Đối với dân Do thái, cũng như đối với người ngoại đạo Hy Lạp, chết có nghĩa biến mất trong “Âm ti”, “Địa ngục”, “thế giới bên kia”, “vương quốc của kẻ chết”. Những điều ấy được hiểu trong ý nghĩa của từ ngữ “côi chết” dùng ở đây. Đó không là nơi của kẻ dữ, mà là vương quốc của kẻ chết, nơi mọi người thiện ác đều bị cầm giữ. Người chết được nghĩ như những kẻ mờ mờ ảo ảo bị giữ lại tại chốn nào đó mà mọi sự đều khác thế gian này - vì người chết là “kẻ chết”.

Trong tâm trí các tín hữu thời nay, trạng thái chết không quá liên kết tuyệt đối tới một chốn nào được định sẵn. Thông thường, chúng ta cố gắng không hình dung chốn ấy. Người chết có ở đó - nhưng chốn nào?

Như thế lối diễn tả “xuống côi chết” rõ ràng bao gồm các yếu tố không còn thuộc thành phần thế giới tư tưởng của chúng ta. Nhưng vẫn còn tồn tại chân lý của đức tin nằm sau các ý niệm ấy. Chúng ta phải cố gắng diễn đạt nó bằng hình ảnh hiện nay. Và rồi có hai sự thật được ghi nhận. Cái thứ nhất liên kết gần gũi hơn với Thứ Sáu Tuần

Thánh. Cái kia thì có phần nào trong bầu khí của lễ Phục Sinh.

Sự thật thứ nhất là Đức Giêsu đã thật sự chết. Bằng câu nói ngài đã “xuống cõi chết” (“xuống ngục tổ tông”), Kitô hữu khẳng định ngài đã thật sự chết. Điều này làm giảm giá cái chết, cái bị cắt rời khỏi sự sống, hoặc ngưng không còn thuộc về thế giới đang tiếp diễn theo cách thức của chúng ta này.

Vì Đức Giêsu đã đi qua cái chết, chúng ta được có niềm an ủi là chúng ta không thể rơi xuống quá sâu và quá tối tăm trong vực thẳm của sự chết. vì Đức Giêsu, đáng đã ở đó, cho thấy rằng qua nó mà tìm thấy sự sống đời đời. Trong Cựu Ước, người ta nghĩ là Thiên Chúa không còn lo lắng cho những người bị cầm giữ trong Âm ti (Sheol). Ngày nay, được mạc khải rằng Thiên Chúa ở cùng chúng ta cả trong sự chết.

Đó là ý nghĩa đầu tiên của “xuống cõi chết”, mẫu nhiệm đức tin của Thứ Bảy Tuần Thánh. Nhưng cần cần nhắc về một khía cạnh khác. Đức Giêsu đã “tập trung các cha ông”, nghĩa là ngài đã gia nhập vào tập thể những kẻ đã chết. Và như thế, Giáo Hội đã bắt đầu suy nghĩ về hàng triệu người đã chết trước Đức Kitô, và đối với những kẻ mà Thiên Chúa cũng lo lắng ấy. Đức Giêsu được nghĩ là đã tuyên bố sự cứu độ, ngay sau khi ngài chết, cho tập thể những kẻ đã chết ấy. “Ngài đi rao giảng cho các thần linh trong ngục, cho những người bất phục xưa kia... vào những ngày tàu Noe đang đóng” (1 Pr. 3:20).

Phán xét và cứu độ là cho toàn thể nhân loại. Kẻ chết, kẻ “đà chờ đợi”, nhận sự cứu độ của họ. Vào thời

xa xưa, người ta nghĩ là họ chờ đợi ở thế giới bên kia. Sau đó, người ta cho rằng họ chờ đợi ở lâm hồn, “lâm hồn của các Tổ tông”. Ngày nay, chúng ta nói tổng quát là họ đã chờ đợi, nhưng chúng ta không biết nơi nào và như thế nào. Kinh Thánh nói sơ sài việc ấy.

Điều hôm nay chúng ta có biết là nhân loại vốn có từ rất lâu đời, và từ nguyên thủy, đã có vô số người đã sống và đã chết. Vì thế chân lý này của đức tin dẫn chúng ta đến những chiều kích cao rộng hơn so với của các Kitô hữu trước đây. Hơn nữa, có lẽ chưa bao giờ việc sống lại được miêu tả quá đối tuyệt vời sinh động như những tranh tượng của Byzantium và Nga: Họ diễn tả Chúa nghiêng mình về phía một ông lão, tay phải ngài nắm và nâng ông ấy lên. Ông lão là Adam, nghĩa là nhân loại. So sánh với cả các lối suy nghĩ thời nay, cử chỉ ấy vẫn diễn tả đầy đủ mẫu nhiệm của Thứ Bảy Tuần Thánh.

## SỐNG LẠI VÀ Ở CÙNG BẠN

**Đ**iều mà lịch sử có tính khoa học có thể nói về việc Đức Giêsu sống lại là: các môn đệ đã làm chứng việc ấy. Không có con mắt loài người nào chứng kiến ngay lúc sống lại. Việc sống lại vượt ngoài phạm vi quan sát có sử tính. Những lần hiện ra của Đức Giêsu sau khi chết giới hạn trong phạm vi tiếp xúc với bằng hữu và môn đệ. Vì thế các trình thuật không thể đưa chúng ta vượt ra ngoài các nhân chứng đó. Người ta có thể cân nhắc xem sự làm chứng của họ có đáng tin không. Các Kitô hữu cũng nên cân nhắc như thế. Họ không thể “tin

316-318 một cách vô lối” (x. 1 Cr. 15:2). Bước sau cùng đòi hỏi các tín hữu là đức tin.

Không có chứng tá nào hơn là tính cách nhất quán của Tân Ước. Qua các văn bản xưa nhất cho đến sau cùng nhất, cũng chỉ một điểm tốt đỉnh là: Thiên Chúa “đã làm cho Con Người sống lại từ cõi chết” (1 Tx. 1:10), các Tông đồ “đã thấy Chúa” (Ga. 20:25).

### *Hòn đá tảng của đức tin*

Việc Đức Giêsu sống lại từ cõi chết không là ý kiến của một ít người, gia tăng dần nhờ sang tay rồi trở thành ý kiến của mọi người. Ngay ban đầu, xác tín này là tâm điểm và đá nền cho toàn bộ rao giảng: “VẬY dù tôi hay là họ [các Tông đồ khác], chúng tôi rao giảng như thế mà anh em đã tin” (1 Cr. 15:11).

Với việc sống lại mà đức tin đứng vững hoặc sụp đổ: “Mà nếu Đức Kitô đã không sống lại, vậy thì lời rao giảng của chúng tôi thật sự hư không, và hư không nữa việc các anh em tin... Việc anh em tin cũng hảo huyền! Và hiện anh em vẫn còn ở trong tội lỗi của anh em” (1 Cr. 15:14,17).

Phaolô tiếp tục nói, nếu không có việc sống lại của Chúa, chúng tôi, các Tông đồ, là những tên nói dối và anh em bị lường gạt một cách khốn nạn nhất, vì “Nếu ta đặt mối hy vọng vào Đức Kitô vền vẹn cho tới lúc sinh thời này thôi, thì quả ta là những kẻ khốn nạn nhất trong cả thiên hạ” (1 Cr. 15:19). Thà hợp đoàn với những kẻ có âm vang sầu muộn trong cơn truy hoan của họ, còn hơn đặt con tim mình vào một Đức Kitô tưởng tượng, “Ta ăn, ta uống! Vì ngày mai ta phải chết” (1 Cr. 15:32).

Các nhân chứng đầu tiên đều đồng quan điểm với Phaolô. Rõ ràng họ không là những người lòng trĩu nặng sợ hãi và tưởng tượng, cơ mình trong ảo giác vì thiếu năng lực đương đầu với thực tế gian truân của cuộc sống. Họ khẳng định chỉ một điều, hoàn toàn giản dị: “Nhưng kỳ thực Đức Kitô đã sống lại từ cõi chết” (1 Cr. 15:20). 281-295

Văn bản làm chứng xưa nhất về việc sống lại cũng như về Phép Thánh Thể là của Phaolô. Trong đó, ngài cũng bắt đầu bằng khẳng định, nhấn mạnh đặc biệt là ngài cũng nhận được chứng cứ qua truyền thống. Vì thế ngài viết để phản ánh một khẳng định đã có từ lâu về trước. Ở đây, chúng ta đụng đến vĩa đất xưa nhất là nền tảng của Tân Ước:

“Vì tiên vàn mọi sự tôi đã truyền lại cho anh em chính điều tôi đã chịu lấy:

là Đức Kitô đã chết vì tội lỗi ta, theo lời Kinh Thánh,

là Ngài đã bị chôn cất,

là Ngài đã sống lại, ngày thứ ba, theo lời Kinh Thánh,

là Ngài đã hiện ra cho Kêpha,

đoạn cho nhóm Mười Hai. Rồi Ngài hiện ra cho

hơn năm trăm anh em một lần, trong đó phần đông

đến nay vẫn còn sống, nhưng cũng có những người

đã yên nghỉ. Rồi cuối cùng Ngài đã hiện ra cho

Giacôbê; đoạn cho các Tông đồ hết thảy. Cuối

hết Ngài đã hiện ra cho cả tôi nữa, là kẻ không

khác một đứa con ranh”

(1 Cr 15:3-8).

Thông điệp này, lời tuyên bố này, “kèrygma” hoàn toàn dựa vào những điều đã biết về cuộc rao giảng đầu tiên của các Tông đồ qua sách Công Vụ Các Tông Đồ. 352

Qua tường thuật của Phaolô, chúng ta có thể luận ra rằng Đức Giêsu có thể hiện ra đầu tiên cho Phêrô. Việc hiện ra đầu tiên này cũng được đề cập thoáng qua trong Lc. 24:34. Và không được kể lại cách chi tiết trong bất cứ sách phúc âm nào.

### *Buổi sáng Chúa Nhật đầu tiên*

Các sách phúc âm bắt đầu với câu chuyện rất giản dị và khiêm tốn của các phụ nữ tại mộ vào sáng Chúa Nhật. Một trong các chữ quan trọng để hiểu hoàn toàn câu chuyện này là sự đề cập đến “màu trắng”. Họ thấy “một thanh niên” (Mc.), “một thiên thần” (Mt.), tại mộ. Người ấy mặc đồ trắng. Trắng là màu của sự thánh thiện của Thiên Chúa, của thời chung cuộc, lúc Thiên Chúa ngự trị - màu của “Ngày Giavê”.

83-115

Lúc này là ngay sau ngày Sabát, thời điểm đầu tiên trong lịch sử thế gian mà mặt trời mọc vào sáng Chúa Nhật. “Ngày của Chúa” (Kh. 1:10), một ít phụ nữ được người mặc áo choàng trắng nghênh đón vào những ngày tận thế. Phản ứng của họ thật kinh hoàng.

Trong Máccô, cảnh toàn hiện trường tràn ngập cảm giác kinh hãi được diễn tả tới chữ cuối; trong Matthêu, việc đề cập đến thiên thần có kèm theo việc thiên thần xuống, xảy ra có động đất lớn; trong Luca, các phụ nữ đó sấp mặt xuống đất. Đó là phản ứng của con người khi đối mặt với việc Thiên Chúa nhập vào thế gian này. Nhưng mọi điều trên chỉ là lớp vỏ bên ngoài của một thực tại chân chính, sự sắp xếp mà trong đó chiều lập loè điểm thật sự lóng lánh của câu chuyện, những lời

báo hiệu bình an và hoan lạc: “Ngài sống lại”. Cũng giống thông điệp phục sinh mà ta nhận thấy trong Phaolô: Chúa đang sống!

Tất cả bốn sách phúc âm đều viết về việc sống lại của Đức Giêsu theo thể thuật sự. Khi đối chiếu chúng với nhau, có thể thấy ngay là chúng để lộ nhiều dị thù hơn, nếu giả dụ so với các trình thuật về cuộc khổ nạn. Các tác giả khác nhau ấy tưởng trình về những lần hiện ra khác nhau, và cũng thường khác nhau về chi tiết địa điểm dù họ kể lại cùng một sự kiện.

Từ đó, qua nghiên cứu về Kinh Thánh có thể suy diễn rằng các trình thuật đang bàn đến này được ghi lại về sau theo hình thức rập khuôn, không giống các trình thuật về khổ nạn đã có từ trước. Như thế, trong khi thông điệp Phục Sinh có tính cách tâm điểm và cổ xưa nhất thì những trình thuật ấy không được đưa ra lúc rất sớm sửa theo một hình thức cố định. Có thể hiểu dễ dàng điều ấy. Khổ nạn là một biến cố riêng biệt, đơn độc trong khi các biến cố Phục Sinh thì quá nhiều. “Ngài đã cho họ [các Tông đồ] thấy mình sống với nhiều tang chứng rành rành” (Cv. 1:3). Cả Phaolô lẫn các tác giả phúc âm đều không dự tính ghi lại hết mọi biến cố. Họ chọn lựa theo ý mình, không vượt quá sự cần thiết để công bố phù hợp với từng thông điệp phục sinh. Trong các hoàn cảnh đó, không thể nhanh chóng lập ra được một khuôn mẫu cố định cho sự trình thuật việc sống lại, do đó có sự hình thành nhiều luồng trình thuật lưu truyền với các chi tiết chệch nhau.

Câu chuyện mộ trống cũng chịu ảnh hưởng như đã nói ở trên. Máccô và Luca đề cập đến ba phụ nữ ở mộ,



nhưng cái ba này không giống nhau. Matthêu nói hai, Gioan một - dù bà một này nói: "*Chúng tôi không biết...*" (Ga. 20:2). Máccô nói: "Họ chẳng nói với ai một lời", trong khi Matthêu thì có: "Họ chạy đi báo tin cho các môn đồ của Ngài". Trong Luca, sót lệnh cho các môn đệ đi Galilê.

Matthêu và Máccô nói một thiên thần xuất hiện. Luca và Gioan nói hai. Nhưng trong Gioan các thiên thần xuất hiện lúc thăm viếng lần thứ hai, và cả hai không nhấn gỏi gỏi. Trong Matthêu thiên thần ngồi trên tảng đá, trong khi theo ba sách phúc âm kia thì một hay hai thiên thần ở trong mộ.

Sau việc tìm thấy mộ trống, Matthêu thêm vào việc Chúa hiện ra cho các phụ nữ mà có thể là xảy ra vào một dịp khác.

Khá rõ ràng là cả bốn bản tường trình thật sự không phối hợp chặt chẽ với nhau. Tuy thế, chúng đồng nhất trên các điểm chính: mộ trống, thiên thần xuất hiện, và trên hết là tâm điểm của thông điệp: Chúa đang sống. Có lẽ những khác biệt đó phản ánh sự hoảng loạn chất ngất hân hoan mà buổi sáng ấy mang lại, khi sự sống được loan báo tại nơi nghĩ là đã chết. Những điểm dị thù này minh chứng sự quả quyết và chân thật của Giáo Hội sơ khai đã không những không âm thầm giải quyết việc thiếu nhất quán ấy mà còn đủ tự tin để chúng tồn tại. Bất chấp những dị thù ấy, điểm tinh thể được giữ lại là sự duy nhất và tiên quyết của thông điệp phục sinh. Đó là điểm mà các trình thuật ấy quan tâm - vì thực tế, như chúng ta đã thấy, trọn cuộc đời Đức Giêsu được phúc âm viết ra dưới hình thức các thông điệp.

*Những lần hiện ra*

Trong khi ấy, chúng ta đề cập cách khó khăn đến những lần hiện ra của Đức Giêsu. Ngài không hiện ra trong mộ trống.

Ngài hiện ra như thế nào? Như một ngọn lửa đang cháy? Với các tiếng la hét khải hoàn? 129-131

Lúc này, bắt đầu nổi hân hoan mà không mang hình thức phô trương nào. Thiên Chúa muốn biểu thị nổi hân hoan trong những cách giản dị, con người và gần như mộc mạc, chứ không bằng những chiều kích quá lớn.

Maria Madalena nghĩ ngài là người làm vườn. Nhưng để biểu lộ mình, ngài chỉ cần nói “Maria”. Ngài dịu dàng nói lời chào buổi sáng với các bà - “Chào”. Ngài đi bộ với hai môn đệ. Giữa các môn đệ mình tại Giêrusalem, ngài thổi hơi trên họ, ăn chung cá và mật với họ, và nói “bình an cho các ngươi”. Ngài hiện mình ra trên núi Galilê, tiến đến và trò chuyện với họ. Ngài ăn sáng với Phêrô và vài môn đệ khác tại bờ hồ. Ngài còn hiện ra với Phaolô, trong trường hợp này thì bằng ánh sáng rạng loé lên, nhưng vẫn giọng nói của con người, “Ta là Giêsu, kẻ ngươi đang bắt bớ”.

Ngài hiện ra như một người bạn đưa lời ủi an. Tất cả những ai ngài gặp đều là người lòng đang tan nát.

Trong các lần ngài hiện ra, chúng ta có thể thấy rất rõ ràng sự tương phản hoàn toàn giữa điều Thiên Chúa làm và điều con người làm. Đại diện cho con người là các ông đồ, các phụ nữ, những nhân chứng thay thế chúng ta. Họ đều hoảng loạn, không nơi nương tựa, mang nhau

đi trốn. Họ mất hết tin tưởng và không biết xoay xở cách nào. Niềm hy vọng của họ đã như nước hắt đổ xuống đất.

Điều này có nghĩa chúng ta nên lật ngược mọi trình thuật Phục Sinh nếu chúng được tóm tắt bằng những lời của Faust: “Những người này đang cử hành việc sống lại của Chúa vì chính họ sống lại từ cõi chết”. Không, họ không phải những người đã sống lại lần nữa. Điều họ nếm trải - trước tiên trong sợ hãi và run rẩy, và rồi trong hân hoan và tương bưng hỗn hởi - là thế này: vào ngày lễ Phục Sinh họ bị đánh dấu bởi cái chết, trong khi chính ngài, kẻ bị đóng đinh, kẻ bị mai táng lại là kẻ sống.  
(G. Bornkamm)

Do đó, không thể cho rằng việc sống lại có thể được giải thích bằng thái độ bên trong của các Tông đồ. Không thể bảo là họ chuyển cách tự phát những kỳ vọng thành những ảo giác. Để tới kết luận này, thật ra chúng ta phải đảo ngược các trình thuật về Phục Sinh. Các bài phúc âm cho thấy rõ ràng là các Tông đồ không còn chút hy vọng nào cả. Những ngụ ý mà Đức Giêsu đã đưa ra về việc sống lại của ngài lúc ấy họ vẫn chưa nắm bắt được. Cả lúc ngài thực hiện chúng và cả ngay sau lúc ngài chết. Chúng ta đọc thấy trong Luca phản ứng của họ sau khi nghe một trong các lời báo trước của ngài: “Nhưng họ không hiểu chút gì về các sự ấy, điều đó bị bưng kín lại đối với họ, và họ chẳng hiểu gì cả các điều nói đó” (Lc. 18:34).

Có những ý kiến khác còn lạ thường hơn đặt ra để giải thích việc sống lại của Đức Giêsu là chuyện bịa đặt

của con người. Xét về phần các Tông đồ hay các môn đệ thì sự giả mạo cố ý nếu có, không phù hợp với cá tính của họ như được mô tả trong phúc âm. Nếu có sự nguy tạo do những người đánh cắp thi hài bày đặt ra để lừa dối các Tông đồ thì mâu thuẫn với bản chất của các biến cố được kể lại. Trong bất cứ trường hợp nào, chính điều thuyết phục được các môn đồ là những lần Chúa hiện ra chứ không phải là mộ trống.

Một lý thuyết khác được nêu ra, là để gây ảnh hưởng nên chúng ta tạo ra ở đây một huyền thoại gốc, tập trung vào sự đến của đời sống mới. Có thể loại trừ lý thuyết này mà không cần khảo sát thêm vì nó hoàn toàn phi kinh thánh. 151-154

Sau cùng, ý kiến cho rằng Đức Giêsu không thật sự chết thì mâu thuẫn ngay với các trình thuật về khổ nạn lẫn cách Đức Giêsu xuất hiện lần nữa giữa các môn đệ của ngài. Cách sống của ngài lúc này đã khác. Có thể ngài không giống trạng thái trước đây trong cuộc sống trần tục của ngài. Thấy ngài, và rồi thoát không thấy ngài. Cửa đóng cũng không ngăn được ngài vào.

Bắt đầu thay đổi lịch sử nhân loại không phải là công việc của con người mà là công trình của Thiên Chúa. Mái đầu gục xuống của Đức Giêsu được nâng lên vĩnh viễn. Nước Thiên Chúa mở ra cho người bắt đầu lại.

### *Hiện ra hữu hình và có mặt vô hình*

Trong các trình thuật về các lần hiện ra của Chúa, có một hiện tượng lạ lùng được ghi nhận. Đầu tiên là các môn đệ không nhận ra ngài. Dù họ khám phá ra đó là

ngài. Sự kiện này có ý nghĩa sâu xa. Trước tiên nó thêm một bằng chứng tự nhiên nữa rằng quang cảnh mà Chúa sống lại đến với họ là một thực tại và không do bởi những tưởng tượng của họ tạo ra. Phải mất một lúc nào đó họ mới nhận ra ngài. Nó còn diễn tả một điều sâu xa hơn thuộc về thành phần bản thân của Đức Giêsu - tính chất mới mẻ của con người ngài. Ngài đơn giản không còn là cái mà ngài là trước đây. Những lần hiện ra không có nghĩa ngài tiếp tục sứ mệnh trần thế thêm vài tuần nữa, mà là ngài dạy dỗ các môn đệ và Giáo Hội về một hình thức có mặt mới của ngài. Những lần xuất hiện ấy làm thành một giai đoạn chuyển tiếp. Việc ngài thành linh xuất hiện giữa các môn đệ không phải để chứng tỏ “ngài có thể đi qua cửa đang đóng”. Mà là để chứng tỏ rằng ngài luôn luôn có mặt, cả khi không thấy ngài. Chúa sống lại là một sinh phẩm mới (new creation) ở giữa chúng ta. Các lần hiện ra là những chỉ dẫn tuyệt đối về *sự có mặt thường trực* của ngài.

Gặp Maria trong vườn, các môn đệ ở phòng thượng, trên núi hoặc bên hồ, ngài để lộ mình ra bằng *lời của ngài*. Điều này thấy rõ trong câu chuyện hai môn đệ đi Emmau. Đích thân ngài đồng hành với họ mà họ không nhận ra ngài. Nhưng đến lúc “lòng chúng ta lại không cháy bừng bừng lúc dọc đường Ngài ngỏ lời với ta, và giải nghĩa Kinh Thánh cho ta đó sao?” (Lc. 24:32). Họ giáp mặt ngài trong lời nói.

Có một cách khác để nhận ra ngài là một cử chỉ nhất định của ngài khi “bẻ bánh”. Ta không biết có quan trọng hay không việc lúc ấy Đức Giêsu cử hành *Phép Thánh Thể* với hai môn đệ. Dù sao đi nữa, cử chỉ ấy ngụ ý đến

*Phép Thánh Thể*, trong đó và từ đó trở đi, ngài làm cho nhận biết ngài. Mật và cá mà Đức Giêsu ăn cũng là ngụ ý đến *Phép Thánh Thể*. Trong các thời kỳ sơ khai, đôi khi mật và cá được ăn cùng với Mình Thánh Chúa. Do đó, trong các lần hiện ra hữu hình, ngài dạy dỗ các môn đệ về sự có mặt vô hình của ngài.

Cũng thế, ngài thổi hơi trên họ và ban cho họ *Đức Thánh Thần* mà kể từ lúc đó trở đi, qua Thánh Linh họ sẽ gặp mặt ngài. Thêm nữa, *vai trò chặn dất* của Phêrô và quyền năng tha tội của vị Tổng đồ ấy còn được nói tới trong các lần hiện ra. Tất cả hợp thành một sự có mặt hằng cửu của Đức Giêsu.

### *Giao tiếp qua đức tin*

202-206  
483-485

Sự có mặt này được nhận biết bằng *đức tin*. Các lần hiện ra cũng làm thấy rõ điều ấy. Chúng ta quan sát thấy rằng các môn đệ trên đường đi Emmaus chỉ bắt đầu nhận ra ngài khi họ mở lòng họ bằng đức tin. Không phải mất xác phàm nhưng là mất đức tin dẫn đến sự nhận biết chân chính.

Chúng ta đọc rõ ràng trong phúc âm Gioan là Tôma nhận ra Đức Giêsu trong lúc vẫn còn “mất đức tin”. Nhưng ta hãy khảo sát việc này cận kề hơn. Tôma không là kẻ từ chối hiến mình cho Đức Kitô, mà ngài là người đã nói trong cùng sách phúc âm đó, “Cả chúng ta nữa, hãy đi qua để chết với Ngài” (Ga. 11:16). Và câu chuyện lần hiện ra đó kết thúc với lời nói, “Phúc cho những ai không thấy mà tin” (Ga. 20:29). Đó là trọng điểm thật sự. Tất cả những ai hiến thân cho Đức Kitô có thể biết rằng Chúa ở cùng mình, dù lúc mình không thấy ngài. Thật ra, điều

mà Tôma tuyên xưng không là điều ngài thấy với con mắt người đời mà là điều ngài mang theo mình về nhà với ánh sáng đức tin. Điều Tôma nói ra còn hơn điều mắt ngài có thể thấy. “Lạy Chúa tôi và Thiên Chúa tôi”.

Những ai không chuẩn bị đức tin thì không nhận ra Đức Giêsu qua những lần ngài hiện ra. Đã có ngụ ý tới sự thật đó khi nói về các anh em của người giàu tham ăn trong một dụ ngôn, “Nếu chúng không nghe Môsê và các tiên tri, thì cho dầu có ai sống lại từ cõi chết, chúng cũng chẳng ngã lệ đâu!” (Lc. 16:31). Đây cũng là lời giải đáp cho vấn nạn tại sao Đức Giêsu không hiện ra cho những người Biệt phái và cho toàn thể dân chúng. Ngài sẽ không được nhận ra. (Và ngay chính ta, bằng chứng cung cấp của tất cả những người thấy ngài hiện ra cũng chưa chắc thuyết phục được. Nó sẽ bị ý kiến của đám đông bác bỏ).

Thật đáng khích lệ để nhớ rằng đức tin còn đòi hỏi từ cả những người chính mắt thấy. Dù họ không như chúng ta là những người nhận được dấu lạ của tiên tri Giôna chủ yếu trong lời rao giảng (Lc. 11:30) và sự sống lại của ngài (Mt. 12:40) bằng rao giảng. Chỉ với con mắt lạnh lùng thôi thì không tương xứng để lãnh hội cách trung thực thực tại của sự sống lại của Đức Giêsu, tức là cuộc sáng thế mới. Ở đây cần có tính cách tổng hợp hơn nữa, là toàn bộ con người.

Có thể đặt ra đây thêm một vấn nạn nữa. Tại sao Chúa không ở với Giáo Hội bằng hình thức trông thấy được? Chúng ta sẽ nêu vấn nạn này khi nói về mầu nhiệm thăng thiên mà sẽ vạch cho thấy tính cách toàn bộ và mật thiết của sự có mặt bằng Thánh Linh của ngài. (Ý nghĩa sự

sống lại của Đức Giêsu cho sự sống lại của chúng ta sẽ được giải thích trong chương nói về trời mới và đất mới). 770-781

## CỬ HÀNH LỄ PHỤC SINH

### *Mô tả bằng hình tượng việc sống lại*

Nghệ thuật Kitô giáo thích diễn tả khoảng thời gian tiếp sau lúc sống lại vinh quang của Đức Giêsu: các phụ nữ tại mộ trống, Maria Madalena trong vườn, các môn đệ trên đường đi Emmau, Đức Giêsu và nhóm “Mười Hai”, Đức Giêsu và Tôma. Chỉ mãi tới cuối thời Trung Cổ, các nghệ sĩ mới diễn tả hoạt cảnh Đức Giêsu rời mộ vốn không được diễn tả trong phúc âm. Có thể người ta cảm thấy hạnh phúc hơn khi tự giới hạn mình trong những mô tả các lần Đức Giêsu hiện ra gặp gỡ bằng hữu hơn là mô tả cuộc sống lại làm kinh hoàng những lính canh.

Có một cách riêng chỉ sự sống lại là mô tả Chúa trên thánh giá nhưng bằng cách thể hiện khuôn mặt biểu hiện Chúa sống lại cũng như khi bị đóng đinh. Vinh quang Phục Sinh đã tỏa sáng từ đôi Canvê.

Những ảnh tượng về Chúa sống lại với các vết thương thấy rõ, chỉ mặc áo choàng, ít thấy ở Bắc Châu Âu nhưng phổ biến hơn ở phương Nam. Chúng ta thường quen thuộc các ảnh tượng Chúa sống lại và trái tim ngài để lộ ra. Đề tài này có nguồn gốc từ trong Gioan 19:34 (cạnh sườn Chúa mở ra). 296

Trong các thời kỳ sơ khai, có bức tranh Người Mực Tử Trọn Lành, miêu tả đầu tiên về Đức Kitô trong Kitô



giáo, thể hiện một mục tử trẻ tuổi, không râu, tượng trưng cho con người hằng cửu của Đức Giêsu mà bởi đó con người được giải phóng khỏi sự chết.

Sau cùng, có biểu tượng của việc sống lại và của giản dị và đẹp đẽ cao cả, có từ thời Kitô giáo tiên khởi tồn tại đến nay. Làm từ hai mẫu tự đầu của chữ Kitô bằng văn tự Hy Lạp (XPICTOC), phủ bằng vòng hoa khải hoàn, trên đó có hai chim bồ câu đang mổ mồi (linh hồn của các Kitô hữu) và bên dưới có hai lính canh đang ngủ. Biểu tượng ấy có thể trưng ở chỗ danh dự trong gia đình Kitô hữu suốt mùa Phục Sinh. Vì nhiều gia đình có máng cô dịp lễ Giáng Sinh để diễn tả việc Chúa ra đời thì cũng hợp lý để có trong nhà một biểu hiệu cho việc Chúa phục sinh.

### *Những biểu hiệu của việc sống lại*

Nhưng những biểu hiệu quan trọng nhất của phục sinh không phải những thể hiện trong nghệ thuật, mà là những <sup>311</sup>  
<sup>472</sup> biểu hiệu do chính Đức Giêsu ban phát: lời ngài nói, phép rửa tội, sự tha tội, Phép Thánh Thể và ném trái Thánh Linh ngài giữa chúng ta - nỗi hân hoan Phục Sinh của chúng ta. Khi Giáo Hội hồi tưởng việc sống lại của Đức Giêsu thì cũng đồng thời thực hiện các biểu hiệu ấy.

Việc sống lại được tưởng niệm ban đêm. Đây là những giờ thiêng liêng nhất trong năm. Nếu có đêm nào mà tín hữu cần tỉnh thức, thì chắc chắn là đêm nay.

Bất đầu phụng vụ, giáo đường chìm trong bóng tối, nhắc nhở chúng ta là không có Đức Giêsu thì chúng ta bị chôn vùi trong bóng tối, thiếu hy vọng vào Thiên Chúa mà ngài mang tối. Bên ngoài thánh đường, một ngọn lửa

được nhóm lên, từ đó mỗi qua cây nến thật lớn, tiêu biểu cho Chúa mà sự sáng của người chiếu rọi vào bóng tối của chúng ta. Cây nến lớn, đúng hơn là một cột đèn cây làm bằng sáp ong mà tim đèn đã mỗi sáng đó được mang vào giáo đường. Lửa từ nến này mỗi qua các cây nến mà tín hữu đứng cầm. Toàn giáo đường trở thành một biển ánh sáng. Mỗi người cầm trên tay cái đã trở thành sự sáng thuần khiết bên trong, không phải do chính mình làm nên, mà là bởi Đức Giêsu.

Nến tiếp tục bùng sáng trong khi tiếng vĩ phó tế cất lên bài Nỗi Hân Hoan Vĩ Đại (*Exultet*), tiếng ca nguyện hân hoan kéo dài hòa hợp giữa lời và nhạc tưởng niệm sự sống lại của Chúa.

Tiếp theo là một khoảng thời gian tĩnh lặng. Mọi người ngồi xuống nghe đọc Sách Thánh, xen kẽ với các bài hát và lời cầu nguyện. Đây là cách canh thức chân thành. Vào thời xa xưa, thường trải qua suốt đêm theo cách ấy. Các bài đọc sách đều được trích từ Cựu Ước. Những lời công bố theo giao ước cũ đang được thực hiện, lúc này là cách thế để nhận biết Đức Giêsu như đã xảy ra cho các môn đệ trên đường đi Emmau. Bài đọc thứ nhất trong đêm sáng thế mới này là sách Sáng Thế 1:1-22, bài thơ sáng thế. Rồi đến sách Xuất Hành 14:24 - 15:1 cho thấy tính cách vĩ đại nhất của “công trình kỳ diệu của Thiên Chúa” trong Cựu Ước, cuộc hành trình xuyên Biển Đỏ, sự hủy diệt những người Ai Cập, việc kết thúc tình trạng nô lệ. Bài đọc thứ ba, Isaia 4:3-6; 5:1-2 tiên báo sự phục hồi Giêrusalem. Lời tiên báo này đang được thực hiện trong tâm linh chúng ta bởi nước trời của Đức Giêsu. Sau hết, đọc bài ca của Môsê, Đệ Nhị Luật (31:22

- 32:4) như một cổ vũ phải trung thành với những gì được ban phát cho chúng ta.

Các bài đọc trên sửa soạn cho phần tiếp theo: phép rửa tội. Từ thời xa xưa, phép rửa tội được ban cho trong đêm ánh sáng mới này. Đêm này còn là thời gian ưu tiên để nhận bí tích. Do đó, trong phần nghi thức kế tiếp, đầu tiên là làm phép nước và rồi nếu có người dự tòng hay 409 trẻ sơ sinh thì làm phép rửa tội. Sau đó, mọi người có mặt lặp lại lời tuyên xưng đức tin khi chịu phép rửa tội - là sự đáp ứng chân chính, và thêm tươi mới nữa, đối với sự sáng đang đến.

Nghi lễ rửa tội bắt đầu và kết thúc bằng kinh cầu các thánh do cộng đoàn đọc chung phần đầu và nửa phần hai. Cầu viện đến toàn thể những người đã được cứu độ.

Phần Phép Thánh Thể được cử hành tột điểm huy hoàng nhất có thể có. Trong phần phụng vụ lời Chúa, trích thư gửi tín hữu nói về việc chúng ta được sống lại với Chúa Kitô (Cl. 3:1-4) và bài trích sách phúc âm nói về mộ trống. Lời Alleluia lần đầu được hát lên (Halleluja, tiếng Do Thái nghĩa là “Tung hô Giavê”). Đọc ba lần theo cung bậc cao lên dần, âm điệu du dương ngân vang, diễn tả nỗi cực kỳ hân hoan, bình an và cảm giác giải thoát được mô tả như tiếng đập đầu tiên của đôi cánh chim bồ câu - là Chúa Thánh Thần.

Kế tiếp, bắt đầu thật sự Phép Thánh Thể. Chúa sống lại mời gọi chúng ta và chúng ta nhận ra ngài trong việc bẻ bánh. Đây là điểm tột đỉnh của đêm thánh.

Nghi thức trang trọng hân hoan nhất trong Giáo Hội này được chuyển dần qua sáng Chúa Nhật từ những năm 1000 sau C.N. Vì thế theo dòng thời gian mất đi phần nào

tính cách thiêng liêng cao cả. Mãi đến năm 1951, được phục hồi vị trí chính đáng của nó, đêm Phục Sinh. Tuy nhiên nên biết rằng ngay từ xưa, cộng đoàn không phải bao giờ cũng ở lại nhà thờ suốt đêm. Sau nghi thức rửa tội, có phong tục là về nhà riêng dùng tiệc.

Dự Thánh Lễ Chúa Nhật Phục Sinh dĩ nhiên là để tưởng niệm Phục Sinh. Nhưng ngày nay thánh lễ cao cả chính diễn ra ban đêm. Đây là đêm thánh hơn lễ Giáng Sinh, trong sự viên mãn tốt cùng vinh quang hơn lúc khởi thủy.

Khi tham gia canh thức Phục Sinh, chúng ta không nên mong được cảm thấy chung tâm trạng và cảm xúc giống lễ Giáng Sinh. Giáng Sinh, với một kho tàng tràn đầy các âm điệu du dương đầy cảm xúc, có vai trò riêng. Phục Sinh với những biểu tượng phong phú hơn và sâu sắc hơn, có vai trò đặc biệt riêng. Nếu thử đúc kết tâm tình trong đêm giáng sinh của Chúa, ta có thể nói là bình an và dịu dàng. Trái lại, ta nên gọi tâm tình của Phục sinh là bình an và hân hoan.

### *Nỗi hân hoan của lễ Phục Sinh*

Hân hoan là tâm trạng mà lễ Phục Sinh đòi hỏi - một thái độ đối với cuộc đời, thật khó mà đạt tới. Nếu mọi sự chung quanh ta đều thuận lợi và tươi thắm thì có thể khó tập trung vào tâm trạng thương khó trong ngày Thứ Sáu Tuần Thánh, nhưng chia sẻ nỗi hân hoan của lễ Phục Sinh mà bất chấp những lo âu và đau khổ mà ta đang chịu lúc đó thì lại càng khó khăn hơn. Nỗi hân hoan lễ Phục Sinh đòi hỏi chúng ta một lòng vị tha cao cả và đức tin vững

mạnh, mọi sự còn hơn thế nữa vì nỗi hân hoan này không phải sự sáng khoái, chẳng hạn, của một ngày hội linh đình, một tâm trạng gạt bỏ mọi sự khởi trí óc nhìn và nhìn mọi chuyện từ một vị trí tươi sáng hơn. Nỗi hân hoan của lễ Phục Sinh chân thực hơn. Nó nhìn thẳng mặt mọi thực tại, kể cả cái chết vì nó đặt nền tảng trên sự sống của Đức Giêsu, trên phía bên kia cái chết. “Tử thần ơi, nọc của người đầu?” (1 Cr. 15:55).

182 184

Nét nổi bật đặc biệt của nỗi hân hoan này là nó liên kết với sự tha thứ. Rửa tội, hoặc xưng tội, lần “rửa tội thứ hai”, đem ơn tha tội đến cho mọi người hiện diện. “Nếu ở bất cứ nơi nào trên thế gian này có nỗi hân hoan thì đó là nỗi hân hoan về ngài, đáng thuần khiết trong lòng” (*Giương Phước Đức Kitô*).

Nỗi hân hoan mà lễ Phục Sinh ban là tính cách thuần khiết nhất hiện hữu trong thế gian. Để diễn tả phần nào, Đức Giêsu so sánh nó với niềm vui của người mẹ vừa sinh con (Ga. 16:21-22). Nó là một trong những hoa trái của Đức Thánh Thần. Vì thế nó gắn liền với cử chỉ dịu dàng của Đức Giêsu khi ngài thổi hơi trên các môn đệ mình trong ngày Phục Sinh. Tựa phép rửa tội, nó biểu hiệu sự có mặt của ngài ở giữa chúng ta, bằng lời nói và bữa tiệc của ngài.

Giống mọi tặng phẩm của Thánh Linh, nỗi hân hoan này cũng mở ảnh hưởng ra toàn thế gian. Mặc khải không hạn chế tính cách tự nhiên mà là hoàn thành nó. Do đó, kinh nghiệm này có thể được thuần hóa bởi mọi ảnh hưởng lên tâm trạng của chúng ta, từ sự lành mạnh thể chất cho đến âm nhạc. Những tâm điểm của nỗi hân hoan là sự bình an mà nguồn cội của bình an chính là việc

Chúa sống lại: “Ta để lại bình an cho các người... không phải thế gian ban cho thế nào thì Ta cũng ban cho như vậy đâu!” (Ga. 14:27).

Một biểu hiệu phẩm chất thiêng liêng của sự bình an của chúng ta là tính cách không bị triệt tiêu của nó. Dù trong đau đớn, bối rối hay sợ hãi và ngay cả lúc chúng ta cảm thấy bị Thiên Chúa bỏ rơi, vẫn còn cái gì đó của bình an nằm trong sâu thẳm của con tim ta, một bảo đảm tại cốt lõi của nó. “Và nỗi vui mừng của các người không ai giật mất được” (Ga. 16:22). Rõ ràng là có những khoảnh khắc nào đó chúng ta gần như hoàn toàn không chịu đựng nổi và chúng ta khó còn có thể gọi nó là nỗi hân hoan. Nhưng ít nhất còn có thể gọi nó là bình an, ổn định: một bình an hoàn toàn cảm thấy được, ẩn sâu dưới những âu lo, một ổn định có thể sờ mó được, ẩn sâu dưới những nghi ngại.

Vì bình an là công việc của Thiên Chúa, nó chỉ có thể được cảm thấy trong giới hạn tặng phẩm của Thiên Chúa. Do đó, chúng ta không thể coi như nó có đó trong đêm lễ Phục Sinh. Vài tôi tớ vĩ đại của Thiên Chúa nếm trải sự hiu quạnh thẳm sâu trong ngày lễ hội vĩ đại, và nỗi hân hoan của họ bị chôn xa khuất dưới nghi ngại và sầu muộn. Nhưng những ngày lễ thiêng vĩ đại chủ yếu là những ngày vui hân hoan cho những ai chân thành hướng về Thiên Chúa.

Nhưng chúng ta không đến dự canh thức Phục Sinh (hoặc dự Thánh lễ nửa đêm Giáng Sinh) để nếm mùi hân hoan. Chúng ta đến gặp mặt Chúa, cho dầu xảy ra gì đi nữa. Chúa biết rõ việc ngài làm.

## *Chúa Nhật lễ Phục Sinh*

Chúa Nhật Phục Sinh là ngày ban cho chúng ta ngày Chúa Nhật. Chúa sống lại vào ngày sau ngày Sabát, và các Kitô hữu lấy ngày ấy làm ngày nghỉ hàng tuần. Kể từ đó, mỗi ngày Chúa Nhật là một ngày tưởng niệm sự sống lại ấy. Không cách nào tốt hơn để thánh hóa lễ Phục Sinh - là Chúa Nhật của mọi Chúa Nhật - là bằng một phụng vụ Phép Thánh Thể mới, một rước lễ mới, được cử hành với những bài đọc Sách Thánh mới (1 Cr. 5:7-8 và Mc. 16:1-7), các thánh ca và những lời cầu nguyện.

Việc chọn lựa các bài đọc mới trong Thánh lễ được tiếp tục suốt tuần lễ Phục Sinh. Thời trước, mỗi ngày thuộc tuần lễ này là một ngày “Chúa Nhật” thật sự. Những người tân tòng tiếp tục mặc chiếc áo trắng mà họ chỉ dành để cho Chúa Nhật sau lễ Phục Sinh. Hội lễ vĩ đại của lễ Phục Sinh kết thúc vào Chúa Nhật Hạ, được gọi thế để so với những ngày cao điểm trước đó.

Dù thế nổi hân hoan vẫn không dứt. Kéo dài ra và bao gồm cả tuần lễ Hiện Xuống, năm mươi ngày sau lễ Phục Sinh, tiếng Alleluia vang lên trong từng nghi lễ phụng vụ. Phúc âm Chúa Nhật đó nói về Đấng Mục Tử Trọn Lành và lời hứa của Đức Giêsu về sự có mặt của ngài qua Thánh Linh.

## BÊN HỮU CHÚA CHA

### *Sự sống lại là sự suy tôn Đức Giêsu*

Đức Giêsu ở đâu suốt bốn mươi ngày sau Phục Sinh, khi ngài hiện ra cho các môn đệ? Có phải ngài sống một

mình ở một nơi nào đó tại Palestin, và từ nơi ấy ngài thỉnh thoảng đến thăm các môn đệ? Không, ngài ở với Chúa Cha. Từ “nơi đó” mà ngài làm cho bản thân mình được thấy và được sờ mó.

Có phải Đức Giêsu lên trời ngay lúc sống lại. Chúng ta hãy ngẫm nghĩ về cuộc gặp gỡ với Maria Madalena vào sáng Phục Sinh. Đức Giêsu bảo là chờ níu lấy ngài. Mọi sự đã không còn như trước nữa. Đã qua rồi sự mất thiết bình thường của thế gian. Nơi ở của Đức Giêsu lúc này với Chúa Cha. Ngài nói về việc thăng thiên của mình: “Ta chưa lên cùng Cha Ta... Hãy đi gặp anh em Ta và nói với họ... Ta lên cùng Cha Ta, và cũng là Cha của các người; Thiên Chúa của Ta và cũng là Thiên Chúa của các người” (Ga. 20:17).

Những lời đó chứa chỗ cho những giải thích khác nhau, nhưng thông điệp chủ yếu thì sáng tỏ. Sống lại ngụ ý là sống với Chúa Cha. Qua nhiều bài khác trong Tân Ước chúng ta có thể luận ra rằng, bằng chính sự kiện sống lại, Chúa chúng ta ở bên hữu Chúa Cha.

Trước hết, Luca là người ghi câu chuyện diễn tả rõ ràng tình trạng ngài sống với Chúa Cha này. Trong trình thuật ấy, sau những lời giã từ và chúc phúc giã biệt, Chúa không thành linh biến mất như trong câu chuyện của các môn đệ trên đường đi Emmau. Ngài thăng lên trên cao. Trọn trình thuật phục sinh nhấn mạnh tới điểm “Ta ở cùng các người” của ngài. Nhưng câu chuyện sau cùng mới gọi chú ý tới điểm “Ta lên cùng Cha Ta”. Có điều ngài đã ở đó từ lúc sống lại của ngài - và dù lúc này ngài ở lại với chúng ta.



Trình thuật lên trời thì giản dị. Đó không phải chuyện phong thần huy hoàng (một kết thúc trọng đại) như trong huyền thoại tà giáo hoặc trong rạp hát, mà chỉ là một dấu chỉ bình thường về nơi Đức Giêsu sắp đến: với Chúa Cha. Ngài lên trời trong phút chốc, cho đến khi một đám mây che phủ ngài khuất mắt nhìn. Đám mây đó có nghĩa sự  
 141 hiện diện của Thiên Chúa (x. Lc. 9:34-35 và nhiều bài Cựu Ước). Đó còn ám chỉ “bầu trời” trên đó Con Người sẽ trở lại.

Ở đây, thông điệp phúc âm không phải là về Đức Giêsu sau khi được mây che phủ lên cao vượt khí quyển cho đến sau hết ngài tới Chúa Cha. Nhân loại được hiển vinh của Đức Kitô, cũng như chúng ta, không vượt qua được những khoảng cách đó. Và rồi, Chúa Cha hoặc trời thì không phải “ở trên”. Sở dĩ chọn khái niệm “ở trên” là vì bầu trời với ánh sáng, vẽ hào nhóang bên ngoài và bao la bát ngát của nó, là biểu tượng lộng lẫy cho nơi Thiên Chúa. Nhưng Chúa Cha, đáng mà Đức Giêsu đến cùng, không ràng buộc vào bất cứ chốn nào (Ga. 4:24).

Do đó, chúng ta cần gác qua một bên những mường tượng về không gian của mình. Điều mà chúng ta biết là Đức Giêsu như người ở cùng Chúa Cha. Ngài là một người và ngài có một thân mình, dù không phải là hình hài thế tục. Chúng ta không biết được bản tính của sự hiện hữu này, vốn khởi đầu cho một sáng thế mới. Chúng ta chưa hoàn toàn sống trong cuộc sáng thế mới ấy. Những tình trạng, phẩm chất mà cuộc sáng thế mới can dự vào vẫn còn là điều chúng ta chưa được biết (xem mục “Họ sắp  
 774 sống lại”). Do đó chúng ta nên thỏa mãn với những trình bày trong Kinh Thánh. “Ngồi bên hữu Chúa Cha”. Ngay

điều ấy cũng là một ẩn dụ. Chúa Cha không có “tay mặt”. Có điều thật khó cho con người loài người chúng ta hiểu vinh quang và tình yêu được ngụ ý trong lối diễn đạt này.

Tóm lại: Bởi tác dụng của việc sống lại, Đức Giêsu ở cùng Chúa Cha. Điều này được biểu lộ sống động trong lần xuất hiện sau cùng bằng cử chỉ tượng trưng lên trời. Còn về sự có mặt như một con người hiện nay của Đức Giêsu, chúng ta biết là ngài ở trong tình yêu của Chúa Cha.

### *Đỉnh cao nhất của sáng thế*

Phaolô viết trong thư gửi tín hữu Êphêxô rằng Đức Giêsu “lên trời... rằng ngài có thể đổ đầy mọi sự”. Con người Đức Giêsu là đỉnh cao nhất của sáng thế. Vạn vật tăng trưởng trong thế giới, mọi người tăng trưởng trong thế gian, đều hướng về ngài, vì Thiên Chúa xuất hiện trong ngài. Phaolô diễn tả điều ấy bằng một bài ca:

“Ngài là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình  
là trưởng tử giữa mọi thụ sinh,  
vì trong Ngài vạn vật đã được tạo thành,  
chốn trời cao và nơi dương thế,  
vật hữu hình, vật vô hình,  
dù thiên toà hay thiên chủ,  
dù là thiên phủ hay là uy linh:  
Mọi sự đã được tạo thành nhờ Ngài và cho Ngài!  
Và Ngài có ưu thắng trên mọi sự,  
và mọi sự tồn tại trong Ngài.  
Và Ngài là đầu của thân mình tức Hội Thánh.  
Ngài là khởi nguyên,

là trưởng tử giữa các vong nhân,  
 ngô hầu trong muôn sự Ngài là đệ nhất vô song!  
 Vì chưng Thiên Chúa đã quyết ý để cho tất cả  
 Viên mãn đậu lại trong Ngài,  
 Và đã giảng hòa cả vạn vật  
 nhờ Ngài và có Ngài  
 đã ban lại bình an nhờ bửu huyết đổ ra nơi Thập  
 giá của Ngài, cho mọi vật dù ở dưới đất hay ở  
 trên trời!" (Cl. 1:15-20).

### *Sự hiện diện vĩnh cửu*

Có thể nêu ra một câu hỏi khác khi Đức Giêsu từ trần gian ra đi với hình thể hữu hình. Tại sao ngài không ở lại cách hữu hình giữa chúng ta?

Câu trả lời là: "Song Ta nói thật với các người: Ta ra đi vì lợi ích hơn cho các người; vì nếu Ta không đi, thì Đấng Bào Chứa sẽ không đến với các người; còn nếu Ta đi, Ta sẽ sai Ngài đến với các người" (Ga. 16:7).

Hình thể loài người của Đức Giêsu được thay thế bởi Đấng Phù trợ, Chúa Thánh Thần, như Đức Giêsu nói, đó là vì lợi ích của chúng ta.

Thánh Linh ở trong chúng ta dẫn chúng ta đến giao tiếp gần gũi hơn với Đức Giêsu còn hơn dẫn đến hình thể loài người của ngài. Lúc này, Chúa có thể thâm nhập chúng ta sâu thẳm hơn và có mặt rộng rãi hơn trong thế gian. Vì ta không "nín lấy" được hình thể loài người của ngài, như Madalena muốn làm, nhưng tiếp nhận Thánh Linh ngài mà nay bảo đảm cho ta sự có mặt của ngài.

Đức Thánh Thần là Thánh Linh của Đức Giêsu. “Không phải tự mình mà Ngài nói... Ngài sẽ lấy của Ta mà thông báo cho các ngươi” (Ga. 16:13-14).

Con tìm ân cần dẫn chúng ta đến ngài, chứ không phải một thoáng nhìn dễ dãi của mắt. “Phúc cho những kẻ tinh sạch trong lòng vì họ sẽ thấy Thiên Chúa” (Mt. 5:8).

Lúc này ngài không còn sống và làm việc giữa chúng ta như một cá nhân đơn độc, nhưng có mặt trong tất cả chúng ta, ngài ban cho chúng ta sứ mệnh và cơ hội rất đặc biệt: Nay đến lượt chúng ta làm vinh danh Thiên Chúa qua cuộc sống của mình.

Toàn bộ cuộc sống của Giáo Hội - rao giảng, bí tích, Thánh Linh, buồn phiền hay vui mừng, mạnh mẽ hay yếu đuối, sống hay chết - là nối tiếp, ngã xuống và chỗi dậy, cuộc đời của Đức Giêsu. Do đó không hoàn toàn đúng nếu nói rằng Chúa nay vô hình. Nay ngài được nhìn thấy theo cách khác. Cuộc sống lại của ngài trong trần gian được phản chiếu hữu hình trong sự sống của nhân loại. Dĩ nhiên, chúng ta chưa hoàn toàn biểu thị được điều ấy. “Sự sống của anh em đã được ẩn tàng nơi Thiên Chúa, làm một với Đức Kitô” (Cl. 3:3). Đức Kitô chỉ được biểu thị hoàn toàn khi cuộc sống chúng ta đạt tới thực hiện toàn mãn, trong cuộc sáng thế mới.

Chúng ta cũng chờ nên vôi vàng gọi sự hoàn thành này là “sự đến lần thứ hai” của Chúa. Không tìm thấy trong Tân Ước có lối diễn tả ấy. Ngài không thật sự “trở lại”, vì ngài đang ở sẵn với chúng ta. Khi ngài “đến”, sự hiện diện của ngài sẽ là một biểu thị có tính cách hoàn toàn.

Tại Thánh lễ vào Ngày Thứ Năm lên trời, sau bài phúc âm, cây nến phục sinh được tắt. Theo trình thuật

của Luca, các Tông đồ trải qua chín ngày cầu nguyện với các anh em của Đức Giêsu, các phụ nữ từ Galilê và mẹ Maria. Chín ngày cầu nguyện và trông đợi này đưa đến phong tục cầu nguyện một kỳ chín ngày cho những dự tính đặc biệt. Các kỳ cầu nguyện này được gọi là novena. Cuộc tĩnh tâm chín ngày cho lễ Hiện Xuống là quan trọng nhất: cầu nguyện cho một Thánh Linh toàn hảo.

## TA SẼ GỎI ĐẾN ĐẮNG PHÙ TRỢ

### *Hứa hẹn của Thánh Linh*

“Ai khát thì hãy đến cùng Ta mà uống. Kẻ tin vào Ta... Điều ấy Ngài nói về Thần Khí các kẻ tin vào Ngài sẽ lãnh lấy”(Ga. 7:37-39).

Chúa Thánh Thần thì như nước tươi mát; và cũng như lửa nóng cháy. Trong tiếng Do thái, ngôn ngữ của Cựu Ước, từ ngữ “Thần Khí, Thánh Linh” cũng có nghĩa là “hơi thở” - và cũng là cơn gió nhẹ.

Các tượng trưng cụ thể như nước, lửa, hơi thở và gió, tất cả đều chỉ ra ấn tượng mà chính Thánh Thần Thiên Chúa tạo ra khi ngài ban phước cho con người.

Cựu Ước có dùng từ ngữ ấy để chỉ tặng phẩm của Thiên Chúa. Quyền năng sáng thế của ngài - trên hết, trong việc ban sự sống - được mô tả như hơi thở hoặc thần khí của Thiên Chúa. Ngoài điều ấy ra, “Thần Khí Thiên Chúa” trước hết được dùng để nói về một tặng phẩm đặc biệt cá nhân, nhờ đó một người có năng lực đem lại sự giải thoát. Ngay sức mạnh thể chất của Samson

được gọi là Thần Khí của Chúa đến “một cách mạnh bạo” trên người ông, vì nó là sức mạnh hiệp nhất dân tộc (Tl. 13:25; 14:6-9; 15-14). Tặng phẩm lời tiên tri là hành động của Thánh Linh Thiên Chúa trên con người (1 Sm. 10:6; Ed. 11:5; Dcr. 7:12). Sự khôn ngoan của các trưởng lão hành xử lễ luật xuất phát từ Thánh Linh Thiên Chúa (Ds. 11:17). Vua là kẻ được xúc dầu bởi Thánh Linh Thiên Chúa (1 Sm. 16:13). Sự kích động này của Đức Thánh Thần, như trong trường hợp Samson, thường thuộc về một nhân vật rất mộc mạc, cùng một lúc hòa hợp những trạng thái bên trong với bên ngoài. Và chúng luôn luôn ảnh hưởng riêng biệt lên các cá nhân. Chúng không được ban cho toàn thể dân tộc.

Nhưng Israel trông đợi một tặng phẩm Thánh Linh sâu đậm và siêu phàm hơn, và tuôn xuống trên toàn thể dân tộc. Có lần một thanh niên chạy đến Môsê, nói với ông là có hai người đang nói tiên tri, không tại Trưởng Thánh mà tại nơi ô uế của trại. Phản ứng của Giosuê là yêu cầu Môsê cấm họ. Nhưng câu trả lời của Môsê là: “Phải chi toàn dân Giavê đều được làm tiên tri, bởi được Giavê ban thần khí xuống trên họ” (Ds. 11:26-29).

Và rồi khi trong những ngày của tiên tri Giôn, dịch châu chấu xảy đến nhắc nhở Ngày Của Giavê, tiên tri ấy tiên báo Ngày đó không phải sự phán xét và tai họa mà là một tặng phẩm của Thánh Linh cho mọi người:

“Sẽ xảy ra là sau đó

Ta sẽ đổ Thần Khí của Ta trên mọi xác phàm

Kẻ già nua sẽ chiêm điếm mộng

Trai tráng các người sẽ thị kiến

Và cả trên tôi trai tơ gái  
và trong những ngày ấy Ta sẽ đổ Thần Khí của  
Ta” (Ge. 3:1-2).

“Và sẽ xảy ra là mọi kẻ kêu danh Giavê sẽ  
thoát nạn

Vì trên núi và ở Gêrusalem” (3:5).

Thánh Linh Thiên Chúa sẽ làm sinh động toàn thể  
dân tộc. Giôn nghĩ về các thị kiến tiên tri và những ơn  
lạ đặc biệt sắp được ban cho tất cả.

Êdêkien thấy trước một tác động ít gây xúc động  
mạnh hơn nhưng lại sâu sắc hơn. “Bên trong các người  
Ta sẽ ban xuống Thần Khí của Ta. Ta sẽ làm cho người  
đi theo luật điều của Ta... Ta sẽ ban cho các người một  
tấm lòng mới. Bên trong các người Ta sẽ ban xuống một  
Thần Khí mới.” (Ed. 36:27,26). Giêrêmia cũng thế: “Ta  
sẽ kết một Giao ước mới... Ta sẽ đặt luật của Ta vào bên  
trong chúng và Ta sẽ viết lên tim lòng chúng...” (Gr.  
31:31,33). Thánh Linh sẽ dạy bảo cách nhẹ nhàng từ bên  
trong và hướng dẫn loài người nhận ra ý muốn của Thiên  
Chúa trong bình an và hân hoan.

Những lời của Giêrêmia và Êdêkien là điểm cao tột  
đỉnh của Thánh Linh của Cựu Ước. Chúng diễn tả tặng  
phẩm Đức Giêsu sắp ban phát như một thực hiện công  
cuộc cứu độ của ngài, hành động sau cùng của ngài trong  
việc thiết lập nước trời.

### *Tặng phẩm của Thánh Linh*

Đức Giêsu ban Thánh Linh. Ngay sau cái chết cứu  
độ của ngài, Thần Khí từ ngài tuôn ra. “Hãy uống, kẻ tin

Ta” (Ga. 7:38). Nước đó có nghĩa phép rửa tội cũng có nghĩa Thánh Linh. Nước và Thánh Linh “là một”, hoặc “một điều” (1 Ga. 5:8).

295, 296

Vào buổi tối Chúa Nhật Phục Sinh, Đức Giêsu ban cho cách rõ ràng Thần Khí này cho các Tông đồ bằng cách thổi hơi trên họ.

Giáo Hội sơ khai có ghi lại nhiều điển hình về sự tuôn tràn Thánh Linh. Nhưng điển hình lớn lao, nổi bật chiếm vị trí cao hơn hết đã xảy ra năm mươi ngày sau Phục Sinh, vào ngày cử hành lễ tưởng niệm giao ước Sinai, lễ Ngũ Tuần của người Do thái. Tặng phẩm của Giao ước mới đã tuôn xuống rất hiển hiện trên các Tông đồ và bạn hữu của họ. Tiếng động của cuồng phong đã được nghe, các lưỡi lửa đã được thấy và các ngôn ngữ nước ngoài đã được nói trong xuất thần.

Có phải việc “nói bằng nhiều ngôn ngữ” mà Phaolô đã viết trong thư 1 Corinthô 12 và 14 - một việc biểu lộ không cốt nghĩa được, là do trạng thái xuất thần khiến ra? Có phải nó là một thứ ngôn ngữ mà mỗi thánh giả nghe cách biệt lập tự nhiên như có thông dịch? Điều này khó đoán chắc và không phải điều quan trọng lắm. Điều mà đoạn văn đó có ý muốn truyền đạt là sự hiệp nhất bỗng nhiên được mang đến giữa toàn thể loài người. Luca kể một danh sách dài tên các dân tộc đang sống sót. Trong trình thuật tháp Babel, chúng ta đọc thấy sự ghẻ lạnh và thù nghịch, được biểu tượng bằng tình trạng có vô số ngôn ngữ. Các tình trạng đó bị đảo ngược trong Ngày Hiện Xuống. Nhân loại lúc này là “một tấm lòng, một linh hồn” (Cv. 4:32).

436  
403-407  
577, 589  
691, 701

Một nhóm người có ấn tượng là các Tông đồ say rượu. Khi lưu ý đến điều này Phêrô điềm đạm nhận xét, “Những



người này không say rượu đâu, như các người tưởng, vì ngày mới đến giờ thứ ba” (Cv. 2:15). Nhưng phản ứng ấy cho thấy ấn tượng đó được tạo nên do bởi những người sống bên cạnh bản thân mình. Về sau, Phaolô viết trong thư Êphêsô: “Đừng say sưa rượu chè... nhưng hãy làm sao cho được no đầy Thần Khí” (Ep. 5:18). Đây cũng thế, tặng phẩm của Thánh Linh bị liên kết với tác dụng của rượu. Nó là điều gì đó khiến con người bị cầm giữ và làm sung sướng đến xuất thần.

117  
528-530 Thư thứ nhất Corinthô chương 12 và 14 cho chúng ta những thoáng nhìn về các tặng phẩm xuất thần này của Thánh Linh như từng được nếm trải trong thời Giáo Hội sơ khai; sự vượt mức của hân hoan và ngất ngây được biểu thị bằng những tiếng lạ. Vì tất cả các tặng phẩm của Thiên Chúa được ban ra tùy hình thức và chịu ảnh hưởng theo các hoàn cảnh trần thế, chúng ta phải thừa nhận ảnh hưởng tính cách đặc thù của chủng tộc và các phong tục tôn giáo đương thời trong trường hợp này. Do đó, chúng ta không nên để mình bị mê hoặc bởi những khía cạnh lạ thường của tặng phẩm. Việc ấy sẽ dẫn chúng ta đi lạc đường khi mà chúng ta tiếp tục thắc mắc Chúa Thánh Thần ở đâu bây giờ.

### *Tặng phẩm bình thường của Thánh Linh*

Những tặng phẩm đặc biệt như nói nhiều loại ngôn ngữ, tiên tri, chữa bệnh và vân vân thì ngày nay ít thấy rõ rệt hơn trong các thời kỳ sơ khai. Ấy vì sự khác biệt trong phong tục tôn giáo, như chúng ta đã nói. Cũng có thể vì sự kiện là lúc đặt nền móng xây cất thì có những

nhu cầu mà không còn cảm thấy có như lúc sau đó, khi sự xây dựng được tiếp tục kiến thiết. Hoa quả hôm nay của Thánh Linh Thiên Chúa thì “bình thường” hơn - các tặng phẩm có tính cách tri thức, lưu truyền kiến thức, giúp đỡ và phục vụ.

Chúng quá bình thường tới độ thích đáng dễ dàng mọi nơi - trong nhà bếp và ngoài phòng khách, nơi trường học và tại nhà máy. Nhưng chúng chính là những tặng phẩm giá trị và cao cả nhất, như Phaolô cất nghĩa trong Thư Corinthô Thứ Nhất chương 12 và 14, và trên hết, trong chương 13 nổi tiếng, giữa hai chương trên. Trạng thái xuất thần ít quan trọng hơn sự thực hành vì sự thực hành xây dựng Giáo Hội hiệu quả hơn (1 Cr. 14:15,19). Nói các thứ tiếng khác nhau thì không bằng bác ái. “Giả như tôi nói được các thứ tiếng nhân loại và thiên thần mà tôi không có lòng mến thì tôi chỉ là thanh la vang vẳng hay chũm chọe chấp cheng” (1 Cr. 13:1). Như vậy Chúa Thánh Thần có mặt trong điều “bình thường” nhất so với mọi điều, là bác ái Kitô giáo, vì không gì vĩ đại hơn điều “bình thường” nhất ấy.

Phaolô đưa lời mô tả rõ ràng nhất về công cuộc của Thánh Linh trong thư gửi tín hữu Galat: “Hoa quả của Thần Khí là: mến yêu, vui mừng, bình an, rộng rãi, tốt lành, lương thiện, tín thực, hiền từ, tiết độ” (G. 5:22).

Danh sách ấy có thể làm cho dài hơn bằng mô tả toàn bộ cuộc sống Kitô hữu: Trung thành khiêm tốn; tử tế quên mình (thí dụ chăm sóc dài ngày người bệnh); thực hiện bổn phận mà không rón ràng hoặc phô trương (như bởi các bà mẹ dạy con hay nội trợ trong gia đình); sự tin cậy không lay chuyển được của người phạm tội rằng tấm lòng

của Thiên Chúa thì lớn lao hơn; kiên định trước cám dỗ; ân cần và thiện cảm đối với người anh em đang có nhu cầu; nỗi hân hoan của một lương tâm ngay lành. Đó là công trình của Thánh Linh hôm nay. (Xem thêm chương

430 nói về phép thêm sức).

Có thông lệ nói về bảy tặng phẩm của Chúa Thánh Thần. Sự diễn tả này xuất phát từ Isaia 11:1-3 nói về thần khí của khôn ngoan, trí tuệ, mưu lược, dũng cảm, hiểu biết, trung thành và kính sợ Chúa là đáng sẽ ngự trên Đấng Cứu Thế.

Cách thức mà Thánh Linh tác động trong chúng ta được quyết định bởi tính khí, tục lệ và di truyền, giống giữa các tín hữu Corinthô. Có điều Thánh Linh tác động trong chúng ta cách chính xác qua và với phẩm chất của chính chúng ta, cả khi loài người không biết đó là Chúa Thánh Thần.

### *Các tặng phẩm đặc biệt của Thánh Linh*

Những tặng phẩm lạ thường và đặc biệt của Thánh Linh ngày nay vẫn tồn tại. Chúng có đó, như thời Giáo Hội sơ khai để xây dựng cộng đoàn bằng cách thức ngoại lệ và để phát động các phong trào đặc biệt. Dù cũng đúng khi nói rằng đời sống bình thường của Kitô hữu là tặng phẩm chính yếu của Thánh Linh, hoặc “ơn riêng”; những tặng phẩm nổi bật được gọi là “ơn lạ” hoặc là những tặng phẩm mà Thánh Linh ban cho cách đặc biệt. Chúng mang hình thức khác hơn thời Giáo Hội sơ khai vì các nhu cầu ngày nay đang đổi khác. Chúng bao gồm, thí dụ, những tặng phẩm mục vụ ngoại lệ, giáo huấn minh giải (thần

học), cai quản cách khôn ngoan, khám phá các hình thức nghệ thuật, giáo dục (bởi cha mẹ hoặc những người khác), và sau cùng là cuộc đời Kitô hữu bình thường sống theo lối sống khác thường (các thánh).

Đôi khi các tặng phẩm ấy có tính cách lây lan, tới độ làm sinh động các nhóm còn hơn các cá nhân. Nhiều lúc có những nơi được mở ra cách riêng cho hành động của Thánh Linh, không vì các địa điểm đó, nhưng bởi tâm trạng Kitô hữu mang theo khi viếng thăm các nơi đó - Bêlem, Lô đức, La Mã và vân vân.

781

Người ta ghi nhận rằng những người đầu tiên tiếp nhận Thánh Linh tại lễ Phục Sinh và lễ Hiện Xuống là Phêrô và các Tông đồ khác, nghĩa là những thủ lãnh của Giáo Hội. Sự cai quản bình thường là cách của Thánh Linh và không ai ước lượng cao tới mức bao nhiêu thì đủ lòng nhân ái, vui mừng, bình an, thân thiện, ân cần, trung thành, dịu dàng và tự chế, dàn trải ra khắp thế gian bằng các cách thức của những nhà cai quản Giáo Hội với quyền hành và lòng khiêm tốn của họ. Thừa tác vụ thuộc các chức thánh tự nó là một đặc sủng qui định thử thách người khác về sự thuần khiết. Như Phaolô nói: “Nếu ai nghĩ mình là tiên tri hay có thần khí, thì hãy nhận biết rằng các điều tôi viết là lệnh truyền của Chúa. Ai mà không biết thì kẻ ấy cũng không được (Thiên Chúa) biết đến” (1 Cr. 14:37-38). Phẩm trật tùy thuộc các tặng phẩm của Thánh Linh Thiên Chúa: “Vì Thiên Chúa không (gieo) hỗn loạn mà là bình an” (1 Cr. 14:33). Nhiệm vụ mục vụ *trông nom các ơn lạ và nhận biết các linh hồn*. Điều này có thể đúng cách riêng ở một hội đồng tổng quát. Nhưng ơn lạ thường thành hình trọn vẹn, cung ứng với các giáo

238

249 251

597

dân bình thường và các linh mục bình thường, cho sứ mệnh của những người cai quản Giáo Hội. Có thể thấy trường hợp điển hình là Thánh Phanxicô Assisi, người không có phẩm trật cao trong hàng trợ tế nhưng đã chỉ ra được những đường lối mới cho Đức Thánh Cha.

Những ơn lạ đôi khi có thể trở thành xung đột giữa người này với người kia. Sự kiện các tặng phẩm tinh thần được chia sẻ và phân phối có nghĩa người này thiếu cái mà người kia có và ngược lại. Do đó, một ơn lạ đặc biệt thường đem lại cùng với nó sự đau khổ. Với hết thiện ý trên đời, chúng ta không bao giờ xoay xở để hiểu hoàn toàn điều mà người khác nắm vững, nơi thuộc phạm vi quyền hành của người ấy. Mỗi tặng phẩm ban cho ta bị giới hạn và thử thách bởi các tặng phẩm ban cho những người khác. Điều quan trọng là hãy nhẫn nại và kiên định, dịu dàng và không cay đắng nản lòng. Nếu không, người nhận các ân sủng đặc biệt ấy có thể nghiêng chiều tới thất bại chủ nghĩa hoặc bất trị vị kỷ. Cái khởi đầu bởi Thánh Linh có thể kết thúc với sự tự cho mình là trung tâm vũ trụ. Tặng phẩm của Thiên Chúa cần được kiểm chứng liên tục. Như Đức Giêsu nói, tất cả phải “tĩnh thức”. Có thể xảy ra việc một người được ban cho ân sủng đặc biệt mà không ở trong phạm vi nhiệm vụ của người ấy. Nhưng việc này không có nghĩa ơn lạ ấy không chân chính. Khởi thủy đó có thể tốt, và dân Thiên Chúa có thể tiếp tục xây dựng trên đó.

Dường như chúng ta có thể thấy rất ít Thánh Linh Thiên Chúa trên thế giới hôm nay. Nhưng ngày nay thật rõ ràng là chúng ta liên tục nếm trải ngài. Chỉ với ý nghĩa

chúng ta dùng những lối nói khác - bác ái Kitô giáo, những người có ơn lạ, các chức vụ giáo phẩm. Và mỗi khi chúng ta dùng tới từ ngữ “ân sủng”, thật sự chúng ta đã nói đến công trình của Thánh Thần Thiên Chúa. 481-485

### *Thánh Linh kín đáo*

Nếu Thánh Linh rút khỏi thế gian, chúng ta sẽ nhận ra rõ rệt ý nghĩa của sự có mặt của ngài. Địa cầu sẽ như đất hạn hán. Nước vốn không được để ý lắm, nhưng thiếu nước, vạn vật thay đổi. Những cách đồng xanh tàn héo thành sa mạc.

Quả thật điều này là một ẩn dụ mà Giáo Hội dùng khi cầu nguyện Chúa Thánh Thần. Giáo Hội chọn một bài từ Thánh vịnh 104 trong đó sự sống của thiên nhiên vạn vật được diễn tả như hơi thở hoặc thần khí Thiên Chúa. Vạn vật sống động tồn tại bởi thần khí này:

“Người vừa lãnh mặt chúng đã thất kinh,  
Người rút lại hơi khí của chúng, chúng liền tắt thở,  
Chúng sẽ trở về với đất bụi!  
Người sai khí của Người chúng được tạo thành  
và Người đổi mới mặt đất” (Tv. 104:29-30).

*Phụng vụ lễ Hiện Xuống  
và phần còn lại của Năm Hội Thánh*

Chúa Thánh Thần hiếm khi được kêu cầu trong các lời nguyện phụng vụ. Khuôn mặt mà Đức Thánh Linh cho chúng ta thấy là khuôn mặt của Đức Kitô. Giáo Hội

không cầu nguyện nhiều lên Thánh Linh, mà là trong Thánh Linh, qua ngài mà Đức Giêsu có mặt, qua ngài mà chúng ta kêu lên “Abba” với Thiên Chúa. Tuy nhiên chúng ta có thiên hướng về ngài. Nghi thức phụng vụ thỉnh thoảng làm thế, đặc biệt vào dịp lễ Hiện Xuống (Tuần lễ Hiện Xuống - Whitsuntide). Nghi thức Chúa Nhật lễ Hiện Xuống (Whisunday) - mặc lễ phục đỏ - hòa hợp vẻ điệu của hân hoan và khẩn nguyện.

Năm Hội Thánh lúc đó tiếp tục trong một thời kỳ dài trăm tư tĩnh lặng về nước trời: “Mùa sau lễ Phục Sinh” (Quanh năm) kéo dài cho đến Mùa Vọng. Lễ phục dừng tại Thánh lễ hằng ngày là màu lục bình lặng.

Tuy thế, mùa này bắt đầu với ba mầu nhiệm còn phải được tưởng niệm do Kitô hữu nhận thấy chưa thỏa đáng vì đã không cử hành trong thời gian phục sinh.

817-824

Trước tiên, vào Chúa Nhật Thứ Nhất sau lễ Hiện Xuống, là mầu nhiệm đã được phô bày trong công cuộc cứu độ của Đức Giêsu, mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi - Chúa Cha đáng sai Chúa Con, Chúa Con đáng được sai, và Chúa Thánh Thần đáng được ban phát bởi cả hai. Đây là Chúa Nhật lễ Ba Ngôi.

281-291

552-576

Vào ngày thứ năm tiếp theo, mầu nhiệm Thứ Năm Tuần Thánh được thêm lần nữa cử hành bằng cách thức đặc biệt. Đó là lễ về sự có mặt của Chúa trong các biểu hiệu, Corpus Christi, lễ Mình Thánh Chúa Kitô.

Vào ngày thứ sáu của tuần lễ kế tiếp, một trong các mầu nhiệm của Thứ Sáu Tuần Thánh được thêm lần nữa hồi tưởng lại, là thánh tâm bị xuyên thủng của Đức Kitô. Mầu nhiệm này, cũng giống mầu nhiệm phục sinh và là

cốt tủy con người Đức Giêsu, chiếu sáng và tuôn trào. Cũng có tục lệ hoặc sốt sáng hồi tưởng thực tại đức tin này vào ngày thứ sáu đầu mỗi tháng.

Như thế, những mầu nhiệm vững chắc của công cuộc cứu độ được cử hành thêm lần nữa. Việc làm này hợp lý vì lễ Hiện Xuống không có nghĩa khép lại chu kỳ cứu độ. Mà là mang Đức Giêsu và mọi mầu nhiệm cứu độ vào lịch sử của chúng ta trong mọi thời.

131  
569  
361  
772

Công trình của Thánh Linh Thiên Chúa trong cuộc sống nhân loại được cử hành trong phụng vụ bằng lễ các vị thánh - “lễ khánh nhật” của mỗi vị ở đây có nghĩa ngày vị ấy qua đời. Những cá nhân thuộc nhiều hạng người dị biệt nhất được tưởng niệm trong phụng vụ của Năm Hội Thánh. Một lễ chung cho tất cả những vị chấp nhận Chúa Thánh Thần đưa dẫn bản thân mình được cử hành vào một ngày riêng, mồng một tháng Mười một - “Lễ Các Thánh”. Có “một trăm bốn mươi bốn ngàn vị được đóng dấu”, “vô số mà không ai có thể đếm được” mà bài đọc sách thư tông đồ hôm ấy nói lên. Bài sách phúc âm về tám mối phúc thật.

Khi diễn tả lễ Hiện Xuống, các họa sĩ Kitô giáo thường đặt mẹ Maria ở trung tâm bức họa, nơi nhìn thấy mẹ với ngọn lửa trên đầu. Mẹ là một kiểu mẫu hoặc một hình ảnh của Giáo Hội.

Chúng ta được chấp thuận sống trong Giáo Hội của nhân loại, được sưởi ấm và chiếu sáng bởi Thánh Linh và được tiến tới trên con đường ấy nhờ Con Người triệu tập.

111



PHẦN THỨ TƯ  
**ĐƯỜNG CỦA ĐỨC KITÔ**

## GIÁO HỘI THỜI SƠ KHAI

### *Các hân hoan của những ngày đầu*

**S**au khi diễn tả việc hiện xuống của Chúa Thánh Thần và những lời của Phêrô, sách Công Vụ Tông Đồ tiếp tục nói:

“Vây những ai đã đón nhận lời ông, thì đã chịu thanh tẩy. Và trong ngày ấy, đã có thêm được lối ba ngàn linh hồn.

Họ chuyên cần với giáo huấn của các Tông đồ và sự hiệp thông, việc bẻ bánh và kinh nguyện.

Nhưng mối sợ xâm nhập mọi người: có lắm điềm thiêng và dấu lạ đã xảy ra do các Tông đồ làm.

Các kẻ tin đều coi mọi sự như của chung: đất đai của cải, thì họ bán đi mà phân phát cho mọi người, ai nấy tùy theo nhu cầu của mình.

Ngày ngày họ đồng tâm nhất trí chuyên cần lui tới Đền thờ, bẻ bánh ở nhà, cùng nhau chia sẻ của nuôi thân, lòng hân hoan, dạ đơn thành, trong lời ngợi khen Thiên Chúa, trong sự mến phục của toàn dân. Và số những kẻ được cứu rồi cứ mỗi ngày được Chúa ban thêm mà nên một cùng nhau” (Cv. 2:41-47).

Sự đến của công cuộc giải phóng của Thiên Chúa được diễn tả bằng những lời lẽ bình dị như thế. Có một nhóm người ở Giêrusalem tin tưởng rằng sự chết bị khuất phục trong Đức Giêsu, Thánh Linh hiện xuống và tội lỗi được tha thứ. Công cuộc cứu độ đã chuyển động chậm rãi và êm ái vào thế gian, thỉnh lặng và khiêm tốn tựa nhiều điều vĩ đại khác.

Chúng ta nhận ra hình ảnh của Giáo Hội hôm nay trong những diễn tả được sách Công Vụ ghi lại: các đám đông; phép rửa tội; học thuyết; việc bẻ bánh; kính sợ - niềm xác tín rằng Thiên Chúa có mặt và năng động; quyền thủ lãnh tông truyền, giúp đỡ hỗ tương; tài sản cộng đồng - ngày nay chúng ta nhận thấy là bằng những cách thức khác nhau, từ quyền góp đến các tuyên hứa sống nghèo khó; hân hoan; Giáo Hội có được niềm tin cậy nhất định của những người bên ngoài.

Dĩ nhiên có những việc làm thời sơ khai nay không tồn tại vì lúc ấy số lượng tín hữu còn quá ít và mọi sự còn tươi mới. Giáo Hội hằng luyện tiếc nhìn lại nỗi hân hoan của những ngày tiên khởi ấy. Cách riêng trong những thời kỳ cần đổi mới, Giáo Hội lại nhìn về các thời kỳ tiên khởi, như đã làm trong các thế kỷ mười ba và mười bốn, hoặc như hiện nay. Chúng ta rút tỉa được cảm hứng từ tính chất mộc mạc giản dị của các thời kỳ sơ khai.

37.2-37.4  
401-403

### *Khó khăn những ngày đầu*

Nhưng sách Công Vụ Tông Đồ và các thư gửi tín hữu của Phaolô cũng cho thấy ngay trong những ngày đầu đã có nhiều khó khăn, xuất phát từ bên trong cũng như đưa

đến từ bên ngoài. Về mặt này chúng ta thấy cũng giống Giáo Hội hôm nay. Luôn luôn có nhiều vấn đề.

Thưở ban đầu, một trong những vấn đề lớn nhất đặt ra là thái độ cần giữ đối với mạc khải thời cổ đại, tức là Do Thái giáo. Nó trở thành xác quyết minh bạch hơn, rằng có thể chấp nhận người ngoài Do Thái làm phần tử của dân tộc mới là Giáo Hội, địa vị ngang hàng với người Do Thái mà không buộc phải giữ các lễ luật Do Thái. Cùng lúc ấy, lại trở bí mật rõ rệt là đại đa số người Do Thái từ chối nhận biết Đức Giêsu. Dù Giáo Hội được thiết lập trên Israel, dù Đức Giêsu, mẹ Maria và các Tông đồ đều là người Do Thái, dân tộc được Chúa chọn ấy đồng một lòng từ chối gia nhập Giáo Hội. Tuy thế, họ vẫn còn là dân tộc đầu tiên được Thiên Chúa gọi. Cuộc sinh tồn của họ hàm chứa một mẫu nhiệm mà chúng ta có thể cảm thấy sức mạnh của mẫu nhiệm ấy trong Thư Gởi Tín Hữu Rôma, chương 9 và 11 do Phaolô, một người Do Thái, viết. Phaolô công nhận rằng thánh ý đến trong mẫu nhiệm ấy, cho cả dân tộc Do Thái. Họ vẫn còn được kêu gọi: "Vì ơn đã ban, lời đã gọi, Thiên Chúa không hề hối tiếc" (Rm. 11:29). Vì là dân tộc được chọn, họ liên hệ gần gũi với công cuộc cứu độ hơn bất cứ dân tộc nào khác. Như Công Đồng Vatican Hai tuyên bố rõ ràng rằng ta không thể suy diễn qua Kinh Thánh rằng họ là dân tộc bị từ khước hoặc bị nguyên rủa.

Trong thế kỷ đầu, có một số Kitô hữu người Do Thái muốn khiến mọi Kitô hữu tuân giữ các phong tục Do Thái như luật cắt bì và ăn uống. Việc này đưa đến bất hòa dai dẳng trong vài thế kỷ. Đó là lần đầu tiên có nhiều chia rẽ (li khai) và từ đó, Giáo Hội sắp phải đau khổ chịu đựng.

Tân Ước cũng có nói đến sự hiện hữu của các nguy thuyết (dị giáo). Như chúng ta thấy, cuộc sống và phát triển của Giáo Hội là một hành trình tìm kiếm mò mẫm triu nặng những khó khăn và bất hoà. Ở đây, nó cũng có mục đích là để “ngõ hầu ý nghĩa của nhiều tâm hồn phải bày ra” (x. Lc. 2:35). Dĩ nhiên điều này không có nghĩa những ai thoát li hay dạy nguy thuyết là đắc tội hoàn toàn cách cá nhân nếu quả thật không có một mức độ kiên cường hoặc cứng lòng trong những sai lầm liên hệ. Đây là phán quyết của các tác giả Tân Ước. Chúng ta cảm nhận ở đây giá trị cao cả mà Giáo Hội từ lúc tiên khởi đã gắn liền để bảo tồn đức tin tông truyền trong sự thuần khiết của nó, và Giáo Hội gồm ghieếc ngăn nào sự áp dụng sai, sự kiệt <sup>603</sup>quệ hoặc xuyên tạc mạc khải.

Giáo Hội phải gìn giữ trong thế gian thông điệp không thuộc về thế gian. Dù nếu muốn Giáo Hội cũng không thể lẫn tránh trách nhiệm này. Giáo Hội không thể pha tạp cái chân lý vốn phát xuất từ Thiên Chúa. Bất cứ thỏa hiệp nào cũng đều tác hại cho tín đồ lẫn người chưa tin và tước của họ sự sáng. Đồng thời, Giáo Hội luôn luôn gắn bó để dự phóng canh tân với tâm trí cởi mở và đưa ra những hình thức diễn đạt mới hợp với thời đại. Mạc khải được bảo tồn tinh ròng biết bao, Giáo Hội đã tìm tòi để canh tân với tâm trí như thế nào, có thể thấy trong cách mà sách phúc âm được viết ra giữa lòng Giáo Hội.

### *Cựu Ước trong thời Giáo Hội sơ khai*

311  
117-119      Lúc bắt đầu Giáo Hội, chỉ có Cựu Ước. Thay vì từ khước Cựu Ước, các Kitô hữu thấy là chỉ tới lúc này, Cựu

Ước mới được am hiểu tận tường. Với “tâm hồn cháy bằng bằng với chúng”, họ thấy là, dù bằng những lối nói ẩn dụ, Đức Giêsu là đáng đã được ám chỉ đến. Họ đọc trong đó, chẳng hạn, về manna chỉ cấp cho ăn từng ngày. Nhưng sau khi Đức Giêsu xuống thế, họ thấy manna là một báo trước, một sửa soạn cho tặng phẩm tồn tại đời đời của Đức Giêsu. “Cha ông các người trong sa mạc đã ăn manna, và đã chết... Ai ăn bánh này thì sẽ được sống đời đời” (Gn. 6:49-51). Toàn bộ Cựu Ước được đọc theo cách ấy. Đàng trong các mẫu tự, Kitô hữu tìm kiếm Thánh Linh, đáng đã chuẩn bị từ trong các sách cổ xưa đó điều nay đã thành ánh sáng ban ngày trong phúc âm mới (x. 2 Cr. 3). Bởi lý do đó, khi tụ họp nhau để phụng vụ, Giáo Hội còn đọc Cựu Ước như lời Thiên Chúa: Đức Giêsu đã làm lời ấy ra hoàn toàn mới. Giáo Hội sơ khai cũng thế, tiếp tục hát thánh vịnh.

138  
532

### *Nguồn gốc sách Phúc âm*

135  
251-253

Như thế, Cựu Ước là sách đầu tiên mà Giáo Hội sử hữu. Nhưng ngay từ rất sớm, Giáo Hội cảm thấy cần các sách thuật lại “các biến cố đã thực hiện giữa chúng tôi” (x. Lc. 1:1). Đó là nguồn gốc của Phúc âm, gồm cả bảy cuốn.

Hiểu biết của chúng ta về cuộc đời Đức Giêsu trên thực tế, đạt được không phải từ một mà từ bốn văn bản song song, một hiện tượng độc đáo nhất trong lịch sử văn học. Mỗi cuốn Phúc âm chứa đựng tin mừng (*eu-angelion*) như một toàn bộ. Đó là lý do chúng được gọi là phúc âm. Các sách được đặt tên theo tác giả: Matthêu, viên chức

thu thuế sau thành Tông đồ; Máccô, một môn đệ trẻ ở Giêrusalem, mà nhà của mẹ ngài là nơi công đoàn tụ họp (cũng có lẽ là nơi diễn ra Bữa Tiệc Li) (Cv. 12:12); Luca, bạn đồng hành của Phaolô, “người lương y quý mến” (Cl. 4:14); và sau cùng là Gioan, “người môn đệ Đức Giêsu yêu mến”, ngài sống rất thọ.

Theo truyền thuyết từ rất xưa, Matthêu viết phúc âm trước nhất. Có thể tại Palestin hoặc Syria vào khoảng năm 50 sau C.N. Nhưng bản phúc âm theo hình thức ta có hiện nay thì được viết lại vào thời điểm sau đó. Bởi thế, cuốn Phúc âm xưa nhất ta có là của Máccô, viết ở La Mã khoảng năm 63 sau C.N. Hình thức sau cùng của Matthêu, và phúc âm Luca được viết tại Hi Lạp vào thời điểm tổng quát là khoảng từ năm 70 đến 80, trong khi phúc âm Gioan được viết khoảng năm 100 và giả thuyết là được viết tại Tiểu Á.

Ba cuốn đầu được gọi là Phúc Âm Nhất Lãm, đôi khi phù hợp với nhau từng chữ, cho thấy trong cách nào đó, cả ba có quan hệ với nhau.

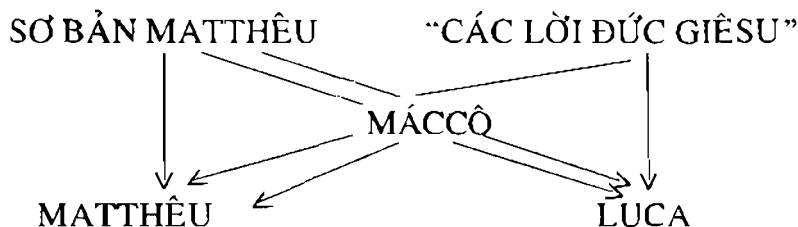
Có ý kiến nêu ra là Máccô khi viết đã có bản thứ nhất của Matthêu trước mặt mình (tuy thế, dựa vào chứng cứ rất xưa, một trong những nguồn tư liệu của Máccô là lời rao giảng của một người thấy tận mắt các biến cố, là Phêrô, lúc ấy ở La Mã).

Khi văn bản Matthêu (trong hình thức hiện nay) được viết ra, tác giả cũng đã có bản Máccô trước mặt mình cùng với bản Matthêu gốc, kèm theo một văn bản sưu tập “các lời của Đức Giêsu”.

Luca sử dụng cả ba nguồn tư liệu đó, “cứ tuân tự lại mà viết” cho một nhân vật nổi tiếng người Hi Lạp, “Ngài

Thêôphilô cực tôn quý”. như ông nói, để cho vị độc giả ấy “am tường rằng giáo huấn mà Ngài thụ lĩnh được là chính xác” (x. Lc. 1:3-4).

Cùng với các nguồn tư liệu đó, dĩ nhiên mỗi tác giả phúc âm có những hồi tưởng riêng và (hoặc là) những chứng cứ truyền khẩu được đưa ra bởi “các kẻ từ đầu đã chứng kiến và phục vụ cho Lời” (Lc. 1:2)



Ảnh hưởng ít ỏi của các bản nhất lãm có thể lưu dấu trong Gioan, một sách phúc âm rất riêng tư. Phúc âm Gioan là một tường trình mới bởi người tận mắt thấy, được thâm nhập trong hơn sáu mươi năm nếm trải Đức Giêsu qua Chúa Thánh Thần.

197-253

282-284

Những sách này làm chứng cho sự kỳ lưỡng của Giáo Hội trong việc bảo tồn thông điệp. Nó còn cho thấy cách làm cho thông điệp thích ứng với môi trường rao giảng. Mỗi sách phúc âm biểu lộ theo cách riêng của mình những điều mà mỗi cộng đoàn cá biệt nhận thấy là quan trọng nhất. Matthêu viết cho người Do Thái, kết hợp các rao giảng của Đức Giêsu thành năm huấn từ, đối chiếu với ngũ kinh của Môsê, khiến Đức Giêsu xuất hiện như đáng đề ra lề luật mới. Mối quan tâm chính của Máccô là mạc khải đã xảy ra trong một không gian thời gian ngắn đó, là



Đức Giêsu là Đấng Cứu Thế và là Con Thiên Chúa. Luca viết cho những người Hi Lạp có học thức, miêu tả một phôi bày có tính cách lịch sử (đó cũng là lí do ngài viết sách Công Vụ), và nhấn mạnh sự ưu đãi mà Đức Giêsu dành cho người nghèo, người tội lỗi, phụ nữ - cũng như tầng lớp dân chúng ít được đề mắt tới. Luca còn kiên trì nói về Thánh Linh và cầu nguyện.

Đôi khi việc khảo sát từ ngữ cho thấy loại cộng đoàn nào mà phúc âm được rao giảng trước khi ghi lại. Rõ ràng đã có các nỗ lực để bảo tồn các lời nói của Đức Giêsu ngay trong hình thức mà chúng được nói lên, với ngôn ngữ của Đức Giêsu vốn vay mượn dễ dàng nhiều hình ảnh và âm sắc, nhưng cũng có dấu vết xác thực là chúng được truyền khẩu bằng các cách thức truyền thống sống động. Có nghĩa đôi khi chúng được công thức hóa theo những cách diễn tả rõ ràng hơn hoặc bằng cách nào đó thích hợp với hoàn cảnh chúng được rao giảng. Chúng ta thấy Matthêu thay “nước Thiên Chúa” của Đức Giêsu bằng “nước Trời”. Nhưng đáng chú ý nhất là sự phóng khoáng trong cách diễn tả lời nói của Đức Giêsu trong sách Gioan. Chúng ta nhận thấy ngay trong các lời nói của Đức Giêsu có các từ ngữ vùng Tiểu Á mà Gioan rao giảng. Thí dụ như cụm từ “nước Thiên Chúa” hiếm khi được Gioan dùng. Cụm từ ấy không có ý nghĩa lắm với độc giả Tiểu Á, trong khi “sự sáng” và “sự sống” thì cực kì gợi cảm họ. Do đó, các thuật ngữ ấy được lặp lại lặp tới mãi trong các lời của Đức Giêsu do Gioan ghi lại. Vị Tông đồ ấy cân nhắc rằng, cách tốt nhất để diễn tả điều Đức Giêsu muốn ngụ ý về nước Thiên Chúa là đưa vào bối cảnh của độc giả và thánh giá.

Điều ấy không có nghĩa Kitô hữu được hoàn toàn tự do theo tưởng tượng riêng mình và tạo hình ảnh Đức Kitô tùy thị hiếu của mình. Các tác giả phúc âm dĩ nhiên không sắp xếp để đưa ra bản tường trình chính xác các biến cố lần lượt theo từng tháng. Mục đích của họ là viết phúc âm, nghĩa là chuyển giao tin mừng. Bởi thế, điều quan trọng cực độ là các biến cố đã thật sự xảy ra và các lời đã thật sự được nói lên. Nếu không có gì xảy đến thì cũng chẳng có tin mừng nào để đưa ra. <sup>151</sup>

Và người ta có thể thấy ở đây cuốn Phúc âm thứ tư có thể đôi khi tường trình rất chính xác các biến cố, đó là một trong các lí do khiến qui cho cuốn ấy rõ rệt, mặc dù trễ, cho Tông đồ Cao niên Gioan. Thí dụ, “cái hồ tắm năm dãy hành lang” (Ga. 5:2) bị coi là rắc rối trong một thời gian dài. Các kiến trúc sư dường như không hình dung nổi nó. Có ý kiến nêu lên là diễn tả ấy chỉ tượng trưng. Nhưng ngày nay việc khai quật Giêrusalem đã hé lộ các phần còn lại của hồ tắm có hình bốn cạnh, với một hành lang thứ năm nối liền giữa hai cạnh dọc. Từ đó, thông tin trên của Gioan mới được công nhận là chính xác.

Điều quan trọng là tính cách xảy ra thật của những biến cố nhất định. Nhưng cũng không kém phần quan trọng so với việc đưa ra sự thật về những cái xảy ra là cá tính khác thường của Đức Giêsu và tác vụ của ngài. Qua nghiên cứu kinh thánh hiện đại cho thấy phúc âm quan tâm biết bao đến thực tế ấy. Vào lúc nhiều nhân chứng tận mắt đã khuất bóng và lộ ra những suy nghĩ độc lập và tác phong quan liêu đe dọa sự truyền khẩu. Giáo Hội nỗ lực phấn đấu để thiết lập truyền thống tinh ròng về <sup>106</sup>  
547-548

những gì Đức Giêsu thật sự là. Đó là nguồn gốc của phúc âm và các bản văn khác trong Tân Ước.

Trong sự quan tâm về hình ảnh chân thực của Đức Giêsu và việc bảo tồn đức tin chân chính, cộng đoàn Giáo Hội được Thánh Linh hướng dẫn. Nhưng Thánh Linh không hành động bên ngoài cuộc sống của cộng đoàn và bên ngoài diễn tiến biên soạn của con người, mà là bên trong. (Xem thêm điểm này trong “Ý nghĩa tâm linh của <sup>117</sup> Kinh Thánh”).

Việc các sách Phúc âm trình bày trung thực ngần nào về cùng một Chúa, có thể thấy qua tính chất căn nguyên không thể hiểu khác được của Đức Giêsu khi ngài xuất hiện trong tất cả bốn cuốn Phúc âm. Rõ ràng là cả bốn có một nguồn tư liệu thực tế - đó là con người Giêsu xứ Nagiarét. (Về bút pháp đặc biệt và tính chất trực tiếp mà các tác giả trình bày Đức Giêsu bằng bút pháp đó, xem <sup>251-266</sup> chương “Người Đây Là Ai”).

Bốn cuốn Phúc âm không chỉ là nguồn thông tin duy nhất của chúng ta về Đức Giêsu. Các thư gởi tín hữu cũng được viết trong thời Giáo Hội sơ khai. Chúng xuất phát từ những ngài bút (hoặc trong phạm vi ảnh hưởng) của Phaolô (mười bốn thư), Giacôbê (một), Phêrô (hai), Gioan (ba), Giuđa (một). Cũng có một sách tiên tri dưới tên của Gioan, sách Khải Huyền.

### *Phaolô*

Phaolô đã là một người Biệt phái với các đặc quyền công dân La Mã và giáo dục Hi Lạp. Ngài có mặt và biểu quyết chấp thuận khi vị tử đạo đầu tiên là Stêphanô bị

giết. Stêphanô cầu nguyện cho những người hành quyết mình và lời cầu được đáp ứng. Ít lâu sau, trên đường lòng bắt các Kitô hữu, Phaolô sẵn sàng vì Đức Giêsu hiện ra với ngài. Đức Giêsu kêu gọi ngài làm một Tông đồ, Phaolô rao giảng cho người ngoại đạo và còn đóng vai trò quan trọng góp phần quyết định quan điểm của Giáo Hội đối với Do Thái giáo. Phaolô còn trình bày hai đặc tính của rao giảng: tôn trọng các chân lý cổ truyền và nỗ lực suy nghĩ cặn kẽ thêm lần nữa. Các thư của ngài ngoài việc là những tài liệu nhân bản về mối quan tâm mãnh liệt và quan trọng cho một nghiên cứu thần học sâu xa về sứ mạng của Đức Giêsu, còn chứa đựng chứng cứ bằng văn bản xưa nhất về Đức Giêsu. Một số thư còn sớm hơn các sách Phúc âm. Hai bức thư gửi tín hữu Thessalônica (tại Salônica) xuất hiện từ năm 51 hoặc 52 sau C.N., và các thư gửi cộng đoàn ở Corinthô, Rôma và Galat xuất hiện chỉ vài năm sau.

### *Bằng chứng xưa nhất về Đức Giêsu*

Gần đây, việc nghiên cứu kinh thánh bằng phương pháp đối chiếu đã phát hiện trong các thư ấy có những phần còn cổ hơn. Chúng là những tóm tắt ngắn gọn về toàn bộ công việc của Đức Giêsu. Phaolô hình như ghi lại từng chữ từ các lời truyền khẩu. Từ ngữ dùng trong các phần ấy khác lối phát biểu minh bạch thông thường của Phaolô. Trường hợp điển hình nhất là 1 Cr. 15:3-5 (xem thêm Rm. 1:1-4; 1 Tx. 1:9-10, vv.). Trong đó khẳng định rằng Đức Giêsu đã thực hiện Kinh Thánh bằng việc chết, bị mai táng và sống lại, rằng ngài được tôn vinh bên hữu Chúa Cha cho sự giải thoát chúng ta. Tóm lược

cổ xưa nhất của toàn bộ mẫu nhiệm này được gọi là *Kèrygma*, nghĩa là lời công bố (của một sứ giả). Chúng ta thấy có một cấu trúc tương tự như thế trong các diễn tả của các Tông đồ ở sách Công Vụ.

Bằng chứng khoa học về sự hiện diện ấy dưới hình thức sớm sủa nhất của *kèrygma* không phải không quan trọng. Đã có lí thuyết cho rằng đức tin Kitô giáo chẳng là cái gì cả ngoài huyền thoại về một vị thần đã chết và sống lại, tự nguồn gốc không dính dáng gì tới một nhân vật lịch sử nào. Huyền thoại đó về sau, người ta nói, mới được gán cho Giêsu Nagiarét. Rồi cũng có giả thuyết cho rằng câu chuyện cuộc đời Đức Giêsu ban đầu chỉ là một chuyện kể bình thường, không có bất cứ biểu hiệu nào cho sự cứu độ. Đặc tính cứu độ chỉ được gán vào dần dần theo diễn biến trầm tư về câu chuyện ấy.

Những lời tuyên bố (*kèrygma*) cổ xưa đó cho thấy, ngay từ đầu cả sự kiện lịch sử lẫn ý nghĩa bên trên lịch sử là tâm điểm của thông điệp này. “Đã chết và được mai táng” - lịch sử; “theo lời Kinh Thánh”, “sống lại” và “được tôn vinh” cho sự cứu độ chúng ta - bên trên lịch sử. Từ khởi thủy, toàn bộ thông điệp của Kitô giáo là ở đó.

Chúng ta nên trình bày tóm gọn phần còn lại của Tân Ước, vì như đã nói ở phần đầu cuốn sách này, thật quan trọng cho bạn có một cuốn Thánh Kinh ở nhà để dùng kèm với cuốn giáo lí này.

Các thư gửi tín hữu được viết ra do những dịp đòi hỏi cách riêng và vì thế, phản chiếu cách tự phát cuộc sống, gian nan và suy tưởng của Giáo Hội sơ khai. Sách Khải Huyền mạc khải bối cảnh lịch sử bằng những biểu tượng

có tính cách khải thị. Rõ ràng nó chứa đựng những ngụ ý về các cuộc bách hại thật sự, nhưng nó không quan tâm lắm đến lịch sử cho bằng đến cuộc chiến đấu mãnh liệt giữa thiện và ác đằng sau toàn bộ lịch sử. Ta có thể có được ý nghĩa của sách này và cảm thấy tác động của nó mà không thể hiểu hết các chi tiết.

### *Kinh Thánh là một nền tảng thường trực*

Thời đại các tông đồ không chỉ là một khởi thủy. Đó còn là một giai đoạn nền tảng khi các nhân chứng mục kích hãy còn sống, và Thánh Linh “đưa các Tông đồ vào tất cả sự thật” (x. Ga. 16:13).

Do đó giai đoạn ấy có một giá trị độc đáo mà (các giai đoạn khác) không thể trội hơn được, vì đó là thời mà tất cả những gì Đức Giêsu mang đến đều được tập trung lại. Sau giai đoạn này, sự mạc khải vốn bắt đầu với Abraham và đạt thành tựu trong Đức Giêsu sau cùng “đã đóng lại”. Kể từ đó, Giáo Hội vượt qua những tình trạng khẩn cấp trong đó Giáo Hội đạt được cái nhìn vào bên trong sâu xa hơn của thông điệp và việc này thường được kèm theo bằng một cảm giác tươi mới. Nhưng chủ yếu là không có gì mới được thêm vào. Và cũng bởi lí do ấy mà các văn bản Tân Ước có giá trị vô song. Giáo Hội đã lập danh sách (qui điển) các sách thiêng liêng này vào khoảng năm 150 sau C.N., lần sàng lọc đầu tiên rất cẩn thận, loại ra những phúc âm và văn bản vô căn cứ hoặc giả mạo.

95-97  
537

Trong việc lập thành qui điển này, Giáo Hội có sự hướng dẫn bất khả ngộ của Chúa Thánh Thần, như Giáo

Hội đã tin, và đó là điểm quan trọng nhất. Phía Cải Cách cũng công nhận Tân Ước gồm những sách thẩm quyền đó. Cũng cùng khoảng thời gian đó, các biểu tượng của bốn sách Phúc âm (không phải bốn tác giả) được chọn theo bốn sinh vật thụ tạo trong Êdêkien và Khải Huyền 4, bốn sức lực mạnh mẽ và bốn giọng nói qua đó Đức Giêsu hành động. Biểu tượng hiện nay cho bốn cuốn là: người cho Matthêu, sư tử cho Máccô, bò tơ cho Luca và phượng hoàng cho Gioan.

### *Quyền năng tư tế*

Như vậy, các văn bản nền tảng này không cần được thay thế. Có khác biệt với các nhà lãnh đạo thời nguyên thủy. Văn bản còn đây mà người thì đã khuất. Đó là ý muốn của Chúa để sự hiện diện của ngài không chỉ hiện thân trong những thừa tác vụ thường trực nhằm phục vụ cho Giáo Hội mà còn phú cho quyền bính. Phêrô và các Tông đồ truyền lại trách vụ người cai quản lại cho các giám mục với tất cả sự đầy đủ của nó, và phần nào cho các linh mục và các phó tế. Dĩ nhiên các Tông đồ không thể truyền lại cho những người khác trách vụ làm người thành lập. Những người kế vị họ thực hiện trách vụ ấy để cai quản, chủ trì Phép Thánh Thể, tha tội và đưa ra các chỉ dẫn. (Sẽ nói nhiều hơn về vấn đề này trong chương thừa tác vụ).

553-555

### *Làm một với Chúa sống lại*

Như thế Giáo hội đi vào lịch sử để làm nước Thiên Chúa sống động trên thế gian. Giáo Hội hiểu rằng mình

là đối tượng của tình yêu của Đức Giêsu, và như cô dâu, Giáo Hội ngóng đợi ngài: “Đức Kitô đã phó nộp mình vì Hội Thánh... hầu cho Giáo Hội có thể trình diện trước mặt ngài trong vinh quang” (Ep. 5: 25-27).

Thật sự, sự hiệp nhất của Đức Kitô và Giáo Hội có thể được diễn tả với một sức mạnh lớn lao hơn nữa. Phaolô tiếp tục: “Quả có ai bao giờ lại đi ghét xác thịt mình trái lại người ta dường nuôi mặc ấm, cũng như Đức Kitô xử với Hội Thánh” (Ep. 5:29-30). Qua Chúa Thánh Thần, Giáo Hội hiệp nhất hết sức mật thiết với Đức Kitô tới độ Phaolô có thể gọi Giáo Hội là xác thịt ngài. Để giữ lại xác thịt của Đức Kitô và như thế, để trở thành đích thực hơn, Giáo Hội ăn và uống mỗi ngày, bên trong cũng như <sup>562,581</sup> bên ngoài, qua miệng và qua tai của ta. Phép Thánh Thể, là thân mình của Đức Giêsu.

### *Mẹ Maria là hình ảnh của Giáo Hội*

Giáo Hội tiên khởi có người mẹ của Đức Giêsu ở giữa mình. Theo tiếp diễn các thời tông truyền, Giáo Hội càng ngày càng nói nhiều về mẹ. Hai sách Phúc âm cuối, Luca và Gioan nói đến mẹ ở những chỗ quan trọng nhất.

Lúc Truyền tin, mẹ tượng trưng cho dân tộc Israel. Ngày Hiện xuống, mẹ xuất hiện là biểu tượng của dân tộc mới của Thiên Chúa, người đàn bà sau khi sinh nở <sup>141-143</sup> không còn nghĩ đến cơn đau khi trở dạ của mình (Lc. 2:35; Ga. 19:35). <sup>295</sup>

Như thế, Giáo Hội, mà mẹ Maria là hình ảnh, bao gồm mọi người chúng ta. Trong ý nghĩa này, mẹ Maria là chị của chúng ta. Nhưng Giáo Hội cũng là một người mẹ của



chúng ta. Và theo ý nghĩa ấy, mẹ Maria là mẹ chúng ta và mẹ là hiện thân sống động của Giáo Hội.

779-781

Chúng ta có thể bày tỏ với mẹ trong niềm tin cậy và điều này giúp chúng ta nhìn Đức Giêsu với con mắt mới và tiếp xúc với ngài dễ dàng hơn. Quả thật, cuộc sống dân Thiên Chúa, trong Giáo Hội Phương Tây và Phương Đông cho thấy rằng đó là con đường đến với Chúa. Người tín hữu nghe Đức Giêsu nói với mình: Con, này là mẹ con. Và nghe những lời: Mẹ, này là con mẹ. Mẹ Maria thương yêu ấp ủ con cái của Giáo Hội. Công cuộc cứu độ chúng ta không chỉ siêu phàm hơn, mà còn có tính người hơn là ta nghĩ.

### *Lịch sử chuyển động về một cùng đích*

Giáo Hội ngày nay trở nên thành phần của lịch sử. Bao lâu thì lịch sử kết thúc. Đức Giêsu không đưa ra câu trả lời. Thử sơ khai, các Kitô hữu nghĩ là ngày kết thúc đã gần kề. Cô dâu tỉnh thức, nhận nại. Nhưng ngay đương thời của các Tông đồ, đã có bằng chứng là lịch sử nhân loại còn tiếp diễn dài lâu. Tuy thế, Giáo Hội giữ tỉnh thức. Chúng ta thấy trang cuối của Kinh Thánh kết thúc với những lời: “Và Thần Khí và Tân Nương nói: ‘Xin hãy đến! Và ai nghe được hãy nói: Xin hãy đến! Ai khát, hãy đến’. Đấng làm chứng cho các điều ấy phán: ‘Phải kíp đây, Ta sẽ đến!’ Amen! Xin hãy đến! Chúa Giêsu!” (Kh. 22:17-20). Nỗi khao khát và ý muốn kiên định này cho lịch sử tính nhất quán và định hướng. Lịch sử không là một chu kỳ lặp lại chính nó cách vô tận. Cũng không là sự vận hành không nơi nương tựa, hướng tới hủy diệt.

Nhân loại tạo ra con đường của mình hướng về một gặp gỡ <sup>85.105</sup> trong yêu thương. <sup>151</sup>

## LỊCH SỬ GIÁO HỘI

### *Cho đến năm 311. Những cuộc bách hại*

Cuộc mạo hiểm bắt đầu. Thông điệp bắt đầu lan truyền trong một thế giới, như Phaolô nói, là “vô tâm, bất nghĩa” (Rm. 1:31). Nhưng cũng có sự thật là trong thế giới ấy đang mãnh liệt tìm kiếm Thiên Chúa tuy đôi lúc bị lạc lối. Thật ra, nhân loại vốn xuất phát từ Thiên Chúa đã đạt được hình thức văn hóa và tạo nhâ nhất định. Thí dụ, trong Virgil, một thi sĩ La tinh, ta đọc thấy nỗi khát khao chân thành sự thiện và lòng mộ đạo. Và đã tổ chức được Nhà Nước thống nhất rất hiệu quả tới độ có thể có sự truyền thông giữa loài người. Cảm ơn thừa *Thái Bình La Mã* (Pax Romana). <sup>630</sup>

Nhưng trong thế giới ấy, bách hại là phản ứng đầu tiên đối với sự có mặt của Kitô giáo. Đế quốc La Mã nhận ra là đã có một lực lượng đang tác động, rõ ràng là có tính cách trung thành, nhưng với một quyền năng mà căn bản không xuất phát từ Nhà Nước. Với sự vận động âm thầm, vu cáo đổ ngược cho các Kitô hữu chịu trách nhiệm việc Nêron đốt cháy kinh thành La Mã vào năm 64 sau C.N., lửa bách hại bùng lên.

Một tài liệu khoảng năm 111-113 cho thấy làm thế nào mà luật pháp La Mã, với tất cả sự tinh tế của nó, lại

có thể biến thành tai họa - như đã có lần như thế dưới quyền Pilatô. Tất cả bị sửa chữa lại cách tài tình khi một trong các minh quân của La Mã, Trajan, viết cho vị quan trẻ hơn mình, tổng trấn Pliny ở vùng Tiểu Á: “Khanh giữ đúng đường lối, Pliny thân mến của trẫm, khi xem xét trường hợp của những ai tuyên xưng với khanh chúng là Kitô hữu. Không có luật lệ cứng rắn hoặc tức thời nào được đề ra mà có thể áp dụng được ở mọi nơi. Chúng sẽ không bị truy lùng. Nếu chúng bị tố cáo, và lời buộc tội có chứng cứ, chúng sẽ bị trừng phạt. Tuy nhiên nếu chúng chối mình là Kitô hữu và chứng tỏ rõ ràng điều ấy bằng cách cầu khẩn các vị thần của chúng ta, chúng sẽ được tự do vì sự công khai từ bỏ của chúng, dù cho chúng bị nghi ngờ như thế nào trong quá khứ. Hoàn toàn không cần nhắc đến những lời tố cáo nặc danh khi xem xét lời buộc tội. Bất cứ điều gì khác cũng là tiền lệ xấu và hoàn toàn không thích hợp với thời buổi chúng ta.”

Lá thư căn trọng này là để phúc đáp một thư của Pliny trong đó có thể tóm gọn bằng một lời, “Hạ thần không thấy những người này có lỗi gì”. Tuy nhiên, những người đó sắp bị trừng phạt vì “tính bướng bỉnh” và “mê tín” của họ.

Bằng những lời bào chữa khác nhau và vì những lí do khác nhau, người ta bách hại và giết các Kitô hữu trong ba trăm năm, trong đó cũng có vài khoảng thời gian bình yên. Có những mẫu chuyện về sự tàn bạo điên loạn và lòng kiên định quả cảm. Trong các hành lang dưới lòng mộ địa (hầm mộ) người ta thấy một chữ phổ biến nhất, là pax, bình an.

Một số thư được bảo tồn từ thời vị giám mục cao niên thành Antiôkia, Thánh Inhaxiô, bị ném cho thú vật khoảng năm 100 sau C.N. Ngài viết: “Tôi là lúa mì của Thiên Chúa và tôi sắp bị nghiền nát trong hàm răng của các thú vật hoang dại, để được tìm thấy bánh tình khiết của Đức Kitô.. Lửa, thánh giá và chiến đấu với thú vật, rách nát, xé ra từng mảnh, bể gãy xương, xoắn chân tay, vỡ nát toàn thân, hành hạ bởi sự dữ — mọi dự đều có thể thành linh ập đến trên tôi. Ước gì tôi có thể đến với Đức Giêsu Kitô... Hãy cho tôi tiếp nhận sự sáng thuần khiết; một khi tôi đạt tới điểm đó, *tôi sẽ là một con người*” (Inhaxiô gửi cộng đoàn Rôma).

Các thánh tử đạo được thêm muốn và sùng kính. Họ không bị coi là khuôn mặt quá vãng, mà là hằng sống trên thiên đàng vốn hiện hữu ở bất cứ nơi nào được nghĩ đến. Kitô hữu cầu xin các thánh tử đạo cầu bầu cho mình. Để tỏ lòng tôn kính các vị thánh đã được nảy sinh từ đức tin và sự tái sinh, ngày tử đạo của các vị được gọi là ngày sinh nhật (khánh nhật).

369

772-779

Các thế kỷ bách hại ấy sản sinh một số nhà văn vĩ đại mà nỗ lực lớn lao đầu tiên của họ là trầm tư về thông điệp phát xuất từ các nhà tư tưởng Kitô giáo.

Khoảng năm 200 sau C.N., có Irênê Liông, người bảo vệ phúc âm chống lại các phái dị giáo; Ôrigen ở Alexandria, một học giả cao siêu về Kinh Thánh và là nhà tư tưởng Kitô giáo vĩ đại nhất vào thời ấy; Tettulian, một luật sư thành Căcthagơ với ngòi bút châm chọc chua cay, sau này li khai lập thành một giáo phái bất thỏa hiệp; và Cyprianô thành Căcthagơ, một thời từng là môn sinh của Tettulian.

353-613

Việc cai quản cộng đoàn thời ấy sẽ được mô tả ngắn gọn trong chương thừa tác vụ

### *Từ sau năm 311. Giáo Hội hội nhập xã hội*

Sau ba thế kỷ, một hoàng đế La Mã trở thành Kitô hữu. Đó là Constantinô Đệ Nhất (vào năm 311). Giáo hội bắt đầu kết giao với đế quốc bao la đó. Đây là một biến cố quan trọng nổi bật trong lịch sử dân Thiên Chúa.

Việc đầu tiên đập vào mắt là số lượng các thánh đường tráng lệ được xây dựng từ thời gian ấy trở đi (một số nay hãy còn). Không giống các đền thờ ngoại giáo là diện thờ thần để dân chúng từ bên ngoài bái vọng vào, thánh đường là một tòa nhà kiến trúc rộng rãi, trang hoàng bên trong và có thể chứa được đám đông - “kiểu kiến trúc dân chủ đầu tiên”. Với dân Thiên Chúa, thánh đường thật sự là nơi Thiên Chúa hiện diện, nơi của Mình Thánh Đức Kitô.

Nhà thờ nơi chôn cất Thánh Phaolô (ở bên ngoài thánh đường Walls) và Santa Maria Magiônê tại La Mã, và còn nhà thờ Bêlem sâu, xây với hai cột, là những kiểu mẫu đầu tiên cho kiểu kiến trúc thánh đường từ thời này. Thánh đường Hagia Xôphia ở Costantinôp với vòm tuyệt vời có sau đó ít lâu, khoảng vài năm sau 500.

Trong thời đại này, có các nhà tư tưởng lớn thảo luận thông điệp Đức Kitô ở một trình độ tư tưởng cao. Các vị ấy được gọi là Giáo phụ của Giáo Hội. Ở Phương Đông có Athanaxiô, Basiliô, Grêgôriô Nadiandêrô, Grêgôriô Nisa và khuôn mặt thân ái của Gioan Chrysostom với tài hùng biện phong phú và nổi tiếng. Các vị là những học

giả và là những nhà cai quản giáo phận rộng lớn; giữ sự giao tiếp liên tục với dân Thiên Chúa cũng như suy tư về các công trình của Thiên Chúa và bản tính của ngài.

Ở Phương Tây cũng thế, các nhà tư tưởng vĩ đại nhất là những đấng cai quản và giáo sĩ: một Ambrôsiô mãnh liệt, tiếp thụ nhiều tư tưởng của Ôrigen, và Augustinô rất nhân bản, người mà những phiêu du tâm linh đã mang tác phẩm tuyệt diệu Tự Thú (Confessions) của mình đến gần với tâm tình của chúng ta. Trong các vấn đề mà Augustinô thảo luận và làm sáng tỏ dưới ánh sáng truyền thống, có lẽ quan trọng nhất là chân lý rằng con người không thể tự giải phóng mình khỏi tội lỗi. Ân sủng của Thiên Chúa là tuyệt đối cần thiết. Giêrômê, một học giả vĩ đại về Kinh Thánh với lối nói sắc bén, là một trong những khuôn mặt lớn lao không phải là giám mục hay nhà cai quản. Tất cả những vị ấy đều sống khoảng năm 400 sau C.N. Đức Thánh Cha Lêô Cả, người đương đầu với Attila, đã viết rất sâu sắc về sự nhập thể của Đức Kitô (khoảng năm 500 sau C.N.). Đức Thánh Cha Grêgôriô Cả, người cai quản khoảng năm 600 sau C.N., sưu tập và tổng kết nhiều kiến thức của các thời đại trước đó của Giáo Hội. Ngài là một trong những nhà cai quản xuất chúng, và là vị giáo hoàng đã sai các nhà truyền giáo tới nước Anh.

Cuộc đời các vị ấy rất kiên định thủy chung với học thuyết của mình, tới độ được phong thánh.

Các công đồng được triệu tập để giải quyết những vấn đề nghiêm trọng. Có ba công đồng quan trọng nhất trong các thời kỳ này, đã được đề cập tới trong diễn tiến

thảo luận của chúng ta về cuộc đời Đức Giêsu. Chúng ta thấy ở đây có nhiều vấn đề khiến Giáo Hội phải bận rộn. Và Giáo Hội không dung thứ cho những lý giáo hay dị giáo. Gần như cứ mỗi ý kiến bị công đồng bác bỏ lại được một nhóm ủng hộ. Cùng một lúc, hai phía hỗ trợ hai bên làm vấn đề mờ mịt đi, do bởi những nhược điểm có tính cách con người, sự thiếu tế nhị và niềm tự hào quốc gia. Ariô gây sự li khai lớn rộng nhất. Cho mãi suốt hàng thế kỷ sau, lý thuyết của Ariô vẫn còn mạnh.

Lúc này Đế quốc La Mã đã hỗ trợ đức tin. Rõ ràng là thông điệp của Đức Kitô không chỉ được lan truyền và phát triển dưới sự bách hại, mà còn cả trong thời bình an nữa.

Nhưng sự giúp đỡ của Đế quốc cũng mang đến với nó hiểm họa chí tử. Các hoàng đế can thiệp vào việc giải thích thông điệp. Người ngoài Kitô giáo chịu bất lợi đau khổ. Chiến tranh xảy ra nhân danh Đức Kitô. Giáo Hội bị đe dọa đồng nhất hóa với một quyền lực trần gian nhất định, và như thế, với sự đánh mất tính chất mộc mạc và phổ quát của thông điệp.

148-150

391-392

Dĩ nhiên có tác động ở chiều đối nghịch. Giáo Hội hàng ngày rao giảng lối xử sự khôn ngoan tốt lành và bao dung cho xã hội. Nhưng, sự đồng nhất con đường của Đức Kitô với định chế chính trị là một đe dọa đã có có thể không hoàn toàn nhận ra hết. Căn bản, mọi người đều biết rằng Đế quốc La Mã không giống nước trời của Đức Kitô. Và khi Đế quốc La Mã bị sụp đổ ở Phương Đông, đức tin tiếp tục đi theo con đường của mình.

### *Sau năm 400. Phát triển giữa các dân tộc Gécman*

Phúc âm bén rễ giữa các dân tộc Gécman lúc đó đang lan tràn ở Châu Âu. Những người Frank, hiệp nhất với Giáo Hội phổ quát vào khoảng năm 500. Sác-lơ-man, một trong các hoàng đế của vương quốc này khoảng năm 800, là một nhân vật tối thượng, nhắm thiết lập một quan hệ vững chắc giữa Kitô giáo và Nhà Nước thế tục. Đã xảy đến một số ảnh hưởng tốt, cũng như đã cải biến được nhiều sự dữ. Nhưng thêm lần nữa, sự đồng nhất hóa hoàn toàn giữa Giáo Hội và Nhà Nước là điều không thể được, chỉ vì Giáo Hội rõ ràng là bao quát hơn vương quốc Frank. Một số nước nằm ngoài vương quốc ấy đã trở lại đạo rất sớm như Ai Nhĩ Lan, nước Anh cũng thế và miền nam nước Ý, nhiều vùng của Tây Ban Nha và toàn thể Phương Đông Kitô giáo. Và ngay bên trong lãnh thổ mình, Sác-lơ-man biết rằng quyền lãnh đạo của ông trong Giáo Hội chỉ hành xử trong sự kết hợp với Đức Thánh Cha và các giám mục.

Về vấn đề Đức Thánh Cha: Thành phố La Mã và vùng phụ cận được người kế vị Sác-lơ-man hiến cho những người kế vị Phê-rô. Do đó, Đức Thánh Cha hành xử quyền thế tục của mình tại nơi đó. Kết quả của sự hiến tặng này là từ đó trở đi, trung tâm của Giáo Hội không lệ thuộc vào bất cứ chính quyền nào khác. Có lẽ điều này mang lại lợi thế cho việc rao giảng phúc âm nhưng đôi khi cũng là cơ hội gây tổn thương nghiêm trọng.

### *Giáo Hội Phương Đông*

Đế quốc La Mã tiếp tục hiện hữu ở Phương Đông, lúc này tập trung vào Bizantiô, Constantinôp. Ngay sau



đó, việc lan truyền phúc âm bên ngoài biên giới Đế quốc bị cản trở thê thảm bởi các rào chận tới phương đông và phương nam. Khoảng năm 600, một vị được gọi là Mêhamét xuất hiện tại sa mạc A rập rao giảng một học thuyết rất giản dị và là một hình thức độc thần giáo rất con người, là Hồi giáo.

Ở đây, chúng ta thấy nảy sinh một trong những điều bí ẩn đau đớn nhất trong cuộc sống Giáo Hội: làm thế nào mà đức tin vào Đức Kitô có thể biến mất hoàn toàn tại các vùng đất đó. Tại Bắc Phi, quê hương của Augustinô, không còn cộng đoàn Kitô hữu nào. Nhưng người Hồi giáo rất khó khuất phục được thông điệp của Đức Kitô, như họ ngày nay vẫn gặp khó khăn. Dù họ là anh em chúng ta trong đức tin vào một Thiên Chúa mà đã được mạc khải trong Đức Kitô, và từ đó đưa tới vấn đề sứ mạng của con người ở trần thế. (Xem thêm các chương “Hồi giáo” và “Cứu độ”). Giáo Hội Phương Đông lan truyền rất rộng lớn khi rao giảng phúc âm hướng về phương bắc, xa tới tận nước Nga. Nhưng đó là rất lâu về sau, khoảng năm 1000.

### *Từ khoảng năm 900 - 1000. Đêm trường Trung Cổ*

Sau thời Sác-lô-man, xảy tiếp là những ngày ác liệt ở phương Tây. Xã hội bị tan nát bởi các cuộc xâm lăng của các bộ lạc Á Đông và hải tặc Scandinavia và Saraxen. Tại La Mã, việc chọn lựa các giám mục, và như thế, chọn Đức Thánh Cha nằm dưới sự kiểm soát đầy tranh chấp của các gia đình công tước. Chưa bao giờ có những người không xứng đáng như thế ngồi trên ghế của Thánh Phêrô.

Thế kỉ từ năm 900 đến 1000 có thể là tăm tối nhất của Thời đại Đêm trường Trung Cổ.

Như thế, không chỉ đơn thuần là vấn đề hiểu sai một dụ ngôn biểu tượng trong sách Khải Huyền 20:1-10 nhưng còn vì họ nghĩ là họ thấy phương Tây sụp đổ chung quanh họ, đến nỗi nhiều dân tộc chờ đợi ngày tận thế vào năm 1000. Các cơ nghiệp bị phá sản, lịch sử đã đi hết dòng diễn biến của nó. Đây là thời kì Chúa đến.

### *Sau năm 1000. Phát triển*

Ngài đến. Có điều không theo cách người ta kì vọng. Đây là mùa xuân thứ hai. Một trong các văn sĩ ngày đó đã viết: “Nó xảy đến như thể thế gian bỏ chiếc áo choàng cũ qua một bên và mặc vào y phục trắng như tuyết của các giáo đường” (Rudolf Glaber). Những kiến trúc mới, thường bằng đá có nhiều màu sắc sáng ngời, biểu hiệu một quyền lực mới của thiêng liêng trong cuộc sống.

Một sự kiện quan trọng là tu viện Bênedictô (Biển Đức) thành Cluni được thành lập tại miền đông nước Pháp năm 909, với mục đích thể hiện lí tưởng tu trì trọn vẹn bằng tất cả sự thanh khiết. Một trong những mục đích là bảo đảm rằng quyền hành thế tục không can thiệp vào cuộc sống tâm linh. Vì thế, tu viện tự đặt mình trực tiếp dưới quyền của Đức Thánh Cha. Sự tự do (*libertas*) này thoát khỏi can thiệp của các quyền lực thế tục này làm chứng cách chính xác điều mà đời sống Kitô giáo cần trong mọi thời. Nhiều cơ sở tương tự được thành lập kế tiếp, sau cùng, Dòng tu Bênedictô Cluni lan tràn khắp Châu Âu. Dòng tu này không có tham vọng hình thành

một phong trào chính trị nhưng những lí tưởng mà nó thể hiện không phải là không có ảnh hưởng trong lãnh vực chính trị. Đã có những nỗ lực bao quát để phân cách quyền bính thế tục và các tổ chức của Giáo Hội.

Một trong những kết quả đầu tiên là giải phóng việc tuyển lựa giáo hoàng khỏi sự chi phối của hoàng đế và giới quý tộc La Mã. Rồi đến tranh chấp với quyền lực thế tục trong vấn đề “phong chức”, việc ban các huy hiệu nhiệm vụ giám mục, gồm cả việc bổ nhiệm giám mục: có thói quen truyền miên của một quân vương là trao cho các giám mục cai quản luôn cả quyền thế tục trong giáo phận của họ, vì khi các giám mục không có lợi ích nơi triều đình thì họ ít bị các âm mưu bất trung xúi dục. Điều này thực tế có nghĩa gián dị là hoàng đế hoặc nhà vua muốn bổ nhiệm các giám mục. Các đòi hỏi quá đáng đó bị giảm thiểu tới một tỉ lệ hợp lí hơn vào năm 1122, với sự đồng ý là Giáo Hội chỉ định giám mục, với sự có mặt của sứ giả triều đình lúc tuyển định. Việc làm này vừa đánh giá đúng mức sự kiện giám mục trước hết là người của Giáo Hội, vừa bảo vệ được quyền lợi của vương quốc.

#### *1054. Việc tách rời giữa Phương Đông và Phương Tây*

Giáo Hội nay độc lập hơn với quyền hành thế tục và Đức Thánh Cha là nhân vật xuất chúng hơn trước nhiều, nhưng sự tự do này mang cùng với nó những nguy hiểm nhất định. Người ta nhấn mạnh đến sự khác biệt trong tâm trạng và bầu khí khi so sánh với Giáo Hội Phương

Đông, nơi mối liên kết giữa Giáo Hội với Nhà Nước luôn luôn rất chặt chẽ.

Quan hệ giữa Rôma và Bizantiô đã thường căng thẳng trong các thế kỉ trước. Sự hiệp nhất đã khó duy trì mặc dù những dị biệt về công thức thần học (việc sở hữu Thánh Linh qua Chúa Con), thực hành phụng vụ (bánh có men hay bánh không men) và quyền năng tinh thần (quyền tối thượng của Tòa Thánh?). Bối cảnh chính trị cùng với sự khác biệt ngôn ngữ và văn hóa đã làm các vấn đề trên phức tạp thêm.

Việc tách rời sau đó xảy ra vào thế kỉ mười một, 1054 là năm đỉnh mệnh. Từ đó, Giáo hội Phương Đông, với học thuyết không sút mẻ và các phẩm trật vững chắc của mình, không hiệp nhất với Tòa Thánh của Thánh Phêrô nữa.

Vào năm 1965, lúc kết thúc Công đồng Vatican Hai, việc đôi bên dứt phép thông công nhau từ năm 1054 nay được tuyên bố chấm dứt như một dấu hiệu hòa giải. Điều này không tẩy sạch những khác biệt trong cách nhìn giữa hai Giáo Hội, nhưng là một bước tiến, như chúng ta hi vọng, trong chiều hướng hiệp nhất.

Truyền thống của Giáo Hội Phương Đông được đánh dấu bởi niềm tôn kính vô hạn vào sự oai nghiêm của Thiên Chúa. Sức sống tinh tế và dịu dàng của niềm tin tôn kính đó xuất hiện cách rõ ràng trong phụng vụ. Nếu còn chỗ cho phép, chúng tôi sẽ vui sướng để nói về lịch sử chứa chan này, nhưng chúng ta phải tiếp tục phân lịch sử của Giáo Hội vốn liên quan mật thiết tới chúng ta, không tránh được.

*Các thế kỉ mười hai và mười ba: cao điểm*

Phương Tây đi theo đường phân li của mình, ít học thức hơn Phương Đông nhưng với sức sống lớn lao. Được khởi hứng với các nhà tư tưởng mới, thí dụ như một trong các vị ấy là Tổng Giám mục nhân đức thành Cantêburi, thánh Alsêmo (khoảng năm 1100). Những văn bản mới được khám phá xuất phát từ thời cổ Hi Lạp, đặc biệt của Aristốt, đòi hỏi được đối chiếu với tư tưởng Kitô giáo. Các đạo quân Kitô hữu viễn chinh tới Palestin với lòng sốt sắng mãnh liệt để giải phóng Đất Thánh khỏi các lãnh chúa Hồi giáo, một chuỗi các cuộc Thập tự chinh không thiếu lí tưởng cao cả tuy lối phô bày của nó dĩ nhiên có tính cách trung cổ.

Các nhà thờ chính toà tuyệt mỹ và các thánh đường tu viện được xây dựng, bắt đầu cho một kiểu thức hùng vĩ và thanh khiết được gọi là kiến trúc La Mã, và ít lâu sau, phát triển ở Pháp thành kiểu kiến trúc Gôtíc hoa mỹ.

Đã đạt tới một cái nhìn mới vào bên trong tính chất mọc mạc của phúc âm. Loài người tự mình đã nên nhân tính hơn, khám phá bản tính loài người của Đức Giêsu cách riêng biệt. Thí dụ Bernadô Clerô và Phanxicô Assissi. Một cuộc chạm trán thú vị giữa đức tin và lí trí xảy ra trước mắt các Kitô hữu Phương Tây trong hệ thống sâu sắc và trong suốt của Tôma Aquinô, người dùng các hình thức tư duy của Aristốt để nói về thông điệp mọi thời của Đức Kitô. Lúc này phát sinh văn minh đô thị sản sinh ra những hạng người mới thực hành đức tin trong môi trường mới của thành phố. Tình trạng nông nô, vốn đã bị cấm chỉ nghiêm ngặt, nay biến mất thật sự với các cuộc Thập tự chinh.

Quá thật tại Châu Âu, thế kỷ mười ba dường như là thời kỳ ân sủng trong lịch sử Giáo Hội của Đức Kitô. Lúc đó có một vị vua sau thành thánh. Bản thân ngài là người phân xử vô tư giữa các vị vua. Ngài tự theo sáng kiến của mình mà thật sự nhường lại đất đai, xuất phát từ cảm giác thuần khiết về công lí (kết thúc Cuộc Chiến Một Trăm Năm). Vị vua này, Thánh Lu-i nước Pháp, chết trong cuộc thập tự chinh mà ngài không có ý định tham dự, như nhiều người khác đã làm vì chiến lợi phẩm và phiêu lưu. Nhà thờ Sainte Chapelle ở Paris được dành để tưởng nhớ vị vua này, người trước đó đã xây cất nhà thờ ấy như một đền thờ cho vương miện bằng gai được nói là của Đức Kitô.

Một số hiện tượng mà chúng ta thấy kinh hoàng vào cuối thời Trung Cổ, chỉ xuất hiện ở mức độ rất hạn chế trong thế kỷ mười ba. Việc thiêu phù thủy thịnh hành cách riêng tại những vùng đất Gécmán chỉ trở thành nổi bật khoảng năm 1500, dù nó vẫn còn tàn phá dai dẳng cho mãi đến thế kỷ mười tám. Còn ưu thế vượt trội của phép lí luận và những suy tưởng pháp lí trong thần học thì chỉ đến phần cuối thời Trung Cổ.

### *Tòa án Dị giáo*

Tuy nhiên, ngay trong thế kỷ mười ba đã xuất hiện nhiều việc kinh hoàng. Cơ hội cho vạ việc tệ hại nhất đó xảy ra như sau. Một xã hội sống động trong hòa hợp cách thức tổ giữa trí tuệ và tâm linh bị thử thách bởi một hình thức tư tưởng khác do những người hiến thân, được tổ chức tốt và hoạt động mạnh mẽ, để loan truyền tư tưởng của họ cho người chung quanh. Họ là những

người theo phái Cathari, mà những tín đồ Albigensơ đã từ đó thành lập một nhóm đặc biệt. Họ cho rằng giữa Thiện (các linh hồn thanh khiết) và Ác (phần còn lại của vạn vật hiện hữu) có những đối lập có tính cách nền tảng. Họ tuyên bố việc hôn nhân và sinh nở là một sáng kiến của Satan, từ khước sự tuyên thệ trung thành (thời ấy là căn bản của xã hội) và các phép bí tích, công việc mục vụ trong Giáo Hội, các ngày lễ trọng, xây cất nhà thờ, v.v. vân vân.

Toàn thể xã hội phản ứng chống lại các phong trào ấy, cả chính quyền dân sự lẫn các nhà cai quản Giáo Hội. Thường xảy ra trước năm 1200 là các tín đồ dị giáo bị dân chúng bắt treo cổ, "vì họ sợ hãi", như chúng ta có đọc thấy, "vì các giáo sĩ quá nhu nhược".

Khoảng năm 400, một giám mục như Gioan Chrysostom lên án việc giết người dị giáo là một trọng tội không tha thứ được. (Nhưng ngài không chống việc cấm các buổi họp và các bài diễn từ nhằm ngăn chặn việc loan truyền những điều sai lạc). Bécnađô Clevô (khoảng năm 1150) chống án tử hình dành cho người dị giáo, dù không chống việc bắt giam. Nhưng sau năm 1200, khi mối đe dọa của phái Cathari lên cao độ, các thủ lãnh Giáo Hội và Nhà Nước phối hợp sử dụng những biện pháp tàn bạo và bất công chống lại nguy thuyết. Vì các phong trào ấy đặt căn bản trên quan điểm tôn giáo, nên một giám mục hoặc một phán quan được Đức Thánh Cha chỉ định, có trách nhiệm xem xét (thẩm tra chính thức) và tuyên án dù người bị kết án có là dị giáo hay không. Tới giai đoạn đó, chính quyền thế tục chịu trách nhiệm về án phạt và thi hành (hầu hết là thiêu sống). Rõ ràng song

phương đều chịu trách nhiệm về các án tử hình, và không chỉ là “một bên cánh tay thế tục”. Những người giảng dạy ngụ ý thuyết bị đánh giá là những kẻ giả mạo tâm linh, bị xem còn tệ hại hơn làm bạc giả, nên hình phạt vốn đã sẵn nghiêm khắc. Sự xác tín rằng một tín đồ dị giáo nào đó nhất định bị diệt vong vĩnh viễn bao hàm ý nghĩa người thầy giảng dạy ngụ ý thuyết cũng là kẻ giết các linh hồn.

Có lẽ điều ấy có thể giúp chúng ta hiểu tại sao những người thánh thiện và vĩ đại thời ấy không lên tiếng chống các diễn biến đó. Cả Thánh Tôma Aquinô cũng chấp nhận Tòa án Dị giáo. Có điều chúng ta ngạc nhiên tự hỏi mình là làm thế nào mà một xã hội Kitô giáo lại tiến hành chống các quan điểm bất đồng với mình bằng sự khắc nghiệt giống Đế quốc La Mã đã bách hại Kitô hữu. Thêm lần nữa chúng ta thấy làm thế nào sự đồng nhất các quyền lợi của Giáo Hội và xã hội, giả dụ rất hoàn toàn vào thời ấy, có thể gây tổn thương đến tính chất mộc mạc và dịu dàng của phúc âm.

Ngoài Tòa án Dị giáo, còn những kiểu mẫu kinh hoàng khác. Nhiều khía cạnh của các lần Thập tự chinh, và sự hiện hữu của các phẩm trật hiệp sĩ tôn giáo và quân đội để lộ những nhược điểm của tình trạng Trung Cổ. Nó cho thấy làm thế nào Giáo Hội là một sự việc rất con người, phải vươn lên trong Thiên Chúa. Mà sự vươn lên đó có thể nhìn thấy được. Các hiệp hội chăm sóc người bệnh tật, ngăn ngừa hận thù chiến tranh, đã được liên tục thành lập trong thời kì này. Các hội viên dòng ba của Thánh Phanxicô - những người tu tại gia - từ bỏ việc mang vũ khí mà vào thời đó là một hy sinh rất lớn lao.



*Khoảng năm 1300-1500. Cuối thời Trung Cổ*

Thời kì này đạt tới cao điểm lòng tôn trọng quyền bính Đức Thánh Cha. Các xứ sở Kitô giáo mong đợi một yếu tố vượt quốc gia tại Châu Âu. Có lúc đã có sự đe dọa có một Giáo Hội mới mẻ có tính cách giải phóng có thể dẫn tới việc thống nhất các vùng đất hoặc các lãnh vực xã hội do chính quyền thế tục là tác nhân trách nhiệm.

<sup>687</sup> Nhưng từ năm 1300, ý thức quốc gia của nhiều Nhà Nước lớn mạnh hơn. Lúc này, nước Pháp có Đức Thánh Cha ở bên trong lãnh thổ mình, và nơi cư trú của ngài từ một La Mã sụp đổ và xâu xé tan nát dưới ảnh hưởng của Gécman đã chuyển tới Avignon Pháp. Do sự phối hợp bất hạnh của hoàn cảnh (một cuộc bầu cử giáo hoàng có tính cách tranh đoạt) mà có cùng lúc hai Đức Thánh Cha, một ở La Mã, một ở Avignon. Tình trạng bất ổn trầm trọng kéo dài. Có những vị thánh ở mỗi bên. Một công đồng được triệu tập không hữu ích bao nhiêu vì Đức Thánh Cha thứ ba do công đồng chỉ định không được bên nào chấp nhận. Trước lúc vấn đề ấy sau cùng được giải quyết tại Công đồng Constance (1417), sau gần bốn mươi năm hoang mang, Giáo Hội Phương Tây đã chịu thiệt hại nghiêm trọng.

Nhưng đó cũng là thời có những nhà thần bí để lại những kinh nghiệm thành văn của mình, và cũng là thời có những gương thánh thiện dũng cảm.

Các dòng tu nhắm đến sự mộc mạc và nghiêm nhặt triệt để hơn. Nhưng cũng có quá nhiều tài sản trong tay Giáo Hội, và như thế nhiều định chế cổ truyền đánh mất ý nghĩa từng có, và nhiều nhà cai quản của Giáo Hội bị nhiễm tinh thần trần tục và bê trễ. Lợi tức của cải tích

lũy trong tay những cá nhân không tương xứng với trách nhiệm gắn liền với họ. Nghiên cứu hiện đại cho thấy các việc ấy không là phổ quát. Nhưng ngay sự hiện hữu của chúng cũng đã đủ tệ hại. Tiếng gào cải cách bắt đầu thôi thúc.

Nhưng không xảy đến cải cách nào. Tại Ý, phong trào Phục Hưng bắt đầu sau năm 1400, một trang sử mới và rực rỡ bắt đầu. Và một số Đức Thánh Cha dành rất nhiều thiện cảm cho chủ nghĩa nhân bản mới này tới độ các vị ít chú ý tới sự đau khổ và bất hạnh đã lan rất rộng, đặc biệt phía bắc rặng núi Alpo.

### *Thế kỉ mười sáu. Ngũ hạ đường*

Tại ương lúc ấy ập xuống Giáo Hội, mà theo cùng với sự ra đi của Israel, việc phát sinh chủ nghĩa Ariô và thâm kịch li khai của Phương Đông, phải được kể là một tai ương lớn nhất chưa từng xảy đến. Sự phân li do Martin Luther phát động. Luther là người có tình cảm sâu xa, phát biểu bằng lối nói nhiệt tình của một tiên tri. Khoảng năm 1517, ông phát động ở Đức một phong trào mà tự nó nhận thấy là mình không thể ở lại trong Giáo Hội phổ quát.

343,361  
369

Những người khác đi theo, với những cái nhìn và những quan điểm có hơi khác biệt. Những kẻ xuất sắc nhất là Zwingli ở Thụy sĩ và Calvin, người Pháp khắc khổ và điềm đạm, thâm thấu sâu xa khái niệm về sự oai nghiêm tuyệt đối của Thiên Chúa.

Các từ ngữ Cải Cách, Phong trào Cải Cách và người Cải Cách, được sử dụng liên quan tới những phong trào lớn rộng do Luther, Zwingli và Calvin khởi xướng trong

thế kỉ mười sáu. Tiếng Thệ Phản (tại Việt Nam thường gọi chung là Tin Lành, ghi thêm của người dịch) được dùng không chỉ bao gồm các Giáo Hội Cải Cách mà còn chỉ những cộng đoàn Kitô giáo khác có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp tới Phong trào Cải Cách của thế kỉ mười sáu.

Trong chuyện này, cộng đoàn Công Giáo không tuyệt nhiên là không có lỗi. Rất nhiều người Công Giáo, bao gồm nhiều thủ lãnh của Giáo Hội, còn bị nô lệ vào tham vọng, ham muốn xác thịt và của cải. Họ trông nom Giáo Hội của Đức Kitô cách rất tệ hại. Tuy nhiên vẫn có những người thánh thiện và khôn ngoan trong Giáo Hội ở hàng giáo phẩm cũng như trong giáo dân. Những người này cung ứng các sức mạnh đưa đến cải cách trong lòng cộng đoàn Công Giáo.

Trong số họ có linh mục Erasmus ở Rotterdam, phát ngôn viên hóm hỉnh về sự dục dăng, cảm quan chung và chủ nghĩa nhân bản tinh tế. Nó chỉ mới đi được nửa đường lại không gặp thời khi phải tranh đua với ngọn lửa tôn giáo của Luther. Nhưng sự bao dung đầy tinh thần phúc âm của Erasmus dạy chúng ta hôm nay nhiều điều. Tại Anh, khuôn mặt quý phái của công tước Thomas More rất nổi tiếng, dù ngài không là người thuộc cải cách nhưng thời đại chúng ta có thể rút ra cách đánh giá các cảm hứng có giá trị xuất phát từ sự mãnh liệt và thánh thiện Kitô giáo của một người trâm anh, chính khách và tử đạo này.

Nhà quý tộc chân đi khắp khiêng Inhaxiô Lodôla thì rất khác Erasmus. Từ năm 1521 trở đi, bị rung chuyển vì những khủng hoảng tâm linh và tràn đầy nỗi hân hoan bởi Thánh Linh Thiên Chúa, ngài học cách nhìn thế gian

bằng một ánh sáng mới. Dự tính ban đầu của ngài là rao giảng phúc âm giữa những người Hồi giáo mà không dùng đến sức mạnh vũ lực. Ngài chưa nghĩ tới việc hóa giải phong trào Cải Cách ở phương Bắc dù có nhận biết sự hiện hữu của nó. Những thời đại ngài sống đã ép buộc ngài kết hợp một sứ mạng gấp-ba mà tự bản chất đã khác biệt nhau: (1) cải cách Giáo Hội trong niềm xác tín rằng giám mục là người cai quản được Thiên Chúa chỉ định; (2) ngăn ngừa các phân li hiện hữu lan tràn rộng lớn hơn; (3) rao giảng phúc âm trong các miền đất mới của thế giới vừa được khám phá. Inhaxiô mới chỉ là một trong nhiều người. Những tên tuổi lớn khác là Sác lơ Bô rô mô ở Milan, và Phêrô Canisiô, sinh ở Nijmegen.

Nhưng khát vọng lớn lao của Giáo Hội là thấy một công đồng được triệu tập. Sau cùng, một công đồng được triệu tập và nhóm họp tại Trentô (1543-1563). Công đồng đề xuất một học thuyết Công Giáo, đi xa hơn nhưng không có những luận chiến với các vấn đề do phía Cải Cách nêu ra. Công đồng cũng hủy bỏ những lạm dụng trong Giáo Hội. Có thể có nhiều điểm trong những đường lối đó đã được đề ra quá cứng rắn và quá nhanh.

Trong khi đó, phong trào Phục Hưng cao nhã đã phát triển thành một nền văn hóa với nhiều đặc điểm đại chúng và đạo đức: nghệ thuật Baroque.

Có phải sự rực rỡ khải hoàn của phong cách ấy đã gây mù lòa quá mức đối với ánh rực rỡ của khoa học tự nhiên lúc ấy đang có những bước tiến nhảy vọt? Hành động điên rồ chống lại Galilêo tại La Mã khoảng năm 1600 dù sao cũng là một triệu chứng của sự mù lòa này

đối với các giá trị bị can thiệp vào lúc bấy giờ. Lại càng hoàn toàn đáng tiếc hơn vì ngay lúc ấy đã có những nền tảng được hướng dẫn bởi Inhaxiô cùng với những người khác, về một lối sống sống Kitô giáo (tâm linh) khám phá Thiên Chúa trong thực tại trần thế (hãy xem khảo thị của Inhaxiô tại dòng sông Cardoner). Sự thiếu đáp ứng này lại hoàn toàn đáng buồn hơn vì Kinh Thánh và truyền thống Kitô giáo đã có khảo thị về thế giới mà trên thực tế, các khoa học tự nhiên phát triển phát xuất từ đó: một thế giới không thiêng liêng và không bị xâm phạm trừ sự sáng tạo của Thiên Chúa. Khảo thị này đôi khi bị nói đến như làm mất tính chất thiêng liêng hóa của vũ trụ, tước khỏi nó những tinh thần đặc biệt, tốt hoặc xấu, từ đó ám chỉ đến những lãnh vực nào đó mà khoa học không được xâm phạm vào. Trong *Bài Ca Cho Mặt Trời* của Phanxicô Assisi, mặt trời không là người cha mà là “người anh em mặt trời”. Thực tại của thế giới không chỉ đơn thuần là những cái hiện ra, mà còn những cái đang tiếp diễn trong cơn trở dạ của nó. Một thế giới, sau cùng, không bị cai quản cách chuyên quyền của Đấng Tối cao, nhưng nó được ban cho những giá trị và những qui luật ngay chính bên trong nó.

Khó mà cho rằng các khoa học tự nhiên phát triển có tính cách ngẫu nhiên trong phần thế giới được thâm nhập bởi đức tin Kitô giáo. Thật ra, ngay từ xuất hiện chiêm nghiệm đầu tiên, đã có thể có sự chính xác hơn trong quan điểm rằng sự phổ biến các kiến thức khoa học đã là một yếu tố cho việc mở rộng công cuộc cứu độ có tính cách Kitô. (Xem thêm các chương về cứu độ và sứ mệnh ở trần gian).

Một kiểu kiến trúc thánh đường mới, bên trong không có cột cản tầm mắt, được phát triển vào thế kỷ mười sáu. Thánh đường Gêsù và gian giữa nhà thờ Thánh Phêrô ở La Mã thuộc về kiểu này.

Đôi khi sự phục hồi của Công Giáo bị gọi là Phản-Cải-Cách, một lối gọi rất không thỏa đáng. Căn bản, Giáo Hội không “chống lại” điều gì mà chỉ phấn đấu canh tân chính mình. Nhưng quả thật đã có phản ứng đề phòng mạnh mẽ như một hiện tượng song đôi. Trong Giáo Hội, nhiều cái có giá trị bị nhìn với sự nghi ngờ do tầm quan trọng của chúng cũng bị nhấn mạnh bởi những người Cải Cách, mà vốn không còn là người Công Giáo nữa.

Các dị biệt đã bị đôi bên làm cho thái quá. Cả đôi bên Kitô hữu đều đồng ý chung một Kinh Thánh, và tuyên xưng chung mười hai tín lí trong Kinh Tin Kính Các Tông đồ. <sup>537 512</sup> Đôi bên đều áp ủ một cuộc vận động đại kết. Và do đó, chúng ta chỉ miễn cưỡng đề cập đến những điểm mà trên đó, đôi bên khác biệt nhau. Tuy nhiên, chúng ta dừng lại một chút để nhìn vào các điểm đó.

Có lẽ sự dị biệt sâu xa nhất có thể được diễn tả như sau. Những niềm tin Kitô giáo Công Giáo nghiêm nhặt hơn tới độ sự cứu độ thể hiện trong các điều bình thường nhất: bánh trên bàn thờ, tiếng nói tập trung tại La Mã, các lời tha tội. Bằng những cách thức ấy, Thiên Chúa đến với Giáo Hội.

Chỉ với lúc nào chúng ta sẵn sàng để gặp Thiên Chúa trong đức tin thì chúng ta mới hoàn toàn giáp mặt ngài trong các điều ấy. Đối với sự tự hiến của Thiên Chúa, chúng ta chắc chắn rằng bánh là thân mình của Đức Kitô, rằng sự

tha tội là tuyệt đối, rằng lời nói của Giáo Hội phổ quát là chân lí. Niềm tin vào sự hiện diện cách như thế chạm đến được của Thiên Chúa được liên kết cách nội tại với niềm xác tín rằng thực tại trần thế, kể cả con người, cơ bản là tốt lành. Quả thật quá tốt lành tới độ Thiên Chúa có thể dùng mọi sự đó để đến hiệp cùng chúng ta bất chấp các tội lỗi và khiếm khuyết của chúng ta.

422-430  
491-492  
603  
Ngược lại, từ khởi điểm, phía Cải Cách chắc chắn rằng không thể đến với Thiên Chúa cách như thế chạm đến được bằng các bí tích và bằng lời nói đầy quyền uy của Giáo Hội hiện thời. Với họ, công cuộc cứu độ được tâm linh hóa hơn. Trên hết, việc giao tiếp với Thiên Chúa được thực hiện trong Kinh thánh thiêng liêng và trong các tín lí của các Công đồng vĩ đại thuở đầu. Đặc biệt chú ý đến kinh nghiệm bên trong của cá nhân.

747-761  
Chúng ta có thể minh họa điều ấy bằng sự tha tội. Với người Công Giáo, xưng tội là một bảo đảm có tính cách nhận biết được, xuất phát từ phía Thiên Chúa, dù bản thân kẻ có tội từng sa ngã nghiêm trọng. Người Cải Cách tìm kiếm sự bảo đảm tha tội bằng một biểu hiệu nội tâm xuất phát từ Thiên Chúa. Điều khác biệt lớn lao là người Công Giáo, không tập trung quá đổi vào kinh nghiệm nội tâm, thông thường có kinh nghiệm về bình an và về yên tĩnh bằng mức độ phong phú qua diễn biến cuộc sống hằng ngày. Và những ai tìm kiếm sự bảo đảm bằng kinh nghiệm nội tâm thường chỉ nhận được bình an rất cục bộ. Ngoài ra còn có cảm xúc chân thực và sâu xa có tính cách Kitô trong cuộc tìm kiếm không ngơi nghỉ dấu chỉ ý muốn của Thiên Chúa.

Sự dị biệt ấy sản sinh ra nhiều kiểu người khác nhau. Phía Cải Cách làm cho con người cảnh giác hơn, cá thể

hơn - nhưng cũng bất an hơn và đôi khi u sầu ảm đạm hơn. Trong Giáo Hội Công Giáo, có thể cảm thấy được bình an rất tự nhiên và rất rõ rệt, nhưng đồng thời cũng mang cùng với nó nỗi nguy hiểm sự quá dồi dào ung dung thoải mái của con người chúng ta đối với Thiên Chúa, loài người và vạn vật. Tuy nhiên, chúng ta thật vô ơn nếu không nhìn thấy dấu chỉ ở đây là tình yêu, hân hoan và bình an - không thuộc về sự toàn hảo của chúng ta, mà thuộc về tặng phẩm của sự hiện diện của Thiên Chúa. Người ta không thể đoán định được số lượng lớn lao của tốt lành và thánh thiện mà Cải Cách, ngay cả trong cái khác thường nhất của chính mình, cống hiến cho toàn thể Kitô giáo. Giáo Hội Công Giáo không thể hành động mà không có phía Cải Cách.

Chúng ta đang dừng lại để nhìn một chút vào các dị biệt hầu làm sáng tỏ rằng phía Cải Cách liên quan tới một vấn đề nghiêm trọng. Cải Cách nắm bắt con người và thay đổi tận gốc rễ con người ấy: quan điểm về tội lỗi, thế gian, Đức Kitô và Thiên Chúa. Ở đây thì người Cải Cách sẽ đồng ý với chúng ta. Người Cải Cách không chiến đấu cho điều hão huyền. Hạnh phúc thay, câu chuyện này đến đây chưa chấm dứt, chúng ta sẽ đến phần còn lại ở những trang sau, khi ứng xử với thế kỷ này và cuộc vận động đại kết.

341-342

Khi sự phân li xảy ra trong Giáo Hội, người ta vẫn còn giữ ý nghĩa cách tổng quát rằng, mỗi cộng đồng hoặc vương quốc, ít hoặc nhiều, nên chỉ có một tôn giáo thôi. Tòa án dị giáo bách hại các Kitô hữu Cải Cách. Đó là trang tối đen trong lịch sử Giáo Hội, cũng giống việc giết

371-372



với phái Cải Cách là những trang tối đen trong lịch sử Cải Cách. Chúng ta chỉ có thể cầu nguyện là máu của tất cả những người ấy sẽ sinh hoa kết trái.

Khái niệm cơ bản rằng mỗi xã hội phải có một tôn giáo, đưa đến những thẩm định khác đầy bối rối. Từ khi phái Cải Cách thành rộng lớn thì được chiếu chỉ tại Đức và nơi khác rằng các thần dân nên theo tôn giáo của nhà cầm quyền (*cuius regio, illius et religio*: “xứ sở của ai, tôn giáo của người đó”). Những ai từ chối thích ứng phải di cư. Điều này cho thấy thật khó khăn biết bao để điều chỉnh sự hiện hữu của đức tin ngược chiều trong một xã hội.

Trước khi loài người học được cách sống với tình trạng bang giao mới, nhiều người đã chiến đấu cho chiến tranh quốc tế và nội chiến. Đây cũng thế, cảm xúc dân tộc và các lợi ích đối nghịch đã đóng vai trò của chúng, thường nhiều ảnh hưởng hơn là các động lực tôn giáo như chúng ta có thể thấy trong cuộc chiến ba mươi năm. Do đó, thật sai lầm nếu giản dị gán cho tất cả các cuộc tranh chấp cái nhãn hiệu chiến tranh tôn giáo dù các tôn giáo của những Nhà Nước khác nhau đó có dự phần vào. Trong nhiều thế kỉ có nhiều xứ sở có tôn giáo “cầm quyền” và tôn giáo “đối lập” - Anh, Hòa Lan, Ý, Tây ban nha, Scandinavia, vv.

### *Thời cận đại, Tôn giáo khắp thế giới*

Còn có những quan điểm khác về cuộc sống, ngay sau đó, làm ta cảm thấy sự có mặt của chúng. Sau năm 1600 và đặc biệt sau 1700, có những người chối bỏ họ không là Kitô hữu, không chấp nhận mạc khải, trừ việc

tuyên xưng đức tin vào Thiên Chúa (hữu thần thuyết). Sau năm 1800, có nhiều nhà tư tưởng hoàn toàn từ chối chấp nhận khái niệm cổ Thiên Chúa (vô thần thuyết).

Như thế, trong cùng lúc, có những quan điểm khác nhau xuất hiện đóng vai trò trong xã hội. Sự kiện này làm thành vấn đề khiến Giáo Hội và Nhà Nước phải mất một thời gian để tự thích ứng. Giải pháp tự nó dần dần được gọi ra là Giáo Hội và Nhà Nước nên trở thành ngày càng tách biệt nhau. Ít ra là giải pháp này không xung khắc với thông điệp phúc âm. Nhà Nước không hỗ trợ tôn giáo *cách đương nhiên*, nhưng tự buộc mình giao tiếp với Giáo Hội như một nhận biết thực tế về một tỉ lệ dân chúng nào đó theo Giáo Hội. Do đó, trong các thế kỷ vừa qua, Giáo Hội lan truyền nhanh mạnh hơn nhiều giữa dân chúng là những kẻ giữ những quan điểm dị biệt (tình trạng tản mác).

Nhưng Giáo Hội cũng lan truyền khắp thế giới và tự tìm thấy mình trên kích thước thế giới. Đây không như các trường hợp xưa kia, khi thông điệp chỉ được rao giảng tại một phần nhỏ thế giới. Nay lúc sự hiệp nhất tư tưởng thời Trung Cổ bắt đầu bị tan rã và bởi những khám phá của Columbus và Vasco de Gama, phần còn lại của hành tinh xuất hiện trong tầm mắt chúng ta. Bước chân những nhà thám hiểm được tiếp nối bởi những cướp bóc vô trách nhiệm, và cũng bởi các nhà truyền giáo mang phúc âm theo mình. Sự việc quan trọng nhất của thế kỷ mười sáu không phải là những phân li bất hạnh trong Kitô giáo Châu Âu mà là Giáo Hội bắt đầu cuộc lữ hành vĩ đại tới các chốn tận cùng quả đất.

Đã có những nỗ lực bỏ ra để in sâu thông điệp Đức Giêsu vào ngôn ngữ, y phục, nghi lễ của các dân tộc nay

được phúc âm hóa. Một thí dụ điển hình của các nỗ lực ấy là tại Nobili, Ấn Độ. Rủi thay, phần đông các nhà truyền giáo đã sai lầm ghê gớm trong việc đồng nhất Kitô giáo với văn hóa Âu châu. Họ mạnh mẽ phản đối cái khái niệm là những dân tộc được phúc âm hóa nên triển khai các hình thức tư tưởng và hành động phù hợp với văn hóa bản địa của mình. Các biến cố của thế kỷ mười bảy và mười tám tại Á Châu được biết tới như Trung Hoa (hoặc Ấn Độ) “Nghĩ lễ Luận chiến”. Được giải quyết với ưu tiên cho các hình thức châu Âu. Các nhà truyền giáo bên vực ý kiến bị từ khước đó nay theo qui định mới. Tuy nhiên, từ cuối thế kỷ mười chín, các phương pháp truyền giáo đã ngày càng được truyền cảm hứng bởi các quan điểm như ở Nobili.

### *Giáo Hội thời buổi hiện đại*

Không thể diễn tả trong ít dòng ngắn ngủi hết thực chất các biến cố, khuynh hướng và những nhân vật trong thế kỷ mười chín. Để biết thêm, xin tìm đến các tác phẩm văn học dồi dào đang lưu hành về chủ đề này. Hơn bao giờ hết, số phận Giáo Hội hòa tộn với số phận của toàn thể nhân loại. Điều này cũng mang với nó những khó khăn mới nhưng đồng thời còn đưa ra những đức hạnh cũng như bao dung mà không mất chung thủy, độc lập mà không mất liên kết với những người chung quanh ta đang co quan điểm dị biệt. Tình trạng mới còn tạo ra những khả năng mới, thí dụ liên tục tự phê và làm sáng tỏ những ngộ nhận. Dĩ nhiên có nhiều xứ sở con người đã một khái niệm riêng biệt về Thiên Chúa đưa đến tổn thương cho những ai giữ ý kiến ngược lại. Cũng thế, một

số Nhà Nước trên thế giới vẫn dành độc quyền ưu đãi cho khái niệm không có Thiên Chúa. Tại những nơi ấy, Kitô hữu bị phân biệt đối xử. Bất hạnh thay, đến hôm nay, tại một số xứ sở Công Giáo cũng có sự bách hại và phân biệt đối xử với người không Công Giáo, tới một mức độ nào đó.

Tuy nhiên, dường như toàn thể thế giới đang chuyển động đến một thời đại cởi mở rộng rãi hơn và giao tiếp hơn. 310-332  
700

Cộng đồng Vatican Hai kết luận *Tuyên ngôn về Liên lạc của Giáo Hội với Các Tôn Giáo Ngoài Kitô giáo* bằng lời nói rằng tình yêu của Thiên Chúa và con người được làm nên trong hình ảnh ngài, bứng tận gốc nền tảng phát xuất từ dưới “mọi lí thuyết hay hành động đưa đến kì thị liên quan đến phẩm giá con người và những quyền lợi bắt nguồn từ phẩm giá đó, kì thị giữa con người với nhau, giữa dân này với dân khác, sẽ không còn nền tảng. Vì thế Giáo Hội bác bỏ mọi sự kì thị hoặc đàn áp chủng tộc hay màu da, giai cấp hay tôn giáo, vì thái độ ấy đối nghịch với tinh thần Chúa Kitô. Do đó, Thánh Công đồng theo chân Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô, khẩn thiết kêu mời các Kitô hữu: ‘Hãy sống ngay lành giữa lương dân’ (1 Pr. 2:12), nếu có thể được, tùy khả năng mà sống hòa thuận với hết mọi người như những người con đích thực của một Cha trên trời (Mt. 5:45)”.

Nhà thờ không còn luôn luôn xây đỉnh tháp vượt lên trên các ngôi nhà chung quanh. Đó cũng là kết quả của tình trạng tảo mác. Toàn thể dân Chúa không còn coi các cao ốc ấy tượng trưng cho sự thờ phượng của mình. Các giáo đường ngày nay được xây dựng theo kích thước nhỏ và Kitô hữu nghiêng chiều về các giáo đường cởi mở và

mật thiết, đại diện cho Đức Kitô như men nguyên chất giữa khu vực mình cư ngụ. Thần học tự đặt cho mình sứ mạng giải đáp các vấn nạn được nêu ra từ cả bên trong lẫn bên ngoài Giáo Hội bằng nghiên cứu Kinh thánh, sự tiến hóa, các quan điểm luân lý và vân vân.

Phương tiện đi lại và truyền thông hiện đại được phát triển như phi cơ, truyền hình, là một biến cố quan trọng trong lịch sử Giáo Hội. Qua những phương tiện truyền thông ấy người ngoài Kitô giáo tiếp cận cách cụ thể với chúng ta như những người láng giềng. Các ý kiến của dân tộc khác được mang rõ mồn một đến tận nhà, tận phòng khách của chúng ta. Kitô hữu lắng nghe nhiều hơn và cũng được lắng nghe hơn.

### *Phong trào đại kết*

Từ năm 1910, một phong trào được thành lập giữa các Kitô hữu tiến hành ngược lại việc chia rẽ rạn nứt của các thời đại trước. Khi Hội Đồng Tôn Giáo Thế Giới thành lập vào năm 1948 tại Amsterdam, Hà Lan, phong trào đó - phong trào đại kết - bắt đầu xúc tiến bằng những đường lối rõ nét.

Hội Đồng Thế Giới không tự cho mình là một Giáo Hội mới bao gồm hết cả hoặc là một Giáo Hội Thế Giới, nhưng nêu ra cách căn bản theo công thức New Delhi năm 1961: “Hội Đồng Thế Giới của Các Giáo Hội là bạn đồng hành của các Giáo Hội thừa nhận Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa và là Đấng Cứu độ dựa vào Kinh Thánh và do đó mưu tìm cùng nhau thực hiện lời kêu gọi chung vì vinh quang của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh

Thần”. Hội Đồng nhắm thẳng vào sự hiệp nhất của toàn thể các Kitô hữu bằng lời kêu gọi chung, đó là lời kêu gọi làm chứng tá, huynh đệ và phụng sự cho toàn thể nhân loại (martyria, kinonia, diakonia).

577-579

Gần như tất cả các cộng đoàn phúc âm ngoài Công Giáo đều gia nhập Hội Đồng Thế Giới Các Tôn Giáo. Ban đầu quan điểm chính thức của Giáo Hội Công Giáo là ngần ngại, chủ yếu đối với việc thiết lập quan hệ với Thệ Phản, dù việc đối thoại với Giáo Hội Phương Đông cũng ít không kém. Dĩ nhiên luôn luôn có những cá nhân và những nhóm quan tâm sâu xa và tích cực tới sự hiệp nhất.

Từ lúc Công đồng vĩ đại được Đức Thánh Cha Gioan XXIII triệu tập, khát vọng hiệp nhất được liên tục đưa ra những diễn tả rõ ràng hơn và các cơ hội lớn lao hơn. Việc thành lập Thánh Bộ Đặc Trách Hiệp Nhất Các Kitô Hữu là một điển hình cho lòng chân thành của Giáo Hội. Sự xác tín đang đạt được nền tảng vững chắc rằng mục đích đại kết không nhất thiết là phải san bằng các dị biệt trong việc tìm kiếm chân lý của Thiên Chúa, nhưng đúng hơn là chú mục vào chân lý đang liên kết hết thảy chúng ta. Như Công đồng Vatican Hai đã nói: “Người Công Giáo cần phải vui mừng nhìn nhận và tôn trọng những giá trị thật sự Kitô giáo, xuất phát từ cùng một gia sản chung được tìm thấy nơi các anh em li khai. Nhìn nhận những kho tàng phong phú của Chúa Kitô và những hoạt động của quyền lực Người trong đời sống của những kẻ đang làm chứng về Người - và có khi phải đổ máu mới nói lên được” (*Sắc lệnh về Hiệp Nhất*).

Như chúng ta đã nói, trong nhiều thế kỷ có khuynh hướng trong các Kitô hữu là chia thành từng nhóm càng

ngày càng nhỏ hơn. Bây giờ dường như khuynh hướng ấy đảo lộn cách đây xúc động và tất cả lại đang cùng tìm đến nhau, theo lời cầu nguyện của Đức Kitô: “Ngõ hầu chúng nên một”. Sự cởi mở đến với cuộc vận động này qua lời cầu nguyện, qua cải tổ và canh tân liên tục, qua học hỏi các ngọn nguồn của đức tin và truyền thống của nhau, qua sự sẵn sàng từ bỏ các hình thức yêu mình thái quá, qua đối thoại chân thành và nhẫn nại, qua sự cẩn trọng tránh những né tránh dễ dãi, qua tình yêu trong chính chúng ta và trong các Giáo Hội và các cộng đoàn khác đối với người bé mọn nhất và nghèo khổ nhất, qua sự hợp tác trong việc phục vụ nhân loại. Sự cởi mở này cùng mang đến với nó niềm an tĩnh và nỗi hân hoan của Thánh Linh toàn hảo.

### *Tóm tắt lịch sử Giáo Hội: đời sống dòng tu*

Việc tìm tòi lịch sử Giáo Hội trên đã ứng xử với các vấn đề như mối quan hệ giữa Giáo Hội và Nhà Nước, các phần li và hiệp nhất giữa các Kitô hữu, vân vân. Rất nhiều khía cạnh đã được thăm lặn lướt qua. Chẳng hạn đã không nói gì đến cách tận hiến đặc biệt lên Đức Kitô, xuất phát từ những lời của Đức Kitô: “Nếu người muốn trọn lành thì hãy đi bán những gì người có... đoạn hãy đến theo Ta” (Mt. 19:21). Chúng ta hãy thử nhìn ngắn gọn xem lời ấy ngụ ý gì.

Lời khuyên ấy được theo đuổi đến cùng suốt nhiều thế kỷ bằng nhiều cách khác nhau. Luôn luôn được kết hợp với việc bắt chước Đức Kitô theo cuộc đời không lập gia đình của ngài. Thời Giáo Hội sơ khai, các vị khổ tu và đồng trình sống cuộc sống bình thường trong cộng

đoàn. Sau đó, ngay trước thời Thái bình Constantinô, nhiều vị rút vào sa mạc (Thánh Antônô Ai Cập). Liền sau đó, họ bắt đầu sống với nhau thành nhóm, nghĩa là cuộc sống tu viện bắt đầu thành hình. Bác ái hỗ tương và chọn lựa vâng lời tự nguyện, như thế, được tự nhiên thêm vào với nghèo khó và trinh bạch (Thánh Pasômiô Ai Cập). Các lề luật của sự khôn ngoan mang tinh thần phúc âm sâu xa được thảo ra cho cuộc sống cộng đoàn. Bản Lề luật của Thánh Blasiô chiếm ưu thế tại Phương Đông, tại Phương Tây cũng thế của Thánh Bê-nê-đictô. Thánh Augustinô cũng đã thảo một Bản Lề Luật cho các linh mục sống trong cộng đoàn.

Những người tuân giữ lề luật sống của Bê-nê-đictô góp phần lớn lao cho những khởi thủy của văn hóa Âu Châu (nông nghiệp, học vấn), và cũng cho công cuộc truyền giáo của Giáo Hội, theo bước chân các tu sĩ Ái Nhĩ Lan. Các nhà truyền giáo mà Đức Thánh Cha Grêgôriô Cả gửi tới nước Anh năm 590 là các tu sĩ Bê-nê-đictô. Nhưng sự đóng góp to lớn nhất của họ là ở chỗ khác. Đó là: chung sức ca nguyện, mà chính họ bày tỏ là công tác lớn lao của mình.

Đó là điểm chủ chốt phân biệt sắc nét kiểu mẫu cuộc sống tu hành Bê-nê-đictô với các dòng tu to lớn và vững vàng được thành lập vào thế kỷ mười ba, dòng Phanxicô<sup>378</sup> và dòng Đôminicô (Dòng của Những Người Rao Giảng - Đa Minh). Dòng thứ hai này sống tại các thành phố mà hoạt động ưu tiên là rao giảng. Các tu sĩ Phanxicô nhấn mạnh tới cuộc sống nghèo khó, giản dị, khiêm tốn trước<sup>372</sup> mặt Thiên Chúa và trước người đời, như một trong những<sup>376</sup> cách chính để công bố phúc âm. Thánh Tôma Aquinô là



một tu sĩ Đôminicô. Về sau, vào thế kỉ mười sáu, Thánh Inhaxiô Lôđôla triển khai một hình thức đời sống tu hành mới và vẫn can dự mật thiết tới “thế gian” mà trong đó, nhiệm vụ ca nguyên và các đặc điểm chủ yếu khác của cuộc sống tu trì không nổi bật trong sinh hoạt của “Hiệp Hội Đức Giêsu”(Dòng Tên), như ngài gọi dòng tu của ngài.

Thời nay, nhiều tu hội và các định chế thế tục mới được thành lập thậm chí càng hoàn toàn “giữa thế gian” trong khi vẫn sống theo các lời khuyên của phúc âm.

Trong vấn đề này, sáng kiến thật sự luôn luôn do nam giới đưa ra. Những nữ giới cũng không bao giờ thiếu thành lập các tu hội của mình, xây dựng theo nhu cầu của thời đại mình. Họ có thể bị tụt lại đằng sau kể từ thế kỉ mười sáu, vì việc có hai nỗ lực nhắm đạt tới tự do cho phong trào này (do Marcy Ward và Angela de Merici) bị cản trở.

Việc thành lập các dòng tu mới trong Giáo Hội không bao giờ đưa đến việc biến mất các dòng tu xưa hơn. Bằng cách triệt để duy trì tinh thần của những vị sáng lập, họ không tiếp tục tăng trưởng trong tình trạng hoàn toàn lỗi thời. Thế giới ngày nay đang cần sự bình an của dòng Bê-nê-đictô, nỗi hân hoan của dòng Phanxicô, sự quan tâm tới chân lí của dòng Đôminicô, và vân vân.

Tại Taizé ở Pháp, một tu hội của các Kitô hữu Tin Lành đã được thành lập trong những năm qua, có tính cách quốc tế trong sự kết hợp và tinh thần đại kết rất cao.

Thông thường thông điệp Đức Kitô đến với chúng ta qua công tác của các tu hội, trong giáo xứ, trường học và các hình thức gặp gỡ khác. Chúng ta được can dự vào lịch sử của họ.

*Sự nhân bản hóa thế gian kể từ Đức Kitô*

115, 117-  
148-150  
232-234  
363-369  
372, 376  
416  
464-468  
527-530  
550, 581  
589, 619  
640, 687  
697, 713  
747

Chúng ta chưa chạm tới hết kích thước của lịch sử Kitô giáo. Vì thế, nay chúng ta trở lại lần thứ ba để nhấn mạnh đến một thông điệp Đức Kitô trong lịch sử mà khó mình định chính xác tầm quan trọng sâu xa của khía cạnh ấy. Đức tin Kitô giáo bắt đầu cuộc lữ hành của mình trong một xã hội mà thời đó sự nhân tâm và bất bình đẳng được tổng quát chấp nhận là những nguyên tắc, như có thể thấy qua sự phân biệt đối xử giữa người nô lệ và người tự do, người cùng xứ sở và người man rợ. Học thuyết của Đức Giêsu phá hủy nền tảng mà các quan điểm ấy đặt lên trên đó. Trước Thiên Chúa, mọi người đều bình đẳng như Phaolô nói, “Không còn Do Thái hay Hi Lạp, không còn nô lệ hay tự do, không còn nam hay nữ, vì hết thảy anh em là một trong Đức Giêsu Kitô” (Gl. 3:28). Đó là một loại bom nổ chậm tạo ra tác động từng chút một qua nhiều thế kỷ cho đến hôm nay. Kết luận rằng chế độ nô lệ nên được hủy bỏ không được rút ra tức khắc bởi Phaolô. Nhưng từ lúc đó trở đi, vì cùng là con người, người nô lệ và người tự do đều tuyệt đối bình đẳng (x. Ep. 6:5-9). Cũng thế giữa người giàu và người nghèo: “Giả như có người nào đi vào hội đoàn của anh em, nhẵn vàng đeo tay, áo mặc thật bảnh, và có người nghèo cũng đi vào, áo mặc lem luốc; còn anh em trở mắt vào người ăn mặc bảnh bao, mà nói: ‘Xin ông an tọa nơi chỗ danh dự này’, và với người nghèo, anh em bảo: ‘Còn anh hãy đứng đó kia’, hay là: ‘hãy ngồi dưới bệ chân tôi’, há không phải anh em đã kì thị lẫn nhau, và thành những quan án tâm tà đó sao?” (Gc. 2:2-4).

Điều ấy đã trở thành chân lí trong lịch sử. Tiến triển không đều, với các hoàn cảnh kinh tế đôi khi ủng hộ, đôi khi chống lại chế độ nô lệ. Trước khi bị xóa bỏ hẳn trong thế giới Kitô giáo, nó đã đi qua nhiều hình thức nhẹ hơn và đa dạng. Cuộc tiến bộ đó là một quãng đường dài và chế độ nô lệ vẫn còn hiện hữu tại một hai phần đất ngoài Kitô giáo của thế giới.

Dân chủ và công bằng xã hội dường như cũng liên hệ với sự bình đẳng căn bản, được Đức Kitô công bố cho loài người như ngài hiệp cùng Thiên Chúa, nghĩa là, trong cốt tủy của hiện hữu ngài. Loài người cũng trở nên ít cay nghiệt tàn bạo với nhau hơn, như trong trường hợp kết án các phạm nhân và nuôi dưỡng trẻ em. Loài người cũng nhạy cảm hơn cả trong đối xử với loài vật. Rõ ràng còn sự cư xử tàn bạo và độc ác ghê gớm nhưng hầu hết được thực hiện cách che đậy, và đã có nhận thức rằng việc đó bị coi là mất trật tự.

Tinh thần Kitô giáo đang tác động nhân loại như men trong bột. Nhiều người có thể cho rằng tiến triển này đơn thuần biểu hiện giản dị là cuộc tiến hóa của nhân loại tự nhiên là hướng tới nhân bản. Nhưng ý kiến ấy không nhất thiết mâu thuẫn với điều nói ở trên. Con người được tạo dựng để phát triển có định hướng tới một kiểu mẫu đời sống mà Đức Giêsu đòi hỏi và truyền hứng khởi.

Và thường xuất hiện ở đây những người ngoài Kitô giáo là những nhà quán quân về sự bình đẳng và bao dung vĩ đại hơn. Họ tập trung toàn tâm toàn ý vào chân lí mà họ nhận ra và do đó thường thúc bách hơn cho sự tiến triển. Điều này cũng có ý nghĩa là sự phát triển thì luôn luôn hài hòa.

Tuy nhiên, như một hiện tượng lịch sử, điều đặc biệt là cuộc chiến đấu chống lại đau khổ, và niềm xác tín vào sự bình đẳng của con người phát triển rõ rệt trong phần của thế giới mà thông điệp Kitô giáo thâm nhập lương tâm nhiều người, nơi con người am hiểu sâu xa về Đức Kitô là bạn đồng hành trên con đường đi tới của họ.

### *Một cái nhìn khác về lịch sử dân Thiên Chúa*

Chúng ta đã quan sát ba cách tiến hành lớn lao trong lịch sử của thông điệp Thiên Chúa: các biến cố đánh động, việc thiết lập các tu hội và sự tăng trưởng liên tục của các phẩm chất nhân bản. Nhưng ta vẫn còn thấy toàn bộ lịch sử ấy chưa được nắm bắt cách riêng. Sau cùng, mọi điều trên chỉ là những lối đi nhỏ hẹp mà chúng ta theo dấu xuyên miền đất quá khứ. Điều mà con mắt sử gia không thấy thì nằm bên kia các lối đi ấy, nơi các lãnh vực của cuộc sống nhân loại mà sự tốt lành của nó bị lãng quên. Có một dân tộc cừ khôi đang chậm rãi tiến qua một bình nguyên mênh mông, có lúc khắc nghiệt vì sự ngu muội của mình, có lúc tàn bạo với con người và loài vật, có lúc ưu phiền vì những mê tín xuất phát từ quá khứ ngoại đạo của mình, có lúc hoang mang bởi các thành kiến, nhưng luôn luôn phấn đấu, với những thành quả ít ỏi hoặc lớn lao, để chứng minh thông điệp là chân lí - dân tộc ấy là dân Thiên Chúa.

Cuộc phấn đấu ấy thể hiện bằng cầu nguyện, tự chủ, ân cần, bác ái thuần khiết, bằng trung thành trong hôn nhân hay bằng sự trinh bạch, bằng bình an và nhẫn nại, là lịch sử thật sự của Giáo Hội.

574-593

*Ai thuộc về dân Thiên Chúa,  
“Giáo Hội” nghĩa là gì?*

Ai làm nên dân tộc ấy? Họ là những ai gặp mặt Đức Kitô trong Giáo Hội Công Giáo, nơi sự sống kêu gọi lương tâm họ. Chúng ta gọi những người đó là Giáo Hội.

Nhưng chúng ta không thể từ chối tên Giáo Hội Đức Kitô cho những ai nhận biết Đức Kitô khi họ sống trong li giáo hoặc lầm lạc. Tên đó chỉ theo cùng với những ai mà chúng ta có thể nói về Giáo Hội trong ý nghĩa đầy đủ nhất.

Thêm nữa, có những người không mang danh là Kitô hữu nhưng trên thực tế đời sống họ được chỉ đạo bởi thông điệp Đức Kitô và nhắm đến một tình ân cần và bác ái. Họ có thể từ khước Đức Kitô vì họ không biết ngài là ai, nhưng họ sống trong bầu khí do Đức Kitô tạo ra, và trên thực tế, phấn đấu chân thành cho những giá trị mà Đức Kitô đem đến. Trong ý nghĩa rộng lớn này, có lẽ chúng ta có thể áp dụng tiếng Giáo Hội cho họ, vì họ thuộc về một dân tộc mà trong diễn biến lịch sử, chuyển giao điều của thông điệp Đức Giêsu cho nhân loại.

Sau cùng, có những người mà lịch sử không bao giờ mang họ đến giao tiếp với thông điệp nhưng họ là những người lắng nghe tiếng Thiên Chúa trong lương tâm và trong lề luật. Trong tâm tư chúng ta, cũng không thể loại trừ họ khỏi dân tộc đang lữ hành hướng về sự sáng là Đức Giêsu, dù họ chưa bao giờ nghe tên ngài. Vì Thánh

416 Linh ban cho con tìm họ sự sẵn sàng, nỗi khát khao thầm lặng cho sự chiếu rọi và sự tái sinh như Đức Giêsu ban. Điều này dường như là một khẳng định hợp pháp, vì

những lí do được vạch rõ ra trong chương bàn về trách vụ tư tế tổng quát. Và do đó, đôi khi người ta nghĩ là không nên từ chối tên của Giáo Hội cho những người ấy. Nhưng thế thì, từ ngữ ấy thật sự được dùng với ý nghĩa rất rộng rãi. Có lẽ tốt hơn là nên tránh điều ấy để từ ngữ Giáo Hội, trong ý nghĩa rộng rãi hơn, chỉ được dùng ở nơi có một liên kết có tính lịch sử có thể chứng minh được với thông điệp Đức Kitô.

### *Mức sâu thẳm nhất của lịch sử*

Bằng việc gọi lên lịch sử không tên này, những hành động của ân cần, bác ái và nhẫn nại không ai nhớ tới, có phải chúng ta đã đạt tới phần cốt lõi tận cùng của lịch sử Giáo Hội rồi chăng? Không, chưa. Chúng ta còn có thể đi sâu hơn.

Bên dưới bề mặt của sự tốt lành này, mỗi người chứa đựng trong bản thân mình tội lỗi và ân sủng. Đó là cái nằm ở chỗ sâu kín nhất. Phụ bạc (bội giáo, li giáo), khắc nghiệt (chiến tranh, tòa án dị giáo, cừu hận), phỉ báng, lãnh đạm, mất đức tin, tuyệt vọng, oán ghét, mà Thiên Chúa đáp ứng lại từ đầu chí cuối bằng ân sủng. Từ thời này qua thêm thời khác, ngài tiếp tục tặng phẩm của ngài cho chúng ta qua Chúa Thánh Thần. Đó là chiều kích thật sự của lịch sử sự thiện. Đó là một khía cạnh của lịch sử chôn sâu hơn bất cứ khía cạnh nào khác, tại chỗ không ai hay biết. Bí mật này của vô số cuộc đời vùi sâu dưới nấm mộ, hay đúng hơn, ẩn mật trong sự hằng cửu của Thiên Chúa. Đó là lịch sử của quyền năng của tội lỗi và của quyền năng hơn của ân sủng. Nếu có bất cứ điểm nổi bật nào của những người cố gắng sống tận cùng cuộc sống

434-450

450-481

Đức Giêsu trong hàng ngũ bình thường của nhân loại, thì điểm đó là sự kiện họ đã được thâm nhập bằng ý nghĩa của sự bất toàn của chính mình và sự vinh quang của Thiên Chúa.

202-206

## ĐỨC TIN ĐẾN BẰNG TAI NGHE. VIỆC TRỞ LẠI

485-496

*Một thông điệp không do con người sáng chế*

483-485

**Đ**ức tin đến bằng tai nghe. Đức tin là cái không tự ta phát hiện được. Không thể đạt tới đức tin bằng phân tích bản tính con người. Không, ta chấp nhận điều ta không thấy. Ta nghe điều Đức Kitô truyền đạt bởi Chúa Cha. Ta nghe đức tin qua lời Giáo Hội.

Rõ ràng chúng ta được tạo ra “vì Đức Kitô” - được định hướng tới ngài. Trọn thực tại ấy, gồm bản thân chúng ta, đều luôn luôn giao tiếp với ngài. Như thế, những bản năng tự phát, lí trí lành mạnh, khả năng yêu thương và diễn biến con người của chúng ta đều chứa sẵn điều gì của Đức Kitô. Nhưng chúng ta không thể hoàn toàn dựa vào năng lực chính mình. Không biết bao lần mặc khải chỉ cho biết nơi nào mà sự suy nghĩ của chúng ta không đáp ứng được mình. Phúc âm chứa đựng tính cách bất ngờ. Phúc âm là một thông điệp liên tục thúc đẩy chúng ta duyệt lại những suy nghĩ của mình. Nó xoay chuyển chúng ta thành một cái mới. Tiếng “trở lại” (cải biến) ngụ ý tới cái đó.

129-131

### *Vượt qua ngưỡng cửa*

Con người có những bậc cấp khó khăn để cất bước trước khi đến tới đức tin - và thật sự để tăng trưởng lớn mạnh liên tục trong đức tin một khi đã tìm thấy. Nhưng căn bản, những khó khăn ấy bắt rễ trong các nhân tố chung cho mọi người và chúng ta thử diễn tả một số các nhân tố đó.

Khó khăn đầu tiên, rõ ràng là khát khao muốn được làm chủ mọi sự, được chinh phục mọi sự, gồm chính bản thân mình, theo ý muốn mình. Không còn chỗ cho ngưỡng mộ và tôn kính. Chúng ta chỉ thắc mắc một điều là: Ở trong cái đó có gì cho tôi không? Trong lòng ta không có mầu nhiệm nào về vạn vật khiến ta ngưng lại một chút, cách tôn kính, và thắc mắc: chúng từ đâu đến? Chúng ta chỉ giản dị hành xử sao cho mình an toàn và cố gắng cho an toàn. Sự bất ngờ hoặc không tiên liệu được đều là cấm kị.

42-47  
732-738

Quan điểm của chúng ta về loài người cũng thế. Chúng ta không cư xử với người khác như những trung tâm khác của yêu thương và tự do, như một kẻ với đời sống cá nhân của kẻ ấy là một cái "Tôi" độc nhất và không thể thay thế được. Chúng ta nhìn người khác cách độc chiếm như thể người ấy là một cái có thể hữu dụng cho ta hoặc đáng cho ta ao ước, ngoài ra, họ không có ý nghĩa gì hết. Chúng ta vận dụng loài người và vạn vật và mù loà trước mầu nhiệm của cả hai.

Đó là sự thật của tất cả chúng ta, tới mức độ nào đó. Trong thời đại kỹ thuật mà ta có thể nghiền cứu và lượng giá rất chính xác này, chúng ta đặc biệt có khuynh hướng



tự nghiêm cấm mình đối với những tiếp cận đó. Cả trong các thời kì trước đây, loài người cũng đã bằng cách riêng của mỗi người mà tự giới hạn mình như thế. Thêm muốn, dù yếu ớt hay mãnh liệt, thường được pha trộn với tự hào, là một bất lực nằm sâu trong mọi người chúng ta, không đáng gờn tới chuyện chúng ta thân thiện như thế nào trong các giao tiếp của mình.

Đó là ngưỡng cửa phải bước qua khi chúng ta cất bước lên đường cho một tình yêu thật sự. Lúc đó, kẻ đồng hành của chúng ta thôi là đối tượng của hoan lạc tình cảm hoặc hữu dụng lạnh lùng. Kẻ đó thật sự là một con người như chúng ta và khác hơn chúng ta với những cõi sâu thẳm và những bất ngờ của kẻ đó. Chúng ta thôi không còn tính toán và tiên đoán mọi sự. Lúc này chúng ta thấy rằng để thấy người khác đúng như họ là thì cách duy nhất là để bản thân mình bị lôi cuốn về phía họ, cho đi bản thân mình, để tin tưởng, để yêu thương. Không có niềm tin thì không có tình yêu. Niềm tin vào người khác không là một hình thức thấp hơn của nhận thức, mà là cao hơn. Nó là cách độc nhất để hiểu cái vĩ đại nhất trên quả đất: người khác. Một mô tả lạnh lùng về tâm lí - dù có trí tuệ đến mấy chăng nữa, cũng không thể thấu tới bản thân người khác. Nhưng sự hiểu biết người đó trong tình yêu làm được việc ấy. Do đó, “tôi tin anh” không ngụ ý bất định như khi chúng ta nói, “tôi *tin* mai trời mưa”. Nó có nghĩa nắm bắt và biết bằng cách biết tinh tế nhất có được trên quả đất: hiểu biết người khác trong cái tính chất cá nhân độc nhất của người đó. Và chỉ thực hiện được việc ấy bằng ngưỡng mộ, tôn trọng và thương yêu. Tình yêu chân thành không khiến con người mù quáng nhưng làm cho sáng suốt.

Những người nỗ lực sống một tình yêu hỗ tương tới đa đôi khi đạt tới một đỉnh cao mà ở đó họ cảm thấy “Hãy còn cái tốt hơn nữa”. Họ cảm thấy là họ đang cho nhau.

Làm thế nào? Bởi ai? Mẫu nhiệm căn bản nào ràng buộc chúng ta, khiến chúng ta hiện hữu? Cả sự bất lực để bám chặt các đỉnh cao mở tới câu hỏi: từ đâu đến cái khát vọng mệnh mông, cái ao ước chưa hề được mãn nguyện này? có phải có cái gì hoặc người nào đó gõ cửa lòng ta, lớn lao hơn những gì ta biết? Từ vấn nạn ấy người ta có thể co rút mình lại, đó là một ngưỡng cửa mà họ có thể từ chối bước qua. Họ có thể còn bị mê hoặc bởi kinh ngạc, sợ hãi và yêu thương mà thế gian này truyền hứng khởi nên từ chối đi vào vấn nạn đặt ra. Vấn nạn ấy là thế này: nếu tình yêu của chúng ta không là cái căn bản, nếu sự mệnh mông to lớn đó dường như được biểu hiện bằng việc nó thực tế hiện hữu, thì lúc ấy, chúng ta có phải tính tới việc là tự nó sẽ phô bày? từ chối sự phơi mở đó là ở lại trong tình trạng bất lực thâm trọng. Nhưng ta cũng có thể cố gắng lắng nghe. Tra vấn, tìm kiếm, mò mẫm, tâm trí con người hình thành ý niệm về Đấng Hằng cửu, Đấng Siêu việt hiện hữu. Chúng ta miêu tả một “Thiên Chúa của các triết gia”, và qua đó cho thấy phần lớn của chân lý. Có cái gì kềm giữ chúng ta lại - là chỗ thấp nhất của rầm rữa. Chỉ có thể bước qua ngưỡng cửa nếu ta chịu khom lưng. Và ta chỉ khom được lưng khi không còn co rút mình lại, vì sự kiện là lời nói của Thiên Chúa quá đời bình thường. Chính Thiên Chúa nói trong Đức Kitô, bằng cách rất con người. Khiêm tốn để nhận biết điều đó. Và cũng là trở lại.

Lúc ấy như thế có điều gì có thể khiến chúng ta lưỡng lự. Chúng ta được chuẩn bị để nhận biết rằng Đức Giêsu mang Thiên Chúa đến trong tâm nghe biết và nắm bắt của chúng ta. Nhưng chúng ta không được chuẩn bị để thừa nhận rằng ngài vẫn hành động trong những sự việc bên ngoài và có tính cách con người, như các bí tích, lời nói, công việc và sự hiệp thông của Giáo Hội ngài. Thật dễ hiểu là chúng ta co rút lại trước điều đó. Lúc ấy, chúng ta mới chỉ cởi mở cách cục bộ trước điều mà Thiên Chúa ban cho. Giao tiếp với Chúa không phải là vấn đề thuần túy cá nhân hoặc vô hình. Chỉ trong sự hiệp thông với thân mình của Đức Kitô mà con người thật sự lãnh hội được Thiên Chúa là Đấng Hằng cửu chứ không là một sản phẩm tưởng tượng của mình.

Có bảng chỉ đường bên ngoài: sự phơi mở của thông điệp Đức Kitô; và bảng chỉ đường bên trong: sự bình an mà thế gian không thể cho. Cả hai bảng cùng chỉ tới một cửa mở sẵn đó cho những ai sẵn sàng cúi đầu. Lúc ấy sẽ nhận thấy ngôi nhà được dẫn đến đó diệu kỳ cực độ.

### *Ta chăm bón đức tin*

Khắp thế giới, có nhiều người đến với đức tin khi đã là người lớn. Nhưng tại xứ chúng ta, thông thường cách đức tin được rao giảng đầu tiên là qua người mẹ chỉ tay tới cây thánh giá và qua người cha sửa soạn máng cỏ, qua những điều được nói về đức tin khi đưa bé nhìn và nghe.

Đôi khi có người nói làm thế là sai lầm, vì không nên nuôi dưỡng đứa bé theo bất cứ tôn giáo định sẵn nào, phải để nó chọn lựa khi khôn lớn. Điểm thứ hai đúng,

điểm đầu thì không. Sự thật là khi ta trở thành người lớn, ta phải tự mình chọn lấy. Nhưng việc ấy không có nghĩa cha mẹ không nên giúp truyền tôn giáo mình cho con cái. Tất cả những ai tin chân thành sẽ tự nhiên là đồng ý.

Trước hết, liệu chúng ta có thể tưởng tượng là Đức Kitô từ chối nói với trẻ em về Chúa Cha siêu phàm của chúng không? Chúng ta quả thật có đọc về sự đề cập của ngài đến “những con người bé bỏng này tin vào ta”.

Câu trả lời tự phát nảy ra trên môi của các tín hữu là, việc ấy hợp lý và chính đáng. Chúng ta chỉ cần xem xét bản tính con người. Con người được tôn phong là “sinh vật có giáo dục”, một vật thụ tạo phát triển bằng được tập luyện. Trong mọi phạm vi mà con người có, cha mẹ cho những cái tốt nhất - là trình độ văn hóa và sự xác tín, thí dụ, không nên đối xử tàn bạo với loài vật hoặc chỉ có một đời sống tốt đẹp hơn trong tự do và không dưới một chính thể chuyên chế. Ngôn ngữ là một điển hình đánh động nhất. Nếu một cặp trẻ con được nuôi dưỡng mà không có tiếp xúc với người lớn, chúng sẽ có điều gì đó rất phi nhân. Người ta từng nghĩ là các điều kiện đó có thể sản sinh ra ngôn ngữ hoàn hảo và đạo đức thuần khiết nhất. Nhưng thực tế, không có ngôn ngữ, tư tưởng và đạo đức. Các nhà khoa học này nay tin là trẻ em có tình nhân đạo và văn minh là do những người chung quanh nó, và đặc biệt từ cha mẹ. Điều này có nghĩa những phẩm chất tốt nhất của con người đưa bé được cha mẹ chuyển giao cho. Những ai nhận biết rằng đức tin là một sở hữu lớn lao nhất, một chân lý sâu xa nhất của mình thì đều hiểu là không thể làm gì khác hơn là ao ước chuyển giao đức tin

ấy cho con cái. Sau cùng, không ai nói rằng nên cảnh giác trẻ em về ngôn ngữ nó nói hoặc văn hóa nó thích nghi trước lúc nó được hai mươi một tuổi, và nên để cho nó tới lúc ấy chọn ngôn ngữ và lối sống cho riêng mình. Ngay từ thời Trung Cổ, điều này đã bị vị thánh vĩ đại Tôma Aquinô nhấn mạnh là sai lầm, lúc ngài bào chữa cho các cha mẹ hoặc giám hộ Do Thái được quyền nuôi dưỡng dạy bảo con cái mình như là những người Do Thái.

Có thể đặt cuộc tranh luận này theo cách khác. Cha mẹ có thể dẫn con mình đến tiếp xúc với những người mình quý trọng - như ông bà nội ngoại, các bằng hữu tốt, vân vân. Nếu những người này yêu mến Chúa Của Chúng Ta, nếu ngài thật sự là đáng quan trọng trong cuộc đời họ, đáng mà họ phải tán dương trên hết thấy, thì họ không thể làm gì hơn là dạy các em bé này nói chuyện với ngài.

Thứ đến, trẻ con bắt chước cha mẹ. Nếu cha mẹ là tín hữu hằng có những biểu lộ ra ngoài thì con cái tự động tham gia. Thực tế, không gì tác động hơn điển hình đó. Cho dầu ta cố gắng che đậy đức tin của mình, không làm gì biểu lộ ra ngoài, ta còn không để cho con cái thoát khỏi mọi ảnh hưởng của đức tin. Cả lúc ta nuôi lòng tin chắc rằng đức tin Kitô giáo là điều không đáng để ý hoặc ít ra chỉ là vấn đề về các giá trị mà không bao giờ chịu chuyển hóa nó thành hành động trông thấy được.

Tới khi đứa bé lớn lên, nó có một khoảnh khắc nào đó - hoặc một thời kì nào đó - "biến tâm sửa tính". Đó là khoảng thời gian nó chọn lựa từ chối hoặc chấp nhận di sản để lại cho nó. Quyết định và xác tín của tuổi thanh niên không thể đặt căn bản đơn giản trên sự kiện cha mẹ là người Công Giáo (hoặc ngoài Công Giáo). Đó là ngưỡng

cửa cá nhân nó phải bước qua. Đứa bé được nuôi dạy như người Công Giáo sẽ gần như tìm thấy ngưỡng cửa này dễ dàng và hiển nhiên hơn đứa bé không có sự dạy dỗ Công Giáo. Nhưng đôi khi sự kiện mà phần đông cho là tự nhiên đó lại là một trở ngại cho việc lập quyết định cá nhân. Trong trường hợp ấy, cách tốt là để sự công bố của phúc âm đến như một cú sốc và để người tuổi trẻ ấy cảm thấy việc hiển nhiên ấy nhỏ bé như thế nào mà tôi nổi Thiên Chúa làm người và nói với chúng ta qua Giáo Hội. Nhưng ngay cả khi đó, đứa bé được nuôi dưỡng làm người Công Giáo sẽ ở vị trí tốt hơn để lập quyết định.

Có những tập quán nhất định là nó không chịu nổi. Nó sẵn nếm vị bình an rồi. Khi còn là một đứa bé nó thường trò chuyện với Thiên Chúa. Vào tuổi đôi mươi, ta có thể yêu thương và triu mến vì cha mẹ mình đang yêu thương và không tần tiện các biểu hiệu tình yêu của họ. Giống mọi việc khác của loài người, đức tin là một điều thuộc về hành động xã hội, một việc được cùng nhau thực hiện. Israel cùng nhau tin. Đức tin của người này ảnh hưởng tới người khác (x. Lc. 22:32). Giáo Hội cùng nhau tin.

Đức tin của cha mẹ và của cộng đoàn tác động lên đức tin của đứa bé. Điều này không có nghĩa đức tin của nó không có tính cách cá nhân. Nó nhận biết cách giản dị là nó làm chủ những của cải đến cho nó chung với mọi người. Nhưng tin cùng với Giáo Hội. Việc thừa nhận sự kiện này cũng hàm chứa một hành động khiêm tốn thật sự và sâu xa.

Do đó, đối với câu hỏi cha mẹ nên hay không nên quyết định đức tin của con cái, câu trả lời là có và không.

Không, vì khi tới tuổi trưởng thành, đứa bé phải quyết định thái độ riêng của mình đứng trước Đức Kitô. Ta không thể tự động trở thành một tín hữu chín chắn hoàn toàn nếu không có sự can thiệp minh bạch của một hành động tự do. Nhưng sự thật là sự chọn lựa của cha mẹ ảnh hưởng lên con cái. Điều này không thể tránh được, và tốt, và được Thiên Chúa muốn. Nó cùng loại với đức tin được ban cho con người cách riêng.

206

Khi một thanh niên từ bỏ đức tin của cha mẹ thì có thể là lỗi lầm hoặc sự cứng lòng của người ấy. Người ấy không muốn trở lại. Nhưng cũng có thể xảy ra là với người ấy mọi sự đã trở nên quá mù mịt. Các hoàn cảnh đang che khuất khuôn mặt của Giáo Hội tới độ Giáo Hội - và do đó Đức Kitô - đã trở nên không nhận ra được đối với người ấy. Trong hoàn cảnh đó, rời Giáo Hội trong một thời gian đôi khi có ý nghĩa tiến bộ tâm linh. Nó có thể là một nỗ lực để nghiêm chỉnh tiếp nhận Thiên Chúa hơn. Và sau cùng, có thể là sự phối hợp cả hai phía các nhân tố đó. Nhưng tổng cộng cả ba trường hợp, cha mẹ cần để đứa bé ngày càng tự do khi nó lớn lên. Đức tin có thể được thôi thúc nhưng không bị áp đặt. Cha mẹ cần nên ngày càng tôn trọng cái mà đứa bé tin chân thành, dù cái nó đang nghĩ là cái sai lầm. Bất kỳ sự việc xảy ra như thế nào, đứa bé “đang rời bỏ Giáo Hội”, hẳn là không bao giờ đã được chỉ tới cánh cửa đó.

534-537

Chẳng cần nói, thật gay go cho cha mẹ nào không thể truyền sự giàu có đức tin của mình. Nhưng đây có thể là một cơ hội để thực hiện những nỗ lực mới sống theo đức tin của chính mình. Nhiều khi họ rao giảng cái

mà họ không thực hành hoặc lời họ nói không nằm trong con tim họ. Tình trạng bi đát của đứa con có thể giúp họ tạo hiệu quả trong chính cuộc đời họ với những lời mà đã thất bại với đứa con. — Riêng với những cha mẹ thấy sự Hiện Xuống mới xảy đến trong con cái mình, thì có thể coi như chính mình được chúc phúc.

## “RỬA BẰNG NƯỚC VỚI LỜI”

“Họ đã chịu thanh tẩy”. Trình thuật Hiện Xuống kết thúc với lời ấy (Cv. 2:41). Phép rửa tội là một biểu hiệu trông thấy được mà dưới biểu hiệu đó, chúng ta gia nhập dân Thiên Chúa. Trước hết, chúng ta đi theo từng bước nghi thức rửa tội trang trọng dành cho người lớn. Tiếp đến, nói về lễ rửa tội dành cho trẻ em.

### *Bắt đầu thành dự tòng*

Nghi thức đầu tiên là thừa nhận ứng viên phép rửa tội làm người dự tòng. Nghi thức này tự nó đã có ý nghĩa khi diễn ra bên ngoài thánh đường. Dây choàng màu tím mà vị linh mục mang có ý nghĩa ứng viên còn ở xa mục tiêu của mình. Màu ấy cũng là màu của Mùa Vọng và Mùa Chay. Phần nghi thức còn lại cũng thế, đây các biểu tượng tận tiểu tiết cuối. Địa điểm, màu sắc, cử chỉ và nội dung được sử dụng hết sức hùng hồn, có thể hiểu mà không cần học hỏi sâu xa.

Việc tiếp nhận bắt đầu với câu hỏi: Con tên gì? Câu hỏi thứ hai là: Con muốn gì? Trên môi của người đang lâm nguy chí tử thì không cưỡng được câu trả lời cho câu



hỏi đó: “Con cần cái cho sự sống đời đời”. Đầu tiên và trên hết, cái đó là đức tin. Vì tin mà ứng viên đến, nhưng vẫn thỉnh cầu đức tin. Như lời cầu nguyện trong phúc âm: “Tôi tin! nhưng hãy đáp cứu lòng yếu tin của tôi!” (x. Mc. 9:24). Nó chỉ cách căn bản tới sự kiện rằng đức tin là cái ta được ban cho, không là cái ta tự sản sinh ra được.

Sau khi nói về việc sắp thực hiện thì tới thẩm tra sự sẵn sàng của ứng viên. Kế đó, linh mục làm cử chỉ phục sinh của Đức Kitô. Linh mục thở hơi trên ứng viên và truyền cho ma quỷ tránh đường cho Thánh Thần Chúa.

Loại “quỷ ám” này của tinh thần độc dữ thường xảy ra trong khi tiến hành nghi lễ rửa tội. Sự dữ, đang đe dọa con người, bị lệnh truyền đi đi, luôn luôn được nói tới như một nhân vật — quỷ dữ. Nhưng lời truyền đương đầu với mọi sự dữ, gồm cả ảnh hưởng của tội lỗi người khác, những khuynh hướng sự dữ của ứng viên và những sai phạm trước đây đối với Thiên Chúa. Chỉ những thành tố tổn hại của quan niệm sai lạc trước đây của người đó về Thiên Chúa được đề cập đến trong nghi lễ này, mà từ đầu tới cuối hoàn toàn không khoan nhượng, biểu lộ duy nhất là sự sáng chống bóng tối.

Và nó diễn ra đúng như thế với nghi thức ngắn gọn và sự tái công bố mạnh mẽ trong giờ khắc đầy sức sống. Cuộc chiến đấu cho sự sống, sự trở lại của ứng viên được tóm gọn với tinh thần cố động và thâm thúy của Kinh Thánh, không mang sắc thái nào khác. Chúng ta thấy những cám dỗ, những rối rắm, bóng tối, tuyệt vọng đang tự chúng có mặt và sẽ còn trở lại nữa; và mỗi lần chống lại chúng, chúng ta lại thấy sự bình an, thánh thiện và nỗi hân hoan

của Thiên Chúa. Tóm lại, cuộc chiến đấu này là trực xuất tinh thần sự dữ và tiếp nhận sự thiện đến.

Nghi lễ tiếp tục với linh mục làm dấu thánh giá trên cơ thể ứng viên - trên trán, tai, mắt, mũi, miệng và vai. Toàn cơ thể được chiếu sáng bởi thánh giá, kèm theo những lời chúc lành và cầu nguyện.

Trong lần gặp gỡ đầu tiên này, Giáo Hội không ban Mình Thánh Chúa nhưng ban muối. Có ý nghĩa giữ gìn cho khỏi hư thối. Còn có ý nghĩa nữa là các sự việc của Thiên Chúa làm thì sắp được nếm trải đầy hương vị, và không thể chứng minh là nhạt nhẽo: *sal sapientiae*, ý vị của vạn vật. Sau cùng, đó còn là khái niệm của sự làm cho ta khát nước.

Kế đến ứng viên cất bước đi. Bắt đầu trở nên dự tông, đôi khi kéo dài suốt nhiều năm.

### *Bước cuối mà duy nhất*

Nghi thức thứ hai cũng bắt đầu bằng mô tả cuộc chiến đấu giữa Thiên Chúa và Satan trong người dự tông. Ứng viên đọc Kinh Lạy Cha, người bảo trợ (cha đỡ đầu hay mẹ đỡ đầu) và linh mục làm dấu thánh giá trên người dự tông và đọc lệnh đánh thép truyền cho quỷ dữ đi đi. Kế đến, dẫn người dự tông vào nhà thờ. Người dự tông ở lại một chút, thăm lạng tạ ơn.

201-205

212

Rồi người dự tông lớn tiếng đọc Kinh Tin Kính Các Tông Đồ và Kinh Lạy Cha. Gọi Thiên Chúa là Cha. Khẳng định trước Thiên Chúa và trước cộng đoàn mọi điều mình đã trải qua trong diễn biến nội tâm và làm theo những

chỉ dẫn đưa ra cho mình trong cuộc sống riêng tư. Đây là ngưỡng cửa gay go để bước qua. Nhưng nó là thành phần của bí tích. Không phải vở kịch một diễn viên trong đó Đức Kitô độc thoại cho người dự tòng, mà là cuộc đối thoại con người trả lời rõ ràng, trong khuôn khổ cộng đoàn hội thánh.

195-197 Thêm lần nữa Đức Kitô nói và làm qua Giáo Hội. Sau một nghi thức trực quĩ khác, linh mục thực hiện cử chỉ cao cả của Đức Giêsu chạm vào người điếc với nước miếng. Các phép lạ của Đức Giêsu, sau cùng, là những biểu hiệu chữa trị sâu xa mà ngài đã ban trong phép bí tích này. Vị linh mục nói, “Ephphatha”, có nghĩa, “Hãy mở ra” (theo Mc. 7:34) và còn chạm đến mũi như một dấu chỉ rằng người dự tòng sắp được nhận hương thơm ngọt ngào của Đức Kitô (có thể bỏ qua việc thật sự chạm đến tại những nơi thấy cần, vì lý do vệ sinh).

299

Vào cuối nghi thức, người dự tòng được đặc ân chịu xúc dầu giữa hai vai với dầu dự tòng, có ý nghĩa dẻo dai và sức mạnh cho chiến trận. Đây cũng là một đáp ứng xuất phát từ Đức Kitô, ban qua các biểu hiệu được Giáo Hội ngài thực hiện - cho có sức mạnh để kiên định.

### *Rửa tội*

Nhưng chưa tới lúc rửa tội. Có thể ban phép rửa tội bất cứ lúc nào trong năm, nhưng thích hợp cách riêng là vào đêm Đức Giêsu sống lại cho sự sống đời đời.

Vì thế, đêm canh thức Phục Sinh, có hát tụng ca về nước rửa tội và làm phép nước vì những mục đích thiêng liêng của nó. Nước là thành tố dùng trong phép rửa tội.

Nguyên ca canh thức Phục Sinh diễn ra hoàn toàn theo Kinh Thánh để chiêm nghiệm ý nghĩa lớn lao gắn liền với thành tố này, từ nước ban sơ trên đó Thánh Linh sáng tạo của Thiên Chúa lướt qua, đến nước tràn ngập của nạn hồng thủy và của Biển Đỏ, tới nước tuôn trào từ cạnh sườn Đức Giêsu.

Phụng vụ ngưng một chút để suy tưởng về thành tố này. Tâm lí học hiện đại vạch rõ thêm lần nữa nước là biểu tượng sum suê nhất trong linh hồn mỗi người. Khoa học hiện đại khám phá rằng mọi sự sống trên mặt đất xuất phát từ thành tố này mà đi ra. (Trong các thời đại nguyên thủy, mọi sự sống, kể cả chúng ta, đều ở dưới biển). Sản khoa hiện đại cho thấy rằng thai phôi của con người được sinh từ nước ối hỗn hợp giống nước biển. Sự sống của chúng ta đến từ nước.

Nước, thành tố của mọi thành tố, được Thiên Chúa dành làm biểu hiệu hiệu nghiệm cho sự tái sinh siêu phàm của chúng ta. “Nguyên xin Thánh Thần Thiên Chúa xuống trên nước này mà được chuẩn bị để con người có thể được tái sinh, và làm nó sum suê bằng hòa trộn nó với quyền năng mầu nhiệm của Thiên Chúa, để một nòi giống siêu phàm mới, được thụ thai nhờ thánh hóa, có thể được tái sinh làm vật thụ tạo mới, và sống lại từ mặt nước tinh khiết của nguồn cội thiêng liêng này” (trích nguyên ca làm phép nước rửa tội trong lễ Phục Sinh).

### *Sự sinh ra mới*

Chúng ta gia nhập Giáo Hội bằng sự sinh ra. Và, chúng ta thường đặt cho mình câu hỏi của Nicôđêmo: “Làm sao một người đã già rồi, lại có thể sinh ra? Há còn có

thể vào lòng mẹ lại lần nữa mà sinh ra ư?’ Đức Giêsu đáp lại: ‘Quả thật, quả thật tôi bảo ông, ai không sinh ra bởi Nước và Thần Khí, thì không thể vào được Nước Thiên Chúa’” (Ga. 3:4-5).

Người được rửa tội nhận một cuộc sống mới “bởi Nước và Thần Khí”. Rửa tội có ý nghĩa hơn rất nhiều việc được ghi tên vào danh sách cộng đoàn. Thánh Thần Chúa làm chúng ta được sinh ra, trở nên mới - trong và qua cộng đoàn. Sự sinh ra này không phải việc đơn thuần cá nhân và chắc chắn không phải sự sinh ra từ Thiên Chúa.

Ngay trước lúc rửa tội, người dự tòng được hỏi thêm lần nữa về đức tin của mình. Kế đến, lại được hỏi rõ ràng là có tự nguyện đến không: “Con có muốn được rửa tội không?” Ngay sau đó linh mục rưới nước lên đầu người dự tòng và đọc lời: “Ta rửa người, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần” (x. Mt. 28:19). Nước có ý nghĩa sinh ra, lời đọc ấy chỉ rõ sự sinh ra, nghĩa là, Thánh Thần Chúa nhập vào chúng ta, ban cho chúng ta sự sống và biến chúng ta thành con cái của Chúa Cha. Ngay sau rửa tội là xức dầu bằng dầu thánh, có ý nghĩa hương vị trọn lành của Thánh Linh.

<sup>132</sup> Qua Thánh Linh, Đấng thánh hóa, chúng ta ở trong Đức Kitô - và Đức Kitô ở trong chúng ta. Chúng ta được tràn đầy ân sủng thánh hóa.

Do đó, có thể diễn tả mầu nhiệm này bằng ba cách khác nhau: để tiếp nhận Thánh Thần Chúa, để tiếp nhận ân sủng thánh hóa (ở trong trạng thái ân sủng), để ở trong Đức Kitô. Cả ba đều bao hàm trong một sự việc.

“Trong Đức Kitô”. Như những ai yêu thương nhau thì càng lúc càng nên giống nhau, có chung một thái độ nội

tâm. có chung các thị hiếu, và trên thực tế, sống nên một và chung một sự sống. cũng thế, nó ở với chúng ta trong Đức Kitô, chỉ trong một cấp độ sâu xa hơn nhiều. Chúng ta sống cuộc đời của ngài. Bởi Thánh Linh mà điều này xảy ra được, qua Thánh Linh mà ngài có mặt. Và như thế, chúng ta bắt đầu dự phần vào cuộc sáng thế mới.

### *Làm cho tinh sạch*

Tội lỗi không có chỗ trong người được rửa tội, kẻ được nâng lên vào Đức Kitô. Nước tuôn ra có ý nghĩa làm cho tinh sạch cũng như sự sinh ra. Rửa tội rửa sạch mọi tội lỗi mà con người thật sự có phạm trong cuộc sống của mình. Ngay các tội rẽ của tội lỗi, tội nguyên tội (sẽ bàn sau) đều bị chế ngự qua giao tiếp này với Đức Giêsu. (Không thể tách biệt cuộc chinh phục này khỏi cuộc-đời-chiến-đầu của chúng ta, như sẽ được giải thích trong chương sau). Dù tội lỗi của một người có màu đỏ bầm hay đỏ tươi, lúc này Đức Giêsu biến người ấy ra trắng hơn tuyết. Người ấy là bằng hữu của Thiên Chúa. Người ấy thực hiện một khởi đầu tươi nguyên bằng mọi thanh khiết. Sự sáng đã chế ngự. (Rửa tội -thanh tẩy- còn được gọi "sự làm cho sáng láng").

Sau khi xúc với dầu thánh, người chịu rửa tội được ban một áo trắng và một cây nến đang thấp sáng, tượng trưng cho thanh khiết và sự sáng. Hai phúc lành đi theo với nghi lễ này, và nghi thức rửa tội kết thúc.

Phép rửa tội không có lặp lại. Làm chỉ một lần cho mãi mãi, biểu lộ bằng lời nói rằng nước rửa tội ban cho một điểm đặc sắc không bao giờ xóa bỏ được. Dĩ nhiên

điều đó không xảy ra nếu trong lúc rửa tội lại có ý không muốn được rửa tội. Chúng ta sẽ nói sau về việc rửa tội cho trẻ em.

418-420

### *Mai táng trong rửa tội*

Như mọi biểu tượng lớn lao của nhân loại, nước có ý nghĩa hai mặt, bao hàm cứu độ và hủy diệt. Nước không chỉ có ý nghĩa sự sống mà còn có ý nghĩa lụt lội: theo cùng với việc uống, rửa, và bơi lội, nó có thể có ý nghĩa chết đuối - nước “ngập tới mũi”. Vì vậy, chúng ta không thể kết thúc chương này mà không xét tới khía cạnh đó của việc rửa tội. Như Phaolô đã viết, “Hay anh em không biết rằng: Hết thấy chúng ta đã được thanh tẩy trong Đức Giêsu Kitô, thì chính trong sự chết của ngài mà ta được thanh tẩy? Vậy nhờ thanh tẩy ta được mai táng làm một với Ngài trong sự chết...” (Rm. 6:3-4).

Tính cách tượng trưng ấy rõ ràng nhất khi thực hiện phép rửa tội bằng cách nhận chìm xuống nước, như ở Phương Đông. “Con người cũ” - con người bị giam giữ bởi ích kỷ, phóng dăng, biếng trễ, mù quáng, kiêu ngạo và ngoan cố - bị vứt bỏ cho chết đi. Con người ấy chết và biến mất, theo cùng với cái chết của Đức Kitô. Như chúng ta thấy, điều đó có ý nghĩa cơ bản là sự tha thứ tội lỗi. Nhưng cũng có nghĩa sự biến đổi cuộc sống.

Để thấy đầy đủ ý nghĩa của điều này, chúng ta quay trở lại dòng sông Gioócđan và kể, tới đời Canvê, là những nơi Đức Kitô được thanh tẩy.

300-307

Và ngài đã được thanh tẩy cho đến cái chết của ngài. Tại lễ thanh tẩy của mình, ngài được hiến tế để phục

tùng, để chia sẻ số phận chung, để làm người tội lỗi và sau cùng để vâng lời cho đến chết. (Do đó, cơn cám dỗ 270-276 mới gọi ngài đưa ra một thái độ đối nghịch lại - là từ chối không phục vụ). Hai lần ngài gọi cái chết trong tương lai của mình là "thanh tẩy" (Mc. 10:38; Lc. 12:50). Cái chết ấy là điểm tốt độ của phục vụ. Nó là thanh tẩy thật sự của ngài.

Điều ấy cũng thật sự xảy ra cho những người được rửa tội vào trong Đức Kitô. Chúng ta xác nhận sự liên kết của mình với con đường của ngài - của phục vụ, chịu đau khổ, và sau cùng, chết. Cái chết của chúng ta là thanh tẩy chân thực nhất. Chúng ta chấp nhận nó giống Đức Giêsu, với Đức Giêsu và trong Đức Giêsu. Việc Chúa cứu độ chúng ta không có nghĩa đặt chúng ta ở ngoài tội lỗi và đau khổ. Nó có nghĩa là chúng ta phải liên thủ với ngài trong việc cứu độ mình và người khác, bằng cách thức của ngài. Cách thức này được Đức Giêsu mô tả trong lời nói: "Các người có thể uống chén Ta uống và chịu thanh tẩy thứ thanh tẩy ta đã chịu không" (Mc. 10:38). Nó hiện hữu qua sức mạnh của ngài, noi theo gương ngài và cách toàn bộ trong Thánh Linh ngài. Nhưng như thế là chúng ta chiến thắng tội lỗi mình bằng khiêm tốn và phục vụ, kiến tạo bình an và sống nghèo khó tinh thần. Chết là hành động cuối cùng của phục vụ và nó đặt lại cho chúng ta với tự do cách toàn toàn - "thanh tẩy thứ thanh tẩy Đức Giêsu cũng đã chịu".

Đấy có phải ý tưởng âm đạm về ngày hạnh phúc được rửa tội không? - rằng có phải ta bị cố gắng hiến cho cái chết không? Mà có cái gì an ủi hơn không? Chúng ta được nhắc nhở rằng cuộc sống là thế này sắp - cùng với Đức 700-709



Giêsu - không là phi lí mà là sum sê hoa trái. Thiên Chúa đã chuyển những nỗi thống khổ của nhân loại thành những cơn trở dạ của cuộc sống mới. Khi chúng ta đi vào nước, nước biểu tượng chết chóc; khi chúng ta ra khỏi nước, nước biểu tượng phục sinh và tái sinh. Đó là lí do phép rửa tội được ban vào đêm lễ Phục Sinh hạnh phúc.

### *Một dân tộc cuộc đời biến đổi*

Rửa tội không chỉ là giao tiếp đơn thuần cá nhân với Chúa. Giao tiếp ấy xảy ra vì chúng ta được đưa vào Giáo Hội. Rửa tội dựng những viên đá mới cùng làm thành Giáo Hội; xây dựng lên thân mình Đức Kitô. “Vì cũng như thân mình chỉ là một, nhưng lại có nhiều bộ phận, và hết thấy bộ phận tuy nhiều cũng chỉ là một thân mình, thì Đức Kitô cũng vậy. Vì trong Thần Khí độc nhất, hết thấy ta được nhờ thanh tẩy mà nhập vào Thân mình độc nhất, dù là Do Thái hay Hi Lạp, dù là nô lệ hay tự do; và hết thấy ta đã được cùng uống Thần Khí độc nhất” (1 Cr. 12:12-13).

Không phân biệt quốc tịch, lợi tức, trí tuệ hoặc bất cứ cái gì khác, chúng ta chấp nhận thành người đồng hành đang mong ước được cùng với Đức Giêsu làm kẻ tội lỗi. Cùng nhau chúng ta vượt Biển Đỏ để vâng theo lời kêu gọi và để đặt cuộc đời bé mọn và cái chết của mình dưới biểu hiệu phục vụ. Chúng ta thành những kẻ bé mọn cùng tham gia vào những kẻ bé mọn khác của Thiên Chúa, như Đức Kitô đã tham dự vào và đã thành người bình thường ở giữa chúng ta. Và cũng thế, cùng nhau chúng ta đoạn tuyệt thái độ đối lập với cuộc sống.

Liệu điều này có phải có ý nghĩa là bí tích làm người đồng hành này tạo nên phân biệt trong nhân loại không? Trong ý nghĩa độc nhất thì nó là như thế. ‘Ai không theo Ta thì chống lại Ta’, Đức Giêsu nói. Nhưng chúng ta phải đặc biệt chú ý vào nơi mà đường phân ranh này vắt qua. Nó chạy giữa những người biến sự thanh tẩy cho đến chết của Đức Kitô thành sự thật trong chính cuộc sống mình, bằng một đời phục vụ (mà đời sống ấy luôn luôn là một hình thức phục vụ, dù nó không được thực hiện bằng nước, 416-418 xem dưới), và những ai biến các cám dỗ của Satan về quyền bính, vô luân và sự biếng trễ tinh thần thành lối sống của họ (dù có nhận bí tích này nhưng họ không bao giờ biến nó thành sự thật). Sự phân ranh giữa người cố gắng sống theo lời hứa Thánh Thần, “Tôi sẵn sàng”, và ai sống theo lời cám dỗ, “Tôi sẽ không phục vụ”.

Do đó, ở đây có đường phân ranh. Có điều chúng ta hãy nhìn gần hơn nữa vào nơi nó chạy. Nó chạy thẳng qua bản thân tôi. Một phần này của tôi nói, mình sẽ không phục vụ, và phần kia nói, mình sẵn sàng. Sự thiện và sự dữ có những tuyến mặt trận trong tôi. Có thể có những người gần trọn bản thân bị quỷ dữ sở hữu hoàn toàn, nhưng chúng ta không thể và không nên thử phán xét con người. Ai biết được tia lửa khởi động của sự thiện và sự giúp ích, và như thế, của giao tiếp với Đức Kitô, đang âm ỉ cháy trong nhiều cuộc đời tưởng chừng cứng lòng, ích kỷ và hư thói? Đức Giêsu sẽ không dập tắt tia lửa khởi động ấy.

Có phải ta được phép rửa tội làm cho biến đổi thấy rõ? Thường thì có một kinh nghiệm về sự vươn lên đột xuất, về một thanh khiết cao cả hơn trước. Nhưng mặt

khác, có thể ngay lúc đó không nhận thấy có biến đổi nào. Nhưng điều ấy không quan trọng. Ta không nên nhìn rửa tội như một biệt lập, tách biệt với trọn cuộc sống mà chỉ mới bắt đầu. Và ngược lại, không nên nhìn cuộc sống đó như một biệt lập, tách biệt với cuộc sống của toàn thể Giáo Hội. Mặt khác, chúng ta khám phá đã nhiều thế kỉ được đánh dấu bởi nguồn suối sâu và rộng của sự thiện thâm lạng và phục vụ khiêm tốn. Sự tinh khôi mới mẻ này mà Thánh Linh tạo ra, nhân cách mới mẻ này mà hàng triệu người được sinh ra trong nó, đã và đang thật sự cải tạo khuôn mặt trần thế. Chúng ta không thể mừng tượng nổi sự tai ác mà nhân loại có thể có nếu không có thanh tẩy do Đức Giêsu mang lại.

Thời xa xưa có học thuyết Công Giáo là những Kitô hữu nào được rửa tội ngoài Giáo Hội Công Giáo cũng thật sự nhận được bí tích rửa tội. Tách biệt khỏi bản tính con người tầm thường, đó là nền tảng sâu xa và vững chắc nhất của phong trào đại kết.

### *Người không rửa tội*

Đến đây, chúng ta nên tiếp tục vấn đề đã được đề cập ở trên. Chúng ta đã nói về sự trọn lành của những người không được rửa tội như một biểu thị việc họ chấp nhận cuộc sống và sẵn sàng phục vụ. Liệu sự sẵn sàng ấy có thể có ý nghĩa là một giao tiếp cứu độ với Đức Giêsu mà không cần rửa tội bằng nước?

150 151 Dù gì chăng nữa người không được rửa tội giao tiếp với Đức Giêsu bằng sự kiện họ được sinh ra. Họ có Đức Giêsu làm người đồng hành với họ. Giáo Hội tin rằng nếu

họ là người thiện tâm thì họ chia sẻ ân sủng của công cuộc cứu độ của Đức Giêsu. Sự trung thành với sứ mệnh trong cuộc sống mình và phục vụ cho tới cùng, thanh tẩy họ với thanh tẩy mà Đức Giêsu đã chịu thanh tẩy. Khi một người không rửa tội bị chết vì Đức Giêsu, thì cách dứt khoát, họ được coi là đã nhận thanh tẩy bằng máu. Trong những trường hợp khác, có rửa tội bằng khát vọng, bao gồm những khát vọng vô thức. Người nào được soạn để “vâng lời cho đến chết” được phép rửa tội Kitô giáo chạm đến. Tuy thế, việc “rửa tội không rửa tội” này không đơn thuần là nội tâm, mà là sự sẵn sàng phục vụ được biểu lộ suốt đời họ và trong cái chết của họ.

485

Điều này không có nghĩa rửa tội bằng nước, là biểu hiện hiệu nghiệm, có thể bị bỏ đi. Nó *cho thấy* rằng chúng ta cần ơn tha tội mà nó mang lại. Nó công bố rằng Chúa đang giao tiếp với chúng ta. Nó *tập hợp* chúng ta, cách thấy rõ và chạm đến được, như một dân tộc duy nhất được ban cho Thánh Linh và là nơi ơn tha tội đang tác động.

Các điểm kể trên không phải là những nghi thức không đáng để ý. Chúng có ý nghĩa rằng phép rửa tội là thành phần của một toàn bộ lớn lao cấu thành sự rao giảng của Kitô giáo, sự chọn lựa cuộc sống và sức mạnh ơn tha tội của Đức Kitô. Như thế, phép rửa tội *gây nên* một thực tại và đặt men vào thế gian. Tại những nơi mà Giáo Hội Đức Kitô tác động thấy rõ trong thế gian qua phép rửa tội, người ta vẫn còn hình thành và gia tăng mạnh mẽ những mơ hồ và lầm lạc. Do đó, những ai tin vào Đức Kitô và biết sự hiện hữu của phép rửa tội không nên coi tình trạng đó là nhỏ bé không đáng để ý.

483-485

Ngoài tác dụng làm nên những Kitô hữu mới, rửa tội còn cho thấy Thiên Chúa làm và đang bắt đầu làm với những người khác. Khi con cái của bạn được rửa tội, đó cũng là cho nhiều người khác. Dù không tiếp nhận rửa tội, những người ấy sống trong nhân loại - hoặc môi trường - mà phép rửa tội được ban cho. Trong ý nghĩa nào đó, các Kitô hữu cũng được rửa tội vì họ.

### *Rửa tội hài nhi*

Chúng ta đưa ra điển hình rửa tội cho người lớn vì ở đây ý nghĩa của nó rõ ràng hơn, rửa tội hài nhi là điều thông thường nhất, thông dụng từ những thời kì tiền khởi.

407-408

Trong chương vừa qua, chúng ta đã xét là các cha mẹ Kitô hữu coi việc họ nên nuôi dưỡng con cái làm người Kitô hữu là chuyện tự nhiên, và chúng ta cũng đã thấy tại sao nên làm như thế. Thật không ngạc nhiên việc nuôi dạy theo tinh thần Kitô giáo lại bắt đầu với bí tích vỡ lòng ấy. Các bậc cha mẹ tuyên bố chính đáng là họ muốn con cái mình được nhận vào Giáo Hội và được lớn lên trong đó.

Nhưng vấn đề là làm thế nào đưa bé tiếp nhận được biểu hiệu của việc trở lại và đức tin trong lúc nó không có khả năng để trở lại và để hiến thân cho đức tin vì nó thiếu trang bị tinh thần.

Câu trả lời là, đưa bé nhận được biểu hiệu ấy trong cách mà nó sống - trong sự tùy thuộc vào người lớn. Đức Kitô làm cho công cuộc cứu độ của ngài thành công việc của cộng đoàn, tức là một sự việc xã hội. Ngài không ban điều ấy cho cá nhân cô lập với nhau nhưng cho quần

chúng. Cũng như đàn bò có những bê con, mỗi dân tộc sống động có đám trẻ con của mình mà những người lớn chung quanh che chắn cho sự sinh tồn của chúng. Do đó hài nhi chịu rửa tội không vì nó tin nhưng vì chúng ta muốn lưu truyền đức tin của mình cách tự nhiên. Chúng ta đem con cái vào vòng đức tin của chính mình, vào đức tin của Giáo Hội.

Ở đây, chúng ta nhớ rằng không được tách biệt rửa tội khỏi cái toàn bộ. Trẻ con được tràn đầy ân sủng và Thánh Thần Chúa theo cách riêng của chúng lúc rửa tội, được sáp nhập vào Đức Kitô và được dâng hiến cho kiểu phụng sự cứu chuộc riêng của chúng, cho cái chết cứu độ và sự sống đời đời. Mọi điều này được phô bày trong giáo dục Kitô giáo đi theo cả trong tâm trí lẫn thực tại của chúng ta, mà không thể bị tách rời khỏi giáo dục đó. Ta có thể tự hỏi không biết mình có thể đoán đứa bé có được rửa tội hay không vì mình làm theo tục lệ thịnh hành, nhưng khi lớn lên mà nó không có lương tâm Kitô hữu thì có nên gọi nó là Kitô hữu thật sự và là phần tử của Giáo Hội không? Giáo Hội đòi hỏi nó phải được nuôi dạy bằng giáo dục Kitô giáo.

Cũng không thể nhìn việc rửa tội tách biệt với việc lớn lên độc lập của đứa bé. Chúng ta đã nói về việc đó. Trong tương lai xa, cần có "sự trở lại", một sự cho đi chính bản thân mình. Biểu hiệu cho việc này là các lời tuyên hứa rửa tội được đứa trẻ trang trọng lặp lại khi nó trưởng thành. Việc này có thể xảy ra, chẳng hạn, cùng với những người lớn khác trong đêm canh thức lễ Phục Sinh lúc toàn thể Kitô hữu có mặt cùng nhau lặp lại lời tuyên hứa ấy. Nhưng sự phục hưng thật sự có thể đến sau đó và góp phần

hơn trong cuộc sống hằng ngày. Có thể bao gồm việc đưa ra câu trả lời công khai cho bạn đồng sự hoặc bạn hữu, việc đưa ra những chống cự thâm lặng trước cám dỗ, việc sống đức hạnh, phục vụ và chấp nhận cái chết.

Đứa bé được Kitô hóa lúc rửa tội. Nó được đặt một tên thánh và đặt dưới sự bảo hộ cách riêng của vị thánh ấy. Việc này sở dĩ có không phải vì cho rằng ân sủng Đức Kitô không đầy đủ nhưng vì Đức Kitô muốn đến với chúng ta qua người anh em trong Giáo Hội, bao gồm cả Giáo Hội khải hoàn mà các vị thánh ở đó luôn luôn được cầu viện.

Toàn thể Giáo Hội can dự vào từng lễ rửa tội, cũng như các cha mẹ vậy. Đứa trẻ được cha đỡ đầu hay mẹ đỡ đầu “đem trình diện”. Họ bồng ẵm hoặc chạm đến) đứa bé suốt lễ rửa tội khi nó không ở trong tay bồng của mẹ hoặc cha ruột. Sau cha mẹ ruột, cha mẹ đỡ đầu đại diện cho khối anh chị em rộng lớn hơn của Giáo Hội và chia phần trách nhiệm việc giáo dục trong tinh thần Kitô giáo. Cha mẹ đỡ đầu nên ít nhất được mười ba tuổi.

### *Các đứa bé không được rửa tội*

Điều chúng ta nói ở trên về quan hệ của rửa tội với người lớn cũng đúng cho rửa tội trẻ em. Việc rửa tội trẻ em là biểu hiệu sự kiên nhẫn của Thiên Chúa. Ngài kiên nhẫn biểu lộ rằng tất cả trẻ sơ sinh đều ở trong lời kêu gọi của ngài.

Tất cả các trẻ con đều dành cho Thiên Chúa. Nhưng nếu đứa bé không được rửa tội mà yếu tử thì điều gì xảy ra cho nó? Chúng ta đã nói ở trên là một người lớn không được rửa tội có thể được cứu rồi nếu người ấy trung thực

hoàn thành sứ mạng của mình trong cuộc sống, và như thế, dù vô thức, đã chia sẻ sứ mệnh của Đức Kitô. Nhưng các trẻ em không được rửa tội thì không có khả năng đối với cả việc “thanh tẩy bằng cuộc sống” ấy. Điều gì xảy ra cho chúng?

Suốt một thời gian dài, đã có bất định lớn lao trong Giáo Hội về số phận của trẻ em không được rửa tội, vì các nhà thần học cân nhắc sự cần thiết của rửa tội bằng nước *cách độc nhất* xuất phát từ quan điểm về tầm quan trọng riêng biệt của nó. Augustinô trong một thư gửi Giêrômê cho thấy ngài cảm giác buốt nhói biết bao về vấn đề này: “Khi vấn đề trừng phạt các đứa bé được nêu lên, tôi đoan chắc với anh là nó làm tôi khựng hoảng phiền muộn, và tôi bối rối về câu trả lời”.

Lúc ấy là khoảng năm 400 sau C.N. Đến năm 1100, vị thánh vĩ đại và nhân bản Alsê mô cũng vẫn còn bất định. Ngài không thể thấy cách mà các đứa bé đó được cứu rỗi, nhưng ngài tiếp tục nói: “Tôi có thể nói với hết khả năng mình, đưa ra các đề nghị hơn là các khẳng định, với niềm hi vọng vào lúc nào đó trong tương lai Thiên Chúa sẽ dạy cho chúng ta điều gì tốt đẹp hơn. Nhưng nếu có ai nêu ra ý kiến khác biệt, tôi sẽ chấp nhận bất cứ quan điểm nào mà từ đó những lí do tốt có thể được viện dẫn”.

Trong diễn biến qua nhiều thế kỉ, Giáo Hội rút từ các kho tàng đức tin thời xa xưa để nêu lên các lí do. Càng ngày sự việc càng trở nên thuyết phục rõ ràng hơn, là nếu vấn đề sắp được giải quyết cách riêng thì nên giữ trong tâm tư mình ba sự thật. Trước hết là, Thiên Chúa muốn toàn bộ loài người đều đạt tới hạnh phúc vĩnh cửu. Sự thật này chắc chắn bao gồm các trẻ em, những kẻ mà



theo phúc âm là những đối tượng đặc biệt của tình yêu của Thiên Chúa. Thứ đến, sự thật là Đức Kitô sinh ra và chết cho mọi người. Và sau cùng, chúng ta biết rằng không ai bị mất đi ngoại trừ vì tội lỗi mà người đó đã phạm cách cá nhân. Theo quan điểm của các sự thật ấy thì phải có cách nào đó cho các trẻ em không được rửa tội được cứu rỗi. Chúng ta không biết chính xác như thế nào. Nhưng dù sao đi nữa, chúng ta biết chúng đang ở trong Đức Kitô.

### *Rửa tội là thành phần của toàn bộ*

Ở đây cũng thế, thật quan trọng việc không nên tách biệt việc rửa tội và chỉ hình dung nó như một việc nhất thời và riêng tư xảy ra giữa Thiên Chúa và một linh hồn. Ngay khi rửa tội bằng nước bị mang ra khỏi khung cảnh vĩ đại có tính cách toàn bộ này thì phát sinh nhiều vấn đề lạ lùng, như lịch sử của Giáo Hội đã cho thấy. Giống  
 414 bàn tay chỉ thật sự là bàn tay trong toàn bộ cơ thể, rửa tội  
 418 cũng thế, chỉ là biểu hiệu chân thực của Đức Kitô trong  
 414 toàn bộ những gì ngài ban phát cho chúng ta: toàn bộ  
 418 cuộc sống và cái chết của chúng ta, toàn bộ việc giáo dỡng có tính cách Kitô giáo, của sự hiệp thông của Giáo Hội và nhân loại.

## NHỮNG BIỂU TƯỢNG CỦA SỰ SỐNG

**C**húng ta đã nói về phép rửa tội, nay chúng ta dừng lại một chút để tập trung vào sự việc các biểu hiệu hiện sinh, là các biểu hiệu ngoại tại trong đó Đức Kitô

hiệp cùng chúng ta. Giáo Hội liệt kê ra bảy và gọi là bảy bí tích. Hãy thử xem chúng được tổng quát nói đến như thế nào.

*Việc thành hình những phút giây vĩ đại  
của cuộc đời chúng ta*

Từ xa xưa, loài người đã tổ chức lễ hội hoặc một hình thức có ý nghĩa cho những thời cao điểm của cuộc sinh tồn. Khi một người được sinh ra, tới tuổi thành niên, kết hôn hoặc từ trần, mỗi biến cố được báo hiệu bằng một nghi lễ tương phản với cuộc sống âm đạm thường nhật. Đây là những nỗ lực tự phát, tạo ra các hình thức cho thấy cuộc sống thật sự là gì. Chúng ta suy nghĩ xem chúng ta như thế nào và hành lễ cuộc sinh tồn của mình.

Các bí tích cũng thế, là những phương cách hành lễ <sup>584</sup> cuộc sinh tồn được Chúa ban cho chúng ta trong Giáo Hội của ngài. Những hình thức đầy ý nghĩa được đưa vào các dấu mốc chính yếu của cuộc đời để nói cho chúng ta biết mình được cứu độ và được ban phát cuộc sống mới. Nhưng còn hơn đơn thuần xác nhận, các bí tích là những biểu hiệu, những biểu hiệu hiệu nghiệm. Chúng không chỉ nói về cứu độ. Chúng đem cứu độ đến cho chúng ta.

Chúng thể hiện được việc ấy vì trong chúng, Chúa Cha đến với chúng ta. Biểu hiệu trung tâm của mọi bí tích được Chúa đích thân thiết lập trước hôm ngài chịu khổ nạn. Ngài dùng phong tục ăn chung của con người (một đặc điểm đầy ý nghĩa, diễn ra liên tục) để biểu thị và để làm nổi bật sự hiệp nhất của ngài với chúng ta. Ngài cầm lấy bánh và nói, “Đây là mình Ta”.

Nhưng ngài hành động trên chúng ta không chỉ trong Phép Thánh Thể, bí tích cao cả về sự có mặt của ngài. 405-424  
 Khi một hài nhi sinh ra hoặc một người được nhận vào 430-1,14  
 647 Giáo Hội, thì có phép rửa tội trong Đức Kitô. Có phép thêm sức cho lúc lớn khôn có tính cách Kitô giáo. Khi một người nam và một người nữ thành khẩn cam kết, sự ưng thuận của hai người là một biểu hiệu Đức Kitô có mặt. Ban cho trách vụ mục vụ là một cử chỉ của Đức Kitô, 599  
 lễ truyền chức thánh. Không nơi nào Chúa không để lại những biểu hiệu của ngài cho sự sống, cả lúc chúng ta sa ngã phạm tội, thì ngài ở đó với chúng ta trong bí tích thống hối. Và trong những phút giây trầm trọng nhất của cuộc sống, lúc lâm chung, ngài ở với chúng ta trong phép 768-770  
 xức dầu kẻ liệt.

### *Phô bày của Thiên Chúa*

Khi suy gẫm về vai trò các biểu hiệu này đóng trong công cuộc cứu rỗi, chúng ta có thể tóm tắt một lời rằng trong Đức Kitô, Thiên Chúa thành hữu hình và chạm đến được. Rằng trong Giáo Hội, Đức Kitô, và như thế Thiên 328  
 195 197 Chúa, ở giữa chúng ta cách hữu hình và chạm đến được. Và rằng, bằng bảy biểu hiệu này, Giáo Hội cũng trở nên hữu hình và chạm đến được. Chúng là bàn tay của Đức Kitô lúc này chạm đến chúng ta và các lời của Đức Kitô lúc này vang lên trong tai chúng ta. Chúng là cách có mặt của ngài hôm nay, có thể sờ mó được. Chúng ta đã 311-313  
 thấy những lần hiện ra trong mùa Phục Sinh là những báo hiệu cách thức mới này, bằng vào đó ngài thành hữu hình - trong các biểu hiệu.

Không có gì trong nội tâm con người mà không có <sup>416</sup>  
 biểu hiệu tương ứng ra ngoài. Không có gì trong Kitô giáo <sup>463-465</sup>  
 mà không có các biểu hiệu tương ứng bên ngoài, bởi thế  
 đó là nơi dành cho một hiện thực của biểu hiệu rất con  
 người và rất an tâm trong công cuộc của Đức Kitô hôm  
 nay. Chính ngài tác động trong các biểu hiệu ấy. Vượt <sup>382</sup>  
 hơn các thừa tác viên, Chúa năng động trong cộng đoàn  
 Giáo Hội mà ngài tin tưởng, cả lúc ngài phải hành động  
 qua một người tội lỗi.

Có thể nói, phép bí tích không tự động hữu hiệu, độc  
 lập với thái độ nội tâm của chúng ta. Sự thánh thiện của  
 thừa tác viên không là yếu tố quan trọng quyết định, mà  
 là đức tin và thiện chí của người nhận bí tích đóng vai trò  
 không thể thiếu được. Phép bí tích là cuộc gặp gỡ với  
 Chúa, và không có cuộc gặp gỡ nào mà chỉ có một bên.  
 Phép bí tích là một xác nhận rằng Chúa chung thủy. Nhưng  
 không có chúng ta thì ngài chẳng thể làm gì.

### *Tính chất mạc mạc của các biểu hiệu*

Các thành tố căn bản và rất giản dị của đời sống được <sup>409-411</sup>  
 chọn để biểu thị những gặp gỡ với Đức Kitô vào những <sup>565, 574</sup>  
 thời điểm quan trọng của cuộc đời. Thiên Chúa, Đức Kitô <sup>192-193</sup>  
 và Giáo Hội thành hữu hình trong nước, bánh, rượu nho <sup>256-258</sup>  
 và dầu, trong bàn tay chạm đến trong âm thanh tiếng xin  
 vâng, trong việc xưng tội. Chúng cũng giản dị và dễ đến  
 gần như lúc Đức Giêsu xuất hiện ở Palestin.

Các biểu hiệu lấy từ đời sống hằng ngày thành biểu  
 hiệu của Chúa sống lại, của cuộc sáng thế mới.

Sự liên kết của chúng với trần gian có thể được nhấn  
 mạnh bởi các cách thức lộ lộ và tỉ mỉ mà thừa tác viên

của Giáo Hội thực hiện. Nhưng đồng thời, cần thấy là hiện thực của chúng được định hướng tới một cuộc sống mới. Rửa tội không là chùi rửa cơ thể, Phép Thánh Thể không là thoả mãn người đói ăn. Chúng ta được tẩy rửa trong một thế giới mới, chúng ta ăn một sinh phẩm mới.

Một thành phần của phép bí tích là việc thốt lên những lời nhất định, hàm súc và đủ ý nghĩa. Nhưng là những lời ấy khiến thành một bí tích thật sự. Chúng quyết định ý nghĩa của một cử chỉ, cho nó một định hướng và làm nó phô bày rõ ràng.

753 Không có cố định cứng nhắc trong qui trình một phép bí tích. Nó triển khai theo tuổi tác và tùy đối tượng mà sửa đổi tới mức độ nào đó. Biểu hiệu được dần trải trong các nghi thức đầy ý nghĩa hoặc bỏ bớt xuống tận phần cốt tủy. Có thể xuất hiện những sửa đổi vì chúng không là những qui trình pháp thuật chỉ hữu hiệu khi phối hợp hoàn hảo tới chi tiết cuối cùng.

Giáo Hội giữ gìn trung thực các biểu hiệu này vì chúng là những tặng phẩm được trao tận tay, nhưng cũng uyển chuyển vì chúng là những biểu hiệu được thể hiện trọn vẹn ý nghĩa.

### *Biểu hiệu hay hiện thực*

Có thể thắc mắc phép bí tích là biểu tượng hay là thực tại. Thí dụ, Phép Thánh Thể hoặc rửa tội là một “biểu biệu” hay một “xác thực”.

Cả hai. Để bắt đầu, nó là một biểu hiệu. Bánh có ý nghĩa ước muốn của Đức Giêsu muốn nuôi dưỡng chúng ta, được tiêu hóa bởi chúng ta. Nước có nghĩa là sự sinh

ra mới. Các bí tích là các biểu hiệu ngụ ý sự hiện diện cách biểu tượng của Đức Giêsu, (nghĩa là, Thánh Thần Chúa, ân sủng).

Nhưng đây không là tất cả. Cái ngụ ý cũng là cái ban cho. Chúng thật sự hoàn thành cái mà chúng mang ý nghĩa. <sup>288. 289</sup>  
 Phép Thánh Thể là *sự nuôi dưỡng bằng mình máu Đức* <sup>407</sup>  
*Giêsu*. Rửa tội là *sinh ra thêm lần nữa*. Cái được ngụ ý tượng trưng là cái ban cho thật sự.

### *Các á bí tích*

Sau cùng, có ít lời về các á bí tích. Từ thời xa xưa, Giáo Hội đã tuyên bố những chúc phúc của mình trên loài người và trên những gì loài người thực hiện hoặc sử dụng - sứ mệnh mới, ngôi nhà mới, các khí cụ, thực phẩm, và vân vân. Các chúc phúc là những lời cầu nguyện dâng lên Thiên Chúa, thỉnh cầu ngài ban phúc lợi, ân sủng và phúc lành. Những lời cầu nguyện ấy không dâng lên với cương vị cá nhân, nhưng bởi tư cách quyền đại diện cộng đoàn. Thí dụ, lúc cầu xin ân sủng tại bữa ăn, kẻ nói lên lời cầu là người cha hoặc người mẹ. Các phúc lành rõ ràng được ban cho nhân danh cộng đoàn (nói chung, theo hình thức sử dụng tập thể), và bảo lưu cho những vị được truyền chức linh mục.

Khi phúc lành được dùng cho những đối tượng nhất định để đến gần Thiên Chúa (nhà thờ, chuông nhà thờ, chén thánh, tràng hạt) thì gọi là làm phép. Lời cầu nguyện dùng trong các dịp đó là lời thỉnh cầu cho đối tượng liên hệ mang phúc lành tới cho người sử dụng chúng, rằng chúng là nơi để hiệp cùng Thiên Chúa. Chúng ta tìm được

sự thánh thiện của Thiên Chúa qua các vật ấy, vì các bí tích của Đức Giêsu cho thấy có thể liên kết các vật trần thế với nước Thiên Chúa.

Đĩ nhiên chúng ta cần nhớ là các á bí tích không tạo nên những giao tiếp sâu xa và nhất định như các bí tích, và không tồn tại thường trực như đã có sẵn ở đó. Chúng là sự biến cải nhờ các bí tích, vì chúng vốn là vậy, và là những đường viền (thường đẹp như vẽ) của đời sống đầy ơn lành, và rất bị điều kiện hóa theo văn hóa địa phương.

Hiện nay, chúng ta thường nhạy cảm hơn với các biểu hiệu của Thiên Chúa, không dính dáng tới các nơi được làm phép, nhưng được nhận ra ở khắp nơi. Chúng ta nhìn loại nước bình thường như một biểu hiệu của ngài, mặt trời chiếu sáng nơi nhà bếp, ánh sáng rọi xiên qua tầng cây xanh hoặc sóng biển vô bập bênh. Chúng tiếp diễn sự hiện hữu của các bí tích tới độ chúng ta có thể thấy qua các cảnh tượng ấy điều của vinh quang Thiên Chúa.

Có lẽ việc thảo luận này quá ngắn ngủi cho một đề tài quan trọng như các phép bí tích. Vì thế chúng ta sẽ dành nhiều trang hơn nếu có thể để nói riêng về từng bí tích, cho mỗi biểu hiệu được trình bày như chính nó là một gặp gỡ rất đặc biệt với Thiên Chúa.

## THÊM SỨC

### *Phụng vụ phép thêm sức*

**N**hân danh Thiên Chúa đặt tay trên một người nào đó có nghĩa chuyển người ấy vào môi trường của Thiên

Chúa. Với cử chỉ ấy các Tông đồ ban Thánh Linh Thiên Chúa cho các Kitô hữu. Phêrô và Gioan “đặt tay trên họ, và họ đã được chịu lấy Thánh Thần” (Cv. 8:17). Các Kitô hữu nhận biểu hiệu này lúc lớn khôn. Thêm sức, làm cho kiên cố, là bí tích bằng một số cách thức hoàn tất phép rửa tội.

Giám mục dang tay trên các ứng viên và đọc: “Lạy Thiên Chúa Toàn năng và Hằng hữu, ngài ban cho các tội tử ngài được sinh thêm lần nữa bởi nước và Thánh Thần Chúa và tha thứ mọi tội lỗi của chúng. Xin hãy sai Thánh Thần Chúa, Đấng Ủi an, đến từ trời với bảy tặng phẩm của ngài. Amen. Thánh Linh của khôn ngoan và hiểu biết. Amen. Thánh linh của ủi an và dũng cảm. Amen. Thánh Linh của nhận biết và ngoan đạo. Amen. Xin đổ đầy chúng với Thánh Linh của sự kính sợ ngài, và xin hãy chiếu cố đóng dấu chúng với dấu thánh giá của Đức Kitô cho đến sự sống đời đời”.

Bấy giờ, các ứng viên từng người một bước tới và đứng trước vị giám mục. Ngài đặt tay lên đầu họ và xúc dầu thánh lên trán họ. Dầu thánh là biểu tượng hương vị trọn lành của Chúa Thánh Thần thâm nhập mọi sự, và xúc dầu để họ hoàn toàn là phần tử của “dòng giống được chọn, hàng tư tế hoàng vương nước thánh thiện, dân được chọn làm sở hữu (của Thiên Chúa)” (1 Pr. 2:9).

Kế đó, giám mục ban cho mỗi ứng viên một cái vắ nhẹ lên má, đó là một tục lệ trung cổ có ý nghĩa chịu lấy sự bách hại và rẽ rúng vì Đức Kitô. Kèm theo cử chỉ đó là lời nói: “Bình an ở cùng người”.

Thời điểm thích hợp nhất để ban thêm sức là trong Thánh lễ Misa, sau bài phúc âm. Tiếp đến, kết thúc với



Kinh Tin Kính cùng nhau hát, và phụng vụ Thánh Thể. Đó là một chuỗi nối tiếp đầy ý nghĩa vì rửa tội, thêm sức và Phép Thánh Thể đều là các bí tích chính thức vỡ lòng của Kitô hữu, có từ thời rất xa xưa.

### *Mối liên hệ với rửa tội*

Có thể thắc mắc, khi chúng ta nói rằng Thánh Thần Chúa được ban cho lúc thêm sức thì điều ấy có ý nghĩa gì? Không phải chúng ta đã nhận Thánh Linh lúc rửa tội rồi sao?

Không có gì mâu thuẫn. Tặng phẩm tuôn xuống lúc rửa tội được gia tăng sức mạnh lúc thêm sức, thêm sức là “chung kết có tính cách Hiện Xuống” của phép rửa tội. Ngày xưa thêm sức được ban cho ngay sau khi rửa tội, như nay còn áp dụng ở Phương Đông. Như Đức Giêsu được Thánh Linh xức dầu ngay khi lên khỏi dòng sông Gioócđan, và như ngài thổi hơi Thần Khí trên các môn đệ ngay sau khi sống lại từ kẻ chết (và thực tế như người xức dầu thơm sau khi tắm), cũng thế, sau những thanh khiết được nhấn mạnh lúc rửa tội, nỗi hân hoan và sức mạnh của Thánh Thần Chúa được thêm lần nữa cử hành đặc biệt hơn nhiều tại thêm sức.

Có thể nhìn mối liên hệ chặt chẽ của hai bí tích ấy qua sự kiện rằng dù tại Phương Tây, thêm sức không còn diễn ra liền sau khi rửa tội nhưng tặng phẩm của Thánh Thần Chúa vẫn được ngụ ý nói tới lúc kết thúc rửa tội bằng một nghi thức cùng loại. Đó không là thêm sức, 411 nhưng rõ ràng có sự tương tự.

### *Tặng phẩm của Thánh Linh*

Nếu muốn giải thích đầy đủ ân sủng rõ rệt của phép thêm sức, chúng ta phải nhắc lại trọn chương về Hiện Xuống mà thật ra cũng đáng đặt vào đây.

328-339

Lúc này, chúng ta có thể thêm vào đôi lời. Trước hết, không nên xem bí tích này như một loại hành động phù phép riêng biệt có quyền năng trên cả Thánh Linh. Cũng như phép rửa tội, chỉ nên nhìn phép thêm sức trong bối cảnh toàn bộ cuộc sống Kitô hữu. Nghi thức này mà không có giảng dạy và giáo dục tương ứng thì chỉ còn là một điểm nhỏ. Như đã trình bày nhân lúc nói về rửa tội - quả đúng nếu có thắc mắc rằng trẻ em chịu rửa tội hoặc thêm sức vì phong tục thịnh hành, khi lớn lên mà không có lương tâm Kitô hữu cách đặc biệt, thì có thể gọi chúng thật sự là Kitô hữu hoặc là phần tử của Giáo Hội không?

Đây là điểm đáng lưu ý mà ta có thể thêm vào chương Hiện Xuống. Nên nhìn Thêm sức trong mối liên hệ với những tặng phẩm của Thánh Thần Chúa có liên quan đến sự trưởng thành có tính cách kitô: sức mạnh để quên những tư lợi bản thân và để làm chứng cho Đức Kitô. “Vậy mọi điều các người muốn được người ta làm cho mình, thì các người cũng hãy làm cho người ta như thế” (Mt. 7:12). “Khi người ta nộp các người thì các người đừng lo phải nói làm sao, hay nói gì... vì không phải các người nói, mà là Thần Khí của Cha các người sẽ nói trong các người” (Mt. 1):19-20) — Thêm sức ban cho mọi Kitô hữu sứ mạng làm chứng và phục vụ lời Thiên Chúa. Biến họ thành trưởng thành và trách nhiệm, mỗi người trong hoàn cảnh sống của mình.

### *Vài chi tiết*

Việc chỉ có giám mục mới ban phép thêm sức (trừ trường hợp lâm tử, linh mục chánh xứ hoặc tuyên úy bệnh viện có thể ban) có một ý nghĩa đặc biệt. Giám mục là máng xối được chỉ-định-thiên-kiêng của Thánh Thần Chúa và thừa tác viên phẩm trật và cách riêng các bí tích.

Ngài ban bí tích của Thánh Linh, là sự hoàn tất phép rửa tội. Bởi thế, vài năm giám mục mới đến một lần, ban phép thêm sức cho nhiều nhóm người một lượt và không gắn liền với mùa phụng vụ riêng biệt nào hoặc thời điểm nào trong cuộc sống. Do vậy, nó không là dịp đình kì rõ rệt. Vì thế khiến càng có lí do hơn cho các bậc cha mẹ, thầy cô và các linh mục nên quây quanh nó với những giải thích cách riêng và sắp đặt nghi lễ. Phép thêm sức hầu hết được ban cho các trẻ em học tiểu học.

- 420 Tục lệ địa phương có gồm việc thêm vào một tên thánh lúc chịu thêm sức. Hợp lí hơn nếu dành sự chú ý đó cho tên thánh lúc rửa tội, là vị thánh ta đã cầu viện đến lúc rửa tội. Tục lệ có thêm cha mẹ đỡ đầu thêm sức có thể ít có ý nghĩa, ngoại trừ mới người đã đỡ đầu cho đứa bé lúc rửa tội. Việc làm thế có thể hợp lí hơn.

Phép thêm sức chỉ được nhận một lần. Ta có thể không nhớ nhiều đến thêm sức của mình, hoặc ngay lúc tiếp nhận ta ít lưu tâm tới. Nhưng chắc chắn thêm sức là một tặng phẩm tiếp tục phát triển. Một khi đã tiếp nhận, phép thêm sức lớn mạnh suốt đời trong Thánh Thần Chúa.

## QUYỀN NĂNG CỦA TỘI LỖI

281-295

Tới đây, chúng ta đã mô tả sự đến của công cuộc cứu độ, từ khởi thủy lịch sử cho tới sự góp phần của ta qua các bí tích vỡ lòng rửa tội và thêm sức - và Phép Thánh Thể, bí tích vỡ lòng thứ ba và vĩ đại nhất, sẽ được thảo luận sau khi nói về sự chữa chan của cuộc sống Kitô hữu. Đây là lúc nhìn lại mọi điều đã trình bày, để tóm tắt và cố gắng nhận thức cách rõ ràng có thể được, về ý nghĩa của cứu độ. Đó là nội dung hai chương tới. Đầu tiên, trong chương này, chúng ta nói về quyền năng của tội lỗi.

### *Cứu độ cùng hiện hữu với tội lỗi*

Có thể nói trên thế gian không bao giờ thấy tội lỗi trong trạng thái đơn thuần của nó. Nhân loại không bao giờ hiện hữu nếu không có nòi giống loài người mà trong đó Đức Giêsu đã đến và đã làm người. Ngay trong một xã hội man rợ nhất, xưa hoặc nay, con người luôn luôn là đồng loại của Đức Giêsu, Con Thiên Chúa.

Một trẻ sơ sinh, dù không rửa tội, cũng được đưa vào thế giới ở đó cuộc cứu độ tác động. Ngay từ đầu, đứa bé là đồng loại của Đức Kitô và gọi ngài là bằng hữu. Và 420 đối với người lớn thì - dù cuộc đời có thể bị phá sản đạo đức như thế nào, dù con người ấy đã để mình làm sự dữ tới đâu - lời gọi của Thiên Chúa không tẩy chay ai và chẳng loại trừ ai.

### *Tội lỗi phổ quát*

Nhưng điều đó không có nghĩa ta không thể trải qua cảm giác bí nhiệm của tội lỗi trong chính cuộc đời mình

và trong cuộc sinh hoạt của thế giới chúng quanh. Chúng ta bị đè nặng bởi những cuộc chiến tranh không tránh được, bùng vỡ nhưng nhọt dù hầu hết mọi người chống lại chúng; bởi tính kiêu căng của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa thực dân; bởi hận thù chủng tộc và giai cấp làm nhiễm độc bầu khí. Tại lục địa văn minh nhất là Châu Âu, sáu triệu người đã bỏ mình trong các phòng hơi ngạt.

Sự bất lực ích kỷ để yêu thương người khác, sự thất bại để cải biến cuộc đời và ý nghĩ của chúng ta là những bộ phận khăng khít của mọi điều ấy. Chúng ta làm tổn thương loài người. Chúng ta có đóng vai trò trong sự dữ lớn lao của thế gian. Bàn tay chúng ta không sạch. “Và tất cả thế gian phải tự nhận mình mắc án của Thiên Chúa” (Rm. 3:19).

Đôi khi có gợi ý rằng có thể cắt nghĩa mọi điều ấy như một phát triển chậm lụt - không phải tội lỗi mà chỉ là chưa trưởng thành. Đôi khi dường như các tội ác ấy chỉ là vấn đề thần kinh bệnh hoạn; dù có đôi chút sự thật trong những cắt nghĩa đó, nhưng nó quá êm thấm, quá lành mạnh, để che đậy hoàn toàn cái mà con người nếm trải trong những khoảnh khắc sự thật: sự bất lực lớn lao, phổ quát - không tránh được và cũng không bào chữa được - để yêu thương.

“Tôi nhận ra rằng đã là con người thì cách giản dị là không thể sống và giữ được “sự trọn lành” và “sự thuần khiết”.

“Chẳng hạn như nếu ta muốn chú tâm vào một đường hướng độc nhất thì chỉ có thể thực hiện nó bằng

cái giá của sự thờ ơ đối với người khác. Nếu tôi đặt tâm hồn mình vào một việc độc nhất, thì tôi bỏ người khác sống trong lạnh lẽo... Không biết bao nhiêu lần tôi bị trở ngại vì những khuyết điểm loài người của mình, sự thất bại rõ rệt của mình về một cuộc sống hoàn toàn thuần khiết và hoàn toàn có trách nhiệm đạo đức. Tôi thấy có khoảng cách mênh mông giữa sáng suốt đạo đức và áp dụng thực tế. Không ngày nào và giờ nào đi qua mà tôi không phạm một tội bất xứng nào đó. Chúng ta không bao giờ làm trọn vẹn, và cái mà chúng ta đã làm được thì không trọn vẹn tốt... trừ việc bất toàn là cái chúng ta rất thiện nghệ, vì đó là cách chúng ta được tạo nên. Điều này đúng cho tôi và cho cả người khác. Mỗi ngày và mỗi giờ đều mang theo chúng sức nặng của sai phạm đạo đức cho công việc của tôi và cho quan hệ của tôi với đồng loại. Nếu tôi có thể nói với mình, này, mình không phải thánh (giả dụ sự thánh thiện nằm phía trên các khuyết điểm loài người) - thế thì mình nên hài lòng cách mình sống. Nhưng nó chẳng giúp được gì, vì tôi chẳng hài lòng. Tôi bất chợt bắt gặp hoài những sa ngã có tính loài người của mình, và chúng bao hàm trong sự bất toàn loài người của tôi, tôi thấy rõ có một loại hạn chế. Và điều ấy có nghĩa khuyết điểm loài người của tôi cũng là tội lỗi loài người của tôi Nghe nó lạ tai là chúng ta có tội lúc chúng ta chưa làm gì nên tội. Cả lúc không đặt định mục đích, không dự tính có chủ tâm, chúng ta đã có phán quyết về các khuyết điểm về mình và về một tội lỗi có tính hệ quả, một tội lỗi mà đôi khi tự nó biểu lộ hoàn toàn rất rõ ràng trong các hậu quả của cái chúng ta làm hoặc còn bỏ dở." (Anna Blaman).

“Nếu ở đó có một Thiên Chúa, vì đó có Thiên Chúa, thì nòi giống nhân loại bị cuốn hút vào một tai ương nguyên thủy nào đó. Nó trật khớp với các mục đích của Đấng Tạo Hóa của nó. Đó là một sự kiện, sự kiện có thật như sự hiện hữu của chúng ta; và như thế, đối với tôi, học thuyết về cái bị gọi cách thần học là tội nguyên tội, gần như chắc chắn cũng như thế gian hiện hữu, và cũng như sự hiện hữu của Thiên Chúa” (John Henry Newman).

### *Thông điệp của sách Sáng Thế 1-11*

Sách Thánh thiêng liêng có nói về “tội nguyên tội”. Nó xuất hiện rành rành trong các chương 1-11 của sách Sáng Thế và trên hết, trong chương 5 Thư Gởi Tín Hữu Rôma. Mười một chương đầu của Sáng Thế kể chuyện nguồn gốc nhân loại - Adam, Cain, Noe và Baben. Chúng ta biết rằng chúng không là những mô tả các sự kiện lịch sử rời rạc. Chúng đi sâu hơn. Những trình thuật ấy là biểu tượng trong đó mô tả cái cốt tủy của lịch sử nhân loại, gồm cả điều còn xảy đến. Adam là Con Người. Cain có thể được nhận ra trên các tạp chí và có thể gặp thấy trong chính lòng ta. Noe và những kẻ xây tháp Baben - chính là chúng ta. Các chương 1-11 sách Sáng Thế diễn tả các thành tố căn bản cho mọi cuộc gặp gỡ của nhân loại với Thiên Chúa. Chỉ ở chương 12, nơi Abraham xuất hiện, chúng ta mới bắt đầu nhận ra các khuôn mặt lịch sử thời quá khứ. Thông điệp của mười một chương đầu là gì? Nó gồm bốn điểm:

1. Thiên Chúa tạo dựng và ban cho tăng trưởng, như chúng ta đọc trong bài thơ sáng thế (St. 1) và các phả hệ (không đưa ra theo nghĩa đen).

700-701

83

99-105

642,77

2. Con người được hàm ý rõ ràng là để cho tình bằng hữu với Thiên Chúa, như xuất hiện trong câu chuyện vườn địa đàng (St. 2).

3. Tội lỗi loài người là thành tố thứ ba. Từ kinh nghiệm cay đắng của mình, đức tin của Israel đưa tới nhận biết sự bất biến của thành tố này trong lịch sử nhân loại. Do đó, lịch sử nguyên thủy kể lại bốn lần sa ngã: ăn trái cấm, giết em, sa đoạ thời Noe và xây tháp Baben.

4. Nhưng Thiên Chúa không bỏ mặc con người cho số phận của nó. Lúc Adam và Eva bị đuổi khỏi vườn địa đàng, Thiên Chúa cho quần áo và hứa rằng con cái của một người nữ sẽ nghiền nát đầu con rắn. Cain được ban cho dấu hiệu để ngăn việc giết người. Trong chuyện Noe, diễn tiến giải thoát được đưa ra gần như hầu hết trình thuật. Ngay sau Baben là chuyện Abraham, sự bắt đầu của một khôi phục vĩ đại mà Con Thiên Chúa sắp mang đến.

Các câu chuyện thời nguyên thủy là thông điệp về tính cách thích đáng thường trực của các thành tố căn bản cho cuộc sống của chúng ta với Thiên Chúa: 1. tạo dựng, 2. tuyển chọn, 3. tội lỗi, 4. khôi phục.

### *Thông điệp của thư Rôma ch. 5*

Trong Tân Ước, có nhận thức rõ ràng hơn về việc thông điệp của Thiên Chúa chứa đựng các thành tố đó. Bằng cách riêng, Phaolô, trong chương 5 Thư Gởi Tín Hữu Rôma, đã nêu bật tính chất sâu thẳm của nó. Trong cái nhìn đầu tiên, dường như dự tính của Phaolô là nhấn mạnh sự kiện rằng qua một người duy nhất mà tội lỗi nhập vào thế gian. Nhưng việc lặp lại từ ngữ “một người”, có tính



cách thời tính do quan điểm về lịch sử thế giới thời đại Phaolô, chỉ là phần trang hoàng văn học, không là một thông điệp. Điều mà đoạn văn khó đọc ấy giảng dạy là, qua việc tội lỗi và sự chết ngự trị nhân loại, ân sủng và sự hằng cửu, sự khôi phục, đến dồi dào hơn qua Đức Giêsu.

*Sa Ngã, một thông điệp về con người,  
không phải về thời nguyên thủy*

Trong suốt các bài Sách Thánh trên, trình thuật Sa Ngã là câu chuyện gây ấn tượng sâu sắc nhất. Nhưng cần nhớ rằng, như đã nói, các chương kế tiếp nó chứa đựng cũng một thông điệp. Rõ ràng là có đánh động cách riêng trong câu chuyện về Adam và Eva. Trọn vẹn vinh quang và khốn khổ của nhân loại được tóm gọn trong ít lời ngắn và sinh động.

Bài văn cảm động nhất này của Kinh Thánh không bao giờ có thể thay thế được bằng một văn bản giản lược về cách con người đứng trước Thiên Chúa, nhưng nó có thể và cần được thay vào đó bằng một bản mô tả về thời khởi thủy của nhân loại.

Tới đây, chúng ta ngừng lại một chút để xem qua vấn đề là chúng ta nghĩ gì về những khởi thủy của tội lỗi.

799-802

Thật ra, vào các thời kì trước đây và cho đến gần đây, chúng ta có hình ảnh về một thế giới tĩnh và ổn định cách cơ bản. Vạn vật tiếp diễn theo cách hiện hữu đầu tiên của nó. Thời ấy, nếu muốn nói điều gì về yếu tố căn bản của cuộc sinh tồn, ta trình bày theo cách mà vạn vật hiện hữu lúc khởi thủy. Sự giải thích nằm ở chỗ đó.

Sự giải thích trước đây về sự hiện hữu của vạn vật là Thiên Chúa đã tạo ra chúng rồi. Ngài được nói tới như người thợ mộc chế xong một món đồ và để nó đó.

Sự hiện hữu của tội lỗi được giải thích cách căn nguyên là do bởi sự kiện con người đã phạm tội.

Nhưng ngày nay, hình ảnh về thế giới đã và đang đổi thay. Chúng ta có thể nhìn sâu hơn vào quá khứ xa xôi. Giúp chúng ta thấy rằng thế giới được can thiệp bằng một chuyển động hướng thượng, trong một tiến trình tăng trưởng theo chiều này hoặc chiều kia. Quan điểm của chúng ta về thế giới nay không còn tĩnh nữa mà là động. Nghĩa là nhận thức xác đáng ấy được tìm kiếm không phải ngay nơi bắt đầu mà là trong diễn biến của vạn vật và cực điểm của chúng. Nói rằng Thiên Chúa đang tạo ra, thì đúng hơn là nói Thiên Chúa đã tạo ra. Nói theo cách nói rất con người: nếu ngài cất bàn tay sáng thế của ngài khỏi chúng ta trong khoảnh khắc, thì ở đây chẳng còn gì nữa. Thiên Chúa không như người thợ mộc mà có thể bỏ đi luôn. Toàn thể vũ trụ hiện hữu trong Thiên Chúa và lệ thuộc vào Thiên Chúa. Cuộc sáng thế tăng trưởng trong tay ngài. Trọn diễn biến của dòng lịch sử là tác động của ngài, và nó là một toàn bộ sẽ tự hoàn toàn giải thích nó và cho thấy rằng "mọi sự tốt lành quá đối" (St. 1:31).

Do đó, đối với chúng ta ngày nay, việc khởi thủy ít có tầm quan trọng như thế ngày trước. Cũng đúng như thế về vấn đề khởi thủy của tội lỗi. Cần suy nghĩ sâu xa về ý nghĩa của tội lỗi đầu tiên. Nó không thuộc về sự quan trọng tối thượng là con người đã phạm tội và đã sa đọa. Con người phạm tội và thành sa đọa. Tội lỗi của

Adam và Eva gần gũi hơn là chúng ta tưởng tượng. Nó ở trong mỗi bản thân ta.

### *Sự thâm nhập của tội lỗi*

Tuy nhiên, cách riêng về vấn đề tội lỗi, chúng ta không thể làm gì khác hơn là thắc mắc nó bắt đầu như thế nào. Chúng ta trông đợi có một ít trả lời chắc chắn từ khởi thủy, phải cắt nghĩa làm thế nào mà sự sai phạm lạ lùng ấy lại len được vào trong công trình của Thiên Chúa. Không liên can gì việc chúng ta tưởng tượng thời khởi thủy diễn ra chậm chạp và tiệm tiến như thế nào, tội lỗi có một bắt đầu tại một lúc nào đó hoặc một lúc khác. Khi nắm được một hình ảnh khác về thế giới thì câu trả lời sẽ là, như nó vốn là, rằng tội lỗi phải được phạm với sự tự do của con người. Tự do và tội lỗi đều cùng một lúc khắc sâu vào trong con người.

Nhưng có phải điều ấy gợi ra rằng tội lỗi là không thể tránh được? Chúng ta chỉ hoàn toàn có thể nói là tội lỗi bị phạm với một tự do nhất định - ngược lại thì không là tội - và tự do có nghĩa người ta có thể làm ngược lại. Nhưng điều này không nhất thiết có nghĩa nói chung là có thể tránh được mọi tội lỗi. Bất cứ tội riêng nào phạm thì không phải là không tránh được trừ phi diễn ra sự dữ có lẽ là cái không thể tránh trong thực hành. Chúng ta không biết. Trí óc chúng ta luôn luôn bất lực khi môn men tới sự hiểu biết cái bắt đầu của sự dữ - cả trong cuộc sống của chính ta. Khi ta thật sự phạm tội, ta hiểu sâu xa trong ta rằng ta đã làm như thế. Ta hiểu rằng ta có tội, và ngạc nhiên tự hỏi mình - làm sao mà mình có thể làm một việc như thế? Và thật ra, sự dữ thì không phải là

mau lĩnh hội. Nó là một phi lí lớn lao, một không thích đáng lớn lao, và do đó, vẫn còn không lĩnh hội được nguồn gốc của tội lỗi trong thế gian.

Nhưng sự dữ hiện hữu, và chống lại ý muốn của Thiên Chúa. Tuy nhiên, như chúng ta tin, ngài có quyền năng mang sự thiện cao cả ra khỏi sự dữ (xem chương cuối sách này).

### *Không có sự bất toàn vô tội*

Trước khi đi sâu hơn vào bản chất của sự dữ, chúng ta cần làm sáng tỏ điều này: chúng ta đang nói về tội lỗi và sự phạm tội của chúng ta. Đây là điểm khác biệt với việc con người ngẫu nhiên là một kẻ bất toàn, thiếu hiểu biết và trĩu nặng những đam mê hoang dại, trong một thế giới đang phát triển. Con người nguyên thủy trên các đồng cỏ, trong rừng và trong hang động đã thâm lắng vươn lên thành con người nhân tính. Trút lại con thú ở đằng sau mình. Vẫn còn rất xa sự hoàn hảo. Nhưng điều đó tự chính nó không phải là tội. Rõ ràng, tội lỗi hòa trộn, cách không gỡ ra được, với những đam mê và các bản năng mà qua đó nó tác động, nhưng tội lỗi rõ rệt là một yếu tố của bản năng không phải loài vật, vì nó là tội có thật sự phạm.

Trong một thế gian tiến hóa hướng thượng, tội lỗi thường không gì khác hơn là sự từ chối vươn lên theo hướng mà lương tâm biểu lộ cho thấy.

### *Sự dữ chung*

Chúng ta hãy trở lại Kinh Thánh và xem ở những trang khác nói gì về tội lỗi của con người

Trong ý nghĩa nào đó, Kinh Thánh là lịch sử của tội lỗi. Các trình thuật trong Sáng Thế 1-11 được tiếp theo bởi lịch sử một dân tộc được chọn. Dân tộc đó không biết bao nhiêu lần bị coi là bưng bình, bội giáo, “thông dâm” - một người phối ngẫu bất trung (Hs. 1-3). Ở đây, cần chú ý rằng, toàn bộ dân tộc ấy được mô tả là có tội. Các phần sau của Cựu Ước nhấn mạnh rõ ràng trách nhiệm của cá thể. Nhưng vẫn còn có cảm giác rằng tội lỗi là một vấn đề trách nhiệm tập thể.

Cũng thế, Đức Giêsu chỉ ra một trách nhiệm chung nhất định trong tội lỗi, chẳng hạn lúc ngài nói với những người Biệt phái là họ phạm những tội ác (đó) “ngõ hầu giáng xuống trên các người tất cả máu (những người) vô tội đã đổ ra trên đất” (Mt. 23:25). Và khi chúng ta đọc trong Gioan: “Đây là Chiên của Thiên Chúa, là Đấng khử trừ tội của thế gian” (Ga. 1:29), chúng ta thấy là tội lỗi con người phạm bị đưa thành sự phạm tội lớn lao duy nhất. Nó là sự tội lỗi - chứ không phải các tội lỗi - được tẩy sạch.

Lúc này, chúng ta sẽ cố nắm bắt đặc tính tập thể đó của sự dữ bằng việc chú ý vào mức độ lây lan gắn chặt vào các tội lỗi của chúng ta.

Đầu tiên, có những hậu quả đầy đau đớn. Người này có thể làm hại người khác. Đó đã là một ý tưởng khủng khiếp nhưng còn kinh hoàng hơn nữa là việc một người có thể truyền nhiễm sự dữ cho người khác bằng chính tội lỗi của mình. Thực hiện một điển hình tồi tệ, bởi đó mà sự thiện bị từ khước và qua đó cho thấy là có thể làm được sự dữ. Nơi điển hình sự dữ kèm theo sự xuyên tạc có chủ ý, chúng ta thấy có hình thức tồi tệ nhất của gương

xấu, đưa đến việc Đức Giêsu ra lời phát biểu xúc động mạnh nhất: “Kẻ nào nên cớ vấp phạm cho một người nào trong các kẻ nhỏ đã tin vào Ta này, thì thà nó bị khoan cối lửa treo cổ mà nhận chìm đáy biển còn hơn. Khốn cho thế gian vì những cớ vấp phạm!” (Mt. 18:6-7).

Cũng có thể thấy sự lây lan của tội lỗi trong việc làm hao mòn các cảm giác về giá trị của loài người. Trong một gia đình tham lam, trẻ con thấy chuyện chụp giật là tự nhiên, trong một xã hội ích kỷ, các cá nhân ích kỷ cách dễ dàng, chủ nghĩa thực dân sản sinh những kẻ bóc lột, và chủ nghĩa kì thị sản sinh những kẻ kì thị.

Và có lời giảng dạy của Kinh Thánh là tội lỗi ngự trị thế gian. Toàn thể nhân loại ở trong một thân phận các giá trị của mình bị mù mịt. Và mù mịt nhất là giá trị tối thượng: yêu thương.

### *Miễn cưỡng trước mặt Đức Kitô*

Thân phận này là của chính con người. Không đến với con người từ bên ngoài. Nó thật sự ở bên trong con người, vì cái thuộc về nhân loại là cái bên trong và cốt tủy đối với mỗi người. Và mỗi người có cái sâu thẳm ở bên trong mình, có trước hành động cá nhân của mình và tạo bản sắc cho mọi hành động, một sự miễn cưỡng đáp ứng với Thiên Chúa, một sự từ chối trước yêu thương chân chính.

Điều này không có nghĩa lúc nào chúng ta cũng muốn làm điều dữ. Khi nhìn về thánh giá của Đức Giêsu, chúng ta không thể không nhận ra rằng cuộc sống mình không là cuộc sống của yêu thương. Khi Thiên Chúa cho thấy

tình yêu và tấm lòng của ngài, chúng ta cảm thấy mình không sánh kịp, và thật ra, là miễn cưỡng chống đối. Chúng ta kháng cự.

Có một cái gì Satan trong cái đó (x. Mt. 8:33). Chúng ta không lưu tâm tới điều Thiên Chúa muốn nhưng tới cái mà con người khao khát. Chúng ta không muốn có một tình yêu khá dĩ vĩ đại nhất cho ngài và cho nhau. Chúng ta từ chối thân tình của Thiên Chúa, chúng ta không muốn gì về địa đàng của Thiên Chúa, và về bản thân mình thì chúng ta bất lực để làm ngược lại.

Sự bất lực này không là vô tội. Những khả năng của tự do đã bị làm hư hại. Nhưng còn một tự do nhất định vẫn còn là của chúng ta và chúng ta dùng nó để đặt bản thân mình chống lại những cái mà chúng ta được kêu gọi sống, là cuộc sống thánh thiện, nỗi hân hoan và tình yêu. Đối với con người, sự liên kết trong tội lỗi này là một điều không bao giờ diễn tả rõ ràng được. Sự dữ thì luôn luôn mờ mịt. Ngay trong các thời kì trước đây, các nhà thần học đã nhận là không hoàn toàn hiểu rõ nó. Họ nhìn thấy “bản tính loài người” bị lưu truyền bởi sự phát sinh có tính cách toàn bộ từ Adam tội lỗi. Nhưng sự giải thích về tính chất tập thể hoặc “cá thể” của tội lỗi là điều không được biểu lộ cách trực tiếp. Nó không phải thành phần của mục đích trực tiếp của mạc khải (điều được gọi là mạc khải tự nó). Theo Kinh Thánh, sự hiệp nhất của giống nòi nhân loại không đặt căn bản trên sự truyền giống (“Hi Lạp, man rợ hoặc Do Thái”) nhưng trên lời kêu gọi của Chúa Cha độc nhất. Tính chất cá thể của tội lỗi được tìm thấy trên cùng một cấp độ, dù ở đây trong sự từ chối của con người. Nó với tới chúng ta không bằng

cách phát sinh, nhưng từ mọi phía, dọc theo các cách thức mà loài người giao tiếp nhau. Tội lỗi làm nhơ nhuốc những người khác không phải chỉ phạm bởi Adam lúc bắt đầu câu chuyện của con người, nhưng bởi “Adam”, con người, mọi người. Đó là “tội của thế gian” Bao gồm những tội của tôi. Tôi không là con cừu non vô tội bị sa đọa bởi người khác. Tôi có góp phần vào sự sa đọa.

Vào thời Augustinô, khoảng năm 400, sự phạm tội tổng quát mà chúng ta biết qua Kinh Thánh lẫn kinh nghiệm này được đặt tên là *tội nguyên tội* (tội nguyên tổ, tội tổ tông), *peccatum originale*. Các Giáo Phụ Hi Lạp dùng từ ngữ “chết”, cái chết của linh hồn. Việc nhấn mạnh vào sự kiện rằng sự thừa kế tội nguyên tội đến bằng cách phát sinh từ cha mẹ đã dẫn đến nhiều thảo luận về tội nguyên tội trong trẻ con. Nhưng khi chúng ta nắm vững đầy đủ hơn quan điểm về sự nhiễm tội và thấy nó đến từ toàn thể nhân loại, thì việc nhấn mạnh lại đặt vào người lớn. Tội nguyên tội là tội của toàn bộ nhân loại (gồm cả chính tôi), nó làm toàn thể mọi người nhiễm phải tới mức độ nào đó. Tội nguyên tội có mặt trong từng tội lỗi cá nhân, có mặt cách căn bản và năng động và chia sẻ.

Chúng ta cần nhớ rằng “tội nguyên tội” không là tội theo ý nghĩa thông thường của từ ngữ tội. Có thể nói là nó chỉ đưa vào hình thức cụ thể trong các tội lỗi của chúng ta. Do đó, không ai bị kết án bởi tội nguyên tội “một mình”, mà có thể nói là chỉ bởi những quyết định cá nhân mà qua những quyết định đó, người ấy xác nhận tội nguyên tội. (Cũng thế, phép rửa tội cũng là một sự vỡ lòng vào cuộc chiến đấu suốt đời chống lại tội lỗi cá nhân).



Tội lỗi thế gian đạt tới cực điểm bằng việc đóng đinh Đức Kitô. Đó là Sa Ngã trong ý nghĩa tận cùng nhất: giết chết Đấng Toàn Thiện độc nhất, trực xuất Thiên Chúa. Mỗi người đều góp phần vào việc ấy. Những kẻ tuyên án và cầm búa có lẽ ít hiểu về cái họ làm cho bằng nhiều người trong chúng ta. Toàn thể nhân loại đều nhúng tay vào việc ấy.

### *Quyền năng lớn hơn của ân sủng*

Đây, cái vĩ đại nhất từ tất cả mọi tội lỗi, là sự cứu độ về phần Thiên Chúa. Cái Không tàn bạo nhất được Thiên Chúa trả lời bằng cái Vông chậm hiểu nhất. Nó làm trên thế gian sự thiện mạnh hơn sự dữ.

Cơ lụt của tội lỗi đã bị cơ lụt lớn hơn của ân sủng dâng cao hơn. Vì Đấng Cứu độ là đồng loại với chúng ta, chúng ta được bảo đảm, từ những thời kỳ ban sơ nhất, rằng sự thiện mãnh liệt hơn và thâm nhập cùng khắp hơn sự dữ.

Từ Kinh Thánh, chúng ta có thể chỉ ra điều đó. Nó rõ ràng là câu chuyện về sự lây lan của tội lỗi, nhưng nó cũng là câu chuyện về quyền năng cuốn hút hơn của ân sủng. Chúng ta có khuynh hướng cho rằng việc thiện mình làm là trách nhiệm hoàn toàn cá nhân của chính mình. Nhưng cần chú ý tới sự thật là việc thiện chính chúng ta làm cũng thuộc về sở hữu tập thể ở mức độ lớn lao, trong sự liên kết mà chúng ta hi vọng nó mạnh mẽ hơn sự liên kết của tội lỗi.

Đó là lí do các tác giả cuốn sách giáo lí này - nếu được phép tự đề cập đến mình một lần - cảm thấy khích

lệ để viết nó. Dù hiểu rằng một ít di sản của tội lỗi mà mình kế thừa và sự xa lánh Thiên Chúa có thể phản ánh trong các bài viết, nhưng lại tự tin hơn rằng các sức mạnh của chân lý và ân sủng tuôn tràn trên mình qua nhân loại và Thiên Chúa, sẽ tác động hết sức dồi dào trong các trang giấy trước mặt bạn đây.

Vì quyền năng của ân sủng thì lớn hơn nên mặc khải Kitô giáo được gọi hợp lý là phúc âm hoặc tin mừng.

Sự xác tín đầy điểm phúc vào tính ưu việt của ân sủng được làm nổi bật cách rất sinh động trong chân lý, chỉ trở nên rõ ràng cho Giáo Hội theo một quá trình dài và chậm. Tôma Aquinô và Bécnađô còn không thể hiểu làm thế nào có thể xác nhận nó cách thích hợp. Nhưng Giáo Hội dần dần đạt đến chân lý này bằng chiêm nghiệm trên toàn bộ của mặc khải và trang trọng xác nhận vào thế kỷ mười chín vừa qua. Sự thật là mẹ Maria được giải phóng khỏi tội nguyên tội. Mẹ thụ thai trinh khiết. Sống trong một thế gian tội lỗi, mẹ chia sẻ đau đớn của trần thế, nhưng không chia sẻ sự dữ của nó. Trong đau khổ, mẹ là người chị của chúng ta, nhưng không như thế trong sự dữ. Bằng sự thiện, mẹ hoàn toàn chiến thắng sự dữ. Dĩ nhiên điều này xảy ra hoàn toàn vì công cuộc cứu độ của Đức Kitô.

Thật không ngạc nhiên về cuộc đời hoàn toàn vắng 141-143  
phục, được sống bởi Đức Kitô, cũng được sống hoàn hảo nhất bởi một người nữ. “Là nam và nữ, Người đã dựng nên chúng” (St. 1:27). Eva chân chính được dựng nên cùng với Adam chân chính. Mẹ Maria là thành phần của mẫu nhiệm Đức Kitô.

### *Cái gì thuộc về đức tin ở đây?*

Thế thì tóm lại, chương này muốn chuyển giao một thông điệp thiêng liêng gì? Nó là thông điệp có tính cách kinh thánh rằng nhân loại: 1, được Thiên Chúa dựng nên; 2, rằng nhân loại được kêu gọi bằng cách thức đặc biệt tham gia vào cuộc sống của ngài; 3, rằng nhân loại thất bại cách tập thể và cách tội lỗi trong việc đáp ứng mục đích của Thiên Chúa; 4, rằng Thiên Chúa muốn giải phóng và cứu chữa chúng ta.

Thông điệp này được đề xuất dưới ánh sáng quan điểm hiện tại của chúng ta về thế gian, như một thế gian trong trạng thái tăng trưởng và tiến hóa. Các tác giả Kinh Thánh đưa ra thông điệp này bằng lối nói về một thế gian như họ biết, và sự trình bày hiện thời đi theo hình ảnh thế gian hôm nay. Điều này hợp lẽ, vì trong cả hai trường hợp, bốn yếu tố giống nhau đều trình bày cùng một mẫu nhiệm thiêng liêng được mạc khải cho chúng ta, cùng một thông điệp kinh thánh.

### *Thế gian thay đổi vì tội nguyên tội?*

Có thể vẫn còn trong tâm trí vài người một câu hỏi có sự nhấn mạnh nào đó được đưa ra trước đây trong lời dạy lẽ đạo: sự hoàn hảo của thế gian trong “trạng thái nguyên thủy tự nhiên” trước khi có tội lỗi.

Ngày trước Tôma Aquinô nói rằng ý kiến tin vào thưở xa xưa ấy có các thú vật hoang dại đã được thuần hóa là biểu hiệu của một “tâm trí yếu đuối” - dù ý kiến ấy có thể hiện nay vẫn được nghe nói tới trong các trường học

của chúng ta. Không có lí do gì buộc chúng ta tin rằng tạo vật ngày nay khác với trước lúc con người phạm tội. Luôn luôn có gai cùng cỏ dại.

Và về vấn đề bản thân con người, chúng ta không nhất thiết phải tưởng tượng rằng con người đã từng sống trong một trạng thái hoàn hảo và bất tử địa đàng cực lạc. Chúng ta đã thấy điều mà câu chuyện vườn địa đàng và sự sa ngã dự tính truyền đạt: mục đích của Thiên Chúa, được nhận ra trong toàn bộ, và trên hết, trong cùng đích. Chúng ta thật sự không biết gì về thời khởi thủy. Hình tượng về lời nguyên rủa mà dưới nó con người bị trục xuất khỏi vườn địa đàng (St. 3:16-19) - gai cùng cỏ dại, đau trở dạ, mồ hôi đầm mắt, những xung khắc bi đát trong hôn nhân - khẳng định cách giản dị rằng các sự việc đó không thuộc phần dự tính sâu xa và tối hậu nhất của Thiên Chúa. Nó cũng nói rằng tội lỗi liên hệ mật thiết tới những sự kiện đó.

Tội lỗi làm thế gian kém tốt lành. Nơi nào sự biếng 807  
trễ ngự trị, các cánh đồng mọc đầy cỏ dại và các đê hào sụp đổ. Nơi nào cỏ hận thù, thành phố sụm xuống trong tan nát. Nhưng trầm trọng hơn cả: nhân loại trong tội lỗi nhận thấy thế gian quá đổi nặng nề để gánh vác. Mọi sự thấy mờ mịt hơn cho những ai nội tâm không thấy thoải mái. Gai và cỏ dại mọc lên trong bản thân con người.

### *Tội lỗi và sự chết, Tha thứ và sự sống*

468-474

Trong tâm trí chúng ta có một mối liên hệ rất đặc biệt và mâu nhiệm giữa tội lỗi và sự chết. Kinh Thánh thỉnh thoảng diễn tả điều ấy bằng cách nói rằng qua tội

lỗi mà sự chết đi vào thế gian. Nhưng vì đối với chúng ta, những khởi thủy thì mờ mịt, sự bắt đầu của cái chết sinh học cũng mờ mịt. Cái chúng ta có thấy lúc nhìn vào diễn biến của lịch sử cứu độ là, cùng với tội lỗi sự chết cũng mất vơi độc dữ của nó. Sự phục sinh mà Đức Giêsu công bố không chỉ là sự tha thứ mà là sự sống đời đời. Cùng đích của lịch sử nhân loại sẽ mang nó theo cùng, cùng như mang theo cuộc chinh phục trọn vẹn đối với tội lỗi là cuộc chinh phục trọn vẹn đối với sự chết. Mọi phần tử của nòi giống loài người, để cho tự mình được cứu rỗi khỏi mọi tội lỗi, sẽ được nghe điều mà một phạm nhân được nghe từ môi Đức Giêsu: “Hôm nay ngươi sẽ ở với Ta trên Thiên đàng”.

## CỨU ĐỘ

**T**rong một chương trước, chúng ta đã mô tả về sự khốn khổ của con người. Cuộc cứu rỗi được công bố trong chương này thật ra đã có bàn tới ở các phần trước. Cựu Ước, Đức Giêsu Nagiarét, cuộc sống của Giáo Hội, cả ba tạo thành một tiến trình cứu rỗi rộng lớn mà chúng ta tin vào đó. Nhưng trong chương này, chúng ta sẽ cố gắng nêu rõ bản chất nội tại của cuộc cứu độ, chúng ta khởi sự bằng cách thăm dò theo đường vòng, với việc đầu tiên là xét những nỗ lực lớn của nhân loại, ngoài Kitô giáo, để đạt tới cứu độ.

*Con người trong sợ hãi và khốn khổ*

Ai cũng nếm trải cuộc đời như một khốn khổ tới mức nào đó. Nếu đang hạnh phúc, người ta lo sợ hạnh phúc

không kéo dài. Nếu đang trong cùng quẩn - lúc đó chắc chắn không có hạnh phúc nào. “Nặng lắm phải không bác sĩ?”, hoặc, “Nó làm tôi điên lên”... “Chưa từng có ai chăm sóc tôi cả”... “Tôi có từng thương ai chưa?”... “Tôi căng thẳng cả người”... “Chuyện chi tôi làm cũng trật”... “Tôi không tốt”... “Tại sao người tôi thương lại chết”... “Suy nghĩ đi, mình trước sau gì cũng chết”... “Thử tưởng tượng chiếc xe hơi này mà vọt lên vĩa hè”...

Ai cũng có cách riêng cố tự giải thoát mình khỏi đau khổ, bất mãn và tình trạng bấp bênh. Chúng ta cố nghĩ tới ngày mai; hoặc vui đầu làm việc; hoặc nghe nhạc; hoặc tìm cho ra ý nghĩa của mọi sự đang diễn ra; hoặc không nghĩ ngợi, chỉ giản dị sống. Chúng ta cố có một cái nhìn tươi sáng lạc quan; hoặc cố lờ một cái nhìn cố ý bi quan, để giảm thiểu những kích động của những thất vọng không tránh được. Chúng ta cố bám chặt hạnh phúc bằng sống ích kỷ và lãnh đạm; hoặc bằng sống ân cần và cởi mở cách mộc mạc. Vô số thái độ cá nhân ấy đều là những nỗ lực tìm kiếm giải thoát giữa sự bất toàn có tính cách con người.

Trong nhân loại, xuất hiện một số quan điểm hoặc tôn giáo có tính cách cứu độ lớn lao, và cung ứng nhiều cách thức để đem lại sự như ý và yên ổn cho hàng triệu người theo mình. Quan trọng nhất là Ấn Độ giáo, Phật giáo, Hồi giáo, chủ nghĩa nhân bản, chủ nghĩa Mác, rồi đến Do Thái giáo và Giáo Hội của Đức Kitô.

### *Ấn Độ giáo và Phật giáo*

64-70  
474-477

Chúng ta đã đưa ra một phác họa tóm tắt về Ấn Độ giáo và Phật giáo ở Phần Thứ Hai, qua đó, hi vọng xuất

hiện được những điều phong phú và sâu sắc của hai tôn giáo ấy. Cả hai tôn giáo ấy đều là con đường giải thoát. Cả hai khởi đi từ những kinh nghiệm căn bản của cuộc sống như đau khổ - sự khốn khổ của các tầng lớp dân chúng trên tiểu lục địa nhiệt đới Ấn Độ. Nhưng không chấp nhận sự khốn khổ như một số phận không tránh được. Qua trầm tư quán tưởng, khổ hạnh hoặc bất chánh đạo mà tìm thấy giải thoát. Điều gây ấn tượng sâu sắc của Ấn Độ giáo là can trường thực hiện. Phật giáo biểu lộ sâu xa hơn về sự chú ý cá nhân cách mãnh liệt.

Nhưng trong một cách khác, Ấn Độ giáo và Phật giáo dạy con người chịu khuất phục trước số phận. Dù loài người được dạy để giữ mình vươn thẳng, không bị lay chuyển bởi dục vọng và xung đột, nhưng sự khốn khổ tự nó tồn tại như một số phận không tránh được. Sự khốn khổ của thân phận con người có thể không được cảm thấy rất sắc bén trong nội tâm của một tâm hồn đã thuần khiết, nhưng nó vẫn còn ở đó cũng lớn lao như ở trong thế gian. Thế gian được đánh giá như những xuất hiện đơn thuần. Và có ít động cơ để cải thiện thế gian. Và sự hằng cửu, mà có thể hoặc không thể hi vọng đạt được, không là cuộc giáp mặt của yêu thương, sự dấn trải của nhân cách, mà là sự hội nhập không còn tính cách cá nhân của cái ngã vào trong Đại ngã.

821

Tóm lại, Ấn Độ giáo hoặc Phật giáo, cùng một số tôn giáo khác (chia sẻ mối quan tâm chung với hai tôn giáo ấy), chấp nhận sự khốn khổ của thế gian này như một tất yếu, từ bỏ chính mình, nhân vị mình, và mưu tìm sự an tĩnh trong khái niệm là mình sẽ không kéo dài mãi được trước một yêu thương có ý thức và riêng tư.

477

## Hồi giáo

70

323

479

Thái độ của Hồi giáo rất khác biệt. Số phận trần gian không xuất hiện đơn thuần. Nó xuất phát từ tay Đấng Độc Nhất, khoan dung và độ lượng, Allah, Thiên Chúa độc nhất. Ngài hằng sống và có ý thức, toàn năng và trọn lành. Ngài là đấng duy nhất cách tuyệt đối (độc nhất, không tam vị nhất thể).

821

Mọi sự tùy thuộc vào Thiên Chúa. Đây cũng là học thuyết Kitô giáo. Nhưng tương phản với quan điểm Kitô giáo, trong Hồi giáo không có đối tượng tự nhiên nào tự nó hoạt động hoặc có nguyên nhân của chính nó. Theo thần học Hồi giáo truyền thống, các qui luật tự nhiên ở trần thế, các qui luật của thiện và ác trong lương tâm, không có cấu trúc hoặc hoạt động nội tại, đều được Đức Allah gieo trồng vào bên trong chúng. Ngài chuyển động và hướng dẫn mọi sự, trực tiếp và hoàn toàn độc đoán. Nếu ngài muốn có thay đổi vào ngày mai, thì vào ngày mai vạn vật sẽ xử sự khác hẳn. Không gì cản trở được ngài ngoại trừ ý muốn của ngài. Như thế, qui luật đạo đức không được tìm thấy tận gốc và cơ bản trong tâm hồn con người. Nó đến trực tiếp và độc quyền xuất phát từ ý muốn của Thiên Chúa. Trong Hồi giáo không thể có vấn đề cảm giác sâu sắc về tội lỗi hoặc ân sủng. Các nghĩa vụ nhất định, có tính cách dễ hiểu dễ thấy, phải được thực hiện, thế thôi.

738

Về thân phận trần gian của con người, đức tin vào Đấng Khoan Dung và Độ Lượng hứa hẹn một nỗi hân hoan có tính cách nguyên thủy. Một tín đồ Hồi giáo ngay lành là chúa tể mọi sự. Cuộc đời không toàn là ảo giác và khổ não như đối với tín đồ Phật giáo.



Do đó, Hồi giáo có thể tạo một bầu khí hân hoan, khởi hứng cho các tín đồ nỗ lực đem thế giới đến thời phượng đức Ala. Trong Hồi giáo, phát triển nhiều hình thức văn hóa rất cao.

Nỗi hân hoan này còn gia thêm cường độ bởi lời hứa hạnh phúc đời đời cho các tín đồ, mà sẽ là sự nối tiếp cuộc sinh hoạt có tính cách trần thế.

Nhưng Hồi giáo không thể thoát được thuyết định mệnh. Hồi giáo (Islam), ngay tên gọi đã có nghĩa là sự đầu hàng (đối với Thiên Chúa), đưa sự đầu hàng này tới một điểm mà ta phải gọi là thuyết định mệnh. Ý tưởng Đấng Ala phú cho loài người và vạn vật mà không có sự chủ động của người và vật đưa tới sự thiếu nỗ lực cải thiện số phận của ta. Ala không chỉ dẫn dắt định mệnh của người giàu và người nghèo, ngài còn quyết định địa vị và tình trạng của mỗi người. Người Hồi giáo phải chấp nhận không hề kháng số phận trần thế của mình và của người bên cạnh mình.

Việc ấy hiện hữu tới mức độ nào đó vì, không giống Kinh Thánh, kinh Qr đưa ra những chỉ dẫn cụ thể về đời sống trong xã hội và điều ấy được xem là ý muốn của Đấng Ala. Chỉ dành chỗ rất nhỏ cho sự tiến bộ. Do đó, cũng giống trong các tôn giáo của Ấn Độ, thân phận loài người của con người ở trần thế được để cho, chủ yếu là không biến đổi, trong khổ đau và cơ cực.

Một câu hỏi xác đáng có thể được nêu ra về vấn đề Hồi giáo: không thể tìm thấy trong kinh Koran căn bản thần học về tiến bộ sao? Thật sự tại nhiều xứ sở Hồi giáo khác nhau, người ta đang tìm kiếm. Nhưng cho đến

hôm nay, có thể nói khái niệm của Hồi giáo về Thiên Chúa và vũ trụ vẫn còn bao gồm nhiều yếu tố của thuyết định mệnh.

### *Chủ nghĩa nhân bản*

70.

477-479

Các tôn giáo cứu độ vừa được đề cập có một ít tín đồ tại xứ sở chúng ta (Hòa Lan). Cả hai có nguồn gốc từ Ấn Độ và A Rập. Có phải miền đất của chúng ta can dự quá kiên quyết vào thực tại trần thế nên không còn chỗ cho các đức tin về thế giới bên kia đó? Hoặc có những lí do khác khiến chúng không lan truyền nhiều ở Tây phương? Dù sao đi nữa, trong phần đất này của thế giới chúng ta đã, tách biệt với Kitô giáo, phát triển một quan niệm hoàn toàn khác biệt về đau khổ và khốn khổ, dưới tên gọi là “chủ nghĩa nhân bản”. Nó không phủ nhận cũng không công nhận sự hiện hữu của Thiên Chúa. Nhưng nó nói là rất bất định để sử dụng khái niệm có Thiên Chúa hay không như một nguyên tắc căn bản cho cuộc sống. Nhân loại phải dựa vào chính mình để đạt hạnh phúc và sự thiện. Phải tấn công sự đau khổ và khốn khổ bằng tất cả các phương tiện tổ chức, khoa học, kĩ thuật và trí tuệ của con người. Chúng ta không cúi đầu trước số phận như người Hồi giáo. Chúng ta không được cản trở sự phát triển của lao động và yêu thương như Ấn Độ giáo và Phật giáo. Thái độ diêm dâm và can đảm này dường như chỉ dành một chỗ đứng nhỏ cho sự phục tùng có tính cách định mệnh trước số phận.

Tuy nhiên, vấn đề của cuộc sống vẫn còn lớn lao, thật ra, lớn lao hơn cho các nhà hiền triết kiên cường của chủ nghĩa nhân bản lẫn cho người lành thánh đông

phương. Nó vẫn tồn tại không lời giải đáp, vì dù đòi hỏi sống no đầy hơn và được sống no đầy hơn tuôn ra từ những chốn sâu thẳm của con người chúng ta, chủ nghĩa nhân bản quả quyết rằng con người chỉ là con người. Vấn nạn về vĩnh cửu, về một tình yêu hoàn hảo, về Đại Ngã được cho biết là không có cơ sở. Trong khi ít nhất Ấn Độ giáo và Hồi giáo cũng đưa ra một kiểu lối thoát nào đó, chủ nghĩa nhân bản không chấp nhận các kiểu lẫn tránh đó.

25-5.1

Thế nhưng con người còn đòi biết tại sao mình ra đời và mục đích của cuộc sống là gì. Con người cảm thấy vấn nạn đó càng thúc bách thì càng sáng tỏ khi mình công nhận sự sống là cái vĩ đại và tốt lành. Có lần một người nhân bản chủ nghĩa về nhà sau một đêm dài tranh luận qua đó anh ngăn chặn được người bên cạnh khỏi tự tử. Trong tình huống, thân thể rã rời nhưng ngập tràn cảm giác hân hoan, anh nói: “Tôi cảm thấy mình cần ai đó để mình có thể cảm ơn. Có phải đó là người mà anh gọi là Thiên Chúa không?”.

Chủ nghĩa nhân bản có vấn đề với sự thiện. Sự thiện từ đâu đến và mục đích của nó là gì? Có phải nó mất tiêu sau khi chết? Có phải cả vũ trụ là một trò đùa vô nghĩa? Làm thế nào mà chúng ta giải thoát mình khỏi cuộc sống đòi hỏi nhiều hơn là cho này?

Người theo chủ nghĩa nhân bản làm con người có vinh dự được là người nhưng lại để con người không có một số phận nào khác hơn là làm người. Con người trong chủ nghĩa nhân bản là một phương tiện để tự giải thoát. Chủ nghĩa này không đưa ra được một triển vọng nào khác hơn là sự tiến hóa hướng thượng và tiệm tiến của con

người, ngoại trừ một tình nhân đạo đầy đau đớn mỗi lần thấy một người đi vào cõi chết.

### *Chủ nghĩa Mác*

72

477

Một hình thức rất cá biệt của chủ nghĩa nhân bản tây phương là chủ nghĩa Mác. Nó tuyên bố dứt khoát là một học thuyết giải thoát và cứu độ. Điều này không phải không liên quan tới song thân của Mác có nguồn gốc Do Thái, là các phần tử dù sao cũng thuộc về một dân tộc đang chờ ngày ra đời của Đấng Cứu Độ. Giống Đức Phật, Mác xúc động bởi cảnh tượng khốn khổ của loài người. Đối tượng quan tâm chính của Mác là sự đối xử vô nhân đạo đối với giới vô sản mới mà cuộc cách mạng kĩ nghệ tạo ra vào nửa đầu thế kỉ mười chín.

Nhưng khác với Đức Phật, Mác không tìm kiếm sự giải thoát trong dứt bỏ, bình tâm hoặc giải thể cá nhân; cũng không “tiếp tục sống đúng một con người” như người theo chủ nghĩa nhân bản. Ông thấy sự giải thoát trong một tiến trình vật chất rất tuyệt đối, trong việc quay về mối tương quan nguyên thủy của con người với lao động chân tay. Vào thưở sơ khai, trong trạng thái tự nhiên, con người giữ quyền sở hữu sản phẩm của mình. Con người đặt “bản thân mình” trong lao động của mình, và như thế, đánh mất mình trong đó. Nhưng còn giữ lại sự sử dụng và sự thích thú về nó, và như thế, giữ lại được mình. Trong mức độ liên quan ấy, con người không bị tha hóa. Nhưng với sự phát triển của văn minh, và kết quả của cơ giới hóa và phân công lao động, phát sinh một tình trạng mới. Một số người sở hữu những phương tiện sản xuất

lớn lao mà những người lao động dựa vào đó. Nhà tư bản dần dần giàu hơn và giàu hơn. Anh ta làm chủ những cái anh ta không làm ra. Bản ngã anh ta bị cuốn hút vào các vật đó và lan tới con người anh ta. Con người anh ta trở thành một loại vật xa lạ. Anh ta trở thành kẻ xa lạ với bản thân loài người của mình. Anh ta bị “vong thân”.

Người lao động bị bóc lột cũng thành vong thân như thế, và theo cách còn thảm thương hơn. Anh ta đặt căn bản mình trong lao động chân tay của mình. Nếu không giữ lại được sản phẩm của mình thì anh ta có thể còn bản thân mình. Nhưng anh ta phải quì hàng - nhận ít hơn cái mà nó đáng giá. Như thế, người lao động cũng bị vong thân.

Người lao động trước hết cảm thấy điều tất yếu là phải thoát khỏi tình trạng này. Vì thế cuộc cứu rỗi và tương lai xảy đến với người lao động. Thân phận của họ trở nên không chịu đựng nổi, vì - theo quan điểm của Mác - khoảng cách giữa giàu và nghèo tiếp tục mở rộng, cho đến lúc có bùng nổ, giai cấp lao động nắm quyền hành, xã hội hóa các phương tiện sản xuất và thiết lập nền chuyên chính vô sản. Lúc ấy, xã hội được thành lập đó sẽ là thành phố cứu rỗi, tại đó trạng thái tự nhiên nói trên sẽ được phục hồi. Con người lại được thêm lần nữa lao động trong sáng khoái với chính bàn tay của mình. Mỗi người làm công việc mình muốn làm: “Trong xã hội cộng sản ấy, nơi không còn chỗ cho cá nhân chiếm hữu độc quyền, nhưng có thể phát triển trong bất cứ công việc nào mà mình chọn, xã hội sẽ điều hòa tổng quát việc sản xuất. Cách đó có thể giúp tôi hôm nay làm việc này, mai làm việc khác. Buổi sáng tôi có thể đi câu, buổi trưa đi săn, buổi chiều chăm sóc gia súc và còn bình phẩm

thức ăn, ngoài việc làm người đi săn, câu cá, chủ trại súc vật hoặc nhà phê bình, tôi còn làm đúng cái tôi muốn làm” (*Các Mác - Ý Thức Hệ Đức, 1845*).

Làm sao cho việc ấy xảy đến, Mác không giải thích rõ ràng. Nhưng sắp rạng sáng ngày hân hoan mới. Con người sẽ không còn đặt vấn nạn về cuộc sống, sự chết và Thiên Chúa. Con người sẽ không bị vong thân để bản thân mình bị cuốn hút bởi những cái vô bổ. Cuộc đời của con người sẽ hạnh phúc và hòa hợp ngoài sức tưởng tượng. Con người lúc đó là con người mới, không còn bị tách biệt với thế gian, không còn bị tách biệt với đồng loại.

Cuộc tái sinh ấy xảy ra trong khủng hoảng và đau đớn. Nếu không liều mình làm cách mạng, các tập thể vô sản phải sống hoàn toàn khốn khổ. Do đó, chủ nghĩa Mác nỗ lực chống lại các luật lệ cải thiện điều kiện sống của người lao động vì chúng chỉ làm trì hoãn sự triển khai tất yếu. Việc chủ yếu là đẩy mạnh diễn biến lịch sử không tránh được ấy bằng cách làm giới vô sản nhận biết thân phận mình, để loan truyền cách mạng và cổ vũ đấu tranh giai cấp.

Con người tự nguyện dốc toàn tâm sức vào sứ mệnh ấy, nhưng dù có gì xảy ra đi nữa, cũng không thể tránh được tiến trình ấy. Cuộc tiến hóa của nhân loại tuyệt đối đi theo qui luật tất yếu ấy. Do đó, không có vấn đề tội lỗi hoặc đức hạnh của con người. Vấn đề là nhận biết tiến trình vĩ đại ấy. Nhà tư bản không là một người xấu, nhưng hắn ta là cái phải biến mất. Người vô sản không là người tốt lành hoặc đức hạnh, nhưng anh ta ở đúng nơi mà sự cứu rỗi có mặt. 271

Thêm lần nữa chúng ta nêu vấn nạn đang thu hút sự chú ý của chúng ta trong chương này. Liệu lời tuyên bố về cuộc cứu rỗi này có thể chiến thắng được số phận con người?

Chúng ta có những điểm phác thảo về “duy vật lịch sử” của chủ nghĩa Mác. 1, một sự giải phóng trong tương lai; 2, một lí thuyết hấp dẫn; 3, một khả năng hành động hiện thời. Con người có thể tiến tới nắm lấy tức khắc số phận mình.

Nhưng liệu có thể nói là sẽ chinh phục được số phận? Chúng ta hãy bắt đầu với điều khẳng định sau cùng. Con người là một mắt xích - nói chính xác, không tốt hoặc xấu- trong tiến trình lịch sử. Nó là một thuyết tất định mà con người phải hy sinh cho sứ mạng lịch sử. Cái “Tôi” không gì thay thế được bị mất hút trong cái toàn bộ. Cái “Tôi” của chủ nghĩa Mác chỉ là một phần triệu, có thể nói, của một triệu người.

Trong thực hành, điều ấy có nghĩa là “vật cầm cố” đó có thể bị hi sinh cho cái toàn bộ - hoàn toàn khác với khái niệm Kitô giáo về tự hiến cho cái toàn thể. Và điều ấy làm phát sinh nỗi e sợ. Một xã hội loài người đặt định quá ít giá trị lên cá nhân tới độ có thể hi sinh cá nhân thì tối hậu, xã hội đó sẽ tự khủng hoảng vì không người nào còn cảm thấy an tâm. Diễn biến lịch sử ấy có thể làm điều ấy thành tất yếu tới độ bất cứ ai cũng phải hy sinh. Ở đây tồn tại một sự thật là con người không hơn con người. Ai sắp giải phóng nó? Thành phố cứu rỗi? Phúc lợi quốc gia?

Dù bất cứ trường hợp nào, nếu đạt tới được viễn tượng ấy thì có thể giải thoát con người khỏi số phận của nó không? Thành phố càng rực sáng hơn thì cái chết càng

buồn thảm hơn. Và sau khi chết, không đưa ra được cái gì cả ngoài bóng tối. Tuy nhiên vấn nạn sẽ luôn luôn nằm ở chỗ: tại sao tất cả sự lộng lẫy này - xuất phát bởi ai mà đến - có tự tàn lụi không? Con người tới ngày nào đó có sẽ rất đổi khác khiến vấn nạn này không còn được đặt ra nữa không?

Troelstra, một người nổi tiếng, theo xã hội chủ nghĩa ở Hòa Lan viết năm 1915: “Duy vật lịch sử có thể thuộc về một giá trị lớn lao giúp thiết lập một nhân quan mới về lịch sử, nhưng nó không thể tự coi mình là một triết lí đầy đủ về cuộc sống. Căn bản của nó quá giới hạn và phương pháp của nó quá một chiều. Nó rọi sáng trên những phương pháp sản xuất đang thay đổi tới chừng mực chúng ảnh hưởng lên xã hội, quốc gia, giai cấp và đảng, nhưng thông thường những tiến trình rộng lớn, những bản năng và khao khát sâu thẳm hơn của con người nằm ngoài các viễn tượng xã hội học. Do đó, nó bỏ quên không làm thoả mãn được những khát vọng mật thiết nhất của linh hồn, và nó nhìn con người loài người qua một khía cạnh, nghĩa là , như một chức năng của lực lượng xã hội. Điều này dễ đưa đến một loại thuyết định mệnh tự tuyên bố là mãn nguyện khi đưa ra một giải thích xã hội học về các sự kiện nhất định mà làm tổn thương tới lương tâm con người... Rốt cuộc, nó không thể làm thoả mãn thiên hướng tôn giáo của con người.”

Rõ ràng chủ nghĩa Mác có một loại hứng khởi tôn giáo. Nó kế thừa nhiều chủ đề khác nhau của mạc Khải Kitô-Do Thái giáo. Đó là tương lai “thiên quốc”, là sự quay về nguyên thủy của vạn vật. Đó là thông điệp mà ta “tin”, một đảng là một loại “dân thánh”, một “hiện



tại” được nhìn như một “thời gian đã định”, và một “đấng cứu độ đang chịu khổ nạn” là giai cấp vô sản. Có điều tất cả các chủ đề ấy được cho một nội dung xã hội học. Nó không chỉ ra được câu trả lời cho vấn nạn tối hậu

### *Con người tự do trước Thiên Chúa*

Tới đây, chúng ta thử nhìn xem mặt khải của Thiên Chúa ảnh hưởng ra sao lên định mệnh con người. Chúng ta tin ngài tự biểu lộ trong Đức Giêsu. Các tiến trình nào được phát động bởi biến cố này? Liệu chúng ta có khả năng đập vỡ các qui luật sắt đá của định mệnh không?

Dưới ánh sáng mặt khải của chính Thiên Chúa, chúng ta được mở mắt cho thấy mình thật sự hiện hữu. Sự thánh thiện của Đức Giêsu và tình yêu của ngài đối với Chúa Cha cho chúng ta thấy mình bị thống trị kiên cố biết bao bởi tính ích kỷ và hèn nhát. Định mệnh chúng ta cắm rễ trong bản thân chúng ta. Và tặng phẩm đầu tiên của mặt khải của Thiên Chúa là một lời chẩn đoán minh bạch. Không có định mệnh tất yếu nào úp chụp xuống chúng ta từ bên ngoài - không có chiếu chỉ của Đức Ala bên ngoài bản thân chúng ta, không có qui luật sắt đá của Nghiệp, không có luật của bản tính loài người hoặc biện chứng lịch sử. Định mệnh chúng ta được phác thảo bởi cái làm nên thuộc tính của chúng ta - trừ trách nhiệm tự do - là tội lỗi. Không có sự tất yếu nào áp đặt lên con người chúng ta từ bên trên hoặc bên dưới. Con người đứng trong không trung tự do với những hành động của chính mình có thể làm mình hạnh phúc hoặc bất hạnh lúc này và đời đời. Đây là con người được nhìn cách đầy đủ như

hữu. Trong ý nghĩa này, tội lỗi là khái niệm độc đáo đối<sup>81</sup> với thế giới tôn giáo Kitô-Do Thái giáo mà bên ngoài Kinh Thánh thì chỉ có tính cách tương tự và mơ hồ.

### *Sự bất lực để tự cứu rỗi của chúng ta*

577

394-396

443

Cũng như việc nói con người chịu trách nhiệm về định mệnh của chính mình, đức tin Kitô giáo dạy rằng con người tùy thuộc vào bản thân mình thì hoàn toàn không thể nào thực hiện được việc giải thoát mình. Mối giao tiếp với Thiên Chúa, là nền tảng của chúng ta, bị cắt đứt vì tội lỗi, và chúng ta không thể tái lập mối quan hệ ấy mà thiếu ngài. Đây là đặc tính lớn lao thứ hai của cứu độ: một mình con người không là phương tiện của sự cứu rỗi nó. Nhưng Đức Giêsu nâng chúng ta lên khỏi sự bất lực của mình bằng tặng phẩm của Thánh Linh ngài, bao gồm sự sinh ra mới: một cuộc chinh phục tội lỗi, cuộc sống với Thiên Chúa và sự cứu rỗi chúng ta khỏi sự chết.

### *Cuộc chiến đấu của chúng ta chống lại tội lỗi và sự khốn khổ*

Sự can thiệp của Thiên Chúa không ép buộc chúng ta từ bỏ trách nhiệm và sự phát triển của mình. Ngược lại đặt chúng ta tự do để can thiệp với tất cả bác ái, ân cần và hiệu quả mà chúng ta sử dụng để chiến thắng tội lỗi, sự dữ và sự khốn khổ. Thiên Chúa không cho phép chúng ta có thuyết định mệnh. Không tội lỗi và khốn khổ nào có thể bị thanh toán với sự cam chịu như là số phận tất yếu của con người hoặc như tôn trọng coi đó là ý của Thiên Chúa. Chính ý của Thiên Chúa muốn chúng ta chiến

thắng chúng. Đây là trách nhiệm ngài đặt lên trên nhân loại khi nó trường chinh tiến về phía trước trong lịch sử.

391-392 Người Kitô hữu không ít được kêu gọi quan tâm tới sự phát triển trần gian hơn so với người theo chủ nghĩa nhân bản hay chủ nghĩa Mác. Thật ra tình yêu thương được Đức Giêsu giảng dạy, và sự xác tín rằng sự thiện xuất phát từ Thiên Chúa khiến người Kitô hữu cảm thấy thoải mái tự nhiên ở chốn trần thế này hơn bất cứ ai khác.

700-706 Người Kitô hữu chiến đấu chống lại sự khốn khổ của cuộc  
713 718 sống với tất cả sức lực sẵn có của mình.

Quả thật Kitô giáo đôi khi chạm trán với một thứ thuyết định mệnh đối với số phận trần gian của con người. Viễn ảnh thiên đàng làm nhiều người cảm thấy nghĩa vụ ưu tiên của họ ở mặt đất này là chinh phục tội lỗi cá nhân hơn là chinh phục sự khốn khổ của toàn bộ loài người. Cách riêng (dù họ không là những người duy nhất) một số nhóm Tin Lành dựa vào thuyết định mệnh cách cực đoan bằng quan điểm của mình - từ chối chủng ngừa, từ chối chống lũ lụt. Các Kitô hữu thường không để tâm đầy đủ trước tính chất trang trọng của lời kêu gọi con người phát triển trần thế. Hiện nay, ngay lúc này, một nhãn quan lịch sử rộng rãi hơn đã đem sự tiến hóa vào trong viễn tượng của chúng ta, chúng ta hiểu rõ hơn học thuyết về tội lỗi, tình yêu và trách nhiệm thúc đẩy chúng ta mạnh mẽ biết bao để “chinh phục trần thế”, nghĩa là làm cho nó thành nơi có tính người hơn và bao dung hơn.

479 (Chúng ta sẽ nói sau về ảnh hưởng có thể có của những quan điểm khác khi các Kitô hữu trở nên ý thức rõ ràng hơn về sứ mệnh của mình).

Điều này luôn luôn tuyệt đối trong đức tin Công Giáo. Chúng ta tin rằng thế giới là để con người cai quản và rằng thế gian không tùy thuộc vào các thần thánh hoặc một chúa tể linh thiêng nào bác bỏ ý chí của con người. Như thế, các sức có thể cản đã được tháo gỡ. Và chúng ta tin rằng trong phần đất Kitô giáo của thế giới này đã đạt tới sự kiểm soát rất triệt để các sức mạnh thiên nhiên mà ta gọi là khoa học tự nhiên và kĩ thuật. Đôi khi một số tín hữu chống lại tiến bộ khoa học, nhưng thật ra, khoa học mắc nợ khả thi Kitô giáo nhiều hơn là các tín hữu hoặc người chưa có đức tin thường nhận ra. 642 378

*“Người nâng đầu tôi lên” (Tv. 3:4)*

Tuy nhiên, có những khoảnh khắc thê thảm của cuộc đời, khi từ ngữ tiến bộ không có ý nghĩa gì hơn là gọi ra tiếng cười cay đắng. Tốt nhất là đừng nhắc tiếng tiến bộ với người cha có con gái vừa tử nạn xe hơi. Và chúng ta biết rằng những phi lí, sự dữ, những khốn khổ mới (thí dụ khủng hoảng tâm lí và thần kinh) đi song song với tiến bộ như cỏ dại với cây lúa. Nơi con người, luôn luôn có tội lỗi với khổ đau, mà mọi nỗ lực và mọi tiến bộ cũng không giúp được gì. Thông điệp của Đức Giêsu có giải thoát chúng ta khỏi phần số ấy không?

Lời giải đáp có thể đưa ra trong một câu - sự khẳng định đầu tiên và xưa nhất của Kitô giáo như chúng ta thấy Đức Giêsu đã làm điều mà không có Đức Phật, Đức Mahomét, Mác hay bất cứ ai khác từng làm - là ngài sống lại từ kẻ chết. Tội lỗi và sự chết đã bị chế ngự. Đứa bé đã chết sẽ sống, không phải hội nhập vào Đại Ngã, nhưng 304-315

làm một với Thiên Chúa và loài người, trong sự sống và tình yêu của chính nó.

Không có sự sống lại thì đức tin của chúng ta chỉ là phù phiếm và chúng ta khốn nạn nhất trong toàn thể loài người, những tên dối trá chuyên quan trọng nhất trong hết thảy. Sự sống lại của Đức Giêsu có nghĩa là cái bắt đầu ở đây, tại trần gian sẽ được mang lên thành vinh quang.

### *Được cứu độ bởi cái chết của Đức Giêsu*

Nhưng còn thêm điều để nói. Điều mà chúng ta nghe trong phúc âm không chỉ là chúng ta được cứu độ bởi sự sống lại của Đức Giêsu mà còn bởi cái chết của ngài. Trong đời sống khốn khổ và khắc khoải chí tử của chúng ta, đây là nguồn an ủi mới. Nhưng làm sao chúng ta có thể cắt nghĩa một cái chết mà lại có thể cứu độ?

Thiên Chúa làm nên cuộc sống một người mà bằng tính chất mộc mạc và triệt để phục vụ đã hoàn thành cùng đích thật sự của cuộc sáng thế. Đó là cuộc đời của Con ngài, Hình Ảnh ngài, đáng trong một thế giới không yêu thương thì mình phải là tình yêu.

Sứ mạng của Chúa Con thật khó khăn. Cuộc đời Đức Giêsu biểu lộ cho chúng ta thấy ngài đã nhận biết là nó gay go biết bao. Trong một thế gian quanh co lươn lẹo đời sống của ngài vươn thẳng, trong một thế giới bất tuân ngài giữ trung thành, trong một nhân loại ích kỷ, ngài là tình yêu.

Loài người quá dỗi cố chấp tới độ ngài bị giết. Cực điểm của phi lý trong sự dữ, mà từ thưở mới bắt đầu Giáo Hội đã tìm thấy những giải thích trong Cựu Ước. Giáo

Hội đã thấy trong Isaia-Thứ một số ca khúc (Các Bài Ca Về Người Tội Tớ Của Giavê) nói về một cuộc đời kết liễu trong thảm họa, mà về sau xuất hiện thành nguồn suối của hạnh phúc và thiện hảo (x. Is. 42:1-9; 49:1-6; 50:4-11; 52:13 -53:12).

“Con người đốn đau và ốm o xo bại,  
như một kẻ có gập chúng tôi thì lo dấu mặt  
bị khinh khi, và chúng tôi đã chẳng thềm đếm xỉa,  
Trái lại chính các bệnh tật của chúng tôi mà Ngài  
đã mang...  
Còn chúng tôi, chúng tôi kể ngài như kẻ bị trời đánh..

Nhưng ngài đã bị đâm vì những ngõ nghịch của  
chúng tôi...  
Chúng tôi hết thấy đã xiêu lạc  
như chiên cừu mỗi người quay mỗi ngã,  
nhưng Giavê lại để ngài phải lụy  
vì tội vạ hết thấy chúng tôi...  
và đã cho hồi phục kẻ đã hiến mình làm hi sinh  
tạ tội” (Is. 53:3-6,10).

Chúng ta không biết cơ hội nào trong quá khứ đưa đến những bài ca mầu nhiệm này về sự khổ đau vô tội và sự sinh hoa kết trái này. Nhưng chúng khẳng định điều gì đó mà chúng ta chỉ nhận ra đầy đủ trong cái chết và sự sống lại của Đức Giêsu. Chúng giúp các Tông đồ hiểu rằng cái chết ấy có một vị trí trong kế hoạch của Thiên Chúa.

Nhưng làm sao mà gian nan, đau đớn và cái chết của một người lại có thể cứu độ chúng ta?

Đây là mẫu nhiệm không thể xác định đầy đủ tính chất bằng những lối nói có tính cách nhận thức cho chúng ta hiểu điểm trọng tâm mà nó liên quan tới. Chúng ta cần xem xét sâu thêm vì nhiều người trong chúng ta lớn lên với ý tưởng lầm lạc về vấn đề này.

Vào thời Trung Cổ và suốt một thời gian dài sau đó, cả trong giáo huấn hôm nay, sự nhấn mạnh được đặt vào khía cạnh sau đây: Chúa Cha đã bị xúc phạm, trật tự của công lí đã bị xáo trộn và một hình phạt phải được đưa ra. Chúa Con là nạn nhân trả hết số nợ ấy. Do đó, trật tự chính đáng đã được tái lập.

Quan điểm đó xuất phát từ quan niệm có phần một chiều và hiện nay không thể lấy đó làm quan điểm của chúng ta. Đó là một khái niệm thời Trung Cổ cho rằng tội lỗi và sự xúc phạm đánh đổ trật tự hợp lí của vạn vật. Nhưng việc ấy đã có thể được điều chỉnh bằng sự trừng phạt và giáng xuống đau khổ. Đó cũng là một cảm giác mà chúng ta thường chia sẻ. Một người làm điều trái sẽ nói cách bù trừ - đánh tôi đi, đáng tội tôi lắm. Nhưng trong toàn bộ, chúng ta hiện nay có một cái nhìn cá nhân hơn về phạm tội và sự dữ. Không phải một trật tự hợp lí của vạn vật mà là một người bị tổn thương và bị xúc phạm. Sửa việc đó cho ngay không phải bằng giáng xuống đau khổ hoặc hình phạt, mà bằng những hối tiếc, các việc làm và yêu thương.

747-749

Kinh Thánh dường như cũng chỉ ra chiều hướng này. Công cuộc cứu độ hoàn thành bởi Đức Giêsu không bị nhìn cách nguyên thủy như ngài chịu đau khổ để phục hồi một trật tự hợp lí, nhưng chính sự phục vụ và sự trọn

lành của ngài đã thanh toán nợ nần cho chúng ta. Chúa Cha đã không muốn có sự đau khổ và cái chết ấy, mà là muốn cuộc đời con người ấy cao quý và đẹp đẽ. Cuộc đời ấy kết thúc bằng cái chết như thế là bởi chúng ta. Đức Giêsu không lùi bước trước nó. Cái chết của ngài là một sự vâng phục hoàn toàn. Và như thế, quả thật ngài đã chuộc tội chúng ta. Trong ý nghĩa ấy, cái chết của ngài là ý muốn của Chúa Cha. Sự đau khổ và cái chết đó xuất hiện cách rõ rệt ngay lúc giải quyết nợ nần, là một mẫu nhiệm vĩ đại mà không ai có thể giải thích trọn vẹn được. Nhưng thật lắm lần nếu cắt nghĩa bằng cách nói Chúa Cha muốn rằng “máu phải chảy”. 448

Tân Ước có một chuỗi thuật ngữ diễn tả đầy đủ: cứu độ và cứu chuộc, hòa giải, chính đáng và công bình, máu, tội. Chúng rất thường được sử dụng để có ý nói rằng trật tự của công lí đã được phục hồi bởi việc đổ máu. Nhưng có nhất thiết phải như thế không? Chúng ta cần khảo sát từng thuật ngữ một.

Đức Giêsu *cứu chuộc hoặc cứu độ* chúng ta bằng máu của ngài. Thuật ngữ này nhắc nhở chúng ta cách Thiên Chúa đã cứu độ Israel khỏi Ai Cập. Không có giá nào đã trả. Có nghĩa dân tộc đó thêm lần nữa “thuộc về Thiên Chúa”. Bằng cùng một cách thức, chúng ta thêm lần nữa thuộc về Thiên Chúa qua cái chết của Đức Giêsu. Giao ước được phục hồi. 272

Cũng có nói rằng chúng ta được *hòa giải* với Thiên Chúa bởi cái chết của Đức Giêsu. Chúng ta cần chú ý khái niệm này. Nó không nói rằng Thiên Chúa phải được hòa giải với chúng ta. Không phải một Thiên Chúa thịnh



nộ phải hòa giải với con người, nhưng con người độc dữ phải được hòa giải với Thiên Chúa. Ở đây cũng thế, giao ước được phục hồi.

Sự phục hồi này xảy đến qua sự *công bình và chính đáng* của Thiên Chúa. Điều này không là, như có thể tưởng tượng, sự khắt khe của công lí trừng trị đòi hỏi hợp pháp nhưng quá đáng, mà là quyền năng sáng tạo của Thiên Chúa làm chúng ta công chính và tốt lành.

Kế đến *máu*. Trong bữa tiệc li, Đức Giêsu nói, “Vì này là máu Ta, máu Giao ước đổ ra vì nhiều người để  
81-83 nên ơn tha tội” (Mt. 26:28). Máu là một từ ngữ quan trọng trong việc giải thích công cuộc của Đức Giêsu. Đó là một ám chỉ tới máu của giao ước núi Sinai. Con vật hiến trong lễ tế dâng lên Giavê, nhưng máu của nó -lúc bấy giờ thuộc về Thiên Chúa - đã được ban lại để rảy lên dân  
284 tộc. Máu là một tặng phẩm xuất phát từ Thiên Chúa và  
564-585 được tuôn xuống trên Israel. Đó là máu độc nhất - hoặc sự sống - chia sẻ giữa Thiên Chúa và Israel. Cả hai là anh em máu huyết, hoặc như ta có thể gần như nói liên-hệ-huyết-nhục.

Như thế máu của Đức Giêsu không là một tặng phẩm hậu hĩ cho Thiên Chúa mà là một tặng phẩm từ Thiên Chúa. Đức Giêsu không đưa ra máu của ngài để yêu cầu Chúa Cha đòi hỏi trả thù, mà là ban cho chúng ta. Máu của Thiên Chúa là máu chúng ta. Chúng ta liên kết nhau thành đồng minh, trong giao ước mới là máu của ngài.

Sau cùng, từ ngữ *tội* trong một trích đoạn từ Phaolô, “Đáng không hề biết tội, thì vì ta, Thiên Chúa đã cho làm thành sự tội, ngõ hầu trong Ngài ta được trở thành sự công chính của Thiên Chúa” (2 Cr. 5:31). Lời phát biểu

súc tích này cũng không đưa ra có ý nói rằng Thiên Chúa hành động “như thế” Đức Giêsu là người phạm tội và như thế giáng hình phạt xuống đầu ngài. Ngược lại, lời ấy có nghĩa Đức Giêsu nhập hoàn toàn vào thế gian vốn bị đặc điểm hóa bởi tội lỗi và sự chết. Ngài thành thành phần của thế gian để cho ngài có thể ban cho chúng ta sự công chính và sự thánh thiện của ngài. Ngài bị hạ xuống tình trạng bị nguyên rủa của người treo trên thập giá, để giải phóng chúng ta khỏi lời nguyên rủa của những xúc phạm của chúng ta.

Mọi diễn tả trên biểu thị sự vâng phục của Đức Giêsu, sự phục vụ cho đến chết của ngài. Do đó, chúng không có nghĩa Chúa Cha cần những đau khổ của Đức Giêsu như một hình phạt phải chịu thay cho chúng ta. Thiên Chúa cần cuộc đời của Đức Giêsu như một tình yêu ủy nhiệm đứng ra thay mặt chúng ta. Nhưng bất cứ ai trong thế gian này muốn yêu thương đều tự thấy mình đối mặt với một hiện trạng trong đó tình yêu bị từ khước.

Mẫu nhiệm lớn lao là nước Thiên Chúa đến ngay khi loài người -tất cả chúng ta- giết ngài. Lúc ấy, Đức Giêsu và Chúa Cha không ngoảnh mặt với chúng ta. Nhưng tình yêu vĩ đại nhất được biểu lộ từ giữa tội lỗi lớn lao nhất. Vì thế nhờ cái chết của Đức Giêsu mà chúng ta được cứu độ.

Và bởi thế chúng ta tin rằng thảm họa và sự chết không là cái kết thúc, không là số phận ác nghiệt và có tính cách định mệnh, vì Thiên Chúa biểu lộ rằng ngài có thể mang sự sống ra khỏi sự chết. Và vì thế, người Kitô hữu có sứ mệnh tác động và tin cậy chứng nào còn sống ở đời. Vì người Kitô hữu được ban cho hi vọng rằng khi

mình không còn có thể hành động được nữa, bởi thảm họa hay cái chết, thì mình ở làm một với Chúa, đang đang ban cho và tiếp nhận sự sống.

### *Tóm tắt*

Tới đây, chúng ta cố gắng tóm tắt ngắn gọn cách Chúa cứu độ chúng ta. Ngài hành động bằng cách tấn công cội rễ của sự dữ là tội lỗi, qua sự vâng phục cho đến chết của ngài. “Với những vết thương của ngài, chúng ta được chữa lành”. Đó là một con người toàn hảo trên thế gian. Thánh Linh ngài sẽ đeo đuổi công cuộc này trong chúng ta. Ngài đem đến trong nhân loại những khởi thủy của một sự sinh ra mới. Và do đó, ngài đặt con người hành động chống lại tội lỗi và khốn khổ.

Đồng thời ngài giải phóng chúng ta khỏi chỉ là loài người. Ngay thảm họa cũng không là nghiệp chương hiu quạnh, vì có nghĩa chúng ta vượt qua nó cùng với Đức Kitô, Chúa chúng ta và là đồng loại của chúng ta. Đau khổ sẽ không thôi nặng nề, nhưng đã mất đặc tính của một tất định mù quáng. Nó là cái trước tiên chúng ta phải chiến đấu với tất cả sức lực mình có. Và thứ đến, khi chúng ta không còn chiến đấu được nữa, chúng ta vẫn biết rằng đó là cứu độ. Chúa đã biến nó ra như thế bằng việc đi qua nó.

Nếu chúng ta chiêm ngắm cận kề dung nhan Đức Phật, thấy một khuôn mặt an tĩnh thoát khỏi những đau khổ, gần như hữu hình, và liền đó, thành linh chuyển mắt về hình ảnh treo trên thánh giá, chúng ta có thể sống sót nhận thấy hình ảnh sau bình thường biết bao. Ngài là một

người bình thường trên giá treo người. Ngài cảm thấy đau đớn, ngài chết. Đó là sự cứu độ mà chúng ta tin vào. Đấng Cứu Độ đã không thoát khỏi khổ đau bằng khổ hạnh. Ngài đi qua nó và chuyển nó thành tình yêu. Ngài chuyển nó thành thánh giá, đôi cánh tay dang ra của một người sắp sống lại từ kẻ chết. Sự sống lại là sự xác nhận toàn bộ chiến thắng của Đức Giêsu trên định mệnh. Qua sự sống lại ấy, Thánh giá trở thành biểu tượng thiêng liêng nhất mà trước đó con người chưa từng biết. Thánh giá có nghĩa sự phơi mở sau cùng của sự sống trong tình yêu.

Chúng ta không mất tiêu trong cái chết như người theo chủ nghĩa nhân bản và chủ nghĩa Mác quan niệm. Chúng ta không hội nhập vào Đại Ngã như Ấn Độ giáo hoặc Phật giáo có khuynh hướng nghĩ tưởng. Chúng ta cũng không được đưa vào một cuộc sinh hoạt thế tục mà vĩnh cửu, nhưng quá xa cách Thiên Chúa, như người Hồi giáo tưởng tượng.

Trong chương cuối sách, chúng ta sẽ cố gắng trình bày làm thế nào mà lời hứa này liên kết cách tối hậu vào tình yêu tam vị nhất thể trong Thiên Chúa. 817-824

### *Những học thuyết khác được nâng cao nhờ Đức Kitô*

Chúng ta không thể kết thúc chương này mà thiếu một nhận xét nữa về những tôn giáo và những đường lối cứu độ khác. Chúng ta đã thảo luận về những vai trò nền tảng của chúng. Những tôn giáo và triết lý ấy còn chứa đựng một điều khác đáng lưu ý. Có những sức mạnh tác

động trong chúng, khó hòa hợp với quan điểm nguyên thủy và những giải thích chúng đưa ra trong học thuyết của mình. Chúng ta đã nói đến điều này trong chương 64 hai. Nay cần ngẫm nghĩ lại sự việc ấy trong chốc lát.

Khoảng thời gian bắt đầu kỉ nguyên Kitô giáo, một niềm hứng khởi mới đã sửa soạn xuất hiện sớm hơn trong Ấn Độ giáo. Khái niệm về Thượng đế của Ấn Độ giáo vốn biến thiên và mơ hồ, bấy giờ đã từng đạt tới niềm tin vào một Thượng đế độc nhất. Nơi này thần Vishnu, nơi khác thần Shiva, được tôn thờ như một Thượng đế độc nhất.

Cho đến nay, giáo lí căn bản của Ấn Độ giáo không suy yếu. Nhưng tất cả bị thay đổi tận gốc bởi sự kiện lớn lao là tâm hồn con người bắt đầu xúc động bởi tình yêu riêng tư với một Thượng đế độc nhất. Điều này được nhắc đến rõ rệt trong kinh Bhagavadgita nổi tiếng, và khó hòa hợp với ý tưởng rằng mọi sự thế gian, gồm cả cái “Tôi” con người bị đánh giá chỉ là ảo giác. Thêm nữa, tình yêu riêng tư ấy không thể giải thích được bằng lối nói về Đại Ngã là nơi ý thức con người hội nhập và biến mất vào trong đó. Tình yêu đòi hỏi phải có một hình thức gặp mặt nào đó. Thái độ này nổi bật trong một số thi phẩm cao nhã. Chúng ta có thể trích những lời dâng lên thần Vishnu viết bởi Tukaram, một thi sĩ thế kỉ mười bảy:

“Ngài nắm tay dẫn dắt mọi nơi tôi đi  
 Khi cùng đi tôi dựa vào ngài,  
 ngài mang gánh nặng lòng tôi...  
 Ngài hằng ban tôi niềm hi vọng mới  
 và đưa tôi vào thế giới mới  
 Tôi thấy bằng hữu trong mỗi người

thấy người thân trong mỗi lần gặp gỡ  
 Ôi Thượng đế, như trẻ thơ hạnh phúc  
 tôi vui chơi trong thế giới đầy tình yêu của ngài  
 Và khắp nơi, Tuka nói lúc này,  
 tuôn trào đức hạnh ngài”.

Thái độ hân hoan và yêu thương ấy - nằm ngoài nguyên tắc căn bản do minh triết Ấn Độ đưa ra - có thể hòa hợp khít khao với thông điệp của Đức Giêsu. Có phải không thể nói là ở đây Thánh Linh Thiên Chúa đã tự mình lưu lại mà không cần chứng tỏ?

Trong Phật giáo cũng có thay đổi. Nói chính xác, mục đích cứu độ con người bằng kềm hãm mọi khát vọng - kể cả tình yêu - có thể làm con người đau đớn ghê gớm. Lòng từ bi thì tốt lành, mà chỉ để đạt tới an tĩnh. Nhưng qui thuận người khác vì lợi ích của người khác thì sẽ gây trở ngại cho con đường tới Niết Bàn. Tuy nhiên, Phật giáo Đại Thừa (Mahayana) thật sự công nhận giá trị của việc chăm lo đến người khác. Con người lí tưởng không là người khổ hạnh bằng tự kiểm của mình, nhưng là người rao giảng. Bồ Tát (Bodhisavatta) hiến mình cho người khác. Bồ Tát khao khát thật sự sự giải thoát của người khác. Thay vì tình lạnh và dập tắt mọi khát vọng để nhập Niết Bàn, thì vì lợi ích của người khác, thêm lần nữa Bồ Tát nhập vào dòng vô thường (xuất hiện và biến đổi). Thái độ ấy biểu lộ một tình yêu không thể được rút ra từ lời giảng dạy của Đức Phật. Thông điệp của Đức Giêsu - tình yêu cá nhân giữa Thiên Chúa và con người với giữa con người và con người - cung cấp cái cốt yếu đó.

Cũng thế trong Hồi giáo, tình yêu xung phá cách kì diệu. Rõ ràng trong kinh Quran có một đoạn thơ nói về tình yêu giữa Thiên Chúa và con người, nhưng không phải tình yêu trong sự vâng phục thuần túy, cũng không phải tình yêu trong tình đồng loại. Một tình đồng loại như thế không là một trong những giáo lí căn bản của Hồi giáo. Thiên Chúa là đáng không tiếp cận được.

528-530

Vào đầu thời Trung Cổ, một chủ nghĩa thần bí về tình yêu xuất hiện trong một số nhân vật vĩ đại và mộ đạo thuộc thế giới Hồi giáo. Vì thế Al Hallaj, bị tra tấn năm 922 vì học thuyết của mình, và chết trong sự cầu nguyện cho các kẻ thù, để lại bài thơ như sau:

“Tôi là ngài (Thiên Chúa) đáng tôi yêu,  
và ngài đáng tôi yêu là tôi  
Chúng tôi hai linh hồn gặp nhau trong một hình hài  
Khi bạn thấy tôi, bạn thấy ngài,  
và khi bạn thấy ngài, bạn thấy cả hai chúng tôi”.

Những nhà thần bí Hồi giáo, qua trầm tư mặc tưởng, thường nhận ra mối liên kết với Đức Kitô. Ngược lại, vào cuối năm 1953, tạp chí xuất bản định kì của Đại học Hồi giáo ở Cairô (Ai Cập) quả quyết rằng không có việc ấy, cũng như không có thần bí học Hồi giáo nào như thế. Thần bí học về tình yêu không có nền tảng trong học thuyết Hồi giáo. Chúng ta tin rằng thông điệp Đức Giêsu đã cung cấp nền tảng ấy.

Trên hết, chúng ta đừng đánh giá thấp những giá trị Kitô giáo chứa đựng trong chủ nghĩa nhân bản và chủ

nghĩa Mác. Không cần phải nhìn sâu hơn mới thấy các yếu tố Kitô giáo trong chủ nghĩa nhân bản. Chúng thường chuyển hóa qua thực hành bằng những cách thức lồi cuồn nhất. Nhưng chủ nghĩa nhân bản tự nó bất lực trong việc cắt nghĩa các lí do sâu xa nhất của các giá trị đó. Chúng ta đã nói về vấn đề thiện trong chủ nghĩa nhân bản. Nó chứa đựng nhiều điểm mà chỉ có thể đặt nền tảng cách riêng vào thông điệp của Đức Giêsu.

Có một khuynh hướng kiên trì trong chủ nghĩa Mác, và nói chính xác, để xử sự với cá nhân, đặc biệt những cá nhân bị áp bức, như là sự sở hữu phẩm cách và giá trị của cá nhân ấy và không đơn thuần như một cơ phận của toàn bộ nhân loại. Có thể nào chúng ta không thấy ở đây dấu vết của Thánh Linh Thiên Chúa, đáng vác một con chiên lạc trên vai, để chín mươi chín con kia trong sa mạc?

Có những tôn giáo và triết lí ngoài đức tin Kitô giáo, chính xác mà nói, chứa đựng những yếu tố xa lạ với các quan điểm như thế, nhưng chúng lại có tinh thần của Đức Kitô cách trọn vẹn.

*Kitô hữu được phúc âm hóa bởi người ngoài  
Kitô giáo*

Vẫn còn chuyện nói. Đường như chân lí của Đức Kitô cũng tác động cách riêng trong những thành tố của các tôn giáo và các triết học nói tới ở trên. Đôi khi nhiều phần của đức tin tổng quát Công Giáo xuất hiện ở đó với ánh sáng cực mạnh. Nhiều khi chúng bị một chiều những nhiều khi chúng có cường độ rất lớn, đưa vào thực hành



tối độ làm chúng ta hổ thẹn. Hiến thân triệt để của người Ấn Độ giáo, dịu dàng của người Phật giáo, tự qui thuận của người Hồi giáo, chăm sóc vạn vật thế giới của người theo chủ nghĩa nhân bản, háo hức đối với công lí và quan tâm tới phát triển xã hội của người theo chủ nghĩa Mác, đều là những điển hình.

Do đó, có thể nói, theo cách thức nhất định, người ngoài Kitô giáo duy trì cho chúng ta các phần nhất định của thông điệp phúc âm bằng cách thức mới. Trong ý nghĩa ấy, có thể nói rằng đôi khi nhờ họ mà chúng ta được phúc âm hóa.

Menkixêđéc, một tư tế ngoại giáo của “Thiên Chúa Đấng Tối Cao” trong đa thần giáo xứ Canaan, có thể được nêu lên như một biểu tượng cho tất cả những ai tìm kiếm Thiên Chúa và con đường ngay lành cho con người giữa thế gian. Hằng ngày, Menkixêđéc được tôn kính nhắc đến trong phụng vụ Thánh Thể, ngay sau khi làm phép bánh và rượu.

### *Tuyển chọn*

Sau cùng có vấn đề này: căn cứ vào sự hợp lí và xứng đáng nào mà vùng đất chung quanh Địa Trung Hải và Châu Âu là những nơi đầu tiên có được sự mạc khải Kitô giáo, và có phải đấy là những nơi độc nhất trong một thời gian dài không?

Cũng thế, ta có thể thắc mắc: làm sao mà Abraham xứng đáng là người đầu tiên được gọi? Tại sao Do Thái là dân tộc được chọn? Câu trả lời luôn luôn giống nhau, đó là sự chọn lựa đầy ưu ái của Thiên Chúa. Nhưng chúng

ta cần nhớ rằng cuộc cứu rỗi là cho *tất cả mọi người*,<sup>416</sup> không chỉ được ban cho Giáo Hội mà là qua Giáo Hội. Các Kitô hữu được gọi đến ở “thành phố trên đồi” để, bằng sự nhẫn nại, biểu dương rõ rệt rằng Đức Giêsu hoàn<sup>485</sup> thành những khát vọng sâu xa nhất và lớn lao nhất của tất cả những ai khao khát xua đuổi số phận, những ai khao khát được hoàn toàn cứu độ, những ai khao khát sống thuần khiết, chân thật và trọn lành, những ai khao khát tình yêu là cái tối hậu của tất cả mọi thứ.

## SỐNG CHAN CHÚA

Tình yêu là cái no đầy mầu nhiệm thiêng liêng mà<sup>732-738</sup> không phức tạp. Đó là cách biết về đứa con của người cha hoặc mẹ lúc canh khuya đi đắp mền cho nó: đầy bí nhiệm nhưng gần gũi, mật thiết. Đứa con cũng hiểu về cha mẹ mình theo cách tương tự: đầy những cõi không khám phá nổi nhưng không là người xa lạ, mà mật thiết.

Cũng thế, chúng ta hi vọng sẽ không có vẻ khó hiểu lúc nói đến tặng phẩm không hiểu thấu hết của Thiên Chúa trong các chương kế tiếp. Chủ đề nêu ra đây là không có gì vô cùng mênh mông như Thánh Linh Thiên Chúa, đáng không mang lại rối rắm mà là bình an.<sup>328-339</sup>

### *Ân sủng*

Thiên Chúa muốn chúng ta có Thánh Linh ngài. Khát vọng này năng động từ đầu chí cuối trong toàn bộ nỗ lực của con người, ngoài ra, nó là bằng chứng cách riêng trong lịch sử Israel. Đức Giêsu, đồng loại của chúng ta, đã mạc

295-296

khải nó đầy đủ nhất khi ngài ban Thánh Linh. Những phong phú của tặng phẩm này được vạch rõ trong Kinh Thánh và truyền thống bằng nhiều văn bản đều chỉ tới cùng một hướng. Chúng ta nhận sự sống thiêng liêng, chúng ta là con cái của Thiên Chúa, chúng ta ở trong Đức Kitô. Thiên Chúa dừng mắt lại trên chúng ta, chúng ta là chi thể của thân mình Đức Kitô, chúng ta nhận ân sủng. Trong mỗi trường hợp ấy, ánh sáng chiếu rọi từ nhiều góc độ khác nhau trên một sự thật độc nhất, là Thánh Thần Chúa ở trong chúng ta.

Chúng ta nên nói ít lời cách riêng về thuật ngữ ân sủng. Trong lời dạy lễ đạo, thường có sự phân biệt giữa ân sủng thánh hoá (trạng thái có ân sủng) và ân sủng thực tế hoặc phù hộ (ân sủng được ban cho từng hành động riêng rẽ). Những ai trong tâm trí có sự phân biệt ấy xin đừng quên là chúng ta chỉ liên quan tới một ân sủng duy nhất, là sự có mặt của một Thánh Linh độc nhất.

Thánh Linh đến với chúng ta là một Thánh Linh sống động. Do đó, thật sai lầm nếu nói về ân sủng như một “định lượng” hoặc “thực thể” không liên quan đến ai. Có thể gợi ý, nếu có thể nói được, rằng tặng phẩm của Thiên Chúa là một loại chất lỏng siêu nhiên vô hình, hoặc giả, một loại bằng chứng là phần tử của Giáo Hội. Ân sủng là cảm biết và cảm thấy ấm áp bởi Thánh Linh Đức Giêsu và Chúa Cha.

“Ân sủng và bình an cho anh em”. Gần như mọi thư tông đồ của Tân Ước đều bắt đầu với lời chào đó. Chúng ta có tin tức hân hoan hầu như ngay từ hàng chữ đầu tiên này: “*Gratia vobis et pax*”(1 Tx. 1:1).

Trong ngôn ngữ dùng viết Kinh Thánh, Hi Lạp và Do thái, từ ngữ ân sủng có những ý nghĩa khác biệt rộng lớn. Trước hết, có nghĩa sự đáp ứng của Thiên Chúa đối với tội lỗi của chúng ta, nghĩa là, khoan dung, bỏ qua, tha thứ - ban “ân sủng”.

Tiếng ấy còn ngụ ý rằng quà biếu hào phóng của Thiên Chúa, đề xuất bởi Thiên Chúa mà không căn cứ vào điều chúng ta hoàn thành. Đó là ‘quà tặng’. Sau cùng, ân sủng còn ngụ ý rằng con người được làm cho thành đẹp ý, tốt lành và xứng đáng: sánh với “chiếu cố”.

Cả ba từ ngữ ấy đều liên hệ tới tặng phẩm: ân sủng, quà tặng, chiếu cố, được lấy ra từ các lãnh vực luật pháp, kinh doanh, giao dịch thông thường, tùy trường hợp - tạo ra ấn tượng an ủi. Do đó, tiếng ân sủng được dùng để cổ điển tả trọn vẹn sự phong phú của tặng phẩm Thiên Chúa cho chúng ta. Cả ba ý nghĩa ấy đều được triển khai đầy đủ nhất trong các thư của Phaolô gửi tín hữu. Phaolô nói lên không biết bao nhiêu lần lời cảm ơn của ngài về điều được ban cho các Kitô hữu: 1. giải thoát chúng ta khỏi hủy diệt trong tội lỗi, 2. bằng cách hành động tự do hoàn toàn, 3. nhờ thế chúng ta ra mới mẻ và tinh sạch. Học thuyết này được triển khai với lời kêu gọi thường xuyên và nồng cháy nhất trong thư Rôma 1-8, chuyển thẳng tới người đọc, và sau cùng đến các lời dẫn giải trong những bài đọc sách sinh động nhất về ân sủng này.

### *Có thể thấy ân sủng ở đâu*

Ân sủng không chỉ ở trong ta. Nó còn ở bên ngoài ta, hoà trộn với mọi thực tại của cuộc sống. Chẳng hạn, ân

sủng Đức Kitô trong người vợ, có thể là một ân sủng cho người chồng. Lúc ấy, chính nàng là ân sủng, là hành động của tình yêu cứu độ và tự do của Thiên Chúa. Cha mẹ có thể là ân sủng. Và đó là lí do người ta không hẳn đúng khi nói, như thường nói, rằng sau Thiên Chúa, tôi mắc nợ cha hoặc mẹ tôi mọi thứ. Thiên Chúa không chỉ ở trước hay bên cạnh cha mẹ. Thánh Thần Chúa đến với tôi trong họ, cũng như ở nơi khác. Nếu ta muốn nói ra lời thật sự thì cách tốt là nói, cha mẹ tôi thật sự là ân sủng cho tôi.

Các hoàn cảnh và các vật thể có thể là những ân sủng cho tôi, cũng như cho nhân loại. Cứu độ của Thiên Chúa có thể làm mọi sự thành hữu dụng. Ai có Thánh Linh trong mình thì gặp sự hiện diện thân ái của ngài ở khắp nơi. “Ta biết rằng với những ai yêu mến Thiên Chúa, thì Người đồng cộng tác biến mọi sự nên lành” (Rm. 8:28). Mọi sự đều tốt lành - không gì thoát khỏi ảnh hưởng của

27-126 Đức Kitô.

29-31

Cách thức quan trọng nhất của Thánh Linh là qua những người khác. Điều này cần được khẳng định rõ rệt hơn nữa, là chúng ta cùng nhau đều được ban cho Thánh Linh. Thật cá nhân chủ nghĩa và sai lầm nếu nghĩ rằng Thánh Linh Chúa được ban cho mỗi người độc lập với nhau. Chúng ta có cùng một Thánh Linh (Thần Khí) *độc nhất*. Thánh Linh mang chúng ta đến cùng nhau, hợp nhất chúng ta, và làm chúng ta thành một “Giáo Hội”. Vì ở trong Thánh Linh mà chúng ta “trong Đức Kitô” và là anh em nhau. Cũng bởi đó, tất cả chúng ta ăn một bánh duy nhất (Mình Thánh Chúa). Chỉ qua đời sống với các tín hữu trong cộng đoàn mà chúng ta sở hữu sự sống của Thiên Chúa.

403,447

487,507

530,532

615 708

87

Ngay bên ngoài Giáo Hội hữu hình, nơi Thánh Linh tác động qua những người không thể tin vào Đức Kitô (nơi họ nỗ lực sống theo lương tâm, bỏ ngỏ lòng mình cho Thiên Chúa), nó còn không là chuyện của cá nhân riêng rẽ nếm trải cái gì đó ở nội tâm. Ở đây cũng thế, Thánh Linh ở trong tình yêu hỗ tương của họ, làm tình yêu tăng thêm sức mạnh.

Trong chương kế tiếp, chúng ta sẽ cố nhận thức hiệu quả căn bản của ân sủng trong chúng ta. Nhưng ở đó chúng ta sẽ không đi theo Thư Galat 5 như trong chương Hiện Xuống, mà là sẽ xét đến sự phân loại đưa ra trong Thư Corinthô Thứ nhất, chương 13 vốn bám rễ rất sâu trong tư tưởng Kitô giáo: đức tin, hi vọng và tình yêu.

## ĐỨC TIN

318-225

396-403

### *Đức tin và không phải đức tin*

**P**hức âm cho thấy Đức Giêsu thường nói về đức tin nhiều hơn về đức ái. Đức tin là tặng phẩm của Thánh Linh làm chúng ta hoàn toàn hiến thân cho ngài, dâng cao cả hơn chúng ta, và chấp nhận thông điệp ngài. Đức tin không chỉ gồm lí trí. Vì nếu chỉ gồm thế, đức tin là một bảo đảm cách giản dị của các hệ quả và không là đức tin. Nhưng đức tin cũng không là kết quả của cảm xúc hời hợt vốn không làm ai tới được bờ bên kia của lí luận tri thức. Đức tin không thuần túy lí trí hoặc cảm xúc. Chúng ta được dẫn dắt rất thật và rất sâu vào cuộc giao tiếp với thực tại - câu chuyện Israel, Đức Giêsu Nagiarét, 220-223 732-738 75-396

sự hiện hữu của Giáo Hội ngài. Tất cả hợp thành chứng cứ, đặt chúng ta trước việc lựa chọn. Tâm trí chúng ta cân nhắc nó. Nhưng Chúa, kẻ làm chứng, lớn tiếng nói với chúng ta: dù quả thật không ai tin cách thiếu suy nghĩ, ta vẫn đòi người tặng phẩm chính bản thân người, nếu người thật sự muốn biết ta là ai - Đức tin là một bước nhảy, nhưng không là bước nhảy thiếu trách nhiệm. Bước nhảy ấy tự nó chứng minh nó. Bằng hành động cho đi bản thân, chúng ta tìm thấy sự thật rằng sự sống, sự vươn lên và con đường đều nằm ở đó. Nếu điều ấy có thể tính toán cách khoa học thì nó không có tính cách con người và sống động cách chân chính và sâu sắc như thế.

296

Nó tựa điều xảy ra khi ta học biết cái giá trị nhất trần gian: đồng loại. Ở đây, lí trí cũng thất bại. Khi người ta kết hôn, không phải vì đã phân tích nhau đầy đủ mà vì tin nhau. Nó là cách thức nhận biết qua đó chúng ta đạt tới những gì cao cả và bao quát trong cuộc sống. Do đó, qua đức tin mà ta biết (và chân chính hơn rất nhiều) Đấng Tạo Hóa, đáng đang tự biểu lộ mình cho chúng ta.

Rồi còn có vùng sâu thẳm bên trong chúng ta, sâu hơn cả lương tâm, đó là sự xác tín rằng đức tin ấy là cái tốt để tin. Điều gì có giá trị sâu xa hơn thì điều ấy cũng chân chính cách sâu xa nhất.

Khi tai nghe Thánh Linh và tay chạm vào Giáo Hội, có điều gì đó trong nơi cốt tủy thâm sâu nhất của con người chúng ta bắt đầu hoạt động, một điều gì có gợi ý về Thiên Chúa. Điều này xảy đến trong cùng cách thức mà ý thức nếm trải cái gì đó của Thiên Chúa: ẩn mật và gián tiếp nhưng hướng dẫn toàn bộ cuộc sống và bám lấy chúng ta sâu xa hơn bất cứ thực tại nào khác. Nó có

thể gào thét và còn làm ta ngọt ngào. Nó có thể được diễn tả bằng nhiều cách khác nhau tùy giáo dục mà ta tiếp nhận hoặc quan điểm mà ta hình thành. Nhưng nó vẫn hiện hữu, và liền sau đó, hình thành chung quanh chúng ta cách thinh lặng, hoặc hiện lên một quyết định sinh tử, chúng ta cảm nhận ý thức này, tiếng nói này, là Thánh Thần Thiên Chúa trong cõi sâu thẳm của con người chúng ta.

Chúng ta đã nói về đức tin khi suy gẫm về cuộc đời Đức Giêsu. Một trong những kì diệu của đức tin, như ta đã biết, là nó đặt tính cách mộc mạc lên ngang với tính cách nhận thức. Đức tin không là vấn đề lí luận tri thức, 220-223 mà là sự hiến thân. Một phụ nữ gặp một người rao giảng một tôn giáo xa lạ ở ngưỡng cửa nhà bà và chỉ nói, “Chúng tôi đã có tôn giáo của mình”, có thể cho thấy một đức tin sâu xa và chân thật. Người ta lớn lên trong một vùng toàn Công Giáo và vì thế hầu như không bao giờ thắc mắc, “Nó có thật không?”, thì cũng có thể có một đức tin chân thật.

Đức tin có nghĩa cùng chia sẻ sự sống với Thiên Chúa. Vì thế, sự sống chúng ta nhận được không do hành động 483 của mình mà là một công cuộc của Thiên Chúa, một ân sủng biểu không. Dĩ nhiên nó không tác động độc lập với con người. Chúng ta tự bỏ ngỏ mình cho đức tin. Có điều thái độ này không tương đương hoặc cân xứng chút nào với điều Thiên Chúa ban. Thiên Chúa gởi ân sủng đến theo nhiều cách: giáo dục, gặp gỡ ngài, vân vân.

Quả thật ân sủng đức tin cũng như mọi ân sủng khác: 483-485 không ban phát tách biệt với những người khác. Đức tin 179 là cái chúng ta có chung. Chúng ta cùng nhau tin - Chúng



ta còn tin cho người khác. Đó là câu trả lời duy nhất khi chúng ta thắc mắc tại sao mình tin mà người khác không tin. Điều được ban cho mà không có bất cứ sự xứng đáng  
 415 nào của chúng ta, cũng có nghĩa điều ban cho những người  
 80 khác, bằng nhiều cách.

Đức tin nghĩa là nói Thừa Vâng đối với mạc khải của Thiên Chúa. Thật sai lầm nếu nhìn mạc khải này như một hệ thống rộng lớn gồm những lời xác nhận và những chân lí không có gì độc đáo. Nó chủ yếu là một thông điệp và  
 603 một ánh sáng: ánh sáng của Thiên Chúa trong cuộc sống chúng ta, trong lịch sử, trong sự thiện và sự dữ, trong sự chết, trong chính Thiên Chúa, trong bác ái như một từ ngữ sau cùng. Khi mạc khải này được công bố, nó phải nói nên lời, liên tục và mạch lạc. Nhưng cũng đừng để phát sinh ấn tượng rằng mạc khải của Thiên Chúa là một hệ thống các mảng thông tin có giá trị nhưng tách biệt nhau. Nó đúng hơn là cái nhìn của Thiên Chúa về thực tại của chúng ta. Nhìn với con mắt đức tin là nhìn với con mắt Thiên Chúa.

“Song như đã viết:

Những điều mắt chẳng hề thấy, tai không hề nghe, và đã không hề xảy ra nơi lòng một người phàm, hết thấy những điều Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai yêu mến Người.

Vì Thiên Chúa đã mạc khải cho chúng ta nhờ Thần Khí, bởi Thần Khí dò thấu mọi sự, cả những chiều sâu thẳm nơi Thiên Chúa. Quả thế ai trong loài người biết được những điều có trong người ta, nếu không phải là thần trí nhân loại trong kẻ

ấy? Cũng vậy, những điều có trong Thiên Chúa, không ai biết được, trừ phi là Thần Khí của Thiên Chúa. Phần ta, không phải thần khí của thế gian mà ta đã chịu lấy, nhưng là Thần Khí do tự Thiên Chúa, ngõ hầu ta nhận biết những điều Thiên Chúa đã thi ân xuống cho ta. Các điều ấy, chúng tôi nói lên không phải bằng những lời lẽ học đòi nơi sự khôn ngoan của loài người, nhưng là bằng những lời lẽ Thần Khí dạy cho, đem những điều thần thiêng giải bày cho hạng người thần thiêng [người có Thần Khí Thiên Chúa, và hoạt động với ơn của Thánh Thần, *chú thích của Nguyễn Thế Thuấn*].

Con người khí huyết không đón nhận những điều thuộc về Thần Khí Thiên Chúa: vì đó là điên rồ đối với nó, và nó không thể biết được, bởi vì phải xét đoán theo kiểu thần thiêng. Còn người thần thiêng thì xét đoán được mọi sự, mà không ai xét đoán được mình. Vì: Ai mà biết được tư tưởng của Chúa, để hồng chi giáo cho Người? Còn chúng tôi, chúng tôi có tư tưởng của Đức Kitô" (1 Cr. 2:9-16).

### *Đức tin như một nghĩa vụ*

Đức tin sẽ không tồn tại mà không có nỗ lực của chúng ta. Nó là cái mà chúng ta có thể chăm sóc và nuôi dưỡng. Đức tin là một nghĩa vụ. Khi nội tâm đã nhận biết mạc khải của Thiên Chúa ban cho, chúng ta vẫn còn một con đường dài để đi tới. Chúng ta phải làm sống động những thực tại cụ thể của chân lý mà ta tin sâu sắc dù không trông thấy và thường không cảm giác được. Nó là bước nhảy trong bóng tối mà chúng ta phải làm không biết bao nhiêu lần. Khi

chúng ta gần như không chịu đựng nổi quyền rũ của cám dỗ, nó là một bước nhảy trong bóng tối biến đức tin thành hiện thực và để nói Không, thật ra là để Thừa Vâng với Thiên Chúa. Vào một ngày thời tiết xấu trên đường đi làm, các bạn đồng sự khó chịu nơi sở làm và những cái cọ ở nhà, nó là một hành động hiến dâng để tin vào Thánh Thần Chúa, và như thế, tin vào khả năng thiện của người khác và của chính mình. Khi ta đau khổ gần như không chịu đựng nổi, nó là hành động của đức tin lớn lao làm ta nhận thấy lòng thủy chung của Thiên Chúa và ý nghĩa mà Đức Giêsu đã đưa ra cho đau khổ.

807-817 Như thế, đức tin không chỉ tùy thuộc Giáo Hội mà không có những hiệu quả nhận thấy được. Đức tin luôn luôn ảnh hưởng từng khoảnh khắc hiện tại. Đức tin tin rằng lúc này Thiên Chúa tác động cách quyền uy vì chúng ta. Rằng ngài có quyền năng sắp xếp diễn biến của các 814 biến cố. Rằng có thể ngài có thể làm phép lạ bằng tình 197 yêu của ngài. “Tĩnh dậy, Ngài quát bão gió và biển” “Nín đi! Câm đi!”. Và gió tắt, biển lặng như tờ. Rồi Ngài nói với họ: “Sao! Nhất đảm thế? Các người chưa có lòng tin sao?” (Mt. 4:39-40). Đức tin có nghĩa chiến thắng sự nghi nan của mình vào thế gian của Thiên Chúa. Nó là một trong những sức mạnh lớn lao cho sự tiến bộ trong nhân loại. Thật không ngạc nhiên là Đức Giêsu đã liên tục thúc dục loài người làm một bước nhảy đem mình ra khỏi bản thân mình.

### *Tính chất hợp lý của đức tin*

218 Cuộc chinh phục nổi tuyệt vọng này không là bất hợp lý. Dù trí thức không thể xâm nhập nó tới mức độ rất

ráo, có thể công nhận rằng tin (như chúng ta thấy) là sự nhận thức cách riêng về những thực tại lớn lao. Thêm nữa, trí tuệ không phải lúc nào cũng giữ im lặng đối với con người đến với đức tin. Chương về Phục sinh và nhiều mục của cuốn sách này cho thấy việc suy nghĩ dựa vào lí trí đóng vai trò lớn lao biết bao. Nó là một viễn tượng Công Giáo có tính đặc thù để nhìn đức tin và lí trí có liên quan nhau. (Tông phái Cải Cách, với quan điểm bảo thủ bất biến về khả năng cứu độ của trần gian, nhấn mạnh vào sự khác biệt của đức tin và lí trí).

Về quan hệ giữa đức tin và khoa học, đã phát sinh nhiều vấn đề giả tạo về điều đức tin chứng minh và điều khoa học chứng minh. Mặc khải không đưa ra lời giảng dạy về đường vận hành của các tinh tú, về cuộc tiến hóa của thế giới hoặc những việc tương tự. Khoa học không đưa ra lời giảng dạy về thực tại sâu thẳm của cuộc sống hoặc về căn nguyên cơ bản của thế gian. Vì đức tin và khoa học cùng ứng xử với thực tại nên luôn luôn có thể xảy ra xung đột. Có điều các xung đột ấy chỉ có vẻ bề ngoài vì chỉ có một chân lí mà thôi.

Nếu trong những lãnh vực mà khoa học thật sự có những đóng góp quan trọng thì khoa học luôn luôn có ưu tiên trong những trường hợp xung đột - trong việc thẩm định điều chắc chắn thích đáng cho khoa học, thẩm định các giả thuyết. Cho tới lúc ấy, nếu có tin đồ nào còn nghi khác đi, ấy vì những kết luận tưởng là đã rút ra từ mặc khải thì thật ra không nên xem là đã rút ra được như thế. Trình thuật sáng thế, một miêu tả thi vị về nguồn gốc nhân loại, trên thực tế từng làm phát sinh ý kiến là đã loại bỏ sự tiến hóa. Nhưng sự tiến hóa không thuộc phần

436-439  
97-107  
347-355

của thông điệp thiêng liêng mà trình thuật ấy chứa đựng. Cũng thế nhiều ý kiến được hình thành theo nghĩa đen trong Cựu và Tân Ước có vẻ như không thiếu hiển nhiên, nhưng lại không thuộc phần thông điệp thiêng liêng.

Đức tin có vững chắc hơn khoa học không? Đức tin vững chắc theo cách khác. Có thể khẳng định rằng việc tán thành đức tin gắn liền với sự uyên thâm nhất của các năng lực trí tuệ của chúng ta. Điều này làm sự vững chắc của đức tin thành sâu sắc nhất và mạnh mẽ nhất trên thế gian. Đồng thời, nó còn là sự vững chắc của hiến thân và tình yêu hướng đến Thiên Chúa, đáng chỉ được biết đến cách độc nhất bằng hành động hiến thân. Vì thế, có thể nói, chúng ta không hoàn toàn ở trên mặt đất quê cha đất tổ này. Và cũng vì thế, sự vững chắc của đức tin thường kèm theo cách thiết yếu với những “khủng hoảng” hoặc “chao đảo”.

### *Chao đảo*

Nếu phải câu viện đến những xoay xở của chính mình, ta có thể luôn luôn thắc mắc: “Có phải tôi đang tự đối gạt mình? Có phải tôi đang bị đối gạt?” Các giai đoạn vững chắc có thể bị tiếp theo bởi các giai đoạn rối rắm. Một số người hầu như hằng bình an với đức tin của mình. Những người khác ở trong tình trạng triền miên tra vấn. Từ ngữ “chao đảo” trong tiểu đề và suốt mục này có ý nghĩa là mọi sự cảm dỗ hoặc khủng hoảng ngược lại đức tin. Do đó, chúng ta không dùng từ ngữ này theo ý nghĩa thường được dùng trong lời dạy lễ đạo, có nghĩa là việc do dự hoặc từ chối tán thành đức tin. Chúng ta đã có nói

về sự phạm tội của việc từ chối đó trong mục “Sự thiếu lòng tin”, thuộc Phần Thứ Ba. <sup>223-225</sup>

Sự có mặt của chao đảo không quyết định gì về sự vững chắc mà với nó chúng ta tin. Chúng ta có thể bị xâu xé bởi chao đảo mà vẫn hiến thân trọn vẹn với một đức tin vững như đá. Thật ra, một đức tin mãnh liệt thường kèm theo với những chao đảo lớn lao. Ta càng yêu, bản thân càng qui thuận, ta càng bỏ rơi nền tảng của chính ta. <sup>530-532</sup> Càng có nhiều cũng có nghĩa là đang lâm nguy.

Một đức tin bị thử thách có thể là một đức tin còn nguyên vẹn. Đức tin chân chính luôn luôn nguyên vẹn. Không có nửa tin, nửa mất đức tin. Têrêsa Lidior có những chao đảo đầy đau đớn ngược lại đức tin trước việc sắp chết của mình tại tu viện vào tuổi hai mươi ba. Tất cả điều còn lại của đức tin của người nữ tu này là đầu hàng tối hậu: tôi muốn tin, hãy cứu sự mất đức tin của tôi! Và người thiếu nữ trẻ tuổi ấy được phong thánh. Nàng có thể giữ chỗ xứng đáng của nàng giữa các anh hùng đức tin được đề cập tới trong Thư Do thái 11. Giữa cơn khủng hoảng đức tin lớn lao này, nàng cùng những người cùng tuổi khác đi khắp Châu Âu, từ giới trí thức đến lao động, cùng chia sẻ những đau đớn của họ với sự tự qui thuận triệt để của mình cho tình yêu, từ ngày này qua ngày khác suốt hai thời kì từng chín tháng một. Rõ ràng cuộc đời ấy, với tình yêu và đức tin ấy, đã dành cho nhiều người.

Chúng ta cần nhìn đến chính Thiên Chúa khi ngài bị cám dỗ nơi sa mạc và thốt lên tiếng kêu trong đau đớn trên thánh giá. Ở đó, chúng ta có thể thấy sự vững chắc nhất trong tất cả mọi vững chắc cũng không loại trừ được sự khủng hoảng hoặc “chao đảo” tột hại nhất. Trong những

lần cám dỗ ấy và trên thánh giá, tặng phẩm của ngài đạt tới cực điểm.

Kinh Thánh liên tục cho chúng ta thấy loài người trong khủng hoảng đức tin và đức cậy. Dưới ánh sáng này, chúng ta có thể đọc lại câu chuyện về Abraham (St. 22), dân tộc Israel trong sa mạc (Xh. 17:4-7), các tiên tri (1 V. 19; Gr. 15:10-21), dân tộc Israel sau khi Giêrusalem sụp đổ (Is. 49:14), loài người bị nghiền nát bởi bệnh tật (Cv. 22) và loài người trong tư thế gánh vác trách nhiệm (Lc. 22:31).

Tùy thời đại mà khủng hoảng đức tin mang hình thức khác nhau. Trong lịch sử Giáo Hội, nhiều lần bóng tối phủ xuống mang hình thức tuyệt vọng. Người ta nghĩ rằng mình đã mất vĩnh viễn, rằng Thiên Chúa không cứu mình.  
 391 Hoặc nữa, người ta đau khổ trong một thời gian dài bị lương tâm hành hạ ("hoang mang xao xuyên"). Thời nay, sự chao đảo rất phổ biến cho những người cảm thấy sự hiện hữu của Thiên Chúa và Thánh Linh Đức Giêsu hoàn toàn là ảo ảnh.

Nhiều loại khủng hoảng gây nên chao đảo: làm thế  
 807-817 nào mà sự tàn bạo của thế gian có thể hòa giải được với sự trọn lành của Thiên Chúa? Hoặc, sự cứu rỗi mà tôi nghe nói đến không đem lại cho tôi giải thoát nào cả. Hoặc, Thiên Chúa không có chút gì trong sự hiện hữu của tôi; ngài không có ý nghĩa gì trong kinh nghiệm của tôi cả.  
 25-56  
 45-1 48-1  
 58-1 Hoặc, người ta chẳng có đức tin mà vẫn tốt lành thế, nếu không nói là tốt hơn nữa. Các câu hỏi như thế được thảo luận tại chỗ khác trong cuốn sách này, nhân lúc nói về mạc khải thiêng liêng. Ở đây, chúng ta tự hạn chế mình để xem Kitô hữu nên làm gì trong lúc bị chao đảo.

### *Cuộc chiến đấu chống lại chao đảo*

Từng có lời khuyên cho những ai bị chao đảo là “đừng nghĩ đến chúng”. Rõ ràng, khuyến cáo ấy là đúng cho những người bị khủng hoảng vì sợ mình sa hoả ngục. Đối với thời nay, hình như nó đã ít hữu ích hơn thời trước. Tuy thế, chúng ta có thể bắt đầu bằng cách rút từ khuyến cáo ấy ra một lời khuyên khôn ngoan. Đó là, chúng ta không nên để mình thành đồ chơi cho các ý tưởng đi qua tâm trí hoặc làm nô lệ cho các khái niệm bị dồn ép. Thường có thể rất khôn ngoan là chúng ta chờ nên đi vào sự khủng hoảng ngay lúc nó đang rõ rệt xảy ra. Ta nên giản dị tiếp tục sống đời đức tin bình thường, và sắp xếp thời điểm trong tâm trí để ứng xử với chao đảo - chiều nay, mai, tháng sau. Đến thời điểm ấy, nên xem xét nghiêm chỉnh sự khủng hoảng, có thể với giấy và bút.

Trước hết, cách tốt là thảo luận vấn đề chao đảo của ta với một người nào trong cộng đoàn tín hữu - linh mục, bạn hữu, thầy cô giáo. Nếu thất vọng với câu trả lời né tránh hoặc lập luận sai lầm của người này thì ta thử với người khác. Đối với một vấn đề quan trọng như thế thì việc hỏi han thêm nữa không có gì là quá đáng.

Ta thường khám phá ra rằng ấn tượng sâu sắc và nổi bật của chao đảo, đôi khi có vẻ hiển nhiên và hợp lí, lại nông cạn và hơi hợt hơn thật sự. Ta bị mê hoặc bởi một ý tưởng nào đó và rồi nó mất sức mạnh của nó khi ta phối trí toàn bộ thực tại vào với nhau. Nó có thể giúp ta khám phá ra rằng có những điều mà chúng ta tưởng là đức tin Công Giáo thì thật ra chúng không hoàn toàn xác thực và chân chính. Lúc ấy, chúng ta học biết rõ hơn chân lí chân



chính của thông điệp Đức Giêsu. Và cũng bởi lí do đó, thật tốt nếu có tham khảo ý kiến những người có học và các tác giả có trình độ.

807 817

Nhưng chẩn đoán mình bạch không phải luôn luôn là chữa trị vì khủng hoảng đức tin thường nằm sâu hơn tri thức. Chúng ta chán nản thất vọng bởi sự phi lí của khổ đau hoặc cảm thấy rằng chúng ta với Thiên Chúa không là gì cả, và vân vân. Ở đây cũng thế, rõ ràng là một nhận thức sâu xa hơn về đức tin có thể rọi sáng các vấn nạn và những lo nghĩ của chúng ta, giả dụ nếu chúng ta nhớ là Thiên Chúa đang chiến đấu bên phía chúng ta chống lại sự dữ, hoặc nếu chúng ta nhận ra sự hiện diện của ngài trong những nỗi hân hoan hằng ngày.

223

Tuy nhiên, chỉ nhận thức thôi thì không đủ. Có thể xem xét nhiều việc khác. Đức tin có thể nao núng vì chúng ta không sống theo nó hoặc để nó chết ngạt vì “những lo âu việc đời, bả phú quý và những đam mê về muôn sự khác” (Mc. 4:19). Có lẽ chúng ta đã và đang đưa ra quyết định nào đó ngược lại với những sai khiến của lương tâm. Do đó, rốt cuộc nó có thể khiến chúng ta cố điều chỉnh những điều mình xác tín cho ăn khớp với nó. Cái nhìn của chúng ta về Thiên Chúa bị mờ mịt bởi một khủng hoảng nội tâm nào đó; bởi lối sống không đưa bản thân mình tới yêu thương những người khác; bởi áp ủ hận thù về một nguyên cố, và vân vân. Trong các vấn đề đó, suy nghĩ một mình thì không đủ.

28-48

Phải làm gì? Đôi khi chỉ cần sống theo những chân lí của đức tin mình và khiêm tốn tới mức mình nhận thấy không thể làm hơn được nữa. Vào khi khác, cần cởi mở

để nhạy cảm hơn, để cố gắng để ý nhiều hơn về sự hiện diện đa dạng lạ lùng của Thiên Chúa trong mọi điều xảy ra. Kế đó là cầu nguyện, một hành động quan trọng hơn nhiều so với suy tưởng, cầu nguyện vào Thiên Chúa, đáng chúng ta tin, dù lúc ấy đức tin của ta đang trong tình trạng bị tiến công. Nhưng ở đây, nên coi chừng lời nói thiếu chân thật. Đôi khi chỉ có thể nói lời cầu nguyện chân thật nhất là, “Lạy Chúa, nếu ngài có thật, xin cho con biết bằng cách này hay cách khác”. Lời đó đôi khi trung thực hơn là tiếp tục suy nghĩ mà không cầu nguyện. Chỉ suy nghĩ thôi thì có nghĩa đang thuyết phục mình chờ cầu nguyện, vì nó có thể có nghĩa chúng ta loại trừ cả cái khả năng lời cầu nguyện của mình được nhậm lời.

Đôi khi cuộc chinh phục sự chao đảo nằm trong một tiếp cận hoàn toàn khác. Nó không liên qua tới việc bày tỏ công khai với một đồng đạo. Một người luôn luôn phạm tội, không bao giờ thật sự cho đi bản thân mình, sống trong tình trạng cô lập - có thể không do lỗi của người ấy vì giản dị là người ấy không có khả năng hợp đoàn - có thể đôi khi nhận thấy đức tin là một điều bất khả thi. Và ngay cả nếu có tin vào Thiên Chúa và Đức Kitô thì người ấy gần như bỏ lỡ mọi việc có thể làm thành sự ấm áp và chất lượng đức tin của mình. Ý nghĩ của người ấy về Thiên Chúa chỉ là cách giữ mình ở lại trong sự cô lập mình. Thông thường lối thoát độc nhất cho người ấy là những người khác nên đến tiếp xúc, ấm áp và thương yêu, và do đó khiến người ấy thêm lần nữa tin vào cuộc đời - để tin vào người khác, để tin vào Thiên Chúa.

Có nhiều người thì có nhiều cách cầu nguyện không giống nhau. Sự thật cũng thế đối với các khủng hoảng

đức tin. Nên không thể đưa ra một lời khuyên gồm hết cho mọi trường hợp. Có thể có những người ngưng tập trung vào Thiên Chúa, giải thoát mình khỏi sự tập trung đang thành nổi ám ảnh, chỉ đơn giản không nhượng bộ và thả lỏng dây cương cho bỗng bênh tự do. “Nếu Thiên Chúa có thật và Kitô giáo không là một ảo ảnh, thì đức tin có thể vững vàng chống lại các chao đảo” (H.M.M. Fortman). Lúc đó ta chỉ cố gắng sống chân thành với người khác. Cách cầu nguyện duy nhất là giữ cho lòng mình rộng mở.

“Lúc trở về, nó đứng nơi bậc cửa, huyết sáo một lúc - việc mà trước đây nó không bao giờ làm”. Người mẹ của một sinh viên đã diễn tả như thế về chuyến trở về của đứa con sau khi viếng thăm một linh mục, kẻ đưa ra cho anh ấy lời khuyên đang được nói tới. Nó cho thấy Thiên Chúa là Thiên Chúa của bình an và hân hoan.

Một trong các lí do để trì hoãn kéo dài các chao đảo ngược lại đức tin là, bằng cách riêng, chúng giúp cho thấy đức tin là gì. Chúng có chức năng tích cực. Chúng thúc đẩy tín hữu làm thông điệp Đức Giêsu nên minh bạch hơn, để chăm lo. Chúng khiến sự hiến thân thành hành động có ý thức hơn. Chúng thuần khiết hóa đức tin bằng những động cơ ngẫu nhiên. Chúng làm đức tin rộng hơn và sâu hơn, vì những thực tại và giá trị được khám phá cách mới mẻ - nguồn cội của nhiều sự chao đảo - không được nhìn ở bên ngoài Thiên Chúa, mà là ở bên trong ngài. (Xem, chẳng hạn, điều này được biểu dương tuyệt vời biết bao trong việc khủng hoảng đức tin của Israel thời bị người Babylon cầm cố, Is. 40:55). Tóm lại: trong thời gian khủng hoảng, giao tiếp với Thiên Chúa của

chúng ta tăng trưởng mãnh liệt hơn, bởi đó là khoảnh khắc lịch sử mà chúng ta cùng sống với ngài.

## HI VỌNG

**D**ường như sau khi nói về đức tin thì không cần nói tiếp về hi vọng, vì đức tin nếu được sống tràn đầy nhất thì đã bao gồm hi vọng. Tuy thế cũng tốt nếu xem xét sâu thêm về sự ám áp và nỗi hân hoan của việc hiến thân cho đức tin. Vì hi vọng đúng là một khía cạnh của đức tin, bảo đảm cho chúng ta rằng thế gian được chăm sóc vì và được yêu thương bởi Thiên Chúa. Hi vọng không là một lạc quan thông thường, chỉ nhìn bề tươi sáng của sự việc và nói, “xét cho cùng, chúng ta nên hi vọng cái tốt nhất”. Lối nhìn triển vọng như thế có thể vì muốn thoả mái tâm trí hoặc cũng có thể vì tính hời hợt.

Hi vọng chân chính chỉ có thể khả thi nếu những điểm cơ bản của cuộc đời đưa ra được nền tảng để hi vọng. Các nền tảng hi vọng của Kitô giáo là sự hằng cửu của Thiên Chúa và sự sống lại của Đức Kitô, và cũng là sự hoàn hảo của Thiên Chúa - tới độ ngài không bỏ rơi chúng ta là những kẻ vì đó mà Đức Giêsu đã làm người, cho tới khi nào chúng ta vẫn còn trung thành với ngài.

Hi vọng không ngược với niềm đam mê và tinh thần thực tế. Nó có thể đi kèm với cái nhìn rõ ràng và thiết thực về sự bất xứng của mình và của người khác trên thế gian. Hình thức mà hi vọng đưa ra thì tùy thuộc cá tính và khuynh hướng của chúng ta. Trong một số người, nó là sự biết ơn sâu xa và vui mừng về mọi sự xảy ra. Trong

những người khác, nó là việc chiến đấu chống lại sự bi quan bầm sinh. Trong những người khác nữa, nó là khả năng để trở nên cay đắng và ác ý. Nó không chỉ là niềm tin rằng số phận đời đời của chúng ta đang được tiến hành tốt đẹp. Nó còn có nghĩa chúng ta được bảo đảm cho cuộc sống trên thế gian này được tiến hành tốt đẹp. Chúa có những điều tốt lành dự trữ cho toàn thể loài người.

### *Hi vọng cho nhân loại*

Giáo Hội tin rằng Thiên Chúa có ý định tốt cho con người. Do đó, người thế gian phải tin vào con người. Không ai bị loại trừ khỏi ân sủng của Thiên Chúa. Một người bách hại có thể thành một tông đồ, người ăn nói phạm thượng thành một vị thánh, và chúng ta có thể tin là một người thất học đang có đức tin vững vàng. Kẻ thù không cần bị hủy diệt. Và rõ ràng, người ấy phải được mời vào, với nhiều hân hoan trên thiên cung hơn chín mươi chín người chính trực. Tóm lại, mỗi người và mọi người đều có phúc phần hưởng niềm vui sướng nhất. Không ai bị chê bai. Không phải ai cũng coi điều này là hiển nhiên. Thí dụ, chủ nghĩa cộng sản đưa hạnh phúc ra cho toàn thể nhân loại lại thừa nhận rằng nhiều người sống hôm nay bị loại trừ vĩnh viễn khỏi hạnh phúc. Một nhà tư bản không thể trở nên người vô sản. Anh ta bị loại trừ. Anh ta có thể không bao giờ biến cải, vì như đã được đánh giá, là anh ta không thể thay đổi. Toàn thể nhân loại không được tin tưởng. Nhưng Kitô giáo không giống thế. Bất cứ người cộng sản nào đều có thể thành Kitô hữu và có khả năng là một Kitô hữu rất tốt. Và thêm nữa, để nêu ra một điểm rất khác biệt, người quĩ

quyết nhất yêu cầu được vào Giáo Hội Đức Kitô thì không bị từ chối.

Nhiều người theo chủ nghĩa nhân bản có sự tin tưởng rất đáng khích lệ vào nhân loại. Nhưng bởi họ không có đức tin vào sự sống lại, do đó, tới mức độ nào đó, thành “con người không hi vọng”. Và sự tin tưởng vào nhân loại của họ thiếu cái neo vốn giữ cho hi vọng của Kitô giáo không đời đời: là sự hoàn hảo của Đức Giêsu có thể cho tất cả loài người một sự sinh ra mới. Con người trong chủ nghĩa nhân bản thấy sự xấu xa của mình và của người khác - chẳng hạn nhiều nhà theo chủ nghĩa hiện sinh người Pháp - là không có nền tảng vững chắc cho hi vọng. Con người là phi lí và hoàn toàn không đáng tin nhiệm.

Nếu một người Kitô hữu tin rằng Thiên Chúa đã loại trừ sẵn kẻ nào đó ra khỏi tình yêu của ngài, thì người ấy là một người dị giáo. Nghĩa là người ấy khẳng định điều mà Thiên Chúa không tuyên bố trong mạc khải thiêng liêng. Do đó, định trước một số phận để cho sự dữ là một khái niệm phi-Kitô-giáo, làm sai lạc và mờ mịt mối liên hệ của chính ta với Thiên Chúa và với con người.

Rõ ràng, người Công Giáo thường không nhận ra nỗi, chẳng hạn, *làm sao mà* Thiên Chúa có thể tuôn hạnh phúc cực độ xuống cho một người chết là Hồi giáo. Sự thất bại này, trên thực tế, làm mờ mịt niềm hi vọng của Kitô hữu vào một hạnh phúc vĩnh cửu cho toàn thể nhân loại. Dù thế nào cũng luôn luôn có một bảo đảm tối thiểu là mọi người đều nhận đầy đủ ân sủng. Trong Giáo Hội, niềm hi vọng này lớn mạnh rõ ràng hơn và mạnh mẽ hơn cách vững chắc, và phải còn tăng trưởng rõ ràng hơn nữa. Nó là sức mạnh vĩ đại cho sự thiện giữa loài người - xác tín

rằng nhân loại đang chuyển động hướng tới Thiên Chúa, đáng không là Thiên Chúa của sự chết mà là của sự sống đời đời.

Cuộc cám dỗ bủa vây thái độ sống này là tuyệt vọng, ngờ vực. Tuyệt vọng có nghĩa chúng ta cho rằng tội lỗi của chúng ta mãnh liệt hơn tình yêu của Thiên Chúa. Thiên Chúa không cứu chúng ta. Sự ngờ vực vào tình yêu của Thiên Chúa đó có thể là một cám dỗ nghiêm trọng. Hoàn toàn nhượng bộ nó tức là phủ nhận và khước bỏ thuộc tính riêng biệt nhất của Thiên Chúa, và là một tội lỗi rất nghiêm trọng. Trừ phi đó là việc không chịu đứng nổi vì bệnh tật làm ngã lòng, một việc hoàn toàn khác với từ khước bàn tay cứu độ của Thiên Chúa.

### *Nhẫn nại*

Nhẫn nại thì rất gần với hi vọng. Nhẫn nại có nghĩa lưu tâm chờ đón, cách ưu ái mà điềm đạm để ý đến mọi ánh sáng của sự thiện trong hành động của người khác và mọi ánh chớp của chân lí trong lời nói của họ. Không cay đắng, không ác ý. Nhẫn nại là một trong các đức hạnh đáng yêu nhất thời buổi này, lúc mà có quá nhiều ý kiến, ác cảm và hận thù va chạm và tương tranh đến cùng. Niềm hi vọng của chúng ta vào Thiên Chúa cho chúng ta sự nhẫn nại không bẻ gãy các mối quan hệ và không dần dần thành khắc nghiệt.

Vì chúng ta tin rằng trong những nỗ lực mò mẫm của mình, dung nhan Thiên Chúa dần dần biểu lộ rõ ràng hơn, trong khi chúng ta chuyển động hướng tới mạc khải vĩ đại của Đức Giêsu, đáng mang dung nhan con người của

Thiên Chúa vì chúng ta. Ngài sẽ đem hết nhân loại vào nước trời bình an và trọn lành. Đó là niềm hi vọng sâu xa nhất của chúng ta. “Lạy Chúa, xin hãy đến, Maranatha!” 782-797

## TÌNH YÊU

230

“Tình yêu của Thiên Chúa đã được đổ xuống lòng ta nhờ bởi Thánh Thần” (Rm. 5:5). Bằng các chữ “Tình yêu của Thiên Chúa” dĩ nhiên Phaolô không có ý nói tình yêu cho Thiên Chúa, mà là tình yêu xuất phát từ Thiên Chúa. Phaolô khẳng định rằng loài người chúng ta được ban cho tia lửa của ngọn lửa thiêng liêng vĩ đại. Vì thế, các Kitô hữu không bao giờ nên bắt đầu bằng cách tự nhủ mình phải yêu. Đứng trước mọi nỗ lực là sự kiện rằng họ có yêu. Việc Kitô hữu tùy thuộc vào Đức Giêsu có nghĩa ta đã có tình yêu bên trong bản thân ta. Chúng ta là những người đang yêu, không do sự xứng đáng của mình, nhưng do tặng phẩm nằm ngoài tầm đạt tới của ta, 483  
tặng phẩm của Thiên Chúa.

Việc nhận ra mình đang yêu đòi hỏi một hành động vững chắc của đức tin, chỉ có điều duy nhất để nói: hãy yêu. Hãy tin rằng Thiên Chúa tạo dựng bạn và đổi mới bạn bằng cách bạn yêu. Hãy tin vào điều ấy và bạn sẽ khám phá ra điều ấy là chân lý.

Tặng phẩm yêu thương cũng là một bốn phần: “Người phải yêu mến Chúa, Thiên Chúa người, hết lòng người, hết linh hồn người và hết trí khôn người! Đó là giới răn lớn, giới răn đệ nhất. Thứ đến cũng giống điều ấy: Người hãy yêu mến người bên cạnh như chính người” (Mt. 22:37-39).



### *Tâm điểm thông điệp của Đức Giêsu*

Ngang đây, chúng ta tới điều thiêng liêng nhất trong thông điệp của Đức Giêsu. Không thể nêu ra trong ít trang. Một số nhận xét đáng chú ý có thể được đưa ra trọn vẹn trong chương này. Thật ra, trọn cuốn sách này

186 Như đã đề cập tới khi nói về nước Thiên Chúa - đây là điều mà toàn bộ cuốn giáo lý này nói về. Cũng thế, có thể nói về đề tài khác như đức tin, Đức Giêsu, Giáo Hội, Thánh Linh Chúa, ân sủng. Nhưng thực tế, chúng ta chỉ nói về nước Thiên Chúa vì đó là cốt lõi rao giảng của Đức Giêsu, và về tình yêu, vì đó là giới răn vĩ đại của ngài. Quả thật nước Thiên Chúa và giới răn tình yêu là cũng một thông điệp. Ngự trị của Thiên Chúa là ngự trị của tình yêu. Đọc “Nước Cha trị đến” thì cũng ngang với đọc, “Tình yêu Cha trị đến”. Tình yêu được đặc biệt thảo luận trong các chương “Ý của Chúa Cha”, “Ta sẽ gửi đến Đấng Phù trợ” và “Giới răn thứ hai giống thứ nhất”.

### *“Yêu đi, và làm điều người muốn”*

Cách tốt là ngưng lại một chút mà nhìn vào sự thật rằng yêu thương là đức hạnh lớn nhất. Không phải lớn nhất theo nghĩa cây này to nhất hơn mọi cây khác. Tình yêu lớn nhất theo cách hoàn toàn khác, nó có mặt trong mọi phẩm chất cao đẹp khác. Kiến trì, cẩn trọng, thân thiện, vâng lời, phục vụ - chỉ có giá trị tới mức mà chúng có tình yêu bên trong, tới mức mà mà chúng là hình thức của yêu thương. Augustinô diễn tả điều này cách rất sinh động khi nói, “Yêu đi và làm điều người muốn” (“Ama

et fac quod vis”). Nếu chúng ta yêu, chúng ta chỉ muốn làm điều tốt lành. Tình yêu thì đủ, vì nó là tất cả.

Augustinô nói về tình yêu chân chính thoát thai từ nó và từ nó mở tung nó ra. Có thể nói, chúng ta biết tình yêu của chúng ta chìm đắm trong tiền tài dễ dàng như thế nào, nó bắt đầu bằng tự tư tự lợi dễ dàng như thế nào, dù không công khai tự nhận như thế. Do đó, để ngăn ngừa chúng ta gây ra lỗi lầm, có những giới luật khác nhau trong lời giảng dạy của Đức Kitô và của Giáo Hội. Nhưng chúng không đưa ra để đứng bên cạnh tình yêu. Chúng đúng hơn là những chỉ dẫn cho một sự thuần khiết của tình yêu. Mỗi giới luật là một giới luật của tình yêu. Giới răn của Đức Giêsu, rằng phải yêu Thiên Chúa với hết lòng ta được kèm theo với giới luật của Giáo Hội ra lệnh cho chúng ta dự Thánh lễ mỗi Chúa Nhật. Giới răn của Đức Giêsu, rằng chúng ta phải yêu người bên cạnh như chính ta, được kèm theo bởi giới răn cấm ngoại tình của ngài (xem thêm chương “Giới răn thứ hai giống thứ nhất”).

534, 740

660

617-628

Đức Giêsu còn cắt nghĩa tình yêu thuần khiết là gì khi ngài bao gồm cả kẻ thù vào trong số những người được yêu, “vì nếu các ngươi mến yêu những kẻ yêu mến các ngươi, thì các ngươi có công gì? há những người thu thuế cũng không làm thế sao?” (Mt. 5:46). Gương kiêu mẫu cho chúng ta phải là Chúa Cha siêu phàm mà ánh mặt trời của ngài chiếu đều nhau trên mọi người, thiện và ác. “Vậy các ngươi phải nên trọn lành, như Cha các ngươi trên trời là Đấng trọn lành” (Mt. 5:48).

241

Tình yêu quá dồi dào thiêng liêng tới độ chúng ta không chỉ nói, “Thiên Chúa là tình yêu” mà là nói “Tình yêu là

621-626

Thiên Chúa”. Bất cứ đâu có thành tố nào của tình yêu thuần khiết - cả nơi những người không biết tới Thiên Chúa - Thiên Chúa sống ở đó và đời sống đó ra thiêng liêng.

Tất cả những ai yêu đều gia tăng sự phát triển con người mình, như sẽ thấy sau đây. Nhưng, điều này làm một số người trong chúng ta nghi ngại. Chúng ta kết luận rằng, trên hết, tình yêu luôn luôn quan hệ tới bản thân, nhắm đến tự thân phát triển, là công trạng tại chỗ và trên thiên đàng. Không có tình yêu chân chính và hoàn hảo vì lợi ích của người khác.

Nhưng điều ấy không hoàn toàn đúng. Rõ ràng Thiên Chúa là một tình yêu rất chân chính tới độ tất cả những ai đang yêu đều bị cuốn hút mật thiết hơn vào ngài. Không thể làm ngược lại, vì đấy chính là cấu trúc của vạn vật như chúng ta đã vui mừng nhận ra. Nhưng điều đó không có nghĩa tình yêu không thể thuần khiết và bất vụ lợi. Đức Giêsu không yêu chúng ta để thu lợi, mà chỉ là vì lợi ích của chúng ta. Và chúng ta không thể làm gì hơn là tin rằng các vị thánh vĩ đại đã thật sự gạt bỏ tính toán lợi lộc của bản thân tới mức độ lớn lao. Vào bất cứ thời điểm đã định nào, sự tự cải thiện hoặc đạt tới hạnh phúc tuyệt trần của các vị không có ý nghĩa quan trọng nào cả. Rõ ràng là sau khi suy nghĩ, các vị phải nhận ra rằng công trạng là ở chỗ đó, không thể tránh được. Chính xác, tình yêu là một cái hoàn toàn khác với việc chỉ suy nghĩ về bản thân và co rút vào bản thân. Nó là một hành động và sự buông xả mình. Vì thế, Phaolô đã có thể viết: “Tôi đã ước nguyện xin làm hiến vật tinh khôi Đức Kitô vì anh em đồng chứng của tôi về phần xác” (Rm. 9:3). Đó là một ước nguyện bất khả thi, nhưng nó cho thấy

tình yêu chân chính đi xa tới đâu. Căn bản, tình yêu không là cảm xúc mà là hành động. Rõ ràng các cảm xúc rất hữu ích nếu yêu thương là để được ấm áp, nhân tính và dịu dàng, nhưng cái thật sự tình yêu nhắm đến và cuộc thử lửa của nó là cái mà ta thật sự sẵn sàng làm. Các lời <sup>87</sup> trong Diễm Ca, nói về tình yêu của cô dâu chứ rể và về tình yêu giữa Đức Giavê và dân tộc ngài chọn và được Giáo Hội hiểu là tình yêu Đức Giêsu mang đến, cho thấy trong tình yêu này tình cảm ủy mị chiếm chỗ nhỏ bé biết <sup>640-642</sup> bao: “Tình yêu mạnh như cái chết” (Đc. 8:6).

### *Định chuẩn của tình yêu*

272 234

Nhưng có nên kềm chế tình yêu vì lý do chính đáng không? Một tình yêu thật sự không bị tiết chế bởi lý do chính đáng, nhưng cần được giúp đỡ và làm cho cụ thể. Lý do chính đáng, việc tìm kiếm bằng những cách thức hiệu quả nhất để sống tốt lành, là một hỗ trợ lớn lao cho tình yêu. Nó giúp chúng ta “đồng nhất” với người khác để bắt đầu bằng cái nhìn của họ. Nó giúp thành tựu điều bất khả - là hòa giải những mối cừ hận có từ lâu, giúp trong những trường hợp không tự lo liệu được. Nó giúp làm khả thi cái đại đột rất con người - là đặt lợi ích của người khác trước lợi ích của chính mình. Thực hiện được điều ấy vì ta lấy cái nhìn của người khác và ta biến khát vọng của họ thành của ta - như người Samaritanô tốt lành. <sup>232</sup>

Tuy nhiên, nếu “lý do chính đáng” là lấy lợi lộc như một khởi điểm của chính nó, và hỗ trợ quyền của chính nó (và của những người trong gia đình), từ chối cho đi bất cứ cái gì, thì không thể biến khát vọng của người khác thành của chính mình, và như thế, không thể tìm

thấy một khả năng lúc mọi sự gần như bất khả thi. Nguyên tắc của nó là, lòng nhân ái chân chính bắt đầu trong nhà mình, nghĩa là trên thực tế, lòng nhân ái chỉ ở loanh quanh trong nhà mình. Đưa đến các hậu quả là, những tội trọng về việc không giúp đỡ và về các cừu hận dai dẳng giữa những người Kitô hữu và các gia đình Kitô hữu.

Yêu có nghĩa đi ra ngoài bản thân. Vì thế, nó hoàn toàn dứt khoát, “không giữa hai lần nước”. Chúng ta sợ hãi nó, cả tình yêu của Thiên Chúa lẫn tình yêu của con người. Chúng ta không hoàn toàn ổn định được cuộc đời mình. Đối với nhân loại chưa được cứu độ, tình yêu xuất hiện như một điều rồ dại, chẳng hạn nó được Đức Giêsu diễn tả sắc bén trong Bài Giảng Trên Núi: “Nếu ai vả má người thì đưa má kia ra nữa” (Mt. 5:39). Rõ ràng khi Đức Giêsu đứng trước Anna và nhận một cái vả vào mặt, ngài không đưa má kia. Nhưng đó không phải vấn đề ở đây. Chúng ta không ứng xử với một luật lệ rõ rệt. Điều được mô tả ở đây là một thái độ tinh thần. “Kẻ nào kiện người để đoạt áo lót, thì hãy bỏ cả áo choàng cho nó” (Mt. 5:40). Nói cách khác, nếu kẻ nào muốn áo gió của bạn, hãy cho luôn anh ta áo măng tô. Và nếu kẻ nào yêu cầu bạn đi với anh ta một cây số, hãy đi thêm một cây số nữa. Mọi sự sao nghe lạ tai quá. Tuy nhiên, đây là thông điệp của Đức Giêsu. Phaolô vạch ra một thái độ rất giống như thế khi viết: “Chớ để sự dữ thắng được người, nhưng hãy lấy lành mà thắng dữ” (Rm. 12:21).

Việc đáp ứng sự thiện hay sự dữ như thế lập tức đặt cách xử sự của chúng ta lên một cấp độ mới và cao hơn. Một sức mạnh của quyền lực vô danh được thả lỏng xuống trên người khác. “làm như thế người sẽ chất than

hồng trên đầu của nó” (Rm. 12:20). Đó là cách bẻ gãy các rào cản và làm loài người sẵn sàng đem cho nhau bản thân mình - Chúng ta đều là kẻ chấp chứng trong tình yêu. Ích kỉ, ý xấu, què quặt và non nớt bên trong, đều làm loài người chúng ta còn gần như phải học hỏi tất cả. Chúng ta không thể học bài học này gắng sức quá căng thẳng. Sự dai dột của phúc âm thì trầm tĩnh. Mọi sự quá lo lắng đều không phải tinh thần phúc âm. Rõ ràng chúng ta học yêu bằng nỗ lực của ý nguyện, tới mức độ mà ý nguyện của chúng ta tự thúc đẩy nó tự do, tự tại và tự quên mình. Con đường dùng tới để tìm tình yêu cũng tựa con đường tìm nỗi hân hoan, tức là tâm tư sáng khoái, quan hệ tốt đẹp, và ngay cả sự tranh đua. Bất cứ điều gì làm phôi mủ tâm hồn con người thì có thể là sự bắt đầu của ân sủng. 385 386

Ân sủng đúng ra thuộc về tình yêu hơn thuộc về đức tin, tới độ nó được ban chung cho tất cả chúng ta. Nó là cái chúng ta phải cùng nhau thực hiện. Tình yêu không thể luôn luôn từ một phía. 483 Đấy không để dùng như một lời khuyên tốt hướng dẫn hành động của chúng ta. Tận mức độ mà chúng ta quan tâm, chúng ta phải làm mọi sự. Quả thật là tình yêu đáp trả, tình yêu xuất phát từ phía khác, có thể là sự hỗ trợ mạnh mẽ cho chúng ta. Lúc ấy, tới lượt chúng ta nhận than hồng thả lỏng xuống trên đầu mình - “ngọn lửa dữ dội nhất” (Đc. 8:6, ý nói, những ngọn lửa của Đức Giavê).

Dù chúng ta sợ hãi tình yêu, nó vẫn ở lại trong lòng khao khát thẳm sâu nhất của chúng ta và của Thánh Linh, đáng sống trong chúng ta. Thật vui sướng lớn lao khi nhớ rằng trọn cuộc sống chúng ta được dành cho chỉ một việc

duy nhất: để yêu thương. Không có tình yêu, mọi sự còn lại chỉ là lễ tẻ.

“Giả như tôi nói được các thứ tiếng nhân loại và Thiên Thần mà tôi không có lòng mến [tình yêu], thì tôi chỉ là thanh la vang vẳng hay chũm chọe chấp cheng. Và giả như tôi được ơn tiên tri, và biết mọi sự nhiệm mầu, toàn cả trí tri; và giả như tôi được tất cả lòng tin, khiến chuyển được đồi núi, mà tôi lại không có lòng mến, thì tôi vẫn là không! Và giả như tôi đem cả gia tư vốn liếng mà phát chẩn và giả như tôi nộp mình chịu thiêu mà lại không có lòng mến, thì cũng hư không vô ích cho tôi! Lòng mến thì khoan dung, nhân hậu; lòng mến không ghen tuông; lòng mến không ba hoa, không tự mãn, không khiếm nhã, không ích kỷ, không cấu kình, không chấp nhất sự dữ, không mừng trước sự bất công, nhưng biết chia vui cùng lòng chân thật. Trong muôn sự, lòng mến hết lòng bao dung, hết lòng kính tin, hết lòng trông cậy, hết lòng kiên nhẫn” (1 Cr. 13:1-7).

## CẦU NGUYỆN THEO KITÔ GIÁO

### *Trước Thiên Chúa*

**C**on người là tạo vật độc nhất ở trần gian có thể hướng về nguồn cội, nền tảng chủ yếu của mình. Chim tìm mồi và nuôi chim non. Bò gặm cỏ, ngủ, sinh bê, cho sữa và sau cùng chết mà không nghĩ đến đấng tạo ra mình.

Con người có thể quay về tôn sùng mẫu nhiệm của nguồn gốc mình. Rõ ràng loài vật cũng có một cảm giác, cũng ca tụng mẫu nhiệm căn bản của sự hiện hữu của chúng bằng cách sống cho đến tận cùng. Thi sĩ Guido thấy con bọt nước (niềng niềng) viết tên Thiên Chúa trên mặt băng đá trước khi nhào lộn và trượt chơi. Và Thánh Vịnh nói:

“Người dẫn lại tối tăm, thế là đêm đến  
lúc thú rừng tất cả bò ra:  
Sư tử gặm rống tìm mồi  
đòi miếng ăn nơi Thiên Chúa” (Tv. 104:20-21)

Chỉ có con người biết đến điều ấy và nói như thế. Con người thấy tiếng sư tử rống trong đêm nhiệt đới là câu trả lời của sự sống cho cuộc sáng tạo sự sống. Tiếng kêu thú rừng thành tiếng gào Thiên Chúa trong lời “phân tích nhân cách hoá” của con người. Chỉ có riêng con người trước Thiên Chúa, với cõi lòng và trí não mình. Vì thế, bản tóm lược cổ đại về cách làm người trọn lành là mười giới răn, bắt đầu bằng ba giới răn về quan hệ giữa con người với Thiên Chúa: 612-614

“Ta là Giêhô, Thiên Chúa của ngươi, Đấng đã đem ngươi ra khỏi đất Ai cập, khỏi nhà tôi mọi:

Ngươi sẽ không có những thần khác trước nhan Ta. Ngươi sẽ không tạc tượng thần, tạc hình vật gì nơi trời bên trên hay nơi đất bên dưới, hay trong nước bên dưới đất. Ngươi sẽ không thờ lạy chúng và phụng sự chúng, vì Ta, Giêhô Thiên Chúa của ngươi, Ta là Thiên Chúa ghen tuông...



Người sẽ không hư từ nêu danh Giêhô, Thiên Chúa của người...

Người hãy nhớ đến ngày hưu lễ [Sabat] để tác thánh ngày ấy...”

(Xh. 20: 1-5, 7-8).

Như thế, con người được yêu cầu dành một thời gian rảnh rỗi cho Thiên Chúa. Con người quay lưng lại với cuộc sinh hoạt hàng ngày và các sự việc hữu hình. Phúi tay nghỉ ngơi. Dưỡng mắt mình, nghiệm xem cái gì là sâu thẳm nhất trong con người và vạn vật, và là nền tảng của con người. Toàn thân dự phần vào việc nâng cao tâm trí hướng về Thiên Chúa. Đứng, ngồi hoặc quỳ đều hoà điệu với cử chỉ tương ứng, cử chỉ cho đi bản thân, để bản thân lại đằng sau. Cố trụ tư tưởng vào một nền tảng vững vàng nào đó để từ chỗ đó chiêm nghiệm một mẫu nhiệm khôn dò. Dồn tưởng tượng vào một điều, hoặc có thể vào một điểm đang từ từ biến mất. Tìm một chỗ yên tĩnh, một mình hoặc với người khác.

Đấy là những cách thức làm bản thân nhận ra sự có mặt của Thiên Chúa: một chỗ dành riêng, cử chỉ, ý tưởng và tưởng tượng. Âm nhạc có thể hữu ích, giáo đường, một chốn tĩnh mịch vùng quê, một nơi thoáng rộng có vòm mái tuyệt vời. Như thế, chúng ta tìm những biểu tượng bên trong và bên ngoài mình, để chú mục vào ngài, đáng “cao hơn mọi chuyển phi hành cao nhất của tôi, mật thiết hơn nơi sâu thẳm nhất đáy lòng tôi”. Ngài ở ngoài khả năng và khả thi của chúng ta. Chúng ta có thể nói rằng các biểu tượng ấy không là ngài. Tuy nhiên, trong cõi sâu thẳm nhất của con người mình, chúng ta được định hướng đến ngài.

Nếu tiếp tục nói theo lối này không thôi, chúng ta sẽ không bao giờ với tới cầu nguyện theo Kitô giáo. Mà chỉ lòng vòng trong cương giới của tôn giáo thuần túy loài người, mà thật ra, chỉ là một phần nhỏ nhất cách chúng ta nói về Thiên Chúa. Nhưng trên hết, cầu nguyện là lắng nghe Thiên Chúa. Đó là phần lớn lao nhất của cầu nguyện: nghe ngài nói.

### *Các cách cầu nguyện*

Thiên Chúa nói gì với chúng ta lúc ấy? — Trong Con Người, đáng bởi thế gian và đáng cũng là Chúa Con của Chúa Cha, Chúa Cha cho chúng ta tiếp cận với chính ngài. Việc đầu tiên và quan trọng nhất là nhận ra những cách nào và những biểu tượng nào mà Thiên Chúa ban cho chúng ta qua Đức Kitô. Chúng là những gì? Chúng là mọi điều trong đó chúng ta nhận ra Đức Giêsu: tình chúng ta yêu thương nhau trong Thánh Linh ngài; các lời Kinh Thánh được Thánh Linh truyền thần hứng; phép rửa tội và các bí tích khác; và đặc biệt trong tặng phẩm bánh và rượu.

501  
535  
422-439

Đây là tâm điểm của cầu nguyện Kitô giáo: Phép Thánh Thể. Ở đó, chúng ta tiếp nhận toàn bộ Đức Kitô: lời ngài, thân mình ngài, Thánh Thần ngài. Chúng ta nhận thấy trong lời ngài cách chúng ta sắp nói với Thiên Chúa. Thân mình hi lễ của ngài là một hiến phẩm mà ta có thể mang theo trong thân ta. Thánh Thần ngài dạy chúng ta rằng chúng ta sắp nói và đòi hỏi xin sự can thiệp ở bên trong chúng ta với những khát khao không diễn tả được cho Thiên Chúa.

Kế đến tự hỏi mình, chúng ta tham gia cách riêng như thế nào vào việc cử hành lễ Phép Thánh Thể và

mình sắp cầu nguyện như thế nào trong phút giây tối cao nhất của việc nguyện cầu ấy. Và câu trả lời là chúng ta hãy theo sát mọi điểm liên quan tới nghi lễ: đến cùng nhau, lắng nghe, tưởng nhớ, cảm tạ, hiến mình cho Đức 552 Kitô, ăn, và vân vân. Chúng ta sẽ bàn đầy đủ hơn trong chương kế tiếp.

Nhưng, có một phẩm chất độc đáo của việc cầu nguyện mà chúng ta nhấn mạnh ở đây. Là, hình thức tối cao của cầu nguyện diễn ra trong tập thể, không phải trong cô độc. Phép Thánh Thể là một cuộc tập hợp. Thật không ngạc nhiên nếu việc ấy có thể tạo cho chúng ta những khó khăn. Có hai lí do: là có mặt chung cùng nhau cầu nguyện và hát là để giao lưu với những người chung quanh không thân thiết với ta.

Về điểm thứ nhất, có thể nói nó liên quan tới một sai lầm phát xuất từ thời bàn thờ đặt quá xa và các lời cầu nguyện đều bằng tiếng La tinh. Thời đó tín hữu dùng thời gian Thánh lễ để cầu nguyện thầm lặng bên trong. Tuy lời cầu nguyện đó là tuyệt vời nhưng nó không là mục đích và đối tượng chủ yếu của Phép Thánh Thể, vốn không phải lập nên để tạo khung cảnh cho chúng ta có thể quên người bên cạnh, mà là để chúng ta nhớ sự hiệp nhất của mình với người ấy.

Và khó khăn thứ hai là, vì không chăm lo được cho người khác nên có giải pháp là hoàn toàn rút lui. Tốt hơn là ta cố gắng nên đi vào tâm tư của người khác - tại sao họ như thế và tại sao họ làm thế. Qua thái độ này, dự Thánh lễ là một cam kết toàn bộ. Nó áp đặt một nghĩa vụ trên chúng ta - nhưng là nghĩa vụ được Đức Kitô ban cho chúng ta - là lời cầu nguyện tối thượng, Phép Thánh Thể,

cũng là sự hiệp nhất trong tình yêu với người đồng đạo. Lúc thoát được đời sống quen thuộc hàng ngày và nâng tâm hồn mình lên Thiên Chúa trong Phép Thánh Thể, chúng ta thêm lần nữa nhận ra người bên cạnh, chồng hoặc vợ, con cái, tất cả những ai gần gũi chúng ta nhất.

Đây là nơi thông điệp của Đức Giêsu chỉ tới. Do đó, việc xưng tội trước Thánh lễ cũng là một lời cầu nguyện để chế ngự sự lãnh đạm hoặc thái độ đối nghịch của chúng ta.

### *“Các giờ” phụng vụ*

Bỏ thế có thể nói, Phép Thánh Thể và các bí tích khác không là những thể hiện có tính cách cá nhân. Chúng xuất phát từ Giáo Hội như một cộng đoàn.

Việc cử hành Phép Thánh Thể còn được trân trọng giữ gìn bằng một hình thức cầu nguyện được cộng đoàn cùng đọc lên. Hình thức cầu nguyện này là “những giờ kinh nguyện” phụng vụ, còn được biết tới như là những giờ kinh sách hoặc ca nguyện (bằng ca đoàn). Được gọi là “một kho tàng cầu nguyện thuần khiết nhất”. Từ các thế kỷ thời sơ khai, trong Giáo Hội đã phát triển những giờ qui định cầu kinh tập thể: buổi sáng và buổi chiều. Phụng vụ hoặc thờ phượng gồm có các bí tích và những giờ kinh nguyện đó (cũng có một số khác như chúc phúc, cầu nguyện cho lễ hành và các hình thức tạ ơn mỗi bữa ăn, được lập nên để sử dụng phổ quát và góp phần vào phụng vụ).

Chủ yếu của các giờ kinh nguyện là Ca Nguyện Sáng (Laude) và Ca Nguyện Chiều (Vespera). Theo diễn biến thời gian được thêm vào nhiều yếu tố khác tại các tu viện

359-363  
154-156

và nhà thờ chánh toà: Matins, chính gồm các bài đọc trích Kinh Thánh và các tác giả lớn Kitô giáo mà đôi khi cũng được đọc vào buổi tối; rồi đến Terce, Sext và None, những lần cầu nguyện ngắn vào giờ thứ ba, thứ sáu và thứ chín tính từ lúc mặt trời mọc; sau cùng là Compline, vào lúc khuya.

Cấu trúc Ca Nguyện Sáng như sau: bắt đầu với một vài thánh vịnh, lấy từ các bài ngợi ca và cảm tạ xúc động nhất, tiếp theo là bài Bê-nê-đi-cô (Ca khúc của Giacaria theo Lc. 1: 67-69), và sau cùng là lời cầu nguyện ngắn.

Nghi thức cổ xưa này giữ sự sáng khoái lạ thường. Các giờ kinh sáng được soạn vào thời điểm về sau thường quá nặng, trong lúc Ca Nguyện Sáng luôn luôn đưa ra được cái mới mẻ. Điều này cũng đúng cho Ca Nguyện Chiều có cùng một cấu trúc. Tuy nhiên các thánh vịnh có giọng mật thiết và kêu cầu hơn. Vì thế, hai buổi Ca Nguyện Sáng và Ca Nguyện Chiều có thể hữu ích cho mọi Kitô hữu, không chỉ cho linh mục và tu sĩ là những người đọc trọn vẹn hằng ngày.

525-527

Một trong những điểm gợi cảm nhất của hai buổi ca nguyện này là rất ít để ý trực tiếp đến con người. Những tụng ca Thiên Chúa thay vì các ý tưởng về bản thân. Ca Nguyện Sáng ít khi nói đến ngày đang đến, cũng như Ca Nguyện Chiều không nhắc đến ngày vừa trôi qua. Chỉ dâng lên giờ khắc hiện tại. Tính chất đa dạng cũng hữu ích. Ngày nào trong tuần cũng đọc ca vịnh mới. Bài đọc Kinh Thánh và phần lời nguyện kết thúc thay đổi theo mùa trong năm.

Các nhóm hoặc cá nhân nào ưa thích có thể làm theo cấu trúc và tính đa dạng vừa được phác hoạ, theo hình

thức kinh nguyện phù hợp với mình. Có thể bắt đầu bằng một thánh vịnh tán tụng Thiên Chúa, kể đó một bài đọc Sách Thánh, một phần của Ca khúc Giacaria và kết thúc bằng lời cầu nguyện riêng của mình.

532

Giữa Ca Nguyện Sáng và Ca Nguyện Chiều, hằng ngày có cao điểm của phụng vụ Hội Thánh là Phép Thánh Thể. Phép Thánh Thể quan trọng nhất mỗi tuần diễn ra vào Chúa Nhật. Các Chúa Nhật trong năm làm thành một chu kỳ, bằng mọi đa dạng, đem đến gần chúng ta những mẫu nhiệm về cuộc đời, cái chết và sự sống lại của Chúa. Do đó, mỗi Chúa Nhật Thánh lễ được chuẩn bị các bài đọc Sách Thánh, bài hát và các lời cầu nguyện khác nhau, làm nổi bật mỗi lần một sự kiện cứu độ khác nhau, một khía cạnh khác của sự ra đời của Chúa. Vào các ngày trong tuần, lễ Phép Thánh Thể gắn liền với mùa phụng vụ mà Ca Nguyện Sáng, Ca Nguyện Chiều và các giờ kinh nguyện trong ngày cũng được thích nghi theo. Do đó, toàn bộ phụng vụ quanh năm là một nhắc nhở lớn về mẫu nhiệm công cuộc cứu độ chúng ta, với lễ Phục Sinh là Chúa Nhật của mọi Chúa Nhật và là điểm cực độ. Ở đây, không cần thiết nhìn sơ vào phụng vụ vì thực tế, chúng ta đang dự vào. Cũng có những lời cầu nguyện chung do cá nhân tự soạn ra, gần như lấy cảm hứng từ phụng vụ, thí dụ lúc gia đình đọc kinh riêng vào buổi tối hoặc lúc giáo xứ tự phát vào những dịp cần thiết. 736 738

### *Cầu nguyện riêng*

Tiếp đây, là lời cầu nguyện dâng lên trong thinh lặng. Đức Giêsu đề cập đến việc này lúc ngài nói: “Khi cầu

nguyện thì hãy vào buông khóa cửa lại mà cầu nguyện với Cha người, có mặt cả nơi bí ẩn”(Mt. 6:6). Chính Đức Giêsu đã làm cách ấy - trong sa mạc, giữa các thú hoang, trên núi. Và chúng ta cũng thực hiện hình thức cầu nguyện này. Chúng ta rút lui để tìm kiếm phần sâu thẳm nhất của cuộc sinh tồn của chúng ta. Sau một ngày lao động cực nhọc, chúng ta “nhận ra lại mình”, “nâng tâm hồn mình lên”. Cũng như phụng vụ, đây là hình thức cầu nguyện can dự nhiều đến đời sống Kitô hữu. Phụng vụ giữ cho lời chúng ta cầu nguyện giao tiếp với nguồn suối lớn lao của cuộc sống Giáo Hội. Lời cầu nguyện tự do dâng lên xuất phát từ cảm hứng cá nhân cho chúng ta những nếm trải rất cá nhân của sự kiện là cùng một mối quan hệ - không xa cách cộng đoàn- sống động hiện hữu giữa Thiên Chúa và chúng ta. Không có cầu nguyện riêng, phụng vụ của chúng ta sẽ bị hạ xuống thành phụng vụ đơn thuần hình thức.

Cũng như trong phụng vụ, ở đây Thiên Chúa là kẻ phát biểu đầu tiên. Lời của ngài là thông điệp phúc âm đến trước, trên mọi những người nuôi dưỡng và dạy bảo chúng ta trong đức tin.

Mạc khải thiêng liêng nhắc nhở chúng ta rằng từ khởi thủy, ngài đã bắt đầu diễn từ của ngài. Vũ trụ, cây cỏ, con người - cha, mẹ và những gì còn lại, tất cả đều là cử chỉ, lời nói phát xuất từ Thiên Chúa. Thật ra, ta còn có thể lùi lại xa hơn. Kinh nghiệm của tôi khi lời đầu tiên của ngài đến với tôi. “Trong Người, ta sống, ta cử động, ta có” (Cv. 17:28). Điều này đưa chúng ta đi rất xa. Cha mẹ tôi không muốn “tôi” mà là muốn “một đứa con”, “bé trai”, “bé gái”. Chỉ có Thiên Chúa đã biết và đã muốn tôi.

Do đó, cầu nguyện trước hết và tối cao nhất là, với con mắt đức tin, ghi nhận cách biết ơn mọi điều Thiên Chúa làm cho ta. Chỉ sau đó mới tới cầu nguyện, nghĩa là dâng lên Thiên Chúa câu trả lời với trọn vẹn con tim ta.

### *Thiên Chúa luôn luôn vĩ đại hơn*

Khi nói đến câu trả lời đưa lên Thiên Chúa là có ý gọi ra rằng chúng ta có thể nói với ngài và hướng về ngài như một con người. Và quả thật, sự thật sâu xa nhất ở thế gian là thực tại thì căn bản có tính cách cá nhân. Tình yêu giữa người này với người khác là một thực tại sâu xa nhất. Và chúng ta không thể nói điều gì đúng hơn về mẫu nhiệm các căn nguyên của chúng ta rằng, cái tội hạo không là một tình vận cơ bản, một luồng hơi hoặc một chất lỏng băng quơ, mà là một người cho chúng ta có thể nói tới như là Ngài. Như Curê thành Ars nói: cách nói với Thiên Chúa hay nhất là trò chuyện với ngài như thể ngài là một con người. Đức Kitô làm cho chúng ta điều có thể làm được ấy. Ngài gọi Thiên Chúa là Abba, tiếng trù mến của đứa bé gọi cha mình. Thật ra, Thiên Chúa càng trở nên tiếp cận hơn trong bản thân của Đức Giêsu. Thiên Chúa xuất hiện cho chúng ta với hình ảnh loài người trong Chúa Con.

201-203

817-827

Tuy nhiên cần nhớ rằng Thiên Chúa thì hơn điều được diễn tả bằng từ ngữ loài người là tiếng Ngài; ngài không chỉ là “ai đó”. Nếu chúng ta nghĩ ngài như “ai đó” thì chỉ một khía cạnh giới hạn của sự thật về ngài đánh động chúng ta thôi. “Ai đó”, nếu có thể nói, thì ngài chỉ như một con người ở giữa chúng ta từ vị trí này hay vị trí khác.



Nhưng ngài, Thiên Chúa, ở với chúng ta ở mọi vị trí, từ cội rễ của con người của chúng ta và của mọi người khác. Ngài là nguồn suối tuôn tràn cho ta từ mọi phía.

Do đó, có thể xảy ra là trong cầu nguyện chúng ta không trực tiếp nói với Thiên Chúa mà chỉ gián dị ở lại trong sự hiện diện của ngài, không lời nói nào, hoặc nếu có thể nói, cá suy tưởng, trong lúc “tâm hồn tĩnh thức”. Đây là một nỗ lực để nhận biết sự vĩ đại của Thiên Chúa, rằng ngài vô hạn hơn “một con người” - rằng ngài mệnh

802-804

802-804  
Thiên-Chúa trong một con người. Căn bản, người Kitô hữu cầu nguyện chân chính phát hiện không biết bao nhiêu lần rằng sự mừng rỡ với cảm giác kính sợ mà toàn thể thế gian làm ngập tràn lòng ta, là những đạt tới “Ai đó” sâu xa nhất. Điều này không phải ở đâu cũng được thấy rõ ràng -như người Kitô hữu tin- cho bằng trong tâm hồn phơi mở của Đức Giêsu Nagiarét, Người Con độc nhất của Thiên Chúa.

295-296

530

*“Chúa ơi, hãy dạy chúng con cầu nguyện”*

Cuộc tìm kiếm được thực hiện không biết bao nhiêu lần: Lạy Chúa, xin hãy dạy chúng con cầu nguyện trong những ngày triền miên rối rắm này, bất chấp mọi lung tung của công việc, thăm viếng, báo chí, đi lại, các bạn cùng sở, con cái. Cầu nguyện thế nào bây giờ? Có lẽ điều khó khăn nhất không phải là ngày nay chúng ta ít

có thì giờ. Một ngày lao động không dài hơn so với thời trước. Nhưng toàn bộ nhịp điệu cuộc sống thì nhanh hơn và mệt lử hơn. Dường như việc cầu nguyện nằm ngoài tầm sức của chúng ta.

Và rồi có những khó khăn khác. Khi chúng ta xoay sở để nói với Thiên Chúa trong một cuộc tản bộ trầm mặc, lúc ngồi riêng ở một phía nhà thờ hoặc trong phòng riêng của mình, buổi cầu nguyện ấy thông thường lại không là cuộc sống thật của mình. Nó là một thế giới riêng rẽ mà thực tế ta chỉ rút vào đó được trong một khoảnh khắc. Còn cuộc sống mà chúng ta thật sự cảm thấy, là ở trong gia đình, trong công việc, trong các sự cố chung quanh mình, trong sự tiến bộ của đất nước và thế giới. Chúng ta cần yêu cầu Thiên Chúa dạy cho trò chuyện cùng ngài với sự chần thẹn thành sống động và nỗi hân hoan ngay thật.

Bằng cách nào đó, nhiều người trong chúng ta đã đưa ra những yêu cầu như thế đối với Thiên Chúa, để xin một tặng phẩm của nguyện cầu mà nó sẽ ở lại góp phần vào cuộc sống bình thường của chúng ta; và không giống như một nhà bảo tàng có các đồ mẫu lâu lâu mới được viếng thăm một lần. Đó có thể không là lời cầu nguyện như một câu trả lời thật sự về hiện hữu của tôi cho lời nói đầu tiên của Thiên Chúa? Vâng, dĩ nhiên là thế. Và bước trước hết cần nhớ, câu trả lời đầu tiên và lớn lao nhất của ta, là cuộc đời mình đang sống: trong chăm sóc gia đình, công việc, học hỏi, yêu thương, kiên trì, nhẫn nại, và trên hết, sự vâng phục ý muốn của ngài. Vài vị thánh nhấn mạnh mẽ rằng, trọn cuộc đời chúng ta là một lời cầu nguyện. Và chính Đức Giêsu nói: "Không phải mọi

kẻ nói với Ta: 'Lạy Chúa, lạy Chúa' là sẽ được vào Nước Trời, nhưng là kẻ thi hành ý Cha Ta, Đấng ngự trên trời" (Mt. 7:21).

Cố gắng sống tốt lành - lời cầu nguyện ấy có đủ không? Nó là một ứng xử lớn lao rồi. Và quả thật một số người uy kị cầu nguyện. Một ngày thực hiện bốn phận đòi hỏi đã để lại cho họ một bình an rất nhỏ nhoi. Họ không sắp xếp để cầu nguyện vì họ cảm thấy nó hơi hợt và không thật. Rồi họ nhận ra nó hơn trong sự hòa hợp với mẫu nhiệm vô ngần của Thiên Chúa để cho đời sống bình thường tự nó là một câu trả lời. Đây là sự trung thực tối thiểu.

Nhưng nó có đầy đủ tính cách con người không? Và rốt cuộc có thực hiện được nó không? Luôn luôn giữ im lặng lúc ta thật sự chăm sóc người khác thì có phải là nhân tính không? Và như thế, có thể bền gan được trong đức tin và vâng phục không? Vào lúc khó khăn nhất của cuộc sống ngài, Đức Giêsu đưa ra lời cảnh cáo: "Hãy tỉnh thức và cầu nguyện kẻo sa cơn thử thách. Tâm thần tuy sẵn sàng, nhưng xác thịt thì yếu nhược" (Mt. 26:41). Chúng ta thường không thể làm gì hơn là tỉnh thức. Làm trái với sự vâng lời ấy là sẽ trở nên xấu hơn, thành cứng đầu. Ý nghĩa sự có mặt của Thiên Chúa sẽ biến mất, và vào giây phút thử thách, chúng ta sẽ quên và không đếm xỉa gì đến ý muốn của ngài. Lúc đó có thể là không hiệu ứng vì không chiêm nghiệm, không dần trải vì không có sự thăm dò tại những nơi sâu thẳm nhất. Tình yêu không thể tồn tại mà không tự biểu hiện. Chúng ta đã thấy trong cuộc đời Đức Giêsu, ngài đã tránh người khác và bệnh nhân như thế nào để cầu nguyện. Sau lúc cầu nguyện,

ngài sáng tỏ về sứ mệnh mình - để càng rao giảng tin mừng rộng rãi hơn.

Chúng ta cũng cầu nguyện, và còn hơn thế nữa. Chúng ta cần chuyện trò với Thiên Chúa trong chốn sâu thẳm của lòng ta. Làm khác đi tức là chúng ta hiểu linh tưởng tượng một cái gì đó là sứ mệnh của mình mà thật ra đó chẳng là việc của mình. Sau cùng, chúng ta có khuynh hướng đánh giá công việc và tình yêu của mình quá cần thiết hơn thực tế. Cầu nguyện có thể dạy cho chúng ta rằng Thiên Chúa có những đường lối khác. Cầu nguyện có nghĩa tách rời mình khỏi những thiên kiến và thấy sự sinh tồn của ta trong ánh sáng được gợi tới bởi ngài, dâng ban cho chúng ta đời sống.

### *Cầu nguyện và đời sống*

199-201  
1571

Nhưng thực tế, không thể tách rời cầu nguyện khỏi cuộc sống thường ngày. Không thể có một thế giới tôn giáo tách biệt với cuộc đời chính cống. Do vậy, thật cần thiết để đưa lời cầu nguyện vào nhịp điệu thật sự của cuộc sống chúng ta với mọi thăng trầm của nó. Cuộc đời chúng ta không là một tiến trình đồng nhất. Có những thời kì phát triển, mọi sự tốt đẹp. Có những thời kì đi xuống khi chúng ta bị lơ là, già, thất vọng hoặc đau yếu. Có những thời kì để quyết định và những thời kì chỉ việc thảng tiến với công việc thường làm hằng ngày. Lối chúng ta trò chuyện với Thiên Chúa cần vươn lên hỗn nhiên xuất phát từ lối sống mình.

Cũng không cần cố ý tưởng tượng rằng chúng ta nắm vững sự hỗn nhiên có chủ tâm này. Chúng ta hoàn

toàn biết rất ít về nó. Đôi khi nghĩ nó có nghĩa là chúng ta chỉ nên cầu nguyện theo cách mà cảm xúc mình gọi lên. Không tất yếu như thế. Khi trước mặt Chúa, chúng ta cần nhắc về một lối sống cần cam kết, một quyết định phải lập, hoặc khi chúng ta vật vã với Chúa trong những chao đảo của mình, hoặc cả khi chúng ta ngập tràn vui mừng cảm tạ - mọi điều đều xuất phát trung thực từ cuộc sống thật của ta - tốt hơn là trước hết chúng ta phải khắc phục sự lãnh đạm hoặc ác cảm nào đó. Chúng ta dường như hơi không có cảm giác gì về nó. Thật ra vẫn có thể may mắn là trong lúc cầu nguyện, dù chúng ta ném trải sự chán ghét, bộn chồn, trống rỗng bên trong, lo ra và khô khan mà vẫn còn nhận ra rằng mình phải kiên trì. Một người cố gắng cầu nguyện, rõ ràng trong lúc cầu nguyện sẽ gặp những khó khăn đó. Có thể nó chỉ là một phần đấu nào đó để thiết lập giao tiếp mà giảm thiểu sự nguy hiểm của việc xây dựng một thế giới tôn giáo bên lề và tách biệt khỏi thế giới tôn giáo chân chính.

Việc tiếp diễn sự cầu nguyện và cuộc sống có thể có nghĩa rằng chúng ta đôi khi chỉ làm theo thông lệ, đôi khi đưa thỉnh cầu, đôi khi vui mừng, đôi khi cảm tạ, đôi khi say mê, đôi khi tỉnh thức, đôi khi phản nản. Thật ra có thể có những thời kì mà ngay việc than vãn chúng ta cũng chẳng làm nổi, chỉ còn có tẻ nhạt cách dễ bảo. Hoặc nữa, chúng ta phải cố gắng thuyết phục sự ta bất ưng những việc của Thiên Chúa mà sự đó đang làm què quặt đức tin và lời cầu nguyện của ta - một sự chán ghét phát sinh bởi phần nộ và cô độc, hoặc bởi một quan điểm sai lầm nào đó mà ta không chịu từ bỏ.

Nhưng căn bản, thái độ bên trong luôn luôn phải là vâng lời và yêu thương. Mọi sự đều tuân từ đó - gồm cả những lời thỉnh cầu của chúng ta. (Về vấn đề sau về việc nhậm lời cầu nguyện, xem các chương “Vị Thầy của cầu nguyện” và “Thiên Chúa”).

2:15  
208-211  
812-814

Đáng điều toàn thân của ta là một biểu lộ thái độ bên trong và cũng có thể ảnh hưởng lên sự hiệp nhất mật thiết của nội tâm và ngoại tại. Không loại trừ tư thế nào nhưng quì và đứng mà liên quan tới việc giữ thẳng bằng và thấy bất tiện không đáng kể, thì đó là biểu hiệu tốt của sự sẵn sàng, tỉnh thức và yêu thương. Ngồi trên ghế bình thường có bàn có thể là tư thế tốt hơn ngồi trên ghế có tay vịn, chân bắt chéo. Một số người thấy mình có thể suy niệm và cầu nguyện lúc nằm ban đêm, trước khi ngủ. Cũng thế, thật tốt nếu quì xuống trước khi nói lời cầu nguyện. Một số người có thể đưa hết lòng mình ra cho mầu nhiệm thiêng liêng khi trầm lặng tản bộ. Luôn luôn cân nhắc nhiều yếu tố. Không hoàn toàn đúng khi cho rằng tư thế thoải mái nhất luôn luôn là tư thế tốt nhất. Vấn đề là làm thế nào gặp gỡ Thiên Chúa với lòng hết sức chân thành.

### *Nhiều cách cầu nguyện*

Chúng ta hãy xem xét ngắn gọn những cách thức khác nhau mà ta có thể cầu nguyện.

Đôi khi những người yêu thương Thiên Chúa ngưng công việc trong ngày một chút để nói ít lời với ngài. Cũng những người kêu tên Thiên Chúa khi rửa sâ cách không suy nghĩ thì chính họ lại cố ý hướng về Thiên Chúa và

nói, “Giúp con với” hoặc “Xin cho con nhẫn nại” hoặc “Cám ơn”. Đó là những cách thức ngắn gọn biểu lộ thái độ căn bản vững chắc của đức tin, hi vọng và tình yêu. Một số người có cảm giác nhay bén về tình yêu của Thiên Chúa giữa những hồi hă dũ đội của công việc, trong lúc kẹt xe hoặc tại cuộc liên hoan. Và nó cũng có thể xảy ra cho những người từ lâu không thật sự chuyện trò cùng Thiên Chúa, bỗng bật thành tiếng trong một kì nghỉ yên tĩnh.

Một cách rất phổ biến và rất giản dị là dành một quãng thời gian yên ổn để đọc kinh cầu nguyện. Chúng ta không nên xem thường hình thức cầu nguyện này. Trong cuộc sống bận rộn, các hình thức cố định có thể hữu ích và là một hứng khởi, như khi chúng ta đọc Kinh Lạy Cha và Kinh Kính Mừng Maria. Dấu thánh giá trước và sau lúc cầu nguyện tựa hai cánh cửa ra vào, giữa đó là chúng ta được thanh thoi với Thiên Chúa. Lúc ấy, ngay cả trẻ con cũng biết phải tỉnh lặng. Rõ ràng chúng ta không thể nghiền ngẫm từng lời suốt buổi đọc kinh. Trẻ con không giữ tỉnh lặng được lâu - thực tế lúc đó không có thì giờ để hồi tưởng. Nhưng toàn cử chỉ ấy là một khoảnh khắc ngưng đọng nhỏ cho bình an, một dấu chỉ của việc Đấng Hằng Hữu đang ở giữa chúng ta, và là một hành động cảm tạ.

Buổi đọc kinh dài hơn đưa đến bình an nội tâm lớn lao hơn, khi chúng ta dùng sách kinh hoặc đọc một hay nhiều thánh vịnh. Đây cũng thế, ta không thể nghiền ngẫm mọi lời kinh. Nhưng chúng ta được bầu khí bình an, khiến chúng ta có thể để sự sáng của Thiên Chúa ở lại trong cuộc sống mình, hoặc nói mình buồn bã như thế nào hoặc biết ơn như thế nào về cuộc sống đã tác động lên mình.

Điều này cũng đúng với tràng hạt. Các lời kinh rất hay và đều đều và tạo được một khắc đồng hồ mà ta có thể thấy yên tĩnh trước mặt Thiên Chúa. Dĩ nhiên ta không tính phải nghiền ngẫm mọi lời kinh. Chúng ta có thể suy niệm về các mẫu nhiệm - hoặc về một đứa con đang gặp chuyện, một người bên cạnh vừa qua đời, một đôi tân hôn muốn chúng ta cầu nguyện cho.

Sáng tinh mơ là lúc ưu tiên cho cầu nguyện. Nhiều người trong chúng ta thấy hạnh phúc hơn nếu dậy sớm được nửa giờ và tĩnh lặng bắt tay vào mọi việc hằng ngày. Thì giờ buổi sáng được làm bằng vàng. Và cầu nguyện góp phần vào vàng ấy.

Tuy thế, có nhiều người trong chúng ta không bao giờ xoay sở để đọc kinh sáng. Dù vậy, chúng ta muốn bắt đầu một ngày với Thiên Chúa. Nhiều người trong chúng ta thấy lời mình chào người khác buổi sáng là điều đang được Thiên Chúa lưu tâm nghe. Tình chúng ta yêu nhau xuất phát từ ngài và sau cùng đến tới ngài. Chúng ta có thể thốt ra một lời cầu nguyện ngắn trực tiếp với Thiên Chúa, và qua đó, liên kết mật thiết với những người đang có mặt hoặc dùng thì giờ buổi sáng ở lâu hơn với Thiên Chúa.

“Hãy hoan hô Giavê, toàn thể cõi đất  
hãy phụng thờ Người trong niềm hoan vui  
hãy đến trước nhan Người trong tiếng hò reo!  
Hãy biết rằng: Giavê là Thiên Chúa  
chính Người, Đấng đã dựng nên ta  
và ta là của Người, dân của Người  
và chiến trong ràn Người” (Tv. 100: 1-3)



Đoạn trên thuộc Ca Nguyện Sáng Chúa Nhật.

Nhiều người có thói quen sáng ra dâng lên Thiên Chúa cách riêng mỗi ngày và điều này trên thực tế có thể là điều tốt lành. Nhưng chúng ta cần ghi rõ trong tâm trí rằng đó không phải công thức cũng chẳng phải dự tính, mà là một vâng lời đối với sứ mệnh thật sự trong đời sống chúng ta, làm ngày của chúng ta thành một ngày lễ thuộc Thiên Chúa.

Thông thường, người ta nói cầu nguyện buổi tối thích hợp với nhịp sống của chúng ta hơn buổi sáng. Đêm xuống là thời gian hồi tưởng. Là thời gian cảm tạ, suy nghĩ, xin tha thứ, đọc Kinh Thánh hoặc một cuốn sách nào đó. Li do nào khiến những người có gia đình không cùng nhau cầu nguyện lên ngài, đáng mà nhân danh ngài họ kết hôn? Có thể là một thể hiện tốt nếu soạn những lời cầu nguyện ban đêm thành một hình thức kinh nguyện, thí dụ, một phần có phúc âm hoặc thánh vịnh, một phần có những lời nguyện riêng của ta, dù rất ít. Đọc kinh, như chúng ta thấy, tạo thành nơi ẩn náu bình an cho những ai bận rộn, trong khi những lời nguyện riêng góp phần lớn làm lời cầu nguyện thành thực tế.

Cùng với cầu nguyện sáng và tối, có tạ ơn tại mỗi bữa ăn. Chúng ta xin chúc lành thực phẩm trước khi ăn và cảm ơn sau khi ăn. Đây là một trong những cách thức phân biệt việc ăn uống của con người với loài vật. Chúng ta không nên để bản thân mình dần dà thành chĩnh mủng với tục lệ tốt của gia đình này. Và nếu nó thành qua loa hoặc đã biến mất, chúng ta nên phục hồi. Hình thức dừng dừng vì con cái quá. Con cái cầu nguyện cùng cha mẹ chứ cha mẹ không cầu nguyện với con cái.

Thánh lễ, cách căn bản như chúng ta thấy, không phải dịp cầu nguyện riêng. Tuy nhiên đó có thể là thời gian tĩnh mịch để ta nâng tâm hồn mình lên với Thiên Chúa - rõ ràng là cùng với giáo đoàn - bằng những lời riêng của chúng ta. 511-513  
572

Việc tĩnh tâm có thể là một ngạc nhiên không ngờ và là thời điểm đổi mới đời ta. Tĩnh tâm có nghĩa chúng ta yêu cầu nhà khách của một tu viện một ít ngày, hoặc lui về một nhà tĩnh tâm, tại đó có sách, yên tĩnh thích hợp và có người am hiểu phúc âm sẵn sàng phục vụ những ai đến. Tĩnh tâm được khuyến cáo mạnh mẽ khi ta không hài lòng với cuộc sống của mình và khi ta đối mặt với những giờ phút quyết định của đời mình.

### *Cầu nguyện bằng trầm tư*

Những người khao khát được biết Thiên Chúa tận tường hơn khởi sự cung kính suy nghĩ về ngài. Họ quì xuống. Họ nghiền ngẫm từng lời kinh - Kinh Lạy Cha, một thánh vịnh hoặc một trích đoạn phúc âm hoặc một thái độ sống như nhần nại, sẵn sàng phục vụ, vân vân. Họ nói với Thiên Chúa về nó, và qua đó, họ đạt được một cái nhìn thấu suốt vào bên trong, với sức mạnh và tình yêu. Hình thức cầu nguyện này gọi là chiêm nghiệm, và không ai hiểu hết nó có ý nghĩa ngần nào cho sự tiến bộ của nhân loại và cho sự thiện trên thế gian.

Những ai đã thường xuyên nhiều năm chiêm nghiệm (hoặc như họ mau mắn trả lời là thử chiêm nghiệm) đều đạt tới một khoảnh khắc mà họ không thể làm gì cả. Họ cố tập trung tư tưởng nhưng không đạt kết quả. Có điều

họ muốn cầu nguyện. Tâm hồn họ muốn ở với Thiên Chúa và chú mục vào cõi sâu thẳm nhất của thực tại. Nhiều khi xảy ra tình trạng là họ thấy khô khan, hoặc khó chịu, hoang mang. Dù thế, có điều gì bên trong muốn họ ở lại cầu nguyện. Họ mạnh mẽ cảm thấy là, tuy họ đang không làm gì cả, nhưng có điều gì đó xảy đến cho họ. Và rồi thỉnh thoảng điều ấy xảy đến tới độ họ ngập tràn bình an của Thiên Chúa. Họ sung sướng đê mê. Họ cảm thấy Thiên Chúa ở với mình.

Việc cầu nguyện, rất ít lí luận mạch lạc này, được gọi là cầu nguyện của tĩnh lặng. Các chiêm nghiệm trở thành trầm tư. Những ai một thời gian kiên trì chiêm nghiệm đều đạt tới cảnh giới này. Một số người nghĩ là ngay lúc đó họ cần tiếp tục nghiền ngẫm và đưa ra tư tưởng. Họ không nhận ra là mình đang đến với một cách thức cầu nguyện khác. Ở đây, một người khuyên bảo thành thạo có thể ngăn ngừa được nhiều nhiều loạn và đau khổ. Người ấy sẽ cắt nghĩa rằng đó không phải thoái bộ mà là tiến bộ. Không nhất thiết phải lập trí suy nghĩ và nói ra lời. Ta chỉ đơn giản là ở với Thiên Chúa.

### *Cầu nguyện thần bí*

Nhưng con đường hướng đến kinh nghiệm tĩnh mịch và lớn lao hơn về sự mật thiết của Thiên Chúa chưa tận cùng. Sự trầm tư, với những thăng giáng của nó hoàn toàn giống tình yêu có những lúc tươi sáng và những khi đen tối, vươn tới một mội mạc ngày càng sâu thẳm hơn, cảm giác rằng không phải bản thân ta hành động nhưng Thiên Chúa trở nên ngày càng mạnh mẽ hơn trong ta. Hình thức

cầu nguyện này được gọi là thần bí, tuy vậy chúng ta không nên để mình bị sai lạc vì thuật ngữ ấy. Nó không có ý nói tới cái gì mơ hồ âm u, mà là kinh nghiệm sự gần gũi với quyền uy và tình yêu của Thiên Chúa. Lịch sử cho thấy việc cầu nguyện thần bí thường là một tâm điểm từ đó tỏa ra hoạt động nhân ái và bao la. Một kinh nghiệm loại này được mô tả trong Isaia 6: một sự nếm trải thần bí từ đó phát sinh toàn bộ cuộc sống và sứ điệp của vị tiên tri ấy. Chương đó mô tả bằng những hình ảnh bên ngoài của phút giây không quên là nguồn suối bên trong của trọn sách Isaia, vị tiên tri ấy đối mặt với biểu thị của Thiên Chúa, còn âm vang trọn vẹn trong phụng vụ Kitô giáo, vì không nơi nào ở Phương Đông và Phương Tây mà không bắt đầu Kinh Tiền Tụng Thánh lễ với tiếng “Thánh, Thánh, Thánh” của sự nếm trải Thiên Chúa này.

111  
556-558

Lịch sử Giáo Hội cho thấy nhiều người nam và người nữ vĩ đại cố gắng truyền đạt kinh nghiệm thần bí mà họ nhận được. Trong nhiều người như Agustinô, Grêgôriô và Bécnađô, những án sủng vĩ đại của sự cầu nguyện ấy dường như không kèm theo những hiện tượng lạ thường. Với những người khác, thí dụ Têrêsa Avila và Gioan Thánh Giá thì dường như quen thuộc với những lạ thường đó. Một hệ quả đi kèm là bản thân ngưng đọng để thấy hoặc để cảm nhận. Những nhà thần bí đã trải qua các kinh nghiệm đó thì nói ít ỏi về chúng. Họ đoán chắc rằng những triệu chứng đi kèm đó không là cái cốt yếu. Chúng là những hiện tượng song đôi mà sau cùng có thể tỏ ra là trở ngại. Chúng rõ ràng cũng bị điều kiện hóa vào lúc bí nhiệm xảy ra. Nhưng dù gì đi nữa, chúng cũng cho thấy là các sức mạnh mãnh liệt đã tác động.

C. 112

Nhưng điều mà các nhà thần bí vĩ đại ấy diễn tả như một ân sủng tối thượng của cầu nguyện thì thật là điều luôn luôn khác với các hiện tượng lạ thường. Nó là điều bình thường cao quý. Terêsa Avila viết một cuốn sách trong đó con người bên trong được miêu tả như một lâu đài với bảy tòa nhà. Tòa nhà này dẫn tới tòa nhà khác càng lúc càng sâu hơn cho đến khi chúng ta đến tòa thứ bảy, nơi Thiên Chúa, nghĩa là Đức Kitô ở. Có thể cảm nhận sự hiện diện của ngài khắp lâu đài, nhưng lúc chúng ta vào tới trung tâm, sâu tận tâm điểm của thực tại, ta được tràn ngập bởi một cảm giác tĩnh lặng là được kết hiệp làm một với Thiên Chúa. Ta sống trong thực tại trần gian nhưng thực tại này đã nên rực rỡ vì ta nhận ra rằng Thiên Chúa là cốt tủy khó tả của mọi thực tại.

443 Có phải bí nhiệm luôn luôn là một kinh nghiệm cá nhân? Không nhà thần bí nào coi bản thân mình bị giải phóng khỏi sứ mệnh yêu thương nhân loại. Hơn nữa, thần bí thường thịnh hành ở môi trường tu viện, nơi những người khác nhau cùng tìm chung một hướng. Nó là điều họ thường cùng nhau nói đến. Nhưng hiếm thấy diễn tả trạng thái ngất ngây bí nhiệm tập thể. Augustinô kể trong cuốn “Tự Thú” cách mà ngài cùng mẹ mình có những phút giây nếm trải mãnh liệt Thiên Chúa lúc ở lại hải cảng Ostia của La Mã. Nếu quay về khởi thủy, chúng ta 332 thấy kinh nghiệm thần bí tập thể này vào ngày Hiện Xuống. Và những lần hiện ra dịp Phục Sinh thì vô song, 331-313 dù không nhất thiết phải tách biệt chúng khỏi lịch sử về thần bí. Trên hết, đó là những cuộc gặp gỡ với Chúa sống lại theo một kiểu thức rõ rệt là đặc biệt.

Thần bí không nhất thiết phải gắn liền với sự thánh thiện vĩ đại, nghĩa là với lòng nhân ái bao la nhất có thể được. Nhiều vị thánh dường như có ít kinh nghiệm về thần bí. Một số người không thánh thiện lắm được phú cho dồi dào kinh nghiệm này. Việc cầu nguyện thần bí không chỉ thấy có bên trong Giáo Hội Công Giáo. Trong chương Cửu độ có nói về chủ nghĩa thần bí trong Hồi Giáo.

477

Sau cùng, có câu hỏi có phải thần bí nằm ngoài tầm với của người nam và người nữ bình thường? Thần bí xảy đến trong đời sống những người mà thoát nhìn họ không có gì đáng chú ý, trừ đức hạnh lớn lao. Nhưng có thể đúng là Thiên Chúa thường nâng sự cầu nguyện của họ lên một hân hoan mộc mạc và sâu thẳm tới độ phải gọi nó là huyền nhiệm - nếu họ biết từ ngữ này. Nhưng từ ngữ ấy chỉ tạo sự khác biệt nhỏ nhoi.

*Sine dolore non vivitur in amore.* Không có gì sống động trong tình yêu mà không có đau đớn. Những người đắm chân lên cõi cao nhã của huyền nhiệm phải vượt không biết bao lần qua các thung lũng tối tăm của chao đảo và gẫn tuyệt vọng. Ngay những tín hữu bình thường hơn, những người hiểu các ngọn đồi xanh mướt ngập tràn hân hoan của cầu nguyện, đã từng vượt qua sương giá và các bình nguyên buốt giá. Cầu nguyện không là một trò tiêu khiển êm ái. Tình yêu được mang ra thử thách. Chúng ta không nên nghĩ tới các thử thách đó như những biến cố ngoại hạng. Chúng thường vô vị không ngờ: việc chán ghét thông thường đối với cầu nguyện (dù vẫn còn một ao ước nào đó về nó), còn hơn ở một mình trong môi trường của ta, chao đảo và triền miên sâu muộn.

478-1

707

“Dẫu phải qua ghềnh u tối, họa tai tôi chẳng sợ, vì đã có Người ở với tôi” (Tv. 23:4).

## Thánh Vịnh

Nếu muốn thấy mọi phong phú của thái độ con người trong nguyện cầu được diễn tả ra sao, chúng ta có thể lấy một trăm năm mươi thánh vịnh trong sách Thánh Vịnh. Một số bài nói với Thiên Chúa, trong lúc một số bài là những chiêm nghiệm về Thiên Chúa. Tất cả chứa đựng những lời than vãn, thỉnh cầu, tụng ca hân hoan và cảm tạ. Chúng ta còn thấy ở đó sự ổn định và sự bất ổn của mình. Thoạt nhìn thì ngôn ngữ lạ lùng và cổ lỗ. (Thánh vịnh xưa nhất đã ba ngàn năm). Nhưng nếu kiên trì, chúng ta sẽ thấy gần như mọi lời và hình tượng vẫn còn quen thuộc với chúng ta hôm nay: bàn tay nâng đỡ, mất tinh thức, ánh sáng hân hoan. Sách Thánh Vịnh là một bộ sưu tập những bài thơ được loài người thường đọc nhất: và đọc với cảm xúc mãnh liệt nhất! “Nếu không có niềm an ủi của các thánh vịnh làm hưng phấn, tôi đã tàn lụi trong khốn khổ của mình”, nhà thơ Vondel đã nói như thế.

Các thánh vịnh được viết trước lúc Đức Giêsu ra đời. Nhưng không vì thế mà chúng không hữu dụng cho chúng ta. Trong Cựu Ước, chúng đã có ý nghĩa sâu và rộng. Đức Giêsu đã thể hiện chúng cách đầy đủ và làm nổi bật sự  
 298  
 thật sâu xa nhất của chúng. Chúng ta nay có thể đọc thánh  
 117  
 vịnh cùng với ngài, trong ngài, cho ngài, qua ngài và về ngài. Việc này phải được thử thách bằng kinh nghiệm.

Đôi khi trong năm phút chúng ta không thể đi xa hơn một ít chữ trong thánh vịnh, lúc khác có thể nhanh chóng tiến thẳng một mạch. Lúc nào đó, mỗi người chúng ta nên chọn ra một nhóm năm hoặc sáu thánh vịnh rất mật thiết với mình, dùng thành lời cầu nguyện

riêng của mình với Thiên Chúa - nhiều thánh vịnh dùng  
 ngôi thứ nhất số nhiều. Và hàng ngày, toàn thể Giáo Hội  
 cùng nhau nguyện và hát thánh vịnh. Việc này giúp  
 chúng ta nhớ rằng trong thực tế, các Kitô hữu không  
 bao giờ tới trước Thiên Chúa mà không đồng thời mang  
 những người khác theo.

199-201  
 183-185

## CHÚA NHẬT

**K**hông phải lao động là một cảm giác gần như thiêng  
 liêng. Chúa Nhật, Ngày của Chúa được ngụ ý theo  
 cách ấy. Đó là ngày của lễ lạc, của làm một điều gì hơn  
 con người, của biết cái mà ta lao động cho, của cảm tạ  
 cái mà ta nhận. Chúa Nhật là ngày xả hơi trong bầu khí  
 của Thiên Chúa. Không phải lao động là một loại nếm  
 trải thiêng liêng. “Hưu lễ (Sabát) đã đặt ra vì người ta  
 chứ không phải người ta vì hưu lễ” (Mc. 2:27). Vì thế,  
 thời Tân Ước, Kitô hữu chọn ngày Phục sinh làm Ngày  
 của Chúa. Ngày hôm sau của Sabát, để tụ họp nhau và cử  
 hành Phép Thánh Thể, và sau đó, thực hiện việc nghỉ  
 ngơi trang trọng hàng tuần.

720

### *Ngày của Phép Thánh Thể*

Với chúng ta Chúa Nhật vẫn có cùng ý nghĩa ấy. Và  
 do đó, các Kitô hữu Công Giáo dành một giờ thanh thoát  
 cử hành Phép Thánh Thể, là cốt tủy của Chúa Nhật. Giới  
 luật Giáo Hội xác nhận việc hành lễ tuyệt vời này vì nhiều  
 người nhờ đó mà được ân sủng, vì họ hiểu lễ đó giúp họ  
 trung thực trong việc thể hiện một cử chỉ rất cụ thể hướng



về Thiên Chúa. Mỗi tuần một giờ thì không nhiều cho những ai tin rằng cuộc sống và hạnh phúc của mình xuất  
 593 phát từ bàn tay Thiên Chúa. Sự có mặt của giới luật buộc đi Lễ Chúa Nhật không có nghĩa ta dự chẳng phải vì yêu thương. Giới luật thường là một bảo đảm chống lại lười biếng và sợ ý. Nó để ta tự do thực hiện việc ta thấy là nổi hân hoan thật sự của mình.

Chúng ta không cần đo đức tin của kẻ khác qua việc siêng năng đi nhà thờ của họ. Nếu một lúc nào đó, một  
 Kitô hữu quờ quạng về các giá trị của Chúa Nhật và không giữ giới luật tuyệt diệu này, chúng ta không nên đưa lời xét đoán về sự giữ đạo của người ấy. Có thể là, thí dụ, một thanh niên đang thử phá thông lệ. Người ta mưu tìm một động cơ nào đó có giá trị khác, và do đó, người ta bỏ  
 Lễ một số Chúa Nhật. Nhưng cũng có thể người ta tránh không muốn trông cậy vào Thiên Chúa và lòng bao dung  
 740-745 của ngài. Nhiều trường hợp như thế. Nhưng không ưa những ai thường đi nhà thờ thì gần như là một động cơ xấu. Chẳng khác gì ý nghĩ rằng kẻ trốn học thì tốt, trong lúc những người khác thì không.

Nên làm gì khi con cái đang lớn, có thể tới lúc nào đó chúng từ chối đi Lễ Chúa Nhật. Vấn đề này được thảo luận bằng lối nói thông thường hơn trong mục “Trở lại” và “Giáo dục để độc lập”. Ta nên cho con cái thấy rõ là ta xem vấn đề này rất nghiêm trọng, dù không cuồng tín.  
 400-403 Đồng thời đức tin vào Đức Kitô thì tự do, không bị thúc ép. Khi còn có các đứa em nhỏ nữa, thì yêu cầu những  
 669-671 đứa lớn nếu chúng hầu như hoàn toàn từ chối đi lễ, thì giữ kín trong lòng chúng.

### *Ngày nghỉ ngơi*

Chúa Nhật là ngày lễ và là ngày nghỉ ngơi. Lối nói “làm việc xác” được dùng từ thời sơ khai chỉ rõ điều phải tránh trong Chúa Nhật, để giữ đặc điểm riêng của nó. Việc xác nghĩa là việc chân tay nặng nhọc, thí dụ đào xới hoặc đóng búa, chạy máy nặng, vân vân. Ngày nay chúng ta không thấy quá mủi lòng trước “việc xác”. Nhưng cần nhớ rằng đối với những người giúp việc, những người lao động chân tay và đồng áng thì điều bảo vệ có tính cách xã hội đó có ý nghĩa trọng đại, nên Giáo Hội ngăn cản họ làm việc một ngày mỗi tuần. Những công việc nhẹ nhàng hơn như sơn, kế toán, và vân vân, được coi như hợp luật.

Nhưng thời buổi này càng khó phân biệt rạch ròi. Có thể nói tổng quát là chớ nên làm bất cứ việc gì gây xáo trộn không khí chung của Chúa Nhật. Nghỉ ngơi Chúa Nhật là một việc công cộng và xã hội. Cá nhân không giữ Chúa Nhật cho bằng gia đình và xã hội. Làm việc nhà mà nặng nhọc thì có thể ngược với tinh thần ngày này, làm việc lật vật trong nhà thì được. Trẻ con cũng cần những giới luật khác với người lớn. Giới hạn được đặt ra trong cảm giác chung của chúng ta và cảm xúc thông thường.

Trên thực tế, cần lưu ý đến cảm giác nghỉ ngơi của người khác. Không có lí do gì để không thực hiện, trừ phi họ đưa ra những đòi hỏi điên khùng, thí dụ, chúng trên thực tế được đưa ra bởi những ai khăng khăng đòi đem giới luật của giao ước cổ đại vào việc này. Tuy thế, chúng ta nên dời qua ngày thứ Bảy bất cứ việc gì không thích hợp làm trong Chúa Nhật.

Chúa Nhật do đó là ngày ta có thể đi sâu hơn vào ý nghĩa sự sống và những hân hoan của nó. Cùng với Thánh Lễ, có thể có một bài giảng (“phụng vụ lời Chúa”) hoặc rửa tội vào buổi chiều. Chúa Nhật có thể là ngày đọc sách để vào sâu hơn các ý nghĩa đó, hoặc thăm viếng bạn hữu, ở với vợ con mình, cả nhà đi chơi... Là ngày mà người cha có thể lắng nghe điều con cái phải nói lên, hoặc người vợ có thể săn sóc chồng hơn. Không phải ngày thư giãn ích kỷ, đòi hỏi tiện nghi và bù đắp nhiều hơn cho mình. Ai mà giữ thái độ ấy thì sẽ thấy mọi sự đều quấy rầy mình. Chúa Nhật đúng hơn là một ngày cảnh giác và chú tâm. Nó nên là một ngày nồng nhiệt hơn những ngày còn lại trong tuần, đặc biệt nồng nhiệt yêu thương. “Nơi nào có tình yêu và thiện ý, ở đó có Thiên Chúa”.

## LỜI HẰNG SỐNG

111-313 **N**hững lần hiện ra sau Phục Sinh cho thấy Chúa muốn luôn luôn ở lại giữa chúng ta ngàn nào. Do đó, trong phúc âm Luca, Chúa sống lại cất nghĩa Kinh Thánh bằng lời của chính ngài. Ngài muốn cùng ở lại với chúng ta qua lời ngài. Và chúng ta có thể luôn luôn cảm giác giữa chúng ta có âm thanh của giọng nói ngài và mục đích của Thánh Linh ngài, bằng Cựu Ước và Tân Ước. Lời ở 117 giữa chúng ta như một biểu hiệu nghiệm phát xuất 352 từ Chúa, giống những biểu tượng sự sống khác mà ngài ban, là các bí tích - mà thực tế không thể cử hành nếu không có lời Chúa. Bởi thế, cũng có thể nói có “bí tích 122-130 lời Chúa”.

### *Sách gia bảo dụng*

Cũng như bảy bí tích, chúng ta nhận ra lời Chúa trong cộng đoàn Giáo Hội. Đây hoàn toàn là vấn đề cộng đoàn. Hãy nhìn vào cuộc sống của Giáo Hội tiên khởi. Cuộc sống ấy được lời Đức Giêsu an ủi do các nhân-chứng-mục-kích trao tận tay: “Chúa đã nói...” hoặc dùng hơn, <sup>253-254</sup> có thái độ mềm mỏng hơn: “Chúa nói...” Ngài là Chúa hằng sống. Qua Thánh Linh ngài, ngài nhắc nhở các Kitô hữu điều ngài đã nói, dạy họ rằng ngài còn muốn nói.

Lời giảng dạy ấy được ghi lại ở nhiều nơi trong nhiều lúc. Cùng với truyền khẩu mà từ đó các tường trình thành văn được viết xuống. Các văn bản ấy thuộc về cộng đoàn, phát sinh từ cộng đoàn. Nhiều năm sau, khi có những cuốn sách kì quái và dị giáo về Đức Giêsu lưu hành, Giáo Hội quyết định các sách nào là đáng tin. Giáo Hội đã thiết <sup>356</sup> lập qui điển, nghĩa là lập danh mục chính thức các sách Tân Ước, như ta thấy ngày nay. Lúc ấy khoảng năm 150 sau C.N.

Khi hỏi tường lại việc ấy, ta thấy đó là một biến cố rất đáng quan tâm. Cộng đoàn thẩm quyền giáo huấn đưa ra phán quyết về Kinh Thánh - quyết định sách nào thuộc về Kinh Thánh hoặc không. Có phải Giáo Hội làm thế vì đã thẩm tra cẩn thận những sách nào đáng tin chứa đựng truyền thống không? Quả thật Giáo Hội đã thẩm tra cẩn <sup>347-349</sup> thận, được định hướng bởi việc các sách dùng trong Giáo Hội và đặc tính tông truyền đầy thuyết phục của nội dung các sách ấy. Nhưng sự chắc chắn tối hậu không phát sinh từ việc khảo sát. Nó xuất phát từ quyền năng của Giáo Hội. Nói cách khác, nó xuất phát từ niềm xác tín rằng

603-605

trong những quyết định trọng đại như thế, Giáo Hội không bị Thánh Linh Đức Giêsu ruồng bỏ. Khi Giáo Hội công bố minh bạch như thế, qua một công đồng cũng tụ họp với người kế vị Phêrô, hoặc qua phát biểu của một mình người kế vị Phêrô (nhưng không bao giờ tách biệt với các giám mục khác), chúng ta tin rằng Thánh Linh Thiên Chúa không làm chúng ta lạc lối.

Mặt khác, nếu Giáo Hội có thể minh bạch phát biểu nhân danh Thánh Linh Thiên Chúa thì có phải không cần tới Kinh Thánh nữa không? Ngược lại, Giáo Hội biết - vì Giáo Hội quyết định như thế vâng theo lệnh Thiên Chúa - rằng Kinh Thánh chứa đựng những luật lệ và định chuẩn căn bản của Giáo Hội, lời Thiên Chúa xuất phát từ Kinh Thánh không thể sai lạc một đường tơ sợi tấc.

Tất cả những điều trên có nghĩa rằng Kinh Thánh thiêng liêng là sách gia bảo dụng của Giáo Hội. Nếu sách này bị tách rời khỏi Giáo Hội, sẽ phát sinh nhiều khủng hoảng lớn lao. Giấy buộc sống còn bị đứt. Đây là thảm kịch của tông phái Cải Cách (Tin Lành). Từ khi Giáo Hội phủ nhận thẩm quyền của phái đó trong việc diễn giải Kinh Thánh như một tòa án được bảo đảm bởi Thánh Linh Thiên Chúa, thì lời Thiên Chúa được hiểu theo nhiều cách thức cá biệt nhất, và nhiều cộng đoàn hội thánh phát sinh, mỗi cộng đoàn có một lối giải thích riêng.

### *Lời Chúa trong Tin Lành*

Trong khi thảo luận về vấn đề này, chúng ta nên nói đôi lời về vị trí mà Kinh Thánh giữ trong tâm trí của người Kitô hữu Tin Lành.

1. Kinh Thánh thiêng liêng không mất uy lực bên ngoài Giáo Hội Công Giáo. Sách ấy vẫn là lời an ủi của mạc khải của Đức Giêsu. Tựa phép rửa tội, căn cứ vào học thuyết của Giáo Hội Công Giáo, cũng hiệu nghiệm giữa các Kitô hữu khác, Giáo Hội cũng thế, công nhận rằng những Kitô hữu đó lắng nghe lời Thiên Chúa.

2. Xem xét kĩ hơn, dường như người Tin Lành cảm thấy hạnh phúc cùng nhau hơn với Kinh Thánh. Thí dụ, họ trở nên đồng đạo của Giáo Hội (nghĩa là những người ngay lành theo truyền thống của Đức Kitô), và cũng là truyền thống truyền khẩu có thẩm quyền. Tin Lành không chỉ có tính cách kệ sách. Đã nói ra điều ấy thì phải phác họa. Các tín đồ Tin Lành trẻ tuổi không tìm sách Kinh Thánh ở thư viện, bên vệ đường hoặc từ trời rơi xuống. Họ nhận từ cha mẹ mình hoặc người rao giảng - tóm lại, qua cộng đoàn sống động từ đó họ rút ra các bài đọc và lời diễn giảng. Không có gì phải hổ thẹn về điều này. Ngược lại, nó có nghĩa lời Đức Kitô không tách biệt với sự hiệp thông của Giáo Hội nói phôi và sống động.

3. Do đó, các Giáo Hội Tin Lành và ngay cả các nhóm, hội không bị bỏ mặc không có Đức Kitô, không có Thánh Linh ngài. Họ tiếp tục duy trì và phát triển chân lí và đức hạnh của Kitô giáo. “Đời sống Kitô hữu của các anh em ấy được nuôi dưỡng bằng đức tin vào Chúa Kitô và được duy trì nhờ ân sủng của phép Rửa và nhờ nghe Lời Thiên Chúa. Đời sống ấy biểu lộ trong kinh nguyện riêng, trong việc suy niệm Thánh Kinh, trong đời sống gia đình Kitô giáo, trong việc phụng tự của cộng đoàn tụ họp để ngợi khen Thiên Chúa” (Công đồng Vatican II, *Sắc lệnh Về Hiệp Nhất*, số 23).

Có phải điều ấy có nghĩa, như đôi khi được nói, rằng không quan trọng gì việc ta là Tin Lành hay Công Giáo? Và rằng mọi vấn đề không phải là chỉ có một Đức Kitô độc nhất sao? Điều này thường do người không phải Kitô hữu nói ra nên chỉ có tác động hơi hợt bên ngoài. Nó cũng có thể được nói ra do những người rõ ràng là ít nhất không nắm cách trân trọng toàn bộ thông điệp của Kinh Thánh. Ít nghe điều ấy hơn từ những người nỗ lực để lệ thuộc vào Thiên Chúa hết lòng và hết linh hồn mình - dù Tin Lành hoặc Công Giáo. Những người cố gắng giữ sự chú tâm thật sự vào lời Đức Giêsu và cố gắng sống trong Thánh Linh ngài, xem... dĩ nhiên là chỉ có một Đức Kitô độc nhất. Họ nhận ra lời Đức Giêsu trong những người khác. Đồng thời họ cũng thấy rõ rệt có sự khác biệt. Loài người không hiệp nhất bằng cách phủ nhận sự có mặt của các khác biệt, nhưng bằng cách khắc phục chúng. Đã nói nhiều hơn về điểm này trong chương nói về những phân li trong Giáo Hội.

17.1-385

4. Tuy nhiên, cũng cần phải nói thêm ở đây. Việc nhiều người nhận biết Đức Kitô bên ngoài cộng đoàn Công Giáo không phải là không để lại ảnh hưởng cho Công Giáo. Không giống như một cây tiếp tục tăng trưởng cách huy hoàng như thế chẳng có gì xảy ra. Ở đây để lại một vết thương, một lỗ trống. Các yếu tố nhất định của sự sống phát triển bên ngoài Giáo Hội Công Giáo. Giáo Hội bỏ lỡ những thành tố hội thánh mà có lẽ làm giàu cho Giáo Hội. Vào thế kỷ mười sáu, Giáo Hội cảm thấy mất Luther như mất một tiên tri và một tiến sĩ của Giáo Hội. Sự mất mát ấy hoàn toàn lớn lao vì chính Giáo Hội tỏ ra lưỡng lự về các giá trị nhất định mà đơn thuần là vì

do người Thệ phán (Cải Cách - Tin Lành) nhấn mạnh, chẳng hạn như một tính chất tâm linh nhất định có tính thần Kinh Thánh, những nét đặc thù nhất định trong phụng vụ (như dùng tiếng bản xứ), trách nhiệm cá nhân nhất định về đức tin và một tự do nhất định - và cả một âm nhạc nhất định: các sách thánh ca Tin Lành.

Do đó không chỉ Tin Lành cần được đánh giá kỹ lưỡng như một nỗi đau xuất phát từ sự mất mát chân lý của Giáo Hội, Giáo Hội Công Giáo cũng cho thấy các dấu vết không khai thác đầy đủ những chân lý của Tin Lành. Điều này làm cho "chính Giáo Hội cũng cũng diễn tả khó khăn hơn tính cách công giáo đầy đủ của mình dưới mọi khía cạnh trong đời sống thực tế" (Công đồng Vatican II, *Sắc lệnh về Hiệp Nhất*, số 4). Chúng ta có thể nói cách vô tư là lúc này có lẽ Giáo Hội không nghĩ rằng mình có khả năng cuốn hút Tin Lành. Tất cả chúng ta phải cùng nhau tiến triển hướng về một Công Giáo mới, nghĩa là một Giáo Hội phổ quát. Điều này không có ý nói một Giáo Hội trong đó rường cột chân lý của Đức Kitô bị pha loãng, nhưng là một Giáo Hội mà các hình thức và các quan điểm không cốt tủy sẽ được biến đổi và nhào nặn lại. Chúng ta cần nỗ lực dần dần để học biết rằng nỗi vui mừng không chỉ xuất phát từ việc trình bày chân lý cho nhau mà còn nhìn vào chân lý của nhau và tiếp nhận chân lý phát xuất từ nhau. 0103-6105

Chúng ta biết rằng mình không bao giờ sở hữu một chân lý đóng gói gọn gàng đặt trong ngăn để hành lý đang đầy nấp. Thời đại luôn luôn đổi mới, Giáo Hội phải luôn luôn luôn tìm sâu thêm nữa quan điểm của Thiên Chúa về thế giới loài người. Kinh Thánh luôn luôn đầy ắp sự



sống mới. Điều chúng ta, cũng như mọi người Công Giáo, biết rằng định hướng mình đang đi là đúng. Các bằng chứng được cảm chính xác. Đó là sự tin tưởng mà chúng ta có trong Thánh Linh dẫn dắt Giáo Hội suốt các thời đại.

193 606

Chúng ta có nói đến hai hình thức lời Đức Kitô vang lên giữa chúng ta: lời hằng sống của Kinh Thánh thiêng liêng và lời của cộng đoàn sống động là Giáo Hội. Thật đáng buồn trong dịp như thế này lại phải nói về sự phân li trong các Kitô hữu. Nhưng chúng ta phải đối mặt với những khó khăn ấy. Đức Giêsu cũng đã phải thảo luận các vấn đề Kinh Thánh và bảo vệ thẩm quyền của sứ mệnh ngài. Nhưng mong ước là thế gian có thể thấy chúng ta ít phân li hơn, và ngày càng tác động. “Sự hợp tác của tất cả Kitô hữu nói lên một cách hùng hồn tình liên kết đang thắt chặt họ lại với nhau và biểu dương khuôn mặt Chúa Kitô Tội tử cách rực rỡ hơn” (Công đồng Vatican II, *Sắc lệnh Về Hiệp Nhất*, số 12).

### *Các môn phái*

Chúng ta chưa nói đến các môn phái. Bằng tiếng ấy, chúng ta muốn đề cập đến các nhóm Kitô hữu không cảm thấy thoải mái ở trong cả Công Giáo lẫn các cộng đoàn hội thánh Tin Lành. Ở đây không đủ chỗ để thảo luận rõ ràng và đầy đủ về các phong trào ấy. Chúng tôi muốn chỉ đọc giả tới các tác phẩm văn học về đề tài này đang lưu hành.

Tổng quát, có thể nói một trong các đặc điểm gợi cảm của các môn phái ấy là diễn giải Kinh Thánh rất sát

nghĩa đen theo từng chữ trong khi chỉ chủ yếu tham gia vào một vài khía cạnh của thông điệp Kinh Thánh. Thông thường họ tập trung cao độ vào việc sắp trở lại của Chúa. Họ hầu hết tuyển lựa các tín hữu đang có đức tin giản dị. Gần như họ làm thành các nhóm nhỏ, không chấp nhận chức năng tư tế chuyên biệt của bất cứ thành viên nào. Bất cứ ai cũng có thể đứng ra đảm trách và mọi người có thẩm quyền ngang nhau. Vài môn phái, như Nhân Chứng Giêhôva có khuynh hướng chống lại xã hội, chống lại các Giáo Hội và các cộng đoàn hội thánh hiện hành. Mặc Môn (Mormon) và những người Cơ đốc Phục lâm (Seventh Day Adventists) cũng là môn phái, và còn nhiều nữa. Không phải lúc nào cũng có thể gọi Phong trào Hiện Xuống là một môn phái. Phong trào này gồm những nhóm có tính cách hội thánh hơn, nhấn việc phúc âm hoá và tái tạo niềm tin. Đôi khi họ có những vận động đại kết mà không thấy có trong các môn phái khác.

117-119  
173-176

Sự hiện hữu của các môn phái, mà không thể giải thể cách nhẹ nhàng, là một thử thách cho Giáo Hội. Họ dường như cố gắng hiện điều được nhiều người biết tới, mà lại thiếu trong Giáo Hội - một cộng đoàn chặt chẽ cấp địa phương, với các cơ hội chia sẻ, nhiệt tình và tự hiến. Các môn phái được mô tả như những hoá đơn chưa thanh toán của Giáo Hội. Họ được làm thành bởi những người đã và đang chịu đựng lễ thói có tính cách thủ tục và một chiều có trong mọi thời của Giáo Hội. Các môn phái tìm cách giải quyết vấn đề ấy bằng việc thiết lập các nhóm rời rạc hoặc những người ít cách biệt nhau nhất. Nhưng đây có phải cách phục hưng có kết quả tốt? Câu trả lời đầu tiên là nhìn vào các cộng đoàn tu hội và các nhóm

388-389  
671-684

khác tự đặt căn bản trên những lời khuyên của phúc âm. Đó là những nỗ lực cùng sống với nhau trong tương quan bình đẳng trước Thiên Chúa. Không bằng kế ước và vì không có hôn nhân nên không ai mới sinh ra đã là thành viên, mà chỉ bằng thiên hướng và cải biến. Các cộng đoàn tu hội với những hình thức tinh thần khác nhau là một đáp ứng niềm ao ước liên tục được, bằng từng nhóm nhỏ, sống thông điệp Chúa cách tươi nguyên và mãnh liệt. Chúng cùng ứng cơ hội cụ thể tận hiến cho Thiên Chúa và nhân loại. Tổng quát, ta chỉ có thể hi vọng rằng họ sẽ rút ra được niềm hứng khởi từ cuộc sống hằng ngày của tín hữu, liên tục canh tân bản thân và bảo tồn được như thuở ban đầu. Lúc ấy, họ sẽ là men thiêng liêng trong Giáo Hội sống động và là tiếng gọi gọi tới các Kitô hữu để nhận ra bằng các hình thức thích hợp sự tự hiến và nỗi hân hoan của cộng đoàn đầu tiên ở Giêrusalem.

### *Lời Chúa là lương thực mọi thời*

Ngoài vấn đề lời Thiên Chúa có ý nghĩa như một toàn bộ, những nét chính yếu được đề xuất bởi thẩm quyền giáo huấn, còn có vấn đề về ý nghĩa của Kinh Thánh: lúc này và tại chỗ, lời Thiên Chúa nói gì với tôi và với chúng ta? Kinh Thánh là một cổ thư, ngôn ngữ trịnh trọng và xa cách. Làm thế nào tái hiện thông điệp Đức Giêsu trong thích đáng và liên tục cho mọi thời.

Ở đây cũng thế, câu trả lời căn bản phải là: trong cộng đoàn. Ở đó lời được giải thích và phân phối, như bánh được bẻ và phân chia. Ngôn ngữ của Thiên Chúa được diễn tả thêm lần nữa bằng lời lẽ hiện đại và các lối nói tươi mới. Đây cũng là cách Đức Giêsu nói trong Giáo Hội.

Chẳng hạn diễn giải hiện đại cho thấy làm thế nào Cựu Ước là một chuẩn bị sẵn cho Đức Giêsu. Chúng ta thấy cách mà sự hoàn thành đã tiềm ẩn bên trong - như hoa dầu mình trong búp. Có thể nhìn các trình thuật Cựu Ước như những biểu tượng cho công cuộc của Đức Giêsu. Đức Giêsu đã liên tục ám chỉ tới chúng trong ý nghĩa ấy. Giáo Hội làm chúng được dùng tới cho tới tận cuối. (Xem thêm mục “Ý nghĩa tâm linh của Kinh Thánh”).

117 119

Ở mục ấy, chúng ta đã thấy là mình đã được chứng minh rằng lời Thiên Chúa là lời Đức Kitô. Toàn bộ Kinh Thánh, gồm Cựu Ước, thành một thông điệp hơn bao giờ hết về ngài vì ngài đang đến. Qua ngài, vạn vật xa cách và vật chất trong trật tự cũ trở nên sâu xa, gần gũi và có tính cách tâm linh trong trật tự mới. Manna lúc này là thân mình ngài ban cho chúng ta. Đất hứa là lời ngài hứa với chúng ta. Tiếng kèn đồng lạnh lạnh là cái chết sinh ích của ngài cho nhân loại. Cấp thẩm quyền giảng huấn của Giáo Hội thăm dò cổ thư bằng cách ấy để làm thành mới và thích đáng cho chúng ta.

535

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là việc hiện đại hóa luôn luôn là việc tâm linh hóa. Một số người để vượt điểm này, lúc đó chiến tranh trong Cựu Ước bị nhìn như những cuộc chiến chúng ta đang đánh nhau. Tuy thế, trong Tân Ước, cuộc chiến lớn lao không phải chống lại loài người, mà là chống lại các sức mạnh sự dữ trong bản thân mình và người khác. Đây là ý nghĩa căn bản của chiến tranh trong Cựu Ước. Người ta đôi khi cũng nghĩ rằng lời nguyên rửa xuống trên Ham và con trai trưởng là được đưa ra theo ý nghĩa vật thể của nó. Những kẻ buôn nô lệ cầu viện Kinh Thánh bằng cách trích dẫn: “Nó sẽ là nô

lệ tệ hại nhất cho anh em nó” (St. 9:25). Viên thế là quên Tân Ước nói rằng mọi người đều là nô lệ của tội lỗi nhưng được cứu rồi nhờ ân sủng, đến nỗi không còn nô lệ hoặc tự do trong cái nhìn của Đức Giêsu mà chỉ là những thụ phẩm mới. Do đó, bằng cách ấy và qua Tân Ước, toàn bộ Kinh Thánh thành thông điệp về Đức Giêsu. Nghĩa mặt chữ - vốn chết - thành tâm linh. (Ở đây, chúng ta có thể đọc những lời cân nhắc tuy khó đọc nhưng sinh động sâu sắc của Phaolô trong 2 Cr. 3:6-18).

Nhưng ngay cả Tân Ước cũng cần được đọc liên lỉ một lần nữa (lúc ấy có thể thấy là lạ lùng) bằng cách làm cho thích đáng và hợp thời. Chính trong Tân Ước có thể cũng dính dáng tới nghĩa mặt chữ chết. Cách giảng dạy của chúng ta cho thấy mỗi trích đoạn được nói tới như thế nào. Người què được chữa lành. Mà việc ấy với chúng ta có ý nghĩa gì? Chính Đức Giêsu gọi ra trong lúc chữa trị rằng tội lỗi là sự tê liệt lớn nhất và ngài đến để chữa trị nó, Đó là cùng đích và đối tượng của sự ngài đến, và nó vẫn còn liên quan tới chúng ta.

Liên đó hoặc về sau, chúng ta phát hiện mỗi trang Kinh Thánh đều liên quan tới mình. Tôi là Adam, tôi ở trong gia đình Noe, tôi là các Tông đồ trên mặt hồ bão tố, tôi, giống Đức Giêsu, đang trên đường lên Canvê và sống lại.

Do đó, lúc chậm rãi đi vào lời Thiên Chúa, chúng ta khám phá cuộc đời mình xuất hiện như thế nào dưới mắt Thiên Chúa, những chiều kích thật sự của cuộc đời mình là gì. Chúng ta có thể thấy mình sống an toàn, hiểm nghèo, tội lỗi, yêu thương biết bao và được tràn ngập ân sủng lớn lao biết bao.

Việc giảng dạy không thể tuyên bố ý nghĩa sâu xa 105  
 ấy của Kinh Thánh trừ phi cũng tuyên bố là các biến cố  
 ấy thật sự xảy ra. Đó cũng là điều mà tiếng hét đầu tiên  
 của sứ giả thực hiện, kerygma (lời rao giảng) đầu tiên  
 (xem mục “Bằng chứng xưa nhất về Đức Giêsu”). Đức  
 tin Kitô giáo không là huyền thoại. Nghĩa là, không là 351-352  
 một loại truyện thần tiên gồm những chân lí sâu xa về  
 cuộc sống con người mà không có những sự kiện công  
 khai và chính thức đã xảy ra trong lịch sử. Kinh Thánh  
 chứa đựng thực tế có giá trị cho chúng ta vì nó chứa đựng  
 những sự việc đã thật sự xảy ra. Ngôn ngữ các câu chuyện  
 kể lại đó thì thật sự hòa trộn với thực tế không diễn tả  
 được của biểu thị của Thiên Chúa trong lịch sử. Khi đọc  
 Kinh Thánh, chúng ta cố gắng diễn cảm cách trung thực 105  
 những căng thẳng, tầm quan trọng và những xúc động 351  
 bên trong bài đọc. Bằng cách ấy, chúng ta có thể hoàn  
 toàn với tới cách dễ dàng và thích đáng các yếu tố có  
 giá trị cho chúng ta và đối với lịch sử thật sự (là kinh  
 nghiệm không diễn tả được) của thời đó.

### *Chăm lo của Giáo Hội cho việc rao giảng* 603-605

Dĩ nhiên, không thể đòi hỏi sự chấp thuận từng chữ  
 diễn giải trong toàn thể Giáo Hội. Nhưng rõ ràng là có  
 đưa ra sự thận trọng tới độ việc giải thích chính thức được  
 gắn liền với thẩm quyền giáo huấn. Việc này được thể  
 hiện như sau. Trước hết, người rao giảng bước lên tòa  
 giảng phải là thành phần có trách vụ phụng vụ, phải được 603-605  
 phép của giám mục địa phương, nghĩa là của người kế vị  
 sở tại các Tông đồ. Thêm nữa, người đó phải được phong  
 chức phó tế hoặc linh mục. Nhưng nếu có một tín hữu

597-599

không được phong chức giảng một bài mà có phép của linh mục sở tại thì không nhất thiết bị coi là vi phạm qui định truyền thống. Mất xích này với hàng giáo phẩm, và như thế với toàn bộ, bảo vệ Kitô hữu chống lại những diễn giải có thể có những lời ngược lại Thánh Linh Thiên Chúa. Trong việc này, trách nhiệm của giám mục rất lớn. Việc diễn giải chính thức qua các linh mục và phó tế là qui tắc cho việc trình bày thông thường hơn trong các sách vở, tạp chí, bài dạy, hiệp hội thần học, hội đoàn kinh thánh và những thảo luận bình thường với những người khác tín ngưỡng. Nó cũng là qui tắc chỉ đạo cho những thẩm tra sâu xa hơn của chính ta về cái ta đọc trong Kinh Thánh dưới ánh sáng đức tin.

Do đó, việc đọc và thảo luận Kinh Thánh bên ngoài phụng vụ của ta, trong gia đình, tu viện, câu lạc bộ hoặc một mình có thể được bảo đảm có sự phù trợ của Thánh Thần Chúa. Về những đường nét lớn của thông điệp, ta biết là ta được làm một trong hiệp thông với Giáo Hội tràn đầy Thánh Linh. Về ý nghĩa lời Thiên Chúa trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có thể tin tưởng rằng Thánh Linh Đức Giêsu sẽ chiếu sáng và làm bừng nóng chúng ta khi tự mình ta thăm dò Kinh Thánh. Chúng ta không nên sợ áp dụng lời Chúa cách riêng tư cho chúng ta. Trong việc dạy lẽ đạo, đã có tục lệ xa xưa dứt khoát cảnh cáo giáo dân chống lại việc diễn giải riêng tư - thật ra chống lại sự thẩm tra tự do nhằm cất nghĩa những đường nét lớn của thông điệp tách biệt khỏi tình trạng chung của Giáo Hội. Nhưng việc ấy khiến nhiều tín hữu sợ tìm kiếm sự an ủi cá nhân và sự hiểu biết tinh thần trực tiếp từ nguồn suối lời Thiên Chúa. Chúng ta cần có tự tin rằng

điều tự nhận ra được sẽ củng cố mình đi cùng với sự diễn giải của mình có thể có khả năng cải thiện.

Hiện nay có nhiều sách và tạp chí rất hay có sẵn cho việc học hỏi Kinh Thánh. Chúng có tạo ra khó nhọc nào đó lúc khởi sự nhưng kết quả thường là bình an lớn lao.

### *Lời Chúa và cộng đoàn*

Khi đọc Kinh Thánh với con mắt đức tin, chúng ta cảm thấy một trong các sức mạnh lớn lao từ lời Chúa tuân tràn đến: tới độ làm chúng ta nên một. Trong ngày Hiện Xuống đầu tiên, ba ngàn người - thuộc nhiều quốc tịch khác nhau- được hiệp nhất bởi lời Phêrô nói trong Đức Thánh Linh. Việc này đối lập với việc xảy ra ở tháp Baben. Lời Thiên Chúa còn giữ gìn sự hiệp nhất ấy. Chúng ta không lắng nghe trong tách biệt, mỗi người thỉnh lặng tập trung vào tiếng nói trong tâm hồn mình. Cùng nhau lắng nghe tiếng nói của đấng đang có mặt vì tất cả chúng ta. Giáo hội là một toàn bộ, giáo xứ nơi ta nghe là một cơ ngơi tôn giáo mà ở đó chúng ta cùng nhau thờ phượng, cả trong xã hội nhỏ của người đàn ông và vợ mình cùng đọc Kinh Thánh buổi tối, cả hai đều hiểu là bởi lời Thiên Chúa mà họ đang hiệp nhất mật thiết hơn trong tình yêu của Đức Kitô và trong tình yêu nhau.

Điều này không có nghĩa lời tự động tác động. Một số Kitô hữu tưởng tượng trong lời có một thứ phép thuật nào đó. Nếu chỉ việc cao giọng đọc Kinh Thánh mà xảy tới điều tốt; nếu Kinh Thánh chỉ để bán thôi thì sự thiện đã được thực hiện. Nhưng chuyện ấy không đúng. Kinh Thánh là sách của Giáo hội. Nghĩa là, trước khi được phép



thốt lên lời Chúa thì phải hiệp thông, một mối ràng buộc chung, một sự cùng chia sẻ tinh thần nhất định. Điều này cũng đúng khi ứng xử với người ngoài Kitô giáo. Khi chúng ta nói lời Chúa lên, ở đó phải có ý nghĩa nào đó và thực tại của cộng đoàn. Nhiều khi Thánh Linh Đức Giêsu có mặt thật sự lúc chúng ta nói chuyện thời tiết mà giao tiếp được với một người cô độc còn hơn lúc chúng ta dẫn ra một bài hay đẹp của Kinh Thánh. “Nơi miệng đưa ngu, danh ngôn cũng hồng, bởi nó nói không nhằm lúc” (Hc. 20:220). Một số người có thể đưa ra lời an ủi thẳng từ Kinh Thánh mà không có vẻ giả tạo. Chúng có thể giúp ích lớn lao vào những lúc ấy. Do đó, lời Chúa là điều hằng sống trên môi vô số Kitô hữu. Lời Chúa giống như mưa rơi chưa khô trước khi hoàn thành sự nảy mầm và sự sống mới cách nhẹ nhàng.

Có thể thêm vào đây danh ngôn của Erasmus, một người hóm hỉnh và là một nhà văn hài hước, có thể giúp chúng ta giữ được quân bình lúc cần thiết: “Ngày nay có những người cố tỏ ra rằng mình cực kỳ khôn ngoan và hóm hỉnh bằng cách biến những lời sâu sắc và mầu nhiệm của Kinh Thánh thành lời chế diễu rẻ tiền. Đó không phải là thiếu văn hóa. Đó là thiếu lòng mộ đạo.”

### *Phụng vụ lời Chúa*

Chúng ta không thể kết thúc chương này mà không nói một lời về khía cạnh xã hội của lời Chúa, là sự có mặt của lời trong phụng vụ. Có những hình thức thờ phượng mà sử dụng lời tách biệt với phụng vụ. Cầu nguyện, hát thánh ca, đọc, trưng bày, đều mang lời Thiên Chúa đến với chúng ta. Phụng vụ lời Chúa chính thức

cho mọi tín hữu là lúc bắt đầu Thánh Lễ. Giống với lễ Vượt Qua là một lễ tưởng niệm gồm câu chuyện vượt thoát khỏi Ai Cập cùng việc ăn chiên quá hải, phụng vụ <sup>281-282</sup> lời Chúa cũng thế, đặt trước phụng vụ tiệc thánh, để nhắc nhở điều Thiên Chúa đã hoàn thành giữa chúng ta. Phụng vụ lời bắt đầu bằng một bài hát và lời cầu nguyện nhập lễ, tiếp theo bởi hai hoặc nhiều hơn các bài đọc từ Kinh Thánh. Bài đọc chót luôn luôn trích từ một trong bốn cuốn Phúc âm, và cộng đoàn đứng lên vì đó là “tin mừng”. Các bài đọc khác trích từ những phần khác nhau của Cựu <sup>254</sup> Ước và Tân Ước, thường là một trong các thư gửi tín hữu của các Tông đồ (do đó có nhan đề của chúng là “Thư gửi tín hữu”). Giữa các bài đọc, có một bài ca lấy từ thánh vịnh. Việc hồi tưởng qua Kinh Thánh công trình vĩ đại của Thiên Chúa này chỉ hoàn tất lúc chúng ta khám phá những công trình ấy tiếp tục sống động trong chúng ta như thế nào. Do đó, tiếp theo phúc âm là bài giải thích - bài giảng.

Các bài đọc sách và bài giảng hợp thành cao điểm đầu tiên của nghi thức phụng vụ Thánh Thể. Bầu khí lúc đó là để lắng nghe chăm chú. Tránh tất cả những gì có thể khuấy động sự yên tĩnh, nên việc lạc quyền chỉ diễn ra trước phần lễ qui.

Nghe là một hoạt động. Hồi tưởng công trình của Thiên Chúa và tái phát hiện trong bản thân ta không là trình diễn máy móc và thụ động như tình cờ bật máy vô tuyến truyền thanh. Chúng ta cần nhẫn nại và đức tin. Dù chúng ta chỉ thú vị lúc thỉnh thoảng có người có tài ăn nói xuất hiện trên tòa giảng. Nhưng vấn đề là rút ra được điều gì từ một người giảng bình thường, ngay từ một linh

mục ít có tài ăn nói và đứng ra chỉ là người ít hứng khởi. Giả dụ như có vị trình bày khoa trương hoặc tầm thường, trí thức hoặc ít học, mà nếu chúng ta mở tai và mở lòng ra thì sẽ nghe Chúa đang nói với mình.

Vào Chúa Nhật hoặc trong các ngày lễ trọng, sau bài giảng, phần phụng vụ lời kết thúc bằng tuyên xưng đức tin (Kinh Tin Kính), đọc hoặc hát chung. Đó là câu trả lời của chúng ta đối với lời Chúa. Kế đó là lời cầu nguyện trình bày nhu cầu của nhân loại và của giáo đoàn trước mặt Thiên Chúa, làm thành phần chuyển tiếp vào Phép Thánh Thể.

281-289

## PHÉP THÁNH THỂ

### *“Để nhớ đến Ta”*

**T**hường xảy ra trong một giáo xứ mới, khi giáo đoàn chuyển từ nhà thờ tạm sang nhà thờ mới lớn và đẹp thì có cảm giác hơi nuối tiếc. Nhà thờ mới đẹp hơn, rộng rãi chắc chắn hơn, và không ai muốn quay lại chốn cũ. Tuy thế, ngôi nhà nhỏ tựa nhà kho ấy có cái gì đặc biệt. Mọi sự ở đó đều dễ sợ mà đôi khi làm người ta để chú ý hơn tới điều đã xảy ra.

Điều gì đã xảy ra? Điều Chúa đã làm. Điều quan trọng nhất. Điều đáng nói cả thầy là Thánh Lễ, và đó là điều đầu tiên để mất tới. Giáo Hội làm điều Chúa đã làm. Vào đêm trước hôm khổ nạn, ngài cầm lên tay chiếc bánh, chiếc bánh đã đặt trên bàn đó, bánh Vượt Qua. Cảm tạ và nói lời chúc lành, ngài bẻ bánh và phân chia, nói: Tất cả

các con hãy lãnh nhận mà ăn. Vì này là mình Ta. Cũng thế, ngài làm phép cốc rượu nho, chuyển quanh và nói: Tất cả các con hãy lãnh nhận mà uống vì này là chén Máu Ta, máu tân ước vĩnh cửu, sẽ đổ ra cho các con và nhiều người được tha tội.

Khi lặp lại cử chỉ ấy của Đức Kitô, không quan trọng phải làm chính xác theo lời nói của ngài. Chúa không để lại cho chúng ta một qui trình phép thuật nào. Bởi thế, Kinh Thánh truyền các lời đó lại theo bốn hình thức khác nhau; Giáo Hội ngày nay dùng công thức thứ năm, phối hợp cả bốn công thức được Kinh Thánh ghi lại. Nhưng cả thấy năm trường hợp đều cùng một ý nghĩa. Chúng ta đã nói đến bữa tiệc ấy trong sách giáo lý này. Lúc này, chúng ta sẽ quan tâm hơn tới bữa tiệc ấy được cử hành như thế nào trong Giáo Hội.

Trong bữa tiệc ấy, Đức Giêsu ra mệnh lệnh: “Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Ta”. Những lời đó cho chúng ta lí do sâu xa nhất tại sao Giáo Hội làm điều Chúa đã làm. Để tưởng nhớ ngài. Đây là khởi đầu của trọn vẹn vỡ lòng vào mầu nhiệm này. Chúng ta hãy giả dụ, chẳng hạn, bạn có đưa con sắp rước lễ vỡ lòng và bạn cần sửa soạn cho nó. Hoặc là ở trường học có cất nghĩa điều gì đó và con bạn hỏi bạn về điều ấy. Khi trả lời, bạn có thể coi chuyện tự nhiên trước hết và trên hết là đưa bé không nhất thiết phải hiểu mọi sự. Nó có thể còn lâu mới hiểu hết mọi sự, nhưng có thể nó còn đi rước lễ (trong thời Kitô giáo xa xưa, và cho tới ngày nay ở Giáo Hội Phương Đông, ta có thể thấy các trẻ em được rước lễ lần đầu trong tay mẹ ẵm). Ta chỉ có thể học từ từ các bí mật sâu

xa hơn của mầu nhiệm này. Lúc đó, vấn đề là làm thế nào cho đứa bé có khái niệm đầu tiên. Có thể thực hiện bằng cách kể điều Chúa đã làm. Ta cần nói về chuyện diễn ra trong bữa tiệc li, về các Tông đồ, bánh, rượu, cái chết của Đức Giêsu, và ngài sống lại như thế nào vào Chúa Nhật Phục Sinh. Ta cần nhắc lại các Tông đồ đã họp nhau từng Chúa Nhật để cử hành Phép Thánh Thể, và như thế, để tưởng nhớ cái chết và sự sống lại của ngài. Ta cần nói rằng đó là điều chúng ta hôm nay vẫn làm. Với cách nói đó, chúng ta cất nghĩa được cái cốt tủy, phần sâu xa nhất của Phép Thánh Thể.

### *Phong phú ý nghĩa*

Bây giờ chúng ta quay lại với thế giới người lớn. Đúng ra, đối diện các mầu nhiệm của Thiên Chúa, chúng ta đều là trẻ con. Chúng ta thực hiện các cử chỉ, những mầu nhiệm phô bày trước mặt mà tới mức độ nào đó chúng ta vẫn chưa lãnh hội hết. Người ta thường nghiền ngẫm thảo luận và viết về Phép Thánh Thể. Và mỗi thời đại vẫn còn có thể chiếu ánh sáng mới vào bí tích ấy. Phép Thánh Thể là mục tiêu của các thực tại lớn lao của đức tin. Do đó, kết quả không ngạc nhiên là trong mỗi giai đoạn lịch sử của Giáo Hội, các khía cạnh và các giá trị mới được mạc khải trong cử chỉ rất giản dị mà quá đối thiêng liêng này. Có lúc các Kitô hữu nhấn mạnh tới sự hiệp nhất của mình. Lúc khác, tới sự cảm tạ Chúa Cha. Rồi lúc khác nữa, sự hiến tế. Hoặc tới sự hiện diện của Đức Kitô. Và hẳn hên trong mầu nhiệm này còn những kho tàng chưa được khám phá. Đức Giêsu luôn luôn mới trong mầu nhiệm cao cả nhất này.

Giáo Hội chịu trách nhiệm lưu truyền và bảo vệ tặng phẩm này. Giáo Hội tin rằng Thánh Linh Thiên Chúa không để Giáo Hội sai phạm trong vấn đề này. Do đó, trong quá trình diễn biến qua nhiều thế kỷ, các công đồng đã và đang tuyên bố về bí tích này. Các công đồng không nhắm quyết định tất cả chân lý của mẫu nhiệm này cách toàn diện cho mọi thời. Những lời lẽ các công đồng thường dùng là những công thức có ý giữ gìn những giá trị và chân lý rất xác định của Kitô giáo trong một giai đoạn nhất định, chống các sai phạm nhất định. Để hiểu cách riêng những giảng dạy của các công đồng, ta cần luôn luôn tự hỏi: vào thời điểm ấy các giá trị phúc âm và Kitô nào bị lâm nguy? Khi chúng ta hiểu giá trị nào cần được bảo vệ, lúc ấy chúng ta mới tuyên bố những chân lý giống như thế theo ngôn ngữ thời nay.

Chúng ta nói điều ấy để trấn an một số tín hữu, những kẻ hoang mang lúc nghe các chân lý đức tin được đưa ra bằng một hình thức khác, và trên hết, lúc họ thấy các vấn đề từng có thời được coi là mối quan tâm ưu tiên nay lại bị đặt ở vị trí kém nổi bật. Thí dụ, trong sách giáo lý năm 1910 tại Hòa lan, sự hiện diện của Đức Giêsu được nêu ra như lý do đầu tiên đưa Đức Giêsu tới việc thiết lập tặng phẩm này. Mục đích việc tưởng nhớ cái chết của Đức Giêsu chỉ ở thứ hai, vị trí thứ ba được tiếp theo, do ý của ngài muốn nuôi dưỡng chúng ta, và thứ tư là nguyện vọng ngài muốn để lại cho chúng ta một lễ tế. Sách giáo lý năm 1948, đặt sự hiện diện thật sự của Đức Giêsu ở vị trí sau cùng. Việc đó không có nghĩa phủ nhận sự hiện diện ấy. Tất cả việc đó chỉ có nghĩa lúc bấy giờ Giáo Hội cảm thấy nhu cầu chiêm nghiệm về chân lý ấy cách

biệt các chân lý khác, như các thời đại Kitô giáo trước đã làm. Có lẽ việc ấy cần thiết trong các thời đại trước lúc có những lầm lạc phủ nhận sự hiện diện. Nhưng ngày nay, chúng ta thích nhìn ngắm sự hiện diện thật sự ấy trong ít tách biệt và nhiều gắn bó hơn với bối cảnh của mầu nhiệm này như một toàn bộ. Vào cuối chương này, 567-571 sẽ đưa ra những giải thích sâu hơn về vấn đề này.

### *Diễn tiến hành lễ*

Sau những lưu ý có tính cách dẫn nhập trên, nay chúng ta đưa ra những diễn tả thật sự, bắt đầu với kết cấu của lễ. Phép Thánh Thể cách riêng “phục vụ tại chỗ” luôn luôn được bắt đầu với “cử hành lời Chúa”, đã thảo luận tới trong chương trước dưới tiêu đề “Phụng vụ lời Chúa”. Riêng việc cử hành Phép Thánh Thể gồm ba phần: dâng bánh rượu, lễ qui và rước lễ. 530-532

Thật ra chỉ có hai phần vì phần dâng bánh rượu chỉ để chuẩn bị phần lễ qui. Trong lúc dâng bánh rượu, các vị tế lễ đứng ở bàn thờ, và giáo hữu, có thể nói, đứng ngồi tùy lúc và tùy cách khác nhau của mình. Linh mục sửa soạn bánh, rượu và rửa tay. Giáo đoàn thường bận rộn việc quyên góp. Có hơi thiếu trật tự nhưng không hại lắm. Sau phần trầm lắng phụng vụ lời và trước lúc chú tâm vào lễ qui, có thể để bầu khí thư giãn chút ít.

Rõ ràng là có sự nhấn mạnh tới việc dâng bánh rượu như dâng bản thân ta lên Thiên Chúa. Chuẩn bị cho lễ qui là phần Đức Kitô dâng hiến chính ngài và chúng ta trong ngài. Thái độ bên trong cách riêng cho giai đoạn chuẩn bị này là an tĩnh, cầu nguyện và khôi phục bản

thân. Lời cầu nguyện sau cùng trên lễ vật làm thành chuyển tiếp vào lễ qui. Phần lễ qui bắt đầu với chuỗi chào mừng và bài ca (“Kính Tiền Tụng”), kết thúc với Sanctus, “Thánh, Thánh, Thánh”, khởi hứng từ lời Isaia 6, 3-4 và <sup>287</sup> thấy có trong phụng vụ Phương Đông lẫn Phương Tây. Nó chỉ rõ thái độ căn bản là - nhập mình vào sự tôn kính sâu xa. Riêng lễ qui bao gồm lời cảm tạ, tế lễ và mời ăn. Tập trung vào trình thuật điều Đức Giêsu đã làm đêm trước hôm khổ nạn. Giáo Hội tin trình thuật này là cao điểm của Phép Thánh Thể. Giáo đường im lặng. Vài năm trước đây, nhiều tín hữu làm dấu thánh giá và đầm ngực để ít ra có một cử chỉ trong lúc này. Ngày nay, chúng ta chỉ nhìn tới trước. Một số người thì thầm câu phục sinh của Tông đồ Tôma, “Lạy Chúa tôi và là Thiên Chúa tôi!”. Ta cũng có thể lặp lại ít lời nói trên đồi Canvê như, “Đây thật Con Thiên Chúa”. Hoặc không cần nói gì. Cố gắng căn bản là phải hằng nhớ đến Đức Kitô. Làm phép là phút giây linh thiêng và có một số qui lễ. Nhưng toàn bộ phần lễ qui chia sẻ sự linh thiêng này.

Kết thúc phần lễ qui là Lời Cầu Nguyện Của Chúa, làm thành đưa dẫn đến việc tiếp nhận mình và máu Đức Kitô lúc rước lễ, nghĩa là, một cử chỉ hiệp nhất. Vài lời cầu nguyện tiếp theo, và rồi Thánh Lễ kết thúc với lời chúc lành và giải tán giáo đoàn. Việc giải tán này gọi là Missio hoặc Missa và có hơi lạ là nó thành một trong các tên phổ biến nhất của Phép Thánh Thể - lễ “Misa”. Tiếng gọi ngắn, rất dễ nói này được giữ lại trong cách gọi chung về Phép Thánh Thể, truyền cho tới ngày nay. Nghi lễ vừa kể của Phép Thánh Thể là những phác họa chính. Để nắm chi tiết, bạn nên thật sự dự lễ.



Việc đề cập tóm lược về dâng bánh rượu, lễ qui và rước lễ không thật sự cho chúng ta biết nhiều. Có phải điều chúng ta muốn ngụ ý khi dự lễ là sự hiệp nhất? Chủ điểm, mục đích và cốt tủy của toàn bộ là gì? Có phải toàn bộ Phép Thánh Thể là một sự tập hợp, hoặc dự tiệc hoặc điều gì khác nữa? Chúng ta, lúc tìm kiếm ý nghĩa của lễ Misa, sẽ bắt đầu với những điều mắt thấy tai nghe.

### *Cùng nhau tưởng nhớ*

Điều thấy đầu tiên là chúng ta cùng nhau đến. Đây không chỉ là điều tất yếu, mà là một ý nghĩa trọng đại. Chúng ta sống bên nhau mà nhiều khi lòng chúng ta rất xa cách. Nhưng lúc này, chúng ta cùng nhau đến để trên hết học được rằng chúng ta cùng là loài người được cứu  
424 rồi và được kêu gọi bởi Đức Kitô. Đức Kitô là chủ tiệc và nhân danh Chúa Cha ngài mời chúng ta cùng nhau đến. Ngài thường nói về Nước Thiên Chúa bằng hình tượng một bữa tiệc.

Không phải ngẫu nhiên mà Phép Thánh Thể mở đầu với phụng vụ lời Chúa. Chúng ta nên một khi chúng ta lắng nghe, khi lời hiệp nhất của Thiên Chúa được đọc lên cho chúng ta (về việc này xin xem chương vừa rồi).  
549-550 Tự điều xảy ra trước các bài đọc, cầu nguyện cùng nhau, hát cộng đoàn, đã làm thành dây liên kết.

Cách mở đầu này không là một xa xỉ không cần thiết. Trước tiên, chúng ta không được hiệp nhất cùng nhau  
178 181 lắm khi chúng ta đến từ "mọi đường phố và các ngõ hẻm thành phố", về tinh thần thì thường "ăn mày, tàn tật, đui mù, què quặt" (x. Lc. 14:21), thật ra, "cả lành và dữ".

Chúng ta không biết nhau. Chúng ta không quan tâm tới nhau. Có một mức độ xa cách nào đó, như giữa người vị vọng và người bình thường, người chủ tiệm và người nghệ sĩ, người kì cục và người khoan thai, giữa người bên cạnh và người bên cạnh, và ngoài ra, giữa phần tử trong gia đình với nhau. Và nếu chúng ta gồm luôn vị giáo sĩ vào, thì đó là một thành tố lạ lùng nữa.

Do đó, trước mặt Thiên Chúa, dịp duy nhất khi chúng ta tụ họp là dân Chúa, chúng ta nhận ra nhau có sự trực trặc nào đó. Liệu một nhóm như thế có thể nên một? Và nhóm ấy có thể hiệp nhất tại nơi mà chỉ có vẻ hơi gằn gỏi và mọi người còn giữ khoảng cách? Có phải tốt hơn là bỏ cuộc, về nhà, để ai cầu nguyện nấy? Hoặc ít nhất để mỗi chúng ta trong thánh đường trầm lặng dâng lời cầu nguyện của riêng mình lên Thiên Chúa?

Đó không là mối quan tâm của Đức Giêsu. Chương 18 phúc âm Matthêu chứa đựng những lời nói đa dạng của Chúa về Giáo Hội. Nó là một kho tàng các mệnh lệnh để làm thế nào sống và sống cùng nhau. Các điểm chính như sau. Ai là người lớn nhất? Kẻ giống trẻ con - Khốn cho những ai nên cớ cho sự vấp phạm - Niềm vui tìm được một con chiên thất lạc thì hơn chín mươi chín con kia - Chúng ta phải tha thứ cho nhau vì tội của chính ta thì lớn hơn - và ở giữa chúng ta long lanh những châu ngọc trong lời: “Đâu có hai, ba người họp lại nhân danh Ta, thì có Ta ở đó, giữa họ”.

Đức Giêsu mời chúng ta cùng nhau đến. Quả thật lời 211  
mời ấy khiến sự hiệp nhất thành khao khát và làm được cách cụ thể trong các Giáo Hội Kitô giáo. Chắc không ai lấy làm lạ về điều ấy khi thấy trước bàn thờ tụ tập nhiều

loại người khác nhau, như từ người ở xóm nghèo đến nhà đại doanh thương, nữ sinh, bà nội trợ và nghệ nhân điêu khắc. Trước Đức Giêsu, chúng ta hiển nhiên coi các dị biệt ấy biến mất. Ngài làm chúng ta thành con cái của Chúa Cha độc nhất. Đó là lí do sự bình đẳng của chúng ta trong Giáo Hội là điều hiển nhiên. Dĩ nhiên nó không là đồng dạng. Mỗi người chúng ta được kêu gọi để phát triển thuận chiều với những tặng phẩm cá nhân của chính mình.

### *Phép Thánh Thể là cảm tạ*

Nhưng chúng ta chưa tới mục đích thật sự của lễ Misa. Thế thì tại sao phải cùng nhau đến? Chúng ta cần nhìn vào nghi lễ thật sự. Từ đầu chí cuối đó là lời cầu nguyện dâng lên Chúa Cha. Đây không phải ngẫu nhiên. Vì tại tâm điểm của lễ Misa, chúng ta thấy trình thuật phúc âm liên quan tới cách Đức Giêsu cầm bánh và *tạ ơn*. Trong một số lời cầu nguyện được lưu giữ từ thời xa xưa nhưng nay không còn dùng, yếu tố tung hô và cảm tạ này rõ rệt hơn nhiều. Trong phần lễ qui hiện nay của chúng ta mà thực tế là rất cổ, rõ ràng có nhiều lời cầu nguyện thỉnh cầu và dâng hiến, nhưng lời dẫn nhập hân hoan với Kinh Tiền Tụng vào lúc mở đầu phần lễ qui, trình thuật tiệc li giữa phần này, và toàn bộ không khí của các lời cầu nguyện biến lễ Misa thành cử chỉ tung hô và cảm tạ. Thí dụ phần lễ qui kết thúc với câu: “Chính nhờ Người, với Người và trong Người, mà mọi chúc tụng và vinh quang đều qui về Chúa, là Cha toàn năng, cùng với Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen.” Do đó, tiếng Hi Lạp của toàn bộ nghi lễ này là eucharistia, nghĩa là cảm tạ.

Lời nguyện thỉnh cầu cũng luôn luôn được thốt ra cùng với sự cảm tạ này. Chúng ta cầu nguyện cho Giáo Hội, cho tất cả những ai có mặt và vắng mặt, cho cả người sống và kẻ chết. Đây là tục lệ đặt một “toan tính” nào đó trước Thiên Chúa trong lễ Misa - thỉnh cầu ngài cho một việc riêng nào đó.

### *Bữa tiệc chung*

Như thế, chúng ta đã thấy cái muốn tìm: mục đích thật sự của lễ Misa là cảm tạ. Nhưng còn những yếu tố khác. Chúng ta cùng nhau đến nơi bàn đã được bày ra với bánh trên đĩa và rượu trong chén. Trong phần lễ qui chúng ta nghe lời Chúa nói. Hãy cầm lấy mà ăn; và rồi cho người ta ăn và uống. Do đó, lễ Misa là một cuộc tụ họp với hình thức một bữa tiệc. Thân mình Đức Giêsu được hiến cho chúng ta.

Chúng tôi sẽ bàn sau ở chương này về cách Chúa <sup>567</sup>hiện diện trong bí tích này. Ở đây, trên hết chúng ta ghi nhận rằng lễ Misa là một bữa tiệc mà chúng ta được mời, nơi Đức Giêsu không chỉ là người ban bữa tiệc, mà còn chính là thức ăn. Và thực phẩm ấy cũng chính là sự tưởng nhớ về cái chết của ngài. Bánh bẻ là thân mình ngài. Rượu được làm phép riêng rẽ là máu ngài tuôn trào. Trong ý nghĩa có tính kinh thánh, cả máu và thân mình có một ý nghĩa nhất định, là toàn bộ ngài. Bằng ngay việc ăn và uống, chúng ta tiếp nhận toàn bộ ngài.

Phép Thánh Thể là một bữa tiệc có ý nghĩa: 1. rằng Chúa nuôi dưỡng chúng ta; 2. rằng qua đó ngài làm chúng ta nên một với ngài; 3. rằng ngài làm chúng ta nên một

với nhau. Cả ba điều này gắn bó nhau cách nội tại. Yếu tố nuôi dưỡng bằng bữa tiệc này được nêu bật cách mạnh mẽ trong Gioan 6: “Ai ăn thịt Ta và uống máu Ta thì sẽ có sự sống đời đời” (Ga. 5:54). Cuộc sống ngài, Thánh Linh ngài, tăng sức chúng ta, làm chúng ta sống và vươn lên trong tặng phẩm này.

Sự hiệp nhất chúng ta với Đức Kitô còn được mô tả trong Gioan: “Kẻ ăn thịt Ta và uống máu Ta thì lưu lại trong Ta, và Ta ở trong kẻ ấy” (Ga. 6:56). Đây cũng là tác động của Thánh Linh.

Sau cùng, chúng ta được hiệp nhất cùng nhau lúc chúng ta ăn. Chúng ta đọc trong 1 Corinthô 10:16-17: “Bánh bẻ, lại không phải là thông phần Đức Kitô sao? Vì chúng chỉ có một bánh, nên ta, tuy là nhiều, ta cũng chỉ là một thân mình, vì hết thấy ta cùng chia một phần bánh”. Do đó, sự tụ họp của chúng ta tự nhiên được ban cho đây liên kết của sự hiệp nhất bản thân mọi người vào nhau. Bằng ăn thân mình ngài, chúng ta ở trong - và lại càng trở nên - thân mình ngài. Đây cũng là tác động của Thánh Linh Đức Kitô.

Nhưng còn một vấn đề. Việc kết hợp giữa một bữa tiệc và một sự cảm tạ có lạ lắm không? Cả hai không phải riêng biệt nhau sao? Ta chỉ có thể ăn hoặc ta chỉ có thể tụng hô Thiên Chúa, chứ không thể làm cả hai chuyện cùng lúc! Nhưng trong chương nói về bữa tiệc li, chúng ta thấy lễ vượt qua của người Do Thái phối hợp cả hai chuyện ấy. Họ hát và cảm tạ khi ăn, trong tưởng nhớ việc giải phóng khỏi nô lệ. Tại lễ Misa cũng thế, chúng ta cảm tạ trong bữa tiệc, để tưởng nhớ việc giải phóng chúng ta khỏi tội lỗi. Chúng ta còn quen phối hợp các lời ca ngợi

với việc ăn uống lúc chúng ta nâng li chúc mừng một người nào đó. Tại lễ Misa, ngài, đáng mà chúng ta bày tỏ với, là nguồn suối căn bản của nỗi hân hoan mà chúng ta kỉ niệm: Chúa Cha của Đức Giêsu và của chúng ta.

*“Máu Tân Ước vĩnh cửu”*

284-285

450-45

Do đó chúng ta có bữa tiệc chung và cảm tạ chung. Có phải chúng ta đã thấy hết mọi khía cạnh và ý nghĩa của lễ Misa? Nếu tiếp tục nhìn kĩ và lắng nghe, chúng ta sẽ còn nhận ra một khía cạnh khác. Chúng ta nghe trong lời lễ qui có ý nói rằng của lễ đang được hiến. Điều ấy có nghĩa gì?

Tại bữa tiệc li, Đức Giêsu đã thể hiện hi lễ cuộc đời ngài. Đó là một cử chỉ tiên tri - “một tưởng nhớ trước lúc xảy ra”. Đó là một tưởng nhớ đã làm cái chết trên thánh giá thật sự có mặt trong biểu tượng này. Bánh bẻ là thân hình gập gãy của Đức Giêsu. Mỗi lúc Giáo Hội làm việc này, và như thế, công bố cái chết của Đức Giêsu, hi lễ không thay đổi của Đức Giêsu ở đó, trong Giáo Hội.

Nhân loại, vốn ao ước hiến lễ từ “thời Aben”, đang có ở đây một của lễ có thể đặt trước mặt Thiên Chúa mà không hổ thẹn. Tình thân hữu giữa Chúa Cha và chúng ta được dứt khoát khôi phục nhờ của lễ này - tình thân hữu mới, giao ước mới hoặc tân ước. Giao ước của tình thân hữu cũ được kí kết bằng của lễ - trên núi Sinai, lúc Xuất hành.<sup>80</sup> Tình thân hữu mới nảy sinh từ sự hiến dâng cuộc sống. Lễ vượt qua xa xưa là một tưởng nhớ tình thân hữu cũ, nhưng chỉ là một tưởng niệm. Ngược lại, lúc chúng ta hồi tưởng tình thân hữu mới của chúng ta, lễ vật của giao

ước này thật sự ở giữa chúng ta. Chúng ta được làm cho thông phần trong của lễ tối hậu của nhân loại - không phải một con dê, một con bò, mà là Chúa Con.

“Vì nếu máu bò và tro tàn thân con bò cái rảy trên những nhiễm uest còn thánh hoá cho họ được trong sạch phần xác, thì Máu của Đức Kitô, Đấng nhờ Thần Khí hằng có mà tiến mình làm (hi sinh) vô tội tích dâng lên Thiên Chúa, sẽ tẩy sạch lương tâm ta hơn biết mấy khỏi các việc chết mà phụng sự Thiên Chúa hằng sống!” (Dt. 9:13-14).

Dự lễ Misa là thông phần vào của lễ này và được liên kết vào việc lập giao ước giữa Thiên Chúa và dân ngài. Nó không diễn ra giữa sấm sét của Sinai, nhưng với sự mộc mạc đầy hân hoan và lễ hội của bánh và rượu, trong cảm tạ và giữa đồng đạo yêu quý.

Thái độ của chúng ta, những kẻ dâng của lễ, là một thái độ rất đặc biệt. Của lễ đã sẵn. Nói chính xác, chúng ta không dâng của lễ nào ngoài hi lễ Đức Kitô. Chúng ta không bị đòi hỏi của lễ nào khác. Bữa tiệc và của lễ không bị tách biệt. Của lễ là bữa tiệc; điều ấy có nghĩa chúng ta tiếp nhận, cầm và ăn. “Cầm lấy mà ăn” - Với những lời này, của lễ được ban. Cái chúng ta dâng được hiến cho chúng ta. Ngoài bánh và rượu, về phần mình, chúng ta có dâng của lễ nào không? Không. Phần dâng bánh rượu chỉ đơn thuần là cử chỉ sửa soạn, sắp đặt mọi sự, để dành cho của lễ thật sự là mình và máu Đức Giêsu. Với điều này, rõ ràng là chúng ta đã nói hết các khía cạnh có ý nghĩa mà Phép Thánh Thể bao gồm.

### *Nhiều ý nghĩa, một nếm trải*

Nhưng chúng ta cần ghi nhận rằng mỗi một ý nghĩa đều gom trọn toàn bộ diễn tiến phụng vụ Thánh Thể. Mỗi cái đều gồm một lúc bao gồm dâng bánh rượu, lễ qui và rượu lễ. Do đó, toàn bộ cuộc lễ là tiệc tùng, cảm tạ và tế lễ. Các thành tố căn bản ấy hợp thành một nền tảng sâu xa của toàn bộ - tưởng nhớ và giao ước - cũng được đem vào trong toàn bộ Phép Thánh Thể, và cũng toàn bộ cả ba khía cạnh.

Một thành tố mà chúng ta chỉ đề cập có tính cách tương thuộc và sẽ thảo luận sâu hơn trong chương này là, sự hiện diện của Đức Giêsu. Sự hiện diện của ngài đưa ra tính chất sâu xa và nền tảng cho bữa tiệc, cảm tạ và tế lễ.

Một câu hỏi thực tế có thể là thế này. Việc vộ số ý nghĩa của bí tích này có gây hoang mang không? Nói chính xác, đặt câu hỏi ấy cũng giống hỏi không biết Đức Giêsu có dự tính nhiều ý nghĩa như thế không. Về câu hỏi sau này, chúng ta tin rằng nó cần được trả lời khẳng định. Ý nghĩa sâu xa nhất bắt rễ trong cuộc sống hằng ngày - ăn, uống, thân mình và máu - bao gồm vô số ý nghĩa lớn lao hơn. Và chúng ta còn tin rằng Thánh Linh Đức Giêsu không để Giáo Hội bị lầm lạc trong việc diễn giải về tặng phẩm này. Chúng ta vững chắc tin rằng ý nghĩa được đưa ra trên đều tiềm ẩn trong dự tính của Đức Giêsu.

Nhưng câu hỏi thực tế, về việc không biết chúng ta có nhận ra trong một lúc hết mọi ý nghĩa này không? Có quá nhiều kết cấu phối hợp làm một và chúng thâm nhập các thành tố tưởng nhớ, giao ước và thể hiện. Dường như



không thuận lợi cho việc cố giữ chúng lập tức ở trong tâm trí ta. Rõ ràng có một thành tố bất biến và không bao giờ khuất tâm mắt: tưởng nhớ điều Chúa đã làm. Chính ngài nhấn mạnh thành tố này. Nhưng lúc chúng ta nghĩ về Chúa, khía cạnh này hoặc khía cạnh khác của sự thể hiện phong phú này sẽ nổi bật lên. Một số người sẽ hằng có một kết cấu chính và bất biến trong tâm trí, thí dụ, cùng nhau ăn và cảm tạ. Những kẻ khác sẽ suy nghĩ lúc khía cạnh này lúc khía cạnh khác, đôi khi vài khía cạnh cùng lúc. Và làm như thế, họ sẽ mỗi lúc mỗi bị ảnh hưởng, tới lúc nào đó, các khía cạnh khác nhau của nền tảng ấy - tưởng nhớ và giao ước và vân vân. Những kẻ khác nữa sẽ giản dị để cho mẫu nhiệm này thâm nhập họ. Tất cả là vấn đề sở thích cá nhân về hình thức cử hành lễ, về giáo dục của ta và ngay cả về thời đại ta sống.

Nổi lên những câu hỏi đa dạng về cách chúng ta cử hành Phép Thánh Thể.

Có phải cần tiếp theo với việc rước lễ thì chúng ta mới luôn luôn nếm trải lễ Misa như một bữa tiệc không? Không nhất thiết là phải làm tiếp việc ấy. Chẳng hạn, ta có thể tiếp nhận tặng phẩm này cách rất đặc biệt và cảm tạ, và như thế nếm trải toàn bộ lễ Misa như một lễ cảm tạ. Và ta cũng có thể dùng việc rước lễ để cách rất đặc biệt hiệp nhất bản thân vào cái chết hi tế của Đức Giêsu và với sự sống lại của ngài. Sau khi đi rước lễ, ta không thể làm điều gì đặc biệt ngoài việc ngắm người khác là những kẻ đang làm một với ta trong Đức Giêsu. Như thế, ta biến lễ Misa thành một nếm trải sự hiệp thông (điều này có thể là một hình thức cầu nguyện rất khó, đòi hỏi tự lướt thắng mình). Và vân vân.

Nay chúng ta hãy ghi nhận cũng một câu hỏi ấy nhưng theo đường vòng khác. Có thể có người nào đó không thông phần lễ Misa như một bữa tiệc không? Chắc chắn là có thể có. Khi chúng ta cân nhắc lễ Misa như một bữa tiệc, chúng ta không phải chỉ tập trung vào thực phẩm mà còn phải bao gồm cùng với bản thân ta. Tại bữa ăn gia đình hoặc yến tiệc, việc cùng nhau có mặt là yếu tố xã hội, dường như cũng quan trọng ngang với thực phẩm. Do đó, có thể nói rằng, người không thông phần vẫn có thể dự vào lễ Misa như một bữa tiệc, dưới một khía cạnh nhất định. Ở đây điều đó lại càng chính xác hơn vì cơ bản, thực phẩm trong Phép Thánh Thể là Đức Giêsu. Ta thực hiện một giao tiếp nhất định với ngài bằng tham dự dù ta không thông phần. Nhưng càng suy nghĩ về chuyện ấy, ta càng lấy làm lạ sao có chuyện dự lễ mà không đi rước lễ. Đức Giêsu dự tính Phép Thánh Thể là, như ngài nói, cầm lấy mà ăn. Ta không nên quá thành kiến cho rằng mình không xứng đáng tiếp nhận Đức Kitô. Chúng ta không bao giờ xứng đáng, nhưng ngài, ngài mời chúng ta.

*Đức Giêsu hiện diện trong các biểu hiệu này*

Chúng ta có thể kết thúc chương này ở đây, nếu không chạm đến một trong các thực tại lớn lao có tính cách thực tế. Đó là thực tại, như chúng ta có nói, thẩm thấu vào đó toàn bộ sự hiện diện của Đức Giêsu. Do đó, chúng ta phải nỗ lực thâm nhập sâu hơn vào mầu nhiệm khôn dò này. Chúng ta hãy bắt đầu bằng việc lấy một quan điểm bình thường và rất con người.

181-182

Khi các Tông đồ cùng ăn với Đức Giêsu trong thời kỳ hiện hữu cách trần thế của ngài, đã có điều gì đó giữa tất cả các vị. Sự có mặt của một người như Đức Giêsu không là yếu tố nhỏ. Khi ngài chết, họ ở với nhau vì ngài. Ngài là dây liên kết họ vào nhau. Lúc ấy, vẫn còn “điều gì đó” giữa họ - điều ấy có đó lúc Đức Giêsu đã ăn với họ, điều gì đó thuộc về sự có mặt của ngài. Mọi sự còn hơn thế nữa, vì họ hiểu qua những lần hiện ra của ngài là ngài sống. Còn hơn thế nữa, vì họ đã tiếp nhận sức mạnh từ Thánh Linh ngài. Và còn hơn thế nữa, vì họ biết họ phải tưởng nhớ ngài theo cách này: bằng lặp lại lời ngài và bằng cầm lấy bánh và nói điều ngài đã nói tại bữa tiệc li.

Do đó, khi Giáo Hội ngài tụ họp - ngay cả hôm nay - vẫn tồn tại yếu tố đặc biệt và sinh ích ấy, là sự có mặt ở đó lúc các Tông đồ cùng ăn với Đức Giêsu ở Galilê và Giuđêa. Sự có mặt này liên kết với bánh: Đây là mình Ta. Và tự bánh ấy cho thấy điều ấy. Ngài cũng mật thiết và ban sự sống ngang với thực phẩm, bằng sự hiện diện của ngài. Do đó, bánh là biểu tượng trong đó ngài ở giữa chúng ta. Bánh bình thường đã nên bánh hằng sống cho chúng ta: Đức Kitô. Nhưng lúc ấy, điều gì xảy ra cho bánh này? Nó cũng giống y về mùi vị và hình dạng bề ngoài. Nếu không thì sẽ tiêu tan mất vật biểu tượng qua đó ngài muốn ở giữa chúng ta. Lúc ấy, cái gì bị thay đổi? Trước thời Trung Cổ, không có ý kiến nào đưa ra về vấn đề này. Thời đó, dường như có điều gì rõ ràng trong sự kiện là thực tại của sự hiện diện của Đức Giêsu phải ở đó, trong biểu tượng đó. Thời Trung Cổ xem xét vấn đề này cách sâu sắc. Bấy giờ lòng tin đã nhận thấy cách diễn tả mẫu nhiệm này như sau: “Những cái phụ thuộc”, nghĩa

là, hình thức đặc biệt hoặc thể loại bánh (màu sắc, mùi vị, vv.) vẫn như cũ, trong khi “cái nội dung”, nghĩa là, thực tại hoặc bản tính của bánh không còn, mà đã nên chính Đức Giêsu.

Khi cân nhắc vấn đề này theo lối suy nghĩ thời nay, chúng ta nên nói rằng, thực tại, bản tính của vật chất là cái -mỗi thứ theo cách riêng của nó- để cho con người. Như thế, cốt tử và bản tính của bánh là lương thực trần gian cho con người. Tuy nhiên trong bánh lễ Misa, bản tính ấy trở nên cái hoàn toàn khác: thân mình Đức Giêsu, lương thực cho cuộc sống đời đời. Thân mình trong ngôn ngữ Do Thái có nghĩa con người toàn bộ. Bánh trở nên con người Đức Giêsu. Đây là sự hiện diện có tính cách mẫu nhiệm. Chẳng hạn, chúng ta không cần tưởng tượng là thân mình Đức Giêsu vào miệng như một người tí hon giống hệt, có thể nói, như thể tại Nagiarét ngài đi vào nhà mẹ Maria với kích thước thật ở đời. Chúng ta phải đủ khả năng phòng chống lối giải thích đối lập, cho là “chỉ có tính cách biểu tượng”, như thể Đức Giêsu không thật sự hiện diện. Tốt hơn là nói rằng, bánh cách chủ yếu đã vượt ngoài định nghĩa hoặc ý nghĩa bình thường của loài người, và trở nên bánh mà Chúa Cha đã ban cho chúng ta, ấy chính là Đức Giêsu.

*Đức Giêsu có mặt suốt chu kỳ quanh năm .*

131-151

157-316

289-291

514-516

Trong việc cử hành phụng vụ, Giáo Hội luôn luôn có Đức Giêsu ở giữa mình và các mẫu nhiệm của ngài được tưởng nhớ quanh năm. Ngài sống lại. Ngài đã hoàn thành. Trọn cuộc sống của ngài ở đó, trong ngài. Ngài

chứa đựng quá khứ của ngài đầy đủ hơn bất cứ ai ở đây, trên cuộc thế này mang quá khứ mình theo trên nhân dáng và trong tâm khảm. Cuộc đời của Đức Giêsu thẳng đứng, vững chắc, không quanh co hoặc sắp ngã. Thí dụ, không bao giờ ngài phản bội đứa bé bên trong ngài, như chúng ta làm. Và cuộc đời ngài, qua cái chết và sự sống lại, thì hoàn hảo và đồng nhất hơn cuộc đời của bất cứ ai ở trần thế. Hài đồng, đứa bé mười hai tuổi, thợ mộc, vị thầy, người hấp hối - vết tích của các vết thương! - Chúa sống lại, đáng ban Thánh Linh: mọi sự ấy tiếp tục sống trong con người sống lại, và như thế, trong Phép Thánh Thể. Đây là lí do sâu xa nhất để loài người chúng ta có thể cử hành từng bữa tiệc đó theo chu kì quanh năm như một thực tại hiện hành, như một “hàng hữu” - vì Chúa sống lại đang ở giữa chúng ta với lễ Giáng Sinh trong Phép Thánh Thể, có điều gì đó của đứa bé trong ngài ở giữa chúng ta, và chúng ta có thể quì gối trước máng cỏ. Đó là lối cử hành có tính cách kitô chân chính các mẫu nhiệm này. Tưởng nhớ tức là tái thể hiện.

418  
521-543

### *Không là thành tố biệt lập*

Chúng ta không nên nhìn sự hiện diện của Đức Giêsu trong Phép Thánh Thể như một sự việc riêng rẽ, một biệt lập. Sự hiện diện ấy không tách biệt khỏi các thành tố khác nhau như giao ước, cảm tạ và tế lễ. Và chúng ta không nên tách biệt nó với các cách thức có mặt khác của Chúa ở giữa chúng ta, với sự có mặt của ngài qua lời, và trên hết, với sự có mặt của ngài qua Thánh Linh ngài

479

trong tâm hồn và tương giao của loài người. Trong ý nghĩa nhất định, có thể nói rằng sự có mặt của ngài trong hình thức sau cùng vừa kể trên là lớn lao nhất. Qua hình thức ấy, Đức Giêsu ở giữa chúng ta, cũng qua đó, chúng ta có ngài liên tục trong chu kỳ cuộc sống của mình.

Giáo Hội dạy rằng những ai không sở hữu Thánh Thần Chúa (không đang “trong trạng thái ân sủng”, tức bị đứt đoạn với Chúa) thì không có giao tiếp thật sự với Đức Giêsu dù họ nhận Mình Thánh Chúa cách bề ngoài. Khi đó, chúng ta nói tới việc “phạm Mình Thánh Chúa”. Nhưng hề ai có Đức Thánh Thần trong mình thì rõ ràng người ấy đang tiếp giao với Đức Giêsu dù không rước lễ. Mục đích của Đức Giêsu không là tách biệt việc rước lễ khỏi toàn bộ cuộc sống Kitô hữu.

Sự cân nhắc này còn cung ứng giải đáp cho vấn nạn: rằng tôi lên rước lễ mà chẳng thấy hữu ích; hoặc giả họ đi rước lễ hoài mà chẳng thấy khá hơn chút nào. Có phải những phản đối ấy phát sinh từ việc chúng ta có khuynh hướng quá coi Phép Thánh Thể như một phép thuật cách biệt. Rước lễ không là phép thuật mà là lương thực, ủi an, hiệp đoàn, và nhận biết chính mình: là những kẻ tội lỗi được Đức Giêsu kêu gọi. Qua sự hiện diện rất cụ thể này của Đức Giêsu ở giữa chúng ta mà chúng ta có thể cử hành cách rất thực tế, chúng ta sống tận cùng sự kiện Đức Giêsu ở giữa chúng ta qua Thánh Linh ngài: ngài thật sự là con người Giêsu, kẻ đã chết và sống lại, không phải một hình bóng hay một ảo giác. Chúng ta lúc này được ban cho điều mà con người quá đổi tuyệt vọng đang cần: một biểu tượng mà qua đó thực tại ấy trở nên hiện hành cách thật sự.

### *Khoảng thời gian có mặt Thánh Thể*

Có một vấn đề nhỏ chúng ta có thể thảo luận ở đây. Lúc nào chấm dứt sự có mặt Thánh Thể của Đức Giêsu sau khi rước lễ. Chấm dứt lúc hình thức bánh không còn ở đó nữa. Không quan trọng việc quyết định bao lâu có thể được gọi là bánh theo quan điểm khoa học (thật ra ta có thể thắc mắc không biết bánh có là một khái niệm khoa học không). Nhưng một số nhà thần học cố suy xét theo lối khoa học, và rồi đi tới quan điểm là sự hiện diện chấm dứt mười lăm phút sau khi ăn. Nhưng niềm xác tín hôm nay là vấn đề ấy có thể giải quyết cách khoa học và con người hơn. Bánh là cái để ăn. Ngay sau khi ăn vào, không còn gọi là bánh. Hình thức hoặc thể loại của bánh còn giữ lại cho đến khi bánh thánh bị tiêu hoá. Lúc ấy không còn gì để tiêu hóa nữa. Bánh bị tiêu hoá rồi. Cũng thế, một miếng bánh bị nát thành bụi bánh thì không còn gọi là bánh. Do đó, các vụn nhỏ có thể còn rớt lại trên khăn bàn thờ không có bất cứ ý nghĩa nào về sự có mặt của Chúa. Vấn đề là đó. Cái gì được gọi là bánh theo con người bình thường, nhạy cảm? Bao lâu bánh còn ở trong ý nghĩa đó, Đức Giêsu còn có mặt. Tóm lại, bánh phải được đưa ra như một lối nói nhân loại học chứ không phải khoa học. Ngay sau khi chúng ta tiếp nhận thân mình Đức Kitô, sự có mặt trong Phép Thánh Thể được chuyển thành cái mà Phép Thánh Thể có ý nêu bật lên: một sự có mặt mãnh liệt hơn trong chúng ta qua Thánh Linh.

Để suy nghĩ cách rõ ràng và đầy ân sủng về việc này, thông thường có lời khuyên là sau khi rước lễ ta nên ở

lại một lúc. Ta không nhất thiết phải lập tức chạy khỏi điều gì vĩ đại và quan trọng. Sau yến tiệc, ta không cần phải ra đi lập tức. Chúng ta có thể nán lại chút. Ngày nay, việc “ở lại cầu nguyện” này lại càng quan trọng hơn vì lối sống của chúng ta dành cho mình quá ít thì giờ để yên tĩnh cầu nguyện và khôi phục bản thân. Ta ở lại chút, sau nghi lễ vừa rồi. Ta đang hiệp với Chúa và ta chuyện trò với ngài chút. Đây có thể là lúc đọc Kinh Thánh, thí dụ, Gioan 6:48-71 về sự hiệp nhất với ngài; hoặc các chương 14-17 của Gioan, những lời giã biệt của Đức Giêsu; hoặc Thánh vịnh 34, bài ca hiệp thông đầy ưu ái thời cổ Kitô giáo; hoặc thánh vịnh diễn tả niềm tin cậy tuyệt đối, Thánh vịnh 23. Một số người thấy rằng lúc này họ có thể nếm trải cách riêng sự đầy tràn tâm linh của Diễm Ca.

Điều mà chúng ta vừa đề cập đến về việc chấm dứt sự hiện diện trong Phép Thánh Thể có thể dường như xung khắc với “các phép lạ của Bí Tích Tối Cao” thời xa xưa, thí dụ câu chuyện thời Trung Cổ ở Amsterdam. Chuyện kể một bánh thánh bị một bệnh nhân nôn ra. Vì lòng tôn kính, người ta cố đốt đi, nhưng bánh thánh lơ lửng trên ngọn lửa hồng. Ngày nay, chúng ta nghĩ gì về chuyện ấy? Điểm đầu tiên ghi nhận là. Các biến cố kì diệu có thể tương ứng với một hình thức nếm trải và am hiểu nào đó về đức tin. Một mức độ nào đó của hiểu lầm và tưởng tượng có thể tác động, nhưng niềm tôn kính tổng quát, nỗi sợ hãi thình lặn, vẫn còn đầy ý nghĩa. Điều có tính cách quan trọng thật sự không phải phép lạ nhỏ về bánh thánh lơ lửng trên ngọn lửa, mà là phép lạ vĩ đại của sự có mặt của Đức Giêsu bắt chấp các đam mê nồng



cháy và những ngộ nghịch trong cuộc sống của con người chúng ta.

### *Việc cất giữ Thánh Thể*

Thánh Thể Đức Kitô được “cất giữ” cách tôn kính ngay sau khi Phép Thánh Thể kết thúc. Nhờ thế, có thể ban cho người bệnh bất cứ lúc nào. Thường được giữ nơi bàn thờ trong nhà thờ, ở “nhà tạm”. Do vậy, theo cách ấy, Chúa vẫn ở lại giữa chúng ta như một gần gũi có tính cách con người với Giáo Hội như ngài đã ở giữa các Tông đồ. Chúng ta nên cố gắng giữ nỗi sợ hãi cách tôn kính và cảm tạ đối với sự có mặt này mỗi khi chúng ta vào nhà thờ. Có tục lệ tuyệt diệu bái gối hoặc quỳ xuống khi chúng ta vào hoặc ra. Có thể vinh danh sự có mặt liên tục của Đức Giêsu ở đây bằng thỉnh lặng cầu nguyện, như khi bà nội trợ tranh thủ ít phút ngưng động của buổi đi chợ để cầu nguyện và cảm tạ thay cho chồng con mình, hoặc bằng sự tôn kính công khai, như cố gắng sở hữu hoặc thụ lộc “Mình Thánh Chúa”.

Nhưng đối với vấn đề tôn kính công khai, ngày nay, chúng ta càng tin rằng nghi lễ vĩ đại luôn luôn là lễ Misa. Có khả năng là niềm tôn trọng sự có mặt lâu dài và mầu nhiệm của Đức Giêsu càng ngày càng là vấn đề cầu nguyện thỉnh lặng và riêng tư. Và cả ở đây, chúng ta phải luôn luôn để lòng vào kết cấu và mục đích của Phép Thánh Thể: bánh, nghĩa là, được ăn, để nhận biết nỗi khát khao cử hành trọn vẹn Phép Thánh Thể; và còn bề bánh, nghĩa là, các biểu tượng cho khổ nạn của ngài, của biến cố đang xảy ra giữa chúng ta lúc cử hành hi tế.

### *Linh thiêng và báng bỏ*

Phép Thánh Thể dường như thật sự là dành cách rất triu mến cho cuộc sống trần thế của chúng ta, là một thành tố lạ lùng trong trần gian này. Và trong một ý nghĩa nhất định, điều ấy có thật. Một điều phát xuất từ vinh quang chung cuộc nay đã ở giữa chúng ta. Thiên Chúa gần gũi cách chạm đến được. Bánh của các thiên thần là lương thực ở trần thế. Cách thiêng liêng, khát vọng sâu xa nhất đó của con người ở trần gian đã được thực hiện bằng một lối nhất định. Tóm lại, đã có ở đây cái thuộc về cấp độ sâu xa hơn, cái siêu phàm. Khi chúng ta nhớ đến lòng thương xót của Đức Giêsu, chúng ta tiếp nhận mùi vị trước của vinh quang ngài. Và như thế, nhà thờ không chỉ là một đại sảnh tụ họp mà chúng ta có thể bước qua như bước qua một căn phòng trống. Sự có mặt đáng thiêng liêng làm nhà thờ thành nơi thiêng liêng. Càng gần bánh và rượu chúng ta càng tôn kính, cả thái độ bên ngoài. Ngoài những cơ hội ngoại lệ do cảm quan bình thường gợi ra, chỉ những thừa tác viên thụ phong mới có thể chạm đến chén thánh và đĩa đựng bánh thánh. Việc này báo cho biết rằng một điều của sự linh thiêng của Thiên Chúa đã được thiết lập ở trần gian.

Sự linh thiêng này không thể hiện bằng phù hoa và 426  
lộng lẫy. Tính chất linh thiêng của Thiên Chúa trong Tân Ước thì mộc mạc và tĩnh lặng. Những cử chỉ của Đức Giêsu là kim chỉ nam cho chúng ta: chuẩn bị bàn tiệc với bánh và rượu, triệu tập những ai được ban cho mệnh lệnh yêu thương. Sự linh thiêng của việc cử hành lễ Misa phải rất giản dị để chúng ta có thể hiểu làm thế nào mà nó

tương xứng với việc chúng ta cùng ăn ở nhà. Hình thức cử hành phải là điều nhắc nhở chúng ta rằng lễ Misa không đứng ngoài lễ cuộc sống của chúng ta. Lễ Misa là cao điểm linh thiêng của sự báng bổ của chúng ta hoặc cuộc sống bình thường cùng nhau, nơi việc ăn, việc uống, việc yêu thương và việc cảm tạ được thánh hoá bởi Đức Kitô.

## DÂN TỘC TƯ TẾ

### *“Dân riêng của Thiên Chúa”*

“Được đến gần Ngài, Viên đá sống, bị người ta thải loại, nhưng nơi Thiên Chúa (là viên đá) lựa lọc quý giá, thì cả anh em nữa, ví thể những viên đá sống; hãy để (Ngài) xây cất anh em làm tòa nhà thiêng liêng, cho tế vụ thánh, để dâng lễ tế thiêng liêng, rất đẹp lòng Thiên Chúa, nhờ Đức Giêsu Kitô. Bởi chưng, trong Kinh Thánh có lời rằng:

Này ta đặt trên Sion viên đá lựa chọn  
(viên đá) đỉnh góc quý giá,  
và ai tin vào đó, tất không bị hổ thẹn” (1 Pr. 2:4-6).

Đó là cách thứ nhất của Thánh Phêrô nói về những người là môn đệ của Đức Kitô. Thật ra, trọn thư tín hữu ấy liên quan tới sự kiện toàn thể Giáo Hội là “tư tế vương giả” (1 Pr. 2:9).

Căn bản, chức tư tế kitô là một tư cách tư tế mà mọi tín hữu đều sở hữu như là những tư tế - một tư cách họ

được ban cho trong phép rửa tội và phép thêm sức. Điều ấy biến Giáo Hội ở trần thế này thành “dân riêng của Thiên Chúa” (1 Pr. 2:9). Bằng đức tin sâu xa, Kitô hữu nhận ra mình được gọi “từ tối tăm vào ánh sáng huyền diệu của người” (1 Pr. 2:9). Ban đầu, Đức Kitô dường như là một vật đóng góp vô giá trị, một viên đá bị loại khỏi tòa nhà nhân loại. Nhưng rõ ràng ngài là viên đá quan trọng nhất. Những người gắn bó với ngài được mời đến một cuộc sống trong đó mọi sự thuần khiết hơn và con người “thanh tẩy linh hồn mình bằng vàng phục chân lí” (1 Pr. 1:22). Chúng ta được liên kết bởi những ràng buộc mạnh mẽ nhất chưa từng ràng buộc loài người. Chúng ta là “những kẻ xưa kia không phải dân (Người), mà nay là dân của Thiên Chúa” (1 Pr. 2:10).

Đây không phải điều có thể cất kị để yên. Đây là trách nhiệm và sứ mệnh - là để cùng nhau làm tư tế giữa loài người. Nhưng làm sao người giáo dân bình thường có thể làm nổi việc này? Trước hết, có thể nói tự ta không biết chính xác việc này nghĩa là gì. Giáo dục Kitô giáo, các định chế của cộng đoàn Kitô giáo thời xưa, phúc âm rao giảng từ tòa giảng, cử hành Phép Thánh Thể - qua những cách ấy mà Thánh Linh Thiên Chúa ảnh hưởng lên chúng ta nhiều hơn chúng ta thường nhận ra. Kitô hữu thấy là bình thường các việc bị coi là lạ thường ở những nơi khác. Chiên cứu độ của Thiên Chúa được giữ trong những bàn tay không biết hoài nghi.

*Nhận ra sự bất lực của mình*

161-479  
396

Việc đầu tiên chúng ta cần nhận ra - như đã được công bố không biết bao nhiêu lần qua phúc âm, phụng

vụ và giảng huấn của Giáo Hội - là sự bất xứng của mình. Phải nhận ra mình là “những kẻ xưa kia không nhận được sự thương xót, mà nay đã được xót thương” (1 Pr. 2:10). Cách khác, chúng ta được kêu gọi để nhận biết và để công bố rằng bản thân con người không có khả năng làm bất cứ hành động tốt nào, trừ phi chúng ta liên tục tiếp nhận ánh sáng và sức mạnh từ đấng thương yêu chúng ta. Đây là yếu tố đầu tiên của sự thánh thiện trong Giáo Hội: biết chúng ta thiếu sót ngần nào. Các vị thánh vĩ đại gần như khước đại (chúng ta cảm thấy) việc nhận ra các khuyết điểm của họ. Nhưng các vị thấy rõ việc này cần được thực hiện cùng một chiều với bác ái, đức tin và ân cần.

462 Những ai cảm giác tình trạng bất toàn này đều chia sẻ các nền tảng chân chính của sự thánh thiện của Giáo Hội. Vì không có giới hạn nào cho lời gọi của Bài Giảng Trên Núi, là lời gọi của yêu thương. Tính tự mãn bị làm mất ý nghĩa, tính kiêu ngạo bị trấn áp. Điều này ban hi vọng cho con người, đưa ra sự nâng đỡ và viễn tượng trên vòng quay bế tắc của con người, và cũng đặt sứ mệnh vào tay chúng ta. Baben bị câm tiếng. Ở đó, sứ mệnh phụng sự sắp được thực hiện.

### *Phụng sự*

Dân Thiên Chúa là tư tế vì tính cách sẵn sàng phục vụ của mình. Dân được mời để làm mọi của lễ nên thiêng liêng nhất (x. 1 Pr. 2:5) - là cuộc sống của chính mình.

“Hi sinh cùng lễ vật Người đã chẳng màng  
nhưng Người đã nắn nên thân xác cho con

Các lễ toàn thiêu cùng tạ tội Người đã chẳng đoái.

Bấy giờ con nói: Này con đến..." (Dt. 10:5-7).

Không có gì phiền muộn về sứ mệnh phụng sự đưa ra trong Thánh Linh Đức Kitô này. Nó có nghĩa việc đảo lộn các giá trị. Quyền lực và địa vị không còn là hàng đầu, và chúng ta được giải phóng để chấp nhận và thi hành thái độ mới, tương xứng với khát vọng sâu xa nhất của mỗi người chúng ta.

### *Sứ mệnh trần thế của chúng ta*

701-706

Trong sự phụng sự cố tính cách kitô, chúng ta được triệu tập để thực hiện các sứ mệnh tại trần thế. Mỗi người sẽ tìm thấy một sứ mệnh thật sự của mình ở đời. Nhà văn, người nội trợ, người quản trị, đoàn viên nghiệp đoàn - tóm lại, ai cũng tham dự sâu xa vào sứ mệnh trần thế của mình, đều có khả năng bằng khôn ngoan đúng mức trong công việc của mình mà tạo ra điều gì thật sự cống hiến cho con người và Thiên Chúa. Trong ý nghĩa ấy, chúng ta có thể nói về tính chất tư tế của mọi lời gọi. Và nhiều khi chúng ta thấy thật khó mà có dự tính thuần khiết, nghĩa là chỉ tác động vì Thiên Chúa và con người. Nhưng điều ấy cần thường được đặt ra như một giá trị thường trực duy nhất: vì chỉ có dự tính thuần khiết, tức là chỉ tác động vì tình yêu Thiên Chúa và con người mới mang lại hoa trái vĩnh viễn. Trong khi chỉ có Thiên Chúa mới làm cho mọi sự được trở nên mới.

703

722

790-792

Chúng ta đang học thấy ngày càng rõ ràng lao động của chúng ta trên các việc cụ thể đang ảnh hưởng mạnh

mẽ lên sự phát triển của con người, và như thế, tạo khả năng cho một yêu thương lớn lao hơn. Và cũng vì thế, nó ảnh hưởng lên vĩnh cửu. Do đó, tác động của chúng ta ở trần thế hợp tác vào điều Thiên Chúa hứa hẹn cho chúng ta được vĩnh cửu - vì tác động ấy giúp tạo bầu khí cho tình yêu sinh hoa kết trái. Và trên thực tế, chúng ta được chứng tỏ khi chúng ta thắc mắc không biết cuộc sáng thế mới có được thực hiện và chính nó có tiếp tục trên thế gian này không.

463-492 Khi cân nhắc các điều trên thì không chỉ quan trọng là việc chúng ta phải có dự tính thuần khiết trong công việc của mình. Mà còn quan trọng nữa là cần thực hiện tốt công việc ấy theo các qui luật nội tại của nó và theo các giá trị chứa đựng trong lời kêu gọi. Do đó, việc rao giảng phúc âm phải luôn luôn giữ cảnh giác với điều Thánh Linh dạy, khi nó nói lên từ những sâu thẳm nhất của thực tại, của kinh nghiệm, khôn ngoan và tập quán của trí tuệ phát sinh từ toàn bộ kiến thức và khả năng tự nhiên.

708-710 Thông điệp yêu thương và phụng sự này tồn tại mọi nơi có sự đóng góp kì diệu và thần hứng của phúc âm. Có điều chúng ta không nên có cái nhìn một chiều về sự phụng sự này. Có thể có nhiều người phụng sự bằng cách giữ kín các đặc trưng của mình. Cũng có thể xảy ra là có những người cần làm nổi bật tính cách độc đáo và cá biệt của mình, thí dụ một nghệ sĩ sử dụng một cách thức mạnh mẽ mà có lẽ chỉ ít người hiểu được. Miễn nó tác động thật sự lên các việc trần thế, và căn bản đó là một phụng sự nhân loại. Điều tạo thành phụng sự không phải là kèm hãm hoặc thả lỏng dây cương đối với nhân cách

mình, mà là chúng ta nỗ lực cách khiêm tốn và hân hoan trong việc ta làm, để liên kết, để cho đi bản thân, như Chúa đã làm.

### *Sự thánh thiện của Giáo Hội*

Khi thực hiện sứ mệnh tình yêu này cách uể oải, Kitô hữu phản bội việc mình được chọn làm tư tế ở giữa nhân loại. Nơi nào vinh quang được ban, nơi ấy việc từ khước bị coi là nghiêm trọng nhất. Nơi nào con người được minh bạch biểu lộ, thì cũng biểu lộ rõ nhất sự mập mờ và cứng lòng. Tại các vùng đất và những gia đình mà phúc âm tình yêu được rao giảng và thân mình Đức Kitô được ban cho lúc rước lễ, sự xích mích và bất công thét tiếng lớn nhất thấu tận trời. Thế mà, đang xảy ra như thế ở nơi đó. Có thể ở đó, cái gọi là vùng đất Kitô giáo trên thực tế không là Công Giáo chân chính trong đức tin như dân gian hoặc truyền thống tưởng. Nhưng còn có sự thật là giữa những khiếm khuyết ấy, có thể có sự ấm áp và nguồn dự trữ của bác ái của những người rõ ràng là đáng kính. Điều này không có nghĩa những tội lỗi ấy của người Kitô hữu có thể dễ dàng được xóa bỏ. Chúng quá hiển nhiên, và là trở lực cho thông điệp của Chúa.

Rõ ràng tự bản tính, sự thiện thì luôn luôn ít đánh động cho bằng sự dữ. Ánh lộng lẫy của thành phố trên đồi chỉ có thể nhận ra trọn vẹn bởi Chúa Cha, đáng thấy nó trong ẩn mật. Ai có thể nói mọi sự ấy được hoàn thành trong Giáo Hội bởi một dân tộc người ta chưa từng nghe, bởi “con người bình thường”, trong bất cứ nấc thang xã hội nào mà người đó có thể ở, bởi đứa bé ngoan đạo, bởi



mọi cuộc sống thầm lặng đang được Đức Giêsu tán dương bằng tám mối phúc thật. Chúng ta không để ý tới họ. Họ  
 80 không xuất hiện trên báo chí! Nhưng Giáo Hội là Giáo Hội của những người hèn mọn và nghèo khó, và như thế, của các vị thánh. Không phải vì vòm thánh đường Phêrô mênh mông mà Giáo Hội Công Giáo là Giáo Hội của Đức Kitô, nhưng chính vì nhiều người quá đổi bình thường được chúc phúc hoặc các vị thánh dưới vòm đó. Họ là biểu tượng cho vô số những người vô danh khác.

Dĩ nhiên, sự thánh thiện tìm thấy trong Giáo Hội không phải là một thành tựu đơn thuần tính cách loài người. Sự tận hiến phụng sự được hoàn toàn làm một với sự phụng sự của Đức Kitô, với sự chiếu tỏa sáng chói của ngài trên khắp thế giới đang hàng ngày cử hành Phép  
 356 Thánh Thể. Qua mọi sự ấy, Đức Kitô ở trong Giáo Hội,  
 370 làm cho Giáo Hội - là dân tộc phụng sự ấy - ở giữa nhân  
 535 loại. Để khai triển vấn đề này, chúng ta phải nói đến  
 329 nhiều điểm khác như các bí tích, lời Chúa, cầu nguyện và vân vân được đề cập rải rác trong cuốn sách này.

### *Công bố chân lí*

Cần đề cập đến một sứ mạng tư tế sâu xa hơn, là  
 603 việc rao giảng chân lí. Đây cũng thế, thông điệp lớn lao  
 432 của Giáo Hội là về sự bất toàn của con người. Giáo Hội công bố một chân lí mà không ai có thể phát hiện hoặc  
 487 am hiểu trọn vẹn, một chân lí chỉ được ban cho bởi Đức Kitô, Ngôi Lời Thiên Chúa. Chân lí ấy không bao gồm một bó các luận điểm được truyền đạt cách gọn gàng và rõ ràng. Nhưng mọi mường tượng của loài người về đấng

tạo ra mình được tập trung vào mạc khải của Đức Kitô, <sup>74</sup> thuần khiết hóa, làm nên mới, và biến đổi bởi cuộc khổ <sup>816</sup> nạn và sự sống lại của ngài.

Khi Thiên Chúa ban mạc khải của ngài về chính ngài, ngài cũng ban cho chúng ta những hình thức thuần khiết hơn để nối kết khít khao những sâu thẳm của con người chúng ta vào đó (các nghi lễ đưa ra sự hình thành và đánh dấu mọi khoảnh khắc sum sê lớn lao của cuộc sống con người chúng ta - các bí tích) cho thấy con người là gì và cách con người là gì.

Chúng ta có thể diễn tả điều này bằng lời nói rất bình thường. Nếu ở nhà số 3 có một gia đình Công Giáo, và ở số 5 một gia đình tuyên bố mình “không theo đạo nào”. Thế thì số 3 được cung cấp đầy đủ các phương tiện làm người - bằng đức tin, tha tội, cầu nguyện, hôn phối, rước lễ vỡ lòng và lâm chung - tương xứng với những <sup>416-420</sup> khát vọng chân chính nhất của con người. Tương xứng <sup>421</sup> với những khát vọng được thấy cuộc sống và các khả năng của ta, có tính cách xã hội lẫn cá nhân, thật sự sinh hoa kết quả. Tương xứng với nỗi khát khao được sống đẹp lòng Thiên Chúa, và như thế, đẹp lòng mình và người khác. Giả dụ số 3 thiếu lí tưởng trong cuộc sống Kitô giáo, thì trên thực tế, số 3 đang sở hữu những phương tiện mà qua đó có thể biểu lộ những khát khao chân chính có tính cách con người của số 5.

“Kitô hữu coi kìa, phẩm cách của người”. Phẩm cách này chỉ thật sự có ý nghĩa - như chúng ta cần khẩn trương lưu ý - nếu số 3 tin sâu sắc và có hứng khởi thật sự trong cuộc sống và trong cái chết, bởi thông điệp thiêng liêng.

Chỉ lúc ấy, số 3 mới thật sự là thành phần “tư tế vương giả” trong môi trường mình.

392

### *Những người ngoài Công Giáo*

537-542 Nhưng có một điều khác cần xem xét ở đây. Nếu người Tin Lành sống ở nhà số 7 chia sẻ chân lý Đức Kitô tới mức độ lớn lao, và trong ý nghĩa này, là thành phần “tư tế vương giả”, dù họ không chấp nhận và thực hành những yếu tố kì diệu nhất định mà chúng ta tin là Đức Kitô dành cho Giáo Hội ngài. Nhưng nếu họ là những Kitô hữu chân chính, họ thuộc, tới mức độ lớn lao, về công cuộc của Đức Kitô và Giáo Hội.

Ta còn có thể đi xa hơn, gia đình số 5 tuyên bố không có đức tin, nhưng nếu họ sống trong một xã hội, mà các Kitô hữu đã và đang sống từ nhiều thế kỉ, họ hàng ngày vô thức chịu những ảnh hưởng tiềm ẩn đức tin Kitô giáo đã và đang được rao giảng, sống và cử hành trang trọng chung quanh họ. Vì thế, nếu gia đình này chân thành cố gắng sống tốt lành, họ không hoàn toàn bị tách biệt với Giáo Hội. Trong một ý nghĩa rộng, họ thuộc về tầng lớp những người được thông điệp Đức Kitô chạm tới. Thực tế, họ có thể thường làm những người ở số 3 và số 7 phải hổ thẹn.

Điều này không có nghĩa chúng ta sẵn sàng thoả hiệp về chân lý được Thiên Chúa mạc khải và thừa nhận rằng nơi nào cũng giống nhau. Chúng ta hoàn toàn chỉ muốn nhắc nhở rằng, chân lý Kitô giáo có hiện hữu bên ngoài Giáo Hội Công Giáo - đặc biệt giữa các Kitô hữu mà chúng ta hi vọng sẽ tái hiệp - ở nhiều cấp bậc và nhiều

hình thức khác nhau, nơi tiếng nói của Đức Kitô có thể được nghe. Và một thành phần của sứ mệnh tư tế của Giáo Hội là trở thành một nguồn suối cho các dòng chảy này, bằng cách giữ chân chính đối với chính mình. 581

Và rồi nhiều lúc người Công Giáo nhận ra là phía người khác cũng có điều để nói với người Công Giáo - một điều có tính cách Kitô giáo. Bên ngoài cộng đoàn Công Giáo, loài người lắm khi có nhiệt tình nồng cháy và cao cả cho những giá trị nhất - nhân đức, công bằng xã hội, liêm chính, nhạy cảm về thực tại trần thế. Do đó, từ những người đứng nơi xa mút ấy, chúng ta nghe tiếng vọng nhất định của thông điệp Đức Kitô. Trong ý nghĩa này, những người khác ấy cũng là những tư tế thay chúng ta. 479

### *Độ lượng*

486-487

Ở đây, chúng ta có thể đưa vào ít lời về sự độ lượng. Nó không chỉ có nghĩa chúng ta tôn trọng yếu tố Kitô giáo trong quan điểm của những người có niềm tin khác biệt. Mà còn có nghĩa là chúng ta tôn trọng các xác tín của cả những người có khuynh hướng khác hẳn Kitô giáo, lúc ta nhận ra bởi đó mà họ làm suy kiệt thay vì làm phong phú loài người. Vấn đề độ lượng không là vấn đề dễ dàng ta có thể nêu lên qua loa bằng một ít khẩu lệnh hoặc khẩu hiệu.

Khó khăn không nhiều lắm cho những người sở hữu các xác tín trong tâm trí mình. Giáo Hội nhận thấy đức tin là một hành động tự do, và vì thế không bao giờ việc sử dụng sức mạnh hoặc áp lực có thể mang con người đến với đức tin. Do đó, tự do bên trong của người khác được 589-671

thừa nhận như một nguyên lý. Và Giáo Hội nhấn cách mạnh mẽ rằng mỗi người phải làm theo lương tâm mình. Bắt đầu có sự phản đối khi một xác tín trở thành chủ đề tuyên truyền để áp đặt nó với mọi phương tiện có được. Lấy thí dụ chủ nghĩa kì thị phi kitô giáo điển hình của Quốc Xã. Việc thiếu tôn trọng các quan điểm của người khác sẽ ngăn chặn chúng ta bộc lộ sự không ưa hoặc không đồng ý.

Và chúng ta có thể gọi đó là theo luật đào thải của đất? Nếu xác tín đó không chỉ phi kitô giáo, tội ác, và lúc đó nó có thể thực hiện. Nhưng ai sẽ quyết định tối hậu về ý kiến đó? Luật của đất? Nhưng nếu thế thì không thể có hoặc không được phép có cách mạng xảy ra? Lúc ấy, lấy ai quyết định? Không thể xác định điều này cách rõ ràng, do đó, sự độ lượng luôn luôn là điều cần phải được cộng đoàn vạch ra tỉ mỉ trong từng trường hợp.

Giáo Hội có mười giới răn mà vì thế đưa ra được tính cách hữu dụng. Nhưng ta không thể dùng chúng cách hời hợt như những qui tắc tối độ có thể làm xã hội coi như phi nhân bản. (Chẳng hạn, không được áp đặt giới răn thứ nhất lên người vô thần). Giáo Hội phải bảo vệ các giới răn đó với tất cả những gì mình có thể có. Nhưng điều chúng ta quan tâm ngày nay là không biết xã hội có thể đặt chúng như những qui tắc quyết định cái gì là tội ác cái gì không, và như thế giữ gìn chúng bằng luật lệ và phép tắc của xã hội.

Ở đây, rõ ràng khó diễn tả bằng lí thuyết giới hạn của độ lượng, và xác định cách sắc bén. Nhưng vì thế chúng ta không nên xem thường giá trị của đức hạnh này. Chúng ta phải biến sự độ lượng, lớn lao nhất có thể có

được, đối với các xác tín của người khác thành một lý tưởng, và chúng ta phấn đấu theo đó. Tình yêu, sự dịu dàng của phúc âm và lòng tôn trọng tính cách bất thường và tự do của người khác, đòi hỏi chúng ta bao dung. Chúng ta nên tự hào thấy các chức vụ hữu trách trong một xã hội thực hành đầy đủ tinh thần Công Giáo lại được đặt vào tay những người có tín ngưỡng khác chúng ta. Chúng ta nên tự hào là trong xã hội đó, các xác tín khác có thể tự do hiện hữu và phô bày sức thu hút của chúng, mà không thấy có gì đối lập với chúng trừ ánh sáng trong treo của chân lý và lòng kiên nhẫn tuyệt vời phát xuất từ Thánh Linh.

14b-150  
227-229

### *Tại sao truyền giáo? Các giáo hội trẻ*

450-461

“Các người hãy đi thu nạp môn đồ khắp muôn dân” (Mt. 28:19). Phúc âm có ý nói tới toàn thể loài người. Đức Giêsu đem tới sự giúp đỡ, lương thực và chữa trị. Đức Giêsu không ngừng công bố chân lý. Hai trách vụ ấy cũng đặt trên Giáo Hội. Với những người thật sự tin thì không cần lời chỉ bảo về trách nhiệm. Vì Đức Giêsu đã chữa trị nên Giáo Hội nỗ lực giúp đỡ những nơi cần giúp đỡ. Trong lãnh vực này, phụ nữ là công cụ trước hết của Đức Kitô, có hàng ngàn nữ tu và những nữ nhân khác khắp thế giới. Vì Đức Giêsu đã rao giảng nên Giáo Hội cất bước rao truyền chân lý.

Một trong những động lực mạnh mẽ nhất của truyền giáo là sợ những người ngoại đạo bị vĩnh viễn sa hỏa ngục nếu không ai đem tới cho họ chân lý và quyền năng của Đức Kitô. Hiện nay, xác tín ấy càng rõ ràng và bao

498-500

quát hơn (xem chương về phép rửa tội) rằng chúng ta không biết cách Thiên Chúa phán xét thế nào những người không biết tới con đường của Đức Kitô. Chúng ta không biết nhiều lắm về sự cứu rỗi đời đời của người ngoài Kitô giáo, và Giáo Hội, rõ ràng được hướng dẫn bởi Thánh Linh, thì rất yên lặng về việc này. Trong Tân Ước, tiếng “cứu rỗi” không hạn chế bảo đảm hạnh phúc đời đời của cá nhân, mà có một chuỗi ý nghĩa rộng rãi hơn. Nó có nghĩa một dân tộc được tập hợp cùng nhau để sống trong niềm hân hoan của nước trời, bao gồm niềm vui chờ đợi trong tin cậy vào việc Chúa đến và cũng bao gồm việc Chúa đến không ngừng, ẩn mật và mãi nguyên trong cuộc sống hằng ngày của ta. Với con người, phối mở lòng mình cho điều ấy tức là cứu rỗi.

7.1-55 Vì thế các nhà truyền giáo ra đi. Họ gây dựng sự hiệp thông nơi nào nước Thiên Chúa bắt đầu thành hình. Khát vọng sâu xa nhất của họ là đưa ra định hướng chân chính. Cội rễ thật sự của sự dữ bị phô bày, là sự không yêu thương. Nguồn suối tha tội được khai thông, sự sống lại được công bố, tin mừng mà thực tại tối hậu không là tất yếu tàn bạo của định mệnh, nhưng là tình yêu. Dưới niềm an ủi và sức mạnh của Thánh Linh, loài người phát triển, 162 và trọn cuộc sinh tồn của họ ra sinh hoa kết trái hơn. Chúa đến với họ. Vì thế, cuộc đời của các nhà truyền giáo làm thành một chương huy hoàng của lịch sử nhân loại, chỉ được biết tới bởi Chúa Cha, đáng đang nhìn trong thầm lặng. 17.1-476

Lệnh rao giảng của Đức Giêsu có nghĩa là hàng thế kỷ đi ra xứ người. Và truyền giáo quốc ngoại nay vẫn là một thành tố quan trọng. Nhưng họ cùng mang với mình

sự phản đối, rằng cùng với thông điệp Kitô giáo là cả chục nền văn hoá Âu Châu có thể bị áp đặt lên và đi ngược lại đặc tính tự nhiên của dân tộc bản địa. Mỗi dân tộc trở thành Kitô giáo có một sứ mệnh của riêng mình bên trong dân Thiên Chúa. Các thời kì trước, đôi khi có nhận ra điều này nhưng lắm lúc bỏ lơ. Chúng ta không nên đi tới cực đoan viển vông và hành động như thể mỗi dân tộc đều có một nền văn hóa đầy sức sống và hưng thịnh để cống hiến. Văn hoá kĩ thuật đang thâm nhập khắp nơi thường thay thế từng phần của văn hoá cổ và giảm thiểu nó thành không quan trọng, cũng giống nền kĩ thuật đang tác động lên Âu châu với các nền văn hóa Âu Châu cổ. Tuy thế, việc truyền giáo cần thường xuyên cố gắng nói lên đặc thù của mỗi quốc gia, mỗi gia đình và mỗi người. Cả ở trần gian này, Thiên Chúa không muốn để mất bất cứ cái gì phát xuất từ tay ngài. Điều này trực tiếp đưa đến việc mỗi xứ sở cần có các giám mục và linh mục riêng của mình. Chỉ lúc ấy Giáo Hội mới thật sự được khắc sâu trong một dân tộc.

Và dù loài người không tham gia vào cộng đoàn hữu hình của Giáo Hội với số lượng đông đảo nhưng nếu họ là người thiện tâm thì ảnh hưởng của Giáo Hội sẽ chạm đến họ. Thông thường, họ sẽ nhấn mạnh đến các yếu tố Kitô giáo nhất trong tôn giáo hoặc triết học của mình, đặt chúng thành thực hành hoặc khả thi để không thua sút khi so sánh với các Kitô hữu.

Việc truyền giáo Kitô giáo cũng có thể là một thành tố sâu xa nhất trong công cuộc hiệp nhất nhân loại. Họ công bố Đức Giêsu, đáng mà học thuyết của ngài không

207

332-381



phải quyền bính mà là phục vụ, câu trả lời của ngài lúc được cho thấy mọi vương quốc thế gian và hiến cho quyền lực trên đó là câu từ chối: “Cút đi! Satan!”. Họ công bố Đức Giêsu. Đấng rao giảng rằng nước Thiên Chúa đã mở ra và còn mở ra cho tâm hồn của từng người này tới người khác của nhân loại. Chính Đức Giêsu đã nói: “Chúng sẽ nghe tiếng Ta và trở thành một đàn chiên, một chủ chiên”(Ga. 10:16). Ngài có ý nói toàn thể nhân loại, vì ngài ao ước “mọi người được cứu thoát và được nhìn thấy sự thật” (1 Tm. 2:4).

387-388

Trong việc truyền giáo rao giảng tới tận cùng quả đất này, nhiệm vụ đại kết mà Thánh Linh thúc ép các Kitô hữu ngày nay dĩ nhiên là một việc quan trọng cách riêng, khó khăn cách riêng và giục dã cách riêng.

385-386

Khi Giáo Hội đã bén rễ trong các dân tộc, có lẽ việc truyền giáo có nghĩa là đem men vào dân tộc của chúng ta hơn là đi ra xứ người. Chúng ta sẽ cố gắng đảm nhiệm việc truyền giáo này bằng cầu nguyện và bác ái, bằng đưa ra thông điệp về sự bất toàn của con người và như thế, về tiềm lực của con người.

### *“Những nỗi thống khổ của Đức Kitô”*

162-164

Được làm dân Thiên Chúa không là sứ mệnh dễ dàng, vẻ vang. Đức Giêsu đã nói các cửa địa ngục không thắng được Giáo Hội ngài. Nhưng ngài cũng hỏi: “Tuy vậy Con Người đến sẽ còn gặp được lòng tin trên trái đất nữa không?” (Lc. 18:8). Phần lớn của câu hỏi ấy còn là một vấn nạn bỏ ngỏ... đặt ra cho chúng ta. “Ta sẽ ném lửa xuống đất, và nào Ta ước mong gì nếu nó được nhen lên!” (Lc. 12:49).

Chúng ta chẳng được hứa hẹn là điều ấy dễ dàng. Nhưng chúng ta được hứa hẹn rằng khổ đau sẽ sản sinh sự sống, như những khổ đau của Đức Kitô. Cũng trong cách ấy, Giáo hội là tư tế. “Vì tuy sống đó, nhưng luôn luôn chúng tôi bị phó nộp cho án chết, vì Đức Giêsu, ngõ hầu sự sống của Đức Giêsu cũng được hiện tỏ nơi các xác chết dỏ của chúng tôi. Ấy vậy, nơi chúng tôi, sự chết ra công, còn sự sống, nơi mình anh em” (2 Cr. 4:11-12).

Như thế Phaolô tin rằng việc này là thành phần của cuộc sống Kitô hữu, tới độ Phaolô cảm thấy mình chưa đóng góp phần của mình, và viết: “Nay tôi vui sướng trong các nỗi thống khổ chịu vì anh em; và trong thân xác tôi, tôi bù đắp những gì thiếu nơi các nỗi quằn bách Đức Kitô phải chịu vì Thân mình Ngài, tức là Hội Thánh” (Cl. 1:24).

Những “nỗi thống khổ của Đức Kitô” là những cơn <sup>295</sup> trở dạ của cuộc sống mới này, và do đó, không là sự vô định” “Các người sẽ khóc và sẽ than... các người sẽ phải ưu phiền, nhưng sự ưu phiền của các người sẽ thành niềm vui. Đàn bà sinh con thì phải ưu phiền, vì giờ của bà đã đến; nhưng sinh con rồi thì không còn nhớ cơn khốn quẫn, <sup>432</sup> vì niềm vui là đã có một người sinh ra trên thế gian” (Ga. <sup>793-797</sup> 16: 20,21).

Do đó, chúng ta kết luận chương này với những lời trong thư thứ nhất của Thánh Phêrô, chứa đựng niềm an ủi “luôn luôn cố, luôn luôn mới”:

“Anh em thân mến, đừng lấy làm lạ vì hỏa tai bốc cháy để thí luyện anh em, như một cái gì lạ lùng xảy đến. Nhưng càng được chung phần thống khổ với Đức Kitô chừng nào, anh em hãy vui mừng!

Ngõ hầu khi vinh quang của Ngài mạc khải ra, anh em cũng được vui mừng hớn hở. Nếu anh em phải chịu sỉ vả vì Danh Đức Kitô, thì phúc cho anh em, vì Thần Khí vinh quang của Thiên Chúa, sẽ đậu lại trên anh em. Nhưng đừng có ai trong anh em phải khổ như sắt nhân, hay trộm cắp, hay gian phi hay như phiến loạn. Còn nếu như là Kitô hữu, thì đừng xấu hổ, một hãy tôn vinh Thiên Chúa vì danh hiệu ấy” (1 Pr. 4:12-16).

## THỪA TÁC VỤ

232 236

### *Phụng sự*

Những người đại diện Chúa nắm trách vụ trong Giáo Hội được đặt định cho không bị ràng buộc để sẵn sàng phục vụ với mọi khả năng có thể của mình. “Vì chúng tôi không rao giảng chính mình, song là Đức Giêsu Kitô, (Ngài là) Chúa, còn chúng tôi chỉ là tôi tớ của anh em, vì Đức Giêsu. Vì chưng Thiên Chúa, Đấng đã phán: Từ tối tăm hãy bật sáng! Chính Người đã làm bật sáng nơi lòng chúng tôi, để (chúng tôi làm cho thiên hạ) nhìn biết, trong ánh sáng ấy, vinh quang của Thiên Chúa chói loà nơi nhan thánh Đức Kitô” (2 Cr. 4:5-7). Trong Tân Ước có nhiều lời tuyên bố như thế, nói với chúng ta rằng các chủ chăn của Giáo Hội không như những vị vua các nước, mà là các tôi tớ. Sự chăm sóc của Giáo Hội, và như thế, quyền năng lớn lao, mà Chúa ban cho loài người được theo nền tảng ấy mà hiểu ngược lại.

### *Trách vụ của các Tông đồ*

Đức Giêsu là “một người tội lỗi” giữa các tông đồ của ngài, đồng thời, ở tâm điểm của đàn chiên này, ngài là người cầm quyền. Cũng cách thức ấy, ngài ban cho các Tông đồ trách nhiệm làm tội lỗi cho dân Thiên Chúa và đồng thời là những đại diện có thẩm quyền của ngài. Sứ mệnh ngài ban đó được diễn tả bằng lời thế này: “Quả thật, Ta bảo các ngươi: mọi điều dưới đất các ngươi cầm buộc, thì cũng sẽ bị cầm buộc ở trên trời, và mọi điều dưới đất các ngươi tháo cởi, thì cũng sẽ được tháo cởi 20 trên trời” (Mt. 18:18). Chúng ta đã giải thích rằng tháo cởi và cầm buộc có nghĩa là quyền hành, cả hai dùng để cai quản cộng đoàn và quyết định vấn đề. Trong bữa tiệc li, ngài cũng cho các Tông đồ chỉ thị: “Hãy làm sự này mà nhớ đến Ta” (Lc. 22:69). Và sau khi sống lại, phúc âm cho thấy ngài thổi hơi trên các Tông đồ và nói: “Các ngươi tha tội cho ai thì tội họ được tha; các ngươi cầm giữ tội ai, thì tội họ bị cầm giữ!” (Ga. 20:22). Cai quản, dạy dỗ, cử hành các biểu hiệu của Chúa - với những quyền hành như thế mà các Tông đồ được trang bị.

### *Việc truyền giao trách vụ*

Tân Ước cũng cho chúng ta cái nhìn thoáng qua về nỗi lo âu mà các Tông đồ đã có về việc chuyển giao trách vụ mục vụ của mình sau khi các ngài qua đời. Phaolô, cũng là một Tông đồ, qua những chỉ thị dứt khoát của Chúa, đã nói với các thủ lãnh những cộng đoàn Tiểu Á: “Và này đây, tôi biết là anh em sẽ không còn bao giờ thấy mặt tôi nữa... Nhưng anh em hãy đề cao cảnh giác

về mình, cũng như về đàn chiên, trên đó Thánh Thần đã đặt anh em làm người thị sự, để anh em chăn dắt Hội Thánh của Thiên Chúa” (Cv. 20:25-28). Phaolô viết cho Titô: “Nhân vì lẽ này mà tôi đã để anh em ở lại Crêta; ấy là để anh em cải thiện thêm hơn những gì còn bỏ dở dang, và thiết lập hàng niên trưởng trong mỗi thành như tôi đã truyền dạy” (Tt. 1:5). Như thế, những người đứng đầu được chỉ định của cộng đoàn hầu hết gọi là trưởng lão (niên trưởng) hoặc giám mục (*episcopi*, các giám sự) trong Tân Ước. Các cộng đoàn được cai quản bởi một nhóm các giám mục hoặc trưởng lão, những người được giúp đỡ bởi các phó tế (trợ tế), trong lúc các Tông đồ vẫn giữ quyền tối cao. Điều này có thể suy diễn qua so sánh 1 Timôthê 3:1 (số ít) và 3:8 (số nhiều) rằng dù vậy đôi khi chỉ có một thủ lãnh độc nhất của cộng đoàn, và rằng *episcopus* (giám mục) là tên được ban cho vị thủ lãnh cai quản ấy.

Trong bất cứ trường hợp nào, việc ấy chắc chắn có thật, vào cuối thế kỷ thứ nhất ngay sau cái chết của các Tông đồ. Việc ấy rõ ràng qua các thư của Inxaxiô Antiôkia, phản ánh tình trạng khoảng năm 100. Thí dụ, 359-361 viết cho Giáo Hội Smyrna: “Hãy vâng phục đối với giám mục như Đức Kitô đối với Chúa Cha, và đối với các trưởng lão như đối với các Tông đồ. Hãy có lòng tôn kính đối với các phó tế, là những người được Thiên Chúa giao trách nhiệm.” Chúng ta thấy ba cấp độ, các phó tế, các trưởng lão và một *episcopus* “giám mục”.

Cũng có cách khác để theo dấu chức vụ giám mục trong Giáo Hội xa xưa. Khi có lời thỉnh cầu đưa ra vào cuối thế kỷ thứ hai đối với truyền thống các Tông đồ, thì

nó đã là một truyền thống hoặc kế vị mà những người có tên đều được lập danh sách. Đó đó, Thánh Irênê trong bài “Chống Các Dị Giáo”, một tác phẩm viết khoảng năm 180, kể tên các giám mục của Smyrna và Rôma từ thời các Tông đồ cho tới thời mình. Các danh sách tương tự có ở Alexandria, Giêrusalem và Antiôkia. Cơ hội đề cập tới danh sách ấy - việc bảo tồn tính chất thuần khiết của thông điệp chống các dị giáo - cũng cho thấy có lẽ có điều gì đó liên quan tới các tình trạng trong đó chức vụ này mang lấy một hình thức thực hiện rõ rệt. Một người cai quản tối cao và độc nhất (thủ lãnh) là một bảo đảm cho sự hiệp nhất của Giáo Hội mỗi nơi. 359-361

### *Những đại diện của Chúa*

Chúng ta có thể biết qua các thư của Inhaxiô Antiôkia cảm xúc sâu xa trong các Kitô hữu liên quan tới nhiệm vụ mục vụ thời ấy trong Giáo Hội. Khi nói về một giám mục, Inhaxiô viết cho giáo dân Tralles rằng, “anh em lệ thuộc vào ngài như anh em lệ thuộc vào Đức Kitô”. Do đó, không phải vấn đề người phục vụ mà là thực hành sự vâng phục đối với Chúa bằng vâng lời vị giám mục được Giáo Hội bổ nhiệm. Inhaxiô đưa ra diễn tả sâu xa nhất thái độ của Kitô hữu trong lời trích dẫn trên: “Hãy vâng phục đối với Giám mục như Đức Giêsu Kitô đối với Chúa Cha”. Sự hiện hữu của giám mục làm Kitô hữu có thể “có nơi tâm tư như đã có trong Đức Giêsu Kitô” (x. Pl. 2:5). Sự vâng phục Thiên Chúa đưa tới cuộc sống tràn đầy và ấm áp trong sự vâng lời giám mục. Giám mục được chỉ định để làm người “nắm quyền nhân danh Thiên Chúa”, (thư Inhaxiô gửi các tín hữu Manhêxian). Giám

mục được các linh mục và các phó tế phụ tá. Chúa hằng sống muốn được đại diện qua những người sống động.

### *Mục tử cho đi cuộc đời mình*

166-168

Các chủ chăn được kêu gọi để chia sẻ lòng tận tâm cứu thế của Đức Giêsu - rằng tin mừng phải được rao giảng cho những ai thiếu thốn. Các vị được sai đi, để nên Tội Tử Của Đức Giavê, kẻ cho đi cuộc đời mình. Ở đây, không phải chỗ thảo luận là trong diễn biến lịch sử, các vị đã thực hiện sứ mệnh mình thành công tới đâu. Người ta thường nói đến những khiếm khuyết của các vị, và đúng. Nhưng các ý kiến ấy cũng là lời phô bày một kì vọng cao quý, và về điều gì đó, trên thực tế luôn luôn được hoàn thành. Điều đáng chú ý là nhiều giám mục được phong thánh, và một số giám mục được coi như những vị thánh sống. Thật vô ơn với Chúa nếu bỏ qua mọi sự thiện đã nhập vào thế gian qua những người kế vị các Tông đồ.

### *Mục tử ban cho sự sống của Đức Kitô*

Với lời diễn tả trên về tiếng gọi của các giám mục đối với việc sống như-Đức-Kitô, chúng ta chưa hoàn tất câu chuyện của các vị. Còn có điều để nói là, trách vụ của giám mục là một bí tích, nghĩa là, qua đó Đức Kitô có mặt giữa chúng ta, dù chủ chăn có thể dường như, có tính cách con người, thiếu nghiêm trọng chất lượng và khả năng. Giám mục được ban cho sứ mệnh và quyền hạn lớn lao hơn của một con người. Các giám mục, linh mục và phó tế là những người mang điều mà qua đó Đức Giêsu ở giữa chúng ta. Dù nhân cách của một linh mục nào đó

không có vẻ gì là phục vụ cho điều ấy và không có phẩm chất truyền sức sống (mọi tình trạng yêu đương là nứt rạn bi thảm trong đời vị ấy), trách vụ của vị ấy vẫn là truyền sức sống, vì công cuộc của Đức Kitô trong nhân loại vẫn được thực hiện qua vị ấy.

### *Giám mục*

Giám mục được ban cho đầy đủ về thẩm quyền và quyền năng mục vụ. Các vị là những *đấng tư tế* của Giáo Hội.

Trong nghi lễ truyền chức giám mục long trọng, chúng ta đọc thấy những lời sau: “Nguyên xin sự rao giảng và phát biểu của người này không bằng những lời lẽ hợp lý của trí khôn loài người mà bằng những thể hiện và quyền năng của Thánh Linh. Lạy Chúa, xin ban cho người này chìa khóa nước trời, để người này có thể hành xử thẩm quyền của mình mà không lấy làm hãnh diện, vì Chúa ban cho không để hủy diệt mà để mở mang; để mọi điều người này cầm buộc ở thế gian cũng sẽ bị cầm buộc trên trời; và mọi điều người này tháo cởi ở thế gian cũng sẽ được tháo cởi trên trời, để những tội lỗi mà người này cầm giữ sẽ bị cầm giữ, và những tội lỗi người này tha thứ sẽ được tha thứ.” Ý nghĩa của lời ấy là những quyền năng của các Tông đồ (đĩ nhiên trừ quyền làm người sáng lập) được truyền giao cho giám mục. Giám mục cũng được ban cho quyền chăn dắt đàn chiên của Đức Kitô bằng cai quản, giáo huấn và phân phối các bí tích. Ba sứ mệnh ấy được thực hiện bằng những cách khác nhau trong các thời đại khác nhau. Vì thế, Đức Kitô để lại quyền hành giữa chúng ta hiện thân qua những con người sống động.

356

356

685-689



356  
685-689

Việc quản trị của giám mục dĩ nhiên không phải một thành tố chính trị mà là một thừa tác vụ tinh thần. Cũng thế, việc này có tính cách thẩm quyền và chỉ huy thật sự. Phục vụ mà giám mục thực hiện nhân danh Giáo Hội trên thực tế là cai quản. Quyền lãnh đạo có tính chất phục vụ này không chỉ có nghĩa giám mục sẵn sàng giúp đỡ, mà còn để tâm và cởi mở đối với tiếng nói của mọi Kitô hữu.

603

Nhiệm vụ giáo huấn của giám mục có khía cạnh bảo vệ và sáng tạo. Là bảo vệ vì giám mục chịu trách nhiệm mọi điều các linh mục đưa ra như học thuyết Kitô giáo trước các tín hữu hàng chữ viết và lời giảng. Giám mục còn chia sẻ những âu lo mà Phaolô đã trình bày cho các chủ chăn ở Tiểu Á: “Tôi biết tôi đi rồi... ngay giữa anh em, cũng sẽ chỗi dậy những người rao giảng những điều tà vạy, để quyến dụ môn đồ theo mình” (Cv. 20:30). Nhiệm vụ đó cũng là sáng tạo vì nó giống nhiệm vụ một gia chủ rút tự trong kho mình ra cái mới và cái cũ (x. Mt. 13:52). Mỗi thời đại đặt ra những vấn đề mới cho phúc âm, và phúc âm rọi ánh sáng mới lên mỗi thời đại.

288-291

601  
130

Nhiệm vụ quản lý các phép bí tích được giám mục thực hiện, chẳng hạn, khi làm phép dầu thánh cho giáo phận mình, truyền chức các linh mục và ban phép thêm sức (như thế, hoàn tất phép rửa tội cho mọi Kitô hữu trong giáo phận). Thêm nữa, giám mục chịu trách nhiệm về việc cử hành chính xác các biểu hiệu bí tích trong giáo phận mình.

### *Giám mục là sứ giả*

Tính chất thần phụ của thẩm quyền giám mục được liên tục xác định bởi chỉ thị của phúc âm: “Các người hết

thầy đều là anh em. Và các người đừng xưng hô ai dưới đất là “Cha” của các người, vì Cha của các người chỉ có một, Cha ở trên trời” (Mt. 23:8-9). Đây không chỉ là vấn đề cảm xúc. Trước Chúa Cha, giám mục cũng chỉ là một <sup>507</sup> tín hữu được thu nhận vào Giáo Hội như một em bé nhỏ nhất đi rước lễ. Thêm nữa, giám mục nhận sứ mệnh và thẩm quyền của mình bên trong và nhân danh toàn thể dân Chúa. (Khi nói đến “dân Thiên Chúa” theo ý nghĩa thánh kinh, dĩ nhiên chúng ta không loại trừ các giám mục và linh mục). Thật sự, cách quyền hành đến với giám mục không theo cách chúng ta thấy trong chế độ dân chủ. Trong việc này có một ý nghĩa đặc biệt trọng đại. Nhân thể, điều lưu ý đầu tiên là việc chọn lựa một người làm giám mục, việc chỉ định, có thể diễn ra theo nhiều cách khác nhau, thí dụ bằng tiếng nói của giáo dân, như trường hợp thường xảy ra vào các thời trước.

Nhưng thẩm quyền ấy tự nó không được chuyển giao <sup>219-241</sup> bởi đa số ban cho một người trong tập thể mình để làm một giám mục. Những ai đã nhận thẩm quyền ấy thì trao nó tận tay. Một giám mục được truyền chức bởi một giám mục khác. (Cho thấy đây là trách nhiệm được Giáo Hội phổ quát trao phó, ba giám mục cùng đặt tay lên trong buổi lễ truyền chức trang trọng). Cách truyền đạt nhiệm vụ mục vụ này không có nghĩa xác định cương vị chúa tể từ trên cao. Ý nghĩa thật sự là các mục tử được sai. Sứ mệnh và thẩm quyền Chúa trao phó cho dân Thiên Chúa bằng việc ngài đặt sứ mệnh và thẩm quyền này trong tay các Tông đồ. Các Tông đồ truyền thẩm quyền này lại cho những ai đến lượt mình được sai. Do đó, trong cách này, nhiệm vụ giám mục chứa đựng đặc điểm của trách

nhiệm có tính cách bí tích xuất phát từ Chúa. Nó mở cửa cho thấy các căn nguyên. Loài người không tự ban cho mình địa vị dân tộc tư tế. Địa vị ấy được Chúa ban cho. Đó là ý nghĩa sâu xa của nhiệm vụ mục vụ trong Giáo Hội: rằng làm dân Thiên Chúa là một điều được ban cho chúng ta.

*Nhiệm vụ tư tế của Đức Kitô,  
của dân Thiên Chúa và của giám mục*

576 Thế thì dường như “nhiệm vụ tư tế tổng quát” của dân Thiên Chúa bị giảm thiểu thành một việc rất thứ yếu. Trên thực tế có vẻ không chỉ một số ít người nghĩ như vậy. Nhưng không phải vậy, vì tương quan giữa chức vụ tư tế tổng quát và tư tế mục vụ nằm ở cấp bậc khác. Chỉ có một chức vụ tư tế độc nhất, thuộc về Đức Kitô. Dân Thiên Chúa chia sẻ chức vụ tư tế độc nhất ấy. Do đó, chức vụ tư tế tổng quát là việc trung tâm và quan trọng thật sự. Dân Thiên Chúa nhận nó qua rao giảng và các bí tích. Có điều lời Chúa và phép bí tích được trao tay cho những ai mà Thánh Linh ban cho nhiệm vụ tương ứng, là các giám mục. Như thế, bởi nhiệm vụ tư tế đó mà các giám mục cai quản Giáo Hội, mà đó là một phục vụ nhờ đó dân Thiên Chúa có tính cách tư tế và được liên tục canh tân trong chức vụ tư tế của mình. Vì thế, giám mục được coi là “những thủ hạ của Đức Kitô và như những người quản lý các mầu nhiệm của Thiên Chúa” (I Cr. 4:1).

Vì nhiệm vụ mục vụ trong Giáo Hội là một biểu hiện có tính cách bí tích của Đức Kitô nên theo đó, việc truyền chức giám mục là một bí tích. Diễn ra theo hình thức sau.

Ba giám mục đặt tay lên đầu của vị giám-mục-tuyển và cầu xin Thánh Thần Chúa xuống trên vị này. Đây là điểm cốt tủy của nghi lễ. Được vây phủ bởi những cử chỉ biểu tượng: xúc dầu trên đầu và và tay với dầu thánh, ban cho quyền trượng và nhẫn, và đặt sách phúc âm mở sẵn trên đầu của vị giám-mục-tuyển, và thỉnh cầu Thánh Linh qua lời Chúa xuống trên vị này. 229-230

### *Các linh mục và các phó tế*

Cùng với nhiệm vụ giám mục có những cấp bậc khác của chức vụ tư tế. Giám mục có những trợ giúp về tư tế, gọi là linh mục và phó tế (trợ tế). Việc truyền chức “linh mục” cũng gồm lời cầu nguyện lên Thánh Thần Chúa và đặt tay, do giám mục thực hiện cùng với các linh mục có mặt. Lễ truyền chức được vây phủ bởi các nghi thức soi sáng: xúc dầu bàn tay, ban chén thánh và đĩa vàng (đĩa đựng bánh thánh), dâng lễ chung với giám mục, lễ đồng tế Phép Thánh Thể đầu tiên. Cuối thánh lễ, giám mục đặt tay lên lần nũa và nói, “Hãy chịu lấy Thánh Thần. Người tha tội cho ai thì tội họ được tha; người cầm giữ tội ai thì tội họ bị cầm giữ” (x. Ga. 20:22).

Các quyền truyền cho linh mục gồm quyền cử hành Phép Thánh Thể và bí tích giải tội (nghe xưng tội). Tùy hoàn cảnh mình, linh mục chia sẻ nhiệm vụ giáo huấn và hướng dẫn. Linh mục gắn liền với một giáo phận, hoặc một tu viện hay một tu hội (thực tế thường có tính cách quốc tế). Trường hợp đầu, gọi là linh mục giáo phận hoặc linh mục triều, và trường hợp sau gọi là thành viên của giáo sĩ dòng (dòng - ràng buộc do lề luật của dòng). Nói chung, cả hai đều được thừa là “Cha”.

Thông thường, sứ mệnh của linh mục là trông coi một phần đất nhất định của giáo phận, gọi là giáo xứ. Vị điều khiển giáo xứ được biết tới là linh mục chánh xứ. Các phụ tá được gọi là cha phó hoặc linh mục phụ tá. Nhiều linh mục, đặc biệt linh mục dòng, không gắn liền với giáo xứ nhưng phục vụ dân Thiên Chúa bằng cách khác. Tất cả linh mục, triều hoặc dòng, thường là những người làm vườn nho tiếp xúc nhiều nhất với các Kitô hữu và người ngoài Kitô giáo. Không nhiều linh mục giáo xứ được phong thánh, dù một lượng lớn tiểu thuyết tuyệt tác lấy linh mục dòng và triều làm đối tượng. Đó là một loại phong thánh hiện đại cho kiểu mẫu linh mục này, bởi ý kiến nhân dân, *vox populi*, và là một công nhận sự đáp ứng có tính cách kitô chân chính đối với ân sủng.

Qua nhiều thế kỉ, việc truyền chức phó tế đã không có chức năng nào khác ngoài việc đưa tới truyền chức tư tế sau đó. Chức phó tế cũng được truyền bằng cách đặt tay và cầu xin Thánh Thần Chúa. Sách Công Vụ Tông Đồ (6:1-6) diễn tả nhiệm vụ này bắt nguồn ở Giêrusalem. Các Tông đồ bổ nhiệm bảy người để phân phối “giúp đỡ” (*diakonia*). Qua Công Vụ 6:8 và 8:26-40, rõ ràng là các phó tế cũng hoạt động như những thừa tác viên lời Chúa và phép rửa tội. Ngày nay sứ mệnh của phó tế vẫn là: phụ tá, rửa tội và giáo huấn. Công đồng Vatican II đã khôi phục nhiệm vụ đó như một chức năng trọn đời.

Việc truyền chức giám mục, linh mục và phó tế cùng làm thành một bí tích với các cấp độ khác nhau. Các nghi lễ truyền chức có nhiều đường nét nghệ thuật gây ấn tượng. Chức được truyền vĩnh viễn cho đối tượng. Bí tích

này không bao giờ bị tiêu hủy. Giả dụ, dù vì một hoàn cảnh nào đó mà vị linh mục từ bỏ việc thực hành thật sự chức vụ này, thì nếu có trường hợp cần thiết, vị đó vẫn có thể hành xử trách vụ của mình.

### *Trách vụ giữa các Kitô hữu khác*

362

Không ngạc nhiên là Tin Lành cách riêng có một quan điểm khác về nhiệm vụ này. Tin Lành rút gọn lại qua việc thừa nhận rằng công cuộc cứu rỗi của Đức Kitô rất hướng về trần thế tới độ có thể được nhận thấy trong loài người những phẩm trật thánh thiện. Rõ ràng Tin Lành thừa nhận là Chúa ban cho nhiệm vụ ấy. Nhưng người giữ nhiệm vụ ấy nhận sứ mệnh của Đức Kitô trực tiếp từ dân tộc, không từ các giám mục của Giáo Hội. Thái độ và thẩm định tùy phái Tin Lành đánh giá mà nhiệm vụ này thay đổi dựa vào những khuynh hướng khác nhau. Người theo phái Luther có các giám mục dù tiếng này không cùng ý nghĩa với chúng ta. Người theo phái Calvin không công nhận nhiệm vụ của hàng giáo phẩm trên những người rao giảng cấp địa phương. Nhiệm vụ giám mục, được quan niệm tới mức độ lớn lao như chúng ta, trong "Giáo Hội Anglican" li khai và trong nhóm "Old Catholics" (Người Công Giáo Cổ Cựu) ở Hòa lan, nơi phát sinh cuộc phân li đáng buồn vào thế kỷ mười tám. Cách riêng, Giáo Hội Phương Đông, vẫn không tái hiệp với Tòa Thánh La Mã, có nhiệm vụ giám mục bắt nguồn từ các Tông đồ.

### *Giám mục đoàn và bất khả ngộ tính*

Lúc này, chúng ta tới điểm là sự hiệp nhất lớn lao của Giáo Hội Đức Kitô. Cho đến chỗ này, chúng ta chỉ

mới nói về cá nhân các giám mục. Nhưng các giám mục không là một thực thể phân li. Một giám mục không chỉ là một người cai quản giáo phận mình, mà còn là một trong những người cai quản Giáo Hội phổ quát. Cùng nhau các giám mục làm thành một cơ chế cai quản tối cao của Giáo Hội. Khi tập hợp, làm thành một công đồng. Vị trí của vị giám mục thành La Mã rất đặc biệt trong một công đồng, mà nhiệm vụ ấy có nguồn gốc từ Phêrô. Chúng ta sẽ nói gọn về việc này sau. Giám mục cùng nhau là những người canh giữ Giáo Hội và chân lý của Đức Kitô. Trong “Giám Mục Đoàn”, tính chất bất khả ngộ của “dân riêng Thiên Chúa” - mà không bao giờ bị Đức Kitô bỏ rơi - cất tiếng nói. Do đó, một công đồng là không thể sai lầm, lúc xác nhận cách rõ rệt điều phát biểu.

### *Chân lý và sức năng động*

Tính bất khả ngộ bao hàm sự trọn vẹn có tính cách tĩnh và êm thấm, với một mức độ nhất định, nhưng là sự diễn tả một thực tại nhiều màu sắc và năng động. Nó có nghĩa Thánh Linh Thiên Chúa không để Giáo Hội sai lầm trong cuộc tìm kiếm của mình. “Toàn thể tín hữu được Chúa Thánh Thần xúc dầu (x. 1 Ga. 2:20 và 27) không thể sai lầm trong đức tin” (Công đồng Vatican II, *Hiến chế Tín Lý về Giáo Hội*, số 12). Trong quá khứ, rõ ràng tính bất khả ngộ được đánh giá quá đáng như một cuốn sổ thủ quỹ: nó có được nhập vào hay không, và thế là xong. Chân lý được xem như một tảng đá, và nếu không là một tảng đá thì nó không thể giữ trung thực được với chính nó. Đa phần quá ít chú ý vào sự việc rằng chúng ta không bao giờ ứng xử như thế đối với chân lý, mà chỉ đối

với cách trình bày chân lí. Cùng một chân lí, phải luôn luôn phát biểu bằng những cách mới và thích hợp với các hoàn cảnh mới, nếu không nó sẽ trở thành cũ rích và héo hắt.

Các điều kiện cuộc sống và tư tưởng thời nay là bằng chứng rõ rệt cho điều trên. Nhưng hệ quả ấy khiến một số người đánh mất cảm quan định hướng. Điều họ cho là cố định thì nay dường như di động: cách cắt nghĩa và thích nghi của chân lí. Và họ không thể nhận ra trong chuyển động đó bản chất bất biến và tuyệt đối của thông điệp Thiên Chúa.

Tuy nhiên, ngày nay thì cũng xảy ra chứng ấy chuyện giống ngày xưa. Những người quen thuộc hơn với tính cách năng động của tư tưởng thì thấy ít trở ngại trong việc này. Họ biết rằng một điểm cố định không nhất thiết là một điểm bất động. Chẳng hạn, điểm cố định trong sự sinh tồn của một con bê không là hàng rào hoặc cái cây mà là mẹ nó đang di động và chạy. Hoặc dùng một thí dụ rõ nghĩa hơn, hãy nói bà mẹ của một hài nhi ở nông trại, là điểm cố định của em bé ấy. Nhưng nó là một điểm rất di động vì là một con người sống động. Lúc này bà ở nông trại, lúc khác nơi nhà bếp, lúc này cười, lúc khác nghiêm nghị. Điểm cố định trong ý nghĩa một lời nói là một cái sống động và di động. Và lời giảng dạy hợp pháp của cấp thẩm quyền giảng huấn cũng thế, chỉ chính xác khi nó giữ trung thực với phúc âm và với quá khứ của chính nó. Nó không là một hệ thống cứng nhắc mà là một tiếng nói sống động. Nó diễn tả các chân lí phúc âm cho từng thời đại mới. Ấy bởi sự diễn tả đó giữ được khả năng cải tiến.



Các giám mục - lắng nghe Giáo Hội đại đồng, tìm kiếm cùng với toàn thể Giáo Hội trong cuộc lữ hành, tin cậy rằng ánh sáng của Đức Kitô không bao giờ rút khỏi mình - là những vị thầy của chân lý phúc âm. Sự sáng của Đức Kitô mà họ đưa ra cho chúng ta là một sự sáng cổ kính và bất diệt, *lumen Christi*, giống cây nến phục sinh luôn luôn có khắc thời điểm của năm nó chiếu sáng.

### *Hợp nhất qua đáng kể vị Thánh Phêrô*

Nhưng ở đây chúng ta phải đặt một câu hỏi rất hiển nhiên mà sẽ rọi ánh sáng nào đó sâu hơn trên tặng phẩm của Thiên Chúa ban cho Giáo Hội. Câu hỏi thế này. Đây là nơi chúng ta hướng về nếu có sự phân li trong Giáo Hội, giữa các giám mục? Chúng ta đưa ra câu hỏi này nhân nói về sự ủy thác giám mục thành La Mã.

Đức Giêsu đã đặt Phêrô làm thủ lãnh các Tông đồ. Ba lần Chúa nói với Phêrô: “Hãy chăn dắt đàn cừu của Ta”. Trong Cựu Ước, nói một điều tối ba lần nghĩa là xác nhận với sức mạnh lớn lao nhất có thể có được. Chúng ta đã có nói về người đánh cá Galilê này và trách nhiệm Chúa đã trao cho ngài trong chương “Đấng Cứu Thế và Cộng đoàn của Ngài”. Nhiệm vụ mục vụ của Phêrô được truyền giao cho những người kế vị. Phêrô chết ở La Mã dưới thời Nêron năm 64 hoặc 67. Sự kiện đầu tiên chúng ta nghe về thành phố này là sau đó khoảng năm 100, trong các thư của Inhaxiô Antiôkia và Clêmentê thành La Mã. Qua các thư của hai vị ấy, rõ ràng là Giáo Hội La Mã đã giữ một vị trí đặc biệt giữa các Giáo Hội. Sự kiện này tiếp diễn như thế. Ban đầu, nó không bao hàm một tổ chức đặc biệt. Nhưng

rõ ràng trước khi ra những quyết định quan trọng, các Giáo Hội khác lắng nghe cộng đoàn này.

Có phải sự kiện ấy xảy ra vì lúc ấy thành phố La Mã có thanh thế khắp thế giới, là trung tâm cai quản của đế quốc? Điều này không chắc có thật vì chức giáo chủ thời ấy không có chút nào là chức vụ cai quản. Sự điều khiển của vị giám mục thành La Mã đứng đầu các anh em mình không phải vì thẩm quyền hàng đầu của kinh đô đế quốc mà là vì uy quyền của cộng đoàn Tông đồ thời cổ bắt nguồn từ Phêrô. Đoàn kết với cộng đoàn thành La Mã là một biểu hiệu rằng một cộng đoàn hiệp nhất với Giáo Hội như một toàn bộ.

Sứ mệnh đặc biệt của giám mục thành La Mã là sứ mệnh của Phêrô: là nguyên lí của tính đồng nhất trong Giáo Hội, để giữ cho Giáo Hội là một trong đức tin và trong cuộc sống. Vì mục đích ấy, giám mục thành La Mã là thủ lãnh thẩm quyền của giám mục đoàn. Ngài không được đặt ở trên các giám mục, nhưng như người thứ nhất giữa các vị, như cái đầu thuộc về cơ thể mà vẫn ở trên cơ thể. Ngài được gọi là Đức Thánh Cha - Pope (nghĩa là Cha, từ tiếng cổ Hi Lạp *Papas*), từ thế kỉ thứ tư. Là một đấng cai quản và một vị thầy, ngài là thủ lãnh của Giáo Hội.

Đặc biệt sau thế kỉ mười bốn, việc cai quản của La Mã 374  
rốt cuộc đã trở thành rất chủ động và tập trung. Việc này có bất lợi cũng như thuận lợi. Có thể lúc này Thánh Linh thêm lần nữa dẫn dắt Giáo Hội tới sự tự trị địa phương lớn lao hơn dưới sự thống lãnh của Đức Thánh Cha.

Ngày nay, cách căn bản, các giám mục được Đức 597  
Thánh Cha bổ nhiệm. Ngài có thể can thiệp vào một giáo

phần. Và khi một giám mục không thể còn hành xử chức năng của mình, Đức Thánh Cha có thể nhân danh chính ngài mà chỉ định một vị giám quản tông toà.

Theo diễn biến thời gian, sự phát triển này diễn ra có ảnh hưởng sâu rộng tới độ việc cai quản trung ương được điều hành bởi Đức Thánh Cha có sự giúp đỡ của các Thánh Bộ La Mã, tất cả làm thành Giáo Triều. Giống các bộ khác của một Nhà Nước. Công sự quan trọng của Đức Thánh Cha là các hồng y. Các vị ấy vốn xuất thân là những giám mục, linh mục và phó tế của các nhà thờ nổi tiếng tại La Mã và phụ cận. Từ thế kỷ mười một, các vị bầu cử Đức Thánh Cha. Việc hợp thành hồng y đoàn trở thành ngày càng có tính cách quốc tế vững chắc. Nhiều giám mục của các giáo phận quan trọng trong thuộc thành phần hồng y đoàn. Các hồng y khác làm việc ở La Mã, chẳng hạn những người cầm đầu các Thánh Bộ khác nhau ở La Mã.

Chức năng hiệp nhất của Đức Thánh Cha đưa đến sự mệnh quan trọng như một vị thầy. Là thủ lãnh của giám mục đoàn bất khả ngộ, ngài sở hữu tính bất khả ngộ trong một hạn độ đặc biệt. Ngài là hải đăng. Điều này không có nghĩa ngài có thể tuyên bố tín lí mà tách biệt mình với Giáo Hội. Ngài chỉ có thể tuyên bố điều mà Giáo Hội phổ quát tin: Ngài đưa ra lời chỉ bảo với tất cả các giám mục Công Giáo, cách riêng với Thượng Hội Đồng Giám Mục được thành lập từ Công Đồng Vatican II. Nhưng vì sự đoàn kết với Đức Thánh Cha là một nguyên lí cho khát vọng hiệp nhất, lời phát biểu của Đức Thánh Cha chắc chắn tràn đầy chân lí của Thánh Linh Thiên Chúa, ít ra là lúc ngài khẳng định cách dứt khoát (mà hiếm khi

xảy ra) rằng ngài đang phát biểu với tính cách bất khả  
 ngộ và ràng buộc mọi Kitô hữu. Uy tín này, (một ân sủng  
 hào phóng của Thánh Linh vì lợi ích chung), được liên  
 kết với trách vụ làm người đứng đầu giữa anh em mình.  
 Về vấn đề đức tin của Đức Thánh Cha, thì dù là giáo  
 hoàng, ngài là một tín hữu nhận đức tin của mình từ mối  
 liên kết với Giáo Hội trong đó ngài vẫn như mọi Kitô  
 hữu, có sứ mệnh quan trọng để thực hiện.

334

213-215

597

Nhiều chỉ thị và công bố của bậc thẩm quyền giáo  
 huấn này không đòi hỏi tính bất khả ngộ tuyệt đối. Nhưng  
 không vì thế mà chúng không có Thánh Linh Thiên Chúa.  
 Chúng là những phát biểu có thẩm quyền tối cao và đòi  
 buộc tôn trọng tuyệt đối.

### *Những người cộng tác với các tín hữu*

Phaolô viết về sứ mệnh tông đồ: “Không phải chúng  
 ta muốn chế ngự lòng tin của anh em; trái lại chúng ta  
 chỉ là trợ tá bồi đắp niềm hoan lạc của anh em” (2 Cr.  
 1:24). Điều rất có ý nghĩa là trước hết, các linh mục và  
 giám mục đều được truyền chức phó-tê, nghĩa là người  
 phục vụ. Điều ấy được giữ làm yếu tố căn bản trong cuộc  
 đời các vị, để các vị thành người hèn mọn nhất trong các  
 anh em mình vì lợi ích của tất cả. Luôn luôn tha thiết với  
 công việc dù ở bất cứ tổ chức nào. Và vì thế, đó là chức  
 năng của một linh mục mà không dễ bị tước bỏ. Hết sức  
 mình có thể được, linh mục nắm giữ điều suy xét độc lập  
 tuyệt đối và tự do của Chúa. Linh mục được đặt định cho  
 tự do, để bị buộc chặt vào dân Thiên Chúa. Linh mục  
 được để cho không phải lo lắng, để có thể trữu nặng những  
 âu lo về Giáo Hội.

166-169

532-2-181

Đó là lí do Giáo Hội Phương Tây chấp nhận và thi hành tục lệ chỉ truyền chức linh mục cho những ai sẵn sàng không lập gia đình. Đồng thời có sự tin chắc rằng linh mục không nên là một người giàu có. Yếu tố sau không được bất cứ lề luật nào qui định rõ, và yếu tố đầu không nhất thiết luôn luôn duy trì là luật vĩnh viễn. Nhưng cả hai yếu tố đó kết tinh sự xác tín có tính cách Kitô giáo rằng linh mục, chịu trách nhiệm với sứ mệnh cứu thế của chính Đức Kitô, phải là người có xã hội tính, người cho đi trọn cuộc đời mình.

Đồng thời, tín hữu là người không có nhiệm vụ, được yêu cầu chia sẻ các phương tiện sinh sống nào đó của mình với các linh mục của mình. Tín hữu có bốn phận cung ứng nhu cầu vật chất cho linh mục, vì như Chúa đã nói về những người rao giảng phúc âm “làm thợ thì đáng của nuôi thân” (Mt. 10:10). Linh mục cũng phụ thuộc vào ảnh hưởng, nhu cầu, đức tin và lòng chân thành của các tín hữu.

532

Không ai có thể nói trước cuộc sống tương lai của các linh mục sẽ như thế nào. Thí dụ một người được thụ phong năm 1970 sẽ còn là linh mục vào năm 2000 không. Chúng ta không biết hoàn cảnh lúc đó các linh mục hành xử nhiệm vụ mình sẽ như thế nào. Và vào những lúc gay go, nhiều linh mục sẽ kêu lớn với Thiên Chúa như Giêrêmia, “Người đã dụ dỗ con, lay Giavê, và con đã để mình bị dụ” (Gr. 29:7).

### *Thiên hướng linh mục*

: 66-169

Câu văn trên của Giêrêmia được dịch ra với tiếng “dụ dỗ”, và đúng là Thiên Chúa “dụ dỗ” linh mục, vì

cách căn bản, chính Thiên Chúa kêu gọi. Thiên hưởng này đến như thế nào? Trong Kinh Thánh có nhiều câu chuyện về thiên hưởng. Chúng mô tả linh động, đầy màu sắc về điều xảy ra có tính cách nội tâm, được lặp lại không biết bao nhiêu lần tới tận thời chúng ta hôm nay. Rõ ràng có ý nghĩa rằng những thiên hưởng cá nhân như thế là chủ đề ưu ái của Thánh Kinh. Có lẽ đó là bằng chứng chính Thiên Chúa thích chủ đề ấy biết bao - không chỉ về việc kêu gọi loài người, mà còn về việc kêu gọi nhiều người.

Làm sao biết ta được kêu gọi? Bằng nhận biết rõ nỗi hân hoan. Nếu ý tưởng làm linh mục gợi lên hoan lạc và bình an thì đó là lí do tin rằng Thiên Chúa đang gọi. Vì Thiên Chúa không là một Thiên Chúa của rối rắm mà là của bình an và hoan lạc. Nhưng sẽ dĩ *nhận biết rõ*, vì có thể có hai loại hân hoan xung khắc nhau, hân hoan với ý nghĩ không làm linh mục và hân hoan với ý nghĩ làm linh mục. Nhưng một trong hai hân hoan ấy sẽ xuất hiện sâu xa hơn và bình an hơn. Chúng ta cần hưởng về hân hoan sâu xa hơn.

Việc ấy có thể chỉ ra điều ta nhận thấy khó thực hiện nhất, hoặc có lẽ không. Từ đầu chí cuối, thái độ căn bản là lặng lẽ, cởi mở và đồng thời hi sinh: thái độ nói nên lời, "Lạy Chúa, Chúa muốn con làm gì?"

Không nên giữ riêng mình những đắn đo như thế. Tốt hơn nên kiếm sự hiệp thông trong Giáo Hội, trong con người của một linh mục đạo hạnh và trí tuệ. Vì ấy sẽ làm gia tăng sự tự do của người thắc mắc hơn là giảm thiểu nó. Mình phải hoàn toàn tin chắc rằng chỉ có chọn lựa

cách tự do mới có thể là một chuẩn bị xứng đáng với trách nhiệm ấy.

697-817 Tuy nhiên, cộng đoàn góp phần vào thiên hướng này ở mức độ cao hơn. Qua hàng giáo phẩm, Giáo Hội quyết định ứng viên có thích hợp hay không, rồi trao nhiệm vụ. Do đó, thiên hướng tối hậu được Giáo Hội Đức Kitô ban cho, rõ ràng ngay trong lễ truyền chức. Lúc ta quay trở lại thuở ban đầu của thiên hướng, sẽ thấy là cộng đoàn luôn luôn có tác động: gia đình, giáo xứ, trường học nơi dạy dỗ cậu bé, hoặc những người gặp gỡ về sau. Tất cả đều mở tới viễn tượng một cuộc sống đầy tràn phục vụ nhân loại trong tinh thần bạn hữu với Đức Kitô.

Nếu quay lại thuở ban đầu của thiên hướng, ta thường nhận thấy các yếu tố nhất định đã tác động lúc ấy có thể không hoàn toàn có giá trị hoặc cao nhã. Nhưng có chắc ai cũng bắt đầu với trọn vẹn động cơ chín mùi. Sự thanh khiết và tự vấn đầu tiên sẽ diễn ra suốt thời kì thử luyện, trước lúc ứng viên thốt lên tiếng Vâng dứt khoát - có cái gì đó giống thời kì hứa hôn. Nhưng tự đời sống, ngay sự kiện tiến tới chín chắn và già dặn trong phụng sự Thiên Chúa có thể khiến các động lực trở nên thanh khiết hơn và sâu xa hơn. Dĩ nhiên, đó là sự liên lạc giữa quyết định đầu tiên và sự thực hiện nó. Nhưng sự liên lạc lớn lao nhất là Đấng Hằng Sống, Đấng Không Ngờ mà với người, ta có thuở ban đầu. Linh mục nỗ lực cùng với ngài tác động trên một tạo vật không đoán trước được và sống động nhất của ngài: con người.

## GIỚI RÀN THỨ HAI GIỐNG THỨ NHẤT

**T**rong các chương trước, chúng ta chủ yếu nói về tương quan giữa con người với Thiên Chúa. Chúng đã cho thấy con người đầy tôn kính và yêu thương hướng về mẫu nhiệm các nguồn gốc mình. Trong các chương sắp tới, chúng ta sẽ ngẫm nghĩ tới tương quan giữa chúng ta với thế gian. Chúng cũng sẽ cho thấy con người đầy tôn kính và yêu thương hướng đến mẫu nhiệm của “đất cùng điều đất chở, dương gian và người ở dương gian” (Tv. 24:1). Những điều ấy được phân thành mười giới răn, ba giới đầu nói về Thiên Chúa, và bảy giới sau nói về con người. Vì thế, nay chúng ta thảo luận chủ đề nội dung của bảy giới sau, dù sẽ không luôn luôn đi theo thứ tự của chúng.

509-511

### *Nguồn gốc của giới răn*

Chúng ta suy nghĩ sơ bộ về tiếng “giới răn”. Nhiều người hiểu theo cách chúng là gánh nặng từ bên ngoài áp đặt lên con người. Họ tưởng tượng nếu không có các giới răn, mình sẽ suy nghĩ khác hẳn. Lỗi suy nghĩ ấy hạ các giới răn xuống thành cái không liên hệ tới những chủ đề quý giá bên trong chúng. Chân thật, tôn trọng sự sống, trung thành thân xác, kính trọng người khác, là những điều không có giá trị tự chính chúng, mà chỉ là những mệnh lệnh được đặt ra bởi Thiên Chúa, đáng có thể chọn những mệnh lệnh khác. Những quan điểm ấy thường là hậu quả của một nền giáo dục nhấn quá mạnh vào đức hạnh như một hệ thống các mệnh lệnh được vạch rõ; của một bầu khí tổng quát trong đó học sinh lần các



nhà giáo dục nhấn mạnh quá đáng đến cái “phải làm” nằm ở bên ngoài và đặt quá ít tự tin vào lương tri tự phát và nằm ở bên trong của các giá trị. Kết quả là bỏ lơ chân lí mà các giới răn tiềm ẩn những giá trị tốt bên trong chúng. Lúc ấy, chúng ta quên rằng các giới răn có bên trong chúng những giá trị sinh động và sâu xa nhất, đã và đang buông neo trong bản chất của con người và của thế gian.

Điều ấy không có nghĩa “vì thế” các giới răn không xuất phát từ Thiên Chúa. Ngược lại, mọi tạo vật với tất cả giá trị riêng của chúng đều xuất phát từ Thiên Chúa và chuyển động hướng đến ngài. Bằng việc sống theo những giá trị ấy mà chúng ta sống theo ý muốn và lời dạy bảo của Thiên Chúa. Đồng thời, chúng ta nên minh bạch rằng việc nắm bắt rõ ràng tiếng nói của lương tâm không tự động xuất phát từ hoang mang, kiêu ngạo và ích kỉ của loài người. Các giới răn chỉ được nắm bắt đầy đủ lúc Thiên Chúa bắt đầu can thiệp cách rất đặc biệt vào nhân loại - trong Israel. Trình thuật Sinai là một diễn tả cô đọng (và rất tráng lệ, Xh. 20 và thêm 33) về một quá trình lịch sử lâu dài. Từ khi Thiên Chúa bắt đầu biểu lộ ngài cách rất hiệu quả và rất cá nhân trong đức tin và lịch sử của Israel, thái độ thích đáng hướng đến ngài càng lúc càng rõ rệt hơn và được tôn kính bảo lưu trong mười giới răn. Vì thế, các giới răn vừa là biểu lộ những khát vọng sâu xa nhất của chúng ta, vừa là phán quyết nghiêm khắc về các hành động bất xứng của chúng ta.

Các giới răn diễn tả theo tính chất ngắn gọn nguyên thủy. Chẳng hạn, chúng ta chỉ đọc thấy, “Người chớ giết người”, nhưng giới răn ấy bao hàm mọi sự tôn trọng sự

sống. Do đó, ta không nên dừng lại ở những thành tố thời tính của “lề luật thô sơ” trong mười giới răn, mà phải chú mục vào ý nghĩa sâu xa và thường trực của chúng: rằng mười giới răn tuy có thể đếm bằng các ngón của hai bàn tay nhưng gồm trọn hết lương tâm nhân loại.

### *Các giới răn trong cuộc sống xã hội*

Cảm giác về giá trị trình bày trong mười giới răn cần thích nghi với xã hội loài người thuộc các trình độ văn hoá cá biệt nhất và theo các khoảng cách mệnh mông của thời gian. Việc giải thích và áp dụng luôn luôn thiết yếu. Bậc thẩm quyền giáo huấn của Giáo Hội có một trong các sứ mệnh đặc biệt là trách nhiệm diễn giải các giá trị sâu xa ấy cho tín hữu. “Mọi điều dưới đất các người cầm buộc, thì cũng sẽ bị cầm buộc trên trời; và mọi điều dưới đất các người tháo cởi thì cũng sẽ được tháo cởi trên trời” (Mt. 18:18). Những lời Chúa đưa ra cho các Tông đồ này có hiệu lực cho cả những người kế vị. Để cầm buộc và để tháo cởi, là chức năng góp phần vào việc xây dựng cộng đoàn bao hàm chức năng tuyên bố điều gì được phép làm và điều gì không được. Việc này đã được thảo luận trong chương “Đấng Cứu Thế và Cộng đoàn của Ngài”. Cách cai quản của Giáo Hội phản ánh thiên hướng của đức tin trong toàn thể Giáo Hội được giải thích trong chương “Thừa Tác Vụ” và cũng được giải quyết trong chương này khi chúng ta nói về lương tâm. Ở đây, chúng ta cũng sẽ nói về giá trị lớn nhất trong tất cả, là yêu thương, nguyên lý mà từ đó mọi nguyên tắc được hướng dẫn.

Ở đây, chúng ta cần luôn luôn nhớ là mọi nỗ lực thích ứng đều mang dấu ấn của một kiểu xã hội nhất định, thuộc

596-597  
603-611

236  
593

một thời đại đã định. Những yếu tố bị thời đại chúng ta điều kiện hóa và những yếu tố có giá trị bất diệt đều luôn luôn trộn lẫn vào nhau. Không bao giờ đưa ra theo công thức mà các giá trị liên hệ có tính chất thuần khiết và bất diệt. Luôn luôn gia tăng cái nhìn thấu suốt vào bên trong thiện và ác, vào sự thích ứng thật sự các giới răn có giá trị vĩnh cửu.

Ta không thể chối bỏ là trong một xã hội thực tế thì có chính quyền và luật lệ thẩm quyền thật sự. Qua cộng đoàn mà mạc khải của Thiên Chúa tác động trong đó, chúng ta thu lượm được - cách mờ mẫm, với định lượng ngày càng gia tăng - ánh sáng và sự hướng dẫn tư cách đạo đức của chúng ta. Tại đó, các giá trị vĩnh cửu được diễn giải.

### *Lương tâm và các giới răn*

Diễn giải này không tách biệt với cảm giác của chúng ta về giá trị, từ bộ phận nhận thức hướng dẫn mỗi người cách riêng tư: lương tâm. Con người có trong mình (hoặc đúng hơn, chính mình) một giác quan sống động về điều 48-52 mình phải làm.

Các giới răn là lương tâm diễn giải những giá trị giống nhau. Sẽ rất sai lầm nếu chúng ta cố gắng biến lương tâm mình thành một vấn đề riêng tư thuần túy, một bí mật đặc biệt của riêng mình, không có liên kết nào với cộng đồng. Điều ấy làm người này xa rời người khác. Nó bất nhân.

Vì thế, thật rất thiếu cận nếu khẳng định, như đôi khi ta thường nghe, rằng trong các thời đại trước đây, người ta sống theo các giới răn (họ làm điều họ làm vì họ phải

làm) trong khi ngày nay người ta sống theo lương tâm mình (nay họ làm điều thiện cách tự nguyện). Cả các thời đại trước đây, con người chẳng bao giờ làm mà không tự vấn lương tâm mình, và ngay cả lúc không làm mà chẳng tham vấn những người hiểu biết trong cộng đồng. Hai việc ấy song hành. Việc nào nổi bật thì có thể khác nhau tùy thời điểm, nhưng đó là vấn đề khác, chúng ta giải quyết sau. Ở đây, chúng ta giới hạn mình trong vấn đề hiệp nhất của lương tâm và các giới răn. Thật tốt nếu vứt bỏ thói quen suy nghĩ sai lạc mà người ta có khuynh hướng nhìn “con người” và “xã hội” như chủ yếu đối lập nhau. Nền tảng và căn nguyên hơn bất cứ sự xung khắc nào là sự kiện công bằng chỉ có thể thực hiện trên con người hoặc xã hội khi cả hai gắn bó nhau. Con người càng là chính mình thì càng sống cho người khác, càng mở lòng để cho đi và đón nhận, cả những sự việc của Thiên Chúa. Và ngược lại, càng là người mở lòng với người khác thì càng là chính mình cách chân chính (cỏ cây thường ít vì chúng nên chúng ít vì nhau). “Bản thân” và “cùng nhau” không là hai cái đối lập cách căn bản, vì đều là tạo vật được ở đó để yêu thương. 461  
481-485

Do đó, luật lệ tốt lành và lương tâm ngay lành thì hữu ích cho nhau. Lương tâm của cá nhân không hiện hữu độc lập với lương tâm của cộng đồng. Do đó thật vẫn xác đáng câu “Kẻ ghét lẽ luật thì sẽ không hề khôn, nó sẽ bỗng bệnh trong cơn sóng bão” (Hc. 33:2).

### *Lương tâm ngược với giới răn*

Việc thảo luận này giúp ích cho chúng ta thấy sự hiệp nhất nguyên thủy và sâu xa của lương tâm và giới răn.

Nhưng có một thành tố khác để xem xét. Nó có thể và cần đưa tới xung khắc nhau. Lễ luật và các mệnh lệnh rõ ràng không thể tiên liệu chính xác mọi tình huống. Lúc ta làm nhiều hoặc ít hơn qui định của lễ luật thì phát sinh nhiều trường hợp. Ta không thể để lương tâm, với thiên hướng của nó về điều gì là tốt, đứng lúc và tại chỗ, bị hướng dẫn đơn thuần bởi chữ nghĩa của luật lệ. Đôi khi trong những trường hợp nào đó, ta còn phải đi chệch luật pháp để khẳng định các giá trị luân lý căn bản.

Một lí do khác của tình trạng căng thẳng đáng cố vũ ấy là sự phát triển các cảm giác của chúng ta về các giá trị. Như đã thấy, đánh giá của chúng ta về sự thiện và sự dữ có tăng trưởng liên tục. Cách diễn giải mà có thời cho là hay nhất có thể được về những giá trị lớn lao của cuộc sống (nghĩa là về mười giới răn, cách căn bản là không thể sửa đổi được) thì về sau thấy là không thỏa đáng. Lương tâm cố gắng cải tiến và tái mình định lễ luật.

Điều đó thuộc về mối quan hệ cá biệt, vì chúng ta đang nói đến các giới răn được trình bày cặn kẽ trong Giáo Hội, nghĩa là, trong một cộng đoàn mà lương tâm đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Đối với Giáo Hội, điều quan trọng tối hậu là cách con người ứng xử đối với Thiên Chúa. “Mọi điều dưới đất các người cầm buộc, thì cũng sẽ bị cầm buộc *trên trời*”. Lương tâm đóng vai trò cốt yếu trong cuộc sống Kitô hữu, lớn lao tới độ Giáo Hội khẳng định ngay cả một “lương tâm sai lầm” cũng cầm buộc được. Vì thế, Thánh Phaolô nói: “Phạm điều gì không tiến hành bởi đức tin (nghĩa là lương tâm) thì là tội” (Rm. 14:23); Thánh Tôma Aquinô (thế kỷ mười ba): “Nếu một người tuyên bố tin vào Đức Kitô hoặc Giáo

Hội lúc người ấy thừa nhận niềm tin đó là lầm lạc thì lúc ấy, người ấy phạm tội chống lại lương tâm mình”. Hồng y Newman (thế kỷ mười chín): “Tôi luôn luôn giữ sự vâng phục lương tâm cách nghiêm chỉnh, đó là cách tốt nhất cho sự sáng, ngay cả nếu lương tâm tôi sai lầm”.

Các nhà tư tưởng trên nhận thức rõ ràng rằng không thể giải quyết vấn đề này bằng một quyết định thuần túy chủ quan. Thách thức của lẽ luật, của một lương tâm của sự hiệp thông xác thật, không thể giải trừ cách nhẹ nhàng. Tư tưởng Trung Cổ, rất khách quan và định hướng mạnh mẽ tới xã hội, từng nhấn mạnh vào yếu tố ấy. Chẳng hạn, người ta có ấn tượng rằng Thánh Tôma không tưởng tượng nổi làm sao một người có thể hình thành một lương tâm sai lầm mà không thông qua lỗi lầm gì của mình cả. Quan điểm của Thánh Augustinô (thế kỷ thứ tư) lại còn đối lập mạnh mẽ với chuyện có thể có lương tâm sai lầm cách vô tội. Tuy nhiên, giảng huấn liên tục của Giáo hội vẫn là mỗi người cần được hướng dẫn bởi lẽ luật sâu xa nhất của lương tâm mình. Công đồng Vatiacan II nói rằng, “Trung thành với lương tâm là dây liên kết các Kitô hữu với toàn thể nhân loại trong cuộc tìm kiếm chân lý” (*Hiến chế Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay*, số 16).

Giáo hội quan tâm tới tương quan giữa bản thân con người với Thiên Chúa. Vì thế lẽ luật của Giáo Hội thuộc về một trật tự khác với luật pháp của Nhà Nước. Luật pháp của Nhà Nước quan tâm tới trật tự công cộng và không đòi hỏi phải được chấp hành với lương tâm. Tuy nhiên lẽ luật của Giáo Hội đòi hỏi cầm buộc theo lương tâm, vì chúng được hỗ trợ bởi lương tâm. Nó không phải một ép buộc ngoại tại mà là một tiếng gọi nội tâm.

Những ai không tin thì như thế, không bị lệ luật của Giáo Hội cầm buộc.

Những hình thức diễn tả luật Giáo Hội nên càng ngày càng trình bày rõ ràng điều cách riêng của lệ luật Giáo Hội: là nó khác biệt với luật pháp của nhà nước.

### *Việc hình thành lương tâm*

Ở đây, có nhiều lí do để lại càng nhấn mạnh lớn lao đến phán quyết cá nhân của lương tâm. Hiện có sự gia tăng cảm giác về linh đồng nhất của mỗi người với hoàn cảnh của mình. Chúng ta đang sống trong một giai đoạn đặc biệt, cảm giác về giá trị của chúng ta rõ ràng đang cải tiến.

Vấn đề càng cấp bách hơn lúc cảm giác về giá trị không còn hợp thời, quá hẹp hòi hoặc khi lệ luật đã phản ánh một khái niệm lỗi thời lại đi quá sâu vào chi tiết. Trong trường hợp ấy, chúng ta có bốn phận đưa lời khuyên cáo với bản năng đức tin, tức là cảm giác của mình về điều gì là tốt. (Dĩ nhiên việc này không nên là một tiến trình cô độc. Thật ra, trong cộng đoàn của Thiên Chúa và trong toàn thể loài người, người ta có xin lời khuyên, thảo luận vấn đề với người khác và người ta ghi nhận cách mà một khái niệm mới hình thành trong lương tâm).

Vì thế, ngày nay chúng ta thấy mình đối mặt với sứ mệnh rất đặc biệt. Một mặt, việc cai quản cộng đoàn đòi hỏi khiêm tốn và vâng phục, các đức hạnh mà thiếu chúng thì tinh thần và bình an Kitô giáo không hiện hữu. “Đừng tưởng ta đến để bãi bỏ Lệ luật hay các Tiên tri”, Đức Giêsu nói (Mt. 5:17). Mặt khác chúng ta có bốn phận, vì

là bạn hữu của Thiên Chúa, để bằng lương tâm an tĩnh và can đảm, trao đổi ý kiến với những người thiện chí và không lẩn tránh trách nhiệm quyết định cá nhân lúc trách nhiệm này đòi hỏi. Đức Giêsu đã đòi hỏi thái độ ấy lúc ngài nói: “Các ông đã không đọc Đavít làm gì khi đói, làm một với bộ hạ sao? Làm sao ông ấy đã vào nhà Thiên Chúa và họ đã ăn bánh Trưng hiến, mà ông và bộ hạ không được phép ăn, trừ phi là một mình hàng tư tế?” (Mt. 12:3-4). Sự kiện là lúc ấy Đức Giêsu không đánh giá các giới răn là những mệnh lệnh tách biệt vô căn cứ, như chỉ ghi lại từng chữ huấn lệnh độc đoán của Thiên Chúa. Ngài cho thấy rằng, tại tâm điểm của các giới răn xuất phát một cốt lõi sinh động khiến mỗi giới răn có ý nghĩa và giá trị. Ngài đánh giá như thế lúc nói, “Toàn thể lề luật cùng các tiên tri đều qui vào hai giới răn ấy” (Mt. 22:40). Hai giới răn ấy là: “Người phải yêu mến Chúa, Thiên Chúa người, hết lòng người, hết linh hồn người và hết trí khôn người! Đó là giới răn lớn, giới răn đệ nhất. Thứ đến cũng giống như điều ấy: Người phải yêu mến người bên cạnh người cũng như chính người” (Mt. 20:37-39). Trọn nguồn gốc và cùng đích của lề luật ấy là yêu thương. Mười giới răn, ba giới đầu và bảy giới sau đều được gom trọn vẹn trong đó. Ở đây chúng ta có ý nghĩa sâu sắc nhất: yêu thương Thiên Chúa và yêu thương con người.

*Yêu người bên cạnh là mẫu nhiệm của đức tin*

Như thế, chúng ta được để lại cho một giới răn - yêu thương - độc nhất mà đầy đủ những đòi hỏi thiêng liêng. Có phải dù gì chăng nữa thì mạc khải này cũng chỉ là



chuyện tự nhiên? Đôi khi chúng ta suy nghĩ cách vô thức  
 391 như thế, vì thái độ của chúng ta hôm nay đã được hai  
 mươi thế kỉ rao giảng phúc âm thấm nhiễm sâu xa biết  
 bao. Nhưng Teilhard de Chardin có thể viết, từ khi cảm  
 thấy mình bị cám dỗ để coi cuộc cạnh tranh và quyền lực  
 như những sức mạnh lớn lao nhất trong vũ trụ thì mặc  
 khải về phận sự yêu thương đối với ông dường như là  
 mặc khải về một mẫu nhiệm. Dưới giới răn này, tan biến  
 tính ngạo mạn của sức mạnh và tính hiềm thù của yếu  
 đuối. Giới răn này là sự thẩm định kì diệu của Thiên Chúa  
 614 về hành động của chúng ta - một thẩm định để chữa trị  
 và ban cho sự sống, Nó cốt yếu không gì hơn sự mặc  
 khải rằng Thiên Chúa là tình yêu. Do đó, không thể tách  
 biệt tình yêu của Thiên Chúa và của con người.

Yêu thương người bên cạnh mà lại sợ là với Thiên  
 Chúa, thì rất trái ngược với thông điệp của Đức Giêsu tới  
 độ ngay trong phúc âm nó không được đề cập tới. Quyền  
 năng của Thiên Chúa, đáng mà chúng ta được trở lại với  
 ngài trong tình yêu, là cốt tủy lời rao giảng của Đức  
 173 188 Giêsu. Lời cầu nguyện của ngài, Kinh Lạy Cha, đầu tiên  
 nói về danh Thiên Chúa, nước trời và ý muốn của Chúa  
 Cha. Chúa Cha quan trọng hơn tất cả, cách hoàn toàn và  
 212-214 hiển nhiên. Điều ấy không đáng ngạc nhiên. Nếu một  
 người dồn hết lòng mình cho Thiên Chúa thì người ấy  
 làm thế nào có thể tin chắc rằng yêu thương là cái lớn  
 lao nhất trong mọi sự? Làm thế nào người ấy biết, chẳng  
 hạn, bản năng tự bảo toàn không là luật tắc trên hết?  
 821 Hoặc rằng mọi sự không vô nghĩa cách đơn giản? Chỉ lúc  
 chúng ta tin rằng vũ trụ đặt căn bản cách tối hậu và sâu  
 xa nhất trên tình yêu, nghĩa là, trên Thiên Chúa, chúng ta

mới có thể biết rằng yêu thương người khác là điều quan trọng độc nhất cho loài người chúng ta.

Nhưng có những người không có Thiên Chúa, họ có thể yêu thương chân tình và lớn lao không? Chúng ta hãy cân nhắc nhiều khả năng khác nhau. Có những người thấy tình huynh đệ và bác ái là những cách báo đáp nhất trong đối xử với đồng loại. Đó là cách tránh đụng chạm lớn nhất. Mọi việc tiên hành êm thấm theo chiều hướng đó. Và có thể giữ xác tín như thế mà không có Thiên Chúa. Nhưng trong các trường hợp ấy, dễ thấy rằng yêu thương là phương tiện của một điều khác, và là một điều khác (các quan hệ quý trọng, an ủi) được coi là tốt lành. Nhưng thông điệp của Đức Giêsu, yêu thương người bên cạnh, có ý nghĩa khác. Nó có nghĩa mọi sự là phương tiện để yêu thương. Nó là cùng đích tối thượng và hệ trọng, duy nhất.

Nhưng không có những người có thể coi tình yêu là cái thật sự quan trọng duy nhất, mà vẫn xem thường Thiên Chúa sao? Và không có những người áp ủ một loại ác cảm với Thiên Chúa và nhờ thế họ cảm thấy mình quan hệ đồng chí với nhân loại sao? Và đang liên kết trong một mưu tính nào đó? Nhưng làm thế nào điều đó khả thi? Nếu họ chủ tâm coi thường tình yêu lớn lao nhất, làm sao mà họ có thể đạt tới yêu thương xác thực? Không thể được. Nó sẽ kết liễu như một than vãn tập thể. Và nếu giữa họ bị gãy đổ, thì sẽ không có lí do vĩnh viễn xác đáng nào để phục hồi sự đoàn kết. Tóm lại, nó là tháp Baben.

Nhưng vẫn tồn tại những người sống theo một lối yêu thương như thế. Dù Coi Mẫu Nhiệm Các Nguồn Gốc là vô bổ và bất định, họ vẫn nỗ lực thiết lập một loại đoàn

kết ở giữa họ. Họ xem thường Thiên Chúa và yêu người bên cạnh. Nhưng thực tế không phải như thế. Cái mà họ xem thường thì chỉ là một hí họa về Thiên Chúa kết hợp chặt chẽ với, chẳng hạn, một động lực sáng thế mù quáng, hoặc một thân thể khắc nghiệt lạnh lùng - một ông lão ngổ ngẩn trên mây, một bạo chúa, chứ không phải là chính Thiên Chúa. Và lúc đó, với bản-năng-tự-tìm-về-nhà mà một thiện nhân có, họ đi tìm điều thuần khiết nhất và cao nhấ nhất trên thế gian này. Họ sẽ tìm thấy đó là yêu thương người bên cạnh. Nơi nào tình yêu chân chính được khám phá và được sống cách chân thật, thì cũng khám phá và nắm trái điều gì của chính Thiên Chúa, dù lúc ấy người ta có nghĩ là ngài không hiện hữu. “Nơi nào có tình yêu và thiện ý, ở đó có Thiên Chúa”.

Nhưng rồi liền đó hoặc về sau, những thiện nhân ấy có đạt tới một đức tin rõ ràng vào Thiên Chúa không? Thông thường có. Nhưng không phải luôn luôn là như thế ở thế gian này. Hí họa về Thiên Chúa có thể ảnh hưởng rất sâu đậm vào tâm khảm những người đó, bởi giáo dục của họ, và họ không bao giờ hình dung ra được một Thiên Chúa chân chính và sống động. Nhưng việc mở lòng của họ hướng về con người, vật tốt cùng của cuộc sáng thế, rõ ràng sẽ cho họ việc mở lòng cho toàn bộ sự hiện hữu. Họ sẽ tỉnh thức để mầu nhiệm tự nó mạc khải đằng sau và bên trong tình yêu. Họ sẽ lắng nghe để thấy mầu nhiệm của sự hiện hữu rốt cuộc, có thể có phải là mầu nhiệm của tình yêu không. Không có một thương yêu thuần túy người bên cạnh mà không có một cõi mở cho Thiên Chúa chân chính và hằng sống.

12-59

7.42-7.48

*Thiên Chúa trong người bên cạnh chúng ta* 80-81

Ngược lại, không thể yêu thương Thiên Chúa mà không yêu thương tạo vật yêu dấu nhất của ngài, là con người: “Kể không yêu mến người anh em nó thấy đó, tất không thể yêu mến Thiên Chúa, đáng nó không thấy” (1 Ga. 4:20). Rõ ràng là không thể có vẻ lo lắng nhiều cho Thiên Chúa mà vẫn bỏ qua việc sống tốt lành và bác ái với người khác. Ta có thể cầu nguyện thường xuyên và rất sốt sắng mà vẫn xử tệ với người khác. Có điều lúc ấy cầu nguyện không thật sự là cầu nguyện, mà chỉ là quan tâm tới một Thiên Chúa do ta tạo ra, không lắng nghe lời Thiên Chúa trong Giáo Hội và vũ trụ. Hoặc ta không thật sự lơ là như ta có vẻ lơ là. Ta có thể là chỉ rất nóng vội hoặc co rút mình, nhưng hễ lúc phát sinh nhu cầu thì ta sẵn sàng làm hết sức mình cho người khác, cách trần tình và điềm đạm. Hoặc có thể vì ta được nuôi dạy với các ý tưởng một chiều về điều mà cuộc sống Kitô hữu phải là, khiến đưa ta đến việc lơ là những cách thông thường mà đạt tới đạo hạnh, thí dụ cách sống tràn ngập niềm vui mà không màu mè. Ta có thể biết chút ít về mối liên hệ giữa thông điệp của Đức Kitô và sự thiện tự phát của con người (đã có bàn ở phần trước, trong thảo luận về “Đức Ái” trong Tân Ước). Sự lơ là này là một vấn đề nghiêm trọng, và hi vọng rằng không có ai, nếu tới lượt mình làm nhà giáo dục, đưa ra các quan điểm như thế. Ngược lại, bằng sự tập trung chân thành vào Thiên Chúa, ta có thể phát triển một đạo hạnh kiên định và rắn chắc.

Tâm lý và khí chất can dự rất nhiều vào tất cả các vấn đề này tới đó chúng đòi hỏi phải thảo luận dài dòng.

Nhưng ít nhất chúng ta có thể ghi nhận vài chỉ hướng trong sự đánh giá của riêng mình. Mỗi cái trong hai tình yêu ấy làm thành một sự kiểm tra cái kia. Nếu muốn kiểm tra thái độ của mình đối với Thiên Chúa, chúng ta nên xem xét thái độ của mình đối với đồng loại. Và nếu thấy mình yêu thương họ chân thành thì đó thường là bằng chứng chúng ta mở lòng với Thiên Chúa. Thêm nữa, những người nỗ lực kết hợp mình mật thiết hơn với Thiên Chúa có thể thường được giúp đỡ bằng hướng sự quan tâm tới đồng loại, trong lúc những ai tích cực yêu thương người khác thì có thể được phù trợ và giác ngộ bằng sự hướng tới Thiên Chúa. Việc hiệp nhất hai giới răn vĩ đại mang theo với nó sự vươn lên và khoáng đạt.

### *Luật vô hạn*

Giới răn yêu thương nằm ngoài các sức mạnh của loài người. Bản năng tự tồn và quyền lợi bản thân thường tiềm ẩn trong các động lực sâu xa nhất của chúng ta, sâu xa hơn yêu thương. Tuy nhiên, chúng ta phải yêu thương người bên cạnh “như chính mình”, nghĩa là, cùng một sinh lực mà chúng ta dùng vào việc tự bảo tồn. Do đó, luật yêu thương được biết là vô hạn. Không bao giờ chúng ta có thể nói là mình đã hoàn tất nó. Chúng ta đã ghi nhận điều này khi thảo luận về Bài Giảng Trên Núi. Chúng ta nhìn kỹ hơn một chút vào việc lúc Đức Giêsu bảo tồn lề luật đó, ngài để cho thấy trong đó có điều còn hơn là sự cứng rắn của một luật lệ: có tính cách thế thôi và không hơn nữa. Đức Giêsu làm cho luật lệ ấy hoàn toàn thành sứ mệnh của tình yêu, một tình yêu không bao giờ nói: như thế đủ rồi. Qua đó, lề luật ấy thành một vấn đề nghiêm

trọng hơn, như có thể thấy qua diễn tả của Đức Giêsu về cuộc phán xét trong Matthêu 25:31-46. Từ lúc Đức Giêsu ra đời, mọi sa ngã của con người là thất bại đối với yêu thương, và đó là sự sa ngã nghiêm trọng nhất trong tất cả.

Nhưng đồng thời mọi sự trở nên có tính cách cá nhân. Lễ luật không còn là một chuỗi những qui định mang theo chúng sự chấp nhận tự động, không có tính cách cá nhân. Lễ luật trở nên một sứ mệnh mà chúng ta được can dự vào cách cá nhân và nồng nhiệt, vì vi phạm nó là làm tổn hại người khác - và Thiên Chúa. Như thế, sứ mệnh đó bất tận. Nhưng cũng có nghĩa có tính đến sự yếu đuối của chúng ta. Yếu đuối thì vấp ngã nghiêm trọng hơn, nhưng chúng ta có thể luôn luôn cố gắng thêm nữa. Mọi điều chúng ta cần là tiếp tục đối công bằng và khát yêu thương.

“Kể nào có của đời này mà thấy anh em nó lâm phải túng thiếu, lại khóa lòng dạ lại đối với anh em nó, thì làm sao lòng mến của Thiên Chúa lưu lại trong nó? (Hỡi anh em) các con thơ bé, ta đừng yêu mến bằng lời nói, bằng đầu lưỡi, nhưng là bằng việc làm thật sự!” (1 Ga. 3:17-18).

Không ai có thể xác định cái gì là xứng đáng tốt lành với đồng loại mình, để mình có thể hài lòng nói là, đúng, tôi đã và đang thực hiện nó. Nó là một sứ mệnh mà ta không bao giờ thực hiện trọn vẹn. Nó là một tặng phẩm mà chúng ta càng ngày càng ao ước có.

Sức mạnh ý chí và quyết tâm rõ rệt là không đủ làm sự thiện nên sum sê. Yêu thương còn cần cõi mở, tôn trọng, biết ơn và các thái độ khác mà sức mạnh ý chí chỉ trực tiếp tác động một ít. Nó là cái được ấp ủ sau tác

động đó với tất cả đường gân sợi thịt của con người chúng ta. Để được đầy tràn và chân thật, nó phải là hậu quả của mọi cảm thụ, hoan hỉ và trang trọng, trầm tĩnh với trạng thái căng đầy tâm linh của chúng ta. Chúng ta cần đến mọi tri thức, mọi khả năng thiêng liêng và trần thế của mình để nhận biết cách diễn tả nó. Chúng ta phải cầu nguyện cho nó, cách khiêm tốn và hết lòng mình. Nó là lời cầu nguyện với Thánh Linh của chính Thiên Chúa “đáng rửa cái chưa sạch, tưới cái khô héo, uốn cái cứng rắn, sưởi ấm cái lạnh lẽo và chữa lành cái bị chấn thương”. Không có quyền năng của Người thì không có gì trong chúng ta không bị tổn thất — như chúng ta thốt ra khi hát tụng ca, “Lạy Thánh Linh Đấng Tạo hóa, xin hãy đến”.

### *Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay*

“Thiên Chúa yêu thương thế gian quá đỗi”. Kitô hữu được kêu gọi để yêu thương như Thiên Chúa, nghĩa là, với một tình yêu tuôn trào trên thế gian. Ngày nay, chúng ta sung sướng có được hiến chế “Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay”, vì nó diễn tả bằng giấy trắng mực đen sứ mệnh của Kitô hữu, vạch đường hướng cho môn đệ Đức Kitô không những chỉ đến một thế giới lí tưởng mà còn đến một thế giới thật sự của đời sống lao động hằng ngày, với vòng quay bốn phần, ở đó loài người lao động, trao đổi và tranh đua dựa theo những giá trị và những luật tắc riêng của mình, một thế gian tiến hóa thật sự. Đó là nơi chúng ta nhận ra Thiên Chúa của mình.

Trong những chương sau, các điều ấy sẽ được thảo luận đầy đủ hơn, đều liên quan vào nhau: cuộc sống gia đình và hôn nhân, cuộc sống tu hành với những lời khuyên

của phúc âm, cuộc sống chính trị, tôn trọng sự sống và tất cả những gì tác động, của cải, lòng vị tha, văn hóa, giải trí và cuộc tìm kiếm chân lí.

## HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

### *Tính chất độc nhất của gia đình*

Nếu được hỏi mình là ai, tôi đưa ra tên họ và tên thánh của mình. Người ta nhận biết tôi bởi gia đình của tôi. Có một điều còn hơn bản thân chúng ta là họ và tên mình bao gồm những kẻ gần gũi mình nhất. Nó cho thấy tôi ít tách biệt với gia đình biết bao. Màu tóc, những đặc điểm cá tính và cả sự hiện hữu của chúng ta, đều nhận được từ những kẻ khác. Được làm người là được sinh ra bởi những người khác, được dệt bằng những sợi xuất phát từ người khác. Có một nam và một nữ, và một gia đình đằng sau mỗi người đó. Hai phái của nhân loại đến cùng nhau trong hôn lễ của cha mẹ tôi, và vào một khoảnh khắc đã định, thì có tôi.

Chúng ta có thể nói, vào một khoảnh khắc “đã định”. Cả cha lẫn mẹ tôi đều không thể nói chắc có một sự sống mới sẽ xuất hiện. Luôn luôn tới một mức độ nào đó không thể đoán trước được việc thụ thai và tài trí của loài người không thể bắt chước được những lực tác động vào đó. Con người có trách nhiệm sinh sản, nhưng kết quả vượt quá tầm tay tới độ cha mẹ cảm thấy mình được ban cho một đứa con hơn là mình sinh ra nó. Thánh Vịnh 127, “Vì



uổng công”, nói về sự thụ thai con cái: “Trong khi Người ban cho kẻ Người yêu đang ngủ. Con cái hẳn sẽ là một cơ nghiệp do tự Giavê”.

Tuy sự sống của con người mới ra đời dựa trên những qui luật không do chúng ta đặt ra, nhưng vẫn có thể khẳng định rằng chúng ta có thể nghiên cứu những qui luật ấy và tranh thủ kiểm soát chúng tới một mức độ nào đó. Nhưng có một điều kì diệu bất khả xâm phạm nằm ngoài mọi kiểm soát của con người: nó rõ ràng “Tôi” là kẻ được sinh ra. Tại sao sự kết hợp của hai người, vào một ngày nào đó, giả dụ như ở Amsterdam năm 1930, lại có kết quả chính xác trong “Tôi” đây? Sao tôi không ra đời tại các đồi núi Phi Châu mười ngàn năm trước C.N.? Sao không tại giáo xứ kế bên? Sao không vào một ngàn năm trước? Tại sao... không hề có? Ai chọn lựa việc này?

### *Việc tạo dựng con người*

Mỗi người thì rất độc đáo tới độ lúc người ấy chào đời, chúng ta thấy rõ là mình không nên nói, “Thiên Chúa đã tạo dựng mọi sự”, mà là, “Thiên Chúa đang tạo dựng mọi sự”. Có thời chúng ta nói Thiên Chúa đã dựng nên và giữ gìn cho thế giới tồn tại nhưng trực tiếp tạo dựng từng linh hồn. Lời nói ấy không đánh giá đúng hai sự việc, một là cuộc sáng thế tự nó là một thực tại phần đầu hướng thượng, và hai, là thể xác và linh hồn không phân li nhau. Do đó, tốt hơn có lẽ là diễn tả cũng một sự thật ấy bằng cách khác, rằng, quyền năng sáng tạo của Thiên Chúa khiến thực tại tồn tại và vươn lên trong từng khoảnh khắc. Việc bắt đầu sự sống của một con người mới là

khoảnh khắc thiêng liêng, mà vào lúc ấy, quyền năng sáng tạo được chứng minh cách rõ ràng. Sau cùng, cha mẹ tôi có thể không muốn “Tôi”. Các vị muốn một “bé trai” hoặc “bé gái” trong điều kiện tốt nhất. Chỉ có Thiên Chúa muốn “Tôi”. Và “Tôi”, kẻ có thể thừa “Ngài” với Thiên Chúa, có một liên hệ cá nhân trực tiếp với ngài, được triệu vào trong cuộc sống qua di truyền của loài người, và như thế, xuất phát từ tay Thiên Chúa. Hai sự việc ấy lập thành một hành động. Vì thế, cha mẹ tôi được ban cho quyền hợp tác với Thiên Chúa lúc các vị ban sự sống mới cho con cái. Sự hợp tác này không kết thúc lúc sinh nở. Nó được hoàn tất trong việc giáo dục đứa con. Thiên Chúa nuôi nấng, thương yêu và hướng dẫn cuộc đời của con người mới ấy qua cha mẹ của người ấy. Cha mẹ có trách nhiệm trọng đại và hân hoan.

### *Gia đình như tế bào của tình yêu*

Gia đình là nơi thấy nụ cười đầu đời - đứa bé biết mẹ nó, và cười - loài vật không thể làm được như thế. “Incipe, parve puer, risu cognoscere matrem” - “Cười lên, bé ơi, vì em bắt đầu biết mẹ mình”, như thi sĩ Virgil đã ca. Ý thức nhân tính của đứa bé được lập thành trong gia đình, và ở đó nó phát hiện là nó được quan tâm, cùng với những người khác. Cha mẹ, anh chị, bạn hữu, láng giềng, ông bà và vân vân, tất cả đều được phát hiện trên căn bản gia đình. Ta trưởng thành là con người bằng việc phát hiện ra người khác, vì con người được tạo dựng để yêu thương.

Người đầu tiên được biết đến như “người khác” là cha và mẹ. Không gì ảnh hưởng sâu xa trong cuộc sống

hơn là quan hệ giữa cha mẹ và đứa con. Quan hệ đó không bao giờ bị xoá hủy. Chúng ta mãi mãi là những đứa con của cha mẹ mình. Và chính trong gia đình mà bắt đầu con đường tới Đấng Khác, đáng đến với chúng ta trong mọi người khác. Thiên Chúa, đáng tạo dựng và ban sự lớn khôn cho đứa bé qua cha mẹ nó, cũng là đáng đầu tiên và trên hết được biết đến qua cha mẹ. Đứa bé không thể biết Thiên Chúa qua những nỗ lực của riêng nó. Lúc chơi, khóc và ngủ, nó cảm thấy thoải mái trong thế giới nhỏ bé mà mệnh mông của nó, và trong đó, sự thiện, tính toàn năng và sự có mặt khắp nơi được đại diện bởi cha hay mẹ. Cách chúng ta học biết cha mẹ mình có tầm quan trọng vô hạn trong hình ảnh của chúng ta về Thiên Chúa. Rõ ràng cha mẹ không là những người duy nhất giúp hình thành hình ảnh ấy. Những người chúng ta gặp gỡ về sau trong cuộc đời, những ai yêu thương chúng ta, đều phản chiếu cho chúng ta thêm lần nữa sự thiện của Thiên Chúa. Phần nhiều những gì có thể sai lạc vì cha mẹ thiếu năng lực hoặc lãnh đạm, có thể được sửa sai bằng cách ấy - còn hơn nữa, vì trong con người có cái gì đó luôn luôn hướng về một viễn cảnh xa hơn, bên kia cha và mẹ mình, bên kia bất cứ ai khác. Thiên Chúa không chỉ là phần nối dài vào cha hoặc mẹ hoặc bất cứ ai khác. Thiên Chúa là sự thiện tuyệt đối mà vì đó trái tim con người được tạo dựng cách tối hậu. Ngài là “người khác” chân chính nhất, trong ngài nếu con tim chúng ta ít thất vọng thì lại càng học để biết ngài rõ hơn, nghĩa là, để biết ngài trong Đức Giêsu, người bạn đường của chúng ta và Thiên Chúa của chúng ta.

### *Yếu tố nhục cảm*

Trọn sự sống con người là cho và nhận, phục vụ và được phục vụ, cho và nhận tình yêu, cho và nhận cảm hứng. Không có nó, chúng ta chết; với nó chúng ta cảm xúc trong cuộc đời mới, những hình thức mới, tư tưởng mới. Mọi sự đó là con người, từ lao động đơn độc đến tâm sự với bằng hữu hoặc cứu vãn đời ai đó, là cho và nhận bằng cách này hoặc bằng cách khác, và như thế, là truyền sức sống và sinh hoa kết trái. Dù kết hôn hoặc độc thân, người nam chia sẻ tiến trình sinh nở. Làm người nam hoặc người nữ là hình minh họa đặc biệt của nhịp điệu căn bản này. Chồng và vợ, nam và nữ, không chỉ rõ một khác biệt tuyệt đối, nhưng có một nổi bật khác nhau trong việc cho và nhận: nam thì chủ động và xuất phát hơn, nữ thì thụ động và tiếp nhận hơn. Đây thuộc về bên trong của người nam và còn có thể suy diễn qua xuất hiện bề ngoài của anh ta. Do đó việc cho và nhận thân xác cũng là hạnh phúc và hân hoan, trong cách rất toàn diện: trọn người nam bị tác động, từ sâu thẳm nội tâm đến tính chất trần tục cụ thể nhất. Việc cho và nhận song phương này là sinh hoa kết trái và truyền sức sống trong chừng mực cao nhất có thể được: nó sản sinh sự sống con người mới. Nó là một sức mạnh mà nhân loại phát hiện bên trong mình với đề mê và kinh hãi, cũng như mỗi người lại phát hiện nó thêm nữa. Con người đó nhận ra mình đang hoàn thành cái mà mình có thể, cách có ý thức, theo đuổi trong tâm trí mình.

631, 642

663, 674

821

Nói rằng nhục cảm là tốt thì không thích đáng. (Ở đây, chúng ta dùng chữ “nhục cảm” để chỉ tính dục trong

mọi khía cạnh: thể xác, tâm lí, v.v.). Nó là một sức mạnh kì diệu và sáng tạo trong chúng ta. Nhưng nó đang còn làm khiếp sợ vì sức mạnh của nó. Khi những thềm muốn nhục cảm bị tách rời khỏi giá trị con người như một toàn bộ, và đặc biệt khi khía cạnh xác thịt nhất của nó - tính dục sinh lí - bị tách rời khỏi nhục cảm của con người như một toàn bộ, khi đó những vực thẳm bất ngờ của sự dữ có thể biểu lộ trong toàn bộ những gì có vẻ thanh nhã và trù mẫn.

Chỉ khi hiệp nhất trong toàn bộ cuộc sống con người, chúng ta mới có thể thấy nhục cảm tốt lành và đáng yêu ngần nào. Ai cũng biết đối với kẻ đang yêu thì người mình yêu yếu đuối biết bao. Hấp lực của người khác được nhận ra và làm cho linh hoạt lên. Có điều gì của tuyệt đối lóng lánh qua người yếu đuối, cái gì làm ta bị cuốn hút vào để cho đi bản thân mình. Đấy chẳng phải ảo giác. Mắt nhìn tới cái đẹp đang thật sự hiện hữu ở đó. Trong sự thẳm định của chúng ta về thế gian, có nhiều khuynh hướng nhục cảm đang tác dụng hơn chúng ta tưởng. Cội nguồn và chớp đỉnh của chúng là tình yêu nam nữ.

Cho đi bản thân cách trọn vẹn là cho bản thân mãi mãi. Nó không phải là cho và nhận thể xác, và rồi đường ai nấy đi chẳng bao giờ tái ngộ, như các thú vật hạ đẳng. Tình yêu có tính cách con người cũng hơn những bầu đoàn tạm thời của các thú vật cao đẳng chỉ ở lại trù mẫn nhau để nuôi dưỡng con cái của chúng. Trong tình yêu của con người, người nam và người nữ muốn trọn vẹn thuộc về nhau.

### *Đồng tính luyến ái*

Có một số người nhất định, nhục cảm của họ không thể hướng tới người khác phái, mà rõ rệt là chỉ hướng tới người cùng phái thôi. Vì thiếu thảo luận thẳng thắn nên đã để hình thành một số ý kiến về họ và bất công khi áp dụng cách tổng quát, vì trên thực tế, những người có khuynh hướng ấy thường là những người làm việc siêng năng và đáng trọng.

Không phải lỗi cá nhân nếu người nam và người nữ ấy không cảm thấy người khác phái là hấp dẫn đối với mình. Chưa biết được những nguyên nhân của đồng tính luyến ái. Trong cô độc có tính cách con người, họ tìm tình bằng hữu. Cả lúc tìm thấy những đáp ứng chân thật và trung thành, họ cũng không được ban cho sự hoàn thành trọn vẹn những khát khao rất con người của mình. Căn bản, các khuynh hướng đồng tính luyến ái ( hoặc đúng hơn, đồng-tính-nhục-cảm) nêu ra phản bác rằng tính dục trong con người không chỉ tìm thấy sự hoàn thành tự nhiên trong người khác phái - như có thể suy diễn từ kết cấu của con người. Những người biết mình đồng tính luyến ái có thể thảo luận vấn đề với một bác sĩ, một cố vấn tâm lý hoặc một người nào khôn ngoan và có trình độ. Họ cũng cần cố gắng học biết rằng sự lớn lao nhất của cuộc sống 632 là cho và nhận.

Các chỉ trích rất sắc bén trong Kinh Thánh về những 634 145 thói quen đồng tính luyến ái (St. 19; Rm. 1) cần được đọc trong bối cảnh của chúng. Chúng không nhắm tới bêu riếu sự kiện một dân tộc nào đó kinh qua sự lầm lạc vô tội ấy. Các chỉ trích ấy lên án việc đồng tính luyến ái trở

thành một kiểu cách thịnh hành và lây lan tới những người thật sự hoàn toàn có khả năng đối với tình cảm và tính dục bình thường.

### *Yêu thương và hứa hẹn*

Nay chúng ta đề cập tới chủ đề hôn nhân và bắt đầu đi theo đường dẫn đến hôn nhân. Người ta bắt đầu nhận thấy mình xứng đôi với nhau khi nếm trải mùi vị tuyệt vời lúc cảm thấy mình yêu. Một thanh niên và một thiếu nữ cảm thấy trong nhau có điều mà không người ngoài nào có thể cảm thấy hoàn toàn. Hi vọng và nhu cầu đem bản thân mình trọn vẹn cho nhau thành hình và gia tăng. Theo Pascal, con tim có những lí lẽ mà lí trí không biết hoàn toàn, mà cũng chẳng nhất thiết phải biết. Nhưng nếu ta sắp sửa cho người khác bản thân ta trọn vẹn và mãi mãi, ta nên lập quyết định với toàn bộ con người của mình. Vì thế không thể bỏ qua lí trí và lương tâm. Say mê tình ái thì mở rộng mắt tới sự duy nhất của người khác, nhưng nó có thể làm mù quáng nếu nó tiếp tục chỉ là gắn bó xác thịt và lãng mạn cách thiển cận.

Việc đính hôn cho phép đôi bạn trẻ xem thử tình cảm ban đầu của mình có vươn lên thành một tình yêu thật sự không. Họ gặp mặt chung, hoặc riêng rẽ để dễ tâm sự âu yếm, hoặc với những bạn lứa khác để so sánh mình với những người khác. Trong các gia đình hoặc nơi làm việc, họ có thể chứng kiến những thăng trầm của nhau và dần dà trở nên quen thuộc với hoàn cảnh và sở thích của nhau. Đây là một cần thiết thật sự nếu họ sắp chọn lựa nhau, với một cái nhìn thấu suốt vào bên trong, thích đáng cho một quyết định sinh tử như thế.

So với hầu hết các tình huống trước đây thì nay cha hay mẹ đứng ra một bên hơn, và tự hạn chế mình trong phạm vi đưa ra lời khuyên. Các bạn trẻ hoàn toàn tự do lập quyết định quan trọng nhất đời mình. Nên để cho tình yêu và khôn ngoan hướng dẫn mình trong việc chọn người bạn đời thích đáng, chứ không nên để cho tham vọng (hi vọng kiếm tiền hoặc một nghề nghiệp), hay oán thù (chống lại những tình yêu cũ hoặc chống lại cha mẹ). Khi cả hai càng ngày càng trở nên bảo đảm rằng mình xứng đáng cho nhau, họ vươn tới nhau hơn, không chỉ như những bạn đồng hành mà như người phối ngẫu tương lai. Tính dục, trong ý nghĩa rộng rãi nhất của từ này, đóng một phần cốt yếu trong việc đính hôn, cả tinh thần lẫn thể xác. Nó không còn là một thôi thúc đơn thuần hướng về một người "nam" hoặc một người "nữ". Khi nhục cảm của con người triển khai đầy đủ, nó chỉ liên quan tới Một Người, bất cứ một người thứ ba nào cũng bị tự động loại trừ, như một đe dọa.

"Bạn ơi! Dậy đi! Đẹp của anh  
hãy ra nào:  
vì kìa: Đông đã qua  
mưa đã tạnh đi đầu mất rồi.  
Ngàn hoa nở rực rỡ trong vùng,  
mùa ca hát đã trở lại,  
tiếng chim cu nghe dậy khắp vùng ta.  
Và đã tô màu trái dương,  
nho trở nu toả mùi thơm ngát.  
Dậy thôi, bạn ơi. Đẹp của anh  
hãy đi ra nào!



Bồ câu của anh nơi kẻ đá,  
 nơi kẹt nham kia,  
 hé cho anh thấy mặt  
 và cho anh nghe chút tiếng em!  
 vì tiếng em êm ái  
 và mặt em xinh xinh” (Dc. 2:10-14).

Đôi bạn trẻ dần dần nhận ra rằng họ chịu trách nhiệm về tương lai của nhau. Một tình yêu thành thật sẽ ngăn ngừa thời gian tìm hiểu khỏi trở thành một “ích kỷ lửa đôi”, một nỗ lực để “hưởng tận cùng những gì có thể”. Những thái độ như thế có thể rất chiếm ưu thế trên tất cả các kinh nghiệm khác tới độ đôi khi họ không thật sự hiểu rõ nhau trước khi kết hôn.

Cũng nên đặt qua một bên tính nhút nhát và lo âu. Việc cả hai yêu nhau sẽ khiến đôi bạn trẻ nói cách thành thật và có ý thức về những âu yếm mà họ có thể đắm say trong những giai đoạn khác nhau của thời gian tìm hiểu. Điều ấy khiến họ sẵn sàng thích nghi với ước vọng của người khác và còn làm họ khôn ngoan chuẩn bị cho bất cứ tình huống nào có thể xảy tới. Định hướng lớn lao trong những sự việc này - tốt hơn các nguyên tắc cứng nhắc và chặt chẽ - là sự trong trắng của thời gian tìm hiểu, được đặc điểm hóa bằng những mật thiết mà vẫn giữ khoảng cách lành mạnh khỏi sự hàng phục hoàn toàn như đã kết hôn.

### *Thành tố tạm thời*

Lí tưởng thì nên kết hôn ngay sau khi đôi bên quyết định. Nhưng thời điểm lí tưởng ấy phải tính tới khó khăn

từ hai góc cạnh. Một là việc đám cưới có thể xảy ra quá sớm vì đôi bạn trẻ chưa chín chắn tinh thần để bảo đảm là họ đã trầm tĩnh và trang trọng chọn nhau. Lại càng vội vàng hấp tấp nếu lỡ có em bé sắp chào đời - khiến kết hôn “chộp nhoáng” có vẻ là giải pháp tốt nhất. Khó khăn khác là thời gian chờ đợi kéo dài vì nhà cửa và hoàn tất việc học. Trường hợp sau, đôi bạn cần thận trọng chớ để mình thích nghi quá nhanh với lối sống vợ chồng tương lai. Chứng nào mà Giáo Hội và Nhà Nước chưa công nhận, mỗi ràng buộc còn chưa dứt khoát. Vì thế, trong tình trạng ấy mà quan hệ ăn nằm là chưa đủ tinh thần trách nhiệm, dù đôi bạn có trở nên rất mật thiết. Lí do là tự bản chất việc ăn nằm có đặc điểm dứt khoát của nó. Nó hàm ý là “mãi mãi”. Nếu đôi bên hàng phục nó thì bên trong người thanh niên và thiếu nữ có sự đổi thay. Từ lúc ấy, họ nếm trải nhau như vợ chồng, và mỗi hành động phối ngẫu gợi lên một hành động tiếp theo. Một mặt, việc ấy mang cùng với nó cảm giác đang kết hôn, mặt khác, có sự trục trặc vì biết mình chưa kết hôn. Và một bước rút lui - dù ở bất cứ mức độ nào nếu đã dính líu trong một thời gian dài - có thể trả giá bằng những căng thẳng nội tâm.

Từ những lí do có tính cách con người ấy, chúng ta có thể suy ra lẽ luật và ý muốn của Thiên Chúa - rằng chỉ có người đã kết hôn mới nên sống chung. Ý muốn đó của Thiên Chúa là một động lực hoan hỉ và mạnh mẽ cho người tín hữu. Sa ngã không nhất thiết gây ra hạn chế hạnh phúc, mà có thể là cơ hội cho nghị lực mới một khi đã nhận biết ý muốn của Thiên Chúa. Nó mở rộng cái nhìn đầy đủ của chúng ta về cuộc đời bằng nhắc nhở chúng ta rằng “chúng ta không phải là của mình”. Đó là

một ý tưởng mà chúng ta có thể dùng để khích lệ nhau trong các tình huống khó khăn.

### *Lịch sử hôn nhân*

Chúng ta bắt đầu cuộc thảo luận về hôn nhân với cái nhìn vào lịch sử hôn nhân loài người. Chúng ta thấy có tiến hóa dần dần. Hôn nhân ngày càng được nhìn như một hiệp nhất của một người nam với một người nữ. Điều này đi đôi với sự kiện dâng hiến song phương, trở nên nhân tính cách sâu xa hơn và rằng mỗi người bạn lứa, cũng như người bạn kia, cả hai ngày càng đứng trên cùng một chỗ đứng. Song song với tiến hóa này, có một khuynh hướng - rất rõ trong thời buổi này - là, việc xây dựng một gia đình là một trọn vẹn trong chính nó, không chỉ là thành phần của một nhóm nới rộng của dòng họ hoặc đại gia đình. Ngày nay, người ta từng đôi một lao vào cuộc đời. Nó là cuộc mạo hiểm có khả năng đưa tới một thiệt lớn lao và sâu đậm. Một triển khai khác cũng rõ ràng như thế trong thời buổi này, là, số lượng con cái không để cho tha hồ sinh sản mù quáng mà đã phần nào trở thành vấn đề trách nhiệm cá nhân. Các đặc điểm ấy vừa cho phép, vừa đòi hỏi sự nhân bản hóa hôn nhân lớn lao hơn, và rõ ràng là chúng không phát triển suốt các thời đại mà không có Thánh Linh Thiên Chúa. Cuộc tiến hóa ấy rút ra được sức mạnh, niềm cảm hứng và sự trong sáng từ mạc khải thiêng liêng trong Cựu Ước và Tân Ước như chúng ta sẽ thấy đây.

### *Hôn nhân trong Cựu Ước*

Một trong những bài xưa nhất và gọi cảm nhất về hôn nhân là Diễm Ca (Bài Ca của Salomon). Cốt tủy của

Diễm Ca có nguồn gốc từ thời xa xưa của vương quyền. Bằng nghệ thuật có tính cách nhục cảm với chất lượng cao mà không chút ngưỡng ngạo, Diễm Ca hát về tình yêu đôi lứa. Tại sao nó được chấp nhận vào qui điển những cuốn sách thiêng liêng? Một số người cho rằng nó đã thuộc về đây trước cả khi được cho là có ý nghĩa sâu xa hơn về tình yêu giữa Giavê và Israel. Có thể nó đã được chấp nhận vì mô tả tình yêu như một thực tại nhân sinh, không như một loại can dự tối tăm, phiêu lưu của các nam thần và nữ thần truyền sinh (các thần Baan và Áttátte). Để biểu lộ ý nghĩa chân chính của nhục cảm, <sup>78</sup> cần phải giữ sạch “sự linh thiêng hoá” mù mờ của các nghi lễ ngoại giáo. Tình yêu ấy mạc khải một điều về Thiên Chúa, ta sẽ thấy sau. Nó nói lên đầy đủ cho mọi thời rằng, nhục cảm thì có tính cách trần thế và con người, - nghĩa là, nó là một tặng phẩm của sáng thế phát xuất từ Thiên Chúa độc nhất.

Những trình thuật sáng thế cũng tỏ chung một thần <sup>436</sup>  
khí ấy. Sách Sáng Thế nhấn mạnh đến truyền sinh: “Nam <sup>471</sup>  
và nữ, Người đã dựng nên chúng... ‘Hãy sinh sôi nảy nở’”  
Sáng Thế ch. 2, mà cổ hơn, nhấn mạnh hơn đến tình yêu  
(cuộc gặp gỡ đầu tiên sau khi Adam tỉnh thức!) và đến  
tính chất đồng dạng của nam và nữ. Trong trình thuật này,  
chưa thấy có sự bình đẳng tuyệt đối nhưng có ưu tiên rõ  
rệt cho chế độ một vợ một chồng. Dù không có lệnh  
truyền một vợ một chồng nhưng ưu quyền của nó có thể  
nhận thấy thường xuyên trong Cựu Ước. Việc tạo dựng  
Eva từ xương sườn của Adam dĩ nhiên không là một mô  
tả có tính lịch sử. Nhưng nó có ý nghĩa trọng đại. Nó có ý  
nghĩa người nữ thuộc về một bản chất giống người nam

và được người nam thương yêu. (Người A rập nay còn nói về người bạn thân rằng, người đó là “xương sườn” của tôi).

Trong Sáng Thế ch.3, trình thuật về sa ngã và trừng phạt. Kinh Thánh cũng nói đến yếu tố bị thảm của hôn nhân, rõ ràng can dự tới toàn bộ sự phạm tội có tính cách con người. Ở đó, người nữ còn xuất hiện như một kẻ dụ dỗ, người nam cũng như một kẻ bạo ngược. Các trình thuật ấy còn bao gồm những biểu hiện trông cậy rằng Thiên Chúa sẽ cứu độ và khôi phục nhân loại - Thiên Chúa cho quần áo che thân, lời hứa của ngài về việc chinh phục con rắn.

Theo các tiên tri, và dưới ngòi bút của các tác giả san định Diễm Ca, hôn nhân xuất hiện như một hình ảnh của tình yêu của Thiên Chúa đối với dân ngài. Điều này cho thấy Israel đánh giá cao biết bao hôn nhân toàn hảo. Và có sự ân cần có tính người đằng sau qui định này của lề luật Israel: “Khi nào mới cưới vợ, người ấy sẽ khỏi phải đầu quân, và người ta sẽ không bắt nó sung vào bất cứ dịch vụ nào, nó sẽ được miễn dịch một năm để ở nhà mà mua vui cho vợ nó đã cưới” (Đnl. 24:5).

### *Hôn nhân trong Tân Ước*

Việc Chúa không lập gia đình không có nghĩa là ít ra ngài cũng thiếu đánh giá hôn nhân. Ngược lại, khi người Biệt phái hỏi ngài không biết người nam có được ruồng bỏ vợ mình không, ngài hướng họ tới trực cảm hàm chứa trong trình thuật sáng thế, và kết luận: “Điều Thiên Chúa đã kết hợp thì con người chớ có phân li” (Mc. 19:9). Sau

đó, ngài bảo: “Ai rẫy vợ mình mà cưới vợ khác, tức là ngoại tình đối với vợ mình; và nếu vợ bỏ chồng mà đi lấy chồng khác, thì nó phạm tội ngoại tình” (Mc. 10:11-12).

Như thế, Đức Giêsu biến hôn nhân thành mối ràng buộc không thể chia lìa. Người nam và người nữ cho nhau bản thân mình. Việc họ kết hôn trang trọng biết bao. Và Đức Giêsu không dự tính nó chỉ là một định chế bề ngoài. Ngài đi sâu hơn. Toàn bộ người nam, cả những sâu thẳm nhất bên trong mình, được giữ trọn vẹn cho người khác. Vì thế, Đức Giêsu nói: “Các người đã nghe bảo: chớ ngoại tình. Còn Ta, Ta bảo các người: phạm ai nhìn người nữ để thoả lòng dục thì đã ngoại tình với nó trong lòng” (Mt. 5:27-28). Đức Giêsu nhắm tới việc ban cho tình yêu khả năng lớn lao nhất và cơ hội bền vững nhất.

Tân Ước cũng nói nhiều tới hôn nhân. Thư Gô-lô-sê nói nhiều tới hôn nhân. Thư Gô-lô-sê so sánh hôn nhân với tình yêu của Đức Kitô đối với Giáo Hội. Nó còn đi rất xa khi nói về việc ứng xử trong hôn nhân của đôi vợ chồng, rằng “Chồng phải yêu mến vợ mình, như chính bản thân mình. Mà yêu mến vợ thì có khác gì là yêu mến mình! Quả có ai bao giờ lại đi ghét xác thịt mình, trái lại người ta dưỡng nuôi mặc ấm, cũng như Đức Kitô xử với Hội Thánh” (Ep. 5:28-29). “Như Đức Kitô yêu thương Giáo Hội” là điểm quan trọng. Để nắm bắt ý định của Phaolô, chúng ta có thể đi xuyên suốt chương này nay được dùng làm bài đọc sách trong thánh lễ kết hôn, và gạch dưới chữ “như” với mực đỏ mỗi lần ta gặp chữ ấy. Lúc đó sẽ thấy nó giống sự so sánh của các tiên tri về tình yêu của Đức Giê-su đối với Israel với tình yêu hôn nhân; chỉ ở đây, vì tình nhân loại của Đức Kitô, sự so sánh ấy trở thành đánh động nhiều

hơn. Thêm nữa, ngày nay sự so sánh ấy được bảo tồn và qua đó đưa ra ý nghĩa sâu sắc hơn nhiều. Không phải tình yêu của Đức Kitô đối với Giáo Hội giống tình yêu hôn nhân. Mà hôn nhân giống sự hiệp nhất của Đức Kitô với Giáo Hội. Điều thật sự và căn bản là tình yêu ấy thiêng liêng - cho và nhận giữa Đức Kitô và loài người. Hôn nhân là một mẫu nhiệm rất thiêng liêng tới độ có thể so sánh với tình yêu ấy. Rồi khi chúng ta nhớ lại tình yêu giữa Đức Kitô và loài người trong chiều hướng phản ánh tình yêu giữa Chúa Cha và Chúa Con - “Vì Cha Ta đã yêu Ta như thế nào, Ta yêu các con như thế ấy” - chúng ta nhận ra rằng sự cho và nhận trong hôn nhân là hình ảnh của tình yêu trong Thiên Chúa. Hôn nhân, tặng phẩm của sáng thế, biểu thị trong chính cấp bậc của nó điều sâu thẳm khôn dò của cho và yêu, của song phương cuốn hút và mãn nguyện giữa cuộc đời vốn tự nó linh thiêng. Những đôi tân hôn nào sử dụng từ ngữ linh thiêng trong thời kì trăng mật sẽ thấy đúng cách sâu xa.

Điều ấy không có nghĩa hôn nhân là cách độc nhất để dự phần vào mẫu nhiệm tình yêu của Thiên Chúa. Mọi yêu thương và bác ái của loài người đều dự phần vào mẫu nhiệm này, mọi cho và nhận, càng trọn vẹn hơn thì càng thanh khiết hơn. Và sự thanh khiết của nó được đánh giá bằng cách thức nó tương ứng với tình yêu mà Đức Kitô đã dạy và đã cho chúng ta qua Thánh Linh ngài: tình yêu đối với Thiên Chúa bằng toàn bộ cuộc đời chúng ta, và đối với người bên cạnh như chính chúng ta. Thật sự, việc so sánh giữa hôn nhân loài người với sự hiệp nhất của Đức Kitô và Giáo Hội chỉ được xác nhận theo mức độ gia đình của chúng ta biểu lộ loại tình yêu mà

Đức Kitô đã dạy và truyền cảm hứng này. Nó phải là tình yêu đối với người khác như đối với chính mình. Nó là tình yêu - và lúc này phải nói ra một câu quyết định, một câu có thể đặt chúng ta thật sự vào trong Tân Ước - là trong tình yêu ấy có vị trí của cây thánh giá. Vì thế, chính tình yêu là bằng chứng ngược lại thất vọng, chính trung thành là bằng chứng ngược lại thất bại - thất bại không theo kịp kì vọng của nhau, không làm ngập tràn nỗi hân hoan, không tìm thấy một tình yêu mãn nguyện. Chính tình yêu và trung thành mà bền gan cả lúc, theo lối nói loài người, rằng dường như không có lí do nào để yêu thương — tựa thánh giá của Đức Giêsu, theo lối nói loài người, là vô vọng, nhưng lại mang đến sự cứu rỗi và sự thiện. Chỉ có đức tin mới làm hôn nhân Kitô giáo thật sự thành hình ảnh của tình yêu Đức Kitô đối với Giáo Hội. Điều này một mình nó là toàn bộ “hôn nhân trong Chúa” (x. 1 Cr. 7:39). Khi Đức Kitô có ở đó, hôn nhân không là một cuộc mạo hiểm khắc khoải của những người cô độc đang sống chung nhau. Ngài ở với họ.

Ngài không hứa hẹn mọi sự sẽ khoan khoái. Ngài nói với chúng ta rằng tình yêu của chúng ta phải có tính cách quên mình, chú tâm nhiều đến cho hơn là nhận. Ngài nói, “Cho thì có phúc hơn là lấy” (Cv. 20:33). Nhưng ngài không hoàn toàn đòi hỏi chúng ta điều ấy. Ngài còn ban cho chúng ta, qua Thánh Linh ngài trong chúng ta, khả năng để phấn đấu cho điều ấy. Và đấy là một lời hứa rằng, mọi thất bại, mọi gãy đổ, mọi đau đớn có ý nghĩa như một con đường hướng đến hoàn toàn hạnh phúc vẫn được ban cho tình yêu của loài người khi tình yêu ấy ở trong Thiên Chúa. Thánh giá trong gia đình

472-474

501



thành ra không chỉ để trang trí. Thánh giá có ý nghĩa rằng, cách tối hậu, không có gì là tuyệt vọng ở nơi đang có những cố gắng để yêu thương. Thánh giá còn có nghĩa rằng, tính bền vững tuyệt đối của hôn nhân - dù theo lối nói loài người nó dường như phi lí trong những trường hợp vô vọng - vẫn giữ nguyên ý nghĩa sâu xa, như Đức Kitô tham dự vào tình yêu cả khi đóng đinh trên thập giá. Vì ngài không bỏ rơi nhân loại và Giáo Hội lúc ngài bị đóng đinh trên thánh giá, nên mỗi cuộc hôn nhân “trong Chúa” giữ tính bền vững của mối ràng buộc giữa Đức Kitô và Giáo Hội, cả lúc nó biến thành một cuộc đóng đinh.

Như thế, sự có mặt của Đức Giêsu trong hôn nhân Kitô giáo không có nghĩa không có những đụng chạm về tính khí, sai lầm trong việc chọn người bạn đời, trục trặc với con cái, thân kinh căng thẳng, bệnh tật, buồn chán, và cả li thân nếu cần và kết cuộc. Nhưng đối với các Kitô hữu, luôn luôn có một người thứ ba hiện diện, đó là Đức Kitô, đáng củng cố, an ủi, ban hi vọng và nhắc nhở chúng ta rằng cho thì tốt hơn nhận. Những ai để cho mình trong những ngày hoa mộng được đức tin này thâm nhập, sẽ có khả năng sống với tình yêu trong thời kì bất xứng ý vì sai phạm.

Không nên hiểu sai lạc về việc thánh giá có vị trí trong hôn nhân Kitô giáo. Nó không có nghĩa quá đổi đau hàng trước sự mất hạnh phúc hoặc sa ngã. Các Kitô hữu luôn luôn gắng sức xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Nhưng nó có nghĩa dù có xảy đến những bất hạnh, gia đình, cách tối hậu, có ý nghĩa như thánh giá của Chúa chúng ta.

Bằng việc đưa ra những hi vọng và những yêu cầu ấy, Đức Kitô nâng cao cụ thể cuộc sống vợ chồng trong dòng lịch sử. Bằng diễn biến qua nhiều thời đại, ngài cứu độ tình yêu của loài người. Ngài dạy người nam và người nữ cách tôn trọng giữ gìn phẩm giá cho nhau. Ngài giải thoát tình yêu khỏi sự chướng chệch của các sức mạnh chưa thuần của các vấn đề tính dục, và đồng thời, ngài mở mắt loài người tới tính chất thiêng liêng của tình yêu hôn nhân, bất chấp những khuynh hướng thanh khiết khắc nghiệt liên tục lên tiếng đòi hỏi cho chính chúng. 371 372

### *Hôn nhân là một bí tích*

Tính thiêng liêng mà Đức Kitô ban cho hôn nhân được thấy rõ rệt qua việc kết hợp vợ chồng của người 421 đã được rửa tội là một bí tích. Nghĩa là, hôn nhân tự nó là một biểu hiệu thiêng liêng qua đó Đức Kitô ban Thánh Thần ngài cho chúng ta. Biểu hiệu này bao gồm những gì? Nó có tính cách ẩn tượng đơn giản nhất: lời hứa hẹn song phương và cuộc sống phù hợp với lời hứa ấy. Đây là một bí tích. Do đó, sự hình thành bí tích này không do qui trình hợp pháp lập ra cách riêng cho nó, cũng không do tự nghi lễ kết hôn, mà do ý nguyện muốn tùy thuộc vào nhau trong tình yêu và sự tự nguyện trung thành cho tới chết. Vì thế, mọi thương yêu, âu yếm, giúp đỡ và an ủi mà những người kết hôn công hiến cho nhau đều là nguồn suối của án sủng, của sự có mặt của Đức Kitô, của Chúa Thánh Thần. Đó là bản chất của hôn nhân, và các Kitô hữu tự ràng buộc mình trước mặt Thiên Chúa.

### *Một hành động công khai*

Mối ràng buộc như thế phải được thông báo cho xã hội. Sự kết hợp này cần được công khai tán thành trước cộng đồng. Mọi người công nhận việc này. Không ai muốn kết hôn trong bí mật - trừ những lí do đặc biệt mà luôn luôn không được ứng ý lắm. Người con gái muốn được xuất hiện là cô dâu trước gia đình nàng, trước người quen kẻ biết, với mọi người nhìn ngắm. Và không ai muốn kết hôn mà cuộc hôn nhân của mình không được luật pháp thông qua và bảo vệ. Một luật lệ chân chính không ngược với tình yêu, mà có nghĩa thừa nhận và bảo vệ quan hệ tình yêu trong phạm vi công khai.

Tính chất công khai của hôn nhân thay đổi tùy thời đại. Thời Trung Cổ, hôn nhân được giao ước trong gia đình, theo hình thức và luật lệ của cộng đồng địa phương. 426 428 Nếu có yêu cầu, một linh mục được đề nghị nói lời chúc phúc cho hôn nhân, nhưng việc ấy rõ ràng chỉ có “tính cách bí tích”. Bí tích ấy tự nó là sự song phương thỏa thuận kết hôn của người nam và người nữ, được xác nhận 426 428 bởi đêm động phòng hoa chúc. Sau cộng đồng Trentô 376 vào thế kỉ mười sáu, các hình thức hợp pháp rõ rệt đã được thiết lập cho hôn nhân theo giáo luật. (Vì có nhiệm vụ canh giữ các bí tích nên Giáo Hội có quyền làm điều này). Giáo luật qui định rằng hôn nhân phải được giao ước trước linh mục giáo xứ (của cô dâu) và hai nhân chứng. Ngay trong sự long trọng hóa hôn nhân này, bí tích này vẫn giữ lại sự ưng thuận song phương của người nam và người nữ. Linh mục quản xứ không kết hôn họ với nhau. Họ kết hôn nhau bằng việc lặp lại lời hứa trước

mặt linh mục lúc họ nói, Thừa Cố. Bí tích thể hiện trọn vẹn nhất tại thánh lễ kết hôn. Lời chúc lành do linh mục ban làm nổi bật sự kiện rằng đây là lời hứa “trong Chúa”.

Tuy nhiên luật do công đồng Trentô đặt ra có thể áp dụng rộng rãi - có thể chấp nhận nhiều ngoại lệ, như trong trường hợp lâm nguy tính mạng, hoặc khi thấy linh mục có lúc nào đó không làm lễ được thì trong trường hợp ấy, có sự hiện diện của hai nhân chứng là đủ. Vì thuở ấy, con số “các cuộc hôn nhân dấu giếm” (thỏa thuận song phương trước hai nhân chứng, không đăng kí hoặc công khai hoá) đã gia tăng tới tỉ lệ đáng ngại, có nhiều trường hợp đưa tới bất trung và song hôn. Sự kiện này phát sinh yêu cầu có những hình thức công khai và cố định trong nỗi đau đớn của nhiều trường hợp vô giá trị. Chúng ta cần nhớ là thuở ấy, Nhà Nước không đăng kí hôn nhân. Hiện nay, Nhà Nước có đăng kí hôn nhân, và trong một số hoàn cảnh nhất định, Giáo Hội có thể lược bớt vài phần của qui trình hợp lệ, công nhận hôn nhân dân sự có giá trị tôn giáo, chẳng hạn như những trường hợp ngoại lệ nhất định giữa người Công Giáo và người ngoài Công Giáo.

### *Hôn nhân dân sự*

Việc Nhà Nước theo gương Giáo Hội đưa ra bảo đảm luật pháp cho hôn nhân là điều dễ hiểu. Việc ấy dẫn tới hôn nhân dân sự. Một số nước tránh trùng dụng nghi lễ nên công nhận nghi lễ tôn giáo có luôn giá trị pháp lý. Tại một số nước khác, vẫn giữ tách biệt. Nơi nào nghi lễ dân sự xảy ra trước nghi lễ tôn giáo thì lời hứa song phương trước cộng đồng quốc gia đại diện bởi viên chức

chính quyền không chỉ có giá trị nghi thức mà còn cả cho Giáo Hội Công Giáo. Nó chủ yếu là phần phụ thuộc của một sự thoả thuận trọn vẹn mà chỉ được Giáo Hội ban cho đầy đủ khi đôi tân hôn cũng tuyên bố Thừa Có trước vị đại diện của Giáo Hội. Bởi lí do ấy, thật lầm lẫn nếu để thời gian trôi qua quá lâu giữa hình thức thoả thuận này và hình thức thoả thuận kia.

### *Hôn nhân của người ngoài Công Giáo*

Luật liên quan các hình thức hôn nhân của Giáo Hội chỉ ảnh hưởng trên những cuộc hôn nhân mà đôi bên đều là người Công Giáo. Về vấn đề người ngoài Công Giáo, luật Giáo Hội đặt căn bản trên giả định rằng hôn nhân của họ có và vẫn có giá trị dù khi một trong hai người thành người Công Giáo. Nhưng nếu người không Công Giáo kia từ chối sống hòa thuận với người Công giáo này, thì "luật miễn Phaolô" (x. 1 Cr. 7:12-15) có thể đóng vai trò của nó trong giáo luật.

Hôn nhân của hai Kitô hữu không Công Giáo dĩ nhiên có giá trị Kitô giáo. Ta có thể đoán chắc rằng bất cứ ở đâu mà người Kitô hữu muốn kết hôn "trong Chúa", thì ở đó Đức Kitô có mặt. Do đó, với người ngoài Công Giáo có chịu phép rửa tội, hôn nhân của họ được thánh hóa và thuộc về điều tự nhiên có tính cách bí tích. Do đó, nó cũng vĩnh viễn ràng buộc.

### *Các lễ luật bảo vệ*

Chúng ta hãy quay lại một chút với giáo luật về hôn nhân. Nó phục vụ như một bảo vệ công khai những giá

trị hôn nhân. Giáo Hội, cũng như Nhà Nước, qui định những ngăn trở. Giáo Hội có quyền làm thế trong chừng mực hôn nhân là một bí tích giữa các giáo hữu. Những ngăn trở phát xuất từ ngay bản chất của hôn nhân: mỗi ràng buộc của một cuộc hôn nhân đã có; một trong hai người quá trẻ; cưỡng ép hoặc sợ hãi; có liên hệ huyết thống quá gần; bất lực thể xác. Chúng qui định chi tiết về những điều mà mỗi chúng ta cảm thấy là ngược với bản chất và phẩm giá hôn nhân. Đối với các trường hợp khác hoặc các trường hợp ngoại lệ, nên tham khảo ý kiến các chuyên viên. Ở đây chỉ đưa ra những nét chính.

Rõ ràng các trường hợp ấy xảy ra lúc sự thỏa thuận song phương không hoàn toàn có tính cách nhân bản. Việc này có thể xảy ra lúc người kết hôn phi trưởng thành về mặt tinh thần, không hoàn toàn tự do hoặc không minh bạch đầy đủ về điều họ cam kết trong hôn nhân. Nhưng họ vẫn muốn kết hôn - giả dụ vì "có một em bé sắp chào đời". Hôn nhân ấy chỉ là cách hợp pháp hóa tình trạng mà nếu không thì kích thích sự chú ý quá đáng của những phần tử lắm miêng trong cộng đoàn, và trên hết, đặt người nữ trong một tư thế không chịu đựng nổi. Sự phán xét thành thật nhưng quá đơn giản của xã hội lúc ấy buộc người nam thực tế chấp nhận "hôn nhân hậu quả" và vì thế, chính thức kết hôn. Dĩ nhiên không thể xác nhận được là cuộc hôn nhân đó bị cưỡng bách rõ ràng bởi thành một phần thứ ba và có thể chứng minh được, vì đôi bên hầu như đưa ra quyết định làm thành thiết yếu ấy. Họ chấp nhận các hậu quả đặt căn bản chủ yếu trên ý nghĩa xã hội của sự ràng buộc. Thông thường họ lo lắng cho nhau. Nhưng trong Kitô hữu, ít người dám khẳng định cuộc

hôn nhân ấy, bắt đầu vội vàng và bất ngờ - so với tính cách tương xứng của ý niệm về cuộc sống hôn nhân theo viễn tượng có tính cách con người chân chính vốn là sự chấp nhận có trách nhiệm về một cuộc kết hợp tự do cho suốt đời - đủ khả năng chịu đựng thử thách của tai ương và thất vọng. Những hôn nhân “chộp nhoáng” đó thường cho ấn tượng rằng họ bắt đầu mà không có cân nhắc thích đáng dù không ai có thể nói là họ sẽ thất bại. Tuy nhiên, nhiều cuộc kết hợp như thế bắt đầu bởi những người non nớt tinh thần, và thực tế là áp lực của phán đoán xã hội thúc bách họ.

Theo giáo luật, những hôn nhân như thế về sau sẽ không thể tuyên bố là vô giá trị hoặc mất hiệu lực vì khi kí kết lập thành khế ước hôn nhân, không ai đưa ra bằng chứng rõ ràng về việc thiếu tự ý. Ở đây, chúng ta có sự xung khắc giữa một luật chính đáng đặt trên những nguyên tắc đúng nhưng có thể đưa một số trường hợp tới việc tiếp diễn một sự bất công. Một mặt nó là trật tự công cộng trong Giáo Hội mà bởi đó Giáo Hội là chứng nhân của Đức Kitô phải luôn luôn là người bảo vệ, cả đối với hôn nhân. Và mặt khác, là lương tâm cá nhân - giả dụ rằng đây không phải sự che đậy một lợi ích thuần túy ích kỉ mà là sự công nhận quyền năng tối thượng của Thiên Chúa. Kết quả là có sự xung đột nội tâm thâm trầm. Trong các trường hợp này, một cuộc thảo luận thấu đáo với một linh mục thận trọng có thể cởi bỏ cho ta những khắc khoải không cần thiết. Cũng có thể xảy ra là một Kitô hữu - sau khi thành thật cân nhắc và cầu nguyện - sẽ tới kết luận rằng cuộc hôn nhân ấy không ràng buộc lương tâm mình, và rằng vì thế cuộc hôn nhân thứ hai

không có nghĩa là “sống trong tội lỗi” dù nó có thể bị gọi như thế. Trường hợp này, người ấy chịu đựng hậu quả của việc thiếu thận trọng trước kia của mình. Người ấy cũng mang gánh nặng của lề luật không hoàn toàn hoàn hảo (cả giáo luật cũng thế) và còn gánh nặng của phán đoán xã hội mà thường là khắc nghiệt, đạo đức giả và chắc chắn là không có tính cách Kitô giáo đầy đủ. Nói chính xác, trong các trường hợp ấy, người Kitô hữu không nên đưa ra những phán đoán nhau, ít kết án nhau hơn vì chúng ta không được ban cho để biết cách không sai lầm ai thật sự kết hôn trong Đức Kitô và ai không.

Lại phát sinh một trường hợp khó khăn nơi những cuộc hôn nhân, vốn được giao ước cách tự do với tất cả thận trọng có lí trí, về sau biến thành tình trạng không chịu đựng nổi cả cho con cái, rõ ràng qua lỗi lầm lúc mới kết bạn hoặc có thể vì họ biết rõ nhau quá trễ. Đây có thể không phải vấn đề sự thoả thuận hôn nhân có khiếm khuyết lúc ban đầu như trường hợp trên. Nó, chỉ giản dị là cuộc hôn nhân vốn phù hợp với sự nhất trí tổng quát, đã bắt đầu gây đổ vỡ về sau.

Từ thời sơ khai, Giáo Hội công nhận quyền của đôi phối ngẫu đối với việc li thân *a mensa et thoro*. Mặt khác có khó khăn là họ bị buộc phải trải qua một cuộc sống cô đơn, không người phối ngẫu mới. Tuy nhiên, nhiều người có lương tâm trong đời sống tổng quát của mình, lại nhận thấy gánh đó quá nặng và bắt đầu cuộc hôn nhân thứ hai - bên ngoài Giáo hội.

Chúng ta, những Kitô hữu, nghĩ gì về các tình trạng ấy? Không xét tới việc một chuẩn bị tốt hơn cho hôn nhân có thể ngừa được những xung khắc ấy phát sinh, vẫn còn



lại một sự thật là chúng ta không bao giờ nên phán xét khắc nghiệt những người ấy. Việc họ bị loại trừ cách thiết yếu và vĩnh viễn khỏi sự hiệp thông với Phép Thánh Thể không biết có chỉ bị phán xét hay không bởi Thiên Chúa, đáng am hiểu mọi sự. Trong những trường hợp cá biệt, một linh mục khôn ngoan có thể giúp họ đạt tới một kết luận về vấn đề này. Trong các cuộc thảo luận đó, chẳng hạn như những ràng buộc thật sự của họ, trong các điều kiện của tình trạng phát sinh lúc này, có thể trở nên rõ ràng hơn. Nó có thể là bốn phần của họ, giả dụ trong một hoàn cảnh khả dĩ do việc phạm tội dẫn đến, làm điều tốt nhất họ có thể làm với cuộc đời họ và cuộc đời của những người mà lúc này họ chịu trách nhiệm.

Trong thế gian của sa ngã, loài người được ban cho các bí tích để nuôi dưỡng và gia tăng sức mạnh. Dù giúp đỡ hình thành ý thức của họ, vì linh mục không thể đảm đương trách nhiệm lập quyết định. Ở đây, cũng thật sự là sự vững vàng ý thức sau rốt do chính cá nhân tự đạt lấy.

Khỏi nói, các điều trên không có nghĩa rằng hôn nhân không có tính cách vĩnh viễn ràng buộc đúng theo tin tưởng của Giáo Hội, hoặc rằng luôn luôn phải tuyên bố vô giá trị và hết hiệu lực nơi chúng thích nghi với các tình trạng khó khăn. Ngược lại, Giáo Hội không những có quyền mà còn có nhiệm vụ công bố tính ràng buộc vĩnh viễn của cuộc sống hôn nhân trước Thiên Chúa và loài người. Giáo Hội phải đặt căn bản luật hôn nhân của mình trên chân lý ấy và sẽ luôn luôn tiếp tục làm như thế. Và một cá nhân tin vào Đức Kitô và vào sự hiện diện của ngài trong Giáo Hội thì không được phép đặt giới răn của Đức Kitô qua một bên mà làm ra luật của riêng mình.

Những vấn đề nêu lên trong các trang này có nghĩa giản dị là loài người chúng ta không được ban cho - cả lúc việc làm luật trong tình tế nhất của nó và được chỉ hưởng mạnh mẽ tới đời sống thực tế - quyền quyết định trong từng trường hợp cá biệt là cuộc hôn nhân này hoặc kia có được giao ước thật sự trong Đức Kitô hay không. Trong các vấn đề này, chúng ta phải luôn luôn bắt đầu từ những giả định bình thường. Nhưng luật Giáo hội khi phản ánh chúng, cần trở nên chính xác, tinh tế và khéo léo hơn một cách kiên định. Giáo luật không đứng yên một chỗ. Tuy thế, trong cuộc lễ hành trần thế này của Giáo Hội, sẽ không bao giờ có hoàn toàn đồng nhất giữa lương tâm và lễ luật, giáo luật và yêu thương, các qui định và đức tin. Theo lời của Đức Kitô và giảng huấn của Phaolô, chính sự việc giữ căng thẳng giữa lễ luật và lương tâm, có tính cách kitô này, là sung mãn trong tâm trí. Nếu không thì hậu quả đáng buồn là có thể Giáo Hội chính thức có vẻ bị ô uế bởi chủ nghĩa Biệt phái, trong lúc cá nhân tín hữu bắt đầu diễn giải hoàn toàn tùy tiện các lễ luật được tình yêu Đức Kitô ban cho.

Do đó, điều sau cùng chúng ta ao ước là làm cho chặt tinh bền vững của hôn nhân trọn vẹn Kitô giáo - một tính bền vững “cả cho đến cái chết trên thánh giá”, được kéo dài vì yêu thương. Điều Thiên Chúa đã phối hợp thì loài người chớ phân li. Chúng ta đã nói về những trường hợp ngoại lệ bi thảm trong những cuộc hôn nhân khiếm khuyết. Hôn nhân Kitô giáo đầy tràn “trong Chúa”, trong đáng yêu thương cho đến chết, là một dây ràng buộc không bị đứt đoạn của lòng trung thành “dù cho tốt hơn hoặc dù cho xấu hơn”.

### *Hôn nhân hỗn hợp*

Với tiếng “hôn nhân hỗn hợp”, người Công Giáo hiểu đó là hôn nhân giữa tín hữu có đức tin Công Giáo với người ngoài Công Giáo. Rõ ràng là có nhiều trường hợp khả thi. Hôn nhân với một tín hữu Tin Lành thì rất khác với hôn nhân với một người không phải Kitô hữu. Và chúng ta không nên quên là ngay bên trong Giáo Hội Công Giáo cũng có nhiều cách và nhiều cấp bậc sở hữu đức tin. Có “những người Công Giáo siêng năng giữ đạo” và một số rất lơ là. Nhưng theo giáo luật, điều xét đến không là người đó tùy thuộc ít nhiều hay không vào Giáo Hội Công Giáo. Vì đức tin sống động trong sự hiệp thông, theo tinh thần của phúc âm, thì bao la hơn đức tin của gia đình. Vì qua sự hiệp thông ấy mà đức tin được dễ dàng ban cho theo hình thức vững chắc của nó - trong Phép Thánh Thể, các bí tích, việc thừa nhận một sứ mệnh phát xuất từ Đức Kitô, vân vân. Nếu người nam và vợ mình không cùng hợp ý về các vấn đề ấy, thì chính ở đây - nơi những xác tín của họ nỗ lực biểu lộ trong kiên định - khát vọng hiệp nhất sâu xa tạo nên một căng thẳng gần như không chịu đựng nổi. Sau cùng, họ muốn cùng nhau sống trong những ném trái lớn lao của mình trong cuộc sống. Do đó, thường xảy ra là, hôn nhân hỗn hợp có nghĩa là đôi bạn đời trở nên ít mật thiết với nhau trong các việc cốt tủy nhất. Đó cũng là nguy hiểm nghiêm trọng của sự trở thành ngày càng khác biệt đối với các vấn đề của đức tin.

Tuy nhiên, có thể đương đầu với tình trạng ấy, trong đó hai người, đặc biệt hai Kitô hữu, có thể chấp nhận

niềm xác tín của nhau trong tôn trọng, thương yêu và bao dung. Và cũng có thể thấy là đức tin của người này có thể truyền hứng khởi và hỗ trợ người kia, như Phaolô viết: “Vì chồng ngoại thì được thánh hóa nhờ vợ, và vợ ngoại thì được thánh hóa nhờ anh em [chồng]” (1 Cr. 7:14).

Nhưng chỗ mà mọi sự sứt mẻ, nơi ngay cả giáo luật cũng sứt mẻ theo tới mức nào đó, là trên đứa con. Chồng và vợ có thể tìm thấy một thỏa hiệp hoặc ngay cả một giải pháp. Nhưng nơi đứa con, hôn nhân đạt tới điểm tột độ trong một con người duy nhất. Và nơi ấy không còn chỗ cho thỏa hiệp.

Và cả khi có thể tìm thấy một thỏa hiệp, giải pháp cũng không bao giờ hoàn toàn hài lòng. Chúng ta hãy khảo sát xem các khả năng. Nếu đứa bé được nuôi dạy làm một người Công giáo, người bạn đời không Công Giáo kia tự chế việc giải thích đầy đủ quan điểm của riêng mình về cuộc đời - từ đó xảy ra đủ loại im lặng khó khăn, cả cho đứa con. Để con cái “tự do”, thực tế có nghĩa cha mẹ đã lập một quyết định rất dứt khoát (xem chương về Đức tin và Trở lại). Một số người nói đến việc giáo dục có tính cách Kitô giáo “tổng quát” và “phi tông phái”. Nhưng việc ấy bao gồm những gì? Để nuôi dạy con cái mà không có bất cứ mối liên hệ chân thành nào với một trong các giáo hội chân chính vĩ đại vốn tiếp nhận trách vụ truyền giáo và thẩm quyền? Điều này có mang tinh thần phúc âm không? Trong mắt người Công Giáo ấy, nền giáo dục Tin Lành tốt lành lúc ấy sẽ đáng ưa thích hơn. Trong trường hợp này, có khó khăn là người bạn đời Công Giáo không chia sẻ đức tin của mình cho con cái, và so với khó khăn trên các chỗ khác, điều này có thể

39K-400  
593-599  
581

539-542

lại càng khó khăn hơn vì Giáo Hội Công Giáo thừa nhận cách thực tế mọi sự người Tin Lành (Cải Cách) tin, trong khi phía Tin Lành thì không như thế. Chúng ta không nên coi thường số lượng này đang diễn ra tổng quát cho tất cả người Công Giáo vốn đang được Giáo Hội Công Giáo giữ vững.

Khi đòi bạn ít quan tâm đến đức tin của mình, hôn nhân hỗn hợp không tất yếu tạo nhiều căng thẳng. Lúc ấy, nó chẳng qua là kết quả của sự nguội lạnh lòng đạo. Nhưng nơi người Kitô hữu cố sống chân thành theo đức tin của mình, sự thỏa hiệp sẽ đè nặng lên đứa con.

Đây là một tình trạng tế nhị, và giáo luật đưa ra cho nó thì phức tạp. Một mặt, việc tôn trọng cá nhân con người đòi hỏi rằng người ta phải được tự do có thể được để chọn người bạn đời dù sự chọn lựa đó dính líu tới những khó khăn nghiêm trọng. Mặt khác, cộng đoàn có thể tạo ra ngăn trở cho bất cứ điều gì đi ngược lại hôn nhân. Làm thế không phải là xâm phạm sự mật thiết của mối ràng buộc mà là bảo vệ và giúp đỡ chính thức cho mối ràng buộc. Không từng có giá trị nhân bản nào chỉ tùy thuộc riêng rẽ vào một hoặc hai cá nhân. Nó chỉ hiện hữu như là thành phần của sự hiệp thông của Giáo Hội nên Giáo Hội có quyền can thiệp vào. Giáo Hội có thể ra tuyên bố về tính cách không tương ứng với sứ mệnh của mình nếu ở đó có điều xung khắc thật sự với thông điệp của mình.

Đây là những nguyên tắc tổng quát nhưng chúng áp dụng như thế nào cho hôn nhân hỗn hợp? Một mặt Giáo Hội sẽ biểu lộ sự tôn trọng lớn lao nhất có thể được đối với giá trị lớn lao của việc tự do chọn người bạn đời bằng cách không từ chối miễn trừ lúc có yêu cầu về hôn nhân

hôn hợp trong Giáo Hội. Mặt khác, người ta có thể nhận thấy rõ ràng các khó khăn và một vấn đề cách riêng phải được tuyên bố không tương ứng với thông điệp: là việc con cái của một người Công Giáo lớn lên bên ngoài cộng đoàn của đức tin Công Giáo. Theo qui định hiện hành, người Công Giáo bị đòi buộc hứa nuôi dạy con cái làm người Công Giáo. Người ngoài Công Giáo cần được thông báo về đòi buộc ấy đối với người Công Giáo, và người nam hoặc người nữ đó cũng được yêu cầu có sẵn sàng không tạo trở ngại nào cho đường lối ấy không. Nếu họ đồng ý, giám mục có thể cho miễn trừ, và lúc ấy, hôn nhân có thể cử hành với thánh lễ kết hôn. Nếu người bạn lứa ngoài Công Giáo có khó khăn trong lương tâm về việc đưa ra lời công bố này, hoặc cả việc nếu có khó khăn về đám cưới được thực hiện theo nghi lễ Công Giáo, thì việc miễn trừ không bị từ chối, nhưng vấn đề được chuyển lên Thánh Bộ Giáo Lý và Đức Tin. Như vậy, sự khả thi bảo tồn việc biểu lộ sự tôn trọng thích đáng người bạn đời và về hôn nhân ngoài Giáo Hội Công Giáo, cuối cùng được công nhận bởi Giáo Hội. Thật dễ dàng nhận thấy đó là những trường hợp ngoại lệ.

Trong một xứ sở dân chúng thuộc nhiều tôn giáo khác nhau, có tiếp xúc thường xuyên và gần gũi giữa những người có tín ngưỡng khác nhau, dĩ nhiên hôn nhân hỗn hợp thường xảy ra nhiều hơn tại những xứ sở khác. Ở đây cũng thế, và thật ra còn hơn hết, cần khẳng định và tái khẳng định rằng hôn nhân giữa hai người Công giáo (xác tín) là một ân sủng vô giá. Thông thường, có thể nói trong những cuộc hôn nhân ấy đức tin sum sê cách tự phát và hòa điệu nhất. Những ai đang ứng phó trong một

cuộc hôn nhân hỗn hợp không nên ẩn mình sau lời biện hộ rằng việc ấy sẽ là một nguyên nhân sâu xa hơn cho sự hiệp nhất giữa các Giáo Hội. Ngược lại họ muốn biến một tình trạng bí hiểm của lòng đạo thành một cuộc hôn nhân, và thật ra thành một con người độc nhất của lứa con. Dĩ nhiên sự thật là các bạn đời của cuộc hôn nhân hỗn hợp chịu đựng cách riêng tình trạng phân li tôn giáo mà vì thế lời khiển trách đặt lên Kitô giáo như một toàn bộ.

Rõ ràng có những cuộc hôn nhân hỗn hợp mà thiện chí và tự hiến đưa tới những kết quả chân thật có tính phúc âm. Nhưng không thể hợp lí nếu nhắm mắt ta lại trước sự kiện rằng trong hầu hết các trường hợp, cả khi mọi sự có vẻ hứa hẹn nhất trước ngày hôn lễ, rằng sứ mệnh ấy cũng sẽ trở thành rất khó thực hiện tốt. Và các giáo dân trẻ nên cầu xin Thiên Chúa rằng người bạn đời mà mình chọn lựa với hết tâm hồn mình sẽ cùng chia sẻ đức tin vào một Giáo Hội Công Giáo độc nhất, vì lợi ích của sự hiệp nhất trong các cuộc đời của mình và của gia đình mình. Đây là lời cầu nguyện thiết thực nhất.

### *Trong trắng*

Người kết hôn cho nhau rất trọn vẹn tới độ chỉ có cái chết mới cởi mối ràng buộc. Mọi quan hệ tính dục với người khác là phản bội sự tự hiến ấy, dù bạn đời của mình có tha thứ, dù nó không làm thiệt hại hoặc hủy diệt bất cứ cuộc hôn nhân nào khác. Nó luôn luôn là một lỗ hổng của đức tin đối với hôn nhân trong Đức Kitô mà ta đi vào với tính cách độc nhất một vợ một chồng. Trung thành là hình thức chủ yếu của sự trong trắng hôn nhân.

Hôn nhân ban cho đôi bạn đời - như có lẽ nó công thức hóa cách vật thể quá - "quyền đối với thân thể nhau". Nhưng nếu trong việc hành xử quyền vợ chồng này, nhắm đến tính dục mà không cân nhắc tới nhân vị của người bạn đời và không có ước muốn của người bạn đời, thì khó có thể gọi là trong trắng. Ở đây, chúng ta tới hình thức sâu xa nhất của trong trắng hôn nhân: rằng cả hai, như những con người trọn vẹn nhân tính, sống thật sự nếm trải hôn nhân và bằng vô số những quan tâm mà người kết hôn bày tỏ cho nhau. Hình hài, lê lết lao động mưu sinh hằng ngày, được nâng niu bằng những âu yếm song phương. Tính dục là ngôn ngữ của tình yêu.

### *Tình yêu sinh hoa kết trái*

Khi chúng ta nghiên cứu lịch sử hôn nhân thì chẳng thể không thấy phát sinh vấn nạn: tại sao việc nam nữ đến cùng nhau, chung sống trong hôn nhân, lại được xếp ở vị trí đầu? Hôn nhân là để hai người cho nhau hoặc để sinh đẻ, nuôi dạy con cái? Nhưng, đấy là các câu hỏi làm phân rẽ những việc đã được phối hợp và cần giữ chúng hiệp nhất. Hoa trái là điều bình thường nảy sinh từ tình yêu, và tình yêu thì luôn luôn truyền sức sống - cả trong những lãnh vực khác của sự sống nhân loại. Nơi nào có tình yêu, ở đó luôn luôn có sự sống mới.

Nhưng đặc điểm của tính dục tình yêu được liên kết cách nội tại với một hình thức cao quý và đặc thù của sinh hoa kết trái - đó là nguồn gốc của sự sống con người. Điều này cũng liên kết mật thiết với tình yêu hôn nhân tới độ nếu có cuộc hôn nhân nào đặt điều kiện là không



sinh con để cái thì bị Giáo Hội coi là vô giá trị. Cụ thể, điều này không có nghĩa việc ăn nằm chỉ hợp lý khi nào có dự tính sinh con. Không ai bắt như thế. Nhưng nó có nghĩa trong cuộc sống vợ chồng được dự kiến như một toàn bộ, thì tuyệt đối không được loại trừ việc sinh con.

### *Kế hoạch hóa gia đình*

Sự sinh sản nòi giống loài người không là chuyện tình cờ may rủi rơi xuống mỗi gia đình. Con cái được triệu đến trong cuộc đời với tình yêu tinh tảo. Sức khỏe, nhà cửa, nhân cách và vô số các thành tố khác giúp cha mẹ quyết định nên có bao nhiêu con. Không kể ngoại cuộc nào có thể thật sự chỉ bảo.

Lí do độc nhất của điều tự nhiên rất khắt quắt ấy là gia đình không nên tăng người mà không có cảm nhận sâu sắc về trách nhiệm đối với gia đình mình và đối với thế giới. Nhưng không được suy nghĩ rằng có thể giải quyết trách nhiệm này theo bất cứ phương pháp đặc biệt nào có giá trị cho hết thấy mọi người. Một lí do khác là chúng ta không được coi việc ra đời của một sự sống mới trong thế gian này, chủ yếu như một hăm dọa. Phản ứng đầu tiên của chúng ta đối với một sự sống mới nên là hân hoan. Cả đứa con ngoài kế hoạch, sinh bởi "trục trặc", cũng phải được tiếp đón nồng nhiệt với mọi nỗi hân hoan và hi sinh Kitô giáo mà chúng ta có thể hướng về.

Nhưng thêm lần nữa, việc đó không nói cho chúng ta biết gì về số con. Căn bản, nó là vấn đề làm thế nào gia đình có thể sống tốt lành và âu yếm - làm thế nào trong một gia đình cá biệt, tình yêu nhau và yêu thương xã hội

có thể được thực hiện tốt nhất (trong điều kiện sinh suất tốt nhất). Nỗ lực đạt tới sinh hoa kết trái lớn lao nhất có thể được trong tình yêu và hoàn toàn không ích kỷ này, sẽ đưa đôi vợ chồng này tới một hình thức kế hoạch hóa gia đình hoàn khác với đôi kia. Người ta phải được tự do trong vấn đề này.

Ngày nay, như mọi người có thể xác định, có nhiều phương pháp điều hòa sinh sản. Chúng đều có tính cách nhất trí bằng nỗ lực có thể có trong việc ăn nằm của nam nữ mà không để thụ thai. Công đồng Vatican II không nói về bất cứ phương pháp cụ thể nào như thế trong chương thích đáng của hiến chế *Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay*. Đây là một quan điểm khác với quan điểm đưa ra khoảng ba mươi năm trước dưới triều Đức Thánh Cha Piô XI, vốn được duy trì bởi đáng kể vị ngài. Chúng ta có thể cảm giác ở đây có sự tiến bộ rõ ràng bên trong Giáo Hội, một tiến bộ còn tiếp tục diễn tiến bên ngoài Giáo Hội.

Sự kiện là ngày nay chúng ta có thể hiểu nhiều hơn trước đây về mọi diễn tiến liên quan tới thụ thai. Ngày nay loài người có kiểm soát hiệu quả hơn việc sinh đẻ của mình. Thêm nữa, ngày nay đang có sự gia tăng nhận thức về giá trị nhân bản độc lập của tính dục. Tính dục và truyền sinh được thấy rõ ràng hơn như những giá trị phối hợp trong sự trọn vẹn duy nhất của sự sống, đúng hơn, như những thành tố được sắp đặt cách đơn thuần bằng tương quan của các phương tiện hướng về một cùng đích. Dĩ nhiên thật vô lý nếu cho rằng việc ấy đã không được nhận ra trong các thời đại trước đây. Có thể nó đã được nghiệm thấy theo cách sâu xa hơn và nhân bản hơn so với chúng ta. Ai biết? Nhưng ngày nay chúng ta đề

cập đến một nhận thức dứt khoát về cách mà tính dục và truyền sinh biểu hiện trong toàn bộ các giá trị nhân sinh. Và sự sáng sửa lớn lao hơn này, như công đồng vừa qua cũng đã xác nhận, đã không xảy đến mà không có Thánh Linh, và quả thật có thể thuộc về phúc lợi lớn lao cho cuộc sống của chúng ta.

Có phải đối với lương tâm Kitô giáo mọi phương pháp điều hòa sinh sản đều có giá trị ngang nhau? Công đồng không đưa ra câu trả lời nào cho câu hỏi này. Tuy nhiên công đồng kêu gọi những người đang có gia đình tự vấn mình cách lương tâm về những thực hành liên hệ, cái nào làm và cái nào không nên làm, trung thực trọn vẹn với những giá trị cá nhân lớn lao với toàn bộ cuộc sống hôn nhân được biểu lộ lúc ăn nằm.

“Vì thế, khi cần hòa hợp tình vợ chồng với việc truyền sinh trong một tinh thần trách nhiệm, phải ý thức rằng giá trị luân lý của hành động không chỉ lệ thuộc vào ý muốn thành thật và cần nhắc các lý do, nhưng phải được thẩm định theo những tiêu chuẩn khách quan suy diễn từ bản tính của nhân vị và của hành động nơi nhân vị; những tiêu chuẩn ấy sẽ tôn trọng ý nghĩa trọn vẹn của sự trao hiến và sinh sản con cái trong khung cảnh tình yêu đích thực”. (*Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay*, số 51).

Cũng được khuyến cáo là trong các việc này nên tiếp xúc với bác sĩ là người có thể đánh giá các hoàn cảnh khác nhau và sau cuộc thảo luận thích đáng có thể quyết định có tính cách y học cái nào tốt nhất cho từng trường hợp riêng biệt.

Tiếng nói sau cùng thì nằm trong lương tâm, không trong người bác sĩ hay người giải tội. Nhưng rõ ràng, tôn

trọng sự sống đòi hỏi không chọn lựa những thực hành nào có thể tổn thương đến sức khoẻ hoặc sự sống nhạy cảm.

*“Thảo kính cha mẹ”*

Qua chính việc chào đời của chúng ta cho thấy cách rõ rệt là con người lệ thuộc vào người khác. Chúng ta tiếp nhận sự sống của mình. Đây là lí do sâu xa nhất khiến cho, bất chấp mọi phát triển của bản thân và ý nguyện của chính mình, sự vâng lời tiếp tục là thành phần của bản tính chúng ta. Đứa con học bằng kinh nghiệm và bằng hòa điệu với lương tâm, rằng cách tốt là sống vâng lời. Vì thế, giới răn thứ tư là: Thảo kính cha mẹ. Giới răn này không chủ yếu làm thành những xung khắc trong đứa con: Nó thấy giới răn này bình an và hân hoan. Rõ ràng có xảy ra các xung khắc và va chạm, nhưng lúc ấy sự vâng lời đóng vai trò của nó. Nhưng cả lúc không cần đến lời lẽ và mọi sự tiếp diễn êm dịu, cuộc sống gia đình cũng được phát triển trong thực hiện sự vâng lời bình thường. “Thà chúng ta yêu thương sự vâng lời còn hơn sợ hãi sự bất tuân” (Thánh Phanxicô thành San).

Vì tôi vẫn luôn luôn là người tiếp nhận và còn tiếp nhận sự sống, nên vâng lời theo cách này hoặc cách khác làm thành mọi giai đoạn của cuộc đời tôi. Công nhận nó là giải thoát mình - vì nó là chân lí.

Nhưng quả thật mọi quan hệ của chúng ta về kì vọng, quyền hành và sự tương thuộc cũng bị tiếm nhiệm bởi yếu đuối, độc đoán và ngờ vực, từ những ngày sớm sủa nhất của chúng ta. Chúng ta để ý coi chừng nhau. Sợ hãi là một tên cố vấn tồi tệ cho quyền lực. “Cái gì tệ hại hơn

một triều đại của sợ hãi?” “Chính là triều đại đang sợ hãi”. Vì lúc ấy có thói thúc chủ yếu của ý chí nhắm tới quyền lực. Vì tất cả các lí do đó nên quyền hành, giống mọi giá trị loài người khác, liên tục cần đến cứu độ. Việc có quyền lực và quyền hành - không quan trọng gì việc tôn trọng nó như thế nào (trong gia đình, xã hội, hoặc Giáo Hội, qua kinh nghiệm hoặc bởi phẩm cách của nhiệm vụ), và không quan trọng gì việc nó hấp dẫn như thế nào (qua báo chí, truyền thanh, truyền hình, hùng biện, tào bạo và tài năng) - là cái cần được giải thoát. Đức Kitô giải thoát và cứu độ quyền lực bằng rao giảng rằng nó phải là phục vụ. Nó không nên là làm ra vẻ phục vụ mà sử dụng sự ân cần của mình để nắm giữ người khác trong quyền lực tâm lí của mình và trở ngại việc đạt tới trưởng thành của họ. Nó phải là một phục vụ giúp cho mọi người tìm thấy chính họ. “Kẻ làm đầu thì ở như người hầu hạ” (x. Lc 22:26).

Nay tới vấn đề quan điểm của Đức Kitô đối với “quyền hành”, chúng ta có thể xét đến vấn đề này vốn nổi bật trong thư tín hữu đọc trong hôn lễ. Chúng ta đọc ở đó là, “Người chồng là đầu của vợ, cũng như Đức Kitô là đầu của Hội Thánh” (Ep. 5:23). Có phải lời dạy ấy thường có nghĩa người chồng phải là chủ nhân trong gia đình, hoàn toàn cai trị vợ mình? Nói chính xác, đó không là ý nghĩa của lời ấy. Như chúng ta đã có cơ hội vạch ra, chữ “như” trong thư tín hữu này cần được gạch dưới cách đặc biệt. Khung cảnh thời Phaolô là một xã hội quá thật người chồng là đầu của gia đình. Nhưng việc ấy không thuộc phần thông điệp của ngài. Thông điệp của ngài là trong gia đình mối quan hệ nên hiện hữu giống giữa Đức

Kitô và Giáo Hội. Qua đó, ngài có ý nói đến tình yêu, là sự cho đi bản thân. Do đó, vị Tông đồ ấy không liên quan tới việc đưa lời tuyên bố về tương quan quyền hành trong gia đình. Điều mà ngài khẳng định là mối quan hệ đó, trong bất cứ hình thức quyết định nào do xã hội, phải tiêm nhiễm bởi Thánh Linh Đức Kitô và thuộc về phục vụ và yêu thương.

### *Giáo dục để yêu thương*

230-236

714

Giáo dục là phục vụ. Đối xử với con cái như thể không quan trọng tức là tự tư tự lợi. Xem con cái như vật có thể thành bản sao của con người và khát vọng của chính ta, cũng là tự tư tự lợi. Mỗi đứa con có một cái đặc biệt và độc đáo của riêng nó. Nó là một con người mới, không là một lặp lại của bản thân chúng ta. Cha mẹ nên phục vụ sự sống mới này, sắp xếp cho nó được tự là chính nó.

Quả thật giáo dục là một phục vụ có hình thức đưa ra những định hướng. Giáo dục không thể luôn luôn đưa ra những cách thức, vì lúc ấy, đứa con sẽ không là chính nó mà là một kẻ nô lệ vào chính nó. Đứa con chỉ trở thành chính nó khi nó lớn lên trong sự tiêm nhiễm giới răn giải thoát của yêu thương: yêu thương Thiên Chúa, cội nguồn của mọi sự, và yêu thương người khác. Người mẹ sẽ cố gắng cất nghĩa mọi sự sống của con người đều được nâng đỡ và giữ gìn trong bàn tay ai. Bà sẽ dạy con cùng cầu nguyện với mình cách tôn kính. Bà trả lời các câu hỏi về máng cỏ và thánh giá. Bà bắt đầu thận trọng cất nghĩa cái gì đúng, cái gì sai. Nhưng quan trọng hơn điều bà nói, là bầu khí gia đình, sự chân thành của đức tin và thực tại yêu thương của gia đình.

230

526-527

Không lúc nào mà cha mẹ cảm thấy bất lực hơn lúc cảm thấy sự dữ mà họ truyền, cách không chủ tâm và không  
 445-447 hài lòng, trong trạng thái tội nguyên tội. Nhưng là Kitô hữu, họ cũng tự tin có thể chia sẻ với con cái điều mạnh hơn tội lỗi, là sự cứu độ, có nghĩa là sự sống, hơn bao giờ hết, được thâm nhập bởi đức tin, hi vọng và tình yêu.

Trong việc giáo dục con cái, chúng ta thấy một điều tương tự cho tình yêu thương người bên cạnh. Tính vị kỷ của cha mẹ - vì không ai thoát hết cái đó - được truyền cho con cái. Nhưng còn có điều thật hơn là họ có thể truyền lại sự thiện của mình, bằng cân nhắc, nhẫn nại,  
 700 giúp đỡ cho nhau, cho con cái và cho người khác. Có lẽ  
 767 có thể tóm tắt giáo dục để yêu thương là việc dạy cho đứa bé sống hạnh phúc với nỗi hân hoan của người khác. Và lúc đó, chúng sẽ mở rộng vòng tay trước những đau khổ của kẻ khác. Điều này có thể dẫn tới thiện hướng đặt trọn cuộc đời chúng vào việc phục vụ nhân loại và nước Thiên Chúa. Những cha mẹ nào được ân phúc là  
 611 những người có thể dễ dàng giữ lòng mình mở rộng hướng về một khả thi như thế trong cuộc sống của con cái mình.

### *Giáo dục để làm đàn ông và đàn bà*

Giáo dục để yêu thương cũng có nghĩa hướng dẫn đứa con tới một khuynh hướng nhục cảm chín chắn. Giáo dục tình dục này - trong ý nghĩa rộng rãi nhất - không là vấn đề của những người xa lạ, mà là của những người có tận đáy lòng mình toàn bộ việc giáo dục con trẻ, đó là người cha và người mẹ. Ở đây, bầu khí gia đình cũng có tính cách quyết định tới mức độ lớn lao.

Lúc quan hệ giữa cha mẹ ấm cúng và lúc đưa con có niềm vui chứng kiến những biểu lộ hồn nhiên âu yếm thì đã bảo đảm được yếu tố quan trọng nhất của giáo dục tính dục. Con cái lớn lên trong bầu khí mà luyện ái nam nữ được xem là hiển nhiên.

Trong một gia đình đầy cấm kỵ thì hoàn toàn khác, với một bầu khí đoan trang kiểu cách ngột ngạt, phủ nhận hoặc trấn áp tính dục và do đó, tách biệt tính dục khỏi tình yêu của con người như một toàn bộ. Đứa bé chỉ được phép thấy “tình cao thượng hơn”, là giao tiếp tinh thần giữa cha mẹ mình; trong khi ấy chỉ được thấy một ít dấu vết của tình yêu thể xác qua khoảnh khắc ngưỡng ngụi trong một cơn bốc đồng đột xuất nào đó.

Giả như đứa bé được giáo dục về luân lí, giả như đứa bé được học để sống tự nhiên, thích đáng và lành mạnh về tính dục thân xác và rồi nó được tận mắt thấy cách cha mẹ mình êm đềm âu yếm và tôn trọng nhau như thế nào cùng với những săn sóc nhau của cha mẹ hòa hợp tự nhiên vào toàn bộ cuộc sống gia đình. Trong cuộc sống ấy, cho và nhận của cha mẹ đều biểu lộ có tình yêu thương đối với đứa con. Những thông tin về sau về việc ăn nằm mật thiết mà cũng là một hình thức cho và nhận của cha mẹ sẽ không là những phát giác hốt hoảng. Một khung cảnh như thế sẽ có thể giải thích với đứa bé lúc nó lớn hơn, rằng sự trong trắng là sự tôn trọng cách gián dị những gì tốt lành và đáng yêu trong hôn nhân.

Cũng sẽ tiếp tục giữ bầu khí êm đềm nếu lúc, chẳng hạn con cái phát hiện ra và bắt đầu đùa giỡn với cơ thể chúng. Cha mẹ sẽ không coi việc đùa giỡn ấy như chuyện người lớn và không phản ứng dữ dội. Họ sẽ làm xao lãng



sự chú ý của con cái và giúp chúng bận rộn bằng cách giao cho chúng những việc khác, liên quan tới việc giáo dục đạo đức thông thường. Nếu gia đình có thêm em bé, cha mẹ không nên ngại cung cấp thêm hiểu biết cho đứa lớn. Để chúng khỏi tìm kiếm những hiểu biết ấy ngoài đường. Chẳng mười tuổi, con cái có thể thắc mắc về sự khác biệt phái tính. Có thể giải đáp vấn đề này không bằng những tiểu tiết sinh học không cần thiết mà bằng căn bản tình yêu giữa người cha và người mẹ. Trước thời dậy thì một chút, lúc còn rất nhạy cảm với những gì kì diệu và tò mò háo hức, đưa con sẽ phản ứng đầy biết ơn với càng nhiều câu hỏi lúc nó nhận biết hơn về tình phụ mẫu.

Thời kì thắc mắc, chừng mười hai tuổi, là thời gian tốt nhất để cung cấp thông tin lúc có dịp. Ngay lúc mới dậy thì, đưa con tiếp tục đặt câu hỏi mà không ngưng nghỉ vì nó đang bị tác động bởi cảm giác tính dục và biết quá nhiều về những nết trái cá nhân. Vì thế, cha mẹ nên chuẩn bị sớm hơn cho những kinh nghiệm cá nhân của đứa con và những gì mà rõ ràng là nó sẽ nghe thấy tại những nơi khác.

Do đó, theo thực tế và cảm giác chung, cha mẹ nên chuẩn bị cho con cái sẵn sàng đối với điều sắp xảy ra trong thế tạng chúng. Vào thời kì không bị phức tạp hóa này, cha mẹ sẽ nhận thấy mình có thể nói với con trai về việc thủ dâm mà hầu như không có bất cứ sự ngưng nghỉ nào - việc ấy tình tế cho cha mẹ hơn là cho đứa con. Thảo luận việc ấy không có nghĩa sẽ giữ cho đứa con khỏi mọi gay go nào đó trong tương lai, nhưng giải trừ nó khỏi những lo lắng không cần thiết và mặc cảm phạm

tội. Còn có thể cho đứa con sự bảo đảm thanh thản là cha mẹ hiểu mình. Lúc ấy, đứa con không cần thấy liền thủ phạm trong thời dậy thì là có biểu hiệu của tội lỗi. Trong thời kì xúc động và bất định này, thường có quá ít tự do cho tội lỗi hiện hữu. (Thật ra, cả nơi người lớn, trong vấn đề này, tự do cũng thường vắng mặt nhiều hơn là được thừa nhận trước đây). Tốt hơn là ghi nhớ trong tâm trí rằng hiện tượng ấy xảy ra hầu hết vì những căng thẳng tình cảm mà đứa con chịu đựng: các thất vọng trong giao tiếp của nó với người khác, thiếu bạn hữu, lo âu về khiếm khuyết trong việc học, và vân vân. Đứa con trải qua giai đoạn dậy thì có đủ sẵn sàng để chuyện trò với cha mẹ về những thất vọng của nó với hi vọng tìm được sự hiểu biết. Nhưng nó thích giữ im lặng trong những vấn đề tính dục lớn cũng như nhỏ - các vấn đề ấy có thể kéo dài hàng năm; và khi nó nói về chúng, cha mẹ thông thường nên vui sướng cố gắng xoa dịu lương tâm nó. Trên hết, cha mẹ cần nhấn mạnh đến các khía cạnh hứa hẹn nhất của cá tính đứa con. Với niềm thông cảm của cha mẹ và sự hướng dẫn trực tiếp hơn của một người giải tội đầy am hiểu, đứa bé sẽ cảm thấy, cả trong giai đoạn cuộc đời thường có tính cách cá nhân nhất này, rằng nó phải từ bỏ các ham muốn ích kỉ trong tất cả mọi khía cạnh, và như thế, nó không nên giữ tính cách non nớt và cô độc ngay trong những kinh nghiệm thể xác của nó. Nó bắt đầu có một cảm giác sống động về chân lý rằng tính dục là “ngôn ngữ của tình yêu”, cách độc quyền. Vì từ những ngày thơ ấu nhất, nó vốn đã học biết, có kinh nghiệm về một gia đình dành hết cho nhau, về mối quan tâm song phương của cha mẹ được thấy qua sự ân cần đôi bên biểu lộ cho

nhau, nên nó có thể sống cho người khác với trọn con người, thể xác và linh hồn mình.

Điều ấy dĩ nhiên cũng đúng cho con gái. Có một số thiếu nữ, liền đó hoặc về sau, tự làm thỏa mãn mình. Trong trường hợp thiếu nữ, ít có liên hệ trực tiếp giữa thủ dâm và phát triển đầy đủ cơ thể. Do đó có lời khuyên là không nên nếu việc ấy ra lúc cô bé đang sắp sửa bắt đầu có kinh nguyệt. Phần lớn các thiếu nữ trẻ không có cảm giác tính dục hoặc mơ hồ và không biết tới thủ dâm. Dù có hoặc không có cảm giác tính dục thì các cô bé ấy cũng không là những người bất thường. Các cô bé thuộc cả hai nhóm đó đều có thể lớn lên thành một phụ nữ hoàn toàn.

Thảo luận trên có thể đi sâu và dần trải khắp chủ đề này hơn trong khi trực tiếp giảng dạy. Thông tin đứng đắn không là điều ngoài lề của thông điệp phúc âm. Phác thảo ngắn đưa ra đây có thể cung cấp những ý niệm, để qua tìm hiểu sách báo mà triển khai xa hơn. Những ai nhận thấy mọi sự được nhìn ở đây chỉ hoàn toàn qua lăng kính màu hồng - hiểu biết hỗ tương, yêu thương, hòa hợp và vân vân - xin nhớ rằng ý định này là sửa soạn cho một viễn cảnh rộng lớn và đầy cảm hứng, mà ở đây chỉ có thể làm nó thành cụ thể từng phần.

### *Giáo dục để độc lập*

401-403

Cha mẹ cung cấp cho con cái tất cả những an toàn và tình cảm mà con cái cần. Nhưng thông thường, thật ngạc nhiên là ngay sau đó, chính đứa con lại gạt bỏ cả sự hướng dẫn lẫn các quan điểm tôn giáo. Đây có thể là thời kì thất vọng, hiểu lầm, đau khổ và cô đơn - cho cả đôi bên.

Thông điệp Kitô giáo không nói cho chúng ta biết là có thể tránh được mọi xung khắc. Nhưng nó gợi ra rằng nên duy trì đối thoại và cha mẹ nên khiêm tốn nhận ra là phía bên kia có những khó khăn lớn lao hơn. Quan tâm, cởi mở và thiện cảm thì quan trọng không kém việc đưa cho đứa con những chỉ dẫn tôn giáo trong các giai đoạn giáo dục đức tin mà cho đến lúc này nó thường nổi loạn chống lại. Đứa con thích nhìn cha mẹ mình chân thành giữ đức tin - hơn là thúc dục nó sống ngoan đạo.

Lúc này, đứa con nhạy cảm cách riêng với các giá trị tự nhiên mà nó nhận thấy nơi cha mẹ: bác ái và kiên 720 định, ấm áp và biết ơn, cảm giác về trách nhiệm và siêng năng. Trong giai đoạn nó lơ là tôn giáo này, các giá trị ấy làm thành đóng góp kì diệu giúp nó phát triển thành người lớn và Kitô hữu chín chắn.

Thật ân phúc được lớn lên trong một gia đình cởi mở và hiếu khách, nơi có vị trí cho bằng hữu và sẵn sàng cho những cuộc họp mặt hồn nhiên giữa thanh thiếu niên nam nữ để giải trí và tiêu khiển. Sự cởi mở này khiến gia đình bảo đảm tới mức độ lớn lao sự phát triển xã hội của con cái và ngăn ngừa những mối liên lạc có ảnh hưởng quá đáng với cha mẹ và bè bạn. Bầu khí thân mật mà cởi mở của gia đình tạo dịp biết tới những định chuẩn của các bậc cha mẹ khác về những quan điểm chính đáng và phòng chống các nguyên tắc cứng nhắc và tuyệt đối. Nơi nào có sự uyển chuyển lành mạnh và có cảm giác về điều gì là cân đối giản dị thì có sự thanh thản tâm lí và dễ dàng tránh được những xung khắc không cần thiết.

Những nhân cách đứng đắn và phong phú có thể phát triển nơi các gia đình mà sự tín nhiệm và hiểu biết vượt

trội hẳn những quan hệ bó buộc bề ngoài. Đó cũng là nơi hình thành căn bản cho hạnh phúc tương lai của chính gia đình sau này của những người trẻ tuổi. Chúng sẽ vững chãi và thẳng đứng trong tình yêu vì chúng sớm nhận biết và thực hành nó từ những ngày thơ ấu nhất của mình. Kỉ ức đó sẽ chẳng bao giờ nhạt phai, cả lúc chúng không còn ở trong ngôi nhà cha mẹ.

765-767 Lúc ấy, một đoạn đời mới rạng sáng cho các bậc cha mẹ. Thêm lần nữa họ ở cùng nhau. Hôn nhân, “hòn đá thử vàng của sự sống con người”, lúc này đạt tới viên mãn của nó. Ở đó chồng và vợ cho nhau hơn bao giờ hết, chưa bao giờ được cùng nhau ngắm nhìn cách căn bản như thế. Lúc ấy, có lẽ cả hai có thể cùng nhau biểu lộ một lí tưởng mới về đức hạnh, cởi mở, nhạy bén với xã hội và sự rút lui có chủ tâm. Một sự rút lui có cái gì đó thiêng liêng cao cả. Thiên Chúa thì quý ẩn cách quá đối diệu kì dù ngài mật thiết với mọi sự. Người Kitô hữu không bao giờ đạt tới điểm tận cùng của sứ mệnh mình.

Sau cùng, ta sẽ gặp người khác ở cuối con đường này và lúc đó ở lại một mình. Thường hoàn cảnh sẽ thúc đẩy người cao niên tìm một con đường mới. Một cuộc đời đầy tràn an tĩnh được chủ yếu ban cho những ai mà tâm hồn giao tiếp với người khác và với Thiên Chúa.

## NHỮNG LỜI KHUYÊN CỦA PHÚC ÂM

**C**on, người được truyền ban cho kết hôn phù hợp với kết cấu của tâm lí và thể xác mình. Nhưng có những người quyết tâm và khoan khoái sống đời độc thân. Họ làm thế “vì nước trời” (Mt. 19:12).

Con người được phép bảo là của mình một số của cải nhất định trong trần gian này. Con người cần chúng để độc lập, vì người ta nên sống như thế. Nhưng có những người cam kết không sở hữu riêng tư bất cứ của cải nào.

Con người phát triển bằng cách theo đuổi tính chủ động của mình. Nhưng có những người thề hứa tự nguyện vâng lời.

Những người ấy không giữ ba giá trị nhân sinh nói 212 218 trên, cố gắng noi theo gương mẫu và lời chỉ bảo của Đức Giêsu. Vì thế có đề tài “Những lời khuyên của phúc âm” này. Người mà cuộc đời mình vĩnh viễn sống theo những lời khuyên ấy được gọi là tu sĩ.

### *Sống độc thân vì nước trời*

Tình trạng độc thân chẳng phải là tình trạng không 632 tình yêu. Ngược lại, tình yêu là động lực duy nhất cho cuộc sống ấy, và tình yêu ấy không thể tồn tại mà không có một thân xác. Người nam ấy không yêu đương một phụ nữ nào và không yêu dấu đứa con nào. Người nữ ấy không ôm ấp một nam nhi nào và không cưu mang một đứa con nào. Nhưng cơ bản, trừ việc quan hệ tính dục, thân xác ấy ở đó hoàn toàn cho nhiều việc khác. Nó có ở đó để sống quảng đại, để nói về chân lý, để bằng hàng ngàn cách biểu hiệu về mọi điều mà con người có thể sống, để là khởi điểm phục vụ người khác, và như thế, cũng để sinh hoa kết trái. Thân xác ấy ở đó để tới hậu ở cùng Thiên Chúa. “Thân xác...là dành cho Chúa và Chúa dành cho thân xác. Và Thiên Chúa đã cho Chúa sống lại, 782-783 và Người sẽ cho cả ta sống lại nữa, bởi quyền năng của

Người. Anh em không biết thân xác của anh em là chi thể của Đức Kitô sao?" (1 Cr. 6:13-15). Những lời này (vốn không nói về tình trạng không lập gia đình, nhưng về việc tránh tà dâm) nói cho chúng ta rằng mục đích căn bản của thân xác không phải là cho sắc dục. Như thế, sống độc thân vì Thiên Chúa không nhất thiết có ý nghĩa tối hậu là phủ nhận thân xác.

Nhưng thực tế phải nói là họ không lập gia đình. Sự sinh sôi của tinh lực, sự chờ đợi của dạ con, trái tim để trao hiến người khác - mọi sự ấy chẳng còn ăn thua gì. Không, không phải chẳng ăn thua, nhưng đơn giản chúng chỉ là phần phụ trong con người vươn lên toàn diện của người nam hoặc người nữ ấy. Người tu sĩ từ chối hôn nhân nhưng không từ chối phát triển toàn diện nhân cách của mình. Một nữ tu y tá, một nữ tu dạy học làm việc đời mình như một phụ nữ. Một nhà truyền giáo làm việc đời mình như một người nam. Phái tính thể xác không được hành xử nhưng nó phải có đó, để làm cho một người thật sự là nam hoặc nữ, để họ có thể có đức hạnh chân chính của một người trưởng thành. Trong ý nghĩa này, không có năng lực nào của thể xác và tâm hồn là không cần thiết. Chúng ta hiểu rằng Đức Kitô là một con người trọn vẹn. Khi sống như một con người, ngài mang tin mừng đến cho nhân loại.

Những ai sống độc thân cho nước trời, đều cố gắng chuẩn bị cách đầy đủ qua cầu nguyện và hoạt động, và như thế, được sinh hoa kết trái theo nhiều cách thức mà người khác không thanh thoi thực hiện. Họ đem tâm hồn mình cho người khác bằng nhiều cách thức, bởi và trong những người nhận ấy, họ thấy sự kết hợp, kiên định và

chân lí. Điều này cho thấy trong cuộc sống tu trì, đức tin thiết yếu biết bao. Vì làm sao người ta có thể chọn yêu nhiều người mà không đem trái tim mình trao cho một người?

### *Không của cải*

Lời khuyên thứ hai của phúc âm là sống không có tài sản riêng. Mọi của cải được sở hữu chung. Điều này không có nghĩa từ bỏ mối liên hệ với của cải trần gian như thế chúng là sự dữ. Trong ý nghĩa nhất định, tu sĩ cảm thấy mình thoải mái với mọi sự. Vì thế, tu sĩ không xem là mình không có gì cả, cả thế gian là nhà mình, như Phanxicô Assisi, khi ngài từ bỏ mọi của cải, đã coi mọi người là anh em và chị em của mình. Phêrô có lần nói với Đức Giêsu, “‘‘Này chúng tôi từ bỏ mọi sự mà đi theo Thầy’’. Đức Giêsu trả lời: ‘Quả thật, Ta bảo các người: không ai bỏ nhà cửa, hay anh chị em, hay cha mẹ, hay con cái, hay ruộng nương vì Ta và vì Tin Mừng, mà lại không lĩnh lấy gấp trăm lần ở đời này về nhà cửa, anh em và chị em, mẹ và con cái cùng ruộng nương, làm một với cách bắt bớ và sự sống đời đời trong thời sẽ đến’” (Mc. 10:28-30). Trong đoạn văn tuyệt diệu này, Đức Giêsu cất nghĩa người mất mọi sự thì nhận được ngàn nào ngay ở trần thế này. Nhưng sở hữu ấy không đến với người đó cách êm ả, mà đúng hơn tặng phẩm ấy được ban cho cách bền gan và mỗi thời mỗi mới giữa các cấm cách bách hại. Tu sĩ có sự sử dụng của cải mà không có quyền sở hữu chúng. Tu sĩ sống chủ yếu không tài sản cá nhân trong một tu hội mà mọi sự tùy thuộc vào đó, để tu sĩ giữ vô tư với của cải. Tu hội cũng phải giữ tính thanh



thoát. Vì thế cần tới đạm bạc kiên trì. Chỉ giữ lại những gì cần cho nhiệm vụ. Đó là cách Đức Giêsu xử sự. Những cái còn lại thì dành cho những người lâm cảnh sa sút.

### *Vâng lời*

m15-617 Lời khuyên thứ ba của phúc âm là từ bỏ ý muốn của chính mình bằng vâng lời. Tu sĩ dứt khoát tìm kiếm ý muốn độc nhất, ý muốn của Chúa Cha, vì Đức Giêsu luôn luôn làm điều đó. Dĩ nhiên trong thực tế mọi Kitô hữu đều tìm cách thực hiện ý muốn của Chúa Cha. Có điều khi Kitô hữu bắt đầu sống đời nghèo khó và độc thân trong các tu hội, họ cũng bắt đầu thấy trong các mệnh lệnh của tu viện trường sự biểu lộ trực tiếp và rất cụ thể của ý muốn thiêng liêng. Lúc ấy, họ đã khẩn vâng lời các bậc bề trên để có thể được sống giống Đức Kitô.

m12-664 Đây không phải là từ bỏ lương tâm con người, mà dĩ nhiên có bỏ cũng không được. Tu sĩ có thể không vâng lời bất cứ mệnh lệnh nào làm điều có tội, nếu có. Trong hầu hết các luật thời xưa đều có đặt ra nguyên tắc này, coi là điều tự nhiên, thí dụ, từ chối dứt khoát lời biện hộ của các tội phạm chiến tranh cho là mình chỉ làm theo lệnh. Thêm nữa, vâng lời không có nghĩa từ bỏ tính chủ động và khả năng phê phán của ta, dù tu sĩ sẵn sàng bỏ các kế hoạch của mình nếu bề trên, có biết tới chúng, mà quyết định ngược lại. Việc này có thể liên quan gay go tới thử thách, đặc biệt lúc bề trên không thành thạo việc ấy, đi quá sâu vào chi tiết và để quá ít chỗ cho sáng kiến - tóm lại, bậc cai quản nào cũng đều có thể có khuyết điểm. Nhưng tu sĩ không nản lòng. Tu sĩ hiểu rằng trong

vâng lời có một mẫu nhiệm vĩ đại. Nó có nghĩa làm một với sự vâng lời của Đức Kitô theo ý muốn của Chúa Cha, đôi khi che khuất nhưng luôn luôn là đáng mang lại sự sáng tỏ. Thế gian này được đem tới nhiều bình an nhờ sự nhu thuận có quyết tâm của sự vâng lời của các tu sĩ.

### *Con tim khăng khít*

Lời khuyên thứ ba trong ba lời khuyên của phúc âm là tận hiến trọn đời, lời khấn với Thiên Chúa trong bộ ba lời khấn. Sống tận hiến là một kiểu mẫu rất đặc biệt của kinh nghiệm con người. Phaolô có lời diễn tả nó. Lúc phát biểu về việc giữ độc thân vì Thiên Chúa, ngài nói rằng việc đó có thể giúp Kitô hữu “được khăng khít với Chúa không hề lơi”, trong khi không bị xao lãng bởi các “lo âu” (1 Cr. 7:35-37). Kinh nghiệm mà Phaolô đưa ra như ý kiến này của ngài đã được xác nhận, cho đến hôm nay, bởi kinh nghiệm của vô số người khác.

Các Kitô hữu không được những lời khuyên phúc âm này mời gọi sẽ thấy gay go ở đây. Có phải vậy hàm ý rằng họ “không được khăng khít”? Hôn nhân, của cải, sự làm chủ chính mình, có phải là điều trục trặc không? - Dĩ nhiên không. Đức tin Kitô giáo xem điều ấy là những con đường trong đó con người phát triển và là những cách thức hướng đến Thiên Chúa. Qua nỗi hân hoan của nụ hôn tình ái đầu tiên, qua niềm hãnh diện của đồng tiền công đầu tiên lãnh được, qua phiêu lưu của quyết định độc lập lớn lao đầu tiên, những giá trị ấy có thể là cuộc gặp mặt Thiên Chúa. Nhưng vì chúng ta là người tội lỗi nên luôn luôn muốn một cái gì đó. Tình yêu của chúng

ta không đạt tới người khác cách trọn vẹn, vẫn giữ lại chút vị kỷ và vì thế bị xao lãng với Thiên Chúa. Chúng ta không luôn luôn để cho mình chia sẻ (và nhận ra) sự rộng  
 708 lượng của Thiên Chúa trong của cải của mình. Ý muốn của chúng ta đôi khi đi ngược lại ý muốn của Thiên Chúa. Tóm lại, trong mọi cách thức hướng đến Thiên Chúa này, chúng ta đều vẫn còn và vẫn là không ở ngoài trạng thái  
 432-434 của tội nguyên tội. Chúng không dẫn đến Thiên Chúa mà không có bất cứ trở ngại nào. Vì thế, có những người Thiên Chúa kêu gọi, qua mầu nhiệm của Giáo Hội ngài, tận hiến cuộc đời cho ngài cách giản dị hoặc có thể có những rắc rối nhỏ nhoi. Dĩ nhiên, trên thực tế, điều này không có nghĩa là “khăng khít” lập tức. Mà là một sứ mệnh kiên trì để trở nên khăng khít. Khi nhận ra trong cuộc sống mình tính duy nhất của ý định mình, họ trở nên những người có sự mộc mạc và thanh thoi của Đức Kitô. Đôi khi dường như họ vẫn giữ được điều gì hồn nhiên mà những người khác thường đánh mất. Nó không là dấu vết của thời thơ ấu - dù có thể có, trong tôn giáo cũng như trong hôn nhân - mà nó là tính không kiêu căng, tính chính trực và sự đơn sơ của tâm hồn.

### *Thanh thoi cho cuộc sáng thế mới*

Cùng với sự tận hiến khăng khít, Phaolô đưa ra một động lực khác nữa là “vì các hình thức của thế gian này đang qua đi” (1 Cr. 7:31). Thời đó, ngài nghĩ là chuyện ấy sắp nhanh chóng xảy ra. Việc chậm xảy ra làm động lực đó ít cụ thể nhưng không mất giá trị. Tu sĩ được mời gọi theo các lời khuyên của phúc âm để định hướng cuộc

đời mình thẳng hướng tới cái đang kéo dài: tình yêu đối với Thiên Chúa và đối với mọi người, nước trời, ý muốn của Chúa Cha. Điều vẫn đúng là trong hôn nhân, của cải và quyết định riêng tư, người ta vẫn định hướng tâm trí mình tới cái đang kéo dài và thực hiện trong và qua những giá trị trần thế ấy. Tu sĩ được kêu gọi đạt tới sự thánh thiện nhất định khỏi các thực tại trần thế đáng giá ấy, chú mục vào cái cốt lõi đáng giá vĩnh viễn được hứa hẹn trong các thực tại ấy. 434-435

Rõ ràng tu sĩ là người có sứ mạng đối với trần thế và những cảm xúc con người. Thật ra, bằng việc không bị ràng buộc vào những giá trị như gia đình và của cải, tu sĩ có thể gắn bó với mọi việc trần thế và toàn thể loài người - như Phanxicô Assisi, Phaolô và cả Chúa. Nhưng bất chấp việc đó, hoặc đúng hơn, vì đó, tu sĩ có nỗi hân hoan nhất định cách đầy đủ nhất trong sự kéo dài của cuộc sáng thế mới, cố gắng nắm bắt đặc biệt tất cả những điều Chúa hứa hẹn cho đời đời. Do đó, nếu sống kiên định theo lý tưởng và gắn bó với phần tín đồ còn lại, các tu hội có thể biểu tượng cho cái cốt lõi căn bản của hôn nhân, của cải và quyền tự quyết của đời thường. Họ là biểu hiệu rằng mọi sự ấy chỉ có thể làm tâm hồn con người mãn nguyện nếu được sống “trong Chúa”, nghĩa là, trong tình yêu quên mình, đức tin vào thánh giá và hi vọng vào sự sống lại.

Để đi theo các lời khuyên, tu sĩ từ bỏ những con đường bình thường dẫn đến Thiên Chúa. Vì thế, họ từ bỏ ân sủng thích hợp cho các con đường đó. Việc này liên can tới mạo hiểm. Ta từ bỏ những hân hoan và chăm sóc nhất định, vốn làm ta tốt lành và thánh thiện. Và việc ấy cũng kéo theo với việc người có gia đình cũng có sứ mệnh

liên quan tới tu sĩ. Họ phải cho thấy đức hạnh, khôn ngoan và sự hi sinh mật thiết với cuộc đời thường của Kitô hữu. Đây là thành phần bổ sung mà tu sĩ cần. Thật tiện lợi nếu người ở phía này cũng hiểu biết nỗi hân hoan và âu lo của ở người phía kia.

### *Đức Kitô là một gương mẫu*

Phaolô không đề cập tới động lực thứ ba của các lời khuyên này. Nhưng nó rõ ràng có mặt đều khắp thông điệp phúc âm. Là sự kiện Đức Kitô sống độc thân. Ngài, người lí tưởng, người duy nhất có tâm hồn khăng khít chân chính, sống đời độc thân và không của cải. Điều ấy không có nghĩa ngài đánh giá hôn nhân và của cải là lầm lạc. Đánh giá ấy hiển nhiên vì thông điệp của ngài đến với chúng ta, rõ ràng nhất và giản dị nhất, theo con đường trần thế, nơi tội lỗi ngự trị. Thông điệp của ngài là sự ngự trị của Thiên Chúa. Theo gương mẫu của Đức Kitô mà những người khác cũng từ bỏ việc lập gia đình “vì lợi ích của nước trời” (Mt. 19:12). Sự có mặt thường trực của Thiên Chúa trong Thánh Linh làm lối sống ấy đáng sống. Tu sĩ hiểu họ trao phó con tim mình cho ai.

### *Đức tin*

Những động cơ ấy đặt cơ sở trên đức tin. Không có đức tin thì lối sống ấy phi lí, một tận hiến trống rỗng. Nhưng đức tin liên can đây thường là đức tin hiển nhiên và hân hoan. Việc ném trái đời sống như một người “hèn mọn của Đức Giavê”, con của Thiên Chúa, em của Đức Giêsu, được đặt định cho thánh thời để làm điều tốt, để

rao giảng đức tin mà không xao lãng, khiến lối sống ấy thành nhân tính cách sâu sắc và hòa điệu. Nó là dấu chỉ rằng ta không xây dựng trên cát. Dĩ nhiên có thể có những thời gian và hoàn cảnh đầy gay go. Nơi này cũng như nơi khác có thể có ngã lòng bởi sai phạm của chính ta, lỗi lầm của người khác hoặc hoàn cảnh. Theo cái nhìn loài người thì trong những trường hợp đó, dấu chỉ ấy ít lỗi cuốn hơn. Tuy nhiên, có một điều vẫn gây xúc động, là đức tin. Trong ý nghĩa nhất định, nó gợi cảm hơn bao giờ hết. Họ hiểu rằng họ được mời gọi đến những hoàn cảnh ấy. Dưới lớp tro, đức tin, trông cậy và tình yêu vẫn âm ỉ cháy. Thông thường chúng ta thấy trong những người đó và trong những hoàn cảnh ấy có niềm hứng khởi mới lóe sáng sau những giờ âm u, để tưởng thưởng đức tin mà họ đã kiên gan bền chí.

151-157  
527-532

Có lẽ các điều kiện mạnh mẽ nhất của đức tin được cung cấp bởi các cộng đoàn có những phần tử thực hiện công tác phục vụ cách thực tế và rất khiêm tốn - là các tu hội nam nữ tu sĩ, và các nam tu sĩ trong các tu hội tông đồ. Hiển nhiên là công việc của họ thường được cam kết và bền gan cách đầy hân hoan vì lợi ích duy nhất của Đức Kitô. Cũng thật sự có những dòng tu và những tu hội mà công tác chính là cầu nguyện. Đức tin làm cuộc sống của họ đầy ý nghĩa.

Ba lời khuyên của phúc âm đi cùng nhau. Chúng hỗ trợ nhau lập thành một lối sống dứt khoát, và lời khuyên này nâng đỡ lời khuyên kia. Điều này không có nghĩa chúng luôn luôn được thấy trong một trạng thái gồm đủ cả ba, nhưng nếu ai phấn đấu để theo bất cứ một lời nào thì luôn luôn nhận ra được cái gì đó của hai lời kia.

### *Linh mục độc thân*

Có tục lệ từ thuở xưa là các giám mục là người giữ tình trạng không kết hôn. Tục lệ này được giữ nguyên trong Giáo Hội Phương Tây, dù trong Giáo Hội Phương Đông một người có gia đình có thể được truyền chức - và một linh mục được truyền chức có thể không lập gia đình. Chúng ta đã có nói về khái niệm này trong mối liên kết giữa thừa tác vụ và sự độc thân: rằng sứ mệnh của những người dẫn dắt trong Giáo Hội là trách vụ rất đặc biệt và sinh hoa kết trái. Do đó, mối liên kết ấy rất có ý nghĩa. Có điều, điều ấy không có nghĩa phản bác. Các linh mục có gia đình của Giáo Hội Phương Đông và các mục sư của Giáo Hội Tin Lành thông thường là những vị chăn dắt rất tốt.

Thường có lời nói rằng linh mục không lập gia đình thì không nên đưa lời hướng dẫn về những vấn đề liên can tới cuộc sống hôn nhân. Nhưng thực tế dường như cho thấy nhiều người hài lòng thật sự lúc nói với linh mục độc thân về những vấn đề ấy. Các linh mục có kinh nghiệm rộng rãi nhờ những cuộc thảo luận với người thế tục. (Và liệu các tâm lý gia của các cơ sở hướng dẫn hôn nhân đặt căn bản các lời khuyên của họ trên những nghiên cứu thực tế hoặc trên những kinh nghiệm của riêng mình về hôn nhân? Hầu hết các vấn đề này có tính cách chủ yếu cá nhân và rất khác biệt giữa người này với người kia).

Thông thường tu sĩ và linh mục dường như cũng được ban tặng phẩm ân sủng đặc biệt trong công tác giáo dục của mình. Sau nhiều năm nếm trải yêu thương trong giáo

đục, họ thông thường có thể ít nhất - không nói đến việc mất nhay cảm đôi khi xảy ra - hiểu trẻ em theo cách mà các cha mẹ không thể hiểu.

Linh mục giáo phận thề hứa vâng lời giám mục, nhưng không khấn về sự nghèo khó. Trên thực tế, họ nhận thấy, cũng như toàn thể dân Thiên Chúa nhận thấy, rằng lối sống thanh đạm thích hợp cho cuộc sống cử hành các bí tích và rao giảng phúc âm. Nhiều khi họ sống hết sức nghèo khó, còn hơn nhiều tu sĩ không sở hữu gì cả.

### *Cùng nhau trước Thiên Chúa*

Dân Thiên Chúa ngóng đợi Chúa như chờ chú rể. Ngài yêu thương Giáo Hội và đi tìm Giáo Hội. Giáo Hội đi tìm ngài. Mỗi giáo phận, mỗi giáo xứ, mỗi tu hội và mỗi gia đình đều tham dự cuộc tìm kiếm ấy. Những người lập gia đình, bằng tình yêu song phương của mình, là hình ảnh mẫu nhiệm này của Đức Kitô và Giáo Hội. Nhưng họ cũng tham dự trực tiếp vào mẫu nhiệm này vì tình yêu của họ cũng tìm thấy Đức Kitô trong người bạn đời, Đức Kitô tham gia vào cả đôi bạn. Tu sĩ được kêu gọi tham dự vào mẫu nhiệm này của Đức Kitô và Giáo Hội bằng tâm hồn khăng khít đặc biệt. Về điều có thể thực hiện trong định chế tu trì nam và nữ thì đã được giải thích (xem chương, chẳng hạn, về “Lời hằng sống”).

Những biểu hiện thiên hướng về cuộc sống tu sĩ thì cũng như của thừa tác vụ: sự bình an và hân hoan mà qua đó Đức Kitô cuốn hút linh hồn, sự xác nhận thiên hướng bởi việc chấp nhận ứng viên vào tu hội, sự sâu lắng kiên trì của các động lực. Về sự kiện đa dạng phong phú của



các dòng tu và tu hội thì đã bàn tới trong chương Lịch sử Giáo Hội.

## GIÁO HỘI VÀ NHÀ NƯỚC

**D**ân Thiên Chúa sống ở thế gian. *Nhưng nó không thuộc về thế gian* - nếu ta hiểu tiếng “thế gian” theo nghĩa loài người, có tính cách kinh thánh, tới mức làm xa cách với Thiên Chúa và tới mức chúng ta phải nhận sự quở trách của Thiên Chúa. Nhưng tiếng “thế gian” cũng có ý nghĩa khác, cũng có tính cách Kinh Thánh và còn thích hợp với lối nói thời nay. Nghĩa là thế gian tới mức mà nó được Thiên Chúa mời gọi tụ họp lại, “thế gian mà Thiên Chúa rất yêu thương”, một thế gian được đông đúc bởi Thiên Chúa, “người yêu của mọi sự hiện hữu” (x. Kn. 11:24). Trong ý nghĩa ấy, dân Thiên Chúa thuộc về thế gian này, và phải là thành phần của thế gian hết mức có thể được.

577 579

Trong chương về trách vụ tư tế của dân Thiên Chúa, chúng ta đã nói làm thế nào Kitô hữu và sứ mệnh trần thế ăn khớp nhau. Chúng ta đã thấy là dân Thiên Chúa được kêu gọi phục vụ nhân loại bằng sự giúp đỡ và làm nhân chứng. Giáo Hội không bàng quang trước những vấn đề lớn lao về nghèo đói, hòa bình và hiểu biết. Bằng sứ mệnh đã nhận được, Giáo Hội hoàn toàn dẫn thân vào các vấn đề ấy. Trong các chương sau, chúng ta sẽ cố gắng nhìn cuộc sống của mình ở trần thế này dưới ánh sáng của phúc âm và của trách nhiệm đặt trên mình. Chúng ta sẽ thảo luận về cuộc sống mình như thể nó nằm ngoài

387

gia đình - dù không đi quá sâu vào chi tiết vì việc áp dụng cụ thể các nguyên tắc này tùy thuộc rất nhiều vào nhận thức và hoàn cảnh. Chương đầu tiên này sẽ thảo luận ngắn gọn về tương quan giữa Giáo Hội và Nhà Nước, hai cộng đoàn rất khác nhau mà Kitô hữu lập thành những trung thành bất phân li.

### *Trung thành*

Con người sống cùng nhau trong xã hội, nơi họ liên kết nhờ liên hệ ngôn ngữ, thân hữu, nòi giống, lối sống, sự tương thuộc và các trách nhiệm. Tổ chức lớn nhất cho cuộc sống cộng đồng là Nhà Nước. Theo giảng dạy của Kinh Thánh, tương quan của chúng ta đối với một xã hội có tổ chức là tương quan trung thành, hợp tác và vâng phục. "Đối với quyền chức hiện dịch, mọi người hãy biết phục tùng. Vì không có quyền bính nào mà không do tự Thiên Chúa, và những quyền chức hiện hữu đã do Thiên Chúa thiết định" (Rm. 13:1). Chúng ta hiểu thế nào về lời phát biểu ấy của Phaolô.

Tuân phục lề luật xã hội (về kinh doanh, các quyền, các trách nhiệm, giao thông, và vân vân) là một nghĩa vụ đối với Thiên Chúa. Điều này không có nghĩa các nhà cầm quyền được Thiên Chúa chỉ định. Mà có nghĩa rằng nó thuộc phần bản tính con người, được tạo nên bởi Thiên Chúa, không chỉ lớn lên trong sự vâng lời cha mẹ mà còn bày tỏ sự trung thành với hình thức này hoặc hình thức khác của Nhà Nước và đối với nhà cầm quyền được chọn lựa để cai quản nó. Việc này đem lại trật tự, bình an và hạnh phúc là những điều hòa hợp với Thánh Linh Thiên Chúa.

Sự phục vụ xứ sở có thể đòi hỏi hiến thân. Vào lúc có tai ương, dịch bệnh, tấn công của kẻ thù, và vân vân thì các sức mạnh của xã hội được huy động. Con người hiến sự sống mình. Chúng ta cảm thấy đoàn kết hơn bao giờ. Trong thời bình, một trong những nghĩa vụ căn bản nhất là đóng thuế. Những ai trả ít hơn phần được chia của mình thì nhất thiết là làm tăng gánh nặng đè xuống những giới có lợi tức thấp gồm những người thu nhập có thể bị kiểm tra chính xác. Thuế nên được đóng theo cách mà trên thực tế Nhà Nước kì vọng. Về điểm này, Phaolô viết, “Bởi đó cần thiết phải phục tùng, không chỉ vì án phạt, song vì lương tâm. Vả lại, cũng vì lẽ đó mà anh em nộp thuế. Họ phụng mệnh Thiên Chúa mang trách nhiệm về việc ấy” (Rm. 13:5-6). Về ý nghĩa của câu sau, nên xem thư Rôma 13:1 ở trên.

### *Căng thẳng giữa Giáo Hội và Nhà Nước*

Khi mọi sự tốt lành, Giáo Hội và Nhà Nước sống hòa hợp. Cộng đoàn này trông coi các lãnh vực quan tâm của mình và tôn trọng các lãnh vực của cộng đoàn kia. Nhưng có thể phát sinh những căng thẳng sắc nét. Một khuynh hướng toàn trị, một tham vọng kiểm soát mọi sự, có thể dần dần xâm nhập Nhà Nước. Nhà Nước lúc ấy bị kích động bởi sự hiện hữu của một định chế sẽ không hoàn toàn phục tùng Nhà Nước. Giáo Hội cũng có thể đưa ra đường lối có khuynh hướng chế ngự Nhà Nước. Đó là đặc điểm của Giáo Hội Âu Châu tới độ quyền lực tinh thần hoặc quyền lực thế tục đã không bao giờ được nắm giữ đầy đủ trong một bàn tay. Thời ấy, luôn luôn có sự hai mặt, căng thẳng, “đối cực”: Giáo Hội với những lãnh

vực của mình trong một Nhà Nước độc lập, Nhà Nước với những thân dân vâng phục tính cách vượt quốc gia của Giáo Hội. Điều này dẫn lịch sử Châu Âu đến một nền tự do có tính cách độc đáo trên địa cầu. Nền tự do ấy thường bị hăm dọa hoặc cấm cản nhưng không bao giờ đạt tới điểm triệt tiêu với một chế độ chính trị thần quyền hoặc một Nhà Nước toàn trị.

Giáo Hội có sứ mệnh duy trì sự căng thẳng ấy, nghĩa là, không phải nỗ lực khống chế Nhà Nước hoặc bất khoan nhượng các quan điểm khác, mà là đứng lên nói tiếng nói sứ ngôn nếu Nhà Nước đe dọa các giá trị phúc âm. Dung dưỡng các việc đó là một tội, và như thế là Giáo Hội có thể có tội. Việc này xảy ra khi Giáo Hội bị liên kết cách quá biệt lệ với trật tự đã định tới độ mỗi xung khắc với việc tước bỏ nó đều luôn luôn đưa tới việc phải có lập trường với các quyền lực hiện hành. Cho dầu các giai cấp bị tước đoạt không hoàn toàn hợp lí, Giáo Hội cũng không được để mặc họ cho số phận của họ.

“Sự đối cực” được đề cập đến ở trên đôi khi phát sinh lời khiêu nại là người Công Giáo không là những công dân triệt để. Họ bị kết án là thừa nhận một quyền lực ngoại quốc. Dĩ nhiên thật sai lầm khi bảo họ thừa nhận một quyền lực ngoại quốc. Một số người ngoài Công Giáo thích nghĩ tới một “nước Vatican”. Và quả thật Vatican là một Nhà Nước với Đức giáo hoàng là nguyên thủ chính trị của nó. (Vatican cũng là một ngọn đồi nơi tọa lạc thánh đường Thánh Phêrô. Vì thế có tên công đồng - Công đồng Vatican). Nhưng Giáo Hội Công Giáo không là Nhà Nước Vatican đó. Giáo Hội là dân Thiên Chúa khắp thế giới, cộng đoàn mà các giám mục, trong

sự hiệp nhất với Đức Thánh Cha, là những thủ lĩnh tinh thần. Quyền năng của họ về chính trị thì cực kỳ nhỏ bé như của Đức Giêsu. Nó là lời kêu gọi của đức tin và lương tâm. Và thực tế có thể xảy ra là người Công Giáo có thể và phải nói Không với Nhà Nước vì lương tâm mình. Đó không là phản bội xứ sở. Đôi khi người ngoài Công Giáo cũng sẽ nói Không lúc lương tâm mình chỉ đạo. Có lẽ người Công Giáo lập thành một khối đoàn kết hơn, nhưng dù thế, không là phản bội. Việc ấy được thực hiện vì lợi ích của xã hội. Đó có thể là thái độ của đứa con gái út của vua Lear, từ chối nói là nàng yêu cha hơn yêu hôn phu mình, nhưng lại giúp đỡ ông hơn cả người chị nịnh bợ giá dối.

615-617  
698      Giáo Hội có thể đưa ra thái độ đó, rất hiếm so với bình thường. (Cũng phải công nhận là các nhà cai quản Giáo Hội, với lối sống và các chỉ thị, đôi khi bám lấy một quyền lợi vật thể hoặc một nền văn hóa đang biến mất lúc Nhà Nước đã đạt tới (tiến bộ) xa hơn). Các lỗi lầm lịch sử ấy đáng lưu ý nhưng chúng không tác động đến cái cốt tủy. Nguyên tắc lớn lao là Giáo Hội dần dần thâm nhập lương tâm con người với thông điệp của Đức Kitô, và tiếp tục làm như thế, trong khi thể hiện thông điệp ấy với hình thức ngày càng thuần khiết hơn.

### *Những sứ mệnh khác nhau*

396      Dường như sự khác biệt giữa sứ mệnh của Nhà Nước và của Giáo Hội được ngày càng nắm vững rõ nét hơn. Giáo Hội ngày càng ít theo cung cách của Nhà Nước và ngày càng tâm linh hơn - mà không có nghĩa là không hữu hình - trong khi Nhà Nước thôi truyền bá bất cứ triết

lí riêng biệt nào về cuộc sống. Có sự phân chia triệt để hơn trên cấp bậc tổ chức. Điều này không có nghĩa là giữa Giáo Hội và Nhà Nước không có liên hệ nào. Cả hai đều ứng xử với cùng một đối tượng những người đó, những người không thể phân thân mình thành một nửa “giáo hội tính” và một nửa “thế tục tính”.

Về sự phân chia giữa Giáo Hội và Nhà Nước, còn có thể đặt câu hỏi là: Nếu có một xứ Công Giáo trăm phần trăm, nên có sự phối hợp và kết hợp hoàn toàn giữa Giáo Hội và Nhà Nước không? Dù có trường hợp ấy, câu trả lời phải là, sự phân biệt là điều đáng ao ước. Ủy trị của Giáo Hội được mặc khải ban cho khác với ủy trị của Nhà Nước. Và cả trong xứ Công Giáo, Nhà Nước phải duy trì sự tự do đối xử với bất cứ ai rời bỏ Giáo Hội, coi họ là những công dân với đầy đủ mọi quyền chính đáng như những người khác.

### *Sự hiệp nhất nhân loại*

Lúc này có những định chế nhất định được thiết lập để tiến hành việc hiệp nhất giữa giống nòi nhân loại. Đây là những nỗ lực khởi đầu, vẫn còn bị bao phủ bởi nhiều trở ngại và yếu đuối, nhưng Giáo Hội không thể bàng quang. Các định chế ấy cũng hợp điệu với thông điệp Kitô giáo. Giáo Hội coi việc hiệp nhất của nhân loại là một trong các sứ mệnh của mình và coi hòa bình là một trong các lí tưởng của mình. Giáo Hội tin rằng sự hiệp nhất là một phúc lành, trong khi sự phân chia là dấu ấn của tội lỗi (tại tháp Babel), và hiệp nhất là một dấu ấn của ân sủng (như lúc Hiện Xuống). Do đó, công đồng

thức dục sự hợp tác quốc tế trong mọi lãnh vực, khẳng định rằng sự hợp tác là con đường dẫn đến hòa bình thế giới mà nhân loại khát khao (*Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay*, số 83-90). Chúng ta sẽ nêu chủ đề hòa bình này vào phần cuối của chương kế.

## TÔN TRỌNG SỰ SỐNG

**S**ự sống là cái được kinh ngạc và ngưỡng mộ, ngay cả sự sống của cỏ cây. Còn hơn thế, là sự sống của loài vật có tri giác. Loài vật càng cao thì lại càng là một bảo trước và phản chiếu của loài người. Vì thế, thái độ đối với loài vật phản ánh tình yêu của chúng ta đối với loài người. Chúng ta không thể giết, lại càng không được bắt chúng phải chịu đau đớn mà không có lí do chính đáng. Chúng ta phải tránh những hành động như thế vì chính loài vật, làm ngược lại thái độ ấy thì không ích lợi gì cho giáo dục hoặc không làm cho con người văn minh.

Khi đối xử với loài vật, cần nhớ rằng cảm xúc của chúng không giống của chúng ta. Không như chúng ta, loài vật thì rời rạc và chóng qua hơn, và không ý thức về bản thân chúng. Về việc tàn sát loài vật, cần lưu ý rằng loài vật không là một cái “Tôi”, một nhân vị. Không giống con người, phẩm giá của chúng không tuyệt đối. Nếu cần thiết, con vật có thể bị hi sinh cho những mục đích của con người nhưng phải có lí do chính đáng, và luôn luôn hết sức không gây đau, nếu có thể. Chúng ta có thể ghi nhận đang gia tăng sự tinh tế trong vấn đề này. Mọi điều này không thể xảy đến mà không có Thánh Linh Thiên

Chúa. “Người công chính biết cả nhu cầu của bấy súc vật mình, nhưng tàn bạo lòng dạ quân gian ác” (Cn. 12:10).

### *“Chớ giết người”*

Lòng tôn trọng của chúng ta đối với sự sống được biểu lộ mạnh mẽ nhất trong sự tôn trọng của chúng ta đối với sự sống con người. Loài người tránh cái làm tổn thương sự sống: lạnh, nóng, ẩm ướt, xú uế. Y khoa đã triển khai những phương pháp vệ sinh. Chúng ta kì vọng sống lâu hơn. Đã tìm thấy những phương pháp chữa trị rất nhiều bệnh. Mọi sự ấy đều tuyệt vời. Lòng thương của Thiên Chúa ở bên phía sự sống, như các phép lạ của Đức Giêsu biểu lộ. Sức khoẻ là một phúc lành kì diệu.

Có những nỗ lực cung ứng cho vẻ bên ngoài thoải mái, thực phẩm ngon lành, quần áo vừa vặn, nhà cửa tiện nghi và cả lành mạnh tinh thần là một phần chăm lo cách riêng cho sự sống. Nhưng chúng ta phải khắc sâu, từ đầu chí cuối tâm trí, rằng cái gì là vấn đề chính: là sự sống. Đức Giêsu thẳng thừng nói rõ cái đó: “Há mạng sống không hơn của ăn và thân xác không hơn áo mặc sao?” (Mt. 6:25). Coi ngược lại thì những cái khác sẽ biến chúng ta thành nô lệ.

Việc chăm sóc cho sự sống đã ăn rất sâu trong chúng ta. Giống Thiên Chúa, con người, hoặc cái tốt nhất trong con người, có sự lo lắng cho mọi sự đang sống. Tất cả được bao hàm trong giới răn, “Chớ giết người”. Giới răn ấy không chỉ cấm giết người, mà còn bao gồm tất cả những gì nên làm để bảo tồn sự sống. Nó cấm làm thương tổn,



từ sự làm hại hiểm độc cho tới những tác động bất cần hoặc ngu dại. Nó còn kết án việc làm cuộc sống thành ít dễ chịu hơn cho mình và cho người khác: ô nhiễm không khí, dơ bẩn, phạm luật giao thông, bán hàng hóa xấu, lao động quá vất vả để kiếm sống - tàn phá cuộc đời của mình và cuộc sống của gia đình để mà sống! Ngược lại với nó là quá lo cho thân mình mà làm lụng quá ít - giữ mình và người khác ở tiêu chuẩn sống quá thấp. Nhậu quá xá hủy diệt con người. Ma túy nguy hiểm cách riêng vì khi bắt đầu, chúng làm cuộc đời hào hứng hơn thấy rõ. Chúng để lại đằng sau chúng những nhu cầu đau khổ dày vò. Không bao giờ bắt đầu chúng, kể cả tò mò tọc mạch. Tiếng động đã tàn phá thần kinh nhiều người. Không có gì bảo vệ nổi. Ta có thể nhắm mắt nhưng không thể đóng tai lại. Có thể đề cập đến nhiều tác nhân gây tổn thương khác, gồm những tác nhân trên bình diện tâm lý. Những lời nói cay đắng, nhục mạ trực tiếp - Đức Giêsu liên kết sự ấy với sát nhân (Mt. 5:22). Ngài nổi rõng giời răn “Chớ giết người” ra tới “Chớ căm ghét bỏ” - một mệnh lệnh mà ta không thể chu toàn nổi với nỗ lực của riêng mình.

Có thể điều ghê tởm nhất và gớm ghiếc nhất của mọi tội lỗi là đố kị - bực bội khi thấy người khác sống hạnh phúc. Đây đúng là một tội chống lại sự sống. Như lời thường nói, người ta tái đi vì ghen tức - màu sắc ấy cực kỳ trái ngược với nước da hồng hào mạnh khỏe!

Một trong những bốn phạm bình thường của chúng ta đối với sự sống là phải sẵn sóc thuốc men khi đau ốm hoặc kiệt sức, hoặc có lẽ còn quan trọng hơn, khi cảm thấy thần kinh suy nhược hoặc mất năng lực. Nhưng con người còn có quyền tự do không đặt mình vào tay bác sĩ.

Cũng thế, không có nhu cầu tuyệt đối để kéo dài vô thời hạn một sự sống đang tuyệt vọng, bằng các phương tiện y được và máy móc, đặc biệt nếu sự sống liên hệ này chỉ hoàn toàn có tính cách sinh giác, không còn biểu hiệu phản ứng con người. Trường hợp ấy, trên hết, có thể bỏ đi những phương tiện đặc biệt và để cho tiến trình tự nhiên đóng vai trò diễn biến của nó.

Mặt khác, thật sai lầm nếu cố tình kết liễu sự sống - để giết cách vật lí hoặc tâm lí một người đang bị bệnh bất trị (chẳng hạn, bằng sự làm chết không đau) hoặc tự tử. Sự sống của chúng ta được Thiên Chúa ban cho và chúng ta không thể chấm dứt nó theo ý mình. Lí do luôn luôn đưa ra cho việc kết liễu sự sống là thấy nó trở thành vô nghĩa và vô giá trị. Không thể chấp nhận điều ấy vì đức tin Kitô giáo vốn tin vào từng sự sống, từ phút giây thụ thai đầu tiên. Phá thai là một tội chống lại sự sống. Về vấn đề tự tử, đấy là kết quả của chứng cao huyết áp hoặc suy nhược hoàn toàn, và chúng ta có thể đưa lời phán quyết về tính cách phạm tội. Nó thường được qui trách cho những ai cố ý hoặc vô tình hờ hững, loại trừ một người nào đó khỏi quan hệ xã hội tương xứng. Nhưng thực tế có thể có những trường hợp mà lương tâm con người nói cho biết mình không có lựa chọn nào khác hơn việc tự giải quyết đời mình. Giả dụ, chúng ta nghĩ gì về người bị tra tấn, biết tên những người mà mình có thể làm họ lâm nguy và biết rằng chắc chắn mình sẽ phản bội? Luôn luôn có những trường hợp mà giới răn cần được thực hiện với ý nghĩa chân chính nhất của nó bằng sự phán đoán theo quyết định của lương tâm cá nhân.

### *Án tử hình. Chiến tranh*

Từ thời xa xưa, có hai hoàn cảnh được tổng quát duy trì cho rằng việc lấy mạng sống con người là hợp pháp: trong tự vệ (gồm chiến tranh) và trong trừng phạt theo hình phạt do tòa án xử (án tử hình).

Nếu tôi cố ý đe dọa mạng sống của người khác - thế thì phải đưa tới chọn lựa giữa kẻ gây hấn và nạn nhân - lúc ấy người kia có thể lấy mạng tôi. Theo nguyên tắc ấy mà suy diễn ra việc cho phép chiến đấu trong chiến tranh. Về hình phạt tử hình, những lí lẽ truyền thống ủng hộ nó đặt căn bản trên khái niệm là cộng đồng có những quyền hành mà cá nhân không có. Quyền hành ấy không bao giờ được nới rộng để cho phép việc giết người vô tội. Nhưng lại cũng có ý kiến rằng việc giết người như thế là có tội vì sự trừng phạt ấy bao gồm yếu tố trả thù.

Người Kitô hữu nghĩ sao về mọi điều ấy? Đức Kitô không kết án chiến tranh hoặc hình phạt tử hình bằng nhiều lời phát biểu. Nếu ngài đã nói thì chắc chắn phúc âm có ghi lại. Nhưng điều ấy không có nghĩa các việc đó có tính cách Kitô bình thường, hơn hẳn bất cứ chế độ nô lệ nào, mà trong Tân Ước cũng không nói tới việc phải xoá bỏ. Đức Kitô không mang những biến cải có tính cách tổ chức đến cho một xã hội chưa chín muồi về mặt tâm lí, luân lí hoặc tổ chức. Nhưng ngài gieo trồng một tinh thần khiến cho những biến cố ấy xảy đến. Phận sự chúng ta là cùng nhau tác động với hết khả năng mình cho học thuyết bình đẳng trước Thiên Chúa của Đức Giêsu, về việc đưa má kia, về việc yêu thương kẻ thù - để khiến

nó ngày càng cụ thể và hiện thực trong các luật lệ và định chế vững mạnh hơn và công lí hơn.

Rõ ràng thông thường Giáo Hội bị đồng nhất hóa quá mật thiết với trật tự chính trị đã định, tới độ Giáo Hội thiếu táo bạo và nghị lực để khiến cho chiến tranh và các án phạt của tòa án tiến triển như có thể có. Có lẽ thời gian đang chín muồi hơn để nhào nặn lại những án phạt của tòa án bằng một cái khuôn khác. Yếu tố trả đũa càng ngày càng bị loại bỏ khỏi mọi hình phạt, theo khái niệm Kitô giáo. Nhưng ở đây chúng ta phải để tâm tới sự kiện là yếu tố trả đũa ít nhất cũng đối xử với phạm nhân như một người có trách nhiệm. Nếu phạm nhân chỉ bị “xử lí” đơn thuần, người ấy bị đối xử như một người bệnh hoạn, và điều này có thể lệ làng có ý nghĩa là người ấy bị tước đoạt nhân quyền.

Rồi đến thành tố ghê tởm của “chiến tranh”. Nguyên tắc tự vệ không phải là câu nói sau cùng. Đức tin chúng ta phải được chế ngự bởi các ý nghĩ hòa bình. Lương tâm Kitô hữu phải cố gắng càng lúc càng mạnh hơn để vạch những giới hạn nghiêm khắc hơn đối với sự cho phép chiến tranh. Kitô hữu cần nỗ lực thực hiện lời tuyên bố của Đức Thánh Cha Gioan XXIII trong thông điệp *Hòa Bình Dưới Thế (Pacem in terris)*: “Vì thế, công lí, cảm giác chung và cảm giác về phẩm giá con người cấp bách đòi hỏi rằng nên chấm dứt chạy đua vũ trang; rằng nên giảm thiểu mọi nơi và tự phát các vũ khí tự vệ tùy ý sử dụng của các xứ sở, rằng vũ khí nguyên tử nên bị cấm chỉ và rằng sau cùng mọi xứ sở nên đồng ý một cuộc giải giới tự phát và kiểm tra hồ tương và hiệu quả” (phần 3).

Chiến tranh nguyên tử, so với các cuộc chiến tranh khác, là sự dữ có tính chất trọng đại chưa từng biết. Vấn đề sự hợp pháp của cả vũ trang tự vệ lẫn bom nguyên tử cần được giải đáp, ít nhất bởi những nỗ lực nhiệt tình ở cả hai phía cách có hiệu quả khiến những vũ khí đó không tồn tại.

“Bởi thế, dĩ nhiên chúng ta cần phải đem hết nỗ lực để chuẩn bị cho giai đoạn mà bất cứ chiến tranh nào cũng đều bị triệt để ngăn cấm do sự ưng thuận của các quốc gia. Điều đó chắc chắn đòi hỏi phải thiết lập một công quyền quốc tế được mọi người thừa nhận. Quyền bính này phải có một thực lực hữu hiệu để bảo đảm an ninh cho mọi người cũng như buộc phải thực thi công bằng và tôn trọng quyền lợi... Trong lúc chờ đợi, không nên coi thường những nỗ lực đã có và đang có cho tới nay đã ngăn chặn nguy cơ chiến tranh” (*Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay*, số 82).

Những ý kiến điềm đạm của các nhà khoa học chung một tiếng nói khắp thế giới có lẽ sẽ đóng vai trò trong việc xây dựng lòng tin cây hồ tương, mà như Hòa Bình Dưới Thế nói, là căn bản chân chính độc nhất cho hòa bình. Xúc cảm có tính cách sử ngôn của những người tỉnh táo trước sự điên rồ của chiến tranh, và những người được tổ chức cách riêng để ngăn chặn nó sẽ rất cần thiết và càng ngày càng lan rộng trong việc cảnh cáo lương tâm chúng ta. Sự từ chối có tính cách lương tâm về nghĩa vụ quân sự có thể là điều khả thi. Như cộng đồng nói, “Vả lại, cũng là một điều hợp lý nếu vì lòng nhân đạo mà có những khoản luật dành cho những người vì lý do lương tâm từ chối không sử dụng khí giới, miễn là họ chấp nhận

phục vụ cộng đồng nhân loại dưới một hình thức khác” (*Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay*, số 79). Tuy nhiên không làm điều ấy thành ràng buộc mà để tùy vào phán đoán riêng tư. Vì thế, công đồng cũng có lời nói với những người hoạt động cho hòa bình trong khi thi hành nghĩa vụ quân sự: “Đối với những ai hi sinh phục vụ Tổ quốc trong quân ngũ, họ cũng phải coi mình như những người đem lại an ninh và tự do cho các dân tộc. Nếu họ chu toàn bốn phận này, họ thực sự đóng góp vào việc củng cố hòa bình” (*Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay*, số 79). Công đồng đặc biệt ca ngợi những chính khách hoạt động cho hòa bình: “Tốt hơn là nên nâng đỡ thiện chí của một số đông những người, tuy phải bận tâm quá nhiều về những nhiệm vụ tối cao của họ nhưng vẫn ý thức được trách nhiệm rất nặng nề bó buộc họ, cho nên họ cố gắng loại bỏ chiến tranh mà họ đang ghê tởm mặc dù họ không thể bỏ qua được hoàn cảnh phức tạp hiện tại” (*Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay*, số 81).

Các trình thuật vĩ đại có tính cách tượng trưng về sự sống con người được đọc thấy ở phần mở đầu của Cựu Ước, câu chuyện bất tuân của Adam, việc giết em của Cain, sống sót của Noe sau thảm họa toàn cầu, bất đồng giữa những tính cách kiêu căng phô trương tại Babel, tất cả đều dẫn tới chiều kích kinh hoàng trong những ngày có sự đe dọa của chiến tranh nguyên tử này. Thông điệp thiêng liêng của các trình thuật ấy là, cội rễ thật sự của mọi thảm họa nằm trong tội lỗi của chúng ta, và vì thế, một cuộc giải phóng chân chính độc nhất phải đến bằng việc giải phóng chúng ta khỏi tội lỗi, hận thù và nghi kỵ. Cùng tác động với Thiên Chúa ở đây là giúp ngăn chặn

83

436-439

464

cuộc khủng hoảng mà sẽ là cuộc tự tử của nhân loại. “Vì là những người chịu trách nhiệm trước công ích của dân tộc mình và đồng thời đem lại ích chung cho toàn thể thế giới, cho nên các nhà lãnh đạo quốc gia tùy thuộc rất nhiều vào quan điểm và tâm tình của quần chúng. Bao lâu những tâm tình thù hận và nghi kỵ, những hiểm thù vì “kì thị chủng tộc” cũng như những ý thức hệ ngoan cố, tất cả những thứ đó vẫn còn chia rẽ và đối nghịch con người với nhau, thì các nhà lãnh đạo quốc gia có cố công xây dựng hòa bình cũng vô ích. Do đó, cần phải cấp tốc canh tân giáo dục tâm trạng và gây lại một chiều hướng mới cho dư luận quần chúng. Những ai tận tâm với công cuộc giáo dục, nhất là giáo dục giới trẻ, hoặc hướng dẫn dư luận quần chúng, phải nhớ rằng việc gieo rắc trong đầu óc mọi người những tư tưởng mới về hòa bình là một bốn phận nặng nề nhất. Dĩ nhiên tất cả chúng ta đều có bốn phận thay đổi tâm hồn mình, phải mở rộng nhãn quan trên toàn thế giới và trên những nhiệm vụ mà chúng ta có thể cùng nhau đảm nhận để làm cho nhân loại chúng ta tiến triển tốt đẹp hơn.

“Nhưng đừng để hi vọng hào huyền lừa dối chúng ta. Thật thế, cho dù đã loại bỏ được hiểm khích và hận thù, nhưng nếu trong tương lai chúng ta không kí kết được những hiệp ước vững chắc và thành thật bảo đảm cho một nền hòa bình đại đồng, thì nhân loại, hiện đang gặp nguy cơ trầm trọng dù có một nền khoa học kì diệu đi nữa, có lẽ cũng sẽ tiến đến thảm khốc tới một phút giây mà nhân loại sẽ không biết hòa bình nào khác hơn là thứ hòa bình khủng khiếp của chết chóc” (*Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay*, số 82). Được truyền hứng khởi bởi nỗi sợ hãi nghiêm trọng này, và cũng được truyền hứng khởi bởi niềm

hi vọng Kitô giáo về tương lai nhân loại, công đồng kế đó<sup>269-272</sup> biểu lộ sự xác tín của mình rằng sự hợp tác quốc tế trong lãnh vực kinh tế và xã hội (đoàn kết trong một cuộc đấu tranh đáp ứng nhu cầu) là xa lộ dẫn đến hòa bình (*Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay*, số 83-90).

## LAO ĐỘNG GIỮA THẾ GIAN

Mỗi chúng ta đều có công việc riêng của mình trong đời. Ta phải đương đầu với những buồn chán hoặc khó khăn tại trường học, nghiêm trang của nghề nghiệp người lớn, nhặt nhèo kéo dài hàng giờ, chán chường của công việc thường ngày bất tận, thất vọng vì địa vị thấp, áp lực của trách nhiệm nặng nề, căng thẳng của việc nội trợ. Nhưng có niềm vui làm chủ một doanh nghiệp có lợi tức cao. Và đằng sau mọi sự đó là cảm giác của lao động sản xuất ra cái gì đó. Bằng mọi nỗ lực của mình, tại trường học, sở làm hoặc trong nhà, chúng ta đang làm ra cái mà nếu không làm thì chẳng có nó, chúng ta hợp tác vào một toàn bộ lớn lao mà qua đó, nâng đỡ nhân loại, gia tăng hạnh phúc và ngăn chặn hiểm họa. Tại cửa hàng hoặc cơ xưởng, tại trường học hoặc nhà mình, tại bệnh viện hoặc trên cánh đồng, xã hội làm thành một tổ chức vĩ đại của các nỗ lực, lao động biến thế giới thành nơi tốt đẹp hơn để sống.

### *Những hi vọng tốt lành*

Có những khoảnh khắc trong đời - như khi cha mẹ nhìn con cái đang lớn hoặc khi ai đó thường ngoạn một



công trình hoàn thành tốt đẹp - chúng ta cảm giác rằng thực tế sứ mệnh của mình là lao động với người khác giữa thế gian này, nghĩa là, trong cuộc sáng thế của Thiên Chúa. Và quả thật đó là điểm đầu tiên mà thông điệp 799 Kitô giáo nói về lao động. Thiên Chúa không dựng xong thế giới từ ngày xưa ngày xưa. Ngài *đang* làm nên thế giới, và ngài cũng làm việc ấy qua chúng ta. Dĩ nhiên không phải Thiên Chúa tạo ra thôn quê và con người dựng lên các thành phố. Các thành phố hầu như lại càng là tạo vật của ngài, vì con người, cao điểm tạo vật của Thiên Chúa, biểu lộ chính nó trong nơi thành thị. Cái mà con người làm chính là sự sáng thế của Thiên Chúa. Kitô hữu không nhất thiết lúc nào cũng phải nghĩ đến điều ấy, nhưng nó cung cấp một nền tảng vững vàng là chúng ta đang lao động theo cách thức của Thiên Chúa trong công việc hằng ngày và trong gia đình mình.

Kitô hữu có thể tận mắt thấy rõ trong lao động có một giá trị khác, nó hiệp nhất loài người. Lao động với người khác gia tăng tính hiệp nhất và giao tiếp bằng một đường lối rất đặc biệt, khác biệt tùy nghề nghiệp. Việc chồng và vợ cùng nhau làm việc trong gia đình có ảnh hưởng tới sự hiệp nhất của nhóm nhỏ này. Lao động cũng khiến loài người nên một vì được thực hiện cho người khác: chồng làm cho vợ, vợ làm cho chồng, người làm bánh cho khách tiêu thụ, kiến trúc sư và thợ nề cho những người sắp tới ở, công nhân bến tàu cho những người mình không bao giờ thấy hoặc biết đến. Xã hội là một hệ thống phục vụ mà chúng ta dự phần vào đó. Thường thì chúng ta ít thấy những người mình đang lao động cho và ít quan tâm tới họ. Tuy nhiên, cảm giác "tương thuộc" thì ở trong

nền tảng ấy và ảnh hưởng lên cuộc sống chúng ta nhiều hơn chúng ta tưởng. Nếu chúng ta ngưng một chút và nhìn các bức vách hoặc cửa sổ nhà mình, hoặc cầm lên một vật, và suy nghĩ về những người đã gia công vào đó từ thuở các vật liệu còn nằm trong lòng đất hoặc nơi nào khác, thì chúng ta sẽ thấy trước mắt mình hiện lên trọn một đạo quân. Ngay vật nhỏ nhất, chẳng hạn cuốn sách hay chiếc đồng hồ, cũng là hiện thân lao động của đồng loại của chúng ta, đôi khi từ hai hoặc ba phần đất của thế giới. Trên đồ gia dụng của chúng ta có hàng ngàn bàn tay đã gia công. Ngược lại, lao động của chúng ta thường góp phần vào cuộc sống của hàng ngàn người khác. Lao động của nhân loại là thành tố của sự làm một và đoàn kết của loài người.

Thứ ba, thông điệp Kitô giáo cũng khẳng định rằng các Kitô hữu, bằng lao động của mình, có thể có niềm hi vọng tốt lành cho sự hằng cửu. Lao động của chúng ta giúp loài người được là chính mình và do đó, đặt nhiều yêu thương hơn vào cuộc đời họ. Và chúng ta mang theo vào hằng cửu tình yêu của mình và tất cả những gì đang vươn tới vĩnh cửu. Do đó, lao động trên thế gian này có hệ quả của nó trong cuộc sáng thế mới. Và ai biết đâu rằng sau sự sống lại của thân xác, bằng một cách thức riêng của nó thế giới sẽ phô bày dấu vết tốt đẹp nhất mà lao động của loài người thành tựu? Lao động của chúng ta có thể thuộc về thế lực hằng cửu.

### *Giải thoát khỏi gông xiềng*

472-474

Tuy thế chúng ta thấy chưa ổn thỏa với thông điệp phúc âm về lao động. Chúng ta đã nhận ra ba quan điểm

lạc quan. Nhưng điều đánh động và thông thường nhất của lao động là khó khăn, buồn chán, nô dịch, ngớ ngẩn và khiếm khuyết mà nó can dự tới. Kitô hữu thấy sự bất toàn của thế giới đang tiến triển này - một sự bất toàn bị làm trầm trọng và gia cố bởi vói độc giữ của tội lỗi thế gian - cũng biến lao động thành gánh nặng. Như Kinh Thánh nói, “Mồ hôi đầm mặt người mới có bánh ăn” (St. 3:19). Lao động có thể là cực nhọc, chán ngắt hoặc trĩu nặng; có thể làm loài người cực cần hoặc tàn nhẫn; có thể tạo bất hoà; có thể gây thương tật hoặc vụn vẹo hoặc quá quất bằng hàng ngàn cách mỗi ngày. Giống các giá trị nhân sinh vĩ đại, lao động cần được cứu độ.

Thông điệp Kitô giáo khẳng định rằng công cuộc cứu độ đang được hoàn thành. Nó nhìn thấy việc ấy trong ba thành tố qua đó đáng tạo hóa và cứu thế của chúng ta đang hành động: sự gia tăng việc làm chủ các tài nguyên, sự gia tăng hiệp nhất, và sự sống lại của Chúa sau cuộc khổ nạn.

Thực tại thứ nhất là lao động của chúng ta ngày càng có nhân tính hơn bởi việc làm chủ các tài nguyên mà Thiên Chúa tạo nên và con người phát hiện. Tiến bộ về khả năng, kĩ thuật và dễ chịu trong lao động là thành phần của sự nhân bản hóa lao động và thật sự là cứu độ. Thiên Chúa ở về phía nỗi hân hoan của sự sống, sức khoẻ và sự nhẹ nhàng của các gánh nặng. Điều này cũng được các phép lạ của Đức Giêsu biểu lộ: chữa trị của ngài, cho đám đông ăn mà không gắng sức, thanh thoi bất cá. Trong

691-697

188-190

Gắn gũi hơn với tâm điểm của thông điệp Kitô giáo là sự cứu độ lao động bằng thương yêu đã làm nhẹ nhàng các công việc nặng nhọc. Tình yêu này được nhận thấy trong tình cảm đối với gia đình ta, tình đồng sự và các tổ chức lao động hoặc chức nghiệp; trách nhiệm và dịch vụ liên quan tới cộng đoàn mà ta lao động cho. Trong các chương sau ứng xử với vấn đề tài sản và giúp đỡ hỗ tương, chúng ta sẽ giải quyết những yêu cầu của công lý. Mọi điều chúng ta cần nói ở đây là nghĩa vụ của thiện hảo và yêu thương ngày càng sáng tỏ trong phúc âm không là một dự án cảm tính. Ít nhất nó cũng không loại trừ việc thành lập các tổ chức qua đó con người thận trọng đấu tranh cho một công lý chính đáng hơn, cho sự giải phóng khỏi các áp đặt của bất công. Và nó còn có nghĩa rằng cả trong gia đình và sở làm lẫn toàn thể xã hội, yêu thương và thiện hảo là sự cứu độ của lao động. Trong gia đình nó hành động qua thông cảm hỗ tương và sẵn sàng giúp đỡ nhau. Trong cộng đoàn lao động nó hành động qua chân thật và đoàn kết. Trong xã hội con người như một toàn bộ, nó hành động qua sự kiên bất chấp mọi xung khắc về quyền lợi như thế. loài người vẫn nhận ra đồng loại của mình. Không cá nhân hoặc đoàn nhóm nào có thể bị tẩy chay hoặc bị tuyên bố là kẻ thù không thể hòa giải được. Bằng tất cả sự trang trọng, phúc âm khẳng định rằng, không phải hận thù mà là tình yêu, một tình yêu không loại trừ ai, là con đường độc nhất cứu độ cả cuộc sống lẫn lao động của chúng ta ở trần thế. Nó là một công cuộc cần tầm nhìn dài lâu nhưng nếu không có nó, toàn thể nhân loại có thể lao động không tình cảm và vì thế, mọi sự trở nên trầm trọng hơn. Và đó là niềm hi vọng

708-710  
713-714

505

498

mà chúng ta có thể thấy nó đang thật sự tiến triển trong xã hội như công cuộc cứu độ lao động đang tiến bộ không ngừng và đang được hoàn tất.

Hai cách thức cứu độ trên, giả như là tiến bộ thật sự thì có phải phúc âm chẳng đề cập gì tới những người còn rất ít nếm trải sự phồn vinh đang gia tăng cùng với những quan hệ nhân bản hơn? Có phải nó chẳng nói gì tới những người mà sự thăng tiến của mình rất chậm, chậm hơn một đời người, tới những người mà việc lao động vẫn làm u mê thần trí và suy kiệt hình hài họ, tới những người mà suốt đời thất bại? Có những thất bại an ủi bản thân họ với ý tưởng về một tương lai hạnh phúc mà họ sẽ không được dự phần? Chủ nghĩa Mác coi lao động là cải tạo thế giới, cải tạo xã hội, là nhu cầu cuộc sống, chinh phục tự nhiên, muốn giảm bớt sự cực nhọc gian khó trong lao động phải đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật.

Đức tin Kitô giáo cũng thừa nhận rằng toàn bộ nhân loại là quan trọng; nhưng khẳng định rằng không phần tử nào của nhân loại có thể bị bỏ lơ hoặc bị khinh rẻ. Nó tin rằng ngay cả một cuộc đời, mà theo lối nói người đời là thất bại, có thể sở hữu giá trị cá nhân và hân hoan và bình an. Vì nó tin rằng qua thảm họa và tai ương mà Chúa đến với cuộc đời là vì chính người ấy và những người khác. Do đó, nó tin cậy rằng trong người ấy, cả sự thất bại có tính cách con người, không là trống rỗng hi vọng, dấu cho sự thất bại ấy dường như chôn vùi chúng ta. Thánh giá trong phòng chúng ta có một ý nghĩa cho lao động của mình. Nó khẳng định rằng dù lao động

của mình buồn tẻ, nặng nhọc, không quan trọng và ngột ngạt, dù nó cho chúng ta ít dự phần vào sự phồn vinh, thì tình đồng nghiệp và tình yêu mà chúng ta đang phấn đấu, sự hèn mọn và gian khổ ấy vẫn có thể sản sinh bình an và hân hoan. Vì Chúa hứa rằng những ai nghèo khó, than khóc, hiền lành và bị áp bức sẽ gặt hái cùng ngài nỗi hân hoan, cho mình lẫn cho người khác, ngày nay và cả đời sau. 178-180

Đức tin vào thánh giá cứu độ không làm chúng ta chảnh mãnh những nỗ lực của mình đối với lao động cứu độ bằng trên hết, cải thiện các điều kiện lao động nơi những người khác đang âu lo. Chỉ có ba cái hợp một, là tiến bộ, bác ái hỗ tương và đức tin vào sự sống lại của Đức Kitô từ thảm họa, mà làm thành sự cứu độ có tính cách kitô ở trần gian. 476-485

## CỦA CÁI TRẦN GIAN

**K**ẻ không của cải thì hoàn toàn lệ thuộc vào người khác. Nhưng thật thiết yếu cho mỗi người có một mức độ độc lập và tự do nhất định. Do đó, việc mỗi người có thể có của cải là điều cần thiết. Con người phải được tự do quyết định về một số sự việc nào đó. Phải có một phần nào đó của thế giới thuộc về chúng ta. Loài người nên có của cải. Sự tăng trưởng của phồn vinh phát xuất từ Thiên Chúa. Nó cho nhân loại cơ hội hơn để phát triển. Và Thiên Chúa ở về phía cuộc sống.

### *Ô nhiễm của tội lỗi*

Vật nào càng tốt thì sự hư nát của nó càng tệ hại. Sự hư nát tác động đến của cải thì hiểm độc cách riêng. Loài người bị “quỉ ám” bởi của cải của mình. Họ nghĩ rằng họ đáng giá hơn người khác chẳng phải vì cái họ là, mà vì của cải họ làm chủ. Đứng trước ngôi nhà hoặc ngồi trong chiếc xe của mình, một người có thể nghĩ mình cũng to lớn như ngôi nhà và chiếc xe. Người đó cố gắng để hơn người khác, không bằng lối sống đức hạnh hơn nhưng bằng cách có nhiều tài sản hơn. Đó là một ảo giác bình thường nhất mà tất cả chúng ta đều bị ảnh hưởng ít nhiều từ thời thơ ấu, cả những người được gọi là thiện nhân. Nó là một trong những lỗ hổng chính mà qua đó “tội lỗi thế gian” rớt vào. Nó là một trong những trở ngại ác liệt nhất cho nước Thiên Chúa.

159

675

### *Việc cứu độ của cải*

Vì thế ở đây phải có sự cứu độ tác động đến quyền sở hữu. Của cải là một công nhận có tính cách xã hội của quyền sở hữu - rằng chúng ta cùng nhau sở hữu mọi sự không chỉ như những cá thể. Hoàn toàn giống sự hiện hữu của con người, chúng ta chính là chúng ta, cách độc lập, và đồng thời chúng ta cùng sống với những người khác; đây không là tất yếu, nhưng phát xuất từ một khát vọng sâu xa. Cũng thế đối với quyền sở hữu. Quyền sở hữu có nghĩa tôi có thể tự do xử lí của cải của tôi. Nhưng tồn tại một sự tương thuộc nhất định. Không có gì đơn thuần và giản dị là của tôi. Tôi có thể sử dụng và tiêu dùng nhưng không được lạm dụng. Tôi không thể sử dụng

483-186

cây dương cầm đắt tiền của tôi bằng cách đẩy nó ra ngoài cửa sổ cao nhất cho vui. Còn nhiều người khác có thể sử dụng tốt nó.

### *Phân phối chính đáng*

Đây hoàn toàn là vấn đề công bằng - không chỉ là “công bằng giao hoán” nói là để cho mọi người tự ý trong việc riêng tư và chọn lựa của mình - mà là “công bằng xã hội”. Công bằng xã hội đòi hỏi rằng của cải của thế giới này phải được phân phối chính đáng. Loài người sở hữu tập thể thế giới. Và giống quyền bình đẳng nhất định giữa loài người - mà chúng ta thấy càng ngày càng rõ ràng từ lúc Đức Giêsu ra đời - loài người cũng thế, có quyền bình đẳng nhất định trong sự phân phối thế giới và của cải của nó. Thật không tốt việc một số người quá giàu trong khi một số khác thì quá nghèo. Đây là vấn đề công bằng, và phải được thay đổi.

Tiến trình này diễn ra chậm. Luật pháp không dự trù nhiều cho việc này, đôi khi thực tế không có gì cả. Công bằng xã hội, đến mức độ nó can thiệp vào việc tái phân phối sự phồn vinh, chỉ được biểu lộ theo một chừng mực rất giới hạn trong luật pháp. Thông thường, cảm giác này rất phát triển trong các giai cấp bị bóc lột. Họ chiến đấu cho quyền của mình, và đôi khi bị diễn giải như là tham lam. Nhưng cuộc chiến đấu cho việc phân chia hợp lý sự phồn vinh, căn bản, là sự phân chia hợp lý phẩm giá làm người. Nó không phải vấn đề có, mà là vấn đề công nhận, được biểu lộ trong của cải.



507 509  
579

Cuộc chiến đấu xã hội và quyền lợi bản thân can dự vào đó đều không trái ngược thông điệp Kitô giáo. Nhưng, một xã hội mà liên tục cần chiến đấu và cảnh giác để bảo tồn quyền của mọi người đối với việc phân phối chính đáng sự phồn vinh thì đó không là một xã hội con người chân chính và chắc chắn không phải là một xã hội cứu độ. Khi nhắm đến sự phân phối công bằng hơn thì có một điều sâu xa hơn tác động. Đằng sau mọi cuộc chiến đấu đó, vươn lên niềm xác tín rằng mục đích là đúng. Có sự hoan hỉ nào đó ở cả hai phía rằng của cải đang chuyển động theo chiều hướng ấy. Có một tình yêu nào đó đang tác động. (Trong lãnh vực kinh tế, tình yêu được diễn dịch như một sự phân phối chính đáng).

178 181  
227 229

### *Tinh thần của Bài Giảng Trên Núi*

Nỗi hân hoan, thiện chí và tình yêu hỗ tương đó, đau đớn và chậm rãi chiếm ưu thế trong những xung khắc xã hội, không thể tồn tại mà không có tinh thần của Bài Giảng Trên Núi. Trong đó Đức Giêsu đòi hỏi thâm tâm loài người phải được giải phóng đối với của cải, nghèo nàn tinh thần, và tìm kiếm hạnh phúc của mình không phải bằng nhận mà bằng cho. Đòi hỏi ấy hợp với những khát vọng sâu xa nhất của chúng ta nhưng ngược lại với những sở thích tức thời của chúng ta. Chúng ta luôn luôn bị đe dọa quĩ ám bởi của cải của mình. Do đó, việc cảnh giác để cho xã hội cùng hưởng hoa quả trần gian được định hướng căn bản không chống lại sự tham lam của nhau mà là chống lại chính bản thân ta.

Thật khó khăn để chính ta có thể hào hứng trong cuộc chiến đấu cho lẽ phải theo tinh thần của Bài Giảng Trên

Núi vốn gọi người nghèo khó và người bị áp bức là những kẻ được ân phúc. Có sự căng thẳng giữa hai cái đó. Nhưng chính Kitô hữu chịu đựng trạng thái căng thẳng này. Trạng thái ấy được giải quyết bằng nhắc nhở bản thân rằng thẩm quyền, mà mình cảm thấy phải duy trì ấy, là chính đáng và vì thế, cách căn bản, phải hài lòng về điều tốt nhất cho đôi thủ của chúng ta. Chẳng hạn, cách căn bản, mọi người Hòa lan nên mãn nguyện là người Indonesia không còn làm dân thuộc địa nữa mà là những công dân bình đẳng trong một quốc gia vĩ đại.

Vì mỗi Kitô hữu chiến đấu cho quyền bính hợp pháp cần nhớ rằng việc ấy tối hậu phải kết thúc cho một điều dường như đối lập: phục vụ. Một Kitô hữu chân chính và một xã hội được cứu độ chỉ có thể lớn mạnh qua phục vụ lẫn tương. Đức Giêsu sống nghèo khó và như một tội tử để làm nổi bật chân lý này: một số người được mời gọi để ở đây noi theo ngài đúng nghĩa đen có thể được.

*Tay chúng ta có sạch không?*

Cần lưu ý một điều xa hơn. Chúng ta thấy công bằng xã hội đang tiến triển. Nhưng tiến triển ấy lúc này có thể làm chúng ta lơ mơ cảm nhận mình đang sống trong một xã hội có cấu trúc bất công.

Chẳng hạn như có sự khác biệt giữa trợ cấp xã hội của nước ta với các nước khác. Hoạt động cho kế hoạch công bằng xã hội là vấn đề hàng năm và hàng thế kỷ. Chúng ta phải khát khao nó và chiến đấu cho nó, đồng thời tỉnh táo nhận ra những sai lạc trong tình trạng chúng ta sống.

Đức Giêsu đưa ra một lời nói với toàn thể loài người - và mọi quốc gia - những ai mà tay không hoàn toàn sạch. “Hãy dùng tiền của bất lương mà gây thân nghĩa” (Lc. 16:9). Ngụ ý được nhận ra trong lời nói này là, ngoại trừ lời mời gọi phát xuất từ Đức Giêsu, còn bất cứ cái gì làm chúng ta giàu có với của phi nghĩa. Nhưng nó còn chứa đựng lời mời gọi các cá nhân, quốc gia và các giáo hội, nếu có thể có những của cải đáng ngờ, hãy làm điều tốt nhất có thể làm với những của cải ấy, mà không tự tức tự mãn.

713-720

### *Ăn cắp*

Kết thúc chương này là lời nói về việc xúc phạm công lí giao hoán. Những xúc phạm ấy bao gồm ăn cắp, nhận các của cải ăn cắp, giả mạo, làm thiệt hại tài sản của kẻ khác, không trả nợ, không hoàn trả vật tìm được hoặc mượn (kể cả sách), làm mất thì giờ mà ta có thể hưởng lương, không trả cho các dịch vụ cung ứng (gồm cả trợ giúp tự nguyện đưa ra trong tình thân hữu), ăn cắp tư tưởng của người khác, và vân vân. Cũng có thể can phạm những lỗi lầm như thế liên quan tới tài sản của Quốc Gia và của những sở hữu chủ vô danh đối với người xúc phạm.

Điều đòi hỏi trước hết và trên hết ở đây là kềm chế lòng tham của mình. Trong khi mọi người hoàn toàn cảm thấy sự lương thiện đang góp phần vào cuộc tiến bộ của nhân loại, thì không lương thiện là điều đáng hổ thẹn. Khi cực kì cần thiết - thí dụ nguy cơ chết đói, như được thừa nhận từ thuở xa xưa nhất - người ta có thể lấy vật của người khác mà không xin phép. Quả đất là tài sản

chung của mọi người và mọi người có quyền tối hậu có nó ngang mức mình cần để tiếp tục sống còn trên nó. “Còn những người sống trong cảnh cùng quẩn cực độ, họ có quyền lấy của cải ở người khác những gì cần thiết cho mình” (*Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay*, số 69).

## GIÚP NGƯỜI CÓ NHU CẦU

### *Quyền con người*

2,10-2,16

Cách đầu tiên và căn bản biểu lộ tình yêu đối với người có nhu cầu là nỗ lực mang lại cho họ những quyền thích đáng của họ. Các quyền con người chỉ được viết ra rất cục bộ trong các bộ luật và các định chế (xem chương vừa rồi). Trong ý nghĩa này, bác ái là tên lính tiên phong của công lý. Bác ái phát hiện trước cái mà về sau thành vấn đề của công lý.

Quyền con người làm bận tâm Tổ chức Liên Hiệp Quốc. Như Đức Thánh Cha Gioan XXIII viết: “Các quan điểm cấp tiến của tổ chức này đã được xác nhận rõ rệt trong Bản Tuyên Ngôn Thế Giới về Nhân Quyền được Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc phê chuẩn ngày 10 tháng 12 năm 1948... Chúng ta không ngừng ghi nhận rằng các vấn đề nhất định của Tuyên Ngôn này làm phát sinh sự chỉ trích chính đáng tại một số miền đất. Nhưng chúng ta nghĩ rằng phải xem Tuyên Ngôn như một chuyển động trong sự định hướng chính trị và luật pháp mà chưa được mọi quốc gia cùng nhau thiết lập. Tuyên Ngôn long trọng khẳng định phẩm giá con người trong mọi người không

706-710

có ngoại lệ và công nhận quyền của mỗi người để tìm chân lí mà không bị ngăn trở. để nói theo những mệnh lệnh của đạo đức, để hành xử các quyền chân chính, để đòi hỏi một định chuẩn đời sống tương xứng với phẩm giá con người và các quyền khác liên quan tới. Chúng ta hi vọng rằng thời gian đã gần kề khi Tổ chức này có khả năng bảo vệ hiệu quả các quyền con người, những quyền có tính cách phổ quát, bất khả xâm phạm và bất khả chuyển nhượng vì chúng trực tiếp đặt căn bản trên phẩm giá con người” (*Hòa Bình Dưới Thế*, phần 4).

Cũng thế, chúng ta có thể tùy hoàn cảnh sống của mình mà phải canh giữ và đẩy mạnh quyền con người. Đối với mỗi cá nhân chúng ta, đây là phận sự đầu tiên của đức ái.

### *Cho những ai thiếu thốn*

Nhưng chúng ta cũng được kêu gọi can thiệp với lòng 710 bác ái vào nơi nào mà điều kiện sống chưa được lí tưởng. Phúc âm thường nói đến việc này. Sự mệnh này tồn tại bất tận vì luật pháp không bao giờ bảo vệ được mọi sự. Luôn luôn có những trường hợp và những tình huống không tiên liệu được. Bác ái luôn luôn là cái không thể thiếu cũng như việc tu chính các luật lệ hiện hành và vạch rõ các quyền.

### *Cho bao nhiêu*

Cách tốt là cho hẳn một ít của cải của chúng ta. Tân Ước nói về một bà góa cho “từ của túng thiếu của mình” (Mc. 12:41-44), về kiếm tiền để chia sẻ cho người túng

thiếu (Ep. 4:28), về cho từ sự giàu có của ta (Lc. 8:3; 18:22), cả từ của phi nghĩa (Lc. 16:9). Cho thì giữ kín (Mt. 6:3) và hờn hỷ (2 Cr. 9:7). Số lượng cho thì thay đổi từ “một bát nước lã, cũng sẽ không mất phần thưởng” (Mt. 10:42), đến “nửa phần của cái của tôi” (Lc. 19:8) và cả đến “tất cả những gì người có” trong trường hợp ân sủng đặc biệt” (Lc. 18:22). Lưng chừng ở giữa là lời khuyên của Gioan Tẩy Giả, cái gì có hai thì cho đi một (Lc. 3:11). Người Samaritanô nhân hậu đã cho cái thiết yếu thật sự hữu ích; và còn cho thì giữ quý báu cùng sự quan tâm của riêng mình (Lc. 10:30-37).

Như thế, phúc âm không đặt các luật tắc cố định. Không chỗ nào trong đó nói không nên bác ái tới độ gây trở ngại cho tiêu chuẩn sống của ta. Không cần phải đắn đo nếu việc cho làm ta hơi nghèo đi một chút. Thật phúc đức khi bỏ nhiều tiền của mình vào sức khỏe, các ngày nghỉ và sự phát triển của người khác, tóm lại là bỏ vào hòm cúng hay lạc quyên, tới độ chúng ta sẽ có chiếc xe hơi ít tiền hơn, hoặc không có chiếc nào, quần áo ít độc đáo hơn, du lịch ngắn ngày hơn và đồ chơi của con cái rẻ tiền hơn. Qua cha mẹ mà con cái cũng ham thích và thuận làm việc ấy như một thái độ bình thường. Chúng ta cũng nên thắc mắc không biết lúc con cái mình khi theo gương mẫu đó chúng có hi sinh được cái gì thiết yếu của chúng không.

664-nhà

Cho là một điều mà chúng ta không bao giờ vừa ý với nó. Đức Giêsu nói chúng ta phải yêu thương người bên cạnh như chính mình, và đó là một diễn tiến bất tận. Vì thế, một số Kitô hữu cảm xúc mạnh mẽ rằng, nói chính

122-123

xác, là mình nên từ bỏ hết thảy để sống giống Đức Giêsu và người nghèo nhất trong đồng loại. Nhưng trong cảm xúc mơ hồ ấy, có sự nguy hiểm. Về thực tiễn, họ luôn luôn bị từ khước không thể nào thực hiện nổi vì những lí do vững chắc và vì cảm giác trách nhiệm đối với gia đình mình. Hậu quả lúc ấy là họ chẳng làm gì hết.

Tốt hơn là tin rằng ta phải làm cái gì đó và ngay lập tức. Đó là điều Đức Giêsu mô tả liền sau giới răn thương yêu - sự giúp đỡ có suy xét của người Samaritanô, kẻ có thể du hành xa hơn vào ngày kế đó. Khi đã cho sự giúp đỡ thì vẫn còn có việc cần làm hơn, ở khắp nơi. Cảm giác ấy theo ta về nhà với ý nghĩ là ta không thể làm hết mọi sự, và nó nhắc nhở rằng chúng ta là “đầy tớ vô dụng” (Lc. 17:10).

Trong xã hội ngày nay, việc cho được thực hiện tốt nhất qua các tổ chức cứu tế có năng lực, nghĩa là ghi tên ta vào các cuộc quyên góp. Đó là cơ hội cho việc sử dụng an toàn đóng góp của ta. Lạc quyên trở thành một phần nhỏ thiết yếu trong cuộc sống Kitô hữu. Phaolô dành nhiều cho những nỗ lực ấy ở một trong các thư tín hữu của ngài (2 Cr. 8 và 9). Cũng là cách tốt để tham khảo thêm lần nữa số 83-90 của hiến chế Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay, như chúng ta đã làm lúc nói về hòa bình thế giới và hiệp nhất nhân loại.

Tuy nhiên thật sai lầm nếu nghĩ rằng Đức Giêsu có ý nói vì nạn nghèo đói đang tồn tại nên chúng ta phải nhìn hai lần vào bất cứ đồng tiền nào mình tiêu. Đức Giêsu còn ca ngợi lòng quảng đại của Maria Bêthania (Ga. 12:7-8). Mỗi chúng ta phải tìm một cách riêng của mình trong vấn đề này. Một số người rất bốc đồng, một số người có

khuyh hướng tính toán và thiết kế. Luôn luôn chúng ta thấy con đường vô tận ấy mở ra trước mặt mình và chúng ta cần đặt chân lên nếu muốn mình làm một Kitô hữu đức hạnh.

### *Cho cuộc đời ta*

Nhưng không nên quên rằng tặng phẩm đầu tiên và sau cùng mà chúng phải cho người khác, là cuộc đời ta. Đó là tặng phẩm duy nhất và thật sự trọn vẹn để làm mãn nguyện đồng loại và bản thân ta. Chúng ta phải lo lắng cho những người sống chung quanh mình, chúng ta phải sống cho họ. Chớ nên tưởng rằng mình chẳng làm được gì với nhu cầu của thế giới. Rõ ràng việc giúp đỡ thế giới bên cạnh cũng là giúp đỡ thế giới bao la. Không ai biết những lối đi mà sự thiện di động trong thế gian. Đằng sau một thiện nguyện viên phục vụ tại các xứ đang mở mang là những người khác mà bởi lòng tốt của họ mà các thiện nguyện viên được phấn khích.

Sống tốt lành với cả những ai gần gũi chúng ta là một sứ mệnh bất tận. Có người cô độc cần được thăm viếng hoặc mời mọc. Có những láng giềng và đặc biệt các bà mẹ bận rộn có thể đang cần bàn tay giúp đỡ. Đây là những công việc chúng ta có thể làm mà không bao giờ đòi thù lao. Có lẽ chúng ta cần chế ngự tính e thẹn hoặc lười biếng hoặc gắt gỏng hoặc ham làm của mình để biểu lộ sự quan tâm nào đó đối với người khác. Cuộc đời có được sự nồng ấm rất đặc biệt là nhờ những cách tự nhiên và hợp quần trong đó có một số người hằng sẵn lòng giúp đỡ. (Tuy nhiên, có những người khác thường



trực “hành hiệp bác ái” với lòng chân thành vác ngà voi. Họ thường làm được nhiều việc tốt).

Có một liên hệ giữa bác ái, nhã nhận và lịch sự. Người ta thường nói rằng Thánh Phanxicô Assisi đưa ra một điển hình về sự “nhã nhận” của Thiên Chúa, dấng để ánh mặt trời mỗi ngày chiếu trên cả người lành lẫn kẻ dữ. Có lẽ đôi khi vì điều kiện thời tiết hoặc khí hậu mùa đông khiến chúng ta không luôn luôn giữ được điển hình này trước mặt mình?

Đức Thánh Cha Grêgôriô Cả viết rằng việc người phụ nữ xúc dầu bàn chân Đức Giêsu là một điển hình về điều chúng ta có thể làm cho người khác. Nàng không chỉ đơn thuần rửa chân ngài với những giọt lệ của mình (thiện cảm) mà còn lau khô bằng tóc mình (giúp đỡ thực tế). Và việc làm ấy còn sẽ không trọn vẹn nếu thiếu cử chỉ thêm vào của nàng là hôn chân ngài (lòng thương yêu của mình). Nếu không như thế, Đức Thánh Cha nói, thì có thể xảy ra là “người có nhu cầu mà chúng ta giúp đỡ là gánh nặng đối với chúng ta; và trong lúc chúng ta giúp đỡ với hai bàn tay thì tình yêu dần dần trở thành lạnh lẽo trong con tim ta” (Ca Nguyện Sáng Thứ Sáu Ngày Chay vào Tháng Chín).

Có những người cố gắng đem điều ấy vào thực hành, nghĩa là, không chỉ muốn “làm hại một con ruồi” mà là thật sự trù mến giúp đỡ nơi cần giúp đỡ. Họ sẽ cảm thấy mình thất bại trong cả hai phương diện làm người lẫn làm Kitô hữu. Họ sẽ không nhẹ nhõm nói là mình ân cần với mọi người. Họ sẽ hiểu mình cần biết bao được cứu độ và giải thoát khỏi sự dữ do mình làm ra vì lơ là hoặc thiếu

quảng đại. Họ còn hiểu rằng họ cần được cứu độ khỏi sự 413-416  
dữ mà mình không hiểu mình bạch về nó. Vì tội lỗi của  
chúng ta thì sâu xa hơn chúng ta đôi khi tưởng. Hoặc có  
thể diễn tả cũng một ý nghĩa đó, theo cách lạc quan hơn:  
có sự quảng đại bởi đó Thiên Chúa có thể giải thoát chúng  
ta khỏi điều chúng ta nghĩ kị nặng nề cuộc sống. Sự thất  
bại của chúng ta sẽ không làm mình ngã lòng, nhưng thúc  
đẩy ta tìm kiếm sức mạnh, không ở nơi sự tuyệt vời của  
mình, mà ở trong Thánh Linh trọn lành của Thiên Chúa, 4162  
đấng không bao giờ từ chối nếu chúng ta yêu cầu. 4148

## VIỆC SỐNG

“Lao động thì quan trọng, còn tiêu khiển, giải trí và  
nghệ thuật thì không?” “Chúng ta được sinh ra để lao  
động” “Công việc trước vui chơi” - Có thật thế không?  
Có phải là thời gian chúng ta dành để lao động sản xuất  
(hoặc để nghiên cứu về nó) thì quan trọng hơn nghỉ ngơi?  
Người ta hầu hết cảm thấy và nghĩ ngược lại. Người ta  
lao động một mắt ngó đồng hồ, chờ cuối tuần, đếm từng  
ngày cho tới kì nghỉ. Người ta làm việc để mưu sinh. Cuộc  
sống có nhân tính và thật sự nhất là khi được sống những  
giờ chúng ta “tự do”. Lao động và tiêu khiển làm thành  
cuộc sống của chúng ta. Tiêu khiển và giải trí đúng là  
điều tự nhiên thiết yếu cho cuộc sống con người thật sự.  
Nó mang chúng ta lại cùng nhau cách vô vị lợi, chỉ vì  
tính hợp đoàn. Nó cho chúng ta thời gian phục hồi thoát  
tính chất một chiều mà nghề nghiệp áp đặt lên mình. Nó  
để cho chúng ta được là chính mình. Việc học tập phần

hiều diễn ra trong những giờ tiêu khiển. Chúng mang chồng và vợ, trai và gái, cha mẹ và con cái đến cùng nhau. Tiêu khiển là thời gian để yêu thương.

### *Các việc tiêu khiển*

Chúng ta sẽ ngày càng có nhiều thời giờ rảnh rỗi hơn. Một tuần làm việc năm ngày chưa là cái sau hết. Truyền thông đại chúng lấp đầy những giờ tiêu khiển chung của chúng ta, đặc biệt vô tuyến truyền hình. Chúng làm tất cả chúng ta nên một. Hàng chục triệu trái tim đập cùng một nhịp khi xem một trận bóng đá, một vở kịch hoặc một phóng sự. Nhưng các cách thức xâm chiếm ấy cũng có thể làm chúng ta thành lối bịch: người cha cùng phản ứng như đứa con út, người tình xảo như người vụng về, người sáng trí như người đần độn. Vì thế luôn luôn có nhu cầu dành một thời gian tự do cho những việc đòi phải có gắng sức, nôi tâm, độc đáo, tài năng và sáng tạo, dù chúng mang hình thức thể thao, thợ mộc, chơi nhạc, nghiên cứu một đề tài thú vị nào đó, thu thập một bộ sưu tập, giữ vai trò trách nhiệm trong một hiệp hội hoặc bất cứ việc gì có thể. Điều ấy cũng cần thiết vì lợi ích của con cái. Có thể nói, khi thấy chính cha mẹ miệt mài trong thực tại do mình sáng kiến, con cái cũng học để biết thế giới cách độc lập, để ngưỡng mộ và để sống hạnh phúc trong thế giới. Thay vì thiếu sáng kiến, chúng thành ra 571  
700-712  
đề ý và nhạy cảm. Chỉ trong những hoàn cảnh như thế ta mới có thể phán đoán cách có phê phán những gì mà vô tuyến truyền hình và các phương tiện truyền thông đại chúng khắc cống hiển, và vì thế được thưởng thức chúng cách riêng.

## *Nghệ thuật và khoa học*

Những việc giải trí và bất vụ lợi cũng nằm ở cội nguồn của nghệ thuật và khoa học. Từ thuở xa xưa nhất, các điệu múa, bài hát và chuyện kể, từ những bức tranh trong hang động ở Altamira và các mô tả đầu tiên về thảo mộc và tinh tú, loài người, ngay khi có lúc nghỉ xả hơi khỏi những âu lo việc đời, luôn luôn cố gắng theo dõi và hệ thống hóa trật tự sâu xa của thế giới. Khả năng tư duy và xác định này làm tăng thêm mức phân biệt giữa con người và loài vật. Con người đòi hỏi những giải đáp cho điều xảy ra, chẳng hạn cách sức điện hoạt động hoặc ý nghĩa của sự hiện hữu. Con người cố gắng diễn tả trật tự và nghệ thuật, vô trật tự và xấu xa qua âm nhạc, lời lẽ, múa, màu sắc và tục lệ. Quả thật nghệ thuật và khoa học cùng với lao động: ảnh hưởng lên cuộc sống con người và vì thế ảnh hưởng lên tình yêu và tình yêu ảnh hưởng lên sự hằng cửu. Và ở đây chúng ta có thể thắc mắc biết đâu kết quả thường trực và độc nhất của chúng nằm trong sự thu hoạch tình yêu của chúng. Có lẽ có thể tưởng tượng rằng khoa học và nghệ thuật đang hiện hữu ở trần gian này, có thể bằng một hình thức nào đó, tồn tại vĩnh viễn ở “trời mới và đất mới”. Nếu cái tốt nhất trong con người được sống lại từ hư nát, thì tại sao cái tốt nhất mà con người sáng tạo lại không?

## *Những giá trị độc lập của khoa học và nghệ thuật*

Khoa học và nghệ thuật không thể bị hoàn toàn tách biệt với lao động và tôn giáo. Có phải khoa học và nghệ thuật là những trang bị thứ yếu cho lao động sản xuất và

cho tôn giáo? Không, chúng có giá trị tự chúng. Chúng có trong tự thân chúng những phản chiếu của Thiên Chúa, và vì thế, chúng đi theo qui luật của chúng. Trong thực tiễn, khoa học và nghệ thuật thường liên quan với sản phẩm và cũng với sự công khai thờ phượng Thiên Chúa. Lúc ấy có thể có tác động hỗ tương của những qui luật khác nhau. Nhưng cách riêng trong những biểu lộ quan trọng nhất của chúng, rõ ràng khoa học và nghệ thuật chỉ đi theo những qui luật của chính chúng. Nếu những biểu lộ ấy được thực hiện trọn vẹn mà không có sự can thiệp nào, chúng không thể trở thành xung khắc với đức tin. Cái chân chính căn cứ vào khoa học thì không thể ngược với đức tin. Cái chân chính mà nghệ thuật làm nổi bật là cái chân và cái mỹ thật sự, và như thế, chúng không thể là sự dữ.

Nhưng so với khoa học, nghệ thuật liên kết mật thiết hơn với con người sống động là kẻ sáng tạo nó, và bởi thế phát sinh nhiều phức tạp. Trong ý nghĩa nhất định, vai trò của nghệ sĩ có thể so sánh với vai trò của linh mục. Một nghệ sĩ chân chính có sứ mệnh làm nổi bật sự sáng chói của chân lý và cái đẹp cho thế gian. Người ấy làm điều đó qua con người của mình và qua những giá trị và ảnh hưởng mà mình dính líu tới, vượt cao hơn con người mình. Trong ý nghĩa ấy, nghệ sĩ có thể sánh với linh mục là kẻ được ban cho chuyển giao qua con người mình điều lớn lao hơn bản thân mình. Một linh mục có thể là người xấu nhưng vẫn là kẻ chuyển giao sự cứu độ. Nhưng sự thiện mà vị ấy làm cũng bị ô nhiễm trong chừng mực sự dữ cá nhân của người ấy phản chiếu vào đó.

Cũng thế, một nghệ sĩ thật sự thì luôn luôn trong sáng với cái đẹp của Thiên Chúa, cách sâu xa và chân chính. Dù người ấy có thể diễn tả đối trá, thì điều diễn tả vẫn là xác thực. Dù diễn tả sự đồi trụy tính dục, người ấy cũng cho thấy con người chân chính như một toàn bộ và con người đó không ở trong sự cảm dỗ của một thành tố bị tách biệt cách lãng mạn. Nhưng cùng với sự thâm nhập nội tâm và thông điệp không lay chuyển được của người nghệ sĩ trong con người, cũng có thể có những lỗi lầm, quỵ lụy và nhát sợ của con người trong người nghệ sĩ làm hoen ố tác phẩm của mình. Hoặc có thể giản dị là chân lí và sự thiện chỉ mới là một sức mạnh và sinh ích trong tác phẩm của người ấy. Các qui luật cách riêng đối với nghệ thuật và tính chất làm một của nó đối với cuộc sống, đều được đan vào nhau cách không gỡ ra được.

Những người chín chắn và am hiểu thường có điều kiện dễ dàng phân biệt cái này với cái kia. Những ai không hoàn toàn chín chắn và ít thực tế sẽ không tỉnh ý lắm. Họ uống, cùng với không khí tinh sạch của nhân bản và cái đẹp, một ít nước nươc bẩn. Cách riêng, thật buồn khi bước đầu đời của các thanh thiếu niên làm quen với thế giới cá biệt của con người lại bị thẩm thấu bởi các sự việc này. Cái mà họ bị tước đoạt trong thời kì tiếp nhận bén nhạy ấy thì nhiều hơn cái mà họ thu nhận. Các nhà giáo dục - cha mẹ và thầy cô - không nên giải quyết tình thế ấy bằng những ngăn cấm tuyệt đối. Điều quan trọng hơn là, dạy cho các bạn trẻ - và cả chính mình - làm thế nào đọc hoặc xem các việc ấy cách riêng. Một dân tộc không được phép cấm đoán các nhà văn của mình không được người khác đọc tới (nếu tác phẩm không độc hại nội dung).

### *Đức Giêsu và văn hoá*

Phúc âm ít nói về văn hoá. Đức Giêsu không khước bác khoa học và nghệ thuật. Ngài cũng không khuyến cáo chúng. Ngài cho những bông hoa vệ đường mà ngài tìm thấy đẹp hơn y trang tuyệt vời mà Salômon mặc. Khi các môn đệ chiêm ngưỡng kiến trúc của đền thờ thì ngài có trong mắt mình sự hủy diệt của nó. Nhưng mặt khác, các dụ ngôn của ngài rất giản dị và khẳng định phải liệt ngài vào trong số những người sử dụng ngôn ngữ vĩ đại nhất của nhân loại. Như một con người, ngài là một sức mạnh vĩ đại nhất trong văn hóa nhân loại. Nhưng điều ấy đến cách tự động. Ngài không dứt khoát dành bản thân mình cho khoa học và nghệ thuật, và ngài không đưa ra bất cứ lời hướng dẫn nào về chủ đề này. Điều độc nhất chế ngự tâm trí ngài là quyền năng của Thiên Chúa, men của thế gian cho sự bình an của nó. Ngài chấp nhận rất trọn vẹn sự ưu đãi của Thiên Chúa dành cho người nghèo khó và phục vụ tới độ cho đi trọn vẹn cuộc đời mình cho những sự việc ấy. Chúng là cái đẹp vĩ đại nhất và cái chân lí vĩ đại nhất mà ngài biết. Đó là một thiên hướng và ưu tiên dự phần với ngài vào việc đam mê theo đuổi mục đích duy nhất này. Nó thường đi song song với cuộc sống theo những lời khuyên của phúc âm.

### CUỘC TÌM KIẾM CHÂN LÍ

**L**ời nói là thành phần của thành tựu lớn lao nhất của chúng ta. Ngôn ngữ có thể làm cho nhìn thấy sự sống.

Nó có thể biến cải cuộc sống của chúng ta. Sự hiệp thông mật thiết của loài người diễn ra trong ngôn ngữ. Tình yêu được diễn tả rõ ràng bằng lời nói. Ngôn ngữ là một tặng phẩm vĩ đại, vĩ đại hơn chúng ta nhận ra - kinh hoàng hơn và đáng yêu hơn. Quyền lực duy nhất có thể làm nổ bom nguyên tử - như thực tế, cũng chế tạo ra nó - là lời nói con người. Mặt khác, chỉ lời nói con người mới có thể làm bom không nổ. Và chúng ta đều biết, chính uy lực của một câu nói có thể làm người ta ấm áp và hạnh phúc sâu xa. Đức Giêsu thực hiện sứ mệnh mình khi ngài nói. <sup>91 95</sup> Chính ngài được gọi là Lời. Có một mẫu nhiệm vĩ đại tại tâm điểm của ngôn ngữ.

### *Đàm thoại; nói tốt hoặc nói xấu người khác*

Bối cảnh của mọi lời nói của chúng ta là đàm thoại: cùng ngồi quanh và tán gẫu những chuyện không quan trọng. Đó là một trong những cấu trúc căn bản của cuộc sống con người. Đó là cách chúng ta học biết nhau mà không đạo đức giả hoặc nghi kỵ. Kẻ nào luôn luôn kiểm soát cuộc trò chuyện và không để cơ hội cho người khác, là kẻ đang hủy diệt cái gì đó. Có những phụ nữ nói quá sức làm cả nhà hết hơi. Để người khác nói lên, khích lệ người ấy bằng sự chú ý của ta, có thể cho người ấy hạnh phúc lớn.

Thật tốt nếu đôi khi hướng câu chuyện vào điều gì đó tốt hơn là tán gẫu. Có thể chúng ta thử cùng nhau thăm dò chân lí một chút. Hoặc thử nói điều gì đó chưa hề nói tới. Thường xảy ra là ta có thể nói, mà không thiếu thành thật, đến những vấn đề trọng đại, cả chuyện về Thiên Chúa. Thật sai lầm nếu nói huyền thuyên suốt buổi,



không ngoài những lời vu vơ. Có người thường làm thế. Chúng ta được ban cho ngôn ngữ không để làm thế. Cũng rất tốt mà nói lời khích lệ người khác, công khai tán dương họ, hoặc cả việc thốt lên lời quả trách (Mt. 18:15). Có nhiều lúc lời đả kích lại thích hợp hơn nếu tạo ảnh hưởng chấn động làm người khác hiểu tính chất nghiêm trọng của hoàn cảnh họ (Mt. 23).

Thật sai lầm nếu nói lời gây tổn thương cũng như nịnh hót vì mục đích vị kỷ. Im lặng là vũ khí rất bén nhọn - làm lơ chẳng thêm để ý đến lời đó hoặc cả những lời khác. Nhưng có thể là một tội trọng (hoặc một tình trạng bệnh lý), nếu ta cứ dai dẳng làm lơ với người cùng sống dưới một mái nhà hoặc chung một cộng đoàn.

Việc kể lại các lỗi lầm của người khác là nghiêm trọng cách riêng. Nó hủy diệt điều mà chúng ta đều khao khát và đều có quyền có: một quý mến nhỏ nhoi của người khác, tiếng thơm của chúng ta. Chúng ta cảm giác nó lập tức nếu có người đồn nhảm về chúng ta. Những người gần chúng ta cò mình lại, mất đầy nghi kỵ. Thực tế, nếu những sai phạm ấy có thật, thì “dè bĩu, dèm pha” tạo nên thiệt hại thực tế vượt quá sự sửa chữa. Nếu các lỗi lầm bị qui cho là dối trá, “mạ lị, vu khống”, thì lại càng bất công hơn. Làm thế nào ta có thể giúp bảo vệ? - Làm ngược lại là rất nhiều ân phúc: nhấn mạnh vào các điểm tốt của người khác. Như thế có thể làm tốt thêm người nghe lẫn đối tượng chúng ta tán dương. Đó là điều có tính cách sáng tạo của các lời lẽ tốt đẹp.

### *Lòng thành thật*

Một trong những vinh quang nhất của lời nói là nó có thể biểu thị chân lí. Việc nói về chân lí làm con người thành

vĩ đại. Người ta ngưỡng mộ kẻ mà mình có thể tin nhiệm: không phải kẻ hờ hởi mỗi lăm miệng, nói tuốt luốt mọi sự, nhưng là người mà lời nói có thể tin cậy được. Đây là cái mà việc nói nhắm đến: cho thấy bản thân ta đáng tin cậy, không làm giảm sự tin cậy nhau. Nó đi cùng thói quen suy nghĩ bên trong cách lương thiện. Nghĩa là, không thành kiến cảm tính, tự dối vị kỉ, mù quáng khờ dại, khách sáo kiểu cách theo các nhóm làm dáng, thủ cựu mù loà. Nó có nghĩa dành cho thực tế một cơ hội trong tư duy của ta. Nó có nghĩa chính trực. Đây là sứ mệnh bất tận. Một đức tin ngay thẳng cơ bản trong Đức Kitô cũng thường có thể làm biến cải hoàn toàn một hoặc các khuynh hướng vừa liệt kê.

Một khía cạnh khác của lòng thành thật là công nhận rằng chúng ta thường sa ngã, và rằng có những điều tốt mà chúng ta hoàn toàn không kham nổi. Hai việc ấy giúp chúng ta cảm thấy mình làm một với người khác. Chủ nghĩa Biệt phái có một mặt khác của nó là bất lương vì nó tự biến mình thành trường hợp đặc biệt bằng tính kiêu căng về đức hạnh của mình. Nó là một trong những trở ngại lớn lao nhất cho việc tiếp nhận sự giúp đỡ của Thiên Chúa. Để cho các quan điểm của ta thành cứng cỏi thì cũng có thể là gây họa. Chúng ta có thể hữu lí về phía mình, dù thế vẫn không hoàn toàn chân tình. Một chút hài hước có thể hữu ích cho chân lí mà không gây bất hoà. Nó có thể giúp người khác nhẹ nhõm, và họ nhìn lại các sự việc theo tầm nhìn của họ.

### *Nói dối*

Đối trá là đối lập với chân lí. Nó là một bóp méo thực tại. Nó làm một người không đáng tin cậy. Do đó,

bằng ngay thật hoặc dối trá chúng ta can dự vào sự hồ tương tín nhiệm và tin tưởng mà qua đó chúng ta tin cậy nhau. Có sự phức tạp phát sinh từ việc lòng tin cậy hồ tương cũng liên quan tới việc bảo mật. Người ta không kể hết chuyện xảy ra trong nhà mình cho bất cứ ai đến nhà. Mỗi chúng ta có quyền đối với một sự riêng tư nhất định. Vì thế, chẳng hạn, có những nghề nghiệp kín đáo. Các bác sĩ và những người khác mà nhiệm vụ đưa đẩy họ vào mối quan hệ với cuộc sống riêng tư của người khác bị buộc phải bảo mật. Họ có thể không nói với người không thẩm quyền về những gì họ biết do mối quan hệ ấy. Lĩnh vực bị tuyệt đối cấm nói về những gì mình nghe lúc giải tội. Vì vấn đề hồ tương tín cậy mà có thể kì vọng các bí mật được giữ kín. Người ta không thể làm gì khác hơn là tôn trọng những người từ chối tiết lộ những điều mà kẻ khác không có quyền nghe. Người tôn trọng sự bảo mật thu được lòng tin của chúng ta.

Tuy nhiên, đôi khi xảy đến nguy cơ một bí mật có thể bị tiết lộ, như lúc bị đặt các câu hỏi phức tạp và phi lí. Chỉ có thể nói khác đi mới bảo mật, và như thế, giữ được lòng tin cậy nhau. Giả dụ, nếu có ai hỏi bác sĩ về một trường hợp nhất định mà có thể lập thành một suy diễn cụ thể, rằng một bệnh nhân như thế có đến khám bệnh không, nếu trả lời lẩn tránh thì có nghĩa là Có. Trường hợp này, bác sĩ có thể hoặc phải gián dị nói Không. Có nhiều thí dụ có thể có về loại chuyện ấy.

Những dối trá ấy có ngược với công lao xây dựng sự tin cậy hồ tương? Chắc chắn không. Nó thuộc về bản chất của ngôn ngữ khiến loài người có thể dấu một điều gì đó với kẻ khác, và chuyện đó thì ai cũng biết. Đó không là

lỗ hổng của lòng tin cây hồ tương. Và vì thế, nó không bị buộc là dối trá. Nó không thật sự là dối trá.

Điều ấy không có nghĩa chúng ta có quyền tự do lập lời hai mặt với sự thật. Nó có nghĩa sự cụ thể bằng lời nói đơn thuần không là qui tắc thật sự và nhân bản cho lòng chân thật. Qui tắc là sự tin cậy hồ tương.

### *"Bói toán"*

Ở đây, chúng ta có thể nói ít lời về một hình thức giao tiếp với thực tại mà không thể qui rõ rệt cho bất cứ giác quan nào của chúng ta vì chúng có thể là vấn đề nhận thức trực tiếp bằng tâm trí hoặc lương tâm. Chúng ta muốn nói tới các hiện tượng như linh cảm, thấu thị, cảm giác có ai đang ngó mình, thần giao cách cảm (truyền đạt tư tưởng), bói toán, chiêm tinh, tử vi ("ngôi sao bản mệnh của bạn"), coi chỉ tay và vân vân - tất cả những gì có thể nói tóm là "nhận biết bằng giác quan đặc biệt". Chúng chỉ mỗi tiêu biểu cho một danh sách nhỏ các hiện tượng gồm rất nhiều loại, mà một phần rất ít của mỗi thứ chỉ mới được thăm dò cách riêng theo quan điểm khoa học. Đây là lãnh vực kinh nghiệm tiền khoa học khiến chúng ta hoài nghi rằng cuộc sáng thế và những nhận biết của con người về nó đều phong phú hơn là những gì chúng ta có thể xác định. Chúng ta cần khảo sát sâu thêm vấn đề này.

Chúng đồng thời có thể cho một ấn tượng rất rõ rệt về sự hiện hữu của một điều mầu nhiệm, như thể bức màn che sự mầu nhiệm của sự sống được vén lên trong chốc lát. Đó cũng là điều chúng ta có thể nói hàng giờ.

Đó cũng là điều mà người ta bám vào để có một kiểu tóm tắt sự bất định của tương lai.

Cảm giác về sự mâu thuẫn và bất định này có thể bị khai thác như một trò chơi kinh tài hoặc bởi những kẻ lừa đảo chuyên nghiệp, hoặc bởi những người được ban tặng giác quan siêu nhiên này liên kết với những kẻ lừa bịp. Tuy thế, người với những tặng phẩm ấy cố gắng phục vụ nhân loại.

Tình yêu chân lí mà chương đang bàn đây đòi hỏi là, chúng ta không nên lập tức phủ nhận mà thiếu khảo sát sự hiện hữu của các sự kiện ấy, và hơn nữa, chúng ta không nên dao động cho rằng mình có thể theo những cách ấy mà giải quyết những mâu thuẫn căn bản của sự sống.

Đức tin nói cho chúng ta biết rằng Thiên Chúa không mặc khải điều gì vĩ đại hơn Con Người, đáng dẫn đạo chúng ta theo con đường vắng lời và bác ái. Đây không là những mâu thuẫn u u minh minh nhưng là những mâu thuẫn về điều hết sức bình thường là sự thiện và tình yêu, những mâu thuẫn không tan biến theo rạn động và có thể đương cự với ánh sáng chói loà ban trưa, để biểu lộ đạo sống ở đời. Và đây không phải trò quỷ thuật có thể làm chúng ta biết trước định mệnh an bài của mình.

Trách nhiệm, mà đáng tạo hóa kêu gọi chúng ta trong sự tự do của chúng ta, cho chúng ta sự giao tiếp chân chính nhất với thực tại. Không có gì ma thuật về Đức Giêsu. Các phép lạ của ngài không để lộ những quyền năng kì diệu, nhưng là biểu hiệu lớn lao mà ngài đưa ra về sự tận hiến cuộc đời ngài. Ngài thì mâu thuẫn, nhưng

không phải kẻ giao dịch dịch vụ thần bí. Và những biểu hiệu quyền năng của ngài giữa chúng ta, các bí tích, không là ý niệm thần bí lure dẫn vào một cảnh giới khác, nhưng là những cuộc gặp gỡ với ngài trong đức tin giữa thế giới này. Chúng không là những giao tiếp ma thuật tự động tác động, nhưng là những mời gọi tâm hồn con người, toàn bộ cuộc sống con người trong ánh sáng ban ngày. Mọi sự có tính cách phúc âm chân chính đều toát ra hơi thở tâm linh này. Mẫu nhiệm chân chính này không bao giờ liên can tới bất cứ cái gì ít hơn toàn bộ bản thân chúng ta.

Do đó, chúng ta không loại bỏ khả năng hiện hữu của các kinh nghiệm thần bí: và chúng có thể là những phương tiện giải mở một số bí ẩn của thiên nhiên. Điều mà chúng ta chống là ý niệm thiếu lành mạnh mà người ta có thể lập nên rằng chúng ta có thể theo những cách thức thần bí ấy đạt tới thực tại sâu xa nhất. Không có lối đi phụ nào của con đường đại đạo độc nhất dẫn đến Thiên Chúa, do chính ngài ban cho chúng ta: là tình yêu và sự tận hiến của một con người tự do trong ân sủng.

### *Phục vụ bằng lời nói*

Những người hoạt động cho báo chí, truyền thanh và truyền hình đều là những tác nhân phổ biến chân lý. Họ là những người phục vụ cho quyền lợi của con người đối với sự thông tin chân chính. Nghề nghiệp cho họ uy lực lớn lao trên con người. Có một sứ mệnh vĩ đại được thực hiện ở đây. Cần xây dựng một luân lý chức nghiệp mà ngày càng phù hợp với phúc âm, đồng thời vẫn tương ứng với những đòi hỏi nội tại của chức nghiệp này, mà

không phải là những đòi hỏi tức thời cách hiển nhiên như đối với người ngoài lãnh vực.

Các bậc cha mẹ cần nỗ lực huấn luyện bản thân mình và con cái để có một nhãn quan phê phán và vô tư về những gì được đưa ra ở chỗ công khai. Và những ai dấn thân vào giáo dục, từ mẫu giáo đến đại học, đều đang phục vụ chân lý bằng cuộc sống và tư duy của mình. Điều của thông điệp Đức Kitô cần xuất hiện trong bản thân mình lẫn sự tiếp cận những gì mình giảng dạy. Phần chủ yếu nhất của vấn đề này được thể hiện qua thang giá trị mà mình tiêu biểu, đúng hơn, là qua sự rao giảng trực tiếp của mình. (Chúng ta có nói ngắn gọn về nghệ thuật và khoa học trong chương vừa rồi).

10-15  
2003-2004

### *Mẫu nhiệm, không phải câu đố*

Những ai tìm kiếm và rao giảng chân lý đều chuyên chú vào những khái niệm và những nhận thức chính xác. Nền văn hóa mà chúng ta dự phần vào có hàng thế kỷ tấn công dồn dập các hiện tượng thiên nhiên: mưa, bão, điện, hạt nhân nguyên tử, tế bào, các cấu trúc tinh thần, các luật lệ xã hội - chúng càng ngày càng được giải thích và đo đạc càng dễ sử dụng. Kiến thức cho chúng ta sự làm chủ thực tại trong khí tượng học, kỹ thuật học, và điều trị những bệnh tật tinh thần và thể xác, kế hoạch hóa có tính cách xã hội học, và vân vân. Như thế, giáo dục và xã hội, như một toàn bộ, đã biết tập trung vào cái có thể thẩm định và đưa vào sử dụng. Và việc ấy mang lại những kết quả như chúng ta có thể thấy. Cùng theo nó là một trạng thái tinh thần điếm đám và khách quan có thể giúp

cho sự phát triển con người được đồng nhất và quân bình, chân thật với người bên cạnh và với Thiên Chúa.

Nhưng liền đó, khái niệm “phải có ý tưởng mình bạch” này lại bắt đầu loại trừ những quan điểm khác, vì chúng ta thấy tính thần con người bắt đầu khép kín cửa bằng chính nó và xem thường bất cứ cái gì không tính toán được và không sử dụng được. Có mầm mống của thái độ này trong tất cả chúng ta. Sự xác tín vào mẫu nhiệm trong mọi sự, cảm giác kinh ngạc lúc đối mặt với sự sống, đều có thể bị đẩy hẳn ra đằng sau như thể chúng không còn dính dáng gì tới. Trong sự thế này, thái độ khoa học tự nó không chịu trách nhiệm. Newton, nhà sáng lập vĩ đại vật lý hiện đại, đã so sánh công trình của ông với đứa bé chơi trên bãi biển, bận rộn với vỏ sò và đá cuội trong khi tiếng động của biển lớn mênh mông gầm vang trong tai nó. Newton tin chắc ông mới chỉ làm việc trên đường viền của mẫu nhiệm vô hạn của Thiên Chúa. Cả khoa học lẫn kỹ thuật không nhất thiết phải đứng trên lối đi cảm nhận về mẫu nhiệm này - mà ngược lại.

Tuy nhiên, có lẽ đúng nếu nói rằng khả năng nhận biết mẫu nhiệm này bằng nhiều cách thức hiện bị hạn chế. Quả thật cả trong những lời dạy lẽ đạo, như có thể qua cách giải thích tiếng mẫu nhiệm trong thể kỷ mười sáu và sau đó. Một số người trong chúng ta có thể nhớ lại những định nghĩa ấy thuở còn trên ghế nhà trường. Thông thường chúng diễn tả những mẫu nhiệm đức tin như “những chân lý được Thiên Chúa mạc khải mà lý trí của chúng ta (bất hạnh thay) chưa thể hiểu ngay, và chúng ta sẽ được ban cho hiểu biết sau”. Mẫu nhiệm của đức



tin đã được trình bày, có thể nói, như những đường nét bị che khuất sau bức màn. Tâm hồn chúng ta sẽ được yên ổn lúc bức màn được vén lên và thấy rõ mọi sự. Trong lối tiếp cận này, mẫu nhiệm bị thật sự hạ xuống thành câu đố, vấn đề chưa giải quyết, quấy nhiễu chúng ta bao lâu nó còn chưa theo sự tính toán đầy đủ nào đó mà xuất hiện. Các câu đố và các vấn đề ấy (mà thực tế bị gọi là những mẫu nhiệm) có thể được giải quyết ngay trên nguyên tắc bằng cách chịu khó ứng dụng đầy đủ kiến thức của chúng ta. Với các phương tiện và áp dụng tương ứng, chúng ta có thể cho biết khoảng cách giữa các ngôi sao, kết cấu của vật chất, dấu vết của kẻ trộm, lượng giá công nhân, tìm ra bí mật mà sự tinh mịch che dấu. Nhưng mẫu nhiệm vĩ đại thì hoàn toàn ở một trình độ khác.

Chúng ta tìm kiếm nó ở đâu? Nó ở chính trong nhà chúng ta. Mọi sự chung quanh tôi - loài người, cỏ cây và cả các đồ vật - là một mẫu nhiệm mà vươn lên khi tôi thâm nhập vào bản tính của chúng. Ý nghĩ của riêng tôi, cái "Tôi" của tôi, các cảm xúc của tôi và cuộc đời của những người khác, đều vượt khỏi nhận thức của tôi, và mỗi ngành khoa học giải thích một phần của chúng để lại cho chúng ta cảm giác ngưỡng mộ lớn lao hơn về tất cả những gì được phát hiện và được diễn tả. Và mỗi sự việc càng xuất hiện rõ rệt như một đồng nhất sống động thì càng biểu lộ nó đầy đủ hơn và càng tự mạc khải về nó như một mẫu nhiệm.

Trong chốc lát, chúng ta hãy thử nhìn điều ấy có nghĩa gì với chúng ta. Một người làm việc suốt ngày trong xí nghiệp, cơ quan quản trị hoặc nhà nước, tiếp cận thực

tại như một cái linh hội và tính toán được, không lo ngại cái đó xuất hiện phức tạp ra sao. Nhưng khi anh ấy về đến nhà và chào vợ thì có một cái gì đó không chịu đơn giản chỉ làm đối tượng cho tính toán tâm lí hoặc máy điện toán. Và hai người càng ít giữ bí mật riêng thì lại càng nên một hơn, và mầu nhiệm này lại càng lớn lao hơn. Nó là mầu nhiệm của con người mà không thể thảo thành chương trình điện toán. Điều ấy có làm họ bối rối hoặc cảm thấy là những người xa lạ nhau không? - Không, mọi sự an nhiên và mật thiết nhiều hơn người ta có thể tưởng. Họ không nói với nhau: -Đối với anh, em mầu nhiệm biết bao!, mà nói: -Thấy anh (em) có vẻ khoẻ quá, hoặc, - Thấy em (anh) có vẻ mệt quá, hoặc, - Bữa nay ăn cơm trễ quá. Họ không ngừng một chút để ngẫm nghĩ rằng người kia là một cái "Tôi" sống động. Nhưng họ cảm thấy nó như thế - khi việc có mặt nhau và sự ấm cúng làm mọi sự thay đổi và an toàn. Những bí mật mà chúng ta mỗi người thủ riêng với nhau làm chúng ta bối rối; bí mật mà chúng ta giữ cho nhau làm chúng ta bình an. Chúng ta hạnh phúc vì chúng ta gặp mặt một cái gì đó lớn lao hơn chúng ta, cái vì nó mà chúng ta được dựng nên.

87-91

821-824

Mầu nhiệm của đức tin là những biểu lộ đưa ra cho chúng ta để gọi đúng cái không thể diễn tả nổi được phô bày trong mọi sự và mọi người. Như thế, người có đức tin có thể nhận ra những mầu nhiệm của sự sống là mầu nhiệm của sự mật thiết và an toàn, của sự sống và sự sáng tuôn tràn trên chúng ta, mầu nhiệm của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. (Trong câu vừa rồi, chúng ta đã kể bốn mầu nhiệm lớn lao của đức tin: Thiên Chúa Ba Ngôi, sự nhập thể, ân sủng, và chiêm ngưỡng Thiên

Chúa trong hạnh phúc). Chúng ta giáp mặt với cái mà vì nó chúng ta được dựng lên, và mọi sự căng mầu nhiệm chừng nào thì khi được mạc khải chúng lại càng thân thiết chừng ấy. Trong tiếng Hi Lạp, từ ngữ mầu nhiệm có nghĩa là điều được dành riêng cho những người đã được vỡ lòng, không để lộ ra cho những người ngoại giáo đứng ngoài. Ở đây, chúng ta giáp mặt với mầu nhiệm, chúng ta được vỡ lòng những bí mật gia bảo của Thiên Chúa, chúng ta được ban cho nếm trước vị bình an mà nỗi hoài hương thuần khiết của chúng ta khát khao.

Tâm trí chúng ta được dựng nên để thấy và để hiểu và nó là một nghĩa vụ không bao giờ mệt mỏi trong nỗ lực đạt tới sự trong sáng. Nghĩa vụ ấy tồn tại đối với mầu nhiệm này. Nhưng khát vọng thiết yếu và sâu xa nhất của chúng ta là đặt mọi sự mình có, tâm trí và mọi sức mạnh của tình yêu và sự thiện vào trong sự ngưỡng mộ, sự tôn thờ của chúng ta đối với điều vĩ đại hơn con người. Chính trong cử chỉ này mà con người được là chính nó nhất, mà tinh thần được ý thức về nó trọn vẹn nhất. Nếu con người đánh mất khả năng này thì nó sẽ ít là người, dù những phân tích của nó có chặt chẽ và rõ ràng tới đâu chăng nữa. Chúng ta lúc đó sẽ xoay xở để gỡ rối và sử dụng cái phức tạp; và sẽ không bao giờ cảm thấy hoàn toàn thoải mái với cái giản dị. Nguồn suối sự sống lúc ấy vẫn còn xa xôi vô tận.

Trong những năm gần đây, các bệnh thần kinh nhất định được giải đoán như hậu quả sự tập trung của chúng ta bị giới hạn trong tính cách tách biệt và vụ lợi trong giáo dục, xã hội và tôn giáo. Nỗ lực ấy cô lập tri thức

khỏi con người như một toàn bộ. Nó cũng cô lập ý muốn và biến ý muốn thành cùng đích của chính ý muốn. Và điều được giảng dạy là làm thế nào chiếm thượng phong, kiếm tiền, nắm vững cái mình có - với hoặc không với dự tính thiện hảo. Do đó, chúng ta nỗ lực để đi qua cuộc đời mà không sống, để sống thực tế mà không gốc rễ, để biểu lộ cảm xúc mà không thương yêu, để làm việc thiện mà con tim không tham dự vào, để thực hành tôn giáo mà không tự qui hàng. Nhưng chỉ có những người ngêngh đón mầu nhiệm này vào cuộc sống họ thì biết ngưỡng mộ, để bản thân mình được ôm chặt, để cho đi bản thân, để tin, để trao hiến và để phục vụ. Và chỉ có họ tìm thấy nguồn suối sự sống.

*“Phàm ai thuộc về sự thật thì nghe tiếng tôi”* 143-14  
(Ga. 18:37)

Không ai hết lòng nhắc nhở mục đích nhiệm mầu của chúng ta như Đức Giêsu. Ngài van nài chúng ta chờ mù khi nhìn hoặc chờ điếc khi nghe. Không biết bao nhiêu lần ngài la lớn: “Ai có tai để nghe, thì hãy nghe”. “Hôm nay, phải chỉ các người nghe tiếng Người! Chờ cứng lòng người lại” (Tv. 95:7-8). Trong ngài, như chúng ta tin, mầu nhiệm của Thiên Chúa xuất hiện. Những lời mà Công đồng Canxêđôn diễn tả mầu nhiệm này không phải công thức hóa một điều khó hiểu mà là lời tuyên bố về một mầu nhiệm: rằng qua ngài, chúng ta thật sự về lại nhà, trong ngài, chúng ta thật sự được vỗ lòng mầu nhiệm của Thiên Chúa và của tạo vật. Đây là ý nghĩa của tín lý rằng ngài là con người thật sự giữa chúng ta và thật sự là Con Thiên Chúa. Điều mà tri thức trong cô lập không thể nhận

biết được, thì tri thức hiệp nhất với toàn bộ con người được làm cho tin. Không chỉ một khả năng, nhưng toàn bộ linh hồn, toàn bộ tâm trí và tất cả sức lực của chúng ta đều chuyển động để thừa Vâng với ngài. Chúng ta  
 569 nghiệm ra trong Con Người rằng bí mật khôn dò của thế gian và của con người tối hậu không phải tưởng tượng mà là một đấng nào đó. Vì Thánh Linh ngài khiến chúng ta la lên, “Abba”.

Do đó thành phần của cuộc tìm kiếm chân lý của chúng ta là khiêm tốn, đức tin, hi vọng và yêu thương, cầu nguyện riêng và phục vụ chung. Khi chúng ta cử hành chu kỳ năm  
 720-727 Hội Thánh, chúng ta có nếm trải mẫu nhiệm của thế gian: Con Thiên Chúa ở cùng chúng ta. Đối với những ai cùng nhau cử hành việc đó thì chân lý ở rất gần.

## SA NGÃ CỦA KITÔ HỮU. TỘI

Các chương trước có nghĩa như một bày tỏ sứ mệnh của Kitô hữu trong cuộc sống. Mỗi Kitô hữu phải có đáp ứng đối với sứ mệnh của mình. Nó không là một bản liệt kê riêng tư về những nỗ lực sống đối với sự sáng và đối với các sa ngã. Không ai trong chúng ta có thể đôi khi tự cho là mình không sa ngã, không thất bại trong đức tin, hi vọng và yêu thương. Chúng ta đã thảo luận về tội lỗi chung của nhân loại, là sự dữ được thông thường gọi là tội nguyên tội trong chương có nhan đề “Quyền năng của tội lỗi”. Chương sau đây thêm lần nữa đề cập đến tội lỗi của chúng ta, nhưng lần này xuất phát từ quan  
 195 điểm có tính cách cá nhân hơn.

Cả phúc âm lẫn kinh nghiệm mình đều nói cho chúng ta biết chúng ta cần Đức Giêsu làm đấng cứu độ, cũng như làm đấng tôn sùng. Ngài hiếm khi nào được rõ ràng xác định đặc điểm là biểu thị của Thiên Chúa cho bằng lúc ngài tha tội. Phúc âm có nhiều trình thuật về tha tội: người tê liệt được thông xuống qua mái nhà; người phụ nữ đổ dầu thơm lên chân ngài; phạm nhân bị treo trên thập tự và nhiều người khác. Ngài thấy trong tất cả bọn họ sự khốn khổ sâu xa nhất của họ - là tội lỗi. Và những lời kể lại đầu tiên của Tân Ước (1. Cr. 15:3) khẳng định rằng cái chết khủng khiếp của ngài liên can tới sự dữ của chúng ta. 352  
459-462

### *Bản tính của tội lỗi*

666

Mạc khải Kitô giáo dạy chúng ta điều gì về sự dữ? Phúc âm nói rằng sai phạm lớn lao nhất của con người, cách căn bản, không phải là bán rãng cửa bị trật guồng máy, nhưng là ý muốn của con người bị gieo trồng cách tự do trong sự dữ. Phúc âm còn nói rằng sự dữ, cách căn bản, không chỉ là tính chất bất toàn của một tạo vật có tự do còn có thể được sửa sai bởi nhận thức và nghị lực (như Phật giáo có khuynh hướng tin), nhưng là con người ngoảnh mặt với Thiên Chúa nên bản thân con người không thể tự mình sửa sai nổi. Kế đến, sự dữ, cách căn bản, không phải là một vi phạm lề luật cao thượng và lạnh lùng (theo Hồi giáo tin cách tổng quát), nhưng là một xúc phạm tình yêu con người. Sau cùng, nó không chỉ là một xúc phạm tình yêu con người (như chủ nghĩa nhân bản tin), nhưng còn là một xúc phạm đến đấng tạo hóa và cứu độ. Mọi điều ấy bao hàm trong 452-454  
457-459

nghĩa của từ ngữ tội lỗi theo mạc khải Kitô giáo. Nó là một xúc phạm cố ý tới tình yêu có tính cách thiêng liêng và có tính cách con người mà bản thân con người không bù đắp lại nổi. Bốn quan điểm chính đối với sự dữ được đề cập đến ở trên - mà chỉ là sự phát triển bất toàn, đạo đức kém được sửa sai bởi nỗ lực của chính con người, vi phạm lề luật, xúc phạm con người - không phải là không đúng. Tội lỗi là nô lệ và bất lực, và đồng thời là thử thách để tự chinh phục; tội lỗi là làm tổn thương tới con người; và đồng thời vi phạm lề luật của Thiên Chúa. Nhưng thật sự chỉ thế thôi thì chưa đụng tới tâm điểm chân chính của mạc khải. Bản tính thật sự của tội lỗi là sự từ chối tình yêu của người khác và của Đấng Tối Cao. Có cái gì của sự từ chối ấy trong mỗi hành động thật sự của tội lỗi.

### *Bí nhiệm của sự độc dữ*

Điều ấy nghe thật ghê tởm. Nhưng tội lỗi thì ghê tởm. Thông điệp của Kinh Thánh - bao gồm lời Đức Giêsu về sự nguyên rửa vĩnh viễn - để lại rõ ràng tính chất nghiêm trọng của sự dữ. Không phải ngẫu nhiên mà Kinh Lạy Cha kết thúc với lời van nài cứu khỏi mọi sự dữ. Khi phạm tội, chúng ta cố đạt tới điều ngược lại với tình yêu của Thiên Chúa và của người bên cạnh. Chúng ta vi phạm trật tự của yêu thương, bằng cách này hoặc cách khác. Điều này không có nghĩa chúng ta tìm kiếm sự dữ chỉ vì chính sự dữ. Trong mỗi tội lỗi, chúng ta cũng tìm kiếm một điều tự nó không phải sự dữ. Một người phỉ báng và sỉ nhục người khác có lẽ đang tìm một không-gian-sống có tính cách tinh thần hơn mà trong tự nó không xấu.

Những người ấy tìm nó ngược với quyền và không-gian-sống của người khác, và việc đó xấu. Một phụ nữ, sống với chồng của người khác, ngược với quyền lợi và sở thích của người khác và ngược với chính lương tâm mình, thì không cố ý định qua đó mà chỉ làm sự dữ. Tuy nhiên nó là tội.

Sự kiện có một tính chất thiện nào đó can dự vào thường giúp chúng ta nhận ra cách con người đi tới việc phạm tội. Đôi khi nó là một biện hộ. Nhưng nó cũng cho thấy tính chất thối nát và băng bổ của tội lỗi: điều chân chính và thiện hảo, điều phát xuất từ Thiên Chúa, bị lạm dụng. Chúng ta có thể phạm tội theo với cái thiện trong chúng ta và những người khác. Chúng ta tìm kiếm bản thân mình tách biệt khỏi cái toàn bộ, tách biệt khỏi Thiên Chúa.

Augustinô để lại cho chúng ta phân tích sâu sắc sau đây về tội lỗi: “Bị dồn ép bởi tình yêu tính độc lập của mình xoay mặt khỏi cái toàn bộ đại đồng để hướng tới phần cá nhân. Nếu nó đi theo sự hướng dẫn của Thiên Chúa trong diễn biến tổng quát của tự nhiên, nó sẽ được hướng dẫn theo những cách thức tốt đẹp nhất bằng lẽ luật của Thiên Chúa, nhưng lúc này, bằng kiêu ngạo bội giáo là sự bắt đầu của tội lỗi, nó cố nắm bắt một điều lớn lao hơn cái toàn bộ. Trong khi phấn đấu sở hữu điều đó bằng luật của riêng mình, nó bị đẩy lùi vào việc chăm lo cho phần cá nhân. Không gì lớn lao hơn cái toàn bộ! Do đó, khi khát khao điều lớn lao hơn, nó lại hóa ra nhỏ bé hơn.” (*De Trinitate XII*, 14). <sup>439</sup>

Người ta phạm tội như thế nào? Có phải lúc ấy không diên rồ mù quáng chút nào? Có phải phạm cách thật sự



cố ý? Có phải đó là ý nguyên thật sự tự do? Sau cùng, tội lỗi thì quá đỗi không lành hội được, quá đỗi thâm sâu. Tuy thế, ta nhận ra là có nó ở đó. Một điều theo kinh nghiệm Kitô giáo nói cho chúng ta biết rằng nó là một sự việc biến thành tai hại và gây rối rắm trong lòng chúng ta. Một điều bên trong chúng ta nói cho biết bằng tội lỗi ấy, chúng ta hành động ngược lại phán đoán tốt hơn của mình (vì thế, có dụng ý) và thuộc về ý nguyên của mình (vì thế, có tự do) lựa chọn một hướng sai lầm, quay mặt với tình yêu của Thiên Chúa. Chúng ta yếu đuối, nô lệ, bất lực tới một mức độ nào đó, mà tội lỗi thì ở đó.

434.4311

Không thể cắt nghĩa hoàn toàn được tội lỗi. Tội lỗi có tính cách nhận biết được bằng lí trí chỉ là một lối nói mâu thuẫn. Tội lỗi thì phi lí và mờ昧. Ta thắc mắc tự vấn mình: sao mà mình lại có thể làm điều ấy? Mình phải đừng làm điều ấy. Sự thiện thì dễ hiểu, trong trật tự, trong hài hòa với Thiên Chúa và loài người. Sự dữ thì vô trật tự. Nó là một lỗ hổng của trật tự chính đáng và là một nốt nhạc chệch choạc. Vì thế người ta không thể làm điều ác với đầy đủ am hiểu như làm điều thiện. Điều duy nhất chắc chắn tồn tại ở đó là “Tôi” đã phạm tội. Tội lỗi là một vòng vây mà ta không thể xung phá. Cách duy nhất để giải tỏa mình là tự thú ngay thật rằng: “Tôi đã có làm điều ấy”.

Bản thân tôi phạm tội. Nhưng không hoàn toàn tự mình tôi. Ở đây có sự truyền nhiễm từ tội lỗi của những người khác. Vấn đề này đã được cắt nghĩa trong chương về quyền năng của tội lỗi. Qua tội lỗi thế gian mà chúng ta bị đặt vào vị trí ảnh hưởng bởi sự dữ cũng như sự thiện do nhân loại làm. Tội lỗi của thế gian biểu lộ trong tội

lỗi của chính ta, nhưng nó cũng - giả dụ thật sự tội lỗi - là tội lỗi của cá nhân ta. (Chúng ta sẽ nêu ra lần nữa bí nhiệm của sự độc dữ trong chương cuối).

### *Tội nghiêm trọng và tội ít nghiêm trọng*

Có những cấp độ của trầm trọng và nghiêm trọng trong tội lỗi. Mức độ hiểu biết mình bạch và tự do nội tại có thể thay đổi từ giai đoạn này của cuộc đời tới giai đoạn khác, từ hoàn cảnh này tới hoàn cảnh kia, từ người này tới người nọ. Thêm nữa, các hành động tự chúng khác biệt nhau. Một cú đâm thì ít nghiêm trọng hơn giết người. Trong các thế kỷ đầu tiên không lập danh sách phân biệt tội nghiêm trọng và tội ít nghiêm trọng. Dĩ nhiên người ta thừa nhận có một số tội trầm trọng hơn các tội khác. Tội hội giáo (sùng bái ngẫu tượng), giết người và thông dâm (ngoại tình) bị luận giải là các vấn đề rất trầm trọng vì gương xấu công khai mà chúng đưa ra. Nhưng thời đó cũng rất ít có sự phân biệt rõ rệt giữa “tội lớn” và “tội nhỏ”. Vào các thế kỷ sau, để thuận tiện việc xưng tội, có soạn danh sách cho biết những tội phải xưng tội trước khi đi rước lễ. Chúng là những hành động mà tự thân chúng quá đối ngoảnh mặt với Thiên Chúa tới độ những người sai phạm bất xứng hiệp thông với Giáo Hội. Họ đoạn tuyệt nội tâm với Thiên Chúa. Họ đáng chịu nguyên rửa đời đời. Sự phân chia sắc bén giữa tội “chết” (mortalis) và tội “giảm khinh” (venialis) góp phần không nhỏ vào việc thẩm định giáo dục giáo dân và nâng cao đạo đức nhân loại. Nó là cách biểu lộ tính chất nghiêm trọng của tội lỗi, mà vốn đã có nói rõ trong Thánh Kinh.

503-504 Nhưng việc định nghĩa có tính cách phán quyết và quá cụ thể về tính cách khác biệt cũng có những bất lợi. Người ta có thể quá bận lòng với nó tới độ chú ý cố định và duy nhất vào hành động, trong khi lại quá ít lưu tâm tới thái độ của tâm hồn, mà như Đức Giêsu nói, vẫn là nơi xuất xứ thật sự của sự dữ (Mc. 7:14-23).

Bất lợi thứ hai của việc định nghĩa cụ thể là nó chủ yếu liên quan tới các hành động được nhìn trong biệt lập có thể mô tả hoặc kể lại được, trong khi lại càng ít chú ý hơn tới thái độ toàn bộ nội tâm được biểu lộ trong chuỗi hành động và toàn bộ cung cách sống. Thí dụ, bỏ lễ Chúa Nhật được liệt kê mà không nói gì tới sự thờ ơ nguội lạnh có thể là nguyên nhân hoặc hậu quả của việc bỏ lễ.

Điều ở đây muốn nói là, thật không dễ dàng nói cái gì là tội trầm trọng, cái gì là không. Có những hành động nhất định bên ngoài là những biểu hiệu rõ rệt cái sai lầm xấu xa nội tâm. Sự kiện Giáo Hội gọi một điều là tội chết có nghĩa giá trị có tính cách con người và kitô đang lâm nguy. Một số sự việc xấu rất rõ tới độ mọi người thấy ngay chúng là những lỗi lầm cách trầm trọng: giết người, thông dâm, báng bổ cố ý, để mặc người chết mà không gắng sức cứu, và vân vân. Nhưng dù thế, sự độc 739 dữ tùy thuộc cách căn bản vào thái độ nội tâm.

### *Trở mặt với Thiên Chúa*

Trong tội chết, thái độ nội tâm là ý muốn tuyệt giao với Thiên Chúa lúc anh chị em đồng đạo và lương tâm chúng ta gặp gỡ ngài. Nó là một tuyệt giao nghiêm trọng với Thiên Chúa, không chỉ là ghét bỏ ngài, mà còn từ

chối cái cốt tủy đối với sự trung tín và yêu thương. Một người chồng xúc phạm trầm trọng vợ mình không chỉ là ghét nàng mà còn bất trung với điều cốt tủy đối với tình yêu.

Chúng ta không nên suy nghĩ quá dễ dãi rằng điều này chỉ xảy ra trong trường hợp đặc biệt. Tội chết không phải chuyện thường. Nếu chúng ta bắt đầu biến những chuyện nhỏ nhặt thành các tội chết ta sẽ kết thúc bằng cách biến các tội chết thành những vấn đề nhỏ nhặt. Như Thánh Anphongsô Liguôri nói, nếu một con voi đi vào thì bạn lập tức để ý ngay. Tội trầm trọng thì không phạm cách sơ suất. Tuy nhiên cũng có thể xảy ra là chúng ta vì quá bận lòng bởi bức ảnh về sự trong suốt đức hạnh của mình tới độ không trông thấy sự tổn thương thật sự lớn lao do mình làm. Điều ấy xảy ra, chẳng hạn, khi chúng ta hầu như quá tỉ mỉ giữ các lề luật nhỏ đa dạng, nhưng vi phạm mệnh lệnh lớn lao nhất cho Kitô hữu là bác ái. Đức Giêsu gọi đó là gạn lọc con muối nhưng lại nuốt chửng con lạc đà (Mt. 23:24). Ta nên lắng lòng mình đọc Matthêu 25:31-46 là đoạn Đức Giêsu cho thấy điều ngài có trong tâm trí khi ngài nói những lời đó. 785-786

Giả dụ như một người sống trong tội trầm trọng, người ấy có phải là kẻ thù của Thiên Chúa và sẽ bị nguyên rửa nếu người ấy chết trong tội lỗi đó? Đúng, nếu người ấy kiên gan trong sự bất toàn ngang ngạnh và trong sự ghẻ lạnh hoàn toàn cố ý, thì ở trong trạng thái thù nghịch với Thiên Chúa. Và nếu người ấy cứ dai dẳng giữ thái độ này cho đến chết thì tình trạng cứng lòng hoặc ngoan cố vĩnh viễn ăn sâu vào, là hỏa ngục.

Nhưng ở đây, chúng ta cần nhớ lại điều đã nói phía trên, rằng trên hết, tội lỗi là một thái độ nội tâm. Hành động đưa ra trong biệt lập không nói hết mọi sự. Chúng ta có thể làm một điều kinh khiếp quá tồi tệ tới độ quả thật chúng ta coi nó là tội trọng, tuy nó không có tí nào phá vỡ sự trung thành nội tâm cả. Nhưng còn có thể rằng Thiên Chúa thấy là có nhiều tính chất thiện trong thái độ của chúng ta và rằng sự phán xét của ngài nhẹ hơn là của chúng ta.

Và dù một người quá cứng lòng trong sự dữ tới độ sống hoàn toàn trong trạng thái thù nghịch với Thiên Chúa và thật sự đáng bị nguyên rủa đời đời, thì người ấy còn sống là còn hi vọng. Người ấy trở mặt với ân sủng và sự thiện. Nhưng Thiên Chúa còn khao khát người ấy cải bỏ, trở lại, ăn năn. Ngài không bao giờ thôi đưa các cơ hội trở lại (x. Gr. 1:2-3). Do đó chúng tôi đề xuất không dùng chữ tội “chết”. Chết nghe quá sức giống định mệnh, bất trị. Chúng tôi đề nghị dùng chữ tội “trọng” như người ta nói về một bệnh nặng mà chưa chết dù có thể dẫn đến cái chết.

Tuy nhiên, tội trọng đặt bàn chân người ta lên con đường tới cứng đầu vĩnh viễn. Do đó, sống trong trạng thái thù nghịch với sự trọn lành của Thiên Chúa thì thật là điều khủng khiếp. Nó không được giải thể cách nhẹ nhàng. Đó là lý do Đức Giêsu thường lặp lại, như Giáo Hội của ngài lặp lại theo ngài: “Điều Ta nói với các ngươi Ta cũng nói với hết mọi người: Hãy tỉnh thức!” (Mc. 13:37).

## THA THỨ

Quyền năng tha thứ của Chúa được chính ngài ban cho Giáo Hội như một tặng phẩm Phục Sinh. Cả bốn sách Phúc âm đều mô tả, ngày Đức Giêsu sống lại, ngài đã thổi hơi lên các Tông đồ như thế nào và nói: “Hãy chịu lấy Thánh Thần. Các người tha tội cho ai, thì họ được tha; các người cầm giữ tội ai, thì tội họ bị cầm giữ” (Ga. 20:22-23). Đức Giêsu ở giữa chúng ta qua Thánh Thần. Sự tha thứ đến với chúng ta qua Thánh Linh. Phụng vụ lễ Hiện Xuống lại càng diễn tả điều ấy cách mạnh mẽ hơn khi nói: “Chính ngài là sự tha thứ mọi tội lỗi”.

Tặng phẩm của Thánh Linh và chính Thánh Linh đều luôn luôn có mặt. Sự tha thứ có mặt. Trọn cuộc đời chúng ta mang dấu ấn của sự tha thứ. Thật ra, toàn xã hội mang dấu ấn này. Tất cả chúng ta, Kitô hữu lẫn không Kitô hữu, quá quen thuộc với bầu khí tha thứ bắt nguồn từ phúc âm và Giáo Hội tới độ ta không nhận ra là không thể không có nó.

Chúng ta sống trong bầu khí nhân từ như thế nó là điều tự nhiên nhất thế gian vì Cựu Ước và Tân Ước kể cho chúng ta không biết bao nhiêu lần rằng Thiên Chúa khoan dung cách kì diệu cho cả tội lỗi tồi tệ nhất của chúng ta. Có thể trong các Kitô hữu Công giáo, ý thức về sự tha thứ này thâm nhập rất sâu sắc, sâu sắc tới độ nó trực tiếp đưa đến lí do của hiện tượng kém vui là, chúng ta không còn cảm thấy tính chất nghiêm trọng của sự dữ. Các Kitô hữu Tin Lành - cũng như người ngoài Kitô giáo - đôi khi có một cái nhìn nội tâm sâu xa hơn vào tính chất nghiêm trọng của tội lỗi và sự bất lực của mình trong

việc chữa trị nó. Cách tốt là chúng ta nên hoàn toàn nhận biết điều gì xảy ra lúc Thiên Chúa tha thứ cho chúng ta.

### *Sửa chữa sự thiệt hại*

Chúng ta tin rằng tội lỗi mình thật sự được tẩy sạch bởi công cuộc cứu độ của Đức Kitô. Tha thứ không có nghĩa chúng ta còn ở trong trạng thái tội lỗi mà vì thế Đức Kitô Thiên Chúa không ngó gì đến ta. Chúng ta được làm nên những con người mới.

Nhưng rồi phát sinh một câu hỏi là nhiều khi chúng ta được bỏ qua quá dễ dàng. Tội lỗi làm thiệt hại - cho chúng ta và những người khác. Hãy suy nghĩ về trường hợp một người hủy hoại cách không phục hồi được thanh danh của kẻ khác bằng cách tiết lộ những lỗi lầm của kẻ ấy. Giáo Hội tha thứ người đó, nhân danh Đức Kitô. Nhưng sự thiệt hại vẫn còn. Thanh danh bị hủy hoại. Hành động tội lỗi tiếp tục cuộc tàn phá của nó. Liệu chúng ta có thể nói là tội lỗi đã được tẩy sạch? Nó được tiêu hủy trong cốt tủy của nó là sự cứng lòng đối với Thiên Chúa và con người. Người phạm tội được trở lại với sự giúp đỡ của Thiên Chúa. Người đó thêm lần nữa được hướng về nẻo chính.

Đó cũng là bắt đầu loại trừ các hậu quả của tội lỗi.

391 Đầu tiên bởi ý nghĩ về sửa chữa, kèm theo ăn năn và tha thứ. Điều này có thể mang hình thức rất thực tế, như trong việc hoàn trả của người trộm. Nơi điều này bất khả thi, như trong tình huống đáng buồn của việc làm giảm uy tín, sự ăn năn cố gắng đền bù nó bằng cách này hoặc bằng cách khác, bằng hành động tốt lành nào đó. Trong truyền

thống tha thứ của Giáo Hội, những điều ấy được mô tả theo nhiều cách thức khác nhau: sửa chữa, hoàn trả, làm việc lành, làm việc thống hối, sự trừng phạt thế tục vì tội lỗi được chuộc lỗi bằng sự hối lỗi. Thời trước có thể thay vì ăn năn thì làm các việc lành hữu ích. Thay vì hành hương Giêrusalem, người sám hối làm một cây cầu cho người qua lại. Thời xưa hơn nữa có việc cởi bỏ cho người nào đó sự ăn năn thống hối bởi những khổ nạn tử đạo - một hình thức hoán đổi. Các tục lệ ấy đã xảy ra từ thuở đầu của sự tha 414 tội. Một việc lành có thể thay cho ăn năn thống hối, và về sau, thay cho “hình phạt thế tục của tội lỗi”, và sự sai biệt được bù đắp bởi “kho tàng công trạng của các thánh” mà Giáo Hội khẩn xin cầu bầu cùng Thiên Chúa. Yếu tố đức tin của giá trị thường trực đằng sau những tục lệ cổ xưa ấy là, Giáo Hội cố hết sức đưa ra hào phóng thỏa thuê có thể được từ kho tàng thứ tha của đức Kitô và chúng ta làm điều biểu hiện thiện chí của mình.

Hành động sửa chữa lớn lao chính là đời sống chúng ta cùng với chung cuộc của nó, tức là cái chết mà qua đó chúng ta “được thanh tẩy với sự thanh tẩy mà Đức Giêsu đã chịu thanh tẩy”. Phạm nhân trên thập giá bên cạnh 414-416 Đức Giêsu gỡ lại trọn vẹn sự sống của mình bằng cách ấy, qua ân sủng của Đức Kitô.

Điểm chủ yếu của trọn điều ấy là, chúng ta không nên quá dễ dãi tin rằng với sự tha thứ của Giáo Hội mọi sự lập tức (tự động) kết thúc và ổn thoả. Tha thứ không chỉ có nghĩa cất gánh nặng khỏi tâm trí ta, ta được chấp nhận trong ân sủng, mà còn có nghĩa được tham dự với Đức Giêsu trong cuộc chiến chống lại sự dữ do tội lỗi của chính ta và tội lỗi của người khác tạo nên.



Nhưng đồng thời, chúng ta nên trông thấy chân lý vĩ đại nhất trong tất cả: rằng bởi Đức Giêsu, sự thiện thì mạnh hơn sự dữ. Tha thứ - bao gồm những nỗ lực sửa sai của ta - là sự cứu độ, giải thoát, canh tân, sáng thế mới, cách chân chính. Nhưng điều ấy là một tăng trưởng kéo dài qua nhiều năm. Nó có thể là một loại tăng trưởng khác hơn chúng ta tưởng tượng. Có thể chúng ta thấy trước sự biến mất các đam mê của mình. Nhưng điều xảy đến trong thực tế có thể là sự tăng trưởng trong khiêm tốn và đức hạnh mà khi còn diễn ra sự điều chỉnh tâm trạng thì chính mình cũng không nhận ra được. Niềm xác tín rằng lòng tha thứ của Đức Giêsu khiến sự thiện mạnh hơn sự dữ sẽ ngăn cản chúng ta để cho đời mình oằn xuống bởi số nặng của tội lỗi và sai phạm. Phấn khởi, khiêm tốn, an tĩnh và quyết tâm mạnh mẽ, sẽ chiếm ưu thế khi chúng ta sống với và hành động với Thánh Linh Thiên Chúa, đáng là sự tha thứ mọi tội lỗi.

48.1

### *Giáo Hội là máng xối của tha thứ*

416

Giáo Hội là nơi Thiên Chúa ban sự tha thứ cho con người. Giáo Hội được ban cho đầy đủ quyền năng để tha thứ. Mọi sự hiệp nhất chúng ta chặt chẽ hơn với Giáo Hội, mọi sự qua đó được liên lạc cùng nhau hơn với người khác qua Thiên Chúa, là nguồn suối của tha thứ. Mọi nỗ lực của mình để sửa chữa thiệt hại, đã nói tới ở trên, làm chúng ta nên một hơn, và vì thế chúng là máng xối của tha thứ. Khi chồng và vợ, hoặc hai bạn đồng sự đền bù cho nhau thì Đức Giêsu ở giữa họ và tuôn tràn Thánh Linh của tha thứ, vì hành động ấy xây dựng sự hiệp thông của Giáo hội. (Chúng ta phải tin rằng cả nơi không biết

214

đến tên Đức Giêsu, sự hòa giải chân thành đưa đến một loại tình anh chị em trong Thánh Linh ngài). Việc hàn gắn những ràng buộc đứt đoạn có thể là một tiến trình nhiều công sức và gian nan. Nhưng bao giờ mà chưa có sự tha thứ giữa con người với nhau thì sự tha thứ phần Thiên Chúa không được biểu lộ. Đức Giêsu nói điều ấy trong Bài Giảng Trên Núi. Ngài dạy chúng ta bỏ lại lễ vật trước bàn thờ nếu chúng ta không hòa giải với người khác (Mt. 5:23-24). Và chúng ta khấn nguyện Chúa Cha trên trời tha tội cho chúng ta như chúng ta cũng tha kẻ có tội đối với chúng ta. Trong nghi thức ngắn về hòa giải mở đầu lễ Misa, chúng ta thừa nhận tội lỗi mình cách công khai và với nhau. Việc cùng nhau nghe phúc âm trong phụng vụ là máng xối của tha thứ. Việc tham dự vào Phép Thánh Thể, bí tích vĩ đại nhất của tình anh chị em, là rửa sạch tội lỗi cách rất tốt. Mà không phải ngẫu nhiên mà bí tích vỡ lòng vào sự hiệp thông của Giáo Hội là phép rửa tội cũng mang ý nghĩa và tác động rửa mọi tội lỗi.

416-418

### *Phép giải tội*

Nhưng biểu hiệu vĩ đại nhất của tha thứ trong cuộc sống Kitô hữu là phép giải tội. Phép giải tội không tách biệt khỏi sự hòa giải hỗ tương và những hành động tha thứ khác trong Giáo Hội. Nó là điểm tột cùng của các hành động ấy.

Nếu chúng ta hỏi tại sao thiết lập biểu hiệu này, câu trả lời là các bí tích đưa ra hình thức và sự diễn tả cho mọi người những thực tại lớn lao của cuộc sống con người:

ra đời, khôn lớn, kết hợp nam nữ, thiên hướng, ăn uống và bệnh hoạn. Tội lỗi là một thực tại khác thuộc về những thực tại lớn lao ấy. Và ở đây cũng thế, Chúa ban cho biểu hiệu sự hiện diện của ngài. Ngài sẵn lòng gặp gỡ chúng ta ở đó với quyền năng cứu độ của ngài. Lí do đầu tiên của phép giải tội là Chúa cho Giáo Hội nhân danh ngài mà tha các tội lỗi. Hạnh phúc thay, có phép giải tội cho chúng ta.

Thêm nữa, thật rất hợp lí là sự hòa giải với ngài phải đưa biểu lộ ra bên ngoài, khi chúng ta đền bù các lỗi lầm cho nhau. Mỗi khi chúng ta, bằng cách này hoặc cách khác, sa ngã trong việc sống theo đuổi sứ mệnh của mình trong cuộc sống, chúng ta cũng xúc phạm đáng tạo hóa và cứu độ. Do đó, thật hợp lí để thỉnh cầu và tiếp nhận cách rõ ràng sự tha thứ của ngài.

443-445

462-464

Một lí do khác của phép giải tội là qua đó chúng ta nhận biết mình bất lực trong việc sửa sai mối quan hệ với Thiên Chúa và đồng loại mà mình đã làm héo úa. Bản thân chúng ta chẳng làm được gì. Và vì thế, phép giải tội cũng là một biểu hiệu hiệu nghiệm quyền năng Thiên Chúa, khi ngài tha thứ tội lỗi và phục hồi cái đã tàn lụi.

Nó có nghĩa rằng mọi điều trên diễn ra qua các phương tiện của bí tích này của Giáo Hội. Tội trọng, trên hết, cũng là sự đứt đoạn với sự hiệp thông đầy ân sủng là Giáo Hội. Và tội ít trọng, ở bất cứ cấp độ nào, cũng tạo một tổn thất nào đó cho sự hiệp thông này bởi nó nằm chính trong khả thi của chúng ta và vì thế chúng ta làm cộng đoàn này bớt thánh thiện. Tha thứ có nghĩa khôi

phục sự hiệp nhất nội tại với sự hiệp thông đầy ân sủng này. Và đây là ý nghĩa sâu xa nhất của phép giải tội: <sup>755</sup> khôi phục việc hiệp nhất với sự hiệp thông của Thánh Linh là Giáo Hội.

Những lí do ấy của việc đi xưng tội thúc bách nhất khi chúng ta ý thức mình phạm tội trọng - một tội lỗi qua đó sự hiệp nhất với Giáo Hội và tình bằng hữu với Thiên <sup>596-597</sup> Chúa bị đoạn tuyệt tới độ ta có thể không còn được thông <sup>593-595</sup> phần. Ta chỉ có thể đi Rước Lễ Cực Thánh khi cử chỉ hòa giải được kết tình bằng việc xưng tội.

Do đó, trong sự tha thứ Kitô giáo, sự hiệp thông của Giáo Hội đóng vai trò không thể thiếu. Giáo Hội được ban cho quyền năng tha tội. “Người tha tội cho ai thì người <sup>426</sup> ấy được tha”. Qua ủy nhiệm này của Chúa, các Tông đồ và những người kế vị sở hữu đầy đủ cách đặc biệt Chúa Thánh Thần mà họ có thể tuôn đổ trên những người khác - không cho chính họ vì một linh mục không thể tha cho tội lỗi của mình. Các thừa tác viên của bí tích này là giám mục và linh mục.

### *Các hình thức lịch sử của bí tích thống hối* <sup>743</sup>

Theo diễn biến lịch sử, bí tích thống hối diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Đó là bằng chứng rõ rệt Đức Kitô không diễn tả chi tiết các bí tích nhưng để Giáo Hội đưa các biểu hiệu của ngài ra bằng những hình thức khác biệt tùy hoàn cảnh và nhu cầu của tín hữu.

Trong các thế kỉ Kitô giáo đầu tiên, bí tích này ít được hành xử thường xuyên và theo những điều kiện nghiêm khắc hơn nhiều. Nó dự trù cho ba xúc phạm: bội

giáo hoặc thờ ngẫu tượng, giết người và thông dâm (tội trộm về sau mới được thêm vào), nếu chúng được biết tới công khai và vì thế là gương xấu nghiêm trọng và lớn lao. Các tội khác được tha thứ qua hòa giải song phương, cầu nguyện, ăn năn riêng, làm việc lành, vân vân. Nhưng một Kitô hữu phạm công khai một trong các tội kể trên thì phải xưng tội ấy với giám mục và chính thức bị liệt vào hạng người thống hối. Người ấy phải thực hiện việc thống hối công khai và không được thừa nhận cho thông phần vào Phép Thánh Thể. Việc tha tội được ban vào Thứ Năm Tuần Thánh. (Như thế việc thống hối nằm trước việc tha tội). Bí tích này được hành xử một lần duy nhất trong suốt đời người thống hối. Trường hợp tái phạm, thì bị cho rằng việc cải biến lần đầu là không chân thành. Sau khi thống hối và tha tội, vẫn còn có nghĩa vụ phải thực hiện một việc đền tội nào đó.

Tục lệ này gia tăng, khoảng năm 600 sau C.N., dưới ảnh hưởng của chế độ tu trì ở Phương Đông và Ái Nhĩ Lan, và cũng của việc xưng các tội bí mật. Tại các cuộc xưng tội ấy, việc tha tội được ban cho tức khắc sau khi xưng tội cách riêng tư và không công khai, và không giới hạn vào ngày nào trong năm. Việc đền tội - mà ngày nay diễn ra sau khi tha tội - cũng đã thôi công khai, được thực hiện riêng tư. Bây giờ, bí tích này đã được nhận nhiều lần suốt đời. Hình thức “hiện đại” của bí tích thống hối này là tái tuyên bố chân lí nền tảng Kitô giáo rằng tất cả chúng ta đều là người tội lỗi, không chỉ riêng những kẻ giết người, thông dâm mới có tội. Tiến triển này được lập thành tại nơi và tại lúc nó biểu lộ. Đó là hình thức ngày nay ta vẫn tiếp nhận tặng phẩm tái sinh của Đức Kitô qua Giáo Hội.

### *Việc thường xuyên xưng tội*

Dường như có nhiều cơ hội phụng vụ riêng tư và thích hợp cho việc tiếp nhận bí tích này: lễ Phục Sinh và Giáng Sinh, trước hôn lễ hoặc các nghi lễ khác, hoặc vào dịp đảm trách một sứ mệnh nào đó. (Việc xây dựng các nhà thờ chính tòa vĩ đại nào đó với sự đồng ý là các công nhân nên ở trong trạng thái ân sủng. Có nên như thế chẳng nếu khi chúng ta cùng nhau thành lập một cộng đoàn, hiệp hội?). Trên hết, việc xưng tội có sẵn cho bất cứ lúc nào chúng ta ý thức sâu sắc tội lỗi mình, một cuộc xưng tội chân thành, khó khăn nhưng giải thoát - kết hợp với nỗ lực đền bù thiệt hại ta đã gây ra - là biểu hiệu bảo đảm nhất cho lòng ăn năn của chúng ta và sự tha thứ của Thiên Chúa. Giáo Hội cho rằng một Kitô hữu phạm tội trọng không được thông phần (chia sẻ sự hiệp thông với Đức Kitô và Giáo Hội) trước khi đi xưng tội. Việc xưng tội đòi hỏi ở chỗ bắt đầu cải biến cả trong lòng lẫn bên ngoài vì hòa giải với Giáo Hội và Đức Kitô. Việc này nhất thiết phải được thực hiện bằng biểu hiệu của Giáo Hội Đức Kitô.

Một số Kitô hữu có thói quen thường xuyên nhận bí tích này. Thật không đáng khích lệ nếu đó là kết quả của lo âu khắc khoải. Nhưng nếu vì khao khát được gặp Đức Kitô, là Chúa, đáng tha tội, thì việc xưng tội thường xuyên có thể là một thực hành rất có tinh thần phúc âm. Nhưng không nên thúc ép các cá nhân và dòng tu phải chấp hành thói quen đó, đặc biệt ngày nay khi chúng ta hiểu rõ hơn các kiểu thức của sự tha thứ trong Giáo Hội.

### *Phụng vụ của bí tích thống hối*

Có ba thành tố trong bí tích thống hối: ăn năn xưng tội, tha tội và đền tội. Hình thức này cho phép những ứng biến rộng rãi.

Có thể xưng tội lỗi của ta lúc tập hợp có tính cách phụng vụ tập thể, và thời nay, hình thức này trở thành rất phổ biến. Nó có lợi điểm là việc cùng nhau chuẩn bị có thể giúp người ta thoát khỏi quan điểm quá chật hẹp và sai lầm về tội lỗi, mà ta có thể mang theo rất nặng từ thời thơ ấu. Nó cũng có thể dùng để nói đến các tội lỗi dường như khó nói hơn khi xưng tội riêng tư - tức là khuyết điểm chung của chúng ta trong sự khốn khổ vô lượng và hứa làm sức mình để sửa sai. Nếu thực hiện hình thức thống hối này thì có thể kết thúc với lời cầu xin tha tội do linh mục thốt lên trên giáo đoàn. Nhưng nên tổ chức cho tín hữu xưng tội riêng với linh mục trong nhà thờ và nhận từ linh mục sự tha tội có tính cách bí tích.

Nghi thức thống hối này thì khác hẳn hình thức cuộc xưng tội diễn ra khi nó gồm một cuộc trò chuyện lâu trong chỗ riêng tư nơi căn phòng bình thường. Nó tiếp theo bởi việc đặt ra đền tội và đọc lời tha tội nhân danh Đức Kitô.

Cho tới hôm nay, hình thức phổ biến nhất của xưng tội là cái giữa hai thái cực trên. Bao gồm sửa soạn và xưng tội riêng tư, tiếp theo là lời nói ngắn của linh mục và tha tội, (tất cả đều thực hiện ở tòa giải tội trong nhà thờ). Sau đây, chúng ta sẽ luận giải việc xưng tội, đền tội và tha tội theo ba đề mục riêng biệt.

### *Xưng tội*

Chúng ta xưng tội mình với linh mục. Việc này không dễ. Xưng tội là một trong ít sự việc trên đời chúng ta có thể coi người khác làm mà bất chước. Nhiều người trong chúng ta giữ cách thức mình học lúc còn bé là kể một danh sách dài các sai phạm tách rời nhau. Cách tốt là đề cập đến một thái độ lỗi lầm căn bản nào đó, và một hoặc hơn các lỗi lầm nổi bật có tính nguyên tắc. Cuộc xưng tội sẽ không hoàn tất nếu nó bị giới hạn bằng lời, “Con có phạm tội”. Vì tính chất chính trực của việc xưng tội, phải đề cập đến sự dữ cá nhân của riêng mình.

Lí do của việc thú tội này là gì? Tại sao không chỉ cầu nguyện với Thiên Chúa trong thầm thì của tâm hồn mình? Lí do là chúng ta được hòa giải với ngài bằng phương tiện hòa giải với Giáo Hội, nguồn suối của thứ tha. Quả thật Chúa chúng ta giao phó quyền năng tha tội của ngài cho hàng giáo phẩm của Giáo Hội. Và quả thật nó cũng là khát vọng sâu xa của loài người muốn xưng ra tính cách tội lỗi, ghê tởm và gớm guốc của mình như thế nó có thể nhận ra sứ mệnh của mình. Việc xưng các tội lỗi thì không mâu thuẫn với hoàn cảnh của người phạm tội, trái lại rất thích hợp.

Lúc xưng tội, không nhất thiết phải đề cập tới mọi tội lỗi. Nhưng phải đề cập tới từng tội trọng. Thực hiện điều này bằng lối nói tổng quát mà không đi vào diễn tả chi tiết. Đôi khi thật khó nói điều ta muốn xưng ra. Nhưng nếu ta thành thật nói với người giải tội rằng ta không thể tìm lời chính xác thì tức là ta đã khởi sự thú tội. Lúc ấy, nó dễ chuyển thành lời hơn ta tưởng.



Người giải tội không ở đó để thụ động nghe. Trong ý nghĩa nhất định, người ấy có chức năng phán quyết. Hết sức có thể được, không nên giải tội bằng việc đặt các câu hỏi vượt quá điều người xưng tội muốn thú tội. Vấn đề ấy phải do chính người xưng tội quyết định. Nhưng người giải tội có cơ hội điều chỉnh các quan điểm sai lạc, giả dụ, nó xuất hiện tới đó người xưng tội tin là chỉ quan tâm tới Thiên Chúa bằng việc giữ mình trong trắng và kiêng thịt ngày Thứ Sáu. Lúc ấy, người giải tội có thể kêu gọi người xưng tội chú ý tới những đòi hỏi về bác ái theo tinh thần phúc âm, sự giúp đỡ và cầu nguyện. Việc này có thể giải thoát. Chúng ta không nên dễ dàng mãn nguyện với một người giải tội và nên chịu khó cho tới khi tìm được vị thích hợp cho chúng ta.

### *Việc đền tội*

Sau khi nghe tội lỗi của người xưng tội, người giải tội đưa ra việc đền tội. Trong niềm xác tín vào ân sủng tràn ngập của Đức Giêsu, việc đền tội thông thường là nhỏ, không có tính cách tử lệ. Đức Giêsu bù đắp cho các tội lỗi của chúng ta. (Chúng ta đã nói về việc bồi hoàn cho các thiệt hại gây ra). Tuy thế việc đền tội không nên quá ít ỏi tới độ khô hải. Ba Kinh Kính Mừng Maria dường như khó mà thích hợp. Nếu người sám hối xưng việc nói xấu người bên cạnh mình, người đó nên được bảo phải làm điều gì đó để điều chỉnh ấn tượng ấy. Nếu người đó kín đáo bất trung với lời thề hôn nhân, người đó nên được bảo là tìm cách nào đó để sống đặc biệt tốt lành với người phối ngẫu của mình. Một việc đền tội khả dĩ có thể là đọc một đoạn Kinh Thánh thích ứng với tội xưng (chẳng

hận Bài Giảng Trên Núi). Đôi khi người giải tội cảm thấy chẳng cần đặt thêm các câu hỏi và nói rất ít. Lúc ấy, việc xưng tội có vẻ rất sơ sài, nhưng có thể qua đó đủ đáp ứng với sự hèn mọn của cuộc sống tầm thường và tội lỗi của chúng ta. Tuy nhiên, thật sai lầm nếu người giải tội dùng đó như một tiêu chuẩn, lại càng nếu như coi đó một cách lí tưởng. Việc giải tội không bao giờ nên trở thành có tính cách thông lệ.

601-603

### *Tha tội*

Tha tội, sự tha thứ các tội lỗi, được linh mục ban với lời, “Ta tha tội cho con, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần” Điều này phát xuất từ việc hành xử trực tiếp quyền năng được ban cho bởi lời “Các người tha tội cho ai, thì tội họ được tha; các người cầm giữ tội ai, thì tội họ bị cầm giữ”. Do đó linh mục nói cách thẩm quyền, “Ta tha tội cho con” Đây rõ rệt là một quyền năng không ai tự bản thân mình mà có mà là Thánh Thần Thiên Chúa trong người ấy.

626-627  
7548

### *Ăn năn*

Trọn nghi lễ xưng tội là vô nghĩa khi không có ăn năn, khi không có cải biến bên trong. Vì Đức Kitô, chúng ta hối hận tội lỗi mình. Ăn năn hoặc hối lỗi thì hơn cảm giác buồn nản có tính cách đạo đức, hơn sợ hãi, hối hận hoặc kinh tởm, hơn cảm giác về việc đã làm điều ti tiện. Tôi xâm phạm điều không hoàn toàn là của tôi. Tôi xúc phạm đến một kẻ - Thiên Chúa - đáng thương yêu tôi. Người ta có thể hối tiếc mà không đức tin. Nhưng ăn năn

đòi hỏi đức tin. Ăn năn bao gồm tin cậy vào sự tha tội, nhận ra lòng nhân từ của Thiên Chúa, và khao khát được hòa giải qua các biểu hiệu của Giáo Hội của Thiên Chúa.

Cuộc chiến đấu của chúng ta chống lại tội lỗi có thể có vẻ tiếp diễn vô ích. Nhưng điều ấy không chứng tỏ rằng sự ăn năn của chúng ta không chân thành. Có thể có một tiến trình dài vươn lên trước mặt chúng ta, vươn lên hướng đến giờ ân sủng, vươn lên hướng đến các đức hạnh khác còn hơn chúng ta cầu xin. Trong tất cả những sa ngã của mình, chúng ta cần nhớ rằng Chúa của chúng ta không hề gây một cây sậy bầm dập hoặc dập tắt một ngọn đèn đang leo lét cháy. Ngài đã nói về quyền năng của sự thiện mà ngài thực hiện trên sự dữ khi ngài dùng bữa tại nhà của Simon, người Biệt phái: “Có người Biệt phái kia mời Ngài tới dùng bữa với mình. Ngài vào nhà người Biệt phái, và lên giường ăn. Và này: một phụ nữ, một người tội lỗi trong châu thành. Biết Ngài dùng bữa tại nhà người Biệt phái, bà xách theo một bình bạch ngọc đựng dầu thơm. Đứng phía sau đằng chân Ngài, bà khóc nước mắt, sa nước mắt đầm ướt chân Ngài. Xoa tóc trên đầu, bà cố lau sạch. Và tha thiết hôn chân Ngài và xức dầu thơm. Thấy vậy người Biệt phái đã mời Ngài, tự nói với mình: ‘Ông này, nếu quả thật là tiên tri, ắt đã biết người đàn bà rờ đến mình kia là ai, và thuộc hạng nào chứ: một đứa tội lỗi!’” Đáp lại, Đức Giêsu nói cùng ông: “Simon, tôi có điều muốn nói với ông”. Ông đáp: “Thưa Thầy, xin cứ nói”. - “Hai người mắc nợ với một chủ kia; một người mắc năm trăm đồng quan, một người mắc năm mươi. Bởi họ không có gì mà trả nợ, nên ông đã tha bổng cho cả hai. Vậy trong hai người ấy, ai sẽ cảm mến ông

hơn?’ Đáp lại, Simon nói: ‘Tôi thiết tưởng là người đã được ông tha bổng nhiều hơn’. Và Ngài nói với ông: ‘Ông đã xét cách chí lý’. Quay lại phía người phụ nữ, Ngài nói với Simon: ‘Ông thấy người phụ nữ này chứ? Tôi vào nhà ông, ông không dội nước chân tôi; còn bà ấy lấy nước mắt mà tưới đầm chân tôi; rồi lấy tóc mình mà lau sạch. Ông không hôn chào tôi; còn bà ấy, từ lúc vào, không ngớt tha thiết hôn chân tôi. Đầu tôi một chút dầu ông cũng không xức; còn bà ấy lấy thuốc thơm mà xức chân tôi. Nhân vì thế, tôi bảo ông: Các tội của bà, các tội lỗi nhiều đó, quả đã được tha rồi vì bà đã cảm mến nhiều. Ai được tha ít, cảm mến ít!’ Rồi Ngài nói với bà kia: ‘Tội lỗi của người đã được tha!’ Các kẻ đồng bàn mới nghĩ trong lòng: ‘Ông này là ai mà dám tha tội?’ Nhưng Ngài nói cùng người phụ nữ: ‘Lòng tin của người đã cứu chữa người. Hãy đi bằng yên!’” (Lc. 7:36-50).

**PHẦN THỨ NĂM**  
**ĐƯỜNG VỀ CHUNG CUỘC**

## TỐI HẬU

### *Hi vọng không tắt*

**T**rong cuộc đời mình, không ai từng tìm thấy hoặc cho đi đầy đủ tình yêu, chân lí, cái đẹp, sự thiện và hân hoan. Chúng ta luôn luôn sống cho một “ngày mai tươi sáng” hơn. Con người không an thường thủ phận. Đó là nỗi thúc bách sâu xa của toàn bộ cuộc sống và tiến bộ. Người ta sống cho cái tối hậu.

Sự hiện hữu của hi vọng là một kì diệu. Kì diệu tới độ chúng ta hi vọng một nhân loại nhân đạo, một trạng thái hạnh phúc, một tương lai tươi sáng hơn bất cứ mức độ nào. Vì quả thật một thực tại sau cùng đang lơ lửng hiện ra cho mọi người, không xót thương, là cái trống rỗng của sự chết. Tuy nhiên, trọn cuộc sống con người, cả của những người không tin vào đời sau và giảm thiểu cách lí thuyết niềm hi vọng thành nỗi kinh hãi, đều bị thâm nhập bởi ý niệm về tiến bộ và hi vọng. Cuộc sống thì mãnh liệt hơn lí thuyết. Bản tính loài người có một trực giác vốn không chịu lạnh, và chúng ta tìm thấy nó chính trong hành động nhiều hơn trong ý nghĩ.

Trong khi đó, chúng ta như thể bị tràn ngập bởi cái chết chắc chắn và không chút mủi lòng. Cuộc sống dọn

sẵn cho chúng ta từng phần của sự chết. Một thất vọng cay đắng, một tình cảm bị nguội lạnh, cô đơn, bệnh hoạn, tính chất mong manh của thể xác - tất cả đều là những điềm báo, những ngọn gió đầu hù phát xuất từ cơn bão của sự chết, tựa tờ trời thảng Bầy là dấu hiệu đầu thu.

### *Buổi tối của cuộc đời*

Tuổi già là dấu hiệu rõ rệt nhất của cái chết. Cuộc đời chúng ta đến giai đoạn đi xuống cách kinh hoàng. Bất đầu hướng về sự tàn tạ chung cuộc - trong đầu óc và cả những giao du. Chúng ta bỏ dở nhiều việc. Sự chung cuộc lơ lửng trên chúng ta trước khi chúng ta nếm cho tràn đầy hương vị cuộc đời. Thực tế, nó ở đó ngay khi chúng ta bất đầu hiểu cuộc đời và sống như đời là một toàn bộ, sống lao vào tận cùng đời sống tới độ tự thấy mình đứng bên lề cuộc đời.

<sup>671</sup> Buổi tối của cuộc đời là một trong những sứ mệnh lớn lao đặt ra cho loài người. “Sự chín muồi là tất cả” (Xéch-spia). Tuy không luôn luôn xảy ra nhưng đôi khi người già được chính tuổi tác mình giúp đỡ mà tự vứt bỏ được mọi cuồng tín, mọi nô lệ vào các hệ tư tưởng, các nhóm khép kín, và hướng trí óc lẫn tâm hồn cách sâu sắc vào con người như nhất từ đầu chí cuối. Họ nhìn Đức Kitô như đáng cứu độ ra đời giúp con người trong tình trạng không tự lực được của nó, hơn là “một ý thức hệ chủ đạo”. Họ thấy ngài là đáng cứu độ qua tình yêu. Ở đây có sự ấm áp và chín chắn mà đôi khi so với những người khác, người già qua đó có thể cho sức mạnh và hi vọng hơn. Khi người già Gioan XXIII được chọn làm Đức Thánh Cha

thì có tiếng xì xào thất vọng; ngay sau đó im hẳn vì nỗi hân hoan mà nhân vật nhân bản chân chính này lan truyền.

Thông thường, sự vĩ đại của tuổi già chỉ đóng được vai trò của nó qua những điều chỉnh và những khởi sự, giữa những lo âu phiền muộn và mất nghị lực mà tuổi già mang theo với nó. Và chỉ có thể trở nên vĩ đại khi ta biết tìm thấy nỗi hân hoan của ta trong nỗi hân hoan của những người khác. Những người sẽ tiếp tục sống, lúc này trở thành quá nhiều cách thức mà trong họ nỗi hân hoan và hạnh phúc của ta toả sáng. Ta, kẻ sống ở giai đoạn già, đang vượt trội hơn mình, nghĩa là đang trở nên vĩ đại. (Giá như có dùng chút nào từ ngữ “hóa thân”, thì nên dùng nó cho sự đầy tràn sự sống, sự hằng sống trong người khác này). Người già không tự đẩy mình lên đứng ở hàng đầu, nhưng vẫn còn là nguồn sống của hân hoan. Tuổi tác đó chứa đựng nhiều ân sủng này dường như là một dấu chỉ rằng cuộc sống, sau khi chết, không chấm dứt trong lạnh lẽo hư không, mà tiếp tục tuôn trào thành một ấm cúng và yêu thương lớn lao.

### *Bệnh hoạn*

Bệnh hoạn là một tấn kích dữ dội của cuộc đời. Khi đau ốm, chúng ta cảm giác mình mất chỗ dựa vào cuộc đời. Mọi điều làm thành sự sống, là những giao tiếp với loài người và vạn vật, dường như đang bị phân hủy. Dường như mất luôn sự giao tiếp với Thiên Chúa. Khái niệm của chúng ta về Thiên Chúa cũng bị lệ thuộc vào thực trạng sức khoẻ hàng ngày. Lúc này khái niệm ấy biến mất và ngài cũng dường như biến mất với nó. Chúng ta



cảm thấy bị bỏ rơi. Chúng ta bị bỏ lại đơn độc, mưu tìm sinh lực bằng đức tin thuần khiết và kiên định của mình.

Nhưng đôi khi bệnh hoạn cũng có thể có ý nghĩa một viễn thị mới về loài người và vạn vật, một tương quan mới với Thiên Chúa, vào những phút giây ta bị thúc bách rời bỏ tâm điểm của mọi sự để bám chặt sự sống tại khu vực bên rìa của nó.

Thăm viếng người bệnh là bốn phận thường bị coi nhẹ. Có thể có một cái gì đó trong mình làm chúng ta chùn chân sợ hãi. Phúc âm hoan nghênh và đánh giá cao bốn phận này (Mt. 25:36-43) tới độ nhấn mạnh rằng chúng ta thực tế sẽ chẳng có công trạng gì nếu bỏ qua việc thăm viếng người bạn bị bệnh hoặc quá ít viếng thăm.

Sẽ là một kinh nghiệm rất đặc biệt cho mỗi chúng ta lúc biết vào một khoảnh khắc đã định, là bệnh hoạn mà mình đang chịu có thể làm tính mạng mình lâm nguy.

### *Xức dầu kẻ liệt*

424 Cũng giống những phút giây lớn lao khác của cuộc đời đều được thánh hóa bởi Đức Kitô và qua các bí tích của ngài, có một bí tích dành cho người tính mạng lâm nguy vì bệnh hoạn. Đó là bí tích **Xức dầu** lúc sau cùng hoặc **Xức dầu kẻ liệt**. Trước lúc ấy, việc này thường bị trì hoãn vì sợ làm người bệnh sợ hãi. Nhưng cử hành xúc dầu kẻ liệt không có nghĩa cái chết nhất định xảy đến ngay. Nó có nghĩa có khả năng chết, có lẽ chỉ vì mong manh quá. Lúc nhận bí tích này kẻ liệt thường thật sự nếm trải một sự hồi phục sức mạnh. Cùng việc chuẩn bị sự chết, bí tích này trên thực tế có thể chuẩn bị sự sống.

Nhưng dù người bệnh chưa đến giai đoạn hấp hối ta cũng không nên trì hoãn quá lâu. Thường là ân phúc lớn lao nếu người bệnh có thể tiếp nhận bí tích này khi trí óc còn sáng suốt và đầy đủ ý thức. Người ấy sau đó thường nếm trải sự an tĩnh và an ủi lớn lao. Bí tích này rõ ràng nên cử hành với sự có mặt những người trong nhà và các phần tử của gia đình, càng đông càng tốt.

Trong thư gửi tín hữu của Thánh Giacôbê có dấu chỉ bí tích này lúc chúng ta đọc thấy: “Ai trong anh em phải yếu liệt, hãy mời các vị niên trưởng của Hội Thánh; họ hãy cầu nguyện trên người ấy, sau khi đã xức dầu cho nhân Danh Chúa. Và lời khẩn cầu do tự lòng tin sẽ cứu người liệt, và Chúa sẽ cho hồi phục, và nếu người ấy đã phạm tội, thì cũng sẽ được tha. Vậy anh em hãy xưng thú tội lỗi với nhau, và hãy cầu nguyện cho nhau, ngõ hầu anh em được chữa lành” (Gc. 5:14-16). Nghi thức của biểu <sup>426</sup>hiệu thiêng liêng này rất giản dị. Linh mục xức dầu mi mắt, tai, mũi, miệng, môi, bàn tay, bàn chân (hoặc chỉ xức trán trong trường hợp cần thiết), đọc mỗi nơi xức: “Nhờ phép xức dầu thánh này và nhờ lòng khoan dung nhân hậu của Chúa, xin Chúa tha thứ mọi lỗi lầm mà con phạm bởi mắt (tai, mũi, miệng, tay và chân)”. Dầu thánh dùng ở đây là dầu được làm phép để dùng cho bệnh nhân.

Gia đình nên chuẩn bị bàn, hoặc một góc bàn đặt trong phòng bệnh, phủ khăn trắng, trên để thánh giá và hai cây nến thấp sáng. Để sẵn một chén nhỏ nước thánh và cái rây nước thánh (thí dụ một đầu nhánh cây nhỏ), và thêm một chén nhỏ nước lã. Còn lại, linh mục sẽ mang tới.

Phép xức dầu là một bí tích chỉ dành cho người bệnh. Không ban cho khi một người vì những lý do khác mà lâm

nguy tính mạng hoặc đối diện với cái chết, thí dụ bị xử tử. (Trong các trường hợp ấy, biểu hiệu được Chúa ban cho là xưng tội và rước lễ).

Giống như mọi bí tích khác, phép xúc dầu kẻ liệt được qui hướng tới việc tiếp nhận Phép Thánh Thể. Do đó, sau khi xúc dầu, người bệnh được Rước Lễ Cực Thánh. Trong lúc người bệnh chịu Mình Thánh Chúa tại nhà, người nhà có thể được thì nên có mặt đông đủ nhất. Rước lễ sau cùng của đời người này được gọi là viaticum “của ăn đàng”.

300.302  
411 413

## *Chết*

Người hấp hối không để lại những gì quý báu cho những người chung quanh mình hơn là dấu hiệu của thương yêu và các dấu hiệu hi vọng của mình. Và bằng chứng yêu thương và hi vọng cũng là điều sau chót gia đình và bằng hữu có thể trao cho người hấp hối. Đôi khi họ có thể biểu lộ điều ấy bằng lời nói, và vào những lần khác chỉ bằng sự hiện diện thủy chung của mình. Khi giờ chết tới, cả nhà có thể đọc các đoạn của “Kính cầu cho người lâm chung”. Có thể mời linh mục cùng đọc. Khi người hấp hối thở hắt, thì đọc đến phần cuối của lời cầu đó: “Xin hãy đến, hỡi những đáng thánh thiện của Thiên Chúa, hỡi những thiên thần của Thiên Chúa, xin hãy đến hiệp cùng người này. Xin hãy nắm giữ người này và mang người này tới trước Đấng Tối cao”. Với ý nguyện đầy hi vọng ấy, các Kitô hữu già biệt người từ trần. Con người trần thế mà chúng ta biết và yêu thương này không còn xúc động, nói hoặc hiện hữu nữa. Xương cốt còn chuyển trong ít lâu nhưng đó chỉ là hình thức bên ngoài, bên trong

trống rỗng. Con người trở về với đất như lá mùa thu hoặc một thú vật. Đây là một mẫu nhiệm không chịu đựng nổi, mà chúng ta cũng chẳng thể thăm dò. Cái chết không ở trong bản tính của con người.

Chết thì triệt để. Không chỉ tay, chân, thân mình và đầu là chết. Toàn bộ con người trần thế chết. Ở đây, những kẻ phủ nhận sự bất tử có lí. Chết là sự kết thúc toàn bộ một con người mà chúng ta quen biết. Tâm hồn chúng ta bảo tồn kính khi đứng trước một người chết. Kể cả người theo chủ nghĩa Mác, kẻ tin rằng tình thần chỉ là một sản phẩm phụ của thể xác, cũng không vui đập vùi vàng người đã chết, mà tôn trọng. Tâm hồn con người đầy ắp nỗi kinh sợ trước cửa vào tối om đó - như trước một mẫu nhiệm. Đây là trực giác sâu xa về nhân loại như một toàn bộ.

### *Kinh Thánh và quyền năng của Chúa*

Khi chúng ta bắt đầu, tại đây, công bố tin mừng mà Đức Kitô mang đến về sự mẫu nhiệm này, chúng ta nêu một vấn nạn rất con người. Có phải chẳng có gì của con người tồn tại? Có phải người chết hoàn toàn biến mất? Có phải lúc chết, tình yêu và sự sáng suốt hoàn toàn bị tiêu tan? - Không; sự ấm áp và sự sáng mà một con người gieo truyền tiếp tục sống trong những người khác. Tính sáng thế nhất trong mọi sự là sự ảnh hưởng của một cuộc sống đức hạnh. Và nó tiếp tục trong nhân loại dù lúc kìm ức về tên tuổi và về người đó bị mất. Việc thiện mà một người làm thuở xưa cho bà nội của đứa cháu có thể là một trong những thành tố nắn đúc nên cuộc đời đứa cháu.

Sự sáng suốt và tình cảm của hàng ngàn người từ lâu khuất núi tiếp tục sống hôm nay. Người chết vẫn ở giữa chúng ta.

Nhưng có chắc đó chính là người ấy không? Có lẽ họ tiếp tục sống theo cách cá nhân hơn là chúng ta thường tưởng. Sau cùng, cái gì của con người thì hơn sự ấm áp của tình yêu và sự sáng suốt của trí tuệ người đó?

Việc này được xác minh độc đáo bằng cuộc đời của Đức Giêsu Nagiarét. Từ khi ngài chết và được mai táng, 325-328  
tinh thần của ngài không bao giờ thôi năng động. Ngược lại, ngài còn lay động lương tâm nhân loại và đổi mới cuộc đời của họ bằng tình yêu, lời nói và quyền năng của ngài. Ngài có ảnh hưởng sâu xa trên loài người hơn bất cứ người nào còn sống hôm nay. Dường như cái chết của ngài chẳng quan trọng gì. Trong khi ngay chúng ta thường khó nhớ tên ông cố ông sơ của mình thì Đức Giêsu hiện hữu như một người đang sống.

Cũng có thể nói rằng không quan trọng gì ảnh hưởng "cá nhân" của một người đã chết và đã ra đi, vì nó không còn là bản thân người đó. Có chắc là cái bản ngã, con người, đã biến mất? Trước hết, chúng ta hãy thêm lần nữa suy niệm về Đức Kitô. Ngài không chỉ được ngưỡng mộ và hồi tưởng từ xa, như họa sĩ Rembrandt hoặc nữ bác học Marie Curie. Ngài được nói tới với thương yêu. 253-254  
567-569  
Khi chúng ta nhớ đến ngài bằng phụng vụ, ngài ở giữa chúng ta. Chúng ta nhận ra là ngài sống, và sống trong ý nghĩa chân chính nhất của từ ngữ ấy. Ngài rõ rệt ảnh hưởng quá đồi sâu xa và kì diệu lên nhân loại vì bản thân ngài hiện diện qua Thánh Linh ngài. Ngài ở với chúng ta, để cổ vũ, củng cố và an ủi.

Niềm tin vào sự sống lại của Đức Giêsu là tâm điểm của phúc âm, và được công bố trong cuốn sách giáo lý này. Chẳng ai tin vào tin mừng mà lại có thể nói rằng không từng có người nào về từ cõi chết. Chúng ta tin rằng Chúa biểu lộ chính ngài sau cái chết của ngài. Ở giữa mầu nhiệm của sự phân hủy là cái chết, Thiên Chúa xuất hiện. Đây là nền tảng trên đó xây lên niềm hi vọng của chúng ta: sự sống thì mạnh hơn sự chết. Và điều này không chỉ đúng cho Đức Giêsu, kẻ đầu lòng từ người chết, mà còn đúng cho những ai ngài biết họ là của ngài. Họ sẽ đi theo ngài. Con người không được dựng nên để mất tiêu như loài thú. 352-353

Thực tại ấy, được phô bày bằng quyền năng qua sự sống lại của Đức Giêsu, cũng được khẳng định dứt khoát bằng lời nói của ngài. Trả lời những người Sadóc phủ nhận sự sống lại, ngài đưa ra lí lẽ trong đó thể hiện những chân lí sâu xa nhất của Kinh Thánh. Có thể mất hàng năm chúng ta mới hiểu trọn ý nghĩa trọng đại của lời đó, nhưng tới lúc ấy, hốt nhiên chúng ta nhận biết chân lí lớn lao này.

“Còn về sự kẻ chết sống lại, các ông không đọc lời Thiên Chúa đã phán cùng các ông sao? ‘Ta là Thiên Chúa của Abraham, Thiên Chúa của Isaac và Thiên Chúa của Giacóp! Người không phải là Thiên Chúa của kẻ chết, mà là các người sống!’” (Mt. 22: 21-23). Trong lời đó, Chúa nhắc lại giao ước được lập bởi cá nhân Thiên Chúa với chúng ta. Nếu Thiên Chúa nhận thấy nó có giá trị trong khi liên kết chính ngài với những người nhất định, được kẻ tên cách rõ rệt và duy nhất, nếu ngài đi vào sự hiệp thông với họ và chia sẻ lịch sử với họ, thì lúc ấy có

81-83  
516  
lẽ nào Thiên Chúa hằng sống lại để cho các cuộc sống duy nhất này mất tiêu trong hư không? Không, ngài không tạo nên và kêu gọi họ như những con người phù du sẽ bị biến mất. Ngài không phải Thiên Chúa của người chết. Và nếu chúng ta thấy rất khó tưởng tượng rằng Thiên Chúa quá đỗi tử tế, rằng ngài coi chúng ta quá đỗi quan trọng, thì chúng ta phải chịu lời quở trách xé ruột mà ngài thường thốt lên về vấn đề đó: “Các ông làm! Các ông không tưởng Sách Thánh và quyền năng của Thiên Chúa” (Mt. 22:29). Đức tin vào quyền năng của Thiên Chúa, là đáng làm mọi sự, khiến chúng ta tin cậy rằng chúng ta được dành riêng cho sự sống, cách tối hậu.

### *Họ sắp sống lại*

Việc sống lại được hứa hẹn. Nhưng nếu thắc mắc về “cách” hiện hữu của người chết, chúng ta để ý rằng Kinh Thánh nói chủ yếu đến sự sống lại của toàn bộ con người, đến sự sống lại của người chết với linh hồn và thể xác. Nhưng đó không phải là điều chỉ đến về sau sao? Và những kẻ chúng ta thương yêu lúc này ở đâu, ngay sau lúc họ chết? Kinh Thánh không đi sâu vào vấn đề này. Các tác giả được thần hứng đó không dự tính đưa ra thông tin rõ rệt về “cách” của đời sau. Ý định của họ là tuyên bố rằng Thiên Chúa kêu gọi con người đến với ngài trong cái chết. Vì thế cách riêng, họ không đưa ra học thuyết rõ ràng về cách con người hiện hữu với Thiên Chúa sau khi chết. Tuy thế, nó là vấn nạn mà tâm tư chúng ta không thôi đặt ra.

Mãi cho tới các thời kì gần đây, người ta thường đưa ra một giải pháp bằng phân biệt giản dị giữa “thể xác”

và “linh hồn”. Người ta cho là sau khi chết, linh hồn tiếp tục hiện hữu cách riêng trong khi thể xác mục rã. Vào lúc phán xét tận thế, thể xác được tập hợp lại từ đất sét. Bức tranh không nói lên được gì này là một cố gắng biểu hiệu trung thực các dữ kiện của Kinh Thánh. Có điều ngược lại là phải nỗ lực diễn tả chúng vì những lí do dưới đây. Cố gắng mới để diễn tả ở đây không là một thay đổi trong đức tin, nhưng là một cách có hơi khác về việc diễn tả đức tin đó. Lí do là tự Kinh Thánh không bao giờ coi linh hồn có tính cách bị gạt bỏ hoàn toàn khỏi thể xác. Và tư tưởng hiện đại nằm chung một chiều hướng ấy. Cái mà làm nên chúng ta thì liên kết rất mạnh mẽ với thể xác chúng ta, tới độ chúng ta không nghĩ về bản thân chúng ta như một cái “Tôi” tách biệt, bị phân cách khỏi thể xác của mình.

Do đó, chúng ta hãy suy gẫm các đoạn văn đó mà không tiên kiến. Kinh Thánh nói gì? Nói về Đức Giêsu rằng ngài sống lại, về những người đã chết rằng “họ sẽ được tái sinh” (1 Cr. 15:22), “họ đang yên nghỉ” (1 Cr. 15:6). Rồi lời Đức Giêsu nói với phạm nhân trên thập giá: “Hôm nay ngươi sẽ ở trên Thiên đàng làm một với Ta” (Lc. 23:43). Phaolô nói về khát khao của mình được “trú ngụ bên Chúa” (2 Cr. 5:8). Thỉnh thoảng Đức Giêsu dùng tiếng “hồn”. “Đừng sợ những kẻ giết được xác nhưng không giết được hồn” (Mt. 10:28). Nhưng ngài không có ý ám chỉ đến một tinh thần của con người trôi nổi bồng bềnh, như nó vốn vậy, trong một thể xác. Như chỗ khác trong Kinh Thánh, ý nghĩa đó đúng hơn là “sự sống”, “cốt lõi sống động của con người như một toàn bộ, thể xác và linh hồn”. Chúa có ý nói rằng có cái gì đó



của con người, cái riêng biệt nhất chính con người, có thể được giữ lại sau khi chết. “Cái gì đó” không phải là thể xác bị bỏ lại. Nhưng Chúa không nói rằng cái chân chính là con người đó bị hoàn toàn phân ra khỏi một thể xác mới. Không có cách nói có tính kinh thánh về một linh hồn thuần túy tách biệt khỏi thể xác con người.

Thế thì chúng ta hiểu thế nào về các câu văn đó? Chúng nói về cái “hiện thời” với ám chỉ đến một cái gì đó tồn tại mà không hoàn toàn không có thể xác. Và đồng thời, chúng nói về những kẻ “sẽ sống” sau khi chết. Thông điệp nào được đọc thấy ở đây? Thông điệp ấy dường như là, chúng ta nghĩ về cái “hiện thời” như một cái bắt đầu rồi, và nó không tồn tại mà không có thể xác. Nói cách khác, sự hiện hữu sau khi chết vốn là một cái gì đó giống sự sống lại của một thể xác mới. Thể xác của sự sống lại mới này không là những phân tử được chôn cất và tan tác trong lòng đất, một vấn đề mà chúng ta sẽ quay trở lại bàn sau. Con người bắt đầu chỗi dậy như một con người mới.

783-785

Và tới vấn đề này chúng ta bị cầm bắt. “Cách” nào thì chúng ta không biết. Và chúng ta không biết mối tương quan của việc “sống lại” này dựa theo ý niệm thời gian và không gian của chúng ta. Chúng ta, trong cùng một lúc, nói đến “hiện thời” và “trong tương lai”. Nhưng cái ấy liên can tới điều mà tâm trí loài người không thể hình dung rõ ràng. Và nó cũng tựa như chúng ta không thể diễn tả chính xác sự lớn lao của lời hứa của Thiên Chúa. Thế thì chúng ta nói thế nào về nó? Chúng ta nên giữ y những lời của Kinh Thánh: “họ đang yên nghỉ”, “họ sẽ được tái sinh”, họ được “trú ngụ bên Chúa”. Họ

chờ đợi. Họ sắp sống lại. Họ bắt đầu sống với Thiên Chúa. Bằng cách này chúng ta có thể giao truyền thông điệp phát xuất từ Thiên Chúa ấy, và dùng các lời ấy để nói về nó với con cái.

### *Sự thông công của các thánh*

Nhưng liệu chúng ta không thể không cố gắng để hiểu cho rõ ràng hơn? Liệu chúng ta không thể nhìn sâu hơn vào mạc khải mà tìm thấy một diễn tả thuần khiết nhất về cuộc sống mới được nghĩ như thế nào, và cách chúng ta hình dung về những người thân yêu đã chết của mình? Nếu cố gắng, chúng ta sẽ nhận thấy rằng mạc khải không dẫn chúng ta đến một thế giới xa xăm. Nó chỉ vào chính chúng ta. Sau cùng, cái gì là biểu thị lớn lao nhất việc thực hiện lời Thiên Chúa hứa với chúng ta? Nó là những lần hiện ra trong mùa Phục Sinh và sự hiện diện của ngài ở giữa chúng ta. Chúng ta được thấy cách ngài là một bạn hữu, củng cố và an ủi, và rằng ngài ở lại như thế trong cuộc sống nhân loại, ban sức mạnh mới và bình an, sự dịu dàng mới và tình yêu. Biểu thị này - hệ quả thường trực của việc Chúa sống lại kể từ những lần hiện ra trong mùa Phục Sinh đầu tiên - là dấu chỉ thuần khiết nhất rằng chúng ta có sự gắn gũi với bản tính của sự sống đời đời, bao gồm của những người đã an nghỉ trong ngài. Để khám phá ra điều về cuộc sống mới của người đã chết, chúng ta có thể chú mục vào sự thiện vẫn sống động sau người đó trên thế gian.

309-311  
325-328

Điều ấy, còn hơn bất cứ tưởng tượng mơ hồ nào, sẽ giúp chúng ta cảm thấy sự sống đời đời chính là: sự thể

hiện của con người qua tận hiến và yêu thương. Tựa chúng ta biết Chúa sống lại qua sức mạnh tuôn trào của ngài, trong cùng cách thức ấy, chúng ta cố gắng nhận ra những người đã chết qua ảnh hưởng tối lành của họ. Thánh Têrêsa Lidiô nói rằng niềm hạnh phúc thiên đàng của nàng sẽ tuôn mưa hoa hồng trên mặt đất. Sự thiện sống động sau một người ỏ trần thế là hình ảnh tinh tế nhất mà chúng ta có lúc nghĩ đến cuộc sống đời sau của người ấy trong Thiên Chúa.

<sup>141</sup> Mọi người quá cố đều tham dự vào sự hiệp thông của nòi giống loài người và sự hiệp thông của nhân loại, mọi việc thiện từ các tông đồ, các vị tử đạo và các thánh cho đến người bé mọn nhất trong các tín hữu, lúc này sống động trong Thiên Chúa. Và vì thế, Giáo Hội công nhận rằng họ liên kết với chúng ta bằng cách nào đó.

<sup>141-143</sup> Trong sự hiệp nhất của sự sống này trong Thiên Chúa và với chúng ta, mẹ Maria có một vị trí rất đặc biệt. Tiên khởi, điều này không được tuyên bố như một “học thuyết”, nhưng giản dị như một sự kiện quan sát thấy. Trong cả Giáo Hội Phương Đông lẫn Phương Tây, mẹ có mặt hơn bất cứ ai khác, dĩ nhiên trừ Đức Kitô. Sự hiện diện của mẹ được cảm thấy ngay trong nhà chúng ta. Không chỉ qua bức tượng với đôi mắt xúc động hoặc tranh ảnh với nụ cười dịu dàng, nhưng trên hết, qua tất cả những gì nói về mẹ và qua lời cầu khẩn tới mẹ mà được Thiên Chúa nhậm lời. Thêm nữa - dù việc này đúng ra được nhìn như ân sủng hơn là cái cốt lõi - mẹ đôi khi xuất hiện tại những nơi mà sau đó đưa tới những đặc điểm chân chính của phúc âm — bình an, chữa trị và cải biến, thí dụ

<sup>334</sup> Lộ đức. Thực tại có tính kitô của điều xảy ra tại những

nơi đó được Giáo Hội đôi khi công nhận rõ rệt, dù không bao giờ đặc biệt tuyên bố với tính cách bất khả ngộ. Quan trọng hơn nữa là toàn thể Giáo Hội công nhận vinh quang cực kì của mẹ như thành phần đức tin của Giáo Hội, tới độ Giáo Hội công bố tuyệt đối rằng mẹ Maria, từ kẻ chết được sống lại cả hồn xác. Về những kẻ chết khác, chúng ta chỉ có thể nói rằng họ sẽ được cho sống lại, họ sắp sống lại, nhưng chúng ta nhận biết rằng mẹ Maria đã được khải hoàn. Quả thật là vinh quang của mẹ - như của chính Đức Kitô - sẽ chỉ trọn vẹn lúc toàn thể nhân loại được cùng nhau tập hợp.

Cũng như sự sống lại của Đức Kitô tác động giữa chúng ta qua hiện diện đầy sinh động và mãnh liệt của ngài trong cuộc sống ở thế gian, chúng ta có thể nói vinh quang hoặc sự “Lên Trời Cả Hồn Xác” của mẹ Maria cũng thế. Điều này có nghĩa mẹ ở giữa thế gian hơn bất cứ người nữ nào khác. Cléopatre chỉ được nhớ đến. Mẹ Maria được bày tỏ với. Mẹ có mặt mật thiết hơn mọi người nữ. Đức Kitô và mẹ Maria sống lại được nói là đã ở thiên đàng - Adam chân chính và Eva chân chính của nhân loại - không cách biệt xa xăm với chúng ta, như thể thiên đàng là một rạp hát mênh mông đầy những linh hồn đơn thuần tinh thần, mà chỉ có hai ghế có thể xác ngự là Đức Kitô và mẹ Maria. Chúng ta cần nhớ thêm lần nữa là, ở đây, ấn tượng bằng lời lẽ dựa theo ý niệm về không gian và thời gian của chúng ta không giúp được gì. Chúng ta có thể nắm trải sự hiện diện của Đức Kitô và mẹ Maria qua việc các ngài sống ở trần gian trong Thánh Linh Đức Kitô và qua việc chuyện trò với các ngài trong cầu nguyện. Có thể nói về những người quá cố khác cũng giống thế.

Một số các vị thánh vĩ đại và những người trọn lành hiện diện đầy quyền năng hơn những vị khác. Có lẽ điều ấy chỉ dấu rằng họ đang tiến xa hơn trên con đường sống lại?

### *Kitô hữu và sự thanh luyện kẻ chết*

Còn một câu hỏi rất con người phải đặt ra. Chúng ta còn có thể làm điều gì cho người quá cố không?

Việc đầu tiên Giáo Hội - có nghĩa bất cứ ai trong chúng ta - làm cho người quá cố là cầu nguyện cho họ. Các nghi lễ sau cùng cho người quá cố là tiêu biểu sự cầu khẩn mãnh liệt này. Cuộc vĩnh biệt chủ yếu xảy ra qua việc mai táng người chết, nhưng còn có thể qua hỏa táng. Tang lễ Kitô giáo có kèm theo cử hành Phép Thánh Thể, tưởng niệm cái chết của Đức Kitô trên thánh giá. Phần Nhập Lễ tràn ngập dịu dàng có tính cách con người và vững vàng có tính cách thiêng liêng: “Trong Đức Kitô, niềm hi vọng của sự sống lại đầy ân phúc toả sáng trên chúng ta, để chúng ta, những kẻ buồn thảm bởi định luật không lay chuyển của cái chết, cũng được ủi an nhờ lời hứa vào sự bất tử đời sau. Vì trong những ai tin vào ngài, cuộc sống đổi thay mà không mang đi biệt, lay Chúa, và khi ngôi nhà trần thế tạm trú này bị hủy bỏ, xin ban cho họ chỗ ở đời đời trên thiên đàng”.

Xã hội chúng ta chẳng may là không có phong tục - trừ những trường hợp đặc biệt - để cho chính thân nhân, bạn hữu và láng giềng khiêng di hài tới huyệt mộ. Những lời cầu nguyện và bài đọc sách sau chót diễn ra bên cạnh huyệt, để an ủi những người hiện diện và để dâng lời

cầu khẩn lên Thiên Chúa cho người đang được mai táng. Cầu nguyện cho người quá cố là truyền thống của Giáo hội. Tại sao dâng lời cầu nguyện? Vì vẫn còn quá nhiều ý nguyện xấu, thờ ơ và nổi loạn trong con người. cả khi người ấy qua đời trong ân sủng. (Ai trong chúng ta cảm thấy người ấy được vào thiên đàng lập tức sau khi chết?). Vẫn còn tính vị kỷ thâm căn phải được cải biến, rửa sạch và thanh luyện. Việc này diễn ra trong cõi chết. Chết cũng là chết đi sự dữ. Nó là thanh tẩy của cái chết cùng với Đức Kitô, qua đó mà phép rửa tội bằng nước được hoàn tất. Một khuôn mặt khác của sự chết - như Giáo Hội tin - có thể là sự thanh luyện, sự trở lại dứt khoát và trọn vẹn với sự sáng của Thiên Chúa. Diễn tiến ấy kéo dài trong bao lâu? Chúng ta thêm lần nữa cần nhớ rằng mọi sự xảy ra bên ngoài ý niệm thời gian ta hiện biết. Chúng ta không thể xác định thời gian và địa điểm. Nhưng qua quan điểm của chúng ta, có một thời gian nhất định trong lúc mà chúng ta coi một người nào đó là “kẻ khuất bóng”. Chúng ta giúp họ bằng lời cầu nguyện. Chúng ta không thể nói bao nhiêu tháng bao nhiêu năm. Nó tùy thuộc vào cuộc sống của người ấy.

Vào các thời trước, đã có những cố gắng muốn tượng cho rõ ra mẫu nhiệm này hết mức có thể được và được thể hiện sống động bằng tranh ảnh và kịch. Tại các vùng đất Gécman, việc thanh luyện này (purgatorium, ăn năn thống hối) được đặt tên có nghĩa là “lửa thanh luyện”. Nó được mô tả như có một nơi, với lửa, một quãng thời gian nhất định, với thiên thần gọi lớn tiếng các linh hồn, từng linh hồn một, giống các bệnh nhân trong phòng đợi bác sĩ. Bằng cách ấy làm Kitô hữu nhận thấy cái tính chất

không thấy được đó, và tha thiết dâng lời cầu nguyện cho người quá cố. Ngày nay, chúng ta cần điều chỉnh lại các tưởng tượng của mình, quay về sự điềm đạm của thuở Kitô giáo sơ khai và cần nhắc sự thanh luyện của luyện ngục có tính cách liên hệ tới sự chết. Chúng ta không nên biến nó thành một sự việc tách rời với “Các Sự Việc Sau Cùng”. Chúng ta lại càng không nên biến nó thành một thực thể quá biệt lập, vì Kinh Thánh hầu như không chút nào nói đến nó. Chúng ta đọc thấy trong 2 Macabê 12: 43-46 về dâng lễ xá tội cho những binh sĩ tử trận, những kẻ chờ đợi sự sống lại. Một cử chỉ đối diện với sự chết, mà ngày nay chúng ta thấy dễ hiểu vì chúng ta cũng tin vào sự sống lại.

Các Giáo Hội Tin Lành không cầu nguyện cách triệt để cho người quá cố. Giữa người Công Giáo, có niềm hi vọng mãnh liệt rằng lời cầu nguyện giúp cho người quá cố mau được ở với Thiên Chúa hơn. Trên thực tế, có lẽ sự khác biệt của đôi bên không quá lớn như chúng ta nghĩ. Người Tin Lành không cầu nguyện cách rõ rệt cho người quá cố nhưng trong tang lễ có kèm theo lời cầu nguyện.

Trong phần lễ qui của lễ Misa hằng ngày có dành chỗ để có thể đề cập đến tên các tín hữu quá cố, giữa cử chỉ thờ phượng của cộng đoàn, giữa sự cử hành hi tế trên thánh giá. Sau khi nhắc tên những người được cầu nguyện thì đọc lời cầu tiếp theo: “Lạy Chúa, chúng tôi xin Chúa thương ban cho các linh hồn ấy, và tất cả những người nghỉ an trong Chúa Kitô, được vào nơi mát mẻ sáng láng và bình an”. Ngày 2 tháng Mười một là ngày cầu nguyện đặc biệt cho những người quá cố.

### *Sống lại vào ngày tận thế*

Chúng ta được dựng lên để hiệp cùng nhau. Vì thế, khi nói đến các sự việc sau cùng, Đức Giêsu chủ yếu nói về nhân loại như một toàn bộ. Chúng ta không biết chính xác cái gì xảy ra. Đức Kitô đưa ra bầu khí, vẻ oai nghiêm và kinh hoàng của các biến cố ấy bằng những lời mà ngài mượn từ các tiên tri: các đám mây, những thiên thần, lụt, chiến tranh, tiên tri giả và bách hại - như chúng ta đọc thấy, chẳng hạn trong Matthêu 24 và Luca 21. Và có lẽ đây là chỗ để đề cập đôi điều về những điều được xem là đã nói ở nhiều chỗ khác trong sách giáo lý này. Chính vì chúng mà cuốn này cố gắng dẫn giải cách rõ ràng chân lý sống động của đức tin. Có điều, chính trong các trang Kinh Thánh mới có nhiều hơn các sức mạnh, sự sống, chân lý và tính chất xác thực. Các trang Kinh Thánh dường như rực lên sự nồng ấm của đức tin, nếm trải và mặc khải thiêng liêng với những lời nói nồng nàn của Đức Kitô. Thông thường Kinh Thánh không giải thích mà chỉ giản dị tác động lên con người theo cách mà đời sống tự làm cho nó thành tác động.

Cũng quả thật có những diễn tả về ngày tận thế. Bằng những màu sắc cực kì sống động, vẽ ra các thảm họa và sự khốn khổ của mọi thời đại, những kinh hoàng của chiến tranh, ngay cả tai ương ở cấp độ rộng lớn. Và đồng thời chúng ta nghe thông điệp rằng dù có xảy ra gì đi nữa - và trên hết, ngay lúc ấy - Thiên Chúa vẫn chung thủy. “Khi các điều ấy bắt đầu xảy đến, các người hãy rước mình và ngẩng đầu lên, vì đã đến gần bên rồi ơn cứu chuộc của các người”(Lc. 21:28). Đây là lời tuyên bố đưa ra cho



mọi thời đại qua những hình ảnh kinh hoàng của các thiên tri, các tác giả phúc âm và các nhà tiên đoán tận thế. Do đó, chúng không là sự mô tả về các diễn tiến của lịch sử chung cuộc. Chúng đưa ra cho chúng ta cảm giác tổng quát về diễn tiến lịch sử và sự viên mãn của nó, xác nhận rằng dù bất cứ điều gì xảy ra, Thiên Chúa vẫn chuyển sự hân hoan của ngài vào trong mọi sự. Đây là một thông điệp của ủi an giữa những đe dọa của mọi thời đại, kể cả bom nguyên tử.

Đức Giêsu cảnh giác chúng ta, trong mọi hoàn cảnh, phải để ý chờ đợi ngài, tỉnh thức và trên hết, bằng đức tin (Lc. 18:8) và tình yêu (Mt. 24:12). Ngài không cho chúng ta những dấu chỉ chính xác về thời điểm. Nhưng việc Kinh Thánh quả quyết xác nhận rằng, lịch sử như một toàn bộ có một chung cuộc và một cùng đích, đã chỉ dẫn rằng lịch sử cũng sẽ đạt tới viên mãn: rằng Thiên Chúa cũng sẽ tận sức với lịch sử như một toàn bộ điều ngài đã tận sức bằng cuộc đời Đức Giêsu.

Lúc đó, toàn thể loài người sẽ sống lại. Cuộc tái sinh sẽ được hoàn tất. Bằng hình tượng lộn lầy, Kinh Thánh nói những người chết sẽ chỗi dậy từ lòng đất. Điều này không có nghĩa các phân tử từng hợp thành thân xác chúng ta sẽ được cấu tạo lại y như lúc chúng ta từ trần. Không phải vấn đề tái thiết lập thể xác trần thế của chúng ta. (Dù sao chăng nữa, thì có cái gì gọi là các phân tử “của chúng ta”? Chúng đang thay đổi trong từng khoảng khắc. Thực tế thì không có thành tố vật chất nào của thân xác đưa bé tồn tại lúc nó khôn lớn). Cái diễn ra là việc làm hoàn hảo cái thể xác thần khí của chúng ta, cái mà Phaolô cho thấy rằng chúng ta chờ ngời sống lại là quay

về với huyết nhục của thể xác hữu tử của mình. Thể xác hiện nay của chúng ta chỉ là sự báo trước thực tại lớn lao ấy: “Cái gì gieo xuống trong hư hoại, sống lại trong bất hoại; gieo xuống trong ô nhục, sống lại trong vinh quang; gieo xuống trong yếu đuối, sống lại trong quyền năng; gieo xuống là xác khí huyết, sống lại là xác thần thiêng” (1 Cr. 15:42-44). Chúng ta chớ nghĩ quá nhiều về thể xác sinh học, cũng như về thể xác có một cuộc sống thuộc về cuộc sáng thế mới. Câu Kinh Thánh “bước ra khỏi huyết mộ” có nghĩa rằng chúng ta sẽ là chính bản thân mình - giống như trước, nhưng với một khác biệt - như Đức Giêsu sau khi sống lại thì cũng giống như trước nhưng cũng có khác biệt, tới độ các Tông đồ biết rằng đó chính là Chúa, nhưng thoát đầu không nhận ra ngài.

### *Phán xét*

184-186

Khi nhân loại đạt đủ con số của nó và sống lại từ kẻ chết, mọi sự ấy sẽ sáng tỏ. Đây là nước Thiên Chúa. Ý nghĩ của mọi tâm hồn sẽ biểu lộ. Ở đây bên trên mặt đất, “mọi sự lấp lánh mà chẳng phải vàng”. Nhưng khi Thiên Chúa biểu lộ chính ngài, mọi người sẽ được thấy chính xác ngài là thế nào. Đây là phán xét. Gai và cỏ dại vốn không phân biệt được ở trần gian, lúc ấy sẽ được nhận ra. Nước Thiên Chúa giống như lưới đánh cá; người thiện được tập hợp, kẻ ác bị từ khước. Vâng, sự viên mãn có nghĩa là phán xét, và điều này có nghĩa rằng những ai không cứng lòng với ân sủng sẽ được giao tiếp với ngài và được giống ngài. “Hãy đến hỡi những kẻ được Cha Ta chúc phúc”. Những ai ngoan cố chống lại ân sủng và lời gọi sẽ ở ngoài mối liên hệ với hoặc không giống Đức

Kitô. Họ bị tách biệt khỏi đáng có thể cứu rỗi họ. “Hỡi phũ phàng bị chúc dữ, hãy xéo đi xa ta”. Đây là lời phán quyết: hiệp nhất với Đức Kitô (dù có thể người ấy không bao giờ nghe đến tên ngài), hoặc bị ngài gồm ghét (dù người ấy từng có tên ngài trên môi mình). Nó là sự hiệp nhất với Thánh Linh của trọn lành, đức tin và phục vụ - hoặc cô lập với Thánh Linh ngài. Như thế, Đức Giêsu là thẩm phán bằng chính sự hiện hữu của ngài, như nam châm thu hút hoặc loại trừ tùy vào vật thuộc về chính bản tính của nó hoặc xa lạ với nó.

771 779

Sự phán xét này đã xảy đến từ lúc từ trần. Khi đề cập đến việc sống lại, chúng ta đã nói rằng loài người được sống lại tức khắc sau khi chết; ở đây cũng thế, chúng ta cần lập lại rằng việc đó xảy ra ngoài ý niệm thời gian chúng ta hiện biết. Vì thế, chúng ta không thể nói về thời gian theo ý niệm của chúng ta, giữa phán xét lúc lìa đời - phán xét riêng - và phán xét vào ngày tận thế - phán xét chung. Chúng ta đơn giản không hiểu làm thế nào điều này có thể xảy ra; và có hiểu những việc đó cũng không quan trọng gì, vì căn bản, phán quyết được tuyên bố bởi cùng một Thẩm phán.

### *Hình phạt đời đời*

Đức Giêsu nói về điều khả dĩ con người bị kết án vĩnh viễn. Chúng ta có đọc đến “cực hình đời đời” (Mt. 25:46). Điều này có thể bị hiểu sai như một tai ương hoặc ngay cả một bất công lúc ấy xảy đến cho người bị kết án, giống đôi khi có thể xảy ra cho người bị tuyên phạt ở trần gian. Vì thế, chúng ta sẽ nhận thấy điều này sáng tỏ

hơn nếu diễn tả cũng một sự thật ấy bằng thuật ngữ “tội đời đời”. Tình trạng cứng đầu nguội lạnh trở thành vĩnh viễn. Họ trở nên trở trơ với Thiên Chúa, tình yêu, sự thiện, Đức Kitô và đồng loại. Nhưng như thế là vì những việc họ đã làm. Lúc này, nó là một hư hỏng toàn bộ, tội lỗi mang đến với nó sự tự biểu hiệu đầy đủ nhất. Bị mất có nghĩa bị hoàn toàn bế toả vào bản thân mình, không giao tiếp được với người khác hoặc với Thiên Chúa. Đó chính là hình phạt, “cái chết thứ hai” (Kh. 20:14). Kinh Thánh diễn tả nó bằng những từ ngữ ghê rợn: tối tăm, nghiến răng, lửa. Chúng không nhất thiết được đưa ra như những mô tả nghĩa đen. Tuy nhiên, chúng là những mô tả thích hợp cho việc mất tinh thần lúc trượt mất chung cuộc và mục đích của sự sống.

Chúng ta đôi khi nghĩ rằng hỏa ngục thì không thể hòa giải với tình yêu của Thiên Chúa. Điều đó đúng với những người được thâm nhập sâu xa bởi tình yêu Thiên Chúa, những ai tin vào nó. Đầu tiên và trên hết là chính Đức Giêsu. Ngài không nói đến số lượng người can dự vào, nhưng khi đặt vấn đề nhiều hay ít người sẽ bị mất, bằng lối nói nghiêm trọng nhất, ngài thúc dục người nghe nắm lấy con đường dẫn đến sự sống. Ở đây, mỗi người chúng ta phải rút ra những kết luận của chính mình. Lời cảnh giác do Đức Giêsu đưa ra là ân phúc cho chúng ta. Các thánh cũng tin vào hỏa ngục mà không thấy nó mâu thuẫn với tình yêu.

Đối với những ai tự làm mình cứng lòng, sự nồng ấm của tình yêu Thiên Chúa vĩnh viễn trở thành ngọn lửa của ăn năn và phần hận làm họ cay đắng. Trong các bức vẽ trang trí tại các nhà thờ chính tòa thời Trung Cổ về

cuộc phán xét sau cùng, động tác kết án được thể hiện khi Đức Giêsu cho thấy năm vết thương của ngài. Cử chỉ này tương đương lời nói: hãy nhìn điều Ta đã làm; liệu ta có phải làm thêm điều gì nữa không?

Thánh Têrêsa Lidior cũng tìm câu trả lời trong công lí của Thiên Chúa. Không ai không có mặt lúc đó. Con người tự nguyện và cố ý tự đặt mình vào tình trạng đó. Vì thế, chúng ta nên tránh dành quyền phán xét cho riêng mình về điều mà mình không hiểu. Chúng ta không được tự bày đặt làm Thiên Chúa của riêng mình. Chúng ta phải tin vào ngài như ngài biểu lộ chính ngài trong đức Giêsu. Trong Đức Giêsu, chúng ta thấy tình yêu của Chúa Cha với biểu lộ tuyệt đỉnh, ngoài ra chúng ta còn như nghe những lời này phát từ môi ngài: “Đừng sợ những kẻ giết được xác nhưng không giết được hồn; hãy sợ Đấng có thể diệt cả hồn lẫn xác trong hoả ngục” (Mt: 10:28).

Chúng ta không cần tránh đề cập học thuyết về sa hoả ngục này cho trẻ em. Thật sai lầm nếu dùng nó như hăm dọa, như thể các em có thể sa hoả ngục. Lời cảnh giác của Đức Giêsu liên quan tới những người lớn cứng lòng. Và chỉ có mục đích duy nhất, mục đích cứu rỗi. Nó là một lời kêu gọi để ghé thăm sự dữ, để khao khát mọi điều làm con người đức hạnh và để tin tưởng vào ngài, đáng là con đường sống.

### *Cuộc sáng thế mới*

“Mất chẳng hề thấy, tai không hề nghe, và đã không hề xảy đến nơi lòng một người phạm, hết thấy những điều Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai yêu mến

Người”. Những lời trích từ 1 Côrinthô 2:9 này được ứng dụng dễ dàng vào vinh quang nơi cư ngụ đời đời của chúng ta với Thiên Chúa. Nhưng thật đáng ngạc nhiên, chúng liên hệ cách căn bản với đức tin nơi trần thế. Bình an, tha thứ, kiên định của chúng ta trong Đức Kitô - mọi điều này là sự bắt đầu của thiên đàng. Có điều gì của nỗi hân hoan ấy nở rộ trọn vẹn tại địa đàng mà Thiên Chúa đã nghĩ đến từ lúc ngài tạo dựng con người: “Nước đã dọn cho các người từ tạo thiên lập địa” (Mt. 25:34). 487-489

Có phải loài người là tạo vật duy nhất được tình yêu của Thiên Chúa kêu gọi? Hoặc có những tạo vật khác hiện hữu ngoài không gian và thời gian của chúng ta cũng được kêu gọi? Và có thể có những tạo vật sống trong những thể xác siêu phàm khác qua không gian và thời gian của chúng ta?

Đối với vấn đề thứ nhất, Kinh Thánh có nói đến những kẻ ấy, các thiên thần. Họ là những sứ giả của Thiên Chúa hoặc những kẻ quyền thế phát xuất từ Thiên Chúa, “những thần phục dịch” (Dt. 1:14), những kẻ thường được biểu thị trong Kinh Thánh dưới hình thức con người. Họ cho thấy những hình thức cụ thể về sự trọn lành của Thiên Chúa, những lực lượng tốt lành và lớn lao này tác động với chúng ta trong cuộc sáng thế. Có phải sự hiện hữu của họ là một giả dụ dựa theo quan điểm của Kinh Thánh về thế giới? hoặc nó là thành phần của thông điệp của Thiên Chúa? Dù gì đi nữa, Kinh Thánh trình bày họ là những kẻ can dự trọn vẹn vào lịch sử cứu độ chúng ta trong Đức Kitô. Và mọi điều nói đến họ trong Kinh Thánh công bố một sự thật kì diệu: rằng Thiên Chúa quan tâm đến chúng ta bằng cả ngàn cách. Tên của các thiên thần

nói cho chúng ta biết điều ấy. Gabriele nghĩa là “Sức mạnh của Thiên Chúa”; Raphael, “Sự cứu chữa của Thiên Chúa”. Micae, “Ai giống Thiên Chúa?” - Cũng một sự thật ấy với Satan, nhưng theo một đường vòng khác. Nó, như Kinh Thánh nói dứt khoát, là quyền lực đối nghịch, dù không trên căn bản bình đẳng với Thiên Chúa, cũng không ở cùng một trạng thái nguyên thủy hoặc cùng quyền năng. Nó là tính chất độc dữ kinh khiếp mà chúng ta tự hỏi mình là các sức mạnh nào tác động ở đây. Liệu chúng có phải là thuần túy có tính cách con người không?

Đối với vấn đề hiện hữu của người ở hành tinh khác, không câu trả lời nào được đưa ra. Nhưng như vấn nạn vừa rồi, nó không tạo khác biệt cốt yếu đối với thông điệp về sự viên mãn chung cuộc của vạn vật, rằng Thiên Chúa sẽ làm một với những tạo vật yêu dấu của ngài.

“Và tôi thấy một trời mới và một đất mới” (Kh. 21:1). Khi chúng ta nghĩ đến sự viên mãn chung cuộc, hàng triệu người của nòi giống nhân loại đến trong tâm trí ta, làm ta hào hứng với nỗi hân hoan, nhưng có lẽ kèm theo cảm giác là ở đây có quá nhiều đám đông không thể tưởng tượng nổi. Điều ấy với chúng ta dường như không thể được. Ngoài ra, điều ấy bất suy nghĩ theo kí ức và sự quan tâm hữu hạn của chúng ta. Làm chúng ta hết hơi vì nhìn và gặp quá nhiều người khiến thành ra tiếp xúc ít thân cận hơn với từng trường hợp. Đây chỉ là sự bất toàn có tính cách trần thế. Nhưng ngay ở trần thế, chúng ta có thể đã thấy sự biểu thị của triển khai nhân tính trong việc một người có thể cõi mở và sống tốt lành hướng đến nhiều người. Chúng ta có thể đã biết

một người có thể quan tâm, không chỉ đến có một người, mà còn hết mức đến số đông những người khác. Trong cuộc sáng thế mới, như chúng ta hi vọng, và như chúng ta suy diễn qua Đức Kitô, có một nhân loại không đong đếm theo con số những người chết hoặc đám đông vô danh.<sup>774</sup> Đó là sự thật tuyệt đỉnh của tình yêu của chính Thiên Chúa. Với ngài, không ai chỉ là một con số. “Ai thắng... Ta sẽ ban cho nó sỏi trắng và khắc trên sỏi một tên mới, tên không ai biết được trừ phi là người lĩnh lấy” (Kh. 2:17).

“Trong thành, tôi không thấy Điện thờ, vì Chúa, Thiên Chúa toàn năng là Điện thờ của thành và Chiên Con” (Kh. 21:22). Thiên Chúa, đáng vô biên, đáng mặc, đáng tình khôi như chưa từng hiện hữu trong mọi sự. Một hiệp nhất không diễn tả được sẽ khuấy phục mọi hoang mang phức tạp. Sự hiện diện của Thiên Chúa trong mỗi người và mọi người sẽ là sự sáng và sự sống. Dường như không cần tới đền thánh hoặc nhà thờ để vào tìm kiếm ngài trong đó. Trong sách Khải Huyền có những bài văn đầy đủ nhất của Kinh Thánh, mô tả cuộc sống đời đời. Ở đó, chúng ta nhận ra những hi vọng nồng cháy của các Kitô hữu thuở sơ khai, và chúng ta có thể châm ngọn đuốc hi vọng của mình vào đó dù chúng ta không thể hiểu riêng rẽ từng bài. Những trích đoạn từ sách Khải Huyền là tiếng vọng lời các tiên tri khi họ tụng ca công cuộc cứu rỗi đang đến của Israel bằng những hình tượng kì diệu dựa theo khái niệm về vườn địa đàng. Cốt tủy của các hình ảnh đó là sự hiện diện đầy nhân từ của Thiên Chúa, như trước hết, xuất hiện trong những đoạn trích từ phần cuối của sách Isaia.



Tất cả những hình tượng của Kinh Thánh đó, như chúng vốn thế, nói cho chúng ta biết rằng Thiên Chúa <sup>361</sup>đền đáp cho con người được vinh dự ở cùng ngài. Như Inhaxiô Antiôkia viết vào lúc sắp tử đạo: chỉ lúc ấy tôi mới thật sự là con người. Thiên Chúa muốn chúng ta nên người. Liệu đặc điểm này của mọi hành động của Thiên Chúa có cho phép chúng ta suy ra là cuộc sống và lao động ở trần thế có ảnh hưởng lên cuộc sáng thế mới không? Chúng ta biết, ở bất cứ cấp độ nào, rằng thành quả thu hoạch tình yêu nơi trần thế này sẽ được tập trung lại. Nhưng liệu có thể phỏng đoán được rằng mọi tính chất sáng tạo chân lí, cái đẹp, hiệp thông và kinh nghiệm xác thực vốn đạt được ở trần thế sẽ tiếp tục ảnh hưởng trong cuộc sống đời đời không?

<sup>379</sup> Lúc này chúng ta đã nhận biết cách riêng hơn là làm thế nào mà cuộc tiến hóa ở trần thế dưới bàn tay chúng ta là một công trình sáng thế của Thiên Chúa, chúng ta có thể phỏng đoán là, cuộc sống và lao động trong lịch sử của chúng ta sẽ thật sự được biến thể mà không nhất thiết bị hủy diệt trong cuộc sáng thế mới. Thành tựu của nhạc sĩ Mozart có thể không bao giờ bị xoá sạch. Rằng việc tôi đang sống gần một người nào đó, đang quan hệ sâu xa với tôi, rằng tôi đang giúp đỡ người nào đó hoặc người nào đó đang giúp đỡ tôi - tất cả những việc ấy có thể sẽ không bao giờ bị xoá hủy, thêm nữa việc tôi là một người vợ của chồng tôi, một người mẹ của con tôi. Lời Đức Giêsu nói cho chúng ta biết rằng không nên tưởng tượng có sự sinh nở nào thêm ở thiên đàng hoặc vẫn còn tính chất chiếm hữu của hôn nhân. Nhưng điều này không có nghĩa sẽ chẳng tồn tại và tăng trưởng tình

yêu giữa những người đang có gia đình. Phúc âm nói cách triu mến về tính chất anh chị em tới độ chúng ta có thể giả dụ là tương quan của cha mẹ và con cái, và thật ra của toàn thể loài người sẽ là tương quan huynh đệ và tỉ muội. Điều này đã bắt đầu ở trần thế khi con cái trưởng thành.

Nhưng chúng ta nghĩ gì về tuổi tác của những thể xác sống lại ấy? Chúng ta không biết gì nhiều về vấn đề này. Nhưng ở đây cũng thế, chúng ta tin rằng sẽ không mất vẻ yêu kiều của bất cứ tuổi tác nào ở trần gian. Có lẽ, như được gợi ý, chúng ta được cho cái tuổi tác trong đó chúng ta hạnh phúc nhất hoặc trong đó chúng ta trung thành nhất với tình yêu thuần khiết của mình. Hoặc giả lúc đó tuổi tác rất khác với quan niệm trần thế? Chúng ta không biết. “Sẽ không còn trẻ sơ sinh chết non, hay người già không toàn tuổi thọ, vì trẻ lăm trăm năm mới chết”, như khải thị của Isaia về tương lai có thể được diễn giải đó (x. Is. 65:20). Nhưng điều này có thể có ý nghĩa gì ở nơi không chết chóc? Chúng ta không thể nói. Chúng ta không nên ngay cả tự hỏi mình, trừ phi để làm thoải mái mình như tác giả chương Isaia 65.

Cái mà toàn bộ mạc khải này nói cho chúng ta biết là cuộc sống này với Thiên Chúa bao gồm tình yêu, sự phát triển trọn vẹn của một con người có thể yêu thương và trao hiến. Cũng giống trần thế này, sự tồn sinh của các vị thánh được biểu thị rõ ràng nhất bằng những ảnh hưởng toả sáng xuất phát từ các vị, trong cuộc sáng thế mới cũng thế, con người là kẻ sống trọn vẹn trong yêu, cho, tận hiến và tuôn trào. Sự thôi thúc sáng tạo của con người có can dự vào những bằng những hình thức nào thì

chúng ta không thể nói. Chúng ta có thể giả thiết rằng trong cuộc sống được ban phát bởi Thiên Chúa đáng sáng tạo đó, có thể hiện hữu ở đó điều gì giống niềm hân hoan rất to lớn trong việc sáng tạo.

Vì tác dụng lời hứa của Thiên Chúa, điều có thể bị chắc chắn loại bỏ là khái niệm về bất cứ nỗi buồn tẻ nào. Một truyện cổ tích Trung Cổ kể có lần một tu sĩ tự hỏi mình làm sao mà có thể chịu nổi khi sự hằng cửu cứ tiếp diễn và tiếp diễn đều đều. Sững sốt vì những suy xét của mình về vấn đề này, ông lang thang vào rừng nơi có chim sơn ca đang hát. Ông đứng lắng nghe, say mê. Sau khi nghe một lúc, ông quay về tu viện. Nhưng khi về đến tu viện, không ai nhận ra ông. Ông xưng tên mình và tên của tu viện trưởng, nhưng chẳng ai có thể nhớ ra tên vị tu viện trưởng đó. Cuối cùng, tra sổ biên niên của tu viện thì họ thấy điều gì đã xảy ra: Một ngàn năm trước vào thời có vị tu viện trưởng ấy, có một vị tu sĩ vào rừng và không thấy về. Trong khi ông lắng nghe thì thời gian đứng lại. Ngay con người thời nay cũng còn nhận ra điều ấy. Vào những khoảnh khắc lớn lao của yêu thương và đắm đuối, thì không còn để ý tới thời gian. Nó là sự ném trái trước mùi vị của đời đời, của sự bình an không bao giờ phai nhạt.

### *Bằng chứng của trọn Kinh Thánh*

774

### *về sự vĩnh viễn thủy chung của Thiên Chúa*

Khi suy gẫm về sự sống đời đời, chúng ta bắt đầu với những bài Kinh Thánh có mục đích nói đến tương lai của chúng ta với Thiên Chúa. Còn một phương cách khác mà chúng ta có thể thăm dò Kinh Thánh về cuộc sáng thế mới. Đó là cách nhớ lại rằng Thiên Chúa phô bày ý định

đời đời của ngài trong mọi sự ngài xử với con người. Các Giáo Phụ của Giáo hội gọi lối tiếp cận Kinh Thánh này là “lối giải thích Kinh Thánh theo cảm quan bí nhiệm” - cảm quan “hướng thượng” - tới tận trời (*sensus anagogicus*).

Đây là một trong các cảm giác “tâm linh” về Kinh Thánh. Nó đặt căn bản trên cái nhìn thấu suốt của đức tin, nói cho chúng ta rằng điều Thiên Chúa hiện hữu cho con người trong lịch sử thì không chỉ cho thời đại ngày nay mà cũng sẽ hiện hữu đời đời, như được khẳng định bởi “cảm giác tâm linh” thông thường. Hãy đọc với niềm xác tín ấy, câu chuyện vượt Biển Đỏ không chỉ có ý nghĩa giải thoát khỏi Ai cập trong quá khứ, cũng không chỉ sự giải thoát mà Đức Giêsu mang tới cho chúng ta trong cuộc sống hiện tại này, mà còn là sự cứu rỗi đời đời mà chúng ta nhập vào nó xuyên qua cái chết. Hoặc đan cử một thí dụ từ Tân Ước, câu chuyện Đức Giêsu chạm mắt người mù làm ta suy nghĩ không chỉ về sự chữa trị xảy ra lúc ấy, cũng không chỉ về sự giác ngộ hiện tại của chúng ta, mà còn về lời hứa rằng Thiên Chúa là sự sáng và sự cứu chữa đời đời.

Phương cách này coi Kinh Thánh có tính cách trong suốt với lời hứa của Thiên Chúa, lại càng đi vào bản chất của sự diễn tả rõ ràng hơn bất cứ phương cách nào khác. Và phương cách này đưa ra được cái xuyên phá hướng thượng của nó. Nó để cho vô ngôn cái không nói được thành lời. Nó vạch cho thấy rằng Đức Giêsu mở mắt người mù, và nó giữ lại trong nội tâm ngôn ngữ của hình ảnh đó. Câu chuyện ấy, lúc đó, trở thành một biểu tượng hoặc biểu hiệu cho niềm hi vọng đời đời của chúng ta vào Thiên Chúa. Bên cạnh mộ của các Kitô hữu thời sơ khai

trong các hầm mộ, chúng ta thấy câu chuyện này được phác họa bằng một ít đường nét - những lời gợi ý nhỏ hướng tới sự thủy chung truyền sức sống của Thiên Chúa.

Nếu có thể sử dụng toàn bộ Kinh Thánh theo phương cách này để làm tâm hồn mình đầy tràn nỗi hân hoan và hi vọng, chúng ta cũng sẽ cảm giác thành tố này của hạnh phúc tuyệt trần của chúng ta - là sự giải phóng. Mọi vinh quang mà Kinh Thánh phô bày đều được mô tả ngược lại với cái khung cảnh tối tăm về trước của chúng. Chúng là giải cứu, hân hoan sau thăm sầu, lau khô những giọt lệ. Quả thật, trên hết, nỗi hân hoan tiếp sau ngày Gôngôta là những lần hiện ra trong mùa Phục Sinh. Những sự việc ấy giữ lại cho chúng ta các lời gợi ý tới địa đàng. Đức Giêsu thay mặt chúng ta, như người đầu tiên được giải phóng, hoa quả đầu mùa của cuộc sáng thế mới. Nhưng ngài cũng là đáng cứu độ, thay mặt Thiên Chúa. Và mọi sự đều rất con người. Ngài gọi những bằng hữu của ngài theo tên của họ. Điểm đáng suy gẫm này được cứu mang với lời hứa rằng cuộc cứu rỗi không phải bao gồm một thứ giấc ngủ ngàn thu trùm trập trên nhân vị con người mà là bao gồm sự phát triển trọn vẹn trong sự sống của Thiên Chúa hằng sống.

### *Sống trong hi vọng*

Có phải chúng ta quan tâm đến tất cả các điều ấy chỉ cho tương lai? Phaolô nhắc nhở rằng chúng ta vốn đã bắt đầu làm một với Đức Kitô. Chúa sống lại, qua phép rửa tội chúng ta, và rằng do đó theo ý nghĩa nhất định, chúng ta đã chết và sống lại. “Lòng trí hãy hướng về những

điều trên cao, đừng hướng về những điều dưới đất. Quả vậy, anh em đã chết và sự sống của anh em đã được ẩn tàng nơi Thiên Chúa, làm một với Đức Kitô” (Cl. 3:2-3).

Có niềm an ủi sâu xa trong sự thật rằng cuộc sống mới đã bắt đầu trong chúng ta vì chúng ta đang chết trong Đức Kitô. Nó là một sự sống mạnh hơn sự chết. Do đó, nó cũng thích ứng với sự “chết từng chút một” liên tục xảy ra cho chúng ta ở giữa cuộc đời này - trong những thất vọng, rủi ro, bệnh hoạn, mất mát và li biệt. Nó có nghĩa rằng sự chết mỗi ngày này, được chấp nhận trong tinh thần của Đức Kitô, cũng ngập tràn hi vọng. Bởi quyền năng Thiên Chúa, mỗi mất mát của chúng ta được trân trọng cất giữ và coi như thiêng liêng cái bắt đầu của sự sống lại, một hoa quả ẩn tàng của chính chúng ta và những người khác.

Niềm xác tín rằng chúng ta đã mang trong mình cuộc 679-680  
sáng thế mới đôi khi có thể có hình thức rực sáng niềm tin cậy và vui mừng. Nhưng nó cũng có thể có hình thức của kinh sợ, được nổi hân hoan chiếu rọi qua khi chúng ta nhận ra sự thánh thiện được Thiên Chúa tuôn xuống trên chúng ta. Nó là sự thánh thiện thánh hóa thể xác chúng ta. Vì thế, Phaolô có thể nói khi cảnh giác chúng ta chống lại tội lỗi ô uế: “Anh em hãy tránh tà dâm! Phạm mọi tội người ta phạm thì ở bên ngoài thân xác; còn kẻ tà dâm thì có tội phạm đến thân xác mình. Anh em không biết thân mình anh em là Đền thờ của Thánh Thần (ngự) trong anh em sao?” (Cr. 6:18-19).

Chớ để niềm tin vào vinh quang đã bắt đầu này loại 680  
bỏ trong mắt ta thế gian với thực tại của nó. Đừng để nó đưa chúng ta tới thái độ “trốn chạy” cuộc đời. Làm thế

tức là hiểu sai mục đích thật sự của thông điệp Thiên Chúa, vốn biến cuộc đời thật sự chúng ta đang sống thành một sự việc quan trọng, trang trọng và đầy hi vọng. Thông điệp ấy là: cuộc sống có một ý nghĩa, cuộc sống thì ở trong bàn tay Thiên Chúa, và mọi việc chúng ta làm đều quan trọng cho thế gian này và cho cuộc sáng thế mới. Đó là ý nghĩa sâu xa câu, “Lòng trí hãy hướng về điều trên cao”. Nó làm nổi bật những viễn tượng, sự tin tưởng và cái đẹp mà sự sống đưa ra. Và, có những phút giây nghỉ ngơi và bình an khi nó làm chúng ta hiểu rõ và nhận biết sâu sắc rằng cuộc sáng thế được tạo dựng cho vinh quang tối hậu. Trong những phút giây đó, chúng ta không cần đòi hỏi loài người và vạn vật - như chúng ta từng làm ở trên - phải là các biểu hiệu của những hứa hẹn của Thiên Chúa. Bằng chính sự hiện hữu của chúng, chúng bắt đầu nói cho chúng ta biết rằng Thiên Chúa sẽ hoàn thành điều ngài đã khởi sự trong chúng ta. Những bông hoa trên bàn, tiếng động ngoài đường, bàn tay người thân yêu của mình, sự can đảm của người hấp hối, đức tin của các nhà truyền giáo, nỗi vui mừng của một đứa bé - mọi sự tốt lành đều bắt đầu thối nên lời bởi chính sự hiện hữu của một vận mệnh quá lớn lao so với lời lẽ, của niềm hi vọng vào việc được bảo vệ và an toàn đương đầu với sự hủy diệt - đó là sự bình an với Thiên Chúa.

Trong những phút giây nhạt nhòa, niềm hi vọng này mang hình thức tin cậy rằng mọi sự sẽ không vô ích. Và khi người tín hữu bị xâm chiếm bởi một cảm giác về tính chất phi lí của mọi sự và ngay cả một biểu lộ sợ hãi cuộc đời, niềm tin tưởng này giữ lại cái cốt tủy rắn chắc từ đó chúng ta rút ra được sức mạnh. Những trình thuật thương

khó cho chúng ta hiểu rằng niềm hi vọng này không tàn lụi, cả khi Đức Giêsu la lớn: “Lạy Thiên Chúa tôi, lạy Thiên Chúa tôi! nhân sao Người bỏ tôi!”. Thánh Phaolô đã viết cho các tín hữu Rôma (8: 18-25):

“Quả thế, tôi quyết rằng những đau khổ đời này không đáng gì, so với vinh quang hằng tỏ hiện trên ta. Tạo thành những ngong ngóng trông đợi thấy con cái Thiên Chúa được hiển dương. Tạo thành đã phải lụy phục sự hư hỏng - dầu không muốn - nhưng vì Đấng đã bắt nó phải lụy phục, với hi vọng là chính tạo thành cũng sẽ được tự do khỏi cách làm tội mục nát, và còn vào địa vị tự do trong vinh quang thuộc hàng con cái Thiên Chúa. Bởi chưng ta biết: tất cả tạo thành cùng nhau rên siết, cùng nhau quằn quại ở cữ cho đến bây giờ. Nhưng không chỉ có nó, song cả ta nữa, những kẻ hưởng khai ân của Thần Khí, ta cũng rên siết nơi mình ta, trông đợi [phúc nghĩa tử], sự cứu chuộc thân xác ta. Vì ơn cứu thoát đã đến cho ta như một hi vọng. Hi vọng mà thấy được thì hết là hi vọng, vì điều thấy được, ai nào còn hi vọng nữa! Nhưng nếu thực ta hi vọng điều ta không thấy, thì ta kiên nhẫn đợi trông”.

## THIÊN CHÚA

*“Ngài ngự trong ánh sáng không đến gần được”*

**T**hời nào cũng có những Kitô hữu cảm tạ Thiên Chúa 732-738  
vì tính chất không hiểu hết được của Kinh Thánh.



Chẳng hạn Têrêsa Avila khi bà để qua bên cuốn Kinh Thánh tiếng La tinh khó đọc mà đọc lời Thiên Chúa bằng tiếng mẹ đẻ, và còn nhận thấy có nhiều điểm bà không thể hiểu. Lúc ấy, bà cảm ơn Thiên Chúa. Bà thấy biểu hiệu sự lớn lao của mầu nhiệm ngài trong cả việc không thể nắm bắt, lãnh hội và xem xét những lời ngài. Nhà văn Graham Greene nói ông sẽ từ chối tin vào Thiên Chúa nếu đó là đáng ông có thể hiểu được.

Không lời lẽ nào của con người, không cả trong Kinh Thánh, thành công trong việc nói rõ Thiên Chúa. Không nơi nào trong Kinh Thánh đạt tới mức dễ hiểu. Trong từng cấp độ, từ những vật vờ ảm đạm của Sách Gióp đến ánh mặt trời ban mai của Tân Ước, mầu nhiệm chỉ mới được hé lộ mà không bao giờ phô bày ra hết.

Từ những trang Kinh Thánh, có thể tập hợp vô số danh hiệu của Thiên Chúa. Chúng nói, về uy nghi ngài: “Ngài ngự trong ánh sáng vô phương đạt đến” (1 Tm. 6:16); về ý nghĩ ngài nghĩ về chúng ta: “Giavê Thiên Chúa đã nắn hình người với bụi lấy từ đất đai” (St. 2:7); về tính khẩn trương của ngài: “Thiên Chúa chúng ta cũng là lửa thiêu” (Dt. 12:29); về sức mạnh truyền sức sống của ngài: “Đáng cho tôi hiên ngang ngẩng đầu” (Tv. 3:4); về tình yêu của ngài: “Ông bá lấy cổ nó mà hôn lấy hôn để” (Lc. 15:20).

Những lời ấy có thể chỉ là lấp bắp nhưng có sức mạnh rất lớn lao. Và nếu gom mọi diễn tả của Kinh Thánh về Thiên Chúa lại với nhau, chúng phô diễn một sáng tỏ nhất định - không phải sự sáng tỏ khiến chúng ta lãnh hội được ngài, nhưng qua đó ta có thể chắc chắn đạt được một định hướng chính xác hơn. Bởi chính đặc điểm của

mạc khải đã ban cho Israel mà những khái niệm tiền Kitô được tẩy các sai lạc, và chỉ thẳng hơn tới nơi tìm thấy Thiên Chúa. Sự tẩy rửa ấy chủ yếu ảnh hưởng lên tương quan của thế gian với Thiên Chúa trong tâm trí loài người. <sup>74</sup>

*“Chính Người, Đấng đã dựng nên ta” (Tv. 100)* <sup>516,701  
630-632</sup>

Mối quan tâm Thiên Chúa dành cho dân ngài được biểu lộ qua việc ngài hành xử quyền năng tối cao - Israel kinh nghiệm điều này sớm nhất. Đầu tiên, nó hiểu Thiên Chúa là đấng giải phóng. Chỉ tới khi thế gian lộ ra những chiều kích lớn lao hơn trong tầm mắt khiến dân tộc ấy bắt đầu nhận ra vạn vật xuất phát từ Thiên Chúa, đấng cứu rỗi. Lúc ấy Thiên Chúa được nhìn là đấng tạo hóa, được diễn tả cách lộng lẫy trong bài thơ sáng thế ở Sáng Thế 1. <sup>81-83</sup>

Thế giới càng hiện ra mênh mông, khái niệm về Thiên Chúa càng liên tục tăng trưởng lớn lao hơn. Tinh vân và những năm ánh sáng, vi khuẩn và những phân tử hạt nhân, những chiều sâu tâm lý và các diễn biến sinh học được con người phát hiện, ngày qua ngày mở rộng khái niệm của chúng ta về quyền năng sáng thế không hiểu hết được của Thiên Chúa. Thời buổi hiện nay, ý thức gia tăng về tiến hóa cách riêng cho chúng ta một khái niệm mới về nghi vệ của Thiên Chúa. “Tính cách đang thành” của vũ trụ được phơi mở trước mắt chúng ta và chúng ta cảm thấy tính cách ấy trong cuộc sống mình. Việc ấy cho thấy những đường nét sắc bén hơn của một chân lý vốn hằng được công bố nhưng lại ít được chú trọng: cuộc sáng thế không là điều Thiên Chúa đã làm, mà là <sup>36-42</sup>

ngài đang làm. Không nên để cho hình ảnh tuyệt vời kinh thánh tính về đấng cứu thế như người lập mô hình, làm chúng ta lầm lạc nghĩ rằng sau khi lập xong mô hình thế gian, Thiên Chúa để nó “một mình”. Cuộc sáng thế không là điều tựa con người chế tạo đồ vật. Người thợ mộc làm xong cái tủ và đi luôn. Nhưng cái tủ ở lại bằng sự tồn tại của nó. Thi sĩ làm một bài thơ và chết, nhưng bài thơ ấy vẫn còn. Nhưng nếu Thiên Chúa rút lui quyền năng sáng thế của ngài trong khoảnh khắc - chúng ta tạm cho phép mình dùng lối nói loài người này - lúc đó không còn gì tồn tại. Việc Thiên Chúa là đấng sáng thế có nghĩa rằng mọi hiện hữu đều tùy thuộc vào ngài, vạn vật dựa vào ngài. Để nắm bắt khái niệm về Thiên Chúa là đấng tạo hóa, chúng ta không nên suy nghĩ quá đổi về khởi nguyên cũng như về hiện tại và tương lai. Ngài hiện tác động để làm hoàn hảo vạn vật.

Tiếng “tự khởi thủy” mở đầu Kinh Thánh (St. 1:1) và cũng mở đầu phúc âm Gioan (1:1) không nên hiểu cách đơn thuần như một dấu chỉ thời gian, nhưng như một dấu chỉ về thứ tự và căn nguyên. Chúng có nghĩa “tại nguồn gốc” hoặc “cách sâu xa nhất”, và tuyên bố “Tính chất Uyên Nguyên” của Thiên Chúa. Bằng cùng một cách ấy, Ruysbroec nói rằng Thiên Chúa là “nguyên nhân và nguồn gốc của mọi tạo vật”.

*“Vì trời cao hơn đất”*

*(Tính siêu việt của Thiên Chúa)*

Bằng trọn điều ấy Kinh Thánh ngay từ đầu không bao giờ ngưng khẳng định, và thật ra, ngay từ thuở Israel chỉ coi quyền năng tối cao của Thiên Chúa là đấng cứu

rồi, rằng Thiên Chúa không là thành phần của thế gian này. Đây là sự minh bạch hóa đầu tiên mối tương quan của thế gian đối với Thiên Chúa. Thế gian không cách nào cuốn hút được Thiên Chúa hoặc bao gồm được Thiên Chúa vào trong nó. Điều ấy được diễn tả bằng từ ngữ “tính siêu việt”. Tính siêu việt của Thiên Chúa có nghĩa ngài vượt quá và ở trên cuộc sáng thế. Trong tư tưởng của nhân loại, có một khuynh hướng phủ nhận tính siêu việt của Thiên Chúa. Khuynh hướng này gọi là phiếm thần thuyết. Trong những dạng thức nào đó, thế gian được đánh giá như một quyền lực thiêng liêng, mà thế gian và Thiên Chúa, trong mọi trường hợp, bị đồng nhất quá đối mặt thiết tới độ Thiên Chúa không còn được nhìn như một Thiên Chúa độc nhất, tự ngài ở bên ngoài thế gian và bên ngoài chúng ta. Phiếm thần thuyết không coi điều ấy là sai lầm, mà là phủ nhận nó. Phiếm thần thuyết thừa nhận rằng thế gian được thâm nhập bởi Thiên Chúa (Thượng đế) và thật tốt đẹp nếu suy nghĩ ngày càng sâu xa chân lý này. Nhưng kể đó, nó từ khước mẫu nhiệm về tính chất độc lập của Thiên Chúa trong tương quan với cuộc sáng thế. Mặc khải Kinh Thánh đã ngay từ đầu tác động và sửa sai sự lầm lạc này.

Tính uy nghi, tính độc nhất và tính siêu việt của sự hiện hữu của Thiên Chúa thì không thể diễn tả được. Chúng ta đoán qua cuộc sáng thế của ngài mà ngài hiện hữu và về bản tính của ngài, nhưng chúng ta biết rằng ngài vượt qua vô hạn mọi ý nghĩ về ngài. Vẻ đẹp của thành phố, em bé, cái cây chỉ là một tia cực nhỏ của vẻ yêu kiều quyến rũ của ngài. Thánh thiện và thiện hảo của những người trọn lành nhất mà chúng ta biết là một

phản chiếu mờ nhạt sự thiện và sự sáng của ngài. Chúng ta tuy vậy cũng rón ròm tìm những cách nói về Thiên Chúa. Thế thì, chúng ta lấy những từ ngữ trần gian và đặt chúng trước từ ngữ “vô hạn”: chân lí vô hạn, con người vô hạn, tình yêu vô hạn. Nhưng ở đây các tiếng chân lí, con người, tình yêu, cái đẹp, và vân vân vẫn còn bắt nguồn từ điều ta biết ở trần thế. Chúng ta luôn luôn bao gồm điều hữu hạn của mình trong hiểu biết về chúng. Vì thế tinh thần con người càng phải hằng tiến triển xa hơn và cân nhắc ngài là điều có tính cách vô hạn “”khác”, hơn mọi cái chúng ta có thể nghĩ tưởng. Do đó, chúng ta cũng nên nói rằng ngài là “phi con người”, “phi tình yêu”, “phi chân lí”.<sup>518</sup> Bằng suy nghĩ theo cách ấy, chúng ta cố gắng đẩy những từ ngữ ấy mở ra tới vô tận. Lúc đó, chúng ta nhận trở lại chúng thêm lần nữa theo cách có thể làm chúng ta sử dụng chúng với ý nghĩa vượt trội hơn, và tự nhắc nhở mình rằng chúng ta phải lập tức thuần khiết hóa chúng thêm lần nữa, và tiếp tục vô tận theo cũng một tiến trình ấy. Như thế, tâm linh tư duy được giữ trong cùng một chuyển động liên tục và càng ngày càng kinh ngạc trước tính cách vô hạn của Thiên Chúa.

*“Israel, con ta”*

*(Tinh nội tại của Thiên Chúa)*

Kinh Thánh không chỉ nói đến sự cách biệt không tiếp cận được của Thiên Chúa. Mà còn tuyên bố quả quyết hơn về sự mật thiết của ngài. “Người không xa mỗi người chúng ta. Vì chúng trong Người, ta sống, ta cử động, ta có” (Cv. 17:28). Ngài giữ vững toàn bộ vũ trụ bằng quyền

năng và tình yêu của ngài. Sự hiện diện của Thiên Chúa trong mọi sự hiện hữu được gọi là tính nội tại của Thiên Chúa. Tính chất gần gũi mật thiết này có thể không còn được tâm linh con người lãnh hội hơn tính chất siêu phàm cách biệt của Thiên Chúa. Và hiện nay, điều chúng ta am hiểu thế giới trở thành bao quát hơn nên khái niệm về sự hiện diện này cho thấy có một đặc tính rất đặc biệt. Trong các thời sơ khai, loài người có khuynh hướng nhận biết Thiên Chúa (Thượng đế) tác động rõ rệt nơi các nguyên nhân thiên nhiên chưa được biết tới của vạn vật. Nó coi hiển nhiên việc ngài tác động trong mọi sự hiện hữu, nhưng thông thường, ngài được giả dụ là có mặt mật thiết nhất nơi xảy ra những điều lạ lùng và không cắt nghĩa được. Thí dụ, lúc bộc phát hoặc chấm dứt một cơn bão hoặc một bệnh dịch. Sự có mặt của ngài được cảm thấy cách riêng nằm ngoài các diễn biến bình thường của một biến cố. Vì thế có lẽ ngài được nhận thấy dễ dàng hơn bằng sự ban ân phúc cho con bệnh hơn là bằng tài năng của bác sĩ. Ngược lại, chúng ta cảm thấy mình được kêu gọi nhận biết ngài trong kiến thức chuyên môn của y học - nằm ngay trong vị bác sĩ chứ không phải đứng bên cạnh hoặc như có ai đó hướng dẫn bàn tay và thì thầm thúc dục vị bác sĩ. Tạo vật càng là chính nó thì Thiên Chúa càng năng động trong nó. Hành động của Thiên Chúa không bao gồm việc ngài đẩy cái ngài tạo dựng qua một bên, nhưng vào việc ngài đưa cái đó đến chính nó cách trọn vẹn nhất có thể được, và con người là cái lớn lao nhất trong tất cả.

799-802

190-192  
483-485

Kinh Thánh không dùng thuật ngữ triết học để trình bày tính nội tại của Thiên Chúa: Nhưng qua từng trang

ấy, chân lí cốt yếu của học thuyết này nói với chúng ta: “Ta ở với người trong tất cả những gì xảy đến cho người”. Như chúng ta thấy, các tín hữu ý thức rõ chân lí đầu tiên là sự phù trợ của Thiên Chúa ở gần bên. Ngài đã bắt đầu cách ấy - thân mật và kề bên, và ngài vẫn giữ như vậy. Khi dân tộc Israel bị lưu đày ở Babylon, càng ngày càng học biết sự bao la của ngài, tới độ trước ngài “các nước chẳng qua như hạt bụi trên bàn cân” (Is. 40:15), ngài vẫn nói với họ: “Chính Ta, Giavê, Thiên Chúa của người, Đấng nắm lấy tay phải người, Đấng phán với người: Đừng sợ, chính Ta đã đáp cứu người! Đừng sợ, hỡi con cháu Giacóp, đừng hãi, hỡi con bọ Israel”(Is. 41:13-14). Và ngài còn nói với chúng ta rằng ngài không ở xa bất cứ người nào trong chúng ta. Cái làm kinh ngạc quá đỗi không ở trong tính siêu việt của ngài, mà là việc trong khi được tán tụng là hết sức tối cao vượt trên mọi sự, ngài vẫn lo lắng tới cái bé mọn nhất của các tạo vật của ngài.

### *Tính thuần khiết của chân lí*

714 Ở đây lúc ấy có hai kim chỉ nam, đặt liền nhau thì chỉ tới sự sáng mà nơi ấy phô bày tính chất thuần khiết của mạc khải của Thiên Chúa. Thiên Chúa không bị ràng buộc vào thế gian nhưng lại có mặt ở những chỗ sâu thẳm nhất của sự sống của thế gian. Thiên Chúa độc lập với con người nhưng lại liên kết chặt chẽ với con người. Sự kết hợp của tính siêu việt và tính nội tại trong Thiên Chúa là một mẫu nhiệm mà trước chúng, lí trí con người còn bất lực, dù các tín hữu nhận biết mạc khải này là biểu thị sự vĩ đại của Thiên Chúa. Vì thế, rõ ràng có một giải pháp

đễ hiểu hơn cho lí trí con người là hiểu Thiên Chúa như bị hội nhập vào thế gian (phiếm thần thuyết) hoặc như hoàn toàn biệt lập hẳn với chúng ta (tự nhiên thần giáo). Nhưng điều khẳng định tính chất cách biệt và có mặt của ngài lập tức đem lại cho mặc khải sự rất căng đầy, tôn nghiêm và tác động mà qua đó chúng ta cảm thấy Thiên Chúa đang nói. Tâm hồn chúng ta trải rộng theo mẫu nhiệm khôn dò này, nằm ngoài các lối đi của tư tưởng. Con tim chúng ta thấy bình an. Nó được tạo dựng vì một Thiên Chúa như thế.

74  
732-738

### *Con người Gióp nói với Thiên Chúa*

Nhưng chúng ta chưa tới chỗ tận cùng của mặc khải của ngài. Chúng ta còn bị giày vò do câu hỏi Gióp đặt ra: nếu mọi sự đều lệ thuộc vào Thiên Chúa trọn lành thì sự dữ từ đâu mà ra?

Toàn bộ mặc khải quả quyết dứt khoát rằng sự dữ phát xuất từ quyền lực tối tăm, không có tính căn nguyên và hiệu lực tuyệt đối như Thiên Chúa. Không gì trái ngược với thông điệp Kinh Thánh cho bằng việc phân chia thế gian ra hai sức mạnh cân bằng ngang nhau: Thiên Chúa và sự dữ. Không. Thiên Chúa là nguồn gốc độc nhất của vạn vật, trong ngài không có bóng tối. Nhưng thế thì vấn nạn sự dữ từ nơi nào đến lại càng trở thành kinh hoàng hơn. Nếu không tìm thấy đầu nguồn của sự dữ tại sức mạnh đời đời nào đó của nó, thì có phải nguồn gốc của nó là Thiên Chúa - và vì ngài là sự thiện đời đời thì làm sao có điều ấy được? Toàn bộ mặc khải kinh thánh tính chứng thực rằng Thiên Chúa không là nguyên nhân của

150



sự dữ, mà là địch thủ của nó. Đồng thời Kinh Thánh dạy chúng ta nơi tìm kiếm nguyên nhân ban sơ của sự dữ và sự đau khổ: trong sự tự do của một tạo vật tự do làm hư hỏng sự thiện của chính nó. Tội lỗi được biểu thị như một sự dữ sâu xa nhất thế gian. (Xem thêm chương “Quyền năng của tội lỗi”).

434-448

Tuy nhiên rõ ràng là sự đau đớn và đau khổ, không thể liên hệ chúng vào bất cứ cách thức có thể chứng minh nào của tội lỗi, mà là được sản sinh bởi sự tăng trưởng và đang thành của thế gian. Cội rễ của sự khốn khổ bị vướng mắc không gỡ được trong hai thành tố hiệp nhau: cuộc tiến hóa của nhân loại và tội lỗi. Nhưng điều ấy có nghĩa là ta không thể qui trách cho tội lỗi sự khốn khổ và bất hạnh nào đó. Thế thì có phải nó xuất phát từ Thiên Chúa? Thêm nữa, dù có thể không phủ nhận sự kiện của tội lỗi loài người, liệu chúng ta có thể coi tội lỗi là hoàn toàn độc lập với ngài, đáng nắm giữ mọi sự trong tay mình?

Khi khởi sự suy nghĩ vấn đề này, cách tốt là chúng ta bắt đầu bằng việc nhắc lại vấn đề sau đây. Khi chúng ta khẳng định về mỗi sự việc bằng chính nó và mỗi biến cố trong biệt lập, rằng mọi trường hợp đều phát xuất từ Thiên Chúa, thì chúng ta đang khẳng định hơn là đang biết như một vấn đề của đức tin. Chúng ta đang đưa ra khái niệm của chính mình về sự toàn năng của Thiên Chúa bằng việc cộng thêm vào mọi điều có thể tưởng tượng được và rồi nói: đây là sự toàn năng của Thiên Chúa - ngài có thể làm hết mọi sự này. Có điều lúc ấy, thật ra chúng ta đang lập ra trên trời - nếu chúng ta có thể được tha thứ cho lối diễn tả này - một người máy hoàn hảo bằng sự hỗ trợ của các ý tưởng của chính ta. Và việc ấy làm chúng ta

có thể suy diễn ra cái cho là Thiên Chúa lơ là, và vì thế cho đó là lí do làm thế gian quá đổi ngập tràn khốn khổ.

Nhưng làm sao chúng ta biết rằng Thiên Chúa toàn năng vô tận là toàn năng theo kiểu chúng ta nghĩ ra? Có lẽ sự toàn năng của ngài khó hiểu hơn, kì diệu hơn - toàn năng hơn - là con người có thể nhận biết.

Qua mạc khải của Thiên Chúa mà chúng ta hiểu như một vấn đề đức tin rằng mọi sự phát xuất từ ngài. Nhưng điều đó chưa có nghĩa là chúng ta hữu lí trong việc hoàn toàn qui từng biến cố riêng biệt cho ngài. Trong một ý nghĩa nhất định, loài người và vạn vật cũng sở hữu tính chất hiệu lực có thật và nhất định của chính chúng, đi theo con đường của chính chúng. Và đấy có thể là một điều không thuận lợi, một con đường tự chính nó ngược lại với cái toàn bộ. Nó có thể là một hoạt động tính mà bởi đó loài người và vạn vật được coi, cách cá thể, tự bản thân chúng là không hoàn hảo. Nghĩa là, chính xác, chúng không có cương vị và cách thức của hiện hữu để làm mình trọn lành trong cái toàn bộ. Vì thế chúng bị đánh giá là không hoàn toàn đầy tràn Thiên Chúa trong chính chúng. Do đó, chúng ta không được nóng vội khẳng định cho một tình thế độc dữ, một tai ương hoặc một tội lỗi là nó phát xuất từ Thiên Chúa. Như thế, đau khổ và sự dữ là trái ngược với cái toàn bộ, trái ngược với mục đích của Thiên Chúa. Chúng, rõ rệt là giao tiếp với cái không thuộc về Thiên Chúa. (Lí do khác tại sao quá khó khăn để thẩm tra sự dữ là, có một cấp độ quá khác biệt và một kiểu tồn tại xuất phát từ sự thiện. Sự dữ không thể hiện hữu chính nó. Sự dữ luôn luôn kết hợp với sự thiện. Sự dữ luôn luôn là sự hư hỏng của một cái thiện.

Nó cũng hết sức thực thực ảo ảo như một phân li hoặc một đứt đoạn).

Nếu lúc ấy chúng ta không thể nóng vội gán những sự dữ cho Thiên Chúa thì điều chúng ta hiểu như một vấn đề của đức tin là: rằng ngài có đủ quyền năng để mang sự thiện ra khỏi sự dữ, ngài có thể đưa nó tới cái thiện, nghĩa là tới cái toàn bộ. Trong ý nghĩa này chúng ta có thể được bảo đảm, cả trong sự đau đớn và khốn khổ và thật ra rõ rệt là trong những cái đó, rằng “không có con chim sẽ nào rơi xuống đất mà không có ý muốn của Chúa Cha”, và rằng, “ngay tóc trên đầu người cũng đã được cộng số”. Đây là thông điệp của đức tin. Mọi sự ở trong tay Thiên Chúa. Ngài sẽ hướng dẫn mọi sự tới sự thiện của toàn bộ, bất chấp mà thật ra tạo tính hữu dụng cho sự dữ. Do đó, trong cái nhìn toàn bộ, sự dữ quả thật có cương vị của nó. Nhưng nếu chúng ta nói rằng Thiên Chúa “vì thế” là nguyên nhân của sự dữ thì chúng ta đã quyết đoán hơn chúng ta được phép. Thiên Chúa, đáng chúng ta thừa nhận như sự thiện vô tận trong cái tốt nhất ở trong chúng ta, không bao giờ bị thay thế bằng viễn tượng của cái khốn khổ nhất ở trong chúng ta. Ngài là kẻ thù của mọi sự đau đớn và sự dữ.

Nó hoàn toàn khác với mọi điều mà chúng ta cảm giác là tốt lành và hạnh phúc. Lúc đó, chúng ta thấy vạn vật và con người là chính chúng, trong đúng cương vị của chúng, trong hòa hợp với cái toàn bộ, toàn bộ của Thiên Chúa, mục đích của Thiên Chúa. Lúc đó, chúng ta nhận biết và cảm tạ Thiên Chúa, người yêu của mọi sự sống động (x. Kn. 11:24) trong vạn vật tốt lành, cả trong vật nhỏ bé nhất của chúng.

*“Người không nhờm tởm sự gì Người đã làm ta”*

Chúng ta nhận thấy mạc khải thiêng liêng này được bộc lộ càng ngày càng trọn vẹn và được diễn tả càng ngày càng thuần khiết, với những hiệu chỉnh nhất định các lối diễn tả trước đó. Lúc nào mục đích cũng để diễn tả Thiên Chúa là đáng cứu rỗi và là nguồn suối của cứu rỗi, nhưng điều này ban đầu đôi khi được diễn tả theo kiểu ngài dường như là nguồn suối của sự dữ cho những người khác. Vì thế chúng ta đọc thấy, “Giavê làm cho lòng Pharaon ra chai đá” (Xh. 10:20). Vào những lúc khác có lối diễn tả chính xác hơn: “Pharaon để lòng ra chai đá” (Xh. 9:35). Cũng thế trong chương 1 và 2 của Sách Gióp, chúng ta đọc thấy một mặt là “Giavê đã cho, Giavê đã lấy lại”, mặt khác câu chuyện ấy vạch ra rằng, chính xác là quyền lực của sự dữ “đã lấy đi”. Cũng sẽ thấy hàm ý đó nếu đối chiếu 2 Samuen 24:1 với Sử Biên 21:1.

Điều ấy cũng giúp chúng ta hiểu rõ hơn các lời như “Giavê tác tử, Người cũng tác sinh... Giavê bắt phải nghèo, làm cho giàu có” (1 Sm. 2:6-7). Không phải thông điệp chân chính của các lời ấy rằng Thiên Chúa là nguồn suối của sự dữ. Thông điệp thẳng thắn quả quyết là Thiên Chúa nắm toàn bộ thế gian trong tay ngài, không với mục đích nào khác hơn là để qua nó đem lại sự cứu độ. Tụng ca 1 Samuel 2:1-10 như một toàn bộ, làm thông điệp ấy thông suốt rõ ràng, bất chấp kiểu nó diễn tả ban đầu.

Trong Tân Ước, mạc khải đầy hân hoan này trở nên 208  
sáng sủa hơn, qua toàn bộ cung cách hành động và phát  
biểu của Chúa chúng ta - các dụ ngôn, chữa trị và tiếng  
“Cha” mà ngài dạy chúng ta gọi. Khi đọc Tân Ước theo 208

236  
 184-186  
 784-786  
 tình thần này, chúng ta nhận thấy Chúa Cha toả ánh sáng mặt trời trên cả người chính trực lẫn người bất chính chứ không giáng tai ương trên ai đó như một trừng phạt. Ngay việc hủy diệt Giêrusalem cũng không được diễn tả quá nhiều lời như một trừng phạt phát xuất từ Thiên Chúa. Nơi những sự việc ấy được nói tới, sáng tỏ hơn trong Cựu Ước, rằng đó chính là sự dữ trừng phạt. Rõ ràng đôi khi Tân Ước còn đưa ra những so sánh với hình phạt trần thế có gốc từ Cựu Ước (x. 1 Cr. 10:1-11 và 2 Pr. 2:1-10) nhưng ở đó, các đoạn văn ấy ám chỉ hình phạt đời đời. Nó được công bố trong Tân Ước với tất cả trang trọng có thể có: “Đáng có thể diệt cả hồn lẫn xác trong hoả ngục” (Mt. 10:28). Nhưng chúng ta thấy đó không là sự trừng phạt thiêng liêng ập xuống trên con người từ bên ngoài người ấy, nhưng là sự cứng lòng mà người ấy gây ra bên trong mình, trong khi Thiên Chúa vẫn luôn luôn còn là đáng cứu rỗi. “Người không nhờm tẩm sự gì Người đã làm ra” (x. Kn. 11:24).

Có lẽ có thể nói rằng Tân Ước còn dùng những diễn tả có thể bị hiểu lầm - nếu dựa theo nghĩa đen mà không dựa theo tinh thần. Lời cầu xin của Kinh Lạy Cha, “Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ”, có thể đưa đến một lối hiểu nào đó rằng Thiên Chúa là đáng có thể để cho chúng ta sa chước cám dỗ. Rõ ràng đó là lí do chúng ta có lời thỉnh cầu thêm trong Matthêu: “Nhưng cứu chúng con khỏi mọi sự dữ”. Cám dỗ xuất phát từ sự dữ, không từ Thiên Chúa. Kinh Thánh được viết như một công bố trọn vẹn với sự sáng tỏ ngày càng gia tăng và không thể lầm lẫn được, rằng: không có sự dữ nào phát xuất từ Thiên Chúa, mà chỉ có sự thiện.

*“Bất cứ sự gì người xin Cha Ta nhân danh Ta”*

Ở đây có thể có thêm một vấn nạn. Nếu loài người và vạn vật chính chúng có một hoạt động tính bất thuận lợi, một hoạt động tính mà chúng ta không thể gán cho Thiên Chúa, thế thì liệu Thiên Chúa có thể thật sự thực hiện ảnh hưởng ở đó? Liệu ở đó trong việc cầu nguyện Thánh Linh trọn lành có thể có ý nghĩa nào không? Và có một vấn nạn khác được đưa ra thường xuyên hơn về việc loại trừ các bệnh tật và tai họa thiên nhiên. Thiên Chúa có thể can thiệp vào các cái đó, can thiệp bằng cách vi phạm luật thiên nhiên không? Hãy bắt đầu với câu hỏi sau ấy: chúng ta chẳng có lí do gì tin rằng lời cầu nguyện của chúng ta được nhậm bằng những hành động linh thiêng, đặt qua một bên trật tự thiên nhiên của vạn vật. Nó là một vấn đề mà chúng ta không biết gì hết. Chúng ta không biết gì về mọi sức mạnh tác động trong thế gian này của Thiên Chúa. Chúng ta không biết cái <sup>190</sup> sâu thẳm của cuộc sáng thế. Qua sự sống lại của Đức Giêsu, chúng ta dễ dàng thừa nhận mọi sự dữ hơn vì chúng ta tin rằng Thiên Chúa tác động làm hoàn hảo thế gian này, ngài chăm chút làm xảy đến cuộc sáng thế mới.

Do đó, cuộc sáng thế như một toàn bộ, là những viễn tượng lớn hơn, sâu hơn và toàn bộ hơn những phát hiện của chúng ta có thể với tới. Và điều mà đức tin nói cho chúng ta biết về lời cầu nguyện của mình là thế này: khi cầu nguyện, chúng ta biến bản thân mình thành dễ tiếp nhận hoạt động tính trong cuộc sáng thế của Chúa sống lại. Chúng ta mở lòng cho những sức mạnh của cuộc sáng thế mới. Những sức mạnh này không cản trở thế gian hiện

hữu. Chúng làm thế gian chân chính hơn trong chính nó. Chúng làm thế gian chú mục hơn tới mục đích cứu rỗi và sự thiện của nó, Do đó, chúng ta dẹp bỏ những rào cản giữa bản thân mình với quyền năng của Đức Kitô, để cuộc sống thế mới có thể trình bày cách sáng tỏ hơn cho chúng ta mục đích tối hậu của nó, thí dụ trong chữa trị và cả trong thời tiết tốt. Vì thế chúng ta có thể cầu nguyện cho những việc đó. Và chúng sẽ diễn ra, nếu đó thuộc thành phần của mầu nhiệm Đức Kitô mà tự nó biểu lộ sẵn cho chúng ta tức thì và tại chỗ bằng những cách như thế.

208-212 Chúng ta nhận biết, qua việc đáp ứng lời cầu nguyện trong phúc âm, trong lịch sử Giáo Hội và trong cuộc đời của chính ta, rằng Thiên Chúa nhậm lời cầu nguyện nào được truyền hứng khởi bởi đức tin vững chắc.

*“Ta sẽ ở cùng người lúc ngặt nghèo” (Tv. 91)*

Nhưng lại gia tăng các vấn nạn khản trương. Chẳng hạn, có phải vì thuộc thành phần mầu nhiệm Đức Kitô mà đau khổ đôi khi được cất khỏi, đôi khi lại không? Tại sao người mẹ trẻ này yếu tử để lại gia đình cô cút? Ngài có thể nào ngăn điều ấy lại? - Khi Ladarô chết vấn nạn ấy cũng đã được đặt ra: “Ông ấy đã mở mắt cho người mù, lại không thể làm người này khỏi chết sao?” (Ga. 11:37). Lúc ấy câu trả lời của Chúa thế nào? Nó đưa ra một ý niệm toàn bộ lớn lao hơn: “Vinh quang Thiên Chúa” (Ga. 11:4) và đức tin sâu xa hơn trong thành phần của loài người (Ga. 11:42). Lời của Đức Giêsu, và cũng thế với các hành động của ngài, nói cho chúng ta một điều về Thiên Chúa. Ở đây nếu Ladarô được sống lại thì sự sống và nỗi hân hoan, vinh quang và đức tin ngài ban cho

đều lớn lao hơn. Đau khổ được nâng lên và ép chặt lại thành sự phục vụ cho nỗi hân hoan tối hậu. Nhưng ở đây chúng ta cũng thấy một điều khác, điều ấy đặt việc chấp nhận sự đau khổ của Thiên Chúa vào một ánh sáng mới tới độ chúng ta không bao giờ xua đuổi khỏi ý thức mình. Chúng ta còn thấy là Đức Giêsu đã khóc. Thiên Chúa không chế ngự sự đau khổ bằng cách trầm lặng và điềm tĩnh để yên cho nó xảy ra.

Tuy nhiên, có thể phản bác rằng, trước hết, vinh quang phô bày đó của Thiên Chúa phải trả bằng giá của Ladarô. Hôm ấy ông ta có chết! - Thế thì chúng ta hãy quan sát chính Con Thiên Chúa trong vườn cây dầu. Một trong các môn đệ của ngài tuốt gươm ra. Đây là ý nghĩ về sức mạnh và giải cứu. Đức Giêsu nói: “Hay người tưởng Ta không thể xin cùng Cha Ta cấp ngay cho Ta hơn mười hai cơ binh Thiên Thần ư?” Đức Giêsu không chỉ nói thế. Ngài tiếp tục: “Vậy thì làm sao nên trọn lời Sách Thánh, là phải xảy ra như vậy?” (Mt. 26:53-64). Đó là tính chất toàn bộ, kì diệu hơn và lớn lao hơn, và do đó lúc đó không thể thật sự trông mong sự can thiệp toàn năng của Thiên Chúa. Nó không đúng chỗ. Nó không là thừa nhận và chấp nhận cách trầm lặng. Ngược lại nó đòi hỏi mồ hôi máu của Đức Giêsu. Bằng bản thân mình, ngài xấp chiến sự khôn khổ, lòng trĩu nặng đau buồn, cam chịu nó và đi qua nó. Đó là cách sự toàn năng của ngài tự biểu lộ. Ngài khóc vì người bạn của mình và vì bản thân đổ mồ hôi máu.

Điều ấy có thể xảy ra ngược lại không? Có cách nào dễ hơn mà tốt hơn không? Ai nói được? Điều duy nhất chúng ta có thể nói chắc chắn là Thiên Chúa không trầm tĩnh và khoanh tay ngài lại để yên cho sự dữ. Trong Đức



Giêsu là hình ảnh của điều vô hình mà chúng ta nhận biết Thiên Chúa là thế nào. Cả khi ngài kháng cự ứa máu chống lại đau khổ và sự dữ, chúng ta có thể nghe Đức Giêsu nói: “Ai đã thấy Ta là đã thấy Cha” (Ga. 14:9).

<sup>5.3</sup> “Thiên Chúa để cho đau khổ”. Câu nói ấy có thể đầy đủ như diễn tả một sự thật rằng Thiên Chúa có thể làm cho thành sự thiện cái xuất phát từ sự dữ. Nhưng nó không cắt nghĩa là làm thế nào, và vì thế nó làm sai lạc. Tốt hơn và đúng hơn là nói rằng Thiên Chúa chống lại sự dữ, rằng ngài giải cứu khỏi sự dữ. Đó là điều ngài đang làm. Ngài mời gọi chúng ta cùng ngài chiến đấu. Cũng bằng tình yêu của chúng ta, bằng lao động của chúng ta, Thiên Chúa chiến đấu chống lại đau khổ và sự dữ.

### *Tính chất không ngờ của Thiên Chúa*

Ngay cuối cuốn sách này có lẽ đúng chỗ để đặt vấn đề sự dữ? Tại sao chẳng nêu vấn đề ấy sớm hơn để chương cuối này được kết thúc hoàn toàn nhẹ nhàng? Không - bởi chính trong sự đáp ứng lại sự dữ mà Thiên Chúa dẫn chúng ta tới sự sáng chân chính của ngài. Chính trong cuộc chiến đấu của Đức Giêsu đối với tội lỗi và sự chết mà Đấng Vô hạn mạc khải tâm điểm của mầu nhiệm ngài. Để lại cho chúng ta, những kẻ luôn luôn có khuynh hướng nghĩ về Thiên Chúa như trời cao diệu vợi của quyền năng, tình yêu và chân lý vô tận. Nhưng trong Đức Giêsu, sự toàn năng của Thiên Chúa, tại biểu thị tối cao của nó, được nhìn như cam chịu cái chết không cưỡng lại được của chúng ta và như thế, chế ngự sự chết. Vẻ mĩ miều của Thiên Chúa bị thấy xuất hiện như sự gồm ghiec đáng thương: “Chúng tôi kể ngài như kẻ bị trời đánh” - như

người cùi hủi (Is. 53:4). Thánh thiện của Thiên Chúa 416-469 không chỉ ở tính chất vô phương đạt đáo, mà là ở người bầu bạn với những kẻ tội lỗi, nơi ngài có sự chung đụng với những ai ngài muốn đổi mới họ. Trong Đức Giêsu, 180-182 chân lí của Thiên Chúa không là một toàn tri lạnh lẽo, mà là sự ấm áp làm một với yêu thương và tin cậy. (Và điều này cũng được thấy qua việc Thiên Chúa không để cho nhận biết ngài bằng tính toán lạnh lùng, mà bằng trọn vẹn và nồng cháy của tận hiến cũng như của tình yêu). Tính chất hiện diện mọi nơi của Thiên Chúa không 218-225 là tràn ngập đều khắp theo chiều cao và chiều rộng vũ trụ, mà là tính chất hiệp thông với tình yêu và đau khổ của chúng ta: “Đâu có hai, ba người họp lại nhân danh Ta, thì Ta ở đó, giữa họ” (Mt. 18:20). Nồng ấm, có tính người, 316-318 thân hữu, nhưng vẫn đầy ấp một tình yêu mãnh liệt hơn cái chết - đó là cách mà mạc khải chân chính của Thiên Chúa tự biểu lộ. Trong khi chúng ta nỗ lực để ngày càng cứng cáp hơn thăm dò mầu nhiệm của ngài theo các chiều cao và chiều sâu, thì ngài đã và đang dẫn dắt chúng ta tới sự có mặt của ngài trong cuộc sống bình thường với những hân hoan và đau khổ của cuộc đời thường.

### *Thiên Chúa hằng sống*

Khi nỗ lực thâm nhập cách kính tin vào mạc khải này, chúng ta bắt đầu nhận ra trọn cuộc đời mình ở trong bàn tay một tình yêu hằng cửu. Được mang đến Chúa Cha bởi Đức Giêsu và được tràn đầy bởi Chúa Thánh Thần, chúng ta được can dự vĩnh viễn vào mầu nhiệm của tình yêu. Vì được ưu tiên ở trong gia đình của Thiên Chúa, nên chúng ta được mạc khải vinh quang long lẫy nhất này.

Đôi khi chúng ta lùi bước trước sự tóm tắt ngắn gọn, vì nó là mầu nhiệm của Chúa Cha, Con và Thánh Thần. Chúng ta lùi bước trước việc đó, vì biết rằng để hiểu Thiên Chúa, chúng ta không được xa lìa khung cảnh nơi mạc khải của ngài đã mang đến cho chúng ta - đó là cuộc sống bình thường, thế gian của loài người. Chúng ta không cần phải leo lên các chiều cao hoa mắt, vì trí tưởng tượng của chúng ta lập tức bị tóm lấy bởi một hình vẽ trang trí nào đó như ba vòng tròn đan vào nhau. Hoặc lập tức tư tưởng của chúng ta bị bận rộn bởi sự phối hợp các con số một và ba, và vì thế, để vượt tính chất phong phú của mạc khải được đưa ra trong Kinh Thánh này. Kinh Thánh không dùng số “ba” để nói về mầu nhiệm này, Kinh Tin Kính Các Tông Đồ hoặc Kinh Tin Kính Nicêa cũng thế. Không phải vì thế mà chúng ta né tránh. Nhưng nó là một cảnh giác không nên quá dễ dãi bắt đầu bằng một công thức ngắn gọn để mưu toan công bố một mạc khải vốn bao hàm cách toàn bộ. Trong các lời dạy lẽ đạo lúc này đưa ra cho trẻ em, chú ý đầu tiên chú mục vào Chúa Con và cách ngài nói về Chúa Cha, cách ngài yêu Chúa Cha. Vào Tuần Lễ Sau Chúa Nhật Hiện Xuống, đề cập đến chuyện Chúa Thánh Thần được sai đến, nhưng chỉ những năm về sau mới dùng đến thuật ngữ Thiên Chúa Ba Ngôi.

Ngay cả chúng ta cũng rút rè khi nói tới mầu nhiệm ấy theo thuật ngữ Kinh Thánh. Cuối tròn một cuốn giáo lý trong đó nói nhiều tới Chúa Cha, Con và Thánh Thần thì một “giải quyết” trong ít trang chắc chắn là đặt mầu nhiệm này thành quá đối tách biệt. Thật cần thiết lập lại các ý nghĩa bóng bẩy đã gợi lên khi nói về Đức Giêsu Nagiarét trong sự vâng lời của ngài đối với ý muốn của Chúa Cha,

khổ nạn và vinh quang của ngài với Thiên Chúa. Số mạng của Đức Giêsu bao gồm và biểu hiệu tình yêu vĩnh viễn giữa Chúa Cha và Con. Cùng gởi Thánh Linh đến thế gian, 214-218  
Thánh Linh đến thế gian, Thánh Linh làm một với Chúa Cha (1 Cr. 2:10), một với Con (2 Cr. 3:17), và thật sự, là 264-265  
tình yêu hỗ tương giữa Chúa Cha và Con, như được minh họa bởi bề câu đáp xuống khi có tiếng tự trời phán: “Này là Con chí ái Ta” (Mt. 3:17). Thông điệp của Kinh Thánh công bố rất mạnh mẽ cả sự thích đáng riêng biệt của Chúa Cha, Con, Thánh Thần, và nhất tính thiêng liêng của cả ba, 265  
tới độ chúng ta không thể làm gì khác hơn là tuyên xưng Thiên Chúa độc nhất trong ba bản vị.

*“Vì trong Ngài vạn vật đã được tạo thành”*

Chúng ta thể hiện mọi điều trên bằng nỗ lực sống cùng Đức Kitô. Khi cố gắng sống với ngài qua Thánh Linh xuất phát từ ngài và Chúa Cha, chúng ta nhận ra rằng sự mờ mịt hèn mọn của cuộc sống mình, như nó dường như thế, tuôn trào từ Chúa Cha và đến Chúa Cha. Ngài, Chúa Con, là “trưởng tử giữa mọi thụ sinh” (Cl. 1:15). Ngài và cuộc sáng thế đi cùng nhau. Vì Chúa Con được sinh trong Thiên Chúa mà thế gian của loài người - và riêng phần mỗi người - xuất phát trong ngài và qua ngài bởi Thiên Chúa, đáng khởi nguyên. Do đó, hưởng 630  
về tình yêu tam vị nhất thể mà chúng ta cần tìm kiếm dấu vết có thể chỉ tới câu trả lời cho vấn nạn: tại sao thế gian hiện hữu? Vạn vật được tạo nên vì trong Thiên Chúa mà Thánh Linh tình yêu của Đấng Trưởng Tử được pha hơi tới. “Mọi sự đều tồn tại trong Ngài” (Cl. 1:17), trong Chúa Con. “Mọi sự đã được tạo thành nhờ Ngài và cho

Ngài” (Cl. 1:16). Chúng ta hãy suy nghĩ về sự mệnh mông của vũ trụ. Bằng ý nghĩ, chúng ta hãy thâm nhập vào các phân tử nhỏ nhất của vật chất. Chúng ta lại càng hãy xem xét các thực tại kì diệu: tinh thần của con người và lương tâm, tâm hồn của con người và tình yêu và sự nồng ấm. Con người, như thể nói theo lối khoa học, thì kì diệu hơn các tinh tú có sức nóng thiêu đốt của các thiên hà. Cả em bé tí hon đang chạy chơi trên đường làng cũng là một đơn vị mầu nhiệm. So với mặt trời có vẻ bé không quan trọng bằng, nhưng bé có thể biết mặt trời và gần với mặt trời. Bé đang sống động còn mặt trời thì không. Mặt trời có màu vàng chỉ vì bé có mắt. Mặt trời đẹp chỉ vì con người dễ cảm. Một em bé có thể khóc vì không được thương yêu, nhưng những vật thể siêu phàm thì không biết tình yêu là gì. Mỗi người là một thực tại phong phú hơn, và thực tế, có thật hơn những nổ bùng khốc liệt của các tinh tú trên không gian.

Chúng ta cần mở rộng mắt mình tới mọi sự đang hiện hữu và mở rộng lòng mình tới thông điệp có lời: “Mọi sự đã được tạo thành nhờ Ngài và cho Ngài”. Ngài là kẻ đầu tiên xuất hiện. Trong mọi im ắng qua đó cuộc sáng thế nói với chúng ta, ngài, Lời khởi thủy của Thiên Chúa, luôn luôn có mặt. Chúng ta tin rằng Lời, Lời hằng sống, đã trở nên xác phàm và ở giữa chúng ta. Trong cuộc sáng thế hiện hữu qua ngài và với ngài, ngài tự mạc khải ở tiêu điểm căng thẳng nhất của thực tại, nơi bóng tối có thể thâm nhập nhất và nỗi đau đớn nghiêm trọng nhất, nhưng lại là nơi sự sáng chói lợi nhất, sự sống tuyệt vời nhất và tình yêu là tình yêu chân chính, vì ngài mạc khải ngài trong con người.

Ngài là Con Người. Đây là cách ngài thiết lập sự hiệp thông với chúng ta. Và bởi thế ngài trở thành “đầu của Thân mình, tức là Hội Thánh. Ngài là khởi nguyên” (Cl. 1:18). Bằng mở rộng tâm hồn mình đối với ngài, chúng ta có thể sống trong hiệp thông tinh thần với nguồn suối của vạn vật. 165  
734-738

Chân lí này của sự sống chúng ta, được nâng lên thành dòng chảy xuôi ngược của sự sống linh thiêng, vượt ngoài điều mà trí óc chúng ta có thể nắm bắt và lời lẽ chúng ta có thể diễn tả. Nó toàn diện hơn và bao la hơn chúng ta có thể thăm dò. Nhưng nó không hạ giá chúng ta thành hư không. Ngược lại nó cho chúng ta sự sống. Thiên Chúa là “đấng cho tôi hiên ngang ngẩng đầu” (Tv. 3:4). Chúng ta là con trai và con gái của Thiên Chúa của sự hằng sống, em trai và em gái của “trưởng tử giữa các vong nhân” (Cl. 1:18). Vì thế, toàn bộ sự mạc khải, và cách riêng, tình yêu riêng tư của Đức Giêsu cho loài người tận từng người, chỉ tới sự kiện rằng, Thiên Chúa sẽ không để chúng ta hòa tan trong cõi Niết Bàn không tả được nhưng chẳng liên qua tới riêng ai. Ngài tạo nên chúng ta theo hình ảnh ngài để ý thức cá nhân, mà chúng ta nhận được từ tình yêu của ngài, không bao giờ mất mà vẫn tiếp tục phát triển giữa gia đình chúng ta hôm nay, trong dạy bảo con cái, trong lao động của chúng ta, trong niềm vui, từ đầu chí cuối sự đau khổ của chúng ta và xuyên qua sự chết mà đi vào sự sống. 774  
66-68

### *Thiên Chúa là tình yêu*

Lí do điều này là cùng đích mà Thiên Chúa hướng dẫn cuộc sáng thế của ngài đến đó thì chúng ta có thể

230-236

phỏng đoán qua điều chúng ta có thể tin vào sự sinh động của Thiên Chúa. Trong mầu nhiệm của sự sinh động tam vị nhất thể của Thiên Chúa, có một mạc khải rọi sáng vấn đề sâu xa nhất liên can tới con người: tại sao chúng ta hiện hữu như thể chúng ta sống, những tạo vật không ai hiểu, sản sinh và yêu thương; làm thế nào ý tưởng về “hiểu biết”, “yêu thương”, “sản sinh” từng chỗi dậy (- chúng ta chỉ có thể nói theo lối loài người khi chúng ta kéo thẳng ra với nỗi kinh ngạc sâu xa nhất tới cái “tại sao?” căn bản). Nhưng dấu thế nào thì cũng chẳng quan trọng gì. Vì Thiên Chúa là tình yêu. Ngài không là đáng Ala khoan dung mà cách biệt. Mầu nhiệm của Thiên Chúa không phải mầu nhiệm của tách biệt mà là của hiệp thông, sáng tạo, hiểu biết, yêu thương, tuôn trào và tiếp nhận, và vì thế tại sao chúng ta là cái mà chúng ta hiện hữu. Sự sống của loài người có một khả thể tính hợp tác với điều mà Thiên Chúa là: tình yêu.

Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, có thể buồn tẻ hoặc bi thảm hoặc rất phức tạp, nơi có quá nhiều sự việc liên tục đòi hỏi sự chú tâm của chúng ta, thì tình yêu là ánh sáng Thánh Linh đưa ra cho chúng ta. Nó là đèn lư thông qua đó chúng ta cần sắp xếp lộ trình của mình, để không trượt mất mục đích chân chính của cuộc đời mình. “Các con thơ bé, ta đừng yêu mến bằng lời nói, bằng đầu lưỡi, nhưng là bằng việc làm, thực sự” “Kẻ nào có của đời này mà thấy anh em nó lâm phải túng thiếu lại khóa lòng dạ lại đối với anh em nó, thì làm sao lòng mến của Thiên Chúa lưu lại trong nó?” (1 Ga. 3:18-19,17). Chúng ta có thể vui mừng kết thúc cuốn sách này, trong việc làm cho tròn chủ đề này cách hấp dẫn bằng kiểu sau cùng sỡ vào một bức tranh tượng ở chốn tôn nghiêm

và nói: đây là Thiên Chúa. Nhưng không thể làm theo kiểu ấy. Chính Thiên Chúa bước ra khỏi các tranh tượng để hiện thân ngài trong loài người là những kẻ đang cần chúng ta. Và ở đó ngài nói, Ta ở đây. Ngài dấu mình trong những người hèn mọn của trần gian và nói, Hãy tìm ta ở đây. Ai muốn sống với Thiên Chúa thì nhận thấy rằng không từng có điều gì được coi là hoàn tất cả. Luôn luôn có bắt đầu tươi rói để thực hiện, để làm mới mỗi khi bình minh lên. Lời của sự sống và những biểu tượng của sự sống, mà tin mừng đưa ra cho chúng ta trên con đường chúng ta đi, đều nói cho chúng ta biết rằng phải yêu thương Chúa, Thiên Chúa của chúng ta, với hết tâm hồn, hết linh hồn, hết trí khôn của chúng ta - và với một sức lực ngang bằng như thế - chúng ta yêu người bên cạnh như bản thân mình.

Không ai trong chúng ta cảm thấy mình không bất lực trong sứ mệnh này. Không ai trong chúng ta cảm thấy mình hoàn hảo khi đối diện với Thiên Chúa, không chỉ một mình mình mà còn cùng với những người đồng hành của mình, như gia đình, quốc gia, Giáo Hội và nhân loại. Dù thế, không cách nào sống khác hơn là yêu thương. Thánh Linh của Thiên Chúa tam vị nhất thể không thêm hạ cố gặp mặt bên ngoài tình yêu. Nhưng khi nỗ lực với Con Người để tiến bước theo lối đi hẹp của tình yêu, chúng ta có thể dường như nói với chính mình những lời tiếp theo đoạn trích dẫn của Gioan ở trên:

“Trước nhan Người, ta sẽ trần tình được lòng ta  
mọi điều lòng ta đã cáo tội ta;

**VÌ THIÊN CHÚA LỚN HƠN LÒNG TA”.**



## MỤC LỤC CHỦ ĐỀ

### A

Abba - trong từ vựng của Đức  
Giêsu 203-5

Á bí tích 427

Abraham 77, 83, 436, 478

Ác *xem* Dữ

Adam và Eva - và những trình  
thuật khác về những người đầu  
tiên 85, 303, 436-49, 640-1, 236-  
43, 348-9

Amen - trong từ vựng của Đức  
Giêsu 256

Ấn tử hình 696-701

Ăn năn 747, 758-60, 479-83

Ăn sùng - không ban cho cá nhân  
tách biệt 396, 479-83

Ấn Độ giáo 65-7, 451-2, 475

Anh chị em của Đức Giêsu 142

Ariô chủ nghĩa 146-9, 363

Augustinô 56, 363, 389, 420, 445,  
502, 503, 529, 619

### B

Bác ái 234, 273-7, 714-7

Bách hại

- các Kitô hữu 359-62, 387

- bởi các Kitô hữu 371-3, 386-7

Bài Giảng Trên Núi 91-3, 118, 274,  
178-80, 225, 505-8, 626, 710-1,  
340, 386

Bảo vệ thú vật 692

Bất khả ngộ tính

- của dân Thiên Chúa 603

- của giam mục đoàn 328, 603-4

- của Đức Thánh Cha 606-9

Bất lực của con người 463-4,  
577-8, 717-719

Bệnh hoạn - thăm người bệnh  
767-8

Bí mật nghề nghiệp 729-30

Bí mật của giải tội 729-30

Bí tích 197-9, 422-7

*xem* Rửa tội, Thêm sức, Phép

Thánh Thể, Hôn phối,

Truyền chức, Xung tội, Xức  
dầu kẻ liệt

Biệt phái 180

Biệt phái chủ nghĩa 655, 728

Biểu hiệu 426-7

Bình an 318-9, 360-1, 691, 696-9

Bối toán 729-30

### C

Các bữa tiệc của Đức Giêsu 179  
biểu hiệu Nước Thiên Chúa

Cải Cách

cũng *xem* Tin Lành, Thệ Phản

- nguồn gốc 370-1

- các khác biệt 371-373

- rửa tội 414-5

- các lời khuyên phúc âm 388-90

- Kinh Thánh 537-42

- Trách vụ 603-4

- hôn nhân 629-74 cũng *xem* Phong  
trào Đại kết. Thông điệp quan  
trọng nhất của sách này là cho  
hết thấy Kitô hữu.

Cám dỗ 166-9, 280, 493-7

Cao niên 673, 765

**Cầu nguyện**

- của Đức Giêsu 199-203
- kiên trì 205-6
- nhậm lời cầu nguyện 210-11, 813-4
- là gì? 508-9
- lắng nghe Thiên Chúa 511-2
- Phép Thánh Thể, tâm điểm của cầu nguyện Kitô giáo 512
- giờ kinh qui định 513-5  
*cũng xem Phụng vụ*
- dâng lời thánh thoi nhờ hứng khởi riêng tư 515
- kinh nguyện sáng và đêm 277-8, 514, 515-517
- tạ ơn lúc ăn 277-8, 518
- lần chuỗi 515
- chiêm nghiệm 524
- cầu nguyện thần bí 528
- cầu nguyện trầm tư 527
- Cầu nguyện chiều 514
- Cầu nguyện sáng 514
- Compline *xem* Giờ kinh qui định 514
- Con Người 261-80
- Con người
  - mô tả 28-34
  - nguồn gốc 35-6, 629-30, 819-20
  - tương lai 39, 394, 770-1
- Con người, kẻ tra vấn 25-7, 807-22
- Con Thiên Chúa 76, 262-4, 819-22  
*cũng xem* Giêsu Nariarét, Lời Thiên Chúa, Nhập thể, Thiên Chúa-không phải ý tưởng của chúng ta về Thiên Chúa
- Công bằng 708-9, 710
- Công đồng
  - ý nghĩa 603-4
  - Nicêa 145-7
  - Êphêzô 147-8

- Canxêdon 148-9
- Trentô 374
- Vatican II 368, 627
- Cộng sản *xem* Mác xít chủ nghĩa
- Cơ đốc Phục lâm 543
- Của ăn dâng 768-70
- Curia 618
- Cứu độ 450-60, 642-7, 703-07
- quyền năng cứu độ lớn hơn quyền năng của tội lỗi 395, 433, 450
- Cứu độ bởi Đức Kitô 450-478

**CH**

- Cha mẹ đỡ đầu 420, 430
- Chao đảo 493-7
- Chân thành 726-7
- Chết 33, 61-2, 299-3, 466, 717-9
- Chết không đau 696-701
- Chiêm nghiệm 527
- Chiến tranh 378-9, 118-20, 670
- Chiến tranh nguyên tử 671-2
- Chu kỳ năm phụng vụ 337-9
- Chúa Nhật 322, 533-5
- Chuỗi Mân côi 515

**D**

- Dân chủ 391-3, 598-9
- Dầu thánh 232-3, 290, 408-12, 428-30, 419, 601, 760-70
- Dè bêu dèm pha 725-6
- Do thái 76-80, 185, 343, 4
- Đôi trả 726-7
- Đòng tu và Tu hội  
*xem* Lời khuyên của Phúc âm
- Duy nhất tính của Đức Giêsu
  - các dụ ngôn 175-6
  - các phép lạ 192-6
  - Kinh Lạy Cha 213-5

- việc thu nhật các Tông đồ 237-50

Duy nhất tính của Israel

- trong độc thần giáo và trung tín 76-85, 799-824

- trong mặc khải về tội lỗi 81-3

- trong chủ nghĩa Cứu Thế 83-9

- trong văn bản lịch sử 89

- trong toàn bộ lịch sử mình 110-6

Duy nhất tính của mặc khải của Đức Kitô trong thế gian 463-77, 807-23

Dữ xem Tội lỗi và Khốn khổ

## **D**

Đa thần giáo 65

Đại kết 386-7, 414-5, 590 Thông điệp quan trọng nhất của sách này là cho hết thầy Kitô hữu.

Đau khổ

- của Đức Kitô 52-3, 261-8, 341-478, 811-6

- cuộc chiến đấu của chúng ta chống lại đau khổ 463, 643, 691, 709-13

- chúng ta được cứu độ bởi sự đau khổ của Đức Giêsu 465, 710-3  
xem Khốn khổ

Đấu tranh xã hội 712-6

Đền tội 717, 727

Địa đàng 295, 361, 436-9, 448-9

Đính hôn 634

Độc thân xem Không lập gia đình 215, 671-3, 682

Độc thần giáo

xem Duy nhất tính của Israel

Đồng tính luyến ái 635

Đức tin

- cho bởi bằng chứng bên ngoài của Đức Giêsu và Giáo Hội và bằng chứng bên trong của Chúa Cha 215

- và nhận thức sâu xa nhất của chúng ta 215-220, 483-6

- không phải hệ thống mà là một thông điệp và sự sáng xem Tín lí 485

- và phép lạ 198

- ngưỡng cửa trước khi đạt tới đức tin 396-405

- cha mẹ có nên quyết định đức tin cho con cái 396-400

- là cái chúng ta chung nhau có 400-5, 418, 483

- là ân sủng 483-6

- là đức hạnh và sứ mệnh 484-6, 685

- và "trí óc" 220-1

- lí trí và đức tin 485

- và chao đảo 487

- từ chối 222

- chúng ta cần đức tin để nhận biết Chúa sống lại 313

Đức Thánh Cha 245-9, 365, 606-9

Đường Thánh Giá 297-8

## **G**

Ganh tị 693

Gia đình 629-73

Giám mục 592-604

Giám mục đoàn 603-4

Giáng Sinh 134-43

Giáo dục 630, 667, 717, 719

Giáo hoàng xem Đức Thánh Cha

Giáo Hội

- thành lập bởi Đức Giêsu 236-51

- ai thuộc về Giáo Hội 394-5
- "Giáo Hội" nghĩa là gì
- và rửa tội 412-4
- dân tộc tư tế của Thiên Chúa 576
- là máng xối của tha thứ 748
- trong thế giới 628, 686
- và Nhà Nước 686-92

Chúng tôi dùng chữ "Giáo Hội" như được dùng trong Kinh Thánh chỉ số lượng một hoặc nhiều. Vì thế chúng tôi không dùng lối nói "Giáo Hội" cho "những cộng đoàn khác tín ngưỡng nhau". Tại sao chúng ta không dùng tiếng "Giáo Hội" cho những tông phái Kitô giáo khác ngoài Giáo Hội Công Giáo...

- Giáo Hội Phương Đông 365
- Giáo Phụ của Giáo Hội 362-7
- Giêsu Nariarét 251-4 đều khắp nội dung sách, đặc biệt chương "Người Này là Ai" xem thêm Lời Thiên Chúa, Con Thiên Chúa và các chỗ khác.

Giêrusalem

- bắt xâm chiếm 77
- bị xâm chiếm 78
- trung tâm Do Thái giáo 78
- Đức Giêsu đi Giêrusalem lần đầu 160
- Đức Giêsu đi Giêrusalem lần hai 163
- Đức Giêsu sau cùng quyết định đi Giêrusalem 265-7
- sụp đổ của Giêrusalem 278
- Giờ kinh qui định 513-5

## H

- Hài nhi không rửa tội 420-2
- Hân hoan 180-2, 319, 343, 620-1, 788
- Hạnh phúc 28-30, 788
- Hi vọng 497-501, 765, 799-81
- Hiện diện của Đức Giêsu 309-11, 324, 326-8, 356, 423, 567-9, 596
- Hiện diện của Thiên Chúa 76-7, 423-4, 804, 817, 229-30, 438, 445 cũng xem Hiện diện của Đức Giêsu và Thánh Linh Thiên Chúa
- Hiện Xuống 330-2
- Hiện xuống, phong trào 542
- Hiển linh 159
- Hoá thân 768 xem Phụng sự
- Hoả ngục 183-4, 428, 785
- Hồi giáo 71, 366, 453-4
- Hôn nhân 226, 639-74 xem đều khắp nội dung từ bắt đầu sách
- Hồng Y 609-10

## I

- Israel 76-124 xem Duy nhất tính của Israel và Do thái

## K

- Kerýgma 354
- Kế hoạch hóa gia đình 662
- Kinh Lạy Cha 213, 407
- Kinh nghiệm siêu tâm lí 729-30
- Kinh Thánh
  - tại Israel 93-114
  - nguồn gốc tại Israel, Cựu Ước 94-7
  - qui điển, qui điển tính 94, 367

- văn thể 94, 134, 253, 350, 784, 803
- tại sao người thời nay có thể thất sự thoải mái với Kinh Thánh 106
- tính thô thấp của Kinh Thánh 114
- thần hứng của Kinh Thánh 115, 352
- ý nghĩa tâm linh 115, 117, 347, 532, 544, 552, 794
- nguồn gốc trong Giáo Hội sơ khai, Tân Ước 347-52 cũng xem Phúc âm
- như một nền tảng thường trực 355
- sách gia bảo của Giáo Hội 536
- và phong trào Cải Cách 538-44
- làm chúng ta nên một 550
- có thể diễn giải cách cá nhân không? 549
- Kinh Thánh có nhiều sức mạnh, sự sống, chân lý và xác thực hơn cuốn giáo lý này 780
- giải thích theo cảm quan thần bí 794
- đầy mẫu nhiệm như Thánh Linh 796

**KH**

- Khao khát Giavê 81, 134, 156, 160, 177
- Khát vọng mệnh mông 41-4, 765
- Khoa học 488-9, 719
- Khoan dung 585
- Khôi hài 726
- Khôn ngoan của Thiên chúa 89-93, 144-5

**Khốn khổ**

- của thế gian 31, 49-52, 209, 452, 780, 811
- trong lao động của chúng ta 704
- trong hôn nhân 642-7
- Không lập gia đình 629-673, 675
- Đức Giêsu không lập gia đình 322-4
- vì Nước Thiên chúa 610-2, 665-7

**L**

- Lao động 28-30, 162-3, 701-7
- Laud *xem* Giờ kinh qui định
- Lề luật
- tại Israel 88
- và Đức Giêsu 224-6, 613-620
- sự thành lập các giá trị sâu xa và sống động nhất 613-7, 650-5
- và lương tâm 614-74
- của Nhà Nước 586, 619, 648-9, 650, 686
- Lễ qui Phép Thánh Thể 556-8
- Lễ giáo 359-380
- Lịch sử Giáo Hội 359-380
- Linh mục 601-2, 684
- Linh mục giáo xứ 601
- Lời hứa của Thiên Chúa 85, 230-1, 720-99
- Lời khuyên của Phúc âm 322-5, 388-90, 674-85
- Lời Thiên Chúa 81, 86, 87, 310, 536-51
- xem* Kinh Thánh
- đã thành xác phạm 143-51, 818-23
- Lời tiên tri 170, 189, 277-9, 299, 329, 788-94
- Lừa (ngựa) 277

Lương tâm 45-6, 585, 616-9, 738-46

Luyện ngực *xem* Thanh luyện

## M

Ma thuật 61-2, 193, 426-31, 549

Ma túy 693

Mác xít chủ nghĩa 72-4, 457, 473, 477

Maria

- đồng trinh sinh Đức Giêsu 136-7

- mẹ của Chúa 141-8

- thương khó của mẹ 162, 297

- tại Cana 170

- hình ảnh của Giáo Hội 339, 367

- vô nhiễm nguyên tội 448

- lên trời hồn xác 779

Mạc khải 284-8, 466-72, 563

Màu nhiệm

- không là một vấn đề hoặc một câu đố 737

Mình Thánh Chúa *xem* Phép Thánh Thể

Misa, thánh lễ *xem* Phép Thanh Thể

Mộc mạc

- của phép lạ của Đức Kitô 190-6

- của các biểu hiệu phép bí tích 287, 422-7, 564, 575

- của Thánh Linh 331, 479

Môhamét. học thuyết *xem* Hồi giáo

Môn phái 542

Mormon 543

Mùa Chay 273-6

Mùa Vọng 131-4

Mười giới răn 84, 508-9

## N

Nội tại tính của Thiên chúa 804-6

Nước Thiên Chúa

- được tuyên bố bởi Gioan Tẩy giả 129-30

- Đức Giêsu mang nước trời đến 170-89

- Đức Giêsu là nước trời 189

- và Giáo Hội 250

- được thành lập bởi cái chết của Đức Giêsu 270-3

- là cái mà sách này nói đến 501

- viên mãn sau cùng 783-99

## NG

Nghệ thuật 719-24

Nghệ thuật kiến trúc của Giáo Hội 370-1, 377-8

Nghi ngờ 313-5, 490-2

Nghĩa vụ quân sự, từ chối 699

Nguyên rủa 267

## NH

Nhà Nước 686-91

Nhã nhận 718

Nhân bản chủ nghĩa 72, 455-7, 477

Nhân chứng Giêhôva 542

Nhân loại

- nguồn gốc và tiến hóa 35-41

- không ai bị án đời đời 498

- vươn tới hiệp nhất 691

- viên mãn 301, 788-94

- sự hiện hữu và người ở hành tinh khác 788

Nhân nại 500

Nhân quyền 385, 711

Nhân tính. sự gia tăng

- tại Israel 115-20, 640-7
- tại Israel và nơi khác 120-3
- qua mạc khải của Đức Kitô 149-50, 375-6, 391, 641-3
- Nhập thể của Chúa**
- học thuyết của ba công đồng vĩ đại 145-51, 817
- tước hiệu "Con Thiên Chúa" 264
- hiểu biết của Đức Giêsu 165, 262
- Nhiệm vụ xem Nhiệm vụ mục vụ**
- Nhiệm vụ mục vụ** 311, 179-80, 356, 376-92
- Nhục cảm** 633, 667-74

## O

- Ô nhiễm không khí** 697
- Ơn lạ** 334-5

## P

- Phạm tội** xem **Tội lỗi**, **Dữ**
- Phán xét** 184, 230, 785-6
- Phanxicô Assisi** 158, 336, 372, 378, 390, 677, 681, 718
- Phân tán** 79-80, 384-5
- Phaolô** 352-3
- Phaolô, phép miễn** 650
- Phật giáo** 67, 451, 478
- Phép lạ**
  - trong **Cựu Ước** 97-106
  - bản chất của phép lạ 190
  - phép lạ của Đức Giêsu 190, 192
  - trong **Giáo Hội** 198
- Phép Thánh Thể** 284-8, 312-3, 419, 512, 552-75, 770
- Phêrô** 245-9, 606-9
- Phêrô Canisiô** 377
- Phó tế** 601

**Phóng chiếu** 34, 54-6, 78

**Phúc âm**

- ý nghĩa từ ngữ 127
- văn thể 133-4, 134-6, 252-3 xem **Kinh Thánh**
- nguồn gốc 347-52
- các biểu tượng của bốn sách phúc âm 356
- Phục Sinh** 315-21
- Phụng sự**
  - của Đức Kitô 166-70, 281-4, 412
  - trong tình thần của Đức Kitô 281, 412, 378-81, 392-3, 710-11

**Phụng vụ**

- cử hành phụng vụ là gì? 132-33, 228, 422, 369-70
- **Mùa Vọng** 131
- **Giáng Sinh** 151-59
- **Hiển Linh** 159
- **Mùa Chay** 273
- **Chúa Nhật Lễ Lá** 278
- **Ba ngày đầu Tuần Thánh** 279
- **Thứ Năm Tuần Thánh** 288-291
- **Thứ Sáu Tuần Thánh** 297-8
- **Canh thức Phục Sinh và Lễ Phục Sinh** 315-19
- **Hiện Xuống và Phụng vụ quanh năm** 337-39
- **Rửa tội** 405-12
- các bí tích 414-417
- **Thêm Sức** 422-28
- **Phép thánh Thể** 552-576
- **Xưng tội** 755-61
- **Truyền chức Giám mục, Linh mục, Phó tế** 601
- **Hôn lễ** 647
- **Xức dầu kẻ liệt** 768
- Phụng vụ lời Chúa** 550

**Q**

Qui diễn Kinh Thánh *xem* Kinh Thánh

Quĩ dữ 168-70, 194-6, 405, 789

Quyền năng

- của Đức Giêsu 260
- của các Tông đồ 243, 592
- trong giáo Hội 384-5, 592, 615
- trong Nhà Nước 686-91
- trong gia đình 665

**R**

Ra đời 35, 138, 516, 628, 342-3 *xem* Tái sinh

Rửa tội

- bởi Gioan Tẩy giả 166, 270
- của Đức Giêsu 129, 266, 428-30, 405-16
- của các Kitô hữu 405-16
- trong toàn bộ cuộc sống và hiệp thông của Giáo Hội và của nhân loại 422

Rửa tội bằng khát vọng 416

Rửa tội hải nhi 418

Rửa tội: thể hứa và canh tân 421

Rước lễ *xem* Phép Thánh Thể

**S**

Sách Thánh *xem* Kinh Thánh

Sáng thể 439, 447, 801-2, 821-3

Sáng thể mới 190, 325-6, 409-10, 575, 703, 719-20, 783, 788-94,

Siêu việt tính của Thiên Chúa 802-4

Số mệnh 450-478

Sống lại

- của Đức Kitô 303-06, 466
- của chúng ta 466, 774-5

Sở hữu 677, 707-13

**T**

Tái sinh 409-11, 516, 783-5, 796

Tặng phẩm của Thánh Linh *xem* Ôn lạ

Tận thế

- không biết 171-3
- Đức Giêsu nói về tận thế liên quan tới sự sụp đổ của Giêrusalem và sự khốn khổ của mọi thời 279-81, 783

Tên thánh 419

Tiệc li 281, 300-1, 552-3

Tiền tri 80-1, 112-4, 122, 127, 255, 261, 532

Tiến hóa 35-41, 325, 440, 801

*xem* Nhân loại, Nhân tính

Tiêu khiển 720

Tin Lành *xem* Cải Cách

Tín hữu

- những ai không có chức thánh *xem* Tư tế của dân Thiên Chúa và nhiều chỗ khác

Tin Mừng *xem* Phúc âm

Tin lí 150, 557, 603-4

Tính dục 363-5, 633, 668-72

Tinh tâm 527

Tinh tâm chín ngày 328

Toà án dị giáo 371, 382

Toàn năng tính của Thiên Chúa 771, 807-17

Tội lỗi

- mạc khải về tội lỗi 82, 459-61
  - của nhân loại 254-5, 395-6, 433-50, 466-72
  - của mỗi người 738-746
  - làm thiệt hại 747-49
  - tội vĩnh viễn, sa hỏa ngục 785-6
- Tội nguyên tội 433-50
- Tôn giáo nguyên thủy 66



Tông đồ 237-40, 592-5  
 Tôma Aquinô 75, 100, 370, 371,  
 390, 402, 448, 449, 619  
 Tu hành, cuộc sống *xem* Lời  
 khuyên của Phúc âm  
 Tu sĩ *xem* Lời khuyên của Phúc  
 âm  
 Tu tại gia *xem* Tín hữu  
 Tự do 31, 402-4, 462, 740-4  
 Tự tế, nhiệm vụ  
 - của Đức Kitô 466, 600  
 - của dân Thiên Chúa 576-92, 600,  
 792  
 - của các thủ lãnh dân Chúa  
*xem* Nhiệm vụ mục vụ  
 Tự tử 695  
 Tuyển lựa *xem* Thiên hướng

## TH

Tha thứ 406-13, 412-4, 738, 747-63  
 Tha tội 747  
 Thần Khí *xem* Thánh Linh Thiên  
 Chúa  
 Thanh luyện 780-2  
 Thánh 338, 361, 502, 578, 581, 777  
 Thánh Linh Thiên Chúa 55-7,  
 117-9, 175-81, 328-37  
 - trong toàn thể gian 74-5  
 - trong Israel 297  
 - trong Đức Giêsu 167  
 - được ban bởi cái chết của Đức  
 Giêsu 297  
 - bảo đảm sự có mặt của Đức Giêsu  
 328-37, 409, 431, 479  
 Thánh Vịnh 294, 298, 532  
 Thánh ý *xem* Thiên Chúa và Tội  
 lỗi  
 Thăng thiên 322-4  
 Thần bí chủ nghĩa 709-713

Thệ phản *xem* Cải Cách  
 Thể loại văn học  
*xem* Kinh Thánh, Phúc âm  
 Thế gian  
*xem* Sáng thế, Con người,  
 Nhân loại  
 Thêm sức 428-433  
 Thiên Chúa  
 - đường đến bằng lý trí 47-8  
 - Đức Giêsu gọi Thiên Chúa là  
 "Abba" 203  
 - không phải ý niệm của chúng ta  
 về Thiên Chúa 52, 145, 165, 435,  
 443-8, 517, 621, 799, 814-32  
 - và sự dữ 49-52, 208-9, 405-7,  
 441-50, 807-23  
 - mẫu nhiệm của Chúa Cha, Con  
 và Thánh Thần 817-23  
 - thật sự xuất hiện trong Giêsu  
 Nagiarét *xem* Giêsu Nagiarét  
 Thiên đàng *xem* Sống lại, Sáng thế  
 mới, Lời hứa của Thiên Chúa  
 Thiên hướng  
 - của Israel 76  
 - của Abraham 77, 80, 239, 478  
 - của các tiên tri 104, 166, 293  
 - của Đức Giêsu để phục vụ 170-2  
 - Đức Giêsu không bao giờ viện  
 dẫn thiên hướng của ngài mà  
 chỉ giản dị nhận danh chính  
 ngài 255  
 - của các Tông đồ 237-40  
 - của Giáo Hội 313-7, 478, 576-92  
 - của cá nhân mỗi người 578,  
 610-3, 667-8  
 Thiên thần 789-90  
 Thiệu phụ thủy 372  
 Thuế 688

**Q**

Qui điển Kinh Thánh *xem* Kinh Thánh

Quý dữ 168-70, 194-6, 405, 789

Quyền năng

- của Đức Giêsu 260
- của các Tông đồ 243, 592
- trong giáo Hội 384-5, 592, 615
- trong Nhà Nước 686-91
- trong gia đình 665

**R**

Ra đời 35, 138, 516, 628, 342-3 *xem* Tái sinh

Rửa tội

- bởi Gioan Tẩy giả 166, 270
- của Đức Giêsu 129, 266, 428-30, 405-16
- của các Kitô hữu 405-16
- trong toàn bộ cuộc sống và hiệp thông của Giáo Hội và của nhân loại 422

Rửa tội bằng khát vọng 416

Rửa tội hài nhi 418

Rửa tội: thể hứa và canh tân 421

Rước lễ *xem* Phép Thánh Thể

**S**

Sách Thánh *xem* Kinh Thánh

Sáng thế 439, 447, 801-2, 821-3

Sáng thế mới 190, 325-6, 409-10, 575, 703, 719-20, 783, 788-94,

Siêu việt tính của Thiên Chúa 802-4

Số mệnh 450-478

Sống lại

- của Đức Kitô 303-06, 466
- của chúng ta 466, 774-5

Sở hữu 677, 707-13

**T**

Tái sinh 409-11, 516, 783-5, 796

Tặng phẩm của Thánh Linh *xem* Ôn lạ

Tận thế

- không biết 171-3
- Đức Giêsu nói về tận thế liên quan tới sự sụp đổ của Giêrusalem và sự khốn khổ của mọi thời 279-81, 783

Tên thánh 419

Tiệt li 281, 300-1, 552-3

Tiên tri 80-1, 112-4, 122, 127, 255, 261, 532

Tiến hóa 35-41, 325, 440, 801

*xem* Nhân loại, Nhân tính

Tiêu khiển 720

Tin Lành *xem* Cải Cách

Tin hữu

- những ai không có chức thánh *xem* Tư tế của dân Thiên Chúa và nhiều chỗ khác

Tin Mừng *xem* Phúc âm

Tin lí 150, 557, 603-4

Tính dục 363-5, 633, 668-72

Tinh tâm 527

Tinh tâm chín ngày 328

Toà án dị giáo 371, 382

Toàn năng tính của Thiên Chúa 771, 807-17

Tội lỗi

- mạc khải về tội lỗi 82, 459-61
  - của nhân loại 254-5, 395-6, 433-50, 466-72
  - của mỗi người 738-746
  - làm thiệt hại 747-49
  - tội vĩnh viễn, sa hỏa ngục 785-6
- Tội nguyên tội 433-50
- Tôn giáo nguyên thủy 66

Tông đồ 237-40, 592-5  
 Tôma Aquinô 75, 100, 370, 371,  
 390, 402, 448, 449, 619  
 Tu hành, cuộc sống *xem* Lời  
 khuyên của Phúc âm  
 Tu sĩ *xem* Lời khuyên của Phúc  
 âm  
 Tu tại gia *xem* Tín hữu  
 Tự do 31, 402-4, 462, 740-4  
 Tự tế, nhiệm vụ  
 - của Đức Kitô 466, 600  
 - của dân Thiên Chúa 576-92, 600,  
 792  
 - của các thủ lãnh dân Chúa  
*xem* Nhiệm vụ mục vụ  
 Tự tử 695  
 Tuyển lựa *xem* Thiên hướng

## TH

Tha thứ 406-13, 412-4, 738, 747-63  
 Tha tội 747  
 Thần Khí *xem* Thánh Linh Thiên  
 Chúa  
 Thanh luyện 780-2  
 Thánh 338, 361, 502, 578, 581, 777  
 Thánh Linh Thiên Chúa 55-7,  
 117-9, 175-81, 328-37  
 - trong toàn thể gian 74-5  
 - trong Israel 297  
 - trong Đức Giêsu 167  
 - được ban bởi cái chết của Đức  
 Giêsu 297  
 - bảo đảm sự có mặt của Đức Giêsu  
 328-37, 409, 431, 479  
 Thánh Vịnh 294, 298, 532  
 Thánh ý *xem* Thiên Chúa và Tội  
 lỗi  
 Thăng thiên 322-4  
 Thần bí chủ nghĩa 709-713

Thệ phản *xem* Cải Cách  
 Thể loại văn học  
*xem* Kinh Thánh, Phúc âm  
 Thế gian  
*xem* Sáng thế, Con người,  
 Nhân loại  
 Thêm sức 428-433  
 Thiên Chúa  
 - đường đến bằng lý trí 47-8  
 - Đức Giêsu gọi Thiên Chúa là  
 "Abba" 203  
 - không phải ý niệm của chúng ta  
 về Thiên Chúa 52, 145, 165, 435,  
 443-8, 517, 621, 799, 814-32  
 - và sự dữ 49-52, 208-9, 405-7,  
 441-50, 807-23  
 - mẫu nhiệm của Chúa Cha, Con  
 và Thánh Thần 817-23  
 - thật sự xuất hiện trong Giêsu  
 Nagiarét *xem* Giêsu Nagiarét  
 Thiên đàng *xem* Sống lại, Sáng thế  
 mới, Lời hứa của Thiên Chúa  
 Thiên hướng  
 - của Israel 76  
 - của Abraham 77, 80, 239, 478  
 - của các tiên tri 104, 166, 293  
 - của Đức Giêsu để phục vụ 170-2  
 - Đức Giêsu không bao giờ viện  
 dẫn thiên hướng của ngài mà  
 chỉ giản dị nhân danh chính  
 ngài 255  
 - của các Tông đồ 237-40  
 - của Giáo Hội 313-7, 478, 576-92  
 - của ca nhân mỗi người 578,  
 610-3, 667-8  
 Thiên thần 789-90  
 Thiêu phù thủy 372  
 Thuế 688

**TR**

Trả lời của Thiên Chúa về bí ẩn của thế gian 52-4, 449-79, 814-823

Trầm tư cầu nguyện 527

Trẻ em, tiếp nhận nước Thiên Chúa như trẻ em 183

Trong trắng 638, 660, 667-72

Trợ tế *xem* Phó tế

Trở lại 121, 129, 396-405, 406, 415

Truyền giáo

- li do 587

- đặc tính tự nhiên của các dân tộc khác 547, 587-90

**V**

Văn hóa 719-24

Váng mặt Thiên Chúa 673

Váng lời 166-70, 215-6, 592-5, 665, 678

Vệ sinh 692

Vesper *xem* Giờ kinh qui định

Vô hạn

- chúng ta cảm thấy cái vô hạn 47-9

- mạc khải về vô hạn 736, 802-8, 814-23

Vũ trụ đạo của Trung Hoa 69

Vượt Qua (lễ) 281-8, 561-4

**X**

Xúc phạm trong Giáo Hội 366-8, 371-3, 395-6, 581

Xuất bản 700, 731

Xuất hồn 117, 329, 529-30

Xung khắc

- giữa đức tin và khoa học 488

- lễ luật và lương tâm 616-20, 650-5, 686

- nghệ thuật và khoa học 721

- tình yêu và chiến đấu cho lẽ phải 703-4, 708-9

Xung tội 275, 318-9, 751-5

**Y**

Yêu thương

- giới răn lớn nhất 231, 501, 621-8

- tặng phẩm của Thánh Linh 330, 501

- Thiên Chúa là tình yêu 821

- tình yêu đối với Thiên chúa và tình yêu đối với con người không thể tách rời 231, 621

- nhục cảm và tình yêu hôn nhân 359-66, 633-6, 660-72

- tình yêu Kitô giáo và tình yêu nhân loại không thể tách rời 232-4, 631-2

- để yêu một đồng loại vì người đó 633

- không chỉ tùy sức mạnh ý chí 631, 736

- giáo dục để yêu thương 667-72, 693-6

- và không uyển chuyển 704-7

- yêu thương kẻ thù 234, 706-8

- để thu lợi nhờ nó? 505, 621

- chúng ta không thể noi mình thực hiện xong luật yêu thương 226-8, 234, 505-7, 713-9, 821-3

- nguồn gốc sự hiện hữu của chúng ta 446-7, 629-31, 819-23

# **BẢN BỔ SUNG CUỐN GIÁO LÝ MỚI**

**EDOUARD DHANIS, S.J.**

**VÀ**

**JAN VISSER, C.SS.R.**

**NHÂN DANH ỦY BAN HỒNG Y  
ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH ĐỂ XEM XÉT  
CUỐN GIÁO LÝ MỚI**

## NỘI DUNG

LỜI NOI ĐẦU .....	839
I. VIỆC TẠO DỰNG .....	841
1. Sự hiện hữu của các thần linh thuần túy .....	841
2. Việc tạo dựng trực tiếp các linh hồn .....	843
II. TỘI NGUYÊN TỘI .....	845
III. VIỆC SINH ĐỨC GIÊSU TỬ MẸ MARIA ĐỒNG TRÌNH .....	877
1. Mẫu nhiệm của thụ thai trinh khiết .....	878
2. Đồng trình vĩnh viễn của Mẹ Maria .....	880
3. Ghi chú thêm .....	880
IV. SỰ ĐỀN BÙ ĐỨC GIÊSU DẰNG HIỆN CHÚA CHA .....	881
V. HI LỄ THÁNH GIÁ ĐƯỢC TIẾP TỤC TRONG LỄ TẾ MISA .....	890
VI. SỰ CÓ MẶT VÀ BIẾN ĐỔI CỦA PHEP THÁNH THỂ .....	893
1. Sự có mặt của Thánh Thể .....	894
2. Sự biến đổi của Thánh Thể .....	897
3. Khoảng thời gian có mặt của Thánh Thể .....	899
VII. TÍNH BẤT KHẢ NGỘ CỦA GIÁO HỘI VÀ SỰ NHẬN BIẾT CÁC MẪU NHIỆM .....	900

<b>VIII. CHỨC TƯ TẾ THẨM QUYỀN</b>	
<b>VÀ QUYỀN HÀNH CỦA GIÁO HỘI .....</b>	<b>904</b>
1. Chức tư tế của các tín hữu và chức tư tế thẩm quyền ..	905
2. Chức tư tế chính thức và phẩm trật .....	906
3. Quyền cai quản và huấn giáo .....	908
4. Quyền của đẳng kế vị Thánh Phêrô .....	909
<b>IX. CÁC ĐIỂM THẦN HỌC TÍN LÝ .....</b>	<b>914</b>
1. Việc nhận biết Thiên Chúa Ba Ngôi .....	914
2. Nhận biết của chúng ta về Thiên Chúa và về Đức Kitô .....	917
3. Sự hiểu biết của Đức Giêsu .....	918
4. Bí tích rửa tội .....	920
5. Bí tích thông hối .....	921
6. Bản chất của phép lạ .....	922
7. Mẫu nhiệm của cuộc sống sau khi chết .....	925
8. Phán xét và thanh luyện sau cùng .....	928
9. Mẫu nhiệm của việc diện kiến nhan Thiên Chúa .....	929
<b>X. CÁC ĐIỂM THẦN HỌC LUẬN LÝ .....</b>	<b>930</b>
1. Các lề luật luân lý phổ quát .....	931
2. Tính chất ràng buộc vĩnh viễn của hôn nhân .....	933
3. Tội nghiêm trọng và ít nghiêm trọng, khuyh hướng bên trong và hành động .....	934
4. Tình trạng hôn phối .....	936
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>939</b>

## LỜI NÓI ĐẦU

*Bản bổ sung này soạn theo phương hướng của Ủy Ban Hồng Y được giao nhiệm vụ xem xét cuốn **Giáo Lý Mới** để dựa theo đó mà đưa ra những thay đổi cho cuốn ấy. Bản đầu có dự tính nhập chung vào văn bản chính. Nhưng nay được trình bày tách rời.*

*Hình thức trình bày mới này khiến những thay đổi nhất định trở thành thiết yếu. Nhiều thay đổi liên quan tới các chi tiết bị bỏ sót có thể được đưa vào trong lần xuất bản mới của cuốn sách mà không cần một ấn bản riêng biệt một loạt các thay đổi. Đôi khi việc đính kèm vào văn bản chính của sách sẽ khiến các điều thay đổi thành dễ lãnh hội hơn. Việc nhập hẳn vào đòi hỏi một hình thức tái bản hoặc tu chỉnh mạch văn và ngữ cảnh của cuốn **Giáo Lý Mới**. (Ngay trong bản thảo bổ sung đầu tiên, nhiều chỗ vẫn giữ lại các diễn tả, câu văn và trích đoạn của cuốn **Giáo Lý Mới**).*

*Thêm nữa, việc thảo luận tội nguyên tội bị thu ngắn lại dù vẫn còn bao quát. Một số đoạn tham khảo những tài liệu gần đây nhất của huấn quyền được đưa vào. Ngoài một số thay đổi nhỏ nhoi có tính cách biên tập, lần này cũng được gồm vào các bản thảo năm ngoài, với một ít cải tiến cho phù hợp với đề nghị của một số thành viên trong Ủy Ban Hồng Y. Các đề nghị ấy chủ yếu liên quan tới những giải thích bổ sung về tội nguyên tội. Chúng không*



chứa đựng những yêu cầu mới nào đối với cuốn **Giáo Lý Mới**, nhưng giúp làm sáng tỏ đầy đủ hơn.

Vấn đề kế là sắp xếp. Không chỉ đơn giản đi theo thứ tự các trang sách của cuốn **Giáo Lý Mới** vì trong nhiều trường hợp các thay đổi nói đến cùng một chủ đề đã được nói rải rác đó đây trong sách. Do đó, có vẻ hợp lý hơn, là sắp xếp vấn đề theo các chủ đề, và thứ tự được chọn theo mười chủ đề nêu ra trong Bản Tuyên Bố do Ủy Ban Hồng Y đưa ra ngày 15 tháng Mười năm 1968 (*Acta Apostolicae Sedis*, AAS, 60 [1968] từ trang 685 đến trang 691).

Quyết định này khiến có thể viết một bản văn tương ứng với Bản Tuyên Bố cho những thay đổi liên quan tới từng chủ đề. Nó cho phép người đọc thấy ngay cái cốt tủy giáo lý mà những thay đổi khác nhau ấy cố gắng trình bày, và có thể dễ phân biệt hơn tính cách chính yếu với tính cách phụ thuộc. Tuy nhiên Bản Tuyên Bố của Các Hồng Y chỉ là một bản tóm tắt, không gồm hết mọi chỉ dẫn được đưa ra sớm hơn trước đó về việc xét duyệt cuốn **Giáo Lý Mới**. Hậu quả việc ấy là bản văn được đưa ra ở đây có một số thay đổi chỉ liên quan gián tiếp tới nội dung của Bản Tuyên Bố. Nhưng các điều ấy chỉ xuất hiện cách ngoại lệ. Trong hầu hết mọi trường hợp, mỗi thay đổi được đưa ra đây đều trực tiếp tương ứng với lời chỉ dẫn trong bản Tuyên Bố.

Phần trình bày lại các thay đổi cuốn **Giáo Lý Mới** này được soạn bởi các nhà thần học cũng năm ngoài đã soạn cuốn **Giáo Lý Mới**. Nhưng rủi thay, lần này không được sự giúp đỡ quý báu của Đức Ông Fortmann vì ngài đã qua đời ngày 3 tháng Năm năm 1968.

## I. VIỆC TẠO DỰNG

**BẢN TUYÊN BỐ** (xem AAS, 60 [1968], tr. 687)(\*). *Sách Giáo Lý cần dạy rằng, Thiên Chúa đã tạo dựng, cùng với thế giới hữu hình mà chúng ta sống, một cảnh giới của các thần linh thuần túy mà ta gọi là các thiên thần (xem chẳng hạn Vatican I, Hiến chế Dei Filius, chương 1; Vatican II, Hiến chế Lumen Gentium, số 49, 50). Sách cũng cần giải thích rằng linh hồn mỗi người, vì nó thuộc về tinh thần (x. Vatican II, Hiến chế Gaudium et Spes, số 14) được Thiên Chúa trực tiếp tạo dựng (x. chẳng hạn Thông điệp Humani Generationis, AAS, 42 [1950], tr. 575).*

### 1. Sự hiện hữu của các thần linh thuần túy: thiên thần và quỷ dữ

*a/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 789: “”Đối với vấn đề thứ nhất... Liệu chúng có phải là thuần túy có tính cách con người không?*

*Văn bản mới:* Đối với loại thứ nhất, Kinh Thánh thường nói đến các thiên thần. Họ là những sứ giả, những kẻ có quyền năng xuất phát từ Thiên Chúa, “như những thần phục dịch” (Dt. 1:14). Kinh Thánh thường biểu thị họ bằng hình thức con người. Các thiên thần cho thấy hình thức cụ thể về sự trọn lành của Thiên Chúa. Họ được ngài tạo dựng như những thần linh sinh ích cho và hợp tác với chúng ta. Những nhà chú giải Kinh Thánh và

\* Số trang ở đây là trong bản gốc chứ không phải trong bản dịch

những nhà thần học chưa trả lời đầy đủ các vấn nạn nêu lên là các thiên thần phát xuất từ vai trò gia tăng cách đều đặn mà các thiên thần đóng trong Cựu Ước hoặc từ tính chất lịch sử và triển khai xa hơn của học thuyết về các thiên thần. Nhưng sự hiện hữu của các thiên thần - cũng như của quỷ dữ - là một chân lý thuộc về học thuyết Công Giáo, chẳng hạn Công đồng Latêranô IV có tuyên bố về điều này. Những đấng bí nhiệm này luôn luôn xuất hiện, dính líu trọn vẹn vào lịch sử cứu độ của chúng ta trong Đức Kitô. Và mọi điều nói về họ đều công bố một sự thật vui mừng rằng Thiên Chúa quan tâm đến chúng ta bằng vô số cách thức. Điều này được ngụ ý bằng tên của các thiên thần. “Gabrie” nghĩa là sức mạnh của Thiên Chúa; “Raphae”, sự cứu chữa của Thiên chúa; “Micae”, Ai giống Thiên Chúa. Qua đó chúng ta thấy có sự thoáng hiện tương quan mẫu nhiệm giữa các cấp độ khác nhau của các thụ tạo. (Cái chúng ta biết về Satan và các quỷ dữ khác - là chúng được Thiên Chúa tạo dựng trong sự thiện, nhưng nổi loạn chống ngài - cũng chứng thực cùng một tương quan nhưng theo chiều hướng nghịch lại. Sự nổi loạn của các thần độc dữ trở thành nguồn suối sự dữ cho thế giới loài người. Sự dữ kinh hoàng mà đôi khi chúng ta thấy tác động trong nhân loại thường vượt quá xa sự dữ của cá nhân khiến chúng ta tự hỏi: Sức mạnh nào tác động ở đây? Nó có thuần túy tính cách con người không?)

*b/ Văn bản sách Giáo Lý Mới: tr. 406: “Loại ‘quỷ ám’ này... Nhưng lời truyền đó đương đầu với mọi sự dữ”.*

*Văn bản mới: Loại “quỷ ám” này của tinh thần độc dữ thường xảy ra khi tiến hành nghi lễ rửa tội. Sự dữ*

đang hăm dọa người ấy bị truyền đi khỏi đi. Lối nói “quỉ dữ” có tính cách con người luôn luôn được dùng cho sự dữ đó. Trong phúc âm, chúng ta đã chạm mặt với Satan hoặc quỉ dữ. Chúng ta sẽ trở lại sau với nó lúc giải quyết vấn đề thiên thần. Trong việc quỉ ám, người tiếp nhận phép rửa tội không chút nào bị xử sự giống kẻ “bị quỉ ám”. Ở đây, điều được đương đầu lại càng là một giao tiếp và ảnh hưởng có tính cách trông thấy của địch thủ của Thiên Chúa và Đức Kitô. Bằng cách này hoặc cách khác, nó được xem như liên hệ với mọi sự dữ trong con người...

## ***2. Việc tạo dựng trực tiếp linh hồn con người***

*Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 630: Mục có tiêu đề “Việc tạo dựng con người”.*

*Văn bản mới:*

### ***Việc tạo dựng linh hồn***

Mỗi con người thì rất độc đáo tới độ khi suy ngẫm nguồn gốc của nó, ta phải công nhận một trường hợp tiên quyết của sự thật là: “Thiên Chúa đến nay hằng làm việc” (Ga. 5:17) trong sự bảo tồn và phát triển vũ trụ. Thế giới được tạo dựng này là một thực tại đang trong quá trình tăng trưởng và quyền năng sáng thế của Thiên Chúa thông phần trong từng phút từng giây vào sự hiện hữu và hoạt động của nó. Trong sức đẩy của quyền năng Thiên Chúa, thế gian thăng tiến bằng việc chuẩn bị và triển khai sự sống, từ thấp lên cao hơn.

Nhưng sự ra đời của một con người mới là khoảnh khắc thiêng liêng trong đó Thiên Chúa năng động theo

cách thể đặc biệt. Cha mẹ tôi đã không muốn “Tôi”. Các vị muốn một bé trai hay một bé gái. Chỉ có Thiên Chúa muốn “Tôi”. Mà còn hơn thế nữa. Ngài muốn tôi là một con người, một tinh thần hiện thể, một “Tôi”, kẻ có thể thừa “Ngài” với Thiên Chúa.

Sự hiện hữu mỗi con người bằng sự truyền giao của cha mẹ về thể xác thì đã sẵn một linh hồn và đòi hỏi sự hiện hữu của một linh hồn. Vả lại, sự hiện hữu của linh hồn có căn nguyên độc nhất xuất phát từ Thiên Chúa. Sự truyền giao đầy đủ và trực tiếp thể xác bởi cha mẹ, trong ý nghĩa nhất định, gián tiếp dần trải tới linh hồn, tới mức độ có nghĩa là thể xác thì dành cho linh hồn và đòi phải có linh hồn.

Đó là cách bình thường mà các nhà thần học, dù có vài khác biệt, giải thích việc tạo dựng trực tiếp linh hồn con người. Học thuyết này rõ ràng không ngăn cấm người ta nói rằng khi một đôi bạn loài người sinh một đứa con thì họ hợp tác với Thiên Chúa về cả căn nguyên của thể xác lẫn linh hồn. Nhưng kiểu thức hợp tác đó thì có tính cách phân biệt thể xác và linh hồn. Dù gì chăng nữa, có sự hợp tác như thế tới độ người ta có thể nói là cha mẹ truyền bản tính con người mình cho con cái. Họ là cha mẹ của trọn vẹn con người đó. Họ tiếp tục hiện hữu, như vốn đã hiện hữu, trong con cái mình theo một ý nghĩa nhất định. Sự hợp tác của họ với Thiên Chúa không chấm dứt lúc sinh nở xong. Nó được hoàn tất trong việc nuôi con khôn lớn. Qua cha mẹ của người ấy, Thiên Chúa nuôi nấng, thương yêu và hướng dẫn cuộc đời người ấy. Đó là một trách nhiệm trọng đại và hạnh phúc.

## II. TỘI NGUYÊN TỘI

**BẢN TUYÊN BỐ** (x. AAS, 60 [1968], từ tr. 687 trở đi). *Dù hệ quả các vấn nạn về nguồn gốc nòi giống loài người nằm trong sự triển khai dần dần của nó, và tín lí về tội nguyên tội lúc này thể hiện những khó khăn mới, sách Giáo lí cần trung thực ghi lại học thuyết của Giáo Hội về con người, kẻ nổi loạn chống lại Thiên Chúa từ khởi thủy lịch sử (đối chiếu Vatican II, Hiến chế Gaudium et Spes, số 13 và 22), với kết quả là con người để cho chính mình và mọi hậu duệ mất sự thánh thiện và công chính mình đã được an bài, và qua truyền sinh của nòi giống con người, truyền cho mọi người một trạng thái tội lỗi thật sự. Rõ ràng các thảo luận cần tránh đưa ra ấn tượng rằng mọi phần tử của gia đình nhân loại hoen ố bởi tội nguyên tội chỉ vì họ bị đặt vào căn bản ảnh hưởng của xã hội loài người là nơi tội lỗi ngự trị, và vì thế họ thấy trên con đường tội lỗi, họ tách biệt với khởi thủy.*

*Văn bản sách Giáo Lý Mới, các trang từ 436 đến 4503: Từ mục tiểu đề “Thông điệp của sách Sáng Thế 1-11” đến gồm cả mục có tiểu đề “Tội lỗi và sự chết, Tha thứ và sự sống”.*

*Văn bản mới:*

### *Thông điệp của sách Sáng thế 1-11*

Sách Sáng Thế nói về thực tại mâu nhiệm của sự dữ và có lẽ diễn tả rõ rệt nhất trong chương ba mà cần đọc liên kết với mười một chương đầu vốn trình thuật về các nguyên ủy. Chúng không là những trình thuật có sử tính

theo ý nghĩa khoa học lịch sử hiện đại hoặc ý nghĩa lịch sử như các triết gia Hi Lạp và La Mã viết. Chúng có ý nghĩa biểu tượng tới một mức độ nào đó. Nhìn theo lối ấy thì Adam là loài người; Cain có mặt trong các tạp chí và có thể được nhận ra trong chính lòng ta. Bản thân chúng ta là Noe và những kẻ xây tháp Baben. Trong các chương ấy chúng ta nhận ra những thành tố căn bản của mối quan hệ giữa nhân loại và Thiên Chúa.

Nhưng đây chưa là tất cả. Một số trình thuật cổ đại này nhắm tới các khía cạnh giải thích nhất định về tình trạng nhân loại hoặc minh họa nó bằng sự hỗ trợ của các biến cố ban sơ. Đó là sự thật cách rất đặc biệt của câu chuyện Adam và Eva sa ngã. Qua cái nhìn loài người, nó chỉ là mò mẫm và tìm kiếm. Thiên Chúa dùng nó để nói cho chúng ta biết điều gì đó, dĩ nhiên không phải chi tiết, nhưng rõ ràng bằng các sự kiện trung tâm nào đó, về khởi thủy bí ẩn của lịch sử tôn giáo của nhân loại.

Sau mười một chương đầu, sách Sáng Thế, khi nói về Abraham, đi theo truyền thống liên quan tới nguồn gốc đặc biệt của dân tộc Israel. Nó vẫn chưa là lịch sử theo quan điểm của các nhà trước tác Hi Lạp và La Mã nhưng nó đã là một loại tương cận hơn. Thế thì thông điệp của mười một chương đầu sách Sáng Thế là gì?

1. Thiên Chúa tạo dựng và ban cho tăng trưởng, như chúng ta được biết qua trình thuật sáng thế, Sáng Thế 1 và các phả hệ gợi cảm (mà vì thế chúng không được đưa ra theo nghĩa đen).

2. Con người được hàm ý là để cho tình bằng hữu với Thiên Chúa như câu chuyện vườn địa đàng cho chúng ta hiểu (Sáng Thế 2).

3. Thành tố thứ ba là tội lỗi loài người. Từ kinh nghiệm cay đắng của mình, Israel học biết điều ấy liên tục trong lịch sử loài người. Do đó không lạ lùng việc câu chuyện về các nguyên ủy mô tả bốn giai đoạn của con người phạm tội: sự bất tuân đầu tiên, việc giết em, sa đọa thời Noe và xây tháp Baben. Những hành vi ấy là các biểu tượng cho những tội trọng của chúng ta.

4. Nhưng Thiên Chúa không để mặc con người cho chính nó. Ngài đã biểu lộ ngài cho Israel như một Thiên Chúa khoan dung cách mầu nhiệm. Điều này cũng được biểu lộ trong câu chuyện về nguyên ủy. Sau mỗi lần sa ngã trong tội thì lại có một cử chỉ ân sủng. Lúc đuổi khỏi địa đàng, chính Thiên Chúa cho Adam và Eva quần áo, và hứa rằng con cái của một người nữ sẽ nghiền nát đầu con rắn. Cain được ban cho một dấu hiệu để ngăn việc giết người. Trong chuyện Noe, thực tế chủ đề giải thoát choán hết mọi chỗ. Sau Baben? Lập tức sau câu chuyện cái tháp bất tận đó là bắt đầu câu chuyện Abraham, giai đoạn đầu tiên của sự chuẩn bị cho công cuộc tái sinh vĩ đại do Con Thiên Chúa mang đến.

5. Sau cùng, qua câu chuyện vườn địa đàng, Thiên Chúa bắt đầu mạc khải chúng ta rằng ngay từ bước đầu nòi giống loài người đã lâm vào con đường bất hạnh theo chiều hướng tội lỗi, và rằng điều ấy có những hệ quả nghiêm trọng dù không loại trừ viễn tượng giải thoát. Nhưng nếu chỉ có trình thuật của sách Sáng Thế, các nhà chú giải thánh kinh sẽ còn lưỡng lự. Chúng ta đã có một chỉ dấu. Có điều chỉ dấu này có giá trị tuyên bố xác thực tới đâu? Mạc khải về sau đặc biệt trong Tân Ước, và giảng



dạy của Giáo Hội được sự phù trợ của Thánh Linh, cho chúng ta câu trả lời vấn nạn ấy.

*Thông điệp của chương năm  
trong Thư Gởi Tín Hữu Rôma*

Trong Tân Ước, thông điệp của Thiên Chúa càng trở nên rất rõ ràng, bao gồm bốn thành tố đầu được ghi nhận trên. Về thành tố thứ ba, tội lỗi, không gì nói hùng hồn về tính chất lớn lao của sự dữ trong thế gian cho bằng sự hi sinh mà Con Thiên Chúa muốn hiến mình để “nên ơn tha tội”. Chiên Thiên Chúa đến để khử trừ tội lỗi thế gian (x. Ga. 1:29).

Tân Ước dạy gì về thành tố thứ năm? Trong chương năm Thư Gởi Tín Hữu Rôma, Thánh Phaolô thêm lần nữa đề cập đến tội nguyên tội và cách riêng đưa ra các hậu quả của nó. Trích đoạn ấy rất khó đọc và cho đến hôm nay, các nhà chú giải vẫn hoài nghi. Nhưng thiết lập được vài điểm. Công đồng Trentô tuyên bố rằng ở đây Thánh Phaolô giảng dạy về sự hiện hữu của trạng thái của tội lỗi mà mọi người bị sinh ra trong đó, và đến với họ qua tội của Adam (Kì họp 5, các khoản 2 và 4). Các nhà bình luận Công Giáo về Kinh Thánh nhận ra học thuyết này trong toàn bộ trích đoạn ấy (Rm. 5:12-21), nhưng trên hết trong các câu sau: “Vì thế, cũng như chỉ vì một người, mà sự tội đã đột nhập vào trần gian; và vì tội lỗi thì sự chết nữa; và như vậy sự chết đã lan qua hết mọi người...” (câu 12), và nữa: “Vì lí do sự bất tuân của một người [Adam], nhiều người đã bị liệt hàng tội nhân, cũng vậy vì sự vâng phục của một người [Đức Giêsu] nhiều người sẽ được liệt hàng công chính (câu 19).

Có phải âm đối đối xứng tiếng “một” bao hàm sự kiện đó, như thành phần của thông điệp mạc khải, khiến Adam làm một cá nhân riêng lẻ? Thánh Phaolô nghĩ về Adam như một người phạm tội trong sách Sáng Thế, và rằng nếu ông chỉ là người duy nhất thì đã không làm thành vấn đề. Đó cũng là trường hợp của các Giáo Phụ Công đồng Trentô. Chúng ta nay không ở trong hoàn cảnh giống như thế. Ngoài sự khẳng định rõ rệt rằng sự thăng tiến cao bằng sự bắt đầu của nhân số của loài người, khoa cổ sinh vật học cùng khoa di truyền học đều cùng đặt vấn đề đa tổ thuyết (thí dụ về tính chất đa dạng). Các kết luận này sẽ đưa tới chỉ hướng nào trong tương lai? Có phải ta bị buộc phải nghĩ là có vô số nguồn gốc loài người bị khuất lấp sau khuôn mặt có tính cách thánh kinh của Adam? Chúng ta sẽ quay lại vấn đề này sau. Dù gì đi nữa, Công đồng Vatican II, kết hợp với Kinh Thánh và truyền thống, nói nhiều lần về “Adam”, về “loài người sa ngã trong Adam” (x. *Gaudium et Spes*, số 22; *Lumen Gentium*, số 2). Đức Phaolô VI cũng nói bằng lối nói tương tự (Tuyên Bố Về Đức Tin, ngày 30 tháng Sáu năm 1968), mà chúng ta đang dùng đến. Dĩ nhiên Eva cũng được xét đoán bằng những lời giống như Adam. Chúng ta sẽ quay lại vấn đề này sau.

Cũng trong Thư Tín Hữu đó (Rm. 6:12 và kế tiếp; 7:7 và 14-20), Thánh Phaolô nói đến khuynh hướng sự dữ bên trong chúng ta. Ngài gọi khuynh hướng này là “tội lỗi”, rõ ràng là vì ngài liên kết nó với sự sa ngã của Adam: “Nó phát xuất từ tội lỗi và dẫn đưa chúng ta tới tội lỗi” (Công đồng Trentô, Kỳ họp 5, khoản 5).

Ở đây, quan tâm của Thánh Phaolô trong Thư Gởi Tín Hữu Rôma chủ yếu là đối với vinh quang của Đức Kitô, đáng cứu chúng ta thoát khỏi sự dữ mà Adam đã gây ra. Tội lỗi của Adam đủ làm mọi hậu duệ thành người tội lỗi (Rm. 5:12 và 14). Họ cộng những tội phạm của mình thêm vào sự phản loạn của Adam. “Song ở đâu tội đã gia tăng thì ơn đã siêu bội” (Rm. 5:20). Thánh Phaolô cũng nói đến sự chết lệ thuộc vào tội lỗi (Rm. 5:12,14) nhưng xác nhận rằng Đức Kitô sẽ cho chúng ta lại sự sống (Rm. 5:18,21): “Cũng như nơi Adam mọi người đều phải chết, thì trong Đức Kitô, mọi người cũng sẽ được tác sinh” (1 Cr. 15:22).

### *Mô tả vườn địa đàng và câu chuyện sa ngã*

Chúng ta hãy nhìn lần nữa vào mô tả địa đàng trần gian và trình thuật về tấn kịch xảy ra tại đó. Nó là một trong những trích đoạn Kinh Thánh khắc ghi sâu đậm nhất trong tâm tư chúng ta. Một ít câu và hình ảnh mà gồm được toàn bộ vinh quang và khốn khổ của thân phận con người. Không gì có thể thay được trích đoạn trình thuật không nguôi này của Kinh Thánh, như một tóm lược cung cách của con người đứng trước mặt Thiên Chúa.

Nhưng chúng ta cũng học thấy sự sống ở trần thế, gồm sự sống của con người, là một tiến hóa hướng thượng. Và chúng ta cũng đã đạt tới nhận biết rằng khởi nguyên cuộc hướng thượng của nhân loại thì rất khiêm tốn. Thuở ấy, giai đoạn tăng trưởng diễn ra cực kì chậm chạp trong lãnh vực văn minh và văn hóa. Chúng ta có từng nghe nói tới thời gian một trăm ngàn năm của giai đoạn này? Kể đến, vài ngàn năm trước, văn minh làm một bước nhảy

vọt trên vài phần đất địa cầu. Hiện nay, tiến bộ kỹ thuật đang thay đổi toàn bộ địa cầu ở tốc độ nhanh hơn và bắt đầu khởi nguyên du hành liên hành tinh. Với tất cả những điều chúng ta hiểu biết lúc này, liệu chúng ta còn thấy ý nghĩa câu chuyện địa đàng vào khoảng thời gian ngắn ngủi thuở rạng đông của lịch sử? Và trên hết, liệu chúng ta có thể gắn tính chất quan trọng lớn lao vào một tội lỗi phạm thuở xa xăm và ở các căn nguyên thấp kém của nòi giống chúng ta?

Đầu tiên, cần nói ít lời về “thời đại hoàng kim” ở địa đàng (để các vấn đề tặng phẩm của công lý nguyên thủy và sự bất tử lại, nói sau). Sự mô tả về địa đàng rõ ràng là chất phác, cũng chất phác như sự mô tả về cuộc sáng thế trong vòng sáu ngày, dù nó nhấn mạnh vào phẩm giá con người và dạy giữ ngày Sabát.

Ngay thuở trước, Thánh Tôma Aquinô đã nói “không phải là một điểm thông minh” nếu tin rằng các dã thú sẵn mỗi hồi đó không giết giống khác. Không có gì buộc chúng ta tin rằng có một kiểu tạo thành khác trước khi xảy ra tội lỗi của con người. Có thể luôn luôn có gai và cỏ dại. Nhưng tội lỗi quả thật gây ra sự dữ, cả trong thế giới bên ngoài chúng ta. Nơi nào lưỡi biếng nể trị, cỏ dại mọc đầy các ruộng ngũ cốc và đe dọa sụp đổ. Nơi nào có hận thù, loài người và các thành phố sụm xuống tan nát. Và trên hết, vẫn còn cái gì sâu sắc hơn. Một nhân loại tội lỗi nhận thấy thế gian quá đổi nặng nề trên mình. Một người nội tâm bị tàn phá, thấy mọi sự đen tối hơn. Gai và cỏ dại ở trong chính tâm hồn con người. Ở đây, cần chú ý rằng, sự mô tả một địa đàng đã mất bắt đầu dạy chúng ta điều gì đó.

Trước hết, điều đó thực hiện qua những chỉ dẫn về cuộc gặp mặt thân thương với Thiên Chúa mà Adam và Eva hưởng trong vườn huy hoàng được thiết kế cho họ. Ở đây cũng có một số đặc điểm chất phác và nhân hình hóa. Nhưng chúng đưa ra dấu vết một thông điệp lớn lao, rằng con người được mời gọi để sống tình bằng hữu với Thiên Chúa. Thiên hướng này được biểu lộ cách rõ ràng hơn trong lịch sử dân tộc được chọn, và cách trọn vẹn trong Phúc âm. Con người cũng được nâng cao quá bản thân nó, tới độ nó vượt từ tình trạng một tạo vật thuần túy lên đến tình trạng nghĩa tử của Thiên Chúa. Vào khởi thủy của nòi giống chúng ta, lời kêu gọi này đã bắt đầu được đưa ra cho toàn bộ gia đình nhân loại, rõ ràng cách rất khiêm tốn. Dưới tính cách bên ngoài đầy ý nghĩa đó, có một chân lí rất lớn lao. Tới độ điều đó có thể được thể hiện trong câu chuyện cổ đại này, sự mô tả Vườn Địa đàng chỉ tới lời triệu tập Thiên Chúa đưa ra cho gia đình nhân loại vào mùa xuân của cuộc đời nó.

Thánh Phaolô nói mạnh mẽ và rõ rệt đến ý nghĩa của tội lỗi đầu tiên, hơn tác giả sách Sáng Thế. Nhưng cần lưu ý rõ rệt rằng, từ trong Cựu Ước đã có nhấn mạnh lớn lao vào tính cách đa dạng của tội lỗi loài người, và kế đó, rất đặc biệt trong Thánh Phaolô. Trong một chừng mực nhất định, Cựu Ước là lịch sử của tội lỗi. Các trình thuật trong mười một chương đầu của sách Sáng Thế được tiếp theo bởi lịch sử một dân tộc yêu quý. Không biết bao nhiêu lần dân tộc ấy xuất hiện như cứng đầu, bội giáo, “thông dâm”. Trong ba chương đầu của Thư Rôma, bằng lối nói ám đạm nhất, Thánh Phaolô mô tả sự dữ của tà giáo, rồi đến của người Do Thái, và sau cùng nói: “Hầu

mọi miệng lưỡi phải khóa lại, và tất cả thế gian phải nhận mình mắc án của Thiên Chúa” (Rm. 3:19). Có phải Đức Giêsu cũng đã thấy thế gian trong con đường này qua việc ngài gọi Satan là “đầu mục thế gian này” (Ga. 12:31; 16:11)?

Như thế chúng ta thu thập từ Kinh Thánh rằng nhân loại đã thông qua trọn vẹn sự nổi loạn có tính cách căn nguyên. Và có lẽ điều này khiến chúng ta hoài nghi là, ngoài việc biến Adam thành một nhân vật lớn lao kì dị và ngoài việc chịu thua sự cám dỗ tới độ đưa óc tưởng tượng của nhân loại từ các thời sơ khai đó tới huyền thoại Phương Đông cổ đại về “con người nguyên thủy” hoặc huyền thoại Gnostic về “con người siêu phàm”, rõ ràng chúng ta có thể qui ý nghĩa lớn lao này cho tội lỗi đầu tiên tới mức nó liên kết mật thiết tới toàn bộ tội lỗi của nhân loại. Lúc này, có thể thấy đầy đủ chỉ dấu này cho một vấn đề mà chúng ta sẽ quay lại khi giải quyết vấn đề tội nguyên tội và tội lỗi thế gian.

### *Sự thâm nhập của tội lỗi vào thế gian*

Nhưng thế thì tại sao có tội nguyên tội, và tại sao lại đi theo nó chuỗi tội lỗi do con người phạm? Không thể có tội lỗi mà không phạm cách tự do. Tự do có nghĩa ta không nhất thiết phải phạm nó. Rõ ràng tội lỗi được phạm dễ dàng hơn bởi các khuynh hướng thấp kém của bản tính xác thịt chúng ta, đặc biệt sau khi đánh mất công lí nguyên thủy (mà chúng ta sẽ nói tới ngắn gọn). Nhưng ân sủng cứu chữa của Đức Kitô đã không chỉ bắt đầu hiệu nghiệm khi Đấng Cứu độ đến giữa loài người sa ngã.

Và chúng ta vẫn thắc mắc, tại sao có tội nguyên tội, và tại sao sau nó là cơn hồng thủy của tội lỗi?

Theo cái nhìn của Thiên Chúa, chúng được để xảy ra cho công cuộc cứu độ mà Đức Giêsu mang đến cho chúng ta. Theo cái nhìn của loài người, tội lỗi phải được coi như lệ thuộc vào tự do của chúng ta, mà đó là lí do tại sao chúng ta không thể cắt nghĩa cách đầy đủ làm sao mà nó lại xảy ra. Việc cắt nghĩa về một tự do chọn lựa bằng cái đi trước nó, cách gần đúng hoặc xa vời, luôn luôn vẫn còn là một lối giải thích cục bộ. Chúng ta không thể cắt nghĩa đầy đủ về một chọn lựa tự do, lại càng không thể về một chọn lựa tự do có tính cách sự dữ. Nhưng khi phạm tội, chúng ta hiểu sâu xa trong lòng rằng mình đã làm thế. Tôi có tội. Có điều chúng ta kinh ngạc tự hỏi làm sao lại đưa tới hành động ấy. Sự dữ thì không hoàn toàn được thấu hiểu cách trọn vẹn. Nó là sự phi lí tột đỉnh, cũng là sự vô nghĩa lí. Còn hơn thế nữa, chúng ta không thể hiểu được khởi nguyên của nó trong một quá khứ lịch sử xa xăm. Và nhiều tội do nòi giống loài người phạm vẫn còn là một điều bí ẩn.

### *Tội nguyên tội bao gồm những gì?*

Dù tội đầu tiên và nhiều sự phạm tội làm chúng ta hoang mang, bí nhiệm của tội lỗi vẫn chưa nghiên cứu hết được mọi mặt. Nó là điểm tột độ của nó trong cái mà Giáo Hội gọi là “tội nguyên tội”, tội do Adam đem lại không chỉ cho bản thân ông mà còn cho toàn thể hậu duệ.

Chúng ta đã thấy Thánh Phaolô nói về bởi tội của Adam mà toàn bộ loài người thành kẻ tội lỗi. Công đồng

Trentô làm rõ điều ấy rằng tội của Adam được truyền cho chúng ta bởi sự truyền sinh của bản tính loài người bằng dòng dõi, từ đời này qua đời khác, như chúng ta có thể nói - và hiện hữu trong mỗi chúng ta (Kì họp 5, khoản 2 và 3). Công đồng Vatican II nói về “con cháu của Adam” bị tước bỏ “hình ảnh Thiên Chúa đã bị tội nguyên tổ làm sai lệch”(Gaudium et Spes, số 22). Và Đức Phaolô VI gần đây đã nhắc lại rằng sự sai lệch đó được truyền theo dòng dõi và rằng nó là “một tội lỗi thật sự” trong chúng ta (Tuyên Bố Về Đức Tin, 30 tháng Sáu năm 1968). Chúng ta sẽ chiêm nghiệm cách tôn kính học thuyết này và cố gắng đưa ra một giải thích về nó tới mức có thể được với một chân lý sẽ luôn luôn giữ tính cách mẫu nhiệm của nó.

Các Giáo Phụ Hi Lạp có khuynh hướng nói về “sự chết” và “sa đoạ” hơn nói về một tội được truyền xuống các hậu duệ của Adam. Tuy dù truyền thống của họ với vấn đề tội nguyên tội không rõ ràng bằng truyền thống La tinh, nhưng cả hai truyền thống ấy không xung khắc nhau.

“Tội” là một thuật ngữ thần học, nó thứ nhất ứng dụng cho một hành động dữ có tính cách luân lý (hiện tội), và thứ đến cho một trạng thái tội lỗi (tội quán tính) tức là sự kiên trì nhất định cho sự cố tình của một hành động tội lỗi. Bởi hành động tội lỗi, con người cố ý trở mặt với Thiên Chúa, đáng mà người ấy nên yêu thương. Người ấy làm bản thân mình xa lánh Thiên Chúa. Hiến chế Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay của Công đồng Vatican II nói đến mối liên kết này là con người đã lạm dụng tự do của mình khi nổi dậy chống lại Thiên Chúa và muốn đạt tới cứu cánh của mình ngoài Thiên Chúa



(*Gaudium et Spes*, số 13): “Tôi đã xúc phạm đến Người, một mình Người” (Tv. 51:6). Trạng thái tội lỗi bao gồm sự kiện rằng bởi hệ quả của một hành động tội lỗi, sự xa lánh Thiên Chúa có tính cách cố ý và căn nguyên, kiên trì trong chốn sâu thẳm của linh hồn: “Phó mặc chúng tôi cho vạ tội ác chúng tôi” (Is. 64:6). Và trạng thái này kiên trì cho tới khi Thiên Chúa khoan dung mang tâm hồn độc dữ của người ấy đến ăn năn hối hận, xảy tới với người ấy “Mọi tà ác nơi tôi xin Người tẩy xóa, Xin hãy tạo dựng cho tôi tấm lòng trong sạch” (Tv. 51:11-12). Trạng thái tội lỗi là tội lỗi thật sự nhưng có ý nghĩa phát xuất từ thế gian.

Tội của Adam được truyền bằng dòng dõi con người không gì khác hơn là một trạng thái tội lỗi, một kiên trì nhất định của sự xa lánh Thiên Chúa, có tính cách cố ý và căn nguyên. Nhưng ở đây - và đây là toàn bộ mẫu nhiệm, - sự kiên trì từng ở trong người phạm tội đầu tiên được kéo dài và tiếp tục trong hậu duệ của ông. Mọi người sinh ra với tội này: “Con người sa ngã trong Adam” (Vatican II, *Lumen Gentium*, số 2). Nhân thể, cần phải nói ngay nó là một tội theo ý nghĩa chân chính nhưng theo ý nghĩa rất bị giảm thiểu: theo ý nghĩa “loại suy”, nói như các nhà thần học. Nhưng mối liên kết này, Công đồng Trentô nói về “cái chết của linh hồn” (Kì họp 5, khoản 2), qua đó có ý nói sự thiếu vắng “một trạng thái ân sủng và bảo dưỡng như con cái của Thiên Chúa” (Kì họp 6, khoản 4). Chúng ta có thể nói: “Vắng mặt thần khí hàng nghĩa tử” (Rm. 8:15). Nó cũng giống với bị tước bỏ ân sủng và tình yêu thánh hoá.

Trentô cũng nói về sự thiếu vắng “thánh thiện và công chính” (Kì họp 5, khoản 1 và 2). Đường như ở đây

không chỉ nói đến việc bị tước bỏ thần khí hàng nghĩa tử mà còn nói đến sự thiếu vắng của “tinh tuyền”, đến cái được nói rõ ràng sau đó một ít (Kì họp 5, khoản 5). Hai tặng phẩm ấy hiệp cùng nhau - thần khí hàng nghĩa tử và tinh tuyền - mà chúng ta gọi, với nhiều nhà thần học, là “công lí nguyên thủy”. Theo ý kiến chung của các nhà thần học, sự tinh tuyền nguyên thủy của con người được hiểu như sự sáng láng và hiệu ứng của ân sủng đầu tiên của nghĩa tử trên những khuynh hướng nhạy cảm của chúng ta. Tội nguyên tội bao hàm sự đánh mất toàn bộ công lí nguyên thủy.

Thế thì làm sao giải thích chính xác hơn tặng phẩm sự tinh tuyền nguyên thủy? Nó là một kiểu thích ứng các khuynh hướng nhạy cảm của chúng ta đối với những đòi hỏi của thần khí hàng nghĩa tử. Các khuynh hướng này đúng ra tương ứng với tính cách vâng phục hơn là lãnh đạm với tiếng nói lương tâm. Tặng phẩm này khiến con người thành một đồng nhất bên trong hơn là một con người bị xâu xé bởi các khuynh hướng hỗn độn, để cho ân sủng và lí trí có thể ngự trị. Công đồng Vatican II, bằng lối nói điềm đạm mà đanh thép, đã diễn tả thân phận con người bị tước bỏ tinh tuyền nguyên thủy: “Điều Thiên Chúa mạc khải cho ta biết cũng phù hợp với kinh nghiệm của ta. Bởi vì nếu nhìn sâu tận đáy lòng mình, con người cũng khám phá ra rằng mình đã hướng về sự dữ và đã ngụp lặn trong muôn vàn sự dữ là những điều không thể xuất phát từ Đấng Tạo Hóa tốt lành của mình... Hơn nữa, con người tự thấy mình không đủ sức khi phải tự mình chiến thắng hữu hiệu những tấn công của sự dữ đến nỗi mỗi người cảm thấy như có xiềng xích trói buộc” (Gaudium et Spes, số 13).

Thật dễ hiểu là thần khí hàng nghĩa tử trong tổ tông chúng ta đã bị tàn rụi bởi sự phạm tội của họ. Tội lỗi của họ bất xứng cho thái độ yêu thương của con thơ đối với Thiên Chúa, vốn tương xứng với thần khí đó. Cũng thật dễ hiểu là tổ tông chúng ta đánh mất sự tinh tuyền nguyên thủy. Vì điều đó tận cùng là ánh sáng rực rỡ của ân sủng nghĩa tử trên các tính năng nhạy cảm.

Quả thật bằng sự căt nghĩa này chúng ta nhận biết những phác họa của học thuyết truyền thống về tội nguyên tội. Nhưng việc này đưa đến một số vấn đề dūr dội: Làm thế nào sự bị tước bỏ công lí nguyên thủy lại có thể bị truyền theo dòng dõi? Và làm thế nào sự khiếm khuyết ấy lại là một tội cho mọi người sinh ra trong thế gian? Thêm nữa: Giữa tội nguyên tội và các tội lỗi đa dạng của loài người có mối liên hệ gì? Và chúng ta có thể tìm thấy giá trị tôn giáo nào trong phần âm ảm của thông điệp Kitô giáo này? Trong hai mục kế tiếp, chúng tôi sẽ cố gắng giải đáp các câu hỏi ấy.

### *Tội nguyên tội bị truyền như thế nào?*

Tới đây, chúng ta đã ghi lại được học thuyết của thẩm quyền giáo huấn của Giáo hội và triển khai nó rải rác đó đây. Nhưng để đưa ra câu trả lời cho những khó khăn mà học thuyết ấy gợi lên, chúng ta sẽ phải đi sâu hơn nữa vào lãnh vực của các ý kiến tự do. Ở đây, sẽ có những ý kiến khác biệt, cũ lẫn mới. Đây không phải chỗ thảo luận chúng. Giải pháp, mà chúng ta trình bày, dựa theo một trong các ý kiến có thể chấp nhận được, và nó có khả năng triển khai về sau cùng với thích nghi thêm nữa.

1. Làm thế nào sự bị tước bỏ công lí nguyên thủy có thể bị truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác theo con đường dòng dõi? Có thể trả lời câu hỏi này dễ dàng hơn nếu trước hết chúng ta nắm bắt cách mà tự công lí nguyên thủy được truyền theo dòng dõi. Vì thế đầu tiên chúng ta nói về sự lưu truyền công lí nguyên thủy và kể đó giải thích làm sao mà các hậu duệ của Adam cũng bị mất.

Vì công lí nguyên thủy được truyền theo dòng dõi, thì ắt có và đủ rằng nó được Thiên Chúa ban cho Adam, không như một ưu đãi thuần túy cá nhân, mà là một ưu đãi cho bản tính của ông tới mức độ bản tính này được tạo nên để truyền sinh trong vô số hậu duệ. Chúng ta đưa ra như một khởi điểm rằng công lí nguyên thủy được ban cho Adam theo cách ấy. Trong trường hợp này, giả dụ rằng giữ gìn được sự vô tội thì việc sinh sôi nảy nở loài người sẽ là sự truyền giao, theo dòng dõi, bản tính con người được phú cho công lí nguyên thủy.

“Vì tính cách siêu nhiên thuộc về nhục thể”, như Péguy nói. Thiên Chúa muốn nâng cao con người, theo cách kì diệu, vượt lên trên trạng thái thụ tạo của nó và biến nó thành con ngài. Nhưng con người là một tinh thần hiện thể, được kêu gọi (bằng bản tính) thành dân tộc trên toàn bộ địa cầu bằng truyền sinh chính nó. “Hãy sinh sôi nảy nở và hãy nên đầy dẫy trên đất” (St. 1:28). Chúng ta nên hoan hỉ khi nghĩ rằng sự nâng cao nguyên thủy được ban cho con người theo cách đó để nó có thể truyền giao điều ấy, cách chính xác giống với bản tính của chính nó, bằng dòng dõi. Việc truyền giao sự sống của tổ tông chúng ta và hậu duệ của họ, nếu họ bảo lưu được trạng thái vô tội, thì phải là ơn phước của sự truyền giao ơn sủng, như nó vốn vậy.

Nhưng Adam đánh mất công lý này. Nên từ ấy, ông đánh mất luôn cái trước đó được ban cho ông để ông truyền theo dòng dõi, ông không còn khả năng truyền nó cho hậu duệ. Từ ấy trở đi, ông và con cháu mình chỉ có thể truyền bản tính bị tước bỏ công lý nguyên thủy.

2. Tới đây, chúng ta đã thấy làm sao sự thiếu công lý nguyên thủy trong mỗi phần tử của gia đình nhân loại là trạng thái tội lỗi. Vâng. Chúng ta sẽ cố gắng làm sáng tỏ nó sâu sát hơn.

Đầu tiên, thật là dễ thấy tại sao sự mất công lý nguyên thủy trong Adam lại trở thành trạng thái tội lỗi. Chúng ta đã biết rằng công lý nguyên thủy bao gồm thần khí nghĩa tử và cái liên kết với nó là sự tinh tuyền nguyên thủy, và rằng những tặng phẩm ấy bị đánh mất do sự nổi loạn nguyên thủy. Trong Adam, sự mất mát chúng giống như âm vang thường trực của sự nổi loạn, qua đó ông trở mặt hẳn với Thiên Chúa và làm mình xa lánh Thiên Chúa. Như thế, đó là một trạng thái tội lỗi. Trên thực tế, có phải chúng ta không diễn tả nó như một loại kế tục sự ghẻ lạnh với Thiên Chúa có tính cách cố ý và căn nguyên?

Nhưng làm thế nào sự thiếu vắng công lý nguyên thủy bảo lưu trạng thái tội lỗi trong con cháu Adam? Điều này liên kết với việc nó bị truyền theo dòng dõi. Các tạo vật đang sống đều phấn đấu sao chép lại chính chúng theo cách ấy, bằng những tạo vật sống động phát sinh từ chúng và giống chúng: lớp sau vừa là tiếp nối vừa là tái sinh bản thân, cả hai hiệp cùng nhau. Điều ấy đúng cho mọi thứ được truyền bằng dòng dõi, dù nó là bản tính con người hoặc các lễ thói của mình, hoặc một ưu đãi thiêng

liêng của bản tính, và rồi rõ ràng, cả sự thiếu vắng sự ưu đãi ấy.

Kế đến, sự thiếu vắng công lí nguyên thủy trong con cháu của Adam, theo cách thức nhất định, còn là sự tiếp tục trong chúng sự xa lánh Thiên Chúa có tính cách cố ý, là một tội lỗi quán tính có tính cách căn nguyên của Adam. Như thế có thể thấy rằng sự thiếu vắng công lí nguyên thủy tương ứng tới một cấp độ nhất định cả trong hậu duệ của Adam cho tới những xung động của tội lỗi quán tính hoặc trạng thái tội lỗi. Ngoài ra còn có thể thấy rằng trong mỗi phần tử của nòi giống nhân loại, sự thiếu vắng công lí nguyên thủy bị làm cho tươi mới bởi bản tính con người và như bản tính con người. Và điều ấy còn có nghĩa sự xa lánh liên tục với Thiên Chúa - vốn có tính cách cố ý và căn nguyên trong Adam và cuộc nổi loạn của ông - chỉ có thể bị nói là tự nguyện vì sự liên kết của nó với sự nổi loạn của người khác, kể lúc đầu tiên phạm tội. Vì thế trong chúng ta tội nguyên tội chỉ là một trạng thái tội lỗi theo ý nghĩa rất yếu ớt của thuật ngữ này.

Thiên Chúa của công lí, vì những lí do đó, có thể từ khước toàn bộ nòi giống của Adam cái hạnh phúc vô tận làm con cái Thiên Chúa là một niềm vui sướng hết sức chứa chan. Nhưng trên căn bản một mình tội nguyên tội, ngài không thể từ chối họ cái trạng thái sau cùng ăn khớp với bản tính loài người ấy. Ngoài ra chúng ta vẫn còn là tác phẩm của bàn tay Thiên Chúa, không bị Thiên Chúa nghiêm khắc xử sự. Qua Con ngài, ngài mời gọi chúng ta tới niềm hạnh phúc làm con cái Thiên Chúa đang được ngài bảo lưu cách kì diệu.

Khi một người được tái sinh bởi ân sủng Đức Kitô, người ấy tiếp nhận thần khí nghĩa tử. Đây là ân sủng của sự công chính hóa trọn vẹn. “Vậy bây giờ án phạt không còn nữa cho những ai ở trong Đức Kitô” (Rm. 8:1). Nhưng người ấy không nhận lại được trạng thái công lí nguyên thủy, là thần khí nghĩa tử mà cùng mang với nó tặng phẩm tình tuyến nguyên thủy và có thể được truyền theo dòng dõi. Công lí nguyên thủy, công lí mà Adam sở hữu, bị mất vĩnh viễn. Do đó, như Giáo Hội dạy, “Dù bản thân các cha mẹ Kitô hữu được thánh hóa, họ không thể truyền sự thánh thiện ấy cho con cái mình”. Ngay cả các cha mẹ thánh thiện “sự sinh sản sự sống tự nhiên đã trở thành một hình thức của sự chết (theo trật tự ân sủng), cùng với nó mà tội nguyên tội truyền giao cho đứa con... Nhưng chính họ có bốn phận dâng con cái cho Giáo Hội để qua người mẹ của vô số con cái Thiên Chúa này, chúng có thể được tái sinh bằng nước rửa tội” (Piô XI, *Casti Connubii*, AAS, 22 [1930], tr. 544).

### *Tội nguyên tội và tội lỗi thế gian*

Chúng ta dùng lối diễn tả lấy từ Phúc âm của Thánh Gioan, “tội lỗi thế gian”, để chỉ vô số tội lỗi loài người phạm. Kinh Thánh nói với chúng ta về tội nguyên tội thì cũng nói, mà lại thường xuyên hơn, về tội lỗi thế gian. Trong Thư Gởi Tín Hữu Rôma, Thánh Phaolô nói đến hai bất hạnh lớn lao của nhân loại. Trong ba chương đầu, ngài mô tả những tàn phá của mọi tội lỗi nhân loại, kể đến trong chương năm ngài xem xét mẫu nhiệm của tội mà chúng ta kế thừa từ Adam. Chúng ta đã ứng xử với vấn đề tội lỗi của thế gian khi vạch ra một số và tính chất

ng nghiêm trọng của tội lỗi loài người. Lúc này, chúng ta thảo luận xa hơn, mô tả chiều kích tập thể của tội lỗi thế gian, và vạch rõ sâu sát hơn mối liên hệ giữa tội lỗi này với tội nguyên tội.

Bằng cụm từ “chiều kích tập thể của tội lỗi thế gian”, chúng ta muốn nói đến sự tác động qua lại giữa các nguyên nhân mà qua đó con người phạm tội vì chịu ảnh hưởng của môi trường tội lỗi ít ra trong một khía cạnh nhất định, và qua đó tới lượt bản thân người ấy trở nên thành phần của môi trường này và tạo nguyên nhân cho các tội lỗi mới. Ở đây, chúng ta cố gắng rọi sáng vào chiều kích này của tội lỗi bằng xem xét từng cấp độ một của sự ô nhiễm mà tội lỗi của chúng ta can dự vào.

Thật kinh hoàng khi nghĩ rằng tội lỗi thì truyền nhiễm, rằng người ta có thể gây lây lan cho người khác và rằng người bị nhiễm có thể truyền tiếp nữa sự dữ. Một gương xấu tức là gồm cả từ khước sự thiện lẫn phô bày tính khả thi của sự dữ. Khi gương xấu kết hợp sâu hơn với sự cưỡng ép có tính cách dụ dỗ thì chúng ta có hình thức nghiêm trọng nhất của phỉ báng tới độ Đức Giêsu tức giận thốt ra một trong những lời cảnh cáo nghiêm trọng nhất: “Kẻ nào nên cố vấp phạm cho một người nào trong các kẻ nhỏ đã tin vào Ta này, thì thà nó bị khoanh cối lửa treo cổ mà nhận chìm đáy biển còn hơn. Khốn cho thế gian vì những cố vấp phạm” (Mt. 18:6-7).

Sự truyền nhiễm của tội lỗi cũng xuất hiện trong sự đánh mất các cảm giác về giá trị. Trong một gia đình tham lam trẻ con thấy chuyện chup giật là điều tự nhiên. Một xã hội ích kỷ tạo ra những người ích kỷ, chủ nghĩa thực



dân tạo ra những người thực dân và chủ nghĩa kì thị tạo ra những người kì thị.

Điều này biểu hiện trong những nhóm nhất định. Nếu nhìn xa hơn nữa, chúng ta thấy toàn bộ thế gian làm thành một vùng đất màu mỡ mông quạnh. Và lời Kinh Thánh dạy rằng tội lỗi ngự trị ở đó. Toàn thể nhân loại ở trong một hoàn cảnh mà các giá trị xác thực nhất của mình bị mờ mịt. Tình yêu, giá trị tối thượng, bị mờ mịt hơn tất cả.

Tội lỗi thế gian là khái hoàn của tính ích kỉ cá nhân và tập thể. Nó cuộn cuộn cuộn như một dòng sông lớn. Nó là một thực tại xã hội. Xung động của ràng buộc giữa tội lỗi này và tội nguyên tội thì không tránh thoát được. Ta cảm giác nó. Mối ràng buộc này là gì?

Do tội nguyên tội, chúng ta bị suy yếu trong cuộc chiến đấu chống lại sự dữ vì ngay cả những người được tái sinh trong Đức Kitô vẫn còn chịu mất công lí nguyên thủy. Nhưng thật sai lầm nếu thấy trong tội nguyên tội nguyên nhân trọn vẹn của tội lỗi thế gian. Sai lầm, không chỉ vì hành động phạm tội thì luôn luôn tự do và không thể cắt nghĩa đầy đủ bằng các tiền lệ của nó, mà còn vì như Công đồng Vatican II nhắc nhở: “Ngài (Thiên Chúa) đã không từ bỏ con người sa ngã trong Adam, nhưng luôn luôn ban sự trợ giúp để họ được cứu rỗi, nhờ Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế” (Lumen Gentium, số 2). Do đó thông thường tội lỗi thế gian không là hậu quả tất yếu của tội của Adam.

Nhưng còn một mối ràng buộc khác nữa giữa tội nguyên tội và tội lỗi của thế gian. Khi chúng ta cân nhắc tính cách nhất quán của nòi giống nhân loại và xa hơn,

tính cách nhất quán của kế hoạch thiêng liêng về cứu độ, chúng ta không thể suy nghĩ khác hơn rằng Thiên Chúa đã muốn và thấy trước, từ thuở đời đời, một trật tự của mọi sự trong đó sự xuất hiện của tội của Adam và sự truyền giao nó đều được để cho xảy ra, đồng thời cũng để cho tội lỗi thế gian xảy ra. Tội lỗi thế gian chỉ có cương vị trong kế hoạch này bằng sự liên kết với tội của Adam. Sau cùng, chúng ta có thể nói rằng Thiên Chúa để hai loại tội ấy xảy ra hầu sự khải hoàn của ân sủng của Thiên Chúa hoàn toàn lớn lao hơn ở nơi tội lỗi đã ngự trị bằng mọi hình thức có thể được.

Trong viễn tượng này, niềm tin vào tội nguyên tội phối hợp với kinh nghiệm chúng ta về tội lỗi thế gian chứng thực tính phổ quát còn lớn lao hơn của sự dữ. Toàn thể nhân loại được sinh ra đều có tính cách xa lánh với Thiên Chúa. Không có tính cách công chính và vô tội ở đây. Ngay lúc mới sinh đã cần Đấng Cứu độ. Chân lý tôn giáo sâu xa đó được mạc khải trong tín lý về tội nguyên tội tối độ nó cho chúng ta thấy làm thế nào chúng ta, trong trật tự của sự cứu rỗi, hàm ơn mọi sự đối với ngài, đáng đến “tìm cứu sự đã hư đi” (Lc. 19:10).

Giáo Hội tiêm tiến rút ra kết luận này bởi sự mạc khải như một toàn bộ và long trọng tuyên bố trong thế kỷ mười chín, là mẹ Maria không nhiễm nguyên tội. Thiên Chúa đã muốn rằng mẹ của Chúa Con không phạm tội lỗi nào và rằng mẹ được thụ thai trinh khiết. Sống trong một thế gian tội lỗi, mẹ can dự vào nỗi đau của thế gian nhưng không dự vào sự dữ của nó. Nhưng điều này không có nghĩa mẹ không cần được cứu độ. Mẹ, cũng thế, được cứu độ bởi công trạng của Đức Giêsu, nhưng trong trường

hợp mẹ bằng một cách thức độc nhất có tính cách trọn vẹn. Mẹ được giữ cho hoàn toàn khỏi mọi tội lỗi.

### *Tinh tuyền nguyên thủy và sự bất tử*

Bây giờ chúng ta quay lại hai chủ đề đã được nêu ra: những tặng phẩm nguyên thủy của tinh tuyền và sự bất tử.

Về tinh tuyền nguyên thủy, chúng ta cần cố gắng giải thích làm thế nào phải coi loài người đã có tặng phẩm này trước khi phạm tội và làm sao thuở man rợ mà lại có chỗ cho điều ấy, trong viễn tượng của cuộc sinh tồn thích hợp với những khám phá của khoa cổ sinh vật học.

Xem xét những khám phá của bộ môn khoa học này - và bất cứ quan điểm nào đưa ra cách thức mà các động vật linh trưởng, trong tiến hóa của mình, phân tán theo hình rẽ quạt tại những nơi định vị sự xuất hiện của họ - chúng ta thấy chứng tỏ hiển nhiên rằng con người, qua diễn tiến của nhiều thế hệ, càng lúc càng trở nên người hơn. Không phải ngay lập tức con người biết ít chú ý tới bản năng và quan tâm nhiều hơn tới ánh sáng mới của trí tuệ đã triển khai trong mình. Có thể so sánh tiến triển tiệm tiến này với - dù rất khác biệt - phát triển của trẻ em, mà ngày nay chỉ trải qua ít năm vì được các nhà giáo dục hướng dẫn và sống trong một môi trường có tính lập thành rất cao. Trong dạng bản khái niệm ấy, liệu có thể chấp nhận con người thuở ban sơ lịch sử đã có sự tinh tuyền nguyên thủy?

Được. Vì có thể từ lúc khởi nguyên người ta cảm thấy ảnh hưởng của tặng phẩm này chỉ trong lãnh vực hạn chế. Như chúng ta đã nói, tặng phẩm này khiến những

khuyñh hướng nhạỵ cảm thành vâng phục các đòi hỏi của lương tâm. Có điều lương tâm chế định những đòi hỏi của nó theo nhận thức các giá trị luân lí và tôn giáo. Nếu con người giữ được tính cách vô tội thì nó được giác ngộ theo sự nhận biết này, không chỉ bởi trí tuệ của mình mà còn bởi thần khí nghĩa tử và bởi những minh mẫn thích đáng có tính cách siêu nhiên - như chúng ta thường nghĩ đúng là thà khiêm tốn còn hơn chói sáng. Nhưng cả trong cách thức này, con người chỉ có thể có một cái nhìn thấu suốt sơ đẳng vào các giá trị luân lí và tôn giáo, theo chiều hướng mở lòng ra cho sự tăng trưởng xa hơn. Theo chiều hướng ấy, đời sống đạo đức của con người có thể thánh thiện nhưng sự thánh thiện này mang tính cách con người nguyên thủy toàn bộ, và con người đó có thể cảm nhận sự tinh tuyền nguyên thủy chỉ trong lãnh vực giới hạn.

Tặng phẩm này cũng có thể ban đầu bị giới hạn để rồi tiến theo một trật tự gia tăng. Không có lí do gì tin rằng nhờ sự vâng phục do sự tinh tuyền này mang lại mà khiến các khuyñh hướng thấp hơn được hoàn hảo ngay ở cấp độ cao nhất. Ở vào thuở khởi nguyên, phải là có sự vâng phục, và có thể gia tăng mạnh mẽ hơn về sau.

Nhưng sự hòa điệu bên trong đang tăng do tinh tuyền nguyên thủy phát sinh thì lại bị hủy diệt bởi tội lỗi. Hủy diệt này có nghĩa là sự phát triển cuộc sống luân lí và tôn giáo có tính bi kịch hơn và phải chịu sự lằm lặc đau lòng, dù ân sủng Đức Kitô không bao giờ muốn xảy ra như thế. Nhưng đó là câu chuyện khác. Tới đây đủ để vạch rõ rằng tặng phẩm tinh tuyền nguyên thủy dù sao cũng không buộc chúng ta tạo ra một hình ảnh Adam nằm ngoài cấp bậc viễn tượng tiến hóa.

“Sự bất tử nguyên thủy”, còn hơn cả tình tuyến, có thể lộ ra làm bối rối. Nhưng ở đây có câu trả lời tương xứng với những khó khăn mà nó gây ra. Vấn đề không phải phủ nhận mà là hiểu nó cách đúng hơn. Vì Thánh Phaolô đã nói dứt khoát: “Chỉ vì một người, mà sự tội đã đột nhập vào trần gian; và vì tội, thì sự chết nữa và như vậy sự chết đã lan qua hết mọi người”. (Rm. 5:12; x. 6:23). Giả dụ Thánh Phaolô, như một số người nghĩ, chỉ nhìn tới cái chết tinh thần vượt ngoài thể xác, nhưng ở đây đúng là ngài chủ yếu vạch ra cái chết thể xác. Học thuyết coi sự chết lệ thuộc vào tội lỗi làm thành phần quan trọng trong Kitô học của Thánh Phaolô, tương hợp với nó là cái chết và sự sống lại của Đức Kitô giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi và sự chết. Các Công đồng Cáctagô (năm 418) và Orange (529) thêm lần nữa nêu ra lời giảng dạy này. Thật không ngạc nhiên là Công đồng Vatican II, trong hiến chế Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay, nói về “con người không phạm tội thì đã không chết” (*Gaudium et Spes*, số 18). Đức Thánh Cha Phaolô VI, trong Bản Tuyên Bố Về Đức Tin, 30 tháng Sáu năm 1968, cũng nói về trạng thái công lí và thánh thiện đó trong đó “con người không biết tới sự dữ và tội lỗi”.

Nhưng làm thế nào chúng ta quan niệm được sự bất tử đầu tiên? Chúng ta thấy nhục thể của con người là phần vỏ bọc lạ lùng của những cơ quan sống động mà tất cả đều bị lệ thuộc qui luật sinh ra, nảy nở và chết. Cũng thế, con người phải được sinh ra và truyền sinh mình: “Hãy sinh sôi nảy nở và hãy nên đầy dẫy trên đất” (St. 1:28). Thuở ấy, liệu con người có sở hữu tặng phẩm nào ngăn chặn được khúc quặt của cuộc sống không phải là lối rẽ

vào cái chết? Liệu tặng phẩm đó có làm con người được miễn trừ các bệnh hoạn và tai nạn thương vong? Nhiều nhà thần học, kể cả Thánh Tôma Aquinô, nghĩ rằng công lí nguyên thủy thể hiện uy lực vượt quá vấn đề thể xác trở thành bất tử. Điều này ngụ ý có một thay đổi sâu xa trong việc đưa con người vào thế gian. Rõ ràng quan điểm mạc khải này giữa tinh thần và vật chất và giữa con người và thế gian đáng cho ta chú ý. Nhưng trên thực tế, Adam có ở trong điều kiện đó không? Ông có đánh mất sự bất tử đó trong con người ông không? Hoặc giả dụ như nhân loại không phạm tội thì nó có phải là điều kiện đủ để, bằng vào tặng phẩm bất tử, giữ cho nhân loại khỏi chết, chẳng hạn như, trước khi phạm tội thì nhờ tặng phẩm này mà không bị biến dạng? Thật đủ để tin rằng sự chết trong nòi giống loài người là lương bổng của tội lỗi (x. Rm. 6:23).

Chúng ta có thể thu lượm một số hiểu biết về việc ấy theo cách sau đây. Bất chấp sự ác nghiệt của nó, cái chết vẫn là điều tự nhiên cho con người. Nhưng ân sủng làm nghĩa tử nâng con người lên quá đối cao hơn cương vị thật sự của nó tới độ nếu nòi giống loài người tương xứng với ân sủng mình có được, thì dưới mắt Thiên Chúa, nó vẫn được giữ gìn cho khỏi chết.. Trong trường hợp ấy, tặng phẩm sự bất tử có thể biến đổi con người, như hiểu theo Thánh Tôma. Tốt nhất là cố gắng tưởng tượng trật tự của quan phòng Thiên Chúa là gì nếu tội lỗi và sự chết không ngự trị. Nhưng khả thi bất tận của khôn ngoan và quyền năng Thiên Chúa thì ẩn mật đối với chúng ta.

Trong trật tự vạn vật mà Thiên Chúa thấy trước và chọn lựa từ đời đời, ngay từ khởi thủy của lịch sử, nòi giống loài người đã đánh mất cương vị vốn được nâng

lên bởi công lí nguyên thủy. Do đó, thật không cần thiết để ban tặng phẩm sự bất tử cho con người đầu tiên bằng hình thức biến đổi cái hữu thể của nó. Đúng hơn, lời hứa sự bất tử được đưa ra, như nó vốn vậy, bằng ân sủng của công lí nguyên thủy. Vì tội lỗi, con người đánh mất sự bất tử ở một mức rõ ràng. Tội lỗi đột nhập vào thế gian và cùng với tội lỗi là sự chết (x. Rm. 5:12).

### *Về vấn đề Adam*

Bây giờ chúng ta sẽ chạm đến hai vấn đề làm phát sinh các vấn nạn. Đầu tiên liên quan tới mối ràng buộc giữa Eva và Adam. Thứ đến, giả thuyết của đa tổ thuyết. Vấn đề đầu thì ngẫu nhiên. Vấn đề sau thì tinh tế và khó khăn.

1. Khi đề cập vấn đề học thuyết Phaolô về Adam như một nguyên nhân của tội lỗi truyền cho chúng ta, chúng ta đã nói là cần suy nghĩ đến Eva như có tính cách nhất quán với Adam. Nhưng làm thế nào chúng ta quan niệm được mối ràng buộc này? Có phải nó là vấn đề có tính cách độc chiếm tội lỗi do cả hai cùng phạm, hoặc cũng là vấn đề mất công lí nguyên thủy, không chỉ riêng cho cả hai mà còn cho cả con cháu mình?

Thánh Phaolô chỉ nói đến Adam như nguyên nhân của tội nguyên tội. Truyền thống của Giáo Hội cũng nói như thế, và chúng ta noi gương đó. Có thể giản dị hiểu phương pháp thảo luận của chúng ta là để vấn đề Eva qua một bên hoặc tuyệt đối loại bỏ. Không ai không thừa nhận là Eva phạm tội. Nhưng thông thường các nhà thần kinh học viện nghĩ rằng chỉ Adam đánh mất công lí

nguyên thủy cho mình và cho con cháu mình vì chỉ một mình ông truyền công lí này cho hậu duệ mình. Học thuyết của họ đặt một phần trên quan điểm sinh học nay không còn được đánh giá cao, vì theo đó thì phụ nữ đóng vai trò hoàn toàn thụ động trong việc sinh sản trong khi đàn ông là tác nhân chủ động duy nhất trong việc truyền bản tính.

Nhiều nhà thần học hiện đại nghĩ rằng Adam và Eva nhận công lí nguyên thủy như một tặng phẩm đơn nhất, mà họ truyền cho con cháu. Trong trạng thái vô tội cả hai sẽ truyền công lí cũng như sự sống cho con cái mình, tựa dẫu chỉ - tới một mức độ nào đó - như chúng ta đã nói. Tội chung của họ đã loại bỏ sự truyền giao vốn được ban quá dồi dào hạnh phúc cho nòi giống loài người. Nhưng, tội ấy dù phạm riêng rẽ bởi bất cứ ai trong cả hai, thì đều cũng có tác dụng như nhau.

Ở đây chúng ta có thể phụ thêm vào một lưu ý nhỏ. Liên kết với ý tưởng tội nguyên tội được truyền theo cách dòng dõi, Thánh Tôma đã nói ít nhất một lần rằng nếu Adam đã không là kẻ phạm tội thì loài người, mà có thể phạm tội về sau, sẽ truyền tội nguyên tội mỗi người cho con cháu riêng mình. Có lẽ chúng ta có thể sử dụng ý kiến này như một đưa dẫn vào điều mà sau đây chúng ta sẽ nói về các vấn đề được trình bày cho tư tưởng Kitô giáo bởi những giả thuyết của các học giả liên quan tới đa tổ thuyết.

2. Vì thế, lúc này chúng ta chạm đến vấn đề thứ hai, đó là đa tổ thuyết. Bằng độc tổ thuyết, chúng ta có ý nói đến sự hiện hữu của một cặp độc nhất của nhân loại làm điểm khởi đầu của mọi thế hệ loài người. Đa tổ thuyết



có ý nói đến sự hiện hữu của một hoặc “nhiều dân cư” hơn của nhân loại làm điểm khởi đầu của các chuỗi nhiều thế hệ. Cổ sinh vật học và di truyền học không chứng minh được đa tổ thuyết và các học giả không khẳng định là nó đã được chứng minh. Nhưng từ quan điểm sinh học thuần túy - và chắc chắn không đầy đủ cho vấn đề đó vì những liên quan của nó tới thần học và triết học - nhiều học giả ủng hộ đa tổ thuyết.

Mặt khác, chúng ta thấy khi nói về tội nguyên tội, Thánh Phaolô, truyền thống Giáo Hội, các Công đồng Trentô và Vatican II dùng những công thức rõ ràng có ý nghĩa cụ thể là độc tổ thuyết. Điều ấy đặc biệt đúng cho Công đồng Trentô. Chắc chắn những công thức ấy, bằng cách này hoặc cách khác, chứa đựng chân lý được mạc khải. Vì thế, chúng không thể bị loại bỏ cách thiếu suy nghĩ. Nhưng chúng ta cũng nên tránh sự thái quá, và không nên áp đặt bất cứ điều gì có tính cách tuyệt đối trên đức tin mà có thể đưa tới việc từ bỏ đức tin. Nếu khoa học chứng minh được đa tổ thuyết, chúng ta cũng phải kết luận rằng chân lý của đức tin - mà cho đến lúc ấy được diễn tả bằng độc tổ thuyết - phải bị tước cái vỏ ý nghĩa độc tổ thuyết rành rành của nó. Lúc ấy, chân lý được mạc khải sẽ giữ lại nguyên vẹn. Nhưng liệu có tưởng tượng được sẽ có một sự chia tay như thế?

Trong những năm trở lại đây, nhiều nhà thần học khác nhau cố gắng xác định là dù sao thì sự ấy cũng có thể, và với ý định ấy trong tâm trí, họ cố gắng bằng nhiều cách khác nhau mô tả mầu nhiệm của tội nguyên tội theo giả thuyết của đa tổ thuyết. Có lẽ hữu ích nếu bằng phác thảo, nêu ra một cố gắng như thế ở đây, không phải để

kêu gọi tín hữu từ bỏ độc tổ thuyết, nhưng là để làm thanh thản tâm trí họ đối với những vấn nạn khác nhau mà hôm nay đức tin phải trải qua.

Thế thì chúng ta hãy giả dụ là “Adam và Eva” tiêu biểu cho dân số đầu tiên của loài người (hoặc một nhóm các dân cư) cũng không tạo khác biệt thật sự cho vấn đề của chúng ta. Cũng phải giả dụ, như đã được làm ở trên, rằng việc truyền công lí nguyên thủy của một cặp con người là thiết yếu, các cặp còn lại đều vô tội. Lúc ấy, chúng ta nghĩ thế nào về trường hợp giống nòi loài người trong Adam?

Chúng ta phải giả dụ rằng tội lỗi gia tăng cách quá nhanh và quá phổ quát trong “dân cư thuộc về Adam” tới độ ngay sau thế hệ đầu tiên, không còn cặp loài người nào có khả năng truyền công lí nguyên thủy cho con cháu mình. Nhưng giả thuyết này, về sự lan truyền nhanh chóng và phổ quát của tội lỗi, làm phát sinh những khó khăn. Thế thì chúng ta có thể xem xét sự việc theo cách khác bằng cách giả dụ rằng “cư dân thuộc về Adam” đã bao gồm một số các thế hệ (mà dự kiến việc lan tràn về sau của nòi giống loài người này là cực nhỏ). Gương xấu sẽ tạo ra thảm họa trong đám dân cư này và sẽ mất sự kế thừa công lí nguyên thủy theo số lượng người gia tăng cách đều đặn, dù vì bản thân họ có tội hoặc vì xuất phát từ một cặp loài người bị hoen ố vì tội lỗi. Sau cùng sẽ chẳng có cặp duy nhất nào có khả năng truyền công lí nguyên thủy cho con cháu mình.

Trong hai giả thuyết về nguồn gốc trạng thái sa ngã của chúng ta này, hình ảnh truyền thống “Adam tội lỗi” được tiêu biểu bởi “dân cư thuộc về Adam” đã sa ngã

trong tội lỗi: hoặc đúng ra đặt nó cách rõ ràng hơn, bằng số lượng các cặp loài người gia tăng liên tục, là những người - vì lí do trạng thái tội lỗi của một trong hai người - chỉ có thể truyền cho con cái mình bản tính đã bị tước bỏ công lí nguyên thủy. Đây chắc chắn là một bức tranh ảm đạm. Nhưng có phải kinh nghiệm của chúng ta về tội lỗi trong thế gian còn ảm đạm hơn nữa? Và nó là, có thể nói, không thể không xảy ra.

Hậu quả là tất cả hậu duệ của “dân cư thuộc về Adam”, tương đương với “Adam tội lỗi”, đều bị gánh nặng tội nguyên tội lúc ra đời. Họ đều “phạm tội trong Adam”. Về điểm này thì không có vấn đề nào mới. Nhưng trong “dân cư thuộc về Adam” có thể có những người vẫn còn vô tội. Nhưng điều này có không mâu thuẫn với những khẳng định của Thánh Phaolô và Công đồng Trentô về tội lỗi của Adam ảnh hưởng lên toàn thể nhân loại? Ta phải nói rằng các khẳng định ấy nói đến tất cả hậu duệ của Adam tội lỗi. Nhưng ở đây chúng ta không đề cập tới những hậu duệ tương đương với Adam tội lỗi - là tuyến chắc chắn của những cặp loài người dần dần bị hoen ố bởi tội lỗi - mà đến những phần tử của “dân cư Adam” nằm trước các hậu duệ đó. (Những cá nhân vô tội ấy giả dụ sẽ bị bắt phải chịu chết vì Thiên Chúa không muốn giữ gìn cho khỏi chết cái giống nòi loài người mà tội lỗi đã tràn lan sẵn ở đó).

Phác thảo đó có hoàn toàn trung thực với chân lí được mạc khải? Trong tình trạng hiện nay của khoa thần học, dường như không thể trả lời chắc chắn câu hỏi này. Giáo hội vẫn giữ chặt chẽ viên tượng độc thần thuyết, và thái độ ấy khôn ngoan. Vì trong thực tế, Giáo Hội biết rằng

những công thức truyền thống về Adam và Eva và nòi giống loài người sa ngã trong Adam chứa đựng chân lý của lịch sử công cuộc cứu rỗi đang được kí thác cho Giáo Hội - dù không nên hiểu các công thức này theo nghĩa đen. Nhưng Giáo Hội không thể khẳng định giống điều liên quan tới các công thức có tính cách đa tổ thuyết. Vì thế, Giáo hội bảo lưu những công thức truyền thống và đòi hỏi chúng phải được bảo tồn như những điều duy nhất canh giữ cách vững vàng đức tin. Có điều Giáo Hội làm thế mà không đóng cửa với các vấn nạn phát sinh bởi các phát hiện khoa học. Dường như đây là ý nghĩa của học thuyết được đưa ra trong thông điệp Humani Genes (Denzinger - Schonmetzer, 3897). Và khi Công đồng Vatican II và đức Thánh Cha Phaolô VI dùng các công thức truyền thống (xem phần trên, nhân nói về chương năm Thư Rôma), học thuyết của cả hai cũng theo chung một tuyến. Nhưng Giáo Hội cho phép các nhà thần học tiếp tục cuộc thẩm tra của mình và tiếp tục đối thoại với các nhà nghiên cứu những bộ môn khoa học tự nhiên.

*Mâu nhiệm của tội nguyên tội theo giáo huấn của Giáo Hội*

Giáo huấn của Giáo Hội, đang là cốt tủy sự giải thích của chúng ta về tội nguyên tội và tội lỗi của thế gian, thật sự là thông điệp của Kinh Thánh. Thông điệp đó, vốn trở nên ngày càng sáng sủa và rõ rệt hơn theo diễn tiến phát triển của truyền thống, và cũng được phong phú thêm với những minh giải vững vàng. Chúng ta đã ngắn gọn đưa ra ở trên thông điệp có tính cách thánh kinh, ít

nhất tới mức chứa đựng trong sách Sáng Thế và Thư Gởi Tín Hữu Rôma. Lúc này, chúng ta sẽ gom lại học thuyết của Giáo Hội từ những giải thích của chúng ta như một toàn bộ nơi nó được phối hợp với những suy xét khác.

Con người, xuất phát vô tội từ tay Thiên Chúa và được ngài nâng lên tới tình trạng làm nghĩa tử, đã nên phạm tội. Cuộc nổi loạn chống lại Thiên Chúa bắt đầu ngay từ khởi thủy lịch sử. Đó là cuộc nổi loạn của tổ tông của chúng ta. Nó không chỉ là sự bắt đầu của một chuỗi các tội lỗi. Adam đánh mất công lí nguyên thủy cho ông và cho chúng ta, nghĩa là, đánh mất thần khí nghĩa tử mà ông đã nhận cùng với sự tinh tuyền nguyên thủy.

Ông đã tiếp nhận công lí ấy như một tặng phẩm để truyền cùng nó sự sống con người thuần khiết cho mọi hậu duệ của mình. Nhưng vì bị sa khỏi tình trạng cao hơn này, ông chỉ còn thuần túy bản tính con người để truyền, và ta cũng bị sa ngã. Sự hư hỏng bên trong, mà còn làm chúng ta ghẻ lạnh với Thiên Chúa, cùng với Adam và tiếp tục sự ghẻ lạnh của ông với Thiên Chúa, là trạng thái của tội lỗi trong chúng ta.

Con người sa ngã, cả khi nó được tái sinh bởi phép rửa tội (do ít nhất rửa tội bằng khát vọng) và như thế được hiệp nhất với Đức Kitô, vẫn còn yếu đuối nội tâm trong cuộc chiến đấu chống tội lỗi vì nó không nhận lại được sự tinh tuyền nguyên thủy. Dù thế nó lại càng bị buộc phải tìm kiếm ân sủng cứu chữa của Đức Kitô hơn và sự tha thứ mới, lúc cần thiết, bằng tiếp nhận các phép bí tích và bằng khiêm tốn cầu nguyện.

Bất chấp ân sủng của Đức Kitô, lịch sử nhân loại phần lớn vẫn còn là lịch sử của cuộc nổi loạn tái tục và liên

tục chống lại Thiên Chúa. Tội nguyên tội và tội lỗi của thế gian cùng nhau làm thành bí nhiệm của tội lỗi. Vì tội nguyên tội, tiếp theo vì tội lỗi thế gian, Thiên Chúa để sự chết ngự trị nòi giống loài người. Sự chết là lương bổng của tội lỗi.

Toàn bộ tấn thảm kịch này sau cùng kết thúc trong khải hoàn của tình yêu của Thiên Chúa, đã biểu lộ cho chúng ta thấy trong Con ngài, Đấng Cứu độ chúng ta. Ngài là mục tử trọn lành, đáng lưu lại trên thế gian này và vĩnh viễn làm rạng rỡ lịch sử. Ngài là Chiên hi sinh, đáng bởi máu mình mà quét sạch tội lỗi của con người. Ngài là người anh vô tội và tôn kính của chúng ta, trong ngài những người được ngài chọn sẽ luôn luôn vinh quang trước mặt Chúa Cha.

### III. VIỆC SINH ĐỨC GIÊSU TỪ MẸ MARIA ĐỒNG TRINH

**BẢN TUYÊN BỐ** (x. AAS, 60 [1968], tr. 688): *Trong sách Giáo lí, cần tuyên bố rộng rãi rằng mẹ thánh của Ngôi Lời Nhập Thể vẫn hằng được tô điểm với vinh dự đồng trinh. Cần giảng dạy rõ ràng và đúng mức về học thuyết Đức Giêsu được sinh cách đồng trinh, là học thuyết rất tối thượng tương ứng với mẫu nhiệm Nhập thể. Không nên tạo cơ hội nào thêm cho việc phủ nhận chân lí này - ngược với truyền thống mà Giáo Hội dựa vào Kinh Thánh - khiến chỉ giữ lại ý nghĩa tượng trưng, chẳng hạn, chỉ ngụ ý rằng đó là tặng phẩm được truyền hưởng khởi do ân sủng thuần túy là cái mà Thiên Chúa ban cho chúng ta trong Chúa Con.*

## 1. Mẫu nhiệm của thụ thai trinh khiết

*Văn bản sách Giáo Lý Mới: tr. 134-139:* “Đức Giêsu là điểm tột đỉnh của mọi lời hứa... do bởi Thiên Chúa: Đấng Tối cao”.

*Văn bản mới:* Vì thế nhiều con trẻ đã được ban cho Israel như hoa trái của lời hứa. Đức Giêsu là điểm tột đỉnh. Khi nhập thế, ngài là người được cầu xin bởi toàn thể một dân tộc, được hứa hẹn từ và cho toàn bộ lịch sử. Ngài là đứa con của một lời hứa, theo ý nghĩa duy nhất. Trong ngài hoàn thành khát vọng sâu xa nhất của nhân loại. Đó là lí do, vĩ đại hơn sự sinh ra của mọi con trẻ của nhân loại, sự thực hiện ở đây vượt quá mọi khả năng của loài người. Không có gì trong cung lòng loài người, không có gì trong sự đơm hoa kết trái của loài người, có thể sinh nở ra ngài, đáng mà mọi đơm hoa kết trái, mọi sinh nở của nòi giống chúng ta lệ thuộc vào: vì mọi sự được làm ra trong ngài.

Mẫu nhiệm về tặng phẩm lớn lao nhất này của Thiên Chúa trao tận tay trong Đức Giêsu cũng có thể được ngụ ý bởi một biến cố khác cũng có tính cách mẫu nhiệm, đó là sự thụ thai trinh khiết Đức Giêsu mà Matthêu và Luca kể cho chúng ta trong Phúc âm. Đức Giêsu không được sinh ra bằng sự can thiệp của con người. Ngài được thụ thai từ Chúa Thánh Thần, sinh từ một người nữ trẻ tuổi là kẻ đầy ân sủng và được Thiên Chúa chọn làm thánh mẫu của Con ngài. Học thuyết này của các tác giả phúc âm được lập lại bởi mọi công thức tuyên tín xa xưa và bởi truyền thống liên tục của các Giáo Phụ Giáo Hội cùng bậc thẩm quyền giáo huấn. Dưới sự hướng dẫn của thẩm

quyền giáo huấn này, chúng ta đều tuyên xưng rằng Đức Giêsu “bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, Người đã nhập thể trong lòng Trinh nữ Maria”. Sự thông phần vô song của Mẹ Thiên Chúa vào mầu nhiệm Nhập thể, cất nghĩa vai trò vô song mà mẹ có - tùy thuộc vào Con mẹ - trong công cuộc cứu độ chúng ta.

Khi xem xét những biến cố này, cần cẩn trọng chớ để mình không trông thấy ý định chính của các sách phúc âm là công bố mầu nhiệm này thuộc về cuộc cứu độ chúng ta. Thật xứng hợp khi Con Thiên Chúa nhập thể, được thụ thai nhờ tiếng “Xin Vâng” khiêm tốn của một người mẹ mà con tim đã được dâng lên Thiên Chúa trong sự đồng trinh. Cũng thật xứng hợp là ngài - đáng từ vĩnh cửu là Con độc nhất của Thiên Chúa, và đáng, dù là con người, lại hiệp nhất trong tình con cùng Cha ngài hơn bất cứ người nào khác - không người Cha nào khác đầy đủ ý nghĩa hơn Thiên Chúa. Những ai tin vào sự Nhập thể của Con Thiên Chúa cũng sẽ nhận thấy khả thể tin rằng sự thâm nhập của Đấng Emmanuel (Thiên Chúa ở cùng ta) vào lịch sử đi cùng với sự sinh hạ khác thường mà tương hợp với mầu nhiệm thiêng liêng này.

Thật sự, cần nêu ra là sự thụ thai trinh khiết chỉ được nói tới rõ rệt hai lần trong toàn bộ Tân Ước, trong khi đó sự chết và sống lại, chẳng hạn, được tuyên bố hàng trang. Câu trả lời đầu tiên cho việc ấy là việc công bố sự chết và sống lại của Chúa chắc chắn là tin mừng nhất vượt trên mọi tin khác. Như chúng ta thấy, Tân Ước kể về tuổi thơ của Đức Giêsu chỉ vì lợi ích cho thông điệp chủ yếu này. Nhưng thật rõ ràng nhận thấy là hai đoạn văn duy nhất của Tân Ước mô tả tuổi thơ của Đức Giêsu cũng kể



lại việc sinh đồng trinh của Chúa. Nó là, như vốn là, tâm điểm của các trình thuật phúc âm về thời thơ ấu của ngài.

## 2. Đồng trinh vĩnh viễn của Mẹ Maria

*Văn bản Sách Giáo Lý Mới, tr. 71:* “Thêm nữa, Ga. 19:27 đưa ra khả năng rất lớn là mẹ Maria không có các con trai khác”.

*Thêm:* Sự đồng trinh vĩnh viễn được xác nhận bởi truyền thống của Giáo Hội và được bày tỏ bởi thẩm quyền giáo huấn cho niềm tin của chúng ta.

## 3. Ghi chú thêm

Vì chúng ta đang nói về mẫu nhiệm của mẹ Maria, chúng tôi đề nghị hai thay đổi liên quan tới sự thừa nhận mẹ có biết tính chất oai nghiêm đáng tôn kính của Con mẹ.

*a/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 143:* “Mẹ Maria có hiểu hoàn toàn... ngài là ai?”

*Văn bản mới:* Mẹ Maria có hiểu hoàn toàn đáng mà mẹ mang vào thế gian không? Mẹ đã có điều báo ban đầu về việc này. Đức tin của mẹ tăng trưởng trong sự sáng tỏ và sâu xa. Việc sống lại của Đức Giêsu hản cũng chiếu ánh sáng mới cho mẹ Maria về mẫu nhiệm của Con Thiên Chúa.

*b/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 266:* “Trước lúc sống lại của Đức Giêsu... “Người Con Chí Ái” của ngài”.

*Văn bản mới:* Để cho thấy rõ rệt tính chất sâu thẳm khôn dò của tước hiệu này, “Con Thiên Chúa”, sự sống lại của Đức Giêsu là thiết yếu, cả cho những người như các Tông đồ, và trên hết mẹ Maria, trong chừng mực khác,

nhận biết được điều gì đó về tước hiệu ấy. Và cả trong trường hợp của chúng ta cách tốt là chờ lập tức bắt đầu chiêm ngắm mầu nhiệm này bằng chính nó. Nó sẽ dường như quá cách biệt và trừu tượng. Tốt hơn là học biết nó dần dần như các Tông đồ đã làm, qua cuộc đời, cái chết và sự sống lại của Đức Giêsu. Chỉ lúc ấy chúng ta mới có thể phát hiện những phong phú của mầu nhiệm Chúa Con làm người mà được diễn tả trong các lối nói như: “Vâng phục”, tiếng thét “Abba”, “đẹp lòng”, “Con Chí Ái”.

#### IV. SỰ ĐỀN BÙ ĐỨC GIÊSU DÂNG HIẾN CHÚA CHA

**BẢN TUYÊN BỐ** (x. AAS, 60 [1968]. Cần đưa ra rõ rệt những thành tố của học thuyết về sự đền bù của Đức Kitô, vốn làm thành đức tin. Thiên Chúa yêu thương quá đối loài người tội lỗi tới độ ngài sai Con ngài vào thế gian để hòa giải họ với chính ngài (x. 2 Cr. 5:19). Thánh Augustinô nói, “Chúng ta được hòa giải với Thiên Chúa, đáng hằng yêu thương chúng ta, với đáng mà chúng ta sống trong thù nghịch vì tội lỗi mình” (theo Joannis Evangelium, Luận án CX, số 6). Vì thế Đức Giêsu, là trưởng tử giữa nhiều huynh đệ (x. Rm. 8:29), đã chết vì tội lỗi chúng ta (1 Cr. 15:3). Thánh đức, vô tội, vô tì (Dt. 7:26), ngài chắc chắn không phải chịu bất cứ hình phạt nào mà Thiên Chúa áp đặt trên ngài, ngoài việc tự nguyện vâng phục Chúa Cha với tình con trẻ (x. Pl. 2:8), ngài chấp nhận chết vì tội lỗi của anh em mình và làm kẻ trung gian (x. 1 Tm. 2:5), sự chết là lương bổng của tội lỗi (x. Rm. 6:33; Vatican II, Hiến chế Gaudium et Spes, số 13). Bởi

*cái chết thánh thiện nhất này, mà dưới mắt Thiên Chúa, còn giá trị gấp bội bởi tội lỗi của thế gian, ngài khiến ân sủng thiêng liêng được ban phát lại cho nhân loại như một phúc lành xứng đáng trong vị Nguyên thủ thiêng liêng của nó (xem, chẳng hạn, Dt. 10:5-10; Trentô, Kì họp 6; Sắc lệnh De Justificatione, các chương 3 và 7, khoản 10).*

*Văn bản sách Giáo Lý Mới, các tr. 472: Phần đầu của mục có tiêu đề “Tóm tắt”, cho tới “...bằng việc đi qua nó”.*

*Văn bản mới:*

### *Được cứu độ bằng máu của Đức Giêsu*

Nhưng có điều để nói hơn. Điều chúng ta nghe trong các sách phúc âm không chỉ là chúng ta được cứu độ bằng sự sống lại của Đức Giêsu, mà còn bằng cái chết của ngài. Trong cuộc sống khắc khoải đầy đau khổ và phải chết của chúng ta, đây là nguồn suối ủi an mới. Nhưng làm thế nào giải thích rằng một cái chết lại có thể có tính cách cứu độ?

Thánh Phaolô kể cho chúng ta rằng, Thiên Chúa sai Con ngài với hình thể xác thịt tội lỗi của chúng ta (x. Rm. 8:3), nghĩa là trong xác thịt phải chết như xác thịt của loài người tội lỗi. Ngài sai Đức Giêsu để “ngang qua thi ân giáng phúc” (Cv. 10:38) và để sống trước mắt của Cha ngài như ngài là kẻ được Cha “sủng mộ” (Mc. 1:11). Đó là cuộc sống trần thế của hình ảnh của Chúa Cha, của Con Một, đang ở nơi cung lòng Chúa Cha (x. Ga. 1:18). Trong thế gian không tình yêu, ngài là tình yêu.

Sứ mệnh của ngài thì khó khăn. Cuộc đời ngài cho chúng ta thấy ngài đã nhận ra nó gay go biết bao. Trong một thế gian quanh co, ngài sắp sống thẳng tắp, trong một loài người bất tuân, ngài sắp giữ vàng phục, trong một loài người ích kỷ, ngài sắp là tình yêu. Ngài còn sắp phải làm cho mình được dân tộc mình chấp nhận là Đấng Cứu độ, đấng các tiên tri loan báo, và là đấng loài người đợi trông.

Ngài thất bại trong việc đó. Cuộc cứu rỗi ngài đem đến quá thuần khiết. Ngài làm thất vọng những kẻ bám chặt trần gian này, khao khát cuộc khải hoàn quốc gia, vinh quang và của cải trần thế. Ngài bị giết. Tấn kích kinh hoàng này, điểm tột đỉnh của sự dữ điên rồ, được Giáo Hội nhận ra từ thuở sơ khai như một mẫu nhiệm sâu thẳm. Các đoạn văn chắc nịch của Cựu Ước chỉ tới nó. Ta nhận thấy, chẳng hạn, trong Isaia-Thứ "Các Bài Ca Người Tôi Tớ" (Is. 42:1; 49:1-6; 50:4-11; 52:13 - 53:12). Chúng nói về một cuộc đời bị lấy đi bởi kẻ vô đạo, nhưng lại được Thiên Chúa sùng mộ và mang người tội lỗi đến ngài.

“Con người ốm đau và những ốm o xo bại  
như một kẻ gập chúng tôi thì lo dấu mặt  
bị khinh khi, và chúng tôi chẳng thêm đếm xỉa.  
Trái lại, chính các bệnh tật của chúng tôi, Ngài  
đã mang...  
Còn chúng tôi, chúng tôi lại kể Ngài như kẻ bị  
trời đánh...”

Nhưng Ngài bị đâm vì những ngõ ngách của  
chúng tôi...

Chúng tôi hết thấy đã xiêu lạc

như chiêm cừu mỗi người quay mỗi ngã,  
Nhưng Giavê lại để Ngài phải lụy vì tội vạ hết  
thảy chúng tôi...  
và đã cho hồi phục kẻ đã hiến mình làm hi sinh  
tạ tội”  
(Is. 53:306,10).

Chúng ta không biết có thể ứng dụng cho người nào những bài ca này có tính cách chắc nịch này, bằng một sự hình dung trước mà chúng vượt trội cách căn bản. Chúng nói điều gì đó về mầu nhiệm chỉ được thể hiện đầy đủ trong cái chết và sự sống lại của Đức Giêsu. Chúng giúp các Tông đồ thấy cái chết của ngài có vị trí trong kế hoạch của Thiên Chúa.

Nhưng làm thế nào chúng ta có thể được cứu độ bằng gian nan, đau đớn và cái chết của một người?

Ở đây, đó là một mầu nhiệm không thể xác định trọn vẹn được bằng lối nói thuộc về nhận thức, cho bằng chúng ta cảm nhận điểm trung tâm mà nó liên can tới. Chúng ta sẽ nhìn vào nó trong chốc lát vì nhiều người trong chúng ta có khái niệm méo mó về mầu nhiệm này.

Từ thời Trung Cổ trở đi, nhiều nhà thần học và giảng dạy nhấn mạnh vào khái niệm sự đền bù. Khi hiểu cách riêng, nó lập thành phần thông điệp của đức tin và Công đồng Trentô dạy rằng Đức Kitô “dâng sự đền bù vì chúng ta cho Thiên Chúa là Chúa Cha bằng cuộc khổ nạn cực thánh của ngài” (Kì họp 6, khoản 7). Điều ấy xác đáng, dù nó thường bị hiểu sai lạc hoặc ít nhất được trình bày bằng lối nói rất không thoả đáng.

Thái độ của Thiên Chúa đối với con người không là thái độ của một hoàng đế thịnh nộ tìm cách làm nguôi cơn giận dữ của mình. Ngài chỉ thừa nhận là chúng ta xứng đáng với hình phạt, đồng thời quyết định giải thoát chúng ta khỏi hình phạt qua Con ngài, đáng sắp hòa giải chúng ta với ngài.

Thiên Chúa không muốn Con ngài hiến sự đền bù vì ngài ít yêu loài người tội lỗi, mà vì ngài yêu chúng quá nhiều. Nhưng ngài không muốn chỉ giản dị ban bố thí sự tha thứ cho chúng. Ngài ban cho chúng ân sủng cực kì lớn lao hơn bằng sự ra đời của Con ngài, người anh của chúng, đáng mà cuộc sống thánh thiện khôn sánh của mình sắp, trong mắt Thiên Chúa, bồi thường vì mọi tội lỗi của chúng. Lúc ấy, chúng ta có đường đến với Chúa Cha bằng trồng cây khiêm tốn, và chúng ta có thể kiêu hãnh với niềm tự hào thánh thiện về người “trưởng tử giữa một đàn em đồng đức” này (Rm. 8:29). Thêm nữa, Con Thiên Chúa cho chúng ta thấy tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta vô lượng biết bao. Người yêu thương thì hiến dâng và hi sinh cách khoan khoái bản thân cho kẻ mình yêu. Thật không thể tưởng tượng được Thiên Chúa có thể biểu lộ tình ngài theo cách đó. Nhưng ngài đã làm thế trong Đức Giêsu, Con ngài.

Có điều chúng ta không bao giờ nên tưởng tượng là Chúa Cha áp đặt hình phạt lên Đức Giêsu. Đáng vô tội không bị trừng phạt bởi Chúa Cha. Nhưng cái chết của ngài thì không “bất tương xứng” đối với loài người tội lỗi, và qua cái chết đó Thiên Chúa giải phóng con người là kẻ ngài bảo lưu tình nghĩa tử thiêng liêng của nó. Vì “sự chết là lương bổng của tội lỗi” (Rm. 6:23). Con Thiên

Chúa đã thành anh của chúng ta bằng việc làm người, một người phải chết như chúng ta. Ngài chấp nhận cái chết để rao giảng Nước Trời và làm chứng đối với sứ mệnh đã đem đến cho chính ngài. Qua sự chấp nhận hạ mình này và là đại diện của loài người tội lỗi trước mặt Cha ngài, ngài muốn tuyên bố sự bất xứng cho chúng và xin tha cho chúng. Và bằng làm thế, ngài đền bù tội lỗi, dưới mắt Thiên Chúa, và xứng đáng làm cho những ân sủng dẫn tới sự sống vĩnh cửu được đưa ra suốt mọi thời cho những người tội lỗi. Sự chấp nhận cái chết thánh thiện này xứng hợp với sự đẹp ý của Cha ngài: ngài “vâng phục cho đến chết” (Pl. 2:8).

Tân Ước dùng những thuật ngữ đặc trưng nhất định để diễn tả công cuộc cứu độ. Chủ yếu là: cứu độ, hòa giải, công bình, máu, tội. Thật quan trọng để hiểu chúng cách riêng.

Đức Giêsu cứu độ hoặc cứu chuộc chúng ta bằng cái chết của ngài. Thuật ngữ này nhắc nhở cách Thiên Chúa “đã cứu độ” Israel khỏi Ai cập. Không có giá nào đã trả. Dân tộc ấy được Thiên Chúa khôi phục. Trong liên kết với cuộc cứu độ chúng ta bởi Đức Kitô, sự đền bù đôi khi làm thành giá đã trả. Chẳng hạn, Thánh Phaolô nói đến việc chúng ta được cứu độ bằng máu của ngài (Ep. 1:7; x. Cl. 1:14). Điều này có thể hiểu được vì Đức Giêsu trả chúng ta lại cho Thiên Chúa bằng hoàn thành công cuộc đã gây cho ngài nhiều tổn thất: chấp nhận cuộc khổ nạn của mình và chết. Sự hiệp nhất với Thiên Chúa được phục hồi theo cách này.

Chúng ta cũng đọc rằng chúng ta được hòa giải với Thiên Chúa bởi cái chết của Đức Giêsu. Chúng ta cần

ghi nhận cách diễn tả này. *Nó không nói rằng Thiên Chúa hòa giải với chúng ta. Không phải một Thiên Chúa thịnh nộ là đáng được hòa giải với con người, nhưng con người độc giữ cần được hòa giải với Thiên Chúa. Ở đây cũng thế, mỗi ràng buộc được phục hồi.*

Sự phục hồi, theo Thánh Phaolô, diễn ra bởi công lí của Thiên Chúa. Đó không phải công lí trừng trị hoặc đòi hỏi một hình phạt, mà là quyền năng thánh hóa của Thiên Chúa truyền đạt cho chúng ta sự thánh thiện và công chính của chính ngài. Tuy thế, sự hi sinh mà Đức Giêsu hiến cho Thiên Chúa có giá trị tối thượng, trong cái nhìn của Thiên Chúa, và qua đó, nó xứng đáng cho việc cứu rỗi chúng ta. Thánh Phaolô nói, “Đức Kitô đã yêu mến ta và đã phó nộp mình vì ta, làm lễ vật hi sinh, hình hương dâng lên Thiên Chúa” (Ep. 5:2).

Về vấn đề **máu**, chúng ta trước tiên cần ghi nhận những lời trong Phép Thánh Thể, “Đây là máu giao ước sẽ đổ ra cho nhiều người được tha tội” (Mt. 26:28). “Máu” là một chữ quan trọng để hiểu công cuộc của Đức Giêsu. Nó là một ngụ ý tới máu của giao ước Sinai, nơi con vật tế lễ được dâng lên Giêavê. Sau đó máu, mà bấy giờ đã thuộc về Thiên Chúa, được rảy lên dân tộc. Bằng cách này máu được dâng lên Thiên Chúa trở thành tặng phẩm của Thiên Chúa cho Israel. Một tình huynh đệ được thiết lập bằng máu, một “quan hệ máu huyết”, ta có thể nói gần như thế.

Cũng thế, máu Đức Giêsu được dâng lên Thiên Chúa. Không nên hiểu hiến lễ này có ý nghĩa vật chất cách toàn bộ. Máu ấy chỉ có giá trị qua sự chấp nhận của Đức



Giêsu đối với cái chết thánh thiện của ngài, mà đã được nói tới ở trên. Máu ấy được dâng lên Thiên Chúa vì chúng ta và nó được ban cho chúng ta trong lễ Tiệc Phép Thánh Thể. Nạn nhân thiêng liêng này, được chấp nhận bởi Thiên Chúa và vinh quang bởi ngài, biến chúng ta nên giống ngài để chúng ta cũng thành công trong sự thuộc về Thiên Chúa. Chúng ta được hiệp nhất với ngài. Đây là “giao ước mới bằng máu Ta”.

Sau cùng, có từ ngữ tội độc thấy trong văn bản của Phaolô: “Đấng không hề biết tội, thì vì ta, Thiên Chúa đã cho làm thành sự tội, ngõ hầu trong Ngài ta được trở thành sự công chính của Thiên Chúa” (2 Cr. 5:21). Câu văn súc tích này không được đưa ra để có ý nói rằng Thiên Chúa hành động “như thế” Đức Giêsu là người phạm tội và như thế giáng hình phạt xuống đầu ngài. Đúng ra nó có nghĩa là Đức Giêsu thâm nhập trọn vẹn vào thế gian của tội lỗi và chết chóc của chúng ta. Ngài thành thành phần của thế gian chúng ta để ngài có thể ban cho chúng ta sự thánh thiện của ngài (sự công chính của ngài). Ngài bị hạ xuống tình trạng bị nguyên rủa của người treo trên thập giá, để giải thoát chúng ta khỏi sự nguyên rủa về sự phạm tội của chúng ta.

Mọi diễn tả ấy biểu hiệu sự vâng phục của Đức Giêsu, sự phục vụ cho đến chết của ngài. Do đó, chúng không có nghĩa Chúa Cha phải trừng phạt ngài để thay cho chúng ta. Thiên Chúa đòi hỏi tình yêu của Đức Giêsu cho Chúa Cha và cho chúng ta, và lối diễn tả cực điểm nhất của tình yêu này là: “Không có yêu thương nào hơn là thí mạng sống mình vì bạn hữu” (Ga. 15:13).

Chúng ta biết qua học thuyết về cứu độ rằng tội lỗi, cái chết và tai ương không là cái kết thúc, vì Thiên Chúa cho thấy ngài có thể sản sinh sự sống từ những cái đó. Vì thế sứ mệnh của Kitô hữu là tác động và tin cậy hết mức có thể được. Vì Kitô hữu được ban cho hi vọng rằng dù mình không thể nào làm hơn được nữa thì trong cái chết và tai ương, mình vẫn được hiệp nhất với Thiên Chúa, trong cho đi và tiếp nhận.

### *Tóm tắt*

Tới đây, chúng ta sẽ cố gắng tóm tắt ngắn gọn cách Chúa cứu độ chúng ta.

Ngài tấn công cội rễ của sự dữ là tội lỗi. Ngài làm điều ấy bằng sự vâng phục cho đến chết. “Với những vết tích của ngài, chúng ta được chữa lành”.

Thiên Chúa yêu thương quá đối loài người tội lỗi tới độ ngài sai Con ngài vào thế gian tội lỗi để hòa giải nó với chính ngài (x. 2 Cr. 5:19). Đức Giêsu, trưởng tử giữa một đàn em đông đúc (x. Rm. 8:29), trở thành vâng phục cho đến chết (x. Pl. 2:8). Thánh đức, vô tội, vô tì (x. Dt. 7:26) - không bao giờ bị trừng phạt bởi Chúa Cha - ngài tự nguyện chấp nhận vì tội lỗi của các em ngài, và là người trung gian của họ (x. 1 Tm. 2:5), sự chết xảy đến cho họ là lương bổng của tội lỗi (x. Rm. 2:23). Bằng cách này, ngài đền bù cho Thiên Chúa vì những sai phạm của họ và xứng đáng để ân sủng thiêng liêng được phục hồi cho một nhân loại đền bù sự dữ bằng chính vị Nguyên thủ của mình.

## V. HI LỄ TRÊN THÁNH GIÁ TIẾP TỤC TRONG LỄ TẾ MISA

BẢN TUYÊN BỐ (x. AS, 60 [1968], tr. 688 và kế tiếp): *Để đền bù tội lỗi của chúng ta, Đức Giêsu hiến mình ngài cho Chúa Cha, làm nạn nhân thiêng liêng để làm đẹp lòng Thiên Chúa. “Đức Giêsu đã yêu mến ta và đã phó nộp mình vì ta, làm lễ vật hi sinh, hình hương dâng lên Thiên Chúa” (Ep. 5:2).*

*Nhưng hi lễ trên thánh giá được tiếp tục liên lạc trong Giáo Hội của Thiên Chúa bằng lễ tế Phép Thánh Thể (x. Vatican II, Sacrosanctum Concilium, số 47). Vì trong cử hành Phép Thánh Thể, Đức Giêsu, là vị chánh tế, dâng hiến mình cho Thiên Chúa qua việc linh mục thực hiện dâng Phép Thánh Thể và tín hữu thông phần vào đó. Sự cử hành này vừa là dâng hiến vừa là yến tiệc. Việc dâng lễ được hoàn tất bằng phần rước lễ trong đó nạn nhân dâng lên Thiên Chúa được ăn như thực phẩm, để các tín hữu hiệp nhất với ngài và ràng buộc vào nhau trong tình yêu (x. 1 Cr. 10:17).*

*Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 563: Mục có tiêu đề: “Máu Tân Ước vĩnh cửu”.*

*Văn bản mới:*

Do đó, chúng ta có bữa tiệc chung và cảm tạ chung. Có phải chúng ta đã thấy hết mọi khía cạnh của lễ Misa? Nếu tiếp tục nhìn vào và lắng nghe, chúng ta sẽ gặp khía cạnh thứ ba. Một số câu trong lời cầu nguyện Thánh Thể ngụ ý của lễ đang được dâng lên. Điều này có ý nghĩa gì?

Trong bữa tiệc, chính Đức Giêsu đã thực hiện hi lễ trên thánh giá bằng một hành động tượng trưng, một “tưởng nhớ trước lúc xảy ra”. Tưởng nhớ ấy làm cái chết trên thánh giá thật sự có mặt trong biểu tượng này. Bánh bẻ là thân mình gập gãy của Đức Giêsu. Rượu nho trong chén là máu ngài chảy vì chúng ta. Vì thế, Đức Giêsu “đã thiết lập Hi Tế Tạ Ơn bằng Mình Máu Người, để nhờ đó Hi Tế Khổ Giá kéo dài qua các thời đại cho đến khi Người lại đến” (Vatican II, Hiến chế về Phụng vụ, Sacrosanctum Concilium, số 47). Mỗi lúc Giáo Hội làm việc này là công bố cái chết của Đức Giêsu, hi lễ Đức Giêsu không thay đổi ở đó, trong Giáo Hội.

Việc ao ước hiến của lễ của loài người - có từ thời cổ đại, “từ Aben” - tìm thấy ở đây một lễ vật mà với nó, ta không hổ thẹn khi đến trước mặt Thiên Chúa. Nhờ của lễ này, tình thân hữu giữa Chúa Cha và chúng ta được dứt khoát khôi phục - tình thân hữu mới, giao ước mới hoặc tân ước. Giao ước (liên minh) của tình thân hữu cũ được kí kết bằng của lễ - trên núi Sinai, trong cuộc Xuất hành. Tình thân hữu mới phát sinh từ sự hiến dâng cuộc sống.

Lễ vượt qua xa xưa là một tưởng nhớ tình thân hữu cũ, nhưng chỉ là một tưởng niệm. Ngược lại, khi chúng ta hồi tưởng tình thân hữu mới, lễ vật này thật sự ở giữa chúng ta. Chúng ta có thể thông phần vào của lễ căn bản của nhân loại - không phải một con dê hoặc một con bò, mà là Chúa Con.

“Vì nếu máu dê máu bò và tro tàn thân con bò cái rảy trên những nhiễm ố còn thánh hóa cho họ trong sạch về phần xác, thì máu của Đức Kitô,

Đấng nhờ Thần Khí hằng có mà tiến mình làm (hi sinh) vô tì tích dâng lên Thiên Chúa, sẽ tẩy sạch lương tâm ta hơn biết mấy khỏi các việc chết mà phụng sự Thiên Chúa hằng sống!”

(Dt. 9:13-14).

Dự lễ Misa là thông phần vào của lễ này và được liên kết vào việc lập giao ước giữa Thiên Chúa và dân ngài. Nó không diễn ra giữa sấm sét của Sinai, nhưng với sự mộc mạc đầy hân hoan và trang trọng của một yến tiệc tôn giáo. Với phương cách này, chính Đức Giêsu tiếp tục “bằng một cách thức không đẫm máu hi tế được hoàn thành trên thánh giá và dâng hiến ngài lên Chúa Cha cho cuộc cứu rỗi thế gian, qua sự cử hành của linh mục” (Thánh Bộ Phụng tự, *Instructio de cultu myterei eucharistici*, AAS, 59 [196] tr. 541 và kế tiếp).

Và tín hữu hiệp cùng vị linh mục dâng lễ tế “cảm tạ, hòa giải, khẩn cầu và tung hô”, qua và với linh mục, và cũng thế, với Đức Giêsu. Họ cũng khiêm tốn dâng mình, cùng với nạn nhân thiêng liêng, để cho ở đó “Thiên Chúa danh dự và vinh quang cho đến muôn đời và muôn kiếp” (x. Tm. 1:17).

Thật không hợp lễ nếu trong việc dâng thật sự hi tế này lại để ý quá nhiều tới các cử chỉ chuẩn bị được gọi là “phần dâng lễ”. Phần này gồm chuẩn bị, sắp xếp bánh và rượu. Mọi sự chính yếu là của lễ bằng mình và máu Đức Giêsu. Vì thế trong “phần lễ qui” phải kể lại các lời Đức Giêsu nói tại bữa tiệc li, và rước lễ. Việc rước lễ được gồm vào vì đó là cách chúng ta tham gia trọn vẹn vào của lễ Mình Thánh Chúa, bao hàm điều Chúa đã ra

lệnh: “Cầm lấy mà ăn”. Nạn nhân thiêng liêng mà chúng ta dâng lên Thiên Chúa lúc ấy trở thành tặng phẩm Thiên Chúa đưa lại cho chúng ta trong rước lễ, “bánh đích thực bởi trời” (Ga. :32). Trong cử hành Phép Thánh Thể, “việc tế lễ và rước lễ là thành phần lớn lao của mầu nhiệm duy nhất khiến chúng ta hiệp nhất mật thiết cùng nhau” (Thánh Bộ Phụng tự, *Instructo*, tr. 541). Với điều này, có lẽ chúng ta đã gồm trọn các cấp độ ý nghĩa của Phép Thánh Thể.

*Lưu ý:* Xin cũng xem Mục IV trước phần trên, “Sự đền bù Đức Giêsu dâng hiến Chúa Cha”, đặc biệt đoạn, “Về vấn đề máu... bằng máu ta”.

## VI. SỰ CÓ MẶT VÀ BIẾN ĐỔI CỦA THÁNH THỂ

**BẢN TUYÊN BỐ** (x. AAS, 60 [1968], tr. 689): *Cần nói cách rất rõ ràng rằng, sau khi làm phép bánh và rượu, chính mình và máu Đức Kitô có mặt trên bàn thờ và được tiếp nhận bằng cách thức bí tích tính lúc rước lễ cực thánh khiến những người tiếp cận thích đáng tiệc thiêng liêng này được Chúa Kitô nuôi dưỡng cách tinh thần. Cần cắt nghĩa thêm rằng thực tại bên trong (không thấy rõ ra ngoài) của bánh và rượu được biến đổi thành mình và máu Đức Kitô nhờ đọc lời làm phép, và vì thế trong hình dạng hoặc thực tại mắt còn thấy đó, ẩn mặt bản tính loài người của chính Đức Giêsu bằng cách rất nhiệm mầu, hợp với bản vị thiêng liêng của ngài.*

*Sự đổi thay kì diệu ấy, mà Giáo Hội đưa ra lời nói là sự biến đổi bản thể, rõ ràng hình dạng của bánh và rượu*

*đã tiếp nhận ý nghĩa trọng đại mới và cứu cánh tính mới, vì chúng thật sự chứa đựng và biểu hiện chính Đức Kitô, nguồn suối của ân sủng và tình yêu, được chia phần cho bằng rước lễ. Chúng tiếp nhận cụ thể ý nghĩa trọng đại mới và cứu cánh tính mới này vì sự biến đổi bản thể diễn ra nơi đó (xem thông điệp của Đức Phaolô I. *Mysterium Fidei*, AAS, 57 [1965], tr. 766; *Thư các giám mục Đức gửi những người được Giáo hội giao phó việc rao giảng đức tin*, từ số 43 tới 47).*

### **1. Sự có mặt của Thánh Thể**

*Văn bản sách Giáo Lý Mới, các tr. 567: Phần đầu của mục có tiêu đề “Đức Giêsu hiện diện trong các biểu hiệu này”.*

*Văn bản mới:*

#### *Sự có mặt của Đức Giêsu trong các biểu hiệu Phép Thánh Thể*

Chúng ta không thể kết thúc chương này mà trước hết không nói dứt khoát về mẫu nhiệm lớn lao được chứa đựng trong những điều đề cập trên nhưng chưa thảo luận tới, là sự có mặt có tính cách bí tích của Đức Giêsu và sự biến đổi của bánh và rượu thành mình và máu ngài.

Khi các Tông đồ cùng ăn với Đức Giêsu trong cuộc đời trần thế của ngài, ngài cụ thể có mặt giữa họ, trông thấy được và bằng hình thức thể xác. Nhưng đó không là tất cả. Còn có “cái gì đó” nữa giữa họ. Sự có mặt của Con Thiên Chúa giữa họ không phải không có hiệu quả đặc biệt. Kèm theo sự có mặt và hoạt động bên ngoài

của Đấng Tôn sùng là cảm giác về sự có mặt bên trong và hiệu quả hiệp nhất họ với ngài. Sự có mặt bên trong này là sự có mặt của Chúa qua hành động của ngài và qua hoạt động của Chúa Thánh Thần. Đây là sự có mặt mà Thánh Phaolô nói đến khi ngài viết cho các tín hữu Êphêsô rằng: “Đức Kitô ngự trong lòng anh em - nhờ bởi lòng tin” (Ep. 3:17), hoặc chính Đức Giêsu đề cập đến khi ngài nói: “Đâu có hai ba người họp lại nhân danh Ta, thì Ta ở đó, giữa họ” (Mt. 18:30). Đây là sự có mặt mà, cùng với những lời nói của Đức Giêsu, đã khiến lòng các môn đệ cháy bùng bùng trên đường đi Êmmau (x. Lc. 24:32).

Sau cái chết và sự sống lại của Đức Giêsu, khi các môn đệ của Đức Giêsu tìm đến nhau vì tình yêu ngài, thì ngài là mối liên kết và hiệu nghiệm hiệp nhất họ. Lúc đó vẫn tồn tại “cái gì đó” giữa họ, giống cái đã có khi Chúa dùng bữa với họ. Còn hơn thế nữa, vì qua những lần hiện ra của ngài, họ biết rằng “ngài đang sống!”, và vì trong ngày Hiện Xuống, họ tiếp nhận chan chứa sức mạnh của Chúa Thánh Thần.

Họ cũng hiểu rằng họ sắp cử hành cuộc tưởng niệm hi tế tối thượng và sự sống lại vinh quang của ngài bằng việc cầm lấy bánh và rượu và lặp lại lời ngài đã nói trong bữa tiệc li. Họ hiểu rằng lúc cử hành nghi lễ tưởng niệm này, họ tiếp nhận chính Chúa là lương thực cho linh hồn mình. Họ hiểu rằng cái ở trước mặt họ không còn là bánh (và rượu) theo thực tại sâu xa nhất của chúng, mà là mình máu Chúa, đáng mà ta không thể đến gần nếu ta bất xứng (x. 1 Cr. 11:27).

Vì thế trong nghi lễ hồi tưởng bữa tiệc li và được Giáo Hội liên tục lặp lại, có sự có mặt nhiệm mầu của



Đức Giêsu trong các biểu hiệu Phép Thánh Thể. Vì cái trên bàn thờ, sau khi lặp lại lời Đức Giêsu thì chỉ còn thuộc về ngoại diện - tùy vào “hình dạng” như Giáo Hội nói - bánh và rượu. Thực tại sâu xa mà giác quan không nhận biết được, cái “nội dung” của bánh và rượu, đã biến đổi thành mình và máu Đức Giêsu. Và Giáo Hội diễn tả điều đó chính xác hơn bằng nói rằng, vì sự biến đổi này mà mình và máu Đức Giêsu - bản tính loài người thánh thiện, vinh quang và truyền sức sống của ngài - có mặt trong chính các biểu hiệu Phép Thánh Thể chứ không chỉ qua hoạt động tính và hiệu nghiệm tính của các biểu hiệu ấy.

Vì thế, trong Phép Thánh Thể, chúng ta tái phát hiện điều tương tự với sự có mặt gấp đôi mà chúng ta đã nói đến về các bữa ăn hoặc các lần trò chuyện của Đức Giêsu với các môn đệ: có mặt bên trong và có mặt bên ngoài. Khi Đức Giêsu sống giữa các môn đệ, sự có mặt bên ngoài thì hữu hình. Trong bí tích Phép Thánh Thể, sự có mặt của ngài trên bàn thờ thì vô hình và chỉ có thể tiếp cận bằng đức tin của chúng ta. Trong cả hai trường hợp, sự có mặt bên trong thì nhiệm mầu và là tặng phẩm quý giá vô ngần, chỉ tới cái mà sự có mặt bên ngoài được định hướng đến.

Chúa đã ngự sẵn trong tâm hồn tín hữu trước khi rước lễ, cả trước khi cử hành Phép Thánh Thể. Ngài cũng tác động qua vị linh mục để dâng hi lễ Thánh Thể qua việc biến đổi bánh và rượu thành mình và máu ngài. Ngài là vị chủ tế tối thượng. Vị linh mục cử hành lễ tế chỉ là thừa tác viên của ngài. Nhưng trong cộng đoàn tín hữu và trong vị linh mục dâng lễ, bản tính loài người vinh quang của

Chúa không có mặt trong chính nó, nhưng qua các hiệu quả của nó. Có mặt trên bàn thờ theo cách nhiệm mầu đặc biệt dưới hình dạng của bánh và rượu là bản tính loài người thánh thiện của ngài và cùng với bản tính đó là bản vị thiêng liêng của Chúa. Vì thế, như Công đồng Trentô dạy, chúng ta nên và phải dâng lòng tôn kính lên Mình Thánh Chúa vì đó là Thiên Chúa. Tựa Tông đồ Tôma trước Chúa sống lại, có điều lúc này chỉ được soi sáng bởi đức tin, chúng ta nói: “Lạy Chúa tôi và là Thiên Chúa tôi”; và chúng ta còn nói, “Lạy Chúa, con không xứng đáng”.

## 2. Sự biến đổi Thánh Thể

*Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 567:* Đoạn hai của mục có tiêu đề “Đức Giêsu hiện diện trong các biểu hiệu này”.

*Văn bản mới:*

Nhưng điều biến đổi nào diễn ra trong bánh? Chúng ta đã nói là không có biến đổi gì trong thực tại có thể cảm giác được của bánh, thí dụ thực tại mà chúng ta có thể thấy và chạm đến, và đó là đối tượng khảo sát của vật lý và hóa học. Chúng ta cũng đã nói rằng chính Đức Giêsu làm xảy ra điều ấy, qua trung gian vị linh mục làm phép, mà bánh đã thành mình Đức Giêsu. Có thể nói thêm về sự biến đổi mầu nhiệm này không?

Trước thời Trung Cổ đã có thảo luận đến nhưng không cố gắng diễn tả sâu sát hơn bản chất của sự biến đổi này. Công đồng Trentô chấp nhận điều cốt yếu của những giải thích ấy, làm thành thành phần của mầu nhiệm đức tin (về thực tại được ngụ ý, không về công thức được

dùng đến). Cảm giác của chúng ta không với tới được hết mọi điều được bao hàm trong những thực tại hữu hình. Trong thực tại nhận thức được ít hoặc nhiều biến đổi của bánh và rượu, có cái gì đó sâu xa hơn và thường trực hơn có thể diễn tả được. Và tâm trí chúng ta nhấm vào nó, và đạt tới nó - dù mơ hồ - khi chúng ta nói như thể chúng ta lĩnh hội các hiện tượng trông thấy được: Này là bánh.

Thực tại sâu xa hơn này (phí-hiện-tượng) của bánh và rượu, bằng hiệu lực lời Đức Kitô được vị linh mục thốt lên, thành nơi cho chính thực tại bản tính loài người của Đức Kitô (cho thực tại sâu xa hơn của mình và máu ngài). Và chúng ta nói chính xác: Đây Chiên Thiên Chúa, và “Minh Thánh Chúa Kitô”. Thực tại sâu xa hơn mà chúng ta đã nói tới này (của bánh và rượu; và của mình và máu Đức Kitô) được Công đồng Trentô gọi là “nội dung” (sự hiện hữu). Vì thế Công đồng ấy gọi sự biến đổi Phép Thánh Thể là “biến đổi bản thể” (thay đổi cái hiện hữu) và khẳng định rằng chỉ có “hình dạng” của bánh và rượu là còn lại.

Điều chúng ta nói không phải là giải thích mẫu nhiệm ấy, mà là nêu ra nội dung chính xác hơn. Mẫu nhiệm thì không thể bóc trần ra được. Thiên Chúa thì vĩ đại hơn trí óc chúng ta. Nhưng thật quan trọng để hiểu rằng đây là mẫu nhiệm của tình yêu. Nghĩa là, bất cứ nơi nào có các cộng đoàn tín hữu thì Giáo Hội có thể hiệp nhất mình với hi lễ của Chúa, và cứ thế tiếp diễn ở trần thế trong mọi thời. Nó cũng có nghĩa là, chúng ta có thể tiếp nhận Chúa làm của nuôi linh hồn mình theo cách con người nhất của một bữa ăn. Thiên Chúa chọn cách thức cảm động này cho chúng ta thấy tình yêu của ngài.

Ngày nay, nhiều nhà thần học nói đến sự biến đổi ý nghĩa trọng đại và cứu cánh tính xảy ra trong bánh và rượu được làm phép. Trong thông điệp *Mysterium Fidei*, Đức Thánh Cha Phaolô VI chấp nhận sự biến đổi lương tính này. Nhưng ngài thấy đó như một hệ quả của sự biến đổi bánh và rượu thành mình và máu Đức Kitô. Bởi hiệu lực của sự biến đổi ấy, các biểu hiệu Phép Thánh Thể chứa đựng Đức Giêsu, bánh của sự sống, và do đó có ý nghĩa (thay đổi ý nghĩa trọng đại) và đưa tới (thay đổi cứu cánh tính) sự kiện là chúng ta được nuôi dưỡng tinh thần (x. Phaolô VI, thông điệp *Mysterium Fidei*, AAS, 57 [1965] tr. 766).

### 3. Khoảng thời gian có mặt của Thánh Thể

*a/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 572: “Có một vấn đề nhỏ... một sự có mặt mãnh liệt hơn trong chúng ta qua Thánh Linh”.*

*Văn bản mới:*

Đây thảo luận về một vấn đề nhỏ, có thể có những ý kiến khác nhau. Lúc nào chấm dứt sự có mặt Thánh Thể của Đức Giêsu? Câu trả lời là, khi thực tại hữu hình, tức là “hình dạng” của bánh không còn ở đó nữa. Đôi khi giải pháp được tìm thấy theo lãnh vực hóa học hoặc các môn khoa học tự nhiên khác. Nhưng ở đây, có nên hiểu “hình dạng” theo ý nghĩa khoa học? Có tốt hơn không nếu tự hỏi mình cái gì được coi là bánh theo quan điểm thông thường hoặc trong mức độ nhận biết thông thường? Đó là cái tiêu chuẩn dùng để phán đoán khoảng thời gian có mặt của Thánh Thể. Dù gì đi nữa, chúng ta tiếp nhận Mình Thánh Đức Giêsu để sự nuôi dưỡng có tính cách bí tích này có thể tăng cường sự ngự trị của Chúa bên trong

tinh thần của chúng ta và gia tăng sự hiệp nhất của chúng ta với ngài.

*b/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 574, “Thánh Thể Đức Kitô được “cất giữ”... hoặc thụ lộc Mình Thánh Chúa”.*

*Văn bản mới:*

Thánh Thể Đức Kitô được tôn kính “cất giữ” ngay sau khi hành lễ. Nhờ thế có thể mang đến cho người bệnh bất cứ lúc nào. Thường được giữ ngay trên bàn thờ, phía trên cung thánh, trong nhà tạm. Vì thế dù khi không cử hành lễ Misa, Chúa vẫn ở lại giữa chúng ta theo cách đó. Những điều đã nói đến trên về sự có mặt của ngài đều là thật cả. Đó là sự có mặt nhiệm mầu và ẩn mật của chính bản tính loài người của Đức Giêsu. Chúng ta nên cố gắng nhận biết cách tôn kính và biết ơn sự có mặt này bất cứ lúc nào chúng ta bước vào giáo đường. Chúng ta nên tỏ ra thái độ bên ngoài lòng tôn kính của mình đối với sự có mặt đáng tôn thờ này. Có tục lệ tuyệt diệu là bái gối hoặc quỳ xuống mỗi khi ra vào. Có thể vinh danh sự có mặt liên tục của Đức Giêsu ở đó bằng thỉnh lạng cầu nguyện, như bà nội trợ tranh thủ ít phút ngưng động lúc đi mua sắm để vào cầu nguyện và cảm tạ thay cho chồng con mình, hoặc bằng sự tôn kính công khai, như việc sở hữu hoặc thụ lộc “Mình Thánh Chúa”.

## VII. TÍNH BẤT KHẢ NGỘ CỦA GIÁO HỘI VÀ SỰ NHẬN BIẾT CÁC MẪU NHIỆM

**BẢN TUYÊN BỐ** (x. AAS, 60 [1968], tr. 689): *Nên nói rõ ràng tính bất khả ngộ của Giáo Hội không bị hạn*

*chế đối với việc đưa ra định hướng chính xác trong cuộc thăm dò luôn luôn tiến triển. Nó ngụ ý rằng chân lý, được bảo tồn trong học thuyết về đức tin, phải luôn luôn được diễn giải trong cùng một ý nghĩa (xem Vatican I, Hiến chế Dei Filius, chương 4 và Vatican II, Hiến chế Dei Verbum, chương 2). “Đức tin không chỉ là một tìm kiếm mà trên hết là một điều chắc chắn” (Phaolô VI, Sermo inauguralis Synodi Episcoporum, AAS, 59 [1967], tr. 966). Thêm nữa, không nên để cho độc giả sách Giáo Lý đạt tới ấn tượng rằng lý trí con người không thể đi xa hơn những phản chiếu có tính cách nhận thức và ngôn từ về mẫu nhiệm được mạc khải. Cần cẩn thận cho thấy rằng lý trí con người và các khái niệm của nó có thể thật sự đạt tới và diễn tả các mẫu nhiệm mạc khải dù chỉ “một phần nào” hoặc “phản chiếu mờ mờ trong gương” (x. 1 Cr. 13:12).*

*Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 604: Mục có tiêu đề “Chân lý và sức năng động”.*

*Văn bản mới:*

### *Chân lý và sức năng động*

“Bất khả ngộ tính” là một từ ngữ phủ định, diễn tả điều tích cực, là sự duy trì và truyền đạt chân lý. Tự nó thì không nói gì tới sự phát triển nội tại của mọi chân lý mà loài người sở hữu. Khi được ứng dụng vào Giáo Hội, bất khả ngộ tính nói cho chúng ta biết rằng mục đích của nó là để duy trì trung thực đức tin mạc khải được giao phó cho Giáo Hội (x. Tm. 6:20), và rằng Thánh Linh sẽ hướng dẫn không chút lầm lạc bất khả ngộ tính như đã và đang thâm nhập sâu hơn vào thông điệp (x. Ga. 16:13).

“Toàn thể tín hữu được Chúa Thánh Thần xúc dầu (x. Ga. 2:20,27) không thể sai lầm trong đức tin. Họ biểu lộ đặc tính ấy nhờ cảm thức siêu nhiên về đức tin của toàn thể dân Chúa, khi ‘từ các Giám Mục cho đến Người giáo dân rốt hết’ đều đồng ý về những điều liên quan đến đức tin và phong hoá” (Vatican II, *Lumen Gentium*, số 17). Nhưng tiến triển của dân Chúa hướng đến sự đầy đủ đức tin bao gồm những gì? Thông điệp mạc khải rất phong phú, bao hàm những khía cạnh bị che dấu lúc ban đầu vì Đức Kitô muốn cô dâu của ngài là Giáo Hội hiểu biết tiệm tiến để đạt tới tiến bộ thật sự trên đường nhận biết chúng. Khi ấy, chúng đạt tới các chân lý mạc khải bằng những phương tiện diễn đạt có tính cách loài người. Trong một mức độ nhất định nào đó, những ngôn từ và công thức có thể thay đổi. Chúng ta cần sử dụng các hình ảnh và khái niệm. Tuy chúng không bao giờ hoàn hảo nhưng có thể, bằng cách có phần nào khẳng định và xác thực, đạt tới các mẫu nhiệm và giữ lại các giá trị bất chấp mọi thay đổi trong văn hóa và lịch sử. Có nhiều sự diễn đạt chân lý bằng các khái niệm có thể bao gồm những thành tố tùy theo hình ảnh thế giới của thời đại mình.

Chúng ta không ngạc nhiên khi thấy các nhà thần học đôi khi phân biệt giữa chân lý thật sự muốn diễn đạt và những diễn tả nào đó về nó. Đó là sự phân biệt của Đức Gioan XXIII giữa quặng mỏ và kho tàng của đức tin - là những chân lý được tổng kết trong học thuyết Kitô giáo - và cách thức diễn tả nó (Thông điệp Khai mạc Công đồng Vatican II, AAS. 52 [1962], tr. 92). Sau cùng nên ghi nhận rằng chân lý mạc khải luôn luôn phải được trình bày sao cho người nhận dù bất cứ thời đại nào cũng có

thể tiếp cận nó dưới ánh sáng của tâm trạng, nhận thức và các vấn đề của chính họ.

Mọi điều trên có nghĩa, việc rao giảng thông điệp Đức Kitô bởi Giáo Hội và sự trình bày chắc nịch về nó do các nhà thần học và những người có trách nhiệm chăm sóc các linh hồn, không phải một hệ thống cố định cứng nhắc mà là một thành tố năng động, một sự chuyển động. Điều này không làm nhiễu loạn sự quân bình của chúng ta. Đối với một hài nhi, mẹ nó là điểm cố định, nhưng lại là một hiện hữu rất di động - vì bà là một con người sống động. Bà di chuyển lui tới, vào ra, lúc nghiêm nghị, lúc cười đùa. Điểm cố định theo ý nghĩa sâu xa nhất của từ ngữ là một điểm đi cùng với sự sống và chuyển động. Đó cũng là sự thật đối với việc rao giảng thông điệp. Nó biến đổi và thích ứng với những hình thức mới, trong khi nội dung vẫn y nguyên.

Ngày nay, tư duy thần học nhận thức đầy đủ tính năng động này và những nỗ lực tìm các hình thức mới. Một số nhà thần học lùi bước trước những thay đổi cần thiết, một số lâm vào nguy cơ không phản ánh hoàn toàn trung thực chân lý bất biến hoặc nhấn mạnh quá đáng vào các thành tố năng động. Đức Phaolô VI trung dung giữa hai thái cực khi ngài phát biểu tại buổi khai mạc thượng Hội Đồng Giám Mục (29 tháng Chín 1967): “Đức tin không chỉ là một tìm kiếm, mà trên hết là một điều chắc chắn”.

Giáo Hội, là người nghe lời phát biểu của Đức Kitô, luôn luôn hướng về một sự nhận biết trong canh tân liên tục một chân lý y nguyên. Chân lý đó là ánh sáng xa xưa và không bao giờ tàn lụi của Đức Kitô, “Lumen Christi”, tựa như ngọn nến Phục Sinh luôn luôn mang thời điểm năm nó chiếu sáng.



## VIII. CHÚC TƯ TẾ THẨM QUYỀN VÀ QUYỀN NĂNG CỦA GIÁO HỘI

**BẢN TUYÊN BỐ** (x. AAS, 0 [1968], tr. 690): Cần phải nêu lên rằng phẩm cách tư tế thẩm quyền không bị giảm thiểu vì nó chính yếu dự phần vào chức tư tế của Đức Kitô, so với trách vụ tư tế tổng quát của tín hữu thì không chỉ khác về cấp bậc mà còn cả về tính chất (xem Vatican II, Hiến chế *Lumen Gentium*, số 10; *Instructio de cultu Mysteriorum eucharistici*, AAS, 59 [1967], số 11, tr. 548).

Khi mô tả sứ mệnh của linh mục, cần chú ý làm nổi bật nhiệm vụ trung gian của linh mục giữa Thiên Chúa và loài người, không chỉ khi rao giảng lời Chúa, hướng dẫn cộng đoàn Kitô hữu và thừa tác các bí tích, nhưng trên hết, khi dâng lễ Phép Thánh Thể nhân danh toàn thể Giáo Hội (x. Vatican II, Hiến chế *Lumen Gentium*, số 28 và Sắc lệnh *Presbyterorum*, số 2,13).

Cần làm sáng tỏ thêm rằng quyền năng rao giảng và cai quản trong Giáo Hội được trực tiếp ban cho Đức Thánh Cha và các giám mục trong hiệp thông với ngài, để truyền từ người trước tới người sau, mà không phải ban cho toàn dân Thiên Chúa. Do đó, trách vụ của giám mục không phải là do của dân Thiên Chúa đưa cho, mà là các vị ấy nhận từ Thiên Chúa vì phúc lợi của toàn thể cộng đoàn tín hữu.

Cũng cần phải trình bày rõ ràng hơn rằng Đức Thánh Cha và các giám mục làm nhiều việc hơn là chỉ tổng kết và xác nhận điều mà toàn thể cộng đoàn tín hữu tin. Dân Thiên Chúa thật sự được thần hứng và phù trợ bởi Thánh

*Linh chân lí, và trung thành kiên định với lời Thiên Chúa. Nhưng dân Thiên Chúa làm thế dưới sự hướng dẫn của bậc thẩm quyền giáo huấn, những người được chỉ định để giữ gìn, diễn giải và bảo vệ tính cách chân xác của kho tàng đức tin. Trong đường lối này, có sự hiệp ý lớn lao giữa các giám mục và tín hữu bằng tiếp nhận tinh thần đức tin truyền thống, tuyên xưng thành lời và thể hiện thành hành động (x. Vatican II, Lumen Gentium, số 11; Dei Verbum, số 10). Truyền thống thiêng liêng và Sách Thánh thiêng liêng - lập thành toàn bộ chân lí thiêng liêng vừa duy nhất vừa được kiên quyết vạch rõ - được liên kết chặt chẽ với thẩm quyền giáo huấn đến nỗi không một cái nào trong cả ba có thể tồn tại một mình (x. Vatican II, Dei Verbum, số 10).*

*Sau cùng cần trình bày rõ ràng quyền hành mà Đức Thánh Cha cai quản Giáo Hội là quyền hành phổ quát, tối thượng và trọn vẹn, mà vị Mục tử của toàn thể Giáo Hội có thể hành xử cách tự do (x. Vatican II, Lumen Gentium, số 22).*

### **1. Chức tư tế của tín hữu và chức tư tế thẩm quyền**

*a/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 576: “Căn bản, chức tư tế Kitô giáo... (1 Pr. 2:9).*

*Văn bản mới:*

Chức tư tế Kitô giáo, theo ý nghĩa chân chính, thuộc về toàn thể cộng đồng tín hữu. Họ tiếp nhận chức ấy qua phép rửa tội và xức dầu trong phép thêm sức. Do đó, Giáo Hội ở trần thế này là “dân riêng của Thiên Chúa” (1 Pr. 2:9).

*b/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 596: “Thế thì đường như...các mẫu nhiệm của Thiên Chúa (1 Cr. 4:1)”.*

*Văn bản mới:*

Vì trung gian mục vụ là đại diện cho sự trung gian của Đức Kitô nên chỉ được hành xử bởi một số người giới hạn. Liệu điều này có giảm thiểu phẩm cách tư tế tổng quát của dân Thiên Chúa và của các mục tử là những thành phần còn lại không? Không. Thật là sai lầm nếu vạch ra theo lối ấy tương quan giữa chức tư tế tổng quát của tín hữu và chức tư tế phẩm trật của các giám mục và linh mục. Đôi bên đều dự phần vào chức tư tế của Đức Kitô. Như Vatican II dạy (*Lumen Gentium*, số 10), có sự khác biệt về tính chất giữa hai loại. Chức tư tế phẩm trật thì cao hơn, nhưng không có nghĩa ngăn cản việc hành xử chức tư tế tổng quát. Các giám mục và linh mục ban cho tín hữu sự sinh ra lần nữa và tái sinh như một dân tư tế. Họ là những tôi tớ của Đức Kitô và của dân ngài và là những người ban phát các mẫu nhiệm của Thiên Chúa.

## **2. Chức tư tế chính thức và phẩm trật**

*a/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 597: “Ý nghĩa của lời ấy là... qua những lời sống động”*

*Văn bản mới:*

Các lời ấy khẳng định rằng những quyền uy của các Tông đồ (dĩ nhiên trừ quyền làm người sáng lập) được truyền cho các giám mục. Nghĩa là họ có quyền chăn dắt dân Thiên Chúa bằng giảng dạy, cử hành lễ tế Phép Thánh Thể (x. *Lumen Gentium*, số 26), phân phối các phép bí tích và đưa ra sự hướng dẫn cho Giáo Hội. Do đó,

Đức Kitô muốn ở giữa chúng ta cách rõ rệt bằng quyền hành của những người sống động ấy.

*b/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 598: “Nhiệm vụ quản lí...trong giáo phận mình”.*

*Văn bản mới:*

Nhiệm vụ “thừa tác viên các phép bí tích” được giám mục giải quyết (ngoại trừ trách nhiệm việc cai quản các linh mục) bằng việc truyền chức linh mục và coi sóc phép thêm sức mà bởi phép này, ngài hoàn thành phép rửa tội các Kitô hữu trong giáo phận. Ngài còn làm phép và chúc lành cho dầu thánh của giáo phận. Ngài còn có trách nhiệm về việc chuyển giao hợp lí và cách riêng mọi phép bí tích trong giáo phận.

*c/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 602: “Việc truyền chức linh mục... Phép Thánh Thể đầu tiên”*

*Văn bản mới:*

Lễ truyền chức linh mục cũng bao gồm lời cầu nguyện lên Thánh Thần Chúa và đặt tay. Mọi linh mục có mặt đều tham gia việc đặt tay như một biểu lộ trang trọng hiệp nhất tính của chức tư tế. Bao quanh điều cốt tủy này là những nghi lễ thiết yếu của việc phong chức, một số các nghi thức soi sáng được chuẩn bị: xức dầu bàn tay với dầu thánh, trao chén thánh và đĩa vàng (đĩa đựng bánh thánh) và sau cùng đồng tế với giám mục lễ cử hành Phép Thánh Thể đầu tiên.

*d/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 602: “Các quyền được... và hướng dẫn”.*

*Văn bản mới:* Ở đây, quyền mà linh mục được truyền cho là quyền dâng hi tế Phép Thánh Thể và tha tội bằng bí tích thống hối (giải tội). Tùy hoàn cảnh thời giờ của mình, linh mục còn được chia sẻ nhiệm vụ giáo huấn và điều hành.

### 3. Quyền cai quản và Huấn giáo

*a/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 599:* “Thêm nữa, giám mục nhận... ban cho chúng ta”.

*Văn bản mới:*

Thêm nữa, giám mục chỉ nhận sứ mệnh và quyền hành của mình ở giữa dân Thiên Chúa và vì phúc lợi của nó. (Khi nói về “dân Thiên Chúa” theo ý nghĩa thánh kinh, dĩ nhiên chúng ta không loại trừ các giám mục và linh mục).

Các quyền hành này đến với giám mục không theo cách thức chúng ta thấy trong chế độ dân chủ. Đây là cách có ý nghĩa sâu xa mà chúng ta sẽ khảo sát.

Đồng thời, có thể ghi nhận là việc chọn lựa một người làm giám mục có thể diễn ra theo vài cách, thí dụ thời sơ khai, rõ ràng có diễn ra sự chọn lựa theo tiếng nói của toàn thể giáo dân.

Quyền hành này tự nó không được truyền theo tính cách chuyển giao do đa số trên một tân giám mục, mà do chuyển tay bởi vị đã nhận nó. (Có thể coi tục lệ hai hoặc nhiều vị giám mục đặt tay lên vị chuẩn giám mục là một lối diễn tả hợp nhất tính của giám mục đoàn - tập thể tính).

Cung cách của giám mục truyền chức vị tân giám mục cho thấy vị này không nhận sứ mệnh mục vụ từ chính

ngài, lại càng không phải do tự quyền hành này mang lại. Giống các Tông đồ, các giám mục nhận thừa tác vụ và quyền hành từ Chúa. Bởi hiệu lực của ý muốn của Chúa mà các quyền hành này được truyền giao cho họ theo cách thức kế vị tông truyền. Việc truyền chức một giám mục mở một cánh cửa cho thấy căn nguyên thiêng liêng của quyền hành của vị ấy. Chính nhờ tặng phẩm của Thiên Chúa mà các vị có trách nhiệm tụ họp với nhau, chăn dắt và cai quản dân Thiên Chúa.

*b/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 603: Mục về “Giám mục đoàn và bất khả ngộ tính”: “Giám mục cùng nhau... điều phát biểu”.*

*Văn bản mới:*

Các giám mục cùng nhau - hiệp nhất với đáng kể vị Thánh Phêrô - giữ gìn chân lý của Đức Kitô trong Giáo Hội. Cùng với dân Thiên Chúa mà họ phải hướng dẫn, tất cả đều chuyển động bởi Thánh Linh chân lý. Và một Công đồng thì bất khả ngộ khi tuyên bố dứt khoát là mình đang đưa ra một học thuyết không thể sửa chữa (bất biến).

#### **4. Quyền của đáng kể vị Thánh Phêrô**

*a/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 606: Mục có tiêu đề: “Hợp nhất qua đáng kể vị Thánh Phêrô”*

*Văn bản mới:*

*Hợp nhất qua đáng kể vị Thánh Phêrô*

Có một vấn nạn thông thường mà có thể đặt ra ở đây, và nó có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn tặng phẩm của Đức Kitô ban cho Giáo Hội ngài. Có thể phát biểu nó

thành công thức như sau: Đây là nơi chúng ta hướng về khi các giám mục trong Giáo Hội bị chia rẽ? Chúng ta có thể dùng vấn đề ấy như một cơ hội tìm hiểu về sự ủy thác giám mục thành La Mã.

Đức Giêsu đã chỉ định Phêrô làm người thứ nhất của các Tông đồ. Ba lần ngài nói với Phêrô: "Hãy chân dắt đàn cừu của ta". Tại Đông Phương Cổ đại, nói một lời tới ba lần là đưa ra một xác nhận trang trọng nhất. Người đánh cá từ Galilê và trách nhiệm mà Chúa ban cho người ấy đã được thảo luận trong chương nhan đề "Đấng Cứu thế và Cộng đoàn của ngài".

Nhiệm vụ mục vụ của Phêrô được truyền lại. Vị Tông đồ ấy qua đời ở Rôma vào khoảng năm 64 dưới thời Nêron. Văn bản sau đó về thành phố này xuất phát từ Inhaxiô Antiôkia và Clêmentê thành La Mã, khoảng năm 100. Cả hai đều làm sáng tỏ một việc là Giáo Hội ở La Mã đóng một vai trò đặc biệt giữa các Giáo Hội khác. Nó đã vẫn giữ vai trò này. Ban đầu việc này không đòi hỏi bất cứ một tổ chức đặc biệt nào. Nhưng trong những vấn đề quan trọng, các Giáo Hội khác giữ tiếp xúc với Giáo Hội thành La Mã.

Nhưng liệu việc ấy có thể chỉ vì sự kiện La Mã là trung tâm hành chánh và chính trị của Đế quốc? Ngay trên căn bản lịch sử thuần túy thì việc việc ấy không giống như thế, chính xác là vì thời ấy chức giáo chủ không có tính cách toàn bộ tới độ như một nhiệm vụ cai quản. Về căn bản, điều làm vị giám mục thành La Mã thành người thứ nhất giữa các anh em mình không phải là thế giá của kinh đô Đế quốc, mà là thế giá của cộng đoàn tông truyền thời xưa có nguồn gốc từ Thánh Phêrô. Từ

thể kỉ thứ tư, giám mục thành La Mã được gọi là “Papa”, nghĩa là “Cha”. Nhưng thực tế vào thời đó, ngài không là vị giám mục duy nhất được gọi danh hiệu ấy. Nó chỉ được bảo lưu cho ngài về sau. Thời ấy, duy trì hiệp thông với Giáo Hội thành La Mã là một bảo đảm được liên kết với Giáo Hội như một toàn bộ.

Sứ mệnh đặc biệt của giám mục thành La Mã cũng giống của Thánh Phêrô: giữ cho Giáo Hội sự hiệp nhất, bảo vệ Giáo Hội trong hiệp nhất việc tuyên xưng đức tin và cuộc sống. Đây là nền tảng của quyền hành “phổ quát, tối cao và trọn vẹn” mà ngài sở hữu như “Đại diện Chúa Kitô và Chủ chăn của toàn thể Giáo Hội” (Vatican II, *Lumen Gentium*, số 22). Quyền hành này không thể nào làm suy yếu, mà trái lại củng cố thêm quyền uy của các giám mục khác và không biến họ thành chỉ đơn thuần là đại diện của Đức Thánh Cha. Chúng ta không nói rằng ngài ở trên giám mục đoàn theo ý nghĩa ngài cai quản mà chính mình không là thành phần của giám mục đoàn. Ngài là một phần tử và cũng là thủ lãnh của giám mục đoàn.

Theo diễn tiến thời gian, khái niệm “giáo chủ”, mà đã được ban cho Thánh Phêrô và truyền lại cho các đấng kế vị ngài, càng ngày càng được xác định rõ ràng. Và khái niệm ấy lại càng được xác định cụ thể giữa hai Công đồng Vatican I và Vatican II. Về việc hành xử trách nhiệm này thì nhiều hoàn cảnh lịch sử khác nhau đã đưa ra những hình thức khác nhau, và còn tiếp tục như thế. Vì thế, cách riêng từ thế kỉ mười bốn, ta có thể ghi nhận một khuynh hướng trung tâm hóa hoặc “tập trung hóa”, vốn có những thuận lợi và những bất lợi. Và suy theo những triển khai kể từ Công đồng vừa qua - sự tham gia cụ thể hơn của



hàng giám mục vào công việc của toàn thể Giáo Hội, sự nổi bật của Thượng Hội Đồng Giám Mục, vai trò của các hội đồng giám mục, việc phân quyền rộng rãi hơn cho các vị đứng đầu giáo phận - chúng ta có thể cảm nhận sự thúc đẩy của Thánh Linh hướng đến những hình thức mới: những lễ lối mới về hiệp nhất hòa hợp với một cảm thức mới của những phong phú tinh thần cách riêng cho các Giáo Hội địa phương, một cảm thức mới về trách nhiệm được ủy thác cho từng vị giám mục.

Hiện nay, chính Đức Thánh Cha là người, ít nhất ở giai đoạn sau cùng, đề cử các tân giám mục và xác nhận dứt khoát việc chọn lựa đó. Trong hoàn cảnh nhất định, ngài có thể can thiệp vào công việc của một giáo phận. Nhiều khi ngài chỉ định một vị “giám quản tông toà” hành động nhân danh ngài để gánh vác trong một thời gian chức năng của vị giám mục nào không hành xử được.

Qua nhiều thế kỷ, sự phát triển này diễn biến tới độ Đức Thánh Cha hành xử quyền hành trung ương sâu rộng với sự giúp đỡ của các Thánh Bộ La Mã, dưới danh xưng thông thường là Giáo Triều. Họ được so sánh với các bộ trưởng của một Quốc Gia. Các hồng y là những phụ tá quan trọng của Đức Thánh Cha. Họ vốn là các giám mục, linh mục, phó tế của những nhà thờ lớn ở La Mã và phụ cận. Việc hợp thành hồng y đoàn ngày càng có tính cách quốc tế, có bao gồm các giám mục của nhiều địa phận quan trọng. Các hồng y khác làm việc ở La Mã, chẳng hạn cầm đầu các Thánh Bộ La Mã khác nhau.

Chức năng hiệp nhất của Đức Thánh Cha đưa đến trách nhiệm của ngài và đặc sủng bất khả ngộ tính. “Giám mục Rôma, vị thủ lãnh của Giám Mục Đoàn, hưởng ơn

bất khả ngộ đó do nhiệm vụ của mình khi với tư cách chủ chăn và tiến sĩ tối cao của mọi Kitô hữu, ngài cũng cố anh em mình vững mạnh trong đức tin (x. Lc. 22:32), công bố giáo thuyết về đức tin và phong hóa bằng một phán quyết chung thẩm” (Vatican II, *Lumen Gentium*, số 25). Điều này không có nghĩa là ngài có thể tuyên bố mà không hiệp nhất chính mình với Giáo Hội. Đúng hơn, ngài công bố và giải thích nội dung của mạc khải mà Giáo Hội tiếp nhận từ Chúa Kitô và các Tông đồ. Vì “Quyền Giáo Huấn này không vượt trên lời Chúa nhưng để phục vụ lời Chúa, chỉ dạy những gì đã được truyền lại, vì thừa lệnh Chúa và với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, Giáo Hội thành tâm lắng nghe, gìn giữ cách thánh thiện và trung thành trình bày lời Chúa” (Vatican II, *Dei Verbum*, số 10). Trong việc hành xử trách nhiệm làm người thầy của toàn thể Giáo Hội, Đức Thánh Cha liên tục giữ mối quan hệ với đức tin của Giáo Hội và đặc biệt với các anh em ngài trong hàng giám mục, cũng như mặt khác, với mọi phần tử của Giáo Hội tin vào sự hiệp thông với ngài. Khi ngài diễn đạt rõ ràng mục đích của việc truyền đạt một học thuyết cho Giáo Hội là cố tính cách chung thẩm, trường hợp này hiếm, thì lời phát biểu ấy chắc chắn tràn đầy chân lý của Thánh Linh. Chấp nhận nó là thử nghiệm tính cách tham gia trọn vẹn vào sự hiệp thông của Giáo Hội. Nhiều chỉ thị và phát biểu của bậc quyền giáo huấn này không đòi hỏi tính chất bất khả ngộ tuyệt đối. Không có nghĩa vì thế mà chúng không có Thánh Linh Thiên Chúa. Chúng nói với tiếng nói cực kì thẩm quyền và đáng kính, đòi hỏi tín hữu sự tán thành cẩn trọng và tôn kính trong trí óc lẫn tâm hồn (*assensus religiosus*), cân xứng

với các ý định của bậc thẩm quyền giáo huấn này. Chúng có thể được tập hợp từ nhiều loại tài liệu khác nhau qua việc ngài nhiều lần đề nghị một học thuyết hoặc qua cách diễn tả của ngài (x. Vatican II, *Lumen Gentium*, số 25).

## IX. CÁC ĐIỂM THẦN HỌC TÍN LÝ

**BẢN TUYÊN BỐ** (x. AAS, 60 [1968], các tr. 690 và kế tiếp): *Cần dùng cách thích đáng hơn khi nói đến những bản vị tôn kính trong Thiên Chúa - đáng mà Kitô hữu chiêm nghiệm cách chính đáng với con mắt đức tin và lòng kính yêu của con thơ - không chỉ vì các bản vị ấy xuất hiện trong kế hoạch cứu rỗi mà vì hiện hữu từ vĩnh cửu trong sự sống nội tại của chúng, là nhan thánh mà chúng ta ngóng trông được nhìn thấy. Tại một số chỗ, cần diễn tả rõ rệt hơn hiệu ứng của các phép bí tích. Sách Giáo Lý không nên để có thể phát sinh ý tưởng là phép lạ do Thiên Chúa làm đạt tới độ làm lệch diễn biến các hiệu quả phát sinh bởi sức mạnh của một thế giới được tạo dựng. Và sau cùng, cần tuyên bố rằng linh hồn của người chính trực sau khi thanh luyện đầy đủ thì được hưởng sẵn phúc lành trong khi Giáo Hội trần gian còn chờ ngày Chúa lại đến và vinh quang chung cuộc.*

### 1. Việc nhận biết Thiên Chúa Ba Ngôi

*Văn bản Sách Giáo Lý Mới, tr. 817: Mục có tiêu đề “Thiên Chúa hằng sống”*

*Văn bản mới:*

*Thiên Chúa hằng sống*

Khi nỗ lực thâm nhập cách kính tin mạc khải này, chúng ta bắt đầu nhận ra trọn cuộc đời mình ở trong bàn tay của một tình yêu hằng cửu. Được mang đến Chúa Cha bởi Đức Giêsu và được tràn đầy bởi Chúa Thánh Thần, chúng ta được can dự vào mầu nhiệm tình yêu. Vì được ưu tiên ở trong gia đình Thiên Chúa, chúng ta được mạc khải vinh quang long lẫy nhất.

Đôi khi chúng ta lùi bước trước việc tóm tắt ngắn gọn vì đây là mầu nhiệm sự đơn nhất tính của Chúa Cha, Con và Thánh Thần. Nó khó khăn khi tâm trí chúng ta hướng lên đến các chiều cao vô lượng thì óc tưởng tượng có thể lập tức bị thu hút bởi hình tượng nào đó, như ba vòng tròn đan vào nhau. Hoặc trí óc có thể làm việc với những phối hợp của các con số một và ba, và vì thế, chúng ta trượt mất những phong phú có tính kinh thánh của mạc khải này.

Chúng ta cần luôn luôn chiêm nghiệm Thiên Chúa bằng ánh sáng của cảnh giới và lịch sử cứu độ mà ngài dành cho chúng ta trong đó. Ngoài ra, chúng ta tiếp nhận Thánh Linh mà Thánh Phaolô đã nói với chúng ta là đáng “dò thấu mọi sự, cả những chiều sâu thẳm nơi Thiên Chúa” (1 Cr. 2:10). Và cách tốt là nên, với con mắt đức tin, chú mục vào Chúa Cha của Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, vào Chúa Con Giêsu sinh bởi Thiên Chúa trước mọi thời đại, xuống trần gian để mạc khải cho chúng ta thấy tấm lòng Thiên Chúa, và vào Chúa Thánh Thần đáng sống trong Giáo Hội và cùng với Chúa Cha và Chúa Con

là vị khách linh hồn của chúng ta. Cách tốt là chú mục vào một Thiên Chúa trong ba bản vị, vì trong mầu nhiệm nền tảng này, chúng ta giáp mặt với một trao đổi của yêu thương và có thể nghe tiếng gọi hướng đến hiệp nhất trong đức tin và tình yêu. “Để chúng nên một như Chúng Ta là một”, đó là lời cầu nguyện của Đức Giêsu lên Cha ngài (Ga. 17:22 và kế tiếp). Trọn cuộc đời Kitô hữu của chúng ta, từ lúc rửa tội trở đi, đều ở dưới dấu Cha, Con và Thánh Thần. Khi làm dấu thánh giá, chúng ta tuyên xưng mình thuộc về ba bản vị thiêng liêng ấy. Và chúng ta bước đi trong đức tin cho tới ngày mình có thể nhìn ngắm Thiên Chúa độc nhất trong ba bản vị và hiện hữu đời đời trong tình yêu của ngài.

Ngày nay, trong việc dạy lễ đạo cho trẻ em, có khuynh hướng bắt đầu tập trung chú ý vào Chúa Con và cách ngài nói về Chúa Cha cùng yêu thương Chúa Cha. Tới ngày lễ Hiện Xuống, thì nói đến việc Chúa Thánh Thần là đáng được Chúa Cha và Chúa Con sai đến. Về sau mới dẫn đưa đến thuật ngữ siêu phàm, là Thiên Chúa Ba Ngôi.

Chúng ta sẽ không ứng xử mầu nhiệm này với đầy đủ chi tiết. Một “giải quyết” kéo dài chỉ trong ít trang giấy sẽ là lương vường vật vờ chẳng tới đâu cả. Dù học thuyết Một Chúa Ba Ngôi được sắp xếp trình bày ở đây quá tách biệt với lịch sử cứu độ vốn mạc khải ra nó, hoặc nó có là một sự đơn thuần lặp lại điều được đề cập khắp cuốn sách này mà vốn luôn luôn nói về Chúa Cha, Con và Thánh Thần. Chúng ta sẽ không lặp lại ở đây điều đã nói về Đức Giêsu Nagiarét, sự vâng phục của ngài đối với ý muốn của Chúa Cha, Khổ nạn của ngài, Vinh quang

của ngài với Thiên Chúa và sự mệnh mông mieu lộ trong cuộc đời ngài tình yêu vĩnh viễn của Chúa Cha và Chúa Con. Và cũng thế, chúng ta sẽ không lặp lại điều đã nói về Chúa Cha và Chúa Con, đấng sai Chúa Thánh Thần vào Giáo Hội để làm Giáo Hội có sinh khí, và đến thế gian để làm mới thế gian.

Thông điệp của Kinh Thánh đem đến cho chúng ta cách rõ rệt cả những thuộc tính đặc biệt của Chúa Cha, Con và Thánh Thần, và đồng thời là đơn nhất tính mà Giáo Hội khiến chúng ta tuyên xưng trong Kinh Tin Kính: Tôi tin kính một Thiên Chúa là Cha Toàn Năng... Tôi tin kính một Chúa Giêsu Kitô, Con Một Thiên Chúa... Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần là Thiên Chúa và là Đấng ban sự sống.

## **2. Nhận biết của chúng ta về Thiên Chúa và về Đức Giêsu Kitô**

*Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 145 và tr. 147: “Như thế chúng ta... mạc khải của Thiên Chúa”: “Chúng ta có thể nhận biết... bằng Thánh Linh ngài”.*

*Văn bản mới:*

Mặc dù chúng ta đã thật sự hiểu Thiên Chúa là ai, và trên hết, điều gì trong tâm hồn ngài! Chúng ta chỉ hiểu rõ việc ấy qua Đức Giêsu. Chính Đức Giêsu đem chúng ta đến một nhận biết cao hơn, một nhận biết chân chính và hoàn toàn vững vàng trong liên kết với tình làm con của chúng ta. Sự xuất hiện của ngài là sự phô bày đầy đủ mạc khải của Thiên Chúa.

Thiên Chúa thật xuất hiện trong một con người thật. Và trong con người này biểu lộ uy nghiêm của Thiên Chúa,

rất ân cần và rất gần gũi, đầy lòng trắc ẩn đối với chúng ta, can thiệp cực độ vào cuộc chiến đấu chống lại sự dữ. Thiên Chúa là ai? Cựu Ước biểu lộ rõ rằng những đặc điểm tuyệt vời của ngài, hoặc ít nhất để cho chúng ta tưởng thấy chúng. Kinh Thánh nói cho chúng ta, và Giáo Hội cùng Thánh Phaolô dạy chúng ta rằng, chúng ta có khả năng hiểu Thiên Chúa qua cuộc sáng thế của ngài. Nhưng trong Đức Giêsu Kitô, Thiên Chúa mạc khải chính ngài cách khôn sánh, bằng Đức Giêsu, đáng sinh ra, chết đi, sống lại và tiếp tục sống trong Giáo Hội qua Thánh Linh ngài.

### 3. Sự hiểu biết của Đức Giêsu

*a/ Văn bản Sách Giáo Lý Mới, tr. 165 và tr. 521: "...và cảm nhận bằng mọi đường gân sở thịt của con người mình... thiên hướng của mình"; "Sau lúc cầu nguyện... tin mừng rộng rãi hơn".*

*b/ Các đoạn văn mới:*

- ... và với mọi đường gân sở thịt của con người ngài (cậu bé Giêsu ở Giêrusalem) cảm nhận, "Nay tôi ở nhà mình". Đức Giêsu bị cuốn hút bởi cảnh tượng uy nghiêm của Thiên Chúa Cha mình tới độ ngài quên bằng cha mẹ ngài. Giống điều xảy ra cho một đứa bé thiên tài khi lần đầu tiên được báo cho biết lời gọi mình trong cuộc sống.

- Bằng cầu nguyện nơi tĩnh mịch, mà ngài là một tấm gương cho chúng ta, ngài đã có một cảm nhận sâu xa về sứ mệnh mình và nhận thấy mình có đủ sức mạnh để hoàn tất sứ mệnh đó: rao giảng tin mừng càng lúc càng rộng rãi hơn.

*c/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 165: Mục có tiêu đề “Sự hiểu biết của Đức Giêsu”: “Tối đây, có thể đặt câu hỏi... đối với chúng ta”.*

Văn bản mới:

### *Sự hiểu biết của Đức Giêsu*

Tối đây có thể đặt câu hỏi là: “Làm sao mà ngài có thể là con Thiên Chúa và vì thế hiểu biết mọi sự, mà lại đồng thời là con người và vì thế tấn tới thêm trong sự khôn ngoan?” Ở đây chúng ta đối mặt với một mẫu nhiệm sâu xa. Ở cấp bậc thấp hơn, nếu chúng ta có thể dùng lối nói về sự hiểu biết loài người, thì Đức Giêsu phát hiện bản thân mình qua tiếp xúc dần dà với thực tại, như những người khác. Ở cấp bậc nhận thức này, Đức Giêsu giống chúng ta, nhìn ra thế giới bên ngoài và sử dụng ngôn từ, hình ảnh, khái niệm của loài người. Nhưng đồng thời ở cấp bậc thấp hơn này Đức Giêsu, vì là Con Thiên Chúa, có sự chói sáng và sâu thẳm của sự hiểu biết vô hạn và hằng cửu. Cũng thế, khi ngài hướng đến Chúa Cha là ngài cảm nhận sự sáng đó trong tột đỉnh linh hồn loài người của ngài. Ảnh hưởng của nó khiến Đấng Cứu độ thiêng liêng tuyên bố những mẫu nhiệm của Thiên Chúa bằng cách nói loài người, tới độ ngài nói với chúng ta “những lời về sự sống đời đời” (Ga. 6:69). Trong lời nói cũng như việc làm của Đức Giêsu, mẫu nhiệm của Thiên Chúa trở nên tiếp cận được. “Thiên Chúa không ai thấy bao giờ; Con Một; Đấng ở nơi cung lòng Cha, chính Ngài đã thông tri” (Ga. 1:18); “Ai thấy Ta là đã thấy Cha” (Ga. 14:9).



#### 4. Bí tích rửa tội

*Văn bản sách Giáo Lý Mới: tr. 411: “Phép rửa tội không có lặp lại... không muốn được rửa tội”; tr. 414: “Điều này không có nghĩa...đang tác động”; tr. 415: “Mọi điều này được phô bày... giáo dục Kitô giáo”; tr. 417: “trong diễn biến... trong Đức Kitô”.*

*Các đoạn văn mới:*

- Phép rửa tội cho một tham gia nhất định vào chức vụ tư tế của Đức Kitô. (Chúng ta sẽ nói thêm sau về chức vụ tư tế tổng quát của tín hữu). Điều giống như thế cũng được bảo tồn trong phép thêm sức và rất đặc biệt trong bí tích truyền chức thánh. Do đó, được nói rằng có một “đặc điểm” được truyền giao trong các bí tích này. Một người được rửa tội, thêm sức, truyền chức linh mục mãi mãi. Vì thế, các bí tích này không được lặp lại. Nhưng trong lúc rửa tội mà nếu người ấy không muốn được rửa tội, dĩ nhiên việc rửa tội ấy bất thành phép.

- Không nên vì phẩm chất của rửa tội bằng khát vọng mà chúng ta rút ra kết luận sai lầm rằng có thể bỏ đi biểu hiệu hiệu nghiệm của phép rửa tội bằng nước. Biểu hiệu này là một sự kiện mà thực hiện được ba khía cạnh. Cho thấy rằng chúng ta cần ơn tha tội. Công bố rằng Chúa đang giao tiếp với chúng ta. Tập hợp chúng ta, cách thấy rõ và chạm tới được, thành một dân tộc duy nhất, và vì thế làm chúng ta tái sinh qua Thánh Linh, đang sống trong dân tộc này.

- Mọi điều ấy được phô bày trong một nền Giáo dục Kitô giáo mà không tách biệt với bí tích này cả trong tâm

trí chúng ta lẫn trong thực tại. Người ta có thể thắc mắc liệu trẻ em có thể được rửa tội vì tục lệ thịnh hành nhưng nếu trong khi lớn lên mà không được giáo dục theo giáo dục Kitô giáo thì có thể được gọi là Kitô hữu không. Giáo Hội đòi hỏi bảo đảm là phải có giáo dục Kitô giáo.

- Về vấn đề các trẻ em không rửa tội. Giáo hội, dần dần đạt tới thừa nhận cách rõ ràng hơn, đã cân nhắc tới những sự thật khác bên cạnh nguyên tắc phép rửa tội là thiết yếu và được cứu rỗi. Ý muốn cứu rỗi thiêng liêng mở rộng cho tất cả loài người. Thiên Chúa muốn rằng mọi người đều đạt tới hạnh phúc và ý muốn này bao gồm các trẻ em. Đức Kitô chết cho mọi người. Theo học thuyết về lâm bồn, mà nay đã thành cổ điển trong Giáo Hội, trẻ em yếu tử mà không được rửa tội thì chắc chắn là bất hạnh. Nhưng liệu không có cách thức nào ân sủng rửa tội mà các em không tiếp nhận có thể chạm tới chúng? Liệu nó có thể khiến các em không tiếp cận được điểm phúc của con cái Thiên Chúa sao? Nhiều nhà thần học thăm dò theo chiều hướng này và phỏng đoán. Không nên để nó làm chúng ta ít quan tâm tới việc rửa tội con cái. Ngoài ra, chúng ta biết rằng các trẻ em chưa rửa tội mà yếu tử thì không nằm ngoài những quan tâm của Đấng Cứu độ, hoặc bên ngoài tình yêu hay quyền năng của ngài.

### 5. Bí tích thống hối

*a/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 758: "Người giải tội không ở đó... giúp đỡ và cầu nguyện".*

*Văn bản mới:*

Người giải tội không ở đó để nghe cách thụ động. Trong một ý nghĩa nhất định, người ấy có chức năng phán

quyết. Người ấy có thể nêu câu hỏi chất vấn. Người ấy cần thực hiện chức năng này như một cách giúp đỡ người xưng tội thể hiện nghĩa vụ mình là xưng ra cách riêng các tội trọng. Người ấy cũng có dịp để sửa sai các khái niệm lầm lạc. Chẳng hạn, nếu người ấy để ý thấy người xưng tội có vẻ nghĩ rằng Thiên Chúa chỉ quan tâm tới sự trong trắng và giữ lễ Chúa Nhật, người ấy có thể khôn khéo lôi kéo người xưng tội chú ý tới các đòi hỏi của phúc âm về đức hạnh, giúp đỡ và cầu nguyện.

*b/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 749: (về tha tội):*  
 “Yếu tố đức tin... thiện chí của mình”.

*Văn bản mới:*

Các thực hành này căn bản là tốt nhưng có thể đưa tới những lạm dụng nhất định. Gần đây Đức Thánh Cha đã mô tả rất rõ ràng ý nghĩa và ứng dụng của tha tội. Nhưng cần cố gắng nhận ra đức tin sâu xa được thần hứng trong việc thực hành này. Giáo hội cố hết sức đưa ra sự hào phóng thỏa thuê có thể được từ kho tàng tha thứ của Đức Kitô, và chúng ta cũng làm điều biểu hiện thiện chí của mình. Tha tội, không phải để miễn trừ cho chúng ta khỏi gắng sức gian khó, mà là khích lệ chúng ta gia tăng nó (x. Phaolô VI, Hiến chế về Ân xá, AAS, 59 [1967], các tr. 5-24).

## **6. Bản chất của phép lạ**

*Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 190: Mục có tiêu đề*  
 “Bản chất của phép lạ”.

*Văn bản mới:*

### *Bản chất của phép lạ*

Đây đúng lúc để trong giây lát xem xét điều mà Kinh Thánh hiểu về phép lạ. Theo Kinh Thánh, một phép lạ là cái mà con người thấy Thiên Chúa tác động trong đó. Ngài có thể được nhìn thấy tác động qua những công trình tuyệt diệu của tạo vật. Vì thế, một trong các thánh vịnh có nói về bầu trời đầy sao: “Trời cao ca ngợi những kì công của người, lạ Giavê”(Tv. 89:6). Những lời nói, mà Kinh Thánh chủ yếu dùng đến về các biến cố quyền uy cứu độ của Thiên Chúa tác động trong đó, là cách diễn tả rất đặc biệt. “Tuyệt diệu” và “Công trình kì diệu”, được sử dụng trong Tân Ước, liên quan tới những phôi bày đặc biệt quyền năng của Thiên Chúa khiến làm kinh ngạc nhiều người và có một ý nghĩa cách riêng. Chúng được gọi là “các phép lạ”, “các biểu hiệu”, “các kì công” và “quyền phép”. Hai thuật ngữ sau gợi sự chú ý tới quyền năng thiêng liêng nằm ngoài sức mạnh của con người và thiên nhiên.

Điều hoàn toàn tự nhiên là, chúng ta, con người thời nay, với hiểu biết gia tăng hằng năm về thiên nhiên và các qui luật của nó, phải đặt câu hỏi: “Những biểu hiệu nằm ngoài qui luật thiên nhiên này” có ở bên kia sức mạnh của thiên nhiên và con người không? Dù vấn đề này không được dứt khoát đặt ra trong Kinh Thánh, không phải là không có những dấu chỉ đưa ra cho chúng ta về bản chất của phép lạ, như đã nói trên. Và thật đáng tiếc nếu cố loại bỏ khỏi phúc âm những kì công tuyệt diệu của Thiên Chúa vì chúng có thể cho thấy ấn tượng là không thể cắt nghĩa được bằng các sức mạnh thiên nhiên.

Trong thế giới, có những sự việc không chỉ có tính cách thiên định sẵn. Cũng có những phép lạ vượt trội lên trên các sức mạnh thật sự của những nguyên nhân sáng tạo. Phép lạ lớn lao nhất của mọi phép lạ là sự sống lại của Đức Giêsu, thân xác trần thế của ngài được vinh quang và sống lại từ nhà mồ, và sau đó Thiên Chúa đã hiện tỏ trong Đức Giêsu (Cv. 10:40) cho các nhân chứng của ngài.

Trong cái nhìn của Thiên Chúa, phép lạ không là những hành động ngoại lệ. Chúng đơn giản là các hiệu quả đặc biệt của một hành động thiêng liêng vốn đời đời giữ vững và làm chuyển động vũ trụ. Đức Giêsu nói, “Cha Ta đến nay hằng làm việc” (Ga. 5:17). Dù phép lạ vượt trội hơn các sức mạnh thiên nhiên, nó có thể là, Thiên Chúa sử dụng các sức mạnh ấy, gia tăng hoạt động tính của chúng khiến xảy ra phép lạ. Trong phần của Thiên Chúa, một can thiệp lạ lùng này vào thiên nhiên thì không phá vỡ trật tự của vạn vật và không tiêu biểu cho một hành động độc đoán. Nó phục vụ trật tự của ân sủng, là biểu hiệu bảo đảm cho trật tự ấy, và như thế trong nó bao gồm trật tự của vạn vật, cả tự nhiên lẫn siêu nhiên.

Sự kiện phép lạ nổi bật hơn các sức mạnh thiên nhiên cho nó một quan hệ nhất định với ân sủng, nâng cao chúng ta thành con cái Thiên Chúa, và với sự nâng cao độc nhất trọn vẹn mà bởi đó bản tính loài người của Đức Giêsu Nazareth là bản tính loài người của Con Thiên Chúa, bản tính loài người mà trong đó Chúa Con lưu trú giữa chúng ta (Ga. 1:14). Phép lạ cũng là một dấu chỉ và một nhận biết đầu tiên về cuộc sáng thế mới, trời mới và đất mới mà Đức Giêsu sống lại nhập vào và là cái chúng ta trông ngóng qua ngài. Nó không vi phạm luật thiên nhiên

mà là vượt quá chúng. Nó thích hợp với sự rên siết và kì vọng mà trong đó hiện hữu tạo vật (x. Rm. 8:22).

Con người kinh ngạc trước phép lạ vì ở đó hé lộ ý nghĩa sâu xa nhất của thế gian. Nó được nhìn như nơi cứu độ và là sự tái sinh của người tội lỗi, như được biểu lộ và ban phát cho chúng ta bởi Đức Giêsu, Đấng Cứu độ.

## 7. Mẫu nhiệm cuộc sống sau khi chết

*Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 774: Mục có tiêu đề “Họ sắp sống lại”*

*Văn bản mới:*

### *Chờ đợi sống lại toàn thể*

Chúng ta đang nói đến sự sống được hứa hẹn mà không cắt nghĩa chính xác nó là gì. Kế đó tự hỏi mình “cách” người quá cố hiện hữu, chúng ta sẽ để ý rằng Kinh Thánh nói chủ yếu đến sự sống lại toàn bộ con người, đến sự sống lại của người chết với hồn và xác.

Nhưng việc này liên kết với sự lại đến trong khả hoàn của Chúa Giêsu mà Giáo Hội trông đợi. Lúc này, sau khi chết, tín hữu đi đâu? Kinh Thánh không đưa câu trả lời chi tiết cho vấn đề này, mà chỉ ngụ ý ở nhiều đoạn khác nhau. Kinh Thánh không dự tính đưa ra thông tin chính xác về “cách” của đời sau.

Chúng ta cần khảo sát các văn bản Kinh Thánh mà không có tiên kiến. Chúng ta nhận thấy có nói về Đức Giêsu: “Ngài sống lại”. Về những người đã chết khác thì Kinh Thánh nói: “Họ sẽ được tái sinh” (1 Cr. 15:22), “Họ an nghỉ” (1 Tx. 4:13). Đôi khi Đức Giêsu dùng tiếng hồn.

“Đừng sợ những kẻ giết được thể xác nhưng không giết được hồn” (Mt.10:28). Chúa muốn nói đến “cái gì đó”, thành tố đích thực nhất của con người, có thể dành lại sau khi chết. “Cái gì đó” không là thể xác trần tục lưu lại làm một tử thi. Và nó không là tinh thần thuần túy giải phóng khỏi thể xác nơi nó là tù nhân bị giam hãm. Nó là cái cốt tủy sống động của con người, được dựng nên để sống trong một thể xác và không bao giờ bị coi là bất cứ cái gì khác. Nhưng nó tiếp tục sống tách biệt khỏi một thể xác đã chết.

Chúng ta cũng đã biết lời Đức Giêsu hứa trên thánh giá với người trộm lành: “Quả thật, Ta nói cùng ngươi, hôm nay ngươi sẽ ở trên Thiên đàng làm một với Ta” (Lc. 23:43). Thánh Phaolô nói về khát vọng mình được “xuất dương lìa xác để được trú ngụ bên Chúa” (2 Cr. 5:8). Chính ngài, lúc viết cho các tín hữu Philip, khao khát “thoát li và được ở cùng Đức Kitô” (Pl. 1:23). Chúng ta đọc thấy trong sách Khôn Ngoan: “Hồn những người đức nghĩa ở trong tay Thiên Chúa... Nơi mắt phượng ngu xuẩn thì dường như họ đã chết... Nhưng khi thực họ ở trong an bình. Sau chút ít khổ hình, họ đã được gia ân bội hậu” (Kn. 3:1-5).

Có những câu ở nơi này và nơi khác trong văn bản ấy nói cho biết chúng ta không thể đơn giản trì hoãn sự vinh quang của kẻ được chọn cho đến khi Chúa lại đến. Trong trạng thái nào mà họ tìm lại được chính họ? Đức Giêsu nói. “Phúc cho những kẻ tinh sạch trong lòng vì họ sẽ thấy Thiên Chúa” (Mt. 5:8). Thánh Phaolô và Thánh Gioan viết về phần của họ: “Bây giờ thì tận mắt (chúng ta sẽ) diện đối diện... Nhưng bây giờ ta sẽ biết, cũng như

(Thiên Chúa) biết ta” (1 Cr. 13:12). “Vì Người thế nào thì ta sẽ được thấy như vậy” (1 Ga. 3:2). Có phải người chết lập tức nhận được hạnh phúc diện kiến thánh nhan Thiên Chúa (sau khi hoàn tất một thanh luyện cần thiết nào đó mà chúng ta sẽ nói ngắn gọn sau)?

Ban đầu truyền thống của Giáo Hội im lặng về điểm này, sau đó là một thời gian im lặng kéo dài. Nhưng cuối cùng Giáo Hội phát biểu dứt khoát qua Hiến chế *Benedictus Deus* của Đức Thánh Cha Bênêđictô XIII năm 1336. Bậc thẩm quyền giáo huấn này đưa ra lời diễn giải xác thực từ kho tàng đức tin dạy rằng người chết khi đã được thanh luyện trọn vẹn thì tận hưởng “nhan thánh rõ ràng của Thiên Chúa Ba Ngôi”, cả trước khi “Chúa ngự đến” (x. Vatican II, *Lumen Gentium*, số 49). Tuy nhiên đó không là sự vinh quang đầy đủ và tuyệt đối. Vinh quang này sẽ diễn ra lúc Chúa lại đến (quang lâm) cùng với toàn bộ cuộc sáng thế mới (x. Kh. 21:5) mà Đức Giêsu và mẹ Ngài là những hoa trái đầu mùa. Lúc ấy, Đức Giêsu sẽ “biến đổi thân xác khốn hèn của ta sao cho nên đồng hình đồng dạng với thân xác vinh quang của Ngài chiếu theo phép mẫu làm Ngài có thể bắt cả vạn vật hàng phục Ngài” (Pl. 3:21). Lúc ấy, chúng ta sẽ nhìn ngắm Thiên Chúa theo cách có tính cách con người đầy đủ hơn trước. Vì sẽ không chỉ thấy Ngài biểu lộ bằng mẫu nhiệm khôn dò của Ngài, mà chúng ta cũng sẽ, và trên hết, thấy Ngài - theo cách thích hợp với điều kiện thân xác vinh quang của chúng ta - bằng bản tính loài người tôn kính của Đức Giêsu, cũng vậy trong vô số đám đông các vị thánh khác của Chúa, và sau cùng trong trời mới và đất mới. Và tình yêu ngự trị hơn bao giờ hết.



*Ghi chú:* Một đoạn khác (tr. 425, cuối đoạn đầu) có thể được sửa chữa cùng ý nghĩa trên. Ta có thể giản dị nói về kẻ chết, ngoại trừ mẹ Maria, rằng họ có lời hứa được sống lại. Nếu một số trong họ “hiện diện đầy quyền năng hơn những vị khác” – bởi những ân sủng mà họ tuân xuống trên các tín hữu – đó có thể vì họ hiệp nhất lớn lao hơn với Đức Kitô sống lại.

## 8. Phán xét và thanh luyện sau cùng

*a/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 786: “Sự phán xét...Thẩm phán”.*

*Văn bản mới:*

Nhưng không phải là phán quyết được đưa ra lập tức sau khi chết sao? Điều ấy đúng, nhưng nó diễn ra ngoài khái niệm về thời gian của chúng ta. Việc Chúa lại đến và sự sống lại toàn thể là biểu tượng sự hoàn thành cuộc phán xét lần đầu. Chúng ta quen thuộc với quang cảnh mà Đức Giêsu tuyên bố cuộc phán xét sau cùng, cũng như được mô tả trong sách Phúc âm của Thánh Matthêu (Mt. 25:31-46). Trong Phúc âm Thánh Gioan Đức Giêsu nói về “phục sinh sự sống” cho kẻ được chọn và về “phục sinh án xử” cho kẻ làm sự dữ (Ga. 5:29). Trong viễn kiến về khoảng thời gian giữa cái chết (cùng với “phán xét riêng”) và việc Chúa đến (với “phán xét chung”), lối nói của chúng ta nên điềm đạm. Khoảng thời gian nói đến đó thuộc về một trật tự cao hơn trật tự thời gian của chúng ta. Phán quyết sẽ giống nhau, và nó sẽ được tuyên bố cùng bởi một vị thẩm phán tối cao.

*b/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 781 và kế tiếp: “Vẫn còn tính vị kỷ thâm căn... sự sáng của Thiên Chúa”; “Ngày nay, chúng ta cần điều chỉnh...không chút nào nói đến nó”*

*Các đoạn văn mới:*

- Vẫn còn tính vị kỷ thâm căn phải được cải biến, rửa sạch và thanh luyện. Việc này bắt đầu diễn ra với chính cái chết. Chết cũng là chết đi sự dữ. Nó là thanh tẩy của cái chết cùng với Đức Kitô, rằng vào đó mà phép rửa tội được hoàn tất. Nhưng, như Giáo Hội tin, sau cái chết có chỗ cho sự thanh luyện sau cùng, là luyện ngục, can dự tới việc quay về hoàn toàn và tuyệt đối với sự sáng của Thiên Chúa.

- Nhưng chúng ta lúc này cần điều chỉnh các tưởng tượng của mình để quay về sự điếm đạm của Kitô giáo thuở xưa. Chúng ta cần giản dị nói rằng sự thanh luyện, là thành phần của sự chết, được hoàn tất bởi cái bên kia sự chết. Việc đòi hỏi sự điếm đạm này lại càng khó hơn vì Kinh Thánh hầu như không nói chút nào đến nó.

## **9. Mẫu nhiệm của việc diện kiến nhan Thiên Chúa**

*Văn bản bổ sung đưa thêm vào tr. 791, trước câu: “Trong sách Khải Huyền... cuộc sống đời đời”.*

*Kinh Thánh gồm các lời: Thiên Chúa thế nào thì ta sẽ được thấy như vậy (x. 1 Ga. 3:2). Khi can nhắc lời hứa này, chúng ta có thể cảm giác rằng mình sắp được hòa tan vào đại dương của sự mặc mạc, tình yêu và sự sáng,*

là Thiên Chúa. Nhưng ngược với điều mà trí óc con người hoặc con tim chúng ta có thể cảm nhận, đức tin Kitô giáo công bố rằng con người như một bản vị không bị biến mất lúc được cho nhìn thấy khả thi không thể mô tả được của Thiên Chúa bằng sự hiện diện của ngài.

Trong diễn giải mà Giáo Hội đưa ra về mẫu nhiệm này, Giáo Hội cần trọng không làm giảm thiểu mẫu nhiệm thiêng liêng này. Với lời giảng dạy của Kinh Thánh trong tâm trí, Giáo Hội dạy rằng người hưởng diễm phúc không biến mất trong hiện thể của Thiên Chúa nhưng rằng Thiên Chúa làm đầy tràn con người và mang con người vào sự mọc mạc không diễn tả được của ngài, để mỗi người qua khả thi ban cho mà được biết Thiên Chúa “diện đối diện”. Đây là mẫu nhiệm khôn dò, mẫu nhiệm của ân sủng, là sự đáp ứng không diễn tả được cho những khát vọng của tâm hồn chúng ta.

## X. CÁC ĐIỂM VỀ THẦN HỌC LUÂN LÝ

**BẢN TUYÊN BỐ** (x. AAS, 60 [1968] tr. 691): *Cần làm cho rõ rệt rằng có những lẽ luật luân lý có thể được biết cách rất rõ và do chúng ta diễn tả, tới độ chúng ràng buộc lương tâm chúng ta mọi thời và mọi hoàn cảnh. Cần tránh những giải pháp về các vấn đề lương tâm mà không quan tâm đầy đủ đến tính chất ràng buộc vĩnh viễn của hôn nhân. Hoàn toàn chính xác khi qui tắc quan trọng hơn cho thái độ luân lý căn bản của con người nhưng nên cẩn thận để bảo đảm rằng thái độ ấy cũng tạo ra tính chất độc lập của các hành động. Việc trình bày luân*

*lí hôn nhân cần trung thực hơn, nêu ra mà không bỏ sót học thuyết của Công đồng Vatican II và của Tòa Thánh.*

## 1. Các lề luật luân lý phổ quát

*a/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 615 trở đi: “Cách cai quản của Giáo Hội... được diễn giải”*

*Văn bản mới:*

Cách mà bậc cai quản Giáo Hội, cùng với Thánh Thần Chúa là đấng khơi dậy và giữ gìn thần khí của đức tin trong dân Thiên Chúa, đưa ra những chỉ thị cho ý thức luân lý sẽ được giải thích trong chương “Thừa Tắc Vụ”. Nó cũng sẽ xuất hiện trong chương này khi thảo luận tới vấn đề lương tâm. Và cũng sẽ được thảo luận trong chương này về giá trị tối thượng, là tình yêu, định chuẩn của mọi qui luật. Điều cần hết lòng ghi khắc là những công thức và các ứng dụng của lề luật luân lý có thể mang một mức nào đó dấu ấn của một xã hội và một thời đại đã định. Lúc ấy, các thành tố hoàn cảnh lịch sử trộn lẫn với các giá trị thường trực. Cũng có thể xảy ra là những công thức được áp dụng ấy không hoàn toàn đánh giá đúng các giá trị liên hệ. Dù ta có tạo ra những ứng dụng mới, ý nghĩa của các giới răn vẫn luôn luôn như cũ.

Vì những lí do ấy, một sự luận giải thật sự có thẩm quyền là cần thiết cho xã hội. Trong cộng đoàn Kitô giáo, vốn sống động nhờ mạc khải của Thiên Chúa, sự sáng dần dần đạt tới việc hướng dẫn đức hạnh ngày càng vững vàng cho con người. Trong việc đặt ra các định chuẩn của mình, Giáo Hội để mình được hướng dẫn bởi các lề luật luân lý phổ quát. Nhưng rõ ràng là những mệnh lệnh

của Giáo Hội không luôn luôn chung một quan hệ thiết yếu với các lề luật ấy. Có những nghĩa vụ có thể là đối tượng của thay đổi vì nó vốn bị duy trì như thể phục vụ cho một “trật tự tốt”! Những mệnh lệnh khác là những ứng dụng trực tiếp hơn qui luật thiên nhiên vào những hoàn cảnh cá biệt. Và sau cùng, có những mệnh lệnh là sự diễn tả rõ ràng nhất có thể được của những lề luật luân lý phổ quát.

*b/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 617: “Việc thảo luận này... nhiều trường hợp”.*

*Văn bản mới:*

Việc thảo luận này có ích lợi cho chúng ta thấy sự hiệp nhất nguyên thủy và sâu xa của lương tâm và các giới răn. Nhưng có một thành tố khác để cân nhắc. Lương tâm và giới răn là hai cực mà ở giữa đôi khi có thể và cần phát sinh sự căng thẳng. Lề luật, các mệnh lệnh rõ ràng, không thể tiên liệu chính xác mọi tình huống. Có một số lề luật thiêng liêng với đặc tính quá tuyệt đối tới độ không thể có luật trừ dù có phát sinh trường hợp cụ thể nào đó. Nhưng một cái khuôn khiếm khuyết thì đôi khi lại bị đổ đầy ứ bởi lối diễn tả có tính cách loài người, có thể đưa tới các trường hợp phải hành động nhiều hơn hoặc ít hơn lề luật qui định mà những công thức của các lề luật này nhắm tính cách phổ quát. Có thể thấy rõ điều này hơn trong lề luật loài người, vì không có sự lập pháp nào của loài người, và cả của Giáo Hội, có thể thấy hết trước thực tại cụ thể của mọi trường hợp và mọi tình huống.

*Lưu ý: Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 378: “Nhưng thực tế có những... của lương tâm cá nhân”. Ủy Ban Hồng Y xét thấy nên bỏ đoạn này.*

## **2. Tính chất ràng buộc vĩnh viễn của hôn nhân**

*Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 650-655: Mục có tiêu đề “Các lễ luật bảo vệ”*

*Lưu ý: Về đoạn văn này, Ủy Ban Hồng Y trong Bản Tường Trình soạn thảo theo quan điểm cải thiện sách Giáo Lý Mới tuyên bố rằng, “nên bỏ giải pháp đưa ra cho hai trường hợp hôn nhân ấy”. Một đoạn văn giống như thế được vạch ra qua Bản Tuyên Bố (ngày 15 tháng Mười 1968) tuyên bố rằng cần tránh những giải pháp về các vấn đề lương tâm mà không quan tâm đầy đủ đến tính chất ràng buộc vĩnh viễn của hôn nhân (xem phần trích ở trên từ BẢN TUYÊN BỐ dưới đề mục: X. CÁC ĐIỂM VỀ THẦN HỌC LUÂN LÝ).*

Lời tuyên bố ấy đủ để đòi hỏi chú ý tới lời yêu cầu nên bỏ đoạn văn đang được nói đến. Nhưng lại có một ghi chú xuất hiện trong Bản Tường Trình nhắc tới ở trên: “Nếu sách Giáo Lý Mới vẫn quyết định ứng xử với hai trường hợp hôn nhân ấy thì phải đưa ra một giải pháp cho một kiểu mẫu mục vụ trong khuôn khổ thần học luân lý của Giáo Hội. Trong một số trường hợp, đôi bên của cuộc hôn nhân vô giá trị ấy nên đồng ý sống chung đơn thuần trong tình bằng hữu song phương. [Nếu họ sẵn sàng thực hiện điều ấy cách nghiêm chỉnh và nếu hoàn toàn loại bỏ được nguy cơ làm gương xấu, họ có thể nhận các bí tích]. Trong các trường hợp khác, [nếu họ không lập thành

quyết định ấy] họ có thể, với sự khiêm tốn, tham gia vào cuộc sống Giáo Hội bằng cầu nguyện, thực hiện công bằng và tình yêu hướng về đồng loại. Đây không là vấn đề không đáng kể trong kế hoạch cứu rỗi mà Đức Giêsu đã công bố.

### **3. Tội nghiêm trọng và ít nghiêm trọng, khuynh hướng bên trong và hành động**

*a/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 743: “Trong các thế kỷ đầu tiên... sự nguyên rửa đời đời”.*

*Văn bản mới:*

Những mô tả về tội mà chúng ta gặp trong Kinh Thánh thì thường liên kết với một chỉ dẫn về sự trầm trọng dưới mắt của Thiên Chúa và hậu quả của chúng cho con người. Chẳng hạn, Đức Giêsu kết án người nêu gương xấu cho các kẻ nhỏ là kẻ có hành động xấu trầm trọng nhất (Mt. 18:6; Lc. 17:2). Ngài vạch ra tội không yêu người bên cạnh là một tội lỗi lớn lao khiến con người tự hạ mình xuống án phạt “lửa đời đời dọn sẵn cho ma quỷ cùng chư thần của nó” (Mt. 25:41). Thánh Gioan liên tục nói lui nói tới chủ đề tội không yêu thương người bên cạnh tức là ngăn không cho tình yêu của Thiên Chúa lưu lại trong chúng ta (x. 1 Ga. 3:17). Và Thánh Phaolô đưa ra danh sách tóm tắt các tội mà người vi phạm bị loại khỏi nước Thiên Chúa (1 Cr. 6:9-11; Gl. 5:19-21). Nhưng các danh sách ấy - chắc chắn là được các Kitô hữu thời sơ khai biết và chấp nhận - vào thuở đó không nêu ra những diễn tả rõ ràng về việc thực hành thống hối. Rõ ràng là ngay từ thời sơ khai, tội bội giáo (sùng bái ngẫu tượng), giết

về cùng một bản chất. Sách Sáng Thế nói đến việc người nam và người nữ trở nên một thân xác. Dưới ánh sáng lời dạy của Đức Kitô (Mt. 19:4-7), chúng ta được xác minh bằng việc thấy trong các chương này dự tính nguyên thủy của Đấng Tạo hóa, đáng đã thiết lập hôn nhân là một vợ một chồng. Kinh Thánh cho thấy dự tính này bị mờ mịt trong tâm trí của các tổ phụ cổ đại. Nhưng nó được thừa nhận ngày càng rõ ràng hơn bởi dân Thiên Chúa dưới sự hướng dẫn của Thiên Chúa.

*b/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 663: “Công đồng Vatican II... bên ngoài Giáo Hội”.*

*Văn bản mới:*

Công đồng Vatican II không tuyên bố về bất cứ phương pháp cụ thể nào như thế trong chương thích đáng của Hiến chế Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay. Và cũng thế, Công đồng không lặp lại cách rõ rệt học thuyết mà Đức Thánh Cha Piô XI đã chính thức đặt ra khoảng ba mươi năm trước và đã được đáng kể vị ngài duy trì. Tuy nhiên, không thể nhìn việc ấy như một sửa đổi căn bản hoặc thay đổi quan điểm giảng huấn của Giáo Hội. Lí do khiến Công đồng giữ im lặng là vì Đức Thánh Cha Phaolô VI rút khỏi nghị trình cuộc thảo luận sâu hơn về vấn đề đó và vì ngài đã triệu tập một ủy ban đặc biệt để nghiên cứu các khía cạnh mới của vấn đề ấy trong giai đoạn kết thúc các thẩm tra về nó.

Hiện đang diễn ra sự triển khai không lầm lẫn được cả bên trong lẫn bên ngoài Giáo Hội bằng việc đưa ra những quan điểm về cuộc sống tính dục của con người.



*c/ Văn bản sách Giáo Lý Mới, tr. 664: “Có phải đối với lương tâm Kitô giáo... toàn bộ cuộc sống hôn nhân”.*

*Văn bản mới:*

Thế thì có phải dưới ánh sáng của lương tâm Kitô giáo mọi phương pháp điều hòa sinh sản đều có chỗ đứng ngang nhau? Như chúng ta thấy, Công đồng không đưa ra câu trả lời nào về vấn đề này. Nhưng Công đồng kêu gọi mọi người, đặc biệt những đôi lứa đang kết hôn trong những thực hành liên hệ cần đánh giá hoàn toàn đúng những giá trị cao cả vốn phải được biểu lộ trong đời sống hôn nhân và trong sự âu yếm của tình yêu. “Vì thế, khi cần hòa hợp tình vợ chồng với việc truyền sinh trong một tinh thần trách nhiệm, phải ý thức rằng giá trị luân lý của hành động không chỉ lệ thuộc vào ý muốn thành thực và việc cần nhắc các lý do, nhưng phải được thẩm định theo những tiêu chuẩn khách quan suy diễn từ bản tính của nhân vị và của hành động nơi nhân vị; những tiêu chuẩn ấy sẽ tôn trọng ý nghĩa trọn vẹn của sự trao hiến và sinh sản con cái trong khung cảnh gia đình tình yêu đích thực” (Gaudium et Spes, [Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay], số 51). Công đồng khẳng định, “Sự phán đoán ấy, sau cùng chính đôi vợ chồng phải chọn lựa lấy trước mặt Thiên Chúa. Trong cách thể hành động, vợ chồng Kitô hữu hãy ý thức là mình không thể làm theo sở thích, nhưng phải luôn luôn tuân theo tiếng nói của một lương tâm phải được khuôn đúc theo luật Chúa, hãy vâng phục Giáo huấn của Giáo Hội, vì Giáo Hội có thẩm quyền giải thích luật Chúa dưới ánh sáng Phúc Âm. Luật Chúa tỏ rõ ý nghĩa đầy đủ của tình vợ chồng, bảo vệ và khích lệ mỗi

lĩnh ấy đến mức hoàn thiện trên bình diện đích thực nhân loại” (Lumen Gentium, số 50).

Cũng được khuyến cáo là trong các sự việc này nên tiếp xúc với một lĩnh vực cần trọng, ngoài ra với bác sĩ có thể đánh giá đúng mức các hoàn cảnh phức tạp, và sau khi thảo luận thích đáng, có thể quyết định có tính cách y học điều gì là tốt nhất cho từng trường hợp riêng biệt. Nhưng việc tôn trọng sự sống còn đòi hỏi giới hạn trong những điều được luân lí cho phép, cần tránh những gì có thể gây tổn thất nghiêm trọng cho sức khoẻ hoặc ảnh hưởng tới sự sống

*Lưu ý:* Vì bản hồ sung này được thực hiện trước khi ban hành thông điệp *Humanae Vitae* (Sự sống Con người) nên không đề cập đến những giáo huấn quan trọng được nêu ra trong thông điệp ấy. Trong Bản Tuyên Bố của Ủy Ban Hồng Y phổ biến ngày 30 tháng Mười 1968, chúng ta đọc thấy: “Việc trình bày luân lí hôn nhân cần trung thực hơn trong sự nêu ra mà không bỏ sót học thuyết của Công đồng Vatican II và của Tòa Thánh” (AAS, 60 [1968], tr. 691).

## KẾT LUẬN

Đã trích những đoạn từ Bản Tuyên Bố của Ủy Ban Hồng Y yêu cầu một số thay đổi trong sách *Giáo Lý Mới*, thì cũng là điều tốt để ghi lại điểm nhấn mạnh sau cùng của Bản Tuyên Bố thừa nhận công trạng của cuốn sách này:

“Dù những luận giải đưa ra trên không phải không đáng kể, cả số lượng lẫn tính chất hệ trọng, tuy nhiên những luận giải ấy không đụng chạm tới các phần lớn lao nhất của cuốn Giáo Lý Mới với tính cách mục vụ, phục vụ, đặc điểm kinh thánh tính đáng khâm phục. Như thế, các thay đổi cũng hỗ trợ dự tính đáng tán dương của các tác giả sách Giáo Lý Mới là thể hiện tin mừng vĩnh cửu của Đức Kitô bằng phương cách thích ứng với tâm trạng của giáo dân trong thời đại ngày nay. Cuốn sách này rõ ràng là một công trình có chất lượng cao, đáng được tuyên dương, và đáp ứng được nỗi khát khao là Giáo huấn của Giáo Hội luôn luôn cần được trình bày không gợn chút dấu vết nào có thể làm lời giảng dạy ấy khó hiểu” (x. AAS, 60, [1968], tr. 691).

## TÊN CÁC SÁCH KINH THÁNH VÀ CÁC KÍ HIỆU VIẾT TẮT

### A. Theo thứ tự các sách

#### Cựu Ước

Sáng Thế	St	Châm ngôn	Cn
Xuất Hành	Xh	Giăng viên	Gv
Lêvi	Lv	Diễm Ca	Dc
Dân số	Ds	Khôn ngoan	Kn
Đệ nhị luật	Đnl	Huấn ca	Hc
Giôsuê	Gs	Isaia	Is
Thủ lãnh	Tl	Giêrêmia	Gr
Rút	R	Ai ca	Ac
Samuen I	1Sm	Barúc	Br
Samuen II	2Sm	Edêkien	Ed
Các Vua I	1V	Đanien	Đn
Các Vua II	2V	Hosê	Hs
Sứ biên I	1Sb	Giôen	Ge
Sứ biên 2	2Sb	Amốt	Am
Ét-ra	Er	Ôvadia	Ov
Nôkhêmia	Nkm	Giôna	Gn
Tôbia	Tb	Mikha	Mk
Giuditha	Gđt	Nakhum	Nk
Étte	Et	Khabacúc	Kb
Macabê I	1Mcb	Xôphônia	Xp
Macabê II	2Mcb	Khácgai	Kg
Gióp	G	Dacaria	Dcr
Thánh vịnh	Tv	Malakhi	Ml

## Tân Ước

Matthêu	Mt	2 Thêxalônica	2Tx
Máccô	Mc	1 Timôthê	1Tm
Luca	Lc	Titô	Tt
Gioan	Ga	Philemon	Plm
Công vụ Tông đồ	Cv	Do Thái	Dt
Rôma	Rm	Giacôbê	Gc
1 Côrinthô	1Cr	1 Phêrô	1 Pr
2 Côrinthô	2Cr	2 Phêrô	2Pr
Galát	Gl	1 Gioan	1Ga
Êphêsô	Ep	2 Gioan	2Ga
Philippê	Pl	3 Gioan	3Ga
Côlôxe	Cl	Giuda	Gđ
1 Thêxalônica	1Tx	Khải huyền	Kh

## B. Theo thứ tự viết tắt

Ac	Ai ca	Đn	Daniel
Am	Amốt	Đnl	Đệ nhị luật
Br	Barúc	Ed	Êdêkien
Cl	Côlôxê	Ep	Êphêsô
Cn	Châm ngôn	Er	Êtra
1Cr	1 Côrinthô	G	Gióp
2Cr	2 Côrinthô	Ga	Gioan
Cv	Công vụ Tông đồ	1Ga	1Gioan
Dc	Diễm ca	2Ga	2 Gioan
Dcr	Dacaria	3Ga	3 Gioan
Ds	Dân số	Gc	Giacôbê
Dt	Do Thái	Gđ	Giuda

Gdt	Giuditha	Ov	Ôvadia
Ge	Giôen	Pl	Philipphê
Gl	Galát	Plm	Philêmon
Gn	Giôna	1Pr	1 Phêrô
Gr	Giêrêmia	2Pr	2 Phêrô
Gs	Giôsuê	R	Rút
Gv	Giáng viên	Rm	Rôma
Hc	Huân ca	1Sb	Sử biên I
Hs	Hosê	2Sb	Sử biên ii
Is	Isaia	1Sm	Samuen i
Kb	Khabacúc	2Sm	Samuen II
Kg	Khácgai	St	Sáng thế
Kh	Khải huyền	Tb	Tôbia
Kn	Khôn ngoan	Tl	Thủ lãnh
Lc	Luca	1Tm	1 Timôthê
Lv	Lêvi	2Tm	2 Timôthê
Mc	Máccô	Tt	Titô
1Mcb	1 Macabê	Tv	Thánh vịnh
2Mcb	2 Macabê	1Tx	1 thêxalônica
Mk	Mikha	2Tx	2 thêxalônica
Ml	Malakhi	1V	Các Vua I
Mt	Matthêu	2V	Các Vua II
Nk	Nakhum	Xh	Xuất hành
Nkm	Nôkhêmia	Xp	Xôphônia

**Ghi chú:** Các phiên âm, dịch và viết tắt trên về tên các sách Kinh Thánh lấy từ tạp chí *Hợp Tuyển Thần Học*, Số 1, 1991, Paris, do Linh mục Nguyễn Thế Minh, S.J. chủ biên – dựa vào phương thức của Ủy Ban Phụng Tự Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, nêu ra trong mục *Những chỉ dẫn cần thiết* ở các trang 19-21 của *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*.

---

# **GIÁO LÝ MỚI THỜI ĐẠI MỚI**

## **ĐỨC TIN CÔNG GIÁO**

---

**Nguyễn Ước giới thiệu & biên soạn**

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

**NGUYỄN THANH XUÂN**

*Biên tập:* **PHẠM GIA THOAN**

*Trình bày:* **NHẤT NHÂN**

*Sửa bản in:* **XUÂN THU**

*Đơn vị liên doanh:*

**© CÔNG TY SÁCH THỜI ĐẠI**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

**Nhà số 4 - lô 11 - Trần Duy Hưng Hà Nội**

**ĐT: (04)5566714 - Fax: (04)5566702**

---

*In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Xi nghiệp In Cty VH Phương Nam*

*Số xuất bản: 14/323/XB-QLXB ngày 24-3-2005.*

*In xong và nộp lưu chiểu Quý II/05.*

LẦN ĐẦU TIÊN XUẤT BẢN TẠI VIỆT NAM:

# GIÁO LÝ MỚI THỜI ĐẠI MỚI

ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

VỚI BẢN BỔ SUNG  
CỦA ỦY BAN HỒNG Y  
DO TÒA THÁNH CHỈ ĐỊNH



**CÔNG TY**  
**SÁCH** *Thời đại*  
**THE MODERN BOOKS LTD**

394 Nguyễn Thị Minh Khai, TPHCM. ĐT: 8344030  
Fax: 8344029. E-mail: [nhasachtre@yahoo.com](mailto:nhasachtre@yahoo.com)



GIÁ: 135.000Đ